W.M. THACKERAY

1

HỘI CHỢ PHÙ HOA

vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

HỘI CHỢ PHÙ HOA

Nhà Xuất bản Văn Học
Trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Cừ
Biên tập: Ban Văn Học
Bìa: Trần Đại Thắng
Khổ: 14,3×20,3
Số trang: 647

Làm ebook: quantam
Ngày 01/08/2009

QUYỂN MỘT

W.M. THACKERAY

1

HỘI CHỢ PHÙ HOA

vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI GIỚI THIỆU

William Makepeace Thackeray sinh ngày 18 tháng 7 năm 1811 tại Calcutta, Ấn Độ. Ông là con một viên chức của Công ty Ấn Độ, lãnh chức vụ tài phán ủy viên[1]. Năm Thackeray lên 4 tuổi, cha ông từ trần, mẹ ông tái giá. Ông theo mẹ về nước Anh, được gửi theo học trong một trường tư thục ở Chiswich HamSơ. Lối giáo dục nghiệt ngã trong trường này khiến ông không chịu nổi, đã có lần ông phải bỏ trốn. Ta còn thấy dấu vết trường học này trong chương đầu cuốn *Hội chợ phù hoa (Vanity Fair)*. Năm 18 tuổi, ông theo học luật khoa tại Đại học đường Cambridge, nhưng không tốt nghiệp. Ông tỏ ra có khuynh hướng châm biếm ngay từ hồi còn ít tuổi. Trong thời gian theo học tại trường đại học Cambridge, ông dành nhiều thì giờ cộng tác với những tờ báo trào phúng, thí dụ tờ *Timbutoo*, tờ *Người học làm sang* (The Snob[2]) hơn là để trau dồi những kiến thức mà ông thấy vô ích.

Rời nhà trường, ông chính thức bước vào làng văn với những bài báo và những truyện ngắn có tính chất châm biếm. Nhờ gia sản của cha để lại, được hưởng một món lợi tức đồng niên khá dồi dào, ông có điều kiện du lịch nhiều nơi tại Âu châu. Ông có sống tại Weima (Đức)

một thời gian để tìm hiểu phong tục địa phương và nghiên cứu về thi hào Goethe. Rải rác trong tác phẩm của ông, ta còn thấy một số chi tiết miêu tả sinh hoạt của giới quý tộc Đức, thí dụ đoạn tả tiểu triều đình Pumpernickel trong *Hội Chợ Phù Hoa*. Ông cũng đã sống tại Paris một thời gian khá lâu để theo học nghề hội họa. Trong lĩnh vực văn học cũng như trong lĩnh vực mỹ thuật, sở trường của ông rất thống nhất: ông có biệt tài về loại tranh biếm họa, đã một thời sinh nhai về nghề này tại Paris. Cũng tự tay ông đã vẽ những "vi-nhét" và những tranh minh họa in kèm tác phẩm Hội chợ phù hoa lần xuất bản thứ nhất. Kết quả của những cuộc du lịch ấy là những tập ký sự có tính chất châm biếm như Tập ký họa thành Paris (The Paris Sketch Book, 1840), Tập ký họa xứ Ai len (The Irish Sketch Book, 1843)v.v…

Hồi còn thanh niên, Thackeray sống một cuộc đời phong lưu, có dịp tiếp xúc nhiều với những người thuộc tầng lớp tư sản và quý tộc, nhân đó ông đã thu lượm được những tài liệu thực tế rất phong phú về cuộc sống vật chất và tinh thần của những hạng người này để đưa vào tác phẩm của mình. Người ta còn nói rằng vì vợ ông mắc bệnh loạn trí nên ông sinh ra chán đời, việc ấy có thể phần nào cũng ảnh hưởng tới cái nhìn bi quan của ông đối với cuộc sống, và khiến cho ngòi bút châm biếm

của ông thêm chua chát, tàn nhẫn; tuy nhiên đó không phải là nguyên nhân chủ yếu. Thackeray sang Mỹ hai lần để diễn thuyết về văn học, đặc biệt là về vấn đề *Những nhà văn trào phúng nước Anh thế kỷ thứ 18*. Trở về nước, ông ứng cử vào Hạ Nghị viện, nhưng thất bại. Từ 1859 ông làm chủ bút một tờ báo lớn, tờ *Tuần báo Cornhin* (The Cornhill Magazine) được vài năm. Do làm việc quá nhiều, sức khỏe suy giảm, ông mất năm 1863 vì bệnh xung huyết não thọ 52 tuổi.

Văn nghiệp của Thackeray có tính chất khá thuần nhất. Ông viết nhiều loại truyện, cả truyện nhi đồng và truyện lịch sử, nhưng hầu hết văn phẩm của ông đều có tính chất châm biếm, nhằm đả kích xã hội tư sản quý tộc Anh đương thời. Trong số ấy, nổi tiếng nhất là những tác phẩm *Cuốn sách của các ông học làm sang* (The Book of Snob); *Hội Chợ Phù Hoa*; *Truyện Penđennix* (Pendennis)… Những tác phẩm này đã gây ra một dư luận sôi nổi – người tán thưởng nhiều mà kẻ ghen ghét dĩ nhiên cũng lắm – và nâng ông lên hàng những tiểu thuyết gia hiện thực ưu tú nhất trên văn đàn nước Anh. Đó là những tác phẩm bộc lộ đầy đủ nhất bản sắc tư tưởng của tác giả. Tác phẩm đầu tiên rọi ánh sáng vinh quang vào cuộc đời sáng tác của ông là cuốn *Truyện các ông học làm sang nước Anh do một người trong bọn kể*

lại (The Snobs of England by One of themselves) in năm 1846; tác phẩm này gồm những bài tiểu luận có tính chất luân lý và chính trị, nội dung nhằm đả kích một cách cay độc những cái rởm đời và thối nát trong xã hội và chính giới nước Anh đương thời. Năm sau, ông cho xuất bản cuốn *Hội Chợ Phù Hoa*. Năm 1848 ông lại cho in cuốn *Pendennis*. Ngay từ cuốn *Truyện các ông học làm sang nước Anh do một người trong bọn kể lại*… nhiều người đã tỏ ý bất bình vì những nét đen thẫm trên những bức tranh biếm họa của ông; tới khi cuốn *Pendennis* ra đời, thì sự khó chịu biến thành sự thù ghét, vì rất nhiều người thuộc các tầng lớp trên cảm thấy hình như tác giả muốn ám chỉ chính họ. Thackeray gặp khá nhiều khó khăn trong việc ấn hành những tác phẩm này.

Hội Chợ Phù Hoa được coi là một kiệt tác của chủ nghĩa hiện thực trong văn học Anh thế kỷ 19; đó là một trong năm tác phẩm nổi tiếng nhất của văn học Anh-cát-lợi. Mới đầu cuốn truyện được mang tên là *Những bức ký họa về xã hội nước Anh* (Sketches of English Society) về sau tác giả đổi là *Hội Chợ Phù Hoa*; cái tên có tính chất tượng trưng này thích hợp với nội dung hơn vì bao hàm cả thái độ phủ định của Thackeray đối với xã hội đương thời. Lần ấn hành thứ nhất, ngoài bìa có ghi câu "Một cuốn truyện không có nhân vật tiêu biểu cho

một hạng người, một thói xấu, hoặc một tầng lớp xã hội; toàn bộ tác phẩm là một bức tranh toàn cảnh miêu tả xã hội nước Anh đương thời, do đó các nhân vật có địa vị quan trọng như nhau, không phân biệt chính phụ". Thật ra cuốn tiểu thuyết vẫn có những nhân vật chính, và một nhân vật trung tâm là Rebecca Sharp.

Nội dung chủ yếu của *Hội Chợ Phù Hoa* xoay quanh việc "làm nên" của Rebecca, một thiếu nữ "con nhà hà tiện", cha là một họa sĩ trác táng, mẹ là một vũ nữ người Pháp. Thiếu giáo dục từ nhỏ, nhưng nhờ có sắc đẹp, lại thông minh và tài hoa, từ chỗ bơ vơ côi cút, bị khinh rẻ, cô ta trở thành con dâu của gia đình Crawley, một gia đình quý tộc thôn quê. Dựa vào địa vị nhà chồng, và nhờ những mánh khóe xảo quyệt riêng, dần dần Rebecca len lỏi được vào giới thượng lưu quý tộc nước Anh và nước Pháp, trở thành một bậc mệnh phụ, danh vọng lẫy lừng, được triều kiến cả hoàng đế George đệ tứ. Song chính những thủ đoạn đê tiện Rebecca dùng để mưu danh lợi về sau đã làm hại cô ta; Rebecca ngoại tình với một hầu tước để lợi dụng y; việc vỡ lở; cô ta bị quẳng ra khỏi xã hội thượng lưu một cách tàn nhẫn. Cô gái sớm hư hỏng ấy trở lại cuộc đời tăm tối cũ; bị cái giới thượng lưu thanh cao một cách giả dối kia ruồng bỏ, càng ngày cô càng chìm sâu xuống vũng bùn trụy lạc. Khi đã luống

tuổi, chán cảnh lăn lộn vô ích, Rebecca đành sống cuộc đời tầm thường như mọi người; và nhờ số tiền kiếm được một cách bất chính, Rebecca cũng được thiên hạ kính trọng như một người có đạo đức. Xen vào câu chuyện lên voi xuống chó của Rebecca là những mẩu phim linh hoạt trình bày cuộc sống và tâm lý của nhiều hạng người khác nhau thuộc giai cấp quý tộc, giai cấp tư sản, tầng lớp trung lưu trong xã hội nước Anh đương thời: gia đình ông Sedley, một người làm nghề buôn cổ phiếu, bị cuộc chiến tranh Napoléon làm cho phá sản, lâm vào cảnh khốn cùng, nhưng vẫn luyến tiếc thời kỳ còn ôm giấc mộng làm giàu, gia đình lão Osborne, nhà tư sản buôn sáp, với một nền luân lý đặc biệt của khu City thành Luân Đôn, lấy đồng tiền làm tiêu chuẩn, gia đình Crawley, một gia đình quý tộc lâu đời ở thôn quê với đủ những cái thối tha lục đục trong nội bộ, gia đình Gôn mà người cầm đầu là hầu tước Xtên, với mâu thuẫn trắng trợn giữa cái bề ngoài đầy uy thế của một nhà đại quý tộc và thực chất bất nhân phi nghĩa của một tên lưu manh… tất cả lồng vào câu chuyện tình vừa lãng mạn vừa tức cười của bộ ba Amelia, George Osborne, và Dobbin.

Thế kỷ thứ 19, chế độ tư bản nước Anh đang trong giai đoạn phát triển cực thịnh; năm 1875, tính ra bốn

phần năm dân số Anh sống về công nghiệp. Lợi nhuận bóc lột được của công nhân trong nước và vơ vét được tại các thuộc địa tạo điều kiện cho giai cấp tư sản và giai cấp quý tộc tư sản hóa sinh hoạt hết sức xa xỉ. Bề ngoài xã hội Anh đương thời có một bộ mặt phồn vinh; việc kinh doanh dễ đem lại những món lợi lớn; địa vị của giai cấp tư sản trong xã hội được nâng cao; sự cấu kết giữa giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản càng chặt chẽ hơn. Giai cấp quý tộc đi vào con đường kinh doanh tư bản để thu lợi nhuận, hoặc liên kết với giai cấp tư sản để lấy tiền *mạ vàng lại huy hiệu của dòng họ*; ngược lại, giai cấp tư sản cũng muốn quý tộc hóa đồng tiền của mình bằng cách kết liên với giai cấp phong kiến, đồng thời đó cũng là một cách nhờ hơi hướng địa vị của giai cấp này nhằm bước vào lĩnh vực hoạt động chính trị dễ dàng hơn. Trong ngai vàng ngư trị xã hội, có hai thế lực cùng ngồi song song, là đồng tiền và danh vọng. Đó là hai thế lực có tác dụng nhào nặn tâm lý con người đúc theo một cái khuôn chung, và biến cuộc đời thành một cái chợ trong đó mọi thứ quan hệ đều có tính chất "tiền trao cháo múc". Cuộc chạy đua theo đồng tiền và danh vọng lôi cuốn tất cả các tầng lớp từ bậc trung lưu trở lên. Tôn giáo bị giảm bớt hiệu lực, vì một nền luân lý mới có tính chất thực tiễn hơn đã hình thành: hạnh phúc tối cao của cuộc đời là có địa vị sang trọng và có thật

nhiều tiền, vì thiên hạ đang xô nhau vào mà quỳ lụy, bợ đỡ, sợ hãi kính phục kẻ có của và có địa vị. Đạo đức và tài năng trở thành những thứ đồ cổ bị gạt ra bên lề cuộc sống, bởi lẽ trong một xã hội thương mại chỉ có hai thần tượng được người ta phụng thờ là đồng tiền và uy thế của dòng họ; kẻ có tài nhưng nghèo túng và xuất thân tăm tối của mình. Văn hào Stendhal[3] đã có một nhận xét lý thú: "Trí thông minh và thiên tài đặt chân lên nước Anh là mất ngay hai mươi lăm phần trăm giá trị"; ông muốn nói tới cái "Tinh thần chiết khấu" đặc biệt thương mại thấm nhuần trong mọi quan hệ của xã hội Anh.

Một mặt khác, đời sống của quần chúng lao động rất cực khổ. Sau chiến tranh chống Napoleon (kết thúc năm 1815), nông thôn tiêu điều xơ xác vì giá lúa mì sụt kinh khủng đến nỗi nhiều nông dân đốt cả cối xay bột; đạo luật khoanh đất cướp ruộng vẫn tiếp tục thi hành; tầng lớp trung gian ở nông thôn giảm đi trông thấy; họ lũ lượt kéo ra thành thị và bị vô sản hóa, hoặc biến thành tá điền làm thuê cho địa chủ. Công nghiệp không dùng hết người, vì kỹ thuật phát triển đòi hỏi tương đối ít nhân công; lại thêm số binh lính quá đông không cần thiết trong thời bình trở thành một gánh nặng cho ngân sách; chính phủ quyết định thải hồi tất cả dân vệ. Do đó thành thị đầy dẫy những đoàn người thất nghiệp; nạn bần cùng

lan tràn khắp nơi. Những mâu thuẫn xã hội trầm trọng đến mức sắp nổ ra những vụ bạo động lớn (thí dụ ngày 23-2-1820 sở mật vụ khám phá ra một cuộc âm mưu giết toàn bộ chính phủ, do Thistlewood cầm đầu, tức là: Vụ án phố Ca- tô Chính mâu thuẫn xã hội này giải thích sự phát triển đặc biệt của phong trào "Nghiệp đoàn" (Trade-Unions) và sự ra đời của tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng do Owen đề xướng (1833); về mặt văn học, nó là động lực thúc đẩy sự phát triển của khuynh hướng hiện thực manh nha từ thế kỷ 18, trở thành xu hướng văn học chủ yếu dưới triều đại Victôria thế kỷ 19. Hai đại diện ưu tú của văn học hiện thực thời kỳ này là Thackeray và Đickenx. Tuy cùng chung một thái độ phủ định đối với xã hội đương thời, nhưng đối tượng miêu tả của hai người khác nhau.

Thackeray khác Dickens ở điểm ít quan tâm nêu những mâu thuẫn giữa các tầng lớp xã hội đối kháng, cũng như ít chú ý đến vào việc đả kích các tầng lớp thống trị, và có con mắt quan sát tâm lý thấu đáo hơn.

Khuynh hướng trào phúng nảy nở trong văn học Anh từ giữa thế kỷ 18. Những người đại diện của khuynh hướng đó là Smolett và Jonathan Swift[4]. Đó là tiếng nói phản kháng lại những sự bất công trong xã hội; khuynh hướng ấy được kết tinh ở Thackeray. Ông đại

diện cho tài năng chân chính bị miệt thị; trong tiếng cười cay độc của ông có phần nào sự phẫn nộ của quần chúng. Chủ nghĩa hiện thực ở Thackeray mang mầu sắc luân lý rõ rệt; ông muốn đứng trên quan điểm đạo đức mà soi mói cuộc đời và rút ra những bài học về cách xử thế.

Chủ đề của *Hội chợ phù hoa* – như tên cuốn truyện cũng cho ta rõ một phần – là sự vô nghĩa, sự phù phiếm của cuộc đời, một tấn hài kịch lớn, trong đó mỗi con người sắm một vai trò mà không tự biết, hoặc một cảnh hội chợ hỗn tạp, trong đó chỉ toàn là những sự phô trương mua bán, và mọi thứ đều là những món hàng. Tác giả tự coi vừa là một anh hề sắm vai trò để mua vui cho thiên hạ, vừa là nhà đạo diễn cô lại hình ảnh của cuộc sống trong một màn kịch múa rối. Khuynh hướng vạch những nét "mặt trái đời" toát ra trong toàn bộ tác phẩm từ chương đầu đến chương cuối. Tác giả muốn rút ra một bài học luân lý; tác phẩm có tính chất như một bài ngụ ngôn dài. Tất cả những cái gì gọi là cao quý, tốt đẹp, mà thiên hạ hằng khao khát và thiết tha gắn bó, thực ra chỉ là những chuyện hết sức vô nghĩa, thí dụ như danh vọng, tiền tài, những cái vẫn gọi là những đức tính, và ngay cả những tình cảm thiêng liêng như tình cha con, tình bè bạn, tình vợ chồng… nhiều khi cũng

chỉ là câu chuyện khôi hài.

Dưới mắt tác giả, đạo đức vẫn khoác tấm áo thêu kim tuyến lộng lẫy như cũ, nhưng lật lên chỉ thấy những tình cảm đê tiện trần truồng: sự tính toán vị kỷ, lòng vụ lợi, thói giả nhân giả nghĩa, tính phô trương rởm đời, sự lường gạt kèn cựa. Mỗi nhân vật trong tác phẩm tiêu biểu cho một thói xấu, một giai cấp; mỗi người mỗi vẻ, nhưng tất cả đều mang trên mình con dấu chính của thời đại, tức là hình ảnh dục vọng hung hãn đè nén và tiêu diệt thiên lương; do đó con người ta ở đời không nên phí sức mà tranh danh đoạt lợi, hãy nên biết tiết chế dục vọng của mình.

Nhà luân lý Thackeray đã nhìn xã hội nước Anh – đúng hơn là xã hội thượng lưu trưởng giả nước Anh – với con mắt rất bi quan, hoài nghi, nhưng không thờ ơ, trái lại hết sức soi mói; do đó những chi tiết nêu lên trong tác phẩm có một giá trị hiện thực lớn.

Mũi nhọn đả kích của tác giả chĩa thẳng vào những tầng lớp đang chễm chệ ngồi trên cổ quần chúng lao động.

Ngòi bút của ông tỏ ra không thương xót đối với giai cấp quý tộc. Khác với giới quý tộc Pháp bị phá sản sau cách mạng, chuyên sống bằng những thủ đoạn bịp bợm, giới quý tộc tư sản nước Anh vẫn giữ được hầu hết

những đặc quyền; nhưng không phải vì vậy mà bản chất của chúng khác nhau. Sinh hoạt thối nát, tư cách đê tiện, mâu thuẫn giữa địa vị tôn quý và tâm lý xảo quyệt, bỉ ổi, bất nhân, đó là những nét đặc trưng của giai cấp quý tộc Anh từ nhỏ đến lớn, được nêu bật qua hai nhân vật điển hình là tôn ông Pitt Crawley và hầu tước Xtên.

Tôn ông Pitt Crawley đại diện cho tầng lớp quý tộc thôn quê, chúa đất một vùng, nghị sĩ quốc hội, lãnh chức vụ "bảo an đại quan"[5] một quận; lão bóc lột nông dân tàn nhẫn đến mức hầu hết tá điền trong trang trại của lão đều bị phá sản. Lão lại có thói keo cú bủn xỉn: Ở trại, lão khoác bộ áo đài các của ông chúa một vùng, nhưng hễ ra tỉnh là nơi không ai biết mặt biết tên, lão ăn ở bần tiện đến bẩn thỉu: chia đôi củ hành rán với người ở, đòi lại từng xu lẻ tiền tiêu vặt… Nhà nghị sĩ quốc hội ấy có cái đức không thèm đọc thông viết thạo; là đại diện cho dân nhưng lão chỉ thích những chuyện bắt người, đánh người. Lạc thú duy nhất của lão trên đời là rượu, đàn bà và kiện tụng.

Con người lấy vật dục làm lẽ sống ấy, hoàn toàn vô tín ngưỡng, coi em ruột như quân thù, đánh vợ như bổ củi, không hề biết giáo dục con cái là gì. Càng già lão càng trác táng một cách trắng trợn; mảnh áo sĩ diện đã rách nát, lúc gần kề miệng lỗ, lão lột vứt bỏ nốt. Tác giả đã

phải phẫn nỗ kêu lên: "Hội chợ phù hoa!... *Tại đây có một thằng đọc không thông, cũng không chịu tập đọc... có những thói quen và tính xảo quyệt của một thằng biển lận, suốt đời chỉ có một lẽ sống là đi lừa vặt thiên hạ, chỉ biết những sở thích, những tình cảm, những thú vui bần tiện bẩn thỉu; vậy mà không rõ tại sao hắn có đủ cả địa vị, danh vọng và quyền lực, lại là một bậc tai mắt trong xứ, một cây cột trụ của nhà nước!... Trong* Hội chợ phù hoa*, hắn chiếm một địa vị cao hơn cả những tài năng lỗi lạc nhất hoặc những người đạo đức trong sạch nhất*".

Tác giả trình bày cho ta rõ nguyên nhân gây ra tất cả những sự sa đọa của tôn ông Pitt là sự giàu có thái quá.

Chính cái sản nghiệp đồ sộ đã đẩy lão tới thói biển lận và sự trác táng. Lại cũng chính sự giàu có cung cấp cho lão đủ mọi thứ khoái lạc vật chất trên đời, cho nên lão không thiết gì đến tôn giáo, mà cũng không thể vươn tới tín ngưỡng được như Chúa trời đã nói: "*Kẻ giàu có muốn lên thiên đường, khó như con lạc đà chui qua lỗ kim*". Đó cũng là nguyên nhân gây ra mối mâu thuẫn đặc biệt giữa lão và ông em trai là mục sư Biutơ Crawley. Suốt đời lão đã tự ý bóp nghẹt tất cả những tình cảm cao quý để thay vào bằng những dục vọng hạ cấp; nhưng đến khi bị thần bệnh làm tê liệt thân thể, bất

lực không còn hưởng thụ được nữa, lão mới cảm thấy một sự trống trải ghê gớm xâm chiếm tâm hồn; ấy là lúc phần con người của lão sống lại: lão bám lấy người con dâu dịu dàng hiền hậu để cố sống lấy một chút tình cảm đẹp đẽ trước khi từ giã cõi trần, như một kẻ suốt đời làm ác, lúc hấp hối mới thoáng có một phút ăn năn thành thực.

Nếu Pitt Crawley tiêu biểu cho hạng quý tộc thôn quê ngu dốt, tục tằn và bần tiện, thì hầu tước Xtên tiêu biểu cho giới đại quý tộc ở triều đình, danh vọng to, quyền thế lớn, nhưng cũng sa đọa một cách lịch sự hơn, có học thức, tế nhị và thông minh, nhưng cũng xảo quyệt và tàn nhẫn hơn. Lão là trụ cột của triều đình, tiền nhiều của nhiều, mà nói đến những dục vọng đê tiện thì cũng không ai bằng lão.

Lão vớ được tước hầu trong một canh bạc, lấy thế lực và tiền tài để mua dư luận báo chí, chuyên dùng bả vinh hoa để quyến rũ đàn bà con gái và căn cứ vào kinh nghiệm của mình, coi rẻ nhân phẩm của tất cả những ông chồng có vợ đẹp. Đúng tư cách một nhà quý tộc, lão thù ghét con trai cả, vì hắn là kẻ đang nhòm ngó địa vị hầu tước thế tập và cái gia tài kếch xù của lão. Trước mặt thiên hạ, lão là một nhân vật thượng lưu kiểu mẫu, được giới quý tộc coi là "khuôn vàng thước ngọc" cho

cách ăn ở, nhưng trong gia đình, đối với vợ con, lão là "một tên bạo chúa" lão bắt vợ ngồi ăn với bọn đĩ rạc, buộc vợ phải tiếp nhân tình của lão thật lịch sự, diếc móc con dâu một cách thô bỉ tàn tệ; trong cái gia đình tôn quý ấy lại cũng có cảnh "ông ăn chả, bà ăn nem". Lão không từ cả thủ đoạn cho tay sai giam người chồng lại, để tự do với vợ người ta, và khi bị làm nhục thì phái người đi dàn xếp và bảo vệ danh dự bằng cách chuồn ra nước ngoài?… Hầu tước Xtên thuộc loại người quá nhiều tiền bạc và thế lực, sống chỉ cốt thu hết hương nhụy của cuộc đời; lão là con đẻ của một chế độ tất yếu sản sinh ra những tên bạo chúa.

Tác giả đã nêu lên một nét tâm lý đặc sắc của hạng người này là cuộc sống sa đọa đã làm cho con người của chúng biến tính: quen được cuộc đời chiều chuộng quá đầy đủ, chính hầu tước Xtên đâm ra chán ngấy tất cả những lạc thú vật dục nhưng vẫn lao theo những lạc thú ấy do thói quen không cưỡng được như một người trên cái dốc trơn tuột. Lão khuyên Rebecca, nhân tình của lão rằng:

"*Gặm cỏ tươi ngoài đồng nội lại ngon hơn xơi cỏ khô trong chuồng*", nhưng lão vẫn cứ dùng "*mớ cỏ khô lão đã ngấy để làm mồi dử những con bò non ngờ nghệch*"; thì ra xã hội thượng lưu đã tạo cho lão thói sáng suốt

trong sự phạm tội. Mặt khác, quen chà đạp và làm hư hỏng người khác, dần dần lão thù ghét và khinh bỉ hết thẩy mọi người, và trong tâm hồn lão, những tình cảm tốt đẹp cũng hoàn toàn tê liệt. Lão chỉ có cảm tình với hạng người tồi tệ, phản bội! Lão yêu Rebecca không những vì dục tình, mà còn vì cô ta là hiện thân của người đàn bà lý tưởng xứng đáng với lão. Rebecca cũng có những dục vọng mãnh liệt, cũng thông minh song xảo quyệt, cũng vô tình, vô nghĩa và dám liều lĩnh không kém gì lão. Cho nên chỉ có một lần hầu tước Xtên say sưa hào hứng, tức là lần xem Rebecca đóng vai kịch Clytemnet giết chồng như thật; có thể nói buổi tối hôm ấy lão mới yêu Rebecca thật sự.

Một đặc điểm thống nhất giữa Xtên và Pitt Crawley là thái độ vô tín ngưỡng. Pitt vì ngu dốt không hiểu được tôn giáo, và cũng vì không cần tới tôn giáo nên coi rẻ; nhưng Xtên thông minh, có học mà cũng không thiết gì đến Chúa trời. Hắn nuôi hai tu sĩ trong nhà, một mục sư Anh quốc giáo, một linh mục Gia-tô giáo chính thống, để thỉnh thoảng khích bác họ cãi lộn nhau mua vui. Tinh thần vụ lợi của thời đại đã hạ thấp vai trò tín ngưỡng xuống thành một vật trang sức, Xtên là một quan lớn còn cần tới nó phần nào để che mắt thế gian, nhưng Pitt không cần thì vứt xó.

Đúng như văn hào Voltaire[6] đã nhận xét: "Điểm khác nhau giữa phái Whig và phái Tory[7] là "phái Wich thì không có tín ngưỡng mà phái Tory thì chỉ có một tí". Hình ảnh Pitt Crawley (con trai) minh họa cho nhận định này: hắn làm ra vẻ mộ đạo để được lòng mẹ vợ, nhưng hắn cũng sẵn sàng nhảy từ Gia-tô giáo chính thống sang Anh quốc giáo để dễ mưu địa vị trong chính giới, và Pitt là một tay Tory chính cống.

Tóm lại, tàn nhẫn, bất nhân, sa đọa, hèn nhát, vô tình vô nghĩa và vô tín ngưỡng… đó là hình ảnh trung thực của giới quý tộc Anh đang phá sản về mặt tinh thần. Đáng tức cười hơn nữa là những nhân vật thượng lưu quý phái ấy vẫn cứ "thành thực" tưởng mình là cao quý hơn người.

Chúng tin tưởng vào giá trị của "dòng máu xanh" mang trong người, khinh miệt tất cả các tầng lớp xã hội khác.

Chúng bám lấy giai cấp tư sản để làm tiền, nhưng vẫn có thái độ rẻ rúng. Trong khi ấy bọn con cái nhà tư sản lại ra sức leo lên địa vị quý tộc để rồi quay lại miệt thị ngay chính giai cấp mình. Thể hiện những nhân vật vẫn được coi là hạng người tôn quý với những nét tâm lý trên, Thackeray đại diện cho quần chúng muốn phá bỏ cái uy thế đã mọt ruỗng của một giai cấp vẫn cố níu lấy

địa vị thống trị xã hội, và đòi tiêu biểu cho cả một dân tộc. Việc làm này của ông hoàn toàn có ý thức; trong *Cuốn sách của các ông học làm sang nước Anh*, Thackeray có viết: "Bậc thang giai cấp và những sự phân biệt chỉ là một luận điệu lừa bịp, phải đem quẳng nó vào lửa mà đốt. Sắp xếp chỗ ngồi theo thứ bực địa vị, đó là việc của các ông phụ trách nghi thức nào biết tổ chức sự bình đẳng".

Đối với nhà vua, tác giả cũng không nể nang hơn mấy tí. Hãy xem ông miêu tả hoàng đế George đệ tứ ngự xem kịch tại rạp Opera: "*Thì người ngồi kia... mặt mũi phương phi rạng rỡ, thân hình thật phì nộn, khắp người la liệt huy chương, mớ tóc giả rậm rạp xoăn tít. Phải, chúng mình đã được chiêm ngưỡng dung nhan của Người. Số mệnh cũng không cướp được của chúng mình kỷ niệm ấy đi... chúng mình có thể khoe với con cháu mà không sợ quá lời rằng đã từng được nhìn mặt hoàng đế George đại từ đại bi, hoàng đế George chí tôn, hoàng đế George vĩ đại*". Lời lẽ kín đáo tưởng như ca tụng, nhưng ý tứ châm biếm tưởng cũng rõ ràng, vì con người thực của George đệ tứ là một kẻ trác táng, mê đánh bạc, công nợ ngập mặt, dối trá và bất hiếu. Sở dĩ ông chưa hạ nhà vua xuống xếp ngang hàng cùng hầu tước Xtên khi đả kích, có lẽ vì ông còn muốn cho tác phẩm được ra

mắt công chúng.

Đối với giai cấp tư sản, ông cũng tỏ ra không thương xót. Nhân vật đại diện cho giai cấp này là lão Osborne, chủ một hãng buôn sáp lớn ở khu City. Vận mệnh và tâm lý nhân vật này phản ánh rất đúng những đặc điểm của giai cấp tư sản. Xuất thân là một người nghèo, ít học nhờ khôn ngoan và tàn nhẫn, lão leo lên địa vị một đại thương gia, và khi đó tính tình cũng thay đổi theo sự sinh hoạt. Suốt đời chạy theo đồng tiền, lão cam chịu cho đồng tiền chi phối cả tư tưởng và hành động của mình. Lão không ngần ngại trả ơn ân nhân cũ bằng sự vu cáo, sự phản bội, khi tình bạn ấy không còn có lợi gì nữa. Lão tàn nhẫn phá hoại mối lương duyên của con trai, vì bên thông gia đã bị phá sản không còn xứng đáng là chỗ "môn đăng hộ đối"; lão yêu quý đứa con trai độc nhất như vàng, nhưng cũng sẵn sàng từ bỏ và coi con mình như kẻ thù chỉ vì anh ta dám cưỡng lại ý lão, không chịu lấy một cô gái lai da đen triệu phú làm vợ. Về sau, tiếc quá, lão lại đích thân ngỏ lời cầu hôn cho chính mình! Niềm kiêu hãnh duy nhất của lão là sự giàu có; ước vọng duy nhất của lão là được thấy con trai nhờ tiền, nhờ vợ, len lỏi được vào hàng quý tộc, vì đã có "lợi", lão chỉ còn thiếu có "danh". Nếu sau này, lão có ý tha thứ cho con trai và đem đứa cháu nội về nuôi, thì

một phần vì bản chất con người trong lão chưa tắt hẳn, nhưng chủ yếu là vì đứa trẻ có vẻ mặt dáng điệu của con nhà quý tộc, hứa hẹn rất nhiều sẽ thỏa mãn nguyện vọng của ông nội. Chính sự giằng co gay gắt giữa tình cảm cha con và lòng ham danh lợi trong người lão lại càng cho ta rõ hơn tác dụng phá hoại của đồng tiền đối với bản chất tốt đẹp của con người. Trong xã hội tư bản, những tình cảm thiêng liêng nhất cũng có thể trở thành những món hàng; có thể lấy nhân vật Bơlôc, con rể lão Osborne làm thí dụ. Trước khi lấy vợ, hắn đắn đo cẩn thận, mặc cả rạch ròi về món tiền hồi môn, thận trọng như một thương gia khi hùn vốn vào một công ty. Trước những tai họa xảy đến cho gia đình nhà vợ, hắn có một thái độ điển hình cho "tâm lý lạnh lẽo giá băng của đồng tiền": hắn coi việc George Osborne bị bố từ là một dịp để kiếm thêm vạn đồng bảng Anh trong phần gia tài của vợ, và khi hay tin bố vợ chết, câu nói đầu tiên của hắn là: "*Ông cụ để lại cho thằng bé bao nhiêu tiền đấy hả?... Nhất định không phải là một nửa gia tài chứ? Phải chia làm ba phần đều nhau, dứt khoát thế!*"

Tóm lại, qua tác phẩm, cái thế lực hung hãn và cái bản chất vô tình vô nghĩa của đồng tiền đã được minh họa bằng những nét đen thẫm.

Trong xã hội cũ, loại người to tiếng nhất dạy luân lý

cho người ta là mấy vị tu sĩ. Nhưng trong *Hội chợ phù hoa*, ông mục sư Biutơ Crawley đã không xứng đáng đại diện cho giới mình chút nào. Ông ta đi chơi suốt đêm thứ bẩy sáng sớm chủ nhật mới hối hả mò về nhà thờ giảng đạo; bài thuyết giáo thường do bà vợ soạn sẵn hộ, ông ta cứ lên bục giảng mà không cần hiểu ý nghĩa ra sao. Ông thuộc loại tu sĩ sành thể thao, ham tiệc tùng hơn việc Chúa: đức cha rất thánh lại có đầy đủ những thói xấu của con chiên vẫn được ngài thuyết giáo hàng tuần, nghĩa là tham ăn tục uống, hám lợi, đạo đức giả và thô bỉ. Giáo điều đã mất cả hiệu lực ngay cả đối với những kẻ tự nhận là thay mặt Chúa trời. Lại có thể dẫn thêm một thí dụ khác là ngài "tiến sĩ thần học" bị giam cùng Rawdon vì tội quỵt nợ.

Những chi tiết trên rút từ thực tế hàng ngày của giới tu sĩ Anh quốc đương thời. Hồi ấy, giới tu sĩ nước Anh chia làm hai tầng lớp; lớp tu sĩ cao cấp sinh hoạt rất xa xỉ, chuyên việc săn sóc linh hồn cho bọn quý tộc và tư sản lớn, hoàn việc săn sóc linh hồn cho bọn quý tộc và tư sản lớn, hoàn toàn cách biệt với người dân thường; còn tầng lớp mục sư ở nông thôn thì lại quá thiếu thốn, quanh năm lo chuyện ăn mặc và kiếm thêm tiền để dành, nhiều hơn là lo việc Chúa. Cả hai loại giống nhau ở một điểm là coi việc đi tu như một nghề để kiếm miếng sinh

nhai. Henry Prentout, sử gia người Pháp, miêu tả họ như sau: "Đó là loại thầy tu giao tế, không hiểu biết mấy về giới thượng lưu chân chính và những phong tục đẹp đẽ, được anh chức sau một cuộc sát hạch qua loa, và chỉ được cung cấp một số vốn liếng kiến thức hết sức sơ sài về thần học trong các trường đại học. Có lợi nhuận kha khá… lấy vợ có của… mang đủ các đức tính cũng như thói xấu của các nhà quý tộc trang chủ, ham săn cầy cáo, thích uống rượu mạnh… quanh năm chỉ hành lễ chừng bốn lần nhân những ngày hội lớn, và nhiều khi cũng hành lễ qua loa tắc trách với một thái độ không đứng đắn lắm"[8]. Cũng theo Prentout, nhiều người vì túng thiếu, lấy cả chị hầu phòng làm vợ để nhờ vả vốn liếng; trong *Hội chợ phù hoa* cũng có nhắc đến sự thực tức cười này. Vậy thì Biutơ Crawley chưa phải là một hình ảnh phóng đại. Ta không lạ khi thấy tác phẩm vừa xuất bản được một phần, đã bị nhao nhao phản đối, vì Thackeray đã cầy tung cả nền móng tinh thần của xã hội Anh đương thời, là tín ngưỡng và sự tôn trọng giai cấp quý tộc.

Nhân vật được tác giả khắc gọt công phu hơn cả chính là Rebecca Sharp, vai trò chính của vở kịch múa rối. Nhân vật này đại diện cho thói xấu chung của người đời: lòng ham danh lợi. Xã hội phong kiến tư sản đã để

lại những vết hoen ố trong tâm lý của tất cả mọi người hút thở cái không khí vẩn đục của nó. Tác giả muốn cho thấy con người ta không có một cơ sở đạo đức vững vàng, khi bị lôi cuốn vào cơn lốc của dục vọng, thì bị sa đọa ghê gớm đến thế nào. Thiếu giáo dục từ nhỏ, sớm hư hỏng trong một môi trường vẩn đục, Rebecca đã lấy ngay nhan sắc và những tình cảm đẹp đẽ thiêng liêng nhất ra buôn bán, đánh đổi lấy tiền bạc và danh vọng. Mới mười bảy tuổi, vừa chân ướt chân ráo bước vào gia đình một cô bạn đã tỏ ra rộng lượng che chở cho mình, Rebecca đã trắng trợn "mồi chài" người anh cô bạn vì biết anh ta lắm tiền: thói hám lợi đã làm thui chột mất tính e lệ bẩm sinh của người con gái mới lớn. Đối với Rebecca, lấy chồng không phải vì tình, cũng không phải vì dục, mà cốt để làm một bậc thang leo lên địa vị cao sang, cho nên lấy lão Pitt Crawley đã ngoài bảy mươi, hoặc lấy Rawdon là con trai lão, đối với cô ta không khác gì nhau. Trong đời, chỉ có một lần cô ta rỏ những giọt nước mắt thành thực duy nhất, ấy là khi lão Pít ưa "chơi trống bỏi" tỏ tình với cô ta quá muộn, khi cô ta đã trót ăn ở với Rawdon rồi. Rebecca lợi dụng mọi cơ hội mang ngay cái vốn sắc đẹp và sự thông minh của mình ra đặt lãi: cô ta tán tỉnh Joe Sedley, chiều chuộng lão Pitt, ve vãn Rawdon, mơn trớn ông anh chồng, đóng kịch với bạn chồng để xin tiền, õng ẹo với hầu tước Xtên để bòn

xu, và dĩ nhiên phải đi đến kết quả là ngoại tình, đánh đổi tiết hạnh lấy tấm giấy một nghìn đồng. Tính toán và lừa dối, đó là nguyên tắc xử thế của người đàn bà xảo trá này; Rebecca sẵn sàng chà đạp lên tất cả những cái gì cao quý thiêng liêng nhất để đi đến thành công. Ở Rebecca, hầu như không có sự giằng co giữa cái thiện với cái ác, vì cơn bão táp của vật dục quá dữ dội, ngọn lửa le lói của lương tâm vừa lóe lên đã tắt phụt rồi. Cái tiết hạnh trước kia vẫn nâng niu để mang trao đổi dè sẻn và giấu giếm với giá đắt, sau khi bị thất bại thảm hại, Rebecca sẵn sàng đem ra công khai "bán phá giá" cho bất cứ hạng người nào, điều đó ta cũng dễ hiểu, vì nó đã thành một món hàng hết được tín nhiệm.

Tác giả vẽ Rebecca với những nét tàn nhẫn như thế, cốt gây một sự ghê tởm đối với con người là hiện thân của lòng ham danh lợi, và qua đó, cho ta thấy hết cái vô nghĩa, cái tác dụng phá hoại của nó. Những thủ đoạn ô uế Rebecca dùng để tiến thủ trong đời đã nhấn nhân phẩm của cô ta sa xuống hố trụy lạc, người đọc mới thấy ghê tởm. Thackeray muốn cho rằng con người xấu xa là do tính bẩm sinh, nhưng khi thể hiện qua hình tượng, ta thấy rõ ràng thói phù hoa đã gạn chơi hết những phần tốt đẹp trong con người của Rebecca, chỉ còn để lại phần cặn đục ngầu.

Nhảy múa xung quanh Rebecca là một số nhân vật khác, được xây dựng để nêu bật ý nghĩa sau: xã hội quý tộc đẻ ra sự kiêu ngạo, sự xảo quyệt; xã hội thương mại đẻ ra tính tham lam, thói vị kỷ; những thói xấu ấy thấm vào từng thớ thịt mọi hạng người, khiến cho cha con, anh em thù hằn nhau, chị em khinh rẻ ghen ghét nhau, vợ chồng lừa dối nhau, khiến cho ngay trong nhà trường, những đứa trẻ đang tuổi trong trắng cũng đã tiêm nhiễm thói phân biệt đẳng cấp… Chỗ nào ta cũng thấy bàn tay của sự tính toán xen vào, nó tự do cắt đứt hoặc nối lại mối dây ràng buộc mọi thứ tình cảm. Thói giả nhân giả nghĩa mặc áo đội mũ ngang nhiên đi lại giữa cuộc đời; người ta mặc cả tình nghĩa, mua bán tiếng tăm, thay đổi quan điểm tôn giáo như thay áo để mưu lợi. Tóm lại, cá nhân chủ nghĩa đã thống trị xã hội với những biểu hiện trắng trợn nhất cua no.

Với tính chất là một nhà tiểu thuyết miêu tả phong tục, Thackeray còn trình bày cho ta nhiều mẫu người đặc biệt khác của thời đại. Rebecca còn tiêu biểu cho loại đàn bà xảo quyệt đầy dục vọng thấp hèn, đem tai họa cho bất cứ người nào bị cô ta bấu lấy trong đời. Joe Sedley là hình ảnh con người có bản chất tốt song ngốc nghếch và tự mãn, sống ngơ ngác giữa cuộc đời để bị chết chẹt giữa cái xô bồ hỗn độn của mọi sự tranh giành

trong cuộc sống; Rawdon thuộc loại quý tộc lưu manh, sống bằng sự lừa bịp thiên hạ, lường gạt cả đầy tớ; George Osborne đại diện cho các cậu công tử bột "giẻ cùi tốt mã" con nhà tư sản quen thói "bốc trời"; Wenham và Wage là hình ảnh của loại nghị sĩ và trí thức đầy dẫy trong xã hội tư sản, đánh đĩ ngòi bút, ca tụng bọn đĩ rạc được bọn quý tộc che chở, bán rẻ nhân phẩm đến mức làm ma cô cho bọn quyền thế để kiếm miếng sinh nhai nhưng vẫn vênh váo với đời…

Với con mắt quan sát tinh tế, tác giả lách mũi dao giải phẫu của mình vào tâm lý nhiều hạng người, làm bật ra những nét đặc sắc, khám phá, và nói chung rất tức cười: bà Biutơ săn chồng cho con gái một cách tội nghiệp; bà thiếu tá O'Dowd khoe khoang hợm hĩnh; bá tước phu nhân Xaođao mắc bệnh cứ muốn thống trị hết thảy thiên hạ, cái bệnh khá thông thường của giới phụ nữ; cô Jane Osborne và cô Glorvina lâm vào cảnh "chổng mông mà gào" vì khát chồng; bà quý tộc già Crawley trái tật trái chứng với tư tưởng dân chủ và cách mạng giả hiệu; bà giáo Pinkerton dốt nát nhưng kiêu căng: thói ngồi lê đôi mách của bọn phụ nữ ăn không ngồi rồi v.v… Những nét tâm lý này được trình bày như những thói xấu của con người "muôn thuở", nhưng xét cho cùng thì đều gắn liền với bản chất của xã hội phong kiến tư sản. Những

bóng đen lờ mờ nhảy múa xung quanh cái thần tượng danh lợi ấy được ngòi bút biếm họa của tác giả tô đậm thêm với những nét sắc sảo.

Tác giả còn miêu tả phong tục của giới thượng lưu nước Anh, đặc biệt nêu bật cái tẻ nhạt, trống rỗng trong sinh hoạt của họ: những buổi tiếp tân long trọng trong đó người ta – nhất là phụ nữ – tìm mọi dịp gièm pha bới móc lẫn nhau một cách lịch sự, những buổi diễn kịch đố chữ vô vị, thói ham bài bạc, mê săn bắn – săn cầy cáo, và săn cả chuột – thói hay đánh cuộc cả về tình cảm cha con, những chuyện chim chuột lẫn nhau v.v… Tóm lại đó là sinh hoạt của một loại người thừa tiền của và thì giờ, rất giầu có về mặt vật chất, song lại rất nghèo nàn về mặt tinh thần. Họ không có một mục đích cao đẹp gì trong cuộc sống; có một món lợi tức đồng niên kha khá, được tiếp một vị khách sang trọng, được nêu tên trên mặt báo trong một buổi tiếp tân có tiếng, được vào triều kiến trong Hoàng cung, đối với họ là hạnh phúc tối cao của cuộc đời.

Thackeray bới vạch cho ta thấy mọi thứ rễ cái, rễ con của thói phù hoa ăn sâu vào mọi ngõ ngách của tình cảm con người một cách hết sức tài tình. Có thể so sánh nhiều đoạn văn trong *Hội chợ phù hoa* với những trang trong tác phẩm *Nhân vật* (Les Caractères) của La

Bruyere[9]: cũng những bức chân dung biếm họa tài tình, cũng những lời phẩm bình lạnh lùng mà cay độc, và cũng những nhận xét có giá trị như những câu cách ngôn. Viết về Thackeray, nhà phê bình người Pháp Hypôlit Taine có câu: "Để phục vụ cho mục đích châm biếm, Thackeray đã dựa vào một lương tri cao quý, một sự hiểu biết thấu đáo về tâm lý người đời, một ngòi bút khéo léo tuyệt vời, một sự suy luận vững vàng, một thái độ căm thù sâu sắc và ông đã tiêu diệt thói xấu của người đời bằng đủ mọi thứ vũ khí của sự suy tưởng"[10].

Có thể chắc chắn rằng Thackeray chịu nhiều ảnh hưởng của La Bruyere; nhưng ông khác nhà văn Pháp ở điểm chưa có ý thức rõ ràng khi đứng về phía quần chúng để đả kích giai cấp thống trị[11]. Thackeray ít miêu tả những nhân vật thuộc tầng lớp bình dân, có lẽ vì họ không phải là đối tượng miêu tả trong một cuốn truyện mà cảm hứng chủ đạo là thái độ công phẫn trước những sự thật đen tối xấu xa trong cuộc đời. Tuy nhiên, mỗi khi nhắc đến họ, ông Clap, bà Brigơ, người vú nuôi thằng bé Râuđy, bác Ragơnx, đều là những người có tâm địa tốt; họ sẵn sàng giúp đỡ người khác, tỏ ra có tình, có nghĩa, và nhiều khi vì vậy mà chui vào cạm bẫy của các ông bà thượng lưu. Tác giả cho ta thấy trong quan hệ với các vị tai mặt, họ luôn luôn chịu lép vế, thiệt thòi,

nhưng tác giả chưa trình bày đầy đủ cảnh sống khổ cực của họ, mặc dầu ông tỏ ra công phẫn trước cảnh giầu nghèo chênh lệch trong xã hội: "Nhưng cũng phải thấy rằng tại sao có người thì lại lụa là gấm vóc, trong khi khối kẻ phải đeo khố tải, chỉ có con chó thương xót cảnh ngộ của họ? Đó cũng là một điều bí mật nhiều khi không giải thích nổi". Đứng trên quan điểm đạo đức, Thackeray thù ghét chế độ phong kiến và tư sản, vì nó làm cho con người sa đọa nhiều hơn là vì nó áp bức các tầng lớp nhân dân lao động; đó cũng là một điểm hạn chế trong tư tưởng của ông. Trong khi ông miêu tả những nhân vật bình dân, thấp thoáng còn xen lẫn vài nét giễu cợt nhẹ nhàng, do khuynh hướng hài hước cố hữu hơn là do thái độ đả kích cố ý. Riêng đối với giới "cơm thầy cơm cô", Thackeray tỏ ra đặc biệt nghiêm khắc, điều này có lẽ không phải lỗi hoàn toàn ở tác giả.

Nhưng Thackeray không chỉ làm một công việc hoàn toàn có tính chất phá hoại. Trong nhiều đoạn văn đầy nhiệt tình, ông ca tụng những tình cảm cao quý như tình cha con, tình mẹ con, tình bè bạn, lòng chung thủy v.v… Đứng trước cảnh đời xấu xa, ông chưa mất hết lòng tin đối với bản chất tốt đẹp của con người. Điều này được chứng minh qua việc xây dựng hai nhân vật Amelia và Dobbin. Hai nhân vật này có tính chất lý tưởng,

khuôn theo ước vọng của tác giả nhiều hơn là dựa vào sự quan sát thực tế. Amelia được tác giả nâng niu hơn cả: cô ta không đẹp lộng lẫy, không thông minh tài giỏi lắm, nhưng thùy mỵ, trung hậu trong trắng, hấp dẫn đàn ông ở chỗ yếu đuối, như luôn luôn muốn được che chở; đó là loại đàn bà lý tưởng của những người muốn có một gia đình ấm cúng bình thường.

Dobbin là người có lòng vị tha, tính tình cao thượng, giầu đức hi sinh, thẳng thắn mà tế nhị, bề ngoài mộc mạc vụng về mà thật ra rất giàu tình cảm. Tâm lý của hai nhân vật chính diện duy nhất này đều có những nét lãng mạn vượt quá sự thực, thể hiện sự phản ứng của tác giả đối với những mẫu người đàn ông và đàn bà xấu xa, đầy dẫy trong xã hội đương thời. Sự trong sạch của họ nổi bật trên cái nền đen tối của tác phẩm, nó biểu hiện những ước vọng thầm kín của Thackeray; ông muốn truyền bá một thứ luân lý lấy "thiện tâm" làm gốc, như chính ông đã nói trong *Cuốn sách của các ông học hàm sang*: khôi hài là việc tốt, sự thực là điều hay hơn, nhưng Tình yêu mới thật là quý hơn cả.

Tuy nhiên, trong hai nhân vật này rải rác vẫn có những nét hài hước, chứng tỏ rằng khi va chạm với thực tế phũ phàng, những ước vọng lãng mạn, nhưng ông không có thể hoặc cũng không muốn công nhận hoàn

toàn tâm trạng ấy[12]. Đó là nguyên nhân giải thích sự có mặt của hai nhân vật có phần lạc lõng trong tác phẩm, đồng thời cũng giải thích tại sao bên cạnh những đoạn văn châm biếm cay độc lại xen vào những đoạn văn trữ tình thấm thía.

Có thể coi việc xây dựng hai nhân vật này cũng như cách kết thúc cuốn truyện cho có hậu là giải pháp của vấn đề đặt ra trong tác phẩm. Thackeray quan niệm rằng tâm lý xấu xa của người đời là nguồn gốc mọi sự thối nát trong xã hội, bởi vậy ông muốn đem người thay thế cho kẻ xấu, chứ không nhìn thấy nguyên nhân sâu xa là ở chế độ xã hội. Một điều đáng chú ý là do một sự ngẫu nhiên Rebecca bị thất bại trong kế hoạch làm giầu làm sang của mình; cũng do một sự ngẫu nhiên Dobbin được thỏa mãn mối tình lý tưởng với Amelia.

Đó không phải chỉ là một thiếu sót về mặt nghệ thuật, một "*deux ex machina*" [13] thật ra nó chứng tỏ rằng tác giả vẫn tin vào sự công minh của một đấng tối cao nào đó, tuy không nói ra rõ ràng; cũng như trong một lá thư gửi cho bà mẹ, ông có viết: "Mẹ có thấy trong tác phẩm của con, ngoài Dobbin ra, các nhân vật khác đều bỉ ổi đến thế nào không?… Điều con muốn là trình bầy những hạng người sống ở đời mà không biết đến Chúa trời". Quan điểm tôn giáo của ông không phải là Thanh giáo,

cũng không phải là Gia-tô giáo chính thống; đó là một thái độ tín ngưỡng lấy lòng hướng thiện chủ quan làm căn bản, không cần nhờ vả tới những thứ phụ tùng triết lý phiền toái, tương tự như thái độ của Rousseau[14] thế kỷ thứ 18, nhưng đậm đà màu sắc luân lý hơn. Đó là thái độ của tầng lớp tiểu tư sản phản ứng trước sự suy đồi của Gia tô giáo, khi thấy nó trắng trợn trở thành công cụ của giai cấp thống trị. Tóm lại, tác giả phủ nhận chế độ phong kiến tư bản tàn bạo và thối nát, nhưng không tìm được lối thoát chân chính, muốn cải tạo xã hội trên cơ sở cải tạo tâm tính con người. Tuy có thái độ bi quan, nhưng ông không xuất phát từ một tư tưởng hoài nghi tuyết đối; ông đề cao một nhân sinh quan thực tiễn, và lành mạnh của hạng người có lương tri, với những phong tục giản dị, một gia đình ấm cúng, những tình cảm chân thực cao quý, một cuộc sống tinh thần thanh cao; những tiêu chuẩn đạo đức ấy có chỗ gặp gỡ với quan điểm của quần chúng trong xã hội cũ, đáng tiếc là thiếu một tính chiến đấu cần thiết để góp phần tích cực hơn trong việc lật đổ những sự bất công. Giá trị căn bản của tác phẩm là cung cấp cho ta những tài liệu phong phú và trung thực về một xã hội dựa trên cơ sở đồng tiền, đúng như Mác đã nhận xét "Trường phái mới của các nhà tiểu thuyết ưu tú nước Anh[15], với những trang sách hùng

biện đầy sức thuyết phục, đã bộc lộ với người đời nhiều sự thực hơn là công sức gom góp của tất cả những chính trị gia chuyên nghiệp, những nhà hoạt động xã hội, và những nhà luân lý học".

Về mặt nghệ thuật, Thackeray tỏ ra rất xuất sắc trong việc xây dựng nhân vật điển hình. Nhiều nhà phê bình so sánh Thackeray với Banzăc, cho rằng nhà văn Anh tài tình hơn về mặt châm biếm, nhưng nhà văn Pháp thành công hơn về phương diện tiểu thuyết. Taine cho rằng vì Thackeray đã "miêu tả con người xấu xa hơn trong thực tế" cho nên "khi đọc xong Thackeray người ta cảm thấy rùng mình như một người lạ được dẫn tới trước bàn mổ tại giảng đường vào ngày có thực tập phẫu thuật", trong khi Balzac dẫn ta vào trong một cửa hàng bán đồ tầm tầm để quan sát những đồ vật "thượng vàng hạ cám", tuy có khi lạ lùng nhưng vẫn gần gũi với ta. Thật ra đó là một nét độc đáo trong cách xây dựng nhân vật điển hình của Thackeray.

Phải nhận rằng ông dựng cảnh và người với mục đích luân lý rõ ràng: trước khi lựa chọn chi tiết nào để miêu tả, ông đã có thái độ hoặc tán thành hoặc đả kích, và những mẩu đối thoại, những hành động của nhân vật chỉ là những phương tiện buộc ta phải đồng tình với tác giả. Nhưng không phải vì thế mà nhân vật của ông kém sinh

động, kém thực. Ông dùng cả phương pháp cường điệu, cả những yếu tố có tính chất hoạt kê thuần túy, nhưng nhân vật trong *Hội chợ phù hoa* vẫn có cái chắc chắn rất thực của cuộc đời, bởi vì tâm lý của họ không hề bị sơ lược hóa, mặc dầu vẫn có tính chất rất tập trung. Thí dụ như Rawdon là một tay cờ bạc chuyên đi lừa bịp thiên hạ, nhưng lại rất quý mến vợ con; bị vợ đối xử nhạt nhẽo, anh ta càng ra sức chăm nom đứa bé, như muốn dốc nốt phần tình cảm dành cho vợ vào cái đối tượng cuối cùng của sự yêu thương. Trong việc săn gia tài của bà cô, anh ta chỉ là công cụ của vợ, cho nên trong buổi gặp mặt bà Crawley ở Braitơn, sự xúc động của Rawdon rất chân thành. Dưới cái bề ngoài thô lỗ, con người chuyên đi bịp thiên hạ ấy cũng có những tình cảm mãnh liệt. Tuy bị vợ đối xử lạnh nhạt, Rawdon vẫn yêu vợ thiết tha; ít lâu trước khi xảy ra câu chuyện tai hại, thấy chồng có ý nghi ngờ, Rebecca vờ trở lại đằm thắm với chồng như hồi trăng mật, nhưng Rawdon vẫn cảm thấy có một cái hố sâu ngăn cách giữa mình và vợ, vì thấy vợ "cao" hơn mình quá nhiều. Trong tâm trạng phức tạp ấy, anh ta bắt gặp vợ ngoại tình! Cho nên thái độ dứt khoát của Rawdon đối với Rebecca tưởng như quá đột ngột, thật ra rất hợp lý, nghĩa là đã được tác giả "sửa soạn" cẩn thận. Rebecca cũng có những nét tâm lý phức tạp. Tại sao biết George phá hoại mưu mô của mình,

Rebecca lại nể nang và càng phục anh ta hơn? Tại sao cô ta lại tỏ vẻ kính phục và có thể gọi là yêu chồng khi Rawdon can đảm sỉ nhục hầu tước Xtên?

Tại sao cô ta giữ gìn mãi lá thư của George rủ cô ta đi trốn? Tại sao cuối cùng cô ta lại sẵn sàng "tán thành" cho Amelia và Dobbin? Bởi vì tác giả muốn cho ta thấy rằng một con người dù xấu xa nhất cũng không chỉ sống thuần túy bằng sự tính toán mà không có những tình cảm rất "người" dù chỉ le lói. Có thể nói trên tấm gương lồi Thackeray cầm để soi cuộc đời, mọi vật hiện ra có méo mó chút ít, nhưng về căn bản vẫn giống trong thực tế, ông chỉ sử dụng những chi tiết hoạt kê với "liều lượng" của một thứ "thang" trong một đơn thuốc. Trong một tác phẩm có tính chất châm biếm, đó lại là một thành công, vì thế mà hình ảnh nhân vật của ông khắc sâu vào tâm trí người đọc.

Về cách biểu hiện, Thackeray có lối phác họa nhanh, gọn và tập trung với những chi tiết chọn lọc để đưa ta đi sâu ngay vào bản chất của sự kiện và nhân vật. Thí dụ đoạn tả bữa tiệc đón cô giáo mới ở trại Crawley bà chúa, lão Pitt ngồi ăn có ba gia nhân bận chế phục sang trọng đứng hầu, nhưng lão bàn toàn những chuyện giết con cừu nào, được bao nhiêu cân, ai mua những miếng gì, thịt bạc nhạc còn lại ở đâu v.v… Thường thường những

cảnh ông miêu tả, có khi chỉ là những chi tiết nhỏ, đều được cân nhắc cẩn thận để bộc lộ đầy đủ nhất ý nghĩa của chúng. Thí dụ đoạn tả Rawdon sắp lên đường ra trận, hắn để lại cho vợ tất cả mọi thứ đồ dùng, kể cả bộ binh phục còn tốt, lại dặn dò tỉ mỉ giá tiền từng thứ, phòng khi gặp sự không may ở nhà Rebecca sẽ bán đi lấy tiền sinh sống. Rồi sau khi tả Rawdon ôm ghì lấy vợ, mặt đỏ tía vì xúc động lúc chia tay, tác giả cho ta thấy Rebecca điềm nhiên ngồi kiểm kê lại cái gia tài nhỏ mọn của chồng, tính toán sẵn số vốn để làm lại cuộc đời, rồi lên giường đánh một giấc ngủ ngon lành! Sự đối lập của hai chi tiết đặt cạnh nhau càng nêu bật tâm lý bỉ ổi của Rebecca. Thackeray hay xen vào việc miêu tả những lời phẩm bình của mình; nói chung, lối văn của ông giầu tư tưởng tính, cô đọng; sự châm biếm và sự suy tưởng bổ sung và hỗ trợ tác dụng cho nhau. Ẩn dưới những lời trào phúng nhẹ nhàng là những ý tứ kín đáo bắt ta phải suy nghĩ mới hiểu hết được. Vì vậy *Hội chợ phù hoa* thuộc loại tiểu thuyết cần đọc từ từ, nghiền ngẫm, mà không nên đọc hối hả. Thường thường tác giả làm như đứng về phía nhân vật phản diện để biện hộ, song chính những lời bênh vực ấy lại là những nhát dao, vì ấy là lúc nhân vật tự lên án và làm cho mình trở thành lố lăng, bỉ ổi. Giọng châm biếm càng nghiêm trang bao nhiêu, tác dụng của nó càng mạnh mẽ bấy nhiêu. Lối trào phúng

của ông tiêu biểu cho khoa hài hước kiểu Anh (humour) tưởng như hiền lành mà thâm túy, tế nhị mà sâu sắc.

Bút pháp của tác giả không đơn điệu, rất uyển chuyển; lời văn có khi mộc mạc giản dị, có lúc tinh tế cầu kỳ, có khi sôi nổi, nhiệt tình, có lúc lạnh lùng khách quan, có khi đẹp đẽ thanh tao, có lúc thô bạo, tàn nhẫn… Có thể nói, khi mổ xẻ những ung nhọt của xã hội, ông có cái táo bạo, lạnh lùng của nhà giải phẫu, nhưng trong những đoạn văn trữ tình, ông cũng có cái nâng niu tế nhị của người tỉa lá trồng hoa. Nhà phê bình người Mỹ Xítgowich ví văn Thackeray "Như một dòng nước đang chảy, thích ứng với mọi hoàn cảnh, khi nhẹ nhàng trôi xuôi, lúc róc rách ca hát, khi cuồn cuộn gầm thét, lúc lại từ từ chậm chạp."[16]

Tuy vậy *Hội chợ phù hoa* cũng không tránh khỏi một số khuyết điểm. Về mặt bố cục của tác phẩm, sự việc tiến lui có hơi khuất khúc; người đọc theo dõi câu chuyện đôi khi có phần khó khăn. Cũng có một số đoạn văn rườm rà, vì những suy tưởng triết lý kéo ta đi lan man, và những lời thuyết lý của tác giả nhiều khi khiến cho trang sách trở thành nặng nề; mặc dù những phần ấy gây nhiều hứng thú đối với bạn đọc ưa suy nghĩ vì chứa đựng những ý tưởng sâu sắc. Về mặt diễn biến của tình tiết, nhiều chỗ tác giả dùng phương pháp trình diễn

trực tiếp, không "để cho sự vật tự nó nói lên", thí dụ đoạn tả quá trình làm giầu của lão Osborne, đoạn tả quá khứ của hầu tước Xtên, thời kỳ trụy lạc của Rebecca… do đó cũng có phần kém sinh động. Khuyết điểm ấy một phần do khuynh hướng luận lý của tác giả: viết như thế, ông dễ có điều kiện xen vào những lời bình luận của mình.

Tóm lại, *Hội chợ phù hoa* được coi là một tác phẩm hiện thực lớn của văn học châu Âu; tác giả của nó được xếp cùng hàng với những nhà văn hiện thực ưu tú như Dickens, Balzac… Và chừng nào trong xã hội còn tồn tại loại người ích kỷ, giả dối, tàn nhẫn, thì những mũi tên nhọn sắc của Thackeray vẫn còn được ta nâng niu trân trọng, để bắn trúng tim những kẻ nằm ngồi trên đống nhơ của sự vô sỉ.

Trần Kiêm

Mấy lời giáo đầu[17]

Nhà đạo diễn vở kịch đang ngồi trên sân khấu trước tấm màn; nhìn xuống đám người hỗn độn chen chúc nhau trong Hội chợ, tự nhiên hắn cảm thấy một nỗi buồn tê tái xâm chiếm tâm hồn. Thiên hạ đang đua nhau mà ăn uống, mà chim chuột, rồi bỏ rơi nhau, mà cười mà khóc, rồi hút sách, lừa bịp, nhảy nhót, đấm đá nhau hoặc la cà đây đó.

Có những tay anh chị huých kẻ nọ đẩy người kia mà đi có những cậu công tử bột ra sức liếc tình đàn bà con gái. Có những chú đạo trích chuyên rờ túi thiên hạ, có những ông đội sếp soi mói nhìn ngó đó đây, này là máy anh bán thuốc rong (trời đánh thánh vật mấy anh bán thuốc rong.) đang gân cổ lên mà quảng cáo thuốc trước quầy hàng của mình; kia là mấy bác nhà quê cứ há hốc mồm ra mà ngắm các cô vũ nữ bận áo sặc sỡ và mấy chú làm trò xiếc leo dây đáng thương mặt trát son đỏ bự, trong khi bọn kẻ cắp đứng đằng sau lưng cứ việc lách mấy ngón tay vào túi mà nẫng nhẹ ví mang đi. Thưa vâng, chính là Hội chợ phù hoa *đấy ạ; không phải là một chỗ đứng đắn và tuy rất ồn ào, nhưng cũng chẳng phải là một nơi vui vẻ gì đâu. Xin các vị hãy nhìn bộ mặt bọn đào kép và mấy chú hề lúc họ tan trò mà xem: anh chàng Tom Fool chùi lượt phấn son trát trên*

má rồi ngồi vào bàn ăn với vợ, lại cả chú Jack Puddings đang đứng sau tấm màn sân khấu kia nữa. Gần mở màn rồi; chú sắp ra trò, sẽ vừa lộn tùng phèo vừa kêu to mà hỏi thăm khắp mặt khán giả: "Các vị có được mạnh khỏe không? Tôi nghĩ rằng người nào có tính ưa suy tưởng, khi đi dạo chơi qua một nơi lắm trò vè như chỗ này, không nên để cho mình bị lôi cuốn trong cái vui vẻ của thiên hạ hoặc của chính mình. Đây đó có thể gặp một vài cảnh tượng hài hước hoặc kỳ thú khiến cho ta cảm động hoặc thú vị. Chỗ này là một thằng bé kháu khỉnh, đứng nuốt nước bọt trước quầy hàng bánh rán; một cô thiếu nữ xinh xinh đỏ ửng mặt lên bên cạnh người tình vừa thủ thỉ chuyện trò vừa chọn mua tặng vật cho mình... Chỗ kia là anh chàng Tom Fool đang ngồi trong toa xe của rạp xiếc gặm khúc xương cùng với cái gia đình lương thiện sống bám vào nghề làm trò nhào lộn của anh ta... Nhưng cảm tưởng chung vẫn đáng buồn nhiều hơn là đáng vui. Về nhà, chúng ta trở lại nghiêm trang tư lự nhưng với một tâm trạng độ lượng hơn, rồi lại vùi đầu vào sách vở hoặc công việc làm ăn như cũ.

Về câu chuyện của Hội chợ phù hoa *sắp kể đây, tôi không biết rút ra bài học luân lý nào khác ngoài mấy ý kiến trên. Có nhiều người coi Hội chợ hoàn toàn không*

phải là một chỗ đứng đắn, vẫn lánh xa, không cho gia đình và cả đầy tớ bén mảng tới. Rất có thể họ có lý. Nhưng cũng có nhiều người lại nghĩ khác; hoặc vì tính tình lười biếng, hoặc vì có lòng nhân đức, hoặc vì ưa châm biếm, thỉnh thoảng họ lại thích rẽ vào Hội chợ độ nửa tiếng đồng hồ, la cà đây đó xem các trò vui. Ở đây thì vô khối trò đủ mọi loại: những cuộc thử sức kinh người., những cảnh phi ngựa anh dũng tuyệt diệu, những cảnh sống thượng lưu quý phái, và những cảnh sống của tầng lớp thường thường bậc trung, có những trò chim chuột để cho người đa cảm thưởng thức, lại có những trò hài hước dí dỏm nhẹ nhàng.

Trò nào cũng có bài trí trang hoàng tử tế, tác giả xin bỏ tiền mua nến thắp, soi sáng thật rực rỡ.

Vậy thì nhà đạo diễn vở kịch còn muốn nói gì nữa nhỉ?...

Hắn chỉ muốn ngỏ lời cảm tạ chư vi, vì qua các tỉnh lớn trong khắp nước Anh, vở kịch đã được khán giả chiếu cố hoan nghênh, và tới đâu cũng được giới ngôn luận, giới quý tộc và các tầng lớp thượng lưu có lòng quan tâm đến.

Cứ nghĩ rằng đám con rối của mình đã khiến được các vị tai mặt nhất trong nước hài lòng mà hắn lấy làm kiêu hãnh quá. Khán giả tuyên bố rằng cái con rối

Becky nổi tiếng kia tay chân cử động thật khéo, khi giật dây nó làm trò cứ như thật. Con rối Amelia tuy được ít người thưởng thức hơn, nhưng cũng được nhà nghệ sĩ để hết tâm lực gọt khắc và trang điểm. Con rối Dobbin bề ngoài cử động như vụng về nhưng thật ra nhảy múa có vẻ tự nhiên coi thật thú vị; mấy đứa trẻ ra trò cũng được nhiều người lớn tán thưởng, và xin các vị hãy chú ý giùm cái "nhà quý tộc xấu thói" bận bộ áo lộng lẫy kia; dựng con rối ấy tốn kém vô khối tiền đấy; tấn trò đặc biệt này diễn xong ma quỷ sẽ đến mang con rối ấy đi.

Thế là nhà đạo diễn cúi rạp xuống chào các quý khách rồi lui vào hậu trường. Màn mở.

Luân Đôn, ngày 28 tháng 6 năm 1848.

CHƯƠNG I
CHISWICK MALL

Ấy là vào khoảng từ năm thứ 13 đến năm thứ 19 của thế kỷ này; vào một buổi sớm tháng sáu nắng tỏa rực rỡ, có một cái xe ngựa lớn, loại xe gia đình, do một cặp ngựa béo mập kéo, yên cương sáng nhoáng, chạy với tốc độ bốn dặm một giờ, đến trước cái cổng sắt lớn của trường học bà Pinkerton lập nên tại Chiswick Mall chuyên giáo dục các cô tiểu thư con nhà dòng dõi thì đỗ lại. Trên xe có một anh xà ích béo quay ngồi điều khiển; anh ta đeo tóc giả, đội một chiếc mũ vành bẻ tam giác. Xe dừng lại trước tấm biển đồng sáng choang trên có khắc tên bà Pinkerton thì một người hầu da đen ngồi cạnh bác xà ích béo tròn duỗi thẳng cặp chân vòng kiềng của hắn ra, với tay giật cái dây chuông trên cổng, và từ những ô cửa sổ bé tý trên mặt căn nhà gạch cổ kính đồ sộ, ít nhất có tới mười cái đầu con gái thò ra ngấp nghé nhìn. Mà nếu tinh ý ta còn nhận thấy cả cái mũi đỏ hỏn bé tý của cô Jemima Pinkerton, một thiếu nữ tốt bụng, đang lấp ló sau mấy chậu hoa phong vĩ thảo đặt trên thành cửa sổ phòng khách của bà Pinkerton.

Cô Jemima nói:

- Xe của nhà bà Sedley đấy chị ạ, Sambo, thằng hầu

da đen vừa kéo chuông xong, bác xà ích mặc một cái áo chẽn đỏ mới quá.

Bà Pinkerton hỏi lại:

- Jemima, dì đã sửa soạn đầy đủ hành lý cần thiết cho cô Sedley lên đường chưa?

Bà Pinkerton trông rất đường bệ; bà là một Semiramis Hammersmith[18] bạn của nhà học giả Johnson, là người cộng tác với chính bà Chapone cơ đấy.

Cô Jemima đáp:

- Thưa chị, sáng hôm nay bọn hầu gái dậy từ bốn giờ; họ sửa soạn hành lý cho cô ấy xong rồi. Chúng em lại hái cho cô ấy cả mấy cành hoa.

- Jemima, phải gọi là một bó hoa, như thế nghe mới lịch sự – Vâng, một bó hoa to gần bằng cái đống rơm ấy. – Em cũng đã sắp sẵn hai chai nước hoa đinh hương cho bà Sedley, cả tờ giấy dặn cách pha nước ấy nữa. Em để tất cả trong chiếc hộp của Amelia.

- Jemima, dì đã sao lại một bản tờ kê học phí của cô Sedley rồi chứ? Thế thì tốt lắm… chín mươi ba đồng bảng, bốn si-ling[19] tất cả. Dì đề ngoài phong bì gửi cho tôn ông John Sedley, rồi đóng dấu bức thư tôi viết cho Sedley phu nhân đây.

Đối với cô Jemima, thì một bức thư tự tay chị cô viết là một vật vô cùng đáng kính, như thể đó là thư của một vị quốc vương vậy. Chỉ khi nào các cô học trò của bà rời khỏi học hiệu, hoặc khi họ sắp sửa đi lấy chồng, người ta mới thấy bà Pinkerton đích thân viết thư gửi cho cha mẹ học trò của mình, không kể một lần đặc biệt nhân việc cô Birch bất hạnh bị chết về bệnh sốt phát ban. Và theo ý kiến của cô Jemima, nếu có điều gì có thể an ủi được bà Birch vì cái chết của cô con gái, thì chính là bài văn mộ đạo và hùng hồn của bà Pinkerton gửi đến để báo tin buồn. Lần này bức thư của bà Pinkerton viết lời lẽ như sau:

Mall Chiswick, ngày 15 tháng 6, năm 18…

Thưa phu nhân,

Sau sáu năm cô Amelia Sedley lưu trú tại Mall, tôi rất hân hạnh và sung sướng thưa với phu nhân rằng bây giờ cô đã là một tiểu thư không phải là thiếu xứng đáng với một địa vị thích hợp trong xã hội thượng lưu lịch sự. Những đức tính đặc trưng cho một thiếu nữ lịch sự Anh quốc, cũng như những tài năng xứng đáng với dòng dõi và địa vị xã hội của một người như vậy sẽ không thiếu nơi cô Amelia Sedley đáng yêu. Cô có đức tính cần cù và ngoan ngoãn, khiến cho các giáo viên dậy cô rất mến. Tính tình dịu dàng đáng yêu của cô đã hấp dẫn tất

cả các bạn đồng học, người nhiều tuổi hơn cũng như người còn kém tuổi.

Phu nhân sẽ thấy về khoa âm nhạc, khoa khiêu vũ, môn chính tả, hoặc trong mọi công việc thêu thùa kim chỉ, cô đã đạt được những điều các bạn đồng học thiết tha mong ước nhất. Riêng về môn địa lý thì cô còn nhiều thiếu sót; và trong khoảng thời gian ba năm sắp tới, mỗi ngày bốn tiếng đồng hồ, cô còn cần tập đeo bảng sau lưng[20] một cách thận trọng và chuyên cần: điều này rất cần, vì có vậy mới luyện được dáng điệu đường bệ tôn quý mà các cô tiểu thư lịch sự bây giờ đều phải có.

Còn về phương diện biết tôn trọng những nguyên tắc tôn giáo và luân lý thì phu nhân sẽ thấy cô Sedley rất xứng đáng với một học đường đã từng được cái vinh dự tiếp đón nhà từ điển học đại danh, và đã được Chapone phu nhân đỡ đầu. Rời khỏi Mall, cô Amelia đã đem theo cả tâm hồn của các bạn đồng học cũng như niềm thương mến của cô giáo dạy cô, người có cái vinh dự được ký tên dưới đây.

Kính chào phu nhân,

Người đầy tớ mang ơn và hèn hạ của bà.

Ký: Barbara Pinkerton.

Tái bút.

Cô Sharp cùng đi với cô Sedley. Xin đặc biệt yêu cầu phu nhân chỉ nên lưu cô Sharp ở lại khu phố Russell không quá mười ngày. Cô ta sắp đến giúp việc tại một gia đình quyền quý, gia đình này muốn rằng cô ta đến nhận việc sớm chừng nào hay chừng ấy.

Thảo xong bức thư, bà Pinkerton bắt đầu viết tên mình và tên cô Sedley vào trang đệm[21] của một cuốn từ điển Johnson… một quyển sách lý thú mà bất cứ khi nào có học trò rời khỏi Mall bà cũng tặng cho một cuốn. Trên bìa sách, lại có đính kèm một bản sao tờ giấy đề "mấy lời của cố học giả Samuel Johnson đáng kính gửi cô tiểu thư mới rời khỏi Pinkerton học hiệu, ở Mall". Thực ra cái bà giáo bệ vệ này vẫn luôn mồm nhắc đến tên nhà làm từ điển; chính cũng nhờ có một buổi ông ta đến thăm bà mà bà hóa ra danh giá và làm ăn phát đạt.

Nghe thấy bà chị ra lệnh cho mình lấy cuốn từ điển trên mặt tủ xuống, cô Jemima bèn cầm xuống hai cuốn.

Bà Pinkerton vừa đề xong lời tặng vào cuốn thứ nhất, thì cô Jemima đưa bà cuốn thứ hai, dáng điệu hơi ngần ngại và có vẻ sợ sệt. Bà Pinkerton lạnh lùng hỏi lại, nghe rất đáng sợ:

- Này, dì Jemima, cuốn này để cho ai đấy?

- Để cho cô Sharp đấy ạ. Hôm nay cô ấy cũng ra trường.

Cô Jemima run bắn người lên trả lời, cả bộ mặt và cái cổ đã héo úa của cô bỗng đỏ rực lên. Cô quay lưng lại không dám nhìn bà chị.

Bà Pinkerton dằn mạnh từng tiếng:

- Này Jemima, dì có điên không đấy? Cất ngay quyển từ điển vào tủ. Từ nay trở đi, đừng có bao giờ được tự tiện như thế, nghe không.

- Dạ, thưa chị, cuốn sách chỉ đáng giá có vài hào chỉ, mà nếu cô Becky đáng thương ấy không được một cuốn thì cô ấy sẽ khổ tâm lắm.

Bà Pinkerton đáp:

- Mời cô Sedley lên đây ngay cho tôi.

Tội nghiệp cho cô Jemima; chẳng dám hé răng nói thêm một tiếng nào nữa, cô vội rảo bước đi ra, trong lòng hết sức hồi hộp vì sợ hãi.

Ông thân sinh ra cô Sedley là một thương gia ở Luân Đôn, cũng là một tay giầu có. Còn cô Sharp chỉ là một cô học trò tập sự nghề dạy học; bà Pinkerton nghĩ rằng bà đã đối đãi với cô quá phải rồi, chẳng cần phải ban cho cái vinh dự được tặng cuốn từ điển khi cô từ biệt nhà

trường.

Kể ra thư giới thiệu của các bà giáo thì cũng chẳng đáng tin cho lắm, chỉ có giá trị như những tấm bia trong nghĩa địa không hơn không kém, song thỉnh thoảng cũng có những người từ giã cõi đời này mà lại thực sự xứng đáng với những lời xưng tụng bác thợ đá khắc vào bia dựng trên nắm xương tàn của họ, nghĩa là một con chiên ngoan đạo, một người bố, người mẹ, người con, người vợ hoặc người chồng xứng đáng, và khi họ chết đi, quả thực có khiến cho thân nhân phải thương tiếc không sao nguôi được. Cho nên trong các trường học dạy con trai cũng như con gái, đôi khi cũng có một học sinh hết sức xứng đáng với những lời khen thưởng của người giáo viên vô tư. Thì cô Amelia Sedley chính là một tiểu thư thuộc loại học trò đặc biệt này.

Không những cô xứng đáng với lời ca tụng của bà Pinkerton, cô còn có nhiều đức tính đáng yêu khác mà cái bà già Minerva[22] long trọng kia không thể nhìn thấy, bởi lẽ giữa bà và cô học trò có một sự cách biệt về địa vị và tuổi tác.

Nghĩa là cô Sedley không phải chỉ có thể hát hay như một con sơn ca, hoặc như cô Billington, khiêu vũ giỏi chẳng thua gì Hillisberg hoặc Parisot, thêu thùa khéo léo và phát âm thì đúng giọng như trong từ điển, cô còn rất

tốt bụng, luôn luôn tươi tỉnh dịu dàng, thùy mị và rộng lượng. Con người ấy ai đến gần cũng phải mến; từ chính bà Minerva trở xuống cho tới cô gái nghèo giữ việc bếp núc trong trường, cũng như cô gái con bà bán bánh quả chột mắt vẫn được phép mang hàng đến bán cho các cô tiểu thư ngụ học ở Mall mỗi tuần lễ một lần. Trong số hai mươi bốn nữ sinh lưu trú tại trường, cô Sedley có tới mười hai người bạn tâm tình chí thiết. Ngay cả cái bà Briggs vốn hay ghen ghét kia cũng không hề bao giờ nói xấu cô điều gì. Cả cô Saltire, con người cao kỳ và có thế lực (cháu gái bá tước Dexter), cũng đã công nhận rằng cô có bộ mặt thật đáng yêu. Còn như cái cô Swartz, người lai da đen sinh ở St. Kitt, tóc xoăn tít như lông cừu và rất giàu có ấy thì đã khóc sướt mướt hôm Amelia từ biệt nhà trường, đến nỗi người ta phải đi mời bác sĩ Floss đến chữa; ông này cho ngửi nước đái quỷ nhiều quá, xuýt nữa cô ta tắc thở. Sự quyến luyến của bà Pinkerton thì biểu lộ ra một cách điềm đạm và nghiêm trang, ta cứ đoán ra cũng rõ, do cương vị cao quý và những đức tính nổi bật của bà. Riêng cô Jemima đã nhiều lần tấm tức khóc mỗi lúc nghĩ đến việc Amelia ra đi; giá không vì sợ bà chị thì chắc cô ta đã khóc lóc đến là thảm thiết như cô gái triệu phú ở St. Kitt (cô này trả tiền học gấp đôi người khác). Nói cho đúng thì chỉ có bọn học sinh lưu trú mới có điều kiện xa xỉ trong sự sầu

não như vậy. Cô Jemima chân thực kia còn bận quán xuyến bao nhiêu việc, nào là giấy má, nào là quét tước, khâu vá, rồi lại còn làm pa-tê, dọn bát đĩa, và trông coi người làm nữa. Nhưng nói đến cô ta làm gì? Có lẽ từ lúc này trở đi, chúng ta cũng chẳng còn bao giờ được nghe nhắc đến cô ta nữa đâu; và khi đôi cánh cổng sắt có chấn song hoa của nhà trường đã khép lại thì cô và cả bà chị ghê gớm của cô cũng thôi không còn xuất hiện lại trong cái thế giới nhỏ mọn của cuốn truyện này nữa.

Song bởi lẽ chúng ta còn gặp lại Amelia nhiều lần, nên ngay từ giờ phút quen thuộc đầu tiên này, nói ngay rằng cô thật là một cô em đáng yêu cũng chẳng có hại gì. Trong cuộc đời cũng như trong tiểu thuyết, (đặc biệt là trong tiểu thuyết) ta thường gặp những tên đốn mạt vào loại tồi tệ nhất; có được một người bạn đồng hành lúc nào cũng ở bên mình, mà lại là một người trong trắng và tốt bụng như thế là một nhân vật chính nên cũng không cần phải miêu tả hình dáng cô làm gì; thực ra thì tôi cũng e rằng mũi cô có phần hơi ngắn, còn má thì, nếu cô là một nhân vật chính, như vậy cũng khí tròn quá và đỏ quá[23]. Song được cái mặt cô lúc nào cũng tươi, nước da hồng hào khỏe mạnh, miệng cô luôn luôn nở một nụ cười duyên dáng nhất. Cô lại có đôi mắt sáng long lanh đầy tinh thần yêu đời, dĩ nhiên trừ trường hợp

mắt cô đẫm lệ, mà cô cũng hay khóc lắm. Cái cô thiếu nữ vớ vẩn này thấy một con chim hoàng oanh chết cũng khóc, mà thấy một con chuột đột nhiên bị mèo vồ chết, cũng chảy nước mắt được; cô khóc cả khi đọc đoạn kết thúc một cuốn truyện, dẫu rằng đoạn kết rất ngớ ngẩn… Còn như nặng lời với cô – giả thử có người nào nhẫn tâm mà làm như vậy – thì quả thật là tồi tệ, nói làm gì đến họ.

Ngay cả bà Pinkerton, người đàn bà khắc khổ trông như một vị thần ấy cũng chỉ rầy la cô một lần rồi thôi hẳn.

Tuy bà chẳng hiểu thế nào là sự mủi lòng cũng như bà mù tịt đối với khoa đại học, bà cũng ra lệnh đặc biệt cho tất cả các thầy giáo cô giáo trong trường phải đối đãi với cô Sedley một cách cực kỳ nhẹ nhàng, dường như sự phũ phàng trong cách cư xử là một điều sỉ nhục đối với cô.

Cho nên đến ngày chia tay, cô Sedley rất bối rối; giữa hai thói quen hay khóc và hay cười, cô không biết nên chọn đằng nào. Được về với gia đình cô cũng thích, nhưng phải từ biệt nhà trường cô cũng vô cùng sầu khổ. Đã từ ba hôm trước, em bé Laura Martin, một em bé mồ côi, cứ luẩn quẩn đi theo cô như một con chó nhỏ. Cô đã phải trao và phải nhận quà tặng ít nhất là mười bốn

lần, lại đã phải trịnh trọng hứa mười bốn lần rằng sẽ viết thư hàng tuần đều đều. Cô Saltire bảo thế này: "Viết thư cho em thì cứ đề ngoài bì gửi cho ông nội em là bá tước Dexter tiên sinh nhé" (thực ra gia đình cô này cũng xác xơ chứ có gì đâu). Còn cô Swartz, cô thiếu nữ tính tình sôi nổi, tóc xoăn tít như lông cừu nhưng rất rộng lượng và thân thiết ấy, thì bảo bạn: "Đừng có ngại tiền tem, ngày nào cũng phải viết thư cho em đấy". Em bé mồ côi Laura Martin (em hãy còn đang tập viết tô) thì cứ nắm lấy tay cô bạn lớn tuổi, tha thiết nhìn vào mặt cô mà nói: "Chị Amelia ơi, bao giờ em viết thư cho chị, em sẽ gọi chị là "má" nhé. Nhất định anh chàng Jones, khi đọc cuốn sách này ở câu lạc bộ của anh ta, thế nào cũng tuyên bố rằng những chuyện vừa kể trên chẳng qua là những chuyện cực kỳ ngớ ngẩn tầm thường, vô vị, và tình cảm một cách quá đáng. Phải, ngay phút này, tôi cũng đã cụ thể nhìn thấy Jones (mặt hắn gần đỏ tía lên trước một tảng thịt cừu và một nửa chai rượu vang) đang rút bút chì ra gạch dưới mấy chữ "ngớ ngẩn, vô vị" v… v… rồi lại còn thêm ý kiến riêng "đúng vô cùng". Phải lắm, hắn là một thiên tài kiêu kỳ, chỉ quen kính trọng những cái gì là lớn lao và anh hùng trong cuộc đời cũng như trong tiểu thuyết; thôi thì tốt nhất là biết hắn vậy, và đi chỗ khác.

Vậy thì nào hoa, nào tặng vật, và hòm xiểng, rồi hộp mũ, tất cả đồ đạc của cô Sedley đều đã được bác Sambo xếp cẩn thận lên xe rồi; cả một cái va ly bé tý xíu bằng da bò cũ, mưa nắng đã dãi dầu, trên có ghim cẩn thận một mảnh bìa ghi tên cô Sharp. Sambo tay sách chiếc va ly cứ nhăn răng ra mà cười mãi; bác xà ích lúc buộc lại nó cũng có một nụ cười mỉa mai đồng lõa… Giờ khởi hành đã đến. Nỗi đau đớn của phút ly biệt cũng giảm được nhiều phần, nhờ có bài diễn văn đáng phục của bà Pinkerton thuyết cho cô học trò nghe. Không phải vì bài diễn văn chia tay đã khiến cô Amelia đâm ra triết lý, hoặc nó đã có tác dụng làm cho cô có thái độ bình thản tức là kết quả của sự suy luận, nhưng vì bài diễn văn buồn, và kêu, và tẻ nhạt một cách không thể thương được, và chính vì nỗi sợ hãi bà giáo vẫn còn lù lù trước mắt nên đối diện với bà, cô Sedley không dám liều lĩnh để cho nỗi đau buồn riêng của mình được phát lộ ra một tý nào. Cũng như mọi dịp long trọng khác, mỗi khi có phụ huynh học sinh đến thăm trường, người ta đã dọn trong phòng khách một cái bánh mạch nha và một chai rượu vang. Mỗi người ăn một miếng bánh; cô Sedley bắt đầu được tự do lên đường.

- Becky, em vào trong nhà chào bà Pinkerton đã chứ.

Cô Jemima bảo với một cô thiếu nữ đang đi xuống

cầu thang gác như vậy. Cô này ôm trong tay chiếc hộp đựng đồ dùng của chính mình: chẳng ai buồn để ý đến cô ta. Cô Jemima rất ngạc nhiên thấy cô Sharp thản nhiên đáp lại rằng:

- Có lẽ cũng phải thế thật.

Sau khi cô Jemima đã gõ cửa và được phép vào thì cô Sharp tiến lên, dáng điệu rất ung dung, nói bằng tiếng Pháp thật đúng giọng: "Thưa bà, tôi đến để từ biệt bà"[24].

Bà Pinkerton không hiểu tiếng Pháp; bà chỉ điều khiển những người biết tiếng Pháp thôi. Nhưng bà cắn môi lại, ngẩng cao một cái mặt đáng khinh có cái mũi La-mã lên (trên đầu bà lại quấn một tấm khăn to tướng nom rất long trọng nữa) và đáp: "Cô Sharp, xin chào cô". Bà Hammersmith Semiramis vừa nói vừa giơ một bàn tay lên vẫy để tỏ ý từ biệt, và cũng là để cho cô Sharp có dịp nắm lấy một ngón tay của bà giơ ra cốt cho cô được bắt.

Nhưng cô Sharp chỉ chắp hai tay lại, mỉm cười cúi chào một cách lạnh lùng: rõ ràng cô không chịu nhận cái vinh dự nói trên. Bà Semiramis thấy vậy tức giận quá sức, nguẩy đầu hất mạnh chiếc khăn một cái. Quả thấy đây là một cuộc chiến tranh nho nhỏ giữa cô con gái và

bà già, mà bà già đã bị thất trận. Bà ôm lấy Amelia hôn mà nói: "Con ơi, cầu thượng đế ban phúc lành cho con", đồng thời qua vai cô này, bà cau mặt lại nhìn cô Sharp. "Thôi đi đi, Becky". Cô Jemima hãi quá, vừa nói vừa kéo cô gái đi ra ngoài; và cánh cửa phòng khách mãi mãi đóng lại sau lưng họ.

Rồi thì tiếp theo là cuộc chia tay ồn ào ở dưới sân; lời nói khôn tả xiết. Tất cả gia nhân đều tập trung trong gian nhà lớn… Tất cả những bè bạn thân thiết… tất cả các cô tiểu thư… và cả ông giáo dạy khoa khiêu vũ vừa mới đến xong. Thế rồi, nào là ôm ghì lấy nhau, nào là hôn hít, rồi thì khóc lóc, cứ túi bụi lên; lại còn những tiếng "hực, hức" thảm thiết vẳng ra từ trong căn phòng riêng của Swartz, cô học sinh lưu trú nữa. Thật không bút nào tả xiết; mà có viết ra thì người có tâm hồn đa cảm cũng không đành lòng mà đọc cho được. Vậy là xong cuộc ôm hôn từ biệt; họ chia tay nhau… nghĩa là cô Sedley chia tay cùng các bạn cô.

Riêng cô Sharp đã nín lặng chui vào trong xe từ mấy phút trước. Chẳng một ai buồn khóc vì phải từ giã cô này.

Bác Sambo chân vòng kiềng sập cửa xe đánh thình một cái sau lưng cô chủ đang khóc sướt mướt, rồi nhảy phốc lên đứng sau xe.

- Dừng lại đã!

Cô Jemima vừa kêu lên vừa chạy bổ ra cổng, tay cầm một gói nhỏ. Cô bảo với Amelia:

- Em yêu quý ơi, đây là mấy cái bánh *xăng-uých*; em cầm lấy đi đường đói thì ăn. Còn Becky, này Becky Sharp, đây là quyển sách tặng em, mà chị tôi… nghĩa là tôi… quyển từ điển Johnson ấy mà, em biết rồi chứ; em không thể từ biệt chúng tôi mà không được tặng quyển sách này. Thôi, tạm biệt nhé. Xà ích, đánh xe đi. Cầu chúa che chở cho các em!

Đoạn người thiếu nữ tốt bụng ấy lùi vào trong vườn, lòng dạt dào vì quá xúc động.

Nhưng kìa! Bác xà ích vừa đánh xe đi thì cô Sharp ló bộ mặt nhợt nhạt ra cửa sổ xe, quăng trả cuốn sách vào trong vườn.

Cô Jemima thấy thế xuýt chết ngất vì sợ hãi. Cô nói:

- Chao ôi? Chưa bao giờ tôi… gớm, mới táo bạo làm sao chứ!

Cô bị xúc động mạnh quá, không nói hết được ý cả hai câu trên. Chiếc xe bon bon chạy đi; hai cánh cổng lớn đóng chặt lại. Tiếng chuông reo vang báo hiệu bài học khiêu vũ bắt đầu. Cả cuộc đời đang mở rộng trước mặt hai cô thiếu nữ; và thế là vĩnh biệt Chiswick Mall.

CHƯƠNG II
SHARP VÀ AMELIA
CHUẨN BỊ MỞ CUỘC TẤN CÔNG

Lúc đã thực hiện xong hành động dũng cảm vừa nói trong chương 1, và đã nhìn rõ cuốn từ điển văng qua bờ hè bao quanh khu vườn nhỏ rơi ngay dưới chân Jemima làm cho cô này đờ người ra, thì vẻ mặt cô Sharp có hơi đổi khác: lúc trước mặt cô tái nhợt đi vì căm tức, bây giờ cô thoáng nở một nụ cười, song nụ cười ấy cũng chẳng tươi tỉnh hơn mấy. Cô ngồi phịch xuống đệm xe, cảm thấy tâm hồn thư thái, rồi nói:

- Cho đáng kiếp cuốn từ điển. Lạy chúa; thật may mà mình thoát khỏi Chiswick.

Trước hành vi khiêu khích vừa qua, cô Jemima bị xúc động mạnh thế nào thì cô Sedley hầu như cũng bị xúc động như vậy; ta cứ nghĩ xem, cô vừa mới rời khỏi nhà trường được có một phút, mà mới trong một phút thì làm sao bao nhiêu kỷ niệm ghi lại qua suốt sáu năm trời đã mất ngay được. Không những thế, đối với một số người thì những nỗi lo âu sợ hãi của tuổi hoa niên cứ vĩnh viễn tồn tại. Thí dụ, tôi có quen một ông già đáng kính đã sáu mươi tám tuổi; một buổi sáng, cùng ngồi ăn với nhau, ông cụ dáng điệu rất bồi hồi xúc động nói với

tôi rằng:

- Ông ạ, đêm qua, tôi nằm mê thấy bị ông giáo Raine đánh cho một trận đòn.

Thì ra đêm hôm ấy trí tưởng tưởng đã đem ông lão sống lùi lại quá khứ những năm mươi lăm năm. Mãi đến bây giờ, đã sáu mươi tám tuổi đầu, ông lão vẫn còn sợ ông giáo Raine và cái roi y như hồi còn bé mới mười ba tuổi. Giả sử bây giờ, lúc ông lão đã sáu mươi tám tuổi, mà ông giáo kia lại hiện lên bằng xương bằng thịt, tay cầm cây roi to tướng, mà quát ông lão với cái giọng ghê gớm thế này: "Thằng kia, chìa mông ra đây…" nhỉ. Cho nên, cô Sedley thấy cái hành vi bất phục tòng kia mà kinh hãi quá. Cô ngồi yên lặng một lúc, cuối cùng hỏi bạn:

- Rebecca, sao chị có thể làm thế được?

Rebecca cười đáp lại:

- Thế nào, chị cho rằng bà Pinkerton sẽ xuất hiện và ra lệnh cho em phải quay lại cái ngục tối ấy chăng?

- Không phải thế, nhưng…

Cô Sharp vẫn có vẻ giận dữ nói tiếp:

- Em thù ghét cả cái nhà ấy; em ước gì không bao giờ còn phải nhìn thấy nó nữa. Em cầu cho nó bị chìm

xuống tận đáy sông Thames, thật đấy. Mà nếu bà Pinkerton có chết đuối dưới sông, em cũng không thèm vớt đâu. Chao ôi! Em mà được nhìn thấy bà ta nổi lềnh bềnh trên dòng sông kia kìa, đủ cả khăn áo lệ bộ và cái mũi lõ của bà ta chõ lên trời như mũi tầu ấy, thì thú vị biết mấy!

- Xuỵt! Cô Sedley vội kêu.

Cô Rebecca vừa cười, vừa nói:

- Làm sao, chị sợ thằng hầu da đen này mách lẻo à? Cho nó về thách bà Pinkerton rằng em ghét bà ấy như đào đất đổ đi: em cầu cho nó mách; em còn ước sao có dịp cho bà ấy rõ sự thù ghét của em nữa cơ. Hai năm nay, đối với em, bà ấy chỉ có một thái độ khinh miệt, sỉ nhục. Bà ấy cư xử với em còn tệ hơn đối với bất cứ một con ở nào coi việc bếp núc. Ngoài chị ra, thử hỏi có ai là người coi em như bạn, có ai nói với em một lời tử tế. Em bị phân công chăm sóc đám con gái nhỏ học lớp dưới, và chuyên tập cho bọn lớn tuổi nói tiếng Pháp, đến nỗi em thành phát ngấy tiếng mẹ đẻ. Mà này, nói tiếng Pháp với bà Pinkerton thì thật là một trò khôi hài, có phải không? Tiếng Pháp bà ấy không biết lấy một chữ bẻ làm đôi, nhưng lại kiêu ngạo không chịu thú nhận. Em tin chắc chính vì vậy mà bà ta tống cổ em đi. Thôi, cũng cảm ơn Thượng đế vì em biết tiếng Pháp. *"Nước Pháp*

vạn tuế! Hoàng đế vạn tuế! Bonaparte vạn tuế”[25].

Cô Sedley lại kêu lên:

- Kìa Rebecca, Rebecca! Nói năng mới liều lĩnh chứ!

Quả thật từ trước tới nay, chưa bao giờ Rebecca ăn nói bậy bạ đến như vậy; vì hồi ấy, ở nước Anh ai nói “Bonaparte vạn tuế” thì cũng chẳng khác gì nói “Lucifer[26] vạn tuế”.

- Sao chị có thể… sao chị lại dám có những ý nghĩ trả thù xấu xa như thế?

- Sự trả thù có thể là xấu xa thật đấy, nhưng cũng là điều tự nhiên thôi. Em có phải là thiên thần đâu.

Mà nói cho đúng sự thực thì quả thật cô ta không phải là thiên thần. Qua câu chuyện ngắn ngủi hai người trao đổi với nhau trong khi chiếc xe ngựa lười biếng lăn bánh dọc theo bờ sông, ta thấy rằng có hai lần Rebecca cảm tạ Chúa trời; song lần thứ nhất, là vì Chúa trời đã giúp cô thoát khỏi tay mấy kẻ cô ghét cay ghét đắng! Và lần thứ nhì, là vì Chúa trời đã giúp cô làm cho kẻ thù của cô phải phần nào bối rối, lúng túng. Cả hai điều ấy không phải là những lý do đúng đắn để cảm tạ Chúa trời; mà những con người tính tình dịu dàng hiền hòa cũng không suy nghĩ thế. Vậy thì Rebecca chẳng hiền hòa, dịu dàng một chút xíu nào hết. Cô gái chán đời trẻ măng này

bảo rằng cả loài người hành hạ cô; nhưng ta có thể tin chắc rằng kẻ nào bị cả loài người đối xử không ra gì, nhất định hoàn toàn xứng đáng với cách đối đãi như vậy. Cuộc đời là một tấm gương soi, nó phản chiếu lại chính bộ mặt của bất cứ kẻ nào ngó vào. Cau mặt với nó, nó sẽ cau mặt giả với ta ngay; và cười với nó, nó lại sẽ thành ngay người bạn vui tính tốt bụng của ta; các bạn thanh niên hãy xem đó mà lựa chọn. Có điều chắc chắn rằng nếu cả thế giới bỏ quên cô Sharp, thì cũng chưa hề bao giờ cô ta làm tốt điều gì cho ai. Ta cũng không thể mong có được hai mươi bốn cô thiếu nữ đều đáng yêu như nhân vật chính trong tập truyện này là cô Sedley (sở dĩ chọn cô này làm nhân vật chính, cũng vì cô tốt nết hơn cả; nếu không, có cái quái gì trên đời nào ngăn cấm chúng ta chọn cô Swartz, cô Crump hoặc cô Hopkins làm nhân vật chính?); không thể hy vọng rằng người đời ai cũng có được tính tình dịu dàng, khả ái như Amelia Sedley, ai cũng tìm mọi dịp khuất phục cái tính tàn nhẫn, hay cáu bẳn của Rebecca, và cũng biết dùng muôn vàn lời lẽ phải chăng và hành vi tốt đẹp mà vượt trên thái độ thù ghét loài người của cô này, dù là chỉ một lần.

Bố Rebecca là một họa sĩ, dạy vẽ trong trường của bà Pinkerton. Ông ta là một người thông minh, một người bạn vui vẻ, một ông vô tâm, hay mang công mắc nợ, và

rất mê các tửu quán. Nốc rượu say, ông ta hay đánh vợ đánh con; rồi sớm hôm sau, đầu nhức như búa bổ, ông ta lại chửi vung lên rằng thiên hạ không biết trọng thiên tài, và xỉ vả cái bọn khốn nạn, tức là cái bọn đồng nghiệp họa sĩ của ông, một cách khá sáng suốt và nhiều khi rất là có lý. Ông ta sống một cách chật vật ở thị trấn Soho; nội một dặm quanh thị trấn này, ông ta mắc nợ tất cả mọi người. Vì vậy, ông ta bèn nghĩ rằng hoàn cảnh của mình thế này thì cưới phăng một người đàn bà Pháp trẻ tuổi làm vợ là tốt nhất; người này vốn làm nghề vũ nữ. Không bao giờ cô Sharp đả động đến cái nghề nghiệp hèn hạ của mẹ mình; trái lại, cô luôn luôn tuyên bố rằng cái bà hay "nhảy đập chân"[27] kia thuộc một dòng họ quý tộc vùng Gascony, và lấy làm hãnh diện hết sức vì được là con cháu dòng dõi đó.

Mà quái lạ thay, Rebecca càng lớn lên, thì các tổ tiên của cô cũng càng được tôn thêm về địa vị xã hội và về tiếng tăm.

Mẹ cô Rebecca cũng có được thụ hưởng một nền giáo dục nào đó ở đâu không biết; con gái bà nói tiếng Pháp rất đúng giọng, y như dân thành Paris vậy. Thời ấy điều này hầu như là một tài năng hiếm hoi; nhờ vậy, Rebecca được cái bà Pinkerton có tư tưởng bảo thủ kia mượn giúp việc.

Mẹ vừa chết, bố Rebecca lại bị bệnh tửu cuồng tấn công lần thứ ba; yên trí mình không thể qua khỏi được, ông ta bèn viết một bức thư lời lẽ thật thiết tha cảm động gửi cho bà Pinkerton, nhờ bà che chở cho con gái. Rồi ông ta nằm xuống mộ, sau khi đã bị hai viên mõ tòa cãi lộn nhau trên thi thể mình. Đặt chân vào Chiswick, Rebecca vừa tròn mười bảy tuổi; cô được theo chế độ lưu học sinh, được hưởng học bổng; nhiệm vụ của Rebecca là nói tiếng Pháp, như ta đã rõ; còn quyền lợi của cô là khỏi phải trả tiền; hàng năm lại được cấp thêm vài ghi-nê, và được mấy ông giáo dạy trong trường truyền thụ cho ít mảnh kiến thức.

Dáng người Rebecca bé nhỏ, mảnh mai, da tái tái, tóc màu vàng sẫm, mắt hay nhìn xuống; lúc nào Rebecca ngước nhìn lên, hai mắt thật là to, trông kỳ dị và rất hấp dẫn đến nỗi cậu công tử Crisp phải lòng cô chết mệt; cậu này vừa mới tốt nghiệp Oxford đại học đường, giữ chức mục sư dưới quyền cha xứ Chiswick là ngài Flowerdew. Một lần đến giảng đạo ở nhà thờ Chiswick, bị Rebecca ngồi dưới hàng ghế học trò liếc tình cậu Crisp trên bục giảng một cái; lập tức cậu này ngây người ra như mất hồn[28].

Anh chàng thanh niên si tình này thường ngồi hầu trà bà Pinkerton, vì được mẹ giới thiệu với bà. Cậu bèn nhờ

mụ chột mắt bán táo làm bà tơ hồng gửi hộ "*tình thơ nhất bức*", đại khái tỏ ý muốn tính cuộc trăm năm với Rebecca thì phải; bà Crisp được triệu ngay từ Buxton về; bà lập tức đưa cậu con cưng của mình đi chỗ khác. Tuy vậy, mỗi lúc nghĩ rằng cái chuồng chim bồ câu ở Chiswick này mà lại ủ ấp một con diều hâu ghê gớm đến thế, bà Pinkerton cứ thấy sốt cả ruột; giá không vì đã trót bị ràng buộc với Rebecca, bà đã tống cổ cô đi nơi khác rồi; bà cũng không thể hoàn toàn tin lời cô, mặc dầu cô một mực cãi rằng mình chưa hề trao đổi một lời nào với cậu Crisp, trừ hai lần, ngay trước mặt bà nhân khi cùng ngồi uống trà với bà và cậu ấy. Đứng cạnh nhiều cô khác trong trường có vóc người cao lớn, trông Rebecca như một đứa trẻ. Nhưng cô sớm có cái già dặn, cái từng trải đáng sợ của con nhà nghèo. Sau khi nói chuyện với Rebecca, khối bác chủ nợ của bố cô đành quay về không. Lại có vô số nhà thương gia được cô ta nịnh nọt khéo léo đâm ra vui tính lại đãi thêm một bữa ăn nữa. Thường Rebecca vẫn ngồi cạnh bố khi có khách – thấy con gái thông minh, ông bố lấy làm hãnh diện lắm – nên cô được nghe đủ mọi thứ chuyện của những vị khách "bừa bãi" này, hầu hết là những chuyện con gái không nên để lọt vào tai. Bởi thế Rebecca vẫn nói rằng mình chưa hề bao giờ là con gái, ngay khi mới lên tám tuổi đã là đàn bà rồi. Ôi chao, sao bà Pinkerton lại để cho

một con chim nguy hiểm như thế lọt vào cái lồng của mình nhỉ?

Số là những khi bố Rebecca đưa cô đến Chiswick, bà giáo già yên trí cô là một thiếu nữ dịu dàng nhất thế giới, vì những bận ấy cô đóng vai một *cô gái ngây thơ*[29] khéo quá. Và chỉ mới có một năm trước ngày Rebecca được nhập trường, nhân cô vừa tròn mười sáu tuổi, bà Pinkerton bèn long trọng tặng cô một con búp bê, lại kèm theo cả một bài diễn văn ngắn. Thực ra, bà tịch thu con búp bê này của cô Swindle vì bà bắt được cô này ru trộm búp bê trong giờ học. Tối hôm ấy, sau buổi họp, hai bố con cô Rebecca tha hồ mà cười với nhau trên đường về nhà (chỉ khi nào có diễn văn thì các ông giáo trong trường mới được triệu tập tới dự đông đủ). Giá bà Pinkerton được nom thấy hình ảnh hài hước của chính bà, nghĩa là được thấy Rebecca làm cho con búp bê bắt chước dáng điệu bà như thế nào, có lẽ bà đến phát điên phát rồ lên vì tức giận mất. Becky vẫn thường giả vờ đối thoại với con búp bê; tại các phố Newman, Gerrard, và ở khu phố của Nghệ Sĩ, người ta thích thưởng thức cái trò vui ấy lắm lắm. Mấy anh chàng họa sĩ trẻ tuổi mỗi khi đến "nhậu nhẹt" với bậc đàn anh lười biếng, phóng đãng, song thông minh và vui tính của họ, lại hỏi thăm Rebecca rằng bà Pinkerton có nhà hay không; bà trở

thành quen thuộc quá đối với họ, y như ông Lawrence hay Tổng thống West; khổ thân bà quá! Một lần Rebecca có hân hạnh được đến Chiswick chơi mấy ngày; lúc trở về nhà, cô đem theo cô Jemima, nghĩa là một con búp bê khác mà cô gọi là Jemy. Lúc chia tay, cái cô Jemima thực thà này đã tự tay làm và tặng Rebecca một số bánh ngọt và mứt đủ cho đến ba đứa trẻ ăn, lại cho thêm một đồng bảy siling, song tính ưa giễu cợt của Rebecca vẫn mạnh hơn lòng biết ơn; thế là cô em cũng bị hy sinh như bà chị.

Sau khi bố chết, Rebecca bị đưa về Mall ăn học. Ở đây phải phục tùng nguyên tắc cứng nhắc, cô thấy như bị nghẹt thở, bữa ăn phải cầu kinh, rồi giờ nào học, giờ nào đi chơi đều có quy định chung rõ ràng dứt khoát; cô cảm thấy hầu như không thể chịu đựng nổi nữa; cô nhớ tiếc cuộc sống trong cái xưởng vẽ ngày xưa ở Soho quá; hồi ấy tuy nghèo sơ xác nhưng thật tự do; đến nỗi tất cả mọi người, kể cả bản thân Becky nữa, đều tưởng rằng cô đang rầu rĩ gày mòn đi vì thương nhớ bố. Đêm đến, bọn đầy tớ gái thường nghe tiếng cô đi lại, khóc thút thít trong căn phòng riêng bé tý ở nhà dưới: nhưng cô khóc vì tức giận, chứ không phải vì buồn phiền. Trước kia cô cũng không khéo giả vờ lắm, nhưng bây giờ sự cô độc đã dạy cô giả dối rất tài.

Chưa bao giờ cô được gần gũi giới phụ nữ. Bố cô có nhiều tật xấu nhưng lại có tài; so với đám đàn bà con gái cô gặp ở đây thì câu chuyện của ông ta nghe thú vị hơn gấp nghìn lần. Thói phô trương trịnh trọng của bà hiệu trưởng già, tính vui vẻ nhưng ngớ ngẩn của cô em bà, những câu chuyện vớ vẩn và thói ngồi lê đôi mách của các cô học trò lớn, rồi cả cái điệu bộ đạo mạo cứng nhắc của mấy bà giáo… cô thấy khó chịu vì tất cả những chuyện ấy quá. Cô gái không may này lại cũng không có tâm hồn dịu dàng của một người mẹ, thành ra những tiếng trò chuyện ríu rít của bầy trẻ con mà cô có nhiệm vụ săn sóc cũng không thể khiến cô chú ý và an ủi được cô một phần nào. Tuy vậy cô cũng đã sống chung cùng họ hai năm trời; khi cô ra đi, chẳng một ai lấy điều đó làm phiền lòng. Riêng đối với Amelia Sedley, người thiếu nữ có tâm hồn dịu dàng kia, cô còn thấy gắn bó đôi chút; ai mà cảm thấy mình không gắn bó với Amelia cho được? Thấy các cô gái trẻ sống chung có hạnh phúc hơn mình, nhiều phen Rebecca uất lên vì ghen tức. Rebecca gièm một cô thế này: nó cậy mình là cháu ông bá tước, làm bộ làm tịch quá. Thiên hạ còng lưng xuống mà lạy con bé lai đen kia, chẳng qua vì nó có số vốn mười vạn đồng bảng? Mình còn thông minh gấp nghìn lần; lại xinh đẹp hơn nó; giầu có mà làm gì! So với cháu gái ông bá tước, mình có thua kém về mặt

giáo dục đâu. Dòng với chả dõi?

Thế mà ở đây thiên hạ chả thèm để ý gì đến mình. Hồi mình còn ở nhà với bố, bọn đàn ông chẳng đã bỏ cả những cuộc hội họp khiêu vũ vui vẻ nhất cốt được gần mình một buổi tối là gì?

Thế là cô quyết định phải thoát khỏi chốn lao tù này bằng bất cứ cách nào; bây giờ phải bắt đầu hành động ngay cho quyền lợi của bản thân mình; lần đầu tiên Rebecca lập những chương trình xây dựng tương lai.

Vì vậy, cô hết sức lợi dụng những điều kiện học tập trong nhà trường; vốn đã có sẵn khả năng về môn âm nhạc và tiếng Pháp, nên cô tiến bộ rất nhanh trong khóa học ngắn ngủi thời đó coi như cần thiết cho những thiếu nữ con nhà dòng dõi. Cô tập âm nhạc rất chuyên cần. Một hôm, các bạn học đi chợ hết, riêng mình Rebecca ở lại nhà.

Nghe thấy cô chơi một bài nhạc hay quá, bà Minerva khôn ngoan tính toán ngay rằng có thể hà tiện món tiền thuê ông giáo dạy nhạc cho đám học trò bé được đấy, nên bảo bà riêng cô Sharp rằng từ nay trở đi cô sẽ dạy chúng về khoa âm nhạc.

Lần đầu tiên cô gái dám không tuân lệnh trên khiến cho bà hiệu trưởng ngạc nhiên quá. Rebecca nói thẳng:

- Bà mướn tôi để nói tiếng Pháp cho bọn trò nhỏ nghe, chứ không phải để dạy chúng âm nhạc và tiết kiệm hộ bà. Muốn tôi dạy chúng, bà trả tôi thêm tiền.

Bà Minerva đành chịu thua: dĩ nhiên từ bữa ấy, bà ghét cay ghét đắng Rebecca. Bà nói một cách rất có lý rằng: "Ba mươi lăm năm nay, lần này tôi mới có kẻ dám cưỡng lại quyền tôi ngay trong nhà này. Thì ra tôi nuôi ong tay áo"[30].

Nghe bà lão đang suýt chết ngất vì ngạc nhiên nói vậy, cô Sharp đáp:

- "Nuôi ong tay áo…" lạ nhỉ? Bà nuôi tôi vì tôi được việc cho bà. Giữa bà và tôi, không làm gì có chuyện ơn huệ. Tôi thù ghét nơi này, tôi chỉ muốn đi chỗ khác. Ở đây tôi chỉ làm những việc gì tôi bắt buộc phải làm thôi.

Bà già hỏi lại cô ta rằng cô biết là đang nói với bà Pinkerton không; cũng vô ích. Rebecca cười vào giữa mặt bà lão; cái cười mỉa mai độc địa một cách đáng sợ, khiến bà hiệu trưởng suýt nữa phát điên. Cô nói:

- Bà hãy trả tiền công rồi cứ tống khứ tôi đi cũng được. Hoặc bà kiếm cho tôi một chân dạy trẻ trong một gia đình quyền quý nào đó, tùy ý bà.

Rồi cứ mỗi khi hai người cãi cọ nhau cô lại nói:

- Bà tìm việc làm cho tôi đi… tôi với bà chẳng ưa gì nhau đâu; tôi sẵn sàng rời bỏ nơi này.

Dẫu bà Pinkerton đáng kính có cái mũi La mã, lại đội cả khăn, vóc dáng to béo như một cái chum và từ xưa đến nay vẫn được coi như một bà hoàng không ai dám cưỡng lại, nhưng bà cũng không có đủ sức mạnh ý chí bằng cô gái bé nhỏ tập sự này. Chống lại cô hoặc muốn uy hiếp cô ư? Vô hiệu. Một lần bà định tâm mắng cô trước mặt mọi người, liền bị Rebecca tấn công lại bằng cách dùng tiếng Pháp trả lời; thế là bà lão thất bại to. Vậy rõ ràng muốn duy trì uy quyền của mình trong trường, nhất định phải tống cái quân phiến loạn, cái con quỷ cái, cái con rắn độc, cái quân quấy rối này đi nơi khác mới xong. Nghe nói gia đình tôn ông Pitt Crawley hồi này đang cần một người dạy trẻ, bà bèn giới thiệu ngay cô Sharp đến đảm nhiệm việc đó, mặc dầu cô là con rắn độc, là đồ quấy rối.

Bà nói:

- Quả thực, tôi không thể thấy cô Sharp có lỗi gì trong cách ăn ở, trừ đối với riêng tôi. Tôi phải công nhận rằng cô là người có tài năng đáng chú ý. Cô ta đi làm ở đâu rồi cũng sẽ gây được tín nhiệm cho phương pháp giáo dục của trường tôi.

Nhân việc giới thiệu này, bà hiệu trưởng đã làm lành

với chính lương tâm mình. Thế là tờ hợp đồng bị hủy bỏ, và cô giáo tập sự được tự do. Cuộc đấu tranh vừa tả ở trên bằng một vài dòng, trong thực tế đã diễn ra suốt vài tháng trời. Cô Sedley bây giờ đã mười bảy tuổi, cũng sắp sửa ra trường; cô lại là bạn thân của Sharp. Bà Minerva vẫn nói: "Trong cách cư xử của Amelia, chỉ có mỗi điều đó là khiến bà giáo không được hài lòng".

Trước khi Rebecca nhận nhiệm vụ dạy trẻ cho một gia đình tư nhân, cô được Amelia mời về chơi nhà một tuần.

Cuộc đời đã bắt đầu với hai cô thiếu nữ như vậy. Đối với Amelia, cuộc đời hoàn toàn mới mẻ, tươi tắn sáng sủa và vô cùng rực rỡ như hoa xuân. Đối với Rebecca cuộc đời không phải là hoàn toàn mới (Thật vậy, nếu muốn nói cho đúng sự thực về việc cậu Crisp, thì phải nghe lời mụ bán bánh quả. Mụ nói ý với người khác; người này lại cam kết với người khác nữa rằng câu chuyện giữa cậu Crisp và cô Sharp "ở trong còn lắm điều hay" chưa được công bố, rằng lá thư của cậu ấy là để trả lời một lá thư khác). Song về chuyện này, ai có thể nói cho thật đúng sự thực? Tóm lại, nếu Rebecca không phải là mới bắt đầu cuộc đời, thì cô ta đang bắt đầu lại cuộc đời vậy.

Lúc này hai cô thiếu nữ đã đi đến chỗ địa đầu thị trấn Kensington, có gióng gỗ chắn ngang. Một sĩ quan khinh

vệ binh trẻ tuổi phóng ngựa qua, liếc nhìn Amelia tấm tắc khen: "Chao ôi, cô ả đẹp quá!". Amelia nghe tiếng, tuy không quên mất bạn, nhưng cũng chấm khô nước mắt, đỏ ửng mặt lên và thấy lòng hân hoan. Trong khi xe đang lăn bánh đến công viên Russell thì hai cô đang chuyện trò tíu tít về căn phòng khách, về chuyện khi được giới thiệu với khách lạ, các cô thiếu nữ có nên đánh phấn và mặc váy phồng hay không, và không biết Amelia có cái vinh dự lớn lao ấy không: cô biết rằng mình sẽ được đến dự buổi dạ hội ở nhà viên thị trưởng.

Xe về đến nhà, Sambo đỡ Amelia Sedley nhảy xuống, trông cô vui sướng và xinh đẹp như bất cứ một cô thiếu nữ nào của thành phố Luân Đôn rộng lớn này. Sambo và bác xà ích, cả hai đồng ý với nhau về điểm trên; cha mẹ cô cùng toàn thể gia nhân trong nhà cũng thấy như vậy. Họ đứng trong căn phòng lớn, người mỉm cười cúi rạp xuống, người nghiêng đầu chào cô tiểu chủ của họ.

Xin các bạn cứ yên trí rằng Amelia đã dẫn Rebecca đi xem tất cả các gian phòng trong nhà, lại mở mọi ngăn kéo riêng ra cho cô xem đồ vật đựng ở trong, rồi khoe với bạn nào là sách, đàn dương cầm, quần áo, vòng cổ, ghim băng, dây ăng ten và đủ các thứ lặt vặt khác nữa; cô cứ nài Rebecca phải nhận bằng được mấy cái nhẫn bằng bạch mã não và bằng ngọc Thổ-nhĩ-kỳ, cả một tấm

áo bằng "voan" mỏng rất đẹp, lấy cớ rằng tấm áo này bây giờ cô mặc hơi chật mà bạn cô mặc thì vừa xinh; cô lại định tâm xin mẹ cho phép được khoe với bạn tấm khăn san bằng lụa Cashmere trắng của cô, vẫn để dành rất cẩn thận; Joseph anh trai cô đã mua từ Ấn Độ về cho em đã nói rất thành thực rằng: "Có một ông anh trai thực là thú vị". Cô Amelia có tâm hồn hiền hậu dịu dàng thấy Rebecca côi cút trơ trọi giữa cuộc đời, không thân thích không bè bạn, lấy làm động tâm vô cùng, Amelia nói:

- Không sợ trơ trọi đâu, Rebecca ạ. Em sẽ là bạn của chị mãi mãi, em sẽ yêu quý chị như chị em ruột, thật đấy.

- À, nhưng chị có hai bác giầu có nuông chiều chị, muốn gì được nấy; hai bác yêu thương chị, điều này quý báu hơn cả. Ngày trước, cha em chả có gì cho em: suốt đời em chỉ có hai cái áo để mặc thay đổi. Chị lại còn một ông anh, một ông anh thân mến. Chắc chị quý anh ấy lắm nhỉ!

Amelia cười, không đáp.

- Thế nào, chị không quý anh ấy à? Chị bảo rằng ai chị cũng quý cơ mà?

- Dĩ nhiên, có chứ… nhưng…

- Nhưng sao?

- Nhưng hình như anh Joseph không chú ý lắm đến chuyện em có quý anh ấy hay không thì phải. Sau mười năm xa cách, gặp lại nhau, anh ấy chìa hai ngón tay cho em bắt! Anh ấy tốt lắm, nhưng ít khi chuyện trò với em. Có lẽ anh ấy quý cái tẩu của anh ấy hơn cả…

Amelia vội ngừng lại, vì cô nghĩ sao mình lại nói xấu anh mình nhỉ? Rồi tiếp:

- Hồi em còn bé anh ấy đối với em dịu dàng lắm. Khi anh ấy ra đi, em mới lên năm tuổi.

Rebecca hỏi:

- Anh ấy có giầu lắm không? Họ đồn rằng những ông Nabobb[31] ở Ấn Độ lắm của lắm.

- Chắc anh ấy thu hoạch đồng niên cũng lớn.

- Thế chị dâu của chị có đẹp không?

Amelia lại cười đáp:

- Ô, anh Joseph đã lấy vợ đâu.

Hình như cô đã nói chuyện này với Rebecca rồi, nhưng cô bạn trẻ tuổi có vẻ không nhớ ra. Cô nhất định cãi rằng lần này mình đã định bụng đến xem mặt các cháu giai, cháu gái thân yêu của Amelia. Anh Joseph

chưa vợ, thế thì cô bực mình quá, vì cô yên trí rằng Amelia hơi ngạc nhiên thấy tính tình bạn đột nhiên dịu dàng hẳn đi; cô nói:

- Em cứ tưởng chị đã chán ngấy trẻ con hồi ở Chiswick rồi?

Kể ra thì mấy hôm nay cô Sharp chẳng nên tỏ bày những ý kiến mà người ta rất dễ dàng thấy là giả dối thì mới phải. Song ta nên nhớ rằng cô mới mười chín tuổi, chưa quen với nghệ thuật dối trá, con người ngây thơ đáng thương thay! Cô còn đang lấy bản thân mình ra để rút kinh nghiệm trong cuộc sống. Tất cả những câu hỏi tò mò trên, trong thâm tâm cô gái tinh quái này, chỉ có ý nghĩa đơn giản như sau: "Nếu anh Joseph Sedley giầu, lại chưa có vợ, sao mình không lấy quách anh ấy? Mình chỉ ở đây có nửa tháng thật, nhưng cứ thử một tý cũng chẳng sao cơ mà". Thế là trong thâm tâm cô quyết định sẽ thực hiện việc thử thách quý hóa này. Cô bèn ra sức vuốt ve Amelia hơn, khi đeo chiếc vòng hồng mã não, cô hôn nó, thề rằng sẽ không bao giờ, không bao giờ rời bỏ nó. Chuông điểm giờ ăn, cô vòng tay ôm lưng bạn bước xuống thang gác, hệt kiểu những cô thiếu nữ con nhà quyền quý. Đến cửa phòng khách, cô bồi hồi quá, đến nỗi gần như không đủ can đảm bước vào. Cô bảo bạn:

- Chị thân yêu ơi, hãy sờ ngực em xem, sao tim đập

mạnh thế này?

Amelia đáp:

- Không, có đập mạnh đâu. Cứ vào đi, đừng sợ. Ba em quý chị lắm.

CHƯƠNG III
REBECCA TRƯỚC KẺ ĐỊCH

Lúc hai cô thiếu nữ bước vào phòng thì thấy một người đàn ông đang ngồi đọc báo cạnh lò sưởi.

Người này to béo phục phịch mặc quần da nai thuộc, đi ủng cao, cổ áo đính bao nhiêu là đăng-ten che gần đến mũi; anh ta mặc một áo gi-lê có sọc đỏ, và một tấm áo khoác màu xanh da táo, có những chiếc khuy đồng to tướng bằng đồng "cơ-rao", (ấy là lối phục sức buổi sớm theo "mốt" ăn diện của các cậu công tử hồi đó). Thấy hai cô hiện ra, anh chàng vội nhảy bật ra khỏi chiếc ghế bành, mặt mũi đỏ ra, và gần như giấu kín mặt mình trong đám đăng ten đính trên cổ áo. Amelia cười, nắm lấy hai ngón tay anh trai giơ ra nói:

- Em gái của anh đây mà. Em đã trở về nhà thực sự rồi đây nhé; còn đây là bạn em, chị Sharp. Em đã có lần nói chuyện với anh về chị ấy.

Cái đầu trong đám đăng ten vội lắc quầy quậy đáp:

- Có đâu? Bao giờ? Tôi xin thề… nghĩa là… vâng… thưa cô, gớm, trời lạnh quá.

Rồi anh ta vội cúi xuống ra sức mà cời lửa trong lò sưởi, mặc dầu tiết trời đang giữa tháng sáu.

Rebecca thì thầm hơi to với Amelia:

- Anh ấy đẹp trai quá nhỉ?

Amelia đáp:

- Chị thấy thế à? Em bảo với anh ấy nhé?

Sharp vội co người lại, như một con thú rừng sợ hãi nói.

- Ấy chớ, chị thân yêu; đừng đấy.

Lúc trước cô ta đã kính cẩn nghiêng mình chào cậu công tử một cách đúng kiểu gái trinh, đôi mắt e lệ cứ nhất định ngó chăm chăm xuống tấm thảm; không biết sao cô ta lại có dịp nhìn được mặt anh chàng.

Amelia nói với ông anh đang cời lửa:

- Anh ơi, cảm ơn anh cho em đôi khăn san đẹp quá. Có đẹp không, chị Rebecca?

- Ô, đẹp tuyệt trần đời.

Sharp đáp và đưa mắt nhìn từ tấm thảm sang đôi đèn trên lò sưởi.

Joseph vẫn tiếp tục loay hoay kỳ cạch với chiếc que cời và cái gắp than vừa phồng má thổi lửa phù phù, bộ mặt vàng khè không thể nào đỏ ửng hơn được. Cô em gái nói tiếp:

- Anh Joseph ạ, em không tặng anh được những quà đẹp đến thế đâu; nhưng hồi còn ở trường, em đã thêu cho anh một đôi quai đeo quần đẹp lắm cơ.

Ông anh vội kêu lên, vẻ mặt hoảng hốt thực sự.

- Trời ơi! Amelia, em định nói cái gì thế?

Anh chàng nhảy xổ tới với lấy cái dây chuông, lúng túng mãi không nắm được; trông điệu bộ anh chàng hiền lành lại càng thêm vẻ bối rối.

- Lạy chúa, nhìn hộ anh xem chiếc "bớc-ghi"[32] có ngoài cửa không. Không sao đợi được nữa; anh phải đi thôi. Cái thằng hầu khốn nạn. Anh phải đi đây.

Vừa lúc đó ông bố bước vào, vừa đi vừa lúc lắc mấy chiếc chìa khoá, rõ ra kiểu một ông nhà buôn người Anh.

Ông hỏi:

- Emmy, cái gì thế?

- Anh Joseph bảo con xem hộ cái… cái "bớc-ghi" có ngoài cửa không? Cái "bớc-ghi" là cái gì thế, ba?

Ông lão cũng ưa khôi hài đáp:

- Ấy là "cái xe một ngựa".

Nghe bố nói, Joseph cười phá lên. Đang cười gặp

ngay đôi mắt của Sharp, anh chàng tịt mất, y như bị một phát đạn chết đứng.

- Cô này là bạn của con à? Cô Sharp, tôi rất sung sướng được gặp cô. Cô và Emmy đang cãi nhau với Joseph hả; sao nó lại muốn bỏ đi?

Joseph đáp:

- Thưa cha, con đã hứa đi dùng cơm với Bonamy, bạn đồng sự của con.

- Ồ, thôi. Anh đã bảo với mẹ anh rằng anh ăn cơm ở nhà cơ mà?

- Nhưng… ai lại ăn mặc thế này?

- Cô Sharp, thử nhìn nó xem. Có phải nó diện cũng khá bảnh, có thể ăn cơm bất cứ đâu không?

- Dĩ nhiên – cô Sharp nhìn bạn và cả hai cùng phá ra cười làm cho ông già rất thú vị. Thấy câu nói đùa được tán thưởng, ông hỏi tiếp:

- Đã bao giờ cô trông thấy một đôi ủng như thế kia ở trường bà Pinkerton chưa?

Joseph kêu lên:

- Trời đất ơi!

- Đấy, đấy! Tôi đã làm nó phát tức lên đấy. Bà Sedley

thân yêu của tôi ơi, tôi làm mếch lòng con trai bà đây này. Tôi vừa nhắc đến chiếc quần da nai thuộc của nó. Có phải không, cô Sharp. Thôi lại đây Joseph; lại đây làm quen với cô Sharp, rồi chúng ta đi ăn cơm thôi.

- Có món "pi-lô"[33] nấu đúng theo ý thích của anh, ba lại mang về một con cá chim ngon nhất Billingsgate.

- Xuống đi, xuống ăn thôi; anh dẫn cô Sharp xuống nhà. Tôi sẽ đi theo cùng hai cô tiểu thư này đây.

Ông bố nói vậy rồi khoác tay vợ và con gái vui vẻ bước ra khỏi phòng.

Nếu Rebecca Sharp đã quyết định trong thâm tâm phải chiếm bằng được trái tim của anh chàng đẹp trai hộ pháp kia thì, thưa các bà, tôi cho rằng ta không có quyền trách cô; vì tuy rằng nói chung các cô gái trẻ thường giao việc săn chồng cho các bà mẹ phụ trách hộ, và tiến hành một cách kín đáo phải chăng, nhưng ta phải nhớ rằng cô Sharp không có một người bà con nào thương yêu cô và đỡ đần hộ cô trong công việc tế nhị này. Nếu cô không đích thân lo lấy một tấm chồng, thì trong cái thế giới bao la này cũng chẳng có một ai cất hộ cho cô cái gánh lo ấy. Thử hỏi tại sao bọn gái trẻ hay đi lượn phố, nếu không phải vì họ có ước vọng cao quý được làm mẹ? Ai lùa họ tụ tập hàng đàn tại những bể

bơi? Ai bắt họ khiêu vũ đến năm giờ sáng suốt mùa đông? Ai buộc họ phải chúi mũi vào mà tập đàn dương cầm để chơi những bài sonate, phải cầu kỳ học lấy độ bốn bài hát và chịu trả công ông thầy dạy nhạc những một ghi-nê một bài, và nếu họ có đôi cánh tay đẹp, đôi khuỷu tay sạch sẽ thì họ chơi thụ cầm? Ai bắt họ phải chụp những chiếc mũ có đính lông chim lên đầu nếu không phải vì muốn lấy những thứ cung tên vừa kể trên để "hạ" một anh chàng trẻ tuổi "đáng yêu" nào đó? Ai bắt các bậc cha mẹ đáng kính phải cho lật hết thảm, đảo lộn hết trật tự trong nhà và tiêu đến một phần năm số thu hoạch hàng năm vào những bữa tiệc có khiêu vũ và rượu sâm banh ướp đá? Chỉ vì họ thích thế, hoặc chỉ vì họ muốn con cái họ nhảy múa cho vui nhà vui cửa chăng? Xin thưa rằng họ muốn "cưới chồng" cho con gái đấy. Trong thâm tâm bà Sedley thực thà kia cũng đã sắp đặt đến nửa tá kế hoạch hạnh phúc cho cô Amelia của bà. Vậy thì dĩ nhiên cô Rebecca đáng yêu sống trơ trọi của chúng ta cũng phải nỗ lực kiếm cho mình một tấm chồng chứ. Cô cần có ngay một người chồng, còn cấp bách hơn cả bạn cô nữa. Trí tưởng tượng của cô khá phong phú; cô lại đã đọc qua truyện *Nghìn lẻ một đêm* và sách địa lý của Guthrie. Sự thực là trong khi đang mặc áo để dự tiệc, và sau khi đã hỏi Amelia xem anh cô này có giàu không, Rebecca đã xây dựng ngay

một chiếc lâu đài huy hoàng nhất trên bãi cát rồi; trong tòa lâu đài đó cô sẽ là bà chúa, còn đức ông chồng thì đại khái là đóng vai phụ (vì cô cũng chưa nhìn kỹ anh ta, nên mặt anh ta thế nào cũng không thể tưởng tượng cho thực rõ được). Cô đã tự trang sức cho mình bằng đủ mọi thứ khăn san, khăn quấn đầu, vòng cổ bằng kim cương, và cô đã cưỡi trên lưng một con voi để đi thăm viếng ngoại giao viên phó vương Ấn Độ trong tiếng kèn hành khúc của nhạc binh. Những ảo ảnh thần tiên hấp dẫn biết bao? Riêng tuổi trẻ có quyền xây dựng cho ta những ảo ảnh ấy, và ngoài Rebecca, còn biết bao cô cậu trẻ tuổi giàu trí tưởng tượng đã để cho tâm hồn mình bay theo những giấc mộng ban ngày thú vị đó.

Joseph Sedley hơn Amelia những mười hai tuổi. Anh ta tòng sự tại sở hành chánh trong công ty Đông Ấn Độ. Vào khoảng thời gian đang xảy ra câu chuyện này, tên anh ta có ghi trong sổ danh bạ của khu Bengal thuộc Đông Ấn Độ, với tư cách là ủy viên tài phán[34] quận Boggley Wollah; ai cũng biết chức vụ này là một chức vụ đáng kính và tốt bổng. Muốn biết Joseph còn leo lên tận những chức vụ nào cao hơn, mời các bạn hãy giở tài liệu nói trên ra mà tra cứu Quận Boggley Wollah thuộc một vùng phong cảnh đẹp, song heo hút, nhiều đầm lầy và rừng rậm, nổi danh vì người ta hay đến đấy bắn rắn

và nhiều khi gặp cả hổ. Thị trấn Ramgunge có cả một tòa án chỉ cách đó bốn mươi dặm; và xa hơn, khoảng ba mươi dặm nữa, là nơi đồn trú của một đội khinh kỵ binh. Joseph viết thư về kể chuyện với cha mẹ như vậy, khi anh ta nhận nhiệm vụ ủy viên tài phán. Anh ta đã sống khoảng tám năm trời, hoàn toàn trơ trọi giữa nơi phong cảnh kỳ thú này, năm thì mười họa mới gặp một người da trắng, không kể mỗi năm hai lần, khi đội kỵ binh đến để chuyển số thu hoạch của công ty về Calcutta.

May làm sao, hồi này anh ta lại đang đau gan, phải về Âu Châu chữa bệnh. Được về quê cha đất tổ anh ta thích lắm. Ở Luân Đôn, Joseph không sống chung với gia đình, mà thuê nhà riêng như một anh chàng chưa vợ yêu đời.

Trước khi sang Ấn Độ, Joseph còn bé quá chưa được nếm mùi cuộc sống thú vị của một chàng trai thành thị, cho nên khi về nước, anh ta lao vào những thú chơi ấy một cách thật say sưa. Joseph tự mình giong lấy xe khi đi chơi ở công viên, dùng bữa tại những tửu quán sang trọng (hồi ấy câu lạc bộ Đông phương chưa được tổ chức); anh ta thường lui tới các rạp hát theo phong tục đương thời, và mỗi khi đến rạp Opera lại hì hục mặc bằng được chiếc quần chẽn, và đội một chiếc mũ bẻ vành tam giác.

Khi quay về Ấn Độ, và mãi mãi sau này nữa, anh ta thường say sưa kể lại những thú vui trong khoảng thời gian sống ở Anh, và muốn bắt mọi người phải hiểu rằng anh ta và Brummel là hai con hươu đầu đàn thời đó. Song ở đây, Joseph cũng cô độc như ở giữa rừng rậm Boggley Wollah.

Hầu như anh ta chẳng quen thuộc ai ở kinh đô, và nếu không có ông bác sĩ, không có các viên thuốc xanh lè và cái bệnh đau gan làm bạn thì có lẽ anh ta đến chết vì cô độc.

Anh ta lười biếng, hay gắt song cũng *vui tính*[35], và hễ thấy con gái là sợ co rúm người lại. Vì thế thỉnh thoảng anh ta mới lại thăm cha ở khu phố Russell; – ở đấy vui thì vui thật, nhưng những câu nói đùa của ông bố già hay bông lơn thường làm cho anh ta bị chạm tới "*lòng tự ái*"[36]. Thấy mình to béo, Joseph rất lấy làm lo nghĩ; thỉnh thoảng anh ta lại cố tìm mọi cách tống bớt cái đám mỡ thừa trong người, song thói lười biếng, và tính ưa ăn ngon lại sớm thắng ngay những sự cố gắng cải cách con người của anh ta; thế là đâu lại vào đấy; mỗi ngày đủ ba bữa. Chưa bao giờ Joseph ăn mặc cho được ra hồn, nhưng anh ta vất vả vô cùng trong việc trang điểm tấm thân phì nộn của mình, mỗi ngày mất vào đó vô khối thì giờ. Thằng hầu nhờ tủ áo của anh ta

mà làm giàu; bàn rửa mặt của anh ta chất đầy những lọ sáp và nước hoa, y như của một bà già hay làm đỏm. Muốn cho thân thể thon hại, Joseph đã thử dùng đủ mọi thứ dây lưng, áo chẽn được sáng chế ra trong thời đó.

Cũng như đa số các ông béo phị, anh ta thích may áo bó thật khít lấy người, mà phải cắt kiểu nào cho thật trẻ trung, màu sắc phải thật rực rỡ mới được. Chiều đến "lên khung" đâu vào đấy anh ta mới giong xe đi chơi một mình ở tiệm ăn Piazza. Tính Joseph đỏm dáng như con gái, mà có lẽ tại anh ta đỏm dáng như con gái, nên mới sinh ra nhút nhát cũng quá đáng. Nếu Rebecca thắng được anh chàng ngay lúc mới đặt chân vào cuộc đời thì quả thật trí thông minh của cô ta không phải là tầm thường.

Miếng đòn đầu tiên đã tỏ ra vô cùng lợi hại. Khi cô bảo rằng Sedley đẹp trai lắm, cô biết thế nào Amelia cũng nói với mẹ; bà mẹ lại có thể kể với Joseph; biết đâu bà chẳng vui thích vì thấy con trai mình được khen. Bà mẹ nào mà chẳng thế. Giả thử bạn bảo với Sycorax rằng con trai mụ là Caliban[37] đẹp như thiên thần Apollo[38], có nhẽ mụ cũng thích, dù rằng mụ là phù thủy.

Hình như Joseph cũng thoáng nghe thấy thì phải, Rebecca nói khá to – nhất định anh ta có nghe thấy; vốn vẫn tự cho mình là bảnh trai, Joe thấy lời khen ngợi làm

rung động từng thớ thịt trong người, khiến cho nó căng lên vì khoái trá. Song anh ta lại chùn bước ngay vì nghĩ thầm: "Nhỡ cô ả nói xỏ mình thì sao?" Thế là anh ta vội nhảy đến kéo cái dây chuông để chuồn như ta đã biết. Vừa hay, những câu bỡn cợt của bố và những lời năn nỉ của mẹ khiến anh dừng lại chịu ngồi nguyên chỗ cũ.

Joseph dẫn cô thiếu nữ trẻ tuổi xuống gác dùng cơm mà trong bụng cứ phân vân, áy náy; "Không biết có thật cô ta cho mình là đẹp trai không, hay là nói thế để xỏ mình nhỉ?" Đã bảo rằng Joseph Sedley hay làm đỏm như con gái mà lại. Lạy Chúa tôi! Nhưng các cô gái lại đảo ngược câu nói khi khảo chuyện với nhau thế này: "Chị ta hay làm đỏm như một anh đàn ông"; mà họ nói vậy cũng rất có lý.

Đám mày râu chúng ta vốn rất ưa được tán tụng, lại cũng rất cầu kỳ trong cách phục sức, rất kiêu ngạo về những ưu điểm của bản thân, rất quan tâm đến sự hấp dẫn của chính mình, có kém gì bất cứ cô gái đỏm dáng nào trên đời này đâu?

Thế là hai người bước xuống thang gác; mặt Joe đỏ dừ; Rebecca thì tỏ ra rất kín đáo đôi mắt xanh của cô ta cứ nhìn chăm chú xuống đất. Cô ta mặc áo trắng, để lộ đôi vai trần trắng muốt như tuyết đọng; thật là một bức tranh của tuổi thanh xuân, của sự ngây thơ trong trắng

yếu đuối, của sự giản dị kín đáo và trinh bạch. Rebecca nghĩ bụng:

- Mình phải rất điềm tĩnh và phải hết sức chú ý đến Ấn Độ mới được.

Chúng ta biết rằng bà Sedley đã nấu cho con trai một món ca-ry đúng theo sở thích của con. Trong bữa ăn, Rebecca được mời dùng một ít. Cô hỏi:

- Món gì đây nhỉ? Rồi đưa mắt van vỉ nhìn Joseph.

- Tuyệt lắm, má ạ. Ngon chẳng kém gì ca-ry con ăn ở Ấn Độ.

Joseph, mồm đầy những ca-ry mặt đỏ tía vì đã khoan khoái nốc bao nhiêu rượu.

Rebecca bèn nói:

- Ồ, nếu là một món ăn Ấn Độ thì em phải ăn thử một tý mới được. Em tin chắc rằng cái gì của Ấn Độ cũng phải tốt.

Ông cụ Sedley vừa cười vừa bảo:

- Con ơi, tiếp cô Sharp một ít ca-ry.

Lúc trước Rebecca chưa hề đụng đến món này. Ông cụ lại hỏi:

- Cô có thấy tốt như bất cứ thứ gì của Ấn Độ không?

Rebecca đang chết dở vì ớt cay nhưng cũng gượng đáp:

- Thưa, ngon tuyệt.

Joseph thú vị lắm, nói:

- Cô Sharp, dùng thử một chút "chi-ly" xem.

- Món "chi-ly" ạ? Xin vâng.

Rebecca đáp vậy, nhưng mồm vẫn cứ há ra vì cay.

Cô ta nghĩ bụng tên là "chi-ly" thì món ăn này chắc phải hơi lạnh[39], và được tiếp một ít.

- Trông xanh và tươi quá nhỉ.

Vừa nói cô vừa ăn một miếng, không ngờ còn cay hơn ca-ri; không sao chịu đựng được nữa, cô bỏ chiếc đĩa xuống bàn, kêu lên:

- Nước! Lạy Chúa, cho tôi tí nước?

Ông cụ Sedley cười phá ra, (tính ông lão vốn thô kệch, quen như ở Phòng Hối đoái, thích đùa cợt tự do); ông nói:

- Tôi cam đoan với cô, chính cống Ấn Độ đấy. Sambo, lấy nước cho cô Sharp đây.

Joseph cũng cười theo; anh chàng cho trò đùa của cha là rất lý thú. Mấy người đàn bà chỉ hơi mỉm cười. Họ

đang thương hại cô, Rebecca. Thật ra cô này muốn bóp cổ ông lão chết tươi, nhưng cô cố nuốt mối hận như cô đã nuốt món ca-ry ghê gớm lúc nãy. Lúc bắt đầu nói được nên lời, cô ta lấy bộ vui vẻ bảo:

- Tôi lại nhớ đến món ớt nàng Công chúa Ba-tư bỏ vào bánh kem trong truyện "*Nghìn lẻ một đêm*". Ở Ấn Độ anh có cho ớt vào bánh kem không?

Ông cụ Sedley lại cười cho là Rebecca rất vui tính.

Nhưng Joseph chỉ đáp:

- Bánh kem hả cô? Ở Bengal, kem tồi lắm. Thường chúng tôi phải dùng sữa dê; thế mà, cô có biết không, dần dần tôi lại đâm thích cơ đấy.

Ông lão xen vào:

- Cô Sharp, bây giờ thì cô không thích mọi thứ Ấn Độ nữa chứ?

Lúc đám đàn bà con gái đã ra khỏi phòng, ông lão khôn ngoan bảo con trai:

- Này Joe coi chừng. Cô ả đang muốn chài anh đấy.

Joe khoái quá đáp:

- Dào ôi! Làm gì có chuyện ấy. Ba ạ, con còn nhớ ở Dumdum có con gái ông Cutler trong đội pháo binh sau này cô ta lấy lão Lance làm thày thuốc. Năm 1804 lão

này làm cho con và thằng Mulligatawney suýt chết; cái thằng Mulligatawney quỷ sứ mà con nói chuyện với ba trước bữa ăn ấy mà; hắn đang làm quan tòa ở Budgebudge, năm năm nữa thế nào nó cũng vào được Quốc hội. Thật ấy, ba ạ: một lần đội pháo binh tổ chức một buổi dạ hội khiêu vũ. Quintin trong trung đoàn Hoàng gia thứ 14 bảo con: "Sedley, tớ cuộc với cậu mười ba ăn mười rằng thế nào con Sophy Cutler cũng câu được hoặc cậu hoặc thằng Mulligatawney trước mùa mưa đấy". Con mới bảo: "Được rồi"; Ô kìa, ba ơi… gớm thứ rượu này ngon quá nhỉ? Hãng Adamson hay Carbonell thế này?

Chỉ có tiếng ngáy nhè nhẹ trả lời: ông lão buôn cổ phiếu thật thà đã ngủ say; thế là đoạn cuối câu chuyện của Joseph hôm ấy phải bỏ dở. Tuy vậy mà trước mặt đàn ông anh ta rất hay chuyện; anh ta đã kể câu chuyện thú vị này mấy chục lần cho bác sĩ Gôlôp nghe mỗi khi đến mua thuốc và nhờ ông thăm hộ lá gan.

Vốn đang mang bệnh, nên Joseph Sedley mỗi bữa trưa chỉ dùng có một chai rượu vang đỏ kèm một chai ma-đê- ra, và chỉ ăn gọi là có hai đĩa đầy dâu quả trộn kem, kèm theo thêm độ hai tá bánh nướng nhỏ nằm chỏng trơ trong một cái đĩa đặt gần anh ta. Và chắc anh ta đang tơ tưởng đến cô gái ở trên gác (vì các nhà tiểu thuyết vẫn

có đặc quyền biết tất cả mọi sự). Anh chàng nghĩ bụng: "Cô bé kháu khỉnh, trông tươi quá, lại vui tính nữa. Lúc ăn cơm, mình nhặt hộ cô ta cái khăn tay, con mắt cô ta nhìn mình mới thú chứ. Lại đánh rơi khăn tay những hai lần. Ai đang hát trong phòng khách thế nhỉ? Ờ, hay là ta lên xem sao?" Nhưng tính dút dát kìm giữ anh chàng lại, không sao thắng nổi. Ông bố ngủ say rồi; mũ thì treo trong phòng lớn.

Ngoài phố Southampton, có một chiếc xe ngựa đỗ.

- Mình phải đi coi vở kịch "*Bốn mươi thằng kẻ cắp*", và xem đào Decamp nhảy mới được.

Anh ta không đánh thức ông bố quý hóa dậy, kiễng chân đi rón rén trên mũi đôi ủng, cứ thế len lén biến mất.

Trong lúc Rebecca đang chơi dương cầm, Amelia ngó qua cửa sổ phòng khách bảo:

- Kìa, anh Joseph đi kìa!

Bà Sedley đáp:

- Tại cô Sharp làm cho nó sợ đấy. Cái thằng Joe đáng thương. Sao nó dút dát quá thế nhỉ?

CHƯƠNG IV
CÁI TÚI LỤA XANH

Anh chàng Joe đáng thương mất vía đến hai ba ngày. Trong khoảng thời gian đó, anh ta không đi lại nhà bố mẹ, mà Rebecca cũng không nhắc đến tên anh chàng. Cô chỉ tỏ ra hết sức biết ơn và lễ độ với cô Sedley; được cô thiếu nữ tốt bụng này đưa đi thăm các quầy hàng tạp hóa, cô thích quá, và giả vờ làm như ngạc nhiên vô cùng khi được bước chân vào rạp hát. Một bữa, Amelia bị nhức đầu, nên không thể đến dự một buổi giải trí mà hai người đã được mời: Rebecca nhất định không chịu đi, nếu không có bạn đi cùng. "Kìa? Chị là người đầu tiên trong đời đã dạy cho đứa trẻ mồ côi đáng thương này biết thế nào là hạnh phúc và tình yêu… Bỏ chị ở nhà một mình? Không bao giờ!"

Thế rồi cô ngước đôi mắt xanh đẫm lệ nhìn lên trời. Bà Sedley không thể nào không nghĩ rằng bạn của con gái bà có một tâm hồn vô cùng quý hóa.

Nghe những câu khôi hài của ông Sedley, Rebecca cũng cười một cách nhiệt tình và kiên nhẫn; ông cụ lấy lắm thích và cảm động lắm. Không phải Rebecca chỉ gây được cảm tình với mấy người cầm đầu trong gia đình. Cô lấy lòng bà Blenkinsop bằng cách nhiệt liệt tán tụng

phương pháp giữ món mứt quả được lâu ngày; công việc này đang tiến hành trong phòng riêng của bà quản gia; cô cứ một mực gọi Sambo là "ngài" và "ông Sambo", làm cho bác gia nhân này thú vị quá. Cô ta lại xin lỗi chị hầu gái vì mình đã dám rung chuông làm phiền chị ta, lời lẽ thật ngọt ngào khiêm tốn, khiến cho bọn gia nhân dưới nhà ai cũng phải có cảm tình với cô như mọi người trên phòng khách.

Một lần, đang xem mấy bức tranh Amelia vẽ ở trường gửi về nhà, Rebecca nhìn thấy một bức, đột nhiên khóc nấc lên và rời khỏi phòng. Hôm ấy chính là ngày Joe Sedley đến chơi lần thứ hai.

Amelia vội chạy theo bạn xem vì sao bạn khóc; lát sau cô gái tốt bụng quay lại một mình; hình như chính cô cũng cảm động.

- Má biết không, ba chị ấy là giáo sư dạy vẽ ở Chiswick. Những chỗ đẹp nhất trong tranh của chúng con là ông ấy vẽ hộ đấy.

- Này con, má nhớ rõ đã nghe bà Pinkerton nói chuyện rằng ông ấy không vẽ, chỉ sửa lại thôi.

- Thế cũng gọi là sửa đấy mẹ ạ. Chị Rebecca nhìn đến bức tranh, đột nhiên nhớ đến người cha trước kia đã sửa lại bức tranh ấy, và đây… má coi, chị ấy…

Bà Sedley nói:

- Cô bé đáng thương tính tình đa cảm quá nhỉ?

Amelia tiếp:

- Má ạ. Con muốn giữ chị ấy ở chơi đây thêm một tuần nữa.

- Cô ấy cũng gớm chẳng kém cô Cutler tôi thường gặp ở Dumdum, nhưng đẹp hơn. Cô kia bây giờ lấy Lance, thầy thuốc nhà binh. Má có biết không, có lần Quintin ở trung đoàn 14 đánh cuộc với con rằng…

Amelia cười bảo anh:

- Anh Joseph, em nghe mãi chuyện ấy rồi, đừng kể nữa; anh bảo má viết thư cho cái ông Crawley gì gì ấy đi, để xin phép cho chị Rebecca… kìa chị ấy đến kia, khóc đỏ hoe cả mắt.

Rebecca bước vào với một nụ cười tươi tỉnh nhất, cầm lấy bàn tay bà Sedley giơ ra kính cẩn hôn, nói:

- Bây giờ cháu dễ chịu rồi. Tất cả mọi người tất với cháu quá, tất cả mọi người – cô ta cười nói thêm – trừ anh, anh Joseph ạ.

- Tôi? Trời đất ơi? Thượng đế ơi! Cô Sharp! Joseph kêu ầm lên, định đi ngay tức khắc.

- Vâng, sao anh ác thế, bắt em ăn cái món ghê gớm

đầy hạt tiêu kia ngay giữa hôm em mới gặp anh lần đầu. Anh không quý em bằng chị Amelia nhé.

Amelia nói ngay:

- Tại anh ấy chưa quen thân với chị đấy.

Bà mẹ thêm:

- Bác thách bất cứ ai dám đối xử không tốt với cháu, cháu yêu quý ạ.

Joe đáp, vẻ mặt trang trọng:

- Món ca-ry tuyệt lắm, thật đấy; có điều, hôm nọ vắt ít chanh quá… phải, quá ít.

- Thế còn món "chi-ly"?

- Lạy Chúa, món ấy làm cho cô kêu ghê quá.

Joe nhớ lại câu chuyện, lại phá ra cười như nắc nẻ, rồi cũng như mọi lần, bỗng nhiên im bặt.

Lúc mọi người cùng xuống nhà dùng cơm, Rebecca nói:

- Lần sau em sẽ chú ý xem anh tiếp cho em món gì. Em không tin rằng đàn ông lại thích bắt những người con gái vô tội phải khổ sở.

- Thề có đức Chúa, cô Rebecca, không khi nào tôi muốn làm khổ cô đâu.

Rebecca đáp:

- Không, em biết anh chẳng bao giờ muốn thế.

Đoạn cô dịu dàng khẽ vịn bàn tay nhỏ nhắn của mình vào cánh tay Joe rồi lại vội vàng rụt lại, sợ hãi, và mới đầu nhìn thẳng vào mặt anh chàng trong khoảnh khắc, sau lại nhìn xuống tấm thảm. Cho nên tôi không hề muốn nói rằng quả tim Joe không đập thình thình trước cái nhìn vô tình, dút dát và dịu dàng của cô con gái giản dị này.

Đấy là một cách tấn công; có thể là mấy bà nào đó quen lịch sự, đứng đắn sẽ lên án cử chỉ ấy là thiếu chín chắn, nhưng các bạn coi, cô Rebecca đáng yêu nhưng đáng thương kia phải đích thân làm tất cả mọi việc cho mình.

Nếu người ta nghèo, không đủ tiền nuôi người ở, thì dẫu xưa nay vẫn quen thói đài các cũng đành phải quét nhà lấy vậy. Nếu có một cô gái quý tộc lại không có một bà mẹ để thu xếp hộ công việc với chàng trai trẻ, thế tất cô ta phải làm lấy. Nhưng may mắn thay, mấy cô gái cũng ít khi phải trực tiếp dùng đến khả năng của mình! Họ mà đã dùng đến, đố ta cưỡng lại được đấy. Chỉ cần họ ngỏ ý một chút xíu thôi, lập tức đàn ông quỳ ngay gối xuống rồi, đẹp hay xấu cũng chẳng khác gì nhau. Điều đó tôi coi là chân lý tuyệt đối. Một người đàn bà có

nhan sắc, không có một cái tật gì quá quắt, là có thể muốn lấy ai tùy thích. Tuy nhiên, ta cũng còn cảm ơn trời rằng các cô nàng đáng yêu ấy giống như bầy gia súc trên cánh đồng; họ không biết hết quyền lực của chính họ. Nếu họ biết thì, ôi thôi, chúng ta chỉ còn là nô lệ!

Joseph vừa bước vào phòng ăn, vừa nghĩ thầm: Ôi chao! Mình lại bắt đầu cảm thấy đúng như hồi ở Dumdum, gần cô Cutler rồi đây.

Trong bữa ăn, cô Sharp đã luôn luôn gọi Joseph để hỏi về các món ăn, giọng nói nửa bỡn cợt, nửa nũng nịu; vào hồi này, cô ta đang ở giai đoạn thân mật nhất với gia đình, và hai cô thiếu nữ thì đang coi nhau như chị em ruột. Mấy cô gái non chưa chồng bao giờ chả thế, miễn là họ chỉ sống chung với nhau độ mươi ngày.

Dường như Amelia cũng có ý muốn khuyến khích việc thực hiện kế hoạch của Rebecca, nên mới nhắc người anh nhớ đến lời hứa nhân ngày lễ Phục sinh vừa qua. Cô vừa cười vừa nhắc anh rằng hồi cô còn ở trường, Joseph có hứa sẽ đưa cô đến Vauxhall chơi.

- Bây giờ có cả chị Rebecca cùng đi với chúng mình, thật phải lúc quá, anh ạ.

- Ô thế thì tuyệt!

Rebecca toan vỗ tay nhưng cô ngẫm lại vội im bặt

đúng kiểu một cô thiếu nữ chín chắn.

Joe đáp:

- Đêm hôm nay chưa đi được.

- Thế thì mai vậy.

Bà Sedley nói:

- Mai ba và má không ăn ở nhà đâu.

Ông lão đáp:

- Bà Sedley, bà tưởng tôi đi à? Bà có tuổi, lại hom hem, đi ra ngoài ẩm ướt lạnh lẽo thế để bị cảm mà chết à?

Bà Sedley kêu lên:

- Nhưng các cô ấy phải có người đi cùng chứ?

Ông bố cười:

- Cho thằng Joe đi theo. Nó cũng lớn rồi đấy.

Nghe nói vậy Sambo đứng cạnh phá ra cười: anh chàng Joe béo cảm thấy gần như muốn giết phăng ngay ông cụ thân sinh.

Ông già tàn nhẫn vẫn tiếp:

- Cởi áo gi-lê mau. Vã nước vào mặt nó đi, cô Sharp; hay là khiêng nó lên gác; cu cậu đang ngất đi kia kìa.

Thằng bé đáng thương quá? Khiêng nó lên gác; nó nhẹ như sợi bấc ấy thôi mà.

Joseph gầm lên:

-Ba còn nói nữa, con đến chết mất!

Ông bố ra lệnh:

- Sambo, gọi dẫn con voi của cậu Joe lại đây. Đưa ngay đến khu Hội chợ; Sambo.

Nhưng thấy Joe gần phát khóc vì giận, ông lão hay đùa thôi không cười nữa; ông giơ bàn tay cho con, nói:

- Joe ở phòng Hối đoái mọi chuyện đều tốt lành cả. Còn Sambo, đừng lo chuyện con voi nữa, hãy rót cho ta và cậu Joe một cốc sâm-banh. Ngay cả Boney[40] cũng không có được thứ rượu này trong nhà đâu nhé; nào con!

Nhờ cốc vại sâm banh, Joseph lấy lại được sự điềm tĩnh; và trước khi cạn hết chai rượu – với tư cách là bệnh nhân, anh ta chỉ uống có hai phần ba – Joe thuận dẫn hai cô thiếu nữ đi Vauxhall.

Ông cụ nói:

- Con gái là phải có đàn ông cùng đi, thế nào thằng Joe cũng bỏ mặc con Emmy trong đám đông, rồi nó sẽ chỉ chú ý đến Rebecca thôi. Bảo đứa nào lại hỏi xem

George Osborne có đi không.

Không biết vì lý do gì nghe ông cụ sắp đặt như vậy, bà Sedley nhìn chồng cười. Mắt ông cụ long lanh có vẻ hóm hỉnh khó tả. Ông lão nhìn sang Amelia. Còn Amelia thì cúi đầu xuống, đỏ ửng mặt lên như chỉ có những cô gái mười bẩy tuổi mới biết đỏ mặt như vậy, và như chưa bao giờ trong đời mình cô Rebecca Sharp đỏ mặt thế, ít nhất là trừ trường hợp hồi cô ta mới lên tám, bị bà mẹ đỡ đầu bắt quả tang ăn vụng một miếng dăm bông trong chạn. Ông bố lại nói:

- Tốt hơn là Amelia viết một mảnh giấy, để cho George Osborne thấy rằng con gái ta học trường bà Pinkerton viết chữ đẹp thế nào. Con còn nhớ không, hồi viết thư nhắn nó tới vào "đêm thứ mười hai", con đã viết "hai thiếu chữ "h".[41]

Amelia đáp:

- Đã lâu lắm rồi còn gì.

- Thế mà mới như hôm qua thôi, có phải không ông John?

Bà cụ hỏi chồng vậy. Đêm hôm ấy hai ông bà ngồi nói chuyện với nhau trong một căn phòng phía mặt trước ngôi nhà, trên gác hai, dưới một thứ màn quây tròn có riềm bằng vải Ấn Độ loại quý, mầu rực rỡ, lại lót một lần

vải bông màu hồng dịu. Mé trong thứ màn quý này, kê một chiếc giường có đệm lông: trên giường có hai cái gối; trên gối có hai bộ mặt tròn đỏ, một cái mặt đội mũ ngủ có quai, một cái đội mũ vải bông thường, có tua. Nhân lúc đọc sách trước khi ngủ, bà Sedley cự ông chồng vì đã tàn nhẫn với thằng Joe đáng thương lúc tối:

- Ông Sedley, ông như thế thật ác quá, ai lại hành hạ thằng bé như thế.

Cái đầu đội mũ có tua cãi lại:

- Bà này, thằng Joe nó còn ưa đỏm dáng gấp mấy bà ngày xưa ấy; mà bà thì đã hay đỏm dáng quá rồi. Tuy vậy, ba mươi năm trước, vào năm một nghìn bảy trăm tám mươi… tám mươi mấy nhỉ?… Hồi đó có lẽ bà còn có quyền đỏm dáng đôi chút, tôi không chối điều đó. Nhưng tôi không thể chịu được thằng Joe với cái thói công tử bột của nó. Thật là quá quắt. Suốt ngày nó chỉ nghĩ đến cái thân hình nó, yên trí mình đẹp trai nhất thiên hạ. Rồi có nhiều chuyện rắc rối vì nó cho mà xem. Cô bạn nhỏ của con Emmy đang ra sức chài thằng bé đấy; điều đó rõ như ban ngày. Mà nếu cô ta không câu được nó thì đã có đứa khác. Giời sinh ra thằng này để làm mồi cho con gái, y như hàng ngày tôi phải đến phòng Hối đoái vậy. Bà ạ, phúc quá, nó còn chưa vác về cho chúng ta một nàng dâu da đen thôi. Nhưng bà cứ tin

tôi, đứa con gái thứ nhất nào muốn chài nó là nó cắn câu ngay.

Bà Sedley nóng nảy đáp:

- Ngày mai tống khứ cái con bé láu cá ấy đi cho rảnh.

- Bà Sedley, con bé ấy trông cũng được đấy chứ. Mặt mũi cũng trắng trẻo, xinh xắn. Tôi chẳng biết thằng Joe lấy ai, cứ mặc nó chọn vợ lấy.

Rồi tiếng chuyện trò im bặt, chỉ còn vẳng ra thứ âm nhạc nhẹ nhàng nhưng kém thi vị của mấy cái lỗ mũi. Thỉnh thoảng chỉ nghe tiếng chuông nhà thờ đánh chuông báo giờ, và tiếng người gác điểm canh, mọi vật đều yên lắng trong căn nhà của tôn ông John Sedley, ở công viên Russell, làm việc tại phòng Hối đoạt.

Sáng hôm sau, bà cụ Sedley tốt bụng thôi không nghĩ đến chuyện thực hiện lời đe dọa tối hôm trước về việc đuổi cô Sharp đi nữa. Mặc dầu không có cái gì thiết tha, thông thường và cũng hợp lý hơn là lòng người mẹ vì thương con mà ghen với người khác, song bà cụ cũng không sao tưởng tượng được rằng cái cô giáo bé nhỏ tầm thường, biết ơn và dịu dàng kia lại dám ngưỡng vọng một nhân vật cao quý là ngài ủy viên tài phán của quận Boggley Wollah. Hơn nữa, lá thư xin phép gia hạn nghỉ cho cô gái đã gửi rồi, bây giờ đột ngột muốn mời cô ta

đi cũng khó tìm được một lý do cho thỏa đáng.

Dường như mọi sự đều phụ họa mà giúp đỡ Rebecca, thời tiết cũng can thiệp để làm lợi cho cô (mặc dầu thoạt tiên cô cũng chưa biết cảm ơn thời tiết đã vì mình). Tối hôm mọi người dự định đi Vauxhall, George Osborne có đến ăn cơm; sau khi hai bậc cha mẹ đã đi dự tiệc cùng viên cố vấn hành chính Bản ở Highbury Barn, thì bỗng một cơn giông nổ ra; những hôm người ta định đi chơi Vauxhall vẫn hay xảy ra những cơn giông tai hại như vậy; mấy cô cậu bắt buộc phải ở nhà. Anh chàng Osborne có vẻ không lấy việc đó làm phiền lắm. Anh ta và Joseph ngồi *tay đôi*[42] trong phòng ăn, uống một ít rượu… vừa uống rượu, Sedley vừa kể vài câu chuyện hay nhất của anh ta về Ấn Độ – nếu chỉ có đàn ông với nhau anh chàng cũng rôm chuyện lắm. Một lúc sau, Amelia Sedley chủ tọa phòng khách. Cả bốn cô cậu đã qua một tối cực kỳ dễ chịu; họ nói rằng cơn giông vừa qua đã bắt họ phải hoãn việc đi chơi Vauxhall đến hôm khác; ấy thế mà lại hóa ra vui cơ đấy.

Osborne là con đỡ đầu của ông Sedley; đã hai mươi ba năm nay anh ta vẫn được coi là con cái trong gia đình. Mới chào đời được sáu tuần lễ, anh ta được ông John Sedley cho một cái chén bạc; khi được sáu tháng, lại thêm một cành san hô, có đính theo còi và chuông bằng

vàng. Từ bé tới lớn, cứ đến lễ Giáng Sinh, George lại được ông cụ gửi quà cho đều đặn. Vì thế khi trở lại trường anh ta còn nhớ rõ bị Joseph Sedley nện cho một trận cẩn thận; hồi ấy Sedley là một cậu bé khỏe mạnh, hay gây gổ, còn George thì là một thằng oắt mới lên mười nhưng láo xược. Tóm lại George rất thân mật với gia đình này, vì từ nhỏ vẫn đi lại như người nhà và vẫn được cho quà bánh.

- Sedley, anh còn nhớ không, có bận tôi cắt đứt mất mấy cái tua ở đôi ủng của anh, anh phát khùng lên ghê quá; rồi cô hừm? Rồi Amelia cứu tôi thoát khỏi trận đòn, vì đã quỳ xuống khóc mà xin anh Joe đừng đánh cái thằng bé George nữa?

Joe vẫn nhớ như in câu chuyện trên, nhưng lại nói rằng mình quên bẵng mất rồi.

- Phải, anh còn nhớ không, trước khi sang Ấn Độ, anh có đi xe ngựa đến trường của ông Swishtail để thăm tôi, rồi vỗ vỗ vào đầu tôi, cho tôi một đồng nửa ghi nê? Trước tôi vẫn cứ nghĩ rằng anh phải cao tới bảy bộ, thế mà khi anh ở Ấn Độ về, tôi lấy làm lạ quá, vì thấy anh cũng chẳng cao hơn tôi.

Rebecca kêu lên, giọng vui thích:

-Anh Sedley đến tận trường để cho anh tiền cơ à? Tốt

quá nhỉ.

-Vâng, mà tôi lại đã cắt mất tua ủng của anh ấy cơ chứ. Ở trường, trẻ con được tiền thì nhớ mãi, mà cũng không quên cả người cho.

Rebecca nói:

- Tôi thích những đôi ủng cao lắm.

Joe Sedley vốn rất tự hào về đôi chân của mình, lúc nào cũng xỏ vào đôi giầy được coi như một thứ đồ trang sức; nghe Rebecca nói anh ta khoái quá, nhưng vội rụt ngay chân cho vào gầm ghế.

George Osborne nói:

- Cô Sharp ạ, cô là nhà nghệ sĩ thông minh thế cô phải vẽ một bức tranh kỷ niệm về chuyện đôi ủng. Cô sẽ vẽ Sedley mặc quần da thuộc, một tay cầm chiếc ủng bị hỏng; còn tay kia túm lấy cổ áo tôi; Amelia sẽ quỳ ở bên cạnh giơ đôi tay bé nhỏ lên. Bức tranh sẽ mang một cái tên tượng trưng long trọng như là những nhãn sách ta vẫn thấy ở các quyển tập đọc.

Rebecca đáp:

- Em không có thì giờ vẽ ngay ở đây, nhưng em sẽ vẽ khi… khi nào em rời khỏi đây ra đi.

Cô hạ thấp giọng xuống, vẻ mặt rầu rĩ, đáng thương,

đến nỗi ai cũng thấy xót cho cảnh ngộ của cô và cảm thấy nếu phải xa cô thì đáng buồn quá.

Amelia nói:

- Chị Rebecca thân yêu ơi, giá chị ở chơi với em thêm ít lâu nhỉ?

Rebecca lại càng buồn bã đáp:

- Để làm gì hở chị? Để khi xa nhau, riêng em càng buồn khổ thêm và càng không muốn xa chị ư?

Nói đoạn cô quay mặt đi. Amelia lại bắt đầu nhượng bộ cái tật trời sinh là thói hay khóc của mình; cô gái bé bỏng vớ vẩn này vẫn có cái nhược điểm ấy. George Osborne nhìn hai cô thiếu nữ, lộ vẻ tò mò, động tâm; còn Joe Sedley thì thở hắt ra từ cái lồng ngực to tướng của mình một cái gì giống như một tiếng thở dài; mắt lại tiếp tục nhìn xuống đôi ủng cao chí thiết của mình.

George nói:

- Cô Sedley… Amelia, ta chơi vài bản nhạc đi.

Lúc này anh ta cảm thấy có một sức gì kỳ lạ gần như không cưỡng lại được, nó xô mình muốn ôm ghì lấy cô thiếu nữ vào hai tay, và hôn cô ngay trước mặt mọi người; cô thiếu nữ nhìn anh chàng một lúc lâu; nếu bảo rằng lúc ấy hai người mới yêu nhau thì có lẽ tôi đã nói

sai sự thực vì thực tế là đôi thanh niên nam nữ này đã được hai bên cha mẹ nuôi nấng từ bé cốt nhằm mục đích ấy; lễ ăn hỏi của đôi bên đã tuyên bố trong hai họ đến mười năm nay rồi.

Hai người bước lại gần cây đàn dương cầm kê ở cuối phòng khách, bao giờ đàn dương cầm cũng kê ở đấy. Chỗ này hơi tối nên Amelia, một cách tự nhiên nhất trần đời, đặt bàn tay mình vào bàn tay Osborne. Dĩ nhiên anh ta có thể nhìn rõ lối đi giữa những hàng ghế hơn cô nàng nhiều. Thế là họ bỏ Joseph Sedley và Rebecca ngồi với nhau ở phòng khách; Rebecca đang đan một cái túi lụa màu xanh. Cô nói:

- Chả cần phải hỏi, em cũng biết chuyện riêng gia đình nhà ta. Hai người vừa tiết lộ sự bí mật của họ rồi đấy.

Joseph đáp:

- Bao giờ anh ta thăng chức đại úy, tôi tin rằng công việc sẽ thu xếp xong. George Osborne là người tốt lắm.

Rebecca nói:

- Em gái anh cũng là một người đáng quý nhất đời. Sung sướng thay người đàn ông nào chinh phục được chị ấy Nói xong, cô Sharp thở dài thật to.

Khi nào một cặp trai gái chưa lập gia đình ngồi với

nhau mà đụng chạm đến cái vấn đề tế nhị này, lập tức họ dễ dàng trở thành thân mật và ưa tâm sự với nhau. Chả cần phải kể lại câu chuyện đang diễn ra giữa Sedley và cô thiếu nữ. Cứ xem đoạn trên đủ biết câu chuyện ấy không có gì là đặc biệt dí dỏm hoặc hùng hồn. Trong những buổi gặp gỡ thân mật ít khi người ta chuyện trò với nhau theo kiểu này, không kể trong những tiểu thuyết kênh kiệu, giả tạo. Vì phòng bên đang chơi âm nhạc, dĩ nhiên họ phải nói chuyện se sẽ phải chăng thôi; tuy rằng đôi trai gái phòng bên cũng đang bận bịu với công việc riêng của họ, giá bên này có nói to, họ cũng chẳng để ý đến làm gì.

Hôm nay hầu như là lần đầu tiên trong đời, Sedley thấy mình nói chuyện với một người đàn bà mà không hề dút dát e dè một tý nào. Rebecca hỏi anh ta rất nhiều chuyện về Ấn Độ; được dịp, anh ta bèn tuôn ra vô khối chuyện lý thú về xứ đó, và về chính anh ta. Và kể lại những cuộc dạ hội ở phủ Toàn quyền và cách họ giữ cho không khí được mát lạnh trong mùa bức, thí dụ dùng chiếu cói và quạt, cùng nhiều phương pháp khác. Anh ta chỉ trích những sĩ quan Scotland được viên toàn quyền Minto che chở. Rồi anh ta kể một chuyện săn hổ, cả cái đoạn lão quản tượng điều khiển con voi của anh bị những con hổ nổi xung lên kéo ngã lăn khỏi lưng voi.

Nghe kể chuyện dạ hội ở phủ Toàn quyền, Rebecca có vẻ thú vị lắm; mà nghe kể chuyện những ông sĩ quan hầu cận xứ Scotland cô phá ra cười và gọi Sedley là một người hay châm biếm độc ác; lúc nghe Joe kể chuyện con voi, cô thiếu nữ mới sợ hãi làm sao.

Cô nói:

- Anh Sedley thân yêu ơi, hãy vì thương bà cụ sinh ra anh, hãy vì các bạn của anh mà hứa rằng đừng bao giờ dự những cuộc săn khủng khiếp như thế nữa nhé.

Anh chàng vừa kéo cổ áo lên, vừa đáp:

- Dào ôi! Có nguy hiểm thế cuộc săn mới thú chứ.

Cả đời Joe mới đi săn hổ có một lần, đúng là lần có câu chuyện trên xảy ra; bữa ấy anh ta suýt chết… không phải vì hổ, mà vì sợ quá. Càng nói chuyện nhiều anh chàng càng đâm bạo, và lúc này đã có can đảm hỏi Rebecca rằng cô ta đan cái túi lụa xanh cho ai… Thấy mình trở thành thân mật duyên dáng thế, anh chàng đâm ra ngạc nhiên và khoan khoái ghê.

- Em đan cho người nào thích một cái túi.

Rebecca vừa đáp vừa nhìn anh chàng với đôi mắt rất tình tứ. Sedley đang sắp sửa nói một câu thật sự là hùng hồn, và đã bắt đầu: "Ô, cô Sharp…" thì bản nhạc đang chơi ở phòng bên chấm dứt làm cho anh ta nghe thấy

tiếng mình rõ mồn một; anh chàng vội im bặt, rút khăn tay hỉ mũi rầm lên.

Osborne thì thầm với Amelia:

- Có bao giờ em nghe thấy anh Joe hùng biện không? Gớm, cô bạn em *làm* được một việc kỳ diệu thật.

- Thế thì càng tốt thôi.

Amelia đáp. Cô cũng giống như phần lớn đàn bà con gái hiểu biết tý chút, cũng sính đóng vai ông tơ bà nguyệt; giả thử Joseph có vợ đem theo về Ấn Độ thì cô cũng thích. Thêm nữa, qua mấy ngày sống gần gũi nhau, tình bạn giữa cô và Rebecca trở thành rất đằm thắm, cô đã khám phá ra vô số những đức tính đáng yêu ở bạn mình, mà hồi còn chung sống ở Chiswick cô không nhìn ra. Xưa nay cảm tình vẫn thường nảy nở mau chóng giữa các cô con gái chẳng khác gì cây thần trong truyện cổ tích chỉ một đêm đã mọc cao vút đến tận trời. Không nên trách họ, nếu sau ngày về nhà chồng, *nỗi khát khao tình cảm*[43] ấy nguội bớt.

Về điểm này, các nhà tâm lý học quen dùng những danh từ kêu rùm beng thường gọi là sự khát vọng vươn tới lý tưởng; thực ra chỉ có nghĩa là đàn bà con gái thường thường chỉ thỏa mãn khi nào đã lấy chồng đẻ con; khi ấy tình cảm của họ mới có nơi tập trung, còn

trước kia thì nó bị tiêu phí vào những chuyện vặt vãnh mất cả.

Amelia đã dốc hết cả kho bài hát ít ỏi của mình lúc nãy, lại đã ở khá lâu trong phòng khách, cô thấy nên mời bạn mình hát. Cô bảo với Osborne thế này (dẫu biết rằng mình đang nói dối):

- Giá anh nghe Rêbecca hát trước, thì anh sẽ không muốn nghe em hát đâu.

Osborne nói:

- Tuy vậy, tôi cũng xin báo cho cô Sharp biết rằng, dù đúng hay sai, tôi cũng cứ coi cô Amelia Sedley là người hát hay nhất thế giới.

Amelia đáp:

- Rồi anh xem.

Bây giờ Joseph Sedley đã tỏ ra lịch sự, mang mấy cây đèn đến chỗ cây dương cầm; Osborne nói ý rằng mình ngồi trong bóng tối nghe nhạc thấy thích hơn. Nhưng Amelia cười, không chịu cùng ngồi với anh chàng nữa. Thế là cả hai đi theo Joseph. Rebecca hát hay hơn bạn nhiều (dĩ nhiên, Osborne vẫn có quyền tự do giữ ý kiến riêng của mình); cô trổ hết tài năng và quả thực đã khiến Amelia rất ngạc nhiên vì chưa hề bao giờ thấy bạn hát hay đến thế. Rebecca hát một bài tiếng Pháp, Joseph

nghe chẳng hiểu gì cả; George cũng thú thực mình không hiểu; đoạn cô lại hát vài "ca khúc" thông thường, đã trở thành "mốt" khoảng bốn mươi năm trước đây; đại khái nội dung nói đến những người lính thủy nước Anh, đức Hoàng đế, cô Susan đáng thương, cô Mary mắt biếc v.v… Người ta bảo rằng, về mặt nghệ thuật âm nhạc, những bài hát này cũng không hay ho gì, nhưng có nhiều đoạn êm ái kích thích cảm tình, thiên hạ nghe dễ hiểu hơn là cái thứ âm nhạc lai căng của những lagrime, sospiri, và felicita trong âm nhạc của Donizetti[44] đang thịnh hành bấy giờ.

Nội dung bài hát cuối cùng như sau:

Giữa đồng lạnh lẽo cô đơn

Mà cơn bão táp lại đang thét gầm.

Mái nhà kia, tạm trú chân…

Chú em côi cút lại gần nhìn xem.

Trong nhà ấm áp lửa than.

Lò càng rực cháy, gió thêm cóng người

Tuyết càng lạnh buốt rơi… rơi…

Trong nhà nhác thấy chú ngồi co ro,

Ngực thoi thóp, tay cứng đờ.

Ôn tồn bèn nhủ hãy cho chú vào;

Tươi cười, chào đón ngọt ngào.

Sớm mai trở dậy, nắng sao sáng lòa…

Lửa còn rực cháy trong lò

Chú em côi cút bây giờ về đâu!

Lạy trời xót kẻ cơ cầu,

Hãy nghe gió lộng rít cao trên đồi.

Nghĩa là bài hát đã lặp lại nội dung tình cảm của câu:

"*Khi nào em đã ra đi…*" Rebecca nói lúc nãy. Hãy đến câu cuối cùng, cái giọng trầm trầm của cô Sharp hơi run run, mọi người nghe đều hiểu rằng cô ý muốn nói đến việc mình ra đi và cảnh ngộ mồ côi đáng thương của mình. Vốn thích âm nhạc, lại có tâm hồn đa cảm, Joseph Sedley rất say sưa khi nghe Rebecca hát; nhất là đoạn kết làm anh ta cảm động vô cùng. Giá anh ta có đủ can đảm nhỉ. Giá mà George và cô Sedley ngồi lại văn phòng ăn như lúc nãy George đề nghị, thì cuộc đời trai chưa vợ của Joseph đã chấm dấu hết rồi, mà cuốn truyện này cũng không được viết ra nữa. Nhưng hát xong Rebecca rời cây đàn, đưa tay cho Amelia cầm và cả hai đi sang căn phòng khác tranh tối tranh sáng bên cạnh. Vừa lúc ấy Sambo bước vào, tay bưng một cái

khay đầy những bánh sandwich, mứt quả, và mấy cái cốc, mấy cái bình sáng long lanh; lập tức sự chú ý của Joseph tập trung vào đó. Hai vợ chồng ông Sedley đi dự tiệc về thấy mấy cô cậu đang say sưa trò chuyện đến nỗi không nghe thấy tiếng xe ngựa đỗ.

Anh chàng Joseph đang nói:

- Cô Sharp thân yêu, mời cô dùng một thìa mứt cho lại sức sau khi đã cố gắng trổ hết tài năng tuyệt diệu.

Ông Sedley kêu lên:

- Hoan hô Joe?

Thoạt nghe tiếng nói quen thuộc oang oang, Joe lập tức hoảng hốt, im bặt rồi vội vã bỏ đi. Anh ta không thức trằn trọc suốt đêm tự hỏi mình có yêu cô Sharp hay không; ái tình không bao giờ quấy rối được sự tiêu hóa hoặc giấc ngủ của Joseph Sedley. Nhưng anh ta nghĩ thầm: "Được nghe những bài hát như thế cũng tuyệt… thật là một con người phong nhã… nói tiếng Pháp còn hay gấp mấy so với chính Toàn quyền phu nhân… cô ta mà dự những buổi dạ hội ở Calcutta thì phải biết là nổi danh.

Joe lại tự nhủ: "Rõ ràng cô ả phải lòng mình rồi. Bọn thiếu nữ sang Ấn Độ có giàu có gì hơn cô ta kia chứ. Mình cứ "già kén" rồi đến kẹn "hom" mất. Nghĩ thế rồi

Joe lăn quay ra ngủ lúc nào không biết.

Chẳng cần nói ta cũng rõ chính lúc ấy cô Sharp đang nằm trằn trọc nghĩ mãi không biết ngày mai anh ta có lại chơi hay không. Sáng hôm sau, y như có trời run rủi, Joseph Sedley lại mò đến trước giờ điểm tâm. Từ trước đến nay, chưa bao giờ anh ta ban cho căn nhà ở Công viên Russell vinh dự lớn lao này. George Osborne cũng có mặt ở đây rồi, Amelia đang bận viết thư cho một tá bạn còn ở lại Chiswick, Rebecca thì đang thêu nốt cái túi lụa. Nghe tiếng xe ngựa của Joe và trong lúc ngài cựu ủy viên tài phán quận Boggley Wollah đang ỳ ạch leo thang gác lên phòng khách sau khi đã gõ cửa thình lình, và gọi oang oang ngoài cửa một cách long trọng như thường lệ. Osborne và Amelia đưa mắt ra hiệu cho nhau cả đôi mỉm cười láu lỉnh nhìn sang Rebecca; cô này cúi xuống để cho những búp tóc xinh đẹp của mình rủ xuống cái túi đang đan, mặt đỏ lên… Lúc Joseph bước vào, trống ngực cô đập thình thình… Joseph thở phì phò đi ủng bóng nhoáng kêu cọt kẹt. Anh ta mặc một tấm áo mới, cổ áo là cứng, mặt đỏ vì trời bức và vì xúc động mạnh. Lúc này thật là khó xử cho cả mọi người; riêng Amelia còn lo lắng hơn cả người trong cuộc.

Sambo mở tung cửa, lên tiếng báo có ông Joseph đến chơi, đoạn vừa đi theo sau ngài ủy viên vừa nhăn răng

cười, tay ôm hai bó hoa rất đẹp. Sớm nay anh chàng lịch sự đến mức ra tận vườn Covent mua hoa. Hai bó hoa không được to bằng hai đống rơm bọc trong giấy bóng như ngày nay các bà, các cô thường mang theo mình, nhưng hai cô thiếu nữ cũng rất sung sướng được Joseph tặng mỗi cô một bó, kèm theo một cái nghiêng mình cúi chào một cách thật trang trọng. Osborne kêu lên:

- Hoan hô Joe.

Amelia nói:

- Cảm ơn anh, anh Joseph thân mến.

Cô sẵn sàng hôn ông anh một cái, nếu ông anh cho phép (Tôi thì tôi nghĩ rằng được một con người đáng yêu như Amelia hôn, tôi sẵn sàng mua tất cả hoa trong vườn kính của ông Lee ngay lập tức).

- Chao ôi! Hoa đẹp tuyệt vời.

Rebecca reo lên, khẽ áp bó hoa vào mũi ngửi rồi ôm vào ngực, mắt ngước nhìn lên trần nhà, điệu bộ có vẻ say sưa vì sung sướng. Có lẽ thoạt tiên đã liếc nhìn ngay vào giữa bó hoa xem có "*bức tình thư*"[45] nào dắt trong ấy hay không, nhưng chả có thư từ gì cả.

Osborne cười hỏi:

- Ở Boggley Wollah, dân họ có biết dùng hoa để tỏ

tình với nhau không nhỉ, Sedley?

Anh chàng đa tình đáp:

- Ôi dào, chuyện vớ vẩn? Tôi mua hoa ở hiệu Nathan đấy. Rất hân hạnh vì các cô vui lòng. Mà này, Amelia, anh có mua một quả dứa cùng với mấy bó hoa này; anh đã đưa cho Sambo. Để đấy tí nữa ta giải khát. Trời nóng nực, ăn cái ấy mát và ngon lắm.

Rebecca bảo rằng mình chưa bao giờ được ăn dứa, đang thèm được nếm một miếng. Câu chuyện tiếp tục như vậy; không rõ vì sao Osborne rời khỏi gian phòng, và cả Amelia cũng đi ra ngoài, có lẽ để bảo người nhà gọt dứa. Riêng Joe vẫn ngồi lại một mình với Rebecca. Cô thiếu nữ lại tiếp tục đan; sợi lụa xanh và đôi que đan sáng bóng động đậy nhanh thoăn thoắt dưới mấy ngón tay búp măng trắng muốt.

Ông ủy viên tài phán nói:

- Tối hôm qua, cô hát một bài hay quá, ha… a… ấy qua… a.. á? Cô Sharp thân mến ạ. Làm tôi gần phát khóc, tôi xin lấy danh dự mà nói thế.

- Tại anh có một tâm hồn đa cảm đấy, anh Joseph ạ. Em thấy tất cả mọi người trong gia đình ta ai cũng có tâm hồn đa cảm.

- Vì bài hát ấy mà đêm qua tôi không ngủ được. Sáng

hôm nay tôi còn nhẩm lại lúc nằm trên giường, xin lấy danh dự mà thề, đúng như thế. Ông Gollop, bác sĩ của tôi, đến thăm tôi hồi mười một giờ (cô biết đấy, tôi vẫn có bệnh, ngày nào ông Gollop cũng phải lại thăm) thế mà chết chưa, tôi vẫn nằm trên giường hát huyên thuyên như… một con sơn ca.

- Ồ, anh vui tính quá. Anh hát cho em nghe một tý nhé.

- Tôi ấy à? Không, cô Sharp; cô Sharp thân mến ơi, cô hát đi cơ.

Rebecca thở dài:

- Anh Sedley ạ, bây giờ thì không được đâu. Em không bình tĩnh lắm, hát sao được. Vả lại, em còn phải đan xong cái túi này chứ. Anh Sedley, anh giúp em một tay nhé?

Thế là trước khi có đủ thì giờ hỏi xem giúp thế nào, ngài Joseph Sedley, tòng sự tại Công ty Đông Ấn Độ đã thấy mình ngồi tay đôi với một thiếu nữ, và đang nhìn cô ta với một vẻ tình tứ nhất trần đời; hai cánh tay anh chàng giơ ra trước mặt với một dáng điệu như cầu xin, còn hai bàn tay thì bị sợi lụa xanh cô nàng đang gỡ dần ra quấn chặt lấy. Lúc Osborne và Amelia bước vào để báo rằng món giải khát đã sẵn sàng, họ nhìn thấy đôi trai

gái trong cảnh tượng thi vị như vậy. Cuộn sợi đã cuốn xong vào lõi, nhưng Joe vẫn chưa nói câu gì.

Amelia nắm chặt tay Rebecca bảo:

- Chị ạ, em chắc thế nào đêm nay anh ấy cũng ngỏ lời đấy.

Sedley cũng tự nhủ:

Đến Vauxhall mình phải đặt vấn đề mới được.

CHƯƠNG V
DOBBIN CỦA CHÚNG TA

Ai đã học qua trường học nổi tiếng của ông Swishtail ắt còn phải nhớ lâu chuyện cãi nhau giữa Dobbin và Cuff mà kết cục rất bất ngờ: Dobbin thường bị bọn trẻ con khinh miệt, chúng gọi là con khỉ Dobbin, con bú dù Dobbin và nhiều tên hiệu khác. Dobbin là một đứa trẻ hiền lành nhất, vụng về nhất, và có vẻ như đần độn nhất trong số học trò theo học trường ông Swishtail. Bố cậu bé buôn thực phẩm ở kinh đô, người ta lại đồn rằng ông Swishtail nhận cậu vào học trong trường theo "nguyên tắc đôi bên cùng có lợi"… nghĩa là bố cậu không phải trả học phí và sinh hoạt phí cho con trai bằng tiền mặt, mà trả bằng hiện vật. Ở trong trường, Dobbin bị xếp hạng gần bét; lúc nào cậu bé cũng đánh một bộ áo nhung kẻ nhem nhuốc, bộ xương to kếch gần như muốn thúc bật những hàng chỉ khâu mà tòi ra. Dobbin bị coi như đại diện cho một số cân chè, nến, đường, xà-phòng, và nho khô cùng nhiều thứ khác (tuy vậy, chỉ có một phần nhỏ là dùng để cung cấp cho nhu cầu của nhà trường). Cậu bé Dobbin sợ nhất cái ngày có một đứa học trò nhỏ trong trường, sau khi đã mò vào trong tỉnh chơi đủ mọi trò rồi, đã về đứng ở cổng trường mình xem cái xe ngựa của hãng "Dobbin và Rudge buôn thực phẩm và dầu-

Phố Thames Luân Đôn" dỡ hàng xuống giao cho nhà trường.

Sau cảnh đó, cậu bé Dobbin mất ăn mất ngủ. Những đứa trẻ khác giễu cợt đến là tàn nhẫn; một thằng nói "Ê này, Dobbin, báo đăng tin mới đây đường lên giá rồi, mày ơi!" Một đứa khác tính toán: "Nếu một cân nến mỡ cừu giá bảy xu rưỡi thì Dobbin giá bao nhiêu?" Thế là cả đám trẻ con mất dạy đứng vây tròn xung quanh cười ồ lên: chúng đồng tình cho rằng nghề bán lẻ thực phẩm là một nghề đáng hổ thẹn, đáng bị những con nhà dòng dõi khinh bỉ.

Bị một thằng bé con đem ra làm trò cười. Dobbin bảo riêng nó rằng:

- Này, Osborne, bố mày cũng là lái buôn chứ đếch gì.

Thằng bé kiêu hãnh đáp:

- Bố tao là con nhà dõng dõi, có xe ngựa riêng.

Cậu bé William Dobbin lui về mãi căn phòng xép xa tít cuối sân chơi, rầu rĩ đắng cay suốt nửa ngày chủ nhật.

Trong bọn chúng ta ai chẳng còn nhớ đã có những phút lo nghĩ đắng cay một cách trẻ con như thế? Ai là kẻ cảm thấy rõ sự bất công, biết tủi nhục trước một sự lăng mạ, hiểu rõ cái gì là xấu, và biết biểu lộ lòng biết ơn một cách đậm đà khi được săn sóc, bằng một đứa trẻ trung

hậu? Thế mà biết bao tâm hồn dịu dàng ấy đã bị các ông giáo hành hạ, chà đạp chỉ vì một bài toán số học, hoặc một bài La-tinh sai mẹo. William Dobbin chịu chết không sao thuộc được những bài học vỡ lòng tiếng La-tinh trong cuốn văn phạm La- tinh tài tình của trường trung học Eton; vì thế cậu bé bị xếp cùng học với bọn học trò dốt nhất trường. Mỗi khi cùng xếp hàng với bọn học trò lớp bét trông như anh khổng lồ đi giữa bọn tí hon; mắt cậu bé lấm lét nhìn xuống đất, tay cắp quyển tập đọc quăn góc, mặc bộ quần áo nhung kẻ chật ních; cậu luôn luôn bị bọn trò bé mặt mũi hồng hào, đeo "tạp-dê" cợt nhạo. Học trò lớp nào cũng đem cậu ra làm trò cười. Bộ quần áo nhung đã chật chúng còn khâu cho chật thêm; chúng cắt đứt dây giường của cậu. Chúng xô đổ bàn ghế, làm cho cậu bé vấp ngã sứt gối, mà lần nào cũng đúng như thế. Chúng gửi cho cậu bé những gói kín, mở ra chỉ thấy có xà phòng và nếu là những thứ hàng bố cậu vẫn bán; không có một đứa học trò nào tha cột nhạo Dobbin; cậu bé kiên nhẫn chịu đựng tất cả, hoàn toàn câm nín và đau khổ.

Trái lại, Cuff là ông chúa con, và là cậu công tử trong trường ông Swistail. Nó mang trộm cả rượu vào trường, đánh cả trẻ con trong thành phố. Chiều thứ bảy, người hầu vẫn mang ngựa đến cho nó cưỡi về nhà. Trong

buồng nó có một đôi ủng cao cổ; ngày nghỉ nó thường đi ủng đi săn. Nó có cả một chiếc đồng hồ báo thức bằng vàng, lại hít thuốc lá y như ông giáo. Nó đã đi xem hát ở "Opera", biết rõ tài nghệ của từng nghệ sĩ, biết thích kép Kean hơn kép Kemble. Nó có thể trong một giờ, làm bốn mươi câu thơ tiếng La-tinh liền; lại làm được cả thơ bằng tiếng Pháp.

Còn có cái gì khác mà nó không biết, hoặc không thể biết nữa? Chúng nó còn bảo chính ông giáo cũng phải sợ thằng này.

Vậy thì Cuff, ông chúa tuyệt đối trong trường, cai trị hành hạ bọn bầy tôi, uy quyền thật sự lừng lẫy. Đứa thì phải đánh bóng giầy, đứa thì nướng bánh, những thằng khác thì phải lăn lộn vất vả suốt những buổi chiều mùa hè để nhặt bóng cho nó. Dobbin là cậu bé bị nó ghét nhất; nó luôn luôn giễu cợt đánh chửi cậu bé, và ít khi thèm hạ mình nói một lời nào với cậu này.

Một bữa, hai đứa có chuyện xích mích với nhau. Dobbin ngồi một mình trong phòng học, đang dò dẫm viết một lá thư gửi về nhà thì Cuff bước vào, nó sai cậu bé đi đâu ấy, hình như đi mua bánh rán thì phải.

Dobbin nói:

- Chịu thôi; tôi còn phải viết cho xong thư đã.

- Mày chịu thôi à?

Cuff vừa nói vừa giằng lấy tờ giấy, trong đó nhiều chữ viết nguệch ngoạc, nhiều chữ viết sai bét, nhưng không biết Dobbin đã phí bao tâm trí, sức lực và nước mắt mới viết nên được. Lá thư ấy cậu bé đáng thương viết cho mẹ, mà mẹ cậu rất quý con trai, mặc dầu bà chỉ là vợ một người bán thực phẩm, sống trong một căn nhà xép ở phố Thames.

- Mày chịu thôi? Tao muốn biết tại sao, hừ? Ngày mai mày viết thư cho bà lão Figs không được à?

- Đừng có gọi tên tục nhà tao ra.

Dobbin cáu lắm, đứng bật lên.

Con "hổ xám" trong trường quát to:

- Thế nào, ông, ông có đi không thì bảo?

Dobbin đáp:

- Bỏ lá thư xuống, người tử tế không đọc thư của kẻ khác.

Thằng kia nói:

- Được bây giờ mày có đi không?

- Không, tao không đi. Đừng có đánh tao, ông thì bóp nát mày ra bây giờ.

Dobbin gầm lên, nhảy xổ đến vớ lấy một lọ mực bằng chì; thấy dáng điệu Dobbin dữ tợn, Cuff ngừng lại, buông hai cánh tay áo xuống, thọc tay vào túi vừa cười khinh bỉ vừa đi mất. Nhưng từ bữa ấy, nó không bao giờ thèm dính dáng đến cậu bé con trai người bán thực phẩm nữa; tuy vậy, chúng ta cũng phải công bằng mà nhận rằng nó luôn luôn vẫn nói đến Dobbin với thái độ khinh bỉ sau lưng cậu.

Ít bữa sau, một buổi chiều nắng ráo, William Dobbin nằm dài dưới gốc cây trong sân trường đang đánh vần cuốn truyện *"Nghìn lẻ một đêm"* mà cậu rất thích, hoàn toàn cô đơn và gần như rất sung sướng, cách biệt tất cả đám học trò đang thả sức nô đùa. Cuff cũng đang đứng gần đó. Nếu thiên hạ cứ để mặc trẻ con sống một mình, nếu thầy giáo thôi đừng làm rầy chúng, nếu các bậc cha mẹ đừng cứ nhất định đòi uốn nắn sự suy nghĩ của chúng, và khống chế cả tình cảm của chúng – những tình cảm và ý nghĩ ấy vẫn là một sự bí mật đối với tất cả mọi người:(hỏi rằng bạn và tôi chúng ta biết được bao nhiêu về nhau, về con cái chúng ta, về ông cha chúng ta, về láng giềng chúng ta? Và những ý nghĩ của thằng bé hoặc con bé mà chúng ta cai quản có thể đẹp đẽ và thiêng liêng biết bao so với ý nghĩ của những con người đần độn và hư hỏng cai quản chúng?) – Nếu cha mẹ và

thầy giáo hãy cứ để mặc trẻ con sống một mình thêm chút ít… thì chắc những chuyện tai hại sẽ bớt được nhiều, tuy rằng chúng có thể thâu lượm bớt đi đôi chút về mặt kiến thức[46]…

Vậy thì William Dobbin lần ấy đang quên khuấy cả thế giới để đưa hồn mình bay bổng theo chàng thủy thủ Sindbad tới thung lũng Kim cương, hoặc cùng Hoàng tử Ahmed và nàng tiên Peribanou sống trong cái hang kỳ thú, nơi hoàng tử gặp nàng, và là nơi chính chúng ta cũng thèm được đến thăm. Bỗng có tiếng kêu thét lên làm cậu bừng tỉnh giấc mộng mê ly; hình như có thằng bé con nào khóc. Ngẩng mặt lên, Dobbin thấy Cuff đang bắt nạt một thằng bé con.

Chính là thằng bé đã làm cậu bực mình vì chuyện cái xe chở thực phẩm bữa nọ. Nhưng cậu không ưa thù vặt, ít nhất là đối với bọn trẻ còn bé bỏng. Cuff giơ cao cái gậy màu vàng, dùng để chơi "cric-két" quát thằng bé:

- Sao mày dám đánh vỡ chai của tao?

Thằng bé đã được lệnh phải leo qua bức tường bao quanh sân chơi (ngay đúng chỗ thuận tiện nhất, vì những mảnh chai cắm trên bờ tường đã bị cậy sạch và sẵn những lỗ hõm sâu trên mặt tường có thể leo được), phải chạy độ một phần tư dặm đường và mua chịu một

chai rượu rum; rồi lại phải tìm mọi cách lọt qua mọi tai mắt của ông Swishtail leo qua tường đem về cho thằng Cuff. Lúc trèo qua tường vào sân, thằng bé trượt chân ngã, chiếc chai vỡ tan, rượu đổ sạch, bẩn hết quần. Thằng bé run rẩy đến đứng trước mặt ông trùm, run lẩy bẩy như mình phạm lỗi nặng, tuy hoàn toàn đáng thương và vô tội. Cuff lại quát:

Sao mày dám đánh vỡ chai? Thằng nhóc con ăn cắp? Mày uống hết rượu rồi giả vờ đánh vỡ chai phỏng? Chìa tay ra.

Chiếc gậy phang mạnh xuống bàn tay thằng bé nghe đến "bốp" một cái; một tiếng rên rỉ tiếp theo; Dobbin nhìn lên; thế là nàng tiên Peribanou và ông Hoàng Ahmed trốn biệt vào trong cái hang xa tắp. Con đại bàng vội đưa anh thủy thủ Sindbad bát ra khỏi thung lũng Kim cương bay vút lên chín tầng mây mất tăm; cuộc đời tầm thường hàng ngày lại hiện ra trước mắt cậu bé William thực thà: một thằng bé nhớn vô cớ bắt nạt một thằng bé con.

- Chìa nốt tay kia ra, ông ôn.

Cuff gầm lên với thằng bạn học bé tý, mặt rúm ró lại vì đau. Dobbin run bắn người, đứng phắt dậy trong bộ quần áo chật ních cũ kỹ.

- Thằng quỷ con, nhớ lấy nhé?

Cuff gầm lên; chiếc gậy lại phang xuống tay thằng bé.

Này, xin các bà dừng hãi; học trò ở trường công, đứa nào mà chẳng thế, rất có thể con cái các bà cũng bắt nạt đứa khác và cũng bị đứa khác bắt nạt như vậy. Chiếc gậy lại phang xuống; Dobbin đứng bật lên.

Không biết cậu bé nghĩ sao, vì trong các trường công, chuyện hành hạ trẻ con xảy ra như cơm bữa, y như ở Nga có lệ trừng phạt bằng gậy vậy. Cưỡng lại có thể bị coi là thiếu giáo dục. Hình như tâm hồn ngu độn của Dobbin công phẫn trước sự chuyên chế đó, hoặc có thể vì lâu nay Dobbin vẫn ủ ấp mối hận trong lòng, vẫn mong có dịp đọ sức cùng vị chúa tể "Hét ra lửa" hay bắt nạt kia, người có mọi thứ vinh quang, kiêu hãnh, địa vị huy hoàng, và kèn thổi trống giong, lính hầu đứng chào đủ cả. Không rõ cậu bé nghĩ sao, chỉ biết cậu đứng phắt dậy quát lên:

- Cuff, thôi ngay, đừng có đánh nó nữa, nếu không, tao…

- Nếu không thì mày làm gì? – Thấy bị ngăn cản Cuff rất ngạc nhiên – chìa tay ra mau, đồ chó con.

- Nếu không, tao sẽ đột cho mày một trận nhừ tử, từ bé chưa bao giờ mày được nếm đâu.

Dobbin trả lời vậy, và cậu bé con Osborne, mồm mếu xệch, nước mắt giàn giụa, ngước nhìn lên có vẻ lạ lùng, không tin rằng lại có người dám hiên ngang bênh vực cho mình; Cuff cũng lấy làm quái lạ không kém. Các bạn cứ tưởng tượng cố hoàng đế George đệ tam ngạc nhiên thế nào, khi người hay tin những thuộc địa Bắc Mỹ khởi loạn, các bạn cứ tưởng tượng thái độ của chàng Goliath xương đồng da thép, khi thấy anh David tý hon dám tiến lên đòi một cuộc tỷ thí, bạn sẽ hiểu ngay tâm trạng của ngài Reginald Cuff khi nghe lời thách thức trên.

- Được, sau giờ học mày sẽ biết.

Nó dọa thế, sau một phút im lặng và một cái nhìn như muốn nói: "Hãy sám hối đi; từ giờ đến chiều, hãy liệu mà giối giăng lại cho các bạn mày nhé".

Dobbin đáp:

- Được tùy ý, Osborne, mày phải làm nhân chứng cho tao, nghe không.

Thằng Osborne đáp:

- Ừ thế cũng được.

Bố thằng bé có cả một cái xe ngựa riêng, cho nên nó có vẻ hơi ngượng vì kẻ bênh vực nó.

Giờ chiến đấu sắp tới. Osborne thấy hơi thẹn khi phải nói "Figs, đánh đi". Suốt hai ba hiệp đầu của trận đấu hay ho này, không có lấy một đứa nào đứng xem nói câu ấy. Khởi đầu trận đánh, nhà đấu sĩ lão luyện Cuff nở một nụ cười khinh mạn, thoải mái, tươi tỉnh như đi dự dạ hội, tống những đòn vào địch thủ, và quật ngã Dobbin ba lần liền. Mỗi lần Dobbin ngã bọn trẻ lại reo ầm lên; đứa nào cũng sốt ruột mong có vinh dự được khúm núm chúc mừng người thắng trận.

Thằng Osborne vừa nâng đấu sĩ của mình dậy, vừa nghĩ thầm:

- Sau chuyến này, thế nào mình cũng bị ốm đòn.

Nó lại bảo Dobbin:

- Thôi, mày chịu thua đi thì hơn; Figs ạ, nó chỉ bắt nạt tao thôi mà, tao quen đi rồi.

Nhưng tay chân Figs đang run lên bần bật, mũi thở phì phò giận dữ lắm: cậu gạt người làm chứng oắt con của mình ra bên, xông vào đánh hiệp bốn. Ba lần trước Cuff bước vào hiệp đấu là chủ động tấn công ngay, không để cho Dobbin có thì giờ đỡ kịp, mà Dobbin cũng không biết đỡ những đòn đối phương liên tục nện vào mình: lần này Dobbin quyết định mình sẽ tấn công trước, ngay khi vào cuộc. Vốn thuận tay trái, Dobbin sử

dụng luôn để tấn công, đấm trúng hai cái liền mạnh hết sức… một quả trúng mắt trái Cuff, một quả trúng giữa mũi La-mã đẹp đẽ của cu cậu. Lần này Cuff ngã quay, đám trẻ đứng vây quanh rất ngạc nhiên. Chú bé Osborne vỗ vào lưng đấu thủ của mình, ra vẻ một tay sành thưởng thức, nói:

- Được lắm, Dobbin; cứ chơi tay trái như thế cho tao.

Trận đánh tiếp tục, cánh tay trái của Figs lập chiến công liên tiếp, mỗi lần đấm là một lần Cuff ngã gục. Đến hiệp thứ sáu hầu như những đứa hò: "đánh đi, Dobbin" cũng nhiều như những đứa reo: "Đánh đi, Cuff". Đến hiệp thứ mười hai thì nhà cựu vô địch đã kiệt lực, nói theo lối nhà nghề, đã mất hết bình tĩnh và sức mạnh để tấn công và phòng thủ; trái lại, Figs vẫn bình tĩnh như một tín đồ Thanh giáo. Mặt Cuff trắng bệch ra, mắt mở trừng trừng long lanh, môi dưới bị một chỗ rách, máu chảy ròng ròng; trông anh học trò trẻ tuổi này có một vẻ ma quái, dữ dội khiến bọn trẻ đứng gần như khiếp đảm. Song, tay địch thủ dũng mãnh của nó vẫn sửa soạn bắt đầu hiệp thứ mười ba.

Nếu tôi có được ngòi bút của một Napier, hoặc một Bell[47] tôi sẽ mô tả trận đấu sinh động hơn. Ấy là đợt tấn công cuối cùng của đội Vệ binh (tuy bấy giờ trận Waterloo chưa xảy ra)… ấy là đội quân của Ney[48] dàn

trận đối diện với trái đồi Sainte La Haye, một vạn lưỡi lê tua tủa với hai mươi con diều hâu dữ dội. Ấy là tiếng thét của đội quân Anh lao xuống sườn đồi nhảy xổ vào vây tròn ấy địch quân trong một trận giáp lá cà khủng khiếp… Nói tóm lại Cuff bước vào hiệp đấu đầy can đảm, nhưng đã lảo đảo xiêu vẹo; Dobbin bèn bồi cho một quả đấm tay trái như thường lệ trúng mũi địch thủ, hạ nó đo ván lần cuối cùng. Figs nói:

- Lần này chắc gục hẳn.

Nhìn địch thủ nằm sóng soài trên mặt cỏ y như viên bi-a của Jack Spot lúc đã rơi trúng vào lỗ: quả nhiên, lúc sắp đánh hiệp sau, Reginald Cuff không còn đủ sức, mà cũng không muốn dậy nữa.

Bây giờ bọn trẻ con hò reo ầm ĩ để tán thưởng Dobbin tưởng như từ đầu trận đánh chúng vẫn đứng về phe cậu bé, làm cho ông Swishtail phải bỏ phòng làm việc chạy ra, không biết có chuyện gì mà ồn ào đến thế. Dĩ nhiên, ông dọa đánh đòn Dobbin. Nhưng Cuff lúc này đã hồi lại, đang chùi vết máu, vội vàng đứng dậy nói:

- Thưa thầy, lỗi tại con ạ, Dobbin không có lỗi.

- Tại con bắt nạt một thằng bé hơn con, anh ấy đánh con là phải ạ…

Câu nói cao thượng ấy không những đã cứu kẻ thắng

trận thoát khỏi một trận đòn, mà còn trả lại cho thằng Cuff cái uy quyền đối với bọn trẻ con mà nó suýt mất vì cuộc thất trận vừa qua. Cậu bé Osborne viết thư về cho bố mẹ kể lại câu chuyện:

Sugarcane House, Richmond, Tháng 3… ngày 18… ,

Má thân yêu…

Con chúc má mạnh khỏe, con rất sung sướng xin má gửi ngay cho con một cái bánh ga-tô và năm si-linh. Cuff và Dobbin vừa đánh nhau một trận. Má cũng biết đấy, Cuff là thằng trùm trong trường. Hai thằng đánh nhau mười ba hiệp. Cuff bị đo ván. Thế là bây giờ Cuff tụt xuống hàng hai. Chúng nó đánh nhau là tại con. Cuff đánh con vì con làm vỡ một chai sữa; Dobbin thấy thế không chịu được. Chúng con gọi nó là Figs vì bố nó bán thực phẩm – hiệu Figs và Rudge, phố Thames, khu City – Theo ý con, nó đã bênh con thì má nên mua trà và đường ở hiệu của bố nó. Thứ bẩy nào Cuff cũng về thăm nhà. Nhưng lần này không về được, vì hai mắt sưng tím bầm lại. Nó có con ngựa Pony trắng đến đón nó về nhà, lại có một thằng hầu mặc chế phục cưỡi một con la lông hung hung đi theo. Giá ba mua cho con một con ngựa để con cưỡi thì thú quá.

Con ngoan của má George Sedley Osborne.

T.B. – Con gửi cho bé Emmy một cái hôn. Con đang cắt cho nó một cái xe ngựa bằng bìa cứng, đừng gửi bánh khô, gửi cho con bánh quả, má nhé.

Sau trận đánh thắng vừa rồi, vai trò của Dobbin nổi bật trong trường. Cậu bé được hết thẩy bạn học vì nể, và cái tên Figs trước kia hàm ý chế nhạo, bây giờ đã trở thành phổ biến và đáng kính như bất cứ tên gọi đùa một đứa trẻ nào khác trong trường. George Osborne bảo: "Nói cho đúng, bố nó bán thực phẩm có phải là lỗi tại nó đâu"; tuy bé, nhưng Osborne vẫn được đám học trò nhỏ trong trường mến; ý kiến của cậu bé được toàn thể nhiệt liệt tán thưởng.

Chúng quyết nghị rằng chế nhạo Dobbin về dòng dõi là hèn. "ông Figs" trở thành một cái tên tốt đẹp, thân yêu; và anh trưởng tràng cũng không kể chuyện bôi xấu Dobbin nữa.

Tình hình dễ chịu hơn, nên tinh thần Dobbin cũng có thay đổi. Cậu bé tiến bộ trông thấy trong những môn học cổ điển. Đích thân cậu Cuff lẫm liệt kia giúp đỡ Dobbin học những câu thơ la-tinh; trước sự chiếu cố này. Dobbin chỉ biết đỏ mặt và ngạc nhiên. Trong những giờ chơi, Cuff còn luyện thêm cho Dobbin, giúp cậu bé từ lớp bét của bọn trẻ con leo lên lớp nhì, và được xếp một thứ hạng kha khá ở lớp này nữa. Bây giờ mới khám

phá ra rằng tuy về môn học cổ điển thì dốt, nhưng về toán học Dobbin tiến bộ khác thường. Toàn thể mọi người rất hài lòng khi thấy cậu bé đứng thứ ba về đại số, và đến kỳ thi giữa mùa hè lại chiếm phần thưởng là một tập sách tiếng Pháp. Giá các bạn được nhìn thấy mặt bà mẹ Dobbin khi ông Swishtail trao quyển truyện Telemaque (truyện hay tuyệt!) cho Dobbin trước toàn thể học sinh trong trường và các vị phụ huynh; trong sách có ghi tặng Gulielmo Dobbin. Toàn thể học sinh vỗ tay tán thưởng. Không sao mà tả được cu cậu đỏ mặt, lúng túng, ngã xiêu vẹo và giẫm lên bao nhiêu là bàn chân bạn, lúc lĩnh thưởng xong trở về chỗ ngồi. Ông bố Dobbin tỏ vẻ kính nể con trai lần này là lần đầu; trước mặt mọi người, ông cho con trai hai ghi-nê. Số tiền này cậu bé tiêu gần hết để thết anh em trong trường một bữa ê hề; sau mấy ngày nghỉ, cậu trở lại trường, mặc một cái áo đuôi tôm.

Dobbin là một cậu bé quá khiêm tốn; cậu không nghĩ rằng tình thế thay đổi tốt đẹp như vậy là nhờ tính cao thượng rộng lượng của chính mình; vì một thói lệch lạc nào đó trong sự suy nghĩ, cậu lại cho rằng chính nhờ có Osborne, giúp đỡ săn sóc nên mới có cái may mắn trên; đối với Osborne, cậu yêu quý hết sức, chỉ có trẻ con mới quý nhau được như vậy… y như tâm tình của anh

chàng Orson trong truyện thần tiên đối với kẻ thắng mình là chàng Valentine tuyệt diệu. Có thể nói Dobbin quỳ xuống chân Osborne mà thờ phục cậu bạn nhỏ. Ngay khi hai đứa chơi với nhau. Dobbin đã thầm kính phục Osborne rồi, bây giờ cậu là thằng hầu, là con chó, là anh chàng "Thứ sáu"[49] của Osborne. Cậu tin rằng Osborne có đủ mọi tài. Osborne xinh trai nhất, can đảm, hoạt động, thông minh nhất, rộng lượng nhất, trong số trẻ con trên đời này. Tiền riêng của cậu, hai đứa cùng tiêu; cậu mua cho Osborne đủ mọi thứ: dao con, hộp bút chì, con dấu bằng vàng, bánh bơ, còi và những cuốn truyện phiêu lưu có những tranh tô màu khổ to, vẽ những hiệp sĩ và bọn cướp; nhiều tranh có đề "William Dobbin tặng bạn nối khố là George Sedley Osborne công tử". George tỏ vẻ rất nhã nhặn khi nhận vinh dự trên, thấy cũng xứng đáng với giá trị của mình.

Cho nên hôm trung úy Osborne đến công viên Russell để cùng đi chơi Vauxhall, anh ta đã nói với hai cô thiếu nữ và bà mẹ thế này:

- Bà Sedley, thưa bà, bà cho phép chúng con được tự do: con đã mời Dobbin bạn con đến dùng bữa ở đây, rồi cùng đi chơi Vauxhall. Tính anh ấy cũng dút dát như anh Joe.

- Nhút nhát! Xì!

Anh chàng béo, vừa đáp, vừa đưa cặp mắt chiến thắng nhìn sang cô Sharp.

Osborne cười, nói thêm:

- Anh ấy nhút nhát thật đấy. Nhưng Sedley, anh lịch sự hơn nhiều. Tôi gặp anh ấy ở Bedford, lúc đến đây tìm anh. Tôi đã bảo anh ấy rằng Amelia về nhà rồi, và chúng ta đang dự định tổ chức một buổi đi chơi tối; còn bà Sedley thì đã tha thứ cho anh ta về tội đánh vỡ cái bình rượu hồi còn nhỏ. Bà còn nhớ chuyện không may ấy không ạ? Bảy năm qua rồi.

Bà Sedley đáp:

- Làm bẩn hết cái áo lụa màu tím của bà Flamingo. Cái thằng vụng về quá. Mấy cô chị cũng chẳng khéo léo hơn mấy tý. Bà Dobbin hôm qua cũng đến Highbury chơi cùng ba cô con gái. Gớm, mặt với mũi.

Osborne láu lỉnh hỏi:

-Nhà ông cố vấn giàu lắm phải không, bà? Bà xem liệu mấy cô con gái, có cô nào con lấy làm vợ được không?

- Chỉ nói bậy thôi nào. Ai thèm rước cái mặt vàng khè của anh về làm của nợ, anh nói tôi xem?

- Mặt con mà vàng khè? Bà hãy chờ xem mặt Dobbin đã. Anh ta đã ba lần bị bệnh sốt rét, hai lần ở Nassau,

một lần ở St. Kitts.

Bà Sedley đáp:

- Được được? Đối với chúng tôi, mặt anh thế là đủ vàng lắm rồi, có phải không, Emmy?

Amelia nghe mẹ nói chỉ đỏ mặt lên mỉm cười; vừa liếc nhìn bộ mặt tai tái xinh trai của Osborne, có điểm một hàng ria mép rất đẹp, đen nhánh, xoăn xoăn và bóng (anh chàng trẻ tuổi vẫn lấy làm hãnh diện vô cùng về bộ ria của mình), cô vừa nghĩ thêm rằng trong quân đội của đức Hoàng đế, và khắp cả thế giới nữa, đố tìm đâu ra một bộ mặt điển trai, hoặc một con người anh hùng như chàng Osborne của cô. Cô nói:

- Tôi chả để ý đến đại úy Dobbin da mặt thế nào, hoặc tính tình vụng về ra sao, có điều chắc là bao giờ tôi cũng quý anh ấy… Đấy là bởi Dobbin là bạn của Giorgiơ và đã bênh vực anh chàng. Osborne nói:

- Trong quân đội, không có người nào tốt hơn, không có sĩ quan nào giỏi hơn, mặc dầu anh ta không phải là một Adonis[50].

Đoạn, anh chàng liếc nhìn bóng mình trong gương rất tự nhiên, nhưng thấy đôi mắt của Rebecca cũng đang chăm chú ngó mình, anh ta hơi đỏ mặt. Rebecca thầm nghĩ: "*A, ông bạn xinh trai của tôi ơi*[51], tôi nắm được

đúng *tẩy* của ngài rồi". Gớm, con bé đến láu cá!

Tối hôm ấy: Amelia vừa đi vừa nhảy nhót bước vào phòng khách; cô mặc một chiếc áo voan trắng, sửa soạn đi chơi Vauxhall, miệng líu lo hát như một con sơn ca, trông tươi tắn như một đóa hồng… bỗng cô thấy một người đàn ông tiến về phía mình và cúi xuống chào một cách vụng về không thể tả được; anh ta người cao lớn, thô kệch, tay chân to tướng, tai rộng bè, bộ tóc đen hớt rất ngắn nên hai tai trông càng to; anh ta mặc bộ binh phục gớm ghiếc, và đội một chiếc mũ vành bẻ tam giác kiểu thời bấy giờ.

Chính là đại úy William Dobbin, thuộc trung đoàn bộ binh thứ… của Hoàng gia; trung đoàn của anh ta đóng ở vùng tây Âu. Vì bị sốt rét vàng da nên anh ta được về nước nghỉ, trong khi các bạn đồng ngũ vẫn còn ở lại để lập công.

Lúc đến, Dobbin đã gõ cửa, nhưng vì nhút nhát nên gõ khẽ quá, trên gác không ai nghe tiếng; nếu không, chắc chắn Amelia chẳng dám bạo dạn vừa đi vừa hát trong phòng. Cho nên cái giọng hát thanh thanh, ngọt ngào mới đi thẳng vào tâm hồn chàng đại úy và nằm lỳ tại đó. Lúc Amelia đưa bàn tay cho anh ta bắt, trước khi nắm lấy, anh ta ngừng lại, nghĩ thầm; "Hừ, có lẽ nào… thì ra cô chính là cô bé mặc áo hồng, tôi còn nhớ gặp

mới hồi nào… cái bữa tôi đánh đổ bình rượu, vừa sau khi tôi được đề bạt? Cô chính là người mà Osborne nói chuyện định cưới làm vợ? Trông cô có vẻ tươi tắn lắm nhỉ; cái thằng láo lếu ấy thế mà may mắn ghê?" Những ý nghĩ trên vụt qua óc Dobbin trước khi anh đánh rơi chiếc mũ xuống đất vì vội cầm lấy bàn tay cô thiếu nữ.

Lai lịch anh chàng Dobbin từ khi rời bỏ nhà trường cho đến lúc chúng ta có cái may mắn gặp lại anh ta một lần nữa, nếu các bạn tinh ý thì cứ coi qua mấy trang trên cũng tạm rõ, mặc dầu chưa thật đầy đủ. Ông Dobbin, người bán thực phẩm bị khinh rẻ, đã thành ông cố vấn hành chính Dobbin… rồi cố vấn Dobbin lại trở thành đại tá Dobbin trong đội quân kinh kỵ của kinh đô, lúc này đang nóng lòng thèm được chiến đấu chống bọn Pháp xâm lược.

Đội quân của Dobbin đã được đức Hoàng đế và công tước York duyệt binh; trong đội quân này, ông bố Osborne mới chỉ là một bác hạ sĩ tầm thường; còn ông đại tá kiêm cố vấn hành chính thì đã được ban tước "Hiệp sĩ". Con trai ông cũng tòng quân và chính Osborne cũng gia nhập cùng vào một trung đoàn đó. Họ đã chiến đấu ở vùng Tây Ấn[52] và Gia-nã-đại. Trung đoàn của họ vừa trở về nước, bây giờ Dobbin vẫn yêu quý Osborne như xưa, hồi cả hai còn là những cậu học

sinh.

Mọi người cùng ngồi xuống dùng bữa. Họ nói với nhau về chuyện chiến tranh, chuyện chiến thắng, về Boney, về công tước Wellington, và về số tạp chí vừa ra. Đang thời buổi huy hoàng đó, cứ mỗi số tạp chí xuất bản lại có đăng một chiến công mới; hai chàng trẻ tuổi dũng cảm vẫn khát khao được thấy tên mình đăng trong bản danh sách vinh quang, và cùng rủa thầm số phận không may đã bắt họ chôn chân trong một trung đoàn đã không có vinh hạnh được mời đến gần trận địa danh dự. Nghe câu chuyện đầy hào hứng ấy cô Sharp thấy sôi nổi hẳn lên, nhưng cô Sedley thì sợ hãi đến gần như khiếp đảm. Joe cũng góp thêm vài câu chuyện săn hổ, anh ta kể nốt câu chuyện về cô Cutler và viên thầy thuốc Lance, tiếp Rebecca đủ mọi món ăn, và chính anh ta cũng vừa ăn lia lịa vừa nốc rượu vô hồi kỳ trận.

Lúc hai cô thiếu nữ rời khỏi phòng, Joe nhảy xổ ra mở cửa, với một dáng điệu vô cùng lịch sự và tình tứ… rồi lại quay vào bàn, tiếp tục rót lấy rượu vang hết cốc này đến cốc khác và nốc lấy nốc để một cách vội vàng. Osborne thì thầm với Dobbin:

- Cu cậu chuẩn bị đấy.

Cuối cùng đến giờ đi chơi Vauxhall, xe ngựa đã sẵn sàng.

CHƯƠNG VI
VAUXHALL

Tôi cũng biết rằng câu chuyện tôi đang kể chẳng có gì là đặc sắc (tuy rằng sắp đến vài chương ghê gớm đây), và cũng xin bạn đọc rộng lượng nhớ cho rằng chúng ta đang nói chuyện về gia đình một người buôn cổ phiếu ở công viên Russell, mà họ thì đang đi chơi hoặc ăn điểm tâm, hoặc dùng cơm tối, hoặc nói chuyện, hoặc phải lòng nhau, chẳng khác gì thiên hạ trong cuộc sống hàng ngày vậy; cũng chưa có một sự kiện ghê gớm kỳ lạ nào đánh dấu bước tiến bộ trong những mối tình của họ. Câu chuyện đại khái như thế này… Osborne yêu Amelia; anh ta mời một người bạn cũ đến dùng bữa tối rồi đi chơi Vauxhall, còn Joe Sedley cũng yêu Rebecca. Hai người có lấy nhau không? Đó là vấn đề ta đang xét.

Chúng ta rất có thể giải quyết vấn đề một cách hoặc êm đềm, hoặc lãng mạn, hài hước. Giả thử ta đặt câu chuyện vào khung cảnh Quảng trường Grosvenor, cũng những tình tiết ấy… liệu có ai thèm nghe không? Giả thử ta kể rằng Vương tước Joseph Sedley yêu, và hầu tước Osborne cũng phải lòng công nương Amelia, mối tình được vị công tước cha nàng hoàn toàn đồng ý; hoặc ta không cho chuyện xảy ra trong tầng lớp đại quý tộc, mà

đặt vào trong một khung cảnh hạ lưu nhất, thí dụ cái bếp của nhà ông Sedley chẳng hạn; bác da đen Sambo đã phải lòng chị đầu bếp ra sao (mà chắc chắn là có thể) và vì chị này, bác đã choảng nhau với anh xà ích… chú bé hầu rượu đã bị bắt quả tang ăn trộm một tảng vai cừu thế nào… rồi mụ hầu phòng cô Sedley mới mượn nhất định không chịu vào buồng ngủ nếu không có cây nến… những chuyện ấy có thể dựng lên cốt gây những trận cười khoái trá, và được mệnh danh là những cảnh đời thực. Hoặc giả, trái lại, nếu chúng ta ưa những cảnh hãi hùng, và cho anh nhân tình của mụ hầu phòng mới đến làm là một tên trộm nhà nghề; hắn cùng đồng đảng lọt vào nhà giết chết bác da đen Sambo ngay dưới chân ông chủ, cướp phăng cô Amelia còn mặt áo ngủ đem đi mất cho mãi đến tập ba của cuốn truyện mới thả cho về nếu thế, có lẽ chúng tôi đã có thể dễ dàng viết được một truyện rùng rợn; độc giả hẳn phải hồi hộp mà đọc ngấu nghiến những chương sách ghê gớm đó. Nhưng xin các bạn đọc đừng chờ đợi ở đây một cuốn truyện thuộc loại như vậy; đây chỉ là một câu chuyện gia đình và xin hãy bằng lòng với một chương kể chuyện Vauxhall, chương này ngắn ngủi lắm, đến nỗi không đáng gọi là một chương nữa.

Thế mà nó vẫn là một chương, lại là một chương quan

trọng nữa cơ đấy. Trong đời sống hàng ngày, chẳng đã từng có những chương bé nhỏ, hình như không có nghĩa lý gì, song thật ra đã ảnh hưởng đến cả đoạn sau của cuộc đời chúng ta đấy sao?

Vậy thì chúng ta hãy cùng bước vào trong chiếc xe ngựa với bốn cô cậu ở Công viên Russell và thẳng đường đến Vauxhall. Joe và cô Sharp ngồi ở ghế trước, giữa có một chỗ ngồi để trống. Osborne ngồi trước mặt họ, bị ép giữa đại úy Dobbin và Amelia.

Trên xe, ai cũng yên trí đêm hôm ấy thế nào Joe cũng ngỏ ý hỏi Rebecca Sharp làm vợ. Ở nhà, hai bậc cha mẹ cũng tán thành việc bố trí này, tuy ta phải nói riêng với nhau rằng ông lão Sedley đối với con trai gần như có ý khinh bỉ. Ông bảo rằng con trai ông phù phiếm, ích kỷ, lười biếng, và đàn bà quá. Ông cụ không chịu được những điệu bộ công tử bột của anh chàng, và rất tức cười về những chuyện "huyên thiên xích đế" của cu cậu. Ông lão bảo:

- Tôi sẽ cho nó nửa cơ nghiệp này, ngoài ra nó còn khối của riêng nhưng tôi cam đoan rằng ví thử ngày mai, bà, tôi và em gái nó chết, nó sẽ nói: "Đội ơn Chúa", và cứ ăn cơm tối ngon miệng như thường; cho nên tôi không vạ gì mà lo lắng cho nó. Mặc xác nó lấy ai thì lấy; đó không phải là việc của tôi.

Trái lại, Amelia rất tán thành cuộc hôn nhân của anh trai, đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta. Có một hai lần Joe định nói một điều gì đó rất quan trọng với em gái, mà cô em cũng rất sẵn sàng lắng nghe ông anh thổ lộ nỗi lòng, song anh chàng béo ị lại không đủ can đảm ngỏ cái điều bí mật quan trọng ủ ấp sâu kín trong trái tim mình; anh ta chỉ thở dài thật to và quay đi làm cho cô em gái cũng đến phát chán.

Điều bí mật sâu kín ấy có tác dụng khiến cho tâm trí cô Amelia dịu dàng của chúng ta lúc nào cũng bồi hồi chờ đợi, cô không hề trao đổi với Rebecca về câu chuyện tế nhị này; nhưng bù lại cô đã thân mật kể đầu đuôi câu chuyện với bà quản gia Blenkinsop; bà này lại khéo léo buông vài lời bóng gió với chị hầu gái; rất có thể chị này đã hấp tấp mách lại với chị làm bếp; và chị làm bếp lại đem tin này phổ biến với những người bán thực phẩm cho gia đình. Cuối cùng việc hôn nhân của Joe trở thành câu chuyện người nào ở Công viên Rusell cũng biết cả.

Dĩ nhiên, bà Sedley cho rằng con trai bà đã hạ thấp phẩm giá mình vì muốn cưới con gái một nghệ sĩ làm vợ.

Song bà Blenkinsop nói:

- Lạy Chúa, bà ơi, xưa kia hồi bà mới làm bạn với ông Sedley, bà cũng chỉ bán thực phẩm, còn ông nhà ta thì làm thư ký cho một người buôn tín phiếu, vốn liếng làm gì được nổi năm trăm đồng. Thế mà bây giờ cũng mát mặt đáo để. Amelia hoàn toàn đồng ý; vì vậy bà Sedley vốn tính rộng lượng, dần dần cũng xiêu lòng.

Ông Sedley thì vẫn đứng trung lập, ông nói:

- Mặc kệ thằng Joe lấy ai thì lấy; đó không phải là việc của tôi. Con bé chẳng có đồng hồi môn nào; ngày xưa bà Sedley cũng thế. Nó có vẻ cũng vui tính và thông minh, có nhẽ cũng giữ gìn thằng Joe khỏi chơi bời được đấy. Vả lại lấy nó chả tốt hơn lấy một bà da đen để đẻ ra cho nhà này một tá cháu nội da màu "súc-cù-là" à?

Thế là mọi sự dường như đều mỉm cười với cái may mắn của Rebecca. Mỗi khi xuống nhà ăn cơm, cô lại khoác tay Joe đi, như là một điều dĩ nhiên; cô đã ngồi cạnh Joe trên chiếc xe riêng mui trần của anh ta (Joe thật là một con hươu đầu đàn lẫm liệt, vì anh ta ngồi rất bình thản trên xe tự điều khiển lấy đôi ngựa xám của mình). Tuy không ai nói một lời nào về cuộc hôn nhân này, song dường như ai cũng đã rõ chuyện. Rebecca chỉ thèm có một điều là Joe ngỏ ý với mình. Chao ôi! bây giờ cô ta mới cảm thấy mình thiếu một bà mẹ, một bà mẹ âu yếm dịu dàng, có thể giải quyết vấn đề chỉ trong

mười phút đồng hồ, vì chỉ qua một câu chuyện riêng nho nhỏ, tế nhị, là có thể bắt anh con trai nhút nhát này bộc bạch tâm sự của mình.

Câu chuyện ở trong tình trạng như vậy đấy, khi chiếc xe chạy qua cầu Westminster.

Mọi người rời xe bước vào khu vườn của Hoàng gia vừa đúng lúc. Khi anh chàng Joe bệ vệ bước ra khỏi chiếc xe làm cho nó kêu cót két, đám đông đứng quanh reo cười ầm lên chào đón vị công tử béo phị; anh chàng đỏ mặt cắp tay Rebecca đi, trông dáng điệu càng thêm bệ vệ, hiên ngang.

Dĩ nhiên Amelia đã có George săn sóc. Trông cô hớn hở y như một cây hồng trong ánh nắng. George nói:

- Dobbin, tôi bảo này, anh trông hộ đám khăn san và đồ dùng nhé, thật may quá lại có anh.

Thế là trong khi George đi sóng đôi với Amelia, và Joe đang thót mình lại để chui qua cổng khu vườn có Rebecca cặp kè bên cạnh, thì anh chàng Dobbin thực thà đành vui lòng đưa tay nhận lấy đống khăn quàng và trả tiền vào cửa cho cả bọn.

Anh ta kín đáo đi sau lưng họ. Anh ta không muốn làm họ mất vui. Rebecca và Joe thì anh chẳng thiết để ý đến; nhưng anh cho rằng Amelia rất xứng đáng làm vợ

anh chàng George Osborne hào hoa kia; cặp tình nhân đẹp đôi đạo bước bên nhau khiến cô thiếu nữ sung sướng và hơi bỡ ngỡ. Dobbin nhìn sự hào hứng hồn nhiên của Amelia với niềm hân hoan của một người cha. Có lẽ Dobbin cũng cảm thấy giá trên tay mình có cái gì khác ngoài mấy tấm khăn quàng thì vẫn hơn (người qua kẻ lại thấy chàng sĩ quan trẻ tuổi vụng về ôm một mớ khăn áo của đàn bà thì cứ cười) nhưng Wiliam Dobbin không hay tính toán vị kỷ; trong lúc bạn mình được sung sướng tại sao mình lại không hài lòng? Trong vườn có rất nhiều thú vui; nào là hàng vạn ngọn đèn thắp sáng trưng, nào là bọn nhạc công đội mũ vành tam giác chơi những bản nhạc mê hồn dưới mô hình một chiếc vỏ ốc mạ vàng treo giữa khu vườn, rồi bọn ca công hát những bài khôi hài và trữ tình nghe rất hấp dẫn, những điệu vũ dân gian do những người dân thành Luân Đôn vừa đàn ông vừa đàn bà trình bày… chỉ thấy nhảy, vỗ tay và cười ầm ĩ; có trống báo hiệu bà Saqui sắp sửa biểu diễn trò bám thang dây leo lên giời chơi với sao, lại có một vị ẩn sĩ lúc nào cũng ngồi tĩnh tọa trong một căn đạo am đèn thắp sáng trưng. Có bao nhiêu là lối đi tối om, rất thuận tiện cho những cặp tình nhân trẻ tuổi tâm sự cùng nhau; một bọn người mặc chế phục cũ kỹ, tồi tàn, bán những ca rượu mạnh, và trong những quán ăn lấp lánh ánh đèn, bọn thực khách sung sướng ngốn những mảnh

dăm-bông mỏng dính… tất cả những thú vui ấy, cả anh chàng Simpson nữa, anh chàng ngớ ngẩn tốt bụng lúc nào cũng mỉm cười, và có thể nói là đang chủ tọa cả cuộc dạ hội… tất cả, đại úy Dobbin đều không buồn chú ý lấy may may.

Anh ta mang chiếc khăn quàng Casomia trắng của Amelia trên tay đi loanh quanh, rồi đứng dưới chiếc mô hình vỏ ốc mạ vàng xem bà Salmon trình bày bài "*Chiến tranh*" của Borodino, một bản sử thi phổ nhạc giễu cợt con người hãnh tiến đảo Corse mới đây vừa bị đại bại ở Nga…

Lúc quay đi chỗ khác bỗng anh ta thử lẩm nhẩm hát… và thấy mình nhắc lại điệu hát của Amelia lúc cô bước xuống thang gác đi vào phòng ăn. Dobbin phá ra cười chế nhạo chính mình, vì sự thực anh ta hát cũng không hay hơn một con cú rúc.

Lẽ dĩ nhiên, ta phải hiểu rằng những con người trẻ tuổi của chúng ta đang sánh đôi từng cặp, từng cặp một, và đang long trọng hứa hẹn với nhau suốt tối nay sẽ không rời nhau, để mười phút sau đã chia tay nhau rồi. Người đi chơi ở Vauxhall vẫn thường chia tay nhau, nhưng họ sẽ gặp nhau lại lúc bữa ăn nửa đêm để kể cho nhau nghe những chuyện xảy ra từ lúc họ chia tay.

Đã có những chuyện gì xảy ra về Osborne và Amelia?

Đó là một điều bí mật. Nhưng xin bạn hãy yên trí rằng họ rất sung sướng và đối với nhau rất đứng đắn. Vì đã mười lăm năm nay, họ vẫn có thói quen đi chơi đông với nhau, nên cũng không ai cho đấy là chuyện mới lạ.

Song khi Rebecca Sharp và người bạn trai béo phị của cô đi mất hút vào trong một lối đi tối om – chỉ có độ mươi cặp khác cũng lạc lối đi vào đấy – thì cả hai cùng thấy rằng trường hợp của họ rất là tế nhị và "gay go". Riêng cô Sharp nghĩ thầm, bây giờ hoặc là không bao giờ nữa chính là lúc phải khêu gợi cho những lời ngỏ tình còn đang mấp máy trên đôi môi nhút nhát của anh chàng Sedley kia phải bật ra.

Lúc nãy, hai người vừa đứng xem một toàn cảnh của thành phố Mạc-tư-khoa; có một anh chàng thô kệch bỗng giẫm phải chân cô Sharp, khiến cô này kêu thét lên, lùi lại, ngã ngay vào cánh tay Sedley; sự việc vừa rồi càng khiến cho anh chàng thêm dịu dàng thân mật, đến mức độ anh ta lại kể thêm ít nhất là lần thứ sáu rất nhiều chuyện Ấn Độ sở trường của anh. Rebecca nói:

- Em thèm được sang Ấn Độ quá?

- Cô thích thật không?

Sedley hỏi lại, giọng nói vô cùng dịu đàng, tình tứ, và chắc chắn sắp sửa nối theo câu hỏi khéo léo ấy bằng

một câu hỏi khác êm ái hơn nhiều (vì anh ta lúc này đang thở phì phò như kéo bễ, và bàn tay cô Rebecca đặt gần mé ngực anh ta có thể đếm từng nhịp đập dồn dập của trái tim cu cậu), thì ôi, tai hại làm sao! Có tiếng chuông réo lên báo hiệu sắp bắn pháo hoa; thế là xung quanh người ta chen lấn nhau chạy ào ào: đôi tình nhân đành phải buông mình trôi theo dòng người cuồn cuộn.

Đại úy Dobbin dự định đến bữa ăn đêm sẽ lại tìm bọn họ; quả thật anh ta thấy những trò chơi ở Vauxhall chẳng thú vị gì mấy… Anh ta đã nện bước qua lại tới hai lần trước ngôi quán có hai cặp tình nhân trong đó, nhưng chẳng ai để ý đến anh ta. Trên bàn bày bát đĩa cho bốn người ăn.

Hai cặp tình nhân huyên thuyên trò chuyện những đâu đâu, trông thật là hạnh phúc; Dobbin hiểu rằng mình đã hoàn toàn bị bỏ quên như chưa hề bao giờ có mặt trên đời này.

Viên đại úy nhìn bốn người, vẻ hơi đăm chiêu, nói:

- Mình có ngồi đây cũng *rất thừa*[53]. Tốt hơn là đi ra nói chuyện với lão ẩn sĩ.

Anh chàng bèn rời xa cái đám ồn ào những tiếng người, tiếng động, tiếng thìa ra lách cách của bữa tiệc, lang thang đi vào một con đường tối om; đầu đường là

chỗ ở của Chàng Cô đơn[54] quen thuộc bằng giấy bồi. Dobbin cũng không lấy gì làm vui lắm; mà thực thế, tôi đã biết, nhờ những kinh nghiệm bản thân, rằng trơ trọi một mình ở Vauxhall là một trò chơi tai hại nhất đối với một anh con trai chưa vợ.

Hai cặp tình nhân ngồi trong căn lều, hoàn toàn hạnh phúc họ chuyện trò với nhau sao mà thân mật và sung sướng thế. Joe đang lúc hăng say, hiên ngang dõng dạc ra lệnh cho bọn hầu bàn. Anh trộn rau xà-lách, mở sâm-banh, cắt thịt gà, và uống, và ăn phần lớn thức ăn trên bàn. Cuối cùng anh ta nhất định đòi bằng được một tô rượu mạnh. Ở Vauxhall ai mà không uống rượu mạnh: "Bồi, rượu mạnh đây!" Tô rượu mạnh này là nguồn gốc của tất cả câu chuyện này; mà tại sao nguyên nhân lại không phải là một tô rượu mạnh; nó cũng như bất cứ một cái gì khác chứ sao?

Xưa kia, chỉ vì một cốc thanh toan[55] mà nàng Rosamond kiều diễm kia phải đi vào nhà tu kín đấy thôi. Lại cũng vì một tô rượu vang mà Alexander đại đế đã phải chết, hoặc ít nhất cũng là theo lời ông Lempriere kể lại. Vậy thì chính cái tô rượu ấy đã ảnh hưởng đến vận mệnh của mọi nhân vật trong câu chuyện không có nhân vật này. Dẫu rằng hầu hết bọn họ không nếm một giọt rượu nào, tô rượu cũng vẫn ảnh hưởng đến đời sống của

họ.

Hai cô thiếu nữ không uống rượu: Osborne cũng không thích nốt. Cuối cùng Joe anh chàng béo tham ăn, đã một mình tu sạch cả tô rượu; kết quả của việc nốc cả tô rượu mạnh là mới đầu anh ta vui vẻ một cách kỳ lạ, rồi sau sự vui vẻ ấy hầu như biến thành khó chịu. Bởi lẽ anh ta nói chuyện và cười đùa cứ bô bô lên, làm cho đến hàng tá người tò mò tụ tập xung quanh căn lều nghe; mấy người bạn cùng ngồi ngượng hết sức. Anh ta còn tình nguyện hát một bài (với cái giọng cao mà lè nhè đặc biệt của những ông say mềm), thế là có nhẽ hầu hết đám khán giả tụ tập quanh cái mô hình vỏ ốc mạ vàng đổ xô lại xem; họ vỗ tay rào rào tán thưởng. Một người nói: "Hoan hô anh béo!" Người khác: “Hát lại đi, Daniel Lambert!” Một người thứ ba kêu lên: “Trông chẳng khác gì hề leo dây” làm cho mấy cô thiếu nữ hoảng quá; Osborne tức lắm. Anh ta hét to:

- Anh Joe ta đứng dậy đi về thôi, tôi xin anh đấy.

Hai cô thiếu nữ đứng ngay lên.

- Khoan đã, này cô em be bé xinh xinh của tôi ơi!

Joe hò lên vậy và bạo dạn như một con sư tử ôm ghì ngang lưng Rebecca. Rebecca hoảng quá nhưng không sao gỡ ra được. Thiên hạ thấy thế càng cười tợn. Joe cứ

tiếp tục nốc rượu và tán tỉnh, và hát. Rồi anh ta lại nháy mắt và mềm mại giơ cốc rượu vẫy chào mọi người đứng xem, thách thức tất cả mọi người hoặc bất cứ ai dám vào uống rượu thi với mình.

Osborne suýt nữa thì đấm ngã quay một anh chàng đi ủng định xông vào lợi dụng bữa rượu và hình như không sao tránh khỏi chuyện rắc rối. May quá, vừa lúc ấy Dobbin vẫn đi chơi loanh quanh trong vườn, bước vào trong quán ăn.

- Đi chỗ khác con khỉ.

Vừa nói Dobbin vừa huých bật một số đông người đứng xem ra ngoài; thấy cái mũ vành tam giác và điệu bộ hung hãn của Dobbin, họ sợ quá chạy mất, còn anh ta bước vào trong quán, có vẻ bị xúc động tợn.

- Trời ơi? Dobbin. Thế lúc nãy anh ở đâu?

Osborne vừa hỏi, vừa giằng lấy chiếc khăn quàng Casomia trắng trong tay bạn trùm kín lấy Amelia.

- Anh ở đây liệu thu xếp và coi sóc anh Joe hộ nhé. Để tôi đưa hai cô ra xe.

Joe định đứng lên can thiệp, nhưng Osborne chỉ mới đưa một ngón tay ra gạt, anh ta đã ngã phịch xuống ghế, viên trung úy đưa hai cô thiếu nữ ra xe một cách an toàn. Thấy họ đi, Joe còn giơ tay hôn gửi theo, và nấc

lên: "Cầu Chúa cho các bạn! Cầu Chúa cho các bạn?". Đoạn Joe cầm tay đại úy Dobbin, khóc một cách rất đáng thương; anh chàng thú thực mối tình của mình với bạn: anh ta thờ phụng cô thiếu nữ vừa đi khỏi, anh ta hiểu rằng cử chỉ lỗ mãng vừa qua của mình đã làm cho cô thiếu nữ đau khổ vô cùng; anh ta muốn ngay hôm sau làm lễ cưới Rebecca ở nhà thờ Saint George, tại công viên Hanover; anh ta sẵn sàng đập cửa đánh thức cả đức giám mục Canterbury ở Lambeth; thề có trời đất, anh ta sẽ buộc đức giám mục phải tổ chức lễ cưới ngay lập tức. Đại úy Dobbin bèn lựa ý bạn, khôn khéo khuyên nên rời khỏi khu vườn hội, mau mau đến Lambeth kéo muộn. Lúc đã qua cổng, Dobbin dìu Joe Sedley lên xe rất dễ dàng, rồi đưa anh ta về nhà không xảy ra chuyện gì cả.

George Osborne cũng đã đưa hai cô thiếu nữ về nhà vô sự; lúc cửa đã đóng, đi ngang qua công viên Russell anh ta cười rũ rượi làm cho người gác lấy làm lạ quá. Amelia buồn bã nhìn cô bạn gái; cô dẫn bạn lên gác, hôn bạn và đi ngủ không nói thêm chuyện gì khác.

Rebecca thầm nghĩ: "Ngày mai chắc anh chàng phải tỏ tình. Anh chàng gọi mình là *em thân yêu* đến bốn lần tất cả; anh chàng còn nắm chặt tay mình trước mặt Amelia. Mai, hẳn anh chàng phải tỏ tình". Cả Amelia

cũng yên trí như thế. Tôi còn dám tin rằng cô nghĩ cả đến bộ áo phù dâu sẽ mặc, nghĩ đến những món quà cưới sẽ mừng người chị dâu xinh xắn bé nhỏ của mình, nghĩ cả đến buổi hôn lễ tiếp theo, trong đó có thể là chính cô sẽ đóng một vai chủ yếu vân vân và vân vân…

Ôi, người đời mới dại dột làm sao? Các người thật chưa hiểu hết cái tai hại của một tô rượu mạnh! Uống rượu mạnh, sáng hôm sau nhức đầu như búa bổ. Về cái chân lý này, tôi có thể lấy tư cách là đàn ông mà cam đoan như vậy; trên đời này không có một bệnh nhức đầu nào như nhức đầu vì rượu mạnh ở Vauxhall. Đã hai mươi năm nay, mà tôi còn nhớ rõ hiệu quả của hai cốc rượu… hai cốc rượu vang… chỉ có hai thôi, xin lấy danh dự mà thề như vậy; thế mà Joseph Sedley đang bị đau gan, lại đã nốc ít nhất là một phần tư lít cái thứ nước khủng khiếp ấy.

Sớm hôm sau, trong khi Rebecca chắc mẩm bình minh của hạnh phúc đang rạng rỡ đón chào mình, thì Sedley cũng đang rên rỉ vì đau đớn đến nỗi không bút nào tả xiết. Không may, hồi ấy người ta chưa chế ra nước xô-đa. Các vị thực khách nào trót quá chén đêm hôm trước, chỉ có mỗi một thứ bia để uống cho giã rượu. George Osborne thấy ngài cựu ủy viên tài phán quận Boggley Wollah đang rền rĩ trên chiếc ghế xô-fa,

trước mặt có chai bia. Dobbin đã có mặt trong phòng; suốt đêm hôm trước, anh ta đã tận tình săn sóc ông bạn nạn nhân của đêm vừa qua. Hai viên sĩ quan nhìn xuống vị lưu linh ngồi rũ rượi; đưa mắt nháy nhau, cùng mỉm một nụ cười thương hại đáng sợ. Cả bác hầu riêng của Sedley là người xưa nay rất đứng đắn, lúc nào cũng lặng lẽ, trông quan trọng như một ông chủ đòn đám ma, mà nhìn ông chủ bất hạnh của mình suýt nữa cũng không giữ được bản tính thường ngày.

Lúc Osborne trèo lên thang, bác ta thì thầm riêng với khách:

- Ngài ạ, đêm qua ông Sedley thật điên dại khác thường, ông tôi định đánh bác xà ích giong chiếc xe ngựa thuê. Ông đại úy phải dìu ông tôi lên thang gác như bế đứa trẻ con ấy.

Bác Brush vừa nói, vừa thoáng mỉm cười; nhưng lập tức bác ta vội lấy lại vẻ mặt nghiêm trang, lặng lẽ, bí ẩn thường ngày, khi bác mở cửa phòng khách và báo: "Ngài Hosbin".

Sau khi đã liếc nhìn nạn nhân của mình, anh chàng trẻ tuổi vui tính này hỏi:

- Thế nào, Sedley, làm sao thế? Không gẫy cái xương nào chứ? Dưới nhà có một tên xà ích, một bên mắt tím

bầm, đầu quấn băng chằng chịt, đang thề sống thề chết rằng thế nào cũng kiện anh tại tòa.

Sedley yếu ớt hỏi:

- Anh nói cái gì?… Ai kiện?

- Vì đêm qua anh choảng nó một trận – đúng không, Dobbin? Gớm, ông đánh ghê thế, chẳng kém gì Molyneux. Bác gác cổng kể lại rằng chưa bao giờ thấy ai bị đánh ngã chết giấc như vậy. Hỏi Dobbin mà xem.

Đại úy Dobbin cũng nói:

- Quả thật, anh có đánh nhau với tên xà ích, và anh đánh cũng hăng lắm.

Cả cái anh chàng mặc áo trắng ở Vauxhall nữa; Joe đấm nó khiếp quá! Các cô ấy kêu ầm cả lên? Lạy Chúa, trông thấy anh tôi vui quá; tôi cứ nghĩ bọn "dân thường" các anh nhút nhát, nhưng Joe ạ, tôi chịu không bao giờ dám dây với anh lúc say rượu đấy.

- Tôi mà đã cáu lên thì tôi cũng khiếp lắm, tôi biết thế.

Vẫn ngồi trên ghế xô-fa, Joe vừa đáp vừa nhăn mặt trông thảm quá mà lại tức cười, làm cho viên đại úy không thể giữ lịch sự được nữa; anh ta và Osborne cùng phá ra cười như nắc nẻ.

Thấy vui, Osborne tàn nhẫn trêu thêm. Anh ta vẫn

cho Joe là người đần độn. Chợt nhớ đến câu chuyện tình duyên giữa Joe và Rebecca, anh ta cũng không lấy gì làm thích lắm, vì chẳng lẽ người anh vợ tương lai của George Osborne, thuộc trung đoàn thứ… lại hạ mình xuống lấy vơ váo một đứa con gái chẳng ra thế nào… một cô giáo dạy trẻ cà mèng sao? Osborne nói:

- Ông mà đánh trúng hả, ông bạn đáng thương của tôi? Ông mà cũng khiếp lắm à? Ông có đứng được vững đâu. Đêm qua ông làm cho tất cả thiên hạ cười vỡ bụng ở công viên, mà chính ông thì khóc… ông cứ bè nhè, bè nhè… có nhớ hôm qua hát bài gì không?

- Bài gì cơ? Joe hỏi.

- Một bài hát trữ tình, rồi gọi cô Rosa, Rebecca… tên cô ta là gì nhỉ, cái cô bạn gái của Amelia ấy mà, cái "*cô em bé bé xinh xinh*" của anh ấy mà.

Và anh chàng tàn nhẫn nắm lấy tay Dobbin, diễn lại tấn trò đêm trước; diễn viên chính ngồi đấy hoảng quá; Dobbin thương tình xin George tha cho cô, anh ta cũng mặc.

Lúc hai người ra về để cho bác sĩ Gollop săn sóc người ốm, Dobbin trách bạn; Osborne đáp:

- Tại sao tôi lại phải tha cho anh ta? Anh ta có quyền hành quái quỉ gì mà dám lên mặt chủ nhân và làm trò

cho thiên hạ cười cả chúng mình ở Vauxhall? Cái cô học trò bé con đang liếc tình và "chài" anh ta là ai vậy? Thôi đi, không có cô ta, gia đình này cũng đã đủ hèn hạ lắm rồi: Kể ra một cô dạy trẻ cũng tạm được; nhưng tôi muốn chị dâu tôi là một vị phu nhân thì vẫn hơn. Tính tôi khoáng đạt, nhưng tôi cũng có cái kiêu hãnh chính đáng của tôi chứ; tôi hiểu địa vị của tôi, vậy cô ta cũng nên biết địa vị của cô ta. Tôi sẽ làm nhục cái ông béo ị đần độn ấy cho mà xem; tôi sẽ khiến anh ta không còn dám dở trò ngu ngốc quá đáng ra nữa, cho nên tôi mới bảo anh ta nên dè chừng, vì tôi sợ cô ta sẽ tấn công anh chàng trước.

Dobbin bán tín bán nghi, song cũng đáp:

- Cho rằng anh biết nhiều đi. Xưa nay anh vẫn đứng về phái Tory[56], và gia đình anh là một gia đình lâu đời nhất ở Anh, song…

- Anh cứ theo tôi đến thăm các cô ấy, và cứ việc đích thân tán tỉnh cô Sharp xem.

Viên trung úy ngắt lời bạn, song Dobbin từ chối không đi cùng Osborne, khi hàng ngày anh này đến Russell thăm hai cô thiếu nữ.

Lúc George từ phố Holborn đi xuống phố Southampton, anh ta bật cười, vì nhìn vào nhà ông

Sedley, thấy ở hai tầng khác nhau, có hai cái đầu cùng ngó ra. Thì ra cô Amelia ngồi trên bao lơn phòng khám đang băn khoăn ngóng về phía bên kia công viên, chỗ Osborne ở, để tìm bóng viên trung úy; còn cô Rebecca ngồi trong căn phòng nhỏ của mình ở tầng trên cũng đang nóng ruột chờ cái thân hình to béo của Joseph lù lù hiện ra.

Osborne bảo Amelia:

- Chị An đang ngồi trên chòi cao, nhưng chẳng có ai đi tới cả.[57]

Anh ta cười, lấy làm thú vị vì câu nói đùa của mình, rồi tả lại bằng những lời lẽ hài hước nhất tình trạng đáng thương của anh trai cô Amelia.

Cô thiếu nữ đáp, vẻ mặt hết sức buồn bã:

- George ạ, em thấy anh cười như vậy thật tàn ác quá.

Nhưng thấy cô thiếu nữ rầu rĩ âu sầu, George càng buồn cười khỏe, cứ yên trí rằng trò đùa của mình là lý thú.

Lúc cô Sharp xuống nhà, anh ta liến thoắng giễu cợt cô này về chuyện sắc đẹp của cô khiến anh chàng béo ị chết mê chết mệt.

- Chao ôi, cô Sharp ạ. Giá cô nhìn thấy anh ấy sớm

hôm nay… đang rên rỉ trong bộ áo ngủ hoa sặc sỡ… lăn lộn trên chiếc ghế xô-fa, giá cô trông thấy anh ấy thè lưỡi ra cho ông thầy thuốc Gollop coi bệnh…

Cô Sharp hỏi:

- Thấy ai cơ?

- Ai? Còn ai nữa? Chẳng phải Dobbin thì là ai. Đêm qua, chúng ta đã quan tâm đến anh ấy nhiều quá đấy.

Emmy đỏ bừng mặt lên đáp:

- Hôm qua, chúng mình xử tệ với anh ấy quá thật.

- Em… em quên bẵng mất anh ấy đấy. Osborne vẫn còn cười tiếp:

- Em quên là dĩ nhiên. Ai mà nhớ luôn luôn đến Dobbin được: Amelia, em biết đấy. Có ai nhớ được không, cô Sharp?

Cô Sharp lắc đầu kiêu hãnh đáp:

- Trừ lúc anh ấy đánh đổ cốc rượu vang trong bữa ăn, tôi chưa hề chú ý đến sự có mặt của đại úy Dobbin lấy một phút.

Osborne đáp:

- Tốt lắm, cô Sharp ạ. Tôi sẽ bảo với anh ấy thế.

Nghe anh này nói, cô Sharp tự nhiên bắt đầu cảm thấy

thù ghét anh chàng sĩ quan trẻ tuổi; thực ra anh ta cũng hoàn toàn vô tình không có ý định gây ra sự thù ghét ấy. Rebecca nghĩ thầm: "Có lẽ hắn đang giễu cợt mình đây; chắc lúc nãy hắn nói về chuyện mình với Joseph. Không biết có phải hắn đã làm cho anh chàng sợ không. Có lẽ anh chàng không dám đến rồi". Mắt cô bỗng mờ đi và tim cô sao mà đập nhanh quá sức. Rebecca cố mỉm cười một cách ngây thơ nhất đời, nói:

- Anh chỉ được cái bộ hay nói đùa thôi, anh George ạ. Mời anh cứ nói trêu đi. Tôi chẳng có ai bênh vực đâu.

Đoạn cô lảng đi chỗ khác. Amelia nhìn George Osborne có ý trách móc; anh này cảm thấy hơi hối hận vì đã đối xử tàn nhẫn một cách không cần thiết với người con gái trơ trọi kia; anh ta đáp:

- Amelia thân yêu ơi, em tốt bụng quá. Em không hiểu lòng dạ người đời. Anh thì anh hiểu. Còn cô Sharp, cô bạn nhỏ của em, cô ta cần biết phận mình mới được.

- Anh cho rằng anh Joe sẽ…

- Anh thề rằng anh không biết gì, em yêu ạ. Anh ấy có thể lấy, hoặc cũng có thể không. Anh có phải là ông chủ của anh ấy đâu. Chỉ biết rằng anh ấy là một người ngớ ngẩn, phù phiếm, và đêm qua đã đặt cô em yêu quý bé bỏng của anh vào trong một hoàn cảnh khó xử và đáng

giận. "*Cô em be bé xinh xinh*" yêu quý nhất đời của anh ạ.

Lúc George ra về, anh ta vẫn chưa hết cười, điệu bộ trông đến khôi hài, làm cho Emmy cũng phải cười theo.

Suốt ngày hôm ấy Joe không tới. Nhưng Amelia không ngại về chuyện ấy; cô thiếu nữ đã khôn khéo phái ngay thằng nhỏ phụ việc bác Sambo đến nhà Joseph để lấy mấy cuốn sách anh trai đã hứa cho mượn, nhân tiện hỏi thăm sức khỏe của ông anh. Bác Brush, người hầu của Joe ra trả lời rằng chủ bác ốm, vừa có bác sĩ lại thăm bệnh xong.

Amelia nghĩ hôm sau thế nào anh chàng cũng lại, nhưng không có can đảm nói một lời nào về chuyện này với Rebecca, mà suốt buổi tối hôm ấy, sau cái đêm ở Vauxhall, chính Rebecca cũng không hề đả động đến chuyện này.

Hôm sau nữa, lúc hai chị em đang ngồi trên ghế xô-fa định bụng làm một việc gì, viết thư hoặc đọc sách chẳng hạn, thì thấy Sambo bước vào phòng; bác vẫn cười cười như mọi khi, nách cắp một gói gì, còn tay cầm một chiếc khay trên có đặt một phong thư. Sambo nói:

- Thưa cô, có thư của ông Joe.

Amelia bóc lá thư mà run quá. Thư viết thế này:

Em Amelia nhân yêu, Anh gửi cho em cuốn "Đứa bé mồ côi trong rừng". Hôm qua anh mệt quá, không lại được. Hôm nay, anh đi Cheltenham. Nên tiện, em xin lỗi cô Sharp đáng mến hộ anh về cử chỉ của anh ở Vauxhall; em xin cô ấy tha lỗi cho anh, và vui lòng quên tất cả mọi lời anh nói trong lúc bị kích thích bởi bữa rượu tai hại ấy. Sức khỏe của anh bị ảnh hưởng ghê gớm quá; khi nào bình phục, anh sẽ lập tức đi chơi Scotland độ vài tháng.

Anh thân mến của em.

Joe Sedley

Đây là lời tuyên án tử hình. Thế là hết. Amelia không dám nhìn thẳng vào Rebecca; cô này đang tái mặt đi, mắt mở to chờ đợi. Amelia chỉ bỏ lá thư vào lòng bạn, rồi đứng dậy lên gác về phòng riêng nằm khóc tấm tức.

Bà quản gia Blenkinsop tìm đến an ủi; Amelia gục đầu vào vai bà thút thít khóc và cũng cảm thấy dễ chịu hẳn đi.

- Đừng buồn, cô ạ. Trước tôi không muốn nói chuyện ấy với cô, nhưng trong nhà ta không một ai ưa cô ấy, trừ lúc cô ấy mới đến thì không kể. Chính mắt tôi trông thấy cô ấy đọc trộm những thư riêng của bà. Pinner nói rằng lúc nào cũng thấy cô ấy lúi húi bên cạnh những hộp

đựng đồ vặt và những ngăn kéo của cô; cô ấy lục ngăn kéo của tất cả mọi người; chị Pinner cam đoan rằng cô ấy đã lấy cuộn ru băng trắng của cô bỏ vào hộp riêng của mình.

Amelia nói:

- Tôi cho cô ấy đấy, tôi cho đấy.

Nhưng bà Blenkinsop vẫn chưa hết nghi ngờ cô Sharp. Bà ta bảo chị hầu gái:

- Chị Pinner ạ, tôi không ưa mấy cô giáo dạy trẻ lắm đâu. Họ hay lên mặt, làm điệu làm bộ như các bà hoàng ấy, mà tiền lương của họ thì nào có hơn gì tôi và chị.

Bây giờ trong nhà ai ai cũng thấy rõ thế nào Rebecca cũng phải ra đi, trừ cô Amelia tội nghiệp. Từ trên đến dưới (vẫn trừ một người), ai cũng đồng ý rằng cô ta càng đi sớm càng hay. Amelia vội lục lọi mọi ngăn kéo, ngăn tủ, túi và cái hộp đồ vặt… soát lại hết các bộ áo, khăn san, giẻ vụn, cuộn chỉ, dây đăng-ten, bí tất lụa v.v… lựa thứ này, chọn thứ khác, xếp thành một đống nhỏ để tặng Rebecca. Ông Sedley, trước đã hứa cho con gái một số ghi-nê bằng số tuổi của cô… Amelia bèn đến xin cha; ông nhà buôn người Anh rộng lượng ấy, cho Rebecca số tiền đó vì cô chắc bạn mình đang túng, trong khi mình chẳng thiếu một thứ gì.

Cô lại bảo George Osborne góp thêm vào một món quà; anh chàng trẻ tuổi vốn là tay hào phóng như bất cứ chàng trẻ tuổi nào trong quân đội, rất sẵn sàng đi ngay đến phố Bond, mua một chiếc mũ và một tấm áo da ngắn đẹp nhất mà có tiền là có thể mua được. Amelia rất hãnh diện khi ôm chiếc hộp đựng mũ áo đến tặng Rebecca; cô nói:

- Chị Rebecca thân mến ơi, đây là quà của anh George tặng chị đây. Anh ấy chọn hàng khéo quá! Chẳng ai chọn khéo được như anh ấy.

Rebecca đáp:

- Chẳng có ai thật. Em mang ơn anh ấy quá. Nhưng cô thầm nghĩ: "Đúng là George Osborne đã ngăn trở cuộc tình duyên của mình". Mà chính cô ta yêu George Osborne cũng vì thế.

Rebecca sửa soạn ra đi với thái độ rất bình tĩnh; cô nhận tất cả mọi vật Amelia tặng mình, sau khi cũng đã ngần ngại và miễn cưỡng một cách vừa đủ. Cô nói rằng mình biết ơn bà Sedley suốt đời, song cũng không đến làm phiền bà cụ nhiều quá, vì bà cụ ở vào hoàn cảnh khó xử, rõ ràng có ý tránh mặt không muốn gặp cô. Lúc ông Sedley đưa biếu túi tiền, Rebecca hôn tay ông cụ, xin phép được coi cụ là người bạn, người cha đỡ đầu thân thiết nhất của cô trong tương lai. Cô cư xử coi cảm

động quá, làm cho ông cụ suýt nữa thì viết tặng thêm cô một tờ ngân phiếu hai chục đồng. Nhưng ông lão lại kịp kìm giữ tình cảm của mình lại. Xe ngựa đã chờ sẵn để đưa ông đi dùng bữa; ông hối hả đi còn dặn Rebecca rằng: "Con yêu mến ơi, cầu Chúa ban phúc lành cho con; khi nào có việc ra tỉnh, con nhớ lại chơi nhé. Giong xe đến tòa Quốc hội, James!".

Cuối cùng là cuộc chia tay giữa Rebecca và Amelia; tôi muốn che một tấm màn lên trên cảnh tượng này. Nhưng sau cái màn kịch mà một người thì vô tình, còn một người thì đóng trò tuyệt khéo… sau khi những sự vuốt ve, những dòng nước mắt thảm thiết, cả ống thuốc giải cảm và những tình cảm thiêng liêng nhất đã được đem ra sử dụng…

Amelia chia tay cùng Rebecca; cô này luôn miệng thề sẽ yêu quý bạn mình mãi mãi… mãi mãi và mãi mãi.

CHƯƠNG VII
CRAWLEY Ở TRẠI CRAWLEY BÀ CHÚA

Trong số những cái tên đáng kính nhất bắt đầu bằng chữ C có ghi trong cuốn Niên giám của Triều đình vào năm 18… có tên Tôn ông Pitt Crawley, nam tước ở phố Great Gaunt, chủ trại Crawley bà chúa ở Hants. Cái tên đáng kính này còn được ghi suốt trong một thời gian hàng mấy chục năm liền trong cuốn danh bạ của Quốc hội, cạnh tên nhiều vị tai mắt khác thay phiên nhau ngồi đại diện cho nhân dân các đơn vị bầu cử.

Về lai lịch đơn vị bầu cử Crawley Bà chúa, thiên hạ đồn rằng Nữ hoàng Elizabeth có dừng lại dùng bữa sáng tại trại Crawley, nhân một buổi ngư chơi qua tỉnh. Ngài Crawley thời đó, một nhà quý tộc bảnh trai, có bộ râu rất đẹp và cặp giò khá xinh, có dâng Bà chúa một thứ rượu bia Hampshire rất ngon. Nữ hoàng rất hài lòng, lập tức nâng trại Crawley lên hàng một đơn vị bầu cử, được quyền có hai đại biểu thay mặt trong Quốc hội. Thế là từ buổi thăm viếng lịch sử đó, trại này mang cái tên *Crawley Bà Chúa* cho mãi đến ngày nay. Và thời gian trôi qua, đưa đến bao đổi thay cho những quốc gia, những thành thị, những tỉnh lỵ cho nên Crawley Bà chúa

không còn đông đúc dân cư như hồi sinh thời bà chúa Bess[58] nữa… đơn vị bầu cử này đã lâm vào tình trạng người ta thường mệnh danh là điêu tàn… tuy vậy, tôn ông Pitt Crawley cũng vẫn nói một cách rất đúng lý, theo lối nói lịch sự của ông ta rằng: "Điêu tàn? Mẹ kiếp… nhờ nó, hàng năm tôi còn kiếm được một nghìn năm trăm đồng đấy ạ".

Tôn ông Pitt Crawley (đặt theo tên vị đại biểu Quốc hội lừng danh) là con trai của nam tước Walpole Crawley. Hồi đang tòng sự tại văn phòng cơ mật dưới triều hoàng đế George đệ nhị, ngài bị truy tố về tội thụt két, cũng như một số lớn các vị tai mắt lương thiện thời ấy. Cũng không cần phải nói thêm rằng Walpole Crawley là con trai John Churchill Crawley đặt theo tên vị chỉ huy quân đội đanh tiếng lẫy lừng dưới triều nữ hoàng Anh. Trên cành cây gia phả treo ở trong phòng danh dự tại trại Crawley Bà chúa còn thấy tên Charles Stuart, sau lại có tên là Crawley Lẻo-khoẻo, con trai của cụ Crawley, sống vào thời Hoàng đế James đệ nhất; và cuối cùng là tôn ông Crawley thời nữ hoàng Elizabeth được nêu đứng hàng đầu, mặc đủ giáp trụ lại có cả bộ râu ba chòm. Như lệ thường, người ta vẽ một cái cây từ trong bộ áo chèn nhô ra; trên những cành lớn có ghi những tên quan trọng vừa kể trên. Sát kề tên tôn ông Pitt Crawley nam

tước (tức là nhân vật trong tập ký ức này), có tên người em là Bute Crawley (hồi đức cha mới sinh, thì ngài nghị sĩ quốc hội đã bị thất sủng rồi) đức cha cai quản giáo đường Crawley Snailby, cùng nhiều tên đàn ông đàn bà khác trong họ Crawley. Mới đầu tôn ông Pitt lấy vợ là cô Grizzel, con gái thứ sáu của nhà quý tộc Mungo Binkie, em họ ngài Dundas. Người vợ này đẻ được hai đứa con trai, là Pitt (đặt tên theo ý đức cha con trời hơn là theo ý ông bố) và Rawdon Crawley, theo tên người bạn của hoàng tử xứ Wales mà hoàng đế George đệ tứ hoàn toàn quên bẵng mất. Vợ chết được một thời gian khá lâu, tôn ông Pitt mới dẫn cô Rosa đến bàn thờ Chúa làm lễ cưới. Cô là con gái ông Dawson ở Mudbury; cô ăn ở với chồng, sinh được hai người con gái, tức là hai cô học trò cô Rebecca lĩnh trách nhiệm dạy bảo bây giờ; ta coi đó đủ biết cô thiếu nữ này đang bước vào một gia đình danh giá, và sắp sửa tiếp xúc với một xã hội còn có tính chất thượng lưu hơn nhiều, so với cái gia đình tầm thường ở Công viên Russell mà cô vừa từ giã. Rebecca tiếp được giấy mời đến nhận việc, viết trên một mảnh phong bì cũ, gồm mấy dòng chữ như sau:

Tôn ông Pitt Crawley yêu cầu cô Sharp phải đem hành lý có mặt tại đây hôm thứ ba, hôm đó tôi về trại Crawley Bà chúa sớm.

Phố Great Gaunt

Chưa bao giờ Rebecca được gặp một vị nam tước. Sau lúc từ biệt Amelia, khi đã đếm cẩn thận số ghi-nê ông Sedley bỏ trong cái túi biếu mình, cô lấy một cái khăn tay chấm khô nước mắt (cô chờ khi chiếc xe ngựa đã đi khuất ở góc phố mới thôi lau nước mắt). Theo sự hiểu biết của mình, Rebecca bắt đầu phác ra trong trí tưởng tượng hình ảnh một vị nam tước. Cô nghĩ thầm: "Không biết ông ta có đeo một ngôi sao không nhỉ" Hay là chỉ có các bá tước mới được đeo sao? Nhưng chắc ông ta phải mặc một bộ áo chầu thật đẹp, có tua hoa, hơi rắc phấn trên tóc, giống như ông Wroughton ở công viên Covent. Có thể ông ta rất kiêu kỳ; mình sẽ bị đối xử một cách miệt thị. Thôi thì cũng đành nhẫn nhục mà chịu đựng số phận hẩm hiu vậy… ít nhất, mình cũng sẽ được sống cùng những người danh giá, không phải là cái bọn thị dân tầm thường. Cô bỗng nhớ lại những người bạn của mình ở công viên Rusell với ý nghĩ triết lý chua cay kia, giống như con chó sói nghĩ về giàn nho trong một câu chuyện ngụ ngôn cũ vậy.

Chiếc xe đã đi qua công viên Gaunt, và bắt đầu đi vào phố Great Gaunt; cuối cùng xe dừng lại trước một căn nhà đồ sộ âm u, đứng giữa hai căn nhà cũng đồ sộ và âm u; trước mỗi căn nhà này đều có treo một bộ huy

hiệu quý tộc mé trên cửa sổ phòng khách.

Nhà cửa ở phố Great Gaunt bao giờ cũng âm u như vậy.

Cửa sổ tầng dưới tòa nhà của tôn ông Pitt đều đóng kín mít; chỉ có mé cửa phòng ăn là hơi hé mở; rèm che được bọc bằng giấy báo cũ rất cẩn thận. Thằng hầu John một mình đánh xe cho Rebecca, không thèm bước xuống giật chuông.

Hắn nhờ một thằng bé bán sữa đi qua làm hộ mình công việc ấy. Tiếng chuông réo lên, có một cái đầu từ trong khe cửa sổ phòng ăn thò ra. Một người ra mở cửa; người này mặc quần áo màu nâu nhạt, khoác một tấm áo ngoài cũ bẩn, một chiếc khăn cũ rích, bẩn thỉu quấn xung quanh cái cổ lông lá của hắn; trán hói bóng; mặt đỏ; đôi mắt sáng nhấp nháy; cái mồm lúc nào cũng hơi nhe răng ra như đang cười.

John cứ ngồi yên trên xe, hỏi sõng:

- Đây là nhà tôn ông Pitt Crawley, hả?

Người đứng ở cửa sổ gật đầu đáp:

- Phải.

John bảo:

- Thế thì bỏ mấy cái va-ly xuống.

Người gác cửa đáp:

- Anh bỏ xuống lấy chứ.

- Anh không thấy tôi bận giữ ngựa à? Này, anh bạn, lại đây giúp một tay, rồi cô đây sẽ cho tiền uống bia.

John vừa nói vừa cười như ngựa hý; bây giờ quan hệ giữa Rebecca và gia đình Sedley đã hết, hắn không coi trọng cô ta nữa, và cũng vì lúc ra đi, cô ta không cho bọn đầy tớ đồng xu nào.

Người hói trán bỏ hai tay đút trong túi quần ra, bước xuống đường, xốc cái va-ly của cô Sharp lên vai, vác vào trong nhà. Cô Sharp nói:

- Cầm hộ cái làn và cái khăn san, rồi mở cửa xe ra.

Cô ta xuống xe, có vẻ tức giận, bảo thằng hầu:

- Tôi sẽ viết thư kể cho cụ Sedley biết anh hỗn vời tôi thế nao.

Tên hầu đáp:

- Ấy chớ. Tôi mong rằng cô không bỏ quên cái gì chứ? Mấy cái áo của cô Amelia, cô đã đem theo đủ chưa?… Chị hầu của cụ bà suýt nữa thì được hưởng. Chúc cô mặc vừa xinh. Này Jim, đóng cửa xe lại, bác đừng có tưởng bở – vừa nói John vừa chìa ngón tay cái về phía cô Sharp – cô ta đá lắm, đá lắm. Đoạn thằng hầu

của ông Sedley đánh xe đi. Sự thực hắn là nhân tình của chị hầu gái vừa nói trên; thấy người yêu bị nẫng tay trên mất món đồ, hắn lấy làm uất lắm.

Người đi ghệt bảo Rebecca vào trong phòng ăn; cô thấy căn phòng này trang hoàng không được vui mắt như những căn phòng ăn của các gia đình sang trọng ở thôn quê. Hình như những căn phòng này cũng biết trung thành với chủ, thấy chủ vắng nhà cũng biết ủ dột, âu sầu. Tấm thảm Thổ-nhĩ-kỳ được cuốn gọn, nằm rầu rĩ bên cạnh chiếc tủ chè; những bức tranh trên tường cũng giấu mặt sau những tờ giấy cũ màu nâu bọc ngoài; ngọn đèn treo trên trần cũng được bưng kín trong một cái túi vải Hà-lan màu nâu, trông đến sợ. Riềm cửa sổ thì ẩn mình dưới đủ mọi thứ giấy bọc tồi tàn. Chiếc tượng bán thân bằng đá cẩm thạch tạc hình ngài Walpole Crawley từ trong một góc tối đang chăm chú ngó xuống sàn nhà trơ trọi và đôi que cời than lau dầu cẩn thận; trong chiếc khay đựng danh thiếp nằm trên mặt lò sưởi cũng chẳng có gì. Chiếc tủ chè đứng trốn đằng sau cuộn thảm; dọc theo mặt tường, một hàng ghế nằm úp vào nhau chổng vó lên trần nhà. Đối diện với pho tượng, trong một xó tối, có một chiếc tủ đựng thìa đĩa trông cổ lỗ, tồi tàn, khoá chặt, kê trên một cái bàn nước.

Tuy nhiên, cạnh chiếc lò sưởi cũng có một cái bàn

tròn, hai chiếc ghế làm bếp; một bộ que cời than cũ kỹ, và trên ngọn lửa cháy lom đom có đặt một cái chảo. Trên bàn bày một miếng bánh phết bơ, đặt cạnh một cây đèn bằng sắt tây; một chai rượu bia đen nhỏ nằm trong cái thùng đựng rượu bên cạnh.

- Cô ăn cơm rồi chứ? Đối với cô món ăn thế này chắc nguội quá. Cô có muốn uống một chút bia không?

Cô Sharp đường hoàng hỏi:

- Tôn ông Pitt Crawley đâu?

- Hi hi! Chính tôi là tôn ông Pitt Crawley đây. Nhớ rằng cô còn nợ tôi một cốc rượu, công vác cái va-ly hộ cô đấy. Hi hi! Hỏi Tinker xem có đúng không nào. Xin giới thiệu: Bà Tinker; đây: cô Sharp. Cô đây là cô giáo dạy trẻ; bà đây là người làm công nhật.

- Hô hô!

Người đàn bà được giới thiệu là bà Tinker lúc này mới bước ra, tay cầm một chiếc tẩu và một tập giấy thuốc lá: cụ Pitt sai bà ta đi lấy những thứ ấy một phút trước khi Sharp bước vào. Bà này đưa cho cụ Pitt, cụ đã ngồi xuống chiếc ghế cạnh lò sưởi, nói:

- Còn tiền lẻ đâu? Tôi đưa cho mụ ba xu rưỡi cơ mà? Còn tiền lẻ đâu,mụ Tinker?

Mụ Tinker ném đồng trinh xuống bàn:

- Đây! Chỉ có các vị nam tước mới chi ly từng trinh như thế thôi chứ.

Ông đại biểu của dân đáp:

- Mỗi ngày một đồng kẽm, một năm thành bảy si-linh. Bảy si-linh một năm tức là bằng tiền lời của bảy ghi-nê. Này, mụ Tinker, hãy để dành cẩn thận những đồng kẽm của mụ, thế nào cũng sinh sôi nảy nở thành vô khối ghi-nê cho coi.

Mụ Tikơ càu nhàu nói:

- Này cô ơi, cô có thể yên trí rằng đây chính thực là tôn ông Pitt Crawley đấy, bởi vì cụ ấy so kè từng đồng kẽm một. Rồi cô sẽ hiểu rõ cụ ấy ngay thôi, không lâu dài.

Lão già quý tộc nói gần như với một vẻ lễ độ:

- Cô Sharp ơi, mà đừng có ghét tôi vì thế nhé. Tôi cần phải công bằng, trước khi có thể hào phóng.

Mụ Tinker vẫn làu nhàu:.

- Suốt đời cụ ấy có bao giờ chịu rời đồng kẽm nào ra đâu.

- Không bao giờ, không bao giờ; thế thì trái với nguyên tắc xử thế của tôi mất. Tinker, nếu mụ cũng

muốn thì đi lấy thêm một cái ghế trong bếp ra đây, ta đi ăn thôi.

Đoạn ngài nam tước thò một cái nĩa vào trong chảo, xiên một miếng dạ dày bò và một củ hành lôi ra; lão cắt làm hai phần thật đều; lão với mụ Tinker, mỗi người một phần.

- Cô Sharp có hiểu không, khi nào tôi đi vắng, thì mụ Tinker lấy tiền công; khi nào tôi về tỉnh thì mụ ăn với tôi. Hô, hô, may quá; cô Sharp lại không đói; phải không Tinker?

Đoạn cả hai cúi xuống dùng nốt bữa ăn thanh đạm. Ăn xong, tôn ông Pitt Crawley bắt đầu hút tẩu thuốc; khi trời đã tối mịt, lão mới thắp cây nến cắm trên cái chân đèn bằng sắt tây lên, rồi móc trong cái túi kếch xù ra một nắm giấy má to tướng bắt đầu đọc, đoạn xếp thứ tự lại.

- Cô em ạ. Tôi về đây có việc pháp luật. Vì vậy ngày mai ngẫu nhiên mới may mắn được có một người bạn đồng hành xinh đẹp thế này chứ.

- Cụ ấy lúc nào mà chẳng bận việc pháp luật.

Mụ Tikơn vừa nói vừa nhấc cái thùng đựng chai rượu bia lên.

Lão nam tước bảo:

- Uống đi, cứ uống đi. Phải, cô em ạ, mụ Tinker nói đúng lắm. Tôi đã bại mà cũng đã thắng trong nhiều vụ tranh chấp về pháp luật, nhiều vô kể. Rồi cô xem vụ Crawley nam tước kiện Snaffle kết cục ra sao. Tôi sẽ cho hắn chết mất ngáp, nếu không tôi không phải là thằng Pitt Crawley.

Lại còn vụ Podder cùng một người khác kiện Crawley nam tước, rồi vụ Kiểm soát viện ở Snaily cũng kiện Crawley nam tước. Chúng không thể chứng minh đấy là đất công. Tôi thách bọn chúng đấy; đất này là của tôi. Nó không còn thuộc quyền sở hữu của thị trấn này y như nó không phải là của cô hay của mụ Tinker vậy. Dầu có tốn đến hàng nghìn ghi-nê, tôi cũng phải đánh bại chúng kỳ được. Coi giấy má đây này, cô em; cô muốn xem không? Cứ xem đi. Cô viết chữ có đẹp không? Bao giờ về Crawley Bà chúa, cô sẽ giúp tôi được nhiều việc đấy; cứ yên trí, cô Sharp ạ. Bây giờ mụ góa ấy chết rồi, tôi cần một người giúp việc.

Tinker chêm vào:

- Mụ ấy tồi chẳng kém gì ông chủ. Mụ bóp hầu bóp cổ bọn cung cấp hàng. Trong có bốn năm, thay tới bốn mươi tám lần người làm.

Lão nam tước chỉ đáp:

- Bà ấy rất tần tiện, tần tiện lắm. Nhưng bà ấy đối với tôi cũng quý báu lắm, đỡ được cho tôi một người quản gia nữa.

Và cô gái mới đến rất thú vị thấy câu chuyện cứ cái đà thân mật như vậy mà tiếp tục một hồi lâu. Không biết tính tình cụ Pitt Crawley tốt hay xấu. Nhưng có điều lão tỏ ra không hề muốn giấu giếm điều gì. Lão luôn luôn nói chuyện về mình, khi thì dùng cả cái giọng thô bỉ tục tằn nhất của vùng Hampshire, có lúc lại dùng lối ăn nói lịch sự của người quen xã giao. Lão dặn cô Sharp năm giờ sáng hôm sau phải chuẩn bị sẵn sàng, rồi chúc cô ta ngon giấc.

Lão bảo:

- Đêm nay, cô ngủ với mụ Tinker. Giường rộng lắm, hai người nằm cũng vừa. Crawley phu nhân đã chết trên giường ấy đấy Chúc cô yên giấc.

Nói xong, lão Pitt đi ngủ. Mụ Tinker trịnh trọng cầm cây nến, dẫn Rebecca trèo lên những bậc thang gác lạnh lẽo, xây bằng đá, đi qua những khung cửa lớn của một căn phòng khách lạnh lẽo; những tay nắm trên những cánh cửa trong gian phòng này cũng đều bọc giấy kín; cuối cùng hai người đi đến phòng ngủ, nơi Crawley phu nhân trước kia đã ngủ giấc ngủ cuối cùng của đời bà. Các bạn có thể tưởng tượng được căn phòng trông tối

tăm và tang tóc thế nào, không những vì Crawley phu nhân đã chết ở đó mà còn vì hồn ma của bà ta hình như vẫn còn quanh quất đâu đây. Thế mà Rebecca cứ chạy đây chạy đó trong phòng, tự nhiên thoải mái như không; cô ta ngó vào trong những chiếc tủ áo đồ sộ, những chiếc tủ chè, rồi lại kéo thử những ngăn kéo đã khóa chặt. Trong khi mụ làm công cầu kinh, cô ta lại quay ra ngắm nghía những bức tranh rầu rĩ và những đồ trang điểm.

Mụ gái già nói:

- Tôi chẳng thể nào nằm ngủ trên cái giường kia nếu chưa cầu kinh cho linh hồn thật nhẹ nhàng.

Rebecca đáp:

Giường rộng lắm, đủ chỗ cho cả bà và tôi cùng nửa tá ma quỷ nữa đấy. Bà Tinker thân mến ơi, bà kể cho tôi nghe về Crawley phu nhân, về tôn ông Crawley, và tất cả mọi người trong gia đình đi.

Nhưng cô ả tò mò cũng không nịnh khéo được mụ Tinker.

Mụ bảo cô ta rằng giường là nơi để ngủ, không phải là chỗ nói chuyện, rồi nằm xuống ngáy như kéo gỗ, chỉ có những người vô tội mới ngáy to được đến thế. Rebecca thì cứ trằn trọc mãi, không sao ngủ được; cô nghĩ đến

ngày hôm sau, cô nghĩ đến cuộc đời mới sắp bước chân vào, và những sự may mắn có thể gặp được trong cuộc đời ấy. Trên cây đèn, ngọn nến cháy vật vờ. Bóng đen của chiếc lò sưởi phủ kín một nửa chiếc khung thêu cũ kỹ mủn nát mà Crawley phu nhân trước kia vẫn dùng, chắc hẳn thế, và che lấp cả bức tranh gia đình nhỏ vẽ mấy đứa trẻ, một đứa mặc quần áo học sinh, đứa kia mặc một tấm áo chèn đỏ theo kiểu nhà binh. Lúc sắp ngủ, Rebecca quyết định đến đêm sẽ nằm mơ thấy thằng bé con ấy.

Bốn giờ sáng hôm sau, một buổi sáng mùa hạ rực hồng khiến cho cái bộ mặt vốn rầu rĩ của phố Great Gaunt cũng phải trở thành tươi tắn, mụ Tinker trung thành đánh thức người bạn cùng giường dậy, bảo cô ta sửa soạn đi là vừa.

Mụ tháo then, mở khóa cửa lớn ngoài căn phòng chính (tiếng lách cách, xủng xoảng làm cho những tiếng động còn ngái ngủ của dãy phố phải choàng giật mình); đoạn mụ bước ra phố, đi về phía Đại lộ Oxford gọi một cái xe ngựa. Chẳng cần phải chú ý lắm đến số xe cũng không cần biết rằng bác xà-ích từ sớm tinh mơ đã giong xe đi loanh quanh phố Swallow, hy vọng một cậu công tử nào từ tiệm rượu lảo đảo về nhà, hẳn phải nhờ đến tay bác và đang lúc say sưa, chắc thế nào cũng trả công hậu

hĩnh.

Và cũng chẳng cần nói thêm rằng, nếu thật bác xà ích đang nuôi hy vọng nói trên, thì bác đã thất vọng một cách thảm hại; vì ngài nam tước đáng kính của chúng ta thuê bác giong xe cho mình về khu City đã nhất định không chịu trả đắt hơn một xu.

Bác Jehu tha hồ van xin rồi gắt gỏng, vô ích; bác ta bèn quẳng mấy cái hộp của cô Sharp xuống cạnh cổng, tuyên bố rằng bác sẽ kiện tại tòa để đòi thêm tiền. Một bác xà ích khác xen vào:

- Thôi, tốt hơn là cứ đi đi. Cụ Pitt Crawley đấy.

Lão nam tước kêu lên tán thành:

- Đúng thế, bác Joe ạ. Tôi muốn xem đứa nào làm gì tôi tốt nào.

- Tôi cũng thế.

Joe nhăn nhó đáp, đoạn mang hành lý của lão nam tước chất lên nóc xe.

Lão nghị sĩ quốc hội bảo người xà ích:

- Dành cho tôi chỗ ngồi đằng trước đấy, nhà lãnh đạo ạ.

- Bẩm cụ, vâng.

Bác xà ích vừa đáp vừa giơ tay lên vành mũ, tuy trong thâm tâm tưởng phát điên lên được (bác đã nhận lời dành chỗ ngồi ấy cho một cậu công tử trẻ tuổi sinh viên trường đại học Cambridge, đang hy vọng thế nào cũng được một đồng *corao*); bác xếp cho cô Sharp một chỗ mé sau trong chiếc xe có thể nói sẽ đưa cô ta đi vào một cuộc đời mới rộng lớn.

Anh chàng trẻ tuổi ở Cambridge vắt năm cái áo của mình lên thành xe phía trước; anh ta cáu quá, nhưng thấy Rebecca chui ra khỏi xe, trèo lên ngồi cạnh thì cơn bực mình của anh ta biến đi ngay… Anh ta lấy một tấm áo choàng kiểu Benjamin của mình phủ lên vai cô thiếu nữ, và từ lúc đó anh trở nên rất vui tính… một ông sang trọng bị bệnh suyễn, và một bà vẻ mặt khó đăm đăm cứ lấy danh dự thiêng liêng của bà ra mà thề mãi rằng xưa nay chưa hề đi đâu bằng xe thuê bao giờ (bao giờ đi xe ngựa thuê mà chả gặp một bà như thế, than ôi, bây giờ xe ngựa đâu cả rồi?). Lại có một bà goá béo ụt ịt tay cầm một chai rượu mạnh cùng hai người kia trèo lên xe ngồi vào ghế… Anh coi cửa đòi tiền; ông sang trọng cho sáu xu, bà goá cho năm đồng trinh nhờn nhờn như dính mỡ… cuối cùng, chiếc xe ngựa chuyển bánh… lúc thì chạy dọc theo những con đường tối tăm của khu Aldersgate, lúc thì đi ngang qua nhà thờ St. Paul có cái

vòm mái màu xanh, rồi nhanh nhẹn chui qua cổng Fleet Market; chiếc cổng này cùng khu Hội chợ bây giờ đã lui vào bóng tối của dĩ vãng rồi. Một lúc sau xe chạy qua hiệu "Con gấu trắng" ở Piccadilly; sương sớm từ những khu vườn chợ ở Knightsbridge tỏa lên mờ mịt, rồi lại đi qua Turnhamgreen, Brentwood, Bagshot… ta chẳng cần nhắc lại làm gì. Nhưng ngày xưa, kẻ viết những dòng này cũng đã có dịp qua cùng một con đường, trong cùng một thời tiết sáng sủa như trong chuyện, không thể nào nghĩ lại mà không cảm thấy đôi chút ngậm ngùi nhớ tiếc một cách êm đềm. Con đường và những chuyện vặt xảy ra hàng ngày của nó còn đâu nữa. Còn đâu nữa những Chelsea hay Greenwich và những bác xà ích thực thà mũi đỏ như cà chua? Không biết những anh chàng tốt bụng ấy bây giờ đâu cả rồi? Anh chàng Wenller còn sống hay đã chết rồi? Và cả những quán rượu, cả những người hầu bàn dọn ăn trong đó, những khoanh thịt bò nguội cả cái anh bồi ngựa lùn tè có cái mũi tái xanh, xách cái thùng nước kêu lanh canh, bây giờ anh ta ở đâu, hoặc con cháu anh ta ở đâu? Đối với những thiên tài lớn hiện nay đang còn quấn tã- những người sẽ viết truyện cho con cháu yêu quý của các vị độc giả coi thì những nhân vật và sự việc trên đây sẽ có tính chất truyền kỳ chẳng khác gì chuyện Nineveh, hoặc Sư tử tâm[59] hoặc Jack Sheppard. Đối với họ, chuyến xe

ngựa sẽ thành tiểu thuyết… chuyện một bày bốn con ngựa lồng cũng ly kỳ như chuyện Bucephalus hay chuyện Bess Hắc-y.

Gớm, lông ngựa bóng nhẫy; mấy anh bồi ngựa cất áo ngắn đi; thế là ngựa đi, thế ngựa phi nước đại; chao ôi, đuôi chúng cứ vẫy tít lên, lúc đến trạm nghỉ; mấy con ngựa yên lặng đi vào trong sân quán rượu, lưng bốc hơi. Than ôi? Còn bao giờ chúng ta được nghe tiếng xà ích rúc còi lúc nửa đêm, và được trông thấy cánh cổng ghép bằng gỗ vát nhọn mở tung ra nữa? Thôi, chúng ta cũng chẳng nên nghĩ ngợi lan man nữa, hãy đến Crawley Bà chúa xem cô Rebecca làm ăn ra sao?

CHƯƠNG VIII
RIÊNG VÀ KÍN

Cô Rebecca Sharp gửi cô Amelia Sedley, khu Quảng trường Russell, Luân-đôn (miễn bưu phí – Pitt Crawley).

Chị Amelia dịu dàng thân yêu nhất đời của em.

Em cầm bút biên thư cho chị thân yêu mà trong lòng lẫn lộn vừa mừng vừa tủi! Ôi! Ngày hôm nay khác ngày hôm qua biết bao nhiêu. Bây giờ, em cô đơn quá, chẳng có ai bầu bạn; mới hôm qua, em còn như được sống trong khung cảnh gia đình, bên cạnh một người chị dịu dàng mà em suốt đời quý mến.

Em không muốn kể lại chị nghe suốt cái đêm ác nghiệt em phải xa lìa chi, em đã buồn khổ, khóc lóc thế nào. Từ ngày thứ ba, chị đã bước vào một cuộc sống đầy hoan lạc và hạnh phúc, bên cạnh bà mẹ hiền, và người quân nhân trẻ tuổi chung tình của chị. Suốt đêm em nằm nghĩ đến chị, tưởng tượng cảnh chị đang khiêu vũ ở Perkins, và chắc chắn chị là người thiếu nữ đẹp nhất trong buổi dạ hội.

Thằng hầu đánh cái xe ngựa cũ kỹ đưa em đến căn nhà của cụ Pitt Crawley ở tỉnh; thằng Joe đối xử với em thô lỗ, hỗn xước quá chị ạ. (than ôi, sỉ nhục kẻ nghèo khổ và không may này thì dễ dàng quá!); nó giao em

cho cụ Pitt. Đêm hôm ấy, em ngủ trong một cái giường cổ lỗ, tối tăm cùng với mụ già làm công cũng có vẻ âm thầm giữ việc dọn đẹp nhà cửa. Suốt đêm em không chợp mắt được lấy một phút chị ạ.

Cụ Pít không giống những vị nam tước mà hai chị em ngốc nghếch chúng mình tưởng tượng hồi hay đọc truyện "Cecilia" ở Chiswick đâu. Không có người nào khác hẳn bá tước Orville như lão ta. Chị cứ tưởng tượng một người có tuổi lùn, béo phị, thô lỗ, và bẩn kinh người, quần áo cũ rích, đi đôi ghệt tồi tàn, ngậm một chiếc tẩu khủng khiếp, và lại tự mình nấu lấy bữa ăn gớm ghiếc của mình trong cái chảo! Lão có cái giọng nói nhà quê lắm, và lại hay văng tục với mụ làm công, văng tục với cả thằng xà-ích đánh xe ngựa thuê chở chúng em đến cái quán chỗ xe đỗ, phần lớn ngày hôm nay, tuy đi xe mà em phải ngồi ngoài trời.

Mới sáng tinh mơ, mụ làm công đã đánh thức em dậy; đến cái quán, em được vào ngồi trong xe. Nhưng khi xe chạy đến một chỗ gọi là Leakington, thì trời bắt đầu mưa to, chị có thể tin được không?... Em bị bắt buộc ra ngồi ngoài trời, bởi vì cụ Pitt cũng là chủ xe, và lúc ấy có một hành khách đi Mudbury muốn vào ngồi trong xe; thế là em phải ngồi ngoài trời mưa, may quá, một chàng trẻ tuổi học ở Cambridge đại học đường có đem theo

mấy tấm áo choàng, anh ta thương tình lấy một cái che cho em.

Chàng trẻ tuổi sang trọng này và người hầu hình như biết rõ vụ Pitt thì phải; họ thi nhau mà giễu cợt lão. Họ đồng ý với nhau đặt tên cho lão là "lão vắt cổ chày ra nước" nghĩa là hà tiện, bủn xỉn quá lắm. Họ nói chuyện rằng không bao giờ lão cho ai tiền (em vốn ghét cái tính bần tiện ấy); chàng trẻ tuổi sang trọng ấy còn bảo em rằng sở dĩ trong khoảng hai chặng đường cuối cùng xe đi rất chậm, là vì có cụ Pitt ngồi cạnh bác xà ích, mà đôi ngựa kéo xe trong đoạn đường này lại là của cụ. Anh sinh viên trẻ tuổi nói: lúc nào tôi cầm cương anh có muốn tôi quất vài roi cho nó chóng đến Squashmore không? Bác xà ích đáp: "cậu Jack ạ, cậu cứ quất cẩn thận cho tôi". Em hiểu ý nghĩa của câu nói; và biết cậu Jack định cầm cương ngựa để trả thù lão, em cũng cười.

Thế cũng có một cái xe đóng hai cặp ngựa rất đẹp chờ chúng em ở Mudbury, cách trại Crawley Bà chúa bốn dặm. Chúng em bắt đầu đi vào trong phạm vi khu vườn riêng của lão nam tước. Một con đường rộng thênh thang rất đẹp cách tòa nhà chính đến một dặm. Người đàn bà ở căn nhà cạnh cổng lớn vội vái chào chúng em lia lịa (mé trên những cột trụ ở cổng có tạc hình một con rắn và một con chim bồ câu, đỡ chiếc huy

hiệu riêng của gia đình Crawley) đoạn mở tung hai cánh cổng sắt cũ có chạm trổ ra, trông giống như những cánh cổng ở cái chỗ Chiswick khốn kiếp. Cụ Pitt bảo em: "Con đường lớn này dài một dặm. Cây trồng ở đây trị giá có tới sáu ngàn đồng bạc gỗ. Cũng là một món tiền đấy chứ?". Lão nói "đường lớn" là "đàng nớn" và "món tiền" là "món tờn", buồn cười quá. Lão cho ông Hodson, một người tá điền của lão ở Mudbury, lên ngồi trên xe; hai người nói với nhau toàn những chuyện "quyền trữ", chuyện bán đấu giá, chuyện tháo nước úng, chuyện khai thác, và bao nhiêu là chuyện trong nghề làm ruộng, làm trại... em chịu không hiểu nổi. Một người là Xam Mang săn trộm bị bắt, một người là Pơtơbailê đã bị đưa vào nhà tê bần rồi. Cụ Pitt nói: "Cho nó đáng kiếp, nó và gia quyến đã lừa tôi trong cái trại này có tới một trăm năm mươi năm nay". Hình như có người tá điền cũ nào đó không trả được nợ thì phải.

Giá cụ Pitt nói "nó và gia đình nó" thì đúng hơn, nhưng các vị nam tước giàu có cần gì để ý đến văn phạm như mấy cô giáo dạy tư nghèo đói!

Xe đang đi, em chợt nhìn thấy một cái nóc nhà thờ rất đẹp vươn lên sau mấy cây du trong vườn trại. Phía trước hàng cây này, giữa một bãi cỏ xanh xung quanh rải rác mấy căn nhà nhỏ, có một nếp nhà cổ quét vôi đỏ,

trên nóc nhà ló ra nhiều ông khói lò sưởi lớn bị che kín dưới giàn lá trường xuân, ánh nắng chiếu vào cửa sổ sáng lấp lánh.

Em hỏi: "Thưa cụ, kia là nhà thờ riêng của nhà ta?"

- Phải, kệ mẹ nó! (cụ Pitt đáp vậy; chị ạ, lão lại càng dùng những tiếng thô bỉ hơn trước): Này Hodson, Buty ra sao? Buty là Bute, tên em tôi, cô ạ... lão mục sư em tôi ấy mà. Tôi thường gọi hắn là Buty, là đồ con chó, ha! ha!.

Hodson cũng cười theo, rồi lấy vẻ mặt trầm ngâm gật gù cái đầu nói: "Cháu sợ rằng ông ấy dạo này khá hơn, cụ Pitt ạ. Hôm qua, ông ấy cưỡi con ngựa non ra đồng thăm lúa của chúng ta đấy".

- Làm thế nào mà truất "mẹ" nó cái khoản thuế thập phân của hắn đi (lão lại cứ dùng mãi cái tiếng thô bỉ ấy). Ma men chưa vật chết hắn à. Hắn sông dai như cụ gì mấy nhỉ? À, cụ Bành tổ.

Ông Hodsonlại cười:

- Bọn thanh niên mới ở trường về nghỉ, họ đánh John Scroggins một trận nhừ tử, suýt chết.

Cụ Pitt gầm lên:

- Đánh người phụ gác của tao!

Ông Hodson đáp:

- Anh ta săn trộm trong trại của ông mục sư, thưa cụ.

Cụ Pitt phát điên lên, thề rằng hễ bao giờ bắt được họ săn trộm trong phạm vi trại mình, lão sẽ bắt họ đi đầy; lão thề độc như vậy. Rồi lão nói: "Tao đã bán quyền kế thừa cai quản rồi, Hodson ạ, bọn con cái nó đừng có hy vọng".

Ông Hodson bảo rằng lão nói chí phải. Nghe chuyện, em đoán rằng hai anh em đang có hiềm khích... Anh em, chị em ruột thường vẫn thế. Chị còn nhớ hai chị em cô Scratchleys ở Chiswick không? Họ cãi nhau, đánh nhau cứ như cơm bữa và cô Mary Box đấm cô Louisa mới ghê chứ.

Vừa lúc ấy, thấy trong rừng có hai thằng bé con đang nhặt củi khô, cụ Pitt ra lệnh cho ông Hodson nhảy tót xuống xe cầm một cái roi xông tới. Lão nam tước hét: Hodson, quật đi; đánh mất mạng cho tao, rồi đem chúng nó vào trong nhà kia, đồ mất dạy. Tao nhất định sẽ bỏ tù chúng nó chắc chắn như tên tao là Pitt vậy? Em nghe thấy tiếng roi của ông Hodson quật vun vút xuống vai mấy em bé đang gào khóc lạy van. Cụ Pitt thấy hai em bé đã bị nhốt cẩn thận rồi mới đánh xe vào trong nhà.

Toàn thể gia nhân đã sẵn sàng đón chào chúng em

và…

Chị thân mến ạ, đêm qua đang viết dở lá thư cho chị, thì có tiếng đập thình thình ở cửa, làm em phải ngừng bút; ai đấy, đố chị đoán ra được? Cụ Pitt Crawley đội mũ ngủ, mặc áo ngủ, chết người không! Trông thấy lão, em sợ quá lùi lại thì lão bước thẳng vào phòng, cầm lấy cây nến, nói: "Cô Becky, quá mười một giờ, không được phép thắp nến. Tối cũng mặc, lên giường mà ngủ đi, đồ nõm non (lão gọi em như vậy đấy): nhớ kỹ, cứ đến mười một giờ thì phải đi ngủ; nếu không đêm nào tôi cũng vào tắt nến đấy". Nói xong, lão và bác hầu phòng Horrocks vừa đi ra vừa cười. Dĩ nhiên em chẳng dám khuyến khích họ đến thăm như vậy. Đêm đêm, họ thả rông hai con chó nòi to kếch xù; chúng rít và sủa trăng suốt đêm qua. Lão Pitt bảo: "Tôi đặt tên con chó này là Gorer, nó đã cắn chết một người; nó khỏe lắm, vật nổi cả bò tót, còn con mẹ tôi đặt tên là Flora. Nhưng bây giờ tôi đổi tên nó là Aroarer, vì nó già quá rồi, không cắn được nữa, Hô! Hô!"

Tòa nhà chính của trại Crawley Bà chúa là một ngôi nhà cổlỗxây bằng gạch đỏ, trông thật đáng ghét, có những ống khói lò sưởi to tướng, tường hồi xây theo kiểu thời nữ hoàng Bess. Trước nhà, có một cái nền gạch, mé bên có dựng bức tượng con rắn và con bồ câu

tiêu biểu cho gia đình; mọi cửa lớn phòng khách đều nom ra sân. Ôi chao, chị ạ, phòng khách chính to quá mà cũng tôi như gian phòng khách lớn trong lâu đài Udolpho ấy. Có một cái lò sưởi kếch xù, giá ta nhét một nửa cái trường của bà Pinkerton vào cũng vừa; chiếc giàn sắt cũng to, có thể dùng để quay ít nhất là một con bò cũng được. Quanh phòng, treo la liệt hình vẽ các thế hệ của dòng họ Crawley, có người râu ria xồm xoàm, cổ đeo đăng-ten hoa; có người đeo bộ tóc giả rậm rạp, ngón chân cái thò ra ngoài giày; có người mặc bộ áo chèn và áo ngoài dài lượt thượt và cứng nhắc, trông ngay đườn đườn như cái cột, có người tóc uốn xoăn lại thành từng chùm nhỏ và dài; chị ạ, cuối phòng có cái cầu thang lớn bằng gỗ sồi đen, trông đến sợ. Hai bên có nhiều cửa lớn, phía trên mỗi cửa có treo một cái đầu hươu. Những cửa này mở sang gian phòng chơi bi-a, phòng sách, phòng khách lớn sơn vàng, và những căn phòng phụ dùng ngồi chơi buổi sáng. Em đoán dưới nhà phải có ít nhất là ba chục phòng ngủ. Nữ hoàng Elizabeth đã từng ngủ trên một cái giường ở đây. Sáng nay, mấy cô học trò mới của em đã dẫn em đi xem qua tất cả những căn phòng đẹp đẽ ấy.

Màn cửa buông im ỉm, phòng nào cũng tối om, Bước vào phòng nào, em cũng sợ phải nhìn thấy một cái bóng

ma lù lù hiện ra, lúc có ánh sáng soi vào. Phòng học của chúng em ở tầng hai, một đầu ăn thông sang phòng ngủ của em, một đầu ăn thông sang phòng ngủ của hai cô con gái ông chủ. Rồi đến những gian phòng riêng của ông Pitt, thường gọi là ông Crawley, tức là con trai cả, rồi đến những gian phòng riêng của ông Rawdon Crawley... ông này cũng là một sĩ quan như người ta, thường sống trong trại lính. Ở đây thì không thiếu buồng, giá tất cả mọi người ở công viên Russell dọn đến cũng vẫn còn thừa chỗ.

Em đến độ nửa giờ, thì chuông báo giờ ăn bắt đầu điểm.

Em cùng hai đứa học trò xuống nhà (chúng gầy nhom, hai con nhóc con mặt mũi chẳng ra sao, đứa lên mười đứa lên tám). Em vận chiếc áo lụa quý báu của chị (mà con mẹ Pinner đáng ghét cứ hằn học mãi vì chị cho em). Họ coi em như người trong gia đình, trừ những ngày tiếp khách, khi ấy em và hai cô tiểu thư ăn ở trên gác. Vâng, đã nghe tiếng chiếc chuông to báo giờ ăn điểm; chúng em tề tựu đủ mặt trong gian phòng khách, chỗ Crawley phu nhân đang ngồi. Bà này là bà hai, mẹ đẻ ra hai cô con gái. Bà là con gái một nhà buôn sắt, cuộc hôn nhân này hồi ấy được coi là môn đăng hộ đối lắm.

Nom bà ta thì hình như xưa kia cũng đẹp, mà đôi mắt hình như đã khóc nhiều vì sắc đẹp tàn tạ của mình. Người bà ta gầy, nước da tai tái; hai vai dô cao lên; lúc nào bà ta cũng im lặng. Còn chồng của bà là ông Crawley cũng có mặt trong phòng, ăn mặc chỉnh tề, trông long trọng như một ông chủ cho thuê đòn đám ma. Ông ta người gầy, xấu trai, nước da cũng tái, ít nói; chân thì khẳng kheo, ngực lép kẹp, râu tóc một màu xám xịt như màu rơm khô. Trông ông ta giống hệt bà mẹ trong bức tranh treo trên lò sưởi... tức là bà Griselda trong gia đình Binkie.

Crawley phu nhân bước lên cầm lấy tay em, nói:

- Anh Crawley ạ, đây là cô giáo mới đấy, gọi là cô Sharp.

- Ô!

Ông Crawley vừa nói vừa vươn cổ ra nhìn, rồi lại cúi xuống đọc một bài xã thuyết. Crawley phu nhân lại nói, đôi mắt trông như lúc nào cũng đẫm lệ.

- Tôi mong rằng cô sẽ dịu dàng đối với các em.

Cô con gái lớn nói:

- Kìa, má, dĩ nhiên cô ấy dịu dàng. Con chỉ nhìn thoáng qua cũng đủ biết cô này không đáng sợ.

- Thưa phu nhân, bữa ăn đã dọn xong.

Anh hầu vào báo; anh ta mặc toàn đồ đen, cổ quấn một cái đăng ten hoa to tướng, trông giông như cái đăng-ten hoa ở cổng hoàng Elizabeth trong bức tranh treo ngoài gian phòng lớn. Phu nhân cầm tay ông Crawley dẫn đầu đi sang phòng ăn; còn em đi sau, hai tay dắt hai cô học trò.

Cụ Pitt đã ngồi sẵn ở đó, tay cầm một cái cốc bạc. Lão vừa mới ở trong hầm rượu ra, cũng ăn mặc rất chỉnh tề, nghĩa là lão đã cởi bỏ đôi ủng, để lộ đôi chân ngắn ngủn đi bí tất len đen. Mặt bàn bày la liệt đĩa cổ, đĩa hoa quả cổ, bình đựng dấm cổ, bằng vàng có, bằng bạc có, sáng choang trông y như trong cửa hiệu Rundell và Bridge vậy. Mọi thứ trên bàn ăn đều bằng bạc, hai bên bàn có hái thằng hầu, tóc đỏ bận chế phục màu vàng thanh, đứng túc trực.

Ông Crawley đọc một đoạn kinh dài, cụ Pitt nói "A men". Người nhà bắt đầu nhấc những cái vung lớn bằng bạc úp trên các đĩa ăn đem đi.

Lão nam tước nói:

- Betsy, hôm nay có cái gì ăn thế?

Crawley phu nhân đáp:

- Hình như có cháo thịt cừu, ông ạ.

Anh hầu bàn trịnh trọng đáp:

- Mouton aux navets (xin các bạn đọc là mu-tông-ô-na-vê); món súp thì có potage de mouton à l'Écossaise. Các món phụ gồm pommes de terre au naturel và choufleur à l'eau[60].

Lão nam tước đáp:

- Thịt cừu vẫn là thịt cừu; ngon tuyệt đấy a. Horrocks, con cừu nào đấy, thịt bao giờ?

- Bẩm cụ, thịt một con cừu mặt đen, giống Scotch. Chúng con thịt hôm thứ ba.

- Có ai mua miếng nào không?

- Bẩm cụ, lão Steel ở Mudbury lấy cái thân và hai đùi; nhưng bẩm cụ, hắn bảo rằng con này non quá, chỉ được cái nhiều lông, thịt gầy lắm.

Ông Crawley nói:

- Mời cô dùng một chút súp... cô... à, cô Blunt.[61]

Cụ Pít nói:

- Món cháo Scotch ngon tuyệt, cô ạ, tuy rằng họ đặt tên bằng tiếng Pháp.

Ông Crawley kiêu ngạo đáp:

- Thưa ba, con tin rằng trong giới thượng lưu vẫn có

phong tục đặt tên các món ăn như ta vừa gọi.

Hai tên hầu mặc áo vàng bưng món "mouton aux navets" ra đựng trong những đĩa ăn súp bằng bạc. Đoạn bọn con gái chúng em được uống rượu bia pha nước lã đựng trong cốc uống vang. Em không sành về rượu bia, nhưng có điều chắc chắn là em thích uống nước lã hơn. Trong khi đang ăn, cụ Pitt tìm dịp hỏi về mấy cái vai cừu. Bà vợ đáp:

- Có lẽ dưới nhà bếp họ ăn rồi.

- Cái con lợn đen nhớn nòi xứ Kent bây giờ chắc béo lắm đấy nhỉ?

- Bẩm cụ, béo múp míp.

Bác quản lý trả lời rất trịnh trọng: nghe nói, cụ Pitt và cả hai cô con gái cũng cười rũ rượi.

Ông Crawley nói:

- Cô Crawley, Rose Crawley, tôi không hài lòng vì cái cười rất không đúng chỗ của cô.

Lão nam tước đáp:

- Đừng để ý đến chuyện ấy, ngài ơi; thứ bảy, ta sẽ hỏi thằng chăn lợn xem thế nào. John Horrocks, sáng thứ bảy giết một con, nghe. Cô Sharp thích ăn thịt lợn phải không cô.

Em nhớ rằng suốt bữa ăn, câu chuyện quanh quẩn chỉ có thế. Ăn xong, họ đặt trước mặt cụ Pitt một cốc lớn nước nóng, và một chai… hình như rượu rum thì phải. Bác Horrocks rót cho em và hai cô con gái mấy cốc rượu vang: phu nhân cũng dùng một cốc đầy. Lúc chúng em rời khỏi phòng ăn, phu nhân lấy trong ngăn kéo ra một mảnh len đan to tướng dài vô tận; còn hai cô con gái bắt đầu giở một cỗ bài "xì" cáu ghét ra chơi với nhau. Chỉ thắp có mỗi một ngọn nến nhưng cắm trên một cái giá nến cổ bằng bạc. Phu nhân hỏi em vài câu chuyện sau đó em có quyền lựa chọn cách giải trí, hoặc đọc một cuốn sách giảng đạo, hoặc đọc bài xã thuyết về đạo luật đánh thuế lúa mì mà ông Crawley đọc trước bữa ăn.

Chúng em cứ ngồi thế đến một tiếng đồng hồ, cho tới khi nghe có tiếng chân bước. Phu nhân hốt hoảng nói:

- Cất bài đi, các cô. Cô Sharp, bỏ quyển sách của Crawley xuống.

Vừa cất xong các thứ thì ông Crawley bước vào, ông ta nói:

- Này, hai cô. Ta tiếp tục cuộc thảo luận hôm qua chứ. Lần lượt mỗi cô sẽ đọc một trang, để cho cô… a, cô Short *có dịp nghe xem thế nào.*

Thế là hai cô gái đáng thương phải đánh vần nốt bài giảng đạo ghê gớm dài dằng dặc đọc ở nhà thờ Bethesda ở Liverpool, bài văn này biện hộ cho việc truyền giáo cho những người Inđiên ở Chickasaw. Chị xem, một buổi tối như thế có thú vị không?

Đến mười giờ, phu nhân sai bọn đày tớ mời cụ Pitt và toàn bộ gia nhân đi cầu kinh. Cụ Pitít bước vào đầu tiên, mặt đỏ tía dáng đi hơi chếnh choáng. Sau cụ là bác quản lý, hai thằng hầu mặc áo vàng, người hầu riêng của ông Crawley, ba người nữa sặc mùi phân ngựa, và bốn người đàn bà... trong số này có một người mặc quá nhiều quần áo, lúc khuỵu đầu gối xuống lễ cứ gườm gườm nhìn em như nhìn kẻ thù.

Ông Crawley diễn thuyết và giải thích một hồi, đoạn chúng em cầm nến đi ngủ. Thế là sau đó em ngồi viết thư cho chị và bị cản trở như chị đã rõ, chị Amelia thân yêu ạ.

Chúc chị ngon giấc. Hôn chị hàng nghìn, hàng nghìn, hàng nghìn lần.

Thứ bẩy – Sáng nay, lúc năm giờ, em nghe tiếng con lợn đen con kêu rống lên. Hôm qua Rose và Violet đã dẫn em ra xem chuồng lợn, chuồng ngựa, cũi chó, rồi đi thăm người làm vườn; bác này đang hái quả mang ra chợ bán; hai cô con gái cứ nằn nì xin một chùm nho

trồng trong "nhà cây", nhưng bác làm vườn bảo cụ Pitt đã đếm từng quả rồi; bác mà cho ai quả nào thì cứ gọi là mất việc.

Hai cô con gái vớ được một con ngựa non trên bãi cỏ, hỏi em có muốn cưỡi không, rồi cả hai leo lên cưỡi ngựa, thằng bồi ngựa vội kêu ầm lên chạy đến kéo hai đứa đi.

Lúc nào cũng thấy Crawley phu nhân ngồi đan len. Đêm nào cụ Pitt cũng say mèm; hình như cụ uống tay đôi với bác quản lý Horrocks thì phải. Tối nào ông Crawley cũng đọc kinh, và sáng ra thì hoặc ở tịt trong phòng riêng, hoặc cưỡi ngựa đi Mudbury lo công việc hàng quận, vào những ngày thứ tư và thứ năm, ông ta hay đi Squashmore để giảng đạo cho bọn tá điền.

Em xin gửi lời kính chúc hai bác, ông anh của chị đã khỏi say rượu chưa. Ôi, chị thân mến, chị thân mến ơi! Đàn ông phải hết sức tránh xa rượu chè lắm lắm đấy!

Mãi mãi là em của chị Rebecca.

Xét cho cùng thì tôi nghĩ rằng cô Amelia của chúng ta ở công viên Russell phải ly biệt cùng cô Sharp, lại là một việc tốt. Rebecca là người rất kỳ lạ, buồn cười. Cái cách cô ta kể chuyện bà nam tước đáng thương khóc lóc vì sắc đẹp tàn tạ, và chuyện ông con trai có bộ "râu tóc

xám xịt màu rơm" thật giỏi, chứng tỏ nhất định cô ta phải rất thạo đời.

Nguyên một việc đang quỳ mà cô ta còn nghe được những chuyện khác hay ho hơn là mấy cái dải đăng ten của cô Horrocks, cũng đủ bắt cả tôi và bạn ngạc nhiên. Song cũng yêu cầu bạn đọc nhớ cho rằng chuyện này có tên là *Hội chợ phù hoa*; mà *Hội chợ phù hoa* thì chính là một nơi toàn những chuyện ngu xuẩn, vô nghĩa lý, toàn những chuyện giả dối huênh hoang. Trong khi ấy nhà đạo đức đứng trước tấm màn sân khấu (đúng là hình ảnh của kẻ hèn này) còn đang tuyên bố rằng nhất định không chịu đội mũ đi hia, mà vẫn chỉ mặc bộ áo nhà nghề có hai tai dài của người làm trò hề; song các bạn thấy không, người ta nhìn thấy sự thật thế nào, bắt buộc phải nói y như vậy, dầu phải khoác tấm áo choàng có đính nhạc, hay được đội mũ vành vểnh lên của quan lớn; và dĩ nhiên, việc ấy sẽ đẻ ra lắm chuyện khó chịu.

Tôi nghe nói có một anh ở tỉnh Naples chuyên nghề kể chuyện rong, một bữa thao thao bất tuyệt trước một đám đông thính giả lười biếng vô tích sự gần bờ biển; đang kể chuyện mấy con người quá tồi tệ, anh ta bỗng nổi khùng với đám nhân vật mình bịa ra, đến nỗi cử tọa cũng không nhịn được; và cả diễn giả, cả thính giả cùng lên tiếng ầm ĩ chửi rủa cái con quỷ dữ trong chuyện; thế

rồi chiếc mũ đi vòng quanh trước mặt mọi người, và những đồng *bajochi* mưa xuống tới tấp, giữa tiếng cười tán thưởng của tất cả công chúng.

Trái lại, ở những nhà hát nhỏ tại Paris không những chúng ta chỉ nghe thấy khán giả hét: "*A, thằng đểu?A, đồ quỷ!*"[62] và ngồi ngay tại chỗ chửi rủa vai bạo chúa trên sân khấu; mà ngay cả các diễn viên cũng nhất định từ chối không chịu sắm những vai "phản diện", thí dụ đóng vai "*những tên người Anh đểu giả*"[63] những tên "*Cossacks tàn nhẫn*" chẳng hạn, và còn gì nữa? Thà chịu rút lương mà được sắm vai những người dân Pháp trung thực, họ cũng thích.

Tôi nêu lại hai câu chuyện song song để các bạn đọc thấy rằng không phải vì mục đích lý tài mà kẻ thủ vở này đang muốn trình bày những nhân vật tồi tệ để vùi dập họ. Chính vì hắn ta thực tâm khinh ghét chúng, không thể nhịn được, đành phải dùng những lời thô tiếng nặng thích hợp để cho dịu bớt nỗi căm chất chứa trong lòng.

Tôi xin báo để các "bạn quý" biết trước rằng tôi sắp kể một câu chuyện xấu xa đau lòng và cũng là một tội ác phức tạp… song, tôi tin rằng chuyện cũng khá lý thú. Xin cam đoan rằng bọn lưu manh này không phải là những tay "mèng". Đi đến những chỗ sang trọng ta

cũng phải biết ăn nói lịch sự… nhưng khi đã trở về những nơi thôn quê lặng lẽ thì ta nên yên lặng. Trong một cái thùng giặt, mà lại có bão táp thì thực là vô lý. Những chuyện ấy ta để dành cho đại dương hùng vĩ và đêm tối quạnh hiu. Tấu trò sắp diễn đây cũng chỉ rất nhẹ nhàng. Những kẻ khác…

Song ta không nên nói trước.

Khi đưa các nhân vật ra trò với tư cách là một con người, và một người anh em trong nghề, tôi xin phép không những chỉ giới thiệu họ mà còn thỉnh thoảng được rời sân khấu bước xuống dẫn giải thêm vài lời về họ; nếu họ tốt, xin được phép yêu mến và bắt tay họ; nếu họ tồi, xin được phép che tay áo mà cười; còn nếu chúng đểu quá thì xin được dùng những tiếng thô bạo nhất mà sự lễ độ có thể cho phép để chửi vào mặt chúng.

Ngoài ra chắc các bạn tưởng rằng chính tôi đã phì cười trước cảnh cầu kinh mà cô Sharp cũng cảm thấy là hài hước, cũng chính tôi phải cười cợt một cách thú vị trước hình ảnh lão nam tước già nua lảo đảo say mèm như Silenus[64].Thế mà người cười lại là một kẻ không biết kính trọng điều gì ngoài sự giàu có. Không biết nể nang cái gì ngoài sự thành công. Sống và làm ăn phát đạt trong cuộc đời là những con người có tên là… Vô tín ngưỡng, Vô hy vọng, Vô từ tâm. Các bạn thân mến ơi,

ta phải ráng hết sức mà choảng cho chúng một trận. Bọn chúng vô khối thằng làm nên khá giả mà thực ra chỉ là bọn lang băm và làm trò hề. Chính trong khi đấu tranh với chúng và lột mặt nạ bọn chúng mà chúng ta được một mẻ cười đấy.

CHƯƠNG IX
NHỮNG NHÂN VẬT TRONG GIA ĐÌNH

Tôn ông Pitt Crawley là một triết gia, có khuynh hướng về cái gọi là tầng lớp hạ lưu. Lần thứ nhất lão làm bạn với con gái nhà quý tộc Binkie là do cha mẹ lựa chọn.

Đúng như lão vẫn thường nói khi vợ còn sống, mụ này thật là một con mẹ ranh thượng lưu đanh đá đáng ghét, đến nỗi giá mụ chết, thì lão thà bị treo cổ còn hơn vớ được một mụ vợ thứ hai cũng là con nhà nòi như thế, quả nhiên sau khi mụ vợ về chầu giời, lão giữ đúng lời hứa, chọn ngay cô Rose Dawson làm vợ kế, cô này là con gái ông John Thomas Dawson, buôn sắt Ở Mudbury. Được bước lên địa vị Crawley phu nhân, cô Rosa thật là một người đàn bà sung sướng!

Ta hãy xem hạnh phúc của cô có những chi tiết gì. Đầu tiên, cô bỏ rơi anh chàng Peter Butt, chàng tình nhân trẻ tuổi; bị thất tình, anh này đâm ra buôn lậu, đi săn bắn trộm, và làm hàng nghìn việc bậy bạ khác. Rồi cô lại xích mích với tất cả đám bạn bè hồi còn con gái – vì nhiệm vụ bắt phải thế. Crawley phu nhân làm sao có thể hạ mình tiếp đãi bọn này được… mà chính cô cũng không thể tìm thấy trong giới thượng lưu mình mới bước

vào một người nào chịu vồ vập trọng vọng cô. Đời nào người ta chịu làm thế? Ngài Huddleston có ba cô con gái; cả ba cùng hy vọng trở thành Crawley phu nhân. Tôn ông Giles Wapshot tự coi là bị sỉ nhục vì con gái của gia đình Wapshot không được lựa chọn; các vị nam tước khác trong quận cũng rất công phẫn trước cuộc *hôn nhân thiếu đăng đối*[65] của bạn họ. Còn bọn thường dân thì ta không cần chú ý, mặc họ thì thào gièm pha vụng trộm với nhau.

Tôn ông Pitt vẫn thường nói lão "đếch cần" bất cứ đứa nào trong bọn ấy. Lão vớ được cô Rosa xinh xắn, thế là đủ; mà khi người đàn ông đã được thỏa mãn sở thích thì còn cần gì hơn? Bởi thế, đêm nào lão cũng nốc rượu vang, để thỉnh thoảng lại đánh cô Rosa xinh đẹp của lão một trận, để bỏ mặc cô ở Hampshire lẻ loi trong cuộc đời mông mênh, không một ai bè bạn mỗi khi lão đi Luân-đôn nhân dịp họp Quốc hội. Ngay đến bà Bute Crawley là vợ viên mục sư cũng không thèm đến thăm cô; bà ta bảo rằng không đời nào chịu hạ mình đến chơi với con gái một lão nhà buôn.

Cô chỉ được tạo hóa ban cho cái lộc duy nhất là đôi má hồng và nước da trắng, ngoài ra không có được tính tình gì đặc biệt; cô không có tài năng, kém trí tuệ, lại vô công rồi nghề, không biết giải trí là gì, mà cũng không

có cả cái tính đanh đá, nanh nọc thường thấy ở những người đàn bà hoàn toàn ngu độn; bởi thế cô vợ kế cũng không giữ chặt được cảm tình của cụ Pitt mấy tý. Đẻ được hai đứa con, thì đôi má cũng nhạt màu hồng, nước da cũng bớt vẻ tươi, cô trở thành một cái máy không hơn không kém trong gia đình nhà chồng, không khác gì cây đàn dương cầm của Crawley phu nhân đã quá cố.

Cô có nước da sáng nên hay bận áo màu nhạt giống như đa số những người đàn bà tóc vàng khác; cô ưa mặc kiểu áo dài màu xanh nước biển, hoặc màu thanh thiên.

Đêm ngày, lúc nào cũng thấy cô ngồi đan len, hoặc làm một công việc khác tương tự; chỉ trong có ít năm mà cô đã đan được cho mỗi chiếc giương ở trại Crawley một cái khăn trải giương. Cô lại có riêng một mảnh vườn nhỏ mà hình như cô rất thích; nhưng ngoài mảnh vườn đó ra, cô chẳng còn biết yêu, biết ghét cái gì khác. Khi bị chồng đối xử thô bạo, cô cứ ỳ ra; lúc nào bị chồng đánh thì chỉ khóc. Cô cũng không đủ bạo gan để uống rượu cho khuây khỏa, suốt ngày chỉ đi lang thang trong nhà mà rên rỉ, chân đi đôi giầy vẹt gót, trên đầu đầy những cặp giấy uốn tóc quăn. Ôi! *Hội chợ phù hoa! Hội chợ phù hoa!* Có thể xưa kia cô ta là một thiếu nữ nhí nhảnh; Peter Butt và Rosa rất có thể là một đôi vợ chồng

hạnh phúc sống trong một cái trại ấm cúng, trong một khung cảnh gia đình thân mật, và cùng chung sức vật lộn với cuộc sống, cùng chung hưởng phần vui thú, lo lắng, hy vọng với nhau. Song trong *Hội chợ phù hoa*, một địa vị và một cái xe tứ mã vẫn là những thứ đồ chơi quý báu hơn là hạnh phúc. Giả thử Harry đệ bát hoặc Con yêu Râu xanh còn sống đến bây giờ và muốn lấy đến người vợ thứ mười, các bạn có cho rằng hắn không thể nào cưới nổi người con gái đẹp nhất được vào chầu trong Hoàng cung kỳ này không?

Chúng ta đoán ra cũng biết rằng hai cô con gái cũng không lấy gì làm ưa lắm cái tính đần độn lỳ xỳ của mẹ. Chúng thích la cà trong đám đầy tớ và ở ngoài chuồng ngựa hơn. May sáo, bác làm vườn người xứ Scotch lại có một người vợ tốt và mấy đứa con rất ngoan, cho nên chúng cũng được gần gũi những người đứng đắn và cũng được dạy dỗ tử tế, trước khi cô Sharp tới, đấy là nền giáo dục duy nhất chúng được thụ hưởng.

Việc mượn cô Sharp là do sự phản kháng của Crawley, người bạn và người che chở duy nhất của Crawley phu nhân[66] và người duy nhất được người đàn bà này thấy có đôi chút cảm tình gắn bó, ngoài hai đứa con gái của bà ta. Pitt Crawley mang dòng máu của gia đình quý tộc Binkie là họ bên mẹ; anh ta là một nhà quý

tộc rất có nhã độ và đường hoàng.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh ta rời trường đại học của Nhà chung về nhà, và bắt đầu chấn chỉnh lại cái trật tự bị lỏng lẻo trong gia đình, bất kể ý kiến của bố, mà lão bố thì rất nể con trai. Tính anh ta kiểu cách đến mức máy móc, thà chịu chết đói chứ không bao giờ dùng bữa mà thiếu chiếc cà vạt quàng ở cổ. Có một lần vừa ở trường về, bác quản lý Horrocks đưa cho anh ta một lá thư, nhưng quên không đặt vào một cái khay; anh ta trừng mắt nhìn Horrocks, mắng cho một trận mất mặt, đến nỗi về sau cứ đứng trước mặt anh ta là Horrocks đã run rồi. Cả nhà đều phải cúi mình trước anh ta. Bữa nào anh ta ở nhà, thì Crawley phu nhân phải cất những cặp giấy uốn tóc trên đầu đi sớm hơn thường lệ: đôi ghệt lấm bùn bê bết của cụ Pitt cũng biến mất. Tuy cái lão già xấu tính ấy vẫn chưa chừa hết mọi thói hư cũ, nhưng ít nhất trước mặt con trai, lão cũng không dám nốc rượu rum pha nước lã bí tỷ, và khi sai bảo gia nhân cũng phải ăn nói dè dặt, lịch sự hơn. Bọn đầy tớ cũng nhận thấy rằng nếu anh con trai có mặt trong phòng, thì lão Pitt không bao giờ văng tục với Crawley phu nhân.

Chính anh ta đã dạy bác quản lý nói: "Bẩm phu nhân, bữa ăn đã dọn", và chính anh ta đã nhất định đòi khoác cánh tay phu nhân đi sang phòng ăn. Ít khi anh ta nói

chuyện với bà này, nhưng hễ đã nói thì bao giờ cũng rất đường hoàng lễ độ; không bao giờ anh ta chịu để bà rời khỏi phòng mà không đứng dậy một cách rất là đường hoàng để tự tay mở cửa, và cúi chào một cách vô cùng lịch. Ở trường trung học Eton, bạn bè gọi anh ta là "cô Crawley"; và tôi cũng rất buồn rầu mà thưa rằng ở trường, anh ta bị em giai là Rawdon đánh luôn rất đau. Sức học thì không được xuất sắc nhưng bù vào chỗ thiếu tài, anh ta có cái nết cần cù kéo lại suốt tám năm học trong trường, chưa hề bao giờ anh ta bị phạt, điều ta thường nghĩ khó lòng một anh học trò nào thoát khỏi.

Lên đại học, dĩ nhiên anh ta được chú ý. Ở đây anh ta đã sửa soạn bước vào xã hội thượng lưu, và được ông ngoại là bá tước Binkie hướng dẫn và che chở. Anh ta rất chăm chỉ học khoa hùng biện lối cổ và lối mới; trong những cuộc hội họp thảo luận, anh ta rất chịu khó phát biểu. Cách ăn nói thì khá lưu loát, chải chuốt; giọng nói tuy nhỏ nhẻ, nhung anh ta cũng rất thú vị khi được ăn nói kiểu cách; có điều bao giờ ý kiến anh ta phát biểu cũng hoàn toàn cũ rích nhạt phèo và phải đèo thêm một câu dẫn chứng bằng tiếng Latinh mới xong. Ấy thế mà anh ta vẫn cứ thất bại như thường, không rõ tại sao, mặc dù cái lối tầm thường mà anh ta dùng, lẽ ra phải đưa bất cứ người nào đến thành công mới đúng. Bè bạn đều bảo

rằng anh ta nắm chắc phần thưởng về thơ trong tay, thế mà cũng cứ hỏng. Ra khỏi trường đại học, anh ta làm thư ký riêng cho bá tước Binkie, sau được bổ làm tùy viên đại sứ quán ở Pumpernickel. Anh ta thực hiện nhiệm vụ này một cách xứng đáng, rất thăm gửi về cho ngài Tổng trưởng Ngoại giao đương thời những tin tức về món pa-tê của tỉnh Strasburg. Sau mười năm trời giữ chức vụ tùy viên sứ quán (nghĩa là sau ngày bá tước Binkie tạ thế khá lâu), anh ta thấy việc thăng thưởng của mình quá chậm, bèn khinh bỉ mà rời khỏi trường ngoại giao, và trở về sống cuộc đời một nhà quý tộc thôn quê.

Khi về nước Anh, anh ta có viết một bài xã thuyết về đảo Malt (vốn có nhiều tham vọng, anh ta đưa ra mắt công chúng), và tham dự một phần quan trọng trong vấn đề giải phóng người đa đen. Về sau, anh ta trở thành bạn của ông Wilberforce là người được anh ta rất kính phục về quan điểm chính trị. Anh ta được nổi tiếng nhân việc trao đổi thư từ với linh mục Silas Hornblower về phái đoàn truyền giáo Ashantee. Mỗi năm anh ta đều có mặt ở Luân-đôn, nếu không phải trong thời kỳ Quốc hội họp, thì ít nhất cũng là về tháng năm, khi có những buổi hội nghị tôn giáo ở thôn quê anh ta là một quan tòa, thường đi lại thăm hỏi và thuyết giáo cho cái đám người thiếu nền giáo dục của nhà thờ. Người ta đồn rằng anh ta

đã tán tỉnh công nương Jane Sheepshanks là con gái thứ ba của công tước Southdown; cô này có cô chị là công nương Emily, tác giả mấy cuốn truyện: "Cái kim chỉ nam của người thủy thủ" và "Người đàn bà bán táo ở Finchley".

Cô Sharp không cốt vẽ một bức tranh khôi hài khi miêu tả những cảnh xảy ra ở trại Crawley Bà chúa đâu. Crawley bắt buộc bọn đầy tớ phải lễ bái kính Chúa, và (cũng may thay) bắt cả ông bố phải làm theo. Anh ta chủ tọa một nhóm giáo hữu độc lập ở xứ đạo Crawley; ông chú mục sư bực mình lắm, nhưng ông bố lại rất thú. Có đâu một hai lần cụ Pitt đích thân tới dự; việc này khiến cho tại nhà thờ xứ đạo Crawley nổ ra mấy bài giảng đạo cổ lỗ kiểu gô-tíc của lão nam tước già. Thực ra, cụ Pitt thực thà nhà ta có đủ sức chịu đựng nổi những bài diễn văn đó đâu; thường thường suốt giờ giảng đạo lão ngồi ngủ gật.

Crawley quan tâm đến hạnh phúc của dân tộc và của cái giáo hữu Gia-tô giáo đến mức chỉ mong ông bố nhường lại cho mình chân nghị sĩ ở Quốc hội; nhưng ông lão vẫn không muốn. Dĩ nhiên cả hai bố con cùng khôn cả; họ tính toán rằng không dại gì mà bỏ món tiền một nghìn rưỡi đồng được hưởng hàng năm là tiền bán chân nghị sĩ thứ hai (ông Quadroon vẫn giữ chân nghị sĩ

này, lại kèm theo quyền tự do hoạt động về vấn đề buôn nô lệ). Quả thật là tình trạng tài sản của gia đình cũng đang gặp hồi lúng túng, số thu hoạch nói trên của thị trấn cũng rất cần thiết cho việc chi tiêu ở Crawley Bà chúa. Món tiền phạt quá nặng mà Walpole Crawley, đệ nhất nam tước, phải nộp vì tội thụt két hồi còn làm việc tại văn phòng cơ mật viện vẫn chưa thu lại được đủ. Ngài Walpole xưa là người ham thú vui, tiêu tiền như rác *(alieni appetens, sui profusus*[67] Crawley thường nhắc, và thở dài); sinh thời, ông ta vẫn được khắp quận yêu mến vì tính rượu chè be bét và tính hào phóng sẵn sàng tiếp đãi mọi người ở Crawley Bà chúa. Hồi đó, hầm rượu của gia đình đầy những rượu vang đỏ burgundy, trong nhà lại nuôi rất nhiều chó săn và ngựa để cưỡi đi săn. Trong trại Crawley Bà chúa, bây giờ ngựa phải đi cày, hay kéo chiếc xe ngựa Trafangar; bữa cô Sharp về đây, cô đã đi chiếc xe do một đôi ngựa nuôi trong trại kéo. Lão Pitt tuy thô tục thật, nhưng ở địa phương lão lại là người rất chú ý bảo vệ giá trị của mình, ít khi lão đi ra ngoài mà không dùng xe tứ mã; và lúc ăn cơm bao giờ cũng phải có ba thằng hầu đứng túc trực, dầu bữa ăn chỉ có thịt cừu luộc. Nếu chỉ cần hà tiện mà đủ giầu, thì cụ Pitt rất có thể đã giầu nứt đố đổ vách… nếu chỉ là một ông thầy kiện tỉnh lẻ, vốn liếng không ngoài bộ óc, thì rất có thể lão đã dùng bộ óc ấy mà kiếm được khối lời,

và cũng có thể nhờ đó mà có uy tín ảnh hưởng lớn. (Nhưng không may, lão lại là con nhà dòng dõi và có một gia sản lớn tuy đang gặp khó khăn; cả hai thứ đã chẳng giúp ích cho lão thì chớ, lại làm hại lão. Tính lão ưa chuyện kiện tụng, mỗi năm tốn phí vào đó tới hàng mấy ngàn đồng. Lão vẫn thường cho là mình rất khôn ngoan, không bao giờ chịu bị bọn thầy kiện tầm thường bịt mắt, nên lão cứ giao tất cả công việc kiện cáo cho đến một tá bọn thư lại trung gian lo hộ, mặc dầu lão chẳng tin cậy anh nào. Là một điền chủ sắc sảo, nhưng lão toàn vớ phải bọn tá điền vỡ nợ; lão vốn là một người làm ruộng hà tiện, chỉ vãi hạt giống xuống đất một cách bất đắc dĩ mới cho lão thu hoạch, trong khi mùa màng của những chủ trại biết hào phóng khác lại rất tốt. Lão lại còn kinh doanh nhiều việc khác; làm mỏ, mua cổ phần kênh đào, nuôi ngựa kéo xe thuê, ký hợp đồng với chính phủ, tóm lại lão là tay kinh doanh quan trọng nhất trong quận.

Lão thuê những người lương thiện làm việc khai thác đá gra-nit nhưng không chịu trả tiền công, vì vậy nên bốn người đốc công bỏ trốn sang Mỹ, đem theo cả két bạc. Mỏ than của lão không được săn sóc chu đáo, nước ngập hết; chính phủ ném trả lão tờ hợp đồng về việc tiêu thụ thịt bò ôi, còn như về việc cho thuê ngựa

kéo xe thì chủ xe trong cả nước đều biết lão chết nhiều ngựa nhất, vì toàn là ngựa mua rẻ và cho ăn đói. Tính lão không kiêu ngạo, trái lại rất bình dân. Có thể nói lão ưa trò chuyện với một bác nông dân hoặc một tay lái ngựa hơn là tiếp đãi một nhà quý tộc giống như cái ông lớn con trai của lão. Lão thích uống rượu, văng tục, và bỡn cợt với bọn con gái nông dân.

Lão không hề cho ai một đồng trinh, hoặc làm một việc phúc đức nào bao giờ, nhưng ai cũng biết lão sởi lởi, vui tính; lão có thể hôm nay ngồi bỡn cợt và uống rượu với một tá điền, ngày mai đuổi cổ thẳng cánh, hoặc có thể vẫn đùa cợt với người đã phạm tội săn trộm trong trại của lão mà lão đang bắt đi đầy… đối với phụ nữ lão có nhã nhặn hay không, cứ xem cách lão đối đãi với Rebecca cũng rõ. Tóm lại trong giới quý tộc và nghị sĩ toàn nước Anh, không có một người nào xảo quyệt bần tiện, ích kỷ, ngu xuẩn, và nổi tiếng xấu xa như lão. Bàn tay vấy máu của cụ Pitt Crawley chỉ thấy thọc vào túi áo người khác, không bao giờ thọc vào túi áo của chính mình. Vậy nên chúng ta, những người vẫn kính trọng giới quý tộc nước Anh, rất đau lòng mà bắt buộc phải công nhận đủ ngần ấy thói xấu ở một người có tên ghi trong tập Debrett[68].

Nguyên nhân quan trọng khiến cho Crawley được bố

vì nể là một vấn đề tiền nong. Số là lão nam tước nợ con trai một món tiền lớn, đó là tiền riêng của mẹ anh ta để lại; lão không muốn trả nợ con, vì xưa nay lão vẫn có tính thù ghét sự trả tiền cho bất cứ ai và chỉ khi nào bị cưỡng bách thì lão mới chịu thanh toán nợ, Cô Sharp đã tính rằng (dưới đây chúng ta sẽ thấy cô tìm được cách biết mọi việc bí mật của gia đình) nếu trả nợ thì mỗi năm lão phải tốn hàng nghìn đồng. Nhưng lão không chịu bỏ mất sở thích của mình: lão có cái thú man rợ là bắt bọn người khốn khổ đáng thương kia phải chờ đợi; lão chạy khắp các tòa án tìm đủ mọi cách hoãn ngày trả tiền. Lão bảo: "Nếu phải trả nợ thì người ta làm nghị sĩ Quốc hội để làm cái quái gì?" Vậy ra cái cương vị thượng nghị sĩ quả thật có ích cho lão không phải ít.

Hội chợ phù hoa... Hội chợ phù hoa! Tại đây có một thằng đọc không thông, cũng không chịu tập đọc… có những thói quen và tính xảo quyệt của một thằng biển lận, suốt đời chỉ có một lẽ sống là đi lừa vặt thiên hạ, chỉ biết đến những sở thích, những tình cảm, những thú vui bẩn thỉu, bần tiện; vậy mà không rõ tại sao hắn có đủ cả địa vị, danh vọng và quyền lực, lại là một bậc tai mặt trong xứ, một cây cột trụ của nhà nước? Hắn giữ địa vị bảo an đại quan và đi xe ngựa mạ vàng. Các vị tổng trưởng và các chính khách đều phải nịnh nọt hắn: và

trong Hội chợ phù hoa hắn chiếm một địa vị cao hơn cả những người tài năng lỗi lạc nhất, hoặc những người đạo đức trong sạch nhất.

Cụ Pitt có một người em gái khác mẹ không lấy chồng; bà này thừa hưởng một gia sản của mẹ để lại. Lão nam tước đề nghị cầm tài sản của mình cho em rể để vay món tiền ấy, nhưng bà Crawley[69] không thuận; bà ưng giữ chặt số tiền hơn. Tuy nhiên, bà cũng đã ngỏ ý sẵn sàng chia gia tài của bà cho đứa con trai thứ của cụ Pitt; cũng đã có một lần bà trả nợ cho Rawdon Crawley hồi anh ta còn đi học cũng như khi anh ta nhập ngũ. Do đó, mỗi khi đến thăm trại Crawley Bà chúa, bà Crawley được trọng vọng vô cùng.

Cái tài khoản kếch xù của bà ở nhà băng có thể khiến bà đi bất cứ đâu cũng được người ta trọng vọng. Mới biết nhờ có cái tài khoản ở nhà băng mà giá trị một bà quý tộc già được tăng thêm bao nhiêu phần? Nếu bà ấy lại là một người thân trong gia đình (rất có thể mỗi độc giả cũng có hàng nửa tá người thân như vậy đấy) thì những thói xấu của bà ấy đối với ta cũng trở thành đáng yêu biết bao; thật là một bà cụ già nhân hậu tất bụng. Anh chủ trẻ tuổi hãng Hobbs và Dobbs sẽ mỉm cười mà dẫn bà bước ra chiếc xe ngựa, trên thành xe có sơn hình quả trám[70] và có một anh xà ích béo quay thở phì phà

phì phò! Rồi khi bà cụ đến thăm, ta lại có dịp giới thiệu địa vị của bà với bè bạn. Chúng ta bảo thế này (mà cũng chí lý): ước gì bà MacWhirter ký cho một chữ vào cái ngân phiếu năm ngàn đồng nhỉ". Vợ chúng ta thêm: "Năm nghìn thì bà cụ coi mùi gì". Khi ông khách hỏi bạn rằng bà MacWhirter phải chăng có họ với gia đình, bạn cứ điềm nhiên như không đáp: "Tôi gọi bà cụ bằng cô ruột đấy". Vợ bạn luôn luôn gửi quà cáp tặng bà cụ để tỏ tình quý mến; mấy đứa con gái bạn thì cứ ra công mà đan những túi len, những mặt gối và những khăn ủ chân cho "bà cụ".

Mỗi khi "bà cụ" đến thăm thì đốt ngay lửa thật ấm trong lò sưởi, tuy rằng hàng ngày vợ bạn vẫn phải chịu lạnh mỗi khi thay áo! Trong suốt thời gian "bà cụ" ở chơi, gia đình bận tíu tít, nhà cửa nom sạch sẽ, ấm cúng, rộn ràng như có thết tiệc mà vào những ngày khác không bao giờ được như vậy. Ngay chính bạn, ông bạn quý ơi, bạn cũng quên mất giấc ngủ trưa sau bữa ăn, và đột nhiên thấy mình rất ham đánh bài (mặc dầu bạn thua luôn). Bạn ăn cơm rất ngon… ngày nào cũng có thịt thú rừng; rượu Malmsey- Madeira, cá mua tận Luân Đôn mang về thì không bao giờ thiếu.

Cả bọn tôi tớ trong bếp cũng được dự phần hào phóng: không rõ vì sao, trong thời gian anh xà ích béo

của bà MacWhirter ở chơi, rượu bia như nặng phân hơn ngày thường, và trong phòng đầy tớ (nơi chị hầu gái ăn cơm), việc tiêu thụ trà và đường không hề bị nhòm ngó đến bao giờ. Có đúng thế không, hay là sai? Tôi xin nhờ những tầng lớp trung lưu làm chứng hộ. Ôi, hỡi những đấng thiêng liêng có từ tâm, ước gì các người ban cho tôi một bà cô già, một bà cô ở vậy không có chồng… một bà cô có đủ cả xe ngựa có sơn hình quả trám, và có bộ tóc màu cà phê nhạt… Các con tôi sẽ tha hồ đan túi len cho bà cụ; cả Julia cùng tôi sẽ sẵn sàng hầu hạ bà cụ. Một viễn tưởng êm đẹp làm sao. Song cũng là một giấc mơ hão huyền làm sao?

CHƯƠNG X
CÔ SHARP BẮT ĐẦU KẾT BẠN

Bây giờ cô Rebecca đã bắt đầu được công nhận là người trong cái gia đình dễ thương có những nhân vật vừa giới thiệu ở chương trên; vậy thì lẽ dĩ nhiên, cũng như lời cô nói, cô phải có bổn phận ăn ở tốt với những vị ân nhân của mình, và phải cố gắng hết sức để được họ tin cậy.

Đức tính biết hàm ơn nơi một cô gái côi cút không người che chở, ai không phải mến phục; và nếu trong sự tính toán của cô ta có phần nào ích kỷ, ai dám bảo rằng khôn khéo như thế là vô lý? Cô gái trơ trọi kia sẽ đáp: "Tôi bơ vơ một mình trong đời này; ngoài những thứ phải làm việc mới được hưởng, tôi không còn hy vọng vào cái gì khác.

Con bé Amelia má đỏ kia làm gì có được lấy một nửa cái khôn ngoan của tôi? Vậy mà nó có những một vạn đồng tiền vốn, tương lai chắc chắn; còn con Rebecca đáng thương này (mặt tôi còn xinh hơn mặt nó nhiều chứ) thì chỉ có thể trông mong vào trí thông minh của mình. Được lắm, để rồi xem trí thông minh của tôi có thể đảm bảo cho tôi một đời sống đường hoàng hay không; rồi sẽ có ngày tôi chứng tỏ cho con bé Amelia

kia biết rằng tôi hơn hẳn nó cho mà xem. Không phải là tôi ghét Amelia đâu: ai ghét bỏ được một con người vô tội, tốt bụng như thế… Có điều tôi vẫn ước ao sao có ngày tôi chiếm được một địa vị cao hơn nó trong đời, mà tại sao không thể được?" Cô bạn giầu trí tưởng tượng của chúng ta đang xây dựng cho mình những mộng tưởng về tương lai như vậy đấy… Việc gì chúng ta phải tức giận về chuyện trong những tòa lâu đài xây trên cát của cô ta, người trú ngụ chính chỉ là một đức ông chồng?

Các cô thiếu nữ trẻ tuổi không tơ tưởng đến chuyện chồng con thì còn nghĩ đến chuyện gì kia chứ? Hỏi rằng các bà mẹ của họ còn lo chuyện gì khác nữa? Rebecca sẽ bảo: "Tôi phải tự mình làm mẹ lấy cho mình"; đồng thời, nghĩ lại câu chuyện không may giữa cô và Joe Sedley, cô không khỏi hơi thấy đau nhói trong lòng vì thất bại.

Cho nên cô bèn khôn ngoan quyết định sẽ củng cố địa vị của mình cho vững vàng trong trại Crawley Bà chúa; nhằm mục đích ấy, cô quyết tâm kết giao với bất cứ ai sống quanh mình mà có thể can thiệp vào đời sống của cô ở đây.

Thấy Crawley phu nhân không thuộc loại này, hơn nữa bà ta lại là người rất thụ động, không có chút cá tính

gì, không có chút ảnh hưởng gì trong gia đình, Rebecca thấy ngay mình không cần phải tranh thủ cảm tình của bà… mà nói cho đúng cũng không thể tranh thủ được. Cô thường nói chuyện với hai đứa học trò về "bà mẹ đáng thương" của chúng; đối với bà này cô vẫn cư xử rất lễ độ song lạnh nhạt; cô chỉ đặc biệt quan tâm đến những người còn lại trong gia đình.

Cô lấy được cảm tình của hai cô bé học trò rất dễ; phương pháp cô dùng cũng rất đơn giản: không cần bắt chúng phải nhồi sọ quá nhiều, trái lại, cứ để mặc chúng tha hồ muốn tự giáo dục ra sao tùy sở thích; bởi vì còn có phương pháp tự học. Cô học trò lớn tính hay đọc truyện; trong cái tủ sách cổ kính của trại Crawley Bà chúa có vô khối tiểu thuyết lăng nhăng xuất bản từ thế kỷ trước, tiếng Anh có, tiếng Pháp có (hồi bị sa thải, ngài bí thư văn phòng cơ mật viện đã mua khá nhiều); ngoài Rebecca cũng chẳng có ai rờ đến, cho nên cô ta có điều kiện vừa cho chơi mà vừa dạy được vô khối điều hay cho cô bé Rose Crawley.

Rebecca và cô bé Rose cả hai cùng đọc nhiều tiểu thuyết rất hay của Pháp và Anh, trong số đó có nhiều cuốn của vị học giả Smollett, của nhà văn lỗi lạc Henry Fielding, hoặc của ông Crebillon – nhà tiểu thuyết tài hoa, giầu trí tưởng tượng, người được thi sĩ bất hủ Gray

tán tụng hết sức – và của ngài Voltaire lừng danh thế giới viết nên. Có lần Crawley hỏi hai cô em gái đọc sách gì, cô giáo dạy trẻ bèn đáp: "Smollett". Crawley bằng lòng lắm, nói: "Ờ, Smollett." Ông ta viết sách sử nhạt nhẽo hơn ông Hume, nhưng chắc chắn không nguy hiểm bằng. Em đang đọc lịch sử phải không?" Cô Rose đáp: "Vâng". Cô không dám thú thực rằng cô đang đọc truyện lịch sử của Humphrey Clinker. Một lần khác, thấy em gái đọc một tập kịch tiếng Pháp, anh ta có vẻ giận; nhưng cô giáo vội thanh minh rằng mình cốt luyện cho học trò tập dùng những thổ ngữ trong tiếp Pháp khi nói chuyện; thế là anh ta tỏ vẻ rất hài lòng. Là một nhà ngoại giao, Crawley rất kiêu hãnh vì mình nói thạo tiếng Pháp (anh ta vẫn còn là người ưa xã giao); được cô giáo dạy tư trẻ tuổi luôn mồm tán tụng, anh chàng lấy làm khoái lắm.

Trái lại cô Violet có những sở thích thô bạo, ngỗ nghịch hơn chị nhiều: gà mái đẻ trứng ở chỗ kín đáo đến đâu, cô ta cũng tìm được. Cô biết trèo cây để lấy trứng chim. Được cưỡi lên lưng ngựa con non và chạy rông khắp cánh đồng như Camila thì cô khoái nhất. Cô này được ông bố cưng hơn cả, mà bọn bồi ngựa cũng quý. Anh bếp chiều cô bé, nhưng cũng sợ nhất, vì giấu lọ mứt ở đâu cũng không thoát khỏi mắt cô bé, hễ tìm thấy

là lấy ăn liền… hai chị em đánh nhau luôn. Bắt được Violet phạm lỗi gì, cô Sharp không mách Crawley phu nhân, vì thế nào bà này cũng nói lại với cụ Pitt, hoặc tai hại hơn mách lại với Crawley; cô chỉ hứa rằng nếu Violet biết ngoan ngoãn và yêu quý cô giáo, thì sẽ không mách mẹ.

Đối với Crawley, bao giờ cô Sharp cũng tỏ ra lễ độ và phục tùng. Gặp những đoạn văn tiếng Pháp cô không hiểu – tuy mẹ cô ta là người Pháp – thì cô đem hỏi anh ta, và hoàn toàn được hài lòng. Ngoài việc giúp cô đọc những chuyện thông thường, anh ta còn tỏ ra tất bụng hơn giúp cô chọn lọc những sách đứng đắn khác, và thường hay trò chuyện với cô. Cô tỏ ý vô cùng khâm phục những bài diễn văn anh ta đọc trong Hội tương tế Quashimaboo; cô rất quan tâm đến bài xã luận của anh ta về vấn đề mạch nha nấu rượu bia. Một buổi tối nghe anh ta thuyết giáo, cô cảm động đến phát khóc, nói: "Ôi, thưa ngài, xin cảm tạ ngài" đoạn ngước mắt nhìn lên trời, làm cho anh chàng thỉnh thoảng cũng phải cảm động mà chiếu cố bắt tay cô một cái. Nhà quý tộc kính Chúa ấy tự nhủ: "Thế mới biết con nhà dòng dõi cũng có khác. Cô Sharp tỏ ra thông cảm với lời nói của ta biết bao, trong khi ở đây không một ai xúc động. Đối với họ, ta kín đáo quá… tế nhị quá… Phải bình dân hóa cách

phô diễn mới được… nhưng cô ấy vẫn hiểu. Thân mẫu cô ấy thuộc dòng họ Montmorency kia mà".

Hình như cô Sharp quả thật cũng có liên quan đến dòng họ nổi danh kia về bên ngoại thì phải. Dĩ nhiên cô không nói với ai rằng mẹ cô xưa là vũ nữ, nói thế có thể làm cho anh chàng Crawley rất sùng đạo kia không ưa cô.

Đã có biết bao nhiêu phụ nữ quý tộc lưu vong ra ngoại quốc bị cuộc cách mạng khủng khiếp kia làm cho khuynh gia bại sản? Trong khoảng mấy tháng đầu sống trong gia đình, cô đã bịa ra vô số chuyện về các vị tổ tiên của mình.

Ngẫu nhiên Crawley thấy có vài câu chuyện trong tập sách của ông D'Hozier, có trong tủ sách của gia đình; điều đó càng khiến anh ta thêm tin lời cô nói là thật, và yên trí Rebecca là con nhà dòng dõi. Chắc chúng ta đoán rằng (mà hẳn Rebecca cũng nghĩ thế) Crawley tò mò hỏi lai lịch, lại mò mẫm tìm tòi những chuyện ấy trong sách, ý hẳn anh chàng chú ý đến cô?… Không đâu, đó chẳng qua là vì tình bạn thân mật. Ở trên, ta chẳng đã nói rằng Crawley có gắn bó với công nương Jane Sheepshanks là gì?

Có một hai bận anh ta bắt được Rebecca đánh bài với cụ Pitt. Anh ta bảo trò chơi ấy không hợp ý Chúa, tốt

hơn cô ta nên dùng thì giờ để đọc truyện "Gia tài của Thrum" hoặc truyện "Bà thợ giặt mù ở Moorfields", hoặc một số cuốn sách đứng đắn nào khác. Nhưng cô Sharp đáp rằng xưa kia mẹ cô cũng thường hay chơi bài cùng vị bá tước già và đức cha xứ Cornet[71] thế là cô bào chữa được cái chuyện chơi bài và những trò giải trí trần tục khác.

Không phải cô giáo dạy trẻ chỉ biết dùng cách chơi bài để lấy lòng lão nam tước già; cô còn dùng nhiều mánhkhoé khác để tỏ ra có ích cho chủ. Cô đọc rất kiên nhẫn tất cả mọi thứ giấy tờ về việc kiện tụng; công việc này cụ Pitt đã hứa sẽ giao cho cô ngay từ khi cô chưa đến Crawley Bà chúa. Cô lại tình nguyện chép hộ rất nhiều thư từ của lão và khéo léo sửa chữa các lỗi chính tả cho thích hợp với lối viết bấy giờ.

Cô tỏ ra rất quan tâm đến tất cả mọi việc có liên quan đến tài sản, đến trại, đến vườn cảnh, vườn cây, đến chuồng ngựa. Cô đã trở thành một người bạn rất thú vị đến nỗi ít khi lão nam tước đi bách bộ tiêu cơm sau bữa ăn sáng mà không có cô đi kèm (dĩ nhiên, có cả hai cô con gái nữa). Những lúc này, cô góp ý kiến với lão về việc nên tỉa bớt cây ở bụi rậm này, nên đào đất trồng hoa ở chỗ kia, cô bàn với lão về chuyện gặt hái, hoặc về chuyện nên dùng ngựa để kéo xe hay để cày. Chưa đầy

một năm, cô đã được lão nam tước hoàn toàn tin cậy; và trong bữa ăn, những chuyện trước kia lão thường trao đổi với bác quản lý Horrocks, bây giờ gần như lão chỉ nói với cô Sharp. Những khi Crawley đi vắng, Becky gần như thành bà chủ trong nhà; nhưng ở các địa vị mới mẻ và tôn quý này, cô vẫn cư xử với thái độ khôn ngoan nhã nhặn không bao giờ làm mếch lòng những kẻ có quyền chỗ bếp núc và nơi chuồng ngựa; đối với họ, bao giờ cô cũng đối đãi hết sức nhã nhặn, ngọt ngào. Cô đã thay đổi hoàn toàn, khác hẳn cô gái kiêu ngạo mà nhút nhát, bất mãn như ta thấy hồi nọ. Sự thay đổi ấy chứng tỏ cô ta rất mực khôn khéo, thực tâm muốn hối cải, và có một sự nỗ lực về tinh thần rất đáng chú ý. Cô Rebecca của chúng ta áp dụng cái chiến thuật chiều chuộng và nhã nhặn mới mẻ này có phải vì thực tâm hay không, đọc đoạn dưới chúng ta sẽ rõ. Một cô gái mới hai mươi mốt tuổi đầu khó lòng mà thực hiện một chiến thuật đạo đức giả cho trót lọt trong suốt một năm trời đằng đẵng. Nhưng xin các bạn độc giả nhớ hộ rằng, tuy tuổi còn non, nhưng Rebecca đã già dặn nhiều về kinh nghiệm sống: nếu thiên hạ đã không phát hiện rằng cô là một người đàn bà rất thông minh thì chẳng hóa ra tôi viết truyện này vô ích lắm sao?

Hai anh em trai trong gia đình Crawley giống như

“mặt trăng và mặt trời”, không bao giờ cùng có mặt một lúc trong nhà… họ “thù ghét nhau một cách thân mật”. Thật thế, Rawdon Crawley, anh chàng sĩ quan ngự lâm, rất ghét cái nhà ấy; ít khi anh ta về nhà, trừ mỗi năm một lần khi có bà cô đến thăm.

Bà quý tộc già này có một đức tính quý hóa nhất, ta đã biết. Bà có số vốn bảy vạn đồng, và gần như đã nhận cho Rawdon hưởng gia tài. Bà ghét cay ghét đắng thằng cháu cả, coi anh ta như một thằng con trai xuẩn ngốc. Đổi lại, ông cháu cũng không ngần ngại tuyên bố rằng linh hồn của bà cô chắc chắn sẽ bị mất, không gì cứu vãn nổi; đồng thời anh ta cũng tin rằng số phận của em trai khi sang thế giới bên kia rồi cũng không khá hơn mấy tí. Crawley thường bảo: “Bà cụ là một người vô tín ngưỡng nhất thế giới; bà ấy đi lại với bọn vô thần, và bọn Pháp. Cứ nghĩ đến cái hoàn cảnh đáng ghê của bà ấy mà tôi rợn cả người. Gần kề miệng lỗ như bà ấy thì cũng nên từ bỏ những sự phù hoa, phóng túng, bừa bãi, điên rồ đi mới phải”. Thực ra chỉ tại bà quý tộc già đã nhất định không chịu nghe anh ta thuyết giáo buổi tối; và khi bà lão đến chơi trại Crawley Bà chúa một mình, anh ta bắt buộc phải chấm dứt những cuộc kinh Chúa sớm hơn lệ thường. Ông bố bảo con trai:

- Pitt, khi nào có cô Crawley đến chơi, đừng có giảng

đạo nữa, cô đã viết thư bảo rằng cô không chịu nổi cái trò thuyết giáo ấy đâu.

- Ô thưa ba, thế còn bọn tôi tớ?

- Kệ mẹ chúng nó, cho chúng nó chết treo đi.

Cụ Pitt đáp vậy; và anh con trai nghĩ rằng nếu bọn gia nhân không được hưởng sự giáo dục của anh ta thì rồi sẽ xảy ra lắm điều không hay. Cụ Pitt thấy con trai phản đối, bèn bảo:

- Ô hay, Pitt, thôi đi? Anh lại ngốc đến nỗi để cho mỗi năm mất toi món tiền ba ngàn đồng à?

Crawley vẫn cãi:

- Thưa ba, lại đem tiền của ra so với linh hồn con người ta được ư?

- Anh định nói rằng tại bà lão không chịu cho anh hưởng gia tài chứ gì?

Ai mà biết được có phải Crawley định nói thế thật hay không.

Kể ra bà lão Crawley này cũng là một người không ra gì.

Bà ta có một căn nhà nhỏ rất ấm cúng ở công viên Lane.

Suốt mùa rét ở Luân-đôn, bà ăn nhiều quá, uống khỏe quá nên đến mùa nực bà về Harrowgate hoặc Cheltenham nghỉ mát. Trong số những bà gái già thì bà Crawley là người hiếu khách và vui tính nhất; cứ theo lời bà thì xưa kia bà cũng có nhan sắc (Chúng ta ai chẳng biết rằng hết thảy mọi bà già xưa kia đều đã từng là mỹ nhân). Bà lại là một người *hay chữ*[72], hồi ấy là một người thuộc phe cấp tiến.

Bà đã từng sang Pháp (họ đồn rằng bà đã ấp ủ một mối tình tuyệt vọng đối với St. Just); và từ đó về sau, bà rất mê tiểu thuyết Pháp, ưa món ăn Pháp, thích rượu Pháp. Bà ham đọc Voltaire, thuộc Rousseau làu làu, bàn đến chuyện ly dị tự nhiên như không, lại kịch liệt bênh vực cho quyền lợi của giới phụ nữ. Bà treo chân dung ông Fox trong tất cả các phòng. Hồi nhà chính khách này còn ở phe đối lập, tôi không được rõ lắm về chuyện bà có cùng tiếp tay chiến đấu với ông này hay không, chỉ biết khi ông này lên cầm quyền, bà đã đưa cụ Pitt và ông bạn đồng viện đại biểu cho Crawley Bà chúa đến yết kiến, mặc dầu cụ Pitt vẫn rất có thể tự mình tìm đến lấy, không phải phiền đến sự giúp đỡ của bà lão thực thà này. Chẳng cần nói rằng sau khi nhà chính khách thuộc đảng Whig đã quá cố, cụ Pitt bắt buộc phải thay đổi quan điểm chính trị.

Hồi Rawdon Crawley còn ít tuổi, bà lão đáng quý ấy đã rất thích cậu bé; bà gửi cậu vào học trường đại học Cambridge (đối lập với trường Oxford, nơi cậu anh theo học) và sau hai năm học tập, khi chàng thanh niên bị ban giám đốc đệ nhất đại học đường kia yêu cầu rời khỏi trường, thì bà lại mua cho anh ta một chức sĩ quan trong đội quân bảo vệ hoàng gia. Anh chàng sĩ quan trẻ tuổi này quả thực là một tay "ăn chơi" khét tiếng, một tay công tử bột lừng danh. Thời ấy, đấu quyền Anh, săn chuột, chơi quả lăn, hay giong xe tứ mã là những "mốt" chơi phổ biến trong giới quý tộc nước Anh; anh ta chịu học đòi tất cả những thú chơi quý phái ấy. Vì thuộc quân đội chính quốc, do nhiệm vụ phải luôn luôn tập hợp xung quanh Hoàng tử nhiếp chính[73], nên anh ta chưa có dịp trổ tài đảm lược trong việc chinh chiến ở ngoại quốc bao giờ; nhưng Rawdon Crawley cũng đã dự ba trận tỷ thí tay đôi đổ máu (tính anh ta vốn rất mê đánh bạc) và đã tỏ ra là tay biết coi khinh cái chết.

- Rồi sau cái chết thì sẽ ra sao?

Crawley vẫn nói thế, và ngước đôi mắt xanh lè nhìn lên trần nhà. Anh ta thường lo lắng cho linh hồn của em trai cũng như vẫn lo lắng cho linh hồn của những người bất đồng ý kiến với mình. Nhiều bậc đạo mạo vẫn tự cho mình được hưởng cái thú vui như thế đấy.

Còn cái bà Crawley ngu dại lãng mạn kia, sau những cuộc tỷ thí của "ông cháu cưng", vẫn cứ bỏ tiền ra trả nợ đậy như thường, cũng chẳng thèm để lọt vào tai lấy một tiếng thầm thì bàn tán về đức hạnh của anh ta. Bà vẫn bảo: "Trăng đến rằm trăng tròn[74], nó còn khá bằng vạn cái thằng đạo đức giả hay rên rỉ là anh nó kia".

CHƯƠNG XI
ĐỜI SỐNG THANH ĐẠM XỨ ARCADY[75]

Ngoài những con người chân thực sống ở trại Crawley (mà tính mộc mạc và trong sạch kiểu thôn quê của họ cho thấy rằng cuộc sống thôn dã hơn hẳn cuộc sống ở thành thị), chúng tôi thấy cần giới thiệu với các bạn đọc cả những người thân của họ sống gần đây, trong nhà thờ, tức là vợ chồng ông Bute Crawley.

Đức cha Bute Crawley vóc người cao lớn, đường bệ, tính ham hoạt động, hay đội một chiếc mũ rộng vành của tu sĩ Anh quốc giáo. Lão được dân chúng trong quận yêu mến hơn lão nam tước anh ruột. Hồi còn học đại học, lão cầm trịch cho người ta bơi thuyền và đã đấm ngã tất cả những tay đấu quyền thi lấy giải trong tỉnh. Trong cuộc sống riêng lão vẫn giữ cái thú đấu quyền và thể thao; không có một cuộc thi đấu nào tổ chức trong phạm vi hai mươi dặm quanh đấy mà không có mặt lão; không một cuộc chạy thi, đua ngựa, đua thuyền, dạ hội, bầu cử, tiệc tùng, mặc dù chỉ là một bữa cỗ xoàng tổ chức trong quận, mà lão không tìm được cách tham dự. Mỗi khi có tiệc tùng ở Fuddleston, ở Roxby hoặc ở Wapshot Hall, hoặc tại nhà những vị quý tộc trong quận

mà lão rất thân, thế nào từ cách nhà thờ đến dăm bảy dặm đường các bạn cũng có thể nhìn thấy con ngựa cái màu hạt dẻ với đôi mục kỉnh của lão. Giọng lão khá trong, lão hay hát bài "*Gió nồm, trời vẩn mây*", và khi lấy giọng cho mọi người đồng ca thì ai cũng tán thưởng.

Khi cưỡi ngựa đi săn, lão khoác một tấm áo thày tu màu muối tiêu, và lại là một trong những tay câu cá cừ nhất toàn quận.

Bà Bute Crawley, vợ lão tu sĩ, là một người đàn bà nhỏ nhắn, nhanh nhẹn; bà thường viết hộ những bài giảng đạo cho đức cha rất thánh. Vốn ưa quanh quẩn ở nhà suốt ngày cùng hai cô con gái, cho nên trong phạm vi nhà thờ bà độc quyền cai trị; bà rất khôn ngoan cho phép ông chồng được tha hồ tự do tung hoành ở ngoài. Ông ta mặc ý đi về, muốn ăn ở nhà bạn bè bao nhiêu bữa tùy sở thích, vì tính bà Bute Crawley vốn tần tiện, rất thuộc giá rượu. Kể từ khi bà ta vớ được cậu mục sư trẻ tuổi ở Crawley Bà chúa (bà là con nhà gia thế, con gái cố trung tá Hector McTavish; bà và cụ bà thân sinh xưa đã "câu" mãi mới được Bute ở Harrowgate). Bà vẫn là một người vợ đảm đang tiết kiệm.

Nhưng dầu bà có quán xuyến đến đâu, lão chồng cũng vẫn mang công mắc nợ như thường. Nguyên món tiền nợ tiền ăn tại ký túc xá trường đại học hồi bố lão ta

còn sống cũng đã phải mất mười năm mới trả hết. Đến năm 179… vừa thoát nạn trả nợ, lão đã đánh cuộc một trăm đồng ăn một rằng con Kangaru không thắng, song nó lại đoạt giải Derby.

Từ đó lão mục sư bắt buộc phải vay nợ trả lãi cắt cổ, gỡ mãi không xong. Thỉnh thoảng bà em khác mẹ cũng có gửi giúp một trăm đồng, nhưng lẽ dĩ nhiên lão hy vọng nhất vào việc bà này từ giã cõi trần… tức là lúc: "Bỏ mẹ rồi (lão hay nói thế), Matilda phen này mất đứt về tay tôi nửa số tài sản của mụ nhé".

Thế là lão nam tước và ông em có đủ mọi cớ mà hai anh em ruột có thể có để xích mích với nhau. Trong rất nhiều việc làm ăn của gia đình, cụ Pitt vẫn có thế hơn. Không những ông Pitt con không săn bắn, mà còn dựng một căn nhà nguyện riêng ngay trước mũi ông chú; còn Rawdon thì, ta đã biết, sắp sửa vớ được cái gia tài kếch xù của bà cô. Những chuyện tranh chấp như thế, những việc tính toán sống chết… những cuộc chiến đấu lặng lẽ giành món chiến lợi phẩm là cái gia tài… vẫn khiến cho anh em ruột càng thêm thương mến lẫn nhau trong *Hội chợ phù hoa*.

Chính tôi đã được biết một nhà kia, hai anh em yêu thương nhau suốt nửa thế kỷ rồi bỗng thù nhau chỉ vì một tờ giấy bạc năm đồng; cho nên không thể nào

không thấy tình yêu đối với con người quả thật là một điều đẹp đẽ và lâu bền…

Vậy thì một người như Rebecca đến trại Crawley Bà chúa, cũng như việc cô ta dần dần chiếm được cảm tình của tất cả mọi người ở đây, không thể nào lọt ra ngoài con mắt của bà Bute Crawley được. Bà Bute biết rõ cả những chuyện vặt bên trại như cái thăn bò ăn bao nhiêu hôm mới hết, lần này phải giặt bao nhiêu quần áo bẩn, mé tường phía nam có bao nhiêu quả đào, khi bị mệt bà chủ uống bao nhiêu liều thuốc… Những chuyện như thế đối với một số người ở thôn quê là những chuyện rất quan trọng… Vậy thì, bà Bute không thể bỏ qua cô giáo dạy trẻ mà không chịu dò hỏi kẽ tóc chân tơ về lai lịch và tính tình của cô này. Giữa đám đầy tớ bên trại và bên nhà thờ vẫn luôn luôn có một mối cảm tình mật thiết. Các bạn đồng nghiệp bên trại sang chơi bên bếp nhà thờ bao giờ cũng được tiếp đãi một cốc rượu; về khoản này anh em bên trại vốn không được dồi dào… cho nên bà tu sĩ có thể biết đích xác mỗi một thùng rượu bia bên trại nấu bằng bao nhiêu lúa mạch… mối quan hệ giữa giới đày tớ bên trại và bên nhà thờ càng ngày càng mật thiết cũng như giữa các vị chủ nhân vậy.

Và thông qua con đường ấy, gia đình nọ biết rõ ràng từng công việc của gia đình kia. Chuyện này có thể coi

được như dĩ nhiên, bởi vì nếu bạn và em bạn ăn ở với nhau tốt, thì em bạn làm gì hà tất bạn phải chú ý; song nếu hai người xích mích với nhau thì ngay việc em bạn đi, về, bạn cũng rõ, y như bạn là mật thám theo dõi vậy.

Đến trại được ít lâu, Rebecca đã chiếm được một chỗ trong những tài liệu của bà Bute Crawley hàng ngày ghi về hoạt động bên trại. Nội dung những tài liệu ấy đại khái như sau: "Con lợn đen bị thịt rồi… nặng x cân… thăn đem muối… pa-tê thịt lợn và chân giò ăn bữa trưa… ông Cramp ở Mudbury đến bàn với cụ Pitt về việc bỏ tù John Blackmore… Pitt họp mọi người để giảng đạo (có ghi đủ tên người đến dự nghe)… Mụ kia vẫn bình thường… hai cô con gái chơi với cô giáo.

Tài liệu còn cung cấp thêm:… "cô giáo:… "cô giáo mới là một người quản lý rất hiếm có… Cụ Pitt rất "cưng" cô này… cả ông Crawley cũng vậy… ông ta đọc cả sách đạo cho cô nghe"…

- Cái quân côi cút khốn nạn!

Bà Bute Crawley bé nhỏ, nóng nảy, năng nổ mặt đen ấy giận quá thốt lên như vậy.

Cuối cùng, tài liệu cho biết "cô giáo đã được lòng khắp mọi người, cô viết thư hộ cụ Pitt, lo việc cho cụ, tính toán tiền nong giúp cụ… còn được tin cậy hơn bất

cứ ai trong nhà, kể cả phu nhân; ông Crawley và các cô…"; đọc đến đây bà Bute Crawley tuyên bố Rebecca là một con đĩ xảo quyệt, chắc đang ngấm ngầm mưu toan chuyện gì ghê gớm lắm đây. Cứ thế, mọi việc xảy ra bên trại trở thành đầu đề bàn tán bên bàn thờ, và đôi mắt sắc của bà Bute luôn luôn theo dõi tất cả mọi diễn biến bên doanh trại của đối phương… và còn nhiều hơn cả mọi sự có thực nữa.

Bà Bute Crawley gửi bà Pinkerton, Mall, Chiswick.

Thánh đường, Crawley Bà chúa, ngày… tháng chạp.

Quý bà thân mến,

Từ ngày tôi được thụ hưởng sự giáo dục quý báu vô giá của bà tới nay kể đã bao nhiêu năm rồi nhưng tôi vẫn không sao quên được mối tình yêu kính nồng thắm đối với bà Pinkerton, và Chiswick thân yêu. Mong rằng bà vẫn mạnh khỏe. Công việc xã hội và nhiệm vụ giáo dục hàng chục năm nữa vẫn cần đến sự có mặt của bà Pinkerton. Bà bạn tôi là Fuddleston phu nhân có nói chuyện rằng muôn tìm một cô giáo để trông nom mấy cô con gái (tôi nghèo quá, không đủ tiền nuôi cô giáo dạy con tôi); tôi bảo: "Ngoài con người tài năng không ai sánh kịp là bà Pinkerton, còn ai đáng hỏi ý kiến hơn?" Nói tóm lại, thưa bà, trong số học sinh tại quý trường, liệu có cô nào đảm đương tốt trách nhiệm trên tại nhà

bà bạn tôi được chăng? Tôi xin cam kết rằng bà bạn tôi nhất định không mượn ai làm cô giáo ngoài người được bà lựa chọn.

Nhà tôi thường hay nói rằng ông ấy thích tất cả những thứ gì của trường bà Pinkerton. Tôi thiết tha mong mỏi có dịp được giới thiệu nhà tôi và hai cháu với người bạn thân của tôi thời còn trẻ, và là người đã từng được vị từ điển học đại danh của nước ta hâm mộ. Nếu bà có dịp đi qua Hampshire, ông Crawley nhà tôi nhờ tôi thưa rằng rất hy vọng được bà chiếu cố đến các thánh thất quê mùa của chúng tôi Đó là tệ xá của…

Người bạn thân thiết của bà Macta Crawley

T.B. Vị nam tước anh ruột ông Crawley nhà tôi cùng chúng tôi, than ôi! Vẫn không được hòa thuận như lẽ ra những con chiên ngoan đạo phải như vậy. Ông ấy mới mượn một cô giáo để dạy hai cô con gái; tôi nghe nói cô ta có cái may mắn đã được giáo dục ở Chiswick. Tôi được nghe phong thanh nhiều tin tức về cô ta; vì tôi rất quý hai đứa cháu gái tôi… tuy hai nhà có sự bất hòa, nhưng tôi vẫn mong được coi chúng như con đẻ… và vì tôi rất muốn chú ý đến bất cứ cô học trò nào đã được bà dạy dỗ, cho nên, thưa bà Pinkerton thân mến, xin bà cho tôi được rõ lai lịch của cô thiếu nữ ấy; vì nhớ đến bà, tôi rất muốn kết bạn với cô ta.

M. C.

Bà Pinkerton gửi bà Bute Crawley Johnson Haox,

Chiswick, tháng chạp năm 18…

Bà bạn thân mến, Tôi có hân hạnh nhận được thư bà, vội viết thư trả lời ngay. Được có người hưởng ứng công việc giáo dục của chúng tôi, nặng nề, là việc giáo dục con trẻ. Càng hân hạnh hơn được biết cô Martha MacTavish nhí nhảnh và giỏi giang, cô học trò xuất sắc ngày xưa của tôi, nay đã là bà Bute Crawley. Tôi rất sung sướng hiện được chăm sóc rất nhiều con em của những người xưa đã là bạn đồng học của bà… nếu như các cháu gái yêu quý nhà ta ưng để cho tôi săn sóc việc học tập thì thật là hân hạnh.

Nhân tiện xin gửi lời kính chào Fuddleston phu nhân và rất hân hạnh được giới thiệu (bằng thư) với phu nhân hai cô bạn gái của tôi là cô Tuffin và cô Hawky.

Cả hai cô đều hoàn toàn đủ tư cách dạy các ngoại ngữ Hy-lạp, La-tinh và tiếng Do Thái thông dụng, các môn toán học và lịch sử, các ngoại ngữ Tây-ban-nha, Pháp, Ý, và môn địa lý, âm nhạc (thanh nhạc và nhạc khí), có thể khiêu vũ không cần phải có thầy bên cạnh hướng dẫn, lại thạo cả những kiến thức về khoa học tự nhiên. Cả hai đều sử dụng quả địa cầu rất khéo. Không

những thế, cô Tuffin là con gái của cố đức cha Thomas Tuffin (cựu sinh viên học đường Corpus, Cambridge) còn dạy được cả tiếng Sy-ri, và cả khoa Hiến pháp thường thức nữa. Song, vì cô ta mới có mười tám tuổi, lại rất xinh đẹp, nên có lẽ cô ta không tiện giúp việc tại gia đình ngài Huddleston Fuddleston.

Trái lại, cô Letitia Hawky không được xinh lắm, đã hai mươi chín tuổi, mặt rỗ nhằng nhịt, dáng đi hơi khập khiễng, tóc đỏ, mắt hơi hiếng một chút. Cả hai cô đều ngoan đạo và hạnh kiểm tốt như nhau. Dĩ nhiên về tiền thù lao thì tùy theo tài năng của họ.

Xin trọng kính chào đức cha Bute Crawley.

Kẻ đầy tớ trung thành và phục tùng nhất của bà.

Barbara Pinkerton.

T.B. Cái cô Sharp mà bà nói chuyện là cô giáo dạy tư trong gia đình tôn ông Pitt Crawley, nam tước, nghị sĩ quốc hội: trước kia cô ta là học trò của tôi; tôi không có điều gì phàn nàn về cô ta. Mặc dù bề ngoài cô ta coi không được dễ chịu lắm, song không thuộc tạo hóa theo ý ta được. Tiếng tăm của bố mẹ cô ta cũng không được tốt lắm (bố cô ta xưa là một họa sĩ, đã nhiều phen phá sản; còn mẹ cô ta, điều này tôi biết mà sợ quá, là một vũ nữ ở rạp Opera); tuy nhiên cô ta có rất nhiều khả

năng, và tôi cũng không ân hận rằng đã nuôi dạy cô ta hoàn toàn vì lòng nhân từ.

Người ta giới thiệu với tôi mẹ cô ta là một nữ bá tước người Pháp, vì trốn tránh những sự khủng khiếp của cuộc cách mạng mà phải lưu vong ra nước ngoài, nhưng tôi khám phá ra chính thức bà ấy chỉ là một kẻ hạ tiện, tính tình đồi bại; điều tôi sợ nhất là tính tình bà mẹ có thể, một lúc nào đó, có tính chất gia truyền, và phát lộ ra ở cô con gái mà tôi coi là quân bỏ đi. Nhưng cho đến bây giờ, cách ăn ở của cô ta cũng đứng đắn (tôi tin vậy), và tôi yên trí rằng sẽ không có chuyện gì xảy ra làm thay đổi tính tình cô ta trong phạm vi gia đình lịch sự và thượng lưu của ngài Pitt Crawley danh tiếng.

Cô Rebecca Sharp gửi cô Amelia Sedley.

Đã mấy tuần nay, em chưa viết được thư thăm chị Amelia thân mến, vì những chuyện vặt vãnh hàng ngày ở "trại Chán ngấy" (em vừa đặt tên thế đấy) chẳng đáng kể chị nghe; chị để ý làm quái gì đến củ cải kỳ này thu hoạch nhiều hay ít, con lợn béo cân nặng mười ba hay mười bốn ston hoặc bầy gia súc ăn củ cải đường, có béo hay không. Từ bữa viết thư cho chị, ngày nào cũng giống như ngày nào. Trước bữa ăn sáng, đi bách bộ một lượt với cụ Pitt cùng chiếc nạng của lão, ăn sáng xong, dạy học (cũng gọi là dạy học!) trong phòng học, rồi

cùng cụ Pitt đọc và viết về những chuyện thày kiện, chuyện cho tương lai, chuyện mỏ than, kênh đào (em đã thành thư ký của lão rồi đấy); cơm trưa xong, nghe ông Crawley thuyết lý, hoặc đánh bài với lão nam tước; mặc em chọn cách giải trí, nam tước phu nhân chỉ nhìn một cách thản nhiên. Hình như dạo này bà ta đẹp ra vì mới ốm, và do đó mới có thêm một vị khách đến trại, tức là một ông bác sĩ trẻ tuổi. Phải, chị ạ, đàn bà còn trẻ, không bao giờ cần phải tuyệt vọng. Ông bác sĩ trẻ tuổi có bắn tin với một người bạn của chị rằng nếu em muốn trở thành bà Glauber thì sẽ được sẵn sàng đón tiếp để trang điểm thêm cho bộ mặt của phòng thuốc. Em mới bảo cái ông trơ tráo ấy rằng ông đã có cái chày mạ vàng và cái cối tán thuốc, nhà cửa thế cũng đẹp chán rồi. Như thể em sinh ra là để làm vợ một ông thày thuốc nhà quê ấy không bằng! Bị cự tuyệt tàn nhẫn, ông Glauber giận lắm, bèn trở về nhà uống một cốc nước lạnh, và thế là khỏi hẳn bệnh tương tư. Cụ Pitt rất tán thành quyết định của em; giá bị mất cô thư ký bé bỏng chắc cụ buồn phiền lắm đấy. Em tin rằng lão ma bùn ấy quý em cũng chẳng hơn gì lão vẫn hay quý báu người khác. Lấy chồng, phải, mà lại lấy một ông lang nhà quê, sau này... không, không làm sao người ta có thể quên ngay những chuyện cũ nhanh chóng như vậy; nhưng thôi, em chả nói nữa. Chúng ta hãy trở lại câu

chuyện ở "Trại chán ngấy".

Khoảng ít lâu nay, không còn phải là "Trại chán ngấy" nữa rồi. Chị ạ, bà Crawley đến chơi, mang theo đủ cả ngựa béo, đầy tớ béo, chó béo... tức là cái bà lớn Crawley giầu nứt đố đổ vách, có bảy vạn đồng bạc vốn đặt lãi đồng niên năm phần trăm... bà ta (hoặc đúng hơn là món tiền ấy) được hai ông anh trai thi nhau thờ phụng. Bà lão đáng quý hình như bị bệnh chóng mặt thì phải; thảo nào hai ông săn sóc bà em chu đáo gớm. Họ tranh nhau đưa gối cho bà tựa, đưa cà phê cho bà uống. Bà cụ bảo: "Khi nào tôi về quê thì tôi không cần đem vú già Briggs đi theo vì, cô ạ, ở đây hai ông anh tôi là vú già, một đôi vú già giỏi việc ra phết".

Bà ta cũng hay khôi hài lắm.

Bà Crawley mà về quê chơi thì cả trại tưng bừng hẳn lên, và ít nhất là trong một tháng, tưởng như ngài Walpone xưa kia sống lại. Chúng em tha hồ dự tiệc và đi chơi bằng xe bốn ngựa... bọn hầu giở những bộ chế phục mới nhất màu vàng thanh ra mặc. Chúng em uống rượu vang và rượu sâm banh thỏa thích y như từ xưa đến nay hàng ngày vẫn quen uống như thế. Trong phòng học, được phép thắp nến, và lại được đặt cả lửa để sưởi. Crawley phu nhân phải lấy trong tủ một bộ áo màu xanh lá đậu đẹp nhất ra mặc; còn hai cô học trò của em

thì vứt đôi giày nặng chình chịch và bộ áo kép chật ních bằng vải ta-tăng rũ rích đi, mặc áo choàng bằng voan, đi tất lụa, đúng kiểu tiểu thư con gái các vị nam tước. Hôm qua, Rose đến tìm em, trông thương hại quá... con lợn giống Wiltshire (cô bé thích con lợn này lắm) húc cô ta ngã, và dẫm lên trên làm hỏng cả bộ áo lụa hoa lila đẹp lắm... giá việc này xảy ra độ một tuần lễ trước, thế nào cụ Pitt cũng chửi rầm lên, cũng béo tai cô bé khốn khổ và bắt cô ta phải ăn bánh nhạt uống nước lã ít nhất là một tháng. Nhưng lão chỉ bảo: "Này, bao giờ cô mày về tỉnh rồi, ta sẽ bảo cho", rồi cười, y như coi chuyện ấy là không đáng quan tâm. Mong rằng trước khi bà Crawley về cơn giận của lão cũng qua đi. Em mong thế vì em quý Rose lắm. Thế mới biết đồng tiền khéo giúp người ta hòa thuận với nhau thật!

Xem cách ăn ở của hai anh em nhà Crawley- em muốn nói cụ Pitt và ông em cố đạo – chứ không phải hai anh em ông Crawley kia đâu; mới lại thấy bà Crawley và món tiền bảy vạn đồng còn có thêm một tác dụng rất hay nữa: quanh năm họ ghét nhau như đào đất đổ đi, vậy mà đến lễ Giáng sinh, họ lại quý nhau như vàng. Năm ngoái, em đã viết thư kể cho chị rõ chuyện ông thày tu đáng ghét hay thi ngựa ấy vẫn có thói thích lải nhải thuyết giáo với chúng em ở nhà thờ, mà cụ Pitt

thì cứ ngáy khò khò để trả lời. Khi bà Crawley đến chơi thì chẳng hề nghe thấy nói có chuyện gì xích mích... Bên trại sang thăm bên nhà thờ, và ngược lại.Vị mục sư và ngài nam tước bàn những chuyện nuôi lợn chuyện săn trộm, chuyện làm ăn trong quận một cách hỷ hả nhất đời, chén chú chén anh với nhau không hề to tiếng. Em chắc rằng... nhất định là bà Crawley không muốn thấy hai người xích mích với nhau, và thề rằng bà sẽ cho gia đình nhà Crawley ở Shropshire mà thông minh ra, thì em chắc sẽ vớ được món tiền ấy. Nhưng chết cái lão Crawley ở Shropshire kia cũng là thày tu, giống ông anh họ ở Hampshire; một lần đưa ra mấy câu đạo đức quá, bị bà Crawley ghét cay ghét đắng tức tốc bỏ đi ngay (chả là bà giận mấy ông cháu đằng này, bèn sang đấy chơi); chắc lão kia cũng muốn giở trò giảng đạo trong nhà hắn.

Lúc bà Crawley đến chơi, sách giảng đạo của chúng em phải cất kín một chỗ, còn ông Pitt, người bị bà ta ghét cay đắng thì tự thấy nên lánh mặt ra tỉnh chơi. Mặt khác cái anh chàng công tử trẻ tuổi... "tay chơi", gọi thế mới đúng... tức là đại úy Crawley lại mò tới, có lẽ chị cũng muốn biết qua anh chàng là người thế nào.

Phải, anh ta là một cậu công tử trẻ tuổi, cao lớn. Người cao đến sáu bộ, tiếng nói oang oang, văng tục

luôn mồm, thích quát tháo đầy tớ vậy mà họ quý anh ta ra phết, anh ta vốn rất rộng rãi về chuyện tiền nong, cho nên sai bọn đầy tớ gì chúng cũng làm ngay. Tuần trước một viên mõ tòa và người thừa sai từ Luân-đôn xuống để bắt anh chàng đại úy; họ đang lần mò ngoài bức tường bao quanh vườn cảnh thì bị bọn gác bắt được, suýt nữa bị giết, chúng đánh cho một trận, đem trấn nước, và sắp sửa đem bắn về tội săn trộm, thì lão nam tước can thiệp tha cho.

Em thấy rõ anh chàng đại úy này rất khinh bố đẻ, anh ta gọi bố là lão xuẩn, lão bần tiện, lão nhà quê, và nhiều tên hiệu khác hay ho nữa. Đối với phụ nữ, anh chàng khét tiếng một cách đáng sợ. Anh ta đem cả ngựa săn về nhà, chơi bời với bọn tai mắt trong quận; anh ta tùy thích mời ai ăn tiệc thì mời, cụ Pitt không dám từ chối sợ bà Crawleyphật ý, sau này sẽ mất phần trong tờ di chúc khi bà ta chết về bệnh chóng mặt. Có nên kể chị nghe chuyện anh chàng đại úy tán tỉnh em thế nào không nhỉ? Em cứ kể, chuyện hay lắm. Một buổi tối, chúng em tổ chức khiêu vũ. Có tôn ông Giles Wapshot cùng hai cô con gái và không rõ bao nhiêu người khác nữa tới dự. Thế rồi em nghe thấy anh chàng bảo: "Lạy Chúa, cô ta trông kháu khỉnh quá", ấy là muôn ám chỉ đứa đầy tớ thấp kém của chị đấy. Anh ta lại chiếu cố

nhảy với em hai điệu nhảy dân gian. Anh ta cười cười nói nói rất thoải mái vui vẻ với những nhà quý tộc trẻ tuổi, uống rượu, đánh cuộc, cưỡi ngựa, và nói chuyện cùng họ về việc săn bắn. Nhưng anh ta bảo bọn con gái nhà quê "buồn" lắm; kể ra em thấy anh ta nói cũng không sai. Giá chị được thấy đối với em họ kênh kiệu thế nào nhỉ! Trong khi họ khiêu vũ, em cứ phải ngồi nín thinh chơi dương cầm. Nhưng đêm hôm nọ, anh ta ở phòng ăn bước ra, mặt hơi đỏ; thấy em bị đối đãi như vậy, anh ta lớn tiếng tuyên bố rằng em nhảy giỏi nhất đám, và thề độc rằng thế nào cũng phải mượn vài người nhạc công ở Mudbury về.

- Để tôi chơi một điệu nhảy dân gian cho. Bà Bute Crawley nhanh nhảu nói (bà này đã có tuổi, mặt đen, quấn khăn, hơi hơi gù, mắt thì hấp ha hấp háy); Rebecca đáng thương của chị cùng anh chàng đại úy vừa nhảy xong một bài thì, chị có biết không, bà ta lại ban cho em cái hân hạnh là khen em nhảy đẹp! Thật chưa bao giờ có chuyện lạ như vậy. Cái bà Buten Crawley kiêu ngạo ấy là em họ bá tước Tiptoff, bà này đã không thèm hạ mình xuống mà đến thăm Crawley phu nhân, trừ trường hợp có bà em chồng ở tỉnh về chơi. Thật đáng thương cho Crawley phu nhân! Phần lớn khoảng thời gian những buổi họp mặt vui vẻ như

thế bà ta phải nằm trên gác uống thuốc.

Tự nhiên bà Bute thân thiết với em quá. Bà ta bảo: "Cô Sharp thân yêu, sao cô không đưa hai em nó sang bên nhà thờ. Các em, nó bên này thích được chơi với hai chị nó lắm đấy". Em biết bà ta có ý định gì rồi. ông Clementi thật đã không uổng công dạy em chơi đàn dương cầm; bà Bute định lợi dụng em dạy đàn cho con bà đấy; em cứ là đi guốc vào bụng bà ta; nhưng rồi em cũng sang... em quyết định sẽ làm vừa lòng bà ta;... Đó là nhiệm vụ của một cô giáo dạy trẻ nghèo không bè bạn, không người che chở, phải không chị? Bà vợ nhà tu sĩ khen mãi rằng học trò của em rất tấn tới; bà ta nghĩ rằng em cảm động lắm, chắc thế... cái bà nhà quê giản dị ấy mới đáng thương chứ... Làm như em chú ý đến học trò lắm đấy!

Chị Amelia thân yêu ơi, em mặc cái áo voan Ấn Độ và cái áo lụa hồng chị cho, họ bảo tôn vẻ người lên nhiều lắm. Bây giờ cũng đã cũ lắm rồi, nhưng chị cũng rõ đấy, con gái nhà nghèo chúng em lấy tiền đâu ra mà may áo mới[76]. Chị sung sướng thật chỉ cần đánh xe ngựa trên phố St. James, thế là muốn mua thứ gì thì bác mua cho ngay. Thôi, tạm biệt chị.

Thân mến.

Rebecca.

T.B. Hai chị em cô Blackbrooks (con gái đô đốc Blackbrooks) là hai cô tiểu thư trẻ, đẹp, mặc toàn áo may ở Luân Đôn; giá chị được nom thấy mặt hai cô lúc đại úy Rawdon chọn mời em cùng nhảy. Em vẽ họ dưới đây này, giống họ như hệt. Thôi, tạm biệt, tạm biệt.

Bà Bute Crawley giả dối với Rebecca, nhưng cô gái thông minh này cũng biết thừa. Lúc đã được Rebecca hứa sẽ sang thăm bên nhà thờ, bà bèn vận động với bà già Crawley, con người vô cùng thế lực, để bà này khuyên bảo cụ Pitt. Bà già tốt bụng này vốn ham vui, lại ưng mọi người xung quanh cũng vui vẻ sung sướng như mình, bằng lòng ngay; bà sẵn sàng nối lại mối dây hòa thuận thân thiết giữa hai anh em ruột. Hai bên thỏa thuận rằng từ rày trở đi con trẻ hai nhà sẽ sang chơi với nhau: và dĩ nhiên sự hòa thuận chỉ bền trong phạm vi thời gian bà cụ già còn cầm cán cân hòa giải.

Trên đường về nhà, khi qua vườn cảnh, nhà tu sĩ hỏi vợ:

- Sao bà lại đi mời cái thằng Rawdon Crawley chó má ấy ăn cơm làm gì? Sao mà tôi ghét nó thế. Nó khinh bọn quê mùa chúng mình như bọn mọi đen ấy. Chưa moi được những chai rượu gắn si vàng của tôi ra uống thì nó chưa yên đâu; mười si-linh một chai đấy, mẹ kiếp! Mà

tính tình nó mới khiếp chứ… cờ bạc như ranh… rượu chè be bét… hư hỏng đủ mọi phương diện. Có lần nó đấu súng bắn chết một người đấy. Công nợ thì ngập mặt. Mà nó đã nẫng tay trên mất của mình phần lớn gia tài của bà Crawley cơ chứ. Bà lão bảo rằng (nói đến đây, vị tu sĩ nắm quả đấm giơ lên mặt trăng, lẩm bẩm cái gì như thề độc, rồi buồn rầu tiếp) sẽ ghi vào tờ di chúc cho nó năm vạn đồng. Thế là không còn được lấy ba vạn để chia nhau.

Bà vợ thầy tu đáp:

- Tôi nghe bà ấy cũng sắp "ngoẻo" đến nơi rồi. Lúc ăn cơm xong, tôi thấy mặt bà ấy đỏ quá. Tôi phải nới bớt dải áo hộ.

Ông thày tu đáng kính nói khe khẽ:

- Bà ấy uống bảy cốc sâm-banh; mà cái lão anh mình nó muốn đầu độc mình chắc, sâm-banh gì mà tởm thế… nhưng bọn các bà có biết cái quái gì…

Bà Bute Crawley đáp:

- Phải, chúng tôi thì còn biết gì.

Ông thày tu lại tiếp:

- Ăn cơm xong, bà ấy uống rượu mạnh, lại uống cà-phê pha với ca-cao. Cho tôi một tờ giấy năm đồng bắt tôi

uống một cốc tôi cũng xin chịu. Nó kích thích tim thì có mà chết đứt. Đố bà ấy chịu nổi; bà Crawley ấy… thế nào cũng ngoẻo… xương thịt Matilda chỉ một năm nữa là đi đứt.

Hai vợ chồng ông thầy tu vừa đi vừa trịnh trọng tính toán với nhau, đồng thời nghĩ đến những món nợ, nghĩ đến con trai là Jim nội trú ở trường đại học, và Frank ở Woolwich, cùng bốn cô con gái; bốn cô này chẳng cô nào trông ra hồn người, một xu dính túi không có, chỉ nhòm vào tờ di chúc tương lai của bà cô.

Im lặng một lúc…

- Pitt lại khốn nạn đến mức bán trước quyền kế thừa cai quản à? Cái thằng con trưởng, cái thằng dát như cáy ấy lại đang nhấp nhổm vào Quốc hội cơ đấy.

Bà vợ đáp:

- Lão Pitt Crawley thì còn từ cái gì. Mình phải xin bà Crawley bắt lão hứa lo việc ấy cho thằng James mới được.

Ông em quý nói:

- Lão Pitt thì "*trăm voi chẳng được bát nước xáo*". Xưa lão đã hứa rằng khi ông cụ mất đi, lão sẽ trả hết tiền phí tổn nội trú ở trường đại học cho tôi; lão hứa sẽ xây thêm một gian phụ cho nhà thờ; lão còn hứa cho tôi đám

ruộng của thằng Jibb, và cái bãi cỏ sáu *ây-cơ*… nói cứ như rồng như phượng ấy! Lại cũng chính cái thằng con trai lão… cái thằng chó đểu, bài bạc, bịp bợm, sát nhân ấy, tức là thằng Rawdon Crawley, nó vớ được phần gia tài to nhất của bà Matilda. Chúa nào chứng cho chúng nó. Cái quân chó má ấy nó có đủ mọi thói xấu trên đời, không kể thói đạo đức giả là thói xấu thằng anh nó giữ độc quyền.

Bà vợ bảo:

- Xuỵt, im đi ông lão. Chúng mình đang ở trên đất của lão Pitt đấy.

- Bà Crawley, tôi đã nói là hắn có đủ mọi thói xấu. Bà đừng có chèn tôi. Thế nó không bắn chết đại úy Marker là gì? Chẳng phải nó bóc lột nhà quý tộc trẻ tuổi Dovedale ở quán "Cây dừa" thì là ai? Nó hay thằng nào ngăn cản cuộc đánh nhau giữa là thằng Bill Soame và Cheshire Trump, làm cho tôi mất toi bốn mươi đồng bạc tiền đánh cuộc. Bà còn lạ gì những chuyện ấy. Còn về chuyện trai gái thì bà còn nhớ có lần ngay trong phòng xử kiện, trước mặt tôi…

Bà vợ đáp:

- Ông Crawley ơi; thôi, tôi van ông, đừng giở những chuyện ấy ra với tôi nữa.

Lão thầy tu cáu quá, nói:

- Thế mà bà đi mời cái thằng khốn nạn ấy đến nhà? Chính bà đã đẻ ra một lũ con, lại là vợ một tu sĩ của Nhà thờ Anh quốc. Trời đất ơi!

Vợ lão cười khinh bỉ đáp:

- Ông Bute Crawley, ông ngu xuẩn lắm.

- Được lắm, thưa bà. Ngu xuẩn hay không… Martha ạ, tôi không nói rằng tôi khôn ngoan được như bà; không phải thế. Nhưng tôi không muốn nhìn mặt thằng Rawdon, rõ chưa? Tôi sẽ đi thăm Huddleston xem con chó mực của lão rồi đi thăm bà Crawley. Tôi sẽ bỏ ra năm mươi đồng đánh cuộc con Lancelot chạy thi sẽ ăn đứt con chó kia, hoặc bất cứ con chó Anh nào khác. Nhưng nhất định tôi không nhìn mặt cái thằng Rawdon Crawley chó má.

Bà vợ đáp:

- Ông Crawley ơi, ông lại say như mọi khi rồi.

Sáng hôm sau, lúc lão thầy tu ngủ dậy gọi lấy rượu bia để "súc miệng", bà vợ nhắc lão nhớ lại dự định đi thăm ngài Huddleston Fuddleston vào hôm thứ bảy: Lão yên trí thế nào cũng được một đêm say sưa nên trù tính sáng chủ nhật sẽ phi ngựa trở về nhà thờ sớm cho kịp giờ làm lễ. Thế mới biết bọn con chiên trong xứ đạo

Crawley sung sướng thật, vì ông cha xứ của họ chẳng thua gì nhà quý tộc chúa đất.

Chưa ở chơi được bao lâu mà bà Crawley, cái bà lão dửng mỡ người kinh đô ấy, đã bị ma lực của cô Rebecca quyến rũ, như cô đã quyến rũ bao nhiêu tâm hồn trong trắng khác ta đã biết. Một hôm, cùng giong xe ngựa đi chơi theo lệ thường, bà thấy cần ra lệnh cho "cô giáo bé bỏng" theo mình về chơi Mudbury. Trong cuộc đi chơi, Rebecca đã chinh phục được bà; cô đã làm được cho bà này cười bốn bận, và khiến bà rất vui lòng suốt bữa đó. Cụ Pitt định tổ chức một bữa tiệc long trọng mời khắp mặt các nhà quý tộc trong vùng đến dự. Bà Crawley nói với cụ Pitt:

- Sao lại không để cho cô Sharp dự tiệc? Này bác, bác nghĩ tôi có thể bàn chuyện giáo dục con trẻ với Fuddleston phu nhân hoặc thảo luận về pháp luật với cái con ngỗng là lão Giles Wapshot được chăng? Tôi muốn để cô ta cùng dự tiệc. Nếu không đủ chỗ thì bảo Crawley phu nhân ở trên gác. Nhưng còn cô Sharp… chết chưa? Cả hàng quân, chỉ có mình cô ta nói chuyện còn nghe được!

Dĩ nhiên, sau cái mệnh lệnh dứt khoát ấy thì cô giáo dạy trẻ Sharp được lệnh ra cùng ngồi dự tiệc ở dưới nhà.

Rồi đến khi ngài Huddleston, dáng điệu hết sức trang

trọng kiểu cách, khoác tay bà Crawley bước vào phòng ăn, và sắp sửa ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh, thì bà già này bỗng kêu lên the thé:

- Becky Sharp? Cô Sharp! Lại đây, ngồi cạnh tôi cho vui; để ngài Huddleston ngồi cạnh Wapshot phu nhân cũng được.

Tan tiệc, khách khứa đã lên xe ngựa ra về cả, bà Crawley vẫn chưa thỏa mãn, còn bảo:

- Becky, lên phòng trang điểm của tôi nhé; chúng ta sẽ nói xấu bọn họ nghe chơi với nhau.

Mà thật, ngồi riêng với nhau, đôi bạn tri kỷ đã làm đúng như lời. ông lão Huddleston lúc đang ăn tiệc cứ luôn mồm thở phì phà phì phò. Còn ngài Giles Wapshot thì có lối húp "xúp" kêu cứ òm ọp; bà vợ mắt trái làm sao cứ hấp ha hấp háy; những nét đặc biệt ấy cũng như những câu chuyện buổi tối Becky rí rỏm tả lại rất tài: nào là chuyện chính trị, chuyện chiến tranh, chuyện họp Quốc hội, chuyện đua ngựa và bao nhiêu là chuyện quan trọng nhạt nhẽo mà cái bọn quyền quý xứ quê vẫn thích nói với nhau. Còn bộ áo của hai cô con gái nhà Wapshot và cái mũ vàng nổi danh của Fuddleston phu nhân thì bị cô Sharp "xé rách tơi tả"; bà thính giả nghe chuyện khoái trá vô cùng. Bà bảo:

- Cô em ơi, cô thật là một *báu vật*[77] vô song. Ước gì cô đi được Luân Đôn với tôi nhỉ. Nhưng tôi không thể đem cô ra làm trò cười như đối với mụ Briggs được; không, không… cô gớm lắm, cô quá thông minh… phải không, Firkin?

Bà Firkin đang chải mấy sợi tóc lơ thơ còn bám vào sọ bà Crawley ngẩng phắt mặt lên đáp một cách hết sức mỉa mai: "Dạ, cô ấy thông minh lắm ạ"; nói cho đúng thì bà Firkin cũng có tính ghen ghét, đó là cái nguyên tắc xử thế chung của tất cả mọi người đàn bà lương thiện.

Sau bữa cự tuyệt ngài Huddleston Fuddleston, bà Crawley ra lệnh cho Rawdon Crawley ngày nào cũng phải khoác tay dẫn bà vào phòng ăn; Cô Becky thì ôm chiếc gối đi theo sau… hoặc cô khoác tay bà, còn Rawdon ôm gối cũng được. Bà bảo:

- Chúng mình phải ngồi cạnh nhau mới xong; cô em ạ, khắp quận này chỉ có ba chúng ta là những con chiên ngoan đạo tư duy nhất thôi đấy.

- Nếu quả thế thì đạo chúa trong quận Hants cũng đang "xuống" quá thật.

Bà Crawley không phải chỉ biết "ngoan đạo" một cách lý thú như thế, bà còn là người có nhiều tư tưởng hết sức tự do; bà luôn luôn tìm cơ hội phát triển những tư

tưởng áy một cách rất tự nhiên. Bà thường bảo Rebecca:

- Này cô em, dòng dõi là cái gì? Cô cứ trông ông Pitt, anh tôi và gia đình Huddleston; họ sinh cơ lập nghiệp ở đây từ triều vua Henry đệ nhị đấy. Cô cứ trông lão Bute đáng thương với cái chức mục sư kia… trong bọn họ có người nào thông minh và có giáo dục bằng cô không? Bằng cô à bọn họ so với mụ Briggs người hầu của tôi, và bác Bowls, quản gia của tôi, cũng chưa bằng ấy chứ. Cô em đáng yêu ạ, cô là một người hoàn toàn… một quý vật, dứt khoát thế đấy… Trí tuệ nửa vùng này góp lại cũng không bằng được cô đâu. Nếu quả thật con người ta có phúc là có phận thì cô phải làm một bà công tước mới xứng… Không, ở đời không cần có những bà công tước làm gì: nhưng cô không nên chịu thua kém ai; cô em ạ, tôi coi cô ngang hàng tôi về mọi phương diện đấy, và… kìa cô, bỏ hộ tôi thêm ít than vào lò với, cô sửa lại chiếc áo dài này hộ tôi nhé; cô tài may vá lắm, chẳng ai bằng.

Cứ thế, bà lão nhân từ thường nhờ cô ta đưa thư giúp mình, chải tóc hộ, và đêm đêm đọc tiểu thuyết Pháp để bà nghe, cho đến lúc bà ngủ say mới thôi.

Vào thời đó, một số độc giả có tuổi chắc còn nhớ, giới quyền quý đang rất sôi nổi bàn tán về hai việc xảy ra, khiến cho theo lời vài tờ báo, mấy ông *quý tộc áo*[78] có

việc làm ăn. Viên hạ sĩ cầm cờ Shafton trốn biệt tích cùng công nương Barbara Fitzurse là con gái và người thừa kế của bá tước Bruin; còn ông Vere Vane, là một nhà quý tộc tuổi đã tứ tuần, tính tình xưa nay vẫn đứng đắn, lại là chủ một gia đình đông con, đột nhiên quái gở thay, bỏ nhà đi theo bà Rougemont, một đào hát già đã sáu mươi nhăm cái xuân xanh?

Bà Crawley nói:

- Tôi thích nhất là những người biết noi gương sáng của Quận công Nelson. Ông ta chết vì một người đàn bà. Làm tài trai phải biết sống như vậy mới đáng mặt. Tôi vẫn ưa những cuộc hôn nhân táo bạo… điều tôi thú nhất là một nhà quý tộc lấy con gái một người thợ xay bột làm vợ, y như bá tước Flowerdale ngày xưa ấy… làm cho bọn đàn bà tức điên lên… Này cô em, ước gì có một nhà tai mặt nào đi trốn với cô nhỉ; trông cô cũng xinh đấy chứ?

Rebecca đáp:

- Đi trốn với hai anh phu trạm? Ồ, thú vị ấy.

- Và điều thứ hai tôi thích là một anh con trai nghèo xác xơ đi trốn với một cô con gái nhà giàu. Tôi đang mong cho thằng Rawdon đi trốn với đứa nào thì hay.

- Đi trốn với một người giầu, hay một người nghèo?

- Ồ khỉ lắm! Tôi mà không cho nó tiền thì một xu dính túi nó cũng không có. Nó *công nợ ngập mặt*[79]… Nó cần gây dựng lại cơ nghiệp; nó phải mở mặt ra với thiên hạ chứ!

Rebecca hỏi:

- Ông ấy có thông minh không ạ?

- Thông minh ấy à? Nó còn có biết cái quái gì ngoài chuyện ngựa nghẽo, chuyện trung đoàn, chuyện săn bắn, ăn chơi; nhưng phải làm sao cho nó làm nên… thằng bé hư đốn một cách đáng yêu quá. Cô có biết chuyện nó bắn chết một người, và bắn thủng mũ một ông già vì đã xúc phạm đến nó không? Cả trung đoàn quý nó lắm. Ở phố Wattier và ở quán "Cây dừa" nữa, bọn trai trẻ coi nó như ông trùm[80].

Khi cô Rebecca Sharp viết thư kể lại cuộc dạ hội ở trại Crawley Bà chúa cho cô bạn thân nghe cô cũng tả cả cái cung cách đại úy Crawley đã đề cao mình lần đầu tiên thế nào; nhưng không rõ tại sao, cô không miêu tả đầy đủ câu chuyện trên. Trước đó, đã nhiều lần viên đại úy đặc biệt săn sóc đến cô; có đến năm sáu lần, anh chàng tìm cách gặp cô trong lúc đang đi bách bộ chơi; có đến hàng năm chục lần, viên đại úy mắt sáng lên khi gặp cô đi qua hành lang. Có những buổi tối, lúc Becky hát, viên

đại úy cứ bám lấy cây đàn dương cầm của cô đến hàng chục bận (phu nhân lúc này ở trên gác vì mệt, cũng chả ai để ý đến bà ta).

Anh chàng đại úy đã gửi cho cô nhiều bức thư, tức là những lá thư hay ho nhất mà anh chàng sĩ quan ngự lâm thô lỗ kia có thể nghĩ ra đánh vần mà viết nổi (nhưng đối với đàn bà thì sự đần độn cũng cứ thành công như mọi đức tính khác). Khi anh ta luồn lá thư đầu tiên vào mấy tờ nhạc lúc cô đang hát, thì cái cô giáo bé nhỏ này đứng ngay dậy nhìn thẳng vào mặt anh chàng, lấy điệu bộ kiểu cách cầm lấy mảnh giấy hình tam giác quạt mát rồi ném tọt vào ngọn lửa lò sưởi; đoạn cô ta cúi chào anh chàng một cái sát tận đất, rồi về chỗ cũ, bắt đầu hát vui vẻ hơn trước.

Bà Crawley ăn trưa xong đang lim dim ngủ thấy bài hát đứt đoạn, vội hỏi.

- Cái gì đấy?

- Tại có một lỗi nhạc đấy ạ.

Cô Sharp vừa đáp vừa cười; Rawdon Crawley giận tưởng phát điên lên được.

Thấy bà Crawley tỏ ra chiều chuộng cô giáo mới một cách quá rõ ràng, bà Bute Crawley không những không ghen ghét mà còn đon đả chào mời cô ta sang chơi bên

nhà thờ; bà mời cả anh chàng Rawdon Crawley là kẻ kình địch với chồng bà về khoản lãi năm phần trăm của bà lão nữa. Tốt đẹp vậy thay? Bà Bute Crawley và ông cháu đi lại thăm nom nhau rất thân mật. Anh chàng này bỏ cả săn bắn, bỏ cả những thú vui ở nhà Fuddleston; anh ta không cùng ăn với bọn quân nhân đồn trú tại Mơtbơry nữa… Bây giờ, anh ta thú nhất là đi lang thang sang địa phận nhà thờ Crawley…

Bà Crawley cũng sang đấy chơi, cả hai đứa bé cũng đi với cô Sharp, vì mẹ chúng ốm. Một buổi tối kia, có hai người sóng đôi ra về với nhau, không có bà Crawley cùng đi – vì bà ưng đi xe ngựa hơn. Cuộc đi chơi dưới ánh trăng qua cánh đồng của nhà thờ, qua cái cổng nhỏ thông vào một khu vườn hẹp, xuyên qua đám cây cối rậm rạp tối om, ngược theo con đường cái lớn dẫn về trại Crawley Bà chúa, thật vô cùng hấp dẫn đối với hai con người vốn ưa những phong cảnh kỳ thú, là viên đại úy và cô Rebecca.

Cô này nước đôi mắt biếc sáng lấp lánh nhìn lên trời noi:

- Ôi, những ngôi sao, những ngôi sao kia! Khi tôi nhìn sao trên trời tôi cảm thấy như mình đã thoát tục.

Anh chàng cao hứng cũng đáp:

- Ồ à hừm… vâng, cô Sharp ạ, tôi cũng thế đấy.

Cô bèn hút thử một điếu, điệu bộ nom thật nhí nhảnh; cô khẽ thở phù khói ra, khẽ kêu rú lên, và khẽ cười khúc khích, rồi trả điếu thuốc đại cho viên đại úy. Anh chàng đưa tay lên xoắn bộ ria, lập tức rít một hơi dài làm cho đốm lửa sáng rực lên dưới lùm cây rậm tối, và thề độc:

"Trời ơi… Ồ… à… đây là điếu thuốc ngon nhất đời tôi đấy… à. Trí thông minh cũng như lối chuyện trò của anh chỉ hay ho và lý thú đối với một anh lính ngự lâm thô lỗ mà thôi.

Còn cụ Pitt già nua kia thì đang ngồi uống rượu bia và hút tẩu thuốc cùng bác John Horrocks, bàn chuyện sắp thịt một con cừu khi lão vẫn liếc qua cửa sổ rình đôi trai gái, và văng tục mà bảo rằng nếu không vì nể bà cụ Crawley thì lão đã quẳng cả thằng Rawdon lẫn hành lý ra cửa cho đáng kiếp cái thằng khốn nạn.

Bác Horrocks cũng nhận xét:

- Hắn quả thật là tồi; cái thằng lính hầu Flethers của hắn còn đểu hơn nữa; nó lục tung cả phòng của bà quản gia lên để mò ăn mò rượu, làm như bố người ta không bằng.

Ngừng lại một lúc, bác thêm:

- Nhưng cụ ạ, cháu coi cô Sharp cũng xứng đôi với

cậu ta đấy chứ…

Thật ra thì cô ta cũng xứng đôi… với cả bố lẫn con.

CHƯƠNG XII
MỘT CHƯƠNG KHÁ LÀ TRỮ TÌNH

Chúng ta hãy tạm rời chốn Thiên đường Accady và những người bạn đáng yêu đang cùng sống với những đức tính nơi thôn ổ của họ, để quay về Luân-đôn, xem cô Amelia bây giờ ra sao.

"Tôi để ý đến cô ta làm quái gì" một người vô danh nào đó viết như vậy trong một bức thư gắn xi màu hồng, nét chữ xinh xinh. "Cô ta nhạt nhẽo, vô vị lắm", và còn thêm một vài nhận xét tốt bụng đại khái như thế, có nhẽ tôi chẳng nên nhắc lại những ý kiến ấy ở đây làm gì, vì thực ra đó chính là những lời lẽ tán tụng vô cùng tốt đẹp đối với Amelia.

Qua những kinh nghiệm sống, hẳn các bạn đọc đáng quý cũng đã có dịp được nghe thấy những nhận xét tương tự từ miệng những cô bạn gái tốt bụng: các cô ấy vẫn thường ngạc nhiên tại sao bạn lại có thể nghĩ rằng cô Smith đẹp mê hồn, hoặc chẳng biết cái gì có thể xui viên thiếu tá John tỏ tình với cái cô Thomson ngớ ngẩn, lúc nào cũng cười một cách vô vị kia; cô ta có gì đáng chú ý đâu, chỉ được cái bộ mặt búp bê bằng sáp. Mà thật ra thì một cặp má hồng, một đôi mắt biếc là cái quái gì? Mấy nhà luân lý học hỏi thế, và ngỏ ý rằng những năng

khiếu của thiên tài, một tâm hồn phong phú, sự hiểu biết thấu đáo các vấn đề của Mangnall, và những kiến thức về thực vật học và địa chất học xứng đáng với một bà mệnh phụ, cái tài khéo làm thơ, khéo hát những bài sonate thơ kiểu Herz, và vân vân… đối với đàn bà, những thứ đó còn quý hơn cái sắc đẹp thoảng qua, nó sẽ chỉ trong ít năm là phai lạt. Nếu được nghe đàn bà bàn về cái vô tích sự và cái đặc điểm "sớm nở tối tàn" của sắc đẹp âu cũng là một điều lý thú.

Người ta vẫn cho rằng đạo đức là điều đẹp đẽ hơn nhiều, và cũng là điều những con người bất hạnh không được trời phú cho một bộ mặt xinh xắn thường phải tâm tâm niệm niệm trong suốt cuộc đời họ còn đeo đẳng; và rất có thể đối với các phu nhân thì những đức tính anh hùng của nữ giới còn vinh quang và đẹp đẽ hơn nhiều so với một người đàn bà nội trợ dịu dàng, trẻ trung, tươi tỉnh, thật thà, hiền hậu, mà nam giới vẫn có khuynh hướng chuộng hơn…

Nhưng loại đàn bà thứ hai, những con người kém cỏi ấy, cũng nên tự an ủi rằng rốt cuộc thì đàn ông chúng tôi vẫn mến phục họ; mặc kệ những lời ngăn ngừa phản đối của mấy ông bạn quý, chúng tôi vẫn còn cứ tiếp tục đến cùng những sai lầm và dại dột điên cuồng ấy. Riêng phần tôi, tôi vẫn thường được những người tôi rất kính

trọng căn dặn rằng: "Cô Brown chỉ là một con bé vô vị; còn cô White chỉ được có mỗi bộ mặt *kháu khỉnh xinh xinh*[81]; bà Black thì chả có điều gì đáng nói": nhưng trái lại, chính tôi đã được trò chuyện rất thú vị cùng bà Black (dĩ nhiên, thưa bà, những chuyện ấy tôi sẽ không tiết lộ); tôi đã thấy đàn ông xúm xít quanh chỗ cô White ngồi, còn bọn trẻ tuổi thì đánh lộn nhau để được khiêu vũ với cô Brown; do đó tôi đang muốn nghĩ rằng được nữ giới khinh bỉ, thật là vinh dự lớn cho một người đàn bà vậy.

Những cô thiếu nữ quen biết Amelia đã ban cho cô cái vinh dự ấy một cách khá đầy đủ. Thí dụ như mấy chị em nhà Osborne là chị em gái của George, cũng như mấy cô nhà Dobbin; họ không đồng ý với nhau được về điểm nào bằng điểm nhất trí chê bai Amelia; họ cho rằng cô không có được tài đức gì đáng kể. Thấy mấy ông anh của họ cứ khen mãi cô ta đáng yêu, họ lấy làm ngạc nhiên quá. "Chúng mình nên đối tốt với chị ấy", hai cô Osborne bảo nhau. Hai chị em là một cặp thiếu nữ xinh xắn, lông mày rậm, có đầy đủ cô giáo, thầy giáo dạy tư và thợ trang sức giỏi nhất phục vụ cho họ. Hai cô đối đãi với Amelia tốt quá, săn sóc cô ta cẩn thận quá và cũng với thái độ quá bề trên đến nỗi ngồi với họ cô gái bé bỏng đáng thương này không thể nói được gì nữa, và cứ

nhìn bề ngoài, thì quả là ngốc nghếch đúng như họ vẫn nghĩ. Cô đã cố gắng yêu mến họ, vì họ sắp là chị em chồng của cô. Có lẽ những buổi sáng đằng đẵng cô ngồi chơi với họ, cũng như những buổi chiều tẻ nhạt trang nghiêm. Cô đã cùng họ đi chơi trên cái xe ngựa đồ sộ là xe riêng của gia đình họ, cùng bà Wirt, bà giáo lý dạy tư của họ, một bà gái già gầy như que củi.

Họ bỏ tiền mua vé mời cô đi dự những buổi hòa nhạc cổ điển, những đêm ca nhạc, và đưa cô đến nhà thờ St. Paul xem những đứa bé mồ côi; ở đây cô lo sợ mấy cô bạn quá đến nỗi cũng không dám xúc động trước bài đồng ca của các em bé. Nhà họ ở rất đầy đủ tiện nghi; bàn làm việc của ông bố rất đẹp, rất sang, khách khứa ra vào ai cũng có vẻ sang trọng, quý phái; họ tỏ ra hết sức tự trọng; họ có chỗ ngồi riêng đẹp nhất ở Hội bảo vệ trẻ mồ côi; mọi tập quán của họ thì tẻ nhạt và hình thức đến không thể chịu nổi. Cứ sau mỗi lần cô đến thăm viếng chấm dứt, cô Jane Osborne, cô Maria Osborne và bà giáo gái già Wirt lại hỏi nhau, càng ngày càng ngạc nhiên hơn: "Người như thế thì có cái quái gì mà George mê nhỉ?"

Tại sao thế ắt có bạn đọc tò mò hỏi vậy. Tại sao Amelia được rất nhiều bạn ở trường yêu mến, mà bước vào đời lại bị giới mình, cái giới phụ nữ hay xoi mói, ghét

bỏ như vậy?

Thưa quý ngài thân mến, ấy là vì ở trường bà Pinkerton, không có ai là đàn ông, chỉ có một ông giáo dạy khiêu vũ thì lại già mất rồi; hẳn ngài không muốn các cô thiếu nữ kia xúm xít bám chặt lấy ông lão chứ? Thấy George, anh chàng đẹp trai, cứ ăn sáng xong là biến đi mất và mỗi tuần ăn cơm ở ngoài có tới sáu bảy lần, thì cô em và cô chị bỏ rơi lẽ dĩ nhiên cũng phần nào cảm thấy khó chịu. Lúc anh chàng Bullock trẻ tuổi (trong ngân hàng Hulker, Bullock và công ty, phố Lombard), người đã sáu tháng nay vẫn đeo đuổi cô Maria, bây giờ lại mời cô Amelia nhảy điệu *cotillon*, có dễ ngài cho rằng ý trung nhân của anh ta thích đấy hẳn?

Thế mà cô này bảo rằng mình rất vui lòng, y như một con người ngây thơ và rộng lượng. "Em thấy anh quý chị Amelia, em bằng lòng lắm", sau cuộc nhảy, cô say sưa bảo Bullock như vậy. "Chị ấy là vị hôn thê của anh George nhà em đấy; chị ấy cũng chả có gì đáng chú ý, nhưng được cái tốt bụng và thành thực lắm; ở nhà chúng em ai cũng quý chị ấy quá". Cô bé quý hóa! Ai mà tính toán nỗi niềm, thương mến của cô ta có chiều sâu bao lăm trong cái tiếng "*quá*" kia?

Bà Wirt và hai cô thiếu nữ thân thiết ấy luôn luôn hết sức làm cho tâm trí George Osborne bị ám ảnh bởi ý

tưởng anh ta đang chịu đựng một sự hy sinh vĩ đại, và cái việc anh ta lao vào yêu cô Amelia say sưa thật là một hành động rộng lượng đầy tính chất lãng mạn; cuối cùng tôi cũng không rõ hẳn có phải anh chàng đã cho mình là một trong số những người đáng chú ý nhất trong quân đội Anh quốc và một cách thoải mái, đành lòng chịu đựng được yêu hay không.

Sáng nào anh ta cũng bỏ nhà ra đi; một tuần lễ thì ăn cơm ngoài tới sáu ngày, cô chị và cô em cứ yên trí là những dịp ấy anh chàng si tình đang bám lấy dải váy của cô Sedley; thiên hạ cứ tưởng anh ta đang quỳ dưới chân Amelia, nhưng đâu phải lúc nào anh ta cũng quanh quẩn bên người yêu.

Có nhiều lần đại úy Dobbin đến chơi tìm bạn, thì cô Osborne (cô này chú ý tới viên đại úy lắm, rất thích nghe anh ta kể chuyện chiến trận, và thích hỏi thăm sức khỏe của bà mẹ yêu quý của anh ta) vẫn vừa cười, vừa chỉ về phía bên kia Công viên bảo: "Ồ, anh muốn tìm George thì phải đến gia đình Sedley chứ. Từ sáng đến tối, chúng em có nhìn thấy mặt cậu ấy đâu". Nghe câu nói ngọt ngào, viên đại úy chỉ cười xòa một cách khó hiểu và lảng sang chuyện khác ngay; đúng như một con người lịch thiệp hoàn toàn, anh ta đề cập đến những chuyện vặt vãnh, đại khái chuyện ca nhạc ở Opera,

chuyện buổi dạ hội mới rồi của Hoàng tử ở điện Carlton, hoặc chuyện thời tiết… tóm lại là những chuyện thông thường vẫn nói trong phòng khách.

Viên đại úy đi rồi, cô Maria bảo cô Jane:

- Cái anh chàng được chị cưng ấy, rõ chẳng biết cái quái gì; chị có thấy lúc ta bảo George bận "làm nhiệm vụ", anh ta đỏ mặt thế nào không?

Cô chị lắc đầu đáp:

- Maria, thật đáng thương cho Frederick Bullock không có được đôi chút e lệ như anh ta đấy.

- E lệ? Vụng về thì có, chị Jane ạ. Em chẳng muốn Frêđêric giẫm chân lên làm thủng đuôi áo voan của em, như đại úy Dobbin giẫm lên áo chị ở nhà bà Perkin ấy.

- Giẫm lên áo cô! Hi, hi! Sao lại giẫm lên được? Anh ta chẳng đã khiêu vũ với Amelia là gì?

Thực ra, đại úy Dobbin đờ mặt và luống cuống vì nhớ lại một trường hợp mà anh thấy không cần thiết kể lại cho hai cô thiếu nữ nghe làm gì. Một bữa, anh ta lại chơi gia đình Sedley, dĩ nhiên, lấy cớ đến tìm George; George đi vắng, chỉ có một mình cô bé Amelia đáng thương đang ngồi cạnh cửa sổ phòng khách, vẻ mặt như hơi rầu rĩ; sau vài chuyện bâng quơ, cô này đánh bạo hỏi rằng có thật tin đồn trung đoàn sắp được điều động ra ngoại

quốc là đúng không? Và ngày hôm ấy đại úy Dobbin có gặp Osborne lần nào không?

Trung đoàn chưa bị điều động đi đâu hết, mà đại úy Dobbin cũng không gặp George. Viên đại úy đáp rằng chắc anh ta đang ở nhà với cô chị và cô em gái, rồi đề nghị để mình đi tìm George. Thế là cô thiếu nữ dịu dàng đưa tay cho anh ta, tỏ ý biết ơn; anh ta vội đi ngang qua Công viên, nhưng Amelia cứ đợi, đợi mãi nhưng chẳng thấy tăm hơi George đâu.

Cô thiếu nữ bé bỏng dịu dàng đáng thương quá. Cô ta cứ tiếp tục hy vọng, hồi hộp, khát khao và tin tưởng. Các bạn thấy cuộc đời Amelia chẳng có gì đáng miêu tả lắm.

Trong đời cô không có mấy cái mà bạn gọi là những chuyện đặc biệt. Ngày nào cũng chỉ có một chuyện… "Bao giờ thì anh ấy đến chơi nhỉ?" Khi ngủ cũng như lúc thức, chỉ có một ý nghĩ ám ảnh trong đầu. Lúc Amelia hỏi Dobbin về tin tức của George thì tôi tin rằng anh ta đang chơi bi-a với đại úy Cannon ở phố Swallow; George vốn là tay ham vui, thích bè bạn đàn đúm, và rất giỏi trong mọi thú chơi cần đến sự khéo léo.

Một lần, đã ba hôm không thấy George lại chơi, Amelia đội mũ tìm đến thẳng nhà gia đình Osborne; cô em chồng tương lai hỏi:

- Kìa? Chị lại bỏ mặc anh em mà lại đây ư? Hai người giận nhau phải không, chị Amelia? Nói chuyện chúng em nghe nào?

- Làm gì ra có chuyện giận nhau. Ai mà giận anh ấy được? Amelia nước mắt đầm đìa trả lời. Cô chỉ muốn lại để để thăm hai cô bạn quý thôi; đã lâu quá, chưa gặp nhau. Hôm ấy cô có vẻ ngờ nghệch và vụng về hơn mọi khi; lúc cô buồn bã ra đi, cô Osborne và bà giáo dạy tư trố mắt nhìn theo lại càng ngạc nhiên hơn bao giờ hết, không hiểu Giorgiơ yêu Amelia về nỗi gì.

Họ ngạc nhiên là phải. Làm sao Amelia có thể ngăn cản không cho những cặp mắt đen láy táo bạo của hai cô gái kia soi mói vào tâm hồn bé bỏng, nhút nhát của mình cho được? Cô ta co mình lại, tự giấu giếm vậy là tốt nhất. Tôi biết, hai cô Osborne rất có tài khi phê bình một cái khăn quàng Casơmia, hay một cái si-líp sa-tanh màu hồng, hoặc khi cô Turner nhuộm cái áo cũ màu đỏ thẫm và chữa thành một cái áo ngoài ngắn, khi cô Pickford phá tấm áo khoác lông chồn để làm cái bao tay và các dải áo. Thì tôi cam đoan rằng không có gì sánh kịp trí thông minh của hai cô thiếu nữ nói trên. Nhưng ở đời có những thứ tinh tế hơn là lông thú và sa-tanh, hơn tất cả các kho châu báu của Solomon, và hơn cả tủ áo của Nữ vương thành Sheba[82] nữa. Đó là những vật mà

nhiều người sành sỏi cũng không tìm được vẻ đẹp. Có những bông hoa dịu dàng kín đáo ẩn trong những chỗ râm mát, yên tĩnh, bạn dừng lại ngắm thì thấy tươi tắn, thơm tho; lại cũng có những bông hoa lớn như cái chậu một dùng để trang hoàng vườn cảnh, tưởng như mặt trời nom xuống cũng phải chói mắt. Cô Sedley không phải là loại hoa mặt trời này; và có thể nói rằng cô là một đóa hoa violet khác thường, to bằng đóa thược dược kép.

Không, cuộc đời của một thiếu nữ từ nhỏ được ấp ủ trong tổ ấm của gia đình không thể có những tình tiết gay go của những nhân vật tiểu thuyết thông thường. Cạm bẫy hoặc tên đạn có thể giết chết những con chim già bay lượn ngoài tổ; những con chim này có thể thoát khỏi móng vuốt của bày chim ưng lượn trên trời, hoặc bị chúng xâu xé, nhưng những con chim non trong tổ ấm thì vẫn sống một cuộc đời không thi vị nhưng êm đềm giữa những sợi lông mềm và những cọng rơm tơ êm ái, cho tới khi nào đến lượt chúng cất cánh bay bổng. Trong khi Becky Sharp đang bay lượn, chuyền trên những nhánh cây non giữa bao nhiêu là cạm bẫy, tha hồ mổ thức ăn một cách khoan khoái, thì Amelia vẫn còn sống trong cảnh gia đình ấm cúng ở khu phố Russell. Nếu cô có bước ra ngoài đời, thì đã có người giàu kinh nghiệm hướng dẫn. Hình như cũng không có sự không may nào

đe dọa cô hoặc đe dọa cái gia đình giầu có, đầm ấm trong đó cô đang được nâng niu che chở. "Má" thì sáng vẫn bận rộn việc gia đình; hàng ngày bà vẫn ngồi xe ngựa đi chơi, và vẫn giữ cái lệ thú vị là đi thăm các gian hàng, mua bán vặt vãnh, tức là cái thú giải trí, hoặc nếu các bạn thích thì gọi là cái nghề cũng được, của những bà nhà giàu ở Luân Đôn. Còn "ba" thì vẫn điều khiển những công việc bí mật gì ấy trong khu City, hồi đó là một nơi hoạt động sôi nổi, trong khi khắp Âu Châu chiến tranh đang gào thét và bao vương quốc đang ngả nghiêng, trong khi tờ nhật báo "tin tức" có đến hàng vạn độc giả đặt mua, trong khi hôm nay bạn nghe tin có một trận đánh ở Victoria, ngày mai đã có tin Mạc-tư-khoa bị đốt, hoặc luôn luôn đang giờ ăn trưa nghe thấy bác rao tin thổi tù và ở khu phố Russell báo rằng "Trận Lepdich… sáu mươi vạn quân tham chiến… nước Pháp đại bại… hai mươi vạn người chết".

Có một đôi lần ông Sedley trở về nhà vẻ mặt trầm ngâm; ta không lấy làm lạ thấy những tin tức như trên khuấy động mọi trái tim và tất cả mọi Phòng Hối đoái của Âu Châu.

Trong thời gian đó ở khu phố Russell, Bloomsbury, mọi sự vẫn cứ tiến hành y như không có chuyện gì xảy ra ở Âu Châu. Cuộc thoái quân ở Lepdich không hề làm

giảm số bữa ăn hàng ngày của bác Sambo trong phòng ăn của đầy tớ; quân đồng minh ồ ạt tiến vào nước Pháp, song tiếng chuông báo giờ ăn vẫn cứ đúng năm giờ chiều là vang lên như thường lệ. Tôi cho rằng cô Amelia đáng thương chẳng buồn quan tâm đến Brienne và Montmirail[83], hoặc đến chiến tranh. Cô Amelia vẫn chắp hai tay lại cầu kinh… và ôi, sung sướng thay! Cô vẫn say sưa lao mình vào trong cánh tay của George Osborne làm cho những người có mặt phải ngạc nhiên vì thấy cô tỏ tình quá lộ liễu. Thực tế thì hòa bình đã trở lại, Âu Châu qua cơn sóng gió, sắp được nghỉ ngơi; tên dân đảo Corxơ[84] đã bị lật đổ và trung đoàn của trung úy Osborne không còn lo phải điều động đi tham chiến nữa. Cô Amelia lý luận như vậy. Vận mệnh của cả Âu Châu đối với cô tức là trung úy Osborne. Tai họa đe dọa người yêu đã qua, cô hát bài *Te Deum*[85]. Anh ta là Âu Châu của cô, là Hoàng đế của cô, là những vị quốc trưởng đồng minh của cô, và là vị Hoàng tử nhiếp chính của cô. Đối với cô Osborne là mặt trời, mặt trăng và theo ý tôi, cô tin rằng cuộc dạ hội hoa đăng vĩ đại tổ chức ở Hoàng cung chào mừng các vị hoàng đế, chính nhằm mục đích đặc biệt chào mừng trung úy George Osborne của cô vậy.

Chúng ta đã nói đến những mánh khóe, đến thói vụ lợi

cá nhân và sự nghèo túng, đó là những ông thầy đã giáo dục cô Becky Sharp. Đối với Amelia thì tình yêu là bà giáo giỏi nhất; dưới sự dạy dỗ của bà giáo ai cũng biết tiếng này, cô thiếu nữ đã tấn tới phi thường. Trong khoảng mười lăm hay mười tám tháng, ngày nào cô cũng chăm chỉ học tập dưới sự hướng dẫn của bà, cô ta đã nắm được bao điều bí mật mà bà Wirt và hai cô thiếu nữ mắt đen láy, ngay cả chính bà Pinkerton ở Chiswick nữa cũng không thể hiểu nổi! Thật vậy, những người đàn bà không chồng kênh kiệu và đáng kính ấy biết sao được. Đối với bà Wirt và bà Pinkerton sự say đắm tình tứ không thành vấn đề nữa rồi: tôi sẽ chẳng dám hé môi nói về một chuyện như vậy ở các bà. Cô Maria Osborne thật ra cũng có gắn bó với Frederick Augustus Bullock, trong hãng Bullock và Bullock. Nhưng cuộc tình duyên của cô rất đáng kính; đối với cô, lấy lão Bullock cha hay lấy anh Bullock con làm chồng cũng thế thôi vì, như mọi cô thiếu nữ gia giáo khác, tâm trí cô chỉ bận bịu vì một ngôi nhà ở Công viên Lane, một ngôi nhà nghỉ mát ở Wimbledon, một cái xe ngựa thật là đẹp, một đôi ngựa thật là to, và hai thằng hầu thật là béo, cùng một phần tư số thực lãi đồng niên của hãng Bullock và Bullock; Frederick Augustus chỉ là người đại diện cho tất cả những khoản đó.

Giả thử hồi ấy người ta đã nghĩ lấy vòng hoa cam để tượng trưng cho sự trinh bạch của thiếu nữ (tục này du nhập vào nước ta từ Pháp, nơi tệ bán con gái phổ biến trong việc hôn nhân) thì tôi tin rằng cô Maria rất có thể đội cái vòng hoa trong trắng đó mà bước lên xe hoa ngồi bên cạnh ông già đầu hói, mũi cà chua, bị bệnh thống phong, tức là ông lão Bullock; và cô cũng sẽ kín đáo mà sống trọn cuộc đời đẹp đẽ của mình, vô cùng hạnh phúc.., Chết một nỗi, ông già lại có vợ mất rồi, cho nên cô đành yêu anh con trai vậy. Những bông hoa cam thơm tho tươi tắn làm sao! Hôm nọ, tôi thấy cô Trotter đầu mang vòng hoa cam, líu díu bước lên xe hoa trước nhà thờ St George, ở quảng trường Hanover, có bá tước Methuselah lóc cóc theo sau. Cô e lệ, kín đáo kéo màn che kín cửa xe… Con người ngây thơ đáng yêu thay!

Có đến một nửa số xe ngựa trong *Hội chợ phù hoa* bị huy động trong việc cưới xin này.

Cô Amelia không được giáo dục lối yêu đương như vậy.

Chỉ trong khoảng một năm trời, cô bé ngoan ngoãn đã trở thành một thiếu nữ ngoan ngoãn… nghĩa là khi được ngày lành tháng tốt, cô sẽ trở thành một người vợ ngoan ngoãn.

Cô gái trẻ trung này đặt hết tâm hồn vào sự gắn bó

với chàng sĩ quan thanh niên trong quân đội hoàng gia mà ta đã biết qua (có lẽ cha mẹ cô cũng đã dại dột khuyến khích, giúp đỡ cô trong những sự tơ tưởng lãng mạn như vậy); ngay phút đầu tiên mỗi khi ngủ dậy, cô đã nghĩ đến người yêu rồi; tên anh ta được nhắc đến sau cùng trong lúc cô cầu kinh. Chưa bao giờ cô gặp một con người thông minh, đẹp trai như anh chàng. Con người cưỡi ngựa mới đẹp làm sao, khiêu vũ mới giỏi làm sao; nói chung, thật là một người anh hùng. Cứ ca tụng mãi lối cúi chào của Hoàng tử, so với George thì còn kém xa. Cô đã được nhìn mặt ông Brummell mà thiên hạ khen nức nở; đem một người như thế mà so sánh với chàng George của cô! Trong số những anh kép đẹp trai ở rạp Opera (hồi ấy có nhiều anh kép ở rạp Opera rất xinh trai), chẳng ai có thể bì được với George.

Có khiêm tốn lắm thì anh ta cũng phải là một hoàng tử trong thần thoại. Thế mà, ôi, cao quý vậy thay? Chàng đã hạ mình xuống để lọt vào mắt xanh hình ảnh một cô Cinderella thấp kém như cô. Nếu bà Pinkerton là người thân tín của Amelia, chắc thế nào bà cũng đã tìm cách kiềm chế sự say mê mù quáng của cô, nhưng bạn cứ tin rằng việc ấy cũng chẳng có kết quả lắm đâu. Ở một số phụ nữ, sự say mê ấy là do bản năng; có những người trời sinh ra để tính toán, và có những người trời sinh ra

để yêu; mong rằng các bạn chưa vợ đọc những dòng này hãy chọn loại nào thích hợp với mình nhất.

Mải say sưa trong tình yêu, Amelia quên khuấy mất mười hai cô bạn thân ở Chiswick một cách vô cùng tàn nhẫn, như những con người ích kỷ thông thường khác. Cô chỉ chuyên tâm chú ý vào có một chuyện. Cô Saltire tai thì lạnh lùng quá, không tâm tình được; cô cũng không sao đem tâm sự của mình ra ngỏ với cô Swartz, cô gái triệu phú tóc quăn người đảo St. Kitt. Những ngày lễ, em bé Laura Martin thường đến chơi với cô; tôi tin rằng cô đã chọn Laura làm bạn tâm tình của mình, và hứa bao giờ lấy chồng sẽ đem Laura về ở chung; cô đã ngỏ với Laura rất nhiều điều thuộc về chuyện yêu đương đắm say; đối với cô bé, những điều ấy hẳn mới lạ và bổ ích. Chao ôi, tôi e rằng cô Emmy đáng thương, tâm trí không được bình thường cho lắm.

Cha mẹ cô đã làm gì để giữ cho quả tim bé nhỏ kia khỏi đập quá nhanh? Ông lão Sedley hình như không hề chú ý đến câu chuyện. Gần đây ông càng có vẻ đăm chiêu hơn, suốt ngày vùi đầu vào những công việc ở khu City.

Bà Sedley thì vốn tính dễ dãi, không hay soi mói, thành ra bà cũng không cảm thấy khó chịu vì chuyện yêu đương của con gái. Joe thì đi vắng anh ta đang bị

một người đàn bà góa Ai len ở Cheltenham tấn công. Một mình Amelia ở nhà… ôi, nhiều khi cô thấy sao căn nhà rộng rãi, trống trải quá, vì George còn bận việc trong đội Ngự lâm kỵ binh, không thể xin phép rời khỏi Chatham về luôn được; vả lại khi nào về tỉnh anh ta cũng còn thăm viếng bè bạn, cô chị và cô em gái ở nhà hoặc đi chơi bời đây đó (người như anh ta là một vật trang sức cho bất cứ một cuộc hội họp nào); khi anh ta trở về trung đoàn thì lại mệt mỏi quá rồi, không muốn viết những bức thư dài nữa. Tôi biết rõ chỗ cô ta giấu tập thư của George; tôi có thể lén lút ra vào phòng riêng của Iachimo… Như Iachimo? Không như vậy tồi quá.

Tôi chỉ muốn làm mặt trăng để được ngó vào tấm giường một cách vô tội, nơi lòng tin, sắc đẹp và sự thơ ngây đang nằm mơ mộng.

Song, nếu những lá thư của Osborne đều cộc lốc một cách rất nhà binh thì ta phải thú thực rằng, giả sử phải đem in cả những lá thư cô Sedley gửi cho Osborne, ắt phải kéo dài cuốn truyện này thành rất nhiều tập, ngay những bạn đọc đa cảm nhất cũng không thể chịu nổi. Không những cô viết kín đặc hàng trang giấy lớn, mà còn dùng những thủ thuật rất lạ; cô chép nguyên văn hàng trang thơ vào lá thư một cách không hề thương xót; cô gạch dưới nhiều chữ, nhiều câu một cách say

sưa sôi nổi; tóm lại, cô bộc lộ hết những dấu hiệu về đời sống tâm tưởng hàng ngày của mình. Cô không phải là một nhân vật trong tiểu thuyết thành ra thư cô viết có những đoạn lặp đi lặp lại. Nhiều khi cô viết sai cả ngữ pháp, làm thơ thì hết sức tự do về quy tắc. Song, thưa các bà, nếu thỉnh thoảng các bà không được phép bấm dây tơ lòng mà không cần tuân theo nhạc luật, nếu vì các bà không thuộc lầu cách phân biệt thế nào là "ngắt đoạn ba", thế nào là "ngắt đoạn bốn" mà không được đàn ông yêu, thì Thi ca có lẽ cũng đến tiêu ma, và các ông giáo thì cũng đến chết đói thảm hạm).

CHƯƠNG XIII
TRỮ TÌNH VÀ NHỮNG THỨ KHÁC NỮA

Tôi sợ rằng chàng trai trẻ, người nhận những lá thư của cô Amelia, là một nhà phê bình tàn nhẫn.

Trung úy Osborne bị một đống thư như thế đuổi theo mình khắp chốn, khiến cho anh chàng gần như xấu hổ khi nghe bạn đồng ngũ nói đùa mình về chuyện ấy; anh ta ra lệnh cho người hầu chỉ được trao thư cho mình trong phòng riêng. Có lần mọi người thấy anh ta đốt một lá thư để châm thuốc làm cho đại úy Dobbin sợ quá; tôi tin rằng Dobbin sẵn sàng bỏ ra một tờ giấy bạc đánh đổi lấy tờ thư.

George cố gắng giấu kín tên người yêu của mình trong một thời gian khá lâu; anh ta chỉ nói đại khái "có một người đàn bà" trong việc này. Viên sĩ quan cầm cờ Spooney bảo viên sĩ quan cầm cờ Stubble: "Mà không phải là người đàn bà đầu tiên đâu nhé. Tay Osborne này đến là quỷ sứ. Ở Demerara, có một cô gái con một luật sư gần phát điên vì yêu anh ta; thế rồi đến cô thiếu nữ xinh đẹp hai đời lai da đen, là cô Pye ở St. Vincent, anh biết đấy; và từ khi trở về đây, anh ta khét tiếng là một tay Don Juan, lạy Chúa".

Stubble và Spooney cho rằng "khét tiếng là một Don Juan" tức là đức tính đẹp đẽ nhất của người con trai. Tiếng tăm Osborne nổi như sóng cồn khắp trung đoàn. Anh ta nổi danh về tài săn bắn, nổi danh hát giỏi, nổi danh trong khi diễu binh, lại là tay ăn tiêu hào phóng, vì ông bố cho anh ta rất nhiều tiền. Áo của anh ta may khéo hơn áo của bất cứ sĩ quan nào trong trung đoàn. Anh ta lại có nhiều áo hơn mọi người. Ai cũng quý mến anh ta. Về tửu lượng anh ta có thể chấp tất cả mọi sĩ quan trong câu lạc bộ, kể cả viên đại tá già Heavytop. Anh ta đấu quyền giỏi hơn cả Knuckles, một anh lính trơn (anh này nếu không có tật say rượu thì đã được thăng chức hạ sĩ rồi, lại cũng đã từng đấu quyền tranh giải); trong câu lạc bộ của trung đoàn, George là tay chơi "*batter*" và "*bowler*" cừ nhất. Anh ta cưỡi con ngựa riêng của mình, con "Chớp nhoáng", và đã cướp được giải của nhà binh trong cuộc đua ở Quebec. Ngoài Amelia còn vô khối cô gái mê tít anh chàng. Stubble và Spooney coi anh ta là một thứ thần Apollo[86] Dobbin coi anh ta là một Crichton[87]; còn bà thiếu tá O'Dowd thì công nhận anh ta là một thanh niên lịch sự, làm cho bà nhớ lại anh chàng Fitzjurld Fogarty, thứ nam của bá tước Castlefogarty quá. Tha hồ cho Stubble và Spooney cùng mọi người đoán phỏng về người đàn bà gửi thư cho

Osborne… người bảo chính là một nữ công tước ở Luân Đôn phải lòng anh chàng, kẻ đoán là con gái một đại tướng đã đính hôn với người khác nhưng vẫn điên cuồng gắn bó với anh ta… có người lại nói chính là vợ một nghị sĩ quốc hội đang rủ anh ta đi trốn biệt tích một nơi… hoặc là một cô gái nào đó đang bị cuốn hút vào trong một mối tình mê ly kích thích, lãng mạn, bị mọi người ruồng bỏ; Osborne không hề rọi một chút xíu ánh sáng nào vào những lời phỏng đoán mơ hồ kia, cứ để mặc cho bè bạn và những người mê mình tưởng tượng, sắp đặt mọi tình tiết của câu chuyện. Và nếu đại úy Dobbin không tiết lộ thì cả trung đoàn không sao biết được sự thực trong câu chuyện yêu đương này.

Một hôm, viên đại úy đang ăn sáng trong phòng ăn chung của sĩ quan thì Cackle, một sĩ quan phụ tá quân y, cùng Stubble và Spooney bàn tán về chuyện yêu đương của Osborne; Stubble tuyên bố rằng người đàn bà chính là một vị nữ công tước hầu cận Nữ hoàng Charlotte, còn Cackle thì thề rằng cô ta là một nữ ca sĩ ở rạp Opera, tính tình cực kỳ bợm bãi. Nghe thấy thế, Dobbin bị xúc động mạnh quá đến nỗi quên phắt rằng mồm mình hãy còn đầy bánh mì phết bơ và trứng, và không nên tiết lộ câu chuyện làm gì; anh ta buột mồm nói:

- Cackle, anh là một thằng ngu xuẩn: bao giờ anh cũng

ăn nói láo lếu toàn chuyện bậy bạ. Không phải Osborne sắp đi trốn cùng một nữ công tước, hay sắp làm hại cuộc đời một cô gái làm các đồ trang sức phụ nữ đâu. Cô Sedley là một thiếu nữ duyên dáng nhất đời xưa nay chưa từng thấy. George đã đính hôn với cô ấy từ lâu lắm rồi; và trước mặt tôi, xin đừng có ai nói xấu gì cô ấy mà không xong đâu.

Mặt Dobbin đỏ tía lên; anh ngưng lại, uống vội một tách nước trà, suýt nghẹn. Nửa giờ sau, khắp trung đoàn ai cũng biết chuyện; và ngay tối hôm ấy bà thiếu tá O'Dowd vội gửi thư cho cô em chồng là Glorvina ở thị trấn O'Dowd, nhắn đừng rời Dobbin vội chàng trẻ tuổi Osborne đã đính ước quá sớm rồi.

Tối hôm ấy, bà ta nâng một cốc rượu whisky lựa lời chúc tụng viên trung úy; anh chàng cáu quá trở về nhà gây sự với Dobbin (anh này không nhận dự tiệc với bà thiếu tá O'Dowd, ngồi trong phòng riêng để thổi sáo, và tôi tin rằng để làm cả những câu thơ buồn hiu hắt)… gây sự vì Dobbin đã tiết lộ bí mật.

Osborne tức giận quát:

- Ai mượn anh dính vào chuyện riêng của tôi? Bây giờ khắp trung đoàn đều biết tôi sắp cưới vợ, thế là cái quái gì? Làm sao mà cái mụ già ngồi lê đôi mách Peggy O'Dowd ấy lại có thể ăn nói dông dài với tôi ngay trên

bàn ăn của mụ, rồi tuyên bố việc đính hôn của tôi với khắp bàn dân thiên hạ? Nói tóm lại, anh có quyền gì mà bảo tôi hiện đã đính hôn, và dính dáng vào việc của tôi, hử Dobbin?

Dobbin đáp:

- Tôi thấy rằng…

Anh bạn ít tuổi hơn ngắt lời:

- Thấy cái con khỉ. Dobbin. Tôi mang ơn anh nhiều, tôi biết rõ lắm, rõ quá lắm; nhưng tôi không thích anh cậy hơn tôi năm tuổi mà lúc nào cũng dạy khôn tôi. Từ giờ, tôi cóc chịu để cho anh giở mãi cái thái độ thương xót trịch thượng, đàn anh với tôi nữa. Thương xót với chả che chở? Tôi muốn biết tôi là đàn em của anh về cái gì?

Đại uý Dobbin hỏi:

- Thế có phải anh đã đính ước không?

Tôi đã đính ước thì có quan hệ cóc gì đến anh hoặc đến người nào khác ở đây?

Dobbin lại hỏi:

- Anh có xấu hổ vì điều ấy không?

George hỏi lại:

- Tôi muốn được biết anh lấy quyền gì mà hỏi tôi câu ấy?

Dobbin đứng phắt dậy:

- Lạy Chúa, anh không định nói muốn cắt đứt việc đính ước ấy chứ?

Osborne giận dữ đáp:

- Nói một cách khác, anh muốn hỏi tôi có phải là một người biết trọng danh dự hay không phỏng, có đúng ý anh như vậy không? Gần đây, đối với tôi, anh có cái giọng… khiến tôi không thể nào chịu đựng được nữa.

- Tôi làm gì anh? George, tôi chỉ bảo anh rằng anh bỏ rơi một thiếu nữ dịu dàng, hiền hậu; tôi chỉ bảo anh rằng khi nào về tỉnh, anh nên đến thăm cô ấy đừng đến cái sòng bạc ở phố St. James nữa.

George cười khẩy, nói:

- Tôi đoán rằng, anh muốn đòi nợ tôi.

Dobbin đáp:

- Dĩ nhiên, tôi muốn đòi nợ… tôi vẫn đòi luôn, đúng không? Anh nói như mình rộng rãi lắm ấy.

Đến đây George hối hận nói:

- Không, chết cha! William, anh tha lỗi cho tôi. Anh đã

tốt với tôi rất nhiều, có thượng đế chứng giám. Anh, đã giúp tôi thoát khỏi nhiều chuyện rắc rối. Lúc thằng Crawley trong đội ngự lâm quân được của tôi món tiền ấy, suýt nữa thì tôi đi đứt, nếu không nên ác với tôi thế, không nên lúc nào cũng giảng đạo cho tôi nghe. Tôi vẫn yêu Amelia lắm, tôi thờ phụng cô ấy và cả những thư từ này nữa. Xin anh đừng giận; cô ấy không có lỗi gì hết, tôi hiểu lắm. Nhưng anh biết đấy; không đánh bạc thì được cái gì, tôi cũng không thấy thú. Trung đoàn vừa mới ở Tây Ấn về, cũng phải cho tôi "sống" một chút chứ. Bao giờ cưới vợ tôi sẽ tu tỉnh lại. Tôi lấy danh dự mà cam đoan như vậy. Và tôi bảo… Dob ạ… đừng giận tôi nữa: tháng sau tôi sẽ trả anh một trăm đồng, khi nào tôi biết ba tôi vớ được món lãi gì bở. Tôi sẽ xin ông Heavytop cho nghỉ phép; ngày mai, tôi về tỉnh và đến thăm Amelia… nào, bây giờ anh đã bằng lòng chưa?

Viên đại úy tốt bụng đáp:

- George, không ai giận anh được lâu; còn về chuyện tiền nợ thì anh hiểu đấy, nếu tôi thiếu tiền, chắc anh sẵn lòng cho tôi tiêu chung đến đồng xu cuối cùng của anh.

- Lạy chúa, tôi sẵn lòng, Dobbin ạ.

George đáp có vẻ rất hào phóng, tuy rằng anh ta không bao giờ để dành được lấy một xu.

- George, tôi hy vọng rằng anh chơi bời thế cũng đã đủ rồi. Nếu anh được nhìn thấy mặt cô Emmy đáng thương khi cô ấy gặp tôi hỏi thăm tin anh hôm nọ thì anh sẽ vứt phăng cái bàn bi-a đi rồi. Về mà an ủi cô ấy đi, đồ tồi. Hãy viết cho cô ấy một lá thư thật dài; hãy làm một việc gì cho cô ấy được sung sướng; tôi chỉ mong ước có thế thôi.

Viên trung úy có vẻ tự mãn, đáp:

- Tôi tin rằng cô ấy yêu tôi lắm.

Rồi anh ta lại chuồn đi đàn đúm suốt buổi tối hôm ấy với mấy anh bạn chơi bời trong câu lạc bộ nhà binh.

Trong lúc ấy thì ở khu phố Russell, Amelia đang ngước nhìn mặt trăng; mặt trăng đang soi tỏ chốn lặng lẽ này cũng như đang soi tỏ trại lính ở Chatham, nơi Osborne đóng quân; cô đang tự hỏi không biết người yêu đang làm gì. Cô nghĩ thầm: "Có nhẽ anh ấy đang đi kiểm tra các vọng canh, có lẽ anh ấy đang tạm trú quân ở đâu đấy; có lẽ anh ấy đang săn sóc bên giường bệnh của một người bạn bị thương, hoặc đang ngồi lẻ loi trong phòng riêng nghiên cứu chiến thuật quân sự". Và những ý nghĩ êm ái của cô bay lên không, như những thiên thần có cánh, dọc theo dòng sông bay đến Chatham và Rochester, cố nhòm ngó vào trại lính, chỗ George đang…

Ngẫm cho kỹ, tôi cho rằng cổng trại đóng chặt, lính canh không cho phép ai ra vào như thế lại tốt cơ đấy; thành ra vị thiên thần bé nhỏ đáng thương mặc áo trắng không thể nghe thấy những bài hát bọn trai trẻ đang gào lên bên những cốc rượu mạnh.

Sau hôm xảy ra câu chuyện ở trại lính Chatham, anh chàng Osborne muốn tỏ ra mình đã nói là làm, bèn sửa soạn về tỉnh; đại úy Dobbin tỏ ý rất tán thành. Osborne muốn mua một món quà mọn tặng Amelia; chết nỗi chẳng còn xu nào, mà ông cụ lại chưa cho tiền.

Nhưng Dobbin không chịu để cho con người tốt bụng và hào phóng ấy phải thất vọng vội đưa ngay cho Osborne mấy tờ giấy bạc; sau vài câu từ chối gọi là lấy lệ, Osborne cầm đút túi. Tôi dám cam đoan rằng anh ta cũng muốn mua một món quà gì thật đẹp tặng Amelia; có điều, khi bước xuống xe ở phố Fleet, anh ta thấy một cái cặp áo sơ-mi đẹp quá bày trong một hiệu kim hoàn, nó quyến rũ không sao cưỡng lại được. Trả tiền xong, chả còn bao nhiêu mà tính đến chuyện mua quà tặng người yêu nữa. Nhưng không sao, xin các bạn yên trí rằng Amelia không đợi quà của anh ta đâu. Lúc George đến khu phố Russell, mắt cô sáng bừng lên như nắng rọi. Bao nhiêu nỗi lo lắng, sợ hãi, những dòng nước mắt, những sự phỏng đoán rụt rè, những nỗi trằn trọc ròng rã

không biết bao đêm ngày, chỉ trong một phút tiêu tan hết cả, trước nụ cười hấp dẫn quen thuộc kia. Đứng trong khung cửa phòng khách, người yêu cô như tỏa sáng… nguy nga với bộ ria mép màu hổ phách, đẹp như một vị thần. Sambo vào báo tin có đại úy Osborne đến (bác thăng cho viên sĩ quan trẻ tuổi thêm một trật); bác nhăn răng cười thông cảm, mặt tươi hẳn lên khi thấy cô thiếu nữ đỏ mặt, từ chỗ ngồi ngóng trông cạnh cửa sổ vội vàng nhảy bổ ra; Sambo kín đáo lùi ra ngoài. Cánh cửa vừa đóng lại, cô khấp khởi nép mình vào ngực trung úy Osborne dường như đó là nơi duy nhất ủ ấp tâm hồn mình.

Ôi hỡi tâm hồn bé nhỏ đáng thương đang hồi hộp kia! Cái cây đẹp nhất trong cả cánh rừng, thân cây thẳng tắp, cành mạnh khỏe, lá rườm rà, mà người chọn làm nơi dựng tổ ấm và líu lo ca hát, không bao lâu đâu có thể bị người ta chú ý tới, và bị đốn gãy, kêu "rắc" một cái là xong. Đã từ lâu lắm rồi, người ta vẫn lấy hình ảnh một cái cây để ví với người đàn ông!

George rất dịu dàng hôn Amelia vào trán, vào đôi mắt long lanh, và vẫn tỏ vẻ rất tình tứ, rất đáng yêu; còn Amelia thì khen chiếc cặp áo sơ-mi nạm kim cương của người yêu (mà trước kia chưa hề bao giờ thấy anh ta dùng) là một vật trang sức đẹp nhất xưa nay.

Bạn đọc hẳn chú ý đến tính tình của viên trung úy trẻ tuổi khi đọc đoạn miêu tả câu chuyện ngắn ngủi giữa anh ta và đại úy Dobbin; rất có thể bạn đã muốn có ý kiến kết luận về tư cách của Osborne. Một anh chàng người Pháp tồi tệ nào đó đã nói rằng trong một "*vụ*" yêu nhau, phải có hai bên: một bên yêu, và một bên thì hạ cố chịu để cho người ta yêu mình. Tình yêu có thể là ở phía đàn ông, mà cũng có thể là ở phía đàn bà. Rất có thể một anh chàng si tình nào đó đã lầm lẫn, thấy vô tình tưởng là e lệ, trong sự đần độn lại ngỡ là tính nhút nhát của gái trinh, gặp người ngốc nghếch lại yên trí là kín đáo dịu dàng, tóm lại, trông gà cứ nghĩ là cuốc. Cũng rất có thể một bạn nữ độc giả nào đó đã khoác cho một con lừa tấm áo huy hoàng lộng lẫy theo trí tưởng tượng, kính phục sự ngu xuẩn của nó như là tính giản dị cao thượng, thờ phụng thói ích kỷ của nó coi như thái độ của kẻ cao sang kiêu hãnh, lầm sự đần độn của nó với sự sang trọng đường bệ, và đối đãi với nó như là cô Titania trong câu chuyện tiên đối đãi với một anh thợ dệt ở thành Athens. Tôi đã từng được chứng kiến những màn hài kịch về sự lầm lẫn như vậy vẫn tiếp tục diễn ra trong đời sống. Song, chắc chắn cô Amelia yên trí rằng người yêu của mình là một trong số những con người giỏi giang, nổi tiếng nhất trong nước và trung úy Osborne rất có thể cũng nghĩ như thế.

Tính anh ta hơi bừa bãi một chút; có biết bao thanh niên tính tình như vậy; và phải chăng thà rằng bừa bãi, con gái họ lại thích hơn là ngờ nghệch? Anh ta chưa hết tuổi chơi bời đâu; nhưng cũng sắp đến lúc tu tỉnh rồi; bây giờ chiến tranh đã hết, anh ta sẽ giải ngũ. Con quỷ đảo Corse đã bị nhất ở đảo Elba, do đó, cũng hết cả thăng trật, mà anh ta cũng không còn hy vọng gì thi thố khả năng quân sự của mình nữa. Với số tiền bố cấp cho, cộng với tiền vốn riêng của Amelia, hai vợ chồng rất có thể sống một cuộc đời ấm cúng tại một nơi thôn quê nào đó, cảnh vật xung quanh thuận tiện cho việc giải trí. Anh ta sẽ săn bắn chút ít, làm trại chút ít, và hai vợ chồng sẽ sống rất hạnh phúc… còn như có vợ rồi mà cứ tiếp tục tại ngũ thì không được. Cứ tưởng tượng xem, bà George Osborne mà phải thuê nhà sống ở tỉnh lẻ, hoặc tai hại hơn, sống ở Đông Ấn hay Tây Ấn, giữa một xã hội toàn là những sĩ quan, và bị bà thiếu tá O'Dowd lên mặt bề trên? Nghe Osborne kể chuyện về bà thiếu tá O'Dowd, Amelia suýt chết vì cười.

George yêu cô quá, không nỡ bắt cô phải chịu phụ thuộc vào mụ đàn bà khủng khiếp ấy và những cử chỉ thô lỗ của mụ; anh ta cũng không muốn cô phải sống cảnh sống vất vả của vợ một quân nhân. Anh ta không lo cho thân mình đâu, nhưng cô thiếu nữ bé bỏng thân

yêu kia cần phải có địa vị trong xã hội mà cô sẽ sống xứng đáng với tư cách là vợ anh ta. Chắc chắn là cô sẽ ưng thuận tất cả những đề nghị ấy, như cô sẵn sàng ưng thuận bất cứ điều gì George đề nghị.

Đôi tình nhân cứ tiếp tục trò chuyện với nhau như vậy cùng nhau say sưa xây dựng bao nhiêu lâu đài trong mộng tưởng suốt trong hai tiếng đồng hồ (Amelia thì ra sức mà trang hoàng cho những lâu đài ấy đủ thứ: nào vườn hoa, lối đi chơi, nhà thờ làng, trường học v.v… trong khi George chỉ nghĩ đến những chuồng ngựa, cũi chó, và hầm rượu); anh chàng trung úy chỉ có mỗi một ngày nghỉ để về chơi tỉnh mà có bao nhiêu là việc phải giải quyết, bèn đề nghị cô Emmy dùng bữa với cô chị chồng và cô em chồng tương lại. Amelia vui vẻ nhận lời ngay. Anh chàng bèn dẫn người yêu đến gặp hai cô thiếu nữ, rồi bỏ mặc cô đó mà đi lo công việc riêng của mình; Amelia chuyện trò ríu rít làm cho hai cô kia ngạc nhiên quá, không biết George làm thế nào mà cô ấy biến đổi vậy.

Tóm lại, anh ta đi ăn kem trong một hiệu bánh ở Charing Cross, đến Pall Mall thử một tấm áo mới, rẽ vào tiệm của lão Slaughters một chút, sai người đi mời đại úy Cannon, cùng chơi một ván bi-a, anh ta được tám ván rồi mới quay về khu phố Russell để ăn chiều chậm mất

nửa giờ nhưng rất vui ve.

Riêng ông lão Osborne thì không vui vẻ tý nào. Lúc ông ta từ khu City trở về nhà, qua phòng khám gặp hai cô con gái và bà Wirt, thấy mặt ông ta xệ ra, nghiêm trang và vàng khè; cứ nhìn mặt ông lão và đôi lông mày rậm đang cau lại, họ cũng rõ ông đang có điều gì phiền muộn lắm. Lúc Amelia bước ra chào ông.

Bao giờ cô cũng run run sờ sợ khi phải chào ông ta.

Ông chỉ sẽ "hừ" một tiếng trả lời và cái bàn tay to tướng đầy lông lá của ông buông rơi bàn tay bé nhỏ của cô không muốn giữ lại. Ông ta ngoái cổ gườm gườm nhìn cô con gái lớn; cô này hiểu thầm cái nhìn của bố ý muốn hỏi "Thế quái nào mà con bé kia lại đến đây nhỉ?" Cô vội đáp:

- Ba ạ, anh George về chơi; anh ấy đến trại ngự lâm quân sắp về đây ăn cơm đấy.

- Hừ, nó về hả? Jane, tao không muốn chờ cơm nó đâu.

Vừa nói ông già vừa ngồi phịch xuống chiếc ghế bành riêng của mình; từ lúc ấy một sự im lặng hoàn toàn bao trùm căn phòng khách lịch sự; chỉ nghe tiếng chiếc đồng hồ kiểu Pháp to tướng kêu tích tắc tích tắc.

Lúc chiếc đồng hồ trên có tượng Iphigenia bị hiến tế

bằng đồng nặng nề ngân vang năm tiếng như chuông nhà thờ, ông Osborne giơ tay phải kéo mạnh dây chuông; bác quản lý chạy vội vào. Ông quát:

- Dọn ăn?

Bác quản lý đáp:

- Thưa ngài, cậu George chưa về à.

- Cậu George chết tiệt? Tao có phải là chủ nhà này không? Mặt ông Osborne cau lại, Amelia run bần bật. Ba người phụ nữ kia thầm đưa mắt hỏi nhau. Tiếng chuông báo giờ ăn đã vang lên dưới nhà. Chuông dứt, ông chủ gia đình thọc hai tay vào hai cái túi to kếch trên tấm áo khoác màu xanh có khuy đồng, và không chờ ai vào mời, một mình rảo bước xuống thang gác, còn ngoái cổ lại cau mặt nhìn Wirt và ba cô thiếu nữ.

Bốn người đứng dậy rón rén bước theo ông già; một cô hỏi:

- Này có chuyện gì đấy nhỉ?

Bà Wirt đáp:

- Tôi đoán cổ phần sụt giá rồi.

Cứ thế đám đàn bà con gái im lặng sợ hãi run rẩy bước theo ông chủ gia đình đang lầm lì đi trước.

Họ lặng lẽ ngồi vào chỗ. Ông ta lầm bầm cầu kinh,

nghe như chửi ai, và những cái vung lớn bằng bạc úp trên mặt đĩa được cất đi. Amelia ngồi trên ghế mà run quá; cô ngồi sát cạnh ông Osborne, lại chỉ có một mình không có ai ngồi cạnh cô mé bên này vì George chưa về.

- Xúp?

Ông Osborne nắm chặt chiếc thìa lớn vừa hỏi vừa nhìn chằm chằm vào mặt cô, giọng nói như vang từ đáy mồ, ông đổ xúp vào đĩa cho cô và cho mọi người rồi lặng yên một lúc lâu. Cuối cùng ông nói:

- Dọn đĩa của cô Sedley đi. Cô ấy không ăn được xúp. Tôi cũng thế. Xúp nấu tồi quá. Dọn món xúp đi, Hicks; ngày mai tống cổ thằng bếp, nghe không, Jane.

Lên án món xúp xong, ông Osborne đưa ra mấy nhận xét cộc lốc về món cá, vẫn cứ cái giọng thô bạo giễu cợt, và chửi Billingsgate bằng một câu thô tục không thích hợp lắm với hoàn cảnh. Đoạn ông lại ngồi yên lặng, nốc cạn mấy cốc rượu vang liền, mỗi lúc trông càng thêm đáng sợ. Mãi khi nghe tiếng George về gõ cửa, mọi người mới bắt đầu trở lại vui vẻ.

- Tôi không về sớm hơn được. Tướng Daguilet bắt tôi đợi mãi ở trại Ngự lâm quân. Không cần xúp và cá, cho tôi ăn gì cũng được… tôi không khó tính đâu. Thịt cừu

cũng ngon… ăn gì cũng ngon.

Anh ta vui tính quá, trái hẳn với ông bố cứ lầm lầm lỳ lỳ. Suốt bữa ăn, anh ta chuyện trò tíu tít, ai cũng thích… đặc biệt có một người thích nhất; không nói, ta cũng đã rõ.

Những bữa tiệc trong gia đình ông Osborne thường kết thúc bằng món tráng miệng là cam và rượu vang; mấy cô thiếu nữ vừa bàn tán với nhau xong về hai thứ này thì nghe chuông báo hiệu đi lên phòng khách, bèn đứng dậy rời khỏi phòng ăn. Amelia hy vọng George cũng sẽ lên ngay phòng khách; cô bắt đầu chơi vài bản "valse" (điệu này mới du nhập) trên chiếc đàn dương cầm lớn bốn chân có chạm trổ, có nắp đậy bọc da kê trong phòng khách trên gác. Nhưng tiếng đàn cũng không gọi được anh chàng: dễ thường anh ta không muốn nghe điệu "valse" thì phải; và tiếng đàn lắng xuống tắt dần. Lúc này, người nhạc công thất vọng đã rời khỏi cây đàn đồ sộ. Mặc ba người bạn đang biểu diễn mấy bản nhạc mới nhất họ vừa học, chơi rất to rất hay, cô không nghe thấy một tiếng nào, chỉ ngồi buồn rầu nghĩ ngợi phỏng đoán toàn chuyện không hay.

Vẻ mặt cau có của Osborne xưa nay vẫn đáng sợ, nhưng chưa bao giờ đối với cô lại có vẻ khủng khiếp đến thế. Mắt ông rõi theo cô lúc bước ra khỏi phòng, dường

như cô đã phạm tội gì ấy. Lúc người nhà bưng cà phê lên, cô giật nẩy mình như thể bác Hicks có ý định mời mình uống một chén thuốc độc. Có chuyện bí mật gì đang lởn vởn quanh đây thì phải? Ôi, những người đàn bà. Họ nuôi nấng, nâng niu những linh cảm, ôm ấp cả những ý tưởng đen tối nhất như họ ôm ấp những đứa con đẻ xấu xí của họ.

George Osborne thấy dáng điệu cha lầm lỳ cũng lấy làm lo lắng. Cứ nom đôi lông mày cau lại và cái nhìn giận dữ rõ rệt như thế thì hy vọng gì moi được tiền của ông già, mà George thì đang túng tiền quá. Anh ta bắt đầu bằng việc khen rượu của cha rất ngon. Thường thường dùng cách ấy để lấy lòng ông già vẫn có kết quả tốt.

- Ba ạ, ở Tây Ấn chúng con không bao giờ được uống thứ rượu Madeira ngon như vậy. Bữa nọ số rượu ba gửi cho con bị đại tá Heavytop lấy mất ba chai.

Ông già nói:

- Thật không? Tôi mua mỗi chai mất ba si-linh đấy.

George cười hỏi:

- Cha có bán lại sáu ghi-nê một tá không nào? Có một bậc tai mặt nhất trong nước muốn dùng một ít dấy.

Ông bố lầm bầm:

- Thế hả? Mong rằng ông ta tìm mua được.

- Ba ạ, hồi tướng Daguilet ở Chatham, đại tá Heavytop có mời ăn sáng, và hỏi xin con vài chai vang. Đại tướng thích loại rượu ấy lắm… đang cần một thùng để biếu ngài Tổng tư lệnh. Ông ta là cánh tay phải của Hoàng tử.

- Rượu ấy thì ngon tuyệt.

Đôi lông mày cau có đáp, và từ đó nom có vẻ tươi tỉnh hơn chút ít. George sắp sửa lợi dụng cơ hội ngỏ lời xin cha ít tiền, thì vẻ mặt ông già trở lại nghiêm trang như cũ, tuy có phần thân mật hơn. Ông bảo con trai rung chuông gọi đem rượu nho:

- George, thử xem có ngon bằng các loại rượu Madeira mà Hoàng tử đã thưởng thức không. Vừa uống rượu, ta vừa bàn với nhau một câu chuyện quan trọng.

Đang ngồi nóng ruột đợi trên gác, Amelia nghe tiếng chuông kêu vang. Không rõ tại sao cô nghĩ ngay rằng tiếng chuông bí mật ấy báo hiệu điều gì không may. Người ta thường có những sự linh cảm đôi khi cũng rất đúng.

Sau khi từ từ nốc cạn chén đầu tiên, ông già nói:

- George, điều tôi muốn biết rõ là anh và… à… và cái con bé trên gác kia bây giờ ra sao?

George mỉm cười tự mãn đáp:

- Thưa ba, con tưởng khó gì mà không biết. Rõ quá, ba ạ gớm, rượu ngon tuyệt!

- "Rõ quá", thế là thế nào?

- Sao nữa, chết cha? Thôi đừng dồn con đi. Tính con đứng đắn lắm. Con… ạ… con không được là tay "điển trai cho gái phải lòng", nhưng con dám tin rằng, cô ấy mê con như điếu đổ. Chỉ thoáng qua là ai cũng phải thấy như thế.

- Còn anh thì sao?

- Còn sao nữa; thưa ba, hồi còn bé không phải chính ba ra lệnh cho con lấy cô ấy làm vợ sao? Các cụ đã đính ước với nhau từ đời thủa nào rồi còn gì?

- Ông ngoan lắm. Tôi cũng đã biết ông đi lại chơi bời với bá tước Tarquin, với đại úy Crawley trong đội Ngự lâm, với ngài Deuceace và những người tương tự ra sao rồi. Ông cứ liệu hồn, cứ liệu hồn đấy.

Ông già nhắc đến những cái tên quý phái bằng một giọng vô cùng khoái trá. Bất cứ khi nào gặp một người có danh vọng, ông ta cũng khúm núm, một điều bẩm quan, hai điều bẩm quan, như tất cả mọi người dân Anh có tư tưởng tự do khác. Đoạn ông ta quay về nhà, giở cuốn: "Danh bạ quý tộc" ra tra tiểu sử người ấy và cố

xem bằng được tên người ấy vào trong câu chuyện hàng ngày, hoặc khoác lác với mấy cô con gái về vị quý tộc ông quen biết. ông ta phủ phục xuống và tưởng như được sưởi ấm khi gần gũi người quyền quý, y như những kẻ hành khất người xứ Naples hay sưởi ấm dưới ánh mặt trời. Nghe đến mấy cái tên ấy George hoảng quá; anh ta sợ rằng có thể ông già đã nghe ai mách chuyện con trai rong chơi bài bạc. Nhưng anh chàng yên tâm ngay vì nhà luân lý lão thành chỉ bình thản nói.

- Được, được lắm. Trẻ tuổi là tuổi trẻ và, anh George, điều tôi lấy làm an ủi là thấy anh sống giữa giới thượng lưu của nước Anh; tôi mong và tin rằng anh sẽ sống như vậy, cũng như tôi có điều kiện cho phép anh sống như vậy.

George lập tức bắt lấy cơ hội:

- Cảm ơn cha; nhưng sống giữa những bậc tai to mặt lớn không tiền không được; thế mà túi tiền của con thì cha xem đây này. Anh ta giơ cái túi của Amelia đan hộ cho cha coi, trong túi chỉ còn lại đúng một tấm giấy bạc vay của Dobbin.

- Anh sẽ không thiếu tiền. Con trai một thương gia người Anh sẽ không thiếu tiền tiêu. George, tiền của cha cũng quý như tiền của người khác, con ạ; và cha cũng không hẹp hòi đâu. Ngày mai, anh đi qua khu City nhớ

ghé vào thăm ông Chopper; ông ấy sẽ đưa cho anh một ít tiền. Nếu tôi biết anh đi lại với những người có danh vọng, tôi sẽ không tiếc tiền cho anh tiêu, vì tôi hiểu rằng trong xã hội thượng lưu không thể có điều gì xấu. Tôi không kiêu hãnh; tôi sinh ra là con nhà tầm thường, nhưng anh thì có nhiều thuận lợi. Hãy lợi dụng những thuận lợi đó. Hãy đi lại giao thiệp với bọn trai trẻ con nhà quý phái, Rất nhiều người trong bọn họ không có nhiều tiền để tiêu pha bằng anh đâu. Còn như về chuyện những cái mũ chùm màu hồng (nói đến đây, dưới chòm ông mày rậm của ông, sáng lên một cái nhìn đầy ý nghĩa nhưng không tươi tỉnh lắm)… thì, hừ; rồi những chuyện trẻ con ấy sẽ đi qua… Tôi chỉ ra lệnh cho anh cần tránh một điều; nếu anh không nghe, tôi thề sẽ không cho anh một đồng xu nào nữa, tức là đừng có đánh bạc.

George đáp:

- Ồ, điều đó thì dĩ nhiên rồi, thưa cha.

- Nhưng ta hãy quay lại câu chuyện về cô Amelia. Tại sao anh lại không muốn lấy vợ con nhà sang trọng hơn con gái một nhà buôn tín phiếu… anh cho tôi biết?

George vừa cắn hạt dẻ vừa đáp:

- Thưa ba, đó là việc chung của gia đình. Ba và ông Sedley đã đính ước với nhau hàng thế kỷ nay rồi còn gì.

- Tôi không chối cãi điều đó, nhưng cũng tùy từng hoàn cảnh, anh hiểu không? Tôi không chối cãi rằng ông Sedley đã giúp tôi làm nên; đúng hơn, ông ấy dẫn tôi đi vào con đường làm ăn phát đạt, và nhờ tài trí riêng của tôi, tôi đã chiếm một địa vị đáng kiêu hãnh trong giới buôn sáp và trong khu City ở Luân-đôn. Tôi đã tỏ lòng biết ơn đối với ông Sedley; và gần đây, anh nên biết ông ấy đã rõ tấm lòng tôi; cứ xem con số, ngân phiếu của tôi thì đủ biết. George, tôi nói riêng cùng anh rằng coi tình hình kinh doanh của ông Sedley, tôi không vui lòng lắm; lão Chopper thư ký riêng của tôi cũng thấy thế, mà lão là một tay cáo già, hiểu thấu tình hình Phòng Hối đoái hơn bất cứ người nào ở Luân- đôn này. Hulker và Bullock cũng phải kém tài ông ta. Tôi sợ ông ta muốn chơi lối "được ăn cả ngã về không" đấy. Họ đồn rằng chiếc tầu "Thiếu nữ Amelie" ngày trước là của ông ta về sau bị chiếc tầu cướp bể "Molasses" của Mỹ bắt. Điều đó thì chắc chắn rồi… trừ phi mắt tôi nom thấy con Amelia có một vạn đồng hồi môn, anh không được lấy nó làm vợ. Con gái một anh phá sản không thể làm dâu nhà tôi được. Thôi, uống nốt rượu đi… hoặc gọi nó lấy cà-phê.

Nói đoạn ông Osborne mở rộng tờ báo buổi tối ra; George hiểu rằng cuộc hội ý đã xong và bố sắp sửa đánh một giấc ngủ.

Anh ta rất hồi hộp, vội vàng leo lên gác chỗ Amelia ngồi chơi. Tối hôm ấy, anh ta tỏ ra săn sóc đến người yêu nhiều hơn mọi lần, muốn làm cho cô vui lòng hơn, cử chỉ trừu mến hơn, nói chuyện có duyên hơn, đã lâu lắm không được như vậy. Vì sao thế, phải chăng vì thấy trước sự không may đe dọa người yêu mà tấm lòng độ lượng của George xúc động? Hoặc phải chăng vì nghĩ rằng mình sắp mất người đàn bà thân yêu ấy mà anh ta càng quý báu hơn?

Amelia còn nhớ rất lâu những kỷ niệm của buổi tối hạnh phúc ấy, nhớ từng lời người yêu nói, từng cái nhìn, từng bài hát, từng dáng điệu của người yêu, nhớ lúc anh ta ghé sát xuống bên hoặc từ xa đứng nhìn lại. Đối với cô, chưa có buổi tối nào sống trong gia đình Osborne lại trôi qua nhanh chóng như tối hôm ấy. Và lần đầu tiên có thiếu nữ gần như tức giận khi thấy bác Sambo đem tấm khăn san của cô đến quá sớm.

Sáng hôm sau, George đến âu yếm từ biệt người yêu rồi vội vã đến khu City. Anh ta tìm đến ông Chopper, người thư ký riêng của cha; ông này đưa cho anh ta một tờ giấy, đem đến Công ty Hulker và Bullock lĩnh được một túi tiền đầy. Lúc George bước vào hãng này thì ông già Sedley cũng vừa từ phòng thủ quỹ của ngân hàng bước ra, trông rất tiều tụy. Nhưng anh đang khoái trí

quá, không kịp nhận thấy vẻ rầu rĩ của ông già buôn cổ phiếu và cặp mắt âu sầu của ông lão đang nhìn mình. Con trai ông Bullock cũng không vừa cười vừa tiễn ông ta từ phòng khách ra ngoài như những lần trước nữa.

Cánh cửa quay của hãng Hulker và Bullock đóng lại sau lưng ông Sedley rồi, thì ông Quill, người thủ quỹ (công việc đáng quý của ông này là mở ngăn kéo giao cho người ta những tấm giấy bạc nhầu nát và nhặt những đồng tiền vàng trong một cái chậu đồng đếm cho người ta) bèn nháy mắt với ông Driver cũng nháy mắt lại. Ông Driver thì thầm:

- Không xong rồi.

Ông Quill đáp:

- Không có tiền thì xong thế nào được. Ông George Osborne thưa ông, ông nghĩ thế ạ?

George hối hả tống vội nắm giấy bạc vào hai túi; tối hôm ấy gặp Dobbin ở câu lạc bộ nhà binh, anh ta trả ngay năm mươi đồng bảng tiền nợ.

Cũng tối hôm ấy, Amelia viết cho George một lá thư dài, lời lẽ âu yếm nhất. Tâm hồn cô tràn trề những tình cảm êm dịu, song cô vẫn cứ linh cảm thấy có điều gì bất trắc. Cô tự hỏi tại sao ông Osborne nhìn mình lạnh lùng như thế. Hay là giữa ông và ba cô có điều gì xích mích

với nhau? Ông bố đáng thương của cô từ khu City về nhà, dáng điệu quá buồn bã, làm cho cả nhà ai cũng lo lắng cho ông… Tóm lại, suốt bốn trang thư toàn những yêu đương, lo lắng, hy vọng và phấp phỏng. George vừa đọc thư vừa nói: – Emmy bé bỏng đáng thương của anh… Emmy thân mến của anh. Nàng yêu tôi biết bao? Ôi, trời, mấy cốc rượu pha ấy làm cho mình nhức đầu khiếp quá!

Cô Emmy bé bỏng quả đáng thương thật.

CHƯƠNG XIV
BÀ CRAWLEY TẠI NHÀ RIÊNG

Trong khoảng thời gian ấy một cái xe ngựa kín mui, có sơn hình một quả trám trên vách gỗ, chạy về phía một căn nhà rất sang trọng, ấm cúng ở đường công viên; sau xe có một người đàn bà vẻ mặt cau có đeo chàng mạng xanh, tóc cặp uốn; ngồi đằng trước là một bác người nhà cao lớn. ấy là chiếc xe của bà Crawley từ Hants trở về nhà. Cửa sổ xe đóng kín mít; mọi khi con chó béo múp vẫn thò đầu ra ngoài cửa sổ, lưỡi thè dài ra; lần này nó nằm gọn trong lòng người đàn bà mặt cau có. Xe đỗ, đám đầy tớ xúm nhau vào khênh một đống lù lù toàn khăn san ra khỏi xe, theo sau đống quần áo là một người thiếu nữ. Đống quần áo ấy chính là bà Crawley vậy. Cứ thế, bà được chuyển lên gác và được đặt vào trong một căn phòng đã đốt lửa sẵn sàng như để đón người ốm. Lập tức người nhà được phái đi tìm thầy thuốc riêng của bà. Họ đến xem bệnh, kê đơn, rồi biến mất. Thầy thuốc khám bệnh xong, cô thiếu nữ trẻ tuổi cùng đi với bà Crawley bước vào phòng để nghe ông thầy thuốc dặn dò, và cho bà uống những thứ thuốc giảm thống theo lệnh của các vị danh y.

Ngày hôm sau, đại úy Crawley thuộc đội kỵ binh Ngự

lâm từ trại lính Knightsbridge cưỡi ngựa về thăm. Con ngựa ô của anh ta dùng móng bới bới đống rơm trước cửa nhà bà cô ốm. Anh ta săn đón hỏi thăm tình hình sức khỏe của bà cô. Hình như tình trạng có hơi đáng ngại thì phải. Anh ta thấy người hầu phòng của bà Crawley (tức là người đàn bà mặt khó đăm đăm nói trên) có vẻ cau có buồn phiền một cách khác thường; lại thấy bà Briggs là người *tùy nữ*[88] ngồi khóc một mình trong phòng khách. Bà này nghe tin người bạn yêu dấu của mình mang bệnh, bèn vội vã trở về nhà.

Bà ước gì được bay ngay đến cạnh giường người bệnh; đã bao lần bà vuốt ve chiếc đệm giường này mỗi khi bà bạn ốm. Người ta không cho bà vào buồng của bà Crawley. Đã có một người lạ mặt lo việc thuốc thang cho bà ấy rồi… một người lạ mặt ở nhà quê ra… một cô gái đáng ghét tên là… nói đến đây người tùy nữ ứa nước mắt nghẹn lời; bà vội vùi cả tấm tình thương bạn đang muốn nén xuống và cả cái mũ đỏ khốn khổ của bà vào trong chiếc khăn tay.

Rawdon Crawley nhờ người *hầu phòng*[89] mặt cau có báo tin hộ có mình đến thăm; người bạn tri kỷ mới của bà Crawley vội từ phòng của người bệnh chạy xuống; anh chàng săn đón tiến lên; cô ta đặt bàn tay nhỏ nhắn của mình vào bàn tay anh chàng, khinh khỉnh liếc

nhìn bà Briggs đang đứng sửng sốt, đoạn cô ta vẫy tay gọi chàng sĩ quan Ngự lâm ra phòng khách, dẫn anh ta xuống thang vào tận trong căn phòng ăn lúc này vắng tanh, nơi đã bao bữa tiệc linh đình được tổ chức.

Hai người nói chuyện với nhau đến mười phút, chắc họ thảo luận với nhau về triệu chứng của bệnh nhân nằm trên gác. Thảo luận xong, thấy chuông trong căn phòng lớn réo ầm lên; lập tức bác Bowls, tức là bác quản lý thân tín to béo của bà Crawley, vội trả lời ngay (trong gần hết khoảng thời gian hai người trò chuyện với nhau, bác ta tình cờ nhòm qua lỗ khóa). Viên đại úy vê vê ria mép, bước ra nhảy phắt tên lưng con ngựa ô đang bới bới đống rơm; bọn trẻ con đứng xúm xít ngoài phố trông thấy phục lắm. Anh ta ngó vào cửa sổ phòng ăn, điều khiển con ngựa cho nó chồm hai chân trước lên rất đẹp. Thấy bóng cô thiếu nữ ló ra cửa sổ một lúc rồi biến mất; chắc cô ta lại lên gác để tiếp tục nhiệm vụ từ thiện của mình.

Không rõ cô thiếu nữ này là ai nhỉ. Tối hôm ấy, trong phòng ăn, người ta dọn bát đĩa cho hai người… Nhân lúc người thiếu nữ mới đến vắng mặt… bà Firkin, người hầu riêng của bà Crawley, bước vào phòng của chủ lăng xăng thu dọn; trong khi ấy, bà Briggs cùng cô này ngồi vào bàn dùng bữa cơm thanh đạm.

Bà Briggs bị xúc động quá mạnh đến nỗi gần như không đụng đến miếng thịt nào. Còn cô thiếu nữ thì cầm dao cắt thịt gà thật kiểu cách, lên tiếng gọi lấy nước "xốt" trứng thật rõ ràng; bà Briggs đáng thương giật nẩy mình lên khi thấy món gia vị được đặt trước mặt bà, và lại ngồi thẫn thờ như cũ.

Cô thiếu nữ bảo bác Bowls, tức là bác người nhà cao lớn.

- Bác rót cho bà Briggs một cốc rượu vang chẳng hơn ư?

Bác ta rót. Bà Briggs như cái máy cầm lấy cốc rượu uống một cách khó khăn, khe khẽ rền rĩ và bắt đầu loay hoay với đĩa thịt gà của mình.

Cô thiếu nữ nói rất ngọt ngào:

- Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể giúp nhau được, không cần phải phiền đến bác Bowls túc trực ở đây. Bác Bowls, khi nào cần, chúng tôi sẽ rung chuông gọi bác nhé.

Bác Bowls bước xuống nhà dưới; không hiểu sao vô cớ bác chửi anh phụ việc ầm ỹ lên.

Cô thiếu nữ vẻ mặt lạnh lùng, hơi châm biếm, nói:

- Bà Briggs ạ, bà nghĩ ngợi làm gì; thật đáng thương

quá.

Động đến mối thương tâm, bà Briggs lúng búng đáp:

- Bà bạn thân nhất đời của tôi ốm nặng quá, mà khô… ô… ông muốn cho tôi gặp mặt.

- Bây giờ bà ấy không mệt nặng nữa rồi. Bà Briggs thân mến ơi, xin bà cứ an tâm. Bệnh bội thực đấy… có thế thôi. Bây giờ đã khá lắm, sắp khỏi hẳn rồi đấy. Bà ấy yếu vì bị giác huyết và bị uống thuốc, nhưng rồi cũng lại sức ngay ấy mà. Thôi, xin bà cứ yên lòng dùng thêm một ít rượu vang đi.

Bà Briggs rền rĩ:

- Thế tại sao lại không cho tôi gặp mặt. Ôi Matilda, Matilda, sau hai mươi ba năm tình nghĩa đằm thắm, Arabella đáng thương này bị đối xử như thế ư?

Cô kia nói (lúc nào cô ta cũng như hơi nhếch mép cười):

- Đừng khóc nhiều quá làm gì, bà Arabella đáng thương ơi; bà ấy không muốn cho gặp, vì bà ấy bảo bà săn sóc người ốm không khéo bằng tôi. Thức trông bệnh nhân suốt đêm cũng chẳng sướng gì đâu. Tôi chỉ mong bà làm hộ tôi việc ấy thôi.

Bà Arabella đáp:

- Tôi đã chẳng săn sóc hàng bao nhiêu năm nay bên giường bệnh thân yêu ấy là gì? Thế mà bây giờ…

- Bây giờ bà ấy ưng người khác hơn. Thôi, người ốm vẫn hay trái chứng như thế đấy, mình cứ phải chiều ý mới được. Khi nào bà ấy khỏe thì tôi cũng về.

- Không bao giờ, không bao giờ.

Arabella kêu lên, vừa hít lấy hít để lọ nước đái quỷ như mất trí.

Cô thiếu nữ vẫn các giọng ngọt ngào khiêu khích hỏi lại:

- Không bao giờ khỏe, hay là không bao giờ về, hử bà Briggs? Dào ôi… chỉ nửa tháng là bà ấy khỏi hẳn; khi ấy, tôi sẽ trở về trại Crawley Bà chúa với mấy cô học trò của tôi và bà mẹ các cô ấy; bà này ốm nặng hơn bà bạn của chúng ta nhiều. Bà Briggs thân mến ơi, bà chẳng cần phải ghen tỵ với tôi làm gì. Tôi chỉ là một người con gái đáng thương, không bè bạn; tôi không làm hại được ai đâu. Tôi không muốn lấy lòng bà Crawley để hất cẳng bà đâu. Tôi chỉ đi khỏi đây một tuần lễ là bà ấy quên tôi ngay; còn tình bạn của bà ấy đối với bà thì đã có từ bao nhiêu năm nay rồi. Bà Briggs thân mến, làm ơn cho tôi xin thêm một chút rượu vang; chúng ta hãy làm bạn với nhau đi. Tôi tin rằng tôi rất cần có bạn.

Nghe nói thế, bà Briggs, con người dễ tha thứ, dễ động tâm, yên lặng đưa bàn tay ra bắt, nhưng bà vẫn cảm thấy rất sâu sắc rằng mình bị bỏ rơi và vẫn cay đắng phân vân về thói trái chứng của bà Matilda. Độ nửa giờ sau, bữa ăn xong; cô Rebecca Sharp (nói ra thì cũng lạ thật, nhưng đấy chính là tên người từ nãy ta vẫn gọi là cô thiếu nữ) lại về phòng người ốm ở trên gác; với thái độ hết sức lễ độ nhã nhặn, cô đuổi khéo bà Firkin đáng thương ra ngoài.

- Cảm ơn bà, bà Firkin; tốt lắm rồi; bà sắp đặt chu đáo lắm! Cần gì, tôi sẽ rung chuông gọi nhé.

- Cảm ơn cô.

Đoạn bà Firkin xuống nhà dưới, lòng dạ sôi lên vì ghen tức; càng đau đớn hơn vì bà bắt buộc phải chôn kín sự ghen ghét ấy tận đáy lòng.

Lúc bà đi ngang qua thềm gian nhà dưới thấy cửa phòng khách bỗng mở ra; dễ thường cơn bão tố trong lòng bà làm bật tung cửa phòng ra chăng? Không phải đâu, ấy là vì bà Briggs đã len lén mở ra đấy. Từ nãy bà Briggs vẫn đứng rình. Bà ta nghe rõ mồn một tiếng chân bà Firkin bước xuống cầu thang kêu cót két, và tiếng cái thìa đụng vào cốc đựng sữa kêu lanh canh. Thấy Firkin bước vào, bà này hỏi:

- Thế nào, Firkin? Thế nào, Jane?

Firkin lắc đầu đáp:

- Bệnh mỗi lúc một tăng, bà Briggs ạ.

- Bà ấy không đỡ tí nào à?

- Bà ấy chỉ nói có một lần; tôi hỏi bà ấy có thấy đỡ chút nào không, thì bà ấy bảo tôi câm cái mồm ngu xuẩn đi. Ôi, bà Briggs ơi, không bao giờ tôi ngờ có ngày hôm nay.

Và hai cái vòi phun nước lại bắt đầu làm việc:

- Cái cô Sharp ấy là người thế nào hở bà Firkin? Lúc tôi đang dự cuộc vui đêm Giáng sinh tại căn nhà lịch sự của các bạn tôi là đức cha Lionel Delamere và bà vợ đáng yêu của ngài, tôi có ngờ đâu lại có một người lạ mặt tranh mất chỗ trong phần cảm tình của người bạn thân thiết nhất đời, vẫn còn thân thiết nhất đời, là bà Matilda của tôi!

Cứ nghe bà nói, ta cũng đủ thấy bà Briggs thuộc loại người đa cảm y như trong tiểu thuyết; chính bà đã có lần cho xuất bản một tập thơ tên là "Tiếng lúi lo của con chim họa mi".

Firkin đáp:

- Bà Briggs ạ, cả nhà quý cô gái này như vàng. Cụ Pitt

không muốn cho cô ta đi, nhưng cụ không dám trái ý bà Crawley điều gì. Bà Bute ở nhà thờ cũng thế… vắng mặt cô ta là cấm có vui. Ông đại úy phát điên phát dại lên vì cô ta. Còn ông Crawley thì ghen đến gần chết. Từ lúc bà Crawley nhà ta bắt đầu mệt, bà nhất định không cho ai ngoài cô Sharp lại gần; chịu không hiểu ra làm sao. Tôi chắc cả nhà bị bỏ bùa mê thế nào rồi đây.

Đêm hôm ấy Rebecca thức đến sáng để săn sóc bà Crawley, đêm hôm sau, bà lão ngủ đã khá yên giấc nên Rebecca cũng ngả lưng chợp mắt tạm ở ghế xô-fa được vài giờ, ngay cạnh giường người ốm. Bà Crawley cũng sớm bình phục, bà đã ngồi dậy được; cô Rebecca bắt chước dáng điệu sầu muộn của bà Briggs, bà cười rũ ra, thích lắm. Cô bắt chước cái cách bà Briggs khóc thút thít và dùng khăn tay lau nước mắt cực khéo; bà Crawley vui quá; mấy ông thầy thuốc đến thăm rất ngạc nhiên, vì mọi khi họ vẫn quen thấy người đàn bà ham vui này hễ hơi giở giời một tý là đã sầu não ghê gớm chỉ lo chết.

Ngày nào đại úy Crawley cũng đến; Rebecca đưa cho anh ta những mảnh giấy ghi bệnh trạng của bà cô biến chuyển thế nào. Bà bình phục rất nhanh; bà Briggs đáng thương đã được phép gặp mặt người che chở cho mình.

Những ai giầu tình cảm có thể tưởng tượng ra những

nỗi xúc động tràn ngập của người đàn bà đa cảm kia cũng như sự lâm ly thống thiết của buổi gặp gỡ giữa hai người.

Bây giờ bà Crawley lại thích gặp mặt bà Briggs luôn luôn, vì Rebecca hay nhại lại điệu bộ của người đàn bà đáng thương ngay trước mặt bà, mà vẻ mặt vẫn cứ nghiêm trang như không, thành ra lại càng giống; bà Crawley hài lòng lắm.

Nguyên nhân khiến bà Crawley mắc chứng bệnh đáng tiếc kia, đến nỗi phải rời khỏi căn nhà của ông anh ở nhà quê, không lấy gì làm thi vị lắm, có lẽ không xứng đáng được giải thích trong cuốn truyện phong nhã đầy tình cảm này. Bởi lẽ làm thế nào mà nói cho nghe lọt tai được rằng một người đàn bà tế nhị thuộc giới thượng lưu lại ăn uống quá tham lam, và nguyên nhân gây cái bệnh mà bà Crawley đã nhất định đổ cho là tại thời tiết ẩm thấp gây nên thật ra chỉ là một bữa tôm nóng xơi quá miệng ở nhà thờ? Bệnh trạng trầm trọng quá đến nỗi – nói theo lời ông cha xứ – Matilda suýt nữa thì *đi đứt*"; toàn bộ gia đình bổi hổi bồi hồi chờ đợi lập di chúc; Rawdon Crawley chắc mẩm phen này vớ được ít nhất là bốn vạn đồng bảng trước khi mùa hội ở Luân Đôn bắt đầu. Crawley đã vội gửi ngay đến một tập toàn những sách đạo chọn lọc, để sửa soạn đưa bà cô đi từ Hội chợ phù

hoa và Đường công viên sang thế giới bên kia, nhưng một ông thầy thuốc có tài ở Southampton đã được kịp thời triệu đến; ông ta thắng được mấy con tôm suýt nữa đã làm hại đời bà lão, và giúp bà lấy lại tạm đủ sức lực để trở về Luân-đôn. Thấy câu chuyện xoay ra như vậy lão nam tước không sao giấu nổi vẻ bực mình.

Trong lúc mọi người đang xúm vào hầu hạ bà Crawley và hàng giờ bên Nhà thờ cử người sang dò hỏi tin tức sức khỏe của bà về báo lại, thì tại một căn phòng khác trong nhà, có một người đàn bà ốm nặng hơn nhiều mà không ai thèm để ý đến; ấy chính là Crawley phu nhân. Ông thầy thuốc trứ danh khám bệnh xong đành chịu lắc đầu; cụ Pitt thuận để ông khám bệnh cho vợ vì không phải trả tiền công. Thế là bà ta bị bỏ nằm một mình trơ trọi trong phòng, kiệt sức dần dần, chẳng ai buồn để ý đến, y như đối với một ngọn cỏ trong vườn.

Hai cô con gái cũng chịu thiệt thòi nhiều, vì thiếu sự dạy dỗ của cô giáo. Cô Sharp săn sóc người bệnh tận tâm quá; bà Crawley nhất định không chịu uống thuốc nếu là do tay người khác đưa. Firkin thì đã bị ghét bỏ từ lâu trước khi bà chủ rời nhà quê về tỉnh. Người hầu phòng trung thành ấy đành lấy việc được trở về Luân-đôn, được thấy bà Briggs cũng đau khổ vì ghen tức, cũng phải chịu đựng sự đối xử bạc bẽo như mình, để tự

an ủi đôi chút.

Đại uý Rawdon lấy cớ cô ốm xin gia thêm hạn nghỉ phép cả ngày cứ quanh quẩn ở nhà. Luôn luôn thấy mặt anh ta ở gian phòng đợi của khách (bà Crawley nằm dưỡng bệnh trong phòng ngủ, muốn vào phải đi qua gian phòng khách nhỏ quét vôi màu xanh). Cụ Pitt thường gặp anh ta ở đấy; hoặc khi anh ta đi xuống dưới hành lang, dù bước nhẹ mấy, thế nào cũng thấy cánh cửa gian phòng của bố mở ra, và bộ mặt sói rừng của lão quý tộc già thò ra ngoài nhìn. Sao lại có cảnh kẻ nọ rình người kia như thế nhỉ? Ấy chính vì hai người đang thi nhau xem ai tỏ ra quan tâm nhiều hơn đến người bệnh thân thiết đang nằm trong phòng ngủ.

Thường thường Rebecca hay ra ngoài an ủi cả hai bố con, lúc an ủi người nọ, lúc an ủi người kia. Cả hai bố con nhà này giống nhau ở chỗ đều thích được nghe tin tức về người bệnh từ miệng cô đưa tin bé nhỏ thân tín kia nói ra.

Cứ đến buổi chiều – nhân lúc Becky xuống nhà dùng cơm trong khoảng nửa giờ đồng hồ – cô lại làm công việc hòa giải hai bố con; sau đó, cô biến đi cho đến hết đêm; sáng ra Rawdon thường cưỡi ngựa đến đồn binh thuộc trung đoàn thứ 15 ở Mudbury, để mặc cho ông bố lại quay ra chè chén với bác Horrocks. Suốt nửa tháng

trời Rebecca sống trong gian phòng dưỡng bệnh của bà Crawley, buồn tưởng chết đi được; nhưng thần kinh cô ta dễ thường bằng thép, cho nên cô ta không hề bị mất tinh thần vì nhiệm vụ tẻ nhạt trong căn phòng dưỡng bệnh kia.

Mãi rất lâu về sau này Rebecca mới kể lại rằng cô đã khổ tâm thế nào vì phải lãnh nhiệm vụ ấy, rằng cái bà già vui tính kia lúc ốm thì cắn cấu ra sao, rằng bà tức giận, bà mất ngủ, bà sợ chết, bà nằm rên hừ hừ suốt bao nhiêu đêm trường, vì bà lo sợ tưởng đến thành mê sảng mỗi lúc nghĩ đến cái thế giới tương lai mà khi mạnh khỏe không bệnh tật bà không hề nghĩ đến. Hỡi bạn đọc giả xinh đẹp trẻ tuổi, xin bạn hãy tưởng tượng một bà già quen ăn chơi, ích kỷ, vô duyên, vô ơn và vô tín ngưỡng, đang nằm vật vã vì đau đớn, vì lo sợ, mà đầu trần không đội mớ tóc giả… Bạn hãy tưởng tượng lấy mà xem; và trước khi cái già sồng sộc đến sau lưng, xin bạn hãy học yêu, và học cầu kinh đi.

Cô Sharp săn sóc bên giường bệnh với thái độ kiên trì không gì khuất phục nổi. Không một cái gì lọt khỏi mắt cô, và giống như một người quản gia khéo léo, tất cả vật gì vào tay cô đều dùng được việc cả. Sau này, cô kể lại nhiều câu chuyện rất hay về những ngày bà Crawley mắc bệnh, những câu chuyện làm cho bộ mặt trát bự

phấn của bà già phải đỏ ửng lên. Trong thời gian bà này ốm, cô ta không bao giờ mất vẻ bình thản thường ngày, bao giờ cũng tinh tường, rất thính ngủ, lúc nào trí óc cũng hoàn toàn minh mẫn, chỉ cần nghỉ ngơi qua loa ít phút gọi là. Vậy mà nom dáng điệu của cô, bạn thấy rất ít dấu vết mệt mỏi. Sắc mặt cô có hơi tái một chút quầng mắt có hơi thâm hơn bình thường một chút, nhưng mỗi khi cô bước ra ngoài phòng dưỡng bệnh, bao giờ cũng thấy cô mỉm cười, tươi tỉnh, gọn ghẽ; dù chỉ mặc tấm áo ngủ và đội chiếc mũ trùm thường, trông cô vẫn chỉnh tề như đang mặc bộ áo đi chơi đẹp nhất.

Viên đại úy cũng nghĩ thế và khi nói chuyện về cô ta bao giờ giọng nói của anh chàng cũng có vẻ say sưa khác thường. Mũi tên có cựa của tình yêu đã xuyên thủng lần da dày cộm của cu cậu rồi. Sáu tuần lễ lửa gần rơm đã khiến anh ta hoàn toàn bị chinh phục. Anh ta thú thực nỗi lòng sâu kín của mình với bà thím bên tu viện và tất cả mọi người. Bà thím nhận thấy ngay sự điên rồ của anh cháu, thường trêu anh ta về chuyện này; bà ta khuyên anh cháu nên dè chừng; cuối cùng bà công nhận rằng cái cô Sharp bé nhỏ kia là con người thông minh nhất, kỳ thú nhất, giản dị đáng yêu nhất nước Anh; nhưng Rawdon không nên cợt đùa với tình yêu của cô… nếu không bà Crawley thân yêu sẽ không bao giờ tha thứ

đâu. Và chính bà này cũng bị cô giáo bé nhỏ chinh phục mất rồi; bây giờ bà quý cô như con đẻ. Rawdon phải đi nơi khác… phải trở về đơn vị và thành phố Luân-đôn bẩn thỉu kia, không được phép đùa cợt với tấm tình của cô thiếu nữ ngây thơ đáng thương.

Đã rất nhiều lần bà thím tốt bụng này thông cảm với nỗi cô đơn của anh chàng sĩ quan Ngự lâm quân nên đã tạo điều kiện cho anh ta gặp cô Sharp ngay ở Nhà thờ, và được cùng cô ta đi về nhà như chúng ta đã thấy. Thưa các quý bà, một khi đàn ông thuộc một loại nào đó mà đã yêu rồi, thì dù mắt họ nhìn rõ mười mươi dây câu, lưỡi câu, rồi cần, rồi lưới, đủ cả, nhưng họ cũng cứ đớp mồi như thường… họ vẫn cố đớp lấy nuốt cho kỳ được để rồi bị mắc câu mắc lưới nằm há hốc mồm trên mặt đất. Rawdon cũng thấy rõ ràng bà Bute muốn dùng cô Rebecca để câu mình. Anh ta khôn ngoan lắm, nhưng cũng là người sống ở tỉnh thành, cũng đã từng dự nhiều mùa hội. Một hôm qua câu chuyện với bà Bute, anh ta chợt thấy trong khối óc tối tăm của mình lóe ra một tia sáng. Bà Bute nói:

- Rawdon, tôi bảo này. Thế nào cũng có ngày cô Sharp thành người có họ với anh đấy.

Anh chàng sĩ quan hay đùa hỏi:

- Bà Bute, có họ thế nào chứ… em dâu tôi hả? Chú

James phải lòng cô ta chăng?

Bà Bute, mặt ánh lên một tia sáng, đáp:

- Hơn thế nữa cơ.

- Không phải là Pitt chứ?… Hắn không lấy được cô ta đâu; cái tên hèn hạ ấy không đáng lấy cô ta làm vợ. Hắn đang đeo đuổi công nương Jane Sheepshanks.

- Bọn đàn ông các anh chẳng biết cái quái gì hết. Anh chỉ là một thằng ngu xuẩn, mù quáng… nếu Crawley phu nhân có mệnh hệ nào thì cô Sharp sẽ thành dì ghẻ của anh đấy, và chuyện ấy tất sẽ phải đến.

Rawdon Crawley tiên sinh huýt sáo miệng một cái thật to, tỏ ý rất ngạc nhiên trước lời dự đoán của bà thím. Anh ta không thể chối cãi được; rõ ràng ông bố anh ta quyến luyến cô Sharp; thái độ ấy lọt sao khỏi mắt anh ta. Anh ta hiểu rõ tính tình ông bố lắm, nghĩa là một lão già hết sức bừa bãi… Anh ta không nghĩ hết câu, mà bỏ về nhà, vừa đi vừa vê vê ria mép, yên trí rằng mình đã tìm ra cái mối để hiểu câu chuyện bí mật bà Bute vừa nói.

Rawdon nghĩ thầm:

- Lạy chúa tôi, đểu quá? Đểu quá, lạy Chúa? Mình tin chắc bà ấy rất muốn cho cô thiếu nữ đáng thương kia phải mất mặt, để không sao trở thành Crawley phu nhân

trong gia đình này được. Lúc gặp Rebecca một mình, anh ta lấy giọng nhã nhặn nói trêu cô về việc ông bố mình có ý quyến luyến cô gái. Cô ta ngẩng phắt đầu lên, vẻ mặt khinh khỉnh, nhìn rõ vào mặt anh chàng nói:

- Được lắm, hãy ví dụ ông cụ mê tôi đi. Tôi biết cụ mê tôi, và còn nhiều người khác cũng mê tôi nữa cơ. Đại úy Crawley, ông không cho rằng tôi phải sợ ông cụ chứ? Ông không cho rằng tôi không biết bảo vệ danh dự của tôi chứ?

Cô con gái hỏi dồn, trông kiêu hãnh như một bà hoàng.

Anh chàng vừa vặn ria mép vừa đáp:

- Ồ… à kìa… ấy là nhắc để cô chú ý… nghĩa là cẩn thận… có thế thôi mà.

- Ông cho rằng tôi là người không biết tự trọng chỉ vì tôi nghèo và trơ trọi không bè bạn, và bởi vì chính bản thân những người giầu có không biết tự trọng phải không? Ông có nghĩ rằng vì tôi chỉ là một cô giáo dạy trẻ mà tôi không thể có lương tri, có tình cảm, và có giáo dục được như những nhà quý tộc ở Hampshire không? Tôi thuộc dòng dõi họ Montmorency không thể tốt được bằng một người thuộc dòng họ Crawley không?

Mỗi khi cô Sharp tức giận và phải viện đến họ ngoại

của cô ra, thì cô hay nói pha lơ lớ giọng ngoại quốc, khiến cho giọng nói trong trẻo thánh thót của cô lại càng đáng yêu thêm. Càng đối đáp với viên đại úy, cô càng sôi nổi. Cô nói thêm:

- Không, tôi có thể chịu đựng sự nghèo khổ, nhưng không thể chịu đựng sự nhục nhã… tôi có thể chịu đựng sự lạnh nhạt, nhưng không chịu được sự lăng mạ; nhất là sự lăng mạ lại do… do chính ông.

Và rồi không nén được giận, cô òa lên khóc.

- Chết chưa, cô Sharp… Rebecca… lạy Chúa… thề có quỷ thần hai vai, nào tôi có bụng dạ gì đâu… Thôi, Rebecca.

Rebecca đi rồi. Hôm ấy, cô ta cùng bà Crawley giong xe đi chơi. Câu chuyện xảy ra trước khi bà này bị ốm. Đến bữa cơm chiều, cô lại có vẻ vui tính khác thường; nhưng cô không thèm để ý đến anh chàng sĩ quan vụng về si tình bị bẽ mặt đang tìm mọi cách nói ý, gật đầu ra hiệu và nói lấy lòng để chuộc lỗi. Trong cái chiến dịch nho nhỏ ấy, những cuộc chạm súng đại khái như thế diễn ra luôn… tẻ nhạt lắm không đáng kể lại, và kết quả bao giờ cũng giống nhau.

Đội kỵ binh nặng nề của Crawley phát điên lên vì bị thất trận, mỗi ngày một thêm tan rã.

Nếu lão nam tước ở trại Crawley Bà chúa không sợ bị bà em truất mất quyền thừa kế thì không đời nào lão chịu để cho hai cô con gái yêu của lão xa rời sự giáo huấn vàng ngọc của cô giáo quý báu. Vắng cô ta, căn nhà cổ kính ấy như là một bãi sa mạc; hồi Rebecca còn ở trại, nhà cửa tươi tỉnh hẳn lên. Thư từ của cụ Pitt không có ai sửa chữa và chép lại; sổ sách của cụ cũng không có ai trông nom; công việc nhà cửa và bao nhiêu kế hoạch làm ăn cũng xếp xó, cô thư ký bé nhỏ đã đi mất rồi. Ta thấy ngay rất dễ dàng một người thư ký như cô đối với lão cần thiết đến thế nào, nếu ta được đọc nội dung bao nhiêu lá thư lão liên tiếp gửi cho cô ta; lão cầu khẩn cô, ra lệnh cho cô phải trở về. Hầu như ngày nào lão nam tước cũng viết thư gửi cho Becky, lão khẩn khoản yêu cầu cô trở lại; hoặc lão gửi thư cho bà Crawley, thảm thiết phàn nàn về nỗi việc giáo dục của con mình bị bỏ trễ; bà Crawley, chẳng buồn để ý.

Bà Briggs không bị chính thức ruồng bỏ, nhưng địa vị bạn tâm sự của bà bây giờ chỉ là một chuyện khôi hài, hữu danh vô thực; bây giờ bà đánh bạn với con chó béo múp trong phòng khách, hoặc thỉnh thoảng bà vào trong phòng riêng của mụ quản gia đánh bạn với bà Firkin bất mãn.

Tuy thế, Rebecca vẫn chưa chính thức đến ở Đường

công viên với tư cách bạn tâm sự của bà chủ, mặc dầu bà này nhất định không chịu cho cô trở về trại Crawley Bà chúa.

Cũng như nhiều người giầu có khác, bà Crawley có tính ưa được người dưới hầu hạ mình càng nhiều bao nhiêu càng tốt; chừng nào bà thấy họ không còn có ích gì nữa cho mình, thì bà cũng lập tức vui vẻ mà từ giã họ. Một số người giàu có hầu như không biết đến sự hàm ơn là gì, hoặc ít khi thèm nghĩ đến chuyện ấy. Họ lấy sự được bọn người nghèo khó hầu hạ mình là chuyện tất nhiên. Mà chúng ta – ôi, những kẻ ăn bám đáng thương, những kẻ phụ thuộc hèn hạ- chúng ta cũng không có lý do gì mà phàn nàn nhiều! Tình bạn của chúng ta đối với Dives cũng chân thành đáng mức với số tiền, đâu phải yêu người. Và giả sử Croesus[90] có đổi địa vị của mình cho thằng hầu, thì chúng ta cũng thừa rõ người nào sẽ được chúng ta hết lòng cung phụng.

Mặc dầu cô Rebecca vẫn tỏ ra rất giản dị, rất chu đáo, rất ngọt ngào và vui vẻ không hề biết mệt mỏi, nhưng tôi cũng không tin chắc rằng bà già sắc mắc người Luân-đôn kia, người được cô ta chứng tỏ tấm tình bạn nồng nhiệt một cách xa xỉ, quả thực không khi nào thoáng ý nghi ngờ lòng tốt của người bạn quý đang săn sóc mình. Hẳn bà Crawley phải thường đinh ninh rằng ở đời không

ai làm việc vì không công bao giờ. Nếu bà quen lấy cái tình cảm của bản thân để đo lòng người đời, hẳn bà cũng có thể lường được lòng dạ người đời đối với mình. Biết đâu bà chẳng hiểu rằng kẻ nào không chú ý đến ai thì cũng không ai coi mình là bạn; đó âu cũng là một lẽ thường tình.

Vậy thì trong thời gian ấy, Becky là nguồn an ủi lớn nhất, là người hữu ích nhất đối với bà; bà cho cô ta một đôi áo dài mới may, một chiếc vòng cổ cũ và một chiếc khăn san; bà lại bày tỏ tấm tình bạn bằng cách nói xấu tất cả những người quen thuộc cũ với cô bạn tâm sự mới của mình (còn có cách tỏ tình thân mật nào tết hơn thế nữa nhỉ?). Bà lại đã phảng phất lo sắp đặt trước một vài kế hoạch lớn cho tương lai… có thể là gả cô ta cho ông Clâmp, thầy bào chế, hoặc lo gây dựng cho cô có một tương lại chắc chắn sau này; hoặc cũng có thể bà đã nghĩ đến chuyện khi chán cô rồi và đúng lúc mùa hội ở Luân-đôn bắt đầu thì lại mời cô về trại Crawley Bà chúa.

Bà Crawley đang bình phục, thường xuống phòng khách; Becky hát cho bà nghe và tìm mọi cách khác để làm vui lòng bà; khi bà đã khỏe có thể ngồi xe ngựa đi chơi được, Becky cùng đi với bà. Trong những cuộc đi chơi ấy, do lòng tốt và tình bạn của bà Crawley đối với cô, bà cho cô cùng theo mình đến bất cứ nơi nào, đến

cả gia đình John Sedley tiên sinh ở khu phố Russell.

Trước khi xảy ra chuyện này, hai cô bạn thân đã nhiều lần viết thư cho nhau. Trong khoảng thời gian Rebecca ở Hampshire, tấm tình bạn bất diệt (có thể tin được không nhỉ?) giữa hai người đã giảm sút rất nhiều, bây giờ nó có vẻ đã mòn mỏi, già nua tưởng như sắp đi đứt đến nơi. Sự thực là cả hai cô thiếu nữ đều bận lo việc riêng: Rebecca thì đang lo lấy lòng những người chủ thuê mượn mình, cô Amelia cũng đang bị thu hút vào việc riêng của cô. Lúc hai cô thiếu nữ gặp lại nhau, họ ôm ghì lấy nhau một cách nồng nhiệt đúng cách tỏ tình giữa những cô gái non; Rebecca đã hôn bạn một cách nồng nàn sôi nổi vô cùng, khiến cho Amelia đáng thương kia vừa hôn trả,vừa đỏ mặt lên và tự trách mình có phần hơi nhạt nhẽo đối với bạn.

Lần gặp gỡ đầu tiên và cũng rất ngắn ngủi. Amelia đang sửa soạn đi chơi. Bà Crawley đang ngồi chờ trong xe dưới đường; những người theo hầu đang ngơ ngác nhìn phong cảnh xung quanh; họ trố mắt nhìn bác Sambo, người hầu da đen ở Blumxbory, y như bác ta là một người thổ dân kỳ lạ sinh trưởng tại chỗ vậy, Amelia bước xuống, vẻ mặt dịu dàng, tươi cười (Rebecca phải đưa bạn xuống giới thiệu với bà Crawley vì bà rất mong được gặp mà người còn yếu không rời chiếc xe ngựa

được)… Mấy người mặc chế phục ở Đường công viên trông thấy cô ngạc nhiên quá, không ngờ ở Bloomsbury lại có một con người xinh đẹp như vậy. Bà Crawley cũng bị hấp dẫn khi nhìn bộ mặt dịu dàng, tươi như hoa của cô thiếu nữ đang e lệ tiến lên chào bà, người đỡ đầu của bạn cô, với dáng điệu rất lịch sự.

Sau cuộc gặp gỡ ngắn ngủi ấy, hai ngươi cho giong xe đi về phía tây thành phố. Bà Crawley bảo:

- Này, nước da cô ta đẹp quá nhỉ, mà tiếng nói sao mà trong vắt cô Sharp ạ, cô bạn trẻ của cô đáng yêu quá. Lúc nào mời cô ấy đến Đường công viên chơi, nghe không?

Bà Crawley là người biết thưởng thức. Bà ưa các cử chỉ tự nhiên – hơi e lệ một chút lại càng có duyên – Bà thích có những người xinh đẹp quây quần quanh mình cũng như bà thích chơi tranh đẹp và đồ sứ xinh xắn vậy. Hôm ấy, bà đã nhắc đến Amelia sáu bảy lần một cách rất say sưa. Bà kể chuyện về Amelia với Rawdon Crawley, khi anh chàng giữ đúng nhiệm vụ đến cùng chia xẻ con gà rán với bà cô.

Nghe thấy thế, dĩ nhiên Rebecca vội tuyên bố ngay rằng Amelia đã có vị hôn phu… tức là trung úy Osborne… hai người yêu nhau đã lâu.

- Anh ta thuộc một trung đoàn chiến liệt quân?

Đại úy Crawley nghĩ ngợi một lúc lâu đúng như một sĩ quan Ngự lâm để cố nhớ lại trung đoàn số…

Rebecca đáp đúng là trung đoàn ấy, và thêm:

- Tên viên đại úy là Dobbin.

Crawley đáp:

- Một anh chàng vụng về gày gò có phải không? Anh ta húc phải tất cả mọi người. Tôi có quen anh ta. Còn Osborne có phải là một anh chàng đẹp trai, có bộ râu quai nón rậm đen nhánh không?

Rebecca Sharp đáp:

- Phải, có bộ râu quai nón xồm xoàm; mà anh ta lấy làm kiêu hãnh về bộ râu lắm.

Đại úy Rawdon Crawley không trả lời, Phá ra cười khàn khàn; hai người đàn bà hỏi gặng anh ta cười gì, thì anh ta trả lời:

- Hắn cứ tưởng chơi bi-a giỏi. Tôi đã được hắn hai trăm đồng tiền bi-a ở quán "cây dừa". Hắn mà cũng học đòi đánh bạc, cái thằng ngốc nghếch! Hôm ấy hắn có vẻ muốn bán cả trời không văn tự, nhưng bạn hắn là đại úy Dobbin lại kéo hắn đi mất, mẹ kiếp!

Bà Crawley thú quá, bảo:

- Rawdon, Rawdon, đừng ác thế.

- Thế nào? Thưa cô, trong số bọn trai trẻ cháu gặp ở quân đội chỉ có thằng ấy là "non" nhất đấy ạ. Tarquin và Deuceace tha hồ muốn lấy bao nhiêu tiền của hắn tùy thích. Hắn mà được người ta thấy cùng ngồi với một nhà quý tộc thì bắt xuống âm phủ hắn cũng ưng. Ở Greenwich, hắn trả tiền cơm thết chúng nó, mà chúng nó còn kéo cả một lũ bạn đi theo để "che tàn".

- Toàn là những bạn hữu quý báu cả, chắc thế.

- Đúng lắm, cô Sharp ạ. Đúng lắm, bao giờ cũng thế. Toàn nhưng bạn hữu quý ghê gớm… hề, hề!

Anh chàng đại úy lại càng cười khỏe, cho rằng mình vừa có được một câu khôi hài lý thú.

Bà cô kêu lên:.

- Đừng tồi thế, Rawdon.

- Ôi chao, bố hắn là một nhân vật ở khu City… giầu nứt đố đổ vách. Cái bọn khốn ở City ấy à, phải vắt sữa chúng nó chứ. Xin thưa để cô biết rằng thằng ấy chưa xong với cháu đâu. Hề, hề.

- Này, đại úy Crawley; để tôi mách Amelia. Có một người chồng hay bài bạc.

- Đáng sợ, hả?

Viên đại úy trịnh trọng nói vậy; một ý nghĩ thoáng qua đầu, anh ta thêm:

- Mà này, cô ạ, chúng ta sẽ mời hắn đến chơi đây.

Bà cô vội hỏi:

- Trông hắn ta có mẽ người không?

- Có mẽ không à?… Ồ, khá lắm. Cũng như tất cả mọi người. Bao giờ cô lại bắt đầu tiếp khách, thế nào ta cũng phải mời hắn đến chơi mới được. Cả cái cô tên là gì nhỉ… người trong mộng của hắn ta ấy mà… này, cô Sharp, có phải cô vẫn gọi thế không? Mời cả cô ta đến. Được, để tôi biên mẩu giấy mời hắn lại chơi. Để xem hắn chơi "pic-kê" có thạo như chơi bi-a không? Hắn ta ở đâu nhỉ, cô Sharp?

Cô Sharp bèn mách Crawley địa chỉ ở tỉnh của trung úy Osborne. Mấy ngày sau, trung úy Osborne nhận được một lá thư, nét chữ nguệch ngoạc như cho trẻ con của đại úy Rawdon, có kèm theo một thiếp mời của bà Crawley. Cô Sharp cũng gửi thư mời cô bạn thân Amelia; cô này nghe tin George cũng sẽ có mặt, sẵn sàng nhận lời ngay.

Họ đã sắp đặt sáng hôm ấy Amelia sẽ đến chơi với người đàn bà ở Đường công viên; ai cũng tỏ ra quý mến cô. Rebecca lên mặt che chở cho cô một cách rất bề

trên. Rebecca thông minh hơn bạn rất nhiều; Amelia tính vốn dịu dàng và kín đáo, gặp ai muốn lên mặt với mình thì nhường ngay, cho nên cô sẵn lòng vui vẻ mềm mỏng tuân theo mọi ý muốn của Rebecca. Bà Crawley cũng tỏ ra lịch sự một cách đáng chú ý. Bà vẫn tiếp tục say sưa tán tụng Amelia, tâng bốc cô ngay trước mặt, làm như cô là một con búp bê, một người hầu phòng hay một bức tranh vậy; bà ca tụng cô một cách hết sức rộng lượng. Tôi rất kính phục thái độ của giới quý phái, đôi khi tán tụng cả những người thuộc tầng lớp bình dân. Trong đời, không có gì thú vị hơn là được thấy bọn người ở Mayfair[91] hạ mình xuống. Nhưng được bà Crawley săn sóc đến mình quá, hình như Amelia thấy mệt; tôi ngờ rằng trong số ba người đàn bà ở Đường công viên thì cô thấy bà Briggs thực thà kia là đáng yêu hơn cả. Cô thông cảm với bà Briggs như đối với những người tốt bụng bị bỏ rơi; cô không thuộc hạng người mà ta gọi là người đàn bà trí tuệ.

George có đến dùng cơm với đại úy Crawley… một bữa cơm thân mật của *trai chưa vợ*[92].

Chiếc xe ngựa đồ sộ của gia đình Osborne chở anh ta từ khu phố Russell đến Đường công viên. Ở nhà, cô chị và em gái không được mời đến chơi, làm bộ không thèm để ý đến sự khinh mạn ấy, nhưng họ cũng giở cuốn

"Danh bạ quý tộc" để tìm tên cụ Pitt Crawley. Cuốn sách đã giúp các cô biết rất nhiều điều về gia đình Crawley, về dòng dõi, về gia đình Binkie, về bè bạn, vân vân và vân vân… Rawdon Crawley đón tiếp Osborne hết sức thẳng thắn lịch sự. Anh ta khen Osborne chơi bi-a giỏi, hỏi thăm bao giờ anh này muốn phục thù, lại hỏi tin tức về trung đoàn của Osborne; anh ta định đề nghị chơi "pic-kê" ngay tối hôm ấy, nhưng bà Crawley dứt khoát cấm không cho đánh bạc trong nhà bà, thành ra túi tiền của viên trung úy không bị cháu bà chủ nhà làm vơi mất, ít nhất là trong ngày hôm ấy. Tuy vậy, họ cũng ước hẹn ngày hôm sau sẽ gặp nhau ở một nơi khác vì Crawley có một con ngựa muốn bán. Osborne muốn cưỡi thử nó ở công viên. Hai người sẽ dùng cơm với nhau, và buổi tối sẽ cùng giải trí với mấy người bạn ham vui khác. Crawley vừa láu lỉnh nháy mắt, vừa nói:

- Nghĩa là, nếu như anh không phải túc trực bên cô Sedley xinh đẹp kia. Thật là một trang tuyệt thế giai nhân, xin lấy danh dự mà thề; anh Osborne ạ, có một không hai đấy – anh ta nói thêm để nịnh khéo.

Osborne không phải túc trực đâu; anh ta sẵn sàng vui lòng đi chơi cùng Crawley. Hôm sau hai người gặp nhau, Crawley khen mãi tài kỵ mã của bạn – khen hết sức thành thực – và giới thiệu Osborne với ba hay bốn người

bạn rất sang trọng; anh chàng sĩ quan thực thà được quen biết bọn này lấy làm khoái lắm.

Vừa uống rượu vang Osborne vừa hỏi bạn, có vẻ rất phong tình:

- Này, cô Sharp độ này ra sao? Cô ta tốt bụng lắm. Ở trại Crawley, chắc cô ta và anh tha hồ tâm đầu ý hợp nhỉ? Năm ngoái cô Sedley quý cô ta lắm.

Đại úy Crawley giương đôi mắt xanh ti hí lên nhìn vào mặt bạn một cách dữ tợn; và anh cứ chăm chú theo dõi mãi lúc anh này đứng dậy đến chào cô giáo xinh đẹp. Nhưng ví phỏng anh chàng sĩ quan Ngự lâm có tính ghen tuông bóng gió thì nom cách cư xử của cô thiếu nữ cũng hết lo ngại ngay.

Hai người trẻ tuổi lên gác; Osborne đến chào bà Crawley, rồi tiến về phía Rebecca ngồi, dáng điệu hơi khệnh khạng có vẻ bề trên. Anh ta định bụng tỏ ra bao dung che chở đối với cô. Thậm chí anh sẽ còn bắt tay Becky một cái, vì coi là cô là bạn của Amelia, anh ta bèn chìa bàn tay trái về phía cô ta và nói: "A, cô Sharp, thế nào mạnh khoẻ chứ?" Yên trí nhất định cô ta phải bối rối trước một vinh dự như vậy.

Cô Sharp chìa ngón trỏ bàn tay phải ra… và gật đầu một cái, vẻ mặt rất lạnh nhạt, làm anh chàng cụt hứng.

Rawdon Crawley ngồi ở phòng bên nhìn sang, thấy anh chàng trung úy bị bẽ mặt, suýt nữa không nhịn được cười; anh ta thấy Osborne giật nảy mình, rồi ngần ngừ và cuối cùng có vẻ lúng túng đành cầm lấy ngón tay của cô thiếu nữ đưa ra cho anh hôn vậy.

- Lạy Chúa, nàng đủ sức đánh gục cả quỷ sứ.

Viên đại úy thú vị lắm tự nhủ. Còn viên trung úy mở đầu câu chuyện bằng cách hỏi thăm Rebecca có thích nơi làm việc không. Sharp lạnh nhạt đáp:

- Việc làm của tôi? Cảm ơn anh đã nhắc tôi nhớ đến điều ấy? Việc làm cũng khá dễ chịu; tiền công tốt lắm… nhưng không được bằng tiền công của bà Wirt dạy chị anh và em gái ở khu phố Russell đâu. Các cô ấy dạo này thế nào?… đáng lẽ ra tôi không nên hỏi thăm mới phải.

Osborne ngạc nhiên hỏi:

- Sao lại không nên?

- Ô hay, cái hồi tôi còn ở chơi với Amelia, các cô ấy có bao giờ thèm hạ mình nói chuyện với tôi hoặc mời tôi đến chơi nhà đâu; nhưng cái bọn cô giáo dạy trẻ nghèo khổ chúng tôi thì, chắc anh cũng rõ, vẫn quen bị khinh miệt như thế.

Osborne kêu lên:

- Cô Sharp thân mến ơi…

Rebecca vẫn tiếp:

- Ít nhất là trong một số gia đình. Nhưng ở đây không như thế đâu; dân Hamshire chúng tôi không được giầu có như các anh, những con người may mắn ở khu City. Nhưng bây giờ tôi đang sống trong một gia đình thượng lưu… dòng dõi quý tộc nước Anh chính cống. Chắc anh cũng biết cụ thân sinh ra tôn ông Pitt ngày xưa đã từ chối không nhận tước Công. Anh coi đó, tôi được đối đãi ra sao. Tôi ở đây cũng khá dễ chịu. Kể ra thì cũng là một chỗ làm tốt. Nhưng được anh hỏi đến thật là vinh dự quá.

Osborne tưởng phát điên lên được. Cô giáo bé nhỏ vẫn cứ kênh kiệu và mỉa mai anh ta cho đến khi con sư tử non nước Anh kia cảm thấy không thể chịu nổi được nữa.

Anh ta cũng không đủ nhanh trí để bịa ra một cớ gì mà rút lui khỏi câu chuyện rất thú vị này. Anh ta bèn kiêu hãnh hỏi:

- Tôi chắc ngày trước cô cũng thích những gia đình ở khu City lắm đấy chứ?

- Anh định nói là năm ngoái, khi tôi vừa mới thoát khỏi cái trường ghê gớm ấy à? Vâng, có thể. Người con gái

lưu trú trong trường nào mà chẳng thích về chơi nhà ngày chủ nhật? Mà làm sao tôi có thể hiểu biết hơn được? Nhưng ồ, anh Osborne ạ, bao nhiêu sự đổi thay qua mười tám tháng từng trải… mười tám tháng sống chung với… tôi nói thế này xin anh tha lỗi, với những người thượng lưu. Còn như Amelia thân mến thì chị ấy là một hòn ngọc, ở đây người ta cũng phải quý. Bây giờ, tôi thấy anh bắt đầu vui vẻ rồi đấy; nhưng mà… những con người kỳ quái khu City? Và còn anh Joe… cái anh Joseph thú vị ấy bây giờ ra sao nhỉ?

Osborne dịu dàng đáp:

- Tôi thấy hình như năm ngoái, cô không ghét "cái anh Joseph thú vị ấy" lắm thì phải.

- Anh nghiêm khắc quá. Phải, *nói riêng với nhau*[93] tôi không đến nỗi tan nát cõi lòng vì anh ta đâu. Nhưng giả sử anh ta có yêu cầu tôi làm cái điều mà đôi mắt anh muốn nói (đôi mắt anh cũng dịu dàng và ý nghĩa lắm) thì có lẽ tôi cũng không từ chối. Osborne đưa mắt nhìn, như ngụ ý:

"Quả thật, cô có lòng tốt quá?"

- Anh đang nghĩ rằng được coi anh là em rể, thật là một vinh dự, có phải không? Được làm chị dâu của George Osborne tiên sinh, con trai của Mall Osborne tiên

sinh, cháu trai của… tên cụ cố là gì nhỉ, anh Osborne? Thôi, xin anh đừng giận. Anh có trách nhiệm gì về dòng dõi của mình đâu; tôi hoàn toàn đồng ý với anh rằng tôi nên lấy anh Joe Sedley làm chồng; bởi vì một người con gái nghèo khổ không một xu dính túi còn mong gì hơn? Bây giờ, mọi điều bí mật anh đã rõ cả; tôi rất thẳng thắn cởi mở. Và xét cho cùng thì cũng cảm ơn anh đã nhắc đến câu chuyện cũ… một cách rất nhã nhặn và lễ độ. Chị Amelia thân mến ơi, anh Osborne và em đang nói chuyện về chị và anh Joseph đáng thương của chị đấy. Bây giờ anh ấy ra sao nhỉ?

Thế là George hoàn toàn thất bại, Không phải vì Rebecca có lý; nhưng mồm miệng cô ta bẻo lẻo quá thành ra dồn được anh chàng vào thế bí. Bây giờ anh ta ngượng chín mặt, lùi lũi chuồn mất, George nghĩ bụng, giá mình ở lại chút nữa thì rất có thể trở thành lố bịch trước mặt Amelia mất.

Tuy Rebecca đã thắng Osborne nhưng anh cũng không phải là người hèn hạ mà trả thù cô gái bằng cách nói xấu…

Có điều ngày hôm sau, anh ta không thể nào nhịn không bày tỏ riêng một cách khéo léo với đại úy Crawley vài ý kiến về Rebecca… rằng cô ta là một con người rất sắc sảo, một con người nguy hiểm, đừng có lôi

thôi vào mà chết, v.v…

Nghe nói, Crawley chỉ cười tỏ ý biểu đồng tình, và chỉ trong khoảng hai mươi bốn giờ đồng hồ, lại đem mọi chuyện kể lại cho Rebecca nghe đầy đủ. Rebecca càng vì thế mà nhìn Osborne với con mắt đặc biệt, Bản năng của đàn bà mách cô rằng chính Osborne đã mua con ngựa của Crawley, sau bữa ăn lại đã bị mất thêm mấy chục đồng ghi-nê. Anh ta láu lỉnh nhìn Crawley, nói:

- Tôi chỉ muốn khuyên anh dè chừng thôi, tôi hiểu bụng dạ đàn bà lắm; tôi khuyên anh nên cẩn thận đấy.

Crawley nhìn anh ta với đôi mắt biết ơn đặc biệt:

- Xin cảm ơn anh, tôi thấy anh sáng suốt lắm.

Và George ra về, yên trí Crawley nói thực.

Anh ta kể lại cho Amelia nghe việc mình đã khuyên bảo Rawdon Crawley – cái anh chàng cực kỳ tốt bụng lòng dạ thẳng như ruột ngựa phải coi chừng cái cô Rebecca bé nhỏ láu lỉnh mưu mẹo ấy như thế nào.

Amelia kêu lên:

- Coi chừng ai chứ?

- Cái cô giáo bạn em ấy. Có gì mà sửng sốt?

- Ô kìa, anh George, anh đã làm cái gì thế Con mắt đàn bà của cô đã được thần ái tình làm cho sáng suốt;

chỉ thoáng qua, cô cũng đã khám phá ra sự bí mật hoàn toàn bị che dấu trước con mắt bà Crawley, bà Briggs đáng thương, và hơn cả, trước đôi mắt "cận thị" của anh chàng tự mãn có râu kia tức là trung úy Osborne.

Lúc Rebecca quàng khăn cho bạn ở trên gác, hai cô bạn gái có dịp tỷ tê chuyện riêng với nhau, bí mật bàn tính với nhau một tý; ấy là cái thú vị đặc biệt của đời con gái.

Amelia lại sát gần nắm lấy hai bàn tay bé nhỏ của Rebecca:

- Rebecca, em biết hết rồi.

Rebecca hôn bạn, không đáp.

Về câu chuyện bí mật thú vị này, hai cô thiếu nữ không ai nói thêm một lời nào. Nhưng không lâu đâu, rồi nó sẽ lộ ra thôi. Câu chuyện trên xảy ra được ít lâu, khi cô Sharp vẫn còn ở chơi nhà bà chủ mới của mình tại Đường công viên thì ở phố Great Gaunt lại treo thêm một tấm huy hiệu quý tộc giữa những tấm huy hiệu khác vẫn thường trang hoàng cho đường phố ảm đạm này. Người ta thấy nó được treo trên ngôi nhà của cụ Pitt Crawley; nhưng không phải là nó báo tin lão nam tước già đã chết. ấy là một tấm huy hiệu phụ nữ, ít năm về trước đã dùng để báo tin bà cụ sinh ra cụ Pitt, tức là quả

phụ Crawley phu nhân tạ thế. Việc ma chay xong xuôi, người ta hạ tấm huy hiệu từ trên mặt tường xuống cất vào một chỗ kín đáo nào đó trong nhà cụ Pitt. Bây giờ nó lại được lôi ra vì bà Rose Dawson. Thế là cụ Pitt lại thành người góa vợ lần nữa. Hình vẽ tượng trưng sơn trên nền chiếc khiên treo song song cạnh chiếc huy hiệu của lão không phải thuộc về bà Rose đáng thương kia đâu; bà ta làm gì có huy hiệu quý tộc; nhưng những vị thiên thần sơn trên chiếc khiên cũng sẽ che chở cho bà y như xưa kia đã che chở cho mẹ cụ Pitt; phía dưới hình vẽ có đề chữ Resugam[94], hai bên có hình con rắn và con chim bồ câu của dòng họ Crawley. Huy hiệu quý tộc, Resurgam… Thật là một dịp dạy luân lý cho người đời vậy.

Crawley cũng đã săn sóc bên giường bệnh của con người trơ trọi kia. Anh ta cũng đã hết sức ngọt ngào an ủi, tiếp thêm sức mạnh cho bà khỏe khoắn từ giã cõi trần. Đã bao năm nay, anh ta là người duy nhất ăn ở tốt đối với bà, là người bạn độc nhất của tấm linh hồn yếu ớt, cô độc đó. Thân thể bà còn sống nhưng tâm hồn thì đã chết từ lâu. Bà đã bán linh hồn của mình để trở thành vợ cụ Pitt Crawley. Trong *Hội chợ phù hoa*, hàng ngày vẫn có những bà mẹ và những cô con gái làm công việc thương mại như vậy.

Lúc bà tắt thở, ông chồng đang ở Luân-đôn, còn bận thực hiện những kế hoạch làm ăn túi bụi nào đó, và đang bấn lên với những ông thầy kiện. Tuy vậy, lão cũng vẫn dành được thì giờ đến thăm Đường công viên luôn luôn, và gửi cho Rebecca rất nhiều lá thư nài xin cô, giục giã cô, ra lệnh cho cô trở về với hai cô học trò ở nhà quê, vì từ khi mẹ bị ốm, hai cô thiếu người bầu bạn. Nhưng, bà Crawley nhất định không đồng ý cho Rebecca đi. Ở thành phố Luân-đôn này, không có người đàn bà lịch thiệp với họ bằng bà ta; nhưng khi còn *đam mê*[95] thì bà ta lại là người gắn bó ghê gớm; cho nên bà cứ hăng hái ra sức mà bám chặt ấy Rebecca.

Tin Crawley phu nhân tạ thế không gây ra những nỗi buồn rầu hoặc những lời bàn tán trong phạm vi gia đình Crawley, như người ta tưởng. Bà Bute Crawley nói: "Có nhẽ tôi phải hoãn buổi họp mặt tối ngày kia mất! Ngừng một lát, bà tiếp: "Tôi hy vọng rằng ông anh chồng tôi nên giữ tiếng, đừng tục huyền lần nữa". Nếu ông ấy lại lấy vợ, thì Pitt chắc giận đến phát điên lên mất.

Rawdon góp ý kiến; anh ta vẫn không ưa người anh cả như cũ. Rebecca không nói gì. Cả nhà hình như chỉ có cô có vẻ trang nghiêm, và bị xúc động hơn cả. Hôm ấy, cô rời khỏi căn phòng trước khi Rawdon ra đi, nhưng ngẫu nhiên hai người lại gặp nhau ở nhà dưới; anh

chàng vừa từ biệt mọi người xong; họ đứng lại nói chuyện với nhau một lúc.

Sớm hôm sau, Rebecca đang đứng trong cửa sổ nhìn ra sân, còn bà Crawley thì đang bình thản đọc một cuốn tiểu thuyết Pháp, bỗng cô ta kêu nên, giọng sợ hãi, làm bà giật nẩy mình:

- Thưa bà, cụ Pitt đến kìa.

- Cô em ạ, tôi không thể tiếp ông ấy, tôi không muốn tiếp ông ấy đâu. Bảo Bowls nói rằng tôi đi vắng. Hay là cô đi xuống bảo ông ấy rằng tôi ốm, không tiếp ai được. Trong người tôi còn mệt, không thể tiếp chuyện ông anh tôi vào phút này đâu.

Nói đoạn, bà Crawley cúi xuống đọc tiếp cuốn sách.

- Thưa cụ, bà yếu quá, không tiếp khách được.

Cụ Pitt vừa định bước lên thang gác thì Rebecca chạy vội xuống nói vậy. Cụ Pitt đáp:

- Càng hay. Cô Becky, tôi muốn gặp cô. Cô đi với tôi sang phòng khách.

Hai người cùng vào trong phòng.

- Cô ơi, tôi muốn cô trở về trại Crawley Bà chúa với tôi.

Lão nam tước vừa nói vừa chằm chằm nhìn cô; lão

tháo đôi găng tay đen ra và bỏ chiếc mũ có vành băng tang xuống. Đôi mắt lão nhìn trừng trừng vào cô ta một cách lạ lùng làm cho Rebecca Sharp gần như run lên. Cô đáp khe khẽ:

- Tôi cũng muốn sớm trở về khi nào bà Crawley khỏe hơn… tôi sẽ về với… với mấy em bé yêu quý.

Cụ Pitt đáp:

- Becky, cô nói thế đã mấy tháng nay rồi; thế mà cô vẫn cứ bám chặt lấy bà em tôi; bao giờ bà ấy chán, bà ấy sẽ quẳng cô đi như vứt chiếc giầy rách. Tôi nói cô biết, tôi cần cô lắm. Bây giờ tôi sắp về đưa đám đây. Cô có về không? Có hay không?

Becky có vẻ rất bối rối đáp.

- Tôi không dám… tôi không cho rằng… có lẽ không tiện… đi một mình… với cụ.

Cụ Pitt đấm tay xuống mặt bàn, nói:

- Tôi nhắc lại rằng tôi cần cô. Vắng cô, tôi không làm ăn gì được. Từ bữa cô đi tôi không biết công việc ra sao. Nhà cửa bề bộn, không còn được như trước nữa. Sổ sách của tôi luộm thuộm, không ra sao cả. Cô phải trở về. Hãy trở về đi; Becky quí mến ơi, trở về đi.

Rebecca há hốc mồm hỏi…

-Về như thế nào, thưa cụ?

- Về với tư cách là Crawley phu nhân, nếu cô muốn. Đấy, cô đã bằng lòng chưa? Cô cứ về làm vợ tôi. Cô xứng đáng lắm. Dòng dõi thì làm cái đếch gì. Dòng dõi như cô cũng xứng đáng làm một mệnh phụ như bất cứ ai. Cô còn khôn ngoan bằng vạn vợ những thằng nam tước khác trong quận này. Cô có về không? Có hay không?

- Ồ, cụ Pitt!

Rebecca xúc động quá, kêu lên.

Cụ Pitt vẫn tiếp:

- Becky, bằng lòng đi. Tôi già rồi nhưng còn khỏe lắm. Tôi còn sống hai mươi năm nữa là ít. Tôi sẽ làm cho cô được sung sướng, rồi cô sẽ thấy. Tha hồ cô muốn làm gì thì làm; tha hồ tiêu tiền, tha hồ ăn chơi, tùy thích. Tôi sẽ sắp đặt tương lai chắc chắn cho cô. Tôi sẽ lo hợp thức hóa đầy đủ. Cô thấy không?

Và lão già quỳ xuống, liếc nhìn cô gái, y như một con "thần dê"[96] vậy.

Rebecca sửng sốt lùi lại, sững sờ cả người. Từ đầu cuốn truyện này, chúng ta chưa hề bao giờ thấy cô cũng phải lúng túng, và nhỏ những giọt nước mắt thành thực

nhất đời mình. Cô nói:

- Ôi, cụ Pitt ạ; ôi thưa cụ… tôi… tôi *đã có chồng mất rồi*.

CHƯƠNG XV
CHỒNG CÔ REBECCA XUẤT HIỆN TRONG CHỐC LÁT

Các bạn độc giả thuộc loại đa cảm (chúng tôi cũng không thích loại độc giả khác) hẳn phải thú vị trước cảnh tượng của tấn bi kịch nhỏ và miêu tả cuối chương vừa qua; bởi vì còn có gì đẹp hơn là hình ảnh thần Ái tình quỳ trước thần Sắc đẹp?

Song, khi thần Ái tình nghe thần Sắc đẹp thốt ra lời thú nhận ghê gớm rằng mình đã trót có chồng rồi, thì thần Ái tình đang quỳ mọp trên tấm thảm bỗng nhảy bật ngay dậy, miệng thốt ra những tiếng kêu làm cho thần Sắc đẹp đáng thương phải sợ hãi hơn cả lúc cô ta đang thú thực rằng mình đã có chồng. Cơn giận dữ và ngạc nhiên đầu tiên đã qua, lão nam tước kêu lên:

- Có chồng rồi; cô nói đùa. Becky, cô định trêu tôi phỏng? Ai điên gì mà lấy cô, một xu dính túi không có?

- Có chồng rồi! Vâng, tôi có chồng rồi!

Rebecca vừa khóc nức nở, vừa đáp… giọng nói nghẹn ngào vì xúc động, cô cầm khăn tay đưa lên mắt, phải dựa lưng vào thành lò sưởi cho khỏi ngã… trông cô ta thực là hiện thân của sự đau khổ, khiến cho kẻ lòng

dạ sắt đá cũng phải mủi lòng.

- Ôi cụ Pitt, cụ Pitt thân mến; xin cụ đừng nghĩ rằng tôi vô tình không biết đền đáp lại bao ân huệ cụ đã ban cho tôi Chính vì cụ rộng lượng, nên tôi mới dám thú thực điều bí mật ấy. Cụ Pitt gầm lên:

- Rộng lượng cái con khẹc? Cái thằng lấy cô, hắn ta là ai! Hắn ở đâu?

- Thưa cụ, để tôi lại xin theo cụ về quê. Để tôi lại xin săn sóc cụ như trước? Xin cụ chớ bắt tôi phải rời bỏ trại Crawley Bà chúa?

Lão nam tước tưởng mình đã hiểu chuyện, bèn nói:

- Thằng cha bỏ rơi cô, hả? Được, Becky… nếu cô muốn thì cứ trở về. Cô không thể nào vừa muốn ăn bánh lại vừa để dành nó được. Dầu sao đi nữa, tôi cũng đã đem đến cho cô một cơ hội "*tút*". Cô hãy trở về làm cô giáo như cũ… cô sẽ được tự do theo ý muốn.

Rebecca bèn chìa một bàn tay ra. Cô khóc nức nở tưởng như cả trái tim đến vỡ tung ra mất; những món tóc xoăn xoăn xõa xuống che kín mắt và xõa cả xuống mặt lò sưởi bằng đá cẩm thạch.

Cụ Pitt nói, giọng khả ố, cố tìm cách an ủi cô gái:

- Thế là thằng khốn nạn đánh bài chuồn hả? Thôi

Becky ơi, đừng nghĩ ngợi nữa, tôi sẽ chăm sóc cô Becky ơi, đừng nghĩ ngợi nữa, tôi sẽ chăm nom săn sóc cô.

- Ôi, thưa cụ, được trở về trại Crawley Bà chúa để trông nom các em và săn sóc cụ như trước, thật là một điều đáng kiêu hãnh trong đời tôi; nhất là được thấy cụ tỏ ý rất vui lòng vì sự hầu hạ của con bé Rebecca hèn mọn này. Mỗi lúc nghĩ đến lời cụ vừa dạy, tôi lại thấy ơn cụ bằng trời biển… quả thật như thế. Tôi không được làm vợ cụ; xin cụ cho được… được làm con gái cụ vậy.

Vừa nói Rebecca vừa quỳ xuống, điệu bộ trông bi đát vô cùng; cô nắm chặt lấy bàn tay gớm ghiếc của lão trong hai bàn tay mình (hai tay cô ta thật đẹp, trắng muốt, mịn màng như sa-tanh), vừa ngước mắt nhìn lão già, vẻ mặt hết sức tin cậy và đáng thương; vừa lúc ấy… cửa mở, bà Crawley sồng sộc bước vào.

Vừa ngay sau lúc Rebecca và cụ Pitt đưa nhau vào trong phòng khách thì bà Firkin và bà Briggs tình cờ cũng đi qua cửa phòng, và cũng ngẫu nhiên cùng nhòm qua lỗ khóa họ thấy lão quý tộc già quỳ móp trước mặt cô giáo dạy trẻ, lại nghe thấy lão ngỏ ý muốn cưới cô làm vợ. Lão vừa nói buông mồm thì lập tức cả bà Firkin và bà Briggs chạy bổ lên gác, xông vào phòng khách, chỗ bà Crawley đang ngồi đọc cuốn tiểu thuyết Pháp; họ báo cho cho bà biết cái tin quái gở: cụ Pitt đang quỳ và

tỏ tình với cô Sharp. Nếu các bạn tính đúng thời gian cuộc đối thoại trên xảy ra… với thời gian bà Firkin và bà Briggs bay lên thang gác… lao vào phòng khách… và thời gian bà Crawley ngạc nhiên, đánh rơi tập truyện của Pigault le Brun xuống đất… và thời gian bà xuống thang gác… các bạn sẽ thấy cuốn truyện này viết rất chính xác; bà Crawley tất phải xuất hiện vừa đúng lúc Rebecca đang có thái độ cầu khẩn van xin nói trên.

Bà Crawley nói, giọng nói và cái nhìn tỏ vẻ hết sức khinh bỉ:

- Vậy ra tiểu thư quỳ xuống đất chứ không phải là công tử? Ông Pitt, họ mách tôi rằng chính ông đã quỳ mọp dưới chân cô ta phải không? Hãy quỳ xuống lần nữa đi, để tôi xem có đẹp đôi không nào!

Rebecca đứng dậy đáp:

- Thưa bà, tôi vừa cảm tạ cụ Pitt, tôi đã thưa với cụ rằng… tôi không bao giờ có thể trở thành Crawley phu nhân được.

- Từ chối à?

Bà Crawley kêu lên, lại càng sửng sốt hơn trước; Briggs và Firkin đứng ngoài cửa cùng trợn tròn mắt, mồm há hốc ra vì ngạc nhiên.

Rebecca tiếp theo, giọng buồn bã, nghẹn ngào đầy

nước mắt:

- Vâng… tôi từ chối.

Bà già lại hỏi:

- Liệu tôi có nên tin ở lỗ tai mình nữa không, khi được nghe rằng ông đã tỏ tình với cô ấy, hử ông Pitt?

Lão nam tước đáp:

- Đúng, có thế.

- Và cô ấy từ chối, như cô ấy vừa nói?

- Đúng.

Cụ Pitt nhăn răng ra cười, đáp vậy.

Bà Crawley nhận xét:

- Trông ông có vẻ không lấy việc đó làm đau đớn thì phải.

- Việc quái gì mà đau đớn.

Cụ Pitt đáp, mặt vẫn thản nhiên lại có ý hơi khôi hài, làm cho bà Crawley gần phát điên lên vì kinh ngạc. Một nhà quý tộc đã già mà quỳ xuống trước mặt một cô giáo dạy trẻ không một xu vốn liếng, và lại phá ra cười vì bị cô ta từ chối không chịu lấy làm chồng… một cô giáo dạy trẻ không một xu hồi môn mà từ chối một vị nam tước thu hoạch đồng niên bốn ngàn đồng… thật là

những điều bí mật bà Crawley không bao giờ có thể hiểu nổi. Còn vượt xa những chuyện ly kỳ bà đọc trong cuốn tiểu thuyết Pigault le Brun bà vẫn thích nhất.

- Tôi rất vui lòng thấy ông cười cợt được trước chuyện ấy, ông anh của tôi ạ. Bà nói tiếp, vẫn chưa hết cơn bàng hoàng sửng sốt.

Cụ Pitt đáp:

- "Trứ danh" thật, ai mà ngờ được! Thật là một đồ quỷ cái! Đồ cáo con!

Lão vừa lẩm bẩm vừa khúc khích cười một mình ra ý thú vị lắm.

Bà Crawley giậm chân bành bạch, kêu lên:

- Ai mà ngờ được cái gì hả? Này, cô Sharp, cô định chờ Hoàng tử nhiếp chính ly dị vợ hay sao? Cô cho rằng gia đình nhà tôi không xứng đáng với cô hẳn?

Rebecca đáp:

- Thưa bà, cứ nom dáng điệu của tôi khi bà bước vào đây cũng đã rõ tôi có dám coi thường cái vinh dự mà con người tốt bụng cao quý kia đã rộng ơn ban cho tôi hay không. Bà nghĩ rằng tôi là kẻ vô tình sao? Tất cả mọi người đã yêu quý, đã đối đãi tốt với đứa con gái mồ côi đáng thương bị ruồng bỏ này, vậy mà chẳng lẽ nó

không cảm thấy điều gì sao? Ôi, các bạn? Ôi, các vị ân nhân. Sao cho tôi có thể đem tình yêu, đời sống, đem hết sức ra đền đáp lại sự tin cậy của các vị đối với tôi? Bà Crawley ơi, lẽ nào bà lại từ chối không cho tôi tỏ lòng biết ơn? Thế thì quá lắm… tôi mang ơn các vị vô cùng.

Cô ngồi phịch xuống một cái ghế, trông đáng thương quá, khiến cho hầu hết những người đang có mặt phải não lòng vì nỗi buồn của cô.

- Becky, dù lấy tôi hay không thì cô vẫn là một người con gái tốt; tôi vẫn là bạn của cô, nhớ thế.

Cụ Pitt nói đoạn, chụp cái mũ có băng tang lên đầu, bỏ đi ra… Rebecca mừng quá, vì thêm sự bí mật của cô chưa bị tố cáo với bà Crawley, và cô hãy còn được hưởng một thời gian án treo ngắn.

Cô đưa khăn tay lên chùi mắt, gật đầu chào bà Briggs thực thà, rồi lên gác về phòng riêng của mình – bà Briggs cũng định cùng đi với cô lên thang gác, nhưng sau bà ở lại cùng bà Crawley bàn tán về câu chuyện kỳ lạ vừa qua; cả hai đều bị xúc động rất mạnh. Bà Firkin cũng cảm động không kém, đâm bổ ngay xuống nhà bếp, kể lại câu chuyện với khắp các bạn đồng nghiệp nam nữ. Câu chuyện gây một ấn tượng quá sâu sắc đối với bà Firkin, đến nỗi bà ta thấy cần gửi một lá thư đi ngay tối hôm ấy; thư viết;

"Rất hân hạnh được bày tỏ lòng trung thành cùng bà Bute Crawley và gia quyến ở nhà thờ; cụ Pitt đã ngỏ ý muốn lấy cô Sharp làm vợ, nhưng cô từ chối, làm cho ai cũng phải ngạc nhiên".

Hai người đàn bà ngồi trong phòng ăn (bà Briggs sung sướng quá, vì một lần nữa lại được trò chuyện tâm tình với người che chở cho mình); họ vẫn chưa hết lạ lùng trước việc cầu hôn của cụ Pitt, cũng như việc Rebecca từ chối. Bà Briggs tỏ ra thạo đời, đoán rằng cô ta từ chối vì đã trót đính ước với người khác rồi; nếu không, chả đời nào một người con gái khôn ngoan như thế. Bà Crawley ngọt ngào hỏi:

- Phải tay bà, chắc bà nhận lời phăng đấy nhỉ, bà Briggs?

Bà Briggs trả lời, hơi đánh trống lảng:

- Được làm chị dâu bà Crawley, chả đáng hân hạnh lắm sao?

Bà Crawley nhận xét:

- Phải, xét cho cùng thì Becky có thể trở thành Crawley phu nhân được lắm chứ (thấy cô ta từ chối bà cũng hài lòng, và bây giờ không cần phải hy sinh điều gì nữa, bà rất sẵn sàng tỏ ra phóng khoáng và rộng lượng); cô ấy thông minh lắm – bà Briggs đáng thương ơi, cô ấy

còn thông minh gấp trăm bà nữa cơ – cứ chỉ thì tuyệt khéo, tôi dạy mãi mới được đấy. Này bà Briggs, cô ấy là dòng dõi họ Montmorency, con nhà gia thế cũng có khác, tuy bản thân tôi thì vẫn không ưa chuyện dòng dõi. Cô ấy rất có thể còn biết giữ giá trị của mình giữa đám quý phái ngu độn ở Hamshire hơn cả cái con mụ bất hạnh con gái nhà hàng sắt kia đấy.

Bà Briggs lại tán thành như thường lệ. Hai người tiếp tục phỏng đoán về chuyện "đính ước" của Rebecca.

Bà Crawley bảo:

- Những con người không bè bạn đáng thương như các bà bao giờ mà chẳng có một "anh nhân ngãi" nào đó. Cả bà nữa, ngày xưa bà cũng đã yêu một ông giáo dạy viết (đừng khóc, bà Briggs… bà hay khóc lắm, khóc có làm ông ta sống lại được đâu), mà tôi cứ cho rằng cái nhà cô Becky bất hạnh kia cũng dại đột và đa cảm như vậy đi: một lão lang thuốc, một bác quản gia, một anh thợ vẽ, một cậu mục sư trẻ tuổi nào đó, hoặc một thứ người đại loại như thế chứ.

- Thật là đáng thương! Đáng thương quá!

Bà Briggs nói vậy, bà đang nghĩ tới chuyện hai mươi bốn năm về trước, nghĩ tới cái ông thầy dậy viết gầy như que củi, đến mái tóc vàng và những lá thư của ông ta,

những lá thư rất đẹp tuy viết loằng ngoằng khó đọc mà bà nâng niu giữ gìn trong ngăn bàn trên gác. Bà vẫn chép miệng "Thật là đáng thương! Đáng thương quá!" Một lần nữa, bà sống lại thủa con gái mười tám, với cặp má mịn màng tươi tắn, buổi tối đi lễ nhà thờ, bà và ông giáo dạy viết nồng nàn kia cùng ngân giọng đồng ca bài hát nguyện.

- Bây giờ cô Rebecca đã cư xử như vậy, thì gia đình nhà ta phải đối đãi với cô thế nào chứ. Bà Briggs, hãy dò xem anh ta là ai. Tôi sẽ cấp cho anh ta một cái cửa hiệu, hay là đặt anh ta vẽ cho tôi một bức chân dung, bà hiểu chứ? Hoặc tôi sẽ nói chuyện với ông anh họ tôi, làm giám mục… tôi sẽ cho Becky một món hồi môn, và bà Briggs, ta sẽ tổ chức một lễ cưới. Bà phải sửa soạn một bữa tiệc, và đi phù dâu.

Bà Briggs tuyên bố rất bằng lòng, và thề rằng bà Crawley thân mến của bà bao giờ cũng tốt bụng, rộng lượng, đoạn bà lên phòng riêng của Rebecca để an ủi cô và hỏi chuyện về việc cầu hôn, việc từ chối và về nguyên nhân. Bà còn nói bóng tới dự định rộng lượng của bà Crawley và cố dò xem ai là người đàn ông được cô Sharp để lọt vào mắt xanh.

Rebecca tỏ ra rất xúc động, rất dịu dàng, ngọt ngào thấy bà Briggs đối với mình hết sức trìu mến săn sóc, cô

cũng tỏ ra biết ơn… Cô cũng thú nhận rằng có đính ước bí mật với một người… một sự bí mật thú vị vô cùng… đáng tiếc quá, giá lúc nhòm qua lỗ khóa bà Briggs nán lại thêm độ nửa phút nữa thì hay… Có lẽ Rebecca cũng còn nói rõ thêm, nhưng bà Briggs mới ngồi trò chuyện được độ năm phút, thì bà Crawley đã lù lù bước vào rồi… Bà nóng ruột quá, không chịu nổi, bà không thể chờ đợi người sứ giả chậm chạp của mình mang tin về, cho nên bà phải đích thân tìm đến, bà ra lệnh cho bà Briggs ra ngoài. Sau khi tỏ lời khen ngợi cô Sharp đã cư xử phải lẽ, bà hỏi tỉ mỉ chi tiết cuộc gặp gỡ vừa qua, là hỏi quan hệ từ trước giữa cô và cụ Pitt ra sao mà bây giờ lão này tỏ tình một cách lạ lùng như vậy Rebecca đáp rằng từ lâu cô vẫn biết cụ Pitt có ý hạ cố thương cô (lão ta vẫn có thói quen bộc lộ tình cảm của mình một cách thẳng thắn, lộ liễu), nhưng vì những lí do về tuổi tác, địa vị, và tính tình của cụ Pitt, cô thấy cuộc hôn phối không thể thực hiện được (cô không nói rõ những lý do sâu kín chưa tiện bộc lộ ngay, sợ bà Crawley phiền lòng) vả chăng, có người đàn bà nào có tâm hồn, biết nghĩ và biết tự trọng, lại đành tâm nghe người ta ngỏ ý cầu hôn khi vợ người ta mới chết chưa kịp chôn cất?

Bà Crawley vội vớ ngay lấy cơ hội.

- Cô em thật nghĩ còn nông cạn. Lẽ ra cô không nên

từ chối ông ấy mới phải, trừ trường hợp cô đã đính ước với người khác thì không kể. Cứ nói thực với tôi đi: có nguyên nhân gì bí mật nào? Nhất định phải có "người nào" rồi. Ai đã chiếm được trái tim cô thế?

Rebecca nhìn xuống đất, thú nhận rằng có như vậy. Cô mỉm cười nói, giọng hơi run run:

- Thưa bà, bà đoán đúng đấy. Bà ngạc nhiên vì thấy một người con gái nghèo khổ, cô độc, lại có người đính ước, phải không ạ?Tôi chưa hề nghe nói vì nghèo mà không được yêu bao giờ.Tôi mong rằng điều ấy đúng.

Bà Crawley bao giờ cũng sẵn sàng đa cảm, bà đáp:

- Cô em bé bỏng thân mến đáng thương ơi, vậy ra cô bị phụ tình? Cô đành chôn vùi mối hận sâu kín trong lòng? Hãy kể tình đầu câu chuyện tôi nghe, tôi sẽ an ủi cô.

Rebecca vẫn giọng nói đẫm nước mắt:

- Thưa bà, tôi cũng mong rằng có thể kể lại bà nghe. Mà quả thật, tôi cần được bộc lộ nỗi lòng.

Và cô ngả đầu vào vai bà Crawley, khóc thút thít rất tự nhiên, làm cho bà này từ chỗ ngạc nhiên biến thành thương cảm, bà ôm hôn cô trìu mến gần như mẹ hôn con, bà vỗ về an ủi cô mãi, bà thề rằng sẽ quý cô như con gái, và sẵn sàng làm mọi việc có thể được để giúp

cô.

- Nào, thế anh ta là ai nào, cô em yêu quý? Có phải người anh trai cô Sedley xinh đẹp kia không? Hôm nọ cô nói chuyện hai người trước có biết nhau. Để tôi mời anh ta đến đây. Và cô sẽ lấy được anh ta, nhất định cô sẽ lấy được anh ta.

Rebecca đáp:

- Bây giờ xin bà đừng hỏi ngay. Không lâu đâu rồi bà sẽ rõ, chắc chắn thế. Bà Crawley thân mến quý báu… người bạn thân quý của tôi, tôi có được phép gọi như vậy không nhỉ?

Bà già hôn cô đáp:

- Con ơi, được lắm chứ.

Rebecca thổn thức nói:

- Bây giờ tôi chưa thể nói ngay với bà được. Tôi đau khổ lắm. Nhưng mà, ôi? hãy thương tôi… xin bà hứa sẽ thương tôi mãi mãi.

Cả hai người cùng khóc, sự xúc động của cô con gái lây sang cả bà già, bà Crawley trịnh trọng hứa đồng ý như vậy; đoạn bà từ biệt cô gái bé bỏng được mình che chở, bà cầu chúa ban phúc lành cho cô ta, và khen mãi cô ta một con người chân thật, hiền hậu, ngoan ngoãn

nhưng cũng khó hiểu.

Bây giờ còn lại một mình, Rebecca ngồi nghĩ lại những sự việc đột ngột, kỳ lạ xảy ra ngày hôm ấy, cô nghĩ đến việc trót xảy ra mất rồi, và việc đáng lẽ đã phải xảy ra.

Bạn đọc cho rằng trong thâm tâm cô ấy (ấy, xin lỗi), trong thâm tâm bà Rebecca đang nghĩ gì nào? Trong mấy trang trước, kẻ viết truyện này đã mạn phép tự cho mình cái quyền được tò mò ngó vào trong phòng ngủ của Amelia Sedley, và với con mắt "thấu suốt nghìn đời" của nhà viết tiểu thuyết, hiểu được những nỗi lo nghĩ, đau khổ êm đềm đang trằn trọc trên tấm gối vô tội kia, thế thì tại sao kẻ viết truyện lại không dám tự nhận là người bạn tâm tình của Rebecca, hiểu thấu mọi sự bí mật của cô, và nắm giữ chiếc chìa khóa kho tàng tâm tình của cô thiếu nữ ấy?

Được, vậy thì trước hết Rebecca đang ngồi nghĩ thầm một cách đáng cảm động mà tiếc mãi cái hạnh phúc vô giá lẽ ra có thể vừa tầm tay với của cô, mà bây giờ bắt buộc phải gạt bỏ. Niềm tiếc hận này thì bất cứ người nào có tâm lý thực tế cũng phải đồng ý. Có bà mẹ thương con nào lại không thông cảm với một cô gái chưa chồng, không một xu vốn liếng suýt nữa trở thành một bậc mệnh phụ, hàng năm có thể cùng ông chồng chia xẻ

món tiền bốn nghìn đồng? Trong *Hội chợ phù hoa* này, có người thiếu nữ tử tế nào lại không thương một cô gái chịu thương chịu khó, thông minh, xứng đáng được sung sướng, mà khi được người ta mang đến cho một mối lợi kếch xù đáng thèm muốn như vậy lại chính là lúc không có quyền nhận nữa? Tôi chắc chắn rằng chúng ta ai cũng phải thông cảm với sự tiếc hận của Rebecca.

Tôi còn nhớ một đêm kia, chính tôi có mặt ở *Hội chợ phù hoa* trong một buổi dạ hội. Tôi có nhìn thấy cô gái già Toady cũng đến dự; cô đặc biệt quan tâm săn sóc đến bà Briefless là vợ một viên thầy kiện; bà này cũng là con nhà gia thế, nhưng ai cũng biết là nghèo xơ nghèo xác.

Tôi mới tự hỏi thầm rằng, tại sao cô Toady lại chú ý nhiều đến bà kia? Tại ông Briefless đã được thăng chức chánh án chăng? Hay là tại vợ ông ta để lại cho cô Toady một cái gia tài? Cô Toady, với thái độ rất thẳng thắn là đặc tính trong cách cư xử của cô xưa nay, giải thích thế này: "Anh cũng rõ chứ gì, bà Briefless là cháu gọi tôn ông John Redhand là ông nội; ông cụ ốm kịch liệt ở Cheltenham đã sáu tháng nay. Ông bố bà Redhand được thừa kế, anh thấy không, vậy bà ấy sắp sửa là con gái của một vị nam tước cơ mà."

Rồi cô Toady mời ông Redhand và vợ tuần sau đến ăn

cơm nhà cô.

Nếu như chỉ có mỗi cái may mắn được trở thành con gái một nam tước mà một người đàn bà cũng đã được người đời trọng vọng như vậy thì, chắc chắn, chắc chắn lắm, chúng ta rất có quyền kính trọng những sự sầu não của một cô thiếu nữ suýt nữa được trở thành vợ một nam tước. Ai dám tưởng rằng Crawley phu nhân chết sớm như thế? Bà ta thuộc vào loại đàn bà có thể ốm dai dẳng mười năm không chết… Rebecca nghĩ ngấm nghĩ ngầm mà tiếc đứt ruột…

Chỉ một ly nữa mình được làm một phu nhân? Mình có thể xỏ dây vào mũi lão già mà dắt đi đâu thì dắt. Mình có thể "*xin đủ*" bà Bute với thái độ trịch thượng của bà, và "*xin đủ*" cả Crawley với thái độ kẻ cả không chịu nổi của anh ta. Mình có thể sắm sửa thêm đồ đạc mới và trang hoàng lại tòa nhà ở tỉnh. Mình có thể mua một chiếc xe ngựa đẹp nhất thành phố Luân Đôn, ngự trên ghế "lô" ở rạp Opera; và trong dịp thiết triều sắp tới mình rất có thể được vào hoàng cung. Tất cả những điều đó tý nữa thì thành sự thực… thế mà bây giờ… bây giờ tất cả đều là ảo tưởng, mơ hồ.

Song Rebecca là một thiếu nữ tính tình quả quyết nhiều nghị lực, đối với chuyện đã xảy ra không cứu vãn được nữa, cô không buồn phiền một cách vô ích và

đáng tức cười. Cho nên cô chỉ rầu rĩ vừa phải thôi, đoạn khôn khéo để dành thì giờ tập trung vào việc lo tính sắp đặt tương lai quan trọng hơn nhiều. Cô cân nhắc lại tình thế của mình cùng mọi nỗi hy vọng, lo lắng, và mọi sự may rủi có thể. Đầu tiên, hãy cứ biết là cô đã có chồng… đấy là điều quan trọng. Cụ Pitt biết chuyện ấy rồi. Cô không ngạc nhiên lắm về lời thú nhận trong một phút tính toán đột ngột cô đã nói ra. Chóng hay chầy thì rồi cũng có phen phải thú thực; vậy thì nói ngay bây giờ hay để đến sau này, khác gì nhau? Ít nhất thì cái con người suýt nữa được lấy cô làm vợ ấy phải biết im lặng, không đả động đến chuyện cô ta đã có chồng rồi. Nhưng vấn đề quan trọng là bà Crawley nghe tin ấy thì sẽ nghĩ sao? Rebecca băn khoăn quá. Nhưng cô còn nhớ tường tận lời bà Crawley, cô còn nhớ bà có thái độ khinh miệt dòng dõi quý tộc thế nào; cô nhớ bà có những ý kiến khoáng đạt, táo bạo thế nào; cô nhớ cả khuynh hướng lãng mạn trong tính tình của bà nữa: cô nhớ bà còn quý mến anh cháu trai đến mức như dở hơi, và chính cô cũng được bà nhiều lần tỏ lòng quý mến. Rêbeeea nghĩ thầm:

"Bà bão quý anh ấy lắm, chắc bà sẽ tha thứ cho anh ấy mọi chuyện: bà lão quen được mình săn sóc quá rồi: bây giờ thiếu mình chắc không chịu được. Bao giờ

chuyện bí mật trở thành hai năm rõ mười chắc thế nào bà lão cũng nổi cơn tam bành lục tặc, thế nào cũng khóc lóc gây sự với mình, nhưng rồi lại làm lành ngay với nhau thôi. Ngẫm cho kỹ, thì nấn ná, giấu giếm thêm nữa để làm gì? Con bài đã lật lên rồi, hôm nay hay ngày mai thì kết quả cũng thế thôi". Nghĩ vậy, cô quyết định báo cho bà Crawley biết mọi chuyện; cô chỉ cân nhắc xem nên báo tin cho bà cách nào bà tốt nhất, và có nên ra mặt chịu đựng cơn bão táp thế nào cũng nổ ra không, hay là nên cao chạy xa bay ẩn lánh một chỗ, đợi đến lúc mưa tạm tan, gió tạm lặng rồi hãy trở về. Trong lúc cô băn khoăn suy tính, cô viết một lá thư nội dung như thế này:

Anh thân mến nhất đời.Cơn đại khủng hoảng mà đôi ta thường bàn bạc vừa nổ ra rồi. Một nửa sự bí mật của em đã bị khám phá, em đã suy đi tính lại mãi, và em yên trí rằng bây giờ chính là lúc nên bộc lộ hết câu chuyện bí mật. Sớm nay, cụ Pitt tìm đến em và... anh có tưởng tượng được không cụ chính thư ngỏ ý hỏi em làm vợ. Thế có chết không! Thật đáng thương cho em quá! Lẽ ra em được trở thành Crawley phu nhân. Nếu quả thế, hẳn bà Bute sung sướng lắm đấy nhỉ: và cả bà cô em nữa, hẳn bà cũng vui lòng, nếu em trở thành bề trên của bà. Suýt nữa em đã trở thành mẹ của một người nào đó rồi,

chớ không phải là... ôi, cứ nghĩ chúng mình phải nói tất cả mọi chuyện ra sớm thế mà em sợ quá, em run quá! Cụ Pitt đã biết em có chồng nhưng không rõ em lấy ai, nên cụ cũng chưa lấy gì làm bực mình lắm. Bà cô em thì đang hết sức giận dữ, vì em từ chối không làm vợ ông cụ. Nhưng bà cư xử với em rất ngọt ngào, trìu mến. Bà ấy đã chịu hạ mình bảo em rằng em có thể trở thành một người vợ tốt của ông cụ được, và thề rằng sẽ coi "Rebecca bé bỏng của anh" như con gái. Khi biết chuyện, mới đầu chắc thế nào bà ấy cũng choáng váng: nhưng cơn giận rồi cũng chỉ thoáng qua, chúng ta có cần phải sợ hãi không, em nghĩ rằng không; em chắc chắc thế. Bà ấy quý anh như vàng (anh chỉ là đồ ngỗ ngược, vô tích sự), chắc sẽ tha thứ cho anh mọi chuyện. Mà em tin chắc rằng sau anh, thì người chiếm được chỗ thứ hai trong tim bà phải là em, và thiếu em thì bà ấy khổ lắm. Anh thân yêu nhất đời ơi, linh tính báo cho em biết rằng chúng ta sẽ chiến thắng. Anh sẽ từ biệt cái trung đoàn khốn nạn ấy, sẽ thôi không đánh bạc, thi ngựa, và sẽ trở thành một cậu bé ngoan ngoãn; chúng ta sẽ về cùng sống ở Đường thành công viên, và bà cô em sẽ cho chúng ta hưởng cả gia tài.

Sáng sớm mai, em sẽ cố tìm cách đến chỗ mọi khi vào ba giờ sáng. Nếu bà B cùng đi với em, thì anh phải đến

ăn cơm trưa và đưa tin trả lời em: nhớ cứ để vào tập thuyết giáo của Porteus quyển thứ ba. Nhưng dầu sao đi nữa, anh cũng phải đến thăm em nhé.

Gửi cô Eliza Styles, ngụ tại nhà ông Barnet, thợ đóng yên ngựa, Knightsbridge.

Tôi tin rằng không một bạn độc giả tinh ý nào đọc cuốn truyện nhỏ này lại không nhận ra ngay cái cô Eliza Styles thường lại nhà ông thợ đóng yên ngựa để nhận thư (theo lời cô Rebecca thì đấy là một bạn học cũ, gần đây cô mới lại thư từ thăm hỏi) lại là người cũng đi ủng có cựa gót bằng đồng, để một bộ ria mép to tướng và, chẳng phải ai xa lạ, chính là đại úy Crawley vậy.

CHƯƠNG XVI
BỨC THƯ TRÊN CHIẾC GỐI MAY

Hai người đã lấy nhau ra sao, điều đó không ai cần quan tâm mảy may. Một viên đại úy đã thành niên cùng một cô thiếu nữ đến tuổi xin cấp một tờ chứng hôn, và làm lễ cưới tại bất cứ nhà thờ nào trong thành phố thì có điều gì khó khăn đâu? Chẳng cần phải bảo thì ai cũng biết rằng một khi người đàn bà đã muốn, chắc chắn họ sẽ tìm ra cách thực hiện bằng được ý muốn của mình.

Cứ theo ý tôi thì có lẽ, một hôm nào đó, khi cô Sharp đi vắng cả một buổi sáng để đến thăm cô bạn thân thiết là Amelia Sedley ở khu phố Russell, thì có một thiếu nữ trông rất giống cô ta cũng bước vào một tòa nhà thờ nào đó trong thành phố, cùng một người đàn ông sang trọng có bộ ria mép vuốt sáp; sau khoảng mười lăm phút, người đàn ông này lại dẫn cô trở ra, lên chiếc xe ngựa thuê vẫn chờ sẵn: ấy là một buổi lễ cưới kín đáo vậy.

Và trên thế gian này, sau khi trải qua bao kinh nghiệm sống hàng ngày, ai dám cho rằng một người đàn ông con nhà dòng dõi lại không thể lấy vơ váo bất cứ người nào làm vợ? Đã có biết bao người khôn ngoan, học thức mà lấy ngay chị bếp của mình? Ngay chính bá tước Eldon, con người khôn ngoan nhất đời ấy chẳng đã lấy vợ một

cách lúi sùi vụng trộm đấy sao? Xưa kia, Achilles và Ajax cũng đã yêu nô lệ của họ. Vậy thì sao ta lại đòi hỏi anh chàng sĩ quan Ngự lâm quân cao lớn kia, con người có những dục vọng lớn lao nhưng trí óc lại rất bé nhỏ, trong đời mình chưa từng bao giờ biết kiềm chế những sự say mê, phải bất thình lình trở thành khôn ngoan và từ chối không chịu thỏa mãn một khát vọng anh ta hằng ấp ủ? Nếu như thiên hạ bao giờ cũng tính toán cẩn thận khi lấy vợ lấy chồng, thì việc phát triển dân số đến đình lại mất!

Riêng đối với tôi thì việc ông Rawdon lấy vợ chính là một trong số những hành vi lương thiện nhất mà ta có thể thống kê được trong bất cứ đoạn đời nào của nhà quý tộc ấy được miêu tả trong cuốn truyện này. Ai dám bảo rằng việc bị một người đàn bà quyến rũ, và do đó lấy người ấy làm vợ, là không anh hùng? Anh chàng chiến sĩ cao lớn ấy say mê, sung sướng, ngạc nhiên, hoàn toàn tin cậy và thờ phụng Rebecca như kẻ cuồng tín; ít nhất thì, trước con mắt của đàn bà, những tình cảm ấy cũng không hề làm mất uy tín của anh ta chút nào. Khi Rebecca hát, mỗi âm thanh như reo múa trong tâm hồn đần độn của anh ta, cũng như còn ngân nga mãi trong khắp cái cơ thể to lớn của anh ta. Lúc cô ta nói, anh chàng tận lực vận dụng trí thông minh để nghe và

để ngạc nhiên. Khi cô ta bỡn cợt, anh chàng thường nghiền ngẫm mãi. Những câu khôi hài của cô trong óc và để nửa giờ sau mới phá ra cười giữa phố, làm cho anh hầu ngồi cạnh trong xe ngựa, hoặc người bạn cùng cưỡi ngựa đi chơi ở Rotten Row với anh ta phải trố mắt ngạc nhiên. Đối với anh ta, những lời Rebecca nói là lời sấm truyền, mỗi hành vi dù nhỏ nhặt nhất của cô anh chàng cũng thấy đầy duyên dáng và khôn ngoan. Anh ta nghĩ thầm: "Nàng hát hay thật… vẽ đẹp quá… Nàng cưỡi con ngựa non bất kham ở trại Crawley Bà chúa mới khéo làm sao?"Và trong những phút tình tự, anh ta thường nói với cô gái: "Lạy Chúa, em Becky ơi, em xứng đáng làm tổng tư lệnh quân đội, là tổng giám mục ở giáo đường Canterbury, lạy Chúa!"

Trường hợp anh ta có phải là hãn hữu không? Hàng ngày, chúng ta chẳng đã từng được chứng kiến trong cuộc đời cảnh những chàng Hercules[97] thực thà bám lấy gấu váy của nàng và cảnh những chàng Samsons[98] khổng lồ có râu phủ phục trong lòng cô Delilah đấy sao.

Vậy thì Becky viết thư báo cho anh ta hay rằng cuộc đại khủng hoảng xảy ra đến nơi rồi, và bây giờ là lúc phải hành động ngay. Rawdon tự nhủ sẵn sàng tuân theo mệnh lệnh của cô như anh ta sẵn sàng dẫn đầu đơn vị của mình tấn công dưới sự chỉ huy của viên đại tá. Anh

ta cũng không cần phải nhét lá thư vào trong quyển thứ ba tập "Thuyết giáo" của Porteus. Ngay hôm sau, Rebecca đã dễ dàng tìm được cách trốn bà Briggs để đến "chỗ mọi khi" gặp người bạn tình trung thành của mình. Suốt đêm, cô ta trằn trọc nghĩ về chuyện này; sáng ra cô ta ngỏ với Rawdon mọi sự tính toán sắp đặt của mình. Dĩ nhiên, anh ta đồng ý về mọi khoản; anh ta hoàn toàn yên trí rằng người yêu tính toán như vậy là rất đúng, rằng những điều cô ta đề nghị là có lợi nhất, rằng bà Crawley, sau một thời gian, cuối cùng thế nào cũng phải nghĩ lại, phải "rút lui" như lời anh ta nói. Giả sử Rebecca quyết định hoàn toàn khác, chắc Rawdon sẽ cắm đầu đi theo cũng ngoan ngoãn như vậy.

Anh ta bảo: "Một mình đầu óc em cũng đủ cho cả hai ta rồi. Chắc chắn em sẽ tìm được cách cho chúng mình thoát khỏi chỗ bế tắc. Anh đã từng gặp gỡ những tay cũng đáo để mà chưa hề thấy ai sánh được với em đấy". Anh chàng Ngự lâm quân si tình bộc lộ lòng tín ngưỡng tuyệt đối của mình như vậy, và để mặc người yêu thực hiện cả phần việc của mình trong kế hoạch cô ta đã vạch ra cho cả đôi.

Kế hoạch ấy chỉ gồm có việc thuê một ngôi nhà yên tĩnh ở Brompton, hoặc tại một nơi gần trại lính, để ông bà đại úy Crawley ở. Rebecca quyết định đi trốn, chúng

ta cũng thấy thế là khôn ngoan nhất mực. Thấy cô ta muốn vậy Rawdon cũng thích; đã mấy tuần qua, anh chàng vẫn cầu khẩn Rebecca trốn đi với mình. Anh chàng lập tức lao đi tìm thuê nhà, hăng hái như một kẻ đang yêu. Người chủ nhà đòi trả mỗi tuần hai ghi nê; Rawdon bằng lòng ngay, làm cho bà này tiếc mãi sao mình không đòi đắt hơn. Anh ta thuê một chiếc dương cầm, và trang hoàng trong nhà toàn những hoa là hoa, la liệt toàn những đồ dùng sang trọng. Còn như các khoản khăn san, bao tay tất lụa, đồng hồ Pháp bằng vàng, vòng tay và nước hoa thì nhiều vô kể. Rawdon vung tiền ra mua các thứ như một kẻ si tình mù quáng và không bao giờ cạn túi. Sau khi đầu óc được nhẹ nhõm nhờ cái công việc "vén tay áo xô đốt nhà táng giấy" kia, thì anh chàng trở về câu lạc bộ của trại lính dùng bữa, nóng lòng sốt ruột chờ đợi phút thay đổi lớn lao trong đời mình sắp xảy ra.

Những việc xảy ra hôm trước, cử chỉ đáng phục của Rebecca từ chối một cuộc nhân duyên rất có lợi cho cô, nỗi đau khổ thầm kín đang giày vò cô, và thái độ dịu dàng, kín đáo của cô khi chịu đựng nỗi sầu muộn riêng của mình, tất cả những điều đó khiến cho bà Crawley đối với Rebecca càng thêm trìu mến hơn mọi ngày. Đối với đàn bà con gái thì một câu chuyện thuộc loại này,

một việc cưới xin, một chuyện từ hôn hay một việc cầu hôn, bao giờ cũng làm họ sôi nổi và đánh thức tất cả những cảm tình nồng nhiệt nơi họ. Với tư cách là một người quan sát nhân tình thế thái, tôi vẫn hay la cà vào trong nhà thờ St. George ở Quảng trường Hanover suốt trong những mùa cưới. Tôi chưa hề thấy những anh phù rể khóc lóc hoặc thấy những ông thầy cả hoặc thầy dòng đang hành lễ tỏ vẻ cảm động, nhưng thường được thấy những người đàn bà hoàn toàn không có liên quan gì đến cuộc hôn lễ đang tiến hành – nghĩa là những bà mệnh phụ đã quá tuổi lấy chồng lâu lắm rồi, những bà nạ dòng to béo con trai con gái đầy đàn, đó là chưa kể những cô con gái xinh xắn trẻ măng đội mũ trùm màu hồng đang độ "đào tơ sen ngó", họ quan tâm đến cuộc lễ là dĩ nhiên – tôi nói rằng thường thường những người đàn bà có mặt trong buổi lễ đều khóc nức nở, khóc thút hít, rồi xịt xoạt hỷ mũi và cầm những chiếc khăn tay bé tý rất vô dụng để che kín mặt đi; tất cả, già cũng như trẻ, đều bồi hồi xúc động. Khi anh bạn tôi là John Pimlico cưới cô Belgravia Green Parker xinh đẹp làm vợ, tất cả mọi người đều cảm động quá đến nỗi cái bà lão khịt mũi dẫn tôi đến chỗ ngồi cũng giàn giụa nước mắt. Tôi tự hỏi: "Tại sao thế nhỉ? Bà lão có phải đi lấy chồng đâu mà cũng khóc?"

Nói tóm lại, trước câu chuyện của cụ Pitt, bà Crawley và bà Briggs đang ở trong một tình trạng rất xa xỉ về tình cảm; Rebecca bỗng nhiên được họ hết sức quan tâm săn sóc. Còn khi cô đi vắng, bà Crawley đành tự an ủi bằng cách đọc những cuốn truyện lãng mạn nhất có trong tủ sách vậy. Cô Rebecca bé bỏng với những nỗi đau khổ thầm kín của mình đã trở thành một nhân vật quan trọng.

Tối hôm ấy, Rebecca hát nghe ngọt ngào hơn, và nói chuyện nghe duyên dáng hơn bất cứ bao giờ từ hồi cô đến sống ở Đường công viên. Cô tìm đủ mọi cách uốn éo lấy lòng bà Crawley. Cô vừa cười vừa nói về việc cụ Pitt hỏi cô làm vợ, cứ tự nhiên như không, lại giễu cợt lão là đã già mà còn thích chơi trống bỏi. Lúc cô nói rằng không ao ước gì hơn là được mãi mãi ở lại bên cạnh người ân nhân của mình, thì cô giàn giụa nước mắt; còn trống ngực bà Briggs thì cũng đập thình thình vì xúc động. Bà Crawley nói:

- Cô em thân mến ơi, tôi muốn cô ở đây với tôi mãi mãi, cô có thể yên trí như thế. Câu chuyện kia đã xảy ra rồi, chẳng lẽ cô còn trở về sống với cái ông anh bỉ ổi của tôi à? Cô sẽ ở lại đây với tôi và bà Briggs. Bà ấy thường đi vắng luôn để thăm nom họ hàng. Này, bà Briggs, khi nào cần, bà cứ tha hồ đi, tùy thích. Nhưng còn cô, cô

em thân yêu ạ, cô phải ở lại để săn sóc bà lão già nua này chứ.

Giả sử Rawdon đang có mặt ở đây, chứ không phải đang nốc rượu ào ào ở câu lạc bộ nhà binh, có lẽ đôi vợ chồng đã quỳ phăng xuống trước gối bà lão để thú thật mọi việc, chắc sẽ được tha thứ trong chớp mắt. Song cái may mắn đó không đến với cặp vợ chồng trẻ ấy có lẽ cốt để cho tôi được viết cuốn tiểu thuyết này, và được kể bao nhiêu chuyện về họ… những chuyện ấy hẳn không bao giờ xảy ra trong đời họ nếu họ được sống trong sự bao dung che chở của con người dễ tha thứ nhưng nhạt nhẽo là bà Crawley kia.

Tại nhà bà Crawley Đường công viên, dưới quyền bà Firkin có một chị con gái làm công, người quận Hamshire; ngoài những công việc khác, chị này hàng ngày còn phải mang một bình nước nóng đến gõ cửa phòng cô Sharp vì Firkin thà chết chứ không bao giờ chịu mang nước hầu kẻ xa lạ ấy. Chị con gái làm thuê này có một người anh trai đi lính trong đơn vị của đại úy Crawley và, không sợ nói sai sự thực, tôi dám cam đoan rằng chị ta nắm được một số chuyện bí mật có liên quan nhiều đến cuốn truyện này. Nói tóm lại, với ba ghi-nê của Rebecca cho, chị ta sắm một tấm khăn quàng màu

vàng, một đôi ủng màu xanh, một chiếc mũ nhẹ màu xanh da trời có đính một chiếc lông chim màu đỏ: cô Sharp vốn xưa nay không hào phóng lắm về chuyện tiền nong, vậy mà hậu đãi cho Betty Martin như thế, hẳn chị ta phải giúp cô được nhiều việc.

Ngày thứ hai, tính từ hôm cụ Pitt ngỏ lời cầu hôn với Rebecca, mặt trời vẫn mọc như thường lệ; và đúng giờ như lệ thường, Betty Martin, chị hầu gái chuyên dọn dẹp trên gác, đến gõ cửa phòng cô giáo.

Không có tiếng trả lời; chị lại gõ nữa. Vẫn im lặng như tờ Betty xách bình nước nóng bèn mở cửa, bước vào trong phòng. Chiếc giường nhỏ có nệm bông trắng muốt vẫn phẳng lì và sạch y như tối hôm trước, lúc chính tay Betty trải giường lại. Ở một đầu gian phòng, có hai chiếc vali nhỏ chằng dây cẩn thận; trên chiếc bàn cạnh cửa sổ có một lá thư đặt trên mặt một tấm gối, chiếc gối to, phồng, có kẻ chỉ hồng, mặt gối đan chéo giống chiếc mũ ngủ của một bà già. Có lẽ lá thư được đặt trên đó suốt đêm rồi.

Betty rón rén đi lại, như sợ hãi không dám đánh thức lá thư đang ngủ… Chị ta nhìn lá thư, lại nhìn quanh phòng, có vẻ rất ngạc nhiên mà cũng rất thỏa mãn. Chị cầm lá thư lên vừa mân mê lật đi lật lại, vừa nhoẻn miệng cười mãi; cuối cùng chị ta đem lá thư xuống nhà dưới

đưa cho bà Briggs. Vì sao Betty lại biết thư ấy gởi cho bà Briggs, tôi cũng chẳng rõ; vì chị Betty chỉ được theo những lớp học ngày chủ nhật do bà Bute Crawley dạy nên chị ta vẫn mù tịt không đọc được chữ y như đó là chữ Do-thái vậy. Chị hầu gái kêu ầm lên:

- Này, bà Briggs ơi; bà ơi, lại có chuyện rắc rối đây. Trong buồng cô Sharp vắng tanh. Giường vẫn nguyên chưa có ai nằm, mà cô ấy đi đâu mất để lại lá thư gửi cho bà đây này.

Bà Briggs đánh rơi chiếc lược xuống đất, mớ tóc thưa thớt mỏng dính đã bạc xõa xuống vai bà kêu lên:

- Thế nào? Trốn đi theo giai à? Cô Sharp bỏ trốn đi? Có lẽ nào thế được?

Bà lật đật bóc thư và như người ta vẫn nói, "đọc ngấu nghiến" lá thư đề gửi cho bà.

Bà Briggs thân mến (lời người đi trốn); bà là người có tấm lòng rộng lượng nhất đời, bà sẽ thương xót, thông cảm và tha lỗi cho tôi. Tôi rời bỏ nơi đây, nơi kẻ mồ côi đáng thương này được mọi người đối đãi rất dịu dàng trìu mến, mà không sao cầm được nước mắt; và tôi cầu kinh, xin chúa ban ơn cho những người ở lại. Tôi phải tuân theo những quyền lực cao cả hơn cả quyền lực của người ân nhân che chở cho tôi. Tôi phải trở về với bổn

phận… trở về với chồng tôi. Vâng, tôi đã có chồng. Chồng tôi ra lệnh cho tôi phải trở về căn nhà tầm thường, nơi từ nay chúng tôi chung sống. Bà Briggs thân thiết nhất đời ơi, xin bà hãy báo tin này cho người bạn thân mến, vị ân nhân của tôi, một cách thật khéo léo; chỉ có người tế nhị giầu từ tâm như bà mới làm được việc ấy. Bà hãy nói rằng trước khi tôi ra đi tôi đã khóc hết nước mắt trên tấm gối thân yêu của bà ấy nơi tôi đã bao lần săn sóc bà lúc đau yếu… và tôi còn ao ước được tiếp tục săn sóc bà như trước nữa… Ôi, tôi sẽ trở về Đường công viên thân yêu với bao nhiêu sung sướng! Tôi run rẩy chờ đợi câu trả lời quyết định vận mệnh của tôi! Khi cụ Pitt hạ cố ngỏ ý muốn lấy tôi làm vợ, đó là một vinh dự mà bà Crawley đã có nói rằng tôi xứng đáng (cầu chúa ban phúc lành cho bà, vì bà đã cho rằng kẻ mồ côi đáng thương này, xứng đáng hàng chị em với bà!) thì tôi trả lời cụ Pitt rằng tôi đã có chồng. Cụ đã tha thứ cho tôi. Song tôi không có đủ can đảm để thú thật cùng cụ tất cả mọi chuyện… tôi không thể nhận lời làm vợ cụ, vì tôi đã là con dâu cụ rồi! Chồng tôi là người đàn ông tốt nhất, rộng lượng nhất trên đời này… Anh Rawdon, cháu trai bà Crawley, chính là chồng tôi. Theo lệnh của chồng tôi, tôi thú thực mọi chuyện, và tôi theo anh ấy trở về căn nhà tầm thường của chúng tôi, cũng như tôi sẵn sàng theo anh ấy đi đến bất cứ nơi nào trên thế giới này!

Ôi, người bạn quý báu, thân yêu của tôi ơi, xin bà hãy can thiệp với bà cô của Rawdon, xin tha thứ cho anh ấy và cho tôi là kẻ đã được khắp mọi người trong gia đình quý phái này tỏ lòng vô cùng quý mến. Nhờ bà hãy xin với bà Crawley vui lòng cho phép những đứa con của bà trở lại. Tôi không còn biết nói gì hơn là cầu chúa ban phước lành cho tất cả gia đình.

Người bạn thân thiết và biết ơn bà.

Rebecca Crawley (Nửa đêm).

Bà Briggs vừa đọc xong lá thư lời lẽ cảm động và lý thú này, lá thư có tác dụng trả lại cho bà địa vị người bạn tâm tình thứ nhất của bà Crawley như trước, thì bà Firkin bước vào phòng:

- Bà Bute Crawley vừa theo xe thư từ Hamshire lên, muốn dùng nước trà. Bà xuống nhà làm giúp bữa cơm sáng nhé.

Bà Firkin ngạc nhiên quá vì thấy bà Briggs ôm chặt tà áo quấn quanh bụng, mớ tóc rối bù xõa xuống lưng, mấy cái cặp giấy dùng để uốn tóc vẫn còn đính từng chùm trước trán, sầm sầm tiến về phía mình, tay vẫn cầm lá thư đầy những tin kỳ lạ kia. Chị Betty há hốc mồm ra nói:

- Bà Firkin ơi, chuyện "*nạ*" quá. Cô Sharp bỏ đi trốn

với ông đại úy rồi. Hai người đang trên đường đi Gretney Green!

Lẽ ra chúng tôi phải dành riêng cho cả một chương mới đủ miêu tả sự xúc động của bà Firkin nhưng nỗi tức giận của bà chủ còn đáng chú ý hơn nhiều.

Bà Bute Crawley vừa trải qua một cuộc hành trình ban đêm, tê cóng cả người, đang ngồi sưởi trước lò lửa vừa nhóm trong phòng khách, nghe bà Briggs kể lại cuộc hôn nhân bí mật, bà bảo ngay rằng thật là lòng trời xui khiến nên bà mới đến đây đúng lúc để giúp đỡ bà Crawley thân yêu đáng thương của bà chịu đựng nỗi đau đớn này; bà bảo Rebecca là một con ở xảo quyệt, xưa nay bà vẫn nghi ngờ. Còn đối với Rawdon, thì chưa bao giờ bà hiểu nổi tại sao bà Crawley lại nâng niu anh ta đến mức ấy; từ lâu bà vẫn coi anh ta là một thằng trác táng, hư hỏng, bị Thượng đế ruồng bỏ. Bà Bute còn nói rằng cái việc đốn mạt này ít ra cũng có mặt tốt, vì nó khiến cho bà Crawley mở mắt ra mà thấy rõ bản chất của cái thằng hư đốn ấy. Thế là bà Bute ngồi uống trà, ăn bánh, trong lòng rất thư thái.

Bây giờ trong nhà đã có một buồng bỏ không vắng người ở, bà chẳng cần phải trọ ở khách sạn Gloster – nơi mà chiếc xe thư đỗ lại cho bà xuống – làm gì nữa. Bà ra lệnh cho anh phụ việc bác Bâu đi lấy hòm xiểng va-li của

bà mang về.

Bao giờ cũng vậy, cứ đến gần trưa, bà Crawley mới ra khỏi phòng ngủ. Buổi sáng bà thường nằm trên giường mà uống súc cù là trong khi Becky Sharp đọc tờ báo "Tin tức buổi sáng" cho bà nghe, nếu không thì tìm những cách giải trí khác hoặc đi dạo loanh quanh. Mấy người đàn bà dưới nhà bảo nhau đừng làm bà phiền lòng vội, chờ khi nào bà xuống phòng khách hãy báo tin cho bà rõ. Trong khi đó, họ thưa với bà ta rằng có bà Bute Crawley từ Hamshire lên bằng xe thư còn đang trọ ở Gloster gửi lời chào bà Crawley và xin được dùng cơm sáng với bà Briggs. Những lần khác, việc bà Bute đến chơi cũng không khiến bà Crawley vui vẻ nhiều lắm, nhưng lần này bà rất bằng lòng vì sẽ có dịp trò chuyện với bà chị dâu về Crawley phu nhân vừa chết, về việc sửa soạn đưa đám ra sao, và về việc cụ Pitt đột ngột ngỏ lời cầu hôn với Rebecca.

Cho mãi tới lúc bà già đã ngồi bệ vệ thoải mái trong tấm ghế bành riêng của mình kê trong phòng khách, và hai chị em đã theo đúng thủ tục hôn nhau, hỏi thăm nhau xong rồi, thì mấy người đàn bà kín tiếng mới quyết định báo tin bà hay. Ai mà không phải kính phục đàn bà, vì họ có nhiều khóe rất tế nhị, khôn khéo, để sửa soạn cho bạn họ chịu đựng những tin dữ. Trước khi nói rõ

chuyện, hai người bạn của bà Crawley đã làm ra vẻ cực kì bí mật đủ khiến cho bà Crawley phải hoài nghi và lo sợ đến một mức độ cần thiết. Bà Bute nói:

- Bà Crawley thân mến ơi, cô ấy từ chối lời cầu hôn của cụ Pitt là vì… là vì cô ấy không thể nào làm khác được.

Bà Crawley đáp:

- Dĩ nhiên phải có một lý do rồi. Cô ấy yêu người khác. Hôm qua, tôi đã nói chuyện ấy với bà Briggs.

Bà Briggs há hốc mồm:

- Yêu người khác? ồ, bà bạn quý ơi, cô ấy có chồng rồi đấy. Phải, có chồng rồi.

Bà Bute cũng phụ họa theo, đoạn cả họ ngồi chắp tay cùng ngó nạn nhân của mình. Bà Crawley hét rầm lên:

- Lúc nào cô ấy về lập tức bảo cô ấy lại đây. Con bé mưu mẹo khốn kiếp. Sao cô ấy lại dám giấu tôi?

- Còn lâu cô ấy mới về đây được. Bà bạn ơi, xin bà đừng ngạc nhiên nhé… cô ấy còn đi vắng lâu kia… cô ấy… cô ấy đã bỏ trốn đi rồi.

Bà gái già nói:

- Trời đất ơi, thế ai pha súc-cù-là cho tôi bây giờ? Cho người đi tìm cô ấy bắt về. Tôi muốn cô ấy quay về đây.

Bà Bute nói:

- Cô ấy trốn đi từ đêm qua, bà ạ.

Bà Briggs cũng nói:

- Cô ấy để lại một phong thư cho tôi. Cô ấy lấy…

- Hãy gượm đã, bà Briggs thân mến ơi, đừng làm cho bà ấy đau khổ…

Bà lão không chồng giận giữ kêu lên:

- Lấy ai, hử?

- Lấy một người có họ với…

Nạn nhân lại kêu lên:

- Cô ấy đã từ chối cụ Pitt rồi cơ mà. Nói mau. Đừng làm tôi phát điên lên nữa.

- Ồ, thưa bà… kìa bà Briggs, đỡ bà ấy hộ một tý… cô ấy lấy Rawdon Crawley đấy.

Bà lão đáng thương gào lên như mất trí:

- Rawdon lấy vợ… Lấy Rebecca… cô giáo dạy trẻ… không, không… cút hết cả ra khỏi nhà tôi, các bà là đồ ngu, đồ xuẩn. Bà Briggs, bà ngu lắm; bà dám thế à? Các bà a tòng với nhau gây ra chuyện này… chúng nó lấy nhau là tại bà, Martha ạ; bà tưởng rằng tôi sẽ truất món gia tài của nó để cho bà phải không?

- Tôi? Thưa bà, tôi mà đi khuyên một người trong gia đình nhà ta lấy con gái một anh thợ vẽ làm vợ?

- Mẹ cô ấy là con cháu gia đình Montmorency.

Bà già vừa quát lên, vừa dùng hết sức giật mạnh dây chuông.

Bà Bute đáp:

- Mẹ cô ấy là vũ nữ ở rạp Opera; còn cô ấy thì cũng đã từng lên sân khấu, và chưa biết chừng còn làm những nghề tồi tệ hơn thế nữa.

Bà Crawley thét lên một tiếng cuối cùng, ngã lăn ra bất tỉnh nhân sự. Họ bắt buộc lại khênh bà vào căn phòng riêng bà vừa rời khỏi. Hết cơn ngất này lại tiếp cơn khác.Phải lập tức cử người đi mời thầy thuốc đến. Bà Bute ngồi bên cạnh giữ nhiệm vụ săn sóc thuốc thang. Người đàn bà đáng quý này nói: "Họ hàng thân thích chẳng trông nom săn sóc cho nhau thì còn ai nữa".

Bà Crawley vừa được khiêng vào phòng riêng của mình, thì một nhân vật khác hiện ra; nhân vật này cũng cần được báo ngay tin Rebecca đi trốn; ấy là cụ Pitt. Bước vào phòng, lão hỏi ngay:

- Becky đâu? Hành lý của cô ấy đâu? Cô ấy phải về trại Crawley Bà chúa với tôi bây giờ đây.

Bà Briggs nói:

- Cụ đã biết tin cô ta bí mật thành hôn chưa?

Cụ Pitt đáp:

- Điều đó dính dáng gì đến tôi? Tôi đã rõ cô ấy có chồng rồi; có gì là lạ đâu? Bảo cô ấy xuống ngay, đừng bắt tôi phải chờ.

Bà Bute lại hỏi:

- Thưa cụ, thế ra cụ chưa biết cô ấy bỏ trốn rồi à? Bà Crawley suýt nữa chết ngất đi khi biết tin cậu Rawdon Crawley đã cưới cô ấy làm vợ.

Lúc lão Pitt nghe tin Rebecca là vợ của con trai lão, lão văng tục một hồi ầm ĩ, kể lại đây cũng chẳng hay ho gì, làm cho bà Briggs tội nghiệp sợ quá, run bắn người lên chuồn ngay ra ngoài. Chúng ta cũng nên khép cánh cửa lại để mặc lão già đang phát rồ phát dại vì căm tức và thất vọng ở trong phòng một mình.

Ngày hôm sau, khi đã trở về trại Crawley Bà chúa, lão như một người điên lùng vào căn phòng Rebecca vẫn ở từ trước, đá tung các hòm xiểng, rũ tung các giấy má, quần áo và mọi đồ kỷ niệm khác của cô ta. Cô Horrocks là con gái bác quản lý vớ được một ít; còn một ít, mấy đứa trẻ đem ra khoác cho nhau, giả vờ đóng kịch. Ấy là người mẹ đáng thương của chúng mới được về nơi an

nghỉ cuối cùng có mấy ngày. Bà ta nằm trơ trọi trong nấm mồ, bên cạnh toàn những người xa lạ, chẳng một ai buồn khóc thương.

- Này, nhỡ mụ già không gọi chúng mình về thì sao?

Rawdon hỏi cô vợ bé nhỏ của mình, trong lúc hai vợ chồng đang ngồi chơi với nhau trong căn nhà nhỏ bé ấm cúng ở Brompton. Cả buổi sáng Rebecca đã chơi thử chiếc dương cầm mới. Đôi bao tay mới mua cô đi vừa khít, xinh quá; cô choàng chiếc khăn san nom tôn hẳn vẻ đẹp lên; trên đôi bàn tay, thon thon, mấy chiếc nhẫn sáng lóng lánh; chiếc đồng hồ mới đeo ở dây lưng kêu tích tắc, tích tắc.

- Becky, nhỡ mụ không nghĩ lại thì sao?

- Thì em sẽ xây dựng sự nghiệp cho anh chứ sao.

Rồi Delilah vuốt ve đôi má Samson.

Anh chồng hôn bàn tay xinh xinh của vợ nói:

- Cái gì em cũng làm được. Lạy Chúa, em tài lắm. Bây giờ chúng mình đi xe ngựa đến quán "Huy chương và Bội tinh" rồi dùng cơm ở đấy nhé.

CHƯƠNG XVII
ĐẠI ÚY DOBBIN SẮM DƯƠNG CẦM

Trong *Hội chợ phù hoa*, có một chỗ mà tình cảm và sự châm biếm có thể khoác tay nhau cùng đi, nơi mà cái đáng cười và cái đáng khóc gặp gỡ nhau, và đối lập nhau một cách lạ kỳ nhất, nơi mà bạn có thể hoàn toàn tự do tỏ ra hiền lành dịu dàng, hoặc dữ tợn vô sỉ tùy thích; ấy là những cuộc hội họp công khai được quảng cáo hàng ngày trên trang cuối tờ "Thời báo". Ông George Robins đã quá cố trước kia vẫn chủ tọa nơi này một cách vô cùng xứng đáng. Ở Luân Đôn, không mấy ai là không biết đến nơi này. Tất cả những người nào có khuynh hướng răn đời đều phải đã có phen nghĩ ngợi một cách hơi kỳ quái tức cười rằng rồi có phen đến lượt chính họ cũng phải đến nơi hội họp ấy.

Theo lệnh những hội viên của hội Diogenes[99], hoặc căn cứ theo những điều khoản trong chúc thư, ông Hammerdown[100] sẽ đem những tủ sách, đồ đạc, bát đĩa, tủ áo và những hầm rượu chọn lọc của ngài Epicurus[101] đã quá cố ra cho thiên hạ tranh nhau mặc cả.

Ngay con người ích kỷ nhất vẫn thường qua thăm Hội chợ phù hoa, khi chứng kiến cái phần bẩn thỉu nhất này

trong đám tang của một người bạn thân, cũng không thể nào không thấy cảm động và tiếc thương đôi chút.

Thi thể của quý quan Dives, hiện đã nằm yên trong hầm mộ của gia đình rồi. Bọn thợ đá cũng đang khắc lên mặt bia những lời xưng tụng rất đúng sự thực ca ngợi đức tính của người đã chết, ghi lại nỗi sầu khổ của đứa cháu thừa hưởng gia tài đang toàn quyền sử dụng đồ đạc để lại.

Có người khách nào đã từng dự tiệc trong gia đình ngài Dives, khi qua thăm lại ngôi nhà quen thuộc mà không phải thở dài?..Ngôi nhà thường ngày đèn thắp rực rỡ vào hồi bảy giờ tối, cánh cửa phòng lớn thường mở rộng sẵn sàng, và trong khi bạn đang trèo lên cầu thang, bọn gia nhân truyền nhau báo tên bạn từng chặng một, cho đến khi vọng vào tận trong căn phòng ngài Đai vơ vẫn ngồi tiếp khách. Vô vàn là khách; mà cách tiếp đãi mới lịch sự làm sao. Biết bao nhiêu con người lanh lợi khôn ngoan vẫn thường lui tới nơi đây; khi họ bước ra về, mặt người nào cũng có vẻ âu sầu. Nơi đây, biết bao người tỏ ra lịch sự nhã nhặn đối với nhau, trong khi tại những nơi khác họ gièm pha nhau, thù ghét nhau kịch liệt. Cụ chủ tính kiêu hãnh, song thức ăn ngon như thế, ai mà chẳng muốn nuốt? Cụ chủ tính hơi đần độn, song rượu ngon như thế thì câu chuyện nào mà chẳng trở nên

thú vị? Mấy ông bạn đang âu sầu thương tiếc người đã khuất kêu lên với nhau trong nhóm: "Chúng mình phải lùng cho ra thứ rượu ấy mới được, đắt mấy cũng mua".

- Tôi mua được cái hộp đựng thuốc lá này trong buổi bán đấu giá đồ đạc của lão Dives đấy – Pincher vừa nói vừa chìa cho mọi người xem – đây là chân dung một nhân tình vua Louis XV… xinh đấy chứ?

Và cả bọn kháo nhau về chuyện con trai lão Dives sắp phá tan gia tài của bố thế nào.

Ngôi nhà bây giờ thay đổi nhiều quá. Mặt tường bị che kín sau những tấm giấy quảng cáo liệt kê mọi thứ đồ đạc, viết bằng những chữ hoa to tướng như đập vào mắt mọi người. Một mảnh thảm treo trên một cái cửa sổ trên gác… có đến nửa tá bọn phu khuân vác đang leo lên leo xuống chiếc cầu thang đầy bụi… gian phòng lớn lúc nhúc toàn những khách lạ quần áo bẩn thỉu, nom bộ dạng như người Đông Phương[102] họ dúi vào tay bạn những tấm thẻ chữ in, và nhờ bạn đứng tên trả giá. Nhiều bà già và những người ưa chơi đồ lạ đã leo lên gác trên; họ sờ mó những diềm màn, luồn tay vào những túp lông, lật đi lật lại những tấm nệm, và mở ra mở vào những ngăn kéo tủ áo ầm ầm. Mấy người quản gia trẻ tuổi đang lăng xăng đo những tấm gương và những tấm thảm xem có thích hợp với gia đình nhà chủ họ mới

nhận việc không. (*Snob* [103] rất có thể hàng năm sau vẫn khoe đã có mua thứ nọ thứ kia trong dịp bán đấu giá này).

Lão Hammerdown đang ngồi trên chiếc bàn ăn lớn màu cánh gián kê trong phòng ăn dưới nhà; ông ta vừa khoa khoa chiếc búa bằng ngà voi, vừa trổ hết tài hùng biện mà nói say sưa, mà cầu khẩn, mà lý luận, mà thất vọng, vừa hò hét bọn tay chân. Lão giễu cợt ông Davids, vì ông này lề mề; lão giục ông Moss nhanh tay lên một tý; lão van xin, ra lệnh, gào thét, cho đến khi chiếc búa nện xuống nghe như những tiếng gõ của định mệnh và chuyển sang "lô" khác. Ôi, cụ Dives ơi, trong khi chúng ta quây quần quanh tấm bàn rộng sáng choang toàn bát đĩa cùng khăn ăn trắng tinh, có ai ngờ rằng lại có ngày nó phải mang một thứ đĩa là cái lão nhân viên phát mại ồn ào này không?

Việc mua bán diễn ra khá lâu rồi. Gian phòng khách toàn đồ quý đã bán xong, còn những loại rượu hiếm và quý thì những tay sành sỏi biết thưởng thức, vung tiền ra, không kể đắt rẻ bê đi tất. Bộ đồ ăn đầy đủ, rất quý, dùng cho cả gia đình đã bán từ mấy hôm trước. Viên quản lý nhà ông John Osborne của chúng ta ở khu phố Russell đã đến mua một vài thứ rượu quý cho chủ, (những thứ rượu này nổi tiếng khắp vùng). Có một ít bát

đĩa bằng bạc toàn những thứ cần thiết thì mấy tay buôn tín phiếu trẻ tuổi ở khu City đã mua rồi. Bây giờ đến lượt bọn thường dân được mời đến xem những vật tầm thường còn lại. Nhà hùng biện đứng vắt vẻo trên một chiếc ghế đang ra sức quảng cáo cho vẻ đẹp của một bức tranh để thu hút khán giả.

Hôm nay, khán giả cũng thưa thớt hơn, và cũng kém sang trọng, không bằng bữa trước.

Ông Hammerdown gào lên:

- Số 869 đây. Tranh một ông sang trọng cưỡi voi. Ai mua ông sang trọng cưỡi voi đây. Blowman, giơ cao bức tranh lên cho các ông các bà ấy xem kỹ đi.

Thấy Blowman giơ cao món hàng quý giá lên, một ông lịch sự người dài ngoằng, nước da tai tái, trông có vẻ nhà binh, đang ngồi im lặng trên chiếc bàn màu cánh gián hơi nhếch mép cười.

- Blowman, hãy giơ cho ông đại úy xem con voi. Thưa ông, ông thấy con voi thế nào?

Viên đại úy không trả lời, có vẻ bối rối, đỏ mặt quay đi; lão nhân viên phát mại không nài thêm.

- Tác phẩm nghệ thuật này giá có hai mươi ghi-nê thôi… hoặc năm đồng, mười lăm đồng, tùy ý các ngài trả! Một mình người cưỡi chưa kể con voi cũng đã đáng

giá năm đồng rồi.

Một tay ưa bông lơn nói:

- Lạ quá, sao con voi chở nặng thế mà không khuỵu xuống nhỉ? Anh ta béo ghê béo gớm.

Quả thật, người cưỡi voi trong tranh to béo quá. Nghe câu nói đùa, cả gian phòng cười ầm lên, ông Hammerdown nói:

- Đừng có làm giảm giá trị của bức tranh, ông Moss. Để cho các ông ấy xem kỹ vào; một tác phẩm nghệ thuật đấy… Coi đáng điệu con vật có hệt như thật không nào. Ông cưỡi con voi mặc áo ngắn bằng vải Nam kinh, tay cầm súng đang đi săn đấy. Phía xa có một ngôi chùa và một cây chuối, trông có giống những cảnh đẹp ở thuộc địa Đông Ấn của nước ta không? Trả bao nhiêu bức này nào? Thế nào, các vị bắt tôi đứng đây suốt ngày à?

Có người trả năm si linh; người trông có vẻ nhà binh nhìn về phía có tiếng người trả quá hào phóng vừa rồi, thì thấy một sĩ quan khác khoác tay một người đàn bà. Trước cảnh tượng này đôi ấy có vẻ rất thú vị; cuối cùng tiếng búa nện xuống bàn, đồng ý bán cho họ bức tranh với giá nửa ghi-nê. Nhìn thấy cặp trai gái này, người ngồi ở bàn càng tỏ vẻ bối rối và ngạc nhiên hơn. Anh ta vội

thụt đầu vào trong cái cổ áo nhà binh bẻ cao lên và quay lưng lại họ, hình như muốn tránh mặt thì phải.

Tôi không muốn nói đến những thứ đồ đạc ông Hammerdown hôm ấy có hân hạnh được đem bán đấu giá, trừ một thứ; ấy là một cây đàn dương cầm nhỏ, khiêng từ trên gác xuống. Cây dương cầm lớn đã bán trước rồi; người đàn bà trẻ tuổi ấy ngồi chơi thử chiếc dương cầm này, đôi tay lướt đi nhanh nhẹn, mềm dẻo (làm cho viên sĩ quan lại đỏ mặt lên và giật mình); một lúc sau, người đàn bà sai người đại diện của mình trả giá mua cây dương cầm.

Nhưng lần này, có người mua tranh. Người Do-thái đại diện cho viên sĩ quan ngồi ở bàn trả giá mua tranh với người Do thái đại diện cho người đàn bà mua bức tranh lúc nãy. Cuộc thi đua trả giá cao để mua bằng được chiếc dương cầm bé nhỏ bắt đầu, và được ông Hammerdown hết sức khuyến khích.

Cuối cùng, sau một hồi ganh nhau, hai vợ chồng người mua bức tranh con voi rút lui. Tiếng búa nện xuống bàn, người nhân viên phát mại tuyên bố. "Ông Lewis, hai mươi lăm". Thế là người mượn ông Lewis đại diện được làm chủ cây dương cầm nhỏ. Mua xong cây dương cầm, anh ta ngồi thẳng dậy, có vẻ rất khoan khoái; hai vợ chồng người mua trượt món đồ bấy giờ

mới liếc mắt nhìn sang; người đàn bà bảo chồng:

- Ô kìa, Rawdon, đại úy Dobbin đấy.

Có lẽ Becky không ưa cây dương cầm mới, chồng vừa thuê cho mình, hoặc có lẽ người chủ đã lấy về rồi, không cho thuê tiếp nữa; hoặc cũng có thể cô ta đặc biệt thích cây dương cầm này vì nhớ lại ngày xưa đã nhiều lần cô ta chơi nhạc trong căn phòng nhỏ của cô Amelia Sedley thân yêu của chúng ta chăng.

Cuộc bán đấu giá trên diễn ra trong căn nhà cổ kính ở khu phố Russell, nơi chúng ta đã gặp nhau trong vài buổi tối, lúc mới bắt đầu câu chuyện này. Ông Sedley bị phá sản rồi. Ở phòng Hối đoái, người ta đã tuyên bố ông bị phá sản; sau đó, mọi việc hoạt động thương mại của ông ta bị đình chỉ hết. Viên quản lý của ông Osborne đến đây chọn mua một ít rượu vang quý mang về cho chủ. Bộ thìa đĩa mười hai người ăn bằng bạc chạm trổ rất công phu cùng bộ đồ ăn tráng miệng đã đem bán cân cho ba người buôn tín phiếu trẻ tuổi (tức là các ông Dale, Spiggot, và Dale, ở phố Threadneedle). Mấy người này trước kia có giao dịch nhiều với ông John Sedley và được ông đối đãi rất tốt cũng như ông đối đầu với tất cả mọi người có việc giao dịch với mình; họ bèn gửi biếu lại bà cụ Sedley món đồ mọn vớt vát được trong cơn tan tác. Cây dương cầm nhỏ trước kia của Amelia, bây giờ

chắc cô nhớ nó lắm; mà đại úy Dobbin thì không biết chơi đàn chẳng khác chi không biết nhảy trên dây vậy, hẳn anh ta không mua cho mình dùng.

Tóm lại, buổi tối hôm ấy, người ta mang cây đàn dương cầm đến một gian nhà nhỏ ở một phố đi thẳng từ đường Fullham ra, một trong những phố có cái tên rất đẹp và rất thi vị… gọi là khu St. Adelaide, đường Anna-Maria. Ở đây nhà cửa bé tý như đồ chơi của trẻ con, và khách đi đường nhìn qua cửa sổ thấy người ngồi trên gác như phải thò chân xuống đến tận dưới nhà. Cây cối trồng trong khu vườn nhỏ trước nhà quanh năm lúc nào cũng phơi đầy những tã lót trẻ em, những đôi tất đỏ tý xíu những chiếc mũ trùm v.v.. (chế độ đa phu, nhân chủng đa nguyên tính).

Văng vẳng ra tiếng the thé của những cây đàn cũ rích và tiếng đàn bà đang hát. Trên thềm, thấy la liệt những vỏ chai rượu phơi nắng. Chiều chiều, những viên thư ký làm việc ở khu City uể oải lê bước về đó.

Ông Clapp, thư ký của ông Sedley, có một căn nhà ở đây; sau khi bị phá sản, ông già đem vợ con về chỗ này để ẩn náu cho qua ngày, Joe Sedley hay tin gia đình gặp tai biến đã hành động đúng như ta chờ đợi ở một người tính tình như anh ta. Joe không về Luân Đôn, nhưng anh ta viết thư cho mẹ dặn cứ đến những nhà băng anh ta

gửi vốn mà lấy tiền tiêu; vì vậy hai ông bà già cũng yên tâm, không lo lắng về nỗi phải túng thiếu. Thu xếp như vậy xong xuôi, Joe lại tiếp tục đến dùng cơm tại hiệu ăn quen thuộc của mình ở Cheltenham, vẫn vui vẻ như thường. Anh ta vẫn đùng xe ngựa đi chơi, vẫn uống rượu vang trắng, vẫn đánh bài, và vẫn kể những câu chuyện Ấn Độ của mình như cũ; người đàn bà Ai len goá chồng cũng vẫn tiếp tục nịnh nọt, mơn trớn anh ta như trước. Tuy đang lúc túng, nhưng việc Joe biếu tiền bố mẹ cũng không khiến cho hai ông bà già xúc động lắm. Amelia kể lại rằng, từ sau cơn hoạn nạn, lần đầu tiên cô thấy ông bố ngẩng cao đầu lên là khi ông cụ nhận được gói thìa đĩa kèm theo lá thiếp của mấy người buôn tín phiếu trẻ tuổi; ông cụ khóc òa lên như trẻ con, còn cảm động hơn cả bà vợ là người được gửi tặng món quà đó. Edward Dale, người trẻ tuổi nhất trong số, đã đứng lên mua bộ thìa đĩa chung cho cả ba; từ lâu anh ta vẫn có ý săn sóc cô Amelia. Mặc dầu cô bị phá sản, anh ta vẫn ngỏ ý muốn cưới cô làm vợ như thường. Sau này, năm 1820, anh ta lấy cô Louisa Cutts (con gái ông chủ hãng Higham và Cutts, một hãng buôn ngũ cốc rất lớn); bây giờ hai vợ chồng sống rất đường hoàng, con cái đầy đàn, trong một cái biệt thự rất đẹp ở đồi Muswell. Nhưng không nên vì anh chàng này mà rời xa câu chuyện chính của chúng ta.

Tôi hy vọng rằng vì có ấn tượng quá tốt về vợ chồng đại úy Crawley nên bạn đọc cho rằng có lúc họ đã nghĩ đến chuyện về thăm cái quận Bloomsbury hẻo lánh kia, dù họ biết rằng cái gia đình mà họ dự định sẽ dành cho vinh dự được đón tiếp ấy thì chẳng những đã lỗi thời mà cũng đã khánh kiệt, không còn khả năng gì để giúp đỡ họ được nữa. Rebecca rất ngạc nhiên khi thấy ngôi nhà sang trọng, nơi trước kia cô đã bao lần được tiếp đãi nồng hậu, bây giờ bị kẻ mua người bán phá phách tan hoang. Cô thấy tại nơi kỷ vật riêng rất quý báu của gia đình bây giờ bị đem trưng ra cho cả thiên hạ thờ ơ nhòm ngó hoặc xâu xé. Một tháng sau buổi bỏ đi trốn, cô bỗng nhớ đến Amelia; và Rawdon cười hô hố, tỏ ý rất tán thành đến thăm George Osborne một chuyến chơi. Anh ta láu lỉnh bảo vợ:

- Becky, đó là một người bạn rất quý báu. Tôi còn đang muốn bán thêm cho hắn một con ngựa, và chơi thêm với hắn vài ván bi-a đây. Tôi gọi như thế là một mối tình bạn hữu ích đấy, bà Crawley ạ, hô hô!

Nghe những lời trên ta chớ nên nghĩ rằng Rawdon Crawley chơi bạc bịp, ấy là vì anh ta muốn chứng tỏ rằng trong *Hội chợ phù hoa*, những bậc sang trọng ưa giải trí bao giờ cũng muốn giữ cái ưu thế của mình đối với người bên cạnh.

Bà cô già mãi không thấy nghĩ lại. Một tháng trời trôi qua rồi. Bác Bowls không chịu mở cửa tiếp Rawdon; đầy tớ của anh ta không được phép vào căn nhà ở Đường công viên. Thư từ anh ta gửi đều bị trả lại, phong bì còn dán nguyên vẹn. Bà Crawley không đi ra ngoài… bà vẫn còn mệt… còn bà Bute thì vẫn ở đây không lúc nào rời khỏi bà em chồng.

Hai vợ chồng Crawley thấy bà Bute cứ ở lỳ mãi, đoán chắc có chuyện không hay cho mình. Rawdon bảo:

- Chết thật? Bây giờ tôi mới vỡ lẽ tại sao hồi còn ở trại Crawley Bà chúa, mụ ấy muốn cho hai đứa mình lúc nào cũng ở sát bên nhau.

Rebecca thở dài đáp:

- Thật là đồ xảo quyệt!

Viên đại úy đang say vợ, kêu lên:

- Ôi dào? Nếu mình không tiếc thì tôi cũng chẳng cần cóc gì.

Cô vợ thưởng cho anh chồng một cái hôn thay cho câu trả lời; thấy chồng hoàn toàn tin cậy mình, cô ta rất thích.

Cô nghĩ thầm "giá anh ta thông minh hơn một tý, thì mình có thể giúp cho nổi cơ đồ đấy". Nhưng không bao

giờ cô để chồng biết mình nghĩ về chồng như vậy. Bao giờ cô cũng chịu khó chăm chút nghe chồng kể con cà con kê về chuyện ngựa nghẽo, chuyện câu lạc bộ nhà binh; cô rất chịu khó cười mỗi khi anh chồng khôi hài, cố gắng làm ra vẻ chú lắm đến những chuyện như chiếc xe ngựa của Jack Spatterdash vừa đổ, Bob Martingale bị bắt quả tang ở sòng bạc, chuyện Tom Cinqbars sắp sửa dự đua ngựa… Mỗi khi chồng trở về nhà, cô tỏ ra thật nhí nhảnh sung sướng: lúc chồng đi chơi, cô giục chồng đi mau cho sớm. Chồng ở nhà không đi đâu, cô chơi dương cầm và hát cho chồng nghe, pha rượu cho chồng uống, coi sóc bữa ăn cho chồng tươm tất, ủ ấm đôi giầy nhẹ của chồng, chăm sóc chồng từng ly từng tý một.

Đã có lần tôi nghe bà nội tôi bảo rằng những người đàn bà khéo nhất chính là những người giả dối, vì chúng ta không thể hiểu họ giấu giếm chúng ta những điều gì, và khi bề ngoài họ tỏ ra ngây thơ, thân mật thì thật ra họ đang sắc mắc đến thế nào. Rất có thể những nụ cười luôn luôn nở dễ dàng trên môi họ chỉ là những cái bẫy để bợ đỡ, để lảng tránh, hoặc để khuất phục ta. Ở đây tôi không kể tới những bà những cô đỏm dáng tầm thường, mà chỉ nói tới những người đàn bà nội trợ gương mẫu, những viên ngọc của đức hạnh phụ nữ. Ai mà chưa từng được thấy một người vợ che giấu sự đần độn của anh

chồng ngốc nghếch, hoặc làm dịu một cơn lôi đình của anh chồng vũ phu? Sự nô lệ đáng yêu ấy chúng ta rất quý, chúng ta rất ca tụng đàn bà về sự thực. Một bà nội trợ rất cần phải là một nhà ngoại giao giỏi. Chồng Cornelia[104] cũng bị vợ lừa dối như chồng Potiphar tuy rằng bị lừa dối một cách khác.

Vậy thì được vợ săn sóc chu đáo, anh chàng trác táng bừa bãi Rawdon Crawley biến thành một người chồng rất hạnh phúc và rất ngoan ngoãn. Đám bè bạn chơi bời cũ không thấy mặt anh ta đâu nữa. Có một đôi lần, họ hỏi thăm anh ta ở câu lạc bộ, nhưng rồi họ cũng không nhớ anh ta nhiều lắm. Trong *Hội chợ phù hoa*, không mấy khi người ta nhớ nhau lâu. Đối với Rawdon, người vợ xa lánh xã hội phù hoa lúc nào cũng tươi tỉnh mỉm cười, căn nhà ấm cúng, những bữa ăn nóng sốt và những buổi tối trong gia đình đã có đủ mọi vẻ hấp dẫn của một cái gì mới mẻ và kín đáo. Việc hôn nhân của họ chưa tuyên bố cho ai rõ, cũng chưa đăng trên báo "Tin tức buổi sáng". Nếu bọn chủ nợ biết tin anh ta lấy một cô gái không có của hồi môn làm vợ, ắt họ sẽ hè nhau xông tới làm tội anh ta đến chết mất. "Em thì chả sợ cha mẹ em rầy la đâu". Becky nói và cười có vẻ chua chát. Cô rất bằng lòng chờ đến khi bà Crawley nghĩ lại, lúc ấy sẽ xuất đầu lộ diện trong xã hội. Cho nên cô yên tâm

sống kín đáo ở Brompton, không đi lại với ai, chỉ tiếp có vài người bạn trai của chồng; họ được mời đến chơi tại căn phòng ăn nhỏ bé của gia đình. Bọn khách này thích cô lắm. Họ rất lấy làm thú vị được dự những bữa ăn thân mật, được nghe cô ta cười nói, và sau đó lại chơi đàn. Thiếu tá Martingale không bao giờ nghĩ tới chuyện muốn xem tờ giấy chứng hôn. Đại úy Cinqbars trầm trồ khen ngợi những cốc rượu do bàn tay khéo léo của Rebecca pha. Còn viên trung úy trẻ tuổi Spatterdash (anh này rất ham chơi piquet, mà Crawley cũng mời anh ta chơi) thì chỉ trong một thời gian rất ngắn rõ ràng đã bị bà Crawley thu mất hồn. Nhưng Rebecca luôn luôn tỏ ra sáng suốt và kín đáo; vả lại Crawley vẫn nổi danh là một tay hay gây gổ và cả ghen; nhờ thế cô vợ bé bỏng yêu dấu cũng được che chở an toàn.

Ở thành phố này có nhiều người sang trọng, đứng đắn và lịch sự chưa bao giờ bước chân vào phòng khách của một phu nhân. Cho nên, mặc dầu khắp quận người ta bàn tán nhiều về chuyện vợ con của Crawley – chắc bà Bute phao tin rầm lên chứ gì- nhưng ở Luân Đôn tin ấy vẫn mập mờ, hoặc ít được chú ý, hoặc không được một ai nhắc đến.

Rawdon phải vay tiền để tiêu, nhưng vẫn sống đường hoàng, anh ta có những khoản nợ kếch xù, giá khéo ăn

tiêu thì có thể sống được nhiều năm. Ở những thành phố lớn, nhiều người mang công mắc nợ sống rất đàng hoàng, những người có tiền trả ngay còn thua xa. Khi ta đi chơi trên những đường phố ở Luân- đôn, ta thường gặp những ông sang trọng ngự trong những chiếc xe ngựa rất đẹp, trong khi ta phải cuốc bộ. Trông thấy họ, bọn thợ may nịnh nọt, bọn nhà buôn khúm núm cúi chào. Những ông này chẳng từ chối yêu cầu nào của họ, mà cũng chẳng ai biết các ông trông vào đâu mà sống. Ta gặp anh chàng Jack Thriftless khệnh khạng đi ở Công viên, hoặc phóng xe ngựa như bay qua Pall Mall, bữa ăn thì dùng toàn những bát đĩa quý giá. Ta tự hỏi không rõ đời hắn bắt đầu thế nào, và sẽ kết thúc ra sao? Thì có lần Jack bảo với tôi rằng: "Ông bạn thân ơi, tôi nợ tiền khắp cả Âu Châu này đấy". Kết cục rồi cũng phải xảy ra, nhưng hãy cứ biết bây giờ Jack ta tha hồ ung dung phè phỡn cái đã. Thiên hạ được Jack bắt tay lấy làm sung sướng lắm, tuyên bố rằng hắn là người tốt bụng, vui tính, và vô tư lự biết đâu đến những lời thì thầm đồn đại không hay về hắn.

Thực tế bắt ta phải nhận anh chồng của Rebecca chính thuộc loại người này. Trong nhà anh ta cái gì cũng đầy đủ, chỉ thiếu có tiền; một bữa đọc báo "Tin tức", Rawdon thấy đăng tin "Trung úy Osborne vừa mua lại

cấp đại úy của ông Smith mới từ chức", lập tức anh ta tỏ ra có cảm tình với người yêu của cô Amelia và quyết định đến thăm khu phố Russell.

Khi hai vợ chồng Rawdon muốn gặp đại úy Dobbin để tìm biết rõ chuyện hoạn nạn của những người quen cũ của Rebecca thì Dobbin đã biến khỏi chỗ bán đấu giá rồi. Họ chỉ được một anh phu khuân vác và một bác nhân viên phát mại lảng vảng ở đó mách cho một ít tin tức. Becky leo lên xe ngựa, tay vẫn cầm bức tranh, vẻ mặt rất vui; cô ta nói:

- Nhìn những cái mỏ của họ kìa; có khác gì đám diều hâu xâu xé mồi sau một trận đánh không?

- Xin chịu em ạ, từ bé đến giờ nào anh có biết trận mạc là cái gì đâu Hỏi Martingale ấy; hắn đã từng làm sĩ quan tùy tòng cho tướng Blazes ở Tây-ban-nha.

Rebecca nói:

- Ông cụ Sedley là người rất tốt. Thấy ông cụ gặp nạn, em thương lắm.

- Ồ, mấy lão buôn tín phiếu… phá sản… chuyện thường lắm, mình thấy đấy.

Rawdon vừa đáp vừa lấy roi vụt đuổi một con ruồi đậu trên tai ngựa. Giọng cô vợ có vẻ đa cảm lắm, nói:

- Giá mua được ít bát đĩa gửi biếu họ thì tốt hơn, anh Rawdon ạ. Những hai mươi lăm ghi-nê cây dương cầm nhỏ ấy thì đắt quá. Ngày trước, hồi Amelia vừa ra trường, chúng em đã chọn cây đàn ấy ở Broadwood đấy. Dạo ấy giá chỉ có ba mươi lăm đồng ghi-nê.

- Còn anh chàng… tên hắn là gì nhỉ… Osborne phải không… bây giờ gia đình cô ta bị phá sản, chắc là bắn rút lui, cô bạn Amelia của mình hẳn phát sầu, Becky nhỉ?

Becky mỉm cười đáp:

-Ôi dào, rồi chị ấy cũng quên đi chứ.

Và họ đánh xe đi, bàn sang chuyện khác.

CHƯƠNG XVIII
AI CHƠI CHIẾC DƯƠNG CẦM DOBBIN MUA?

Câu chuyện của chúng ta giờ đây bỗng bao gồm cả những sự kiện và những nhân vật danh tiếng, và bám vào rìa dòng lịch sử. Bầy diều hâu của Napoléon Bonaparte, tên dân đảo Corse hãnh tiến, sau một thời gian ngắn bị cầm giữ ở đảo Elba, đã bay về đậu tại Provence, và từ đó bay chuyền từ đỉnh gác chuông nhà thờ này sang đỉnh gác chuông nhà thờ khác, cho tới thánh đường Đức bà ở Paris. Bầy chim của Hoàng đế nào có thèm chú ý đến sứ đạo tối tăm Bloomsbury ở Luân-đôn, nơi nhân dân quen sống rất bình lặng; hầu như không ai buồn để ý đến tiếng đập của những đôi cánh mạnh mẽ kia. "Napoléon đã đổ bộ ở Cannes rồi!", một cái tin như vậy có thể gây sôi nổi ở Vienna, hoặc làm đảo lộn mọi kế hoạch của nước Nga, khiến cho nước Phổ phát điên vì lo lắng, làm cho ông Talleyrand và ông Metternich phải lắc đầu và, sau hết, khiến cho hoàng tử Hardenberg và hầu tước Londonderry phải sững sờ. Nhưng làm sao cái tin ấy lại có thể gây xúc động đối với một người thiếu nữ ở quảng trường Russell, khi ngủ bao giờ cũng có một bác người nhà đứng ngoài cửa cầm canh suốt đêm, lúc dạo chơi trong vườn thì xung quanh

đã có hàng rào và có bác gác cổng bảo vệ, và ví thử có đi ra ngoài phố Southampton gần đấy mua một cái dải đăng-ten chẳng hạn, thì đã có bác da đen Sambo kè kè đi theo, tay cầm cái can to tướng. Tóm lại, cô ta được bao nhiêu là vị thiên thần hộ mệnh có ăn lương và không ăn lương nâng niu, mặc áo cho, đặt vào giường ngủ, săn sóc đủ mọi phương diện.

Hỡi Thượng đế chí công, thật tàn nhẫn thay, cuộc chiến đấu lớn lao giữa các bậc đế vương sao lại cứ phải gây ra một sự rung chuyển tai hại đối với vận mệnh của một cô gái vô tội mới mười tám xuân xanh, chỉ biết như chim non mổ hạt, hót rít rít và thêu những cổ áo bằng voan mỏng? Hỡi bông hoa dịu dàng đáng thương trong vườn nhà kia! Cơn bão táp của chiến tranh đang gầm thét sắp lôi cuốn cả cô em vào trong những xoáy lốc tàn bạo rồi; Napoléon sắp đánh nước bạc cuối cùng, và thế là hạnh phúc của cô Amelia Sedley bé bỏng cũng sẽ tan tành như mây khói.

Trước hết, những tin tức tai hại đã lật nhào tất cả cơ nghiệp của cha cô. Bao nhiêu việc kinh doanh của ông già không may kia sụp đổ hết. Mấy chuyến làm ăn cuối cùng thất bại sạch; các bạn hàng bị phá sản tất cả. Ông tính rằng giá cổ phiếu hạ xuống thì nó lại cao lên[105]. Thắng lợi bao giờ cũng đến chậm chạp, nhưng tai họa

thì bao giờ cũng xô tới sau lưng nhanh như cơn lốc. Tuy nhiên, ông già Sedley vẫn giữ kín nỗi lo nghĩ của mình. Trong ngôi nhà sang trọng yên tĩnh, mọi sứ vẫn diễn ra bình thường. Bà Sedley tốt bụng kia cũng không hay biết gì hết; hàng ngày bà vẫn tiếp tục cuộc sống bận bịu mà nhàn hạ của bà, với bao nhiêu công việc không đâu; cô con gái càng ngày càng đi sâu vào cái tâm trạng êm ái và ích kỷ riêng của mình, cách biệt hoàn toàn với cuộc đời bên ngoài. Đột nhiên cơn bão xô tới, toàn bộ gia đình đổ sụp.

Một buổi tối, bà Sedley ngồi viết thiếp mời dự tiệc. Gia đình Osborne đã thết khách một buổi rồi, bà lại chịu kém cạnh họ sao?

Ông John Sedley ở khu City về rất muộn; ông ngồi yên lặng bên cạnh lò sưởi nghe bà vợ chuyện trò tíu tít. Emmy đau khổ, buồn bã, đã lên phòng riêng từ trước. Bà mẹ vẫn noi:

- Con bé không vui. George Osborne chẳng săn sóc gì đến nó. Tôi không thể chịu nổi cách ăn ở của bọn họ. Đã ba tuần nay, mấy đứa con gái nhà ấy chưa đặt chân đến đây; thằng Osborne thì đã hai lần về tỉnh, mà không lại thăm nó. Edward Dale có gặp Osborne ở rạp Opera. Tôi tin rằng Edward Dale sẵn sàng cưới con bé, và tôi thấy anh chàng đại úy Dobbin cũng… có điều tôi không

ưa cái bọn lính tráng ấy. Thằng George bây giờ cũng công tử bột lắm. Mà thật, nom khệnh khà khệnh khạng ra phết con nhà binh! Ta phải tỏ cho họ biết rằng ta không kém cạnh gì họ. Cứ khuyến khích Edward tiếp khách mới được. Mà kìa, John Sedley, sao ông cứ ngồi im thế? Tôi định mời vào thứ năm, sau đây hai tuần nhé? Sao ông không trả lời? Trời ơi! Có chuyện gì xảy ra vậy?

Bà vợ chạy lại bên chồng; ông Sedley đứng dậy đón vợ; ông ôm bà vào lòng nói vội vàng:

- Mary, chúng ta bị phá sản rồi. Bà nó ơi, bây giờ chúng ta phải làm lại cuộc đời từ đầu. Tốt nhất là nói ngay tất cả mọi chuyện cho bà biết.

Ông vừa nói vừa run rẩy chân tay, gần như muốn ngã gục xuống. Ông cứ tưởng rằng bà vợ không chịu đựng nổi cái tin ghê gớm ấy, người vợ mà suốt đời ông chưa hề nói nặng một lời. Song, tin ấy đến rất đột ngột, với bà cụ, mà chính ông lại bị xúc động mạnh hơn. Lúc ông nằm vật xuống chiếc ghế bành, chính bà vợ lại phải an ủi chồng. Bà cầm lấy bàn tay run rẩy của ông mà hôn, rồi đặt cánh tay chồng vòng qua cổ mình; bà gọi ông là John của bà, John yêu quý của bà, ông lão của bà, ông lão thân yêu của bà; bà thốt ra hàng trăm lời ngọt ngào, yêu đương không ăn nhập với nhau. Tiếng nói chung thủy nhỏ nhẻ và sự vuốt ve vụng về của vợ khiến ông

đang băn khoăn đau khổ cảm thấy sung sướng vô ngần, bà khiến ông cảm thấy tâm hồn nặng trĩu của mình được vui vẻ thư thái. Buổi tối dài dằng dặc hôm ấy, ngồi cạnh bà vợ, ông già khốn khổ Sedley đã trút vợi nỗi lo lắng đè nặng tâm hồn mình; ông kể lại tất cả những sự khó khăn thua lỗ trong việc làm ăn… ông bị những người bạn thân thiết nhất lừa dối, nhưng cũng có những người cư xử rất cao thượng không ngờ. Cũng chỉ có lần ấy, khi cùng chồng đi ngược lại dòng quá khứ, bà vợ đã để lộ ra tất cả sự xúc động của mình. Bà nói:

- Lạy Chúa, lạy Chúa. Chắc con Emmy đau khổ lắm.

Ông bố quên hẳn cô con gái. Cô ta đang nằm thao thức buồn bã ở trên gác. Giữa gia đình ấm cúng toàn bè bạn và người thân, nhưng cô vẫn thấy mình trơ trọi làm sao! Ở đời ta có thể thổ lộ nỗi lòng với độ bao nhiêu người được nhỉ? Nói làm chi những điều ấy với những tâm hồn không biết rung cảm, không bao giờ hiểu nổi? Cho nên cô Amelia của chúng ta rất cô đơn. Từ khi cô có những điều thầm kín muốn tâm sự, thì cô đã không có bạn tâm tình nữa rồi. Cô không thể ngỏ với mẹ mọi nỗi lo lắng ngại ngùng của mình. Mỗi ngày cô chị chồng và cô em chồng tương lai lại càng trở nên xa lạ hơn. Cô còn bao nhiêu nỗi nghi ngờ, bao sự sợ hãi mà bản thân cô không muốn công nhận, tuy cô vẫn âm thầm ấp ủ

trong lòng. Trái tim cô thì cứ khăng khăng một mực rằng George Osborne vẫn trung thành, vẫn xứng đáng với cô, mặc dầu cô biết rằng sự thực không đúng thế. Đã bao lời tình tứ của cô không hề có lấy mảy may tiếng vang trong tâm hồn anh ta. Đã bao lần cô nghi ngờ người yêu thờ ơ, ích kỷ, nhưng cô đã bướng bỉnh đương đầu và vượt qua những sự ngờ vực đó. Con người "tử vì đạo" ấy còn biết thổ lộ với ai hết cả mọi nỗi đau xót hàng ngày dằn vặt tâm hồn cô?

Người yêu của cô cũng chỉ hiểu cô có một phần. Cô không dám tin rằng người đàn ông cô yêu có tâm hồn thấp kém hơn mình; cô không dám thú nhận rằng mình đã yêu quá vội vàng. Người con gái e lệ trinh bạch ấy kín đáo quá, hiền hậu quá, cả tin quá, yếu đuối quá, cho nên một khi đã trao đổi trái tim cho ai thì không muốn lấy lại nữa.

Đối với đàn bà, về mặt tình cảm chúng ta vẫn quen cư xử như những người Thổ-nhĩ-kỳ; chúng ta cũng bắt họ phải phục tùng giáo lý của chúng ta. Chúng ta cho phép thân thể họ tự do đi ra ngoài, được hóa trang bằng những nụ cười, bằng những búp tóc xoăn, bằng những chiếc mũ trùm màu hồng, mà không phải che mặt bằng những tấm chàng mạng và những chiếc *yakmak*[106]; nhưng họ chỉ được để một người đàn ông nhìn thấy tâm

hồn họ; họ tuân lệnh, không hề ngần ngại, và bằng lòng sống như kẻ nô lệ trong gia đình để săn sóc mọi việc cho chúng ta.

Tháng ba năm 1815, kỷ nguyên của Chúa, khi Napoléon đổ bộ ở Cannes, vua Louis XVIII chạy trốn, khi toàn thể Âu châu hốt hoảng, giá cổ phiếu sụt và ông già Sedley bị phá sản, thì cô gái bé bỏng dịu dàng ấy cũng đang bị cầm tù, bị hành hạ như vậy đấy.

Chúng ta không cần trở lại những nỗi đau đớn sầu não ông già buôn tín phiếu đã phải trải qua trước khi tai họa cuối cùng xảy đến: ở Phòng hối đoái, tên ông Sedley đã bị thông báo; ông lão đã phải rời khỏi những văn phòng của mình; tín phiếu của ông không được thanh toán. Tình trạng phá sản không thể chối cãi được nữa. Ngôi nhà cùng đồ đạc ở khu phố Russell bị quyền trữ và bán đấu giá; ông lão và cả gia đình bị mời ra khỏi cửa, đi đâu mà ở thì đi, như ta đã rõ.

Bị sa sút, ông John Sedley đành thải tất cả bọn gia nhân (các nhân vật này thỉnh thoảng xuất hiện trong những trang của tập truyện này); và ông cũng không còn lòng nào mà gặp mặt tất cả bọn. Tiền lương của họ ông vẫn trả rất đúng hẹn, đó là tập quán của những người chỉ quen chịu những món tiền lớn. Bọn gia nhân rất buồn vì mất một chỗ làm tốt. Nhưng phải xa ông chủ

bà chủ quý hóa, họ cũng không đến nỗi vì thế mà sầu não quá đáng. Chị hầu gái của Amelia có phàn nàn nhiều, nhưng rồi cũng tự an ủi vì tìm được một chỗ làm khác ở một gia đình quý phái hơn. Bác da đen Sambo rất kiêu hãnh về nghề nghiệp của mình quyết định mở một tiệm ăn. Còn bà Blenkinsop thực thà kia đã giúp việc cho gia đình từ hồi ông Sedley mới cưới vợ, và đã được chứng kiến sự ra đời của Joe và Amelia, thì quyết định ở lại giúp việc không lấy tiền công; bà ta cũng đã có một số vốn riêng kha khá, bây giờ theo chủ đến chỗ ở mới, tiếp tục săn sóc trông nom cho chủ và thỉnh thoảng cũng càu nhàu chút ít.

Bọn chủ nợ không ngớt theo đuổi ông già Sedley. Ông lão cảm thấy mình bị sỉ nhục, bị hành hạ quá đáng đến nỗi chỉ trong có sáu tuần lễ mà ông già sọm hẳn đi, già nhanh hơn suốt mười lăm năm qua, mà John Osborne, ông bạn già cũ và là người láng giềng của ông, tỏ ra tàn nhẫn hơn cả… John Osborne, người xưa kia được ông gây dựng, được ông giúp đỡ hàng trăm lần, và sắp sửa là thông gia của ông.

Nhưng bất cứ ai ở trong hoàn cảnh ấy cũng phải công nhận ông John Osborne phải cư xử tàn nhẫn như vậy. Một khi người ta đã chịu ơn rất nhiều một người khác, và sau ngày hai người lại xích mích với nhau thì theo lẽ

thường, người ta vẫn phải tỏ ra khe khắt hơn người ngoài. Trong trường hợp ấy, thái độ sắt đá và vô ơn của ta chỉ có thể giải thích bằng những lầm lỗi của người ân nhân cũ. Không phải vì ích kỷ tàn nhẫn mà ta tức giận trước việc kinh doanh thất bại của bạn đâu… không, chẳng qua tại ông bạn cũ đã rắp tâm lừa ta một cách hèn hạ quá đáng đó thôi. Tóm lại tên đao phủ bắt buộc phải chứng minh rằng kẻ bị hành hình là một tên vô lại… nếu không thì chính hắn ta phải là một tên mạt kiếp.

Bọn chủ nợ vô tình thường công nhận một nguyên tắc chung rất tiện lợi đối với họ như thế này: người ta đã lâm vào cảnh khó khăn thì không có ai là thực thà; thế nào họ cũng giấu kín sự khó khăn của mình, và phóng đại những may mắn có thể có được. Việc làm ăn tuyệt vọng hoàn toàn rồi, nhưng họ vẫn bảo là đang phát đạt, mặt mũi vẫn tươi cười một cái cười bất đắc dĩ trong khi đang mấp mé trên bờ vực của sự phá sản. Họ bấu lấy mọi dịp trì hoãn hòng đẩy lùi sự sụp đổ không tránh được xa thêm vài ngày. Lão chủ nợ sỉ nhục kẻ bại trận, với dáng điệu của kẻ chiến thắng thế này; “Gian giảo lắm thì cho chết. Anh ngu lắm, chết đuối mà lại với lấy cái bọt?”. Thật là lời một kẻ sáng suốt bình tĩnh đứng trên bờ nói với người sắp chìm nghỉm dưới nước, và cũng là lời của sự phát đạt nói với kẻ khốn khổ đang vùng vẫy trong

vực tối. "Anh xuẩn quá, anh không biết tìm cách để khỏi bị liệt tên vào danh sách bọn phá sản trên báo à?" Ai mà không thấy một khi đã dính đến chuyện tiền nong thì không những người bạn thân nhất đời, những người lương thiện nhất đời, cũng rất sẵn sàng nghi ngờ buộc tội nhau là bất lương? Kẻ nào cũng xử sự như thế cả, tôi cho rằng ai cũng phải thế, và cuộc đời toàn là những trò bịp bợm.

Nghĩ đến những chuyện ân huệ ngày xưa, ông Osborne càng bực mình; đấy cũng là một lý do khiến mối mâu thuẫn giữa hai nhà càng thêm gay gắt. Cuối cùng, ông cắt đứt cuộc nhân duyên giữa con trai ông và con gái gia đình Sedley. Nhưng hai người đã gắn bó với nhau lâu quá rồi, bây giờ như vậy là hạnh phúc và có thể cả danh dự của cô thiếu nữ cũng bị ảnh hưởng. Vậy thì ông John Osborne phải tìm mọi lý do để cắt đứt cuộc nhân duyên và để chứng minh rằng ông John Sedley là một người rất tồi tệ.

Trong buổi họp của các chủ nợ, ông đã tỏ ra hết sức tàn bạo và khinh miệt ông Sedley, khiến cho ông lão phá sản này chết điếng người vì nhục nhã. Ông phản đối dứt khoát việc George và Amelia đi lại thăm nhau; ông dọa từ con trai nếu anh ta trái lời ông, và ông cư xử với cô thiếu nữ vô tội như cô ta là một kẻ xảo quyệt khốn nạn

nhất đời. Ông giận dữ và thù hằn như vậy là vì sao? Ấy là vì ta phải vu cáo và tin lời vu cáo về kẻ bị ghét bỏ; như vậy mới đúng cách xử thế.

Khi nhận được tin phá sản, khi phải rời bỏ khu phố Russell, Amelia tin rằng giữa George và cô không còn gì nữa… không còn gì nữa giữa cô và tình yêu, giữa cô và hạnh phúc, giữa cô và sự tin tưởng vào cuộc đời… Ông John Osborne đã gửi cho cô một lá thư lời lẽ tàn nhẫn, báo cho cô hay rằng vì tư cách của cha cô nên mọi sự đính ước giữa hai gia đình bắt buộc phải chấm dứt… Quyết định ấy không làm cho cô bị xúc động ghê gớm như cha mẹ, đúng hơn là như bà mẹ cô tưởng; ông John Sedley thì đã hoàn toàn mất hết tinh thần vì bị mất cơ nghiệp và danh dự rồi.

Nhận được tin, Amelia có tái mặt đi, nhưng vẫn bình tĩnh, đối với cô chẳng qua những điềm không lành cảm thấy từ trước bây giờ đã thực hiện mà thôi; đó chẳng qua chỉ là lời tuyên án… về một tội trạng cô đã phạm từ lâu… cái tội đã trót yêu lầm lẫn, trót yêu quá say mê không tính toán.

Bây giờ cũng như trước kia, cô không hề thổ lộ với ai những ý nghĩ sâu kín của mình. Cô cũng không lấy thế làm đau khổ hơn khi mình đã cảm thấy tất cả hy vọng đều tiêu tan nhưng còn chưa dám tin hẳn vào sự thật tàn

nhẫn ấy. Rời bỏ ngôi nhà đồ sộ về ở một căn nhà bé nhỏ cô thấy cuộc sống cũng không có gì khác; suốt ngày cô vẫn ngồi im lặng trong phòng mà rầu rĩ, mà héo hắt dần dần. Tôi không nói rằng đàn bà ai cũng giống thế. Cô Bullock thân mến ơi, tôi tin rằng cô chẳng chịu đau khổ như vậy. Cô là một thiếu nữ có nghị lực, sống theo những nguyên tắc riêng. Tôi cũng không dám bảo rằng tâm hồn tôi giống như vậy. Tôi cũng đã từng đau khổ, nhưng phải thú thực rằng tôi vẫn sống; song cũng có vài người yếu ớt hơn tôi, tâm hồn họ mỏng manh quá, tế nhị dịu dàng quá.

Mỗi khi ông John Sedley nghĩ đến hoặc đả động đến cuộc tình duyên giữa George và Amelia, thái độ của ông cũng dứt khoát như thái độ của chính ông Osborne vậy. Ông chửi ông Osborne và cả gia đình ông ta là bọn vô lương tâm, bọn đểu cáng, bọn vô ơn. Ông thề độc rằng sẽ không vì một thế lực nào trên đời này mà gả con gái ông cho con trai một tên khốn nạn. Ông ra lệnh cho Emmy phải gột sạch hình ảnh của George trong tâm trí cô, phải gửi trả lại hết mớ thư từ, đồ vật đã nhận từ trước của anh ta.

Cô hứa xin tuân lệnh và cố gắng vâng lời cha. Cô gom góp mấy thứ tặng vật của George; cô lục những lá thư cất rất kỹ ra đọc lại một lượt… như thể cô chưa thuộc

lòng ấy. Song cô không đành tâm rời bỏ chúng; việc làm ấy khó khăn quá đối với cô; cô lại ủ chúng vào trong ngực áo, giống như những người đàn bà ôm những đứa con đã chết vậy. Cứ nghĩ đến chuyện phải tách mình ra khỏi niềm an ủi cuối cùng mà Amelia tưởng như không thể sống nổi, hoặc phát điên lên mất. Trước kia mỗi lúc nhận thư, cô thường đỏ mặt lên sung sướng biết bao nhiêu? Đã bao lần cô nhảy nhót lùi ra một chỗ vắng, tim đập dồn dập, để đọc thư không cho ai nhìn thấy? Lời lẽ trong thư có lạnh lùng, tâm hồn si mê của cô biết cách biến thành những dòng chữ nồng nhiệt; lời lẽ trong thư có cộc lốc vô tình, cô vẫn tìm mọi lí do để tha thứ cho người viết.

Cô đã ấp ủ những mảnh giấy vô nghĩa đó; đọc chúng, cô quay trở về với cuộc đời dĩ vãng… mỗi lá thư như gợi lại một mảnh đời. Cô nhớ lại từng ly từng tý, nhớ từng khoé mắt, từng giọng nói, từng cách ăn mặc, từng lời lẽ chuyện trò… Ôi, đời cô chỉ còn lại di tích của một mối tình đã chết ấy mà thôi. Từ đây, cô chỉ còn sống để săn sóc cái xác chết của Tình yêu.

Cô tha thiết mong chờ cái chết đến giải thoát cho mình.

Cô nghĩ thầm sau khi chết, thế là mình lại có thể theo đuổi người yêu. Tôi không hề muốn ca tụng quan niệm

sống của Amelia, coi là tấm gương cho cô Bullock bắt chước.

Cô Bullock giỏi hơn người con gái bé bỏng đáng thương kia nhiều; cô thường biết cách kiềm chế lòng mình, chắc chẳng khi nào dại dột như Amelia và trao trái tim mình quá dễ dàng cho kẻ khác như thế, để chẳng được đền bù lại chút gì ngoài một lời hứa hẹn mỏng manh bị bóp nát trong phút chốc. Trong một cuộc đính ước kéo dài, một bên có thể tự do giữ lời hứa hoặc cắt đứt, nhưng cả cuộc đời bên kia đã đặt vào đó rồi.

Vậy thì hỡi các cô thiếu nữ trẻ trung, hãy cẩn thận. Hãy coi chừng khi các cô đính ước với "người ta". Hãy e lệ, đừng yêu quá thẳng thắn; chớ bao giờ nên nói hết điều gì mình xúc động trong lòng, hoặc tốt hơn, hãy xúc động in ít thôi. Hãy nhìn xem, thực thà và cả tin quá sớm tai hại như vậy đấy; đừng có tin mình, cũng đừng tin ai hết. Hãy cứ lấy chồng theo kiểu người Pháp vậy, nghĩa là nhờ những ông quản lý văn khế làm bạn tâm tình và người phù dâu.

Tóm lại, đừng bao giờ đa mang tình cảm gì khiến mình phải khổ tâm sau này; đừng bao giờ hứa hẹn điều gì nếu mình không dễ dàng xóa bỏ khi mình muốn. Giữa *Hội chợ phù hoa* nếu muốn được kính nể và được coi là đức hạnh, xin cứ theo một con đường ấy mà đi.

Nếu Amelia được nghe những lời bình phẩm về mình trong cái xã hội mà sự phá sản của cha cô vừa bắt cô phải rời bỏ, thì cô mới thấy hết tội lỗi của mình đã làm hại danh dự mình đến thế nào. Bà Smith nói rằng chưa hề bao giờ thấy ai nhẹ dạ tai hại đến thế. Bà Brown thì bảo rằng xưa nay bà vẫn kết án những thái độ suồng sã đáng ghê tởm như vậy, và coi đó là tấm gương tầy liếp cho mấy cô con gái của bà coi mà tránh. Hai cô con gái nhà Dobbin nói: "Dĩ nhiên đại úy Osborne không thể lấy con gái một người phá sản làm vợ được. Bị ông bố lừa đảo thế là đủ lắm rồi. Còn cái con bé Amelia, nó còn rồ dại hơn cả…". Đại úy Dobbin mới quát lên:

- Hơn cái gì? Họ không đính ước với nhau từ bé là gì? Lời đính ước lại không thiêng liêng như hôn lễ sao? Đứa nào trên đời này dám thở ra một lời nói xấu người con gái trong sạch nhất, hiền hậu, cao quý nhất ấy?

Cô Jane đáp:

- Ô hay, William, việc gì anh phải quát tháo chúng em. Chúng em có phải là đàn ông đâu mà ganh gổ được với anh. Chúng em nói xấu gì cô Amelia Sedley? Có điều cô ta dại dột quá đáng, ấy là chưa nói hết lời đấy. Còn bố mẹ cô ta thì gặp tai họa như vậy cũng đáng kiếp thôi.

Cô Ann châm biếm hỏi:

- Này anh William, bây giờ cô Sedley đã tự do rồi, anh hỏi cô ta làm vợ chẳng hơn à? Thế mà lại xứng đôi vừa lứa cơ đấy. Hi, hi?

Dobbin đỏ bừng mặt, nói rất nhanh:

- Tôi lấy cô ấy? Này, các cô nghĩ rằng cô ấy cũng ưa đổi tình như đổi áo giống các cô chăng? Ai lại đi cười cợt, chế nhạo một vị thiên thần như thế! Cô ấy có nghe thấy đâu; đối với người không may mắn và đau khổ, ai cười mà chẳng được. Cứ việc mà đùa đi cô Ann. Cô láu lỉnh nhất nhà, ai cũng ưa nghe cô pha trò lắm đấy.

Cô An đáp:

- Em xin nhắc lại rằng đây không phải là trại lính đâu, anh William nhé.

- Lạy Chúa tôi, trong trại lính ấy à; tôi cũng mong có kẻ nào nói như các cô đấy – Con sư tử bị kích thích gầm lên- tôi dám thách đứa nào hé môi nói xấu cô ấy đấy; nhưng mà, cô Ann ơi, đàn ông chúng tôi không ăn nói như vậy đâu. Chỉ có bọn đàn bà con gái mới túm năm tụm ba đú đởn, rồi rú lên, rít lên, quàng quạc cái mồm lên như thế. Thôi, cút ra chỗ khác… đừng có khóc nữa, các cô chỉ là hai con ngỗng.

Thấy cô Ann rơm rớm nước mắt như mọi khi. Dobbin lại bảo:

- Thì không phải là ngỗng, các cô là hai con thiên nga vậy, muốn là con gì cũng được, nhưng hãy để cho cô Sedley được yên.

Bà mẹ và hai cô gái bảo nhau; "Chả thấy đứa nào mê gái như thằng William nó mê cái con bé đĩ tính hay liếc giai ấy nhỉ". Cả ba mẹ con đang lo rằng bây giờ không còn bị lời đính ước ràng buộc, cô Amelia sẽ lập tức cướp mất anh chàng đại úy đang say mê mình. Chắc hai cô thiếu nữ suy bụng ta ra bụng người nên mới lo xa như vậy, hoặc đúng hơn (vì hai cô chưa hề bao giờ có dịp lấy ai, cũng như bắt nhân tình với ai) họ đã phán đoán theo nhận thức riêng của họ về cái hay cái dở. Hai cô con gái bảo mẹ:

- Má ạ, may quá, trung đoàn phải ra đóng ở nước ngoài; thế là anh con khỏi bị cái tai họa ấy đe dọa.

Quả thật đúng như vậy. Chính vì thế mà Hoàng đế nước Pháp đã đóng một vai trò trong tấn hài kịch gia đình đang diễn ra tại *Hội chợ phù hoa* này; mà sở dĩ tấn kịch diễn được cũng nhờ có sự tham dự gián tiếp của nhân vật quan trọng không ra mắt ấy. Chính hắn đã làm cho giòng họ Bourbons cũng như ông John Sedley phá sản. Khi đến kinh đô nước Pháp, chính hắn đã thúc đẩy toàn thể nước Pháp đứng dậy cầm vũ khí bảo vệ mình, và bắt buộc toàn thể Âu châu phải hợp lực tiêu diệt hắn.

Trong khi ở Quảng trường Tháng năm, nhân dân và quân đội Pháp vây tròn quanh những con diều hâu, thề trung thành với Hoàng đế, thì bốn đạo quân mạnh nhất Âu châu phối hợp với nhau để tổ chức một *cuộc săn diều hâu* [107] vĩ đại, trong số đó có quân đội nước Anh; và trong đội quân nước Anh lại có hai nhân vật của chúng ta tức là đại úy Dobbin, và đại úy Osborne.

Trung đoàn thứ… tiếp nhận tin Napoléon vượt ngục trở về đất liền với một niềm vui hiếu chiến vô cùng hào hứng; người nào đã biết rõ đội quân này mới hiểu được niềm vui ấy. Mọi người, kể từ viên đại tá cho tới anh lính đánh trống tầm thường nhất trong trung đoàn, đều tràn ngập hy vọng cao xa, đều sôi sục tinh thần ái quốc. Họ cảm ơn Hoàng đế nước Pháp đã làm đảo lộn trật tự Âu châu, tuồng như đó là một việc từ thiện đặc biệt. Lúc này đã đến cái ngày mà toàn thể trung đoàn thứ… khát khao chờ đợi, ngày họ có điều kiện chứng tỏ cho các bạn đồng ngũ thấy rằng họ có khả năng chiến đấu không kém gì những người chiến sĩ kỳ cựu ở Bán đảo[108], và bệnh sốt vàng da cùng những năm đồn trú ở Tây Ấn đã không cần phải bỏ tiền ra mua. Bà thiếu tá O'Dowd cũng quyết định tham dự chiến dịch này; bà còn hy vọng rằng trước khi chiến tranh kết thúc đã có thể viết thư cho chồng ký tên là đại tá phu nhân O'Dowd. Hai

người bạn của chúng ta (Osborne và Dobbin) cũng phấn khởi không kém, mỗi người phấn khởi một cách… Dobbin thì kín đáo, còn Osborne thì ồn ào, sôi nổi đặc biệt. Cả hai đều khát khao được làm nhiệm vụ, và được chia sẻ phần vinh dự sau này.

Tin tức trên đã gây ra một làn sóng sôi nổi trong khắp nước, trong khắp quân đội; người ta không còn chú ý lắm đến những câu chuyện riêng. Có lẽ cũng vì thế mà Osborne không bị xúc động nhiều lắm trước những tin tức lẽ ra phải khiến anh ta quan tâm nhiều hơn trong trường hợp không có chiến sự đe dọa. Anh ta vừa được đề bạt, đang bận tíu tít về việc chuẩn bị hành quân sắp tới, và cũng đang hy vọng được thăng lên cấp cao hơn. Phải nói thực rằng tai họa vừa rơi xuống đầu ông lão Sedley không ảnh hưởng nhiều lắm đến tinh thần anh ta. Đúng vào hôm các chủ nợ của ông già bất hạnh kia họp nhau lại lần đầu tiên, anh ta cũng đi thử bộ quân phục mới may, bận vào nom thật "bảnh". ông bố đã nói chuyện với anh ta về thái độ lừa đảo đáng xấu hổ của con người bị phá sản, đã nhắc anh ta nhớ lại mọi điều ông ta nói về Amelia, nghĩa là giữa hai người bây giờ không còn quan hệ gì nữa. Tối hôm ấy, ông cho anh ta một món tiền lớn để trả tiền bộ quân phục và đôi phù hiệu mới toanh, mặc vào tôn hẳn vẻ người lên.

Tiền chui vào túi anh chàng quen thói "vung tay quá trán" này thì bao nhiêu cũng là ít. Anh ta không nói nhiều, cầm ngay lấy tiền. Những tấm giấy quảng cáo bán đấu giá đã dán đầy trên tường nhà ông Sedley, nơi anh ta đã hưởng bao giờ phút sung sướng. Một buổi tối, nhân đi từ nhà bố đẻ đến quán trọ lão Xlôtơ, nơi anh ta nghỉ trọ mỗi khi về tỉnh, George cũng nhìn thấy những tấm giấy ấy trắng lôm lốp dưới ánh trăng. Từ nay Amelia cùng gia đình không còn được bước chân vào ngôi nhà kia nữa; không biết bây giờ họ ở đâu? Nghĩ đến câu chuyện gia đình ông Sedley bị phá sản, anh ta thấy buồn quá. Tối hôm ấy tại quán trọ lão Slaughters, Giorgiơ có vẻ ủ rũ đặc biệt; bạn bè đều thấy anh ta uống nhiều rượu hơn mọi ngày.

Bỗng Dobbin bước vào, anh định ngăn không cho bạn uống rượu, nhưng Osborne đáp rằng mình buồn quá, phải lấy rượu để khuây khỏa. Dobbin hỏi thăm một cách vụng về rằng vì sao bạn buồn, và lấy vẻ quan trọng hỏi xem, bạn có được tin tức gì không; nhưng Osborne không chịu đáp, chỉ nhận rằng mình rất đau khổ và bối rối vô cùng.

Ba ngày sau, Dobbin gặp lại Osborne trong phòng riêng của bạn ở trại lính… Anh ta ngồi gục đầu bên bàn, xung quanh giấy má bừa bộn; hình như viên đại úy trẻ

tuổi đang có điều gì sầu não.

- Nàng… nàng gửi trả lại tôi những tặng vật cũ… mấy món đồ trang sức. Anh xem kìa!

Thì ra có một tập thư, chữ viết rất quen thuộc với đại úy George Osborne, và mấy thứ đồ vật vứt hỗn độn bên cạnh: một con dao bạc anh ta mua tặng người yêu trong một buổi đi chơi hội chợ hồi còn nhỏ, một sợi dây chuyền bằng vàng và một tấm huy hiệu hộp trong có mấy sợi tóc.

Anh ta vừa rên rỉ có vẻ đau xót hối hận vừa nói:

- Thôi, thế là hết. Kia kìa, Will anh có đọc thì đọc.

George tay chỉ một lá thư ngắn, trong viết:

- Ba em ra lệnh bắt em phải gửi trả lại anh những tặng vật mà anh cho em trong những ngày hạnh phúc đã qua; em viết thư cho anh lần này là lần cuối cùng. Em cho rằng, em hiểu rằng anh cũng đau khổ như em trước tai họa của gia đình em. Tự em yêu cầu anh cắt đứt mối tình của chúng ta vì, trong hoàn cảnh khốn cùng của em hiện nay, nó không thể nào duy trì được nữa. Em tin rằng anh không hề đồng tình với những điều ba em nghi ngờ một cách tàn nhẫn, những điều khiến em đau khổ nhất trong cơn hoạn nạn. Thôi vĩnh biệt, vĩnh biệt. Em cầu Chúa giúp em đủ sức vượt qua tai họa này cũng như

mọi tai họa sẽ xảy ra; cầu Chúa ban phúc lành cho anh luôn luôn. Em sẽ chơi nhạc luôn trên cây dương cầm… cây dương cầm của anh. Em hiểu rằng chính anh đã gửi đến cho em."

Dobbin là người rất đa cảm. Xưa nay, trông thấy đàn bà con trẻ đau khổ, anh ta vẫn dễ dàng xúc động. Nghĩ đến cảnh Amelia sống đau khổ, trơ trọi một mình, Dobbin không sao cầm lòng được. Sự cảm động thái quá của anh ta có thể khiến người khác coi là không hợp với bản chất của đàn ông. Dobbin thề rằng Amelia là một thiên thần; Osborne sẵn sàng biểu đồng tình ngay. Bản thân George cũng nhớ lại cuộc sống của hai người… Từ khi còn nhỏ cho tới bây giờ, anh ta vẫn chỉ thấy người con gái rất dịu dàng, rất ngây thơ, rất diễm lệ, giản dị một cách đáng yêu, mà thùy mị và nồng nàn một cách vô cùng trung thực.

Đã nắm được một kho báu vô giá như vậy trong tay mà không biết giá trị, mà bây giờ phải chịu mất tất cả thì còn đau khổ nào hơn! Bao nhiêu hình ảnh thân mật, bao nhiêu kỷ niệm dồn dập đến… trong ký ức của George, Amelia bao giờ cũng vẫn ngoan, vẫn đẹp. Anh ta đỏ mặt lên vì hối hận, khi nghĩ lại thái độ ích kỷ thờ ơ của mình khác xa sự trong trắng của người yêu biết bao nhiêu. Trong một phút, George quên hết mọi sự, cả vinh

quang, cả chiến tranh, và đôi bạn trai chỉ nói đến chuyện cô thiếu nữ. Ngừng lại một lúc lâu, Osborne hỏi:

- Không biết bây giờ họ ở đâu nhỉ? Trong thư không thấy ghi địa chỉ.

Quả thật George cũng thấy ngượng lắm vì mình đã không hề có một hành động gì tỏ ra quan tâm đến người yêu. Dobbin biết địa chỉ. Không những anh ta gửi tặng cây dương cầm, mà còn viết thư xin bà Sedley cho phép được đến thăm bà. Hôm qua, trước khi về Chatham, anh ta đã gặp bà cụ, gặp cả Amelia nữa. Cũng chính anh ta đã mang lá thư vĩnh biệt và gói tặng vật về cho bạn.

Anh chàng tốt bụng được bà cụ Sedley tiếp đãi ân cần lắm. Nhận được cây dương cầm bà cụ cảm động quá: bà đoán chắc chính George đã gửi tặng lại để tỏ thái độ thông cảm của mình. Đại úy Dobbin mặc bà già hiểu lầm không cải chính, chỉ chăm chú nghe bà kể lại cơn hoạn nạn của gia đình, tỏ ý thông cảm với những nỗi đau khổ, thiếu thốn, và đồng tình trách ông Osborne là quá tàn nhẫn đối với ân nhân cũ. Lúc bà cụ đã trút vợi bớt bầu tâm sự bi thương của mình, anh ta mới có can đảm xin phép gặp Amelia, lúc ấy cô vẫn ngồi trong phòng riêng như mọi khi, bà mẹ phải lên đỡ con gái run run bước xuống cầu thang. Trông Amelia không còn ra hồn người; vẻ thất vọng lộ rõ trên nét mặt thảm thương, đến nỗi anh

chàng Dobbin thực thà thấy thế mà phát sợ; nhìn bộ mặt nhợt nhạt im lìm, anh ta linh cảm thấy bao điều tai hại sẽ xảy ra. Ngồi một hai phút, Amelia đặt cái bọc vào tay Dobbin nói:

- Anh đưa hộ cái này cho đại úy Osborne… tôi mong rằng anh ấy vẫn mạnh khỏe… cảm ơn anh có lòng tốt đến thăm… chúng tôi thích chỗ ở mới này lắm. Và tôi… mẹ ạ, có lẽ con nên lên gác thôi, con thấy hơi khó ở.

Nói đoạn cô thiếu nữ mỉm cười cúi chào bước ra ngoài.

Bà mẹ vừa đỡ con lên cầu thang, vừa quay lại lo lắng nhìn Dobbin. Dobbin không thể nào cầm được lòng. Anh ta yêu cô thiếu nữ quá mất rồi. Sau buổi gặp gỡ, nỗi đau xót không bộc bạch ra được, tình thương và sự hãi hùng cứ lởn vởn trong óc anh dường như chính anh là thủ phạm gây ra tai họa.

Osborne biết tin bạn đã gặp người yêu của mình thì săn đón hỏi han tin tức về cô thiếu nữ; nào là "nàng" ra sao, "nàng" có nói gì không? Bấy giờ Dobbin mới cầm lấy tay bạn, nhìn thẳng vào mặt bạn mà bảo: "George, cô ấy sắp chết rồi". Và nghẹn ngào không nói được nữa.

Trong căn nhà nhỏ bé, nơi gia đình Sedley đang trú ngụ, có một chị hầu gái người Ai len; đã nhiều lần chị ta

tìm cách an ủi Amelia. Nhưng vô hiệu; Emmy buồn quá chẳng trả lời, mà cũng chẳng để ý đến sự săn sóc của chị ta nữa.

Bốn giờ đồng hồ sau cuộc nói chuyện giữa Dobbin và Osborne, chị hầu gái này bước vào phòng Amelia: cũng như mọi khi, lúc này Amelia đang âm thầm nghĩ đến những bức thư, đó là những kho báu vật nhỏ của cô.

Chị hầu gái mỉm cười vui vẻ nhí nhảnh tinh quái cố làm cho Emmy chú ý đến mình mà cũng không được, chị ta gọi:

- Cô Emmy ơi.

- Cái gì? Emmy đáp, không quay lại.

- Có thư đây này, gói gì ấy… có ai… Đây, có thư mới gửi cho cô đây, đừng đọc những thư cũ làm gì nữa.

Chị ta đưa cho Emnly một lá thư, cô cầm lấy đọc: "Anh cần gặp em. Emmy yêu quý nhất đời của anh.. em yêu của anh… vợ yêu của anh, hãy đến với anh.

George và bà mẹ Amelia đang đứng ngoài cửa, chờ cô đọc xong lá thư.

CHƯƠNG XIX
BÀ CRAWLEY DƯỠNG BỆNH

Chúng ta đã biết bà Firkin, người hầu phòng của bà Crawley sẵn sàng báo tin tức về bất cứ chuyện gì đáng chú ý xảy ra trong gia đình này cho bà Bute ở Nhà thờ. Chúng ta lại cũng đã thấy bà này tỏ ý vì nể như thế nào đối với người gia nhân của bà Crawley, đồng thời cũng tự coi là một người bạn thân của bà Briggs, người bạn của bà chủ nhà. Tấm tình bạn ấy, bà đã mua bằng hàng nghìn cử chỉ săn sóc, hàng nghìn lời hứa hẹn, không tốn kém gì đối với bà, nhưng người nghe thì hởi lòng hởi dạ.

Các bà nội trợ dè xẻn cần hiểu rằng những lời tuyên bố không mất tiền mua mà có giá trị lắm; nó giúp cho những món ăn tầm thường nhất trong cuộc đời thêm hương vị. Anh chàng ngu xuẩn nào dám nói bậy rằng "Miệng lưỡi giảo hoạt không thay được cơm gạo"[109]. Nửa phần cuộc đời, người ta vẫn ăn ngon cơm với thứ nước chấm ấy đấy. Alexis Soyer con người bất tử[110] xưa kia chỉ cần một trinh cũng nấu được món xúp ngon hơn một anh đầu bếp tầm thường tốn kém hàng đồng để mua rau với thịt; cũng như một nghệ sĩ có tài chỉ cần mấy câu đưa đẩy lấy lòng còn có tác dụng hơn hàng nắm tiền trong tay một anh ngốc nghếch. Những đồng

tiền đối với vài người thì sinh đầy vì không tiêu hóa được, trong khi đó một số lớn kẻ khác lại ưa ngốn những lời lẽ đẹp đẽ bóng bẩy không bao giờ chán. Bà Bute nói đi nói lại mãi với bà Briggs và bà Firkin rằng bà quý họ lắm, rằng nếu được giàu có như bà Crawley thì bà chẳng tiếc gì hai người bạn tận tâm; hai người đàn bà lấy làm gắn bó với bà quá, tỏ vẻ biết ơn, và thân mật với bà y như đã được bà Bute ban cho bao nhiêu ân huệ.

Trái lại, Rawdon Crawley đúng là một anh lính ngự lâm thô lỗ cục mịch, chẳng hề thèm chú ý đến việc lấy lòng hai người hầu cận của bà cô. Anh ta cứ đường hoàng tỏ thái độ khinh bỉ cả hai ra mặt; có lần anh ta bắt bà Firkin tháo ủng cho mình… trời đang mưa to, anh ta sai bà này đi làm những việc bẩn thỉu, rồi ném cho bà một đồng ghi-nê, coi bà ta như cái ống để tiền không bằng. Thấy bà cô hay đem bà Briggs ra làm trò cười, anh ta cũng bắt chước chế giễu bà ta tàn nhẫn, mất mày mất mặt. Trong khi ấy bà Bute gặp việc gì khó khăn cũng hỏi bà Briggs cách giải quyết, kể cả những việc đòi hỏi đến khiếu thẩm mỹ, lại ca tụng cả tài làm thơ của bà này, hết sức săn đón, lễ độ, tỏ ra rất quý bà. Mỗi khi biếu bà Firkin một tặng vật đáng vài xu, bà lại biết kèm theo vô số lời chúc tụng, khiến cho đối với bà Firkin những đồng xu ấy biến thành những đồng vàng; đồng

thời, người hầu phòng này cũng đã sẵn sàng chờ đợi trước những ân huệ lớn lao hơn nhiều mình sẽ được hưởng, khi bà Bute nắm trong tay cơ nghiệp của bà Crawley.

Đối với những người mới bước vào đời, tôi khuyên nên bắt chước thái độ khác nhau của cả hai người nói trên.

Hãy nên tận dụng tất cả thiên hạ; đừng có làm ra vẻ khó chịu, hãy cứ nịnh nọt người khác ngay trước mặt họ, hoặc sau lưng họ nếu bạn thấy lời nói của bạn có hy vọng bay đến tai họ. Hãy làm như Collingwood xưa kia, thấy bất cứ chỗ đất bỏ hoang nào trong nước là rút trong túi ra một hạt dẻ rừng trồng ngay. Trong đời, bạn cũng phải biết "cấy" những lời tán tụng của mình như vậy mới được. Một hạt dẻ rừng không đáng bao lăm nhưng một ngày kia rất có thể nó trở thành một cây đại thụ đấy.

Nói tóm lại, trong lúc Rawdon Crawley còn vận tấy, anh ta chỉ được thiên hạ miễn cưỡng nghe mình, cho nên khi anh ta mất chỗ dựa, không ai buồn thương xót giúp đỡ anh ta nữa. Và khi bà Bute nắm quyền lãnh đạo trong nhà bà Crawley, thì toàn bộ gia nhân lấy làm sung sướng được có một viên chỉ huy như bà; nghe bà hứa hẹn, nói ngon nói ngọt, ai cũng hy vọng rồi tha hồ mà

phát tài.

Bà Bute Crawley không bao giờ tự cho phép được tin rằng kẻ thù của mình đã chịu bó tay ngay sau lần thất bại đầu tiên mà không chịu phản công chiếm lại vị trí đã mất.

Bà lại biết Rebecca là người thông minh, mưu mẹo, không đời nào chịu ép một bề mà không giẫy giụa. Bà cảm thấy mình phải chuẩn bị sẵn sàng tác chiến, phải luôn luôn đề phòng kẻ địch tấn công, gài mìn hoặc đánh úp bất ngờ.

Trước hết, tuy bà làm chủ thành phố thật, nhưng phải xem nhân dân trong đó có thực sự trung thành với bà không đã? Bản thân bà Crawley có chịu kiên trì không. Hay là trong thâm tâm bà này vẫn còn muốn thỏa hiệp với kẻ thù đã thất trận? Xưa nay, bà lão vẫn quý Rawdon và Rebecca.

Bà Buten Crawley cũng thấy rõ, không thể chối cãi được, rằng trong phe của bà không có đủ tài làm là cho bà Crawley được vui lòng như Rebecca. Bà vợ viên tu sĩ đành lý thú nhận rằng so với Rebecca, giọng hát của hai cô con gái bà là không nghe được. Mỗi khi Martha và Louisa song ca với nhau, lẽ thường thường bà Crawley phải đi ngủ. Bà này cũng chán ngấy Jim với cái điệu bộ cứng nhắc của một anh sinh viên đại học, cùng những

câu chuyện chó chuyện ngựa của ông Bute. Bà Bute nghĩ thầm: "Nếu ta mời bà ấy đến chơi nhà thờ, có lẽ bà ấy đến nổi đóa lên với tất cả rồi trốn mất, chắc chắn vậy, và rất có thể lại rơi vào trong móng vuốt của thằng Rawdon ghê gớm kia, làm mồi ngon cho cái con Sharp rắn độc ấy mất. Song, hãy cứ biết rõ ràng là bây giờ, bà ấy đang ốm nặng chưa thể đi đâu được ít nhất là hàng tháng nữa; trong thời gian này, ta phải tìm kế hoạch che chở cho bà ấy khỏi bị hai vợ chồng tên lưu manh tấn công mới được.

Trong những ngày bà Crawley mạnh khỏe nhất, hễ ai hơi nói rằng bà có vẻ mệt, lập tức bà run rẩy cho đi mời thầy thuốc riêng ngay. Có thể nói rằng, sau biến cố đột ngột của gia đình, bà ốm nặng thực sự; người khỏe hơn bà cũng phải quỵ. Bà Bute thấy mình có bổn phận phải báo với thầy thăm bệnh, với ông thầy bào chế, với người tùy nữ, với mọi gia nhân trong nhà, rằng bệnh trạng bà Crawley rất nguy kịch; bà còn bắt họ cũng phải đi báo tin khắp nơi như vậy. Ngoài phố, bà bắt trải rơm cao đến đầu gối và cất chiếc chuông ở cửa đi. Bà nhất định yêu cầu ông thầy thuốc đến thăm bệnh một ngày hai lần và cứ hai tiếng đồng hồ, lại bắt bệnh nhân uống thuốc đến phềnh bụng lên. Có ai vào phòng, bà vội "suỵt, suỵt" một cách đáng sợ, làm cho bà già nằm trên giường giật

nẩy mình.

Nằm trên giường nhìn ra, bao giờ bà Crawley cũng gặp đôi mắt sắc sảo của bà Bute ngó chăm chăm vào mình, bà Bute ngồi vững vàng trong chiếc ghế bành kê bên cạnh. Trong bóng tối (tất cả màn cửa đều buông kín) đôi mắt ấy sáng rực lên. Bà Bute đi lại trong phòng lặng lẽ như con mèo nhón chân trên bộ vuốt bọc nhung. Bà Crawley đã nằm như vậy không biết bao nhiêu ngày. Bà Bute đọc sách đạo cho bà em chồng nghe; suốt những đêm dài đằng đẵng bà Crawley cứ bắt buộc phải nghe tiếng hát của bác gái và tiếng lép bép của ngọn đèn. Khoảng nửa đêm, ông thầy thuốc đến thăm bà đi rón ra rón rén, thế là hết. Bà chỉ còn được nhìn có đôi mắt bà Bute lấp la lấp lánh, hoặc khoảng ánh sáng vàng khè ngọn đèn đêm chiếu hắt lăn trên nền trần tối tăm rầu rĩ. Sống như vậy thì đến ngay Hygeia[111] cũng đến phải phát ốm, nói gì bà già yếu ớt đáng thương kia? Người ta đồn rằng, hồi còn mạnh khỏe, vui vẻ, con người đáng kính của *Hội chợ phù hoa* này vẫn thường phát biểu những ý kiến rất phóng túng về tôn giáo và luân lý không kém gì Voltaire[112] tiên sinh, nhưng đến khi bệnh tật giày vò, thì cái bà già phạm tội hèn nhát này lúc nào cũng chỉ lo chết, làm cho bệnh càng thêm nặng.

Trong một cuốn tiểu thuyết tầm thường như cuốn này

không phải là chỗ kể lể dài dòng về những lời giảng đạo bên giường bệnh cũng như những sự suy tưởng về tín ngưỡng (như một nhà tiểu thuyết hiện đại thường làm); độc giả mất tiền để mua vui với một tấn hài kịch, không nên thuyết lý làm người ta buồn ngủ. Tuy nhiên, mặc dầu không dám giảng đạo, tôi cũng phải công nhận rằng trước công chúng, kẻ đóng trò trong *Hội chợ phù hoa* thường tỏ ra hoạt động, cười cợt vui vẻ, nhưng lúc trở về với đời tư của mình thì không được như vậy; nhiều khi anh ta cũng bị những nỗi thất vọng và hối hận ghê gớm đè nặng tâm trí mình. Những ngài Epicures đau ốm nhớ lại bao bữa tiệc ê hề cao lương mỹ vị đã hưởng cũng không thể yêu đời được, quần áo lộng lẫy và những buổi dạ hội tưng bừng cũng không thể an ủi nhiều lắm những sắc đẹp tàn phai. Những nhà chính khách, đến một lúc nào đó, sẽ không được hài lòng lắm khi nghĩ tới những thành công rực rỡ đã qua của mình, sự thành công hoặc những khoái lạc hôm qua trở thành không nghĩa lí gì khi cái buổi mai chắc chắn sẽ phải đến (tuy không biết đến lúc nào) mà không sớm thì muộn thế nào cũng có ngày ta phải nghĩ tới, bỗng hiện ra. Ôi, những người *bạn đồng nghiệp mặc áo sặc sỡ*[113] ơi, phải chăng đã bao lần chúng ta từng phát ốm lên vì nhăn nhó, vì nhảy nhót và tiếng nhạc mũ kêu loong coong mãi bên tai? Mục đích của tôi, thưa các bạn đồng nghiệp, là muốn cùng các

bạn dạo thăm *Hội chợ phù hoa*, xem các gian hàng, thưởng thức các trò biểu diễn. Đoạn, sau cuộc đốt pháo bông, chúng ta sẽ từ giã mọi sự ồn ào vui vẻ, để về nhà sống cuộc đời riêng tư cực kỳ khốn khổ.

Bà Bute Crawley nghĩ thầm: "Giá ông lão đáng thương nhà mình có đầu óc một tý, thì bây giờ đã giúp được vô khối việc ích lợi cho bà cụ đau khổ này. Ông ấy có thể khiến bà ta hối hận về những tư tưởng quá táo bạo trước kia, có thể khuyên bà ta trở về với nhiệm vụ và truất quyền thừa kế của thằng cháu khốn kiếp đã làm mất danh dự của riêng nó và của cả gia đình. Ông ấy có thể khuyên bà Crawley ăn ở công bằng với hai đứa con gái và hai thằng con trai nhà mình; chúng nó đang cần và thật xứng đáng được giúp đỡ".

Biết thù ghét cái xấu, thường thường là điều kiện để biết làm điều thiện, cho nên bà Bute Crawley ra sức mà tiêm nhiễm vào tư tưởng bà em chồng sự ghê tởm của những tội lỗi chồng chất do Rawdon Crawley gây ra: bà thím liệt kê ra một tràng dài những thói xấu của anh cháu, đủ để kết án cả một trung đoàn toàn những sĩ quan trẻ tuổi. Nếu có người nào phạm lỗi trong cuộc sống, có lẽ không nhà luân lý nào lại thiết tha vạch cái xấu ra hộ bằng những người thân thích của người đó. Cho nên bà Bute Crawley đã tỏ ra rất quan tâm và nắm

vững mọi chi tiết về đời tư của Rawdon Crawley. Bà ta biết tỉ mỉ chuyện xích mích đáng buồn giữa Rawdon và đại úy Marker; Rawdon sai, nhưng cuối cùng đã bắn chết viên đại úy. Bà ta biết cả chuyện vị bá tước bất hạnh Dovedale đánh bạc với Rawdon thế nào mà mẹ người thanh niên này phải đích thân dọn nhà đến ở tại Luân-đôn để theo dõi việc học hành của con trai. Từ nhỏ Dovedale chưa hề biết cây bài là gì, vậy mà đến Luân-đôn, bị ngay Rawdon cám dỗ ở quán "Cây dừa"; tên chuyên quyến rũ và làm sa đọa những người trẻ tuổi này cho Dovedale uống rượu say, rồi thịt mất hơn bốn nghìn đồng.

Bà ta còn kể lại thật hào hứng tỷ mỉ về nỗi đau khổ của những gia đình nền nếp xứ quê bị thằng cháu làm khánh kiệt ra sao… con trai thì bị lâm vào cảnh khốn cùng và ô nhục, con gái thì bị quyến rũ làm điều bậy bạ. Bà lại biết rõ bao nhà thương gia đã bị phá sản vì thói "ngông" của hắn… bao nhiêu thủ đoạn đê tiện, bao nhiêu mánh khóe dối trá hắn đã dùng để lừa gạt bà cô rộng lượng nhất; và để đền đáp những sự hi sinh ấy, hắn đã vô ơn và giễu cợt bà ta. Những chuyện này bà kể lại ít một, ít một, cho bà Crawley nghe, cốt giúp bà này khỏi mắc hợm. Bà cảm thấy ở cương vị một người đàn bà ngoan đạo, lại là một bà mẹ, mình cần hành động như

vậy. Bà không hề mảy may hối hận về việc đã dùng cái lưỡi mà thí mạng kẻ thù một cách không thương tiếc. Không những thế, bà còn nghĩ rằng việc mình làm là ngoan đạo và đáng phục, tự khen mình có can đảm theo đuổi đến cùng.

Thật đấy, bạn chỉ cần ngỏ ý muốn được nghe nói xấu một người nào đó, lập tức thân nhân của họ sẵn sàng giúp bạn. Vả lại, ta phải công nhận rằng trong trường hợp của Rawdon Crawley, nguyên sự thực cũng đã đủ kết tội tên khốn nạn đó, chẳng cần phải dùng đến sự vu cáo, bịa đặt làm gì.

Bây giờ Rebecca đã trở thành người trong gia đình cho nên cũng được bà Bute có lòng yêu hỏi thăm đến rất tỷ mỉ. Con người tìm hiểu sự thực không bao giờ mệt mỏi ấy, sau khi đã ra lệnh dứt khoát không ai được tiếp người nhà của Rawdon hoặc nhận thư từ của anh ta, bèn lấy xe ngựa của bà Pinkerton ở Chiswick Mall báo cho bà bạn cái tin ghê gớm là cô Rebecca đã quyến rũ mất đại úy Crawley rồi. Bà Pinkerton kể lại cho bà nhiều chi tiết quái gở về dòng dõi của cô giáo dạy trẻ cũ, và về cuộc đời của cô ta hồi nhỏ. Bà bạn của nhà từ điển học cung cấp những tài liệu rất phong phú. Bà sai cô Jemima đi tìm những tờ biên lai và thư từ của ông giáo dạy vẽ. Lá thư này ông ta viết từ trong một nhà giam những kẻ

“bị bỏ tù vì nợ” yêu cầu ứng trước một món tiền; lá thư kia gồm toàn những lời cảm tạ bà góa ở Chiswick vì cô con gái được phép nhập học; còn lá thư cuối cùng nhà nghệ sĩ bất hạnh viết trên giường bệnh lúc hấp hối gửi gắm đứa con gái mồ côi nhờ bà Pinkerton che chở. Có cả những lá thư Rebecca viết hồi còn bé xin bà giúp đỡ bố, hoặc bầy tỏ lòng biết ơn của mình. Trong *Hội chợ phù hoa*, có lẽ không có lời châm biếm nào tài hơn là những lá thư. Cứ đọc lại thư từ người bạn thân nhất của ta viết hồi mười năm về trước mà xem; bây giờ, anh bạn quý ấy bị ta ghét cay ghét đắng rồi; ta lại đọc tập thư của cô em gái viết cho ta, mới thấy hai anh em yêu quý nhau như vàng cho tới khi chỉ vì cái gia tài đáng giá hai mươi đồng tiền vàng mà ghét nhau như quân thù? Này đây là những bức thư chữ viết nguệch ngoạc của con trai bạn; từ khi nó hư hỏng cưỡng lại ý bạn, bạn đã đau khổ vì nó biết bao nhiêu! Và này đây là một tập thư chính tay bạn viết, đầy những lời lẽ nồng nàn yêu dấu, bị người yêu của bạn gửi trả khi cô ta bỏ đi lấy một ông nhà giầu… bây giờ đối với cô tình nhân ấy, bạn coi xa lạ chẳng khác gì đối với nữ hoàng Elizabeth. Những lời yêu đương thề thốt, những lời hứa hẹn tâm tình, những lời biết ơn… sau một thời gian, đọc lại mà thấy tức cười ra phết! Trong *Hội chợ phù hoa*, nên đặt ra cái lệ là sau một thời gian ngắn cần thiết, tất cả mọi thứ giấy tờ đều phải hủy bỏ

(trừ biên lại của người bán hàng). Phải giết cho tiệt cái bọn lang băm và bọn chán đời đang ra sức quảng cáo cho thứ mực tai hại rửa không phai kia đi mới được. Thứ mực tốt nhất nên dùng trong *Hội chợ phù hoa* là thứ mực chỉ hai ngày là phai hết, giấy lại sạch bong như mới, để bạn có thể dùng ngay mà viết cho người khác.

Từ nhà bà Pinkerton, bà Bute không biết mệt mỏi lần theo dấu vết hai bố con ông Sharp đến tận ngôi nhà ở phố Hy-lạp, nơi xưa kia ông ta trú ngụ, và còn thấy trên tường phòng khám treo bức chân dung bà chủ nhà mặc áo sa- tanh trắng cạnh ông chồng mặc áo có đính khuy đồng. Ông Sharp không có tiền trả tiền thuê nhà phải vẽ bức tranh này để trừ nợ. Bà Stokes là người hay chuyện, mau mồm kể lại tất cả những điều bà biết về ông Sharp; những là ông ta nghèo kiết và trác táng ra sao, tính tình vui vẻ và hay bỡn cợt thế nào; rồi thì chuyện ông ta bị bọn mõ tòa và chủ nợ luôn luôn làm rầy rà, chuyện ông ta chỉ chịu làm phép cưới cô vợ ít lâu trước khi cô này chết, khiến cho bà chủ nhà tuy không phải chịu đựng gì với cô ta mà cũng lấy làm ghê sợ. Bà còn kể thêm rằng Rebecca trước kia là một con bé láo lếu mất dạy; có tài làm điệu bộ bắt chước tất cả mọi người để làm trò… Cô bé chuyên được sai đi mua rượu ở các tửu quán, và trong các phòng vẽ của khu phố không ai không biết

mặt. Tóm lại bà Bute thu thập được một bản báo cáo rất đầy đủ về dòng dõi, về giáo dục, về tư cách của cô cháu dâu: giá Rebecca biết mình được bà thím chồng quan tâm đến như vậy hẳn cô phải hài lòng lắm.

Việc điều tra được tiến hành một cách khéo léo ấy nhằm mục đích phục vụ lợi ích của bà Crawley. Vợ Rawdon Crawley là con gái một vũ nữ ở rạp Opera. Chính cô ta cũng đã nhảy cho thiên hạ xem. Cô ta đã làm kiểu mẫu cho các họa sĩ. Cô ta thừa hưởng một nền giáo dục thật xứng đáng là con gái mẹ. Cô ta cùng uống rượu mạnh với bố v.v… và v.v… Cùng là những kẻ mất linh hồn, đôi trai gái ấy lấy nhau là phải. Bài học luận lý rút ra từ câu chuyện của bà Bute là đôi vợ chồng ấy hư hỏng quá lắm rồi, những người biết tự trọng không ai còn nên nhìn mặt họ nữa. Những tài liệu ấy chính là những quân nhu khí giới bà Bute chuẩn bị đầy đủ ở công viên Lane để chống lại hai vợ chồng Rawdon vì bà biết thế nào họ cũng vây hãm bà Crawley.

Tuy nhiên, nếu trong việc sắp đặt này bà Bute có đáng trách, thì chính vì bà đã quá mức độ cần thiết; thành ra, mặc dầu người ốm chịu khuất phục trước uy quyền của bà, nhưng vì uy quyền ấy quá nghiệt ngã, quá bức bách, nên kẻ nạn nhân cảm thấy muốn lợi dụng cơ hội đầu tiên để thoát khỏi vòng kiềm tỏa. Mấy bà quen chỉ huy- đó là

sự kiêu hãnh của phái yếu – cứ muốn ra lệnh cho tất cả mọi người trong tất cả mọi việc, cứ muốn tỏ ra biết rõ hơn người khác mọi điều quan hệ đến hạnh phúc của bản thân người ta; nhiều khi họ không ngờ rằng sự thống trị hà khắc của họ có thể gây ra một cuộc nổi loạn trong gia đình, hoặc những kết quả tai hại khác.

Chính là trường hợp bà Bute; đích thị bà có thiện ý tốt đẹp nhất trần đời, nên mới hy sinh cả giấc ngủ, cả bữa ăn, cả việc dạo mát hít không khí trong lành, chịu vất vả đến kiệt sức để mưu lợi ích cho em chồng đang ốm. Bà yên trí rằng em chồng mắc bệnh trầm trọng đến nỗi suýt nữa bà cho mua sẵn quan tài đem chôn. Một bữa, bà trình bày với ông Clamp, ông thầy bào chế, về những sự hy sinh của mình và kết quả đạt được ra sao. Bà nói:

- Ông Clump thân mến ơi, tôi đã không quản ngại sức lực săn sóc cho người ốm được bình phục! Cái thằng cháu trai vô ơn ấy nó bỏ mặc cô nó nằm trơ trọi trên giường bệnh.Tôi không bao giờ ngại vất vả, tôi không bao giờ từ chối bất cứ một sự hy sinh nào.

Ông Clump cúi chào, đáp:

- Phải nhận rằng bà đã tận tâm săn sóc người ốm một cách đáng kính nhưng…

- Từ bữa tôi đến đây, tôi không mấy khi được chợp

mắt. Tôi hy sinh hết: giấc ngủ, sức khoẻ, thú vui, để làm tròn nhiệm vụ. Hồi thằng James nhà tôi lên đậu mùa tôi có chịu nhờ người khác trông nom cho cháu đâu. Không.

- Một bà mẹ xứng đáng phải như vậy, thưa bà, bà thật là một bậc hiền mẫu; nhưng…

Bà Bute vẫn tiếp, vẻ mặt trang trọng đầy tin tưởng.

- Là một người mẹ trong gia đình, là vợ một tu sĩ Anh quốc, tôi tin tưởng rằng những nguyên tắc cư xử ấy là tốt. Ông Clump ạ, trời còn cho tôi được sống làm người, không bao giờ… không bao giờ tôi rời bỏ nhiệm vụ của tôi. Kẻ khác có thể bỏ mặc người đàn bà tóc bạc kia đau khổ trên giường bệnh (nói đến đây, bà Bute chỉ vào một bộ tóc giả màu cà-phê của bà Crawley, treo trên một cái giá trong phòng rửa mặt) nhưng tôi ấy à, không bao giờ. ông Clump ạ, tôi e rằng, tôi tin rằng người ốm kia cần sự giúp đỡ về tinh thần cũng không kém gì thuốc men đâu.

Đến đây, ông Clump cương quyết bày tỏ ý kiến một cách ngọt ngào:

- Thưa bà, điều tôi muốn bà lưu ý bà, khi bà đề cập đến những tình cảm đáng quý kia, tôi nghĩ rằng bà đã lo lắng quá đáng về bệnh trạng của bà bạn quý, và đã phí phạm sức khỏe một cách vô ích đấy.

Bà Bute chặn ngay:

- Tôi rất sẵn sàng hy sinh cả tính mệnh tôi để làm tròn nhiệm vụ, hoặc để mưu lợi ích cho bất cứ người nào trong gia đình chồng tôi.

Ông Clump lịch sự đáp:

- Thưa bà, rất đúng, nếu cần thiết. Nhưng chúng tôi không muốn bà Bute Crawley phải là một kẻ tử đạo. Bác sĩ Squills và tôi đã cẩn thận xét kỹ bệnh trạng của bà Crawley, như bà đã rõ. Chúng tôi thấy bà ấy có vẻ buồn bã lo nghĩ vì những biến cố xảy ra trong gia đình.

Bà Bute vội kêu lên:

- Tại thằng cháu trai của bà ấy hư hỏng quá đấy.

- Vì thế, bà ấy sinh lo nghĩ. Và bà đã đến đây như một vị thần hộ mệnh để an ủi người bệnh trong cơn khủng hoảng tinh thần. Nhưng bác sĩ Squills và tôi thấy rằng, xét bệnh trạng của người ốm, không nên bắt ru rú mãi trong phòng. Như vậy có thể làm cho sức khỏe càng giảm sút. Bà ấy cần được đổi không khí, được vui vẻ, đó là những thang thuốc thần hiệu nhất đấy. (ông Clump cười để lộ ra bộ răng rất đẹp). Bà hãy cố khuyên bà Crawley đi lại, đừng nằm một chỗ mãi, ảnh hưởng đến tinh thần; lên ngay xe ngựa đi chơi đây đó đôi chút và, xin bà cho phép tôi được nói như thế này, như vậy chính

đôi má của bà cũng sẽ được hồng hào như cũ, bà Bute Crawley ạ.

Bà Bute đáp (và con mèo ích kỷ giấu kín trong bị thòi ngay cái đuôi ra):

- Sợ bà ấy gặp mặt thằng cháu trời đánh trong công viên mất. Họ mách tôi rằng nó giong xe đi chơi tay đôi với cái con tòng phạm trơ trẽn. Như thế thì đến ốm lại vì xúc động ông Clump ạ, không thể đưa bà ấy đi chơi được, tôi còn ở đây trông nom thì không thể để bà ấy đi đâu được. Còn như sức khỏe của tôi ấy à? Thưa ông, tôi vui lòng hy sinh hết vì nhiệm vụ.

Ông Clump bèn nói thẳng:

- Vậy tôi xin nói thực, nếu cứ giam mãi bà ấy trong buồng tối thì chúng tôi không chịu trách nhiệm về tính mạng của người ốm đâu. Bà ấy đang lo nghĩ quá nhiều, không chừng chỉ ít ngày nữa là đi đứt. Nếu bà mong cho đại úy Crawley được hưởng gia tài thì, thưa bà tôi xin nói thẳng rằng bà đã giúp ông ấy rất đắc lực đấy.

Bà Bute kêu lên:

- Trời đất ơi? Bà ấy sắp chết à. Sao ông không cho tôi biết sớm hơn?

Đêm hôm trước, ông Clump và bác sĩ Squills đã hội ý với nhau về bệnh tình của bà Crawley trong khi ngồi

uống rượu trong nhà ông Lapin Warren, có bà vợ sắp sinh đứa con thứ ba, Bác sĩ Squills nhận xét:

- Này ông Clump, cái con mụ ở Hamshire đến thật là một con quỷ cái. Nó muốn cứ giữ rịt lấy mụ già Tilly Crawley thôi… Rượu ngon tuyệt nhỉ.

Ông Clump đáp:

- Cái thằng Rawdon Crawley mới ngu chứ, đi lấy một con bé dạy trẻ làm vợ? Nhưng kể ra con bé trông cũng kháu.

Bác sĩ Squills nói:

- Mắt biếc, da nõn nà, mặt xinh, trán nở, đẹp. Trông ra gì đấy chứ, nhưng cái thằng Crawley cũng ngu thật.

Ông bào chế tán thành:

- Ngu bỏ mẹ đi ấy.

- Dĩ nhiên bà lão sẽ cắt phần gia tài của hắn.

Ngừng một lát, ông nói tiếp:

- Bà lão sẽ để lại một gia tài lớn đấy nhỉ?

Ông Clump cười:

- Lớn lắm! Tôi chỉ mong bà ấy không chết để chém mỗi năm hai trăm đồng thôi.

- Nội hai tháng nữa, thế nào con mụ ở Hamshire kia

cũng giết chết bà lão, nếu ông không can thiệp, ông Clump ạ. Bệnh già, lại bội thực, rồi lo nghĩ; tim đập mạnh lắm; mắc chứng xung huyết não; thế là tiêu. Clump, phải dựng bà ấy dậy, lôi bà ấy ra ngoài. Nếu không, chỉ vài tuần nữa thì đừng có hy vọng gì xoay được mỗi năm hai trăm đồng.

Lời khuyến khích trên đã khiến ông thầy bào chế thẳng thắn bày tỏ ý kiến của mình với bà Bute Crawley.

Nắm chặt bà già trong tay, lại chỉ có hai người với nhau, nhiều lần bà Bute đã tấn công xui bà Crawley chữa lại tờ di chúc; nhưng cứ mỗi khi nghe nhắc đến chuyện ấy, bà Crawley lại cuống cuồng lo chết; thành ra bà Bute đành chờ đến khi nào bà Crawley vui vẻ sẽ lại đả động đến vấn đề kia. Nhưng đưa bà ấy đi chơi đâu bây giờ? Chỉ có một chỗ yên trí sẽ không gặp mặt cái thằng Rawdon đáng ghét kia, đó là đi nhà thờ; nhưng bà Crawley lại không ưa gì nhà thờ, bà Bute biết rõ điều ấy quá. Bà nghĩ: "Ta phải đi thăm những vùng ngoại ô thành Luân-đôn mới được. Nghe nói đó là những thắng cảnh đẹp nhất trần đời". Thế là tự bà đâm ra yêu những khu Hampstead, Hornsey; thấy phong cảnh khu Dulwich rất hấp dẫn, thế là bà đưa nạn nhân của mình lên xe ngựa đi thăm những vùng quê ấy; vừa đi chơi bà vừa nói chuyện về hai vợ chồng Rawdon, cốt mọi cơ hội làm cho bà lão

thêm căm ghét đôi trai gái hư đốn ấy.

Có nhẽ tại bà Bute làm găng quá; vì thế, tuy bà Bute đạt được kết quả khiến cho bà cô thù ghét đứa cháu không biết vâng lời, thì trong thâm tâm bà Crawley cũng cảm thấy khó chịu: bà ghê sợ con người đang hành hạ mình, và đang tìm cách thoát khỏi tay bà Bute. Được ít hôm, bà Crawley nhất định không chịu đi chơi ở Hornsey và Highgate; bà muốn ra công viên chơi. Bà Bute chỉ sợ chạm trán với thằng cháu Rawdon hư đốn ở đó. Quả nhiên bà lo là đúng.

Một buổi thấy chiếc xe ngựa của Rawdon đằng xa chạy lại Rebecca ngồi cạnh chồng. Trên xe ngựa của kẻ thù, bà Crawley vẫn ngồi chỗ mọi khi, bà Bute ngồi bên tay trái. Bà Briggs ngồi ở ghế sau với con chó. Giờ phút gay go đã đến. Rebecca nhận ra chiếc xe, tim đập thình thịch. Lúc hai xe gặp nhau, cô ta chắp hai bàn tay lại, nhìn thẳng vào bà già, nét mặt đầy vẻ gắn bó và trung thành. Rawdon cũng run lẩy bẩy, mặt đỏ bừng lên sau bộ ria mép. Người duy nhất bị xúc động trên chiếc xe kia là bà Briggs; bà này giương đôi mắt to tướng nhìn về phía hai bà bạn. Nhưng bà Crawley vẫn nhất định quay mũ về phía con người xảo quyệt còn bà Bute thì đang mải mê nựng con chó con, gọi nó nào là cún ngoan, cún yêu, cún quý của bà. Thế là hai chiếc xe đi về hai phía.

Rawdon bảo vợ:

- Hỏng bét rồi!

Rebecca đáp:

- Anh Rawdon, ta cố một lần nữa xem sao. Anh không thể cho bánh xe của mình móc vào bánh xe kia được ư, anh yêu dấu của em?

Rawdon không đủ can đảm làm thế. Lúc hai xe lại gặp nhau, anh ta đứng hẳn dậy trên xe, giơ tay sẵn sàng ngả mũ chào, mắt chăm chăm ngó sang. Lần này bà Crawley không quay đi chỗ khác, nhưng cả bà và bà Bute cùng nhìn thẳng vào mặt anh cháu như nhìn người không quen.

Crawley văng tục một câu, ngồi phịch xuống ghế, đánh xe ra khỏi công viên về nhà, vô cùng chán nản.

Bà Bute đã thắng một trận vẻ vang quyết định. Nhưng bà cũng cảm thấy những cuộc gặp gỡ như vậy rất nguy hiểm, vì rõ ràng bà Crawley có vẻ bị xúc động. Bà quyết định rằng để đảm bảo sức khỏe, bà em chồng nhất định phải rời thành phố xa ít lâu, và nhất định đòi đi Brighton.

CHƯƠNG XX
ĐẠI ÚY DOBBIN ĐÓNG VAI SỨ GIẢ CỦA ÔNG TƠ HỒNG

Tự nhiên đại úy Dobbin thấy mình trở thành người thu xếp lo liệu việc nhân duyên giữa George Osborne và Amelia. Không có anh ta, mối duyên khó lòng thành tựu. Anh ta mỉm cười chua chát mà nghĩ thầm rằng trên đời này, kẻ duy nhất phải lo lắng việc ấy lại chính là mình. Tuy việc thu xếp sắp đặt cho hai bên trai gái đối với đại úy Dobbin là một việc khổ tâm nhất, nhưng anh vẫn có thói quen không ngần ngại, không phàn nàn, cứ thực hiện bằng được nhiệm vụ của mình. Anh ta lại yên trí rằng, nếu Amelia không lấy được Osborne, thế nào cô cũng đến chết vì thất vọng; anh ta quyết định phải cứu sống cô bằng được.

Tôi không dám đi vào chi tiết tỷ mỉ của cuộc gặp gỡ giữa Amelia và George khi nhờ có anh bạn thực thà Dobbin can thiệp, George lại được dẫn trở về dưới chân (mà sao tôi lại không dám nói là trong cánh tay) của cô ý trung nhân trẻ tuổi. Nhìn thấy bộ mặt xinh đẹp như thế mà bị nỗi lo âu thất vọng tàn phá, giày vò thê thảm, và nghe Amelia kể lại câu chuyện đau lòng bằng những lời giản dị ngọt ngào, kẻ sắt đá hơn George cũng phải cảm

động đến phát khóc ấy chứ. Lúc bà mẹ run run dắt Osborne lại gần, Amelia không ngất đi, chỉ làm dịu bớt cơn sầu muộn bằng cách ngả đầu vào vai người yêu, rồi thút thít khóc. Bà già Sedley vừa lòng quá, bà nghĩ rằng bây giờ là lúc nên để cho đôi trẻ được tự do. Emmy hôn tay người yêu, nước mắt rỏ xuống ướt đầm, dường như George là ông chúa, còn chính cô thì đang cầu xin người yêu tha thứ ban ơn vì cô đã phạm tội gì ghê gớm.

George Osborne lấy làm cảm động và cũng thấy thỉnh thích trước cử chỉ phục tùng tuyệt đối của người yêu. Anh ta cảm thấy người con gái trung thành, dịu hiền, giản dị này đã là kẻ nô lệ của mình; biết mình có quyền lực, George ta cũng thấy tâm hồn mình rung động. Như một ông chúa ở các nước phương đông, anh ta cảm thấy mình rộng lượng, rất có thể cúi xuống nhấc cô Esther[114] này đang phủ phục dưới chân mình dậy, đặt lên ngai vàng phong làm hoàng hậu. Không những thế, sắc đẹp ủ dột của cô càng khiến George cảm động nhiều hơn. Cho nên anh ta nâng người yêu dậy và tha thứ cho cô, tạm gọi như thế. Mọi niềm hy vọng và tình cảm của Amelia thì như một bông hoa thiếu ánh sáng, sắc tàn, hương phai, cánh héo, giờ được mặt trời soi đến, lại tươi mơn mởn đầy nhựa sống. Trên nét mặt rạng rỡ của cô hôm nay, không còn nhận được ra vết tích của khuôn

mặt nhợt nhạt, âu sầu trằn trọc trên gối đêm qua, khi Amelia không hề chú ý đến bất cứ vật gì xung quanh. Chị hầu gái người Ai len thấy cô thay đổi như vậy cũng vui lây, xin được hôn một cái vào đôi má đột nhiên trở lại hồng hào như xưa. Amelia vòng tay ôm lấy cổ chị ta và như một đứa trẻ, cô hôn chị hầu gái một cái thật nồng nàn; Amelia vẫn trẻ con lắm. Đêm hôm ấy, cô thiếu nữ ngủ một giấc êm đềm lại sức. Hôm sau, trong ánh nắng sớm, cô thức dậy, khuôn mặt rạng rỡ hạnh phúc. Cô nghĩ thầm: – Hôm nay, thế nào anh ấy cũng đến. Trong đời, không có ai cao quý được bằng anh ấy.

Thì chính George cũng đang nghĩ rằng mình là con người rộng lượng nhất thiên hạ, và nếu mình cưới cô thiếu nữ này làm vợ, tức là đã chịu một sự hy sinh ghê gớm lắm.

Trong lúc Amelia và Osborne đang tỷ tê trò chuyện tay đôi với nhau ở trên gác, thì ở dưới nhà bà cụ Sedley cũng đang cùng đại úy Dobbin bàn tán về câu chuyện của hai người, xem nên thu xếp việc hôn nhân của đôi trẻ thế nào cho tiện. Quả là một người đàn bà thực sự, sau khi cho đôi trẻ gặp nhau, bà Sedley đích thân cho phép hai người thả sức hôn nhau đằm thắm; nhưng bà hiểu tính chồng, biết rằng không khi nào ông Sedley chịu gả con gái cho con trai kẻ đã đối xử với ông một cách

hèn hạ đê tiện, đáng khinh như thế. Bà cụ kể lại tỷ mỉ những câu chuyện cũ, hồi gia đình bà làm ăn còn phát đạt… trong khi ông Osborne vẫn sống rất khổ cực trong một căn nhà ở Phố Mới. Một lần bà Osborne sinh con, bà Sedley gửi cho những quần áo của Joe mặc thừa; bà bạn nhận món quà mà sung sướng quá. Bà tin rằng chồng mình rất đau khổ trước thái độ vô ơn quái gở của con người kia, hẳn không khi nào ông ưng thuận cho hai trẻ lấy nhau, chắc chắn không khi nào. Dobbin cười nói:

- Thưa bà, vậy thì họ chỉ có một cách là đi trốn, bắt chước đại úy Rawdon Crawley và cô giáo dạy trẻ bạn của Emmy vậy.

- Cái gì? Có thể nào như thế được? Không bao giờ.

Bà cụ Sedley nghe nói bối rối quá. Ước gì bà Blenkinsop có mặt ở đây mà nghe chuyện nhỉ. Bà Blenkinsop vẫn không ưa gì cô Sharp… May quá, Joe không rơi vào tay cô ta; và bà kể lại câu chuyện tình duyên mới bén giữa Rebecca và anh chàng ủy viên tài phán quận Boggley Wollah.

Dobbin không sợ ông cụ Sedley giận dữ bằng ông bố của George. Anh ta công nhận rằng mình rất nghi ngại về thái độ của vị sa hoàng lông mày rậm tức là nhà đại thương gia ở khu phố Russell. Dobbin nghĩ thầm: "Ông lão đã dứt khoát phản đối cuộc hôn nhân rồi". Anh ta

biết tính Osborne rất cương quyết, đã định là làm. Anh suy tính: "George chỉ còn một hy vọng duy nhất là sẽ lập nên chiến công trong cuộc chiến tranh sắp nổ ra để cha tha thứ. Nếu anh ta chết, cô ấy cũng không sống được! Nghe nói anh ta có một ít tiền mẹ chết để lại cho… có thể mua được một chân thiếu tá, cũng có thể bán lại cái lon đại úy, di cư sang Canada làm ăn, hoặc yên trí về quê sống trong một túp lều tranh mà làm ruộng cũng ổn. Dobbin thầm nghĩ có cô vợ như thế thì đến cùng trời cuối biển cũng không sao; giá có phải đi Siberia cũng cứ vui như thường. Có điều lạ là anh chàng mộc mạc, dại dột này không hề nghĩ rằng nếu thiếu điều kiện để cưỡi một chiếc xe ngựa đẹp, hoặc kém số thu hoạch không thết đãi được bạn bè cho sang trọng, thì cuộc hôn nhân giữa Giorbgiơ và cô Sedley cũng rất có thể bị gàn quải.

Chính vì suy tính như thế, nên Dobbin thấy cần mau chóng thu xếp cuộc nhân duyên cho xong, càng sớm càng hay. Không biết có phải anh ta muốn công việc kết thúc nhanh cũng như người ta thường muốn lo liệu việc tang ma cho sớm chu tất khi trong nhà có người chết, hoặc khi bắt buộc phải chia ly với ai thì mong cho giờ chia tay mau tới? Chỉ biết rằng Dobbin hết sức quan tâm săn sóc đến việc hôn nhân của bạn. Anh khuyên bạn nên

hành động ngay, lại gợi ý cho bạn rằng, nếu trên mặt báo có đăng tin George được thăng thưởng, sẽ có nhiều hy vọng là được ông bố tha thứ chuyện cũ. Nếu cần, Dobbin tình nguyện đích thân đến giáp mặt cả hai bên cha mẹ để lo liệu công việc. Tóm lại, Dobbin khuyên bạn nên giải quyết mọi việc trước khi lệnh xuất phát ban hành, vì ai cũng thấy rõ trung đoàn thế nào cũng được lệnh rời nước Anh ra chiến đấu ở ngoại quốc.

Bà Sedley rất tán thành ý kiến của Dobbin; bà cũng không ngại vì vậy mà xích mích với ông chồng. Tính toán đâu vào đấy, Dobbin tìm đến gặp ông John Sedley tại quán cà-phê Tapioca; từ khi những văn phòng riêng bị đóng cửa, ông lão vẫn lấy nơi này làm chỗ viết và nhận mọi thứ giấy tờ, ông cụ thường gói tất cả giấy tờ lại thành những bọc bí mật, thu thu trong vạt áo choàng mang đi. Không có cái gì bi đát hơn là những cuộc vận động, những sự thu xếp đầy bí ẩn của một kẻ bị phá sản. Những lá thư ký tên những người giầu có, những tờ giấy dính nhờn mồ hôi toàn những lời an ủi, hoặc hứa hẹn giúp đỡ mà ông lão đặt biết bao hy vọng vào đó. Trong cuộc sống, bạn đọc thân mến hẳn đã có lần gặp một người bạn không may như thế. Anh ta kéo bạn ra một góc nhà, lôi trong túi áo một bọc giấy má, cởi nút buộc, răng vẫn còn cắn một đầu dây vội vã giơ cho bạn

xem một lá thư chờ đợi đã bao lâu nay vừa nhận được; và bạn quên sao được đôi mắt tha thiết buồn rầu tuyệt vọng của anh ta chăm chú nhìn bạn?

Dobbin đã nhìn thấy ông John Sedley, con người giầu có vui vẻ yêu đời xưa kia, bây giờ trở thành như vậy đấy. Bộ áo trước kia lúc nào cũng mới nguyên, bây giờ bạc phếch, sờn rách, trơ các khuy bằng đồng ra. Bộ mặt già xọm đi, râu ria mọc tua tủa. Chiếc cổ áo và chiếc cà vạt nhầu nát rũ rượi rủ xuống chiếc gi-lê đã trở thành quá rộng. Ngày trước, mỗi khi thết đãi George và Dobbin ở tiệm cà phê, ông lão thường vui vẻ cười nói ầm ĩ hơn tất cả mọi người; bọn hầu bàn hay xúm xít quanh ông. Bây giờ trông ông lão ngồi thu mình một cách tối tăm trong quán Tapiôca mà thảm quá. Một bác hầu bàn có tuổi mắt lờ đờ đứng cạnh; bác ta đi đôi tất bẩn thỉu, xỏ vào một đôi giầy há mõm, công việc của bác ta là đưa xi gắn thư, đưa mực đựng trong cái lọ bằng chì, và giấy cho khách. Trong quán nước tiêu điều này, hình như khách chỉ dùng có ngần ấy thứ. Hồi Dobbin còn nhỏ, ông già Sedley vẫn thường cho tiền ăn quà, sau này nhiều khi ông vẫn ưa đem anh ta ra giễu cợt cho vui; nhưng bây giờ gặp lại, ông già dè dặt chìa tay ra bắt, có vẻ hơi khúm núm, và gọi anh ta bằng "ngài". Thấy ông lão tiếp đãi và xưng hô như thế, William Dobbin cảm thấy ngường ngượng và

hối hận, y như chính mình có tội trong việc ông Sedley phải hạ mình vì bị phá sản như vậy.

- Thưa ngài đại úy Dobbin, rất vui mừng được gặp ngài.

Ông lão buồn rầu nhìn anh nói vậy. Vóc dáng gày gò và bộ quân phục của Dobbin khiến cho đôi mắt lờ đờ của bác hầu bàn sáng lên vì tò mò, và người đàn bà mặc áo đen đang ngồi ngủ gật giữa đống chai cốc cũng như choàng tỉnh dậy.

- Cụ cố vấn nhà ta và phu nhân sinh ra ngài có được mạnh khỏe không?

Vừa nói tiếng "phu nhân", ông lão vừa quay ra nhìn bác hầu bàn như muốn thanh minh rằng "John, anh thấy không, tôi vẫn còn có bè bạn trong giới thượng lưu đấy".

- Ngài định yêu cầu tôi việc gì hẳn? Hai ông bạn trẻ của tôi, ông Dale và ông Spiggot bây giờ thay mặt tôi điều khiển mọi công việc cho tới khi nào tôi thiết lập văn phòng mới. Thưa đại úy, ngài hiểu cho rằng tôi chỉ làm việc tại đây tạm thời. Tôi có thể giúp ngài điều gì nhỉ? Ngài dùng chút gì chăng?

Dobbin ngần ngại đáp rằng mình không thấy đói, không khát, cũng không có việc làm ăn gì cần điều đình, chỉ muốn đến hỏi thăm sức khỏe của ông Sedley và bắt

tay với ông bạn già, thế thôi. Anh ta nói tiếp, hoàn toàn không đúng sự thật:

- Bà cụ tôi vẫn mạnh… nghĩa là vừa ốm khỏi. Mẹ tôi định hôm nào đẹp trời thì sang thăm cụ bà Sedley bên nhà. Cụ bà hồi này thế nào, vẫn khỏe mạnh chứ thưa cụ?

Anh ta ngừng lại, ngẫm nghĩ về câu nói giả dối của mình, bởi vì chính ngày hôm ấy trời đang rất đẹp, nắng chan hòa rực rỡ. Dobbin nhớ rằng mới cách đây một tiếng đồng hồ, anh ta vừa gặp bà Sedley xong, vì anh ta đánh xe đưa Osborne đến phố Fullham rồi về trước để bạn lại ở trò chuyện với Amelia. Ông Sedley rút bọc giấy má ra, đáp:

- Bà nhà tôi rất sung sướng được gặp phu nhân nhà ta. Tôi vừa tiếp được lá thư của cụ thân sinh ra ngài, chúc cụ luôn vui mạnh. Dobbin phu nhân sẽ thấy bây giờ nhà của chúng tôi chật chội lắm, không được như xưa đâu, nhưng cũng ấm cúng; kể thay đổi không khí một chút thì sức khỏe của con gái tôi cũng khá hơn; nó ở thành phố không hợp lắm… ngài còn nhớ con bé Emmy không nhỉ?… Vâng, dạo này nó yếu lắm.

Ông lão vừa nói vừa nhìn quanh quất, có vẻ lơ đãng, mấy ngón tay gõ nhịp trên tập giấy, loay hoay với sợi dây đỏ buộc gói giấy má. Ông tiếp:

- Ngài là một nhà quân sự. Vậy xin hỏi ngài có ai ngờ rằng cái thằng dân đảo Corse chó đẻ kia lại trốn khỏi đảo Elba mà về được không? Ngài nghĩ xem, năm ngoái, khi các vị hoàng đế châu Âu họp mặt ở đây, cái hồi chúng ta có thết tiệc các vị ở khu City ấy, rồi xem tòa kỷ niệm Đoàn kết, xem đốt pháo bông, xem chiếc cầu xây theo lối Trung Quốc ở công viên St.James, thì có ai điên rồ mà không tin rằng chiến tranh đã thực sự chấm dứt? Mà chúng ta đã hát bài "Te Deum" cầu nguyện rồi kia mà? William, tôi xin hỏi ngài rằng có ai ngờ hoàng đế nước Áo lại là một tên phản bội… một tên phản bội không hơn không kém? Tôi cứ gọi đúng tên, hắn chỉ là một thằng phản bội, sấp mặt, xảo quyệt. Tôi tin rằng việc Bonaparte trốn thoát khỏi đảo Elba là do một âm mưu khốn nạn; và một nửa số cường quốc ở Âu Châu đã nhúng tay vào, cốt để hạ giá thực lợi và làm cho nước ta phá sản. Chính vì vậy mà tên tôi bị bêu trên mặt báo "Tin tức". Ngài xem… chính vì tôi tin tưởng vào hoàng đế nước Nga, và Hoàng tử nhiếp chính của ta. Ngài nhìn xem giấy má của tôi đây. Ngày mùng một tháng ba, giá cổ phiếu là ngần này… lúc ấy tôi mua cổ phiếu của Pháp chịu lãi năm phần trăm. Bây giờ mất sạch. Thưa ngài, nhất định phải có âm mưu, nếu không thằng khốn nạn ấy trốn về sao được. Viên cao ủy người Anh đã để nó trốn thoát đâu rồi. Phải bắn lão ta mới được… phải đem ra

tòa án binh xử, và bắn; lạy Chúa.

- Thưa cụ, chúng ta sắp săn được Bonaparte rồi…

Dobbin thấy ông lão giận dữ cũng hơi hoảng. Những mạch máu trên trán ông già nổi lên chằn chặn; ông lão đấm tay thình thình xuống bó giấy.

- Chúng ta sắp đuổi cổ được hắn. Đạo quân của Quận công hiện đã sang Bỉ. Chúng tôi cũng đang đợi lệnh xuất phát.

Ông Sedley gầm lên:

- Đừng cho nó đầu hàng. Phải chém đầu nó mang về, thưa ngài. Bắn cho nó chết, thưa ngài. Tôi cũng muốn tình nguyện ra trận… nhưng tôi già yếu quá rồi… tôi bị phá sản vì cái thằng chó má ấy… và vì cả một bọn lừa đảo đang nghênh ngang xe ngựa mà chính tôi đã giúp chúng mở mày mở mặt.

Giọng nói của ông lão nghẹn ngào. Thấy ông già gần như phát điên vì cơn tai họa giận dữ gào thét. Dobbin không khỏi mủi lòng. Ôi, xin các bạn hãy thương lấy con người sang trọng bị sa sút kia, vì trong *Hội chợ phù hoa* này, bạn cũng như họ, cũng chỉ có tiền bạc và tiếng tăm là của cải duy nhất. Ông lão tiếp:

- Đúng lắm, tôi đã ấp ủ những con rắn độc để chúng quay lại cắn tôi. Tôi đã đặt mấy thằng ăn mày lên lưng

ngựa để chúng xô ngã chính tôi xuống đường. William Dobbin, chắc ông biết tôi định nói ai chứ. Tức là cái thằng trọc phú khốn nạn ở khu phố Russell ấy; hồi tôi biết nó, nó không có lấy một xu dính túi. Bây giờ tôi chỉ cầu mong cho nó lại nghèo đi như một thằng ăn mày giống như cái hồi tôi mới dám đánh bạn với nó.

Dobbin lo lắng đi ngay vào vấn đề:

- Thưa cụ, tôi cũng đã nghe anh George bạn tôi nói qua về chuyện ấy. Việc xích mích giữa cụ và ông thân sinh ra George khiến anh ấy rất khổ tâm. George nhờ tôi đến thưa cùng cụ một câu chuyện.

Ông già đứng phắt dậy, kêu lên:

- Ồ ông đến nói hộ nó? Thế nào, nó gửi lời hỏi thăm tôi thật à? Thế thì nó tốt quá đấy, cái thằng kiêu ngạo khệnh khạng, cái thằng công tử bột, cái thằng ba hoa ở West End. Nó còn định lảng vảng đến nhà tôi phỏng. Thằng con trai tôi nếu xứng đáng là người thì phải cho nó một phát đạn. Bố con nó khốn nạn không kém gì nhau. Không bao giờ tôi còn muốn nghe nhắc đến tên nó trong gia đình tôi. Tôi nguyền rủa cái ngày tôi để cho nó bước chân vào trong nhà. Thà con tôi chết ngay trước mặt tôi còn hơn lấy nó làm chồng.

- Thưa cụ, cha George xử tệ, đâu có phải lỗi tại anh

ta? Cô Amelia yêu anh ấy cũng là do cụ một phần. Sao cụ nỡ chơi đùa với tình cảm của họ, và tự ý đang tay phá vỡ hạnh phúc của họ?

Ông Sedley kêu lên:

- Ông hãy nhớ cho rằng không phải là bố nó cắt đứt cuộc nhân duyên này đâu nhé. Chính tôi cấm chúng nó lấy nhau đấy. Gia đình tôi và nhà ấy vĩnh viễn không nhìn thấy mặt nhau nữa đâu. Tôi bị sa sút thật… nhưng không đến nỗi hèn hạ quá như thế… Nhờ ông bảo vào mặt cả bọn chúng… cả bố con chị em nhà chúng nó như thế hộ.

Dobbin đáp khẽ:

- Thưa cụ, theo tôi nghĩ thì cụ không thể, cũng không có quyền chia rẽ họ. Nếu cụ không cho phép, tôi thấy Amelia có nhiệm vụ lập gia đình không cần có sự đồng ý của cụ. Không có lý gì vì cụ nghĩ quẩn mà cô ấy phải chết, hoặc có sống cũng khổ sở cực nhục. Theo ý tôi, như vậy cô ấy cũng coi được như đã cưới xin đầy đủ rồi. Vả chăng đối với những lời ông Osborne nhục mạ cụ, còn có câu trả lời nào hay hơn là chính con trai ông ấy lấy việc được làm rể cụ là một vinh dự?

Nghe lý luận như vậy, trong mắt ông già Sedley thấy thoáng hiện cái gì như một sự hài lòng. Song ông lão

vẫn cứ khăng khăng một mực không thuận cho George và Amelia lấy nhau.

Dobbin mỉm cười nói:

- Vậy thì chúng tôi xin cứ tự tiện làm, dù không có sự ưng thuận của cụ.

Và anh ta kể lại chuyện Rebecca đi trốn cùng đại úy Crawley cho ông lão nghe, như đã kể cho bà Sedley nghe ngày hôm trước. Ông già có vẻ thú vị. Ông ta buộc lại gói giấy, đáp: "Mấy ông đại úy, các ông ghê gớm thật". Trên môi ông già thoáng nở một nụ cười. Bác hầu bàn mắt lờ đờ vừa bước vào thấy thế rất kinh ngạc, vì từ trước đến giờ, bác chưa hề thấy ông Sedley vui vẻ như thế trong cái tiệm rượu lúi xùi này. Có lẽ ông già được an ủi đôi chút, khi nghĩ rằng mình có thể trả miếng kẻ thù một vố. Ông ta và Dobbin nói chuyện xong, chia tay nhau như một đôi bạn thân thiết lắm.

George vừa cười vừa nói:

- Chị anh và em anh bảo rằng cô ta đeo những viên kim cương to bằng quả trứng chim bồ câu một Đeo như thế chắc tôn thêm màu da lắm nhỉ. Quàng thứ trang sức ấy vào cổ trông tha hồ mà lộng lẫy. Bộ tóc huyền của cô ta xoăn tít như tóc Sambo. Anh dám cam đoan rằng khi vào Hoàng cung, cô ta đeo cả vòng mũi đấy; giá cắm

thêm mấy cái lông chim vào búi tóc thì đích thị là một "*Mỹ nhân man rợ*"[115].

George đang chuyện trò với Amelia, anh ta giễu cợt một cô thiếu nữ mà cha và hai chị em gái của anh ta mới làm quen, và tỏ vẻ rất kính nể. Người ta đồn cô gái này có không biết bao nhiêu là đồn điền tại Tây Ấn, rất nhiều vốn liếng gửi ngân hàng, và một số tiền lớn góp vào cổ phần của Công ty Đông Ấn Độ. Cô ta có một tòa nhà lộng lẫy ở Surrey, một biệt thự ở quảng trường Portland.

Báo "Tin tức buổi sáng" đăng tên người con gái triệu phú này và không ngớt lời tán tụng. Bà Haggistoun, vợ đại tá Haggistoun đã quá cố, giữ vai trò "bạn tâm tình" của cô này; bà ta quản lý tòa biệt thự. Cô thiếu nữ vừa rời khỏi nhà trường; George cùng hai em vừa gặp cô ta tại một buổi dạ hội tổ chức tại nhà ông già Hulker tại quảng trường Devonshire (Công ty Hulker và Bullock từ lâu vẫn có quan hệ thư từ với gia đình cô ta ở Tây Ấn). Hai cô thiếu nữ săn đón làm quen ngay.

Cô gái triệu phú cũng tỏ ra rất có cảm tình với họ. Hai cô thiếu nữ nhà Osborne thấy rằng một người con gái mồ côi ở cương vị như cô ta… nhất là lại rất giầu… thật đáng chú ý lắm lắm. Dự buổi dạ hội nhà Hulker về, hai cô chỉ luôn mồm nói chuyện về người bạn mới quen với bà Wirt, người hầu cận. Hai chị em dự định tiếp tục đi

lại, ngay hôm sau cho đánh xe đến thăm cô bạn mới. Bà đại tá quả phụ Haggistoun có họ với bá tước Binkie. Bà luôn mồm nhắc đến tên ông này, và cho là hai cô gái dại dột này chơi trèo cứ hay nói đến những nhà tai mắt bà ta quen biết. Nhưng cô Rhoda thì cũng là người đáng quý, rất thẳng thắn, ngọt ngào, dịu dàng… tuy có kém phần lịch thiệp nhưng thật là tốt bụng. Mấy cô thiếu nữ xưng hô thân mật với nhau ngay lập tức; Osborne cười, nói:

- Emmy, giá em được trông thấy cô ta ăn mặc thế nào khi vào triều. Cô ta đến thăm chị gái và em gái anh để khoe bộ áo, trước khi theo Binkie bá tước phu nhân, người có bạn họ với bà Haggistoun, vào triều. Cô ta đeo kim cương sáng rực lên như đèn hội ở Vauxhall trong cái đêm chúng mình đến chơi ấy. Em có nhớ cái đêm ở Vauxhall anh Joe hát cho "cô em be bé xinh xinh" nghe không? Kim cương chọi với gỗ đào-hoa-tâm[116], em thử xem có nổi không. Lại còn mớ lông trắng gài trên mái tóc đen nhánh nữa cơ chứ… Anh muốn nói là gài trên mớ len của ta ấy. Đôi hoa tai thì to như hai cây đèn; có thể thắp lên được, lạy Chúa… và cái đuôi áo sa tanh vàng quét lướt thướt sau lưng như cái đuôi sao chổi.

- Cô ấy bao nhiêu tuổi, hả anh?

Emmy hỏi George; cái buổi sáng ngày tái ngộ đầu tiên ấy anh chàng cứ liến thoắng kể chuyện về cô thiếu nữ da

không trắng này liến thoắng không ai theo kịp được.

- À, tuy vừa rời khỏi nhà trường, nhưng cô công chúa đen ấy cũng phải ngót nghét hai mươi hai, hai mươi ba rồi. Gớm, chữ cô ta viết mới tởm chứ! Thường thì bà đại tá Haggistoun vẫn viết thư hộ, song trong những lúc thân mật cô ta cũng đích thân viết thư cho Jane và Maria. Sa-tanh, cô ta viết là "sát-tin", thánh James thì viết thành thánh "Jam"!

- Thế thì đúng là cô Swartz, cô bạn học nội trú của em rồi. Emmy nhớ ngay đến cô gái lai da đen rất tốt bụng kia; khi Emmy từ biệt trường học của bà Pinkerton, cô này rất xúc động, George đáp:

- Chính tên cô ta đấy. Bố cô ta là một người Đức lai Do thái… Họ đồn rằng làm nghề buôn nô lệ… giao du mật thiết với bọn mọi ăn thịt người. Ông bố chết năm ngoái, bà Pinkerton hoàn thành việc giáo dục cho cô ta. Cô ấy chơi đàn dương cầm được hai bài, biết hát ba bài; cũng có thể viết thư được, nếu có bà Haggistoun ngồi cạnh đánh vần hộ; thế mà Jane và Maria đã quý cô ta như chị em ruột rồi đấy.

Emmy buồn rầu đáp:

- Ước gì họ cũng quý em như vậy? Họ đối với em lạnh nhạt quá.

George đáp:

- Em ơi, nếu em có hai mươi vạn đồng hồi môn thì họ vồ vập em ngay. Họ vẫn quen được giáo dục như vậy đấy. Gia đình anh quen sống trong một xã hội tiền trao cháo múc, giữa những ông chủ ngân hàng, những nhà tài phiệt lớn ở khu City: bất cứ người nào trong bọn họ nói chuyện với ai cũng phải xóc xóc cái túi cho tiền kêu sủng xoảng. Trong đám này có một thằng đần độn tên là Fred Bullock sắp lấy Maria… có lão Goldmore, giám đốc công ty Đông Ấn, có lão Dipley buôn sáp, nghề của gia đình anh đấy- George đỏ mặt cười có vẻ hơi ngượng – Trời vật tất cả cái bọn chỉ biết có tiền ấy đi! Ngồi ăn tiệc với chúng nó mà anh chỉ muốn ngáp ngủ. Phải dự những buổi tiếp cái bọn khách ngu đần của cha anh mà anh phát ngượng lên. Emmy ạ, anh đã quen sống với những người quý phái, những người lịch sự, anh thích thế nào được cái bọn con buôn rửng của ấy. Người vợ yêu quý của anh ơi, em là người đàn bà duy nhất trong cái giai cấp của chúng ta mà biết suy nghĩ, nói năng và có dáng điệu của một bậc mệnh phụ, mà hết sức tự nhiên, vì em là một thiên thần, không thể có các cử chỉ khác. Em đừng cãi; đích thực em là một mệnh phụ duy nhất. Thì chính bà Crawley vẫn đi lại trong giới quý tộc Âu châu cũng phải nhận thế cơ mà? Còn cái thằng Crawley trong

đội Ngự lâm quân… quả đáng tội, thằng ấy khá lắm. Anh rất phục nó dám lấy người con gái mà nó tự chọn đấy. Amelia cũng rất kính phục Crawley vì chuyện ấy; cô tin rằng Rebecca sẽ có hạnh phúc; cô vừa cười vừa tỏ ý hy vọng Joe sẽ quên mối tình cũ. Đôi tình nhân cứ thế trò chuyện mặn mà với nhau, y như *"ngày xưa"* vậy. Bây giờ Amelia rất yên tâm, mặc dù ngoài miệng cô tỏ ý ghen với cô Swartz; cô nói rằng chỉ sợ George bỏ mình mà đi theo cô gái triệu phú với số vốn và cái gia sản ở Saint Kitt ấy – cô bé chả thật thà tý nào – Nhưng thực ra cô đang sung sướng quá, chẳng kịp lo lắng, ngờ vực, hiểu lầm gì hết. Lại được có George bên cạnh mình, cô thiếu nữ cảm thấy không sợ bất cứ nỗi nguy hiểm gì, bất chấp, cả những cô gái triệu phú hoặc những cô gái mỹ miều.

Buổi chiều, khi đại úy Dobbin trở lại thăm họ – anh rất mến đôi tình nhân này – thấy Amelia như trẻ lại anh ta cũng thấy lòng phấn khởi. Cô thiếu nữ lại nhí nhảnh vui cười, lại chơi dương cầm và hát những bài hát cũ, bỗng nghe có tiếng chuông reo bên ngoài báo ông Sedley đã ở khu City trở về. Amelia thôi hát và George nhận được hiệu cũng vội lủi mất.

Sau khi mỉm cười chào Dobbin – một nụ cười gần như giả dối, vì cô cho rằng anh chàng đến chơi không

đúng lúc – cô Sedley suốt buổi chẳng buồn nhớ rằng anh chàng có mặt hay không nữa; nhưng Dobbin cũng rất vui lòng vì thấy Amelia sung sướng, càng bằng lòng hơn vì thấy sự sung sướng ấy là do chính mình đem lại.

CHƯƠNG XXI
CÃI NHAU VÌ MỘT CÔ GÁI TRIỆU PHÚ

Người ta rất dễ yêu bất cứ cô gái nào có những đức tính như cô Swartz. Trông thấy cô gái triệu phú, trong trí ông lão Osborne nảy ngay ra một giấc mơ to tát đầy tham vọng. Ông ta sốt sắng và ngọt ngào khuyến khích hai cô con gái làm thân với cô thiếu nữ giầu có; ông nói rằng, là một người cha, được thấy con mình biết chọn bạn mà chơi như thế, ông rất hài lòng. Ông ta thường bảo cô Rhoda:

- Cô ạ, cô sẽ không thấy ở ngôi nhà tầm thường này của chúng tôi ở khu phố Russell vẻ lộng lẫy, bề thế, và những khách khứa sang trọng như cô quen gặp ở West End đâu. Hai em nó quê kệch thực thà lắm, nhưng rất ngoan ngoãn, và rất mến cô: điều đó là một vinh dự, đối với chúng nó… tôi nói rằng đó là một vinh dự. Tôi chỉ là một thương gia giản dị, tầm thường… một người rất thật thà; không tin cô cứ hỏi mấy ông bạn tôi trong công ty Hulker và Bullock mà xem; hồi còn mồ ma cụ ông nhà ta, cụ vẫn thường có giao dịch đi lại. Cô sẽ thấy gia đình chúng tôi rất hòa thuận, giản dị, hạnh phúc… và tôi nghĩ cũng có thể nói rằng rất được kính nể… cô Rhoda ạ,

cơm nước tầm thường, chủ nhà quê kệch, nhưng tấm tình thì rất nồng nhiệt đấy… Cô Rhoda thân mến ơi, xin cho phép tôi nói như vậy vì tôi quý cô lắm; thực tình là như thế, tôi quý cô lắm. Một cốc sâm banh! Hicks đâu, lấy một cốc sâm-banh hầu cô Swartz đây!

Ai dám nghi ngờ rằng ông già Osborne không tin lời nói của chính mình là thực tâm, và hai cô con gái không yêu quý cô Rhoda thực sự? Trong *Hội chợ phù hoa*, người ta bám lấy bọn có của một cách rất tự nhiên. Nếu những người có tâm hồn đơn giản nhất thường quen nhìn sự thịnh vượng bằng con mắt có cảm tình (tôi thách người dân Anh nào dám bảo rằng không thấy hai tiếng *"giầu có"* có ý nghĩa trang trọng, nghe rất thú vị, và tôi thách cả bạn nữa, nếu người ngồi ăn cạnh bạn có nửa triệu bạc, đố bạn không nhìn anh ta với đôi chút thiện cảm đấy)… Vậy nếu người thường vẫn có cảm tình với đồng tiền thì những con người ưa phù hoa còn thiết tha với nó đến đâu? Thiện cảm của họ xổ ra vồ vập chào đón đồng tiền. Đồng tiền làm thức tỉnh nơi họ bao tình cảm mặn mà đối với người có của đáng yêu. Tôi biết một số người không chịu cho phép mình tự do chiếu cố giao thiệp với những kẻ không có chút thế lực địa vị gì trong xã hội. Họ chỉ chịu thả tình cảm của họ ra trong những cơ hội tốt. Chứng cớ là hầu hết những người

trong gia đình Osborne suốt mười lăm năm nay không thể sao thân mật được với Amelia Sedley, thế mà chỉ qua một buổi tối, họ đã say mê cô Swartz được đến như vậy, quả là một thí dụ rất lãng mạn về hiện tượng *"bị thu mất hồn"*.

Cô chị cùng cô em gái và bà Wirt bàn nhau:

- Đám ấy xứng với anh George quá nhỉ. Cái cô Amelia vô duyên kia cắn gót không đáng! Đẹp trai như anh ấy, dáng điệu lại hiên ngang rắn rỏi, có địa vị, nhiều đức tính, thật là người chồng xứng đáng của cô ấy.

Hai chị em mơ màng với những ảo tưởng quay cuồng trong óc, nào là được dự những buổi dạ hội ở Quảng trường Portland, được vào chầu trong Hoàng cung, nào là được giới thiệu với các bậc vương công. Suốt ngày họ chỉ nói chuyện với cô bạn mới đáng yêu này về George và những chỗ bè bạn có tăm tiếng của ông anh trai.

Ông già Osborne cũng thấy đám này xứng đáng với con trai mình quá. Con ông sẽ xin giải ngữ, sẽ vào Quốc hội, sẽ trở thành một nhân vật có tiếng tăm, có quyền thế. Máu ông ta đã sôi lên với một vẻ hào hứng thành thực kiểu Anh; ông đã vội nhìn thấy con trai ông biến cái tên Osborne thành tên một gia đình quý tộc, và rất có thể con trai ông sẽ mở đầu cho một dòng dõi toàn những vị nam tước danh giá. Ông hết sức dò hỏi ở khu City và

ở Phòng Hối đoái, kỳ cho biết rõ được mọi chuyện liên quan đến tài sản của cô gái triệu phú, nào là số tiền cô gửi ngân hàng thế nào, nào là tài sản của cô ở đâu. Người cung cấp nhiều tin tức nhất cho ông ta là anh chàng Fred Bullock; anh chàng cũng đang thèm món bở này (chính mồm anh ta nói ra như vậy); nhưng anh ta lại trót đính hôn với Maria Osborne mất rồi. Song, tuy không lấy được cô gái làm vợ mình, anh chàng Fred vô tư ấy cũng hoàn toàn tán thành muốn cô kia trở thành vợ của anh vợ mình. Anh ta mách nước: "George phải tấn công trước và phải chiếm ngay trái tim cô ấy, *"lấy vợ thì cưới liền tay"*[117]... Bây giờ cô ấy mới chân ướt chân ráo về kinh đô, phải tấn công ngay; nếu không, chỉ vài tuần nữa, lỡ có thằng nào ở West End mang cái danh vị quý tộc mò về đây mà câu cô ta thì nó đá đít bọn dân City chúng mình mất; năm ngoái bá tước Fitzrufus nẫng cô Grogram như vậy đấy; bấy giờ cô ta đang đính ước với thằng Podder nhà Podder và Brown. Ông ạ, càng nhanh tay, càng tốt; con nghĩ thế đấy.

Lúc ông già Osborne đã ra khỏi phòng khách của nhà ngân hàng, anh chàng Bullock mới sực nhớ đến Amelia, mới nghĩ ra rằng cô ta xinh quá, và cũng gắn bó với Osborne thiết tha quá. Và anh ta cũng có bỏ ra ít nhất là mười giây quý báu của mình để thương hại cho cô thiếu

nữ không may gặp tai họa.

Trong khi Osborne được Dobbin, người bạn và là vị thần hộ mệnh của mình, thức tỉnh những tình cảm đáng quý, đang quay về với Amelia thì ông bố và hai cô con gái cũng đang tính toán việc vợ con cho anh như vậy; họ yên trí đời nào anh ta cưỡng lại.

Một khi ông già Osborne làm cái việc mà ông gọi là "gợi ý" thì người ngu si nhất cũng phải hiểu ông muốn nói gì. Đá một anh hầu ngã lộn xuống cầu thang, như thế ông ta gọi là "gợi ý" cho anh hầu xin thôi việc. Vốn tính bộc trực, quen lối tế nhị riêng của mình, ông ta bảo bà Haggistoun rằng đúng ngày con trai ông cưới cô Rhoda làm vợ, ông sẽ biếu ngay bà này một tờ ngân phiếu năm ngàn đồng; ông cũng gọi như thế là "gợi ý", và tự cho đó là một thủ đoạn ngoại giao hết sức khôn khéo. Cuối cùng, ông lão cũng đã "gợi ý" cho George về cô thiếu nữ triệu phú, nghĩa là ra lệnh cho anh chàng phải lập tức cưới ngay cô ta, không khác gì ông sai bác quản lý mở nút một chai rượu, hoặc ra lệnh cho người thư ký thảo một lá thư.

Nghe ông bố "gợi ý" như vậy, George hết sức bối rối.

Anh ta đang say sưa trong mối duyên rất đằm thắm vừa nối lại với Amelia; mối tình êm đềm biết bao. So sánh hình dáng và cử chỉ của người yêu với cô gái triệu

phú, anh ta thấy khác nhau một trời một vực, là càng thấy câu chuyện cưới cô này làm vợ là quái gở và tức cười. Anh chàng nghĩ thầm: "Cứ tưởng tượng mọi người trông thấy mình đi xe ngựa hoặc ngồi trong "lô" ghế riêng ở rạp Opera cạnh bà tiên gỗ đào hoa tâm nhỉ!" Không những thế, trong gia đình nhà Osborne anh con trai cũng bướng bỉnh chẳng kém gì ông bố, một khi đã thích cái gì là thực hiện kỳ được; mà khi tức giận thì George cũng thô bạo chẳng khác gì ông Osborne.

Khi ông bố chính thức "gợi ý" anh ta lần đầu tiên về vấn đề lấy cô Swartz, George còn ngọt ngào kiếm cách nói lảng:

- Tiếc rằng ba không quyết định việc này sớm hơn. Bây giờ không kịp nữa rồi; không biết chúng con phải lên đường ra ngoại quốc hôm nào. Đành chờ đến khi con trở về nước vậy, nếu may mà con về được.

Anh ta gắng tỏ cho cha hiểu rằng bây giờ không phải lúc tính chuyện nhân duyên, vì trung đoàn thứ… không biết ngày nào rời khỏi nước Anh; còn ít ngày nữa, cần để thu xếp công việc, không lòng nào lo chuyện yêu đương. Bao giờ anh ta trở về đeo lon thiếu tá, lúc ấy sẽ hay. George thêm:

- Con xin hứa với ba rằng, bằng cách này hay cách khác, ba cũng sẽ được thấy tên George Osborne đăng

trên báo "Tin tức".

Câu trả lời của ông bố căn cứ trên những tin tức thu lượm được ở khu City, nghĩa là, nếu chậm chân, chắc chắn bọn con nhà dòng dõi ở West End sẽ phỗng tay trên cô gái mất; và nếu anh ta chưa cưới được cô Swartz bây giờ, ít nhất cũng nên đính hôn ngay có giấy tờ cẩn thận làm bằng, khi nào về nước chỉ việc làm lễ cưới là xong; hơn nữa ông muốn con trai hiểu rằng một khi người ta có thể ngồi nhà mà kiếm được mỗi năm một vạn đồng, thì có hóa dại mới đi ra nước ngoài mà thí mạng. George chặn ngay:

- Nghĩa là cha muốn con tỏ ra hèn nhát, và chịu bôi nhọ tên tuổi dòng họ nhà ta vì món tiền vốn của cô Swartz?

Câu nói làm ông già choáng cả người. Nhưng ông ta vẫn kiên quyết đáp:

- Ngày mai, anh sẽ đến ăn cơm trưa ở đây, và bất cứ hôm nào có cô Swartz đến chơi, anh cũng phải có mặt ở đây để tiếp Nếu anh cần tiền, cứ hỏi ông Chopper.

Thế là dự định của anh ta về Amelia lại gặp thêm một trở ngại nữa. Dobbin và George đã hội ý với nhau nhiều lần về việc này. Ý kiến của người bạn về biện pháp giải quyết vấn đề như thế nào, ta đã rõ. Riêng đối với

Osborne, một khi đã định làm gì mà gặp một hai trở ngại, thì anh ta càng thêm quyết tâm vượt kỳ được.

Cô gái lai da đen hoàn toàn không hay biết một tý gì về âm mưu của gia đình Osborne đối với mình (cũng lạ thay, không rõ tại sao bà bạn "vú già" của cô không nói cho biết); cô cứ yên trí những lời nịnh hót của hai cô bạn gái là tình cảm chân thành, nên đối đãi lại cũng nồng nàn không kém; như ta đã có dịp trình bầy, tính cô vốn vẫn sôi nổi. Nếu muốn cho thật đúng sự thật thì phải nói thêm rằng cô ưa đến Đường công viên cũng có một lý do riêng; nói tóm lại thì cô thấy George Osborne là một anh chàng trẻ tuổi rất khôi ngô; ngay buổi tối đầu tiên gặp anh ta trong buổi dạ hội tại nhà Hulkers, cô đã rất chú ý đến bộ râu quai nón của anh ta rồi. Cô cũng không phải là người đầu tiên cảm anh chàng vì bộ râu: George vẫn có cái dáng điệu đặc biệt, vừa ngạo nghễ vừa thẫn thờ, vừa hăng hái lại vừa uể oải. Trông anh ta như một người đang say mê cuồng dại, đang ủ ấp những điều bí mật, và đang có nhiều điều đau đớn giày vò về đường tình ái cũng như về chuyện chơi bời. Giọng nói âm vang mà thấm thía; khi anh ta nói "Tối hôm nay nóng quá", hoặc mời một cô bạn gái dùng kem, giọng nói của anh ta cũng buồn buồn, đầy vẻ tâm tình, y như anh ta đang báo cho người này biết tin mẹ anh ta chết,

hoặc đang thổ lộ tình yêu vậy. Anh ta ngạo nghễ nhìn bọn trai trẻ vẫn giao thiệp với ông Osborne bằng nửa con mắt; giữa bọn công tử loại ba ấy, anh ta tự coi là một người anh hùng. Nhiều người chế nhạo và ghét cay ghét đắng George, nhưng lại có người như Dobbin chẳng hạn, thán phục anh ta một cách mù quáng. Bộ râu anh ta đã bắt đầu phát huy tác dụng và quấn lấy trái tim của Swartz rồi. Mỗi khi có hy vọng gặp Osborne ở khu phố Russell, thì cô thiếu nữ tốt bụng và thật thà này lại tỏ vẻ hết sức săn đón mong được gặp mặt hai cô bạn gái mới quen. Cô ta tiêu vô khối tiền để mua áo mới, mua vòng tay, mua mũ, và những túp lông cài đầu to tướng. Có ta ra sức tô điểm thực khéo mong vị "hoàng tử" của mình ra để chiếm được lòng anh chàng. Hai cô bạn gái thỉnh thoảng lại trịnh trọng đề nghị cô ta trổ tài âm nhạc; thế là cô hát ba bài hát, chơi hai bài dương cầm như mọi lần, và tự lấy làm thích thú hơn lần trước. Trong những phút giải trí thú vị ấy, bà bạn vú già cùng bà Wirt ngồi cạnh đó nghiên cứu cuốn "Danh bạ quý tộc" và nói chuyện với nhau về giới quý phái thượng lưu. Hôm sau ông bố lại "gợi ý" ít phút trước giờ ăn trưa, Osborne đang nằm dài trên chiếc ghế xô-fa trong phòng khách, dáng điệu hệt một người đang âu sầu mơ mộng.

Theo đúng lời cha, anh ta đã đến tìm ông Chopper tại

khu City, (ông lão thương gia thường cho con những món tiền lớn không có mức nhất định, sự rộng rãi của ông cũng rất tùy hứng). Đoạn, George đến Fullham ở chơi đó ba tiếng đồng hồ với cô Amelia thân yêu của anh ta; cuối cùng George trở về nhà, thì thấy cô chị và cô em gái đang ngồi trong phòng khách, cứng quèo trong bộ quần áo bằng vải sa hồ bột; hai bà nạ dòng đang quàng quạc trò chuyện ở cuối phòng, còn cô Swartz thực thà thì vẫn mặc tấm áo sa tanh màu hổ phách cô rất ưa, lại đeo đủ các thứ vòng tay bằng ngọc Thổ-nhĩ-kỳ, vô số nhẫn, đếm không xuể, rồi đính cả những hoa, những lông cùng đủ mọi thứ trang sức lặt vặt khác; trông cô ta giống hệt một người thợ thông ống khói vào tháng năm.

Cô chị và cô em gợi mãi mà George không chịu bắt chuyện; họ bèn xoay câu chuyện về vấn đề "mốt" ăn mặc, và về buổi tiếp tân vừa qua trong Hoàng cung; anh chàng đâm chán ngấy. Anh ta so sánh họ với Emmy… so sánh giọng nói the thé với tiếng nói trong vắt, êm ái của người yêu, so sánh những điệu bộ sỗ sàng, những bộ áo hồ cứng để hở cả khuỷu tay của họ với cử chỉ dịu dàng kín đáo mà duyên dáng của người yêu. Cô Swartz đáng thương lại ngồi đúng ngay vào chỗ mọi khi Emmy vẫn ngồi. Hai bàn tay đeo toàn nhẫn đặt xòe ra như hai

cái quạt trên tấm áo sa-tanh màu hổ phách; những nạm ngọc và hoa tai lóng lánh sáng quắc; cô ta ngồi giương đôi mắt to tướng ngó đây ngó đó. Thật là sự vô công rồi nghề và sự thỏa mãn hiện thành hình người; cô ta còn nghĩ rằng mình duyên dáng quyến rũ lắm. Hai cô bạn khen cô ta mặc chiếc áo sa tanh ấy rất nổi, các cô chưa từng thấy thế bao giờ.

Lúc gặp lại người bạn thân, George bảo:

- Thật là đồ chết tiệt, trông cô ta hệt như con búp bê Trung-hoa, suốt ngày chỉ ngồi nhe răng ra cười, và lắc lư cái đầu. Lạy Chúa, Will ạ, xuýt nữa tôi quăng cho cái đệm ghế xô-fa vào mặt đấy.

Nhưng anh ta cũng kịp tự kiềm chế được nỗi bực mình.

Hai chị em cô Osborne bắt đầu chơi dương cầm bài "Trận đánh thành Praha", George không chịu được nữa, kêu lên:

- Thôi đừng chơi cái… cái "*cửa*" ấy nữa! Tôi muốn phát điên lên đây. Cô Swartz, mời cô biểu diễn một bài. Cô muốn hát bài gì thì hát, nhưng xin đừng chơi bài "Trận đánh thành Praha".

Cô Swartz hỏi:

- Tôi hát bài "Cô Mary mắt biếc" nhé. Hay là điệu

Cabinet?

Hai cô bạn đồng thanh:

- Điệu Cabinet hay lắm.

Anh chàng chán đời ngồi trong ghế xô-fa vội kêu lên:

- Điệu hát ấy nhàm chán lắm rồi.

Cô Swartz khe khẽ nói:

- Giá có lời trước mặt, thì tôi hát được bài "Dòng sông Tajy"[118].

Tức là bài cuối cùng trong kho vốn liếng âm nhạc của cô thiếu nữ.

Mang vội đáp:

- Ồ, tôi có bài "Dòng sông Tage"[119] đây.

Và chạy đi tìm cuốn sách nhạc. Không ngờ cuốn sách nhạc lại chính là của một cô bạn gái tặng họ, có ghi tên ngoài bìa.

Nghe Swartz hát xong. George rất tán thưởng (vì anh ta nhớ Amelia vẫn ưa hát bài này lắm). Cô Swartz đang hy vọng được mời hát lại, tay lật đi lật lại tờ bìa cuốn sách, chợt nhìn thấy cái tên Amelia Sedley ghi ở góc tờ giấy. Cô ta quay phắt lại kêu lên:

- Trời đất ơi, Amelia của tôi đấy ư? Có đúng Amelia

học ở trường bà Pinkerton không? Đúng rồi, tôi biết. Chị ấy bây giờ ở đâu thế?

Cô Maria Osborne vội nói ngay:

- Đừng nhắc đến cô ấy nữa; gia đình cô ấy mất hết uy tín rồi. Cha cô ấy lừa dối ba tôi; tên cô ấy sẽ không bao giờ được nhắc đến ở đây nữa.

Ấy là cách cô Maria trả miếng George vì đã tỏ ra tàn nhẫn đối với bài "Trận đánh thành Praha" lúc nãy.

George đứng phắt dậy:

- Cô là bạn của Amelia, vậy thì cầu Chúa che chở cho cô; cô Swartz ạ, đừng có nghe mồm hai cô kia. Amelia không hề đáng trách điều gì. Cô ấy là người đáng quý nhất…

Jane vội kêu lên ngay:

- George, cậu không được nhắc đến cô ấy. Ba cấm đấy.

- Ai cấm được tôi? Tôi cứ nhắc đến đấy. Tôi nói rằng cô ấy là người đáng quý, dịu dàng, thùy mị, đáng yêu nhất nước Anh đấy. Phá sản hay không phá sản, thì chị gái tôi cũng cứ xách dép cho cô ấy không đáng. Cô Swartz ạ, nếu cô quý Amelia, hãy đến thăm cô ấy đi. Bây giờ Amelia chẳng có ai bầu bạn. Cầu Chúa ban phúc

lành cho ai đánh bạn với cô ấy. Tôi coi người nào nói tốt cho Amelia là bạn; người nào nói xấu cô ấy tôi coi là kẻ thù. Cô Swartz, cảm ơn cô.

George đứng dậy bắt tay cô thiếu nữ. Cô em gái vội kêu lên, giọng van lơn:

- Kìa, anh George!

George giận dữ tiếp:

- Tôi nói rằng, tôi cảm ơn bất cứ ai tỏ ra yêu quý cô Amelia Xét…

Anh ta ngừng lại. Ông Osborne đã đứng trong phòng mặt tái đi vì giận, cặp mắt đỏ tía sáng quắc lên như hai hòn than hồng. Mặc dù George thôi không nói nữa, nhưng máu trong người anh sôi lên, cho ngay đến tất cả mọi người trong các thế hệ của dòng họ Osborne lúc ấy cũng không bắt được anh chịu lép. Lập tức George lấy lại bình tĩnh, nhìn giả ông bố với điệu bộ tỏ ra vừa quyết định, vừa thách thức, khiến cho ông già bối rối vội quay mặt đi. Ông già hiểu ngay cuộc chiến đấu đã bắt đầu. Ông nói:

- Bà Haggistoun, cho phép tôi dẫn bà sang phòng ăn, George, anh hãy đỡ cô Swartz cùng đi.

Mọi người bước ra ngoài. George nói với cô thiếu nữ:

- Cô Swartz, tôi yêu Amelia; suốt đời chúng tôi nguyện sống bên nhau.

Suốt bữa ăn, George liến thoắng nói chuyện đến nỗi chính anh ta cũng phải ngạc nhiên về mình, làm cho ông bố càng bực. Chắc chắn cơn bão tố sẽ nổ ra sau khi khách ra về. Giữa hai bố con cũng có sự khác nhau, ông bố tính tình thô bạo cục cằn, nhưng anh con trai còn táo bạo cương quyết gấp ba lần bố, anh ta không những có thể tấn công mà còn có đủ sức chống đỡ. Biết rõ cuộc xung đột nhất định sẽ xảy ra, anh ta ăn rất bình tĩnh và ngon miệng trước khi cuộc chiến đấu bắt đầu. Trái lại ông già Osborne hết sức hồi hộp; ông uống nhiều rượu. Nhiều lần ông ta lẫn lộn trong câu chuyện nói với những người khách đàn bà ngồi cạnh. Thấy George điềm nhiên như không, ông lão càng căm. Ông gần phát điên khi thấy cái cách George lạnh lùng gấp chiếc khăn ăn lại, cúi gập người xuống chào cô Swartz và mở cửa cho cô ta, đoạn anh ta rót một cốc vang đầy tu một hơi cạn, nhìn thẳng vào mặt bố như muốn nói: "Thưa các vị ngự lâm quân, xin mời bắn trước". Ông già cũng rót rượu uống lấy sức, nhưng bàn tay ông run run, chạm chai và miệng cốc kêu lanh canh. Thở một hơi dài, mặt đỏ tía, ông già bắt đầu:

- Này anh, sao anh dám nhắc đến tên con bé ấy trước

mặt cô Swartz ngày hôm nay, ngay trong phòng khách của tôi? Tôi hỏi anh, sao anh dám làm như vậy?

- Khoan đã, thưa ba, đừng nói là "dám làm". Người ta không dùng tiếng "dám làm" để nói với một đại úy trong quân đội nước Anh.

Ông bố đáp:

- Tôi muốn nói gì với con trai tôi không ai cấm được. Tôi có thể cắt đứt không cho nó xu nào. Tôi có thể biến nó thành một thằng ăn mày cũng dược. Tôi cứ nói tiếp ý tôi.

George kiêu hãnh đáp:

- Tuy là con trai ba thật, nhưng con là một người thượng lưu. Nếu có ý kiến gì, muốn trao đổi hoặc muốn ra lệnh cho con điều gì, yêu cầu cha dùng những lời lẽ lịch sự mà con vẫn quen nghe.

Khi nào người con trai tỏ vẻ kiêu hãnh thì bao giờ cũng khiến cho người cha hoặc là hoảng sợ hoặc là tức giận. Ông già Osborne vẫn ngấm ngầm e ngại những cử chỉ, những điệu bộ quý phái của con trai. Các bạn độc giả hẳn cũng có kinh nghiệm là trong *Hội chợ phù hoa*, một người thô kệch thường không ưa thấy có người lịch sự ở bên mình.

- Xưa kia cha tôi không hề cho tôi được hưởng nền

giáo dục, những điều kiện tốt, cũng như bao nhiêu tiền nong như ngày nay tôi đã cho anh. Nếu tôi không nhờ có tiền mà lọt được vào một nơi chỉ có một ít số người vào nổi, thì có lẽ con trai tôi khó lòng huênh hoang khệnh khạng với đáng điệu ông hoàng được – ông già nhấn mạnh mấy tiếng trên có vẻ hết sức mỉa mai – Vào thời chúng tôi, người ta không tin rằng một người thượng lưu lại chửi lại bố. Xưa kia, nếu tôi cư xử như vậy, thì bố tôi đã đạp tôi ngã lăn xuống thang gác rồi.

- Con có chửi lại ba đâu. Con chỉ nói xin ba nhớ cho rằng con trai ba cũng là một người thượng lưu như ba. Con hiểu lắm, ba cho con rất nhiều tiền (George vừa nói vừa thọc tay vào túi vuốt ve tập giấy bạc vừa lấy của ông Chopper buổi sớm); ba nhắc đến việc ấy hơi nhiều đấy, không sợ con quên đâu.

- Tôi muốn anh nhớ hộ cả chuyện khác nữa. Tôi muốn anh đừng quên rằng, trong căn nhà này – nếu như anh còn thèm hạ cố ở đây – tôi là ông chủ, và cái tên kia… anh… rằng anh… và… tôi nói…

- Và cái gì thưa ba?

George hơi nhếch mép cười, hỏi lại, vừa rót đầy thêm một cốc rượu khác. Ông bố văng một tràng rất tục.

- … !Và không bao giờ cái tên Sedley còn được nhắc

đến ở đây Tôi không muốn nghe đến tên bất cứ đứa nào trong bọn chúng nó anh hiểu chưa?

- Thưa ba, không phải con nhắc đến tên cô Sedley trước, chỉ vì chị con và em gái con nói xấu cô ấy với cô Swartz; con thề sẽ bênh vực cô ấy bất cứ ở đâu. Không ai được phép nói xấu cô ấy trước mặt con. Gia đình nhà ta đã làm khổ cô ấy quá đủ rồi, bây giờ có thể buông tha đừng hành hạ cô ấy thêm nữa. Bây giờ cô ấy khổ lắm rồi. Trừ ba ra, người nào mở mồm nói xấu cô ấy, con bắn.

Đôi mắt ông bố trợn tròn như lồi ra khỏi mắt:

- Còn gì nữa, nói nốt đi.

- Nói nốt gì, thưa ba? Nói nốt về chuyện chúng ta đã cư xử tàn tệ thế nào với cô gái thiên thần ấy à? Ai đã xui con yêu cô ấy? Chính ba. Con rất có thể chọn yêu người khác, và còn đòi hỏi cao hơn, có thể cao hơn cả cái xã hội của gia đình nhà ta nữa; nhưng con đã vâng lời ba. Bây giờ, khi chúng con đã yêu nhau thì ba ra lệnh cho con đang tay cắt đứt mối tình, bắt con trừng phạt cô ấy, giết chết cô ấy cũng nên… mà vì lỗi của những người khác.

Girogiơ càng nói càng giận dữ, càng hăng hái:

- Đùa cợt với tình yêu của một người con gái như vậy

là một điều đáng xấu hổ, lạy Chúa… ? Một vị thiên thần như vậy… Những người khác so với cô ấy còn kém xa, đến nỗi họ có thể sinh ra ghen ghét; chỉ vì cô ấy tốt quá, hiền hậu quá nên người ta không dám thù ghét đấy thôi. Nếu con bỏ cô ấy, ba nghĩ rằng cô ấy quên được con sao?

Ông bố quát lên:

- Tôi không thèm để tai nghe những chuyện yêu đương con cà con kê của anh. Gia đình tôi không thể cưới một đứa ăn mày về làm dâu được. Chỉ cần nói một tiếng, là anh có ngay mỗi năm tám nghìn đồng; nếu anh không muốn thì mặc xác anh. Lạy Chúa, anh cuốn gói mà xéo khỏi cái nhà này đi. Tôi hỏi lại anh lần cuối cùng, anh có vâng lời tôi không? Có hay không?

George bẻ cổ áo lên đáp:

- Cưới cái con bé lại da đen ấy làm vợ? Thưa ba, tính con không ưa mầu nâu. Xin ba đi tìm một thằng da đen quét đường ở Fleet Macket. Con không muốn lấy một hoa khôi mọi đen làm vợ.

Ông già Osborne giận dữ giật mạnh cái dây chuông vẫn dùng để gọi bác quản lý lấy rượu vang… mặt ông sa sầm, ông ra lệnh đánh xe đưa đại úy Osborne đi.

Một giờ sau, bước vào quán rượu Slaughters mặt hãy

còn tái mét, George nói:

- Thế là hết.

Dobbin hỏi:

- Cái gì ông bạn?

George kể lại cuộc va chạm giữa mình và cha. Anh ta thề độc một câu và nói:

- Ngày mai, tôi cưới Amelia. Dobbin ạ, càng ngày tôi càng thấy yêu nàng hơn.

CHƯƠNG XXII
LỄ CƯỚI VÀ TUẦN TRĂNG MẬT

Kẻ thù dù can đảm, gan góc đến mấy mà bị đói thì cũng phải hàng phục, cho nên trong cuộc đấu tranh ta vừa miêu tả ở trên, ông Osborne không sợ đối thủ của mình. Ông tin rằng khi cạn túi, thế nào George cũng đầu hàng không điều kiện. Kể ra cũng có điều không may cho ông, vì ngay hôm hai bố con cãi nhau, George đã vớ được món tiền của bố. Nhưng ông già nghĩ ngần ấy tiền cũng không tiêu được mãi, chẳng qua ngày đầu hàng chỉ lùi lại ít lâu. Cho nên trong ít hôm, hai bố con không nhìn mặt nhau, ông bố tuy khó chịu trước sự im lặng của con nhưng vẫn yên trí; bởi vì, như lời ông lão nói, "kiến trong miệng chén còn bò đi đâu", ông chỉ cần chờ đợi kết quả như ông dự tính. Ông có kể lại cho hai con gái nghe chuyện xích mích giữa hai bố con, nhưng lại dặn thêm đừng chú ý đến làm gì, lại bảo nếu George trở lại, cứ tiếp đón thân mật như không có chuyện gì xảy ra hết. Đến bữa ăn vẫn bày bát đĩa của George như mọi khi; ông già hình như có ý nóng ruột đợi con trai quay về thì phải, nhưng mãi vẫn không thấy mặt anh ta. Phái người đến tiệm cà-phê Slaughters hỏi thăm thì thấy nói anh ta cùng bạn là đại úy Dobbin đã rời khỏi thành phố rồi.

Một buổi sáng ảm đạm cuối tháng tư, mưa rơi tầm tã đổ xuống vỉa hè dẫy phố cổ có tiệm cà phê của lão Slaughters; George Osborne bước vào tiệm, mặt mày phờ phạc, tái mét, tuy anh ta diện rất bảnh. George mặc một tấm áo màu xanh nước biển có đính một khuy đồng, ngoài khoác một chiếc áo gilê bằng da, rất đúng "mốt". Đại úy Dobbin có mặt trong tiệm cà-phê; anh ta cũng mặc bộ áo xanh có khuy đồng; tấm áo choàng nhà binh và chiếc quần màu xám nhạt thường vẫn đeo trên cái thân hình khẳng khiu của anh ta đã được cất đi. Dobbin ngồi trong quán cà phê đã đến hơn một tiếng đồng hồ. Anh ta giở hết báo nọ đến báo kia, nhưng không sao đọc được, hết nhìn đồng hồ có đến hàng chục lần, lại nhìn ra ngoài phố, mưa vẫn rơi tầm tã, người qua lại nện guốc cồm cộp để lại những cái bóng đen dài trên nền đá lát bóng loáng. Thỉnh thoảng anh ta lại gõ nhịp lên mặt bàn, hoặc cắn cụt cả móng tay (anh ta vẫn có thói quen trang điểm cho bàn tay hộ pháp của mình như vậy), rồi lại đặt chiếc thìa cho nằm chênh vênh trên miệng cốc sữa, và nghiêng cốc cho nó rơi xuống.v.v… Tóm lại, anh ta có vẻ đang băn khoăn điều gì, cố tìm những trò giải trí lặt vặt cho qua thời giờ, y như những người đang có chuyện gì ghê gớm ám ảnh tâm trí.

Vài người bạn thường đi lại ở tiệm cà-phê, nói đùa Dobbin về bộ áo lộng lẫy và cử chỉ băn khoăn của anh. Có người hỏi đùa, hay là Dobbin sắp đi cưới vợ, Dobbin cười đáp khi nào có việc vui mừng sẽ gửi biếu ông bạn (tức là thiếu tá công binh Wagstaff) một cái bánh. Cuối cùng đại úy Osborne hiện ra, diện rất bảnh nhưng sắc mặt tái nhợt, và có vẻ băn khăn như ta đã thấy. George rút ra chiếc mùi xoa màu vàng thơm sực mùi nước hoa lau bộ mặt nhợt nhạt, bắt tay Dobbin, nhìn lên đồng hồ treo trên tường, và sai John, bác hầu bàn lấy rượu ca-cao. Anh ta uống luôn hai cốc một cách vội vã. Dobbin hỏi thăm sức khỏe thế nào.

George đáp:

- Suốt đêm qua đến sáng, không chợp mắt được phút nào. Nhức đầu, và sốt kinh khủng. Chín giờ mới dạy đến Hummums tắm được một cái. Y như cái buổi sáng mình cùng Rocket ra bãi thi ngựa ở Quebec ấy Dobbin ạ.

William đáp:

- Mình cũng thấy thế. Sáng hôm ấy, mình còn hồi hộp hơn cậu nữa. Nhưng hôm ấy, cậu ăn bữa điểm tâm cẩn thận lắm, mình còn nhớ. Bây giờ hãy ăn tý gì đi đã.

- Will, cậu thật là một người bạn tốt. Mình muốn uống mừng sức khỏe của cậu, và vĩnh biệt…

Dobbin ngắt lời:

- Thôi, thôi. Hai cốc là đủ rồi. Này John, cất rượu đi. Hạt tiêu đây, cho một ít vào món gà và ăn mau mau bên, lẽ ra chúng mình phải ở đấy rồi.

Lúc hai viên đại úy nói với nhau mấy câu ngắn ngủi như vậy là khoảng mười hai giờ rưỡi. Chiếc xe ngựa của đại úy Osborne đã đợi từ lâu; hành lý của đại úy, anh hầu đã bỏ vào trong xe. Hai viên đại úy che chung một cái ô bước vội vào xe, còn anh hầu leo lên chỗ ngồi của xà ích, luôn mồm chửi trời mưa và rủa anh xà ích ngồi bên cạnh áo ẩm quá bốc hơi mù mịt. Anh hầu nói một mình như để tự an ủi: "Đến cửa nhà thờ, ta sẽ tìm một cái xe khác tốt hơn". Chiếc xe chuyển bánh, chạy dọc phố Piccadilly, hồi ấy nhà Apsley và nhà thương St. George vẫn còn xây bằng gạch đỏ; trên những cột đèn ngoài phố vẫn thắp đèn dầu, Achilles còn chưa sinh và đài chiến thắng Pimlico[120] chưa dựng, mà cái bày quái vật hình như muốn nhảy qua các nóc nhà xung quanh kia cũng chưa có… Chiếc xe qua Brompton tiến về phía một ngôi nhà thờ gần phố Fullham.

Một chiếc xe bốn ngựa khác cũng đã chờ sẵn ở đó, trông giống loại xe lồng kính rất đẹp. Trời vẫn mưa rầu rĩ, chỉ có vài người vô công rồi nghề qua lại. George nói:

- Chết cha! Tôi chỉ thuê có hai ngựa thôi mà.

- Ông chủ tôi muốn dùng bốn ngựa cơ ạ.

Anh hầu của Joseph Sedley đang đứng chờ lên tiếng.

Anh này cùng anh hầu của Osborne theo George và William vào trong nhà thờ, hai người đồng ý với nhau rằng cưới xin mà không có ăn tiệc, không có hoa, thì thật "cà mèng" không thể tưởng tượng được ông bạn cũ Joe Sedley của chúng ta bước ra, nói:

- Đây rồi; George, chậm năm phút đấy nhé. Trời với đất. Lạy Chúa! Y như mùa mưa ở Bengal vậy. Nhưng xe tôi thì không mưa nào lọt vào được. Vào đi; Emmy và mẹ tôi đã ở trong kho đồ thánh rồi.

Joe Sedley trông đường bệ quá. Anh ta béo hơn trước nhiều. Cổ áo cũng may cao hơn, mặt trông đỏ hơn. Bộ cà vạt đính ở cổ áo lòa xòa rủ xuống chiếc áo gi-lê sặc sỡ. Hồi ấy chưa có những đôi ủng da véc-ni, nhưng đôi ủng cao cổ của anh ta cũng bóng nhoáng, trông như đôi ủng trong truyện cổ, có người soi vào đó mà cạo râu được. Bông hoa hồng bạch to tướng mừng đám cưới gắn trên ngực áo, trắng muốt như một cái lá mộc lan.

Thì ra George chơi nước bài liều. Anh ta sắp làm lễ thành hôn. Vì thế mặt anh ta tái mét, băn khoăn, mất ngủ suốt đêm và sáng ra thì bồi hồi bồi hồi trong dạ. Tôi đã

biết trong trường hợp tương tự, nhiều người cũng có tâm trạng như vậy. Có lẽ đến lần làm lễ cưới thứ ba hay thứ tư thì cũng quen đi, nhưng lần đầu tiên thì gay go lắm.

Đại úy Dobbin kể lại cho tôi rõ rằng cô dâu mặc một tấm áo choàng bằng lụa màu nâu, đội một cái mũ rơm có băng hồng. Một tấm chàng mạng bằng voan Santily che kín mặt, đó là món quà của ông anh Joseph Sedley. Đại úy Dobbin đã đề nghị được tặng cô dâu một chiếc đồng hồ vàng có dây, hôm ấy cũng thấy cô dâu đeo. Bà mẹ cho nốt cô con gái chiếc trâm nạm kim cương, món đồ trang sức cuối cùng của bà già còn sót lại. Trong khi cuộc hôn lễ đang tiến hành, bà Sedley ngồi trên một tấm ghế khóc nức nở. Chị hầu gái người Ai len và bà Clapp phải khuyên nhủ mãi. Ông Sedley không muốn chứng kiến cuộc hôn nhân. Joe thay mặt cha; anh ta đưa cô dâu đến trước bàn thờ; đại úy Dobbin đóng vai phù rể.

Trong nhà thờ chỉ có những nhân viên hành lễ và mấy người dự đám cưới. Hai anh hầu đứng mãi tận ngoài xa nhìn vào có vẻ vênh váo. Mưa vẫn rơi tầm tã đập vào cánh cửa sổ lộp bộp. Trong những phút cuộc hành lễ tạm ngừng, nghe tiếng mưa rơi bên ngoài và tiếng bà Sedley khóc thút thít. Giọng nói của vị mục sư vang lên buồn buồn vọng vào những mảnh tường trống rỗng. Osborne nói câu "con xin ưng thuận" với giọng rất trầm.

Câu trả lời của Emmy run run thốt ra tự đáy lòng nhưng không ai nghe rõ, trừ đại úy Dobbin.

Cuộc lễ xong; lần đầu tiên sau hàng bao nhiêu tháng trời Joe Sedley bước tới hôn em gái, bây giờ đã là cô dâu mới; vẻ rầu rĩ đã biến mất trên mặt George, bây giờ trông anh ta rất tươi tỉnh và kiêu hãnh. Anh ta thân maajt đặt tay lên vai Dobbin nói:

- Bây giờ đến lượt anh.

Dobbin bước tới đặt tay vào má Amelia… đoạn, họ sang kho đồ thánh để ký vào sổ chứng hôn.

- Dobbin ơi cầu chúa ban phúc cho cậu nhé.

George nắm chặt tay bạn, hình như hơi rơm rớm nước mắt; William chỉ gật đầu đáp lại. Anh ta đang bị xúc động quá, không nói được nhiều. Osborne dặn:

- Viết thư luôn nhé. Lúc nào rỗi rãi nhớ lại chơi, nghe không.

Phút ly biệt giữa bà mẹ và cô con gái rất cảm động; đôi vợ chồng trẻ dắt nhau lên xe:

- Mấy thằng ranh con, tránh ra đằng kia.

George quát mấy đứa trẻ đang đứng xúm xít quanh cửa nhà thờ, Đôi vợ chồng bước ra xe bị nước mưa xối vào mặt ướt hết. Quần áo anh xà ích ướt đẫm. Bọn trẻ

con hò reo rầm rầm lúc chiếc xe lăn bánh, bùn bắn tứ tung.

Dobbin đứng lại trong khung cửa nhà thờ nhìn theo, vẻ mặt rầu rầu. Bọn trẻ con thấy thế cứ trêu cợt anh chàng, nhưng anh ta không để ý đến chúng, cũng như tiếng chúng cười đùa.

- Dobbin chúng ta về nhà đi ăn thôi.

Có tiếng người nói sau lưng Dobbin; một bàn tay nặng nề đặt mạnh lên vai anh, làm cho chàng tỉnh cơn mơ mộng. Nhưng viên đại úy không lòng nào ăn tiệc với Joe Sedley. Anh ta đưa bà già đang mếu máo cùng mấy người hầu lên xe của Joe Sedley, rồi, không nói thêm lời nào, từ biệt họ. Chiếc xe chuyển bánh, bọn trẻ con lại reo ầm lên chế nhạo lần nữa.

- Này đây, bọn ăn mày ranh con.

Dobbin vứt cho chúng mấy đồng xu, và bước ra ngoài mưa lủi thủi đi một mình. Thế là hết hẳn. Họ cưới nhau rồi, và họ rất sung sướng; anh chàng cầu Chúa. Từ bé, chưa hề bao giờ anh ta cảm thấy cô độc, đau khổ như lúc này. Anh chàng khát khao mong sao cho chóng qua mấy ngày đầu để gặp lại Amelia.

Khoảng mười ngày sau buổi hôn lễ vừa nói trên, ba chàng trai trẻ quen biết của chúng ta đang thưởng thức

phong cảnh đặc biệt của Brighton: một bên là dẫy biệt thự có cửa sổ chấn song hoa, một bên là biển, nước xanh biếc.

Những người dân Luân Đôn ngắm nhìn say sưa cảnh biển rộng, mặt nước sôi nổi như chúm chím cười, điểm lấm tấm những cánh buồm trắng, với hàng trăm chiếc ca-nô lượn sát bờ như hôn dải gấu áo màu lam của biển cả. Còn những kẻ ưa cuộc sống của con người hơn những phong cảnh kỳ thú khác thì lại hướng về phía những người ở chung nhà lấy làm khoái trá vô cùng. Tại cửa một biệt thự khác, thấy chị hầu gái Polly xinh xắn đang ôm cậu Omnium vào lòng mà vuốt ve; trong khi ấy ông bố là Jacob ngồi cạnh cửa sổ nhà dưới đang khoái trá điểm tâm món tôm bể, và đọc tờ "Thời báo". Xa xa đằng kia là mấy chị em cô Leery đang liếc theo mấy chàng sĩ quan ngự lâm quân trẻ tuổi rong chơi trên bãi biển, hoặc là một anh chàng người Luân-đôn đang giơ chiếc ống nhòm to như cái nòng súng ca-nông bắn đạn sáu cân nhìn ra ngoài khơi y như muốn chỉ huy tất cả những thuyền du lịch, thuyền đánh cá, thuyền tắm đang bơi ra bơi vào. Nhưng chúng ta có thì giờ đâu mà tả cảnh Brighton mãi? Brighton chính là Naples, nhưng là thành phố Naples sạch sẽ, mà bọn cùng đinh là những nhà quý tộc; Brighton bao giờ cũng mát mẻ, đáng yêu,

duyên dáng như bộ áo của một anh hề. Hồi câu chuyện này xảy ra, đi từ Luân-đôn đến Brighton mất bảy tiếng đồng hồ, nhưng nay chỉ mất khoảng một giờ rưỡi; và sau này khoảng cách ấy rất có thể còn rút ngắn hơn nữa trừ phi Joinville mang quân đến oanh tạc một cách không đúng lúc.

Một trong số ba người đang đi, lên tiếng:

- Con bé trong căn nhà mé trên hiệu bán đồ trang sức phụ nữ kia trông kháu quá nhỉ. Này, Crawley, có thấy lúc mình đi qua nó cứ liếc theo mãi không?

Người bạn đáp:

- Thôi ông Joe, ông đừng làm cho nàng đau khổ; ông Don Juan ơi, chớ đùa cợt với tình yêu của nàng.

- Cứ để mặc tôi.

Joe Sedley khoái trí lắm, vừa nói vừa lấy điệu bộ thật tình tứ liếc mãi chị hầu gái nói trên. Lần này đi chơi Brighton, trông Joe còn sang trọng hơn cả lúc dự lễ cưới em gái. Anh ta mặc mấy cái gilê thật là "mốt"; một cậu công tử xoàng chỉ cần một cái cũng đã đủ thích. Anh ta lại mặc một tấm áo kiểu nhà binh, với đủ mọi thứ lon hoa và khuy đồng đen, cùng những đường thêu vằn vèo. Gần đây, cu cậu lại đâm ra cũng kéo lê đôi ủng có cựa gót kêu lanh canh, cũng ưỡn ngực vênh vang, và tròn

mắt lên mà liếc tất cả những chị hầu gái gọi là "ngon mắt" một tý.

Chàng công tử hỏi hai bạn:

- Trong lúc chờ các bà ấy quay lại, chúng mình làm cái gì bây giờ?

"Các bà ấy " đang ngồi xe của anh Rottingdean.

Một người to lớn có bộ râu vuốt xi đen góp ý kiến:

- Ta chơi vài ván bi-a.

Joe hơi hoảng đáp:

- Thôi, thôi, ông đại úy ơi! Hôm nay không chơi bia-a nữa. Crawley ạ, chơi hôm qua thế là đủ rồi.

Crawley cười nói:

- Anh chơi cừ lắm. Đúng không, Osborne? Năm cú liền hôm qua, anh ta chơi cừ quá.

Osborne đáp:

- Tuyệt lắm, Joe thật là một nhân tài trong làng bi-a; những môn khác chơi cũng giỏi. Ước gì ở đây có tổ chức săn hổ nhỉ? Chúng mình rất có thể tham dự và giết chơi vài con trước khi về ăn cơm. (Con bé nào đang đi kìa! Joe, nom cái cổ chân xinh quá, hả?). Kể cho nghe lại câu chuyện săn hổ đi; anh gặp hổ trong rừng rậm thế

nào nhỉ? Này, Crawley, chuyện hay lắm nhé. Nói đến đây, George ngáp một cái, tiếp:

- Thời giờ cứ đằng đẵng ấy nhỉ, chậm quá. Ta làm cái gì bây giờ?

Crawley đề nghị:

- Hay là chúng ta đi xem mấy con ngựa vừa đem từ Hội chợ Lewes về đây.

- Joe định bắt cá hai tay[121]:

- Sao chúng mình lại không đi chén bánh ngọt ở quán Dutton nhỉ. Con bé ở nhà Dutton nom kháu ra phết.

George bàn:

- Ta đi đón xe "Tia chớp" đi, đến giờ xe về rồi đấy.

Ý kiến này được tán thành. Cả ba quay lại trạm xe ngựa để chờ xe "Tia chớp" về.

Đang đi, họ gặp chiếc xe ngựa trần mui của Joe, trên có sơn huy hiệu riêng lộng lẫy. Ở Cheltenham, anh ta vẫn thường ngự trên chiếc xe lộng lẫy này đi chơi một mình trong tỉnh, trông bệ vệ ra phết, tay khoanh trước ngực, đầu đội mũ vành bẻ tam giác; cũng đôi khi may mắn hơn, có cả đàn bà ngồi bên cạnh.

Lúc này thấy có hai cô thiếu nữ ngồi trên xe; một

người bé nhỏ, tóc nâu nhạt, ăn bận theo "mốt" tối tân nhất; người kia mặc một tấm áo lụa màu nâu, đội mũ nan có băng màu hồng, khuôn mặt tròn trĩnh, hồng hào, hớn hở, trông rất ưa nhìn. Xe đến gần ba người đàn ông, thì cô nói sau kìm ngựa lại; dường như vì cử chỉ "oai phong" của mình vừa rồi mà cô ta luống cuống, đỏ ửng mặt lên, trông đến buồn cười, và nói:

- George, chúng em đi chơi vui lắm… bây giờ về, thích quá Anh Joseph, đừng bắt nhà em về muộn nhé.

Rebecca giơ một ngón tay xinh xinh lồng trong chiếc bao da dê kiểu Pháp dọa Joe:

- Anh Sedley ơi? Đừng rủ rê các ông chồng chúng tôi chơi bời bậy bạ nhé, anh là hư lắm đấy. Không chơi bi-a, không hút thuốc lá, không ngỗ ngược.

- Chị Crawley thân mến… A… Tôi xin lấy danh dự mà hứa… Joe chỉ nói được có thế. Nhưng anh ta đã chú ý lấy một điệu bộ rất cầu kỳ, nghiêng nghiêng cái đầu mỉm cười nhìn "cố nhân", một tay chắp sau lưng chống một cái can, một tay (cái tay đeo nhẫn kim cương) đưa lên nắn nắn chiếc cà-vạt và vuốt chiếc gi-lê. Chiếc xe chuyển bánh, anh ta còn giơ bàn tay đeo nhẫn gửi theo một cái hôn cho hai người đàn bà. Joe ước gì tất cả Cheltenham, Chowringhee, tất cả Calcutta được nhìn thấy anh đang vẫy chào một con người tuyệt sắc như

vậy, và đang đi chơi cùng một tay nổi tiếng phong lưu là Rawdon Crawley trong đội ngự lâm quân.

Sau khi lấy nhau, cô dâu chú rể chọn Brighton làm nơi nghỉ ngơi hưởng thú trăng mật. Họ thuê mấy căn phòng tại khách sạn "Thủy quân", sung sướng hưởng thụ hạnh phúc êm đềm của mình trong thời gian chờ đợi Joe cũng ra đấy. Mà cũng chẳng phải họ chỉ có Joe là bạn ở đây. Một buổi chiều đang đi men theo bờ biển trở về khách sạn, họ gặp hai vợ chồng Rebecca. Hai cặp vợ chồng mới cưới nhận ra nhau ngay. Rebecca ôm chầm lấy cô bạn thân nhất đời.

Crawley hoan hỉ nắm tay Osborne rung tít. Chỉ mấy giờ sau, Becky đã tìm được cách khiến cho George quên hẳn mấy câu dấm dẳng cô ta nói với anh chàng hồi nọ. Đại úy Osborne còn nhớ không nhỉ, cái lần ta gặp nhau tại nhà Crawley phu nhân ấy mà, em có hơi thiếu lịch sự đối với anh. Hồi ấy, em cứ yên trí anh thờ ơ với chị Amelia thân yêu của em. Em giận quá, thế là đâm ra hỗn xược, tàn nhẫn, và vô ơn nữa cơ chứ. Anh tha lỗi cho em nhé! Rebecea, rất thẳng thắn, rất duyên dáng, chìa tay ra cho Osborne bắt; anh chàng đành giơ tay ra thôi. Cứ thẳng thắn và khiêm tốn mà nhận rằng mình có lỗi đi, có khi vì vậy mà thu lợi nhiều không biết chừng cơ đấy. Ngày trước tôi có quen một người sang trọng, vốn

là tay hâm mộ *Hội chợ phù hoa*; tính ông ta thường hay gây ra những chuyện phiền lòng nho nhỏ làm tội những người xung quanh, cốt để về sau lại rất anh hùng, rất thẳng thắn mà xin lỗi họ… kết quả thế nào? Nghĩa là ai cũng đâm ra mến ông bạn Crocky Doyle của tôi; họ bảo rằng tính ông ta có hơi nóng, nhưng bản chất là người tốt nhất đời đấy. Cho nên thái độ khiêm tốn của Becky được Osborne coi là rất chân thành.

Hai cặp vợ chồng trẻ không thiếu gì chuyện kể cho nhau nghe. Họ tranh cãi về chuyện cưới xin của nhau. Hai bên thảo luận về những kế hoạch xây dựng tương lai hết sức thẳng thắn và nhiệt tình. Họ ấn định sẽ giao cho Dobbin việc báo cho ông già Osborne biết tin con trai ông lấy vợ.

Osborne cứ nghĩ đến cuộc gặp gỡ sẽ xảy ra cũng đủ rùng mình. Rawdon thì vẫn đặt mọi hy vọng vào Crawley phu nhân, nhưng chưa thấy động tĩnh gì. Không có cách nào mò vào trong ngôi nhà ở Đường công viên được, hai vợ chồng anh cháu trai đành bám sát bà lão về Brighton, tay chân của họ lúc nào cũng túc trực sẵn sàng trước cửa nhà bà để nghe ngóng.

Rebecca cười nói:

- Chị ạ, giá chị được nhìn thấy mấy ông bạn quý của Rawdon lúc nào cũng rình ở cửa nhà em. Chị đã bao giờ

nhìn thấy một lão chủ nợ hay là một bác mõ tòa có tay sai đi kèm chưa? Tuần trước, có hai thằng quái ác nó cứ ngồi bên hàng hoa quả trước cửa rình suốt cả tuần lễ, đến nỗi chủ nhật chúng em mới dám thò mặt ra đường. Nếu bà cô không nghĩ lại, không hiểu rồi chúng em làm ăn ra sao?

Rawdon cười ầm lên, kể lại đến một tá chuyện lý thú về lão chủ nợ và cách Rebecca nói năng khéo léo với hắn ta như thế nào. Anh ta thề ầm ĩ lên rằng cả Âu châu này ít có người đàn bà nào đuổi khéo bọn chủ nợ tài tình bằng vợ mình. Hầu như ngay sau khi lấy nhau, Rebecca đã có dịp sử dụng tài nghệ của mình và anh chồng thấy ngay vợ mình là một con người vô giá. Hai vợ chồng vẫn được nhiều người tín nhiệm, nhưng cũng có vô số văn tự nợ, riêng khoản tiền mặt thì bao giờ cũng kiết xác. Những chuyện nợ nần ấy có làm cho Rawdon bớt vui vẻ không? Không; trong *Hội chợ phù hoa*, ai mà chẳng đã thấy có khối người nợ đìa ra mà vẫn ung dung ra phết; họ chẳng thiếu thứ gì, mà tâm trạng thì cứ phởn phơ thoải mái như không. Hai vợ chồng Rawdon thuê một ngôi nhà đẹp nhất ở Brighton, ông chủ trọ, mỗi khi bưng đĩa thức ăn đầu tiên của bữa cơm lên, lại cúi rạp xuống mà chào y như họ là những vị khách quý quen thuộc. Rawdon thì cứ tha hồ chê bai các bữa ăn và các thứ

rượu, bạo mồm chẳng kém chẳng thua gì những tay tai to mặt lớn trong vùng. Thì ra nhiều khi những thói quen ông hoàng, một bộ cánh và một đôi ủng thật bảnh, kèm theo một dáng điệu khệnh khạng, cũng có thể thay thế cho một khoản lớn ở nhà băng được.

Hai cặp vợ chồng đến chơi nhà nhau luôn. Sau hai ba ngày, hai người đàn ông tổ chức chơi pich-kê, còn hai cô vợ ngồi riêng một chỗ chuyện trò tri kỷ. Nhờ có thú tiêu khiển này, và nhờ có Joe Sedley ngự trên chiếc xe ngựa mui trần to tướng cũng ra chơi vài ván bi-a, thành ra cái ví Rawdon đầy lên đôi chút và có tiền mặt mà tiêu, cái khó mà nhiều khi các bậc thiên tài trác tuyệt cũng phải bó tay không vượt qua nổi.

Thế là ba người đàn ông cùng đi ra đón xe "Tia chớp".

Đúng giờ, không sai một phút, chiếc xe chật ních những người tiến đến; người gác cổng tỉnh thổi một hồi tù và thường lệ; chiếc "Tia chớp" chạy như bay qua phố, tiến về trạm xe.

George kêu ầm lên, thú quá, khi nhìn thấy ông bạn nối khố ngồi ngất ngưởng trên mui xe; anh ta hứa đến thăm ngay mà bây giờ mới thấy mặt:

- Hoan hô, Dobbin kia rồi.

- Nào, ông tướng, khỏe mạnh chứ? Cậu về chơi, mình

vui quá. Emmy gặp cậu chắc mừng lắm đấy.

Osborne nồng nhiệt bắt tay bạn ngay lúc Dobbin vừa xuống xe; đoạn anh ta thấp giọng, lo lắng hỏi:

- Có tin tức gì không? Anh lại khu phố Russell chưa? Ông cụ bảo sao? Kể lại mình nghe hết cả đi.

Dobbin vẻ mặt nhợt nhạt đăm chiêu, đáp:

- Tôi gặp ông cụ rồi, Amelia… à, chị George thế nào? Để tôi kể lại mọi chuyện anh nghe; nhưng đây là tin quan trọng nhất; nghĩa là…

- Nói phăng ra, ông tướng.

- Chúng ta được lệnh sang Bỉ. Tất cả binh đoàn, cả đội ngự lâm quân. Heavytop bị bệnh thống phong; ông ta đang phát điên lên vì không đi lại được. O'Dowd sẽ tạm quyền chỉ huy. Tuần sau chúng ta lên tầu ở Chatham.

Tin về cuộc chiến tranh không khỏi khiến hai vị tân lang của chúng ta xúc động mạnh mẽ; vẻ mặt ba người đàn ông trông đăm chiêu hẳn đi.

CHƯƠNG XXIII
ĐẠI ÚY DOBBIN TIẾP TỤC VẬN ĐỘNG

Không rõ tình bằng hữu có một sức mạnh huyền bí gì mà khiến được một con người thường ngày vẫn lùy xùy, hoặc lạnh lùng hoặc nhút nhát có thể trở thành khôn ngoan, hoạt động, cương quyết, trong khi lo liệu công việc cho bạn mình? Cũng giống như trường hợp của Alexis, sau khi được giáo sư khoa thôi miên Elliotson khoa tay vài cái trước mặt, anh ta bỗng nhiên coi khinh những sự đau đớn về thể xác, quay lưng lại cũng đọc được sách, mắt nhìn thấy cách hàng dặm đường, biết trước cả tuần lễ sau sẽ xảy ra những chuyện gì, ấy là chưa kể bao việc kỳ lạ khác; thế mà thường ngày, anh ta chỉ là một đồ vô tích sự. Trong những sự việc ở đời cũng vậy, mãnh lực diệu kỳ của tình bạn biến được kẻ thù nhút nhát thành can đảm, người e lệ thành bạo dạn, kẻ lười biếng thành năng động và người xốc nổi trở thành điềm tĩnh và khôn ngoan. Vì cớ gì một viên thầy kiện hủy bài cãi của mình mình đi, và chịu tìm đến ông bạn đồng nghiệp tài ba hơn để xin giúp ý kiến? Tại sao một vị bác sĩ mắc bệnh, lại cho chịu đi mời ông thầy thuốc vẫn cạnh tranh với mình đến nghe mạch, mà không ngồi vào trước gương thè lưỡi ra soi để tự mình

định bệnh kê đơn lấy? Những câu hỏi ấy xin nhường các bạn đọc giải quyết hộ; các bạn vẫn thông minh, vẫn rõ chúng tôi có thói vừa cả tin lại vừa hoài nghi, vừa dễ dãi, vừa bướng bỉnh, tin người, nhưng lại không tin ngay chính mình. Anh bạn Dobbin của chúng ta thuộc loại người dễ tính, giả dụ trước kia bị gia đình thúc bách quá, có lẽ anh ta đã xuống nhà bếp mà lấy chị đầu bếp làm vợ. Ví phỏng chỉ để lo việc cho bản thân thôi, thì đối với anh ta đi ra phố cũng là chuyện trăm nguy ngàn khó; nhưng nếu lại là lo việc cho Osborne thì anh chàng quen "cơm nhà việc người" này rất hăng hái, không quản khó nhọc, y như một tay chạy việc ích kỷ nhất, xưa nay chỉ biết mưu lợi cho bản thân.

Trong khi George và cô vợ trẻ đang say sưa hưởng thụ những ngày nồng nàn hạnh phúc đầu tiên của tuần trăng mật ở Brighton, thì anh chàng Dobbin thật thà này ở lại Luân-đôn với tư cách là đại diện toàn quyền của bạn để thu xếp nốt những chuyện liên quan đến việc cưới xin vừa qua. Nhiệm vụ của Dobbin còn phải làm cho Joe và em rể thân mật với nhau hơn, nhằm mục đích dùng cái địa vị ủy viên tài phán quận Boggley Wollah của Joe bù vào chỗ ông Sedley bị mất hết danh vọng vì phá sản; cũng lại Dobbin phải lo vận động sao cho ông già Osborne thuận trở lại công nhận hôn ước giữa hai gia

đình; và cuối cùng, Dobbin sẽ tìm cách báo tin George cưới vợ cho ông già biết, sao cho ông đỡ bực mình.

Dobbin mới tính toán rằng, trước khi đến chạm trán với ông chủ gia đình Osborne để báo tin này, cần tranh thủ cảm tình của những người trong nhà đã và, nếu có thể, vận động được cho hai chị em cô Osborne về phe mình.

Theo ý anh ta, không có lẽ nào hai cô thiếu nữ lại nỡ lòng giận George vì chuyện này. Ở đời có người phụ nữ nào lại bất bình thực sự vì cuộc tình duyên lãng mạn? Chẳng qua họ cũng chỉ khóc lóc gọi là tý chút, rồi cũng sẽ làm lành với George thôi; thế là hai cô con gái và Dobbin, cả ba sẽ góp sức mà bao vây ông Osborne. Viên sĩ quan lục quân kiêm chính khách đại tài này bắt đầu tìm một biện pháp vui vẻ hoặc một chiến thuật khả dĩ dẫn hai chị em cô Osborne đi vào câu chuyện bí mật của George một cách từ từ và khéo léo. Dobbin chỉ cần dò hỏi xem mẹ mình thường hay đi chơi những đâu và gặp những ai, là có thể biết nên đến chỗ nào thì có hy vọng gặp mặt hai chị em cô Osborne. Xưa nay, anh ta vẫn rất ghét những chuyện khách khứa. Tiệc tùng -những thú vui này, than ôi, khá nhiều người đàn ông biết suy nghĩ lại rất say mê – nhưng anh ta cũng tìm cách len vào bằng được một cuộc tiếp tân có mặt hai chỉ em cô thiếu

nữ. Trong buổi dạ hội này, Dobbin nhảy với mỗi cô một hai lần, tỏ ra đặc biệt lịch thiệp, đoạn mới lấy can đảm yêu cầu cô Jane Osborne sớm hôm sau cho gặp mặt khoảng mươi phút để báo một tin hết sức quan trọng.

Cớ làm sao nghe Dobbin nói thế, cô ta lại giật nảy mình, nhìn chằm chằm anh chàng một lúc rồi cúi mặt xuống, như thể muốn ngã ngay vào cánh tay anh ta mà ngất lịm đi? Nhưng may quá, đúng lúc ấy Dobbin lại vô ý giẫm ngay lên bàn chân cô ta, nhờ thế cô thiếu nữ tự trấn tĩnh được kịp thời. Tại sao cô ta lại bị xúc động đến khi nghe lời yêu cầu đó của Dobbin? Ai mà biết được. Chỉ biết rằng sớm hôm sau, khi Dobbin đến thăm thì cô Maria không có mặt trong phòng khách như mọi khi; còn bà Wirt thì cũng bỏ ra ngoài lấy cớ đi tìm cô Maria; còn lại một mình anh chàng đại úy ngồi với cô Jane Osborne. Cả hai cùng yên lặng: chiếc đồng hồ có tượng Iphigenia đặt trên mặt lò sưởi kêu tích tắc nghe rõ mồn một, rõ một cách khó chịu. Cuối cùng, cô Osborne lên tiếng trước, có ý khuyến khích:

- Buổi dạ hội đêm qua vui quá nhỉ, và… và… hồi này ông khiêu vũ tiến bộ lắm, đại úy Dobbin ạ.

Cô thân mật tiếp theo, có vẻ hơi ranh mãnh:

- Hẳn phải có người nào luyện hộ ông, có đúng không nào?

- Giá cô được xem tôi nhảy điệu "reel"[122] với bà thiếu tá O'Dowd của chúng tôi, và điệu "jig"[123] nữa… cô đã xem nhảy điệu "jig", bao giờ chưa? Nhưng theo ý tôi, nhảy với cô, người kém cũng thành giỏi; cô nhảy khéo tuyệt.

Cô thiếu nữ tò mò hỏi:

- Bà thiếu tá có trẻ đẹp không, ông đại úy? Người đẹp lại hỏi tiếp:- Chao ôi! Là vợ sĩ quan chắc phải ghê gớm lắm nhỉ? Tôi khó lòng tưởng tượng nổi vào thời buổi chiến tranh này, cái bà ấy còn nghĩ đến chuyện khiêu vũ được. Đại úy Dobbin ạ, thỉnh thoảng cứ nghĩ đến cậu em George yêu quý của tôi cùng bao nhiêu nỗi hiểm nguy đang đe dọa thân phận đáng thương của người lính mà tôi run lên vì sợ hãi đấy. Trong trung đoàn của ông có nhiều sĩ quan có vợ không, ông đại úy?

Bà Wirt đang ghé tai vào cửa nghe trộm, nghĩ bụng: "Chết thật, cái cô này ăn nói lộ liễu quá đi mất". Nhưng câu nói thầm của bà không lọt đến tai người ngồi trong phòng.

Dobbin đi thẳng vào vấn đề:

- Trong bọn anh em chúng tôi, cũng có một người vừa cưới vợ; hai người yêu nhau đã lâu, nhưng họ nghèo quá, không một xu dính túi[124].

Nghe mấy tiếng "yêu nhau đã lâu và nghèo", cô Osborne bèn kêu lên:

- À tuyệt quá nhỉ? Thật là thi vị!

Thấy cô thiếu nữ tỏ vẻ thông cảm, Dobbin bạo dạn hơn, tiếp:

- Anh ta là một thanh niên tuấn tú nhất trung đoàn đấy. Cả quân đội không có sĩ quan nào can đảm và đẹp trai hơn; mà người vợ thì xinh thật là xinh! Giá cô nhìn thấy cũng phải yêu cô Osborne ạ; cô mà gặp cô ấy thì nhất định cô cũng mến.

Cô thiếu nữ nghĩ thầm giờ phút quyết định đã bắt đầu vì thấy Dobbin có vẻ lúng ta lúng túng, những thớ thịt trên mặt anh ta cứ giật giật, đôi bàn chân to kềch động đậy luôn, mấy ngón tay thì cứ lần mãi trên hàng khuy áo, hết cởi ra lại cài vào. Chắc rằng điệu bộ anh chàng lúng túng thế kia, ý hẳn sắp sửa dốc cạn bầu tâm sự, cô bèn hăm hở sửa soạn lắng nghe. Vừa lúc ấy, chiếc đồng hồ trên có pho tượng Iphigenia kêu rè rè một hồi, rồi ngân nga điểm mười hai tiếng liền. Chỉ gõ có mười hai tiếng chuông mà tưởng như lâu đến một giờ. Cô thiếu nữ chưa chồng đang khát khao chờ đợi thấy đồng hồ đánh chuông sao mà chậm quá thế! Dobbin nói:

- Nhưng hôm nay tôi không định nói chuyện về việc

cưới xin… nghĩa là việc cưới xin của… nghĩa là… không, tôi định nói rằng… cô Osborne ạ, tôi định nói chuyện về anh bạn George thân yêu của tôi.

- Thì ra ông nói chuyện về George!

Giọng nói của cô thiếu nữ lộ vẻ thất vọng quá rõ ràng làm cho cô Maria và bà Wirt đứng nghe trộm ngoài cửa phải bật cười; Dobbin xuýt nữa cũng phải tủm tỉm vì không phải là anh ta không biết rằng mình đã lọt được vào mắt xanh của cô thiếu nữ. Trước kia, nhiều lần George đã bỡn cợt bạn thế này: "Bỏ mẹ thật! Thế mà anh không chịu lấy bà gái già Polly nhà tôi làm vợ. Anh chỉ hỏi một tiếng là xong. Tôi đánh cuộc với anh năm đồng ăn hai này."

Dobbin bèn nói tiếp:

- Thưa vâng, về George. Giữa anh ấy và cụ ông nhà ta trước kia có chút xích mích. Tôi quý anh ấy lắm… chắc cô cũng biết chúng tôi thân nhau như anh em ruột… cho nên tôi không ao ước gì hơn là được thấy hòa khí giữa cụ nhà và anh ấy. Cô Osborne ạ, chúng tôi sắp phải ra ngoại quốc rồi. Mệnh lệnh xuất quân sẽ ban xuống không biết lúc nào. Mà ra trận thì cũng không biết thế nào mà nói trước… Cô Osborne ạ, việc gì mà sợ hãi… Vì vậy, trước khi đi ra, cũng mong anh ấy được cụ nhà thương đến.

Cô thiếu nữ đáp:

- Đại úy Dobbin, nào có chuyện lôi thôi gì đâu; xưa nay giữa hai cha con vẫn thường có những chuyện xích mích nhỏ. Ngày nào chúng tôi cũng mong George trở về. Ba tôi chỉ ước mong điều hay cho cậu ấy. George cứ yên trí trở về nhà, tôi cam đoan mọi sự đều ổn thỏa, êm đẹp. Em Rhoda nó hồi nãy đây còn có vẻ rất buồn rầu, bực bội; nhưng tôi biết, thế nào nó cũng sẵn sàng tha thứ cho anh nó. Đại úy, ạ phụ nữ chúng tôi vẫn dễ tha thứ lắm cơ.

Dobbin rất khôn ngoan đáp ngay:

- Một vị thiên thần như cô chắc hẳn dễ tha thứ cho người khác rồi. Vả lại người đàn ông nào làm cho đàn bà đau khổ, thật đáng tội lớn. Giả dụ có người đàn ông nào không trung thành với cô, liệu cô cảm thấy thế nào nhỉ?

- Tôi ấy à?… Thế thì tôi chết mất… Tôi sẽ nhảy qua cửa sổ tự tử ngay… Tôi sẽ uống thuốc độc… Tôi sẽ héo hon rầu rĩ đi mà chết. Chắc chắn như vậy.

Tuy cô thiếu nữ hăng hái tuyên bố thế, nhưng thực ra, cô đã từng trải qua đôi ba cuộc thất bại trên trường tình mà chưa hề thấy bao giờ cô nghĩ đến chuyện từ bỏ cõi đời.

Dobbin lại tiếp:

- Tôi biết nhiều người cũng có một tấm lòng chung thủy cao quý như cô đấy. Tôi không định nói về cô thiếu nữ triệu phú con gái cái gia đình ở Tây Ấn đâu; tôi chỉ muốn nói về một người con gái trước kia đã từng được George yêu, và từ tấm bé đã chỉ một lòng tâm tâm niệm niệm nghĩ tới anh George. Tôi đã thấy cô ấy chịu đựng cảnh sa sút thiếu thốn một cách nhẫn nại, không hề than vãn nửa lời tuy rất đau khổ, không ai chê trách được điều gì Tức là tôi muốn nói về cô Amelia Sedley. Cô Osborne thân mến, không có lẽ con người rộng lượng như cô lại nỡ giận anh George chỉ vì anh ấy trung thành với Amelia? Ví thử George bỏ rơi Amelia, liệu chính anh ấy có khỏi bị lương tâm cắn rứt hay không? Cô hãy thương lấy Amelia… xưa nay cô ấy vẫn quý cô lắm cơ mà… và… và… hôm nay tôi được George ủy nhiệm đến đây thưa lại với cô rằng anh ấy coi sự đính ước cũ với Amelia là một điều thiêng liêng nhất và tôi cầu xin cô ít nhất thì cũng bênh vực cho anh ấy.

Khi nào Dobbin có điều gì xúc động mạnh, thường thường sau vài câu nói lúng túng rụt rè ban đầu, anh ta nói rất lưu loát; lần này tài hùng biện của Dobbin rõ ràng có ảnh hưởng đến thái độ của cô thiếu nữ. Cô đáp:

- Dạ… thật là một điều… hết sức kỳ quái… hết sức đau xót thật không ngờ… không biết ba tôi sẽ nghe ra

sao. Thế là bao nhiêu công lao của ba tôi định gây dựng cho George một cơ đồ lộng lẫy huy hoàng, cậu ấy đổ xuống sông xuống biển sạch… Nhưng mà, đại úy Dobbin ạ, cậu nó nhờ tay ông lo liệu giúp, thật là biết "chọn mặt gửi vàng" đấy.

Ngừng một lát cô nói tiếp:

- Tuy vậy, cũng không ăn thua gì. Đối với cô Sedley, tôi vẫn có bụng mến… thành thực mà nói thế, chắc ông cũng rõ. Xưa nay, chúng tôi vẫn không tán thành cuộc nhân duyên này lắm, nhưng chúng tôi đối với cô ấy vẫn rất tốt… tốt lắm. Có điều ba tôi không bằng lòng đâu, chắc chắn như vậy. Vả lại, ông cũng hiểu rằng một người thiếu nữ có giáo dục… mà sáng suốt, biết điều, thì phải… nghĩa là… đại úy Dobbin ạ, thế nào George cũng phải thôi cô ấy đi, không có cách nào khác.

Dobbin chìa tay ra nói:

- Thế ra một khi người yêu bị lâm vào cảnh hoạn nạn, người đàn ông đành phải bỏ rơi họ sao? Cô Osborne ơi, có thật đó là lời chính cô khuyên tôi không? Xin cô hãy thương lấy Amelia; George không thể nào bỏ cô ấy được đâu. Không thể nào như vậy được. Ví dụ bây giờ cô nghèo đi, liệu có nên khuyên người đàn ông bỏ cô không?

Câu hỏi khôn ngoan này xúc động trái tim cô Osborne không ít; cô đáp:

- Đại úy ạ, không rõ bọn thiếu nữ đáng thương chúng tôi có nên tin lời đường mật của đàn ông các ông không. Xem tính tình cô ta hiền hậu như thế có lẽ cũng cả tin. Tôi e rằng đàn ông các ông độc ác lắm, hay lừa dối lắm.

Đồng thời, Dobbin cảm thấy bàn tay cô Osborne đưa ra xiết chặt lấy tay mình.

Dobbin buông tay cô ta ra có vẻ hơi hốt hoảng nói:

- Hay lừa dối! Cô Osborne thân mến ạ; đàn ông chúng tôi không phải ai cũng thế đâu. Em trai cô không phải là hạng người ấy. George đã yêu Amelia từ hồi hai người còn nhỏ. Sẽ không có sự giàu sang phú quý nào xui được anh ấy từ bỏ Amelia để lấy người khác làm vợ. Bây giờ George phải thôi cô ấy sao? Có phải cô khuyên George hành động như vậy không?

Cô Jane còn biết trả lời thế nào nữa, nhất là cô lại đang ôm một ý định thầm kín đối với Dobbin. Không sao trả lời được cô đành nói đỡ đòn thế này:

- Vâng, nếu các ông không phải là tuồng dối trá thì ít nhất các ông cũng lãng mạn lắm lắm.

Đại úy Dobbin khôn ngoan bỏ qua lời nhận xét, không cãi lại. Cuối cùng, sau một hồi thuyết lý khéo léo đầy lẽ

độ, Dobbin cảm thấy lúc này cô Osborne đã được chuẩn bị tâm trạng đầy đủ để nhận tin tức cuối cùng; anh chàng bèn rót vào tai cô thiếu nữ: "George không sao xa cách Amelia được, George đã cưới Amelia làm vợ rồi".

Đoạn anh ta kể lại tỷ mỷ cuộc hôn lễ mà các bạn đã rõ: Dobbin bảo rằng nếu George không giữ lời ước cũ, có lẽ Amelia đến chết vì đau khổ mất; ông Sedley nhất định không chịu công nhận việc cưới xin này, nhưng rồi cũng thu xếp ổn thỏa. Joe Sedley cũng đã từ Cheltenham về để dẫn em gái đến trước bàn thờ làm lễ. Sau đó đôi vợ chồng mới ngồi xe bốn ngựa của Joe đi Brighton hưởng tuần trăng mặt, George hy vọng rất nhiều sẽ được chị và em gái giúp đỡ mình xin cha tha thứ; George tin chắc như vậy, vì hiểu rằng tâm hồn phụ nữ vốn hiền thục và dịu đàng. Đoạn Dobbin yêu cầu cô Osborne cho phép mình gặp lại (cô sẵn sàng ưng thuận ngay), rồi đứng dậy cáo từ, anh ta đoán chắc chỉ năm phút sau là câu chuyện sẽ đến tai cô Maria và bà Wirt. Đại úy Dobbin cúi chào rồi từ giã.

Dobbin vừa ra khỏi cửa thì cô Maria và bà Wirt đã nhảy xổ vào trong phòng; thế là câu chuyện bí mật được cô Jane kể lại đầu đuôi tỷ mỷ. Công bằng mà nói thì cả hai cô thiếu nữ không ai lấy làm khó chịu lắm về việc này. Những cuộc hôn nhân táo bạo như thế vẫn có một

cái gì đặc biệt khiến cho rất ít người đàn bà nghe chuyện mà công phẫn thực sự; hai cô thiếu nữ lại thấy mến phục Amelia hơn trước, vì cô đã nhận lời thành hôn với George trong trường hợp éo le này. Đang khi ba người sôi nổi bàn tán với nhau không biết rồi ông Osborne sẽ có thái độ ra sao, thì ngoài cửa đã có tiếng gõ cửa mạnh, y như tiếng sét đột ngột của sự trả thù, làm cho cuộc hội kín phải ngừng lại. Mọi người đoán chắc "ba" đã về; nhưng không phải. Đó chỉ là anh chàng Frederick Bullock; y lời hẹn, anh ta từ khu City đến mời hai cô thiếu nữ đi xem triển lãm hoa.

Chẳng nói cũng rõ Bullock được mọi người kể lại ngay câu chuyện bí mật. Nghe xong, thấy bộ mặt anh ta đã ra có vẻ hết sức ngạc nhiên, khác hẳn cái vẻ đa cảm đang lộ ra trên nét mặt hai cô gái. Bullock là một nhà doanh thương, có cổ phần trong một hãng buôn lớn. Anh ta hiểu rõ cổ phần trong một hãng buôn lớn. Anh ta hiểu rõ thế nào là đồng tiền, và giá trị của nó ra sao. Niềm hy vọng làm cho đôi mắt ty hý của anh ta sáng rực lên. Anh ta vừa mỉm cười với cô Maria vừa tính nhẩm rằng phen này sự điên rồ của George hẳn sẽ nâng giá trị của cô vợ chưa cưới lên thêm ba vạn đồng nữa là ít.

Anh ta nhìn cô chị vợ, vẻ mặt kính nể, nói:

- Trời đất ạ; chị Jane, Eels nghe tin này chắc đến phát

khóc mất. Chị sắp đáng giá năm vạn đồng rồi đấy.

Cho đến lúc này, hai chị em cô thiếu nữ chưa kịp nhớ đến chuyện tiền nong; suốt cuộc đi chơi sáng hôm ấy, Bullock luôn mồm bỡn cợt hai chị em về vấn đề này; đến trưa, khi hai cô về nhà dùng bữa, chính họ cũng cảm thấy hãnh diện hơn trước thái độ ích kỷ ấy; nào có gì là khác thường đâu? Bởi vì sớm hôm nay kẻ viết truyện này có đi xe ngựa thuê từ Richmond; lúc xe đến trạm thay ngựa, tôi ngồi ngất nghểu trên mui nhìn xuống thấy ba đứa trẻ bẩn thỉu đang vầy một vũng nước bên vệ đường, cười đùa vui vẻ lắm. Bỗng có một con bé chạy đến nói: "Này Polly, em mày được một xu đấy". Lập tức ba đứa kia bỏ vũng nước, chạy ra nịnh nọt con bé Peggy đi trước, đám trẻ con bâu theo sau, cả bọn đường hoàng tiến tới quày hàng kẹo của một bà gần đấy.

CHƯƠNG XXIV
ÔNG OSBORNE XÓA TÊN CON TRONG QUYỂN THÁNH KINH

Báo tin cho cô chị và cô em gái Osborne xong, Dobbin vội vã đến khu City để thực hiện phần nhiệm vụ còn lại, cũng là phần việc khó khăn nhất. Cứ nghĩ đến phải gặp mặt ông già Osborne, Dobbin cũng đã thấy ngài ngại; nhiều lần anh ta định cứ để hai chị em cô Osborne báo tin ấy cho cha họ, vì anh ta biết họ không thể giấu tín việc ấy được lâu. Nhưng Dobbin hứa với George sẽ kể lại tình hình khi ông Osborne biết tin con lấy vợ như thế nào. Vì vậy, anh ta tìm đến phố Thames, nơi đặt văn phòng của ông Osborne tại khu City, và đưa một tấm thiếp tỏ ý muốn được tiếp trong nửa giờ để nói về việc của con trai ông cụ là George. Người đưa thư trở về cho biết ông lão rất vui lòng, và muốn gặp mặt viên đại úy ngay lập tức; thế là Dobbin đến gặp mặt ông lão. Dobbin bước vào văn phòng của ông già, cảm thấy hình như mình là kẻ có tội, và yên trí giữa hai người sẽ xảy ra một cuộc thảo luận gay go. Dáng điệu âu sầu, vẻ mặt lo lắng, anh ta đi ngang qua gian phòng ngoài, nơi ông Chopper ngồi làm việc, thấy ông này ngồi bệ vệ sau bàn giấy, gật đầu chào có vẻ chế nhạo làm cho Dobbin càng mất tinh thần. Ông Chopper nháy mắt, gật đầu, giơ cái bút chì về

phía cửa phòng làm việc của chủ, vui vẻ một cách đặc biệt nói:

- Mời ông vào, cụ chủ trong ấy đấy.

Ông Osborne cũng đứng dậy đón, giơ tay ra bắt rất thân mật:

- Thế nào, con thân yêu, khỏe chứ?

Thái độ vồ vập của ông già càng khiến cho tay "thuyết khách" của George cảm thấy mình có tội. Bàn tay anh ta đờ ra trong nắm tay của ông lão. Anh ta cảm thấy như chính mình ít nhiều đã gây ra mọi chuyện rắc rối. Chính anh ta đã đưa George trở lại với Amelia, chính vì anh ta đã tán thành, đã khuyến khích, đã gần như sắp đặt tất cả việc hôn nhân; bây giờ anh ta đã đến để kể lại cho ông Osborne nghe, thế mà ông già tươi tỉnh tiếp đãi như vậy, lại thân mật vỗ vai, anh ta mà gọi "Dobbin con thân yêu". Chao ôi! Nghĩ mà có thể treo cổ lên tự vẫn ngay được.

Ông Osborne hoàn toàn yên trí rằng Dobbin đến cốt báo tin George chịu đầu hàng rồi. Lúc nhận được tấm thiếp của Dobbin, ông Chopper và chủ đã trao đổi ngay về chuyện hai cha con xích mích với nhau; cả hai đều cho rằng George đã chịu khuất phục. Mấy hôm nay họ vẫn chờ đợi tin này.

Ông Osborne bật mấy ngón tay chuối mắn kêu đánh tách một cái, xóc xóc mấy đồng ghi nê trong túi cho kêu sủng soảng, liếc nhìn người làm công của mình với vẻ mặt của kẻ thắng trận, nói:

- Lạy Chúa, ông Chopper ạ, chúng ta sẽ tổ chức một đám cưới thật linh đình.

Vừa thọc cả hai tay vào túi xóc xóc mấy đồng đồng tiền, vẻ mặt yên trí hể hả, ông Osborne ngồi trên ghế bành nhìn thẳng vào Dobbin đang tái mặt đi im lặng; ông già nghĩ thầm:

- Là một đại úy trong quân đội mà thế này thì đần quá. Tại sao không học thằng George lấy ít cử chỉ lịch sự nhỉ?

Cuối cùng Dobbin thu hết can đảm bắt đầu:

- Thưa cụ, tôi đến báo cụ hay một tin, rất quan trọng. Sáng nay tôi có đến trại ngự lâm quân, và được tin chắc chắn rằng trung đoàn của chúng tôi sẽ được lệnh điều động ra ngoại quốc; nội trong tuần này sẽ sang Bỉ. Chắc cụ cũng thấy, trước khi lại được về nước, thế nào cũng phải tham chiến và cũng có thể nhiều người trong số chúng tôi gặp điều bất hạnh.

Ông Osborne có vẻ trầm ngâm:

- Thằng con… tôi chắc trung đoàn sẽ làm tròn nhiệm

vụ, thưa ông.

Dobbin tiếp:

- Thưa cụ, bọn Pháp rất mạnh. Phải một thời gian khá lâu thì quân Nga và quân Áo mới đến tiếp viện được. Như vậy chúng ta phải đứng đầu sóng ngọn gió. Chắc chắn Boney sẽ gây cho ta rất nhiều khó khăn.

Ông già cau mày:

- Ông định nói gì vậy? Tôi tin rằng không một người Anh nào lại sợ bọn Pháp.

- Tôi chỉ muốn cụ hiểu cho rằng, trước khi chúng tôi lên đường, xin cụ hãy nghĩ đến những sự nguy hiểm ghê gớm chắc chắn chúng tôi sẽ gặp phải… mà nếu có sự xích mích giữa cụ và anh George thì… thì… thưa cụ, mong cụ cũng vui lòng bỏ qua cho; được không ạ? Tôi nghĩ rằng, nếu sau này George gặp điều gì không may, chắc cụ chẳng bao giờ tự tha thứ cho mình vì lúc chia tay vẫn còn giận anh ấy.

Mặt Dobbin đỏ tía lên; anh ta cảm thấy rõ ràng mình là thằng phản bội, bởi vì nếu không có anh ta chắc hẳn hai cha con nhà này không có chuyện gì phải xích mích với nhau. Tại sao không lùi cuộc hôn nhân của George lại? Việc gì phải hối hả thế. Anh ta cảm thấy George có thể xa cách người yêu của mình mà không đến nỗi chết

vì đau khổ. Còn Amelia thì cũng rất có thể hàn gắn được vết thương lòng. Chính vì anh ta nên mới có chuyện cưới xin rồi sinh ra bao nhiêu chuyện rắc rối. Mà bởi đâu? Chỉ tại anh ta yêu cô thiếu nữ quá, không đành lòng nhìn cô ta đau khổ; hoặc có lẽ vì Dobbin không thể chịu nổi tình trạng lửng lơ nó giày vò mình, nên sẵn sàng chấm dứt nó cho xong chuyện… giống như khi có người chết, ta muốn chôn cất cho nhanh chóng, hoặc như ta biết chắc chắn phải xa cách một người thân yêu, thì chỉ khi đã chia tay nhau rồi, tâm trạng mới thư thái được.

Ông Osborne dịu dàng nói:

- William, ông là người rất tốt; và George không nên chia tay nhau mà vẫn còn xích mích. ông xem đấy, đối với nó, tôi đã làm mọi việc một người cha có thể làm. Tôi chắc rằng tôi đã cho nó nhiều gấp ba lần ông cụ nhà ta cho ông để tiêu. Tôi không khoác lác làm gì đâu. Vì nó, tôi đã vất vả, tôi đã phải phí biết bao tâm lực, tài trí; ông cứ hỏi Chopper, cứ hỏi ngay chính nó thì biết ông cứ hỏi cả khu City ở Luân-đôn này. Thật thế, tôi đã lo cho nó một đám mà bất cứ nhà quý tộc nào trong nước cũng phải thèm muốn… cả đời, tôi chỉ nhờ nó có một việc ấy… thế mà nó không nghe tôi. Vậy thì tôi có lỗi không? Tôi chỉ muốn điều hay cho nó, vì vậy tôi phải

chịu vất vả như một tên tù khổ sai từ khi sinh ra nó đến giờ. Không ai có thể bảo tôi ích kỷ được. Cho phép nó trở về, tôi sẵn lòng quên hết và tha thứ. Còn chuyện cưới xin thì thôi, chưa nói đến vội. Nó sẽ làm lành với cô Swartz; và bao giờ nó trở về với cái lon đại tá sẽ lo việc thành hôn cũng không muộn. Nếu chỉ cần có tiền là được làm đại tá thì, lạy Chúa, yên trí lắm. Ông đã khuyên nó biết nghĩ lại, thật may mắn quá. Dobbin, tôi biết lắm, chính nhờ có ông mới được vậy. Lâu nay, ông vẫn giúp nó thoát nhiều rắc rối. Nó cứ trở về, tôi sẽ không nghiêm khắc. Hôm nay, cả hai anh em về khu phố Russell ăn cơm nhé. Vẫn ngôi nhà mọi khi, và vẫn đúng giờ thường lệ. Sẽ có thịt thú rừng, và sẽ không ai căn vặn nó điều gì hết.

Thấy ông già ca ngợi và tỏ ý quá tin tưởng mình. Dobbin rất đau lòng. Càng nghe ông già nói, Dobbin càng cảm thấy mình có tội. Anh ta đáp:

- Thưa cụ, có lẽ cụ đã hiểu; vâng, chắc chắn như vậy. George là người cao thượng quá, chắc không bao giờ chịu lấy vợ vì tiền. Nếu cụ đe dọa sẽ truất quyền thừa kế vì cưỡng lời cụ, e rằng anh ấy càng thêm gan góc

Ông Osborne vẫn khôi hài, nói:

- Thế nào? Chết chưa? Cái ông này. Muốn cho nó mỗi năm được hưởng tám nghìn hoặc một vạn đồng, mà ông

gọi là dọa nó? Lạy Chúa, nếu cô Swartz ưng lấy tôi thì tôi xin ký ngay cả hai tay. Tôi không khó tính lắm về chuyện nước da sẫm hay nhạt.

Ông già nhếch mép một cách tinh quái và cười khà khà. Vị "sứ giả" trịnh trọng đáp:

- Thưa cụ, cụ quên mất rằng đại úy Osborne đã có nơi đính ước.

Đột nhiên lại nghe nhắc đến chuyện này, ông Osborne vừa ngạc nhiên, vừa tức giận.

- Đính ước nào? Ông định nói chuyện quái quỷ gì đấy? Ông không định nói rằng cái thằng con tôi ngu xuẩn đến mức cứ nhất định bám chặt lấy đứa con gái của tên lừa đảo, phá sản kia chứ? Ông có định đến đây cốt cho tôi biết rằng nó nhất định lấy con bé ấy làm vợ không? Lấy nó làm vợ, đẹp đẽ nhỉ! Con trai tôi, kẻ thừa kế của tôi mà lấy con gái một tên ăn mày từ cống rãnh chui lên. Nếu thật thế, thì nó hãy kiếm một cái chổi liệu mà đi quét đường sớm. Tôi nhớ ra rồi, mọi khi con bé vẫn lượn quanh con tôi mà liếc tình. Nhất định cái thằng bố lừa đảo nó xui nó "chài" con tôi đây.

Dobbin ngắt lời: dường như anh cảm thấy hài lòng vì chính mình phát cáu:

- Thưa cụ, ngày xưa, ông Sedley vẫn chơi thân với

cụ. Đã có hồi cụ không gọi ông ấy là đồ lừa đảo, là đồ khốn, mà gọi bằng những danh từ khác đẹp đẽ hơn. Chính vì cụ mà có chuyện đính ước kia, cho nên George không có quyền chơi đùa, muốn lấy muốn bỏ tùy thích…

Ông già Osborne quát lên:

- Lấy với chả bỏ! Cái thằng con trai thượng lưu nhà tôi cũng nói với tôi y như thế đấy; cái hôm thứ ba cách đây nửa tháng, nó khệnh khạng vác mặt đến dọa dẫm bố đẻ ra nó về những chuyện quận đội nước Anh dự trận. Vậy ra chính ông, ông đại úy, chính ông xui nó nói thế. Xin đa tạ ông, ông đại úy ạ. Thế ra ông muốn dắt bọn ăn mày vào nhà tôi; cảm ơn cái trò vô tích sự của ông lắm lắm, ông đại úy ạ. Lấy con bé ấy… Hi hi? Việc gì tôi phải lấy nó nhỉ? Tôi cam đoan với ông rằng chẳng cần phải cưới xin gì thì con bé ấy vẫn cứ bám lấy nó cho mà xem.

Dobbin đứng phắt dậy, giận dữ ra mặt:

- Thưa cụ, tôi sẽ không để cho ai nói xấu cô ấy trước mặt tôi, nhất là người nói xấu lại là cụ.

- Ông thách thức tôi đấy phải không? Được, để tôi kéo chuông gọi mang hai cây súng lục. Thằng George cử ông đến để chửi bố nó, có phải không?

Ông Osborne vừa nói, vừa giơ tay kéo chuông.

Dobbin, giọng run run nói:

- Cụ Osborne, chính cụ đã sỉ nhục một con người tốt nhất đời này. Cụ nên tránh cho cô ấy điều đó vì cô ấy đã là vợ con trai cụ.

Dobbin không nói gì thêm được nữa, bước ra ngoài.

Ông Osborne ngồi phịch xuống ghế bành mắt mở trừng trừng nhìn theo. Nghe tiếng chuông, một nhân viên bước vào. Viên đại úy bước ra sân thì ông Chopper, người thư ký riêng, đầu để trần chạy theo. Ông ta túm lấy vạt áo Dobbin, hỏi:

- Lạy Chúa tôi, có chuyện gì thế? Cụ chủ tôi đang như điên kia kìa. Ông George đã làm gì vậy?

- Ông ấy cưới cô Sedley đã năm hôm nay rồi. Chính tôi đi phù rể, ông Chopper ạ; và ông nên ủng hộ người bạn của ông ta.

Viên thư ký già lắc đầu:

- Đại úy ơi, nếu quả thế thì thật là một tin buồn. Cụ chủ không bao giờ tha thứ cho ông ấy đâu.

Dobbin yêu cầu ông Chopper thấy tình hình thế nào thì báo cho mình biết tại khách sạn, nơi anh ta vẫn trọ, đoạn buồn bã đi về hướng Tây, hết sức hoang mang về

chuyện đã qua, cũng không biết rồi câu chuyện sẽ xoay ra sao.

Tối hôm ấy khi cả gia đình ông Osborne ở khu phố Russell họp mặt lúc dùng bữa tối, mọi người thấy ông già vẫn ngồi chỗ cũ, nhưng sắc mặt có vẻ rầu rĩ; như mọi khi, thấy ông ta không vui mọi người cũng im lặng không dám nói năng gì. Hai cô con gái và Bullock cùng ngồi ăn yên trí rằng ông Osborne đã biết tin ấy rồi. Trước đôi mắt âu sầu của bố vợ, Bullock cũng thấy bối rối và cũng ngồi yên lặng; nhưng hôm ấy anh ta tỏ vẻ đặc biệt săn sóc đến cô Maria ngồi bên cạnh và cô chị ngồi mé đầu bàn chủ tọa bữa ăn. Bà Wirt thì ngồi trơ trọi một mình. Giữa bà và cô Jane có một chỗ để trống; những khi về nhà ăn cơm, George vẫn ngồi chỗ ấy. Mong con trai sẽ trở về, ông Osborne vẫn ra lệnh dọn phần ăn của anh ta. Suốt bữa ăn, không có chuyện gì xảy ra, chỉ có tiếng Frederick thủ thỉ tâm tình với người yêu, và tiếng bát đĩa chạm vào nhau kêu lanh canh. Bọn gia nhân rón rén ra vào để hầu ăn. Vẻ mặt bọn họ trông còn rầu rĩ hơn cả những người đi đưa đám ma. Ông Osborne lầm lỳ không nói không rằng, ngồi cắt khoanh thịt nai định dành riêng để mời Dobbin đến ăn tối. Nhưng hầu như ông ta cũng không đụng đến phần ăn của mình mặc dầu ông uống rất nhiều rượu; bác quản lý rất chăm

chú rót thêm rượu vào cốc của chủ.

Cuối cùng đúng lúc bữa ăn chấm dứt, ông Osborne đưa mắt nhìn khắp mọi người, rồi dừng lại trên chiếc đĩa của George. ông giơ tay trái chỉ vào chiếc đĩa. Hai cô con gái nhìn bố, không hiểu, hoặc đúng hơn, sợ không dám hiểu; bọn gia nhân cũng không biết chủ muốn gì. Sau cùng, ông thề độc một câu, đứng dậy nói:

- Cất cái đĩa này đi.

Đoạn ông đẩy chiếc ghế của mình ra đằng sau, bước về buồng riêng. Mé sau phòng ăn của ông Osborne là một gian buồng thường vẫn được mệnh danh là phòng làm việc. Phòng này dành riêng cho ông chủ gia đình. Sáng chủ nhật nào không muốn đi nhà thờ, ông Osborne thường vào ngồi một mình trong phòng này và, ngồi thoải mái trong tấm ghế bành bọc da đỏ, ông đọc báo. Trong phòng, kê hai cái tủ sách lồng kính, chứa toàn tác phẩm cổ điển đóng cẩn thận, gáy mạ vàng. Có những quyển "Niên giám", những tập"Tuần báo của người thượng lưu", những tập "Thuyết giáo" của Blairs, và những tác phẩm của Hume and Smollett. Suốt từ ngày mồng một đầu năm cho tới ngày 31 tháng chạp ông không hề lấy sách ra xem bao giờ, cũng không một ai trong nhà dám táo gan mó đến; thỉnh thoảng, những buổi tối chủ nhật không có khách đến chơi, ông Osborne mới

lôi tập kinh thánh và cuốn kinh cầu nguyện nằm trong góc tủ cạnh cuốn "Danh bạ quý tộc" ra; ông rung chuông tập hợp tất cả mọi người trong phòng ăn và cất cái giọng oang oang the thé đọc một cách long trọng. Từ trẻ con đến bọn đầy tớ trong nhà, không ai bước vào trong căn phòng này mà không thấy sờ sợ. Chính tại đây ông Osborne vẫn ngồi kiểm tra sổ sách chi tiêu trong nhà, và soát lại cuốn sổ rượu của bác quản lý. Cửa sổ căn phòng này trông ra một cái sân rải đá sỏi và phía ngoài nối vào phòng. Thường ngày, khi nghe thấy ông chủ đứng trong cửa sổ la hét, chửi rủa, là anh xà ích vội tòi ngay từ trong căn lều của mình ra để nghe lệnh. Mỗi năm bốn lần bà Wirt được bước vào căn phòng này để lĩnh tiền công, cũng như hai cô con gái được vào để nhận tiền bố cho tiêu vặt từng quí. Hồi George còn bé nhiều lần đã bị án đòn trong căn phòng này; trong khi ấy, bà mẹ nem nép ngồi ở cầu thang, hồi hộp đếm từng ngọn roi một. Bị trừng phạt như vậy, mà ít khi thằng bé kêu lấy một tiếng. Bà mẹ đau thương lại giấu giếm vuốt ve hôn hít con trai, và cho tiền để an ủi thằng bé. Mé trên lò sưởi, có treo một bức tranh gia đình; sau khi bà Osborne chết, người ta tháo nó ngoài phòng khách đem treo vào đây. Tranh vẽ George cưỡi một con ngựa non, người chị lớn bế cậu ta lên ngang bó hoa trang trí, cô em út nắm tay mẹ. Cả bốn mẹ con má hồng hồng, môi tô

son đỏ thắm, nhìn nhau mà mỉm cười, đúng kiểu cổ truyền của những bức tranh gia đình. Bây giờ, bà mẹ nằm lâu dưới mộ đã bị quên rồi… hai cô con gái và cậu con trai còn bận biết bao nhiêu chuyện riêng và tuy họ vẫn sống chung dưới một mái nhà, nhưng thật ra đã hết sức xa lạ đối với nhau. Vài chục năm nữa, khi những người trong tranh đã có tuổi, bức tranh sẽ trở thành mỉa mai làm sao! Những trò hề tình cảm kia, những nụ cười dối trá và những dáng điệu giả dối, tự mãn kia, không biết còn để lại gì nữa không? Trong phòng ăn, nơi trước kia treo bức tranh gia đình này bây giờ treo bức chân dung toàn thân của George tay cầm một bình mực lớn bằng bạc, ngồi trong ghế bành.

Thấy ông Osborne lui vào trong gian phòng riêng, mọi người nhẹ cả mình. Lúc bọn gia nhân đã lùi ra cả, họ mới xì xào bàn tán sôi nổi với nhau, đoạn mọi người rón rén lên gác; Bullock khe khẽ nhấc đôi giầy cứ kêu cót két lên để theo tiễn. Anh ta không còn bụng dạ nào ngồi lại uống rượu vang một mình, vì cảm thấy mình kề sát ông già ghê gớm đang ở trong phòng làm việc bên cạnh.

Mãi đến ít nhất là một tiếng đồng hồ sau khi trời đổ tối, bác quản lý tuy không được lệnh gọi nhưng cũng bạo gan gõ cửa phòng để mang nến và nước trà vào. Ông chủ gia đình ngồi trong ghế bành, vờ như đang đọc

báo khi người đầy tớ đặt cây nến và khay nước trà lên mặt bàn bên cạnh rồi bước ra, ông Osborne bèn đứng dậy khóa cửa lại. Lần này thì không còn nghi ngờ gì nữa; mọi người trong nhà đều biết chắc chắn một việc ghê gớm lắm sắp xảy ra cho cậu George.

Chiếc bàn giấy lớn bằng gỗ đào-hoa-tâm của ông Osborne có một cái ngăn kéo dành riêng để đựng giấy má của con trai. Mọi thứ giấy tờ liên quan đến George từ bé tới lớn đều để cả trong đó: Đây là những sách phần thưởng George, những sách tập vẽ còn ghi lại nét vẽ của George, và của ông giáo; đây là những lá thư khi mới biết viết, chữ to tướng, nét nguệch ngoạc, George viết hỏi thăm bố mẹ và xin bánh. Trong thư nhắc luôn đến tên cha đỡ đầu là ông Sedley. Đọc qua mấy trang thư bắt gặp cái tên ấy, ông Osborne mấp máy đôi môi nhợt nhạt thất ra mấy tiếng chửi rủa; sự ngán ngẩm và nỗi căm giận khủng khiếp vò xé lòng ông. Những lá thư ấy đều được xếp gọn; dán giấy nhãn bên ngoài và buộc bằng dây vải đỏ. Có tập ngoài thấy ghi "Thư của George, xin 5 si-linh, ngày 23 tháng tư, 18… trả lời ngày 25 tháng tư. Trên một tập khác George xin một con ngựa non, 13 tháng mười"… Lại trên một tập khác, thấy viết "Biên lai của thày giáo Swishtail" "Biên lai đã thanh toán, trả tiền thợ may cho George… lấy vào tiền của tôi, tháng sáu

v.v… Rồi đến những lá thư con trai ông gửi từ Tây Ấn về, những lá thư của luật sư riêng, những tờ báo có đăng tin con ông được bổ nhiệm; lại có cả một cái roi ông vẫn dùng để đánh đòn khi George còn bé và một tấm huy hiệu hộp, trong có một nắm tóc của con trai, đựng trong một phong bì bằng giấy; hồi còn sống, vợ ông vẫn đeo tấm huy hiệu này.

Ông bố đau khổ ngồi hàng giờ, mân mê hết thứ nọ đến thứ kia, hồi tưởng lại những kỷ niệm đã qua. Những tập giấy này gói ghém bao nhiêu niềm kiêu hãnh, bao nhiêu nguyện vọng công bằng ấp ủ thiết tha. Xưa kia, ông đã từng hãnh diện vì con trai bao nhiêu! Hắn là, một đứa bé kháu khỉnh chưa từng thấy. Ai cũng bảo trông nó như con nhà quý phái. Một lần, có một bà quận chúa gặp nó ở Kew Gardens đã phải chú ý đến nó; bà ta ôm lấy nó mà hôn và hỏi tên là gì. Có nhà tư sản nào ở Luân-đôn này đẻ được đứa con như vậy? Đã có con trai một ông hoàng nào được chăm sóc hơn nó chưa? Bất cứ thứ gì có tiền mua được, là con trai ông phải có. Những ngày đi dự lễ phát phần thưởng, nó thường mặc áo mới, đi xe bốn ngựa đến trường, và tung hàng vốc tiền xu mới cho các bạn học. Có lần ông cũng đi với George tới chỗ trung đoàn của anh ta trú quân trước khi sang Canada, ông đã thết các sĩ quan một bữa tiệc sang trọng, có thể

mời quận công York tới dự được. Có bao giờ ông từ chối không thanh toán một món nợ nào của George đâu? Đây, những văn tự nợ ấy còn đây ông đã thanh toán không một lời căn vặn. Khối vị tướng lĩnh trong quân đội không có được con ngựa của nó mà cưỡi. Lúc ông nghĩ đến George, ông lại thấy hình ảnh con trai hiện lên trước mắt trong nhiều trường hợp… này đây là sau bữa ăn, anh ta trông đường bệ như một ông hoàng bước vào phòng ngồi uống rượu cạnh cha ở đầu bàn… này đây, là ở Brighton, con trai ông cưỡi ngựa vượt qua hàng rào không kém bất cứ một tay săn thiện nghệ nào… và đây, con trai ông được giới thiệu tiếp kiến vị Hoàng tử nhiếp chính trong buổi chiêu đãi; cả hoàng cung đố kiếm đâu ra được một người trai trẻ lịch sự bằng. Bây giờ đâu hết cả rồi? Cưới con gái một người phá sản làm vợ và từ bỏ nhiệm vụ, từ bỏ tất cả tương lai sự nghiệp? Thật là nhục nhã! Thật là tuyệt vọng!

Đau đớn bao nhiêu cho tâm hồn trìu mến đầy những cao vọng của người cha già nua này. Ông Osborne ngồi trầm ngâm suy nghĩ trên những xếp giấy má đó; ông lần giở từng tờ với vẻ mặt cay đắng, sầu khổ, tuyệt vọng, của những kẻ cùng quẫn khi hồi tưởng lại những ngày hạnh phúc đã qua. Đoạn ông rút tất cả giấy má trong ngăn kéo rũ bỏ vào trong một cái hộp khóa lại, chằng

dây và gắn xi cẩn thận. Sau đó, ông mở tủ sách, lấy tập kinh thánh đồ sộ bìa đỏ mà ta đã nói tới… quyển sách trông thật trang trọng nét vàng mạ óng ánh, ít khi được nhìn đến. Trên trang đầu, có một bức tranh đầu sách vẽ cảnh Abraham đang hiến tế Isaac. Theo lệ thường, ông Osborne vẫn ghi lên trang đệm của cuốn sách bằng những chữ to, viết nắn nót như chữ một viên thư ký, ngày ông cưới vợ, ngày vợ ông chết, ngày sinh và tên của các con ông. Đầu tiên là Jane, rồi đến George Sedley Osborne rồi Maria Frances, có kèm theo ngày làm lễ rửa tội cho mỗi đứa trẻ.

Ông lấy bút cẩn thận xóa tên George trên trang giấy. Chờ cho mực khô hẳn, ông mới đặt quyển sách vào chỗ cũ. Đoạn, ông rút một chiếc ngăn kéo khác đựng những giấy tờ riêng của mình, lấy ra một tài liệu, đọc lại một lượt, rồi vò nhầu châm vào ngọn nến đốt; ông nhìn cho tờ giấy cháy hết hẳn trong lò sưởi mới thôi. Đó là tờ di chúc ông đã thảo sẵn. Đốt xong tờ di chúc, ông ngồi vào bàn viết một lá thư, rung chuông gọi người hầu, và ra lệnh sớm hôm sau mang gửi. Lúc đó trời vừa sáng, ông mới lên giường nằm. Cùng với ánh nắng mặt trời, cả nhà đã dậy; chim chóc ríu rít ca hát giữa những vòm lá tươi xanh quanh khu quảng trường Russell.

William Dobbin rất muốn lấy lòng mọi người trong gia

đình Osborne và cả những người có quan hệ với nhà này vì anh ta thấy rằng, trong cơn hoạn nạn, George càng có thêm nhiều bạn càng tốt. Vốn hiểu rất rõ rằng rượu ngon ảnh hưởng lớn đến tâm hồn người ta như thế nào nên lúc quay về quán trọ, Dobbin lập tức viết ngay một lá thư lời lẽ rất lịch thiệp, mời Thomas Chopper tôn ông ngày hôm sau quá bộ đến tiệm Slaughters dùng bữa tối với mình. ông Chopper nhận được thư trước khi rời khu City ra về; lập tức viết thư trả lời: "Ông Chopper vô cùng hân hạnh và lấy làm vinh dự được hầu tiếp đại úy Dobbin". Tối hôm ấy trở về nhà ở Somers' Town, ông đem ngay chuyện mình được mời ăn và tóm tắt nội dung bức thư trả lời ra khoe với vợ và mấy cô con gái; cả gia đình ngồi uống trà cứ sôi nổi bàn tán mãi về những quân nhân và những người tại West End. Lúc các con gái đã đi ngủ cả, hai vợ chồng ông Chopper mới bàn tán với nhau về những chuyện kỳ lạ xảy ra trong gia đình cụ chủ. Chưa bao giờ người thư ký này thấy chủ mình xúc động mạnh đến như thế. Lúc đại úy Dobbin đã ra về, ông ta đi vào gặp ông Osborne thấy ông già tím mặt lại như đang cơn giận dữ ghê gớm; ông ta yên trí rằng giữa viên đại úy trẻ tuổi và ông Osborne đã xảy ra cuộc cãi lộn gì gay go lắm. Ông Chopper được lệnh lập một bản thống kê tất cả những món tiền đã giao cho đại úy Osborne trong khoảng ba năm vừa qua. "Cậu ấy tiêu tiền cũng đã

khiếp", người thư ký nói một mình như vậy, và lại càng thêm kính phục cả hai bố con ông chủ mình hơn vì họ coi tiền như rác. Hình như họ xích mích với nhau vì chuyện cô Sedley thì phải. Bà Chopper ngỏ ý rất thương cô thiếu nữ là mất đứt một ông chồng bảnh trai. Riêng ông Chopper thì không lấy gì làm thông cảm lắm với con gái một nhà kinh doanh kém may mắn đã không trả nổi một phần nhỏ số nợ của mình. Ông vẫn kính trọng gia đình ông Osborne hơn bất cứ gia đình nào khác tại khu City ở Luân-đôn: ông hy vọng và ước ao rằng đại úy George sẽ lấy con gái một nhà quý tộc.

Đêm hôm ấy, người thư ký ngủ một giấc ngon lành hơn ông chủ. Sớm hôm sau, ông Chopper ăn sáng rất ngon miệng, mặc dầu suốt đời ông chỉ có đường đen để pha rượu; đoạn ông hôn các con, và mặc bộ áo chiều chủ nhật đẹp nhất của mình với chiếc sơ-mi có cổ hoa để đi làm; ông lại hứa với bà vợ đang trầm trồ ngắm chồng rằng tối nay sẽ không uống quá nhiều rượu "poóc-tô" của đại úy Dobbin mời.

Đúng giờ như thường lệ, ông Osborne đến khu City; bọn nhân viên vì nhiều lý do vẫn có thói quen để ý dò xét nét mặt ông, thấy hôm ấy ông ta có vẻ bơ phờ nhợt nhạt.

Đến giữa trưa, ông Higgs (tại văn phòng lục sự Higgs

và Blatherwick, ở Bedford Row) được mời đến gặp. Ông này được đưa vào phòng riêng của ông Osborne: hai người đóng kín cửa ở trong ấy đến hơn một tiếng đồng hồ. Khoảng một giờ trưa, ông Chopper nhận được thư của đại úy Dobbin do một người hầu mang lại, có kèm theo một lá thư gửi cho Osborne; viên thư ký vội đem vào cho chủ. Một lúc sau ông Chopper và ông Birch, một người thư ký khác, được chủ gọi vào yêu cầu làm nhân chứng. Ông Osborne nói. "Tôi vừa làm lại một tờ di chúc khác". Mấy người nhân viên ghi tên mình vào, không ai nói gì thêm. Lúc ông Higgs bước ra phòng ngoài, mặt ông ta có vẻ đặc biệt đăm chiêu, trịnh trọng; ông ta nhìn thẳng vào mặt ông Chopper, nhưng không giải thích tý gì. Suốt ngày hôm đó, ai ai cũng thấy ông Osborne có vẻ đặc biệt bình thản và dịu dàng; những người thấy điệu bộ ông rầu rĩ cứ lo lắng mãi bây giờ rất ngạc nhiên.

Hôm ấy, ông không gọi ai bằng tên tục, cũng không thề độc câu nào. Ông nghỉ sớm và trước khi ra về, lại gọi viên thư ký chính đến một lần nữa để dặn dò mọi công việc. Sau đó, ông có vẻ ngần ngại một lúc, rồi mới hỏi ông Chopper có biết đại úy Dobbin còn ở trong thành phố hay không. Ông Chopper đáp rằng chắc vẫn còn. Thực ra, cả hai cùng biết rõ điều đó. Ông Osborne

lấy một phong thư ngoài bì đề gửi cho Dobbin và bảo người nhân viên của mình trao ngay tận tay viên đại úy. Đoạn ông cầm lấy mũ, trong cái nhìn có một vẻ gì rất kỳ lạ nói.

- Ông Chopper, bây giờ thì tôi có thể yên tâm được rồi.

Đúng lúc ấy, đồng hồ điểm hai giờ, Frederick Bullock đến đón bố vợ, rồi cả hai cùng đi.

Viên đại tá chỉ huy trung đoàn thứ… , trong đó có đại đội của Dobbin và Osborne, là một quân nhân đã già; hồi mới nhập ngũ, ông ta đã từng chiến đấu dưới quyền chỉ huy của tướng Wolfe ở Quebec. Đã lâu lắm rồi, vì già yếu quá nên ông ta không chỉ huy được nữa. Tuy vậy, ông ta vẫn quan tâm đến trung đoàn mà về danh nghĩa ông vẫn là người chỉ huy. Một vài sĩ quan trẻ tuổi vẫn được ông ta mời cùng ăn một bàn, điều này bây giờ rất hiếm trong giới sĩ quan cao cấp; Dobbin được người quân nhân già ấy đặc biệt yêu mến hơn cả. Dobbin rất thích những tác phẩm văn học nói về chiến tranh, anh ta có thể kể chuyện về Frederick đại đế và về Hoàng hậu cùng những cuộc chinh chiến dưới triều nhà vua này, rành mạch không kém chính viên đại tá mấy tý. Ông già này rất thờ ơ đối với những cuộc chiến thắng hiện tại,

chỉ để hết tâm hồn thán phục những nhà chiến thuật năm mươi năm về trước. Đúng hôm ông Osborne chữa lại tờ di chúc, và ông Chopper bận tấm áo đẹp nhất của mình, thì viên sĩ quan này gửi giấy mời Dobbin đến dùng cơm. Ông báo cho người sĩ quan trẻ tuổi con cưng của mình trước hai ngày về việc xuất quân sang Bỉ mà mọi người đang nóng ruột chờ đợi. Mệnh lệnh chuẩn bị sẽ trao cho đội Ngự lâm quân khoảng một hai ngày sau.

Hiện giờ, mọi đồ quân trang quân dụng đã đầy đủ, trung đoàn sẽ xuất phát trong tuần lễ này. Trong thời gian trú quân ở Chatham trung đoàn đã mộ thêm được một số tân binh. Viên võ quan già hy vọng rằng những binh sĩ trong trung đoàn đã giúp ông ta đánh bại Montcalm ở Canada, và đuổi bộ đội của ông Washington chạy dài ở Long Island, sẽ giữ vững được truyền thống chiến đấu anh dũng trên chiến trường Bỉ. Ông ta đưa bàn tay nhợt nhạt run rẩy nhúm ra một ít bột thuốc lá để hít, rồi chỉ vào tấm áo ngủ của mình, chỗ trái tim của ông vẫn còn đang yếu ớt đập, nói:

- Anh bạn ạ, bây giờ thì, nếu anh có cái "chuyện ấy"[125], nếu anh cần an ủi cô Philis nào, có cần từ biệt ông cụ, bà cụ hoặc lập di chúc để lại thì tôi khuyên anh không nên chậm trễ.

Đồng thời ông giơ một ngón tay cho người bạn trẻ

tuổi bắt và gật gật cái đầu có mái tóc rắc phấn, để thõng xuống sau gáy như cái đuôi. Dobbin ra về rồi, ông ngồi vào bàn viết một "bức tình thư"[126](ông già này đặc biệt tự đắc về trình độ tiếng Pháp của mình) gửi cho cô Amenaide ở rạp hát của Hoàng gia.

Những tin tức ấy làm cho Dobbin trở thành đăm chiêu suy nghĩ; anh ta nhớ đến các bạn ở Brighton; anh ta cũng tự thấy ngượng với mình vì vẫn cứ nghĩ đến Amelia trước nhất (trước tất cả mọi sự, trước cả ông bố, bà mẹ, các cô em, và nhiệm vụ của mình… nhiều khi cả lúc mới thức dậy, hoặc lúc đi ngủ, và cứ suốt ngày như vậy); Dobbin trở về nhà trọ, gửi cho ông Osborne một lá thư vắn tắt báo tin mới nhận được, và tỏ ý hy vọng rằng hay tin ấy hai cha con George sẽ trở lại hòa thuận với nhau.

Người mang lá thư này vẫn là người bữa trước đã đưa giấy mời ông Chopper. Được tin, người thư ký này rất lo lắng; thư đề gửi cho ông ta; vừa bóc thư, ông này vừa lo bữa tiệc đang hy vọng phải hoãn lại. Đến lúc thấy nội dung lá thư chỉ nhắc lại lời mời, ông mới yên tâm (đại úy Dobbin viết "Tôi sẽ chờ ông vào hồi năm giờ rưỡi"). Chopper rất săn sóc đến công việc của gia đình ông chủ, nhưng được mời thế này thì còn muốn gì hơn? [127], một bữa đại tiệc đối với ông vẫn quan trọng hơn

công việc của bất cứ một ai trên thế gian này.

Lẽ dĩ nhiên là gặp bất cứ viên sĩ quan nào trong trung đoàn, Dobbin cũng kháo ngay cái tin vừa được viên đại tá cho biết. Anh ta nói cả cho viên sĩ quan cầm cờ Stubble gặp tại nhà viên luật sư của mình được biết; anh chàng này có cái khí thế hăng hái của con nhà võ, vội tìm đến cửa hiệu bán đồ quân trang sắm ngay một cây kiếm mới. Anh chàng trai trẻ, tuy mới mười bảy tuổi đầu, cao khoảng sáu mươi lăm *inch*, tạng người vốn lẻo khoẻo lại sớm bị rượu chè làm cho thêm ốm yếu, nhưng có tinh thần dũng cảm không khác gì sư tử. Anh ta nhấc nhấc cây kiếm uốn cong, rồi múa tít y như đang tung hoành giữa đám quân Pháp, vừa giậm chân huỳnh huỵch xuống đất, vừa hét: "Ha! Ha!";Anh ta đâm hai, ba nhát kiếm vào Dobbin; viên đại úy vừa cười vừa lấy cây gậy trúc gạt đỡ. Có lẽ vì vóc người khẳng khiu gày gò, nên Stubble được xung vào đội khinh binh bảo vệ. Trái lại viên sĩ quan cầm cờ Spooney, vóc người rất cao lớn; anh ta thuộc đại đội khinh binh của đại úy Dobbin.

Anh ta đang đội thử chiếc mũ da gấu, khiến cho bộ mặt như già thêm mấy tuổi nom đến dữ tợn. Đoạn, cả hai người đến quán rượu Slaughters gọi dọn một bữa rượu tươm tất, rồi ngồi viết thư; đầy thương yêu, nhưng mà chữ nghĩa viết đầy những lỗi chính tả. Chao ôi, hồi

ấy khắp nước Anh có biết bao trái tim hồi hộp đập, biết bao bà mẹ vừa khóc sướt mướt vừa cầu kinh trong các gia đình.

Stubble đang ngồi viết thư ở một cái bàn uống cà-phê trong quán rượu của lão Slaughters, nước mắt chảy ròng ròng, nhỏ lã chã xuống giấy (cu cậu đang nhớ đến mẹ, mà rất có thể không bao giờ còn gặp lại được nữa). Dobbin cũng sắp sửa viết một lá thư gửi George Osborne; thấy vậy, anh ta lặng yên suy nghĩ, rồi cất giấy bút đi. Anh ta tự nhủ: " Viết làm gì? Hãy để cho họ được hưởng thêm một đêm hạnh phúc nữa. Sáng sớm mai, mình về thăm nhà sớm, rồi sẽ đi Brighton".

Dobbin đứng dậy đặt bàn tay to lớn của mình lên vai Stubble mà bảo rằng nếu hắn chịu từ bỏ tính rượu chè be bét thì sẽ trở thành một quân nhân rất tốt, cũng như xưa nay hắn vẫn là một người bạn trung thực, tốt bụng. Nghe nói, mắt Stubble sáng ngời lên vì Dobbin vẫn được cả trung đoàn khen là người sĩ quan giỏi nhất và sáng suốt nhất.

Stubble vừa chùi mắt, vừa nói:

- Cảm ơn anh, anh Dobbin ạ. Tôi vừa viết cho mẹ tôi rằng tôi sẽ là một quân nhân xứng đáng. Anh ơi, mẹ tôi quý tôi quá cơ. Rồi anh ta lại khóc sướt mướt, và tôi cũng không dám chắc là viên đại úy dễ xúc động kia có

rơm rớm nước mắt hay không.

Cả hai viên sĩ quan cầm cờ, viên đại úy và ông Chopper cùng ngồi ăn trong một căn phòng. Ông Chopper trao cho Dobbin một lá thư của chủ; trong thư ông Osborne viết mấy lời vắn tắt cảm ơn Dobbin và nhờ trao cho đại úy George Osborne lá thư gửi kèm theo. ông Chopper nói cũng không được biết gì hơn. Ông tả lại dáng điệu của ông Osborne, và kể lại cuộc hội ý giữa mình và chủ hôm trước; lại tỏ ý rất lấy làm lạ tại sao ông chủ của mình không thề độc với ai, và – đặc biệt lúc mọi người đã uống rượu vang – ông Chopper còn ngỏ nhiều ý kiến phỏng đoán về nguyên nhân gây ra thái độ của chủ; nhưng cứ uống thêm một cốc, thì ý kiến của ông ta lại mơ hồ thêm một tý, và cuối cùng thì không ai hiểu ông ta định nói gì nữa. Mãi đến một giờ khuya, viên đại úy mới gọi một chiếc xe ngựa dong đưa ông ta về. Ông Chopper say mềm, vừa nấc lên vừa thề rằng suốt đời sẽ là bạn của viên đại úy.

Khi đại úy Dobbin từ biệt cô Osborne, như ta đã biết, anh ta ngỏ ý xin phép sẽ được gặp lại cô này một lần nữa.

Hôm sau, cô thiếu nữ chưa chồng cứ ngóng ngóng chờ anh chàng suốt ngày. Ví thử Dobbin trở lại và nếu anh chàng hỏi cô cái câu hỏi mà cô đã sửa soạn để trả

lời, thì có lẽ cô đã tuyên bố ủng hộ cậu em trai, và rất có thể sự xích mích giữa George và ông bố đang sung tiết đã được giải quyết ổn thỏa. Nhưng mặc dù cô ngồi nhà chờ đợi mà viên đại úy vẫn biệt tăm. Anh ta còn bận giải quyết những công việc riêng, còn bận về thăm và an ủi cha mẹ; rồi mới một giờ sáng, anh ta đã leo lên chiếc xe ngựa "Tia chớp" để đi Brighton thăm các bạn.

Ngày hôm ấy, cô Osborne nghe thấy ông bố ra lệnh cấm gia nhân không cho cái thằng khốn nạn đa sự Dobbin còn được bước chân vào nhà; thế là tia hy vọng cuối cùng cô gái còn ủ ấp trong lòng cũng tắt ngấm nốt. Anh chàng Frederick Bullock lại đến chơi, cứ quấn quít lấy cô Maria, và tỏ ra đặc biệt săn sóc ông già đang suy sụp tinh thần. Mặc dầu ông lão nói rằng lòng đã thanh thản, nhưng rõ ràng những biện pháp ông dùng để trấn tĩnh vẫn tỏ ra chưa có tác dụng rõ rệt, và những chuyện xảy ra hai ngày vừa qua rõ ràng đã vò xé tâm hồn ông.

CHƯƠNG XXV
CÁC NHÂN VẬT CHÍNH TRONG TRUYỆN THẤY CẦN TỪ GIÃ BRIGHTON

Khi được dẫn tới gặp mấy người đàn bà tại khách sạn Hải quân, Dobbin tỏ ra đặc biệt vui tính và hay chuyện; điều này chứng tỏ rằng càng ngày anh chàng sĩ quan trẻ tuổi này càng trở thành một người giả dối hết sức Anh ta cố tìm cách giấu kín sự xúc động của mình vì gặp lại bà George trong một hoàn cảnh mới; hơn nữa, anh ta cũng không muốn để lộ ra là mình đang lo lắng về những hậu quả do những tin tức mình mang đến gây ra. Nếu Amelia rõ những nỗi lo âu đó, chắc chắn cô sẽ đau khổ vô cùng. Dobbin bảo George rằng:

- George ạ, theo ý tôi thì chỉ trong ba tuần lễ nữa hoàng đế nước Pháp sẽ tấn công chúng ta đấy, bằng cả bộ binh lẫn kỵ binh. Hắn sẽ buộc quận công phải tham dự một cuộc chiến tranh mà đem so sánh thì chiến sự ở Bán đảo chỉ là trò trẻ con. Nhưng anh cũng hiểu chứ, đừng có hở ra cho chị ấy biết đấy: Cũng có thể chúng ta sẽ không dự trận, như vậy nhiệm vụ của chúng ta ở Bỉ sẽ chỉ là một cuộc hành quân mà thôi… Nhiều người nghĩ như vậy, và nghe nói Brussels toàn những người

lịch sự và vô số các bà các cô rất diện. Hai người đồng ý với nhau sẽ chỉ cho Amelia biết như vậy về nhiệm vụ của quân đội Anh ở Bỉ.

Bàn tính với nhau xong, anh chàng Dobbin giả dối vui vẻ đến chào "bà George Osborne", anh ta cố gắng xen vào vài lời chúc tụng về việc hôn nhân của Amelia, (nhưng cũng phải thú thực rằng những lời chúc tụng ấy vụng về một cách thật đáng thương). Đoạn, anh ta nói về Brighton, về khí hậu vùng biển, về những thú giải trí trong vùng, về những cảnh đẹp trên đường đi, và về giá trị của chiếc xe hiệu "Tia chớp" cùng đôi ngựa… Anh chàng chuyện trò tíu tít làm cho Amelia không hiểu ra sao cả, nhưng Rebecca thì rất thú vị; cô ta soi mói nhìn viên đại úy, như cô ta vẫn hay nhìn soi mói bất cứ người nào ngồi gần mình.

Sự thật thì Amelia xưa nay vẫn coi thường người bạn của chồng mình là đại úy Dobbin. Anh ta có tật nói hơi ngọng… Điệu bộ thì quê kệch, vụng về. Amelia mến Dobbin chỉ vì anh ta quý chồng mình (nói cho đúng, cái đức tính ấy cũng chẳng có giá trị gì lắm), và vẫn yên trí rằng George đã tỏ ra rất rộng lượng khi hạ cố đánh bạn với anh chàng sĩ quan này. Nhiều lần trước mặt Amelia, George đã bắt chước lối nói ngọng và những điệu bộ vụng về tức cười của bạn; tuy nhiên cũng phải công

nhận rằng, bao giờ anh ta cũng nhiệt tình ca ngợi đức tính của Dobbin. Giữa những ngày vui vẻ của thắng lợi trong tình yêu, vì chưa hiểu rõ Dobbin, nên Amelia có ý coi thường anh chàng William thực bụng. Dobbin hiểu rõ Amelia nghĩ về mình thế nào, và cũng đành lòng cam phận. Rồi cũng phải có ngày cô ta hiểu rõ Dobbin hơn và thay đổi ý kiến về anh chàng; nhưng ngày ấy cũng còn xa.

Riêng đôi với Rebecca thì chưa đầy hai giờ đồng hồ ngồi cạnh Dobbin, cô ta cũng đã thấu rõ gan ruột anh chàng rồi. Cô ta không ưa gì Dobbin, và trong thâm tâm đối với anh chàng lại có ý ngài ngại; mà về phần Dobbin thì cũng không thấy có cảm tình gì lắm đối với Rebecca. Anh ta thực thà quá, thành ra những khoa nịnh nọt giả dối của cô này không có tác dụng gì; và hình như do linh tính, Dobbin không muốn gần gũi người đàn bà này, cho nên cũng có tính ghen ghét; thấy Dobbin quý mến Amelia, cô ta càng không ưa. Tuy nhiên, cô ta vẫn tỏ ra có lễ độ và thân mật trong cách đối xử. Một người bạn của Osborne? Bạn của người ân nhân quý nhất đời của cô? Rất có thể Becky thực tâm yêu quý người ấy, vì cô ta nhớ lại điệu bộ anh chàng đêm hôm đi xem hội ở Vauxhall; lúc thay áo dự bữa ăn tối, cô ta lại đem anh chàng ra làm trò cười một lúc. Rawdon Crawley thì

không buồn để ý đến Dobbin; hắn cho anh ta là một chàng ngờ nghệch, tuy tốt bụng, nhưng chỉ là con cháu bọn hạ tiện ở khu City. Còn Joe thì hết sức đàng hoàng tỏ thái độ kẻ cả đối với anh chàng. Khi George theo về phòng của Dobbin, lúc chỉ có hai người với nhau, Dobbin mở ngăn kéo bàn lấy ra lá thư của ông Osborne gửi đưa hộ cho con trai. "Không phải chữ của ba tôi rồi", George có vẻ hơi hốt hoảng nói vậy. Mà đúng thế. Lá thư do viên luật sư riêng của ông Osborne viết, lời lẽ như sau:

Bedford Row, ngày 7-5-1815

Thưa ông.

Tôi được cụ Osborne ủy cho nhiệm vụ báo để hay rằng cụ kiên quyết giữ vững những ý định mà ông đã rõ. Cho nên, sau việc hôn nhân của ông, cụ đã quyết định từ nay thôi không coi ông là một người trong gia đình. Quyết định ấy là dứt khoát, không thay đổi.

Tuy rằng những món tiền đã tiêu về ông khi còn nhỏ tuổi cộng với số tiền trong những tín phiếu đứng tên cụ nhà mà ông đã lĩnh trong mấy năm vừa qua, đã vượt quá xa số tiền ông có quyền được hưởng (nghĩa là một phần ba số tài sản của cụ bà Osborne đã quá cố, mà do việc cụ bà mất đi, ông được chung hưởng cùng cô Jane Osborne và cô Maria France Osborne), song tôi được cụ

Osborne cho biết rằng cụ không trừ số tiền ấy vào tài sản riêng của ông, và món tiền 2.000 đồng đặt lãi bốn phần trăm (tức là một phần ba món tiền 6.000 đồng) sẽ được trực tiếp hoàn lại ông hoặc qua luật sư riêng của ông, miễn là có giấy biên nhận.

Kẻ hầu việc tận tụy của ông, Higgs.

Tái bút: Cụ Osborne muốn tôi báo cáo ông rõ một cách dứt khoát rằng cụ không muôn nhận bất cứ giấy má thư từ gì của ông, hoặc liên hệ với ông về vấn đề này hoặc về bất cứ vấn đề nào khác.

George giận dữ nhìn Dobbin, nói:

- Anh thu xếp công việc khéo nhỉ? Đọc xem, Dobbin – Và anh ta ném lá thư cho bạn – Lạy chúa, thế là bây giờ tôi đi ăn mày; cái bệnh đa tình của tôi đưa đến kết quả mới tốt đẹp chứ. Sao chúng ta lại không chờ ít lâu nữa? Trong khi ra trận tôi rất có thể xơi một viên đạn; và rồi Emmy là vợ góa của một thằng ăn mày thì sinh sống ra làm sao? Chỉ tại anh tất cả: Anh mà chưa thấy tôi lấy vợ và phá sản thì anh chưa yên tâm mà. Hai nghìn đồng đối với tôi thì nghĩa lý quái gì cơ chứ? Không đủ tiêu trong hai năm. Từ hôm về đây tôi đã mất với Crawley một trăm bốn mươi đồng tiền đánh bài và chơi bi-a rồi. Anh thu xếp công việc cho thiên hạ giỏi quá đấy.

Dobbin tái mặt đi, đọc hết lá thư, rồi đáp:

- Kể ra tình hình cũng gay go thật, và đúng như anh nói, lỗi tại tôi một phần.

Anh ta cười cay đắng tiếp:

- Tuy vậy vẫn có người muốn đánh đổi lấy địa vị của anh cơ đấy. Anh thử nghĩ xem, trong trung đoàn có được bao nhiêu sĩ quan có hai nghìn đồng trong tay. Bây giờ, anh phải ăn tiêu trong phạm vi tiền lương thôi, chờ khi nào ông cụ nghĩ lại sẽ hay; nếu không may anh chết, thì vợ anh sẽ lĩnh mỗi năm một trăm đồng.

George tức quá, kêu lên:

- Anh nghĩ rằng một người quen tiêu pha như tôi có thể sống nổi với tiền lương và một trăm đồng mỗi năm? Dobbin, anh ăn nói thế thì ngốc thật. Với món tiền ranh ấy, làm sao cho tôi giữ được địa vị của tôi trong xã hội? Tôi không thể bỏ thói quen cũ được; tôi phải có đầy đủ tiện nghi. Từ bé, tôi không ăn cháo mà sống như MacWhirter, hay ăn khoai mà no như O'Dowd. Anh muốn rằng vợ tôi phải giặt quần áo lính, hoặc sống chui rúc trong một toa tàu chở hàng để bám lấy trung đoàn mà sống sao?

Dobbin vẫn vui vẻ đáp:

- Được, được; rồi chúng ta sẽ kiếm cho chị ấy một

phương tiện vận chuyển tốt hơn. Nhưng anh bạn George ơi, hãy nhớ rằng bây giờ anh phải dằn lòng mà chịu đóng vai ông hoàng bị mất ngôi đã; hãy kiên nhẫn mà chờ ngày mây tan gió lặng. Cũng không lâu lắm đâu. Tôi đánh cuộc rằng, nếu tên anh được đăng trên báo "Tin tức" thì nhất định ông cụ sẽ nghĩ lại.

George đáp:

- Đăng trên báo "Tin tức"! Đăng ở mục nào? Có phần chắc trong mục danh sách thương binh tử sĩ, và ở hàng đầu.

Dobbin mỉm cười đáp:

- Dào ôi? Bao giờ chúng mình bị thương, lúc ấy hãy tha hồ mà khóc mếu, George, anh rõ đấy, tôi cũng sẽ giành được chút ít, và chẳng có vợ con gì cả; tôi sẽ không quên tên con trai đỡ đầu của tôi trong di chúc đâu.

Thế là đôi bạn lại làm lành với nhau. Dobbin với George vẫn hay cãi nhau đấy rồi thân nhau đấy như thế…

Osborne bảo rằng không ai có thể giận Dobbin được lâu và anh ta cũng rộng lượng mà tha thứ cho Dobbin, sau khi đã vô cớ gây sự với bạn.

Rawdon Crawley từ trong phòng rửa mặt nói vọng ra

với vợ đang ngồi trang điểm trong phòng ngủ để sắp đi ăn cơm tối:

- Becky, tôi bảo này…

- Gì thế Tiếng Becky the thé đáp. Cô ta đang ngoái cổ lại sau lưng soi vào gương. Becky mặc một tấm áo ngoài trắng muốt, mới tinh, hai vai để trần, cổ đeo vòng, thắt lưng màu xanh lơ nhạt, rõ ràng là hiện thân của tuổi thanh xuân hạnh phúc, vô tội và trinh bạch.

- Không biết khi Osborne theo trung đoàn ra trận, thì cô vợ làm thế nào nhỉ?

Crawley bước vào phòng; vừa dùng hai cái bàn chải to tướng chải đầu, anh ta vừa đưa mắt qua nạm tóc bù xù thán phục liếc nhìn cô vợ đẹp Becky, đáp:

- Chắc chị ấy phải khóc đến sưng mắt. Đã nhiều lần, hễ nghe ai nhắc đến chuyện này chị ấy lại khóc hết nước mắt. Còn mình thì chắc chẳng cần quái gì đâu nhỉ? Rawdon thấy vợ có vẻ vô tình, cáu kỉnh hỏi lại.

Becky đáp:

- Rõ khỉ lắm! Anh không thấy em nhất định đòi theo anh cùng đi à? Vả lại, anh khác. Anh dự trận với tư cách là sĩ quan liên lạc của tướng Tufto; chúng mình có phải ra tiền tuyến đâu.

Rebecca vừa nói vừa ngửa mặt lên với một dáng điệu mê hồn đến nỗi anh chồng phải cúi xuống mà hôn ngay một cái.

Becky đưa mắt liếc chồng thật tình tứ, tiếp:

- Rawdon, anh yêu… anh có nghĩ đến việc… có lẽ trước khi đi anh nên đòi cái… cái món tiền Cupid[128] nợ anh thì hơn.

Becky gọi George Osborne là Cupid; cô ta luôn mồm tán tụng bộ mặt đẹp trai của George; và mỗi khi George đến thăm hai vợ chồng buổi tối khoảng nửa giờ trước khi đi ngủ để đánh bài tay đôi, thì không lần nào cô không sán lại đứng cạnh mà âu yếm ngắm anh chàng.

Nhiều lần Becky đã gọi George là một anh chàng "bán giời không cần văn tự", và dọa sẽ đem những thói xấu của anh ta mách lại với Emmy. Cô đem thuốc lá lại mời anh chàng hút, và châm cả lửa hộ; cô hiểu rất rõ cử chỉ này có tác dụng thế nào, vì trước kia cô đã có nhiều dịp thực hành với Rawdon Crawley. Còn anh chàng thì yên trí rằng Becky là một người vui tính, nhí nhảnh, láu lỉnh, phong nhã và hết sức duyên dáng. Trong những cuộc giong xe đi chơi cũng như trong những bữa tiệc buổi tối, lẽ dĩ nhiên Becky nổi bật hẳn so với cô Emmy đáng thương: cô này cứ nhút nhát ngồi im trong khi chồng

mình và Rebecca tán chuyện với nhau ríu rít; còn đại úy Crawley (và cả cô nữa, khi anh chàng đã đến nhập bọn với hai cặp vợ chồng mới cưới) thì cứ ngồi nốc rượu tỳ tỳ không nói không rằng.

Đôi khi Emmy cũng thấy hơi khó chịu đối với bạn.

Thấy Rebecca khôn ngoan, khéo léo và duyên dáng quá, cô cảm thấy bối rối và đâm ra bực mình. "Mới lấy nhau được có một tuần lễ, mà George đã nhạt nhẽo với mình, đã muốn trò chuyện với người khác rồi?". Nghĩ đến tương lai mà cô run sợ. Cô nghĩ thầm; Anh ấy thông minh thế, tài hoa thế, mình thì đần độn thế này, rồi chung sống với nhau ra sao nhỉ? Lấy mình làm vợ, anh ấy thật cao thượng quá bỏ tất cả mọi thứ mà hạ cố đến mình? Lẽ ra mình phải từ chối mới đúng, nhưng lòng mình không cho phép, biết làm thế nào? Lẽ ra mình đừng đi lấy chồng, cứ ở nhà săn sóc ba mới phải. Lần này là lần đầu tiên cô nhớ ra mình đã quên bẵng mất cả cha mẹ (mà lời lương tâm kết tội cô thiếu nữ cũng có đôi chút căn cứ) khiến cho mặt cô đỏ ửng lên vì xấu hổ. Cô tự nhủ: "Ôi, mình thật tồi quá, ích kỷ quá… ích kỷ vì đã bắt George phải cưới mình làm vợ. Mình biết lắm, mình có xứng đáng với anh ấy đâu… Không có mình thì anh ấy sung sướng bao nhiêu… nhưng… mình đã cố, mình đã cố quên anh ấy rồi mà…" Kể ra chưa đầy một tuần lễ

sau ngày thành hôn mà cô dâu cũng phải nghĩ ngợi và tự thú những lời như vậy thì cũng đau khổ thật.

Buổi tối trước ngày Dobbin tới thăm đôi vợ chồng trẻ này là một buổi tối tháng năm, trăng sáng rực rỡ, không khí ấm áp, thơm ngát; cánh cửa trông ra bao lơn mở rộng.

George và Rebecca đứng trên bao lơn ngắm mặt biển phẳng lặng sáng long lanh trải ra trước mặt họ, còn Rawdon và Joe thì ngồi trong nhà chơi bài. Không ai chú ý đến Amelia nằm ngả trên một chiếc ghế bành lớn đưa mắt theo dõi hai cặp bạn; người đàn bà dịu dàng và trơ trọi ấy chỉ biết đánh bạn với những ý nghĩ đắng cay đầy thất vọng và hối hận.

Chưa đầy một tuần trôi qua mà cơ sự ra thế này rồi? Nếu cô nhìn về tương lai. Nhưng Emmy nhút nhát, không dám nhìn thẳng vào tương lai, đành cứ một mình lênh đênh trên mặt đại dương mênh mông kia, cũng không đủ sức chèo chống nữa, nếu không được người che chở và hướng dẫn. Tôi biết bà Smith vẫn coi thường Amelia; nhưng thưa quý bà, đàn bà con gái mấy ai được trời ban cho một sức mạnh tinh thần tráng kiện như bà?

George thở phào một hơi thuốc lá, làn khói uốn éo lượn vòng lăn trên không, nói:

- Chao ơi? Đêm nay đẹp tuyệt, trăng sáng vô cùng.

- Thuốc lá anh hút làm cho không khí thơm sực? Em ưa thứ thuốc ấy lắm. Ai dám bảo rằng mặt trăng cách xa chúng ta những hai mươi ba vạn sáu ngàn tám trăm bốn mươi bảy dặm? Becky mỉm cười ngó lên chiếc đĩa vàng trên trời, tiếp: – Anh xem xem còn nhớ kỹ thế, có thông minh không? Ôi chao! Chúng em học được những chuyện ấy trong trường bà Pinkerton đấy! Mặt biển lặng lẽ quá nhỉ, mọi vật trông rõ mồn một. Em dám nói rằng gần như nhìn thấy cả bờ bể nước Pháp!

Và đôi mắt xanh biếc, lóng lánh của cô ta quắc lên như muốn chiếu những tia sáng xuyên thủng màn đêm.

Becky nói tiếp:

- Anh có biết một buổi sáng kia em định làm gì không? Hình như em bơi cũng khá đẹp thì phải. Em mới định bụng rằng hôm nào bà bạn tâm tình của bà cô Crawley nhà em… tức là bà Briggs, anh biết đấy… anh có nhớ không… cái bà mũi diều hâu, tóc dài rối bù xù ấy mà… em định khi nào bà Briggs ra bể tắm, em sẽ bơi theo và bàn chuyện làm lành mới bà ta ngay dưới nước; anh xem kế ấy thế nào?

George nghe nói đến cuộc hội đàm dưới nước, phá ra cười, Rawdon ở trong vừa xóc xóc cái ống đựng súc

sắc vừa hỏi vọng ra:

- Này, hai người làm gì mà ồn ào thế, hử?

Amelia tưởng mình sắp phát điên lên một cách lố bịch, và lui vào phòng riêng nằm tấm tức khóc một mình.

Đến chương này, câu chuyện của chúng ta có vẻ như hơi quanh co. Ở trên, đã kể qua câu chuyện xảy ra buổi sớm thế nào, bây giờ ta cùng nhau lui về ngày hôm trước để cho câu chuyện có đầu đuôi. Các bạn có thể thấy từ cung tiếp tân của Hoàng đế, xe ngựa của những vị đại sứ và những viên đại thần chạy vụt ra từ một cái cửa riêng, trong khi ấy những công nương của đại úy John đứng đợi đến lượt mình được bay nhảy. Trong phòng đợi của ông Tổng trưởng bộ Tài chính, bạn có thể gặp nửa tá người còn kiên tâm chờ đợi được tiếp, và được gọi tên lần lượt từng người một; thế rồi đột nhiên, có một vị tai mặt người Ai len nào đó vừa mới vào mà lập tức leo ngay qua đầu thiên hạ đang sốt ruột chờ để chui vào một phòng ông Thứ trưởng; cho nên trong khi bố cục một câu chuyện, nhà tiểu thuyết cũng buộc lòng phải xử lý bất công như vậy. Tuy rằng cũng cần kể lại đủ những chi tiết lặt vặt, nhưng hễ gặp một tình tiết quan trọng, thì lập tức những chi tiết kia bị gạt "ra rìa" ngay. Cho nên, việc Dobbin đến Brighton đem theo tin đội Ngự lâm quân sắp xuất phát sang Bỉ, và tin toàn bộ quân đội

đồng minh đã tập trung ở nước này, đặt dưới quyền chỉ huy của Quận công Wellington… một tin tầy đình như thế, nhất định phải giành được quyền ưu tiên so với những chi tiết tầm thường khác trong chuyện. Vì vậy không thể nào tránh khỏi chút lộn xộn ấy cũng là thích đáng và cũng không đáng trách lắm.

Cho đến nay chúng ta mới đi qua chương XXII, một quãng, vừa đúng lúc để tập hợp những nhân vật chính trong truyện vào phòng trang điểm trước bữa ăn trưa như thường lệ, đúng vào ngày Dobbin tới Brighton.

Không rõ vì George thương vợ hay vì anh ta còn bận thắt ca-vát mà anh ta không nói ngay với Amelia tin bạn vừa đem từ Luân-đôn về. Nhưng rồi anh ta cũng đi vào phòng vợ, tay cầm phong thư của viên luật sư, dáng điệu thật nghiêm trang trịnh trọng. Làm cho cô vợ vốn đang nơm nớp chờ đợi những chuyện ghê gớm nhất sắp xảy ra rồi. Amelia chạy đến ôm chầm lấy chồng mà van xin chồng hãy nói thực hết mọi chuyện: "Có phải anh được lệnh xuất phát không, có phải tuần sau anh ra trận không? Đúng rồi, em biết hết cả rồi".

George tránh không trả lời về việc ra trận, chỉ buồn bã lắc đầu nói:

- Không. Emmy ạ; không phải chuyện ấy. Anh không lo cho bản thân anh; anh lo cho em thôi. Anh vừa nhận

được tin tức không hay của ba anh. Ông cụ từ bỏ anh rồi; ông cụ không nhận chúng mình nữa rồi; thế là từ bây giờ chúng mình nghèo xơ xác. Anh có thể kham được, nhưng em, em yêu của anh, em chịu đựng làm sao? Em đọc xem.

Anh đưa bức thư cho vợ.

Amelia dịu dàng nhìn chồng, khóe mắt đầy lo lắng, nuốt từng lời nói đầy tình cảm cao thượng của George; đoạn cô ngồi xuống giường đọc bức thư chồng vừa trao cho với điệu bộ đau khổ một cách trang trọng của kẻ tử đạo.

Song, đọc hết lá thư, nét mặt cô lại bừng sáng lên. Người đàn bà tâm hồn nồng nàn này không vì nghĩ đến việc phải cùng người chồng yêu dấu chia sẻ sự nghèo túng thiếu thốn mà lo ngại. Đối với Amelia, điều đó thực sự lại như có cái gì thú vị là khác. Và, cũng như mọi khi, cô cảm thấy hơi hổ thẹn vì lẽ trong phút bi đát như vậy mà lại có cảm tưởng sung sướng được; cô vội kiềm chế niềm hứng thú của mình lại, và khẽ nói:

- George ơi, cứ nghĩ đến phải xa ba anh, chắc anh đau khổ đến đứt từng khúc ruột đấy nhỉ.

George rầu rĩ đáp:

- Đúng thế đấy.

Amelia tiếp.

- Nhưng ba không thể giận anh lâu được đâu. Ai mà giận anh lâu cho được, em chắc chắn thế. Người chồng yêu quý nhất đời của em ơi, rồi thế nào ba cũng tha thứ cho anh. Ôi, nếu ba không tha thứ cho anh thì em cũng không thể nào tha thứ cho em được đâu.

George đáp:

- Emmy đáng thương của anh ơi, anh lo lắng không phải vì anh gặp tai họa, mà là vì em. Anh không sợ nghèo và không phải nói khoác chớ, anh tự thấy cũng có tạm đủ tài năng để tự lực làm nên.

Anh có thừa đi ấy chứ.

Cô vợ ngắt lời anh, yên trí rằng chiến tranh sắp chấm dứt và ông chồng sắp đeo lon cấp tướng đến nơi.

Osborne liền nói tiếp:

- Phải lắm, anh sẽ tự lực làm nên sự nghiệp không kém gì người khác; nhưng còn em, em yêu quý; cứ nghĩ rằng em phải chịu thiếu thốn mọi tiện nghi, và không có một địa vị xứng đáng trong xã hội mà vợ anh có quyền hưởng, anh không sao chịu nổi. Người vợ yêu dấu của anh mà phải sống trong trại binh như vợ một tên lính, lẽo đẽo theo trung đoàn hành quân, rồi cũng đành phải chịu đựng mọi sự thiếu thốn phiền nhiễu ư? Điều đó làm anh

khổ tâm lắm.

Thấy chồng lo lắng chỉ vì một chuyện ấy, Emmy yên tâm quá; cô vịn vào tay chồng gương mặt rạng rỡ, mủm mỉm cười và bắt đầu thủ thỉ hát đoạn điệp khúc bài hát,Chiếc cầu thang cũ: mà cô vẫn thích; nội dung khúc hát là lời cô thiếu nữ, sau khi trách anh chàng Tôm đã thờ Ơ lạnh nhạt với tình, lại hứa hẹn sẽ vá quần và sẽ pha hộ cả rượu, nếu anh chàng chung thủy, thực lòng và không bỏ rơi cô. Amelia yên lặng một lúc, trong khi ấy trông cô sung sướng và trẻ hẳn ra, nét mặt ấy đàn bà nào cũng phải ao ước; rồi cô nói:

- Vả lại, hai nghìn đồng cũng là một món tiền to lắm đấy chứ, phải không George?

Thấy vợ quá ngây thơ, Giorgiơ cười phá lên; cuối cùng cả hai xuống nhà dùng bữa. Amelia níu lấy cánh tay George, miệng vẫn còn thủ thỉ hát tiếp bài "Chiếc cầu thang cũ", đầu óc hoàn toàn thảnh thơi thoải mái so với mấy ngày vừa qua.

Thế là bữa ăn sáng tưởng như sẽ diễn ra trong bầu không khí ảo não lại hóa ra rất vui vẻ.

Nghĩ đến cuộc hành quân sắp tới, George cảm thấy hào hứng sôi nổi, quên cả nỗi buồn do lá thư truất quyền thừa kế gây ra. Còn Dobbin thì vẫn tiếp tục đóng vai trò

rôm chuyện; anh ta đem những chuyện về quân đội đóng ở Bỉ ra kể cho đôi vợ chồng mới cưới nghe, toàn những chuyện dạ hội và ăn chơi lu bù. Đoạn, nhằm một mục đích không nói ra, anh chàng đại úy khôn khéo này bắt đầu kể chuyện vợ ông thiếu tá O'Dowd thu xếp gói ghém cả cái tủ áo của mình và của chồng như thế nào, chuyện bà ta nhét đôi phù hiệu của chồng vào hộp đựng trà ra sao, rồi chuyện bà ta gói chiếc khăn đội đầu màu vàng trứ danh của mình, trên có đính một cái lông chân thụy hồng, vào một tờ giấy dầu và nhét cả vào trong chiếc hộp biếc đựng mũ nhà binh của chung; anh chàng ngạc nhiên không biết khi đến Ghent, trong buổi chiêu đãi của vua nước Pháp, hoặc trong buổi đại hội của nhà binh ở Brussels, thiên hạ nhìn thấy chiếc khăn ấy sẽ nghĩ thế nào.

Amelia giật nảy cả mình kêu lên:

- Ghent! Brussels? Trung đoàn được lệnh xuất phát rồi phải không, George? Đã xuất quân rồi ư?

Trên bộ mặt tươi cười dịu dàng lộ rõ vẻ hoảng hốt; như do linh tính, người đàn bà níu chặt lấy chồng. George ôn tồn đáp:

- Đừng sợ, em yêu của anh! Đó chỉ là một cuộc vượt bể trong mười hai tiếng đồng hồ, có gì đáng ngại đâu em, Emmy, em cũng sẽ cùng đi với anh cơ mà.

Becky nói xen vào:

- Tôi cũng đi đây. Tôi ở chỗ phòng tham mưu, Tướng Tufto đến là hay tán tỉnh tôi; có phải không, Rawdon?

Nghe vợ nói, Rawdon vẫn cứ cười hô hố lên như mọi khi, William Dobbin thì đỏ bừng mặt lên; anh ta bảo George:

- Chị ấy đi sao được. Anh nghĩ xem…

Dobbin định nói tiếp: "nguy hiểm lắm đấy", nhưng suốt bữa ăn tối vừa rồi, anh ta chẳng đã nói đủ mọi chuyện để chứng minh rằng không có sự gì nguy hiểm đấy sao?

Thành ra anh chàng đành cứ lúng túng ngồi im.

- Em sẽ đi cùng anh.

Amelia cương quyết dứt khoát nói vậy, George tán thành, đưa tay vuốt ve cằm vợ và hỏi khắp mọi người rằng có bao giờ gặp được người đàn bà đáng quý như vợ mình không.

Anh ta bảo vợ:

-Em sẽ có một bà u già là bà thiếu tá O'Dowd".

Nhưng có chồng bên cạnh, Amelia còn điều gì đáng lo sợ nữa? Thế là nỗi ngại ngùng vì ly biệt cũng tiêu tan; vả lại, dầu rằng chiến tranh với bao nguy hiểm vẫn còn đe

dọa, nhưng cũng phải hàng tháng nữa mới xảy ra được.Ý nghĩ thoải mái ấy khiến cho cô Amelia nhút nhát kia cảm thấy hạnh phúc, dường như hiệp ước đình chiến đã được ký kết. Trong thâm tâm Dobbin cũng tán thành cách thu xếp như vậy; điều anh ta ước mong nhất trên đời là được hàng ngày nhìn thấy mặt Amelia; anh ta còn nuôi một ước vọng thầm kín là sẽ săn sóc, che chở cho cô thiếu nữ nữa. Dobbin nghĩ thầm: "Ví thử mình được làm chồng Amelia, chẳng bao giờ mình cho vợ đi theo. Nhưng George mới là người có quyền, mình chỉ là bạn, phản đối không tiện".

Rebecca vòng tay ôm ngang lưng bạn dẫn ra khỏi phòng ăn, nơi bao nhiêu chuyện quan trọng vừa được bàn bạc xong; mấy người đàn ông còn ngồi lại uống rượu, nói chuyện, cười đùa ầm ĩ.

Ngay buổi tối hôm ấy, Rawdon nhận được một mẩu giấy của vợ; đọc xong anh ta lập tức vò nhàu, châm nến đốt ngay, nhưng chúng tôi đã may mắn nhìn được qua vai Rebecca đọc thấy nội dung thế này:

"*Tin quan trọng. Bà Bute đã đi rồi. Đêm hôm nay, đòi tiền Cupid; rất có thể ngày mai hắn lên đường đấy. Nhớ nhé. R.*"

Do đó, lúc mấy người đàn ông sắp cùng nhau sang buồng các bà để dùng cà-phê, thì Rawdon nắm lấy cánh

tay Osborne, ngọt ngào nói:

- Này cậu, nếu tiện cậu thanh toán hộ với mình cái khoản kia đi thôi.

Kể ra đối với George điều đó cũng không lấy gì làm tiện lắm, nhưng anh ta cũng rút trong ví ra một tập giấy bạc trao cho Rawdon, và một tờ ngân phiếu có thể thanh toán trong phạm vi một tuần lễ để bù vào số tiền còn thiếu.

Giải quyết xong việc này, George, Joe và Dobbin vừa hút thuốc lá vừa họp một "hội nghị quân sự", đồng ý quyết định hôm sau tất cả sẽ di chuyển về Luân Đôn trong chiếc xe mui trần của Joe. Riêng Joe thì muốn ở lại Brighton tới khi nào Rawdon rời đi mới về, nhưng bị Dobbin và George cố ép thành ra cuối cùng anh cũng đồng ý. Cho được xứng đáng với địa vị của mình, Joe thuê hẳn hai cặp ngựa để kéo xe. Thế là hôm sau, ăn sáng xong, cả bọn lên đường. Hôm ấy Amelia dậy từ sáng sớm, thu xếp gói ghém hành lý một cách hết sức nhanh nhẹn; còn Osborne thì vừa nằm dài trên giương, vừa phàn nàn rằng không có đứa đầy tớ gái nào để giúp đỡ vợ. Nhưng được tự mình thu xếp mọi việc, Amelia lại thấy thích vì không rõ tại sao lúc này cô cảm thấy hơi ngài ngại đối với Rebecca. Tuy lúc chia tay hai người hôn nhau thật đằm thắm, nhưng Amelia vẫn có ý ghen

với bạn; ngoài những đức tính khác của phụ nữ, cô cũng có cả thói xấu ấy.

Ngoài những nhân vật đã lui tới Brighton như đã nói ở trên, chúng ta cũng không thể quên được rằng ở đây còn một số bạn cũ của chúng ta, thí dụ như bà Crawley cùng đoàn tùy tòng của bà.

Chỗ bà Crawley dưỡng bệnh chỉ cách nơi vợ chồng Rawdon trọ khoảng một quãng đường, nhưng bà lão cũng vẫn cương quyết đóng cửa không cho hai vợ chồng thằng cháu bén mảng đến, như ở Luân-đôn vậy. Bà Bute Crawley còn ở bên cạnh bà em chồng một phút nào thì bà còn tìm mọi cách tránh cho bà em khỏi bị quá xúc động vì phải nhìn thấy mặt thằng cháu trai bất trị. Mỗi khi "bà cô" già đi xe ngựa dạo chơi mát, bà Bute bao giờ cũng phải đi kèm mỗi người một bên. Và nếu như bất chợt gặp hai vợ chồng Rawdon, mặc dầu anh chàng bao giờ cũng cố ngả mũ chào, nhưng bà Crawley cùng đoàn hộ giá cứ thản nhiên như không bước qua, lạnh nhạt một cách tàn nhẫn; Rawdon bắt đầu tuyệt vọng. Nhiều lần anh chàng rầu rĩ bảo vợ:

- Ở đây cũng chẳng hơn cóc gì Luân-đôn.

Cô vợ bao giờ cũng vui tính hơn chồng, đáp:

- Sống trong một khách sạn đủ tiện nghi ở Brighton

vẫn cứ tốt hơn trong một nhà giam con nợ ở Đường Chancery chứ. Mình quên mất hai thằng công sai của lão Moses, nhân viên sở Cảnh sát rồi à? Chúng rình trước cửa nhà ta suốt một tuần lễ ròng. Đám bè bạn ở đây cũng toàn là đồ ngốc thật đấy, nhưng ông Joe và đại úy Cupid thì vẫn cứ dễ chịu hơn mấy thằng tay sai của lão Moses; phải không, anh Rawdon yêu quý?

Rawdon vẫn buồn bã, nói:

- Quái thật, sao chúng nó chưa đem trát đến tận đây bắt mình nhỉ?

- Bao giờ có chuyện ấy, ta sẽ có cách đối phó.

Cô Becky táo tợn kia đáp vậy, lại vạch rõ cho chồng biết cuộc gặp gỡ với Joe và Osborne có lợi như thế nào; tình bạn đã đưa đến cho Rawdon một món tiền mặt kha khá rất đúng lúc. Anh chàng sĩ quan ngự lâm lại làu bàu:

- Ngần ấy chưa chắc đã đủ trả tiền khách sạn.

Cô vợ bao giờ cũng sẵn sàng có ý kiến vội đáp:

- Thì việc gì phải trả tiền khách sạn cơ chứ?

Thằng hầu của Rawdon vẫn đi lại thân mật với cánh đầy tớ trai trong nhà bà Crawley; hắn được lệnh hễ gặp bác xà ích của bà này là lập tức phải bỏ tiền ra mời uống rượu kỳ được, cho nên nhất cử nhất động của bà lão

Crawley đều không thoát được khỏi mắt đôi vợ chồng trẻ. Không những thế Rebecca còn khôn ngoan nảy ra ý kiến nên ốm một tí, và mời đúng ngay ông thày thuốc vẫn săn sóc cho bà gái già này thành ra việc cung cấp tin tức có thể gọi là khá chu đáo. Bề ngoài, vì bị bó buộc, nên bà Briggs cũng phải tỏ ra ghét bỏ vợ chồng Rawdon. Nhưng tính bà vốn tốt và cũng dễ tha thứ. Bây giờ, cái cớ để bà ghen ghét không còn nữa, bà cũng chẳng thấy ghét bỏ gì Rebecca, mà chỉ nhớ lại tính tình vui vẻ và những lời lẽ ngọt ngào của cô ta. Thật ra thì cả bà Briggs và bà Firkin là người hầu riêng của bà Crawley, cũng như toàn thể gia nhân trong nhà, đều đang rên xiết với ách thống trị độc tài của bà Bute là kẻ mới thắng thế. Ở đời thói thường vẫn vậy; người đàn bà đáng kính nhưng nghiệt ngã kia lại muốn phát triển quá mức những thuận lợi của mình, và cứ muốn lợi dụng sự thắng thế một cách tàn nhẫn. Chỉ trong vòng mấy tuần lễ, bà ta đã biến bà già ốm yếu thành một con người ngoan ngoãn hết sức, đến nỗi bà lão hoàn toàn bị khuất phục trước mệnh lệnh của bà chị dâu, đến nỗi cũng không dám hé miệng thở than với bà Briggs và bà Firkin về tình trạng nô lệ của mình nữa. Bà Bute đo cả từng cốc rượu vang hàng ngày bà Crawley được phép uống một cách hết sức chính xác, làm cho bà Firkin và bác quản lý hết sức bất bình vì thấy mình bị tước mất cả cái

quyền cai quản mấy chai rượu nho. Bà Bute giữ cả quyền phân phối cho mọi người phần bánh, phần thịt, nhiều ít tùy theo ý riêng. Mỗi ngày ba buổi, sáng, trưa, và tối, bà ta đem những thứ thuốc ghê gớm theo đơn bác sĩ đến, dỗ ngon dỗ ngọt, cuối cùng bà lão ốm phải ngoan ngoãn uống hết; thấy thế bà Firkin nói: "Bà chủ đáng thương của tôi uống thuốc ngoan như một con cừu vậy". Bà ta lại quyết định cả việc dùng xe ngựa hay dùng ghế có bánh xe lăn để đi chơi; tóm lại bà Bute săn sóc người em chồng ốm tận tình hết mực. Nếu có khi nào người ốm tỏ ý phản đối một cách yếu ớt, muốn ăn thêm một tý, hoặc muốn uống bớt một ít thuốc, lập tức bà Bute giơ cái chết ra dọa, thế là bà Crawley hàng phục ngay.

Bà Firkin phàn nàn với bà Bute thế này:

- Bà chủ mất hết ý chí rồi. Đã ba tuần nay, bà ấy chưa bảo tôi là "con khỉ" lần nào.

Cuối cùng, bà Bute quyết định thải cả người hầu riêng của bà chủ tức là bà Firkin, cả Bowls, tức là bác gia nhân thân tín to béo, và cả bà Briggs nữa; bà lại còn định viết thư về nhà thờ gọi hai cô con gái lên, để di chuyển cái hình hài ốm yếu của bà em chồng về trại Crawley Bà chúa; thì đúng lúc ấy xảy ra một việc giời đánh, khiến cho bà phải bỏ dở công việc lý thú trên.

Số là đức cha Bute Crawley chồng bà, một đêm kia đi chơi về khuya, ngã ngửa gãy mất cái xương đùi, chân bị sưng tấy lên, sốt li bì; vậy bà Bute đành rời Sussex để về Hamshire vậy. Bà hứa rằng hễ ông Bute bình phục, lập tức bà sẽ trở lại với bà em thân yêu ngay. Lúc ra về bà còn để lại cho bọn gia nhân những chỉ thị dứt khoát về cách săn sóc người ốm. Bà vừa bước chân lên chiếc xe ngựa ở Southampton, lập tức trong nhà bà Crawley vui như mở hội, suốt mấy tuần lễ qua, chưa lần nào mọi người trong gia đình được hể hả như vậy. Ngay hôm ấy, bà Crawley bỏ liều thuốc buổi chiều; cũng ngay chiều hôm ấy, bác Bowls ung dung mở một chai rượu nho ra để mình và bà Firkin thưởng thức. Đêm hôm ấy, là Crawley và bà Briggs tự cho phép mình thay thế những bài giảng đạo của Porteus bằng một ván bài "pich-kê"; tóm lại y như ta thường: "Chủ vắng nhà, gà vọc niêu tôm" vậy.

Mỗi tuần khoảng hai ba buổi, bà Briggs có lệ ra bể lắm lúc sáng tinh sương; bà ngồi trong một chiếc xe tắm, mặc một cái áo bằng dạ mỏng, đầu đội mũ bằng vải sơn, thoải mái ngâm mình dưới nước. Chúng ta cũng rõ Rebecca biết bà Briggs có thói quen này nhưng không muốn tấn công ngay như đã đe từ trước. Cô ta quyết định chờ khi bà này vừa tắm xong mới phục kích một

trận, nghĩa là đúng lúc trong người bà này mát mẻ, tâm hồn đang nhẹ nhàng khoan khoái. Cho nên Becky dậy từ sớm tinh mơ, mang một cái ống nhòm vào phòng khách trông ra biển, hướng về phía những chiếc xe tắm trên bãi cát. Cô nhìn bà Briggs bước vào chiếc xe riêng của mình, rồi xuống nước. Becky tiến ra bờ bể đúng lúc vị nữ thủy thần mà cô ta đang đi tìm bước ra khỏi chiếc xe tắm đi về phía bờ dải đá cuội. Thật là một bức tranh tuyệt vời: bãi cát thoai thoải, đám phụ nữ tắm nổi bật trên hàng đầu, xa xa phía sau là dãy núi đá dài tít tắp cùng những ngôi nhà được vừng dương buổi sớm chiếu sáng rực rỡ. Rebecca mỉm sẵn một nụ cười thật duyên dáng; bà Briggs vừa ló đầu ra khỏi căn phòng thay áo, cô giơ ngay cái bàn tay xinh xinh trắng muốt ra. Thế thì làm sao mà bà Briggs không phải chào lại? Bà này nói:

- Chào cô Sha… chào bà Crawley.

"Bà Crawley" nắm chặt lấy tay bà Briggs áp vào ngực và đột nhiên vòng hai tay ôm lấy bà này mà hôn một cách âu yếm rồi nói: "Bà bạn ơi, bà bạn thân mến ơi!"

Giọng nói biểu lộ một tình cảm vô cùng chân thành làm cho bà Briggs suýt nữa thì phát khóc, và ngay cả cô gái hầu tắm cũng phải cảm động.

Rebecca lôi kéo bà Briggs vào một câu chuyện thân mật khá lâu một cách rất dễ dàng. Bà Briggs kể lại tất cả

mọi chuyện xảy ra từ chuyện xảy ra hôm Becky đột ngột bỏ nhà bà Crawley ở Đường công viên mà đi cho tới ngày nay, cũng như câu chuyện tốt đẹp tức là việc bà Bute ra về. Bà này còn tỉ mỉ kể lại tất cả bệnh trạng của bà Crawley, triệu chứng thế nào, uống những thuốc gì, rành rọt, chân tơ kẽ tóc, đúng cái lối đàn bà ưa kháo chuyện.

Phụ nữ mà được kể cho nhau nghe về chuyện mình đau ốm thuốc men ra sao thì có bao giờ mà họ chán được? Cho nên bà Briggs kể không chán mồm mà Rebecca nghe cũng không chán tai. Cô ta thực sự cảm tạ trời đất khi nghĩ rằng những con người trung thành quý báu vô giá như bà Briggs và bà Firkin đã tận tụy săn sóc vị ân nhân của họ trong thời gian bà đau ốm. Cầu thượng đế ban phúc lành cho bà. Tuy bề ngoài hình như Rebecca đã không giữ tròn bổn phận mình đối với bà Crawley, nhưng sự lầm lỗi của cô chẳng là điều tự nhiên và dễ tha thứ sao? Làm sao cô lại có thể không trao trái tim cho người đàn ông đã chiếm được lòng mình? Nghe cô than thở như vậy, bà Briggs, con người đa cảm ấy, đành chỉ biết ngước mắt nhìn lên trời mà thở dài thông cảm, và nhớ lại rằng chính mình mấy chục năm về trước cũng đã có nhiều phút yếu lòng như vậy; tóm lại bà Briggs cho rằng tội cô Rebecca cũng không nặng

lắm.

Rebecca nói:

- Bao giờ tôi quên được người đã sẵn lòng cưu mang một kẻ mồ côi trơ trọi. Không bao giờ; mặc dầu người ấy đã ruồng bỏ tôi, nhưng tôi sẽ còn yêu quý mãi mãi, và sẽ sẵn sàng hy sinh đời tôi để đền đáp công ơn. Bà Briggs thân mến ơi, tôi yêu kính bà Crawley hơn hết thảy mọi người trên đời này vì bà là ân nhân của tôi, và là cô anh Rawdon yêu quý của tôi; tôi yêu quý cả những người nào trung thành với bà nữa. Vào địa vị tôi, chẳng bao giờ tôi đối xử với những người bạn trung thành của bà Crawley như cái bà Bute đa sự đáng ghét kia đâu.

Rebecca lại tiếp:

- Bề ngoài, tưởng như Rawdon là người thô lỗ, vô tình, nhưng thật ra anh ấy giầu tình cảm lắm, đã hàng trăm lần anh ấy rơm rớm nước mắt bảo tôi rằng thật là phúc đức mà trời đã run rủi cho bà cô quý báu nhất đời của mình có được hai người bạn đáng quý là bà Firkin và bà Briggs. Nếu như kế hoạch đen tối của con người ghê gớm là bà Bute thành công, nghĩa là tống khứ được hết cả những người thân thiết của bà Crawley đi chỗ khác, và để cho bà lão khốn khổ kia thành một nạn nhân rơi vào tay những con mụ độc ác nhà lão tu sĩ – Rebecca cũng lo rằng điều này có thể xảy ra được lắm –

thì cô ta xin bà Briggs nhớ rằng căn nhà của cô ta tuy tầm thường thật nhưng cũng sẵn sàng mở rộng cửa đón tiếp bà này. Becky say sưa thốt lên:

- Bà bạn yêu quý ơi! Trên đời này vẫn còn những con người không biết quên ơn, và đàn bà không phải ai cũng như bà Bute Crawley cả đâu!

Rebecca lại tiếp:

- Nhưng tôi phàn nàn mà làm gì nhỉ? Tuy rằng vì bà cụ mà tôi khổ, nhưng tôi vẫn mang ơn, bởi lẽ Rawdon yêu quý của tôi là cháu bà cụ.

Đoạn Rebecca tố cáo hết mọi khóe ăn ở của bà Bute ở trại Crawley Bà chúa cho bà Briggs nghe. Hồi ấy, cô không hiểu gì nhưng bây giờ mới vỡ lẽ rằng té ra bà Bute đã tìm trăm phương nghìn kế, kỳ cho hai người mê nhau mới thôi… té ra cả hai con người trẻ tuổi thơ ngây đó đã cùng đưa nhau sa vào cạm, thế là yêu nhau, rồi lấy nhau, rồi mất toi "cơ nghiệp" vì những âm mưu của bà Bute.

Sự thực quả có như vậy. Bà Briggs vẫn biết rõ chuyện này từ trước, nghĩa là bà Bute đã cố ghép Rawdon và Rebecca làm vợ chồng. Tuy công nhận Rebecca hoàn toàn vô tội, nhưng bà Briggs cũng không thể giấu được người bạn gái rằng rất có thể Rebecca không bao giờ còn tranh thủ được cảm tình của bà Crawley nữa, vì bà

lão này hẳn không thể tha thứ cho thằng cháu trai cái tội lấy vợ dại dột như vậy.

Về vấn đề này Rebecca đã có chủ ý: cô vẫn không hề mất tinh thần. Nếu ngay bây giờ bà Crawley chưa chịu tha thứ, thì ít nhất cũng có thể hy vọng trong tương lai bà ta sẽ nghĩ lại. Thậm chí bây giờ giữa Rawdon và danh hiệu nam tước cũng chỉ còn có một trở ngại là anh chàng Pitt Crawley ốm đau quặt quẹo. Nếu có chuyện gì xảy ra cho anh ta thì mọi việc sẽ ổn. Rebecca đã bóc trần được mọi mưu mô xảo quyệt của bà Bute khiến cho mọi người nghi ngờ bà này, thế cũng đủ cả rồi, và rất có thể cũng có lợi cho Rawdon nữa. Sau một giờ trò chuyện với bà bạn cũ, Rebecca thân mật chia tay, yên trí rằng chỉ vài giờ sau là cuộc trò chuyện vừa rồi phải lọt đến tai bà Crawley.

Cuộc hội đàm kết thúc, vừa lúc Rebecca cần trở về khách sạn để dự bữa tiệc chia tay với mấy người bạn hôm trước. Rebecca âu yếm từ biệt Amelia, tưởng chừng hai người quý nhau như chị em ruột. Cô lấy mùi xoa ra lau mắt mãi, rồi ôm chặt lấy cổ bạn, y như hai người sắp xa nhau suốt đời; lúc xe ngựa chuyển bánh cô lại thò cổ ra ngoài cửa sổ mà vẫy mãi mùi xoa (nhưng nó khô xác, chẳng có tý nước mắt nào). Sau đó, cô quay vào bàn ăn, xơi mất mấy con tôm bể một cách cực

kỳ ngon lành đúng kiểu một người đàn bà đang bị xúc động mạnh. Vừa nhai nhồm nhoàm Becky vừa kể lại cho Rawdon nghe về cuộc gặp gỡ vừa qua với bà Briggs. Rêbeca tỏ ý hy vọng rất nhiều làm cho anh chàng cũng lấy phần hào hứng. Xưa nay vẫn thế, buồn hay vui, cô vợ vẫn có cách làm cho chồng phải bắt chước theo mình.

- Mình yêu ơi, ngồi vào bàn viết ngay hộ em một lá thư cho bà Crawley đi. Mình sẽ nói rằng mình ngoan thật là ngoan, đại khái như vậy.

Thế là Rawdon ngồi vào bàn viết ngoay ngoáy:

Brighton, thứ năm…

- Cô thân yêu của cháu…

Viết đến đây anh chàng sĩ quan hào hiệp không tưởng tượng ra được lời nào nữa. Anh cắn bút nhìn vợ. Chị vợ thấy mặt chồng dài ra không sao nhịn được cười, bèn chắp hai tay sau lưng đi đi lại lại trong phòng đọc cho chồng viết tiếp như thế này:

Trước khi giã từ nước nhà ra đi dự trận, lần này rất có thể cháu gặp sự rủi ro…

- Cái gì?

Rawdon ngạc nhiên hỏi lại, nhưng cũng thấy ngay ý

nghĩa khôn khéo của câu nói, vừa cười vừa viết tiếp:

Rất có thể cháu gặp sự rủi ro; cháu đến đây...

Ông sĩ quan ngự lâm ngắt lời:

- Becky, sao không viết: đến ở đây? Đến ở đây cũng đúng ngữ pháp chứ sao?

Rebecca giậm chân xuống đất, nhắc lại:

Cháu đến đây để từ biệt cô, người bạn thân thiết và cũng là người bạn đầu tiên trong đời. Trước khi phải xa cách cô, rất có thể xa cách mãi mãi, một lần nữa, cháu thiết tha xin cô cho phép được siết chặt bàn tay đã ban cho cháu bao niềm hạnh phúc trong đời cháu.

- Bao nhiêu hạnh phúc trong đời cháu.

Rawdon lặp lại câu nói, vừa nguệch ngoạc viết vừa lấy làm ngạc nhiên, không hiểu sao mình lại viết quá dễ dàng như vậy.

Cháu chỉ cầu xin cô có một điều thôi, nghĩ là khi chia tay, cô đừng giận cháu nữa. Cháu cũng thừa hưởng được truyền thống kiêu hãnh của dòng họ cao quý nhà ta, nhưng không phải trong tất cả mọi vấn đề. Cháu đã cưới con gái một họa xĩ làm vợ, song cháu không hề sấu hổ vì việc ấy...

Rawdon vội kêu lên:

- Không, nếu tôi có xấu hổ thì cứ đâm tôi một nhát đao cho chết tôi.

Rebecca bẹo tai chồng, cúi xuống ngó xem anh chàng có phạm lỗi chính tả nào không, tiếp:

- Ông nỡm ơi, họa sĩ phải viết s, và xấu hổ thì viết x chứ.

Anh chồng chữa lại, hết sức thán phục sự hiểu nhiều biết rộng của cô giáo yêu quý. Rebecca đọc tiếp:

- Cháu cứ tưởng rằng cô cũng chẳng lạ gì tình gắn bó của chúng cháu vì chính bà Bute Crawley đã khuyến khích chúng cháu. Nhưng chúng cháu cũng không trách bà ấy. Cháu đã cưới một người vợ nghèo, nhưng cháu sẵn sàng chịu trách nhiệm về việc cháu làm. Cô thân yêu ơi, còn việc chia gia tài thì xin cứ tùy cô, cháu sẽ không bao giờ phàn nàn lấy nửa lời.

Cháu muốn cô tin rằng cháu quý cô không vì tiền bạc. Trước khi từ giã nước Anh, cháu muốn cô cháu mình hòa thuận với nhau như xưa. Xin cô cho cháu được gặp mặt trước khi lên đường. Biết đâu vài tuần, vài tháng nữa chẳng là quá muộn, cháu sẽ không có cái sung sướng được cô ban cho một lời từ biệt khi rời bỏ xứ sở ra đi.

Becky ngọt ngào nói:

- Bà ấy không nhận ra được lời lẽ của em đâu; em đã cố đọc những câu ngắn ngủi, cộc lốc…

Bức thư được gửi cho bà Briggs. Bà Briggs lấy điệu bộ hết sức bí mật vừa trao cho bà Crawley bức thư, vừa nói mấy lời đơn giản, ngây thơ:

- Bà Bute đi rồi, chúng mình có thể đọc thư này được đấy!

Nghe vậy, bà Crawley nói:

- Bà Briggs đọc cho tôi nghe nào.

Nghe bà Briggs đọc xong, bà Rawdon lại cười phá ra.

Thấy bà Briggs có vẻ rất cảm động vì lời lẽ trung thực, ân cần trong thư, bà chủ nói:

- Bà nỡm ơi, không thấy à? Có phải lời lẽ của thằng Rawdon đâu. Suốt đời nó chỉ viết thư cho tôi để xin tiền; mà thư nó viết thì từ đầu chí cuối đầy rẫy nào lỗi chính tả, nào gạch xóa, nào lỗi ngữ pháp; lại cái con rắn độc kia xỏ dây vào mũi nó rồi đây.

Bà Crawley nghĩ thầm: "Chúng nó cùng một giuộc như nhau cả. Đứa nào cũng muốn mình chết để chia của". Im lặng một lúc, bà nói tiếp, giọng hết sức điềm tĩnh:

- Nói cho cùng, gặp thằng Rawdon cũng chẳng sao;

bắt tay từ biệt nó một cái cũng chẳng mất gì cơ mà. Miễn là đừng có chuyện rắc rối, thì gặp mặt nó một tý cũng không sao. Nhưng con người ta chịu đựng cũng có giới hạn chứ; bà nhớ hộ rằng, tôi trân trọng yêu cầu "bà Rawdon" tránh mặt tôi cho… tôi nhất định không thể nhìn mặt bà ấy được.

Bà Briggs đành bằng lòng với thái độ tha thứ nửa vời của bà chủ. Bà ta nghĩ rằng muốn cho hai cô cháu làm lành với nhau, tốt nhất là xui Rawdon rình ở ngoài mỏm núi, chỗ hàng ngày bà Crawley hay ngồi ghếch bánh xe ra đó hóng mát.

Và hai cô cháu đã gặp nhau ở đó. Không rõ khi thấy mặt thằng cháu yêu quý ngày xưa, trong thâm tâm bà Crawley có chút nào cảm động không, nhưng bà cũng chìa hai ngón tay ra cho anh cháu bắt, miệng mỉm một nụ cười rất tươi, y như hai cô cháu chỉ mới xa nhau ngày hôm trước. Còn Rawdon thì đỏ tía mặt lên, vì bối rối và quá sung sướng; anh chàng nắm ngay lấy tay bà Briggs mà rung tít lên. Có lẽ anh ta cảm động vì tiền, cũng có thể vì quý cô; hoặc giả có khi anh ta thấy sau trận ốm mấy tuần qua, cô mình trông tiều tụy quá mà xúc động chăng.

Về nhà, kể lại cuộc gặp gỡ cho vợ nghe anh ta nói:

- Bà lão chơi cho mình một vố ác quá. Tôi tự cảm

thấy lố bịch thế nào ấy. Tôi đi kèm bên cái ghế quỷ quái của bà lão đến cửa nhà; thế rồi bà Briggs ra đỡ bà cụ vào. Tôi cũng muốn vào trong nhà, nhưng mà…

Cô vợ rít lên:

- Thế ra anh không vào à, Rawdon?

- Không, mình ạ; lúc ấy nếu tôi mà không run bắn người lên thì tôi cứ chết đâm chết chém”!

- Đồ ngốc! Lẽ ra anh phải vào trong nhà, rồi nhất định ở lỳ đấy không ra nữa mới đúng.

Anh chàng sĩ quan ngự lâm to lớn xịu mặt nói:

- Thôi đừng rủa tôi nữa Becky. Có lẽ tôi là đồ ngốc thật, nhưng mình không được nói thế mới phải.

Và anh chàng cau có nhìn vợ một cách dữ tợn, trông không lấy gì làm dễ chịu lắm. Rebecca vội tìm cách vuốt ve cho anh chàng thô lỗ bớt giận:

- Thôi, anh yêu ơi, ngày mai anh phải cẩn thận hơn nhé. Bà cụ có cho gọi hay không cũng mặc, cứ đến thăm như thường.

Anh chồng đáp rằng sẽ tùy thích làm theo ý riêng, và yêu cầu vợ từ giờ ăn nói phải biết giữ mồm giữ miệng một tý. Đoạn anh chồng bị chạm tự ái bỏ đi chơi bi-a suốt buổi chiều, lúc nào vẻ mặt cũng lầm lỳ, im lặng và

cáu bẳn.

Nhưng cũng vẫn như mọi khi, chỉ đến đêm là anh chàng đành chịu công nhận vợ khôn ngoan sáng suốt hơn mình; anh ta vô cùng buồn rầu vì phải công nhận rằng vợ mình có lý: cô ta đã linh cảm thấy cái hậu quả tai hại do việc làm của chồng gây ra.

Nhất định bà Crawley phải xúc động ít nhiều khi gặp lại mặt cháu sau một thời gian dài xa cách vì xích mích.

Bà ta đã nhiều lần mơ màng nhớ lại cuộc gặp gỡ đó. Bà nói với bà Briggs:

- Trông thằng Rawdon béo ra và già đi nhiều nhỉ. Mũi nó đỏ rói, trông mẽ nó hồi này xuống tệ; lấy con bé ấy làm vợ nó đâm ra bệ rạc quá. Bà Bute bảo rằng hai đứa vẫn uống rượu với nhau, có nhẽ đúng. Phải, gần nó, sặc mùi rượu mạnh đến khiếp. Bà không thấy à?

Bà Briggs cố cãi rằng bà Bute vẫn có thói nói xấu tất cả thiên hạ, nhưng vô ích; theo thiển ý của một người tầm thường bề dưới như bà, bà thấy bà Bute là một…

- Là một người đàn bà xảo quyệt chứ gì? Phải có thế, bà ấy có hay nói xấu người khác thật, nhưng tôi vẫn chắc chắn rằng chính con kia đã làm cho thằng Rawdon sinh rượu chè nghiện ngập. Cái bọn con nhà hà tiện chúng nó vẫn thế…

Bà Briggs đáp:

- Thưa bà, được gặp lại bà, anh ấy cảm động lắm. Tôi chắc rằng khi bà nghĩ đến lúc anh ấy sắp ra trận gặp bao nguy hiểm…

Bà gái già bỗng đùng đùng nổi giận, kêu váng lên:

- Bà Briggs, nó hứa cho bà bao nhiêu tiền đấy, y như rằng lại bắt đầu khóc rồi. Tôi ghét cái thói giả dối ấy lắm. Sao lúc nào cũng cứ làm phiền tôi? Đi về buồng mà khóc, rồi gọi Firkin cho tôi… thôi, ở lại đây; ngồi xuống, hỉ mũi đi, đừng khóc nữa; rồi viết hộ tôi một lá thư cho đại úy Crawley.

Bà Briggs đáng thương ngoan ngoãn ngồi xuống trước bàn viết. Trên bàn vẫn còn mấy tờ giấy đầy những dòng chữ viết ngoáy, nét chữ cứng cáp mạnh mẽ của bà Bute Crawley để lại.

- Viết đi: "Thưa ngài thân mến", hay là "ngài thân mến", thế phải hơn. Viết rằng theo lời bà Crawley yêu cầu. Không! Viết rằng theo lời ông Creamer, thầy thuốc của bà Crawley thì những sự xúc động quá mạnh rất nguy hiểm cho sức khỏe của tôi, vì vậy, tôi không thể dự những cuộc bàn cãi về công việc gia đình, cũng không thể gặp gỡ ai được. Cảm ơn hắn ta về cuộc thăm viếng vừa rồi, và bảo hắn đừng hy vọng tôi giúp đỡ tiền

nong nữa. Bà Briggs, viết thêm rằng tôi chúc hắn đi đường mạnh khỏe, và nếu hắn quá bộ đến thăm viên luật sư riêng của tôi ở công viên khách sạn Gray, sẽ có thư gửi cho hắn. Được lắm, thế là ổn; hắn sẽ phải bỏ Brighton mà đi.

Bà Briggs ngoan ngoãn viết lá thư theo đúng ý bà chủ.

Bà này lại tiếp:

- Bà Bute ra đi mới đúng một ngày mà đã đến quấy rầy tôi rồi, thế thì quá lắm. Bà Briggs, viết thư cho bà Bute Crawley, bảo rằng không cần bà ấy trở lại đây làm gì… không cần trở lại mà cũng không thể trở lại được nữa đâu. Tôi không muốn làm một kẻ nô lệ ngay chính trong nhà này. Tôi không muốn bị nhịn đói, và bị đầu độc. Tất cả chúng nó, đứa nào cũng muốn giết tôi… tất cả… tất.

Nói đoạn, người đàn bà già nua trơ trọi rũ ra khóc thảm thiết.

Màn cuối cùng của tấn hài kịch đáng ghê sợ có bà ta sắm vai trong *Hội chợ phù hoa* cũng sắp kết thúc; dãy đèn sáng rực rỡ đã tắt dần từng ngọn, từng ngọn một, và tấm màn tối tăm sẵn sàng buông xuống rồi.

Hai vợ chồng Rawdon đọc đến đoạn cuối cùng của lá thư, thấy lời lẽ bà Briggs rất ngọt ngào nói về việc mời

Rawdon đến tìm viên luật sư riêng của bà Crawley ở Luân- đôn, thì cũng thấy được an ủi đôi phần, tuy rằng mới đầu cũng thất vọng vì bị bà cô từ chối không tha thứ tội lỗi cũ.

Thế là mưu mẹo của bà lão muốn sớm tống cổ Rawdon về Luân-đôn thành công.

Anh ta có món tiền được bạc của Joe và của Osborne, bèn thanh toán tiền khách sạn. Ông chủ khách sạn đâu ngờ rằng cho đến ngày hôm ấy, ông mới chắc chắc được trả tiền sòng phẳng. Bởi vì, cũng giống như một viên tướng gửi lại hành lý về hậu tuyến trước khi bắt đầu trận đánh, Rebecca đã khôn ngoan gói ghém tất cả mọi thứ đáng tiền giao cho thằng hầu của George gửi về Luân-đôn bằng xe ngựa và trông nom hộ. Ngày hôm sau, Rawdon và vợ cũng dùng xe ngựa về nốt. Rawdon nói:

- Tôi vẫn muốn gặp mặt bà lão một tý trước khi đi.Trông bà ấy rầu rĩ, tiều tụy quá, nhất định không thọ thêm được mấy tý đâu. Không biết cái ngân phiếu đáng giá bao lăm? Độ hai trăm đồng nhỉ? Không có lẽ lại dưới hai trăm đồng, phải không, Becky?

Vì được hai người phụ tá của ông Moss quá bộ đến thăm luôn, nên hai vợ chồng Rawdon không về nhà ở Brighton, mà đến trọ tại khách sạn. Sáng sớm hôm sau,

Rebecca đã có dịp gặp lại mấy ông khách quý ấy lúc đang trên đường đến nhà bà Sedley ở Funham để thăm cô bạn Amelia và mấy người bạn ở Brighton. Nhưng đám bè bạn của cô đã đi Chatham rồi; từ Chatham họ đi Harwich để lên tàu sang Bỉ cùng với trung đoàn thứ… chỉ còn lại một mình bà lão Sedley trơ trọi khóc lóc vì đau khổ. Trở về nhà, Rebecca thấy chồng cũng vừa đến công viên khách sạn Gray về. Anh ta cáu quá vì đã rõ số phận mình:

- Trời đất ơi, Becky, mụ ấy thí cho mình có hai mươi đồng bạc.

Trước sự thất vọng của Rawdon, Becky cũng phải phá ra cười vì tuy bị đánh lừa, nhưng cô cũng công nhận bà lão là người đa mưu.

CHƯƠNG XXVI
GIỮA LUÂN ĐÔN VÀ CHATHAM

Từ giã Brighton, anh bạn George của chúng ta ra vẻ một ông hoàng ngự xe bốn ngựa đến một khách sạn thật lịch sự ở khu phố Cavendish, một dãy phòng trang hoàng lộng lẫy đã được sửa soạn sẵn sàng để chờ đón cặp tân lang và tân giai nhân: trên mặt bàn tiệc bày toàn bát đĩa loại quý, xung quanh có đến nửa tá người hầu da đen đứng yên lặng túc trực sẵn sàng. George ra hiệu mời Joe và Dobbin ngồi, điệu bộ lịch sự như một ông hoàng. Lần đầu tiên Amelia ngồi chủ tọa bàn tiệc mà George gọi là bàn tiệc do chính cô chiêu đãi, cô có vẻ e dè ngần ngại làm sao.

George hết chê rượu rồi, lại quát tháo bọn hầu bàn, Joe thì ra sức mà chén món xúp ba-ba có vẻ khoái chí lắm. Dobbin làm nhiệm vụ tiếp món ăn cho anh ta, vì Amelia ngồi chủ tọa bàn tiệc không có kinh nghiệm nên lúng ta lúng túng mãi với đĩa thịt ba-ba đặt trước mặt; cô tiếp cho anh trai cả thịt lẫn mai không phân biệt. Thấy bữa tiệc sang trọng quá, mà mấy gian phòng thuê để đãi tiệc cũng hết sức lộng lẫy. Dobbin phát hoảng.

Ăn xong, thừa lúc Joe ngủ gật trong ghế bành, Dobbin khẽ trách bạn rằng món thịt ba-ba và rượu sâm-banh đặt

quá thừa mứa, ăn tiêu sang như một vị giám mục, nhưng vô hiệu, George nói:

- Xưa nay đi đâu tôi vẫn quen tiêu pha cho ra con người lịch sự, và dĩ nhiên, nhà tôi cũng sẽ du lịch cho xứng với tư cách một phu nhân. Túi tôi còn tiền, nàng sẽ không thiếu một thứ gì hết.

Anh chàng "quen thói bốc trời" đó hoàn toàn hài lòng về tính hào phóng của chính mình. Dobbin cũng chẳng cố gắng phân tích cho anh ta hiểu rằng hạnh phúc của Amelia không phải là ở chỗ được ăn nhiều xúp ba-ba nữa.

Ăn xong được một lúc, Amelia dè dặt ngỏ ý muốn về nhà ở Fullham thăm mẹ một chút; George đành ưng thuận, nhưng cũng có vẻ không thoải mái lắm. Amelia nhanh nhảu bước về phòng ngủ của mình để sửa soạn; gian phòng rộng mênh mông, ở giữa kê một cái giường đồ sộ trông như một cái linh cữu lớn; xưa người em gái của hoàng đế Halixander đã ngủ trên giường này, khi những người bạn đồng minh đang thất bại tại nơi đây. Cô quàng khăn san, đội mũ trùm lên đầu, trong lòng dào dạt sung sướng.

Lúc Amelia quay lại phòng ăn vẫn thấy George còn ngồi uống rượu vang, không có ý tỏ ra muốn đứng lên. Cô hỏi chồng:

- Anh có về nhà với em không, anh yêu?

Không đâu. Tối nay "anh yêu" còn "có việc bận". Đã có thằng hầu của George ra thuê xe ngựa đưa cô về thăm nhà. Chiếc xe ngựa đã đỗ trước cửa khách sạn; Amelia đưa mắt nhìn chồng hai ba lần, rồi thất vọng từ biệt chồng mà bước xuống thang gác. Đại úy Dobbin cũng xuống theo dắt tay Amelia đỡ lên xe rồi đứng nhìn theo mãi. Chính thằng hầu cũng lấy làm ngượng không muốn nói rõ địa chỉ cho anh xà ích ngay trước mặt đám hầu bàn của khách sạn; hắn bảo cứ đánh xe đi một quãng rồi sẽ nói cũng được.

Dobbin đi bộ về nhà trọ của mình là quán Slaughters; anh ta lẩn thẩn nghĩ rằng giá được cùng ngồi trên xe ngựa với bà Osborne thì sung sướng biết bao nhiêu. Sở thích của George thì lại khác hẳn; sau khi đã uống rượu vang chán chê rồi, anh ta đi mua một nửa vé để vào rạp hát lúc giữa chừng xem tài tử Kean sắm vai Shylock. Đại úy Osborne có tính mê xem diễn kịch; chính anh ta cũng đã có dịp sắm vai chính một cách khá xuất sắc trong vài vở kịch diễn trong trại lính. Joe vẫn ngủ lăn ra cho đến tối mịt; mãi tới lúc thằng hầu vào dọn dẹp bát đĩa ra và tu nốt chai rượu còn dở trên bàn tiệc, nghe tiếng động anh ta mới tỉnh dậy.Trạm xe ngựa gần đó lại phải cung cấp một chiếc xe đưa vị anh hùng béo phệ về

nhà làm bạn với cái giường ngủ.

Bà Sedley vừa thấy chiếc xe đỗ trước cổng nhà đã vội chạy ra đón cô dâu mới đang vừa run run vì xúc động, vừa thút thít khóc; bà ôm ghì lấy con, tình mẫu tử khăng khích dào dạt trong lòng. Ông Clapp bận áo sơ mi trần đang đứng xới mấy cây trong vườn hoảng hốt chạy vào trong nhà. Chị hầu gái người Ai len nhảy bổ từ trong bếp ra mỉm cười chúc mừng cô chủ: "Cầu Chúa ban phúc lành cho cô".

Amelia lảo đảo gần như không đủ sức leo nổi hết cầu thang dẫn lên phòng khách.

Mấy cái vòi nước lại được dịp chảy; hai mẹ con lại được ghì chặt lấy nhau trong gian phòng ấm cúng mọi ngày, họ khóc lóc thế nào, các bạn đọc hơi có tính đa cảm cứ tưởng tượng ra cũng đủ biết. Đàn bà lúc nào mà chẳng khóc được? Nước mắt họ sẵn sàng chảy ra bất cứ trường hợp nào, khi vui khi buồn cũng như lúc có công việc gì khác. Và sau một chuyện quan trọng như chuyện về nhà chồng, dĩ nhiên bà mẹ và cô con gái phải được tự do bộc lộ thói đa cảm cố hữu của phụ nữ. Cứ kể cũng êm đềm, và cũng hay hay.

Vào những dịp đi lấy chồng thì chính tôi đã từng thấy nhiều người đàn bà xưa nay vẫn không ưa nhau lúc ấy lại ôm lấy nhau mà vừa khóc vừa hôn nhau thật nồng nàn.

Ví thử họ quý nhau thực, không biết lúc ấy họ đối với nhau đến thế nào? Đối với các bà cũng đi lấy chồng lần thứ hai; và ai dám bảo rằng trong những dịp này, các cụ già lại không có tình cảm tương tự, vì các cụ vốn giàu tình mẫu tử hơn ai hết? Có thể nói rằng một người đàn bà chỉ thực sự hiểu thấu thế nào là tình mẫu tử khi họ đã đến tuổi có cháu gọi bằng bà. Chúng ta hãy để mặc hai mẹ con bà Sedley ngồi với nhau trong căn phòng khách tranh tối tranh sáng mà thì thầm, mà thở vắn than dài, rồi hết cười tại khóc. Ông già Sedley cũng vậy, lúc xe ngựa vừa đỗ ngoài cổng, ông chưa biết là ai, ông không chạy xổ ra ngay để đón con gái, nhưng lúc Amelia bước vào phòng, ông cũng hôn con rất âu yếm; ông lão vẫn ngồi trong phòng như mọi khi với đủ các thứ giấy má, dây buộc hàng và sổ kế toán. Ngồi với vợ con một lúc, ông khôn khéo đứng dậy ra ngoài, để cho họ được tự do.

Thằng hầu của George đang đứng khinh khỉnh nhìn ông Clapp bận áo xơ-mi trần tưới nước cho mấy cụm hồng. Tuy vậy, hắn cũng lễ phép ngả mũ chào ông Sedley. Ông lão hỏi chuyện hắn về con rể ông, về chiếc xe ngựa của Joe, không biết đôi ngựa của anh ta đã mang về Brighton chưa. Ông lại hỏi cả đến chiến tranh nữa. Lát sau chị hầu gái bưng một cái khay trên có đặt

một chai rượu vang ra cho ông; ông già nhất định đòi rót rượu mời tên người nhà.

Đoạn ông thưởng cho hắn một đồng nửa ghi-nê nói:

- Bác Trotter, hãy uống mừng sức khỏe cho ông chủ và bà chủ của bác đi. Và đây, bác cầm lấy gọi là để khi về nhà uống chút rượu cho ấm bụng.

Thằng hầu của George cầm tiền đút túi, nét mặt lộ vẻ vừa ngạc nhiên vừa khinh khỉnh.

Tính từ hôm Amelia rời bỏ nhà nhỏ bé này ra đi mới được chín ngày… nhưng nhớ lại cái buổi mình từ biệt nó để đi với George, Amelia cảm thấy như đã lâu lắm rồi. Giữa hiện tại và cuộc đời thiếu nữ vừa qua như có một vực thẳm ngăn cách. Nhìn lại quá khứ, Amelia thấy mình gần như là một người hoàn toàn khác; hồi ấy cô còn là một thiếu nữ chưa chồng, đang yêu say đắm, suốt ngày chỉ tâm niệm nghĩ đến người yêu; đáp lại sự trìu mến của cha mẹ, cô chỉ tỏ một thái độ nếu không phải là vô ơn thì cũng là hờ hững, coi như tự nhiên mình có quyền được hưởng, vì tâm hồn và trí tuệ cô còn mải hướng về một mục đích duy nhất là thỏa mãn ước vọng của mình. Ngẫm lại cuộc sống trong những ngày ấy, những ngày vừa mới trôi qua mà tưởng như xa xôi lắm rồi, Amelia cảm thấy xấu hổ và hối hận vì thấy cha mẹ đối với mình vẫn âu yếm như trước. Phải chăng lúc đã

chiếm được phần thưởng – tức là thiên đường trong cuộc sống – thì con người may mắn ấy lại bỗng cảm thấy hoài nghi và không thỏa mãn?

Thường thường sau khi đã để cho đôi nhân vật nam nữ của mình thành vợ thành chồng, nhà tiểu thuyết vẫn buông tấm màn xuống, coi như tấm kịch đã trọn; ấy là lúc những nỗi băn khoăn, những sự vật lộn trong cuộc đời đã chấm dứt, như thể một khi người ta leo lên được cõi niết bàn của cuộc sống gia đình, thì thấy cỏ cây tươi tốt bốn mùa, mọi sự đều đáng hài lòng cả. Hai vợ chồng chỉ còn một việc là ghì chặt lấy nhau mà thơ thẩn đi xuống cái dốc dẫn đến tuổi già, đầy hạnh phúc. Song cô Amelia bé nhỏ của chúng ta vừa chân ướt, chân ráo bước vào địa giới của cái xứ sở mới mẻ này đã phải quay nhìn sang bờ sông xa tít bên kia để ngó lại những bộ mặt quen thuộc đang buồn rầu vẫy tay từ biệt mình.

Để gọi là mừng cô dâu mới về thăm nhà, bà mẹ nghĩ nên sửa soạn một bữa tiệc; hai mẹ con hàn huyên với nhau một lúc, bà để con gái ngồi lại một mình rồi xuống nhà dưới lo chuẩn bị dọn một bữa tiệc trà thật long trọng (gian nhà này là chỗ ở cho vợ chồng ông Clapp; chị hầu gái người Ai len là chị Flanagan, khi đã rửa bát đĩa xong xuôi và gỡ xong những chiếc cặp uốn tóc ra, thì cũng ngủ ở đấy). Ở đời mỗi người có một cách bộc lộ tình

cảm riêng; bà Sedley nghĩ rằng nhân dịp đặc biệt này, Amelia hẳn phải thích một chiếc bánh mềm uống với nước trà và thật nhiều mứt cam đựng trong một cái bát thủy tinh.

Trong lúc bà mẹ bận sửa soạn món mứt ở dưới bếp thì Amelia rời gian phòng khách lên gác; không hiểu sao tự nhiên Amelia lại lẩn về căn phòng nhỏ của riêng mình hồi chưa đi lấy chồng, và lại ngồi xuống đúng chiếc ghế xưa kia đã nhiều lần mình ngồi lặng lẽ rầu rĩ hàng giờ. Cô cảm thấy như chiếc ghế bành dang rộng hai cánh tay ra đón mình, như đón một người bạn cũ; tâm trí cô vơ vẩn nhớ về tuần lễ vừa qua, nhớ về cuộc sống hồi còn con gái. Khi đã nhớ lại những kỷ niệm buồn bã, mơ hồ qua, Amelia lại luôn luôn than thở vì điều hằng mong ước, một khi đạt được, không đem lại sự vui sướng mà chỉ có sự đau khổ và hoài nghi; đáng thương thay cô thiếu nữ bé bỏng tội nghiệp và trong trắng, lang thang trơ trọi giữa những đám người hỗn độn trong *Hội chợ phù hoa* này.

Amelia ngồi đây âu yếm mường tượng lại hình ảnh George; trước ngày cưới, cô đã từng quỳ xuống mà thờ phụng hình ảnh con người ấy. Cô có dám tự thú nhận rằng con người thực ngoài cuộc đời khác xa hình ảnh người thanh niên anh hùng cô hằng phụng thờ trong

mộng không? Chưa đâu vì người đàn bà muốn thắng nổi tính kiêu hãnh và thói phù hoa của chính mình để dám tự thú những điều như vậy, cần trải qua một thời gian dài, dài lắm… và phải đã bị đàn ông lừa dối nhiều lần. Lúc ấy đôi mắt xanh sáng long lanh và nụ cười ma quái của Rebecea lại hiện ra ám ảnh làm cho Amelia rùng mình; cô ngồi lặng một lúc lâu, tâm trí băn khoăn nghĩ ngợi, dáng điệu thờ thẫn, y như cái ngày nào lúc chị hầu gái bước vào trao cho cô lá thư của George ngỏ ý muốn nối lại mối duyên gần đứt đoạn.

Amelia nhìn chiếc giường nhỏ có trải đệm trắng; mấy ngày trước đây, chiếc giường ấy vẫn còn là của cô. Amelia thầm ước đêm nay lại được ngủ trên chiếc giường này, rồi cũng như ngày xưa, sáng ra thức dậy lại được thấy mẹ cúi xuống nhìn mình mỉm cười. Cô nghĩ đến chiếc linh cữu to tướng phủ vải hoa sặc sỡ kê trong gian phòng sang trọng mông mênh và tối tăm kia đang chờ đợi mình trong tòa khách sạn đồ sộ ở khu phố Cavendish mà ghê cả người. Ôi, chiếc giường bé nhỏ thân yêu! Đã biết bao đêm dài, cô nhỏ những giọt nước mắt đầm đìa trên mặt gối? Đã biết bao lần cô tuyệt vọng muốn cứ nằm trên giường như thế mà từ giã cõi đời. Nhưng bây giờ ước vọng của cô đã thành sự thật rồi; người tình nhân cô yêu đến đau khổ chẳng đã trở thành

của cô *mãi mãi* rồi sao? Và bà mẹ hiền từ của cô cũng đã bao lần kiên nhẫn âu yếm quanh quẩn bên chiếc giường này săn sóc cho cô? Amelia lại bên chiếc giường quỳ xuống. Tấm linh hồn e lệ, dịu dàng và thiết tha nhưng đã bị giầy vò ấy hướng về thượng đế tìm nguồn an ủi, hướng về một sức mạnh mà phải nhận rằng xưa kia ít khi người thiếu nữ ấy tìm đến. Cho đến nay lòng tín ngưỡng của Amelia là tình yêu; nhưng giờ đây trái tim buồn rầu đang ứa máu vì thất vọng kia đã bắt đầu cảm thấy cần một nguồn an ủi khác rồi.

Chúng ta có quyền lắng nghe, hoặc nhắc lại đây những đời cô cầu nguyện không nhỉ? Thưa các bạn đó là những điều bí mật vượt ra ngoài phạm vi của *Hội chợ phù hoa* là cái thế giới của cuốn truyện này.

Điều có thể thấy được là khi bữa tiệc trà đã dọn ra cô thiếu nữ trẻ măng của chúng ta bước xuống thang gác, vẻ mặt hớn hở hơn nhiều. Cô không còn băn khoăn than thở cho số phận của mình, cũng không nghĩ đến thái độ lạnh nhạt của George hoặc đôi mắt của Rebecca như vừa rồi nữa. Cô xuống nhà hôn cha mẹ, ríu rít nói chuyện với ông lão, và làm cho ông Sedley cảm thấy vui vẻ khác hẳn mọi ngày. Cô ngồi vào cây dương cầm của Dobbin mua tặng vừa đàn vừa hát những bài hát cũ kỹ mà ông già rất ưa nghe. Cô nhận xét trà pha rất ngon, lại

khen cách mẹ bày mứt trong bát thủy tinh cực khéo. Vì quyết làm cho mọi người trong nhà vui vẻ, nên chính cô cũng thấy mình vui lây. Trở về khách sạn, Amelia nằm xuống chiếc linh cữu ngủ thiếp đi; mãi tới lúc George đi xem hát về, cô mới thức dậy đón chồng với một nụ cười.

Ngày hôm sau George còn có những việc quan trọng hơn là việc đi xem ông Kean đóng vai Shylock. Vừa về đến Luân-đôn, anh ta đã viết thư ngay cho những luật sư của cha, tỏ ý muốn gặp mặt họ sớm hôm sau. Khi ở khách sạn anh ta chơi bi-a và đánh bài với đại úy Crawley đã thua gần hết nhẵn túi; trước khi lên đường ra nước ngoài, thế nào cũng phải lo lấy một món bù vào; không có cách nào khác, anh ta đành khấu vào khoản hai nghìn đồng mà mấy ông thày kiện được lệnh giao lại cho anh ta. George tin chắc như đinh đóng cột rằng chỉ sau một thời gian ngắn thế nào ông bố cũng phải nghĩ lại. Phải, có một cậu con trai quý báu như anh ta, bậc cha mẹ nào đành tâm giận lâu cho được? George còn tính toán rằng ví thử tài năng và giá trị của mình trong quá khứ không đủ khiến ông lão nguôi giận mà tha thứ, thì anh ta sẽ quyết tâm lập những chiến công thật hiển hách trong chiến dịch sắp xảy ra; như vậy hẳn ông lão phải hồi tâm nghĩ lại. Nhưng nếu ông cụ cứ khăng khăng một

mực sắt đá thì sao? Dào ôi! Cuộc đời đang rộng mở trước mặt ta; chẳng lẽ đánh bài với thủ hạ, George cứ bị đen mãi sao. Vả lại hiện giờ cứ biết hãy còn hai nghìn đồng tiêu cái đã.

Thế là George lại thuê xe ngựa cho Amelia về thăm bà Sedley một lần nữa. Anh ta giao toàn quyền cho hai người liệu mà sắm sửa không được thiếu thứ gì, sao cho bà George Osborne có thể viễn du ra ngoại quốc xứng đáng như một bậc mệnh phụ. Thời giờ cấp bách, chỉ có chẵn một ngày để thu xếp việc này; chẳng nói ta cũng rõ hai mẹ con bà Sedley bận rộn thế nào. Lần này, bà Sedley lại được ngồi xe ngựa, tíu tít đi hết hàng len dạ này đến cửa hiệu và những người bán hàng xun xoe theo tiễn rất lễ độ; bà lão cảm thấy mình lại được là bà Sedley ngày xưa, và lần đầu tiên kể từ khi lâm vào cảnh hoạn nạn, bà sung sướng thật sự. Chính Amelia cũng lấy việc được đi thăm các cửa hiệu, được nhìn ngắm, được mà cả, được mua sắm những thức hàng đẹp mắt ấy là việc làm thú vị.

Đối với Amelia tuân theo ý chồng là một điều hạnh phúc; cô sắm một lô khá nhiều đồ dùng của phụ nữ, và tỏ ý rất có khiếu thẩm mỹ; mấy bác bán hàng đều phải công nhận như vậy.

Về cuộc chiến tranh sắp nổ ra, Amelia chả cần chú ý

lắm. Bonaparte thì rõ ràng sẽ bị đè bẹp, có lẽ chẳng cần đánh cũng tan. Ngày nào tầu thủy ở Margate cũng chật ních những hành khách đi Brussels và Ghent; đàn ông cũng như đàn bà, toàn những người sang trọng lịch sự.

Người ta có cảm tưởng họ đi du lịch hơn là tham gia một cuộc chiến tranh: Báo chí ra sức mà giễu cợt tên phiêu lưu hãnh tiến một cách không thương xót. Cái tên dân đảo Corse khốn nạn ấy mà dám đương đầu với quân đội đồng minh Âu châu, dám chống lại thiên tài quân sự trác tuyệt của Wellington? Amelia coi khinh hắn như rơm rác. Con người hiền hậu dịu dàng ấy thường suy nghĩ theo ý kiến của người xung quanh, vì bản tính giản dị và phục tùng, cô không quen có thái độ của riêng mình. Tóm lại Amelia và bà mẹ chỉ những mua sắm mà bận túi bụi suốt một ngày trời; cô rất sung sướng vì thấy mình thắng lợi ngay trong bước đầu ra mắt giới thượng lưu của thành phố Luân- đôn.

Trong khi ấy George, mũ lệch về một bên đầu, hai khuỷu tay khuỳnh khuỳnh, tiến về Bedford Row; anh ta đường hoàng bước vào phòng làm việc của mấy ông luật sư, như thể mình là ông chúa mà đám thư ký mặt tai tái đang ngồi cạo giấy kia là nô lệ cả. George gọi một người ra lệnh đi báo ngay cho ông Higgs rằng đại úy Osborne đang đợi; điệu bộ anh ta khệnh khạng hung hăng, làm

như cái lão luật sư "dân thường" kia, mặc dù có kiến thức gấp ba lần anh ta, giầu hơn anh ta gấp năm mươi lần, và có kinh nghiệm sống hơn anh ta gấp một nghìn lần, cũng phải lập tức xếp mọi việc làm ăn lại để ra hầu tiếp ông đại úy ngay. George không nhận thấy bọn nhân viên trong phòng nhìn nhau mà cười tỏ ý chế nhạo; viên thư ký đầu bàn giấy, liếc nhìn mấy bác thư ký tập sự; mấy bác thư ký tập sự gật gù với mấy người chạy giấy mặc quần áo chật ních. George điềm nhiên ngồi gõ gõ cái can vào chiếc ủng, khinh khỉnh nhìn cái bọn người cùng khổ, coi họ như rơm rác. Nhưng cái bọn cùng khổ này biết tỏng mọi chuyện của anh chàng rồi. Tối tối, ngồi uống bia với nhau trong quán rượu, họ vẫn lôi chuyện xích mích giữa hai bố con anh ta ra kháo với đám thư ký làm việc tại những phòng vật tư khác. Ở thành phố Luân-đơn này, đố có việc gì thoát khỏi tai mắt bọn luật sư và đám thư ký của họ. Bọn này soi mói biết hết mọi chuyện; và họ chỉ ngồi có một chỗ mà ngầm thống trị cả thành phố.

Có lẽ khi bước chân vào phòng giấy của ông Higgs, George hy vọng thấy ông này được ủy quyền trao cho mình lá thư hòa giải của cha. Cũng có lẽ anh ta làm ra cái vẻ lạnh lùng, khinh khỉnh ấy cốt để tỏ ra mình không cần gì, mình đã quyết định rồi. Nhưng đáp lại thái độ

hung hăng của George, viên luật sư tỏ ra thản nhiên, mặt cứ lạnh như tiền, làm cho cử chỉ khệnh khạng của anh chàng trở thành lố bịch. Anh chàng đại úy bước vào thấy ông Higgs đang bận viết gì trên một tờ giấy. Lão nói:

- Mời ông ngồi chơi để một lát; tôi sẽ tiếp ông ngay.

Phiền ông Poe mang sổ chi lại đây hộ.

Đoạn lão lại cúi xuống hí hoáy viết tiếp. Ông Poe đi lấy sổ chi tiền mang lại; lão tính tiền chiết khấu của số hai nghìn đồng rồi hỏi xem đại úy Osborne muốn rút món này ra bằng ngân phiếu hay muốn chuyển khoản để mua tín phiếu. Lão thản nhiên tiếp:

- Hiện vắng mặt một người làm chứng trong chúc thư của bà Osborne đã quá cố, nhưng khách hàng của tôi muốn thanh toán công việc càng sớm càng tốt, nên bằng lòng thỏa mãn yêu cầu của ông ngay.

Viên đại úy bực mình lắm, đáp:

- Ông cho tôi một tờ ngân phiếu.

Thấy lão luật sư ghi rõ cả số tiền lẻ: George nói ngay:

- Vứt quách chỗ xu hào lẻ ấy đi, không cần.

Thấy cử chỉ hào hùng của mình làm cho lão thầy kiện già ngượng đỏ mặt, George khoái trí lắm; anh ta đút tấm ngân phiếu vào túi, hiên ngang bước ra khỏi phòng giấy:

Ông Higgs bảo ông Poe:

- Chỉ hai năm nữa, thằng này sẽ vào nhà đá.

- Ngài xem liệu cụ Osborne có nghĩ lại không?

Ông Higgs đáp:

- Có họa khi nào trời sụp.

Viên thư ký nói:

- Anh chàng này là tay "bán giời không cần văn tự". Mới cưới vợ được một tuần lễ đấy; thế mà tôi đã gặp anh ta cùng mấy tay sĩ quan khác bâu lấy cô đào Highflyer mà đưa lên xe của ả sau buổi diễn kịch rồi.

Sau đó hai thầy trò xét đến hồ sơ của một thân chủ khác; họ không buồn nhớ tới George Osborne nữa.

Tờ ngân phiếu thuộc về tài khoản lưu ký tại ngân hàng Hulker và Bullock tại phố Lombard; George đến ngay nhà ngân hàng này để lấy tiền. Lúc anh ta bước vào, Frederick Bullock đang cúi bộ mặt vàng ệch xuống một cuốn sổ kếch xù, bên cạnh một bác thư ký lặng lẽ ngồi túc trực. Trông thấy viên đại úy bộ mặt vàng khè của Bullock bỗng đổi sang một thứ màu khủng khiếp hơn; anh ta vội lủi vào gian phòng khách phía trong, điệu bộ nom như kẻ có tội. George đang bận hau háu nhìn món tiền (vì chưa bao giờ anh ta được cầm một lúc số tiền

lớn như vậy) cũng không kịp để ý đến sắc mặt hoặc sự lẩn tránh của cái anh chàng "thây ma" đang theo đuổi em gái mình kia.

Tối hôm ấy Fred Bullock đem chuyện George rút tiền ra kể lại với ông Osborne. Anh ta nói:

- Anh ấy coi bộ đường hoàng lắm, rút ngay một lúc cả số tiền không để lại một xu. Ăn tiêu bừa phứa như anh ấy thì hai nghìn bạc liệu được mấy bữa?

Ông Osborne văng tục rầm lên bảo rằng ông "đếch" cần quan tâm đến chuyện George ăn tiêu thế nào và bao giờ thì hết tiền. Hồi này ngày nào Fred cũng đến khu phố Russell ăn bữa tối.

Về phần George anh ta rất hài lòng về công việc của mình hôm ấy. Anh ta cấp tốc sửa soạn hành lý và ký ngân phiếu thanh toán tiền hàng Amelia vừa sắm sửa, hào phóng như một ông hoàng.

CHƯƠNG XXVII
AMELIA ĐI THEO TRUNG ĐOÀN CỦA CHỒNG

Khi cỗ xe ngựa lịch sự của Joe chạy đến đỗ tại cổng khách sạn ở Chatham, người đầu tiên Amelia gặp lại chính là anh chàng đại úy Dobbin quen thuộc. Anh ta vừa đi bách bộ có đến một tiếng đồng hồ ngoài phố để chờ các bạn. Trông viên đại úy rõ ra vẻ con nhà võ với quân phục đính lon vàng chóe, thắt lưng đỏ, cây kiếm đeo lủng lẳng bên sườn. Joe hết sức kiêu hãnh vì được quen một người như vậy; anh chàng dân thường to béo lên tiếng chào Dobbin một cách thân mật đặc biệt, khác hẳn các anh ta vẫn đối xử với người bạn này hồi ở Brighton và phố Bond.

Cùng đi với viên đại úy có anh chàng sĩ quan cầm cờ Stubble. Nom thấy chiếc xe ngựa tiến đến gần khách sạn, anh chàng này kêu lên: "Trời ơi? Người đâu mà xinh tuyệt!"

Tỏ ý rất phục Osborne là tay biết chọn vợ. Thật thế, với tấm áo cưới có đính đăng-ten hồng, đôi má ửng đỏ lên vì cuộc hành trình vừa qua, nom Amelia thật tươi tắn và xinh đẹp, hoàn toàn xứng đáng với lời ca tụng của viên sĩ quan cầm cờ. Thấy Stubble khen Amelia, Dobbin

tỏ vẻ bằng lòng lắm. Anh chàng sĩ quan cầm cờ tiến lên đỡ người thiếu nữ xuống xe, nhận ra ngay một bàn tay xinh xinh nhỏ nhắn đón lấy tay mình, và một bàn chân cũng xinh xinh nhỏ nhắn đáng yêu làm sao đặt xuống bậc cửa xe.

Anh ta bỗng lúng túng mặt đỏ lên, cúi rạp xuống chào một cách thật lịch sự. Nhìn thấy phù hiệu của trung đoàn thứ… thêu trên mũ Stubble, Amelia cũng mỉm cười rất tươi cúi chào trả lại, làm cho viên sĩ quan trẻ tuổi gần như chết đứng. Từ hôm ấy trở đi Dobbin đối với Stubble rất có cảm tình; những buổi hai người cùng đi dạo hoặc đến chơi nhà nhau, Dobbin thường khéo khuyến khích anh chàng nói chuyện về Amelia. Và trong đám sĩ quan trẻ tuổi của trung đoàn thứ… cái việc tán dương và thờ phụng bà Osborne bỗng trở thành một cái "mốt". Những cử chỉ giản dị tự nhiên, điệu bộ khiêm tốn và thân mật của Amelia đã chinh phục được tâm hồn tất cả mọi người. Kẻ viết truyện này không sao dùng ngòi bút mà miêu tả nổi sự giản dị mà hấp dẫn của người thiếu nữ ấy. Nhưng chúng ta, ai là người đã từng tiếp xúc với những thiếu nữ như thế này mà không thấy – mặc dầu họ chỉ mới nói với ta một câu, đại khái đã trót hẹn nhảy với người khác điệu *quadrille* sắp tới rồi, hoặc than thở rằng hôm nay sao trời nóng quá – bao nhiêu đức tính tốt đẹp

nơi họ? Xưa nay George vẫn nổi tiếng trong trung đoàn, bây giờ lại càng được anh em kính phục vì tấm lòng cao thượng dám cưới một cô vợ nghèo không của hồi môn, và vì con mắt tinh đời, khéo kén được người vợ sao mà xinh đẹp, dịu dàng như vậy.

Bước chân vào phòng khách được sửa soạn sẵn để chờ đón các nhà du khách, Amelia ngạc nhiên nhìn thấy trên bàn có một lá thư để gửi cho bà đại úy Osborne. Lá thư viết trên một mảnh giấy màu hồng hình tam giác có đóng một con dấu hình con chim bồ câu ngậm cành lá ô-liu, ngoài bì gắn nhiều dấu xi màu xanh nhạt; chữ viết to nhưng nét không khỏe, rõ ra chữ đàn bà.

George cười bảo vợ:

- Thư của bà Peggy O'Dowd đấy. Nom con dấu cũng biết ngay.

Quả thật đó là thư của bà thiếu tá O'Dowd. Bà này mời Amelia ngay tối hôm ấy đến dự một buổi họp mặt thân mật do bà tổ chức. George bảo vợ:

- Em nên đến dự. Em sẽ nhân dịp làm quen với mọi người trong trung đoàn. Bởi vì ông O'Dowd chỉ huy trung đoàn, nhưng chính bà Peggy lại chỉ huy ông O'Dowd.

Nhưng hai vợ chồng vừa mới kịp đọc xong lá thư thì

cửa phòng bỗng mở toang; một người đàn bà to béo, tươi tỉnh, bận bộ áo đi ngựa bước vào, theo sau là hai viên sĩ quan trong trung đoàn của Osborne.

- Gớm, tôi không sao nén lòng chờ đợi tới giờ bữa tiệc trà – buổi chiều được. Ông George thân mến ơi, giới thiệu tôi với bà ta đi. Rất hân hạnh được biết bà, và được giới thiệu nhà tôi là thiếu tá O'Dowd với bà.

Người đàn bà vừa nói vừa thân mật nắm chặt đấy tay Amelia; cô thiếu nữ biết ngay đấy chính là bà thiếu tá, người đã bị chồng mình nhiều lần đem ra làm trò cười. Bà này lại vui vẻ tiếp:

Hẳn bà đã nhiều lần được nghe ông nhà ta kể chuyện về tôi chứ?

Ông thiếu tá chồng bà xen vào:

- Nhất định bà đã nghe kể chuyện nhiều lần rồi.

Amelia mỉm cười đáp:

- Quả có thế.

Bà O'Dowd lại nói:

- Chắc ông George ít nói tốt cho tôi, phải không?

- Ông ấy thật đến tồi.

Ông chồng bà ta làm bộ láu lỉnh xen vào:

- Điều ấy thì khỏi phải bàn.

George cười xòa. Bà O'Dowd quất roi ngựa đến đét một cái ngụ ý ra lệnh cho ông chồng đừng bép xép nữa, rồi bà yêu cầu George giới thiệu mình với "Bà đại úy" theo đúng thủ tục của khoa xã giao.

George trịnh trọng lên tiếng:

- Xin giới thiệu với mình đây là người bạn rất tốt, rất quý báu của tôi, bà Auralia Margaretta, còn gọi là bà Peggy.

Viên thiếu tá lại chêm vào:

- Lạy chúa, ông nói đúng quá đi mất.

-… còn gọi là bà Peggy tức Michael O'Dowd thiếu tá phu nhân, lệnh ái của tôn ông Fitzjurld Ber'sford de Burgo Malony ở Glenmalony, quận Kildare.

Bà thiếu tá điềm nhiên tiếp theo, rất kiêu hãnh:

- Và tại quảng trường Muryan, Doblin.

Ông thiếu tá chồng bà cũng thì thầm:

- Đúng lắm, tại quảng trường ông Muryan.

Bà vợ lại nói:

- Chính tại đó, xưa kia ông đã lặn lội theo đuổi tôi mãi, phải không, ông thiếu tá yêu quý?

Ông thiếu tá gật đầu công nhận, như ông quen công nhận bất cứ điều gì vợ nói trước công chúng.

Thiếu tá O'Dowd đã từng phục vụ đức Hoàng đế tại khắp mọi nơi trên mặt trái đất này; mỗi bậc thang danh vọng của ông được đánh dấu bởi những chiến công trên cả sự oanh liệt, tuy vậy ông ta lại là người khiêm tốn, ít nói và hiền lành nhất đời; đối với bà vợ, ông ta ngoan ngoãn vâng lời như một thằng nhỏ. Ngồi ăn với các sĩ quan trong quán ăn nhà binh, ông không nói mấy, cứ ra sức mà nốc rượu. Rượu say bí tỷ rồi ông mới lặng lẽ chệnh choạng lần về trại. Khi ông lên tiếng, ấy chỉ là để tán thành ý kiến của hết thảy mọi người về bất cứ vấn đề gì. Cứ thế, cuộc đời ông trôi qua một cách hết sức thoải mái, dễ chịu. Bầu trời nóng bức xứ Ấn Độ không hề khiến ông bẳn tính bao giờ, cũng như đối với ông, bệnh sốt rét vàng da đành chịu khoanh tay bất lực. Ông tiến ra trận địa với thái độ hoàn toàn bình thản y như lúc ngồi vào bàn ăn. Món thịt ngựa hay món xúp ba-ba đối với ông đều đáng thưởng thức như nhau. Ông còn bà cụ thân sinh đã già là cụ O'Dowd ở O'Dowdstown; từ nhỏ, chưa bao giờ ông trái lời mẹ, trừ việc ông trốn nhà xin tòng ngũ, và việc ông cứ nhất định cưới bằng được cái bà Peggy Malony ghê gớm này làm vợ.

Bà Peggy có năm chị em cả thảy, trong số mười một

người con vừa trai vừa gái thuộc gia đình quý tộc Glenmalony; ông O'Dowd đối với bà thuộc hàng anh họ, nhưng về bên họ ngoại, thành ra không có cái hân hạnh vô song là được mang dòng máu của gia đình Malony trong người, dòng máu mà bà Peggy yên trí rằng cao quý nhất thế giới. Bà đã đi Doblin chơi chín lần, lại đã hai lần đi Cheltenham và Bath mà không tìm được người xứng đáng trao duyên gửi phận. Cho đến năm đã gần ba mươi ba cái xuân xanh, bà bèn ra lệnh cho ông anh họ là Mick phải cưới mình làm vợ; ông anh họ thực thà vâng lệnh đưa bà sang Tây Ấn, để bà chủ tọa những cuộc họp mặt của các vợ sĩ quan trong trung đoàn thứ… vì ông vừa được đến chỉ huy đơn vị này.

Chỉ sau nửa giờ ngồi chơi với Amelia cũng như ngồi chơi với bất cứ người nào khác, bà O'Dowd đã đem gia thế nhà mình ra khoe với người bạn mới thật cặn kẽ. Bà vui vẻ nói:

- Bà bạn thân mến ạ, trước kia tôi vẫn có ý muốn được coi ông George là người trong nhà đấy. Cô Glorvina em gái nhà tôi mà làm bạn với ông ấy thì đẹp đôi quá. Nhưng câu chuyện đã qua chả nên nhắc lại làm gì; bây giờ bà đã kết bạn trăm năm với ông ấy, tôi quyết định sẽ coi bà như em gái, tôi sẽ coi bà như một người trong gia đình. Nói có Chúa trời chứng giám, bà có bộ

mặt xinh đẹp đáng yêu lắm, chắc chắn chúng mình sẽ thân nhau ngay; gia đình chúng tôi có thêm một người nữa.

- Đúng lắm, sẽ có thêm một người nữa.

Ông O'Dowd xen vào tỏ ý tán thành, Amelia cũng cảm thấy sung sướng và biết ơn, vì đột nhiên được tiếp xúc ngay với nhiều người sẵn có cảm tình với mình như vậy.

Bà vợ ông thiếu tá lại nói:

- Chúng tôi ở đây đều là người tốt. Bà sẽ thấy khắp quân đội không có đơn vị nào anh em đoàn kết một lòng với nhau như ở đây, và cũng không đâu có một câu lạc bộ nào thú vị bằng. Không ai gây sự cãi nhau bao giờ, không hề có chuyện bôi nhọ nói xấu nhau. Chúng tôi quý nhau lắm cơ.

George cười đáp:

- Thí dụ như bà Magenis chẳng hạn, nhỉ?

- Bà đại úy Magenis và tôi đã làm lành với nhau rồi, tuy rằng cách bà ấy đối xử với tôi có thể sẽ khiến tôi tóc bạc trắng đi vì phiền muộn mà chết.

Ông thiếu tá vội kêu lên:

- Ấy chớ, thế thì hỏng hết bộ tóc huyền của bà, hoài

của?

- Thôi, im đi, ông Mick, ông ngớ ngẩn lắm. Bà Osborne thân mến ạ, cái bọn các ông chồng vẫn không chừa thói cứ hay nhúng mồm vào. Tôi vẫn bảo ông Mick nhà tôi luôn luôn rằng đừng có bao giờ mở mồm ra làm gì, trừ trường hợp phải chỉ huy lính, hoặc để nốc rượu ăn thịt thì không kể.

Lúc nào chị em mình ngồi riêng với nhau tôi sẽ kể cho bà nghe mọi chuyện trong trung đoàn để bà biết mà liệu giữ gìn. Bây giờ bà hãy giới thiệu tôi với ông anh trai của bà đi; ông ấy trông thật bệ vệ, lịch sự, làm cho tôi nhớ đến ông anh họ của tôi là Dan Malony quá (bà biết không, tức là thuộc chi họ Malony Ballymalony ấy mà; chị dâu tôi là Ophalia Scully Oystherstown, là em họ của bá tước Poldoody đấy) Thưa ông Sedley, vô cùng hân hạnh được làm quen với ông. Chắc ông vui lòng đến dùng cơm tại quán ăn nhà binh chúng tôi hôm nay? Ông Mick, chớ quên lời căn dặn của ông bác sĩ nhé; hôm nay xin ông uống in ít thôi cho tôi nhờ.

Viên thiếu tá đáp:

- Mình ạ, hôm nay là bữa tiệc trung đoàn 15 tổ chức thiết chúng ta đấy. Nhưng bảo họ viết giấy mời ông Sedley cũng tiện thôi.

- Simple, đi hộ ngay… đây là thiếu uý Simple, sĩ quan cầm cờ trong trung đoàn chúng tôi, khi nãy quên chưa giới thiệu với bà… chạy ngay bộ sang tìm trung tá Tavish nói rằng bà thiếu tá O'Dowd gửi lời chào nhé, và báo rằng đại úy Osborne có ông anh vợ đến chơi, sẽ đến thăm câu lạc bộ của trung đoàn 15 lúc năm giờ đúng… Bây giờ thì hai chị em mình, ta cùng ăn với nhau một chút gì cho vui chứ?

Bà O'Dowd chưa nói dứt câu đã thấy thiếu uý Simple nhảy bổ xuống thang gác đi thi hành lệnh trên rồi.

Đại úy Osborne nói:

- Sự phục tòng là linh hồn của quân đội Emmy ạ. Trong khi bà O'Dowd ở đây trò chuyện cho mình vui, chúng tôi phải đi lo nhiệm vụ.

Đoạn hai viên đại úy mỗi người khoác một cánh tay ông thiếu tá, vừa lôi ông ta ra ngoài vừa nhìn qua sau đầu ông ta mà cười với nhau. Được ở một mình với người bạn mới, bà O'Dowd bắt đầu dốc ra đủ các thứ chuyện con cà con kê, làm cho cô thiếu nữ đáng thương của chúng ta cứ rối cả lên, không sao chịu nổi. Bà kể cho Amelia nghe hàng trăm thứ chuyện liên quan đến cái gia đình đông đúc của bà, mà từ nay người thiếu phụ trẻ tuổi đang ngơ ngác kia có hân hạnh được coi là người nhà.

- Bà Heavytop, vợ ông đại tá, đã chết ở Jamaica rồi; bà mắc bệnh sốt rét vàng da, lại đèo thêm chứng đau tim. Cái ông đại tá đã già mà còn "chơi trống bỏi", đầu hói, sọ giơ ra như gáo dừa mà còn chấp chới một cô bé người lai thổ dân.Bà Magenis tuy có thiếu giáo dục thật, nhưng cũng là người tốt; đáng tiếc là có cái lối mồm loa mép giải, giá đánh bài với mẹ thì cũng bịp chứ chẳng tha. Còn bà đại úy Kirk thì mới nghe nói đến chuyện chơi bài bà cứ ngước mãi đôi mắt tôm rồng lên ra vẻ sợ hãi lắm. (Xưa kia ông cụ thân sinh ra tôi, vốn ngoan đạo, rất chăm chỉ đi lễ nhà thờ, và chú tôi là ông Dane Malôny, một vị giám mục hẳn hoi, đêm nào cũng đánh bài với nhau để giải trí, có sao đâu).

Bà O'Dowd lại tiếp:

- Nhưng mấy bà ấy không đi theo trung đoàn đâu. Bà Magenis còn bận ở nhà giúp việc bà mẹ, hình như làm nghề bán lẻ khoai và than ở Islington gần Luân-đôn thì phải; thế mà lúc nào cũng thấy bà ta khoác lác rằng ông cụ thân sinh kinh doanh nghề tàu biển, hễ thấy tàu nào chạy trên sông cũng lôi chúng tôi ra chỉ cho xem bằng được. Bà Kirk và lũ con ở lại khu phố Bethesda để được luôn luôn gần gũi đức cha linh hồn là mục sư Ramshorn. Hoàn cảnh bà Bunny cũng đáng chú ý lắm… nói cho đúng thì bao giờ cảnh bà ấy cũng thế… Chả là bà ta đã

đẻ cho ông trung úy Bunny tới bảy đứa con mà. Vợ thiếu úy Posky cũng mới đến đây trước bà có hai tháng thôi. Bà ta cãi nhau với Tom Posky đến hàng chục bận rồi, cứ ồn lên khắp cả trại lính (họ kể chuyện rằng hai vợ chồng nhà này quăng cả bát đĩa lên đầu nhau. Tom bị sưng tím một bên mắt, nhất định giấu không chịu nói vì sao). Có lẽ bà vợ sắp bỏ về với mẹ, đâu như mở một nhà chứa trọ cho các thiếu nữ ở Richmond thì phải. Thế thì bỏ nhà đi lấy chồng làm gì cho khổ? À, mà bà đã theo học ở trường nào đấy nhỉ? Tôi đã từng được thụ hưởng giáo dục tại trường Flanahan ở Ilyssus Grove gần Dublin; học phí đắt vô kể, nhưng được cái có một bà hầu tước dạy chúng tôi nói tiếng Pháp hệt giọng Pháp lại có cả một vị trung tướng trong quân đội Pháp đã về hưu dạy chúng tôi tập thể dục.

Amelia không sao hết bỡ ngỡ, vì đột nhiên thấy mình trở thành một người trong cái gia đình kỳ quái này, tức là cái gia đình có bà O'Dowd là chị cả. Đến giờ uống nước trà buổi chiều, cô được giới thiệu với các phụ nữ khác; vì cô e lệ đáng yêu lại không đẹp một cách lộng lẫy, nên họ đối với cô ra chiều cũng có cảm tình; cho tới lúc các sĩ quan trong trung đoàn 15 đến, thấy người nào cũng có vẻ chú ý tới Amelia, mấy người chị em của cô dĩ nhiên mới bắt đầu moi ra đủ mọi thứ khuyết điểm. Bà

Magenis bảo với bà Bunny:

- Tôi hy vọng rằng từ nay trở đi Osborne sẽ tu tỉnh lại.

Ví thử một tay bán giời không văn tự có thể hối cải mà thành người chồng tốt, thì bà này cũng có phúc đấy.

Bà O'Dowd thì thầm với bà Posky như vậy. Bà Posky vừa bị Amelia cướp mất địa vị cô vợ mới nhất trong trung đoàn, cũng đang căm giận kẻ thoán đoạt. Bà Kirk, học trò của ngài Ramsorn, bèn ra cho Amelia vài câu hỏi thuộc về nguyên tắc đạo lý, để xem cô có thông giáo lý không, có phải là tín đồ Gia-tô giáo thực sự không. Thấy người thiếu nữ đáp lại bằng những lời lẽ đơn giản, bà này cho rằng Amelia còn đang chìm trong bóng tối dày đặc, bèn đưa tặng mấy cuốn sách đạo rẻ tiền trong có vẽ tranh minh họa… đại khái là cuốn *"Sa mạc gió hú", "Người đàn bà giặt thuê ở Wandsworth", "Cây lưỡi lê cừ khôi nhất trong quân đội Anh quốc"*. Mong cho bạn được ơn trên soi thấu trước khi đi ngủ, bà Kirk yêu cầu Amelia ngay đêm ấy nên đọc cho xong mấy cuốn sách rồi hãy lên giường nằm.

Riêng bọn đàn ông vốn là những người tốt bụng, cứ xúm xít xung quanh cô vợ xinh đẹp của bạn, giở hết vẻ hào hoa của con nhà võ ra để tỏ lòng ngưỡng mộ. Hôm ấy Amelia cũng gọi được là thắng lợi, trong lòng phấn khởi đôi mắt sáng ngời lên. George thấy vợ được chú ý

cũng tỏ vẻ tự hào, vì Amelia khéo đáp lại những sự săn sóc và những lời chúc tụng của các bạn; cô rất tươi tỉnh và duyên dáng, tuy cử chỉ có phần mộc mạc và hơi e lệ một chút. Còn George trong bộ quân phục… ôi chao trong phòng đố ai nom điển trai bằng anh ta? Amelia cảm thấy chồng đang âu yếm nhìn mình; mặt cô sáng ngời lên, sung sướng vì tình yêu của chồng. Cô tự nhủ thầm quyết định thế này: "Mình sẽ tiếp đãi bạn bè của anh ấy chu đáo. Mình sẽ quý hết thảy người nào quý anh ấy. Mình sẽ hết sức vui vẻ để làm cho anh ấy vừa lòng". Tóm lại, trung đoàn đã đón nhận Amelia rất nhiệt tình. Các đại úy đều đồng tình, các trung úy đều hoan nghênh và các thiếu úy thì đều bị "thu mất hồn". Ông già Cutler, thầy thuốc nhà binh chêm vào vài câu khôi hài… những câu khôi hài có vẻ lính tráng quá, không tiện nhắc lại ở đây. Cackle phụ tá quân y đã từng tòng học tại Edinburgh đại học đường, ra điều muốn sát hạch cô về khoa văn chương, bèn dẫn ra ba câu thơ tiếng Pháp của mình để thử tài. Viên thiếu uý trẻ tuổi Stubble cứ đi hết người này đến người khác mà thì thầm: "Lạy Chúa, con người quả là xinh đẹp nhỉ". Anh chàng cứ ngây người ra mà ngắm Amelia cho tới lúc rượu mang ra mới thôi.

Riêng đại úy Dobbin, suốt buổi tối hôm ấy anh ta không nói chuyện nhiều với Amelia, Dobbin cùng đại úy

Porter thuộc trung đoàn 15 đưa Joe, trở về khách sạn; Joe say bí tỉ. Câu chuyện săn hổ Joe mang ra kể rất có kết quả ở quán ăn nhà binh cũng như trong buổi tiếp tân do bà O'Dowd chủ tọa với chiếc khăn to tướng trên đầu có đính lông một con chim thụy hồng. Giao ông ủy viên tài phán cho người hầu xong, Dobbin đi quanh quẩn rồi đến hút thuốc lá ở ngoài cửa khách sạn. Trong khi ấy, George choàng khăn san cho vợ cẩn thận rồi từ biệt bà O'Dowd đưa vợ về, sau khi đã bắt tay khắp mặt đám sĩ quan trẻ tuổi. Họ theo ra tận ngoài cửa để tiễn; xe ngựa chuyển bánh, họ còn đồng thanh reo to lên để chào. Về đến khách sạn Amelia bước xuống xe trao bàn tay xinh xinh cho Dobbin, mỉm cười và trách anh sao suốt buổi tối hôm ấy chẳng thèm để ý đến mình chút nào.

Sau khi khách sạn đã đóng cửa, hàng phố cũng đã tắt đèn đi ngủ cả. Dobbin vẫn còn đứng hút thuốc lá theo dõi ánh đèn tắt đi trong phòng khách của George, rồi lại sáng lên trong gian phòng ngủ kề ngay bên cạnh. Lúc anh ta trở về chỗ mình ở, trời đã gần sáng. Trên mặt sông đã nghe tiếng ồn ào vẳng lại từ những chiếc tàu thủy; những chiếc tàu này đang lấy khách và chất hàng để sửa soạn xuôi dòng sông Thames.

CHƯƠNG XXVIII
AMELIA SANG BỈ

Trung đoàn cùng các sĩ quan sẽ được chuyển vận bằng tàu bể do chính phủ Hoàng gia cung cấp đặc biệt. Hai ngày sau bữa tiệc trà tổ chức ở nhà O'Dowd, đoàn tàu từ từ tiến theo dòng sông đi Ostend, giữa những tiếng hoan hô sôi nổi từ những chiếc tàu của công ty Đông Ấn và của những binh sĩ đứng trên bờ sông, dàn quân nhạc cử bài "Thượng đế phù hộ cho nhà vua" vang lên; các sĩ quan vừa hò reo cổ vũ vừa giơ cao mũ vẫy chào; quần chúng cũng hoan hô nhiệt liệt. Chàng Joe phong tình sẵn sàng lĩnh nhiệm vụ theo hộ vệ cô em gái và bà vợ viên thiếu tá; Mớ hòm xiểng to kếch xù của bà này cùng với tấm khăn bịt đầu có đính chiếc lông chim nổi danh cũng được chuyển đi cùng vời đồ quân dụng của trung đoàn. Hai nữ nhân vật của chúng ta không có hành lý cồng kềnh đi rất thoải mái đến Ramsgate; từ đó, họ tới Ostend, trên một con tàu khác.

Bây giờ bắt đầu một đoạn đời mới của Joe, có rất nhiều sự kiện xảy ra đủ cung cấp đề tài cho anh chàng kể chuyện trong hàng chục năm sau; ngay cả chuyện săn hổ cũng bị xếp xó, vì Joe còn bận kể biết bao nhiêu chuyện ly kỳ hấp dẫn về chiến dịch Waterloo vĩ đại.

Ngay buổi anh chàng nhận đi hộ vệ cho cô em gái ra nước ngoài, người ta bắt đầu thấy Joe thôi không cạo râu nữa. Ở Chatham, anh ta theo dõi rất chăm chú mọi cuộc duyệt binh và tập tành của đơn vị. Anh ta lại lắng nghe kỹ càng mọi câu chuyện giữa "các anh em sĩ quan" (sau này, thỉnh thoảng Joe vẫn còn gọi họ như vậy) và cố thuộc lòng những danh từ quân sự càng nhiều càng hay. Trong những cuộc nghiên cứu ấy, bà O'Dowd đã giúp đỡ anh ta rất nhiều. Cuối cùng, khi họ bước lên chiếc tàu thủy "Đóa hồng xinh" để đến đích thì Joe xuất hiện với tấm áo có đính khuy hoa theo lối nhà binh, mặc quần trắng và đội một chiếc mũ lưỡi trai có lon vàng sáng chói. Anh ta lại cho đem theo cả chiếc xe lên tàu; gặp hành khách nào trên tàu anh ta cũng kín đáo cho biết rằng mình đang đi theo đội quân của Quận công Wellington. Thiên hạ yên trí anh ta là một nhân vật quan trọng, một đặc phái viên nào đó, hoặc ít nhất thì cũng phải là một tín sứ của chính phủ.

Cuộc hành trình qua mặt bể làm cho anh ta vô cùng khổ sở; hai người đàn bà cũng mệt mỏi không kém. Nhưng lúc con tàu đến Ostend, Amelia như người được sống lại vì thấy chiếc hải thuyền chở trung đoàn của chồng cặp bến gần như cùng một lúc với chiếc "Đóa hồng xinh". Joe về khách sạn trước, người mệt rã rời;

đại úy Dobbin đi kèm hai người đàn bà, sau đó trông nom việc chuyển chiếc xe cùng đồ đạc của Joe đem vào phòng thuế quan; lúc này Joe không có ai theo hầu, vì tên người nhà của Osborne và thằng hầu béo phị của Joe đã âm mưu với nhau ở Chatham dứt khoát không chịu vượt biển. Cuộc phiến loạn hết sức đột ngột xảy ra đúng vào ngày cuối cùng trước khi lên đường làm cho Joe Sedley lo sốt vó suýt nữa thì quyết định bỏ dở cuộc hành trình, nhưng bị đại úy Dobbin giễu cợt (theo lời Joe thì Dobbin hiểu sự không thể tả được) anh chàng lại đi vậy. Vả lại, bộ râu của anh ta đã rậm rồi; cuối cùng Joe lên tàu thiếu những người hầu béo tốt, kiểu cách, chỉ biết nói tiếng Anh như ở Luân-đôn, Dobbin đã tìm cho Joe và hai người đàn bà cùng đi một thằng hầu bé nhỏ người Bỉ da đen đen; không biết nó nói thứ tiếng gì, nhưng có điệu bộ nhanh nhẩu tháo vát, lúc nào nó cũng khéo gọi tôn ông Sedley, một điều "bẩm quan lớn", hai điều, "bẩm quan lớn", thành ra cũng được vị quý khách mau có cảm tình. Bây giờ Ostend đã thay đổi nhiều rồi; trong số những người Anh qua đó du lịch, không còn mấy người có vẻ là những vị vương công hoặc biết cư xử như những người thuộc dòng dõi quý tộc nước Anh như xưa. Hầu hết họ đều ăn mặc tồi tàn, chơi bi-a, nốc rượu bí tỷ, bê tha cờ bạc và ưa la cà quanh những tấm bàn nhờn mỡ ở các quán ăn.

Lệnh trên đã ấn định rằng mọi quân nhân trong đội quân của Quận công Wellington mua gì đều phải trả tiền. Đó là tác phong thích hợp nhất trong sự giao thiệp với một dân tộc toàn những người buôn bán. Một xứ sở chuộng thương mại như thế mà được tiếp đón một đội quân khách hàng sòng phẳng thì thật là đại hồng phúc. Cái đất nước được đội quân ta đến che chở chẳng có tí gì là quân sự hết.

Trải qua một thời gian dài trong lịch sử, họ vẫn nhường cho người nước khác đánh nhau hộ trên đất nước họ, khi tới quan sát lại trận địa của chiến dịch Waterloo, kẻ viết truyện này có hỏi bác xà ích trông vạm vỡ có vẻ một cựu chiến bình, xem bác ta có tham dự trận đánh ấy không.

Bác ta đáp: "*Cũng không tồi lắm*"[129]... Có lẽ không một người Pháp nào muốn nói câu đó cũng như muốn có tình cảm đó của bác ta; trái lại, anh chàng bồi ngựa đi theo xe chúng tôi, trước kia là một tử tước, con trai một viên tướng trong quân đội thời đế chế bị phá sản; hắn ta chịu ngửa tay nhận một ngụm bia đáng giá một xu mà uống. Âu cũng là một bài học hay vậy.

Cái xứ sở giàu có, phong lưu ấy chưa bao giờ có vẻ thịnh vượng như hồi đầu mùa hạ năm 1815; những bộ quân phục màu đỏ của chúng ta làm cho bộ mặt của

những cánh đồng xanh rì và những thành phố lặng lẽ tươi tỉnh hẳn lên. Từng đoàn xe ngựa lộng lẫy của người Anh chen chúc nhau trên những đường phố thênh thang, và những chiếc tàu thủy nhỏ trườn dọc theo những cánh đồng cỏ mỡ màng cùng những làng xóm cũ kỹ lạ mắt và những lâu đài cổ kính ẩn giữa những bụi cây cổ thụ; trên tàu chật ních toàn những hành khách phong lưu người Anh. Hồi ấy những người lính trơn uống rượu ở tửu quán trong làng trả tiền rất sòng phẳng. Anh lính Donald, người xứ Highlander, trú quán trong những trại ở Bỉ đã đu đưa cái nôi cho em bé ngủ, trong khi Jean và Jeannette còn bận chuyển rơm ngoài đồng về nhà. Các họa sĩ của chúng ta, ai yêu những đề tài quân sự, hãy nhân cảnh đó mà dựng ngay một bức tranh để minh họa cho cách người Anh tham chiến đứng đắn như thế nào. Quân sĩ người nào trông cũng chỉnh tề, hiền lành như trong một cuộc duyệt binh ở quảng trường Hyde.

Trong khi ấy, Napoléon nấp sau những dãy pháo đài ở biên giới đang sửa soạn một cuộc tấn công, xô đẩy những con người hiền lành ấy vào trong máu lửa, và giết chết khá nhiều người trong bọn họ. Nhân dân Anh ai cũng triệt để tin tưởng vào vị tướng lĩnh chỉ huy: Quận công Wellington được toàn nước Anh hoàn toàn tín nhiệm không kém gì người Pháp đã say sưa tôn sùng

Napoléon một thời. Việc chuẩn bị tự vệ tỏ ra hoàn toàn chu đáo. Khi lâm sự, lực lượng tiếp viện hùng hậu lại sẵn sàng can thiệp kịp thời, cho nên không ai nghĩ đến chuyện nguy hiểm, và những vị khách du lịch của chúng ta – trong số đó, có hai người thuộc phái yếu, bản tính nhút nhát – đều cảm thấy thoải -mái yên tâm như mọi du khách người Anh khác.

Trung đoàn có những viên sĩ quan quen thuộc của chúng ta phục vụ đã dùng những tàu thủy đi sông để chuyển quân đến Bruges và Ghent, rồi từ đó đi đường bộ tới Brussels. Joe vẫn đi kèm hai người đàn bà trên tàu thủy của nhà nước, loại tàu rất sang trọng đầy đủ tiện nghi, người nào đã từng đi du lịch xứ Flanders không ai quên được. Những chiếc tàu này đi chậm, nhưng về khoản cung cấp ăn uống thì tuyệt; có một giai thoại rằng một du khách người Anh định đến thăm nước Bỉ trong một tuần, đã đi trên một chiếc tàu loại này; ông ta khoái việc phục vụ trên tàu quá, đến nỗi cứ ở lỳ trên tàu mà đi đi lại lại từ Bruges đến Ghent mãi, cho tới khi người ta phát minh ra xe hỏa. Khi đó, sau cuộc hành trình cuối cùng, ông ta nhảy xuống sông tự vẫn. Joe sẽ không chết như vậy; anh ta chỉ ăn tiêu thật sang trọng; bà O'Dowd cứ góp ý kiến mãi rằng nếu có thêm cô em chồng bà là Glorvina cùng đi thì hạnh phúc của anh thật là hoàn

toàn. Suốt ngày anh ta ngồi trên boong tàu để uống rượu bia xứ Flemish, để hò hét, sai bảo tháng hầu là Isidor và để tán chuyện với hai người đàn bà.

Hồi này bỗng nhiên Joe hóa ra can đảm ghê gớm. Anh ta kêu ầm lên: "Boney dám tấn công quân ta! Emmy, cô em gái thân yêu của anh ơi, đừng sợ, không có gì nguy hiểm đâu. Anh cam đoan với cô rằng hai tháng nữa, quân đội đồng minh sẽ vào Paris, và anh sẽ đưa cô đến dự tiệc tại "cung điện Hoàng gia", thật đấy! Ba mươi vạn quân Nga, cô hiểu không, ba mươi vạn quân Nga đang qua Mayence, vượt sông Rhine tiến vào nước Pháp; cô em gái ơi, ba mươi vạn quân dưới quyền chỉ huy của Wittgenstein và Barclay de Tolly! Cô không biết gì về chiến thuật, chiến lược, nhưng anh là người am hiểu; cô phải biết bộ binh Pháp không thể đương đầu với bộ binh Nga, và tướng tá của Boney thì không ai đáng cắp gươm theo hầu tướng Wittgenstein. Lại còn quân Áo nữa chứ, tất cả là năm mươi vạn con người ra con người. Dưới quyền chỉ huy của Schwartzenberg và hoàng tử Charles, chỉ mười ngày hành quân nữa là đến biên thùy nước Pháp, ấy là chưa kể quân Phổ do một viên mãnh tướng chỉ huy là Hoàng tử thống chế. Murat chết rồi, đố tìm đâu được một viên tướng chỉ huy kỵ binh tài giỏi bằng ông ta đấy. Đúng không, bà O'Dowd? Việc gì mà phải

sợ nào? Hả? Mang thêm bia lên đây?

Bà O'Dowd bảo rằng cô Glorvina nhà bà cũng không hề biết sợ ai trên đời, kể cả những người Pháp – vừa nói bà vừa nốc cạn một cốc bia và nháy mắt một cái, tỏ ý rất thưởng thức món giải khát.

Nhờ được tiếp xúc thường xuyên với phái phụ nữ ở Chentenham và Bath nên ông bạn cựu ủy viên tài phán của chúng ta đỡ được phần nào tính dát gái thuở trước; nhất là lúc này lại có thêm men rượu trợ lực, anh chàng đâm ra ba hoa tệ. Đối với trung đoàn, Joe đã trở thành khá thân mật; bọn sĩ quan được Joe thết đãi hào phóng lại càng thú vị trước những điệu bộ cố làm ra vẻ nhà binh của anh ta. Có một trung đoàn danh tiếng khi hành quân đã dùng một con dê dẫn đầu một đội quân và dùng một con hươu dẫn đầu một đội quân khác cho nên George đã khôi hài, ám chỉ ông anh vợ rằng trung đoàn của mình sẽ do một con voi dẫn đầu.

Từ khi đưa Amelia ra mắt trung đoàn, dường như George có ý ngượng vì vài người bạn trong đại đội mà anh ta buộc lòng phải giới thiệu với vợ. Anh ta ngỏ ý với Dobbin quyết định xin chuyển ngay sang một trung đoàn khác, để tránh cho vợ khỏi phải tiếp xúc với cái đám đàn bà thô bỉ ở đây (điều này, khỏi phải nói, ta cũng biết Dobbin hoàn toàn tán thành). Nhưng cái cảm tưởng hổ

thẹn vì bè bạn của mình thường thấy trong nam giới nhiều hơn là trong nữ giới (dĩ nhiên, trừ một số các bà lớn kiểu cách thì lại hay ngượng vì chuyện này lắm); vì vậy vốn tính giản dị, mộc mạc, Amelia không hề có cái ngượng ngập giả tạo mà chồng lầm coi là tế nhị.

Bà O'Dowd đội cái mũ có đính một mớ lông gà, trên ngực đeo lủng lẳng một chiếc đồng hồ báo thức to tướng, thỉnh thoảng vô cớ lại réo chuông cứ ầm lên. Bà ta kể lại rằng cái ngày bước chân lên xe hoa về nhà chồng, ông thân sinh ra bà đã tặng bà chiếc đồng hồ đó làm quà cưới.

Khi Amelia phải tiếp xúc với bà thiếu tá, thấy bà ta trang sức kỳ quái như vậy, cũng như vì nhiều điểm khác, Osborne ngượng chín cả người. Nhưng Amelia chỉ thấy thú vị, tuyệt nhiên không hề cảm thấy khó chịu điều gì.

Trong suốt thời gian cuộc hành trình quen thuộc đối với hầu hết mọi người dân Anh trung lưu ấy, ta có thể có người bạn đồng hành hiểu biết hơn, nhưng khó lòng kiếm được một người bạn lý thú hơn bà thiếu tá O'Dowd.

- Này bà chị, nói về tàu thủy chạy sông ấy mà, không đi xem những cái tàu chạy từ Dublin đến Ballinasloe thì không được. Chạy nhanh như gió ấy, mà gia súc ở đây thì đẹp cha chả là đẹp! Bà có biết không, cụ thân sinh ra

tôi xưa kia đã được thưởng huy chương vàng trong một cuộc triển lãm về một con bò non bốn tuổi đẹp vô cùng; bây giờ khắp nước này, không đào đâu ra được một con bò như vậy nhé. Chính ngài Quận công cũng đã dùng một miếng thịt nó; ngài dạy rằng chưa hề ăn một miếng thịt nào ngon đến thế.

Joe vừa thở dài vừa tỏ ý tán thành rằng về cái món thịt bò vừa ngon, không béo, không gầy, thì nước Anh quả là nhất thế giới.

Bà thiếu tá đáp:

- Trừ Ailen, thưa ông, giống bò tốt nhất của các ông đều mua ở đấy cả.

Như tất cả mọi người dân Ailen khác, bà cũng ưa đề cao đất nước mình trong khi so sánh với các xứ sở khác. Tuy chính bà khơi ra, nhưng bà thấy đem so sánh những phiên chợ gia súc ở Bruges với những phiên chợ Dublin là một việc làm vô cùng khôi hài. Bà vừa cười ầm lên đến rung chuyển cả nhà cửa, vừa bảo: "Các ông làm ơn mách tôi biết họ xây cái chòi trên nóc chợ kia làm gì thì hay quá."

Đi qua chợ, họ thấy lố nhố toàn những anh người Anh. Sáng sáng tiếng kèn đồng của nhà binh Anh đánh thức mọi người dậy, và tối đến, nghe tiếng kèn hơi và

tiếng trống "cà rùng" của quân đội Anh, mọi người lên giường đi ngủ. Đất nước này cũng như toàn thể âu châu đều đang được quân sự hóa, và sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử sắp sửa xảy ra rồi. Vậy mà bà Peggy O'Dowd thực thà kia, người có liên quan đến sự kiện lịch sử ấy hơn ai hết, vẫn cứ tiếp tục tán chuyện mãi về Balinafad, về giống ngựa ở Glenmalony, và về thứ rượu ngon cất ở đấy. Joe thì không ngớt lời ca tụng gạo và món cay ở Dumdum ngon tuyệt; còn Amelia thì chỉ mê mải nghĩ đến chồng, không biết tỏ tình yêu với chồng thế nào cho thật khéo… y như trên đời đối với họ chỉ có chuyện ấy là quan trọng.

Ai ưa gấp tập sử lại mà đi vào những giả định về những biến chất có thể xảy ra trong quá khứ ngoài những điều đã trở thành sự thật tàn nhẫn, (ấy tức là một loại suy tưởng lạ lùng, thú vị, nhiều sáng tạo và hữu ích nhất đấy ạ!) ắt nghĩ rằng Napoléon đã chọn lầm một lúc bất lợi nhất để trốn khỏi đảo Elba về đất liền, để thả con diều hâu của hắn bay từ vịnh San Juan đến nhà thờ Đức Bà. Các sử gia của phe chúng ta chép lại rằng quân đội đồng minh may mắn vẫn còn đủ sức sẵn sàng đánh ngã vị hoàng đế đảo Elba bất cứ lúc nào. Giữa các "ông lái" tai to mặt lớn họp nhau lại ở Vienna để tùy sở thích chia năm sẻ bảy lãnh thổ Âu châu, đã có quá nhiều mâu

thuẫn đến nỗi suýt nữa những đội quân đã chiến thắng Napoléon lại phải một phen đánh lộn nhau, nếu con người mà toàn thể bọn họ đều thù ghét và khiếp sợ không trở lại. Này là một vị đế vương có một đạo quân sẵn sàng chiến đấu, vì ngài vừa mới chiếm được Ba-lan và nhất định bám chặt lấy quyền thống trị trên đất nước này; kia là một vị khác mới cướp được một nửa xứ Saxony, cũng đang muốn nắm thật chặt không chịu rời. Nước Ý cũng đang được một vị thứ ba chiếu cố nhòm ngó. Ông nọ to tiếng mắng ông kia là tham lam; ví thử tên dân đảo Corse chịu ngồi đợi trong nhà tù thêm ít lâu, khi nào mấy cường quốc kia quay ra cắn xé nhau rồi hãy về, có lẽ hắn đã ung dung nuốt trôi tất cả rồi. Song, nếu quả thế thì câu chuyện này và các nhân vật trong truyện sẽ ra sao? Nếu nước biển cạn hết thì biển sẽ ra thế nào?

Trong thời gian ấy, việc đời cứ bình thản trôi đi, đặc biệt là những trò ăn chơi, dường như không có chuyện gì chấm dứt nổi cũng như không có kẻ thù nào ngoài mặt trận. Trung đoàn được lệnh đóng quân ở Brussels; mấy nhà du lịch của chúng ta ai cũng bảo rằng được đến thăm một thành phố vui vẻ sầm uất nhất châu Âu như Brussels thật là một hân hạnh lớn. Tại đây, những quầy hàng của hội chợ phù hoa bày la liệt, trang hoàng lộng lẫy và hấp dẫn nhất trần đời. Cờ bạc chơi tha hồ, nhảy

nhót thả cửa; tiệc tùng ở đây thì đủ sức thỏa mãn ngay cả anh chàng Joe tham ăn. Lại có một hý viện, trong đó một Catalani kỳ diệu làm cho thính giả mê hồn, rồi thì những đường phố thênh thang mỹ lệ được những bộ quân phục lộng lẫy làm tôn vẻ đẹp. Amelia rất thích thành phố cổ kính hiếm có này với những phong cảnh và cách kiến trúc lạ kỳ. Cô chưa hề bao giờ được ra ngoại quốc, cho nên nhìn cái gì cũng thấy lạ mắt và thú vị. George và Joe chung nhau thuê một căn nhà thật lịch sự. George tính vốn hào phóng lại hết sức chiều vợ. Suốt nửa tháng trăng mật, Amelia cảm thấy mình là cô dâu mới hạnh phúc nhất nước Anh.

Mỗi ngày trong cái thời gian sung sướng này họ lại có thêm những trò giải trí mới mẻ, hoặc đi thăm một ngôi nhà thờ, hoặc lại đi xem một phòng triển lãm hội họa… hoặc giong xe ngựa đi chơi, hoặc đi coi hát. Đội nhạc binh của cái trung đoàn chơi nhạc suốt ngày. Các bậc tai mặt của nước Anh đều đến công viên, nơi một đại hội của nhà binh đang được thường xuyên tổ chức. Mỗi đêm George lại dẫn vợ đến một nơi giải trí mới, anh ta bằng lòng mình lắm và tuyên bố rằng hồi này mình đâm ra rất ưa cuộc sống gia đình. Được đi chơi đây đó với George, đối với cô Amelia bé bỏng kia, thế cũng đủ cho tim cô hồi hộp đập vì sung sướng rồi. Lá thư nào cô gửi

về thăm mẹ cũng đầy những lời lẽ hạnh phúc và biết ơn chồng. George bắt cô phải sắm đăng ten, vòng cổ, đồ trang sức và đồ chơi đủ thứ; ôi, chồng cô thật là người tất nhất đời, rộng lượng nhất đời!

George vốn mang tâm lý của một người Anh chính cống, lấy việc được gặp gỡ những vị vương công, những bậc mệnh phụ chen chúc nhau tại những nơi công cộng là một điều vô cùng thích thú. Tại đây, họ vứt bỏ thái độ lạnh lùng, kiêu hãnh, kẻ cả thường ngày ở nhà, và hạ cố hòa mình với tất cả thiên hạ. Một buổi tối, đến dự dạ hội do viên tướng chỉ huy sư đoàn có đơn vị của George tổ chức, anh chàng có hân hạnh được khiêu vũ với công nương Blanche Thistlewood, tức là con gái bá tước Bareacres; anh ta rối rít chạy đi lấy đồ giải khát và nước đá để mời hai người đàn bà quý tộc; lại cũng chính anh ta vịn tay đẩy chiếc xe của Bareacres phu nhân. Về nhà, George luôn mồm ca tụng bá tước phu nhân; ngay đến ông Osborne cũng không có nhiệt tình được hơn thế. Hôm sau, George lại đến thăm hai mẹ con bà bá tước rồi cưỡi ngựa đi kèm bên xe của họ trong công viên; anh ta lại mời họ dự tiệc tại một khách sạn lớn; thấy họ nhận lời, George xuýt phát điên lên vì sung sướng. Ông lão Bareacres tính vốn không kiêu kỳ lắm, lại phàm ăn, nên sẵn sàng đi dự tiệc ở bất cứ đâu.

Bareacres phu nhân, sau khi nghĩ ngợi về bữa tiệc mình đã nhận lời một cách hơi quá vội vàng, hỏi con gái:

- Không biết ngoài chúng mình ra, có người phụ nữ nào khác không nhỉ?

Công nương Blanche, hồi nãy mới còn say sưa trong cánh tay của George mà quay hàng giờ theo một điệu "valse" mới nhập cảng, vội kêu ầm lên:

- Trời đất? Má ơi, anh chàng không đem vợ đến chứ? Đàn ông bọn họ còn chịu đựng được, chứ vợ họ thì… ôi thôi. Ông bá tước già nói:

- Vợ ông ta à? Họ đồn rằng vừa cưới xong, người đẹp mê hồn.

- Thôi được; Blanche ạ, ba mày đã muốn thế thì ta cứ đến dự; nhưng bao giờ về nước Anh, ta cũng chẳng cần đi lại với họ làm gì.

Những vị tai mặt này quyết định với nhau khi nào về phố Brussels, hãy cứ nhận lời đi dự tiệc cái đã, và chiếu cố để cho anh chàng chịu trả tiền cũng thú. Tuy nhiên để cứu vãn lại đôi chút danh dự, họ tìm mọi cách làm cho Amelia phải khó chịu, nghĩa là nhất định không đả động gì đến cô trong khi nói chuyện. Cái thứ danh dự này thì đám đàn bà quý phái nước Anh thuộc loại trùm. Nếu ta hay la cà trong *Hội chợ phù hoa* mà lại biết triết

lý đôi chút, thì cứ chịu khó quan sát cách giao thiệp của một bà quý phái đối với bọn phụ nữ tầm thường, ta sẽ thấy nhiều điều lý thú.

Buổi dạ hội hôm nay, George, tiêu vô khối tiền, ấy thế mà đối với Amelia cũng lại là bữa giải trí khổ tâm nhất trong suốt tuần trăng mật. Cô viết thư kể lại bữa tiệc về cho mẹ, lời lẽ thật đau khổ. Nào là Bareacres bá tước phu nhân không không thèm bắt chuyện với mình, nào là công nương Blanche cứ giơ mãi cái ống nhòm mà soi mói nhìn mình, nào là thấy thái độ của họ như vậy, Dobbin hết sức phẫn nộ, rồi lúc ăn xong, lão bá tước lại đòi xem tờ hóa đơn tính tiền; lão kêu ầm lên rằng bữa tiệc đắt thế mà tồi quá.

Đọc thư, bà lão Sedley thấy con gái bực mình phàn nàn rất nhiều về sự thô lỗ của bọn khách, nhưng bà cũng vẫn sung sướng; đi đến đâu bà cụ cũng khoe rằng Emmy, con gái bà đánh bạn với Bareacres bá tước phu nhân; đến nỗi ông Osborne ở khu City cũng biết tin con trai mình thết tiệc các vị công nương quý tộc và các mệnh phụ.

Ai đã từng biết tướng George Tufto, tước tùy giá Hiệp sĩ, và đã có dịp gặp mặt ông ta – trong mùa hội thì điều ấy cũng dễ lắm – ắt còn nhớ hình ảnh này: vào những buổi đẹp trời, ông ta khệnh khạng đi chơi ở Pall Mall, bận

áo chế lót bông, đi ủng cao cổ bóng lộn, dáng điệu lẩy bẩy, mắt cứ gườm gườm nhìn người qua đường như muốn khiêu khích, hoặc cưỡi một con ngựa màu hạt dẻ mà liếc tình vào trong những xe ngựa của người ta chơi trong công viên.

Nhưng bây giờ chẳng ai còn nhận ra trên con người tướng Tufto hình ảnh vị sĩ quan dũng cảm trong cuộc chiến tranh ở Tây-ban-nha và trong chiến dịch Wateeloo xưa kia nữa. Bây giờ ông ta có một bộ tóc rậm quăn quăn màu nâu, đôi lông mày đen nhánh và bộ ria mép đỏ quạch; thế mà vào năm 1815, đầu ông ta lại hói, tóc hơi ngả bạc nhưng chân tay còn mập mạp; bây giờ chân tay ông ta khẳng khiu quá rồi. Cái hồi ông ta ngót thất tuần (nay ông lão đã gần tám mươi), tự nhiên bộ tóc màu nâu và quăn tít; rồi lông mày và ria mép cũng thay màu nết. Những đứa xấu mồm bèn phao tin rằng nghe ông lão độn bông, còn bộ tóc là tóc giả, vì tóc lão có bao giờ mọc đâu. Tom Tufto là cháu nội lão vẫn xích mích với lão mấy chục năm nay; Tom tuyên bố rằng một buổi cô Jaisey, đào hát ở Hí viện Pháp, kéo rơi tuột cả bộ tóc giả của ông hắn; nhưng cái thằng Tom ấy vẫn nổi danh là hay thù vặt và ghen ghét, vì thế cũng chẳng nên để ý đến bộ tóc giả của vị tướng ấy làm gì. Một bữa kia, mấy viên sĩ quan trong trung đoàn… của chúng ta là cà trong

chợ hoa ở Brussels; họ vừa đi thăm Tòa thị chính về. Bà O'Dowd bảo rằng so với cái lâu đài của ông thân sinh ra bà ở Glenmalony thì Tòa thị chính ở đây không được to và đẹp bằng. Bỗng họ thấy một sĩ quan cao cấp đi ngựa, có lính hộ vệ theo sau, tiến vào chợ. Viên sĩ quan xuống ngựa, vào dãy hàng hoa, chọn mua một bó hoa đẹp nhất. Người bán hàng bọc hoa vào giấy; viên sĩ quan lên ngựa, trao bó hoa cho anh lính hầu; anh lính ôm bó hoa nhăn răng ra cười và đi theo ông quan thầy; vị sĩ quan phóng ngựa đi và có vẻ hài lòng lắm.

Bà O'Dowd lên tiếng:

- Ước gì các ông được xem hoa ở Glenmalony. Ba tôi nuôi ba người thợ làm vườn người Scotchland và chín thằng phụ việc. Nhà tôi có một sào "nhà kính". Còn dứa thì nhiều như đậu ở Luân-đôn lúc đang mùa ấy. Nho nhà tôi mỗi chùm phải nặng tới năm sáu cân; tôi xin lấy danh dự cam đoan rằng hoa mộc lan nhà tôi mỗi bông phải to bằng một cái ấm đun nước pha trà ấy.

Anh chàng Osborne quỷ quái chỉ thích gợi chuyện để giễu cợt bà O'Dowd (Amelia cứ khẩn khoản xin chồng tha cho đừng trêu bà ta làm gì), nhưng Dobbin thì không "tiêu" được bà này; anh ta phải lẩn vào đám đông, chuồn ra một chỗ thật xa rồi mới dám phá ra cười, làm cho người đi chợ ai cũng lấy làm quái lạ. Bà O'Dowd hỏi:

- Này, cái ông đại úy kệch cỡm ấy đâu rồi nhỉ? Ông ấy lại chảy máu cam rồi phỏng? Lúc nào cũng thấy ông ấy nói mình chảy máu cam, có nhẽ, khi nào hết máu trong người mới khỏi bệnh chắc! Này ông O'Dowd, có phải hoa mộc lan ở Glenmalony to bằng cái ấm đun nước không?

Viên thiếu tá đáp:

- Peggy, đúng lắm, còn to hơn nữa cơ.

Câu chuyện bị ngắt đoạn khi viên sĩ quan vừa nói trên đến mua hoa. George nói:

- Con ngựa đẹp thế nhỉ?

- Giá ông được nhìn thấy con ngựa của em tôi là Molasses; nó đã ăn giải một cái bình bạc chạm ở Curragh đấy. Bà thiếu tá lại kêu ầm lên, rồi thao thao bất tuyệt kể lai lịch gia đình mình; ông chồng ngắt lời vợ:

- Đúng là tướng Tufto, chỉ huy sư đoàn bộ binh thứ… rồi – ông điềm nhiên nói tiếp – Trong chiến dịch vây hãm Talavera ông ta và tôi cùng bị đạn vào một chân như nhau.

George cười hỏi:

- Nhờ thế mà được thăng chức nhỉ? Tướng Tufto? Này, mình ơi, vợ chồng Crawley cũng đến kìa.

Amelia thấy như nhói một cái trong tim, không biết tại sao. Cô thấy đột nhiên mặt trời như tối lại, những mái nhà cổ kính với những trường hồi nhọn hoắt bỗng mất dần vẻ đẹp tuy lúc ấy là buổi hoàng hôn rực rỡ của một ngày đẹp đẽ, lộng lẫy nhất cuối tháng năm.

CHƯƠNG XXIX
BRUSSELS

Joe thuê một đôi ngựa để kéo chiếc xe mui trần của anh ta, chiếc xe song mã lộng lẫy kiểu Luân-đôn, trong những cuộc giong xe đi chơi Brussels, trông anh ta cũng có mẽ người đáo để. George cũng mua riêng một con ngựa, anh ta và Dobbin vẫn thường cưỡi ngựa đi kèm bên cạnh chiếc xe, trên xe có Joe và em gái ngồi. Hôm ấy, như thường lệ, họ ra công viên chơi, và thấy rõ George nói đúng; hai vợ chồng Rawdon Crawley cũng có mặt ở Brussels.

Rebecca đi giữa một đám đông cưỡi ngựa, toàn những người tai mặt ở Brussels; cô ta bận một tấm áo kỵ mã thật lịch sự bó khít người, cưỡi một con ngựa Ả-rập nhỏ rất đẹp, dáng điệu vô cùng thoải mái; hồi còn ở trại Crawley Bà chúa, cô ta đã được cụ Pitt và chính Rawdon dạy cho cưỡi ngựa nhiều lần. Cô sóng ngựa đi bên viên tướng hào hoa Tufto.

Bà thiếu tá O'Dowd bảo với Joe đang bắt đầu đỏ tía mặt lên:

- Đích thị công tước rồi. Còn người cưỡi ngựa nâu là bá tước Uxbridge. Trông mới lịch sự làm sao? Cậu Molloy Malony nhà tôi giống ông ta như hai giọt nước

vậy!

Mới đầu Rebecca không tiến lại chiếc xe ngựa, nhưng lúc nhìn thấy cô bạn cũ Amelia ngồi ở trong thì cô chào bằng một nụ cười thật duyên dáng, giơ bàn tay lên hôn gửi một cái và vẫy về phía chiếc xe, đoạn cô lại quay sang tiếp tục câu chuyện với tướng Tufto. Ông này hỏi: "Viên sĩ quan béo ị đội mũ đính lon vàng kia là ai đấy?" Rebecca đáp đó là một viên chức trong công ty Đông Ấn. Rawdon Crawley thúc ngựa tách khỏi đám đông tiến ra thân mật bắt tay Amelia, và bảo Joe: "Thế nào, ông bạn, mạnh khỏe chứ?" Đoạn anh ta quay sang cứ trố mắt lên mà nhìn vào tận mặt bà O'Dowd cùng cái túm lông cài trên mũ; bà này yên trí anh chàng phải lòng mình đứt đuôi rồi.

George từ phía sau lập tức cùng Dobbin thúc ngựa tiến lên, họ giơ tay lên vành mũ chào mấy vị khách quan trọng. Osborne nhìn thấy ngay trong số đó có cả cô vợ Rawdon. Thấy Rawdon thân mật ghé vào bên xe trò chuyện với Amelia, anh ta khoái lắm, bèn sôi nổi bắt chuyện với viên sĩ quan tùy tòng của tướng Tufto. Còn Rawdon và Dobbin thì chỉ khẽ gật đầu chào nhau một cách hết sức lạnh nhạt.

Crawley bảo George rằng mình cùng tướng Tufto hiện đang trọ tại khách sạn Công viên, lại hứa với George sẽ

đến thăm ngay anh ta tại chỗ ở riêng. George nói:

- Ba hôm nay không gặp mặt anh, buồn quá. Tôi vừa tổ chức một bữa tiệc tại khách sạn… cũng khá vui. Bá tước Bareacres cùng phu nhân và công nương Blanche cũng có lòng đến dự… giá có mặt thì tuyệt.

Thấy bạn đã tỏ rõ mình cũng đang trở thành một con người sang trọng, George từ biệt Rawdon; Rawdon nhập vào đoàn quý khách cưỡi ngựa, còn George và Dobbin lại quay về kèm hai bên xe ngựa của Amelia.

Bà O'Dowd lại nói:

- Công tước cưỡi ngựa trông đẹp nhỉ? Họ Wellesleys và họ Molony là thân thích với nhau đấy. Nhưng thật khốn khổ, tôi chẳng dám mơ đến chuyện tự giới thiệu mình với Công tước, có lẽ cứ để ngài nhớ ra mà nhận họ hàng trước thì phải hơn.

Lúc nhân vật quan trọng kia đã đi rồi, Joe mới cảm thấy thoải mái hơn trước; anh ta cũng góp ý kiến:

- Công tước thật là một quân nhân có tài. Thử hỏi xưa nay ai thắng được trận nào như trận Salamanca? Phải không, Dobbin? Nhưng có biết ngài nghiên cứu kỹ thuật quân sự ở đâu không? ở Ấn Độ đấy, thưa người anh em. Rừng rậm chính là trường học quân sự của các vị tướng lĩnh, xin nhớ hộ thế cho. Bà O'Dowd ạ, tôi cũng có quen

công tước; trong một buổi dạ hội, cả tôi và ngài cũng đã cùng nhảy với cô Cutler, con gái ông Cutler trong đội pháo binh; cô ta đẹp tuyệt trần đời; ở Đumdum ấy mà.

Suốt buổi đi chơi hôm ấy, họ chỉ bàn tán với nhau về cuộc gặp gỡ mấy nhân vật quan trọng, ngay trong bữa ăn cũng vậy, mãi tới giờ đi xem hát ở rạp Opera mới thôi.

Cảnh tượng dường như không khác gì ở nước Anh.

Trong rạp hát toàn những bộ mặt quen thuộc người Anh; từ lâu khắp thành phố người ta đã sôi nổi ca tụng cách làm đầu của phụ nữ Anh-cát-lợi. Cách chải tóc của bà O'Dowd cũng được chú ý không kém. Mớ tóc quăn trước trán có đính một hàng ngọc Ailen; theo ý bà, cả rạp hát không ai có vật trang sức nào đẹp bằng. Phải ngồi cạnh bà O'Dowd, Osborne khổ tâm vô cùng nhưng bà này hễ nghe nói mấy ông bạn trẻ đi đâu chơi là nhất định mò đến tìm kỳ được bởi lẽ bà đinh ninh rằng được đi chơi cùng bà, họ phải sung sướng lắm lắm.

George thường vẫn yên trí để vợ ngồi một mình với bà O'Dowd. Anh ta bảo vợ:

- Mọi lần bà ấy có ích cho em lắm; nhưng may quá, bây giờ có Rebecca rồi, em sẽ bầu bạn với cô ta, còn cái bà Ailen kia thì ta xin đủ thôi.

Nghe chồng nói, Amelia không đáp, mà làm sao biết

được cô đang nghĩ gì nhỉ?

Ngó qua Hý viện Brussels, bà O'Dowd cũng thấy hay hay, nhưng vẫn cho không bằng Hý viện Dublin ở phố Fishamble được; và theo ý bà âm nhạc của người Pháp cũng không thể nào so sánh với thứ âm nhạc du dương của tổ quốc bà. Bà cứ bô bô nói hết chuyện này đến chuyện khác, thản nhiên như không, hết cụp rồi lại mở cái quạt giấy đem theo làm nó kêu cứ soàn soạt.

- Này Rawdon, anh yêu của em, cái bà kỳ quặc ngồi cạnh Amelia kia là ai thế Một người đàn bà ngồi trong lô ghế phía trước mặt hỏi vậy (bà này ở nhà riêng vẫn quen suồng sã với chồng, nhưng trước đám đông lại càng tỏ ra thân mật hơn nữa). Anh có nhìn thấy người đội khăn có đính cái gì vàng vàng kia kìa, mà mặc áo sa tanh đỏ, có đeo cái đồng hồ to tướng không?

- Ngồi gần người đàn bà xinh xinh bé nhỏ mặc áo trắng ấy à?

Một ông sang trọng đứng tuổi ngồi cạnh người đàn bà nói trên cũng lên tiếng; trên ngực áo của ông này có đính một hàng cuống huy chương, cổ thắt một chiếc cà-vạt hoa trắng to tướng; ông ta mặc bao nhiêu là áo gi-lê.

- Người đàn bà xinh xinh mặc áo trắng là Amelia đấy, thưa trung tướng: chả người đàn bà đẹp nào thoát được

khỏi mắt ngài, ngài thật tệ quá.

- Ồ, trên đời này, tôi chỉ thấy có một người đẹp thôi, thưa bà- viên tướng thú vị đáp.

Người đàn bà cầm bó hoa to tướng đập vào người lão một cái.

Bà O'Dowd nói:

- Đích thị ông ta rồi. Chẳng phải bó hoa ông ta mua ngoài chợ hoa là gì!

Rebecca thấy cô bạn gái nhìn về phía mình, bèn đưa bàn tay xinh xinh lên miệng gửi một cái hôn. Bà thiếu tá O'Dowd lại tưởng cái hôn ấy dành cho mình bèn mỉm cười thật duyên dáng đáp lại, làm cho anh chàng Dobbin bất hạnh kia lại phải nhảy bổ ra ngoài "lô" ghế một lần nữa.

Hết màn kịch, George bỏ chỗ ngồi ra ngoài một lát; anh ta đến chào Rebecea tại chỗ cô này ngồi; gặp Rawdon ngoài hành lang, hai người trao đổi với nhau mấy câu về những chuyện xảy ra trong nửa tháng vừa qua. George láu lỉnh hỏi:

- Anh thấy ngân phiếu của tôi hợp lệ chưa?

Rawdon đáp:

- Tốt lắm anh bạn ạ. Rất hân hạnh được để cho anh

phục thù. Ông cụ nhà "nghĩ lại" chưa?

George đáp:

- Chưa, nhưng rồi cũng ổn thôi, vả lại anh cũng biết tôi còn ít tiền của bà cụ để lại cho. Bà cô đã "hồi tâm" rồi chứ?

- Gửi cho tôi được hai mươi đồng, gớm; cái bà lão chết tiệt,vắt cổ chầy ra nước. Bao giờ chúng ta lại gặp nhau nhỉ? Thứ ba này trung tướng dùng cơm ở ngoài. Thứ ba anh đến chơi được không? Bảo Sedley cạo bộ râu đi. Một anh dân thường lại để râu xồm xoàm và mặc áo có khuy hoa là nghĩa lý quái gì? Thôi nhé thứ ba cố đến chơi, nghe không.

Đoạn Rawdon cùng hai người trai trẻ ăn bận sang trọng đi chỗ khác; hai người này cùng làm việc với anh ta tại phòng tham mưu của trung tướng. George không được vui lòng lắm vì bị mời đến chơi đúng vào ngày viên trung tướng dùng cơm ở ngoài.

Anh ta nói:

- Tôi muốn vào chào chị ấy một tý.

Rawdon đáp:

- Hừm, xin tùy anh.

Anh chàng có vẻ không bằng lòng; hai người sĩ quan

trẻ tuổi láu lỉnh nháy mắt với nhau. George từ giã họ qua hành lang đi về "lô" ghế của viên trung tướng; anh ta nhớ rất kỹ số phòng.

- Cứ vào!

Có tiếng nói thanh thanh vọng ra; anh bạn của chúng ta bước vào, thấy ngay Rebecca trước mặt. Cô ta đứng phắt dậy vỗ tay, và chìa cả hai bàn tay ra cho George bắt; được gặp George cô ta cũng thích quá. Viên trung tướng huân chương đầy ngực cứ trân trân ngó anh chàng, mặt lầm lì cau lại, coi bộ như muốn hỏi anh là cái thằng quái nào thế nhỉ?

Rebecca say sưa reo lên:

- Đại úy George thân mến? Anh thật tốt quá, lại đến tận đây! Trung tướng và em đương sắp cảm thấy buồn. Thưa trung tướng, đây là đại úy George mà tôi đã nói chuyện với ngài.

Viên trung tướng chỉ hơi nghiêng nghiêng mình gọi lại đáp:

- Đúng thế, đại úy George thuộc trung đoàn nào nhỉ?

George nói số trung đoàn của mình, anh ta ước gì được nói thêm rằng đó là một đơn vị kỵ binh rất tinh nhuệ.

Viên tướng vẫn kiêu hãnh ra mặt, tiếp:

- Chắc vừa mới từ Tây Ấn về phỏng? Trong cuộc chiến tranh vừa rồi không thấy tham chiến nhiều. Đông quân ở đây chứ, đại úy George?

Rebecca xen vào:

- Không phải là đại úy George, ngài thật chẳng biết cái gì, đại úy Osborne.

Viên trung tướng vẫn cứ cau có hết nhìn Becky lại nhìn George.

- Đại úy Osborne, phải. Có họ hàng gì với gia đình quý tộc L-Osborne không đấy?

- Chúng tôi cùng mang chung một huy hiệu của dòng họ.

George đáp vậy, mà sự thực quả có như thế. Mười lăm năm về trước, ông Osborne đã đi hỏi một nhà chuyên môn và "cóp" đúng cái huy hiệu của nhà L – kia trong sách "Danh bạ quý tộc" để sơn lên chiếc xe của mình. Nghe George tuyên bố vậy, viên tướng không đáp; ông ta cầm lấy chiếc ống nhòm xem hát – hồi ấy người ta chưa chế ra loại ống nhòm hai ống kính – giơ lên quan sát khắp phòng. Nhưng Rebecca trông thấy rõ con mắt bên kia của ông đang chiếu ra những tia lửa hằn học về phía mình và George.

Cô càng tỏ vẻ thận trọng hơn:

- Chị Amelia có mạnh khỏe không? Nhưng em chẳng cần phải hỏi: chị ấy trông đẹp ra đấy. Còn cái người đàn bà đẹp beo béo ngồi cạnh chị ấy là ai thế? Ý trung nhân của anh chứ gì? Gớm, đàn ông các anh tệ thật. Lại cả anh Sedley đang ăn kem kìa: coi bộ anh ấy ăn ngon quá! Thưa trung tướng, sao chúng ta lại chưa ăn kem nhỉ?

Cơn giận dữ của viên trung tướng bùng lên:

- Để tôi đi mua mang về bà xơi ạ?

George ôn tồn:

- Xin lỗi ngài, cứ để tôi.

- Không, em cũng muốn đến chỗ Amelia một tí: chị ấy thật đáng quý. Đại úy George, đưa tay cho em vịn.

Nói đoạn, cô gật đầu chào viên tướng, lanh lẹn bước ra ngoài hành lang. Lúc chỉ có hai người đi cạnh nhau, cô ta đưa mắt nhìn George một cách thật lạ lùng mà láu lỉnh, cái nhìn ngụ ý. "Anh có hiểu câu chuyện ra sao không? Có thấy hắn phát điên phát rồ vì tôi không"? Nhưng George không nhận thấy. Anh ta còn bận sắp đặt kế hoạch riêng của mình, và đang mải mê thích thú với ý nghĩ mình có khả năng hấp dẫn đàn bà rất tài.

Rebecca cùng người đàn ông chiếm được cô ta vừa ra

khỏi, viên tướng khẽ thốt lên một tiếng chửi khá tục tĩu, đến nỗi kẻ chép chuyện chắc chắn rằng nếu có viết ra thì những người thợ sắp chữ trong nhà in cũng không dám in. Tiếng chửi ấy phát từ đáy lòng viên trung tướng; kể cũng lạ thay, thế mới biết con người ta khi cần thiết ai cũng có thể dốc ra hàng kho những câu nói thô bỉ, tục tĩu đầy giận dữ và hằn học đến như vậy.

Đôi mắt xinh đẹp của Amelia cũng đang lo lắng chăm chú theo dõi cử chỉ của cặp trai gái đã khiến cho viên tướng phát khùng lên vì ghen. Nhưng khi Rebecca bước vào trong lô ghế của cô, Amelia ôm chầm lấy bạn, mặc dầu đang ở chỗ đông người. Cô ôm lấy người bạn thân thiết mà hôn ngay trước mặt mọi khán giả, ngay cả trước mặt viên tướng, vì lúc này lão đang hướng ống nhòm về phía "lô" ghế của Osborne. Bà Crawley cúi chào. Cô thật lịch sự. Cô ngắm nghía mãi cái trâm Cairngorm và những hạt kim cương Ai len sáng ngời của bà O'Dowd và nhất định bảo rằng kim cương ấy đích thị là của mỏ Golconda. Cô ta chuyện trò tíu tít, quay đi ngó lại, uốn éo, mỉm cười với người này, tươi tỉnh với người nọ, cốt để cho con người ghen tuông, ngồi mé bên kia nom, thấy rõ qua chiếu ống nhòm xem hát.

Lúc màn vũ ba-lê bắt đầu (trong màn kịch này các nghệ sĩ đã tỏ ra có thiên tài vô địch), Becky trở về "lô"

ghế của mình, lần này khoác tay đại úy Dobbin. Không, lần này cô không muốn đi cùng George: anh ta cần phải ở lại; để trò chuyện với cô Amelia thân yêu quý báu nhất đời của anh ta chứ.

Dobbin lặng lẽ dẫn Rebecca về "lô" ghế của cô ta không nói một lời, mặt buồn thiu như người đi đưa đám; lúc trở về chỗ của mình, anh ta thì thầm với George:

- Con mụ đóng kịch khéo thật. Cứ lăn lộn uốn éo như con rắn ấy. Anh có thấy không, suốt thời gian ngồi ở đây, cô ta đóng kịch cho lão trung tướng ở bên kia xem đấy.

George nhe hàm răng trắng muốt cười, giơ tay vê vê bộ ria mép màu phổ phách:

- Đóng kịch hả?… Cóc cần; cô ta là hoa khôi đẹp nhất nước Anh đấy. Dobbin, anh không lịch sự một tí nào. Nhưng mà kìa, nhìn xem; cô ta chưa nói, tướng Tufto đã toét miệng ra cười rồi? Chao ôi! Đôi vai mới xinh làm sao! Emmy, sao em không mua lấy một bó hoa! Ai cũng đem theo hoa cả. Bà O'Dowd chen vào:

- Thế sao ông không mua một bó?

Cả Dobbin và Amelia thầm cám ơn câu trả lời đúng lúc của bà này, nhưng sau đó hai người đàn bà đều không có vẻ được hài lòng. Amelia buồn rầu nhận thấy

kẻ địch của mình lộng lẫy quá, duyên dáng quá, trội hơn hẳn mình.

Còn bà O'Dowd suốt buổi tối hôm ấy cũng lặng thinh sau sự xuất hiện rực rỡ của Rebecca, không tán chuyện về Glenmalony nữa.

Mấy ngày sau, có lần Dobbin hỏi George:

- George, anh định bao giờ mới chừa đánh bạc đấy? Anh hứa với tôi như thế có dễ đã một thế kỷ rồi nhỉ?

-Còn anh, anh định bao giờ mới nghỉ dạy luân lý cho tôi? Việc quái gì anh phải lo? Chúng tôi chơi cò con với nhau thôi mà. Đêm qua tôi được. Anh cho rằng Crawley bịp à? Cứ chơi thực thà với nhau thì từ giờ đến cuối năm tôi cũng hòa vốn.

- Nhưng tôi tin rằng nếu hắn thua, hắn không có tiền trả đâu.

Lời khuyên của Dobbin cũng chẳng có tác dụng gì hơn mọi lần. Bây giờ Osborne và Crawley đã thành đôi bạn nối khố. Tướng Tufto đi dự tiệc ở ngoài luôn. Kề sát bên phòng của viên trung tướng là căn phòng của hai vợ chồng viên sĩ quan tùy tòng; tại đây, bao giờ George cũng được tiếp đón nồng hậu.

Lần vợ chồng George đến thăm vợ chồng Crawley ở đây, thái độ của Amelia khiến cho lần đầu tiên xuýt nữa

hai vợ chồng thành ra giận nhau. George mắng vợ một cách thô bạo vì cô không muốn đi với mình, và lúc đến chơi, sao lại tỏ thái độ kiêu ngạo, kẻ cả quá đối với vợ Rawdon là bạn cũ. Amelia không đáp lại một lời. Nhưng đến lần thăm viếng thứ hai thì cô lại càng tỏ ra vụng về lúng túng, vì thấy chồng cứ ngó mình chằm chằm, còn Rebecca thì lại thỉnh thoảng liếc mắt nhìn mình soi mói. Dĩ nhiên Rebecca càng tỏ ra thân mật gấp bội, không hề chút nào chú ý đến thái độ lạnh nhạt của bạn.

- Hình như Amelia trở thành kiêu ngạo hơn từ khi tên ông cụ được nêu trong… từ khi cụ Sedley gặp rủi ro thì phải.

Rebecca bảo nhỏ George, cố ý làm dịu bớt câu nói.

Cô ta tiếp:

- Thật đấy. Hồi chúng ta còn ở Brighton, em đã có cái hân hạnh được chị ấy ghen thì phải. Bây giờ, em đoán chắc rằng chị ấy thấy em và Rawdon sống chung với trung tướng, chị ấy ghét đấy. Nhưng mà anh nghĩ xem, túng như chúng em, nếu không có bạn san sẻ bớt sự chi tiêu thì làm thế nào? Anh tưởng Rawdon không đủ sức bênh vực danh dự cho em sao. Nhưng em cũng đội ơn Emmy lắm, đội ơn lắm lắm.

George đáp:

- Dào ôi? Ghen đấy! Gái nào là gái chẳng hay ghen?

- Còn đàn ông các anh thì không? Tối hôm đi xem Opera, anh và tướng Tufto, hai người chả ghen với nhau là gì? Này, hôm ấy lão muốn ăn thịt em, vì em cùng đi với anh sang thăm cô vợ vớ vẩn của anh đấy; em thèm vào để ý đến anh và lão ta.

Vợ Rawdon vừa nói vừa lắc đầu một cách rất xược.

- Anh dùng cơm ở đây nhé? Nhà em ăn cơm với viên tổng tư lệnh. Nghe như có nhiều tin quan trọng lắm. Họ đồn rằng quân Pháp đã vượt biên giới rồi. Sẽ không có ai quấy rầy chúng ta đâu.

Tuy vợ hơi khó ở, nhưng George cũng nhận lời. Đến hôm nay anh chàng mới lấy vợ chưa được sáu tuần lễ, thế mà anh ta không tức giận khi thấy vợ mình bị một người đàn bà khác giễu cợt. Anh chàng tốt bụng ấy cũng không biết bất mãn với chính mình nữa. George nghĩ thầm: "Kể ra thế cũng tồi, nhưng mặc kệ; chả lẽ làm tài trai có một người đàn bà đẹp cứ nhất định lăn đến với mình thì bảo làm thế nào?" Anh chàng vẫn thường mỉm cười gật gật cái đầu một cách có ý nghĩa, bảo với Stubble và Spooney cùng những người bạn khác trong câu lạc bộ sĩ quan rằng: "Tôi cũng khá là lả lơi với đàn bà"; bọn này tỏ vẻ khâm phục tài ba này còn hơn cả lòng dũng cảm của anh chàng.

Từ thượng cổ đến nay, trong *Hội chợ phù hoa*, sau những chiến thắng về quân sự, thì chiến thắng trong ái tình vẫn là nguồn kiêu hãnh đối với đàn ông; nếu không, tại sao mấy cậu học sinh vẫn huênh hoang khoe gái mê mình, và Don Juan lại trở thành bất hủ?

Osborne yên trí rằng mình sinh ra đời để chinh phục đàn bà, và phụ nữ mê mình như điếu đổ. Cho nên anh ta không dám cưỡng lại định mệnh, cứ hoàn toàn thản nhiên phục tùng ý trời. Thấy Emmy không hề tỏ ý rầy la ghen tuông, chỉ lặng lẽ kín đáo sầu khổ một mình, anh ta cho rằng vợ không hay biết gì về chuyện yêu đương lộ liễu giữa mình và Rebecca: Bất cứ khi nào cô này rỗi rãi là thấy hai người cùng sóng ngựa đi chơi với nhau. George nói dối Amelia là mình bận lo việc của đơn vị (Amelia biết thừa anh chàng nói dối); mặc vợ lẻ loi ở nhà với ông anh ruột, tối nào anh ta cũng đến nhà Crawley để cúng tiền cho anh chồng và để tưởng rằng chị vợ chết mê chết mệt vì mình.

Rất có thể hai vợ chồng nhà này cũng chưa bao giờ âm mưu dứt khoát với nhau rằng trong khi, chị vợ ve vuốt anh chàng trẻ tuổi thì anh chồng moi tiền, nhưng họ hoàn toàn hiểu mánh khóe của nhau; cho nên Rawdon hoàn toàn vui vẻ, mặc Osborne ra vào tùy thích.

George mải mê với những người bạn mới, thành ra giữa anh ta và William Dobbin không được thân mật như cũ. George thường tránh mặt bạn ở chỗ đông người hoặc trong đơn vị vì, như ta đã biết, anh ta không ưa gì bạn "lên lớp" về luân lý cho mình nghe. Dobbin bực mình về nhiều cách cư xử của George, muốn bảo cho bạn biết rằng tuy anh ta có bộ râu quai nón rậm thật và vẫn tự hào là lịch duyệt, nhưng thực ra còn ngây thơ như một cậu học sinh, rằng Rawdon đang rắp tâm biến George thành nạn nhân của gã như bao kẻ khác từ trước đến nay, lúc nào vét hết tiền, hắn sẽ đá đít anh chàng thẳng cánh; nhưng nghĩ lại, Dobbin thấy cũng vô ích; đời nào George chịu cho là phải.

Vì vậy, những khi đến nhà Osborne thỉnh thoảng may mắn được gặp ông bạn cũ, Dobbin hết sức tránh không gợi đến câu chuyện đau lòng vô ích ấy làm gì. Còn anh bạn George của chúng ta thì đang bận say sưa ngập lặn trong những thú vui của *Hội chợ phù hoa*.

Từ thời Darius đến nay, chưa bao giờ có một bọn theo quân đội để ăn bám nào đẹp đẽ lộng lẫy như cái bọn đoàn sĩ quan tùy thuộc của quận công Wellington ở Bỉ vào năm 1815. Có thể nói rằng hội hè tiệc tùng kéo dài liên miên cho mãi tới khi chiến sự nổ ra. Ngày rằm tháng sáu cùng năm này, có một buổi dạ hội lịch sử do một

quận chúa tổ chức. Khắp Brussels nô nức chờ đợi. Tôi đã được chính những bà có mặt tại thành phố hồi đó kể lại rằng giới phụ nữ bàn tán sôi nổi về cuộc dạ hội; họ còn quan tâm hơn cả đối với tin tức kẻ thù ngoài mặt trận. Người ta đánh nhau, vận động nhau, van xin nhau để có bằng được một chiếc vé dự dạ hội. Song cũng chỉ những bà sang trọng của người Anh mới có, vì họ không từ một cách nào cốt sao len lỏi được vào chỗ ăn chơi của các vị thượng lưu nước họ.

Joe và bà O'Dowd thèm một tấm tiếp mời quá, nhưng không kiếm đâu ra. Mấy người bạn của họ may mắn hơn; thí dụ nhờ có hầu tước Bareacres chạy chọt, có lẽ để trả nợ bữa tiệc bữa nọ. George vớ được một tấm thiếp,mời đại úy và bà Osborne; anh chàng lấy làm hân hạnh quá. Dobbin là bạn của mọi viên tướng chỉ huy sư đoàn, một hôm vừa cười vừa chìa cho "bà Osborne" xem một tấm thiếp mời tương tự, làm cho Joe phát tức lên vì thèm muốn; George ngạc nhiên quá, không biết anh bạn làm thế nào mà cũng chui được vào xã hội thượng lưu. Ông bà Rawdon thì dĩ nhiên cuối cùng cũng được mời, vì quen một viên thiếu tướng chỉ huy lữ đoàn kỳ binh.

George sắm sửa áo mới và đủ mọi đồ trang sức cho Amelia. Đúng buổi tối đã ấn định, hai vợ chồng đi xe

ngựa đến dự buổi dạ hội nổi tiếng. Nhưng Amelia không quen một người nào tại đây. Osborne mon men lại gần Bareacres phu nhân; mụ này đánh bài lờ, coi như cho George tấm thiếp mời thế là quá đủ. George mặc Amelia ngồi nghĩ ngợi một mình trên một tấm ghế dài. Có lẽ anh ta cho rằng mình đã sắm áo mới, lại dẫn vợ đến dự dạ hội, cho vợ giải trí, thế cũng đã quá lịch sự rồi chăng? Trong thâm tâm, Amelia cũng không cảm thấy vui lắm ngoài anh chàng Dobbin thực thà kia, cũng không người nào đến quấy rầy cô. Buổi dạ hội đối với Amelia là một thất bại thảm hại (vì anh chồng hơi bực bội); nhưng trái lại, lần đầu tiên, bà Rawdon bước vào xã hội thượng lưu lại thành công rực rỡ.

Cô ta đến rất muộn, mặt tươi cười rạng rỡ, bận một tấm áo đẹp tuyệt. Đứng giữa toàn những bậc quý khách, trước bao nhiêu ống nhòm hướng về phía mình, Rebecca có vẻ vẫn điềm nhiên, hoàn toàn tự chủ như khi cô ta dẫn đám học trò nhỏ trong trường học bà Pinkerton đến nhà thờ. Cô quen biết khối đàn ông ở đấy, và những tay công tử bột cứ bâu lấy cô. Các bà các cô thì thầm với nhau rằng Rawdon đã rủ cô ta trốn khỏi một tu viện, và cô ta chính là một người thuộc dòng họ Montmorency. Thấy Becky nói tiếng Pháp rất thạo, người ta lại càng cho tin đồn ấy là có cơ sở; mọi người

đồng ý rằng cử chỉ của cô rất lịch sự, dáng điệu cực phong nhã. Có đến năm chục người đàn ông lập tức xúm xít vây quanh, yêu cầu được cái vinh dự khiêu vũ với Becky. Cô ta đáp rằng đã có người mời rồi, và chỉ nhảy rất ít. Sau đó, cô lập tức tiến về chỗ Emmy ngồi rầu rĩ đau khổ một mình không ai chú ý đến; thật là một đòn điếng người đối với người thiếu nữ trẻ dại này. Vợ Rawdon đến bên cạnh nói với cô bạn Amelia thân yêu toàn những lời thân ái nhất đời, với một điệu bộ hết sức kẻ cả. Cô ta chê áo của Amelia may vụng, tóc Amelia tết không khéo, và tỏ ý ngạc nhiên sao bạn mình lại có thể đi một đôi giầy như thế được. Becky cam kết sáng hôm sau sẽ bảo người thợ may áo chẽn[130] của mình đến giúp Amelia. Cô ta lại hết lời khen buổi dạ hội rất vui, toàn những người quen biết cả, người tầm thường thì hết sức ít. Sau một nửa tháng và sau ba bữa tiệc lớn, người đàn bà trẻ tuổi này đã có đủ thì giờ học thuộc lòng những tiếng lóng của giới thượng lưu, nói thạo không kém gì những tay chính cống; có điều Becky nói tiếng Pháp quá thạo, người ta có thể nhân đó mà đoán ra rằng cô không phải là con nhà dòng dõi. Lúc mới vào gian phòng hội, George bỏ mặc Amelia ngồi một mình trên chiếc ghế dài; đến lúc thấy có Rebecca ngồi cạnh vợ, anh ta lập tức quay lại. Lúc này Becky vừa mới diễn thuyết cho bạn nghe xong về những thói xấu George

đang mắc phải:

- Trời ạ, chị thân yêu ơi, chị phải bảo anh ấy thôi đi, đừng đánh bạc nữa, nếu không rồi thì tai vạ vào thân đấy, đêm nào Rawdon và anh ấy cũng chơi bài; chị biết đấy, anh ấy có giàu đâu; nếu không cẩn thận rồi Rawdon sẽ được hết tiền mất. Sao buổi tối không đến em chơi cho vui, cứ ngồi nhà buồn thiu với cái ông đại úy Dobbin kia? Kể ra ông ta cũng dễ thương lắm, nhưng mà hai chân to bè bè ra ai mà yêu được. Bàn chân anh ấy nhà chị trông xinh lắm… anh ấy đã lại kia… đi đâu về đấy, ông tướng? Chị Emmy đang khóc đỏ mắt vì anh đấy. Anh tìm em để nhảy điệu quadrille phải không?

Thế là cô ta đặt bó hoa và chiếc khăn san xuống cạnh Amelia, rồi thoăn thoắt cùng George bước ra khiêu vũ.

Chỉ có đàn bà mới độc địa đến thế. Dễ thường ở đâu những mũi tên nhọn của cô có tẩm thuốc độc, nó làm cho người ta đau đớn gấp nghìn lần thứ khí giới cùn của đàn ông. Cô Emmy đáng thương của chứng ta suốt đời chưa biết thù ghét ai, giễu cợt ai, giờ đây đành chịu bất lực trong bàn tay tàn nhẫn của kẻ địch.

George khiêu vũ với Rebecca độ hai ba lần… Amelia cũng chẳng biết rõ là mấy lần nữa. Cô cứ ngồi trơ trọi trong một xó, chẳng ai buồn để ý tới; chỉ có Rawdon thỉnh thoảng lại gần nói vài câu chuyện vụng về. Đến

khuya, đại úy Dobbin mới đánh bạo mang đồ giải khát lại cho cô và ngồi bên cạnh. Dobbin không muốn hỏi thăm tại sao cô có vẻ sầu khổ như thế, nhưng vì nước mắt cứ muốn trào ra nên Amelia phải nói thác rằng vợ Rawdon vừa mách George vẫn bê tha bài bạc. Dobbin nói:

- Kể cũng lạ, khi người ta đã mê cờ bạc thì người ta bằng lòng chui vào cái cạm bẫy rất vô lý của những thằng khốn kiếp.

Emmy đáp:

- Đúng thế.

Nhưng cô đang nghĩ đến chuyện khác; không phải chuyện mất tiền làm cho cô buồn khổ.

Cuối cùng, George trở lại tìm chiếc khăn san và bó hoa của Rebecca. Cô này đã đi chỗ khác rồi, cũng không thèm quay lại từ biệt Amelia lấy một lời. Người đàn bà đáng thương mặc chồng mình đi lại, không hé răng nói nửa lời, cứ ủ rũ gục đầu xuống ngực. Có người đã gọi Dobbin ra chỗ khác; anh ta đang thì thầm nói chuyện với bạn là viên tướng chỉ huy sư đoàn, không để ý đến việc George bỏ đi lần này. Lúc George trao bó hoa lại cho Rebecca thì trong bó hoa có cài một mảnh giấy cuộn tròn lại như con rắn giữa những bông hoa mĩ miều. Rebecca thoáng nhìn bó hoa, nhận ngay ra mảnh giấy.

Hồi còn trẻ, cô ta đã từng nhiều lần dùng phương pháp thông tin này. Cô đưa tay ra nhận bó hoa, hai luồng mắt giao nhau; George thấy rõ Becky đã hiểu sẽ tìm thấy gì trong bó hoa. Rawdon vội vàng dắt vợ đi; anh chàng này còn đang bận bịu nghĩ ngợi điều gì nên không kịp nhận ra bạn và vợ đang ra hiệu cho nhau. Vả lại điều đó cũng chỉ là chuyện vặt, Rebecca giơ một bàn tay cho George và như mọi khi, liếc mắt rất nhanh nhìn anh chàng, đoạn cúi chào rồi đi. George nghiêng mình đáp lễ; anh ta không đáp lại Crawley, cũng chẳng nghe thấy Crawley nói gì nữa, vì đầu óc còn đang sôi nổi quay cuồng với những ý nghĩ của kẻ thắng trận.

Amelia cũng nhìn thấy phần đầu của cảnh trả lại bó hoa. George chiều ý Rebecca trở lại lấy hộ hoa và khăn san thì có gì là lạ? Mấy hôm nay, George đã từng làm công việc ấy có hàng chục lần, nhưng không hiểu sao lần này Amelia không thể chịu được. Đột nhiên nắm chặt lấy cánh tay Dobbin ngồi bên cạnh, nói:

- William, anh vẫn luôn luôn tử tế với tôi… tôi… tôi… thấy hơi khó ở. Đưa tôi về nhà.

Amelia cũng không thấy mình đã gọi Dobbin bằng tên thánh của anh ta, như George thường gọi bạn. Dobbin vội vàng đưa vợ bạn đi ngay. Chỗ vợ chồng George ở cũng gần đây thôi; hai người len lỏi qua đám đông đứng

chen chúc bên ngoài. Trông những người này còn có vẻ sôi nổi hào hứng hơn cả những người dự hội bên trong.

Đã hai ba lần, đi chơi khuya về thấy vợ còn thức đợi mình, George cáu kỉnh gắt vợ; vì vậy lần này Amelia về nhà là đi nằm ngay; nhưng cô không ngủ được vì trí óc còn đang bị bao nhiêu ý nghĩ giày vò; ngoài đường tiếng người phi ngựa và bao nhiêu tiếng ồn ào không ngớt mà cô cũng không nghe thấy gì.

Trong khi ấy, Osborne say sưa như điên dại, đi thẳng đến chiếu bạc, đặt một tiếng bạc thật lớn. Anh ta trúng liên tiếp mấy tiếng bạc liền, nghĩ thầm "Tối hôm nay, mình gặp đủ mọi thứ may mắn". Nhưng sự may mắn trong canh bạc cũng không làm dịu được sự sôi nổi trong lòng. Một lúc sau, anh ta móc túi lấy tiền được bạc đi đến quầy rượu giải khát nốc một lúc mấy cốc rượu vang. Anh ta đang ba hoa cười nói ầm ỹ với những người xung quanh như kẻ điên thì bị Dobbin tóm được, Dobbin đã đến chỗ đánh bạc, nhưng không thấy. Mặt George đỏ tía vui vẻ bao nhiêu thì mặt Dobbin tái nhợt và trang trọng bấy nhiêu.

- A ha, Dop! Lại đây làm vài cốc, anh bạn quý ơi! Rượu của ngài Quận công thì tuyệt! Này, ông cho vài cốc nữa đây. Anh ta run rẩy giơ cốc ra để lấy rượu. Dobbin vẻ mặt vẫn trang nghiêm đáp:

- George, về thôi. Đừng uống nữa.

- Uống đi, không gì thú vị hơn đâu. Cứ uống đi, rồi da mặt anh sẽ hồng lên cho mà xem. Này, cầm lấy.

Dobbin lại gần thì thầm điều gì với bạn. George giật nảy mình, gào lên một tiếng "Hoan hô" như phát dại, đặt phăng chiếc cốc lên mặt bàn rồi lập tức khoác tay bạn bước ra phố. William nói:

- Quân địch vượt sông Samber rồi. Đội tả quân của chúng ta đã giáp chiến. Ba tiếng đồng hồ nữa chúng ta xuất quân.

George bước ra ngoài, khắp người rần rật lên vì hào hứng, tin tức đợi chờ từ lâu nay đã đến một cách quá đột ngột. Lúc này mọi chuyện bướm ong rắc rối còn có nghĩa lý gì nữa? Trên con đường đi đến trại binh anh ta rảo bước, đầu óc quay cuồng trăm nghìn ý nghĩ… cuộc sống trong quá khứ, và may rủi trong tương lai… rồi cô vợ và có thể cả đứa con nữa, đứa con anh ta rất có thể vĩnh biệt mãi mãi mà chưa hề biết mặt… ôi, George hối hận quá về thái độ của mình đêm hôm nay; liệu anh có đủ thư thái trong tâm hồn khi từ biệt con người thùy mị vô tội đã hết lòng yêu anh ta mà bị rẻ rúng không?

Tưởng lại cuộc đời có vợ ngắn ngủi trong mấy tuần lễ vừa qua, anh ta thấy mình đã xài phá một cách đáng sợ

số vốn cỏn con. Thật là vô cùng dại dột và bừa bãi. Giả thử gặp chuyện gì không may, liệu còn để lại được những gì cho vợ? George cảm thấy mình không xứng đáng với tình yêu của Amelia. "Tại sao mình lại cưới Amelia làm vợ nhỉ? Mình có đủ tư cách lập gia đình đâu? Tại sao lại cưỡng lời ông cụ? Bao giờ ông cụ cũng vẫn rộng lượng đối với mình cơ mà?". Bao nhiêu tình cảm phức tạp bề bộn trong lòng: hy vọng, hối hận, cao vọng, yêu thương, và ích kỷ nữa.

George ngồi vào bàn viết một bức thư gửi cho cha, khi nhớ lại cái điều trước kia anh đã nói, khi anh ta nhận đấu súng tay đôi với người khác. Lúc gấp bức thư vĩnh biệt lại thì trời cũng vừa tảng sáng. Anh ta dán lại, và hôn bức thư một cái. Anh nghĩ rằng mình quá bội bạc mà bỏ người cha rộng lượng ấy để ra đi và nghĩ đến trăm ngàn điều tốt mà ông già nghiêm khắc đã làm cho anh.

Lúc về nhà, George ngó vào phòng Amelia thấy vợ nằm yên lặng, hai mắt như đang nhắm lại; thấy vợ ngủ, anh ta rất vui. Khi rời dạ hội về nhà, thấy người hầu đang sửa soạn hành lý George ra hiệu cho bác này yên lặng; việc sửa soạn làm rất nhanh và kín đáo. Anh tính toán không biết nên vào đánh thức vợ dậy hay là viết giấy gửi lại để Joe sẽ báo tin xuất quân cho Amelia biết? George bước vào phòng nhìn vợ một lần nữa. Lần trước, khi

George bước vào phòng Amelia chưa ngủ nhưng cứ nhắm mắt, không muốn chồng thấy mình thức lại cho là mình có ý trách móc gì. Nhưng thấy chồng trở về với mình sớm như vậy, người đàn bà nhút nhát này cảm thấy yên tâm hơn. Lúc George rón rén bước ra khỏi phòng, cô quay nhìn về phía chồng rồi nhẹ nhàng ngủ thiếp đi. George lại quay vào; lần này anh ta đi rón rén khẽ hơn. "Khuôn mặt dịu dàng tai tái hiện ra dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn đêm đôi vành mi đỏ vì khóc đã nhắm chặt; một cánh tay tròn trĩnh, mịn màng trắng làm sao? Thật hiền hậu thùy mị và lẻ loi làm sao! Vậy mà sao ta quá ích kỷ, tàn nhẫn, bội bạc?".

Anh ta đến bên giường nhìn vợ ngủ, lòng tràn đầy hối hận, lương tâm day dứt. "Một kẻ tồi tệ như mình sao dám nghĩ đến việc cầu nguyện cho con người trong sạch như Amelia? Cầu Chúa ban phúc lành cho nàng". George đến bên cạnh giường, nhìn vào bàn tay bé nhỏ mịn màng, bàn tay cũng như đang ngủ say. Và anh lặng lẽ cúi xuống bộ mặt hiền hậu tai tái ngả trên tấm gối.

Hai cánh tay xinh đẹp giơ lên vòng lấy cổ George:

- George, em còn thức đấy.

Người con gái đáng thương vừa nói vừa thổn thức, trái tim nhỏ bé đang kề sát ngực George như muốn vỡ ra. Thì ra cô vẫn thức; đáng thương quá, nhưng thức

làm gì? Vừa lúc ấy, từ chỗ tập trung quân, tiếng kèn đồng bắt đầu lanh lảnh vang lên bay lan ra khắp tỉnh. Và cả thành phố choàng thức dậy giữa những tiếng trống của đoàn quân nhạc bộ binh và tiếng kèn hơi kêu rin rít của đoàn quân xứ Scotchland.

CHƯƠNG XXX
THIẾP BÊN SONG CỬA, CHÀNG NGOÀI CHÂN MÂY

Chúng tôi không dám có ý muốn lạm dự vào hàng những nhà tiểu thuyết quân sự. Chúng tôi là những người dân thường; khi chiến sự xảy ra, chúng tôi sẵn sàng lùi về hậu tuyến và ngoan ngoãn chờ, còn hơn làm quẩn chân những người chiến sĩ dũng cảm cho nên chúng tôi chỉ dám theo trung đoàn thứ… tới cổng thành phố mà thôi; đến đây, để thiếu tá O'Dowd ra đi với nhiệm vụ của mình, chúng tôi quay lại với bà thiếu tá cùng mấy người đàn bà và đám hành lý của họ.

Ngài thiếu tá cùng phu nhân không được mời đến dự buổi dạ hội vừa miêu tả ở trên, thành ra trong khi những người ham thích hưởng thụ khoái lạc cũng ngang với việc làm nhiệm vụ đang đắm mình trong lạc thú thì họ nằm khểnh ở nhà làm một giấc ngủ thật yên trí. Ông thiếu tá điềm nhiên kéo chiếc mũ ngủ xuống trùm kín hai tai, bảo vợ:

- Peggy, mình yêu ơi, tôi chắc chỉ hai ba ngày nữa, sẽ có một buổi dạ hội linh đình xưa nay chưa từng có.

Đối với ông, bất cứ buổi dạ hội nào cũng không thú bằng nốc một cốc rượu rồi lên giường đi ngủ. Riêng bà

Peggy thì cũng muốn triển lãm chiếc khăn quấn đầu có chiếc lông chim thụy hồng tại buổi dạ hội kia một tý, nhưng câu nói của ông chồng làm cho bà ta đâm ra đăm chiêu tợn.

Ông thiếu tá lại bảo vợ::

- Độ nửa tiếng đồng hồ trước khi tập hợp, đánh thức tôi dậy nhé. Mình yêu ơi, đến một rưỡi đánh thức tôi dậy; xem mọi thứ sắp sẵn cả chưa. Có nhẽ tôi không về ăn sáng được đâu Câu nói ấy ngụ ý sáng hôm sau trung đoàn sẽ xuất phát; viên thiếu tá im tiếng rồi ngủ. Lúc này bà O'Dowd khoác tấm áo ngủ, trên mái tóc đầy những chiếc cặp búp bằng giấy. Vốn là một người nội trợ xứng đáng, bà nghĩ rằng lúc này không phải là lúc đi ngủ, mà phải làm việc.

Bà tự nhủ:

- Bao giờ Mick đi rồi, mình còn khối thì giờ ngủ, lo gì. Đoạn bà buộc lại chiếc va-ly của chồng cho chặt, chải lại bộ binh phục và chiếc mũ, xếp thứ tự sẵn sàng. Bà còn bỏ sẵn vào túi áo của chồng một gói thức ăn và một cái chai nhỏ đựng được đến già nửa lít rượu cô-nhắc rất ngon. Thứ rượu này cả hai vợ chồng cùng ưa lắm. Lúc kim đồng hồ báo thức chỉ một giờ rưỡi, đồng thời tiếng chuông ngân nga báo đúng giờ tai hại đã điểm (bà chủ nhà vẫn khoe rằng tiếng chuông đồng hồ nhà bà hay như

chuông nhà thờ), bà O'Dowd đánh thức chồng dậy; bà lại đã chuẩn bị sẵn sàng một tách cà-phê thật ngon như mọi tách cà phê buổi sáng ở Brussels. Ai dám bảo rằng những cử chỉ săn sóc tế nhị của người đàn bà này không đủ tỏ tình cảm nồng nhiệt bằng những dòng nước mắt và những trận khóc rũ rượi của những thiếu phụ đa cảm hơn?

Tách cà-phê hai vợ chồng uống chung nhau giữa tiếng kèn đồng báo lệnh xuất quân cùng tiếng trống nổi vang lên khắp thành phố, chẳng phải là có ích lợi và đúng chỗ hơn những lời nỉ non khóc lóc ư? Kết quả là viên thiếu tá xuất hiện trước ba quân, mặt mũi hồng hào, râu cạo nhẵn thín. Trông ông ta ngồi đường hoàng trên lưng con ngựa chiến vẻ tươi tỉnh, nhanh nhẹn, ba quân cũng thấy thêm phần tin tưởng và phấn khởi. Bà thiếu tá đứng trên bao lơn đón đoàn quân đi qua, vui vẻ vẫy tay chào; tất cả các sĩ quan đều chào lại. Tôi đảm bảo rằng sở dĩ bà không muốn đích thân mình dẫn đầu trung đoàn xuất trận, không phải vì bà thiếu can đảm, mà chính vì bà vẫn còn tính kín đáo của phụ nữ đấy thôi.

Những ngày chủ nhật và trong những ngày long trọng, bà O'Dowd thường vẫn trịnh trọng giở một cuốn sách giảng đạo của một ông chú chịu chức chánh xứ ra đọc; cuốn sách trên đã an ủi bà rất nhiều, khi bà cùng

chồng lênh đênh trên mặt biển từ Tây Ấn hồi hương; hồi ấy vợ chồng bà suýt chết vì tàu đắm. Sau khi trung đoàn lên đường rồi, bà lại trở về trầm tư mặc tưởng với cuốn sách; có thể bà không hiểu rõ lắm những dòng chữ mình đang đọc, tâm trí còn bận để đâu đâu, nhưng bà vẫn không sao chợp mắt được, mặc dầu đã cố ý đặt chiếc mũ ngủ của ông chồng trên gối ngay cạnh mình. Đời là như vậy đấy Jack hoặc Donald lưng đeo ba-lô mà ra đi đeo đuổi mộng công danh, chân vui bước, miệng ngân nga bài hát *"Vĩnh biệt người tình"*; riêng kẻ ở lại chịu cảnh phòng không bóng chiếc… đêm ngày đằng đẵng nhớ thương sầu muộn.

Rebecca hiểu rõ rằng nhớ thương là chuyện vô ích mà đa sầu đa cảm lắm thì chỉ tổ chuốc thêm sự đau khổ vào thân; cho nên cô ta khôn ngoan quyết định sẽ không buồn rầu vô ích làm gì; phải ly biệt cùng đức ông chồng cô chịu đựng với thái độ dũng cảm không kém gì phụ nữ thành Spartan thời cổ. So với người đàn bà bé nhỏ cương nghị này thì phút kẻ đi người ở, đại úy Rawdon bị xúc động mạnh mẽ hơn nhiều, Rebecca đã làm chủ được con người có bản tính thô bạo cục cằn này rồi: anh chàng đã yêu, đã thờ phụng cô vợ với hết cả tâm hồn mình. Suốt đời, chưa bao giờ anh ta được hưởng hạnh phúc đầy đủ bằng khoảng thời gian sống chung với vợ

mấy tháng vừa qua. So với lạc thú gia đình anh ta vừa được hưởng, thì bao nhiêu trò giải trí khác như thi ngựa, đàn đúm, săn bắn, cờ bạc, những mối tình với mấy cô bán đồ trang sức trước kia, cùng những thắng lợi dễ dàng của một anh chàng quân nhân vụng về, đều trở thành nhạt phèo như nước ốc. Bao giờ cô vợ cũng biết tìm cách vui lòng chồng. Anh chàng thấy cứ ngồi nhà cạnh vợ cũng đủ thú vị nghìn lần đi chơi với bất cứ ai, bất cứ ở đâu kể từ bé đến giờ. Cho nên anh ta rủa thầm những chuyện rồ dại của mình trong quá khứ, lại phàn nàn mãi rằng bao món nợ chồng chất ngập mặt chưa trả xong, nay sinh tác hại cản trở bước tiến của vợ trong giới thượng lưu.

Đêm đêm trò chuyện với nhau, anh ta vẫn ca cẩm nhiều về chuyện này với Rebecca, tuy rằng hồi chưa vợ, anh ta không hề bao giờ lấy đó làm bận tâm. Chính Rawdon cũng ngạc nhiên về hiện tượng này, anh ta thường nói:

- Mẹ cha nó? (cũng có khi anh ta văng ra một tiếng còn thô tục hơn, vì quen tính tự do trong ngôn ngữ) trước khi lấy vợ chẳng bao giờ mình thèm để ý là mình đang ký tên vào giấy tờ gì miễn là lão Moses còn bằng lòng đợi, hoặc lão Levy ưng thuận cho chịu thêm ba tháng nữa, thì mình cứ ký văng mạng. Ấy thế mà từ khi

lấy vợ, thề rằng chưa lần nào mình mó đến tờ giấy có đóng dấu đấy, họa chăng để yêu cầu hoãn nợ thì có.

Bao giờ Rebecca cũng biết khéo léo tìm cách xua đuổi nỗi sầu muộn của chồng; cô thường bảo:

- Ô hay, ông ngợm ơi, nào ta đã mất hết hy vọng về bà cô đâu? Nếu bà lão "chơi khăm" chúng mình thì sao anh không dùng đến tờ báo Tin tức? Mà thôi, để bao giờ ông Bute về chầu giời, em sẽ có kế khác. Theo luật thì anh em trai có quyền thừa kế cai quản nhà thờ chứ gì? Vậy thì anh cứ việc bán phăng chức đại úy về đi tu là xong.

Cứ nghĩ đến câu chuyện bàn với vợ. Rawdon lại phá ra cười rũ rượu. Nửa đêm còn nghe tiếng cười hô hố của anh sĩ quan cận vệ vang khắp cả khách sạn. Tướng Tufto nằm trong phòng ở mãi tầng trên cũng nghe rõ; hôm sau, trong khi ăn Rebecca kể lại câu chuyện đêm trước, lại bắt chước điệu bộ Rawdon, viên tướng lấy làm thú quá.

Nhưng đấy là chuyện quá khứ. Khi có tin tức đích xác chiến tranh đã nổ ra, sắp phải tiến quân thì bỗng nhiên Rawdon trở thành nghiêm trang khác hẳn trước. Lúc Rebecca giễu cợt, anh chàng phát cáu, giọng hơi run run, bảo vợ:

- Becky, mình không nghĩ rằng tôi nhát sợ chứ? Người tôi to lớn thế này, dễ trúng đạn lắm. Ví thử tôi chết thì hỏi có gì để lại cho mình, và có thể là cho hai mẹ con nữa, mà sinh sống? Này, bà Crawley ơi, không phải là chuyện đáng cười đâu. Rebecca tìm cách nói ngọt ngào vuốt ve để ông chồng bị chạm tự ái nguôi cơn giận. Thường thường khi để cho mình bị lôi cuốn theo cái khuynh hướng ưa hài hước nghịch ngợm, Rebecca hay giở giọng châm biến ra (như hầu hết mọi trường hợp khác), nhưng rồi cô cũng lấy lại được vẻ mặt trang nghiêm ngay:

- Mình yêu ơi, mình tưởng em không biết đau lòng sao? Cô ta vội vàng quệt cái gì ở khoé mắt rồi mỉm cười nhìn vào mặt chồng. Chồng đáp. Đây này, nếu tôi chết, xem tôi để lại cho mình được những gì? Cho đến bây giờ tôi vẫn gặp nhiều may mắn trong khi đánh bạc; đây là hai trăm ba mươi đồng. Tôi hãy còn mười đồng Napoléon trong túi, thế là thừa tiêu rồi. Trung tướng trả lương mọi người hậu hĩnh như một ông hoàng. Nếu tôi chết cũng không phải lo tốn phí về tôi. Đừng khóc, mình; biết đâu tôi lại chẳng cứ sống để làm cho mình khó chịu? Phải đấy, hai con ngựa của tôi, tôi sẽ để cả ở nhà, tôi cưỡi con ngựa thồ màu xám của trung tướng: giá nó rẻ hơn; tôi sẽ báo cáo rằng ngựa của tôi bị què; giả thử tôi chết,

mình bán hai con ngựa cũng được món tiền. Hôm qua, lúc chưa biết tin phải đi trận, thằng Grigg đã trả con ngựa non chín mươi đồng, thế mà ngu quá, tôi lại cứ khăng khăng rằng dưới một trăm nhất định không bán. Thế nào con Bullfinch cũng đã được giá ấy; nhưng mình nên bán ngay tại đây, bởi vì tôi còn nợ tụi lái ở Anh nhiều lắm không nên đem nó về nước. Cái con ngựa cái non trung tướng cho mình, bán cũng được một món tiền đấy. May quá, ở đây ta lại không nợ nần ai như ở Luân-đôn.

Rawdon cười tiếp:

- Bộ đồ trang điểm của tôi đáng giá hai trăm đồng… nghĩa là tôi nợ người bán hai trăm đồng. Mấy cái lọ có nút bằng vàng giá ba hay bốn chục đồng. Góp tất cả những thứ ấy lại, cả cặp áo, nhẫn, đồng hồ, dây chuyền và mọi đồ trang sức khác: chỗ ấy vô khối tiền. Ngày trước, bà Crawley mua chiếc đồng hồ và cái dây đeo mất những một trăm đồng. Đừng quên mấy cái lọ có nút bằng vàng nhé. Dại quá, biết thế mình lấy thêm một ít xong. Edwards đã xui mình cứ lấy cái gót giầy bằng bạc mạ vàng; đáng lẽ mình có một bộ đồ trang điểm đầy đủ, cả cái bồn nước bằng bạc và đủ chai lọ không thiếu thứ gì. Nhưng thôi, có sao hay thế, phải không Becky?

Đó tức là tờ di chúc của đại úy Crawley vậy. Mới

cách đây mấy tháng, anh ta chỉ biết quý trọng cái thân thể của chính mình, bây giờ tình yêu đã thay đổi hẳn tính anh ta.

Crawley làm một bản thống kê những món đồ dùng vặt vãnh, cố tìm xem liệu nhỡ mình gặp tai nạn thì vợ sẽ bán được bao nhiêu. Anh ta lấy bút chì nguệch ngoạc kê ra giấy những thứ có thể bán được lấy tiền cho người vợ góa, nét chữ to và vụng về như chữ trẻ con… đại khái thế này: chiếc súng hai nòng, 40 đồng ghi-nê; chiếc áo choàng đi săn viền lông thú, 50 đồng bảng Anh; đôi súng lục có cả bao bằng gỗ hồng (đã dùng súng này bắn chết đại úy Marker) 20 đồng bảng Anh, bộ yên ngựa và áo yên, bộ yên ngựa đã dùng đi chơi v.v… Rebecca được quyền thừa kế tất cả.

Thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã đặt ra, viên đại úy chỉ bận bộ quân phục cũ nhất, tồi tàn nhất, dành những bộ quần áo mới lại cho vợ, rất có thể sẽ là cô vợ góa. Và anh chàng công tử bột nổi tiếng ở Windsor và công viên Hyde mặc một bộ đồ tầm thường như một viên đội để ra trận, đôi môi còn mấp máy như muốn lẩm nhẩm cầu kinh cho cô vợ trẻ ở nhà. Anh ta bế bổng vợ lên, ghì chặt lấy vợ một phút, ấp sát vào trái tim đang đập thình thình của mình.

Khi buông vợ xuống đất để ra đi, mặt anh chàng đỏ

bừng, hai mắt lờ đờ. Anh ta cưỡi ngựa bước song song bên cạnh viên trung tướng lặng lẽ rít thuốc lá. Hai người thúc ngựa mau để theo kịp lữ đoàn của viên tướng đã đi trước. Mãi tới khi đã đi được vài dặm đường, anh ta mới thôi không xoắn ria mép và mới mở mồm nói chuyện.

Cô Rebecca khôn ngoan, như ta đã rõ, quyết định không vì sự ly biệt với chồng mà để cho sự sầu não vô ích giày vò mình. Cô ngó qua cửa sổ vẫy tay từ biệt chồng; chồng đi rồi, cô còn đứng đó một lúc lâu nhìn ra ngoài. Lúc này những mái nhà thờ cao vút, và những đầu hồi của những ngôi nhà cổ kính dưới ánh nắng sớm rọi tới vừa đỏ ửng lên. Đêm qua, Becky không được nghỉ ngơi tý nào, trên mình vẫn còn mặc bộ quần áo dự dạ hội rất đẹp, mớ tóc vàng rủ xuống cổ, những búp tóc soăn soăn đã hơi duỗi ra, mấy món tóc xõa xung quanh đôi mắt quầng thâm vì đêm trước mất ngủ. Becky ngắm nghía mình trong gương nói: "Trông mình mà phát khiếp! Cái áo hồng này làm cho nước da mình đâm ra tái thêm".

Và cô ta cởi tấm áo hồng ra đồng thời có một mảnh giấy từ trong tấm áo lót rơi xuống đất. Rebecca mủm mỉm cười nhặt lên, bỏ vào trong chiếc hộp đựng đồ trang điểm khóa lại. Đoạn cô ta cắm bó hoa được tặng trong buổi dạ hội vào một cốc nước rồi lên giường nằm

ngủ một giấc thật thoải mái.

Đến mười giờ thức dậy, Rebecca thấy cả thành phố hoàn toàn yên tĩnh. Cô ta uống một tách cà phê rất ngon miệng, thấy mình đã lại sức sau những xúc động lúc sớm. Ăn xong, Rebecca bắt đầu soát lại bản thống kê của anh chồng thực thà và tự xét lại hoàn cảnh của mình. Nếu có sự gì không may thì, nói cho cùng, cô ta cũng ung dung chán. Ngoài những vật chồng để lại, Becky còn có đồ trang sức và áo sống riêng cơ mà. Khi mới cưới vợ, chúng ta đã biết, Rawdon ăn tiêu rất hào phóng. Viên trung tướng, một tên nô lệ dốc lòng thờ phụng Rebecca, đã tặng cô ta nhiều vật rất đẹp, thí dụ, không kể con ngựa cái non, còn có mấy chiếc khăn san bằng lụa Casomia, mua trong một cuộc bán đấu giá tài sản của vợ một viên tướng người Pháp bị phá sản, và nhiều thứ đồ trang sức khác sắm tại một hiệu kim hoàn, thứ nào cũng chứng tỏ người mua là một tay sành sỏi và lắm của. Còn mấy cái "máy tích tắc" (anh chàng Rawdon vẫn gọi là đồng hồ bằng cái tên này) thì cứ kêu tích tắc trong buồng nghe cũng vui tai. Một buổi tối, cô phàn nàn rằng chiếc đồng hồ của mình hay hỏng; chiếc đồng hồ này do thợ người Anh chế tạo, và là tặng vật của Rawdon. Lập tức sáng hôm sau cô ta nhận được ngay hai chiếc khác: một chiếc rất xinh, khắc hiệu

Leroy, hộp vỏ và dây đeo có khảm ngọc Thổ-nhĩ-kỳ, một chiếc hiệu Brequet, có nạm ngọc bích, chỉ nhỉnh hơn đồng nửa cơ-rao một tý. Một chiếc là của Tướng Tufto mua tặng còn chiếc kia là của đại úy Osborne, còn người hào hoa phong nhã. Amelia không có đồng hồ, nhưng nói của đáng tội, nếu cô hỏi thì George cũng mua cho rồi. Còn Tufto phu nhân ở nước Anh thì chỉ có mỗi một chiếc đồng hồ cổ lỗ sĩ của bà cụ thân sinh để lại, có thể dùng thay thế cho chiếc chậu rửa mặt bằng bạc mà Rawdon đã nói ở đoạn đầu. Nếu các ông Howell và James công bố danh sách những người mua đồ trang sức trong hiệu của họ, hẳn có lắm gia đình phải ngạc nhiên. Và nếu những vật trang sức ấy chỉ về tay những bà vợ chính thức và các cô con gái mà thôi, thì khối gia đình sang trọng trong *Hội chợ phù hoa* đã có vô số vật quý vô giá. Tính toán về những vật quý giá ấy xong xuôi, Rebecca không phải không thấy thú vị khi nhận ra rằng nhỡ có chuyện rủi ro thì mình vẫn có thể bắt đầu lại cuộc đời với ít nhất là sáu hoặc bẩy trăm đồng vốn liếng. Thế là suốt buổi sáng, cô ta chỉ loay hoay thu dọn, xếp đặt, ngắm nghía, và bỏ các thứ vào hòm khóa lại cẩn thận coi bộ rất hí hửng.

Giữa đám giấy mà trong ví của Rawdon lại có cả một tấm ngân phiếu của Osborne trị giá hai mươi đồng. Nhìn

tấm giấy Rebecca nghĩ đến vợ Osborne. Cô tự nhủ: "Mình phải đi lĩnh ngay món tiền này mới được. Rồi sẽ qua thăm chị Emmy đáng thương ấy một tí.

Tuy nói rằng truyện này không có nhân vật chính, thực ra ít nhất cũng phải có một nhân vật chính là một người đàn bà.

Trong quân đội Anh vừa ra trận, mà không một người lính nào, kể cả bản thân ngài quận công vĩ đại kia nữa, có được thái độ điềm tĩnh, can đảm trước những khó khăn của tương lai vô định bằng người đàn bà phi thường này tức là cô vợ bé bỏng của viên sĩ quan tùy tòng.

Trong đám người quen thuộc của chúng ta, còn có một người nữa cũng bị bỏ lại hậu phương, một người "dân thường"; chúng ta có quyền hiểu biết đôi chút về cảm xúc và cử chỉ của người này: ấy là ông bạn cựu ủy viên thu nhập quận Boggley Wollah của chúng ta vậy. Cũng như nhiều người khác, tiếng kèn đồng mới sớm tinh sương đã giục giã làm anh chàng thức dậy.Vốn tính hay ngủ nhiều, lại rất có cảm tình với cái giường, cho nên nếu không bị ai phá rối, thì anh ta đã mặc xác mọi thứ tiếng kèn đồng, trống trận và kèn hơi của quân đội Anh quốc tha hồ thi nhau nổi lên, mà cứ tiếp tục ngáy khò khò một giấc như lệ thường. Người phản đối không phải là George Osborne, vì tuy ở chung nhà với Joe,

nhưng anh chàng này còn bận tíu lên về việc riêng, hoặc có lẽ bận sầu não vì nỗi biệt ly với vợ, nên không kịp nghĩ đến chuyện sang từ giã ông anh rể đang ngon giấc. Vậy thì không phải là George mà là Đại úy Dobbin; anh ta dựng bạn dậy, nhất định đòi bắt tay bạn một cái trước khi lên đường.

- Cảm ơn anh lắm lắm.

Joe vừa ngáp vừa rủa thầm viên đại úy. Dobbin lắp bắp nói:

- Tôi… tôi không muốn lên đường mà không lại từ biệt anh một chút bởi vì, anh cũng rõ, trong số chúng tôi có thể có người không trở về; và tôi muốn được thấy các bạn khỏe mạnh vui vẻ và… và… như thế ấy mà, anh hiểu chứ.

Joe dụi mắt đáp:

- Anh định bảo gì cơ?

Viên đại úy không nghe bạn nói, cũng chẳng để ý đến anh chàng béo ị đội mũ ngủ, người được anh ta làm ra vẻ rất quý mến. Anh chàng đạo đức giả này còn bận ngóng về phía cửa buồng của George mà lắng tai nghe. Anh ta cứ rảo bước đi lại trong phòng, va cả vào ghế, bàn tay đánh nhịp trống, đưa móng tay lên miệng nhấm… nghĩa là tỏ ra hết sức muốn trấn tĩnh sự rối ren

trong lòng.

Mọi ngày, Joe gần như vẫn coi thường viên đại úy, lúc này bắt đầu ngờ rằng anh mất can đảm. Joe mỉa mai nói:

- Tôi có thể giúp anh việc gì nhỉ, Dobbin?

Viên đại úy lại bên giường đáp:

- Tôi nhờ anh hộ một việc mà anh có thể làm được; Anh Sedley ạ, mười lăm phút nữa, chúng tôi ra trận, có thể cả George và tôi cũng không trở về được nữa. Anh nhớ kỹ nhớ, khi nào chưa biết đích xác tin tức ra sao thời chớ rời khỏi thành phố này vội. Anh phải ở lại đây chăm nom em gái anh, an ủi cô ấy, đừng để có chuyện gì xảy ra. Nếu George có mệnh hệ nào, nhớ rằng trên đời này, cô ấy chỉ còn trông cậy được vào anh mà thôi. Nếu quân ta thất bại, anh phải lo đưa cô ấy về Anh cho an toàn. Anh phải lấy danh dự mà hứa với tôi rằng sẽ không bao giờ bỏ mặc cô ấy nhé. Tôi biết anh không phải là người như thế. Còn về chuyện tiền nong tốn kém thì xưa nay anh vẫn rộng rãi. Anh có cần thêm tiền không? Nghĩa là tôi muốn nói rằng nếu có chuyện gì không may xảy ra thì anh có đủ tiền trở về Anh không?

Joe kiêu hãnh đáp:

- Thưa ngài, khi nào tôi cần tiền, khắc tôi biết, nên hỏi ở chỗ nào. Còn về em gái tôi thì không cần ngài dạy tôi

phải ăn ở sao cho phải lẽ.

Dobbin vui vẻ nói:

- Anh Joe ạ, anh nói thế mới thật là người cao thượng.

-George ra đi, vợ ở nhà được người tốt bụng như anh săn sóc, tôi cũng yên tâm. Vậy tôi có thể bảo với George rằng anh đã lấy danh dự mà hứa sẽ luôn luôn ở bên cạnh Amelia trong những lúc khó khăn chứ?

- Dĩ nhiên… dĩ nhiên rồi.

Joe đáp; Dobbin cũng hiểu rằng về chuyện tiền nong, bạn vốn là người rộng rãi.

- Và anh sẽ trông nom đưa Amelia rời khỏi Brussels nếu quân ta thất bại?

Anh chàng ngồi trên giường la lên:

- Thất bại! Ma quỷ ơi? Làm gì có chuyện ấy. Thôi đừng giả vờ dọa tôi đi.

Thấy Joe tỏ vẻ quyết định săn sóc em gái cẩn thận, bấy giờ tâm trí Dobbin mới thấy hoàn toàn thư thái. Viên đại úy nghĩ thầm: "Ít nhất thì nếu có chuyện bất hạnh xảy ra, Amelia vẫn còn có chỗ dựa".

Nếu như đại úy Dobbin hy vọng được nhìn thấy mặt Amelia một lần nữa để thỏa mãn ước muốn cá nhân mình, và để lấy thêm nghị lực trước khi trung đoàn ra

trận, thì thói ích kỷ xấu xa ấy thật đáng trừng phạt. Phòng ngủ của Joe có cửa mở thông ra một căn phòng khách chung của gia đình, mé bên kia lại có cửa thông sang phòng của Amelia, Tiếng kèn đồng đã đánh thức mọi người trong nhà dậy: bây giờ thì chả cần phải giấu giếm gì nữa, bác người hầu của George đang lúi húi buộc hành lý trong phòng ngủ, thỉnh thoảng lại ném ra cho người hầu những thứ cần phải mang theo khi hành quân. Và lúc này Dobbin được thỏa mãn ước vọng sâu kín anh vẫn ấp ủ trong lòng: anh ta lại được nhìn mặt Amelia một lần nữa. Nhưng bộ mặt mới tiều tụy làm sao! Bộ mặt trắng bệch, đờ đẫn đầy vẻ thất vọng. Mãi sau này, vẻ mặt Amelia lúc ấy còn ám ảnh Dobbin mãi như một tội ác, và cứ mỗi lần nhớ đến, anh lại thấy đau nhói trong tim vì mong mỏi và xót thương.

Amelia khoác một tấm áo choàng trắng toát, tóc xõa xuống vai, đôi mắt mở to trừng trừng mà như không có ánh sáng. Muốn giúp đỡ một tay vào việc sửa soạn cho chồng ra đi, và để tỏ rằng mình cũng có ích đôi chút trong phút long trọng này, người đàn bà đáng thương ấy cứ cầm lấy cái thắt lưng của George trong ngăn kéo và lẽo đẽo theo sau chồng đi đi lại lại trong phòng lặng lẽ nhìn chồng sửa soạn hành lý. Cô bước ra khỏi phòng dựa lưng vào tường; ấp chiếc thắt lưng vào ngực, mảnh

vải đỏ thắm rủ xuống tận đất như một dòng máu trào ra. Trước cảnh tượng ấy, viên đại úy đa cảm của chúng ta thấy thắt ruột lại hối hận. Anh ta nghĩ thầm: "Trời đất ơi, ta có quyền gì len lỏi vào một sự đau khổ đến như thế kia?". Chẳng có cách nào an ủi con người lặng lẽ sầu não ấy cho được. Anh ta bất lực đứng nhìn Amelia một lúc lâu, cõi lòng vò xé tơi bời vì xót thương như một người cha chứng kiến sự đau đớn của đứa con đẻ rứt ruột.

Cuối cùng, George cầm tay Emmy dắt trở vào trong phòng ngủ, rồi bước ra một mình. Thế là xong cuộc ly biệt.

Anh ta lên đường.

- Lạy Chúa, thế là xong.

George vừa nghĩ thầm, vừa nhảy xuống thang gác, thanh kiếm cắp dưới nách, anh ta nhanh nhẹn chạy tới chỗ tập trung quân, má đỏ hồng lên, mạch máu trong người chạy rần rật. Ở đây, lính và sĩ quan cũng đang vội vã theo lệnh tập hợp hàng ngũ. Canh bạc lớn là cuộc chiến tranh sắp bắt đầu rồi, và anh ta cũng có tham gia một chân.

Bao nhiêu là hoài nghi, hy vọng và khoái cảm. Liệu được hay thua? Biết bao nhiêu sự bất ngờ đầy say sưa?

So với lần này bao nhiêu canh bạc khác anh ta đã dự thật không nghĩa lý gì. Từ bé đến giờ chàng trẻ tuổi này đã quen lao vào bất cứ một trò chơi nào cần đến sức khỏe và sự khéo léo của một lực sĩ với tất cả sức lực của mình. Được các bạn hoan hô cổ vũ, anh ta đã chiếm những giải vô địch trong trường và trong trung đoàn anh ta đã giật giải hàng trăm lần, từ những trò chơi criquer hồi bé, đến những cuộc đua ngựa do nhà binh tổ chức, và đi đến bất cứ đâu, anh ta cũng được đàn bà cũng như một kẻ dễ dàng được quần chúng hoan nghênh, vì có sức khỏe, có can đảm ấy, sẽ dùng được gì trong chiến trận? Từ cổ chí kim, sức khỏe và lòng dũng cảm vẫn là đề tài quen thuộc của văn chương; và kể từ câu chuyện thành Troy đến nay, thi ca vẫn ưa chọn nhân vật trung tâm là một chiến sĩ. Tôi băn khoăn tự hỏi có lẽ vì người đời đều hèn nhát cả, nên thiên hạ mới xưng tụng sự can đảm đến như vậy, và mới đề cao sự dũng cảm trong trận mạc trên mọi đức tính khác để mà đền đáp và thờ phụng chăng.

Thế là, nghe tiếng gọi sa trường rộn rã, George cũng rứt được ra khỏi đôi cánh tay trìu mến của người vợ suýt nữa làm anh ta nhụt chí khí. Trong thâm tâm, anh ta cũng hơi cảm thấy hổ thẹn vì mình đã bịn rịn hơi lâu, tuy cũng không đến nỗi quyến luyến vợ nhiều quá.

Những người bạn khác của George cũng cùng một tâm trạng say sưa hào hứng như vậy, từ viên thiếu tá to béo dẫn đầu đoàn quân ra trận đến Stubble, viên sĩ quan cầm cờ bé nhỏ ngày hôm ấy lĩnh nhiệm vụ mang quân kỳ của trung đoàn.

Cuộc hành quân bắt đầu giữa lúc mặt trời vừa mọc…

Cảnh tượng thật hào hùng… đội nhạc binh dẫn đầu, nổi khúc nhạc tiến quân của đơn vị… rồi đến viên thiếu tá chỉ huy trưởng, cưỡi trên lưng con ngựa Pyramus cao lớn… theo sau là đội cận vệ, có viên đại úy dẫn đầu. Đi giữa đoàn quân là hai viên sĩ quan cầm cờ, một già một trẻ giương cao hai lá cờ quân kỳ… rồi đến George đi trước đại đội của mình. Anh ta ngước nhìn lên mỉm cười với Amelia rồi đi thẳng. Tiếng kèn của đội nhạc binh cũng dần dần tắt chương.

CHƯƠNG XXXI
JOE SEDLEY TRÔNG NOM CÔ EM GÁI

Tất cả các sĩ quan cao cấp đều phải lo nhiệm vụ ở nơi khác nên trao quyền quản lý cái thuộc địa nhỏ bé ở Brussels lại cho Joe Sedley. Dưới quyền anh ta có Amelia đang ốm, có Isidor thằng hầu người Bỉ, và một chị hầu gái có nhiệm vụ làm đủ mọi việc trong nhà: đó là đội lính của Joe. Tuy đầu óc đang rối như bòng bong, lại bị Dobbin và những sự kiện xảy ra buổi sớm phá mất giấc ngủ, nhưng Joe vẫn nằm dài trên giường thêm mấy tiếng đồng hồ, trằn trọc trở mình mãi cho tới giờ thường lệ mới dậy. Mặt trời đã lên cao, những người bạn dũng cảm của chúng ta đã rời khỏi Brussels được đến mươi dặm, anh chàng "dân thường" này mới dạy ăn sáng, trên mình còn khoác tấm áo ngủ có in hoa.

Ông anh vợ cũng không bận tâm gì lắm về việc George ra đi. Có lẽ trong thâm tâm, Joe lại lấy thế làm thích; vì suốt thời gian viên đại úy còn ở nhà, anh ta chỉ được đóng một vai trò rất phụ trong gia đình. Osborne không nể nang gì, vẫn tỏ ra coi khinh anh chàng dân thường béo ị này.

Nhưng Emmy đối với anh trai vẫn tốt, vẫn săn sóc

chu đáo; cô lo lắng mọi điều tiện nghi cho anh, lo dọn cho anh những món ăn theo sở thích, cùng đi bộ hoặc cưỡi ngựa dạo mát với anh (Amelia có rất nhiều dịp, quá nhiều nữa, để đi chơi với anh, vì George cứ biền biệt tận đâu đâu ấy); thấy anh trai giận dữ trước thái độ miệt thị của George, cô hết sức tươi cười cho anh vui lòng. Trước kia đã nhiều lần Amelia đã rụt rè ngỏ ý trách chồng để bênh vực ông anh, nhưng George gạt phắt ngay đi, nói:

- Tôi là một người chân thực nghĩ sao nói vậy, cũng như mọi người chân thực khác. Sao mình lại cứ muốn tôi phải lễ độ với một kẻ ngốc nghếch như ông anh trai của mình kia chứ?

Cho nên bây giờ George đi vắng thì Joe khoái lắm. Cứ nhìn cái mũ và đôi bao tay của em rể đặt trên mặt tủ bát và cứ nghĩ rằng chủ chúng không có nhà, cũng đủ cho Joe cảm thấy một niềm vui kín đáo dào dạt trong thâm tâm.

Anh ta nghĩ thầm: "Sáng hôm nay, mình không còn bị khó chịu vì cái điệu bộ công tử bột và cái thái độ hỗn xược của hắn nữa rồi". Anh ta sai thằng hầu Isidor:

- Mang cái mũ của ông đại úy vào trong phòng khách kia cho tao. Có nhẽ ông ấy không cần đến cái đó nữa đâu.

Thằng hầu láu lỉnh nhìn chủ. Nó cũng không ưa gì George, vì vẫn bị anh ta đối xử với một thái độ hách dịch đặc biệt Anh-cát-lợi.

- Rồi vào thưa bà ra dùng bữa sáng, nghe.

Sedley ra lệnh có vẻ oai vệ lắm; anh ta ngượng, không muốn nói chuyện với thằng hầu về sự xích mích giữa George và mình. Thực ra đã có đến bao nhiêu lần George cự ông anh vợ ngay trước mặt người ở.

Nhưng than ôi! Bà đại úy không thể nào ra dùng bữa sáng, để cắt khoanh bánh mỳ phết bơ mà ông Joe rất thích. Chị hầu gái ra thưa rằng bà rất khó ở; từ lúc ông đại úy đi, trông bà tiều tụy lắm. Joe rót cho em gái một tách lớn nước trà bảo bưng vào, đó là cách anh ta tỏ sự thông cảm. Hơn thế nữa, anh ta còn sai mang bữa ăn sáng vào phòng em gái, và còn cố nghĩ xem đến bữa chiều nên sai làm món ăn gì Amelia ưa nhất.

Trước khi George lên đường, trong khi bác người hầu của Osborne sửa soạn hành lý, Isidor đứng nhìn, mặt cứ nặng ra. Bởi lẽ, trước hết, hắn ghét George như đào đất đổ đi; anh ta đối đãi với hắn cũng như với mọi người bề dưới một cách quá quắt (giới đầy tớ trong đất liền không quen bị đối xử hách dịch, khác với bọn tôi tớ nước ta, vốn quen chịu đựng); hai là hắn thấy rõ, nếu có chuyện hỗn độn xảy ra thì bao nhiêu đồ vật quý giá sẽ lọt khỏi

tay hắn mà chạy vào túi người khác sạch; cho nên hắn tức. Về chuyện thất bại của quân đồng minh, thì hắn cũng như mọi người ở Brussels và ở khắp nước Bỉ, không ngờ vực mảy may.

Thiên hạ, ai cũng đinh ninh rằng Hoàng đế sẽ cắt rời đội quân Phổ ra khỏi đội quân Anh, rồi lần lượt tiêu diệt cả hai, và không đến ba ngày sau sẽ chiếm được Brussels; khi ấy mấy ông chủ sẽ hoặc tử trận, hoặc chạy trốn, hoặc bị cầm tù, còn bao nhiêu của cải, tất nhiên phải chui vào túi ngài Isidor một cách hợp pháp.

Vừa giúp đỡ trong công việc trang điểm buổi sáng rất phức tạp và vất vả như thường ngày, thằng hầu trung thành này vừa tính toán sẵn xem sẽ nên dùng chính những đồ vật nó đang trang sức lên mình chủ như thế nào. Hắn sẽ tặng cho người con gái hắn đang yêu những bình nước hoa bằng bạc và đồ trang điểm, hắn sẽ giữ lại bộ dao kéo và chiếc cặp có nạm hồng ngọc để dùng riêng. Mặc áo sơ- mi lụa mà gài thêm cái này thì phải biết là bảnh. Lại còn chiếc mũ có lăn vàng, tấm áo khoác có viền – chữa lại cho vừa khổ người hắn cũng dễ thôi – chiếc can đầu bịt vàng, có chiếc nhẫn to tướng có đính hồng ngọc thì có thể mang đánh lại thành một đôi hoa tai rất đẹp; hắn tính rằng với bộ đồ ấy, hắn sẽ thành một chàng Adonis rõ lịch sự trai, chim cô Reine dễ như ăn

kẹo. Vừa nhìn chằm chằm vào đôi cổ tay trùng trục của Sedley, hắn vừa nghĩ: bộ khuy tay áo mình ưa quá, lâu nay vẫn thèm. Còn đôi ủng của lão đại úy có cựa gót bằng đồng cất ở phòng bên, chu cha! Diện vào mà đi chơi ở Đại Lộ Xanh[131] thì tuyệt? Thế là trong khi chính bàn tay ngài Isidor còn đang bẹo mũi ông chủ để cạo nốt phần dưới bộ mặt, thì hắn đã tưởng tượng mình mặc cái áo có viền và lon vàng cùng cô Reine sóng đôi đi dạo mát ở Đại Lộ Xanh rồi; ngả mình trên ghế dựa, hắn sẽ ngắm những chiếc thuyền nhẹ nhàng trườn mình dưới bóng râm của hàng cây ven con sông đào, hoặc ngồi trong một quán rượu trên đường đi Leaken, hắn sẽ nhấm nháp một cốc rượu Faro cho đỡ khát. Song cũng may cho Joeseph Sedley, anh ta không biết những ý nghĩ gì đang diễn ra trong đầu thằng hầu của mình, cũng như bạn đọc không hề bao giờ biết thằng John hoặc con Mary[132] được bạn trả lương, nhưng nghĩ về bạn thế nào. Bọn đầy tớ nghĩ gì về chúng ta?… Giả sử ta biết rõ đám thân bằng cố hữu nghĩ về ta thế nào, có nhẽ chúng ta đến sẵn sàng vui vẻ từ giã cõi đời này mất; vì nếu không thì lúc nào tâm trí ta cũng hốt hoảng, hỏi còn chịu đựng làm sao? Thêm thằng hầu của Joe sắp sửa hạ giá nạn nhân của hắn rồi, chẳng khác gì ta thấy bày một người giúp việc của ông Paynter ở phố Leadenhall đặt lên

mình một con ba-ba vô tư lự tấm biển đề: "Ngày mai có xúp ba-ba".

Chị hầu phòng của Amelia thì không đến nỗi quá tệ như thế. Rất ít đầy tớ được gần gũi con người dịu dàng, dễ tính là bà Osborne, nếu chưa chứng tỏ được rằng mình là người hiền hành trung thực. Nói của đáng tội, chị bếp Pauline đã an ủi bà chủ nhiều hơn bất cứ người nào Amelia gặp trong buổi sáng tai hại này. Bởi vì, lúc chị ta thấy Amelia cứ ngồi lặng lẽ hàng giờ không động đậy bên cạnh khung cửa sổ mà lúc nãy những hàng lưỡi lê cuối cùng của đoàn quân đã diễu qua, thì chị hầu gái thực thà cầm lấy tay bà chủ nói:

- *Kìa, thưa bà, người yêu của cháu chẳng cũng phải ra trận đó sao?*[133]

Rồi chị ta nức nở khóc; Amelia ngã vào hai cánh tay của chị hầu, cũng khóc; chủ và tớ xót xa, an ủi lẫn nhau.

Suốt buổi sáng hôm ấy, nhiều lần, thằng Isidor chạy vào trong tỉnh, la cà đến cổng những khách sạn và những quán trọ xung quanh công viên, chỗ người Anh tập trung trú ngụ, để nghe ngóng tin tức. Hắn trà trộn vào đám quân hầu đầy tớ và những thông tin viên, lượm lặt được vô khối tin sốt dẻo về báo cáo lại với chủ. Hầu hết những người dân này trong thâm tâm đều có cảm

tình với Hoàng đế, họ đều chắc mẩm chiến tranh sẽ chóng vánh kết thúc.

Bản bố cáo của Hoàng đế từ Avesnes được phân phát rộng rãi tại Brussels, nội dung như sau:

"*Hỡi binh sĩ!*

Hôm nay là ngày kỷ niệm trận Marengo và Friedland, hai trận đánh lớn đã hai lần quyết định vận mệnh của châu Âu. Thế mà sau trận Austerlitz cũng như sau trận Wagram, chúng ta đã tỏ ra quá rộng lượng. Chúng ta đã quá tin vào lời thề, lời hứa của những ông hoàng còn được chúng ta cho phép ngồi lại ngai vàng. Một lần nữa, chúng ta hãy tiến quân trên gặp họ. Chúng ta không là người như họ sao? Hỡi binh lính! Cũng bọn lính Phổ ngạo mạn ngày hôm nay, ở Jena, ba người đánh một, và ở Montmirail, sáu đánh một chống lại chúng ta. Ai từng bị bắt làm tù binh bên nước Anh hãy kể lại mình đã bị đối xử tàn tệ thế nào trên những tàu chiến của chúng. Quân rồ dại! Một phút thịnh vượng ngắn ngủi đã làm cho chúng mù quáng, nếu chúng tiến sang nước Pháp, thì đây sẽ là mồ chôn chúng!"

Nhưng người Bỉ đứng về phe quân Pháp lại còn đoán trước kẻ thù của Hoàng đế sẽ bị thất bại nhanh chóng hơn thế nữa. Ai nấy đều đồng tình rằng quân Phổ và quân Anh chỉ có thể trở về giữa đám hậu quân của

Hoàng đế với tư cách là tù binh.

Những tin tức trên được báo cáo lại với Sedley ngay hôm đó. Anh ta được tin thêm hôm trước đội quân của quận công Wellington đã bị đè bẹp rồi; hiện giờ quận công đang cố gắng tập hợp tàn binh lại.

- Bị đè bẹp, xì? Quận công sẽ đánh bại Napoléon như đã đánh bại bất cứ tướng lĩnh địch quân nào trước kia.

Lúc ăn sáng Joe vẫn còn có vẻ can đảm lắm.

Thằng hầu thông tín viên đáp:

- Tài liệu của quận công bị đốt sạch, hành lý bị mất rồi; còn tổng hành dinh thì đã sửa sang lại để quận công Dalmatia dùng. Tin này con nghe chính mồm lão quản gia của quận công nói lại. Gia nhân ngài quận công Richemont cũng đang thu xếp đồ đạc; ngài quận công đã trơn biệt, còn quận chúa thì chờ gói ghém những đồ vật bằng bạc xong, cũng lên đường tìm đến Ostend với vua nước Pháp[134].

Joe giả vờ không tin, đáp:

- Vua nước Pháp ở Ghent cơ, anh bạn ơi – Đêm qua, ông ta đã đến Bruges rồi, hôm nay sẽ rời khỏi Ostend. Quận công de Berri bị bắt làm tù binh. Ai muốn yên thân nên sớm trốn đi ngay; ngày mai chúng sẽ mở cửa đập

nước, cả xứ này bị ngập thì có mọc cánh cũng không thoát.

Sedley vẫn cãi:

- Vô lý lắm. Ta có ba người chống một. Lực lượng như thế, Bonaparte làm gì được. Áo, và Nga cũng đang tiến quân. Hắn sẽ bị tiêu diệt; hắn phải bị tiêu diệt.

Joe vừa nói vừa đập mạnh tay xuống bàn.

- Ở Jena, quân Phổ dùng ba người đánh một, thế mà hắn bắt sống cả quân đội, cướp cả nước trong có một tuần lễ ở Montmirail ta cũng sáu người đánh một, mà chạy tan tác như đàn cừu. Quân Áo đang tiến về thật, nhưng lại có hoàng hậu và vua La-mã cầm đầu! Còn quân Nga? Chu cha! Quân Nga thì rồi cũng đến chạy như vịt. Chúng sẽ không để cho người Anh đầu hàng; cứ xem cách chúng đối xử với binh lính của ta trên những chiếc tàu chở tù binh khủng khiếp ấy thì đủ biết. Ngài hãy đọc mà xem, có phải rõ như ban ngày không? Đây là tờ bố cáo của hoàng đế và vua nước Pháp.

Thằng Isidor ra mặt đứng về phe Napoléon hắn rút tờ bố cáo trong túi ra, lạnh lùng giơ vào giữa mặt ông chủ, mắt đã lăm le ngó vào bộ áo khoác có viền và các thứ đồ vật quý giá mà hắn coi như đã nằm gọn trong tay rồi.

Nếu chưa đến nỗi hoảng sợ thực sự, thì ít nhất Joe

cũng thấy không yên tâm chút nào.

- Đưa áo và mũ đây, rồi theo tao đi. Tao phải đích thân đi xem xét thực hư ra sao mới được.

Thấy Joe mặc chiếc áo khoác có viền, thằng Isidor tức lắm. Hắn nói:

- Có lẽ ngài không nên mặc áo nhà binh. Bọn Pháp đã thề không cho một tên lính người Anh nào sống sót.

- Im mồm đi?

Joe vẫn hoàn toàn cương quyết, xỏ tay vào ống tay áo; đang còn bận công việc anh hùng ấy, thì thấy bà Rawdon Crawley bước vào. Rebecca định đến thăm Amelia; cửa mở sẵn, cô ta không giật chuông.

Rebecca vẫn trang điểm thật lộng lẫy lịch sự như mọi khi. Sau lúc chồng ra đi, cô ta đánh một giấc ngon lành, đã lại sức. Giữa một thành phố và trong một ngày mà thiên hạ ai ai cũng có vẻ đăm chiêu, rầu rĩ, đôi má hồng hồng chúm chím của cô ta trông thật ngon mắt; thấy điệu bộ anh chàng to béo loay hoay, cuống quít mặc mãi không xong chiếc áo khoác có viền, Rebecca không nhịn được cười:

- Anh sửa soạn đi theo đoàn quân đấy à, anh Joseph? Thế không có ai ở lại Brussels bảo vệ đám đàn bà con gái đáng thương chúng em ư?

Cuối cùng Joe cũng mặc xong áo; anh ta đỏ mặt tía tai tiến ra, ấp úng chào người khách xinh đẹp:

- Sau những chuyện xảy ra sớm nay, cô có được vui vẻ không? Buổi dạ hội đêm qua hẳn em mỏi mệt?

Ngài Isidor biến ngay vào trong căn phòng của chủ kề bên, mang theo cả tấm áo ngủ có in hoa.

Rebecca giơ cả hai bàn tay nắm chặt lấy tay Joe, nói:

- Cảm ơn anh có lòng hỏi thăm. Thiên hạ ai cũng khiếp đảm, chỉ có anh là điềm nhiên như không, chị Emmy thân yêu của em ra sao? Phút chia tay chắc đau đớn nắm đấy nhỉ?

Joe đáp:

- Đau xót vô cùng.

Rebecca tiếp:

- Đàn ông các ngài cái gì cũng chịu đựng được. Chia ly, nguy hiểm, chả coi mùi gì. Anh thú thực đi, sắp ra trận, định bỏ mặc chúng em ở nhà phải không nào? Em biết, đúng thế, linh tính báo với em như vậy. Cứ nghĩ thế mà em sợ quá cơ, chả là thỉnh thoảng ngồi buồn một mình, em vẫn nhớ đến anh đấy, anh Joseph ạ? Cho nên em phải chạy ngay đến đây; em van anh đừng bỏ chúng em mà đi nhé.

Câu nói ấy có thể hiểu thế này: "Ông ơi, nếu quân ta thất bại, ta phải đi chỗ khác, thì ông có sẵn xe ngựa đấy, nhớ dành cho tôi một ghế."

Chẳng rõ Joe có hiểu như vậy không. Nhưng anh ta vẫn hết sức bực mình vì suốt thời gian ở Brussels, không hề được Rebecca chú ý đến bao giờ. Chưa lần nào anh ta được giới thiệu với đám bạn bè sang trọng của Rawdon Crawley, cũng ít khi được mời đến dự những buổi tiếp khách tối của Rebecca. Bởi vì tính Joe rụt rè, không dám chơi những tiếng bạc to; vả lại George và Rawdon cũng không muốn anh ta có mặt; cả hai cùng không thích có người chứng kiến những trò giải trí riêng của họ. Joe nghĩ bụng: "À thì ra bây giờ cần mình, cô ta mới mò đến. Mãi đến lúc tứ cố vô thân, cô ta mới nhớ đến lão Joseph này!". Nhưng bên cạnh những ý nghi ngờ, anh ta vẫn khoái vì được Rebecca khen mình can đảm.

Mặt mũi đỏ bừng, anh ta lấy ngay điệu bộ quan trọng nói:

- Tôi cũng muốn xem trận mạc ra sao một tý. Chắc cô hiểu, người có đôi chút can đảm ai cũng thế. Trước tôi cũng có xem đánh nhau chút ít ở Ấn Độ, nhưng chưa dự trận nào lớn như lần này.

Rebecca đáp:

- Đàn ông các ngài quen hy sinh mọi thứ cho thú vui chốc lát. Sớm nay, đại úy Crawley từ biệt em mà vui vẻ y như sắp đi săn vậy. Anh ấy cần gì đâu? Các anh, có ai thèm để ý đến một người đàn bà đáng thương trơ trọi đau khổ như thế nào? Em cũng chẳng biết anh chàng to lớn lười biếng tham ăn của em có ra trận thật hay không nữa! Ôi, anh Sedley thân mến ơi, em đến với anh để xin được an ủi đây. Em cầu kinh suốt buổi sáng nay. Nghĩ đến những người chồng của chúng ta, bè bạn chúng ta, binh lính và đồng minh của chúng ta, đang lao vào bao hiểm nguy ghê gớm mà em rùng mình. Vì thế em đến đây để xin che chở… thì lại thấy người bạn của em.. người bạn cuối cùng còn lại định lao mình mất vào trong cảnh tượng khủng khiếp.

Joe bắt đầu cảm thấy hoàn toàn dễ chịu, đáp:

- Thưa cô bạn thân yêu, xin cô đừng sợ. Tôi mới có ý định ra trận mà thôi… là người Anh, ai mà không thế? Nhưng còn nhiệm vụ giữ tôi ở lại; tôi không thể bỏ mặc người em gái đau khổ hiện nằm trong phòng bên được.

Anh ta chỉ về phía cửa phòng Amelia. Rebecca cầm khăn tay chấm chấm vào mắt, mùi nước hoa cô-lô-nhơ bay ra thơm sực:

- Thực là một người anh cao quý. Em đã hiểu lầm anh. Quả thực anh có một trái tim. Trước kia em cứ

tưởng anh không có.

Joe làm một cử chỉ như muốn đặt bàn tay vào chỗ Rebecca vừa nói:

- Ô, đúng lắm cô! Cô hiểu tôi quá, quả thật như vậy… cô Rebecca thân mến ạ!

- Bây giờ em hiểu rõ anh thương yêu em gái thế nào rồi. Nhưng nhớ lại chuyện cũ hai năm qua… hồi ấy, đối với em, anh thật vô tình.

Rebecca vừa nói vừa chăm chú ngó anh chàng một lúc lâu, đoạn quay nhìn ra cửa sổ, Joe đỏ tía cả mặt. Trong người anh ta, cái bộ phận vừa bị Rebecca lên án là bị thiếu, bắt đầu đập thình thịch, thình thịch. Anh ta nhớ cái ngày bỏ Rebecca mà đi, nhớ lại sự say mê một hồi đã đốt cháy tâm can mình… nhớ lại cái buổi hai người cùng giong xe ngựa đi chơi; hồi ấy cô ta đan chiếc túi lụa xanh tặng anh, còn Joe thì cứ ngồi ngây người ra mà ngắm đôi cánh tay trắng muốt và cặp mắt long lanh của người đẹp.

Rebecca rời khung cửa sổ, lại nhìn anh chàng một lần nữa, và giọng nói hơi run run, thủ thỉ bảo anh chàng thế này:

- Chắc anh cho em là kẻ vô ơn, phải không? Lần gặp lại nhau vừa qua, thấy anh lạnh lùng, cứ tránh không

nhìn em, em cũng hiểu. Đó chẳng phải là những cớ khiến em phải lánh mặt anh sao? Anh hãy hỏi lòng mình thì đủ rõ. Anh có biết rằng vì nhà em yêu em quá, nên không muốn tiếp anh không? Xưa nay, nhà em chỉ nói nặng với em có một lần, phải công nhận như vậy, thì lần ấy chính là về chuyện anh đấy… mà câu nói mới thật là tàn tệ… tàn tệ quá.

Joe vừa sung sướng, vừa bối rối, hỏi lại:

- Trời đất ơi. Tôi có điều gì không phải nhỉ? Tôi phạm lỗi gì với… với… ?

Rebecca đáp:

- Vì ghen chứ còn vì sao nữa? Nhà em cứ dằn vặt em mãi vì chuyện anh đấy. Song, dù rằng xưa kia hai ta đối với nhau thế nào… bây giờ em cũng chỉ một lòng một dạ yêu chồng. Em hoàn toàn vô tội. Có đúng thế không, anh Sedley?

Nhìn người đàn bà chết mê chết mệt vì mình, mạch máu trong người Joe chạy rần rật vì sung sướng. Chỉ cần vài câu nói khéo léo, một cái liếc tình thế là anh ta quên sạch mọi điều nghi ngờ. Kể từ thuở hoàng đế Solomon đến nay, biết bao người đàn ông khôn ngoan hơn anh ta nhiều chẳng phải đã bị đàn bà mơn trớn mà lừa dối đó sao? Becky nghĩ thầm: "Nếu có chuyện bất

hạnh xảy ra, mình yên trí sẽ có chỗ ngồi trong xe ngựa để đi nơi khác rồi".

Có lẽ những tình cảm say sưa nồng nhiệt kia có thể đã khiến Joe bày tỏ mối tình nồng nàn của mình với Rebecca, ai mà biết được, nếu đúng lúc ấy, thằng hầu Isidor không ló mặt ra bắt đầu lăng xăng thu dọn, Joe vừa định thốt lời tỏ tình thì nghẹn lại vì xúc động, đành thôi. Rebecca cũng thấy lúc này nên vào hỏi thăm cô bạn quý Amelia đi là vừa. Cô ta vừa nói: "*Xin tạm biệt*"[135] vừa giơ tay hôn gởi một cái cho Joseph, rồi se sẽ gõ cửa phòng Amelia. Rebecca vào trong, cửa khép lại rồi, anh chàng ngồi phịch xuống ghế mây ngơ ngẩn nhìn và thở dài sườn sượt.

- Chiếc áo này ngài mặc chật quá.

Isidor nói vậy, mắt vẫn dán vào tấm áo có khuy hoa.

Nhưng chủ hắn không nghe thấy gì; anh ta còn bận nghĩ đến chuyện khác. Hình ảnh cô Rebecca đầy quyến rũ kia đã làm cho anh chàng như ngây như dại, nhưng cứ nghĩ đến Rawdon Crawley có tính cả ghen với bộ ria cong vểnh như ria cá trê, lại đèo thêm cả một đôi súng lục đáng sợ nạp đạn sẵn sàng, thì Joe lại rụt cổ lại.

Thấy Rebecca bước vào, Amelia sợ hãi lùi lại. Nhìn bạn, Amelia nhớ lại cuộc đời, nhớ lại câu chuyện hôm

trước.

Sáng nay, bị bao nỗi sợ hãi choán lấy tâm trí, thành ra cô cũng không có thì giờ nghĩ tới chuyện ghen tuông với Rebecca; cô không nhớ tới chuyện gì hết, chỉ lo cho chồng ra trận sẽ gặp bao sự hiểm nghèo. Cho mãi tới lúc con người trâng tráo này bước vào cắt đứt dòng suy nghĩ của cô chúng ta cũng mới dám cùng bước vào căn phòng âm thầm này. Không rõ người đàn bà đáng thương ấy đã quỳ bao lâu trên mặt đất, đã âm thầm cầu nguyện, đã ủ rũ cay đắng trong lòng suốt bao nhiêu tiếng đồng hồ rồi! Các nhà văn chuyên viết những thiên truyện huy hoàng miêu tả chiến tranh và sự chiến thắng mấy khi hé mở cho ta biết những sự thực này. Trong một cuộc thắng trận những chuyện ấy tầm thường quá. Giữa tiếng hò hét ồn ào vui vẻ của bản nhạc hợp tấu của chiến thắng, tiếng than khóc của những người vợ góa và tiếng nức nở của những người mẹ hiền chìm đi, không nghe thấy nữa.

Mới đầu cử chỉ của Amelia lộ vẻ hoảng hốt… nhưng khi thấy đôi mắt xanh biếc của Rebecca chiếu thẳng về phía mình, khi cô này tiến lại, sột soạt trong bộ áo lụa mới tinh cùng những đồ trang sức lóng lánh, giơ hai tay như muốn ôm hôn… thì đột nhiên Amelia thấy giận dữ làm sao; sắc mặt cô lúc trước tái nhợt bỗng đỏ rực lên;

Amelia trân trân nhìn lại kẻ tình địch một lúc lâu, làm cho chính Rebecca cũng phải ngạc nhiên và hơi bối rối.

Rebecca giơ tay định nắm tay bạn, nói:

- Chị làm sao thế, khó ở lắm phải không? Chưa biết bệnh trạng của chị ra sao, em cũng không thể nào yên tâm được.

Amelia rụt tay lại… Từ bé, chưa hề bao giờ con người thùy mị dịu dàng ấy từ chối không nhận một cử chỉ thân mật âu yếm của người khác. Nhưng lần này cô rụt tay lại, khắp người run lên bần bật.

- Rebecca, cô đến đây làm gì?

Amelia hỏi, đôi mắt to vẫn nghiêm trang nhìn trừng trừng vào mặt Rebecca, làm cho cô này cũng phải bối rối.

Rebecca nghĩ thầm: "Chắc nó nhìn thấy chồng đưa mảnh giấy cho mình trong buổi dạ hội rồi"; mắt vẫn nhìn xuống đất, cô ta đáp:

- Chị Amelia thân mến ơi, đừng lo ngại. Em đến xem có thể… xem chị có mạnh khỏe không thôi mà.

Amelia:

- Cô có mạnh khỏe không? Cô thì phải khỏe mạnh lắm, vì cô có yêu chồng cô đâu. Nếu yêu chồng, cô đã

chẳng đến đây làm gì. Rebecca, cô nói đi, có phải xưa nay bao giờ tôi cũng đối tốt với cô không?

Cô kia vẫn cúi mặt xuống, đáp:

- Đúng thế, chị Amelia ạ.

- Hồi cô còn nghèo khổ, ai là người đánh bạn với cô? Tôi có đối đãi với cô như chị em ruột không? Cô cũng biết, trước khi lấy anh ấy, chúng tôi sung sướng thế nào. Hồi đó tôi là tất cả của anh ấy, nếu không, sao anh ấy lại hy sinh tất cả tiền tài, bỏ cả gia đình như anh ấy đã hành động một cách cao thượng để đem hạnh phúc lại cho tôi? Sao cô lại phá hoại tình yêu của tôi? Ai xui cô đến đây chia uyên rẽ thúy, mà cướp tình yêu của chồng tôi đi? Cô tưởng cô yêu được anh ấy như tôi à? Tình yêu của anh ấy đối với tôi là tất cả cuộc đời. Cô biết thế nhưng lại muốn ăn cướp của tôi. Nhục lắm, Rebecca ạ; cô là một người đàn bà hèn hạ, tồi tệ, một người bạn dối trá, một người vợ phản bội.

Rebecca quay lại nhìn bạn nói:

- Chị Amelia ơi, em xin thề trước Chúa trời, em không hề có lỗi gì với nhà em.

- Rebecca, có thật cô chưa làm tệ làm hại gì tôi không?Cô đã làm rồi, nhưng không ăn thua gì đấy thôi. Hãy cứ tự vấn lương tâm xem.

Rebecca nghĩ thầm: "Thì ra nó chưa biết gì".

- Anh ấy sẽ trở về với tôi, tôi biết. Tôi biết rằng không có sự lừa dối, bợ đỡ nào có thể giữ anh ấy xa tôi lâu. Tôi cầu nguyện mong anh ấy sẽ trở lại.

Người đàn bà đáng thương nói những lời trên một cách trôi chảy, hăng hái khác thường, Rebecca chưa thấy thế bao giờ; cô ta cứ đứng im thin thít. Amelia lại tiếp, giọng đau khổ:

- Nhưng nào tôi đã làm gì cô mà cô định tâm cướp anh ấy đi? Tôi mới chung sống cùng anh ấy được có sáu tuần lễ. Rebecca, cô tha cho tôi điều ấy mới phải. Thế mà ngay những ngày đầu tiên trong tuần trăng mật của chúng tôi, cô đã đến quyến rũ anh ấy rồi. Bây giờ anh ấy đã đi mất, cô đến đây xem tôi đau đớn ra sao phải không? Suốt nửa tháng vừa qua, cô làm tôi đau khổ quá đủ rồi; hôm nay, cô nên tha cho tôi mới phải.

Rebecca vụng về đáp:

- Em… em có đến đây bao giờ đâu?

- Không, cô không đến đây; cô cướp anh ấy mang đi. Cô định đến cướp anh ấy phải không? – Amelia nói tiếp, càng nói càng giận dữ – Trước kia, anh ấy vẫn ở đây, bây giờ đi rồi. Đây, anh ấy vẫn ngồi trên chiếc ghế xô-fa này. Đừng mó vào đấy. Chúng tôi ngồi đây trò chuyện

với nhau, tôi ngồi trên lòng anh ấy; hai cánh tay tôi ôm lấy cổ anh ấy; chúng tôi cùng nói: "Thượng đế của chúng ta". Phải trước kia, anh ấy vẫn ngồi đây; thế mà họ đến mang anh ấy đi mất rồi; nhưng anh ấy đã hứa thế nào cũng trở về.

Rebecca cũng phải động tâm, nói:

- Chị thân mến ơi, thế nào anh ấy cũng trở về.

Amelia lại nói:

- Cô nhìn xem, đây là chiếc thắt lưng của anh ấy… xem màu có đẹp không nào?

Và cô nâng dải lụa lên môi hôn. Nhiều lúc cô đã lấy dải lụa ấy quấn quanh người. Hình như Amelia đã quên cả giận dữ, ghen tuông, quên cả sự có mặt của kẻ tình địch. Cô lặng lẽ đi về phía giường, như hơi mỉm cười, bắt đầu vuốt ve chiếc gối của George.

Rebecca cũng lặng lẽ bước ra ngoài, Joe vẫn ngồi nguyên trên ghế như lúc nãy, hỏi:

- Amelia thế nào?

Rebecca đáp:

- Chị ấy cần có người săn sóc bên cạnh; xem có vẻ yếu lắm. Rồi cô ta bỏ về, vẻ mặt trầm ngâm. Sedley khẩn khoản nài ở lại chơi dùng bữa trưa, nhưng cô ta từ

chối.

Thực tâm Rebecca cũng là người tốt, hay giúp người; cô vẫn quý Amelia hơn mọi người khác. Đối với cô ta, những lời trách móc tàn nhẫn của bạn cũng là những lời tán tụng… đó tức là tiếng rên rỉ của kẻ bại trận. Ra đến công viên, Rebecca gặp ngay bà O'Dowd; những bài giảng đạo của ông chú chánh xứ chắc không an ủi được bà thì phải, nên bà mới đi chơi cho khuây khỏa nỗi lòng. Thấy Rebecca lại gần bắt chuyện, bà này hơi ngạc nhiên, vì xưa nay không mấy khi được bà Rawdon Crawley ban cho cái hân hạnh ấy, Rebecca báo tin cho bà ta rõ rằng Amelia đang mệt nặng, gần như mất trí vì đau khổ, và giục người đàn bà Ai len tốt bụng này lại thăm nếu bà ta có thể an ủi được cô bạn thân yêu của mình. Bà O'Dowd trịnh trọng đáp:

- Bản thân tôi cũng nhiều điều phiền não lắm rồi. Có lẽ hôm nay bà Osborne cũng chưa cần có bạn bên cạnh đâu. Nhưng nếu quả thật bà ấy yếu quá như lời bà vừa nói, xưa nay hai người vẫn chơi thân mà bà cũng không an ủi được, thì tôi cũng đến một tý, xem có giúp được việc gì chăng. Thôi, chào bà nhé.

Nói đoạn người đàn bà đeo đồng hồ báo thức khẽ gật chào Rebecca, bà ta không muốn cùng đi chơi với cô này.

Rebecca nhìn bà O'Dowd bước đi, miệng hơi mỉm cười.

Tính cô ta vẫn ưa hài hước. Thấy bà O'Dowd lúc bỏ đi còn ngoái cổ lại nhìn mình, vẻ đăm chiêu trên nét mặt cô ta khi nãy biến hẳn. Bà Peggy nghĩ thầm: "Bà nỡm ơi, xin kính bà; bà vui vẻ thế, tôi cũng lạ cho bà. Chắc bà chẳng đến nỗi khóc sưng mắt lên đâu. Đoạn bà nhanh nhẹn đi về phía nhà trọ của Amelia.

Người đàn bà đáng thương vẫn đứng cạnh giường suốt từ lúc Rebecca bỏ đi, khổ sở như muốn phát điên. Bà thiếu tá vốn là người cứng cỏi, hết sức tìm cách an ủi người bạn trẻ tuổi của mình. Bà ta ngọt ngào nói: "Amelia thân yêu ơi, phải biết chịu đựng chứ. Không nên để ông ấy khi thắng trận trở về thấy bà ốm yếu. Ngày hôm nay, nào phải có một mình bà ở trong cảnh éo le như thế đâu?"

- Em biết lắm. Nhưng em tồi quá, em yếu đuối quá.

Amelia đáp. Cô hiểu rõ sự yếu đuối của chính mình.

Sự có mặt của người đàn bà cứng cỏi hơn khiến cô tự chủ được thêm; có bà O'Dowd bên cạnh, cô cũng cảm thấy dễ chịu. Hai người nói chuyện với nhau mãi đến hai giờ chiều. Cả hai cùng để tâm hồn bay theo đoàn quân cứ tiến mãi, mỗi lúc một thêm xa. Bao nỗi lo âu khắc

khoải ghê gớm… bao lời cầu nguyện… bao sự sợ hãi, sầu khổ không tả xiết… cũng gửi theo đoàn quân. Ấy là sự đóng góp của phụ nữ vào cuộc chiến tranh. Chiến tranh đòi đàn ông góp máu, và đàn bà thì phải góp nước mắt.

Đến hai giờ rưỡi, một sự kiện rất quan trọng xảy ra cho Joseph: giờ ăn trưa đã điểm. Các chiến sĩ có thể cứ chiến đấu, cứ tử trận, nhưng Joe phải ăn cái đã. Anh ta vào phòng Amelia định dỗ em gái ra cùng ăn với mình:

- Ăn một tý xem, xúp ngon lắm, Emmy ạ.

Và anh ta hôn tay em gái. Đã hàng bao năm nay, trừ buổi hôn lễ của Amelia, anh ta chưa hề hôn tay em bao giờ. Amelia đáp:

- Anh Joseph, anh tốt quá, anh thương em quá. Ai cũng quý em, nhưng hôm nay, em không muốn ra khỏi phòng, anh ạ.

Riêng cặp lỗ mũi của bà O'Dowd lại có cảm tình với mùi thơm ngào ngạt của món xúp; bà thấy có thể nán lại chơi với Joe được. Thế là bà ngồi vào bàn ăn. Bà thiếu tá trịnh trọng nói:

- Cầu Chúa ban phước lành cho bữa ăn của chúng ta.

Bà đang nghĩ tới ông Mick thực thà của bà đang cưỡi ngựa dẫn đầu đoàn quân ra chiến trường. Bà thở dài,

tiếp: "Những người anh em đáng thương của chúng ta hôm nay chắc ăn uống chẳng ra sao nhỉ?" Y như một triết gia, bà bắt đầu bữa ăn.

Càng ăn, Joe càng thấy tinh thần phấn khởi. Anh ta muốn uống để chúc mừng trung đoàn; hoặc giả anh ta muốn kiếm cớ uống thêm một cốc sâm-banh nữa. Joe ngả đầu rất lịch sự trước bà khách, nói: "Chúng ta uống mừng ngài O'Dowd cùng các bạn chiến sĩ anh hùng trong trung đoàn thứ… phải không, thưa bà O'Dowd? Isidor, rót đầy cốc của bà đi".

Nhưng đột nhiên, Isidor giật bắn mình; bà thiếu tá cũng vội đặt dao dĩa xuống bàn. Cửa sổ phòng mở rộng, trông về phía Nam. Từ phía này, những tiếng ầm ầm xa xa vang qua những mái nhà rực rỡ ánh nắng vọng về, Joe hỏi:

- Cái gì đấy? Con khỉ, sao không rót rượu?

Isidor chạy ra bao lơn đáp:

- Súng đấy!

- Lạy Chúa tôi! Súng đại bác đấy!

Bà O'Dowd đứng phắt dậy kêu lên và chạy ra cửa sổ. Từ trong những căn nhà khác, hàng nghìn người mặt tái đi lo lắng ló cổ ra ngoài. Lúc này hình như dân chúng khắp thành phố đổ xô hết ra đường.

CHƯƠNG XXXII
JOE ĐI TRỐN VÀ CHIẾN TRANH KẾT THÚC

Dân thành phố Luân-đôn thanh bình chúng ta chưa hề bao giờ được chứng kiến một cảnh tượng hỗn độn, hốt hoảng như ở Brussels lúc này (cầu Chúa tránh cho chúng ta điều đó). Nhiều đám đông chen lấn nhau tiến vê phía cổng thành Namur vì có tiếng súng từ phía ấy vọng lại; nhiều người cưỡi ngựa phi lên trước để đón những thông tin viên của quân đội. Người nọ nhao nhao hỏi tin tức người kia; những nhà quý tộc tai mặt người Anh cùng các mệnh phụ cũng hạ cố hỏi chuyện cả những người tầm thường không quen biết bao giờ. Bọn người có cảm tình với quân Pháp thì chạy ngược chạy xuôi, sướng điên người lên, luôn mồm tiên đoán sự thắng lợi của Hoàng đế. Các thương gia đóng chặt cửa hàng lại, cũng xông ra đường đóng góp phần mình vào sự ồn ào túi bụi chung. Đàn bà xô đẩy nhau chạy vào nhà thờ, quỳ xuống cầu kinh ngay cả trên những bậc đá ngoài cửa. Tiếng súng đại bác vẫn ầm ầm vang dội. Lúc này, những chiếc xe ngựa của du khách bắt đầu rời khỏi thành phố, lao qua cổng Ghent. Điều dự đoán của bọn thân Pháp bắt đầu được coi là thành sự thật.

Kẻ nói: "Hoàng đế đã cắt những đạo quân đồng minh ra làm hai rồi". Người bảo: "Hoàng đế đang tiến thẳng về Brussels; Hoàng đế đã đánh bại quân Anh. Đêm nay Người sẽ ở đây?"

Ixiđo thét lên với chủ: "Hoàng đế sẽ đánh bại quân Anh. Đêm nay Người sẽ vào thành phố. Hắn cứ nhảy cỡn lên từ trong nhà ra đường, chốc chốc lại đem một tin thất bại mới toanh chạy về. Mặt Joe mỗi lúc một thêm tái nhợt. Anh chàng "dân thường" to béo này bắt đầu hoàn toàn mất tinh thần, uống bao nhiêu là sâm-banh cũng không lại hồn. Chưa hết ngày hôm ấy, anh chàng đã lo đến cuống cả người lên; Isidor khoan khoái ngắm chủ, chắc mẩm trong bụng phen này ăn ngon chiếc áo khoác có viền và mọi đồ vật khác.

Hai người phụ nữ vẫn chưa nói gì với nhau. Nghe ngóng tiếng súng nổ một lúc lâu, bà thiếu tá béo phị mới nhớ đến người bạn gái của mình trong gian phòng bên. Bà chạy vào để săn sóc và nếu cần thì an ủi Amelia đôi chút. Người đàn bà Ai len này vốn đã cứng cỏi bây giờ lại càng can đảm hơn, vì bà nghĩ rằng mình đang có nhiệm vụ che chở cho một người yếu đuối thất vọng khác. Bà ta ở liền năm tiếng đồng hồ cạnh người bạn gái, lúc thì lên tiếng trách móc, lúc thì ngọt ngào vui vẻ; nhưng thường thường bà ngồi yên lặng, thì thầm cầu

nguyện Chúa trời. Sau này, bà kể lại rằng: "Suốt ngày hôm ấy, cho mãi đến đêm khi tiếng súng ngừng hẳn, tôi không hề rời bàn tay bà ấy ra lúc nào". Chị hầu gái Pauline thì còn bận quỳ trong nhà thờ ngay gần đó để cầu nguyện cho anh nhân tình của chị ta[136].

Tiếng đại bác đã ngừng hẳn. bà O'Dowd từ trong phòng của Amelia bước ra phòng khách, thấy Joe ngồi trước hai chiếc vỏ chai không, bao nhiêu can đảm lúc trước cạn sạch. Có một hai bận anh ta đã đánh bạo lấn vào tận cạnh giường cô em gái, vẻ mặt rất lo lắng, như có điều gì muốn nói với em. Thấy bà thiếu tá vẫn ngồi yên chỗ cũ, anh ta đành đi ra, không bộc bạch được can tràng. Joe ngượng không muốn cho bà này biết mình muốn đi trốn.

Nhưng khi bà O'Dowd bước ra phòng ăn, lúc anh chàng ngồi trong căn phòng tranh tối tranh sáng làm bạn với mấy cái vỏ chai rượu sâm banh, thì anh ta bắt đầu thổ lộ tâm sự:

- Bà O'Dowd ạ, có lẽ bà nên sửa soạn cho Amelia đi thôi.

Bà thiếu tá đáp:

- Ông định bảo đưa bà ấy đi chơi à? Bà ấy còn yếu lắm, đi sao được.

Anh chàng nói:

- Tôi… tôi đã ra lệnh sửa soạn xe… và… thuê ngựa; thằng Isidor đi lo liệu việc này rồi.

Bà khách đáp:

- Tối tăm thế này, ông định giong xe đi chơi đâu? Để bà ấy nằm nghỉ tốt hơn. Tôi vừa mới dỗ được bà ấy ngả lưng một chút đấy.

Joe đáp:

- Đánh thức cô ấy dậy; thế nào cũng phải dậy – anh ta giậm mạnh chân xuống đất – tôi đã bảo thuê ngựa sẵn sàng cả rồi mà… phải, đâu vào đấy cả. Hỏng hết mọi sự rồi… bây giờ…

Bà O'Dowd hỏi:

- Bây giờ làm sao?

- Tôi đi Ghent đây. Thiên hạ ai cũng đi cả. Tôi dành cho bà một chỗ ngồi trong xe! Nửa giờ nữa ta lên đường.

Bà thiếu tá nhìn vào mặt anh chàng, vẻ khinh bỉ lộ ra nét mặt. Bà nói:

- Chưa có lệnh của ông O'Dowd nhà tôi, tôi chưa rời khỏi nơi này. Ông Sedley, ông có thể đi đâu tùy thích nhưng nhất định tôi và Amelia ở lại đây.

- Cô ấy phải đi. Joe lại giậm chân đáp.

Bà O'Dowd khuỳnh tay đứng án ngữ ngay trước cửa phòng ngủ. Bà bảo:

- Ông định đưa bà ấy về với cụ bà nhà ta phỏng? Hay là chính ông cũng muốn về núp bóng bà cụ đấy, ông Sedley? Vậy thì chào ông, chúc ông lên đường bình an vô sự. Chúc ông một hành trình tốt đẹp. Tôi khuyên ông điều này, nên cạo, quách bộ râu đi thôi, kẻo chúng nó làm lôi thôi đấy.

- Bỏ mẹ thật.

Joe kêu lên, vừa sợ, vừa giận lại vừa bực mình.

Vừa lúc ấy, thằng Isidor lù lù bước vào, mồm cũng đang chửi vung tàn tán: "Hết sạch cả ngựa rồi"[137].

Ngày hôm ấy, ở Brussels không phải chỉ có Joe là biết sợ đến cuống người lên. Gần sáng thì Joe sợ hãi đến gần như biến thành loạn trí ở trên, ta đã rõ chị Pauline cũng có một anh nhân tình, anh phải ra trận đương đầu với quân đội của hoàng đế Napoléon. Anh này là người Brussels và làm khinh kỵ binh trong đội quân Bỉ. Trong cuộc chiến tranh này, lính Bỉ nổi tiếng không phải vì can đảm, mà vì chuyện khác; cho nên anh chàng Van Cutsum, người yêu của Pauline, cũng chẳng dũng cảm gì nên đã ngoan ngoãn tuân theo lệnh rút lui của viên đại

tá Bỉ. Trong thời kỳ đó trong đội quân đồn trú ở Brussels, có anh chàng trai trẻ Regulus (anh ta vốn sinh trưởng trong thời kỳ cách mạng) hầu như có lúc nào rỗi là lại la cà trong bếp của Pauline; mấy bữa trước, khi chia tay với cô nhân ngãi khóc sướt mướt để ra trận, túi áo và túi súng của anh ta đầy phồng toàn những của ngon vật lạ lấy trong chạn để thức ăn.

Riêng đối với trung đoàn của anh chàng này thì chiến tranh có thể coi là đã kết thúc rồi. Trung đoàn của anh ta là một bộ phận của sư đoàn đặt dưới quyền chỉ huy của vị hoàng đế tương lai là thái tử Orange. Cứ nom lưỡi kiếm và bộ ria mép dài lê thê, cùng những đồ trang phục và trang bị lộng lẫy, thì thấy Regulus và các bạn đồng ngũ cũng có vẻ can trường lắm, chẳng kém gì những đội quân dũng cảm khác đã từng lập những chiến công hiển hách.

Thống chế Ney tiến quân như vũ bão, chặn bước tiến của quân đồng minh, chiếm hết cứ điểm nọ đến điểm kia; mãi tới khi đại quân Anh từ Brussels tham gia chiến đấu tỏ ra hoạt động tích cực nhất trong việc rút lui chạy dài trước quân Pháp, hối hả bỏ lại hết vị trí này đến vị trí khác. Chỉ có đội quân Anh đi tập hậu mới chặn nổi bước rút lui của họ. Nhân thế, kỵ binh của địch quân (mà người ta phải khâm phục sự dũng cảm đến khủng khiếp)

mới có dịp được chạm trán với quân Anh hơn là với quân Pháp, nên len bừa vào giữa hàng ngũ của quân Anh đi tập hậu mà chạy thục mạng, rồi mạnh ai người nấy chạy tan tác tứ phía trốn sạch. Vậy là trên thực tế trung đoàn quân Bỉ không còn tồn tại nữa. Đố ai biết nó ở đâu, bản doanh cũng biến mất. Regulus trơ trọi một mình một ngựa, phi miết, chuồn khỏi chỗ giáp chiến đến mấy chục dặm đường; và dĩ nhiên, anh ta còn kiếm đâu ra được một chỗ tốt hơn là cái bếp của Pauline cùng đôi cánh tay trung thành của người yêu sẵn sàng đón tiếp anh?

Gia đình Osborne, theo lối du khách lục địa, thuê một căn phòng trên gác khách sạn. Khoảng mười giờ, nghe có tiếng gươm chạm vào bậc thang gác kêu lách cách, rồi thấy có tiếng gõ cửa bếp; chị Pauline đáng thương vừa ở nhà thờ về vội mở cửa ra, thấy ngay "thầy quyền" của mình mặt ngơ ngơ ngác ngác lù đù đứng đấy, chị ta sợ hãi suýt chết ngất. Mặt anh này tái nhợt, như mặt chàng lính ngự lâm nửa đêm đánh thức cô Leonora vậy. Pauline muốn kêu rú lên, nhưng lại sợ chủ nghe tiếng, e rằng anh tình nhân đào ngũ của mình bị lộ mất. Chị ta bèn yên lặng dẫn anh chàng vào bếp, dọn cho anh chàng nào rượu bia, nào vô khối món ăn rất ngon mà lúc chiều Joe không còn bụng dạ nào mà nuốt. Chàng lính khinh kỵ chứng tỏ mình không phải là ma quỷ hiện hồn về

bằng cách nốc bia và xơi thịt cật lực vừa nhai nhồm nhoàm anh ta vừa thuật lại câu chuyện tai hại của mình.

Theo lời anh ta, trung đoàn quân Bỉ đã chiến đấu anh dũng vô kể, cho nên đã chặn đứng cuộc tiến công của toàn bộ quân Pháp trong một thời gian, nhưng cuối cùng cũng bị đánh; mà quân Anh cũng vậy. Ney tiêu diệt hết trung đoàn nọ đến trung đoàn kia. Quân Bỉ tìm mọi cách cứu quân Anh khỏi cuộc tàn sát khủng khiếp, song vô hiệu.

Quân lính của quận công Brunswick bị đánh tơi bời… quận công bị tử trận. Thật là một sự tan rã hoàn toàn. Anh chàng muốn dìm nỗi sầu thất trận của mình vào hết cốc bia này đến cốc bia khác.

Isidor qua bếp nghe lỏm được câu chuyện, tức tốc nhảy bổ đi mách với chủ. Hắn hét ầm lên: "Hỏng hết cả rồi; quận công bị bắt làm tù binh; quận công Brunswick tử trận. Quân Anh đại bại. Độc có một người thoát chết trốn được về đang ở trong bếp… xuống mà xem".

Joe lảo đảo lần xuống bếp, thấy Regulus vẫn ngồi ngất ngưởng trên bàn, tay cầm chắc lấy cốc bia. Joe vận dụng hết khả năng Pháp văn của mình (tuy còn xa lắm mới gọi là tạm đúng ngữ Pháp) để dỗ anh lính khinh kỵ thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Càng nghe anh ta kể, càng thấy tai họa thêm trầm trọng. Anh ta là người độc nhất

thoát khỏi bị giết tại trận.

Chính mắt anh ta nhìn thấy quận công Brunswick ngã, đoàn khinh kỵ binh áo đen chạy trốn tan tác, và đoàn quân Scotch bị đạn trọng pháo nghiền nát như cám. Joe há hốc mồm ra hỏi:

- Thế còn trung đoàn thứ… ?

- Nghĩa là tơi bời.

Pauline nghe nói kêu ầm lên: "*Ôi, bà chủ của tôi, bà chủ yêu quý của tôi ơi.*"[138]; rồi chị ta tru tréo khóc ầm nhà lên.

Sedley lo tưởng phát điên, không biết tính toán ra sao, không biết chuồn đâu cho thoát nữa. Anh ta hối hả chạy lên gác, lo lắng nhìn vào cánh của phòng Amelia, mà lúc chiều bà O'Dowd đã đóng lại ngay trước mắt anh ta và khóa chặt. Nhưng nhớ đến vẻ mặt khinh bỉ của bà này, Joe ngần ngại, nghe ngóng một tý rồi quyết định ra phố một lúc xem tình hình thế nào.

Thế là Joe vớ lấy một cây nến, soi tìm chiếc mũ có lon vàng, thấy nó nằm ở chỗ mọi khi, trên chiếc bàn con kê sát vách trong phòng khách, trước chiếc gương; mọi lần trước khi ra mắt thiên hạ, anh ta vẫn nhìn vào chiếc gương này để làm dáng, vuốt lại mái tóc một tý, sửa lại cái mũ trông cho thật bảnh. Lần này theo thói quen, giữa

cơn sợ hãi, anh ta vẫn chải lại mái tóc cho mượt, sửa lại cái ngù lông trên mũ. Nhìn trong gương thấy mặt mình tái nhợt, lại thấy bộ râu nuôi đã bảy tuần lễ nay mọc xồm xoàm, anh ta bàng hoàng cả người, nghĩ bụng: "Thế nào, chúng nó cũng cho mình là hàng binh mất. Nhớ lại lời Isidor đe dọa, nhớ lại những chuyện tàn sát quân Anh bại trận, anh ta lảo đảo bước về phòng ngủ, rối rít kéo chuông gọi người hầu.

- Isidor, cắt tao đi, mau lên! Cắt đi?[139]

Isidor tưởng chủ phát điên, muốn bảo mình cắt cổ hộ chăng.

Joe lại hét:

- *Râu ấy, râu ấy... cắt đi, cạo đi, mau.*[140]

Tiếng Pháp của anh ta như vậy đấy, nói khá trôi chảy, nhưng không đúng văn phạm cho lắm.

Isidor lập tức lấy dao cạo sạch bộ râu trong nháy mắt; hắn rất khoan khoái thấy chủ ra lệnh đi lấy một cái mũ và một bộ áo thường, Joe bảo: "*Đừng mặc áo nhà binh nữa... cho mày đấy... đem ra ngoài kia...*"[141]

Thế là chiếc mũ và tấm áo nhà binh về tay hắn rồi.

Sau đó Joe vào tủ áo chọn một chiếc áo gi-lê đen.và một chiếc áo khoác ngoài kiểu thường, đeo chiếc cà vạt

trắng và đội thêm cái mũ rộng vành. Giả thử kiếm được một cái mũ mục sư có lẽ anh ta cũng đội. Trông bộ dạng anh ta lúc này giống một ông thầy tu béo tốt thuộc nhà thờ Anh-cát- lợi. Joe bảo người hầu:

- *Bây giờ theo tao... đi... đi ra ngoài phố*[142] Rồi anh ta nhanh nhẹn bước xuống thang gác ra phố.

Regulus tuyên bố mình là người duy nhất thoát nạn, còn tất cả trung đoàn, có thể toàn bộ quân đội đồng minh đã bị Ney đánh cho thất điên bát đảo rồi. Nhưng dễ thường anh ta nói khoác, vì thấy vô khối người khác cũng sống sót trốn được về. Nhiều bạn đồng ngũ của Regulus chạy được về Brussels đều đồng thanh công nhận sự thất bại, và phao tin ầm khắp tỉnh rằng quân đồng minh đã thua trận.

Từng giờ, từng giờ, người ta đợi quân Pháp tiến vào thành phố. Cảnh tượng hỗn độn diễn ra khắp nơi, chỗ nào cũng thấy người sửa soạn chạy trốn. Joe lo cuống cả người lên: "Kiếm đâu ra ngựa bây giờ?" Anh ta đã sai Isidor đi hỏi thăm hàng chục nơi xem chỗ nào có ngựa bán hoặc cho thuê, không đâu có; Joe như chết điếng người đi được. Hay là đành đi bộ? Chưa bao giờ vì sợ hãi mà anh chàng béo phị này đâm ra hoạt động đến như vậy.

Ở Brussels, hầu hết những khách sạn có người Anh trú ngụ đều tập trung quanh khu công viên; Joe không có chủ định gì, lang thang trong khu vực này giữa những đám đông, lòng dạ bồn chồn vừa sợ hãi, vừa tò mò. Anh ta thấy có vài gia đình may mắn hơn kiếm đâu ra được cặp ngựa, đang giong xe chạy như bay qua các phố để đi lánh nạn. Lại cũng có nhiều gia đình khác lâm vào hoàn cảnh tương tự như Joe, cũng không tìm được phương tiện chạy trốn, mặc dầu đã dùng đủ mọi cách van lơn cũng như mua chuộc. Trong đám người suýt nữa được lánh nạn này, Joe nhận thấy cô Bareacres phu nhân và tiểu thư; cả hai đang ngồi trong xe ngựa riêng đỗ ngoài cổng khách sạn, hành lý xếp sẵn sàng trên nóc xe; cũng chỉ vì thiếu ngựa kéo như Joe nên hai mẹ con nhà này chưa đi được.

Rebecca Crawley cũng trọ tại khách sạn này. Trong thời gian vừa qua, nhiều lần cô đã va chạm với đám phụ nữ trong gia đình Bareacres. Khi hai bên tình cờ gặp nhau ở cầu thang, Bareacres phu nhân lãnh đạm ngoảnh mặt đi không thèm chào Rebecca. Trong câu chuyện, nghe ai nhắc tới tên vợ Crawley, bà này thường tìm cách khéo léo để nói xấu. Thấy tướng Tufto cư xử thân mật với vợ viên sĩ quan tùy tùng, bà bá tước này rất công phẫn. Còn công nương Blanche thì tránh mặt Rebecca y

như sợ cô này truyền bệnh hủi. Riêng ông bá tước thì thỉnh thoảng có kín đáo giao thiệp với Rebecca, nhưng giấu kín không dám cho vợ con biết.

Bây giờ chính là lúc Rebecca có dịp trả miếng bọn kẻ thù hỗn xược. Trong khách sạn, ai cũng biết đại úy Crawley để ngựa ở nhà. Lúc tình hình bắt đầu hỗn độn, Bareacres phu nhân hạ cố sai chị hầu gái đến tìm vợ viên đại úy, nói rằng phu nhân có lời chào và hỏi xem muốn bán cặp ngựa với giá bao nhiêu. Bà Crawley cũng viết gửi lời chào lại, kèm theo một câu nói ngụ ý xưa nay mình không có thói quen mua bán với người ở cửa các bà quyền quý. Thành ra ông bá tước đành phải đích thân tìm đến buồng Rebecca để giao thiệp, song cũng không có kết quả gì hơn. Bà Rawdon giận dữ kêu ầm lên:

- Lại sai đứa ở đến giao thiệp với tôi à? Sao Bareacres phu nhân không sai tôi ra thẳng yên ngựa cho bà ấy một thể! Thế bà ấy muốn đi trốn, hay là chị hầu phòng của bà ấy muốn đi trốn?

Ông bá tước đành về trình lại nguyên văn với vợ. Thế là "qua sông nên phải lụy đò", bà bá tước đành chịu thân chinh đến gặp Rebecca vậy. Bà ta khẩn khoản xin, cho biết giá tiền cặp ngựa lại mời cả Becky đến thăm lâu đài Bareacres, nếu bằng lòng bán ngựa để mụ về được đến nhà đến cửa. Vợ Crawley cười ầm lên vào mặt mụ, đáp:

- Nào tôi có thiết được bọn đầy tớ mặc chế phục hầu hạ đâu; có lẽ khó lòng mà về được nước Anh; ít nhất thì cũng khó lòng đem được kim cương châu báu về cho vẹn toàn. Bọn Pháp sẽ vét sạch. Hai tiếng đồng hồ nữa, chúng nó tới đây; lúc ấy tôi đã đi được nửa đoạn đường tới Ghent rồi. Tôi không bán ngựa cho bà đâu; đánh đổi lấy hai viên kim cương to nhất bà đeo trong buổi dạ hội cũng vô ích.

Bareacres phu nhân run lên vì sợ, vì giận. Bà này đã khâu mấy viên kim cương giấu vào trong áo, còn đâu thì gói lại nhét vào trong ủng của chồng. Bà nói:

- Này bà, tôi lưu ký kim cương ở nhà băng rồi. Tôi muốn có cặp ngựa.

Rebecca cười vào giữa mặt bà ta. Bá tước phu nhân giận dữ bước xuống thang gác, lại leo lên xe ngồi. Bà ta bắt chị hầu gái, anh xà ích và cả chồng nữa, mỗi người một phương, chạy lùng khắp tỉnh tìm ngựa. Đứa nào về chậm thì đừng có trách. Bà ta đã quyết định, hễ có ngựa là cho đánh xe đi liền… chồng chưa kịp về cũng mặc kệ.

Rebecca thấy cảnh tượng bà quý tộc ngồi chờ trong chiếc xe không ngựa thì hả dạ lắm, Cô ta ngồi trong cửa sổ cứ nhìn cho vào mặt bà bá tước mà lớn tiếng giễu cợt thái độ bối rối của bà này:

- Không tìm đâu ra ngựa. Mà lại có bao nhiêu kim cương khâu trong áo gối mới chết chứ! Phen này bọn Pháp mà đến thì tha hồ vớ bẫm?… Là nói chiếc xe và chỗ kim cương ấy, chứ còn người thì…

Rebecca lại kháo ầm lên với lão chủ nhà, với bọn đầy tớ, với những người khách trọ; cả đám đông toàn người lạ cũng biết. Bareacres phu nhân ước gì có súng mà ngồi trong xe bắn cho cô ta một phát chết tươi.

Đang khoái trá vì trả được mối thù cũ, thì Rebecca nhìn thấy Joe. Anh chàng vừa nom thấy Rebecca vội tiến lại Nhìn bộ mặt béo múp bơ phờ vì sợ hãi cũng đoán được anh ta đang muốn chuồn, vì đang lùng phương tiện để đi trốn. Rebecca nghĩ ngay: "Thế nào hắn cũng phải mua ngựa của mình. Mình cưỡi con ngựa non cũng được".

Joe tiến thẳng đến trước mặt người con gái, nhắc lại câu nói vừa dùng hàng nghìn lần: "Cô có biết đâu bán ngựa không?" Rebecca cười, đáp:

- Thế nào? Anh mà cũng đi trốn à? Em nghĩ anh là người hiệp sĩ che chở cho phụ nữ chứ, anh Sedley?

Anh chàng lắp bắp nói:

- Tôi… Tôi không phải là quân nhân.

- Thế còn Amelia? Ai sẽ trông nom cho cô em gái bé

bỏng đáng thương của anh? Chẳng lẽ anh bỏ mặc chị ấy sao?

Joe đáp:

- Ví như… ví như quân địch tới thì tôi giúp đỡ gì được cho cô ấy!… Chúng không giết đàn bà con gái, nhưng thằng hầu của tôi bảo rằng chúng thề không để cho một người đàn ông nào sống sót… bọn hèn mạt!

- Khủng khiếp nhỉ?

Rebecca giả vờ kêu lên; thấy anh chàng hoảng hốt, cô ta thú lắm. Joe lại nói:

- Vả lại, tôi không có ý định bỏ mặc cô ấy. Nhất định thế. Tôi vẫn dành một ghế trong xe tôi cho Amelia và có cả một ghế cho cô nữa, Rebecca ạ, nếu cô cũng đi, và nếu chúng ta tìm được ngựa.Anh ta thở dài…

Rebecca đáp:

- Em có một cặp ngựa đang muốn bán đây.

Joe nghe nói mà muốn ôm chầm ngay lấy cô ta. Anh chàng kêu lên.

- Isidor, lấy xe ra; mua được ngựa rồi… mua được rồi.

Rebecca đáp:

- Ngựa của em chưa đóng xe bao giờ. Anh mà bắt càng xe vào thì con Bullfinch nó đá gẫy tan xe ra mất.

Joe vội hỏi:

- Thế nó có chịu cho cưỡi không?

- Nếu cưỡi, thì nó ngoan như con cừu, mà chạy nhanh như thỏ.

Joe lại hỏi:

- Nặng như tôi, cưỡi được chứ?

Anh chàng đã tưởng tượng ngay cảnh mình ngồi trên yên ngựa, quên khuấy mất cô gái đáng thương rồi. Ai đang khao khát có ngựa để đi trốn mà cưỡng lại điều cám dỗ này cho được?

Rebecca không đáp, mời anh chàng vào trong phòng để mà cả cho ngã giá. Anh ta nín thở bước theo. Trong đời Joe, chưa lần nào chỉ trong nửa đống đồng hồ mà anh ta mất một món tiền lớn đến như vậy. Rebecca thấy Joe đang khao khát ngựa, mà ngựa lại hiếm, nên hiểu rõ giá trị những con ngựa của mình lắm, bèn thẳng tay bắt chẹt; cô ta đặt cho đôi ngựa của mình một giá quá đắt, làm cho Joe cũng phải chùn lại. Cô ta tuyên bố dứt khoát chỉ bán cả đôi, không bán một con, nhất là Rawdon đã dặn lại không được bán cặp ngựa dưới giá vừa nói: bá tước Bareacres dưới nhà sẵn sàng trả cùng

giá ấy, nhưng cô ta không bán. Vì muốn tỏ cảm tình đặc biệt với gia đình Sedley nên cô ta mới chịu để lại cho Joe.Vả chăng "anh Joseph thân yêu" nên thể tình cho rằng người nghèo cũng cần phải sống… tóm lại cô ta nói ngọt như mía lùi, song cũng hoàn toàn cương quyết trong vấn đề giá cả.

Hẳn ta cũng đoán trước được là cuối cùng Joe đành ưng thuận. Món tiền lớn quá, anh ta phải xin khất trả sau; đối với Rebecca, đó là một cái gia tài nho nhỏ. Nhưng như chớp cô ta tính toán rằng món tiền ấy cộng với tiền bán mớ đồ vặt vãnh của Rawdon để lại, cùng tiền trợ cấp tử tuất được hưởng cũng tạm đủ cho cô ta sống độc lập không cần nhờ vả ai và có thể sẵn sàng đối phó với cảnh góa bụa.

Ngày hôm ấy, cũng có một đôi lần Rebecca nghĩ đến việc đi trốn, nhưng rồi cô ta cân nhắc: "cho rằng bọn Pháp tràn đến đi nữa, thì chúng nó sẽ làm gì người vợ góa của một sĩ quan? Dào ôi! Bây giờ đâu còn những chuyện cướp bóc, hãm hiếp như ngày xưa? Rồi mình cũng phải được an toàn hồi hương, hoặc có thể cứ ung dung mà sống ở nước ngoài cũng được".

Joe và Isidor cùng ra tàu ngựa xem cặp ngựa mới mua.

Anh ta sai thằng hầu thắng yên cương ngay lập tức.

Giá đi được ngay đêm ấy, ngay lúc ấy, Joe cũng đi. Mặc thằng hầu lo việc sửa soạn yên cương, anh ta trở về khách sạn sửa soạn hành lý. Cần giữ bí mật việc chuồn đi này. Anh ta muốn đi cửa hậu vào phòng mình, không muốn gặp mặt bà O'Dowd và Amelia, vì sợ phải thú nhận rằng mình sắp đi trốn.

Lúc việc mua bán với Rebecca và việc xem ngựa xong xuôi cả thì trời đã bắt đầu rạng sáng. Nửa đêm đã qua từ lâu mà khắp thành phố vẫn còn đồn ồn lên. Dân chúng chong mắt không ai ngủ, nhà nào cũng thắp đèn sáng rực; từng đám đông tụ tập trước cửa mỗi nhà; phố xá toàn người là người. Người nọ truyền người kia đủ các thứ chuyện. Có tin nói quân Phổ đã hoàn toàn bị đè bẹp; lại có tin phao rằng chính đội quân Anh mới bị tấn công và bị phá vỡ; một nguồn tin thứ ba cho hay quân Anh vẫn giữ vững vị trí.

Lời đồn cuối cùng này mỗi lúc một trở thành đáng tin cậy hơn. Vẫn không thấy mặt tên lính Pháp nào. Nhiều anh lính lẻ tẻ rút lui từ mặt trận về mang theo những tin tức mỗi lúc một thêm tốt đẹp; cuối cùng có một viên sĩ quan tùy tùng về Brussels, đem theo một tờ công văn gửi tư lệnh bảo vệ thành phố, lập tức ông này cho dán khắp thành phố những tờ bố cáo chính thức báo tin quân đội đồng minh thắng trận "*Bốn cánh tay*"[143], hoàn toàn

đánh lui quân Pháp dưới quyền chỉ huy của Ney, sau sáu giờ đồng hồ chiến đấu. Có lẽ viên sĩ quan tùy tùng này đến Brussels xấp xỉ vào lúc Joe và Rebecca đang mà cả với nhau, hoặc lúc Joe đang xem ngựa. Lúc anh chàng về tới khách sạn đã thấy mấy chục khách trọ tụ tập trước cửa bàn tán sôi nổi…

Không có gì đáng nghi ngờ nữa. Anh ta vội leo lên gác báo tin cho hai người đàn bà được mình che chở rõ. Anh ta cũng không muốn để họ biết mình vừa có ý định đi trốn đã mua ngựa và đã phải trả với một giá cắt cổ như thế nào.

Thắng hay bại, đối với họ không phải là chuyện quan trọng; họ chỉ quan tâm nhất là sự an toàn của những người thân yêu. Amelia nghe tin thắng trận lại hóa ra bồn chồn xao xuyến hơn trước. Cô muốn tìm đến đơn vị của chồng ngay lập tức, cô cứ khóc lóc khẩn khoản anh trai đưa mình đi trong lòng khắc khoải, hãi hùng đến cực độ. Người đàn bà đáng thương này vừa lúc nãy còn lầm lì hàng tiếng đồng hồ liền, bây giờ cứ chạy loăng quăng chỗ này, chỗ kia, miệng nói lảm nhảm như một người mất trí… trông đến thảm hại. Sau cuộc chiến đấu gay go trên bãi chiến trường cách đó mười lăm dặm, biết bao nhiêu con người anh dũng phải ngã xuống nhưng không một ai đau đớn quằn quại bằng người nạn nhân chiến

tranh vô tội và đáng thương này. Joe không sao chịu đựng nổi cảnh tượng em gái đau khổ như vậy. Anh ta để em gái cho bà bạn cứng cỏi hơn chăm sóc, lại xuống thang gác ra cửa khách sạn; vẫn còn nhiều người đứng tụ tập chờ nghe những tin tức mới.

Trời dần dần đã sáng hẳn mà họ vẫn đứng chờ. Lại thêm những người đã tham dự trận đánh trở về với những tin tức sốt dẻo. Nhiều xe ngựa và xe bò chất đầy những thương binh chạy qua thành phố. Từ trong xe vọng ra những tiếng rên rỉ khủng khiếp, và trên những đống rơm ló ra những bộ mặt phờ phạc. Joe Sedley đang nhìn theo một chiếc xe, vẻ mặt vừa đau đớn vừa tò mò… tiếng những người nằm trong xe rên rỉ vọng ra nghe đến sợ… mấy con ngựa mệt mỏi gần như không còn đủ sức kéo chiếc xe nữa. Bỗng có tiếng nói yếu ớt từ đống rơm trong xe vọng ra: "Đứng lại! Đứng lại!" Chiếc xe dừng lại trước cửa khách sạn của Sedley.

- Đúng là George rồi, tôi biết!

Amelia chạy xổ ra bao lơn kêu lên, mặt tái nhợt, mớ tóc xõa xuống rũ rượi. Không phải là George; nhưng cũng may, có tin của George nhắn về. Thì ra đây là anh chàng Tom Stubble đáng thương của chúng ta. Mới hai mươi bốn giờ đồng hồ trước, anh ta còn hùng dũng rời Brussels ra trận, tay giương cao lá quân kỳ của trung

đoàn trên chiến trường. Tom đã bảo vệ lá cờ một cách anh dũng xứng đáng. Một tên lính Pháp đã đâm anh ta bị thương vào chân; lúc ngã xuống tay anh ta vẫn còn dũng cảm nắm chặt cán cờ. Trận đánh kết thúc, người ta cho chàng trẻ tuổi đáng thương này một chỗ nằm trong một cái xe ngựa và đưa về Brussels.

"Ông Sedley, ông Sedley?" chàng thanh niên lên tiếng yếu ớt gọi; Sedley hốt hoảng chạy đến ngay. Mới đầu cũng chưa nhận ra được ai gọi mình.

Cậu Tom Stubble chìa bàn tay nóng rực mềm nhũn ra, nói:

- Cho tôi xuống đây. ông Osborne và… và ông Dobbin bảo thế. Ông cho người đánh xe hai đồng Napoléon hộ; tôi xin mẹ tôi trả ông sau.

Trong những giờ đằng đẵng sốt hầm hập nằm trong chiếc xe ngựa, người con trai này chỉ mơ màng nghĩ về cái làng có ông bố làm mục sư mà anh mới từ đó ra đi được vài tháng nay; nhờ những phút mê man thế mà có khi anh chàng tạm quên được nỗi đau đớn về thể xác.

Khách sạn thì rộng, mọi người trong đó cũng tốt bụng.

Họ đem tất cả những thương binh trên xe vào trong nhà, đặt lên giường cẩn thận. Viên sĩ quan cầm cờ trẻ

tuổi được đưa lên chỗ ở của gia đình Osborne trên gác. Lúc Amelia từ ngoài bao lơn nhận ra mặt Stubble, cô và bà thiếu tá chạy xổ ngay vào. Các bạn cứ tưởng tượng xem, nghe báo tin cuộc chiến đấu đã qua, chồng họ vẫn an toàn, thì hai người đàn bà này có cảm tưởng thế nào. Amelia sung sướng đến say sưa yên lặng ôm lấy cổ người bạn gái mà hôn. Cô quỳ ngay xuống say sưa cầu nguyện, cảm tạ đấng uy lực vô biên đã cứu chồng mình tai qua nạn khỏi.

Trong lúc lòng dạ bồn chồn khắc khoải, đối với người thiếu phụ trẻ tuổi này, không có một ông bác sĩ nào kê được một đơn thuốc bổ tài tình bằng đơn thuốc của sự may mắn. Amelia và bà O'Dowd luôn luôn săn sóc bên cạnh viên sĩ quan trẻ tuổi bị thương. Vết thương của anh ta rất nặng; Amelia thấy mình có nhiệm vụ săn sóc, nên bận quá cũng không có thì giờ nghiền ngẫm những nỗi băn khoăn lo lắng của riêng mình. Bằng những lời lẽ giản dị, viên sĩ quan bị thương kể lại trận đánh ngày hôm đó và việc tham chiến của những chiến sĩ dũng cảm thuộc trung đoàn thứ… như sau: "Trung đoàn tổn thất khá nặng, mất khá nhiều lính và sĩ quan. Lúc trung đoàn xuất kích, con ngựa viên thiếu tá đang cưỡi bị bắn trúng; ai cũng tưởng ông O'Dowd tử trận và Dobbin được thăng chức thiếu tá. Sau đợt tấn công quay về vị trí cũ, họ đã

thấy viên thiếu tá ngồi ung dung trên xác con Pyramus với một chai rượu. Chính đại úy Osborne đã chém gục tên lính Pháp đâm bị thương viên sĩ quan cầm cờ Stubble. Amelia tái cả mặt chỉ lo bà O'Dowd ngắt lời người quân nhân trẻ tuổi. Đến chiều thì, tuy bản thân bị thương, chính đại úy Dobbin đã bế viên sĩ quan cầm cờ lên mang trao lại cho viên sĩ quan quân y, rồi lại đưa xe ngựa bảo xe về Brussels. Và cũng chính Dobbin hứa cho người đánh xe hai đồng Louis, nếu người này đưa người bị thương về tới khách sạn của Sedley yên ổn. Stubble lại nói với bà đại úy Osborne rằng trận đánh thế là xong, và chồng bà hoàn toàn bình an vô sự.

Bà O'Dowd lên tiếng:

- Nói của đáng tội, cái ông William Dobbin cũng tốt bụng đấy chứ, mặc dù ông ấy chúa là hay chế nhạo tôi.

Stubble thì cam đoan rằng trong quân đội không có một sĩ quan nào sánh được với Dobbin; anh ta cứ luôn mồm tán tụng những đức tính của viên đại úy, nào là khiêm tốn, nhã nhặn nào là ra trận thì bình tĩnh vô cùng. Amelia lơ đãng, không chú ý lắm đến những chuyện này; khi nghe nhắc đến George, thì cô lắng tai chú ý, mà không nói đến George thì cô lại mơ màng đến chồng.

Cả ngày hôm sau Amelia không thấy thì giờ trôi qua chậm chạp lắm, vì lúc nào cũng bận săn sóc người

thương binh, và bận nhớ lại những chuyện xảy ra ngày hôm trước.

Đối với Amelia, trong quân đội chỉ có một người; chỉ cần người ấy được bình yên vô sự là đủ, ngoài ra mọi hoạt động của quân đội không có gì đáng chú ý. Những tin tức Joe mang ngoài phố về chỉ loáng thoáng bên tai Amelia; cũng những tin tức ấy lại đủ khiến cho anh chàng nhát gan này cũng như mọi người dân thành Brussels phải lo sốt vó.

Quân Pháp quả thật có bị đánh lui, nhưng thật ra chỉ có một sư đoàn quân Pháp bại trận, mà cũng phải sau một trận chiến đấu hết sức gay go. Còn Napoléon và đại quân thì vẫn ở Ligny, đã tiêu diệt hoàn toàn quân Phổ, bây giờ có thể rảnh tay dốc toàn lực tấn công quân đồng minh.

Quận công Wellington đã lùi quân về sát thành phố, trận đại chiến sắp tới rất có thể sẽ diễn ra ngay dưới chân thành; kết quả ra sao, cũng chưa biết thế nào mà lường, Quận công Wellington chỉ có thể dựa vào lực lượng hai vạn quân Anh, vì quân Đức gồm toàn dân vệ, mà quân Bỉ thì không có tinh thần chiến đấu. Với một dúm quân như thế, quận công phải đương đầu với mười lăm vạn con người đã tràn vào nước Bỉ dưới quyền chỉ huy của Napoléon. Napoléon chỉ huy! Trên đời này có

viên tướng lĩnh nào, dù danh tiếng lẫy lừng và có tài thao lược mấy đi nữa, mà đủ sức chống lại?

Joe đã nghĩ đến những điều đó; anh ta run quá. Nhân dân thành phố Brussels cũng vậy… Ai cũng cảm thấy rằng trận đánh ngày hôm trước mới chỉ là mở màn cho một trận đại chiến khác chắc chắn sẽ nổ ra. Đã có một đội quân bị Hoàng đế đánh cho tan tành không còn mảnh giáp rồi. Đem dúm quân Anh còn lại ra kháng cự thì rồi cũng đến bỏ mạng trên chiến trường mà thôi; kẻ thắng trận sẽ giẫm qua xác họ mà tiến vào thành phố. Kẻ nào còn lại trong thành phố mà bị quân Pháp bắt gặp ắt phải chết!

Người ta đã soạn sẵn những bài diễn văn; bọn công chức đã họp nhau lại bí mật thảo luận; người ta còn sửa sang sẵn sàng nhiều căn nhà, lại thuê may sẵn cờ tam tài và làm huy hiệu chiến thắng để chuẩn bị đón rước Hoàng đế vua nước Pháp.

Việc tản cư vẫn tiếp tục tiến hành; gia đình nào tìm được phương tiện vận chuyển là chuồn thẳng. Buổi chiều ngày tháng sáu, Joe đến khách sạn của Rebecca đã thấy chiếc xe ngựa đồ sộ của gia đình Bareacres rời cổng khách sạn lao đi rồi. Lão bá tước đã tìm được không biết ở đâu ra một cặp ngựa chẳng cần đến bà Crawley nữa, bây giờ đang trên đường đi Ghent, Louis thứ mười tám

cũng đang soạn sửa tủ áo sắp rời bỏ thành phố này. Hình như tai họa không chịu rời bỏ lão vua phệnh đường lưu vong thì phải.

Joe cảm thấy tình hình không có chiến sự hôm qua cũng rất tạm bợ; bây giờ là lúc nên dùng cặp ngựa mua với "giá cắt cổ" này vào việc. Suốt ngày, anh ta như người sắp chết. Chừng nào giữa Napoléon và thành phố Brussels còn có đạo binh Anh, thì cũng chưa cần phải đi trốn ngay; nhưng anh ta cũng đem cặp ngựa về nhốt sẵn sàng trong tàu ngựa ngoài sân khách sạn; như thế mới để mắt đến được, không sợ ai dùng vũ lực đoạt mất. Ngày đêm Isidor đứng canh bên trong chuồng ngựa; ngựa thì yên cương sẵn sàng, khi cần có thể lên đường tức khắc, Joe ước gì phút ấy xảy ra ngay cho xong.

Sau buổi đón tiếp hôm trước, Rebecca không còn thiết gì đến gần bó hoa Amelia yêu quý của mình nữa. Cô ta thay nước cho bó hoa George tặng mình, rồi đọc lại mảnh giấy của chàng.

Vừa quấn mảnh giấy nhỏ quanh ngón tay, Rebecca vừa nói một mình: "Anh chàng khốn kiếp, mình có thể giết cô ta bằng cái này lắm chứ?… Con người như thế mà cô ta yêu đến đau khổ được thì lạ thật… một anh chàng ngu ngốc, đồ "rẻ cùi tốt mã", mà lại vô tình với cô ta nữa cơ chứ. Lão Rawdon đáng thương nhà mình

so với của ấy còn bằng mười".

Đoạn Rebecca lại suy tính xem mình sẽ làm ăn ra sao giá dụ… giá dụ, như Rawdon có mệnh hệ nào, và cảm ơn trời đất mãi vì may mắn làm sao chồng lại để đôi ngựa ở nhà.

Hôm ấy, vợ Rawdon thấy gia đình Bareacres lên đường cũng có ý bực mình. Cô ta nghĩ cũng nên bắt chước bà bá tước cẩn thận một chút, bèn đem gần hết mọi vật trang sức, ngân phiếu và giấy bạc khâu vào lần lót áo. Thế là đủ chuẩn bị để đối phó với mọi biến cố… nghĩa là tùy trường hợp hoặc chạy trốn, hoặc ở lại để đón tiếp kẻ chiến thắng, dù kẻ chiến thắng là người Anh hay người Pháp. Ngay đêm hôm ấy, trong lúc Rawdon áo choàng khoác trên vai, dãi dầu mưa bão trên đồi St. John, đang một lòng một dạ thiết tha nhớ về cô vợ trẻ để lại nhà, thì không biết chừng Rebecca đang nằm mơ thấy mình trở thành một quận chúa, hoặc một thống chế phu nhân cũng nên.

Hôm sau là ngày chủ nhật. Bà thiếu tá O'Dowd thấy tất cả những bệnh nhân của mình đã lại sức và vui vẻ sau một đêm nghỉ ngơi thì rất bằng lòng. Chính bà cũng ngồi ngay trong một chiếc ghế bành lớn trong phòng Amelia mà ngủ; như thế, khi cần tiện săn sóc cả người bạn gái và viên sĩ quan cầm cờ bị thương. Sáng ra người

đàn bà cứng cỏi này trở về chỗ trọ của mình và chồng là viên thiếu tá, để trang điểm một cách thật cầu kỳ lộng lẫy cho xứng đáng với ngày chủ nhật. Chắc hẳn khi chỉ có một mình trong gian phòng nơi trước kia chồng vẫn ra vào, lại nhìn thấy chiếc mũ của chồng còn úp trên gối, chiếc can của chồng còn dựng ở góc phòng, thế nào bà ta chẳng cầu Thượng đế che chở cho người chiến sĩ dũng cảm Michael O'Dowd ít nhất là một lần.

Lúc quay lại với Amelia, bà mang theo cuốn kinh cầu nguyện, và cuốn sách giảng đạo nổi danh của ông chánh xứ chú bà; có ngày Sa-bát[144] nào bà quên không đọc quyển sách này; tuy bà cũng chỉ hiểu lõm bõm, và nhiều khi đọc cũng sai, vì bài nào cũng dài dằng dặc và tối như hũ nút – ông chánh xứ vốn là người học rộng nên ưa dùng hàng tràng tiếng la-tinh- song bao giờ bà cũng cao tiếng đọc ngân nga trịnh trọng dáng điệu hết sức nghiêm túc. Bà vẫn nhủ thầm: "Đã bao nhiêu lần Mick lắng nghe những bài giảng đạo ta đọc trong ca-bin tàu thủy!" Hôm nay, bà có ý định diễn lại cái trò này với Amelia và viên sĩ quan cầm cờ bị thương. Đồng thời, cũng giờ ấy, tại hai vạn giáo đường trong nước cũng tổ chức việc giảng đạo tương tự và hàng triệu người dân Anh, đàn ông cũng như đàn bà, cùng quỳ gối cầu xin sự che chở của đấng bề trên tối cao. Họ không nghe thấy

những tiếng động đã quấy rối sự yên tĩnh của mấy nhân vật tại Brussels. Bà O'Dowd đang cao giọng ngân nga bài giảng đạo, thì bỗng vang lên những tiếng nổ còn to hơn cả những tiếng nổ họ nghe thấy hai hôm trước: súng đại bác trận Waterloo bắt đầu gầm thét.

Nghe những tiếng nổ khủng khiếp ấy vọng về, Joe quyết định ngay rằng mình không thể sao chịu đựng nổi những nỗi lo sợ hãi hùng triền miên ấy được, và anh phải chuồn ngay. Anh ta xông vào trong căn phòng có viên sĩ quan bị thương nằm, thấy ba người đang cầu kinh với nhau, bèn lên tiếng gọi Amelia:

- Emmy, anh không sao chịu đựng nổi nữa rồi, không chịu được nữa; cô phải đi với anh ngay. Anh đã mua cho cô một con ngựa. Không cần biết giá đắt rẻ ra sao… cô phải mặc áo, đi ngay với anh. Cô ngồi sau Isidor.

Bà O'Dowd đặt cuốn sách xuống, nói:

- Lạy Chúa tha tội cho tôi, ông Sedley ơi, ông chỉ là một tên hèn nhát.

Anh chàng vẫn nói tiếp:

- Amelia, anh bảo phải đi ngay. Bà ấy nói gì mặc kệ, đừng nghe. Tại sao chúng ta lại ở đây cho bọn Pháp tàn sát?

Anh chàng Stubble bé nhỏ đang nằm trên giường cũng

nói:

- Ông ơi, ông quên trung đoàn thứ… rồi à? Và… kìa bà O'Dowd ơi, bà sẽ không bỏ mặc tôi chứ?

Bà này cúi xuống hôn cậu thanh niên, đáp:

- Không đâu, cậu em đáng yêu ạ. Còn có tôi bên cạnh, cậu chưa sợ gì nguy hiểm. Ông Mick nhà tôi chưa có lệnh, tôi chưa đi chỗ khác. Tôi mà ngồi bám sau lưng cái ông này trên lưng ngựa thì trông hay đáo để đấy nhỉ?

Cái hình ảnh đó làm cho anh chàng trẻ tuổi bị thương đang nằm trên giường cũng phải phá lên cười. Amelia cũng mỉm cười theo, Joe quát ầm lên:

- Tôi không hỏi bà ấy… Tôi không hỏi cái… cái mụ người Ailen này; tôi hỏi Amelia cơ. Lần cuối cùng, cô có đi không?

- Bỏ mặc nhà em mà đi trốn ư, anh Joseph?

Amelia nhìn anh trai ngạc nhiên hỏi, rồi đưa tay cho bà thiếu tá. Joe không sao nhịn được nữa.

- Vâng thì xin chào.

Anh ta vừa nói vừa giơ nắm tay rung rung, giận tưởng phát điên, rồi đi ra khép cửa đánh thình. Lập tức Joe ra lệnh lên đường, trèo lên ngựa ngay trong sân. Bà O'Dowd nghe rõ mồn một tiếng vó ngựa phi ra cổng;

nhìn ra, bà thấy Joseph phi ngựa xuôi xuống phố có Isidor theo sau đầu đội chiếc mũ có lon vàng; bà ném theo mấy lời nhận xét đầy khinh miệt. Cặp ngựa đã mấy hôm không phải diễn tập, rất sung sức, phi nước đại qua các phố. Joe không cưỡi ngựa quen lại nhát, ngồi trên yên ngựa, coi bộ không vững vàng lắm. "Này, Amelia, ra cửa sổ phòng khách mà xem; y như con voi trong tủ kính bày đồ sứ ấy nhỉ?" Hai người kỵ sĩ dóng dả phi nước đại đi về phía Ghent; bà O'Dowd vẫn còn nhìn theo mà nói mỉa mai cho đến khi họ đi khuất mới thôi.

Suốt ngày hôm ấy, từ sáng mãi đến sau lúc mặt trời lặn không lúc nào ngớt tiếng đại bác gầm thét. Lúc tiếng súng đột nhiên ngừng bặt thì trời cũng đã tối hẳn.

Chúng ta đọc sách đều đã hiểu rõ trong thời gian này đã xảy ra những chuyện gì rồi. Trận đánh đã trở thành câu chuyện cửa miệng của người Anh. Bạn và tôi, khi chiến dịch vĩ đại ấy diễn ra, chúng ta còn bé cả, vậy mà có bao giờ chúng ta không muốn cứ được nghe đi nghe lại, cứ được kể đi kể lại trận đánh lịch sử ấy? Nhớ lại trận đánh, hàng triệu đồng bào của những kẻ bại trận ngày hôm ấy còn thấy đau nhói trong tim. Họ khát khao sao có dịp trả mối hận này. Và nếu như một cuộc chiến tranh mới sẽ kết thúc bằng sự thắng lợi của họ, thì lại đến lượt họ kiêu hãnh, còn chúng ta sẽ thừa hưởng sự

căm thù và đau khổ; và chuỗi dài toàn những cái gọi là vinh dự và nhục nhã ấy sẽ không bao giờ chấm dứt, vì cả hai dân tộc kiêu hùng sẽ vĩnh viễn lao vào một cuộc chém giết khi thắng lợi, khi thất bại. Đã bao nhiêu thế kỷ rồi, người Pháp và người Anh chúng ta vì kiêu ngạo đã tàn sát lẫn nhau, đổ máu cho một thứ luật lệ quỷ quái về danh dự.

Mấy người bạn của chúng ta đã góp phần chiến đấu xứng đáng trên trận địa. Suốt ngày hôm ấy, trong khi cách đó mười dặm, mấy người đàn bà cầu nguyện Thượng đế, thì những đội bộ binh Anh dũng cảm chống đỡ và đánh bật những cuộc tấn công điên cuồng của kỵ binh Pháp. Đạn đại bác địch nổ, ở Brussels cũng nghe rõ mồn một, cầy tung hàng ngũ quân Anh; nhiều bạn đồng đội gục ngã, những người còn sống bổ sung ngay vào chỗ trống. Gần tối, quân Pháp lại tấn công nhưng bị chống trả quyết liệt nên sức mạnh mỗi lúc một yếu dần. Chúng sẽ tấn công quân đội đồng minh của Anh, hay sẽ dồn sức mở một đợt phản công quyết định? Cuối cùng, ta thấy những đội ngự lâm quân Pháp tiến lên tấn công đồi thánh Jean, nhằm quét sạch quân Anh chiếm lấy cao điểm suốt ngày vẫn nằm trong tay họ.

Đại bác Anh gieo rắc chết chóc trong hàng ngũ quân Pháp, mặc? Dòng người đen ngòm cứ cuồn cuộn tràn

lên đồi; lúc gần chiếm được đỉnh đồi thì thấy quân địch như ngập ngừng… tiến chậm lại, dừng hẳn, song vẫn tiếp tục giao chiến. Cuối cùng, từ vị trí không kẻ địch nào bẩy được họ ra ngoài, những đội quân Anh lao xuống; đội Ngự lâm quân quay lưng tán loạn chạy trốn.

Brussels không còn nghe thấy tiếng súng vọng về nữa, cuộc truy kích diễn ra cách đó mấy dặm. Màn đêm đã buông xuống bãi chiến trường và thành phố, Amelia vẫn cầu nguyện cho George, nhưng George đã chết rồi, nằm úp xuống mặt đất, bị một viên đạn xuyên qua trái tim.

CHƯƠNG XXXIII
HỌ HÀNG BÀ CRAWLEY LO LẮNG VỀ BÀ

Xin bạn đọc nhớ hộ cho rằng sau những trận thắng doanh liệt ở Flanders, khi quân đội ta đang tiến lên để chiếm những pháo đài thuộc biên giới nước Pháp trước khi chiếm đóng nước này thì ở nước Anh một số nhân vật có liên quan đến giai đoạn lịch sử hiện nay và sẽ phải xuất hiện để được ghi vào niên sử vẫn cứ sống hoàn toàn yên ổn. Suốt thời gian xảy ra những trận đánh đầy nguy hiểm kia, bà Crawley vẫn sống ở Brighton, cũng không lấy làm xúc động lắm về những biến cố lớn lao đang diễn ra. Những tin tức quan trọng này khiến cho báo chí đâm ra thú vị; bà Briggs đọc báo Tin tức thấy đăng tin Rawdon chiến đấu rất dũng cảm, và lại được thăng chức. Bà cô nghe, nói:

- Rõ tiếc, thằng bé lầm lẫn một cách tai hại ngay khi mới bước vào đời. Con nhà gia thế lại có địa vị xã hội như thế, làm gì nó chẳng lấy được con nhà tử tế, con gái một nhà sản xuất rượu chẳng hạn, như cô Grains ấy, của hồi môn có tới hai mươi lăm vạn đồng; nó cũng rất có thể kết thân với những gia đình tai mặt ở Anh quốc; và nó sẽ được hưởng gia tài của tôi… nó, hoặc con cái nó

sau này bởi vì, bà Briggs ạ, tôi chưa muốn chết vội đâu, mặc dầu bà chỉ mong tôi chết cho thoát nợ. Thế mà bây giờ nó đành chịu nghèo xơ xác, lấy một con vũ nữ làm vợ.

- Bà Crawley thân yêu ơi, bà nỡ nào không thương xót người chiến sĩ dũng cảm mà tên tuổi đã được nhắc tới trong sổ sách quang vinh của đất nước? Bà Briggs nói vậy; bà rất phấn khởi về trận đánh Waterloo, và thích hễ có dịp là ăn nói kiểu lãng mạn như thế – ông đại úy, bây giờ tôi có thể gọi ông trung tá rồi – ông trung tá chẳng đã hành động khiến cho tên tuổi dòng họ Crawley lừng lẫy danh tiếng đó sao?

Bà Crawley đáp:

- Bà Briggs, bà xuẩn lắm. Trung tá Crawley đã đem tên tuổi dòng họ Crawley dìm xuống vũng bùn rồi. Cưới con gái một lão thầy dạy vẽ làm vợ, chết thật?… Cưới một tùy nữ?… Con bé ấy chỉ đáng gọi như thế thôi bà Briggs ạ. Nó cũng chỉ như bà thôi… Có điều nó trẻ hơn, đẹp hơn và thông minh hơn bà nhiều. Không biết chừng bà còn a tòng với con bé khốn kiếp tứ cố vô thân ấy cũng nên. Cháu tôi chết về bàn tay xảo quyệt của nó; còn bà thì lúc nào cũng gân cổ lên mà ca tụng. Phải, chính bà a tòng với nó. Nhưng tôi bảo cho bà biết trước, bao giờ tôi viết chúc thư bà sẽ thất vọng cho mà xem.

Bà viết ngay hộ tôi lá thư gửi ông Waxy, bảo tôi cần gặp ông ta ngay lập tức.

Ít lâu nay bà Crawley có thói quen gần như ngày nào cũng viết thư cho ông Waxy luật sư riêng của bà, vì bà cứ thay đổi lại mãi nội dung lá chúc thư, bối rối quá, không biết định đoạt số phận gia tài của mình ra sao. Tuy nhiên, bà già cũng đã bình phục lại nhiều. Cứ nghe bà luôn luôn mỉa mai giễu cợt bà Briggs thì đủ rõ.

Người đàn bà này chịu đựng tất cả một cách ngoan ngoãn, hèn nhát; thái độ đành lòng ấy nửa như rộng lượng, nửa như giả dối… tóm lại, đó là sự phục tùng của kẻ nô lệ, mà những người đàn bà tính tình như thế, ở cương vị như thế bắt buộc phải biểu lộ. Ai là người chưa từng được thấy đàn bà họ đối xử tàn tệ với nhau ra sao? Những sự dằn vặt đàn ông ta phải chịu không thấm vào đâu, so với cách đối xử thâm độc, đầy khinh miệt như những mũi tên hàng ngày từ tay những mụ nữ bạo chúa xuyên vào trái tim những người đàn bà nghèo khổ. Những kẻ nạn nhân đáng thương?

Nhưng hãy trở lại câu chuyện; bà Crawley khỏi bệnh, lại đâm ra hết sức trái thói, độc ác… cũng như ta thường nói, vết thương đang lên da non thì hay ngứa ngáy. Trong thời gian bà Crawley đang bình phục, bà Briggs là nạn nhân duy nhất được phép ra mắt người ốm.

Song bà con thân thuộc khác cũng không quên bà lão đáng quý, họ đều cố gắng khiến bà ta không quên họ bằng cách gửi quà cáp và thư từ thăm hỏi.

Trước tiên, phải kể ngay đến anh cháu trai là Rawdon Crawley. Sau trận Waterloo nổi tiếng vài tuần lễ, khi báo Tin tức đã công bố tin viên sĩ quan này chiến đấu anh dũng và được thăng chức, thì chiếc tàu thủy Dieppe chở về Brighton cho bà Crawley một hộp tặng phẩm, kèm theo một lá thư lời lẽ chí hiếu của ông cháu trung tá. Trong hộp, thấy có một đôi lon vai của nhà binh Pháp, một tấm Bắc đẩu bội tinh và một cái cán gươm… đấy là những kỷ vật của trận đánh vừa qua. Nội dung lá thư kể lại với giọng trào phúng rằng những vật đó là của một tên sĩ quan Pháp chỉ huy đội quân Ngự lâm; tên này vừa thề rằng "Ngự lâm quân thà chịu chết, không bao giờ lùi" thì một phút sau đã bị một anh lính trơn bắt sống làm tù binh; anh ta lấy báng súng đập gãy gươm của tên sĩ quan Pháp. Rawdon bèn lấy ngay chiếc cán gươm gãy làm kỷ niệm. Còn đôi lon vai và tấm Bắc đẩu bội tinh là của một tên trung tá kỵ binh Pháp; tên này bị Rawdon giết chết tại trận. Rawdon thấy tốt nhất là gửi mấy vật này về làm quà cho bà cô quý mến nhất đời của mình. Không biết anh ta có thể tiếp tục viết thư từ Paris về cho bà cô được không? Quân đội đang tiến tới đó. Nếu vậy,

anh ta sẽ có thể viết thư thuật lại nhiều chuyện thú vị của kinh đô nước Pháp, cùng tin tức về một số bạn cũ của bà Crawley; hồi họ còn lưu vong sang nước Anh, bà đã đối đãi với họ rất tử tế trong khi họ gặp bước khốn cùng.

Bà gái già sai bà Briggs viết cho viên trung tá một bức thư, lời lẽ ngọt ngào, ngợi khen chiến công của anh ta, lại khuyến khích anh ta cứ tiếp tục viết thư về. Nội dung lá thư đầu tiên của thằng cháu lý thú quá, làm cho bà lão đâm ra thèm xem tiếp những lá thư sau. Bà ta giải thích cho bà Briggs nghe thế này: "Bà Briggs này, tôi biết tỏng rằng tài văn chương của thằng Rawdon cũng chỉ như bà thôi, làm gì viết nổi một bức thư hay đến thế, lại cái con mẹ ranh Rebecca nó đọc từng chữ cho thằng chồng chép đấy thôi. Nhưng không phải vì thế mà tôi không có quyền được giải trí đôi chút, cho nên tôi muốn nó tưởng rằng tôi vui lòng lắm".

Chắc bà không ngờ rằng chẳng những chính tay Rebecca viết thư, mà cũng chính tay cô nhặt nhạnh mấy vật kỷ niệm kia để về làm quà… Ngay sau trận Waterloo, có vô số người bán rong những di tích của trận đánh; Rebecca chỉ mất có mấy đồng phơ-răng. Riêng nhà tiểu thuyết là người biết hết mọi chuyện cũng biết điều đó.

Dẫu sao chăng nữa, lá thư đầy lời lẽ ngọt ngào của bà Crawley cũng khiến hai vợ chồng Rawdon rất phấn khởi;

họ hy vọng bà cô đã hồi tâm, vì thấy bà vui vẻ lắm. Đúng như lời Rawdon nói trước, hai vợ chồng may mắn được theo đoàn chiến thắng tới Paris. Từ đó họ viết thư gửi về cho bà cô, ra sức kể vô khối chuyện lý thú.

Bà vợ ông thầy tu về nhà thuốc thang cho chồng bị gãy xương đùi cũng gửi thư hỏi thăm, nhưng phong thư trả lời của bà Crawley chẳng vui vẻ tí nào. Đối với bà em chồng, bà Bute, người đàn bà sắc mắc, nhanh nhảu, độc tài ấy đã phạm một sai lầm tai hại nhất đời. Bà Bute đã đàn áp bà Crawley và tất cả nhà… thành ra bị họ chán ngấy.

Nếu bà Briggs là người có đôi chút thông minh, chắc bà phải rất thú vị khi được bà chủ ra lệnh viết thư trả lời bà Bute rằng, từ ngày bà Bute ra về, thì bà Crawley khỏe ra nhiều, lại yêu cầu bà Bute không việc gì phải lo lắng, mà cũng không dám phiền bà này bỏ nhà bỏ cửa để lên săn sóc nữa. Đối với nhiều người đàn bà khác, thì thắng được kẻ vẫn đối xử ngạo mạn, độc ác với mình là điều đáng hả dạ; nhưng thực ra bà Briggs không phải là người tinh ranh lắm, nên đến lúc thấy kẻ thù bại trận, bà ta lại thấy thương thương.

Bà Bute nhận được thư, nghĩ thầm: "Mình rõ thật ngu, cái bữa gửi biếu đôi gà tây, việc gì phải báo trước trong thư là mình sẽ lên thăm. Lẽ ra mình sẽ lên thăm. Lẽ ra

mình cứ yên lặng mà mò đến, không cho mụ già lẩm cẩm ấy biết trước mới phải, có thế mới cướp được mụ trong tay con mẹ Briggs ngốc nghếch và con bé hầu buồng quỷ quyệt kia chứ. ông Bute ơi là ông Bute! Sao ông lại đi gãy xương đùi làm gì cho tôi khổ"!

Tại sao thế nhỉ? Chúng ta đã thấy Bà Bute chơi một nước bạc khá cao lúc vận còn đỏ; bà ta đã hoàn toàn chế ngự được cả nhà, bà Crawley rồi cơ mà? Nhưng cũng chính vì bị đàn áp quá đáng nên hễ gặp dịp là họ nổi loạn ngay tức khắc. Bà Bute và cả nhà bà nghĩ rằng, chính bà là nạn nhân của sự ích kỷ và phản bội ghê gớm; bà đã hy sinh bao nhiêu để chăm lo cho bà Crawley mà bây giờ bị bạc đãi một cách dã man quá. Người đàn bà ngoan đạo này thấy tin Rawdon được thăng chức đăng ầm ĩ trên báo *Tin tức* thì tức cuồng người lên. Bây giờ nó làm đến trung tá, lại chịu tước Tùy giá hiệp sĩ rồi, không chừng bà cô nghĩ lại mất; mà cái bọn Rebecca đáng ghét ấy lại được yêu quý như trước nữa chăng? Bà vợ ông cha xứ lập tức thảo ngay hộ chồng một bài thuyết giáo, phân tích sự phù phiếm của những chiến công quân sự và thịnh vượng của những kẻ xấu; ông thầy tu đáng kính lấy cái giọng tốt nhất đọc từ đầu chí cuối mà không hề hiểu được một chữ. Hôm ấy Pitt Crawley cũng có mặt trong số thính giả. Pitt đưa hai

cô em khác mẹ đến nhà thờ nghe giảng đạo, vì lão nam tước già hồi này không sao đến dự luôn luôn được.

Từ ngày Becky Sharp bỏ đi, lão già ma bùn này mặc sức ngập lặn trong những thú tính hạ cấp, khét tiếng bừa bãi cả một vùng; anh con trai đành cứ câm nín chịu đau khổ. Chiếc mũ của cô Horrocks được dịp trang điểm bằng những cái dải lộng lẫy hơn bao giờ hết. Những gia đình nền nếp hãi hùng lánh xa trại Crawley và ông chủ của nó như lánh hủi. Cụ Pitt la cà xuống nhà các tá điền, ngồi uống rượu với họ. Đến phiên chợ, lão lại ngồi chén chú anh với bọn nông dân ngay trong quán rượu ở Mudbury,và các vùng lân cận. Lão ngồi sóng đôi với cô Horrocks, giong xe bốn ngựa đi chơi Southampton; khắp quận, tuần nào người ta cũng chờ tin đám cưới lão đăng trên tờ báo địa phương; con trai lão cũng yên trí như vậy, song không dám nói ra.

Quả thật là một gánh nặng nhục nhã cho Crawley. Anh này vẫn có thói quen chủ tọa những buổi họp của các giáo sĩ, hoặc những tổ chức có tính chất tôn giáo trong vùng, và thường nói thao thao bất tuyệt hàng mấy tiếng đồng hồ liền; bây giờ anh ta thấy lưỡi mình như cứng lại, bởi vì mỗi khi đứng lên nói, anh ta có cảm tưởng thiên hạ đang xì xào rằng: “Con trai lão Pitt vô lại đấy, giờ này có lẽ lão già đang say sưa trong quán rượu

cũng nên". Có một lần Crawley đang công kích đời sống của vua xứ Timbuctoo vì không biết hắn giấu giếm trong bóng tối có đến bao nhiêu vợ, thì một tên say mèm trong đám đông hét ầm lên: "Ông trẻ đạo đức giả ơi, ở trại Crawley Bà chúa nhà ông, có bao nhiêu vợ thế?"Cử tọa sửng sốt, và bài diễn thuyết của Pitt cũng đi đứt. Cụ Pitt thề từ giờ đến chết không mượn cô giáo dạy trẻ nữa; nếu Pitt Crawley không đe bố, bắt buộc lão già phải cho hai cô con gái vào nội trú trong trường học, thì có lẽ hai cô thiếu nữ cũng đến hư đốn mất.

Mấy người cháu trai và cháu gái của bà Crawley tuy có những chuyện xích mích cá biệt đối với nhau, nhưng đều nhất trí ở điểm cùng hết sức cố gắng yêu quý bà cô, thi nhau mà tỏ lòng kính mến. Bà Bute thì gửi biếu gà tây, và mấy cái bắp cải thật ngon, lại kèm theo một cái túi thật đẹp và một chiếc gối cài kim khâu do chính tay hai cô gái yêu làm; hai cô cũng mong được bà cô thân yêu nhớ đến tý chút. Còn Pitt thì gửi biếu nào đào, nào nho, lại cả thịt thú rừng săn trong trại. Xe ngựa đi Southampton vẫn phải chở những tặng vật ấy đến Brighton cho bà Crawley. Thỉnh thoảng Pitt cũng đi xe ngựa đến thăm bà cô. Vì có chuyện bất hòa với bố nên hồi này Pitt vắng nhà luôn. Không những thế, anh chàng thích đến Brighton, còn vì công nương Jane

Sheepshanks; hai bên có đính ước với nhau, như ta đã rõ. Công nương sống ở Brighton với mấy chị em gái và mẹ là bá tước phu nhân Southdown; xưa nay người đàn bà cương nghị này vẫn nổi tiếng trong giới đạo đức.

Chúng ta cũng phải dành ít lời nói qua về bá tước phu nhân cùng gia đình quý phái của bà… vì hiện nay cũng như sau này bà ta có nhiều liên quan với gia đình Crawley.

Về người đứng đầu gia đình Southdown thứ tư, thì không có gì đáng nói lắm; anh ta được cử vào Nghị viện (cũng như bá tước Wolsey) do sự bảo lãnh của ông Wilberforce. Một thời ông ta đã được người đỡ đầu cho mình về chính trị rất tin cậy; hồi còn trẻ, quả thật anh ta cũng là người đứng đắn; nhưng ông thân sinh ra anh ta vừa chết đi không bao lâu, bà mẹ đã nghe đồn đại nhiều về con trai: nào là hay đàn đúm chơi bời bậy bạ, nào là thua bạc mất vô khối tiền ở sòng bạc nhà Wattier và ở quán "Cây dừa"; bà mẹ lấy làm khổ tâm không thể tưởng tượng được. Anh ta đem cả gia tài ra ký cược lấy tiền tiêu trước, đi chơi đâu cũng giong xe bốn ngựa, lại làm ông bầu tổ chức thi đấu quyền Anh.

Hiện anh ta còn thuê cả một "lô" ghế tại rạp Opera để thết đãi bè bạn toàn một bọn trai trẻ chưa vợ bán giời không văn tự. Người quen bà mẹ góa có của ấy hễ nhắc

đến tên anh ta là ai cũng phải phàn nàn.

Công nương Emily hơn em trai rất nhiều tuổi; cô này khá nổi tiếng trong giới nghiên cứu đạo lý và là tác giả mấy cuốn sách thú vị đã nói ở trên, và nhiều bài thơ tôn giáo ấy là một cô gái ở vậy đã quá lứa, không còn tơ tưởng mấy tý đến chuyện chồng con, bây giờ bao nhiêu tình cảm còn lại dốc vào sự thương xót những người da đen. Hình như cô ta là tác giả bài thơ xinh xinh sau đây:

Hãy đưa ta đến hòn đảo nào chói nắng,

Phía trời tây xa tít giữa trùng dương.

Nơi nghìn năm trời xanh cười tươi tắn.

Mà người da đen vạn kiếp khóc thê lương.

Cô ta vẫn còn thư từ đi lại với nhiều mục sư ở hầu hết các thuộc địa Đông Âu và Tây Ấn của ta; hình như cô còn mang một mối tình u ẩn với cha xứ Silas Hornblower; nghe đâu ông này bị bọn người bán khai tại những đảo xa xôi miền cực nam xa xôi xăm mình mất rồi.

Còn công nương Jane, ý trung nhân của Pitt Crawley, như ta đã rõ. Là người tính tình hiền hậu, e lệ, nhút nhát và ít nói. Thấy anh trai hư hỏng, cô chỉ khóc lóc, và tự lấy làm xấu hổ vì mình vẫn quý anh như cũ. Nhiều khi, cô vẫn giấu giếm viết những mẩu thư ngắn gửi cho anh.

Suốt đời, cô chỉ có mỗi một điều bí mật khiến cho lương tâm cắn rứt là cô một lần đã cùng bà quản gia có tuổi lén đến thăm Southdown ở Albany, và thấy anh trai gớm ghiếc, cái ông mãnh trời đánh – đang hút xì gà, ngồi trước một chai rượu ca-cao. Cô rất khâm phục chị gái, rất kính mến mẹ; lại thường vẫn coi Pitt Crawley là người đàn ông lịch sự, tài giỏi nhất thiên hạ, sau Southdown dĩ nhiên, vì đối với cô, Southdown là một vị thiên thần đã chết. Cô coi mẹ và chị là hai người đàn bà siêu quần, họ lo lắng hết thảy cho cô; họ nhìn cô với thái độ thương hại khả ái của những người phụ nữ đối đãi với những người tầm thường hơn mình. Mẹ cô may quần áo cho cô, mua sách cho cô, sắm mũ cho cô, suy nghĩ hộ cô nữa. Cô sinh ra đời để cưỡi ngựa đi chơi, để tập đàn dương cầm, cũng như để làm mọi việc khác theo sở thích của Southdown phu nhân. Nếu như không nhân dịp công nương Jane được vào chầu nữ hoàng Charlotte mà phải bỏ "quần yếm" ra thì có lẽ bá tước phu nhân còn cứ bắt cô đeo mãi, mặc dù cô đã hai mươi sáu tuổi.

Khi mấy mẹ con bà bá tước đến Brighton, Crawley chỉ đến thăm riêng họ; anh ta chỉ gửi lại nhà bà cô một tấm danh thiếp, và nhã nhặn hỏi thăm bác Bowls hoặc anh phụ việc vài lời về tình hình sức khỏe của người ốm. Lần gặp bà Briggs từ hiệu sách về nhà, khệ nệ ôm một

chồng tiểu thuyết, Crawley đỏ mặt lên một cách khác thường, lúc tiến lại bắt tay người bạn của cô mình, vì tình cờ lúc đó anh ta đang cùng đi với công nương Jane; anh ta bèn giới thiệu Briggs với người yêu: "Công nương Jane, cho phép tôi giới thiệu người bạn tốt nhất và cũng là người thân cận dịu dàng nhất của cô tôi, bà Briggs là tác giả tập thơ *Tiếng Tơ Lòng* mà cô nương rất ưa đọc". Công nương Jane cũng đỏ mặt lên, giơ bàn tay bé nhỏ của mình ra cho bà Briggs nắm; cô ấp úng nói mấy câu không đầu không đuôi về mẹ mình, rồi hứa sẽ đến thăm bà Crawley, đồng thời tỏ ý rất vui mừng được làm quen với bè bạn và thân nhân của Pitt Crawley.

Lúc chia tay đôi mắt cô nhìn bà Briggs dịu dàng như mắt chim bồ câu; Pitt Crawley thì cúi rạp xuống chào bà này, như anh ta vẫn chào quận chúa Pumpernickel, hồi anh ta còn nhận chức tùy viên ngoại giao bên cạnh quận chúa.

Thật là một nhà ngoại giao có thủ đoạn, xứng đáng là học trò của ngài Machiavellian Binkie[145]. Chính anh ta đưa cho công nương Jane xem tập thơ của bà Briggs; anh ta nhớ có lần bắt gặp tập thơ này ở trại Crawley Bà chúa; thấy có lời tác giả đề tặng bà mẹ kế đã quá cố, anh ta bèn mang đến Brighton; ngồi trên chuyến xe Southampton, anh ta đọc thơ, lấy bút chì gạch đánh dấu

rồi trao cho công nương Jane. Lại cũng chính anh ta trình bày với Southdown phu nhân rằng nếu gia đình Southdown liên hệ chặt chẽ với bà Crawley thì sẽ có lợi như thế nào… theo ý anh ta thì có lợi cả về vật chất và tinh thần: bây giờ bà Crawley hoàn toàn trơ trọi; Rawdon vì cái tính hoang toàng và cái tội lấy vợ không "môn đăng hộ đối" đã bị bà ghét cay ghét đắng rồi; bà Bute Crawley thì tham lam, hám lợi và ngang ngược quá. Bà gái già đã phải nổi loạn chống lại sự lạm quyền quá quắt ấy. Riêng Pitt Crawley xưa nay vẫn tránh không chịu tranh thủ cảm tình của bà lão; anh ta thấy có lẽ mình kiêu ngạo không đúng chỗ; bây giờ chính là lúc cần áp dụng những biện pháp thích đáng, vừa để cứu vớt linh hồn bà lão khỏi sa xuống địa ngục, vừa nhằm ăn chắc cái gia tài của bà về phần mình với tư cách là trưởng họ Crawley.

Southdown phu nhân vốn là người cả quyết, hoàn toàn tán thành đề nghị của con rể, định cải đạo bà Crawley ngay tắp lự. Hồi còn ở đất Southdown và lâu đài Trottermore, vị sứ giả to béo và ghê gớm của chân lý này thường ngồi xe giong khắp nơi, có kỵ sĩ theo hầu; bà ném hàng bó sách đạo cũng như bà ra lệnh cho bác Hicks đoạt thuốc súng của một anh James nào đó mà không cần đến sự can thiệp của các mục sư tại chức.

Hồi bá tước Southdown còn sống – ông này mắc bệnh, tính tình giản dị – ông chồng vẫn có thói quen tán thành mọi việc làm, mọi ý kiến của bà Matilda (mà tư tưởng ấy cũng khá phức tạp, vì bà chịu ảnh hưởng của đủ mọi thứ học giả ly khai với chính giáo), bà không nề hà gì mà không ra lệnh cho tất cả tá điền và người hầu phải tin tưởng như mình. Cho nên, bất cứ vị tu sĩ nào đến chơi, là đức cha Saunders McNitre người Scotch hay đức cha Luke Waters thuộc dòng Wesleyan, hoặc đức cha Giles Jowls ông thợ giầy mộ đạo, người đã tự phong cho mình chức linh mục y như Napoléon tự tôn làm hoàng đế vậy… bất cứ ai đến chơi, bà cũng bắt cả nhà từ lớn chí bé cùng bà quỳ xuống nghe các vị ấy cầu kinh mà nói "A-men" tất. Trong lúc ấy, vì ốm, nên ông già Southdown được phép cứ ở trong phòng mình để uống rượu, đọc báo. Ông lão quý công nương Jane nhất nhà; cô này cũng săn sóc yêu quý cha thực tâm nhất nhà. Công nương Emily là tác giả cuốn "*Người thợ giặt ở Finchley";* cô ta miêu tả trong sách những sự trừng phạt ở thế giới bên kia ghê gớm quá (sau này cô có thay đổi quan điểm) làm ông bố già nhút nhát đọc đến mà phát ốm; các ông thày thuốc tuyên bố rằng cứ khi nào nghe con gái thuyết giáo là ông lão lại lên cơn bệnh.

Nghe Pitt Crawley, anh con rể tương lai khuyến khích

mình, Southdown phu nhân đáp:

- Thế nào tôi cũng đến thăm. Thầy thuốc chữa cho bà Crawley là ai đấy nhỉ?

Pitt Crawley đáp là ông Creamer.

- Anh Pitt ơi, lão này có biết thuốc men là cái gì đâu, uống thuốc của lão nguy hiểm lắm. Nhờ ơn Chúa tôi đã nhiều lần có dịp tống khứ lão ta ra khỏi nhiều gia đình đấy; cũng có một đôi lần tôi đến không kịp. Tôi đã không cứu được tướng Glanders tội nghiệp đang chết ngắc ngoải trong tay gã ngu ngốc đó; tôi đến thăm thấy thế bèn lấy thuốc viên của Podgers cho nuốt thấy hồi lại đôi chút, nhưng rồi cũng hỏng. Chậm quá mất rồi. Ông ta chết cũng nhẹ nhàng, được sang thế giới bên kia, thế cũng là việc hay. Anh Pitt ạ, phải tống khứ lão Creamer đi mới xong.

Pitt tỏ ý hoàn toàn tán thành. Anh ta quen chịu ảnh hưởng của bà mẹ vợ tương lai có tính tình cương quyết. Chính anh ta đã quen tiếp những Saunders McNitre, Luke Waters, Giles Jowls, và uống cả thuốc viên của Podgers lẫn của Rodgers hoặc thuốc nước của Pokey, nghĩa là đủ mọi thứ thuốc vật chất và tinh thần tự tay bà bá tước trao cho. Lần nào từ biệt gia đình này ra về, anh ta cũng kính cẩn ôm theo hàng chồng sách thần học lăng nhăng và sách thuốc lang băm. Ôi, những người

bạn quen thuộc với *Hội chợ phù hoa* của tôi ơi, có ai chưa bao giờ phải chịu đựng sự thống trị của một vị bạo chúa nhân từ như thế không? Tha hồ cho ta nói: "Kính thưa quý bà, năm ngoái tôi đã theo lệnh quý bà uống thuốc của Podgers, tôi đã tin tưởng là thuốc hay rồi, sao bây giờ tôi lại cứ phải đổi ý kiến mà uống thuốc của Rodgers nữa cơ chứ?" Vô ích; người tín đồ mới mẻ ấy không thể lấy lý luận mà thắng được, lập tức khóc hu hu lên; thế là cuối cùng kẻ xa rời chính đạo đành bưng lấy bát thuốc, nói: "Vâng, vâng, thì thuốc của Rodgers hay hơn vậy."

Dĩ nhiên, về mặt tinh thần, bà ấy cần được săn sóc ngay lập tức. Trót uống thuốc của lão Creamer rồi, rất có thể chết lúc nào không biết đấy; mà chết với một tâm trạng như thế nào, anh Pitt? Một tâm trạng khủng khiếp? Tôi sẽ lập tức phái đức cha Irons đến ngay. Jane đâu, viết ngay thư thay mặt mẹ gửi cha Bartholomew Irons, xưng với cha bằng ngôi thứ ba, mời đức cha tối nay đến chơi xơi nước, hồi sáu giờ rưỡi. Đức cha nhiệt tình lắm. Thế nào đức cha cũng phải gặp bà Crawley ngay đêm nay, trước khi bà ấy đi nghỉ. Còn Emily, con gái yêu của mẹ ơi, con phải sắp sẵn ngay một chồng sách để biếu bà Crawley. Lấy quyển *Một tiếng gọi trong đám lửa. Tiếng kèn báo động Jericho, Cái nồi vỡ* hay là cuốn *Kẻ ăn thịt*

người được cải đạo nhé…

Công nương Emily góp ý:

- Cả cuốn *Người thợ giặt ở Finchley* nữa, mẹ ạ. Mới đầu ta phải vuốt ve dịu dàng chứ.

Nhà ngoại giao Pitt ngắt lời:

- Thôi thôi, các chư vị. Để tỏ ý hết sức tôn trọng ý kiến của Southdown phu nhân tôn kính, con thiết thưởng ta bắt đầu ngay với bà Crawley bằng những chuyện đứng đắn quá, e không lợi. Nên nhớ rằng bà ấy đang yếu, và xưa nay, ít khi, phải, rất ít khi bà ấy chú ý tới những chuyện dính đáng đến hạnh phúc vĩnh cửu của mình.

Công nương Emily tay lăm lăm ôm sáu quyển sách đã đứng lên:

- Ta bắt tay ngay vào việc chứ, chú Pitt?

- Nếu chị hành động đột ngột quá, bà ấy sợ. Tôi biết tính bà cô tôi, ta vào đề đột ngột quá thì hỏng bét. Bà ấy sẽ phát hoảng và bực mình. Chưa biết chừng bà ấy sẽ quẳng mấy cuốn sách vào một xó, không thèm nhìn mặt chúng ta nữa.

- Chú Pitt ạ, chú cũng ưa xã giao chẳng kém gì bà Crawley.

Công nương Emily nói rồi ôm chồng sách ra thẳng.

Pitt hạ thấp giọng nói tiếp, không để ý đến lời Emily:

- Phu nhân Southdown quý mến ạ, chẳng nói chắc bà cũng hiểu, nếu ta không nhẹ nhàng, thận trọng, thì hỏng hết, không hy vọng gì hưởng món gia sản của bà cô con đâu. Xin bà nhớ cho rằng cô con có bảy mươi vạn đồng bảng vốn, tuổi lại già mà ốm yếu quặt quẹo luôn. Bà cụ định cho thằng em con là trung tá Crawley hưởng gia tài, nhưng hủy di chúc đi rồi. Đang lúc bà cụ bực mình, ta phải dùng cách mơn trớn mới hy vọng dẫn được về con đường phải; sỗ sàng là hỏng việc. Cho nên, chắc bà đồng ý với con rằng… rằng…

Southdown phu nhân đáp ngay:

- Dĩ nhiên, dĩ nhiên rồi, Jane, thôi; không cần biên thư cho ông Irons, con ạ. Nếu bà ấy còn yếu, chưa thảo luận được, ta đợi bao giờ khỏe hàng hay. Mai, tôi sẽ đến thăm bà Crawley.

Pitt ngọt ngào thêm:

- Mà con có ý kiến, có nhẽ ta không nên mang Emily đi theo; chị ấy hăng hái quá, không lợi. Bà nên cho công nương Jane cùng đi, cô ấy dịu dàng, có lợi hơn.

Southdown phu nhân đáp:

- Phải lắm, Emily sẽ làm hỏng hết việc mất.

Lần này, bà ta chịu nhượng bộ, không dùng đến chiến thuật quen thuộc của mình, nghĩa là mỗi khi muốn khuất phục ai, bà thường đánh phủ đầu bằng một lô sách đạo (y như kỵ binh Pháp trước khi tấn công phải bắn một loạt đại bác đã). Vậy thì hoặc vì sức khoẻ, vì hạnh phúc vĩnh cửu sau này của người bệnh, hoặc vì tiền không rõ, Southdown phu nhân đã chịu nhượng bộ.

Hôm sau, người ta thấy chiếc xe ngựa đồ sộ của gia đình Southdown dừng lại bệ vệ trước cửa nhà bà Crawley. Trên vách xe, có vẽ một hình quả trám, trên có huy hiệu bá tước (ba con cừu non sơn màu bạc trên nền xanh đậm tức là dấu hiệu đặc biệt của gia đình Southdown, ở một góc có tô màu đen trên nền kim nhũ, ngụ ý thuộc dòng họ Binkie).

Anh hầu người cao lớn trao cho bác Bowls một tấm danh thiếp của bá tước phu nhân gửi cho bà Crawley, và một tấm gửi cho bà Briggs. Tối hôm ấy, công nương Emily cũng gửi cho bà Briggs một bọc sách, trong đó có cuốn truyện *Người thợ giặt*… cùng nhiều cuốn sách khác như *Bánh vụn trong nhà bếp, Chảo và lò, Bộ áo của Tội lỗi*. Đại loại toàn những sách ghê gớm cả, để bà Briggs và các gia nhân khác đọc.

CHƯƠNG XXXIV
CÁI TẨU CỦA JAMES CRAWLEY BỊ QUẲNG ĐI

Thấy Pitt Crawley nhã nhặn, lại thấy công nương Jane tỏ ra rất lịch sự với mình, bà Briggs lấy làm hể hả lắm; cho nên lúc nhận được tấm danh thiếp của Southdown phu nhân, bà thấy mình phải nói tốt về công nương với bà Crawley. Một vị bá tước phu nhân mà lại gửi cả danh thiếp cho chính mình! Người đàn bà trơ trọi đáng thương này làm sao không cảm động cho được.

- Này, bà Briggs, Southdown phu nhân gửi danh thiếp cả cho bà, thế là nghĩa lý gì nhỉ?

Bà Crawley, người vẫn có tư tưởng cộng hòa hỏi thế. Bà Briggs ngoan ngoãn đáp, tỏ ý hy vọng rằng việc một bậc mệnh phụ chiếu cố đến một người đàn bà tầm thường không có gì đáng ngại; đoạn bà ta cất kỹ tấm danh thiếp vào chiếc hộp khâu cùng với những vật quý giá nhất. Bà Briggs còn kể lại hôm trước gặp Pitt Crawley đi chơi với cô em họ đồng thời là vị hôn thê như thế nào, những là cô thiếu nữ trông xinh đẹp, dịu dàng lắm, cô ta bận một tấm áo giản dị, nhưng không phải là xoàng xĩnh… bà Briggs tả lại từ cái mũ cho đến đôi giầy, thật đúng lối kể chuyện tỉ mỉ của đàn bà.

Bà Crawley không ngắt lời nhiều, cứ mặc cho bà Briggs thao thao bất tuyệt. Trong người thấy đã hơi khỏe, bà Crawley bắt đầu thèm tiếp khách. Ông thầy thuốc Creamer nhất định không bằng lòng cho bà trở về cuộc sống bừa bãi ở Luân-đôn như trước, cho nên bà lão già này chỉ mong sao có khách khứa đến thăm mình ngay tại Brighton thì sướng quá. Không những bà nhận tiếp gia đình Southdown ngay hôm sau mà còn có nhã ý cho gọi cả Pitt Crawley đến chơi nhân thể. Anh ta cùng đến với Southdown phu nhân và cô con gái. Bà bá tước góa chồng không hé răng nói nửa lời về tình hình tư tưởng của bà Crawley, chỉ kín đáo nói toàn những chuyện về thời tiết; về chiến tranh, về sự thất bại của con quỷ Bonaparte, nhất là những chuyện về thầy thuốc, lang băm, và tài năng đặc biệt của bác sĩ Podgers, người được bà đỡ đầu.

Trong buổi gặp gỡ hôm đó, Pitt Crawley đã chơi một miếng đòn thật lợi hại, chứng tỏ giả sử anh ta không từ bỏ làng ngoại giao quá sớm, hẳn anh ta có thể leo lên những chức vụ cao cấp trong nghề. Lúc bá tước phu nhân Southdown theo "mốt" đương thời công kích tên dân đảo Corse hãnh tiến, nhất định cho hắn ta là một con quỷ phạm đủ mọi thứ tội ác trên đời, là một thằng hèn nhát, một tên bạo chúa, không đáng được sống trên trái

đất, và sự sụp đổ của hắn là do trời định v.v… thì đột nhiên Pitt Crawley đứng ngay ra biện hộ cho Napoléon: Anh ta miêu tả viên đệ nhất Tổng tài, như anh ta đã gặp trong lúc ký hòa ước Amiens; hồi ấy anh ta có vinh dự được biết Fox tiên sinh một nhà chính trị đại tài, người vẫn tỏ thái độ hết sức kính trọng hoàng đế Napoléon; tuy giữa anh ta và ông Fox có nhiều điểm bất đồng ý kiến nhưng anh ta vẫn không thể không kính phục ông này. Anh ta còn lớn tiếng mạt sát thái độ hèn nhát của đồng minh trong việc đối xử với vị hoàng đế bị truất ngôi này; anh ta thấy Napoléon đã chịu đầu hàng một cách anh hùng, vậy mà bị đi đầy một cách nhục nhã, tàn tệ, trong khi kẻ thay thế nắm quyền sinh sát cả nước Pháp chỉ là một tên cuồng tín vô danh tiểu tốt thuộc phe giáo hoàng La-mã, như vậy thậm vô lý.

Công kích thái độ mê tín với La-mã, thế là tranh thủ được cảm tình của Southdown phu nhân, đồng thời ca tụng Fox và Napoléon tức là được lòng bà Crawley. Trong phần đầu cuốn truyện, chúng ta đã nói tới tình bạn thân thiết giữa bà này và nhà chính trị người Anh đã quá cố! Bà Crawley thật xứng danh là một người thuộc phái Whig[146]; suốt thời gian chiến tranh, bà vẫn đứng về phe đối lập.

Tuy bà chẳng vì sự sụp đổ của vị hoàng đế mà đời bà

giản dị hoặc kém thoải mái đi chút nào, bà cũng thấy mát lòng mát dạ. Chỉ một câu nói, anh ta đoạt được ngay cảm tình của bà lão.

- Thế còn ý kiến của cô nương ra rao?

Bà Crawley hỏi công nương Jane. Thoạt nhìn cô thiếu nữ, bà đã có cảm tình ngay vì xưa nay bà vẫn ưa những cô gái xinh đẹp mà e lệ, tuy rằng cảm tình của bà sôi lên cũng chóng, mà nguội đi cũng nhanh.

Công nương Jane đỏ bừng mặt, đáp rằng mình không biết gì về chính trị, xin nhường cho những bậc cao minh; song cô cũng thấy ý kiến của mẹ nhất định là đúng, và Crawley nói cũng rất hay. Kết thúc buổi gặp gỡ, hai mẹ con bà khách ra về, bà Crawley ngỏ ý "hy vọng rằng Southdown phu nhân sẽ vui lòng cho phép công nương Jane thỉnh thoảng đến chơi, nếu công nương có lòng bớt chút thì giờ an ủi một người đàn bà ốm đau già yếu trơ trọi". Bà khách vui vẻ nhận lời, hai người chia tay nhau hết sức thân mật.

Đoạn bà Crawley bảo cháu:

- Anh Pitt, lần sau đừng đưa Southdown phu nhân đến nữa. Bà ấy ngu xuẩn, và tự phụ giống cả họ bên nhà mẹ anh, tôi không sao chịu nổi. Nhưng mà cái cô Jane xinh xinh ấy thì anh cứ đưa đến chơi lúc nào cũng được.

Pitt hứa vâng lời. Anh ta không dám cho bá tước Southdown phu nhân rõ cô mình đã đánh giá bà này ra sao; trái lại, bà bá tước cứ đinh ninh rằng mình đã gây một ấn tượng rất sâu sắc và đẹp đẽ đối với bà Crawley. Công nương Jane đến thăm bà Crawley luôn; cô không thấy việc an ủi một người ốm là đáng sợ, hoặc có lẽ cô thấy thỉnh thoảng cũng nên giải thoát mình khỏi cái giọng thuyết giáo lè nhè phát ngấy của đức cha Bartholomew Irons, cũng như khỏi phải nhìn mặt một bọn nịnh hót nguy hiểm vẫn bám lấy váy cái bà bá tước là mẹ cô. Cô dong xe ngựa cùng đi chơi với bà Crawley, hoặc buổi tối cùng bà ngồi tán chuyện gẫu. Bản tính cô tốt và hiền hậu, ngay cả bà Firkin cũng không ghen ghét vào đâu được; còn bà Briggs thì nhận thấy mỗi khi công nương Jane đến chơi bà chủ tỏ ra bớt tàn nhẫn với mình. Bà Crawley tiếp đãi cô hết sức lịch sự. Bà kể lại cho cô thiếu nữ nghe bao nhiêu chuyện hồi bà còn trẻ, thân mật khác hẳn khi chuyện trò với cái cô Rebecca quỷ quái kia. Công nương Jane có cái vẻ ngây thơ đặc biệt khiến cho không ai dám nói điều gì sỗ sàng trước mặt, còn bà Crawley lại là người quá lịch thiệp, không khi nào cư xử như vậy. Bản thân công nương cũng chẳng được ai đối xử tử tế ngoài bà gái già này và cha và anh nên cô cũng đáp lại bằng một thái độ nhã nhặn và một tình bạn chân thành.

Những buổi tối mùa thu năm ấy (trong khi Rebecca đang sống huy hoàng ở Paris, nổi bật giữa những sĩ quan của quân đội chiến thắng, còn Ameia, cô Ameia đau thương của chúng ta, thì không biết ở đâu!), công nương Jane thường ngồi trong phòng khách nhà bà Crawley vào lúc hoàng hôn, dịu dàng hát cho bà này nghe những bài hát giản dị mộc mạc mà cô ưa thích, trong khi bên ngoài, mặt trời dần lặn, và sóng biển gầm thét xô vào bãi cát. Hễ tiếng hát ngừng, thì bà lão lại thức dậy đòi được nghe thêm.

Bà Briggs giả bộ ngồi đan sung sướng quá, chảy bao nhiêu là nước mắt; bà cảm động nhìn bóng đêm phủ dần xuống mặt biển, và những ngôi sao mỗi ngày một lóng lánh hơn trên bầu trời… Ai biết được bà Briggs của chúng ta đa cảm và sung sướng đến chừng nào nhỉ?

Pitt thì ngồi trong phòng ăn, đọc một cuốn sách nói về ngũ cốc, hoặc tờ báo của Hội truyền giáo; đó là thú giải trí quen thuộc của nam giới sau bữa ăn tối, dù là người lãng mạn hay không lãng mạn cũng vậy. Anh ta vừa nhấm nháp cốc rượu madera, vừa xây dựng trong đầu bao giấc mộng viển vông. Những lúc này, anh ta thấy mình đẹp trai quá, và càng thấy yêu công nương Jane hơn bao giờ hết; hai người đính ước với nhau đã bảy năm qua mà chưa khi nào Pitt tỏ ra sốt ruột; rồi anh

ta ngủ một giấc dài. Đến giờ uống cà- phê, bác Bowls thường thình thịch bước vào để mời ngài Pitt ra uống thì đã thấy ngài đang vùi đầu đọc sách trong xó tối rồi.

Một buổi tối, thấy bác Bowls mang cà-phê và mấy cây nến vào bà Crawley liền bảo:

- Công nương ơi, giá có ai chơi bài Pic-kê với tôi thì hay quá; Cái bà Briggs chơi bài vụng lắm, ngu cứ như con lừa (bà già này vẫn thói quen sỉ nhục bà Briggs ngay trước mặt đầy tớ). Đánh bài xong, chắc tôi ngủ được ngon giấc.

Công nương Jane đỏ ửng từ hai tai cho đến tận mười đầu ngón tay búp măng. Chờ cho bác Bowls ra khỏi phòng, cửa đã đóng chặt cô mới đáp:

- Bà Crawley ạ, cháu cũng biết chơi qua loa. Trước cháu vẫn thỉnh thoảng đánh bài với… ba cháu…

Bà Crawley sung sướng quá, kêu lên:

- Lại đây hôn tôi đi, lại đây hôn tôi một cái ngay đi; cô bé đáng yêu quá!

Khi Pitt cầm cuốn sách lên gác đã thấy bà già và cô thiếu nữ đang chơi bài rất vui vẻ; suốt buổi tối hôm ấy cô Jane tội nghiệp kia mặt cứ đỏ bừng lên.

Đừng tưởng rằng mưu mẹo khôn ngoan của Pitt

Crawley thoát khỏi được mắt thân nhân của anh ta ở nhà thờ trại Crawley Bà chúa. Hai quận Hamshire và Sussex sát ngay cạnh nhau, bà Bute Crawley có vô khối người quen ở quận bên kia sẵn sàng cung cấp cho bà tất cả mọi tin tức về những chuyện xảy ra tại nhà bà Crawley ở Brighton, còn nhiều hơn sự thực nữa là khác. Càng ngày Pitt càng năng đến Brighton. Có đến hàng mấy tháng liền, anh ta không về trại, mặc ông bố tồi tệ tha hồ say sưa bí tỷ, vui thú cùng cái gia đình Horrocks bỉ ổi. Sự thành công của Pitt khiến cho gia đình ông cha xứ phát điên; còn bà Bute Crawley thì nghĩ ngấm nghĩ ngầm mà tiếc đứt ruột; thành ra chỉ vì bà có cái lỗi lớn là đã sỉ nhục bà Briggs, quá nghiệt ngã, miệt thị Bowls và bà Firkin, nên bây giờ không có một người ở ngay trong nhà bà em chồng để đưa tin? Bà cứ nhất định đay nghiến chồng: "Chỉ tại cái xương đùi của ông cả. Nó không gãy thì tôi đâu phải bỏ về. Tôi thật khổ vì nhiệm vụ, khổ vì cái thói mê săn bắn giời đánh ấy, ông Bute ạ".

Ông cha xứ cãi:

- Tại tôi đi săn à? Chỉ nói vớ vẩn! Tại bà làm cho họ phát hoảng lên thì có. Bà khôn ngoan lắm, nhưng tính nết bà cũng đáo để quá đáng cơ, chỉ biết ôm khư khư lấy tiền thôi, bà Bacbara ạ. Bà khôn ngoan lắm, nhưng cũng tại bà cứ muốn xỏ dây vào lỗ mũi người khác đấy.

Đoạn nhà tu hành tự an ủi bằng một cốc rượu to tướng.

Ông ta tiếp:

- Không biết bà ấy báu gì cái thằng Pitt Crawley ngốc nghếch kia nhỉ? Thằng cha nhát như cáy, không dám đuổi cả một con ngỗng. Cái thằng Rawdon ấy nó mới thực là người đàn ông; tôi còn nhớ ngày trước có cầm roi đuổi thằng Pitt chạy quanh chuồng ngựa mà quật túi bụi, thằng Pitt khóc hu hu chạy về gọi mẹ. Ha! ha! Thật đấy chứ, con mình, đứa nào cũng đủ sức quật cho nó ngã như nhái. Thằng Jim kể chuyện rằng ở Oxford, chúng nó gọi thằng Pitt là *cô* Pitt Crawley…

Ngừng lại một lúc, ông ta lại bảo:

- Bacbara, tôi bảo này…

- Cái gì?

Bà vợ đang vừa cắn móng tay, vừa gõ nhịp lên mặt bàn.

- Hay là ta cho thằng Jim đến Brighton với bà lão xem có làm ăn được gì không. Nó sắp thi đỗ rồi; bà cũng biết đấy nó chỉ mới được học đại học, được ở Oxford có nhiều cái lợi lắm. Nó vẫn cầm lái trong những cuộc đua thuyền đấy; mặt mũi nom sáng sủa. Chết cha thật? Bà nó này, cứ gửi nó về với bà lão, hả? Dặn nó nếu thằng Pitt

lếu láo thì cứ nện cho một trận, Ha! ha? ha?

Bà vợ thở phào đáp:

- Jim đến thăm bà ấy kể cũng được; giá ta đưa được một đứa con gái vào thì tốt hơn; nhưng bà ấy không chịu đâu, chúng nó chả đứa nào nom ra hồn người!

Hai cô thiếu nữ bất hạnh được ăn học cẩn thận này đang ở trong phòng khách ngay sát cạnh. Các cô đang nện những ngón tay cứng nhắc xuống những phím đàn dương cầm rầm rầm; suốt ngày họ phải chơi âm nhạc, đeo biển gỗ sau lưng, nếu không phải học địa lý, học lịch sử… Nhưng trong *Hội chợ phù hoa*, những khả năng ấy nào có giúp ích gì được cho cái cô thiếu nữ khổ người ngắn cũn cỡn, mặt xấu, da thô? bà Bute chỉ hy vọng cậu thầy lễ sẽ cưới một cô làm vợ. Giữa lúc ấy Jim từ chuồng ngựa bước vào, trên chiếc mũ bằng da dầu có gài một cái tẩu ngắn; hai bố con trao đổi với nhau về giải ngựa thi ở St. Leger, câu chuyện của hai vợ chồng ngừng lại ở đấy.

Bà Bute không hy vọng gì lắm về việc phái anh con trai là James làm sứ giả, cho nên lúc tiễn con đi mặt bà nom cứ ỉu xìu xìu. Bản thân anh chàng cũng chẳng phấn khởi lắm. Anh ta chỉ hy vọng may ra bà cô sẽ thí cho một món tiền nào đó đủ để trả ngay mấy món cần tiêu cấp bách đầu niên học sắp tới ở Oxford; thế là anh ta lên

xe ngựa ở trạm Southampton, tối hôm ấy đến Brighton, mang theo cả va-ly, con chó săn Towzer yêu quý cùng một cái giỏ lớn đầy những sản vật trong trại, tức là tặng vật của những người nhà thờ gửi biếu bà Crawley. Thấy mình đến quá muộn không tiện làm phiền bà cô ốm ngay đêm ấy, anh chàng vào quán trọ nghỉ, mãi trưa hôm sau mới đến thăm bà Crawley.

Lần trước gặp James Crawley, bà cô thấy thằng cháu còn là một anh con trai mới lớn vụng về, đang tuổi dậy thì, giọng nói biến chuyển từ chỗ the thé đến cái giọng ồ ồ… mặt thì đầy những nốt trứng cá. Ấy là thời con trai hay lấy trộm kéo may của chị để cạo râu và hễ nom thấy con gái là sợ rúm cả người lại, và cũng là thời kỳ bàn tay và cổ chân to kệch nom như thò dài ra ngoài quần áo lúc này đã trở nên quá chật. Sau bữa cơm, các bà không thích sự có mặt của hạng con trai mới lớn này; họ ưa ngồi trong phòng khách thì thầm với nhau những chuyện bí mật gì gì ấy; còn bọn đàn ông quanh bàn ăn thì hết sức khó chịu vì họ không tiện nói với nhau những chuyện lý thú trước mặt những anh chàng ngây thơ chưa nếm mùi đời. Thường, uống xong cốc rượu tráng miệng thứ hai là ông bố bảo ngay. “Jack, ra xem ngoài trời có tối lắm không? Thế là cu cậu rời khỏi bàn tiệc, vừa sung sướng vì được tự do, lại vừa bực mình vì

không được coi là người lớn. Bây giờ anh chàng James gà tồ đã là một thanh niên thực sự, được thụ hưởng một nền giáo dục đại học, có cái phong thái lịch sự đặc biệt của một sinh viên sống phóng túng trong một trường đại học nhỏ; anh ta mắc nợ đầm đìa, thi trượt, và bị đuổi.

Tuy nhiên, trông James cũng đẹp trai; lúc đến trình diện với bà cô, được bà có cảm tình ngay. Tính hay đỏ mặt và những điệu bộ lúng túng của anh ta cũng không có hại gì, vì bà Crawley cho rằng có như thế mới gọi là cậu con trai còn thơ ngây, đứng đắn.

Anh ta thưa rằng mình định ở chơi vài ngày thăm một người bạn học cùng trường và… và để thăm sức khỏe của bà cô, lại chuyển lời bố mẹ chúc cô luôn mạnh khỏe.

Lúc người nhà báo tin James đến chơi. Pitt đang có mặt trong phòng; nghe nhắc đến tên James mặt anh ta tái lại.

Bà cô thấy anh cháu bối rối lấy làm thú vị lắm. Bà hỏi thăm tất cả mọi người ở nhà thờ, và nói mình cũng dự định bữa nào tiện sẽ về chơi một buổi. Bà ta còn khen anh cháu giỏi trai, dạo này lớn trông thấy mà trông có mẽ người lắm, tiếc rằng hai cô chị mặt mũi chẳng được sáng sủa như vậy. Khi hỏi ra biết cháu trọ ở khách sạn, bà cô nhất định không nghe, bắt bác Bowls cho người đi

mang hành lý của cháu về ngay lập tức. Bà còn dặn thêm: "Bowls, nhớ trả hộ cả tiền trọ cho cậu James nhé".

Bà liếc nhìn Pitt tinh quái, làm cho nhà ngoại giao suýt chết ngất đi vì ghen tức. Anh ta khéo bợ đỡ lấy lòng bà cô đã nhiều nhưng chưa lần nào được bà giữ ngủ lại chơi trong nhà, thế mà cái thằng ranh con mới đến đã được tiếp đón nồng nhiệt gớm.

Bác Bowls tiến lên cúi rạp người xuống hỏi:

- Xin cậu tha lỗi, không rõ thằng Thomas phải đến khách sạn nào để lấy hành lý ạ?

- Ấy chết, để tôi đi.

James giật nảy mình, đáp. Bà Crawley bảo:

- Ô hay?

James đỏ mặt mũi, đành nói:

- Ở quán trọ "Con bò".

Bà Crawley nghe nói phá ra cười. Bác Bowls cũng cười một tiếng thật to, vì bác là một người đầy tớ thân tín trong gia đình, nhưng rồi bác im bặt ngay; nhà ngoại giao chỉ mỉm cười.

James cúi mặt nói:

- Cháu… cháu không biết có khách sạn nào tốt hơn. Cháu chưa đến đây bao giờ. Thằng xà ích mách cháu đến chỗ ấy.

Cái thằng nói dối như ranh. Sự thực thì hôm trước, James gặp Tutbury Pet, là bạn cũ cùng đi trên chuyến xe ngựa Southampton; cũng đi Brighton để tỉ thí với Rottingdean Fibber. Nghe Pet tán chuyện vui tai, anh chàng theo bạn đến quán trọ này cùng nghỉ.

James lại tiếp:

- Thôi… để… để… cháu đến trả tiền trọ cũng được. Ai lại để cô phải trả tiền như thế.

Thấy cháu tế nhị, bà cô lại cười. Bà vẫy vẫy tay, ra lệnh cho đầy tớ: "Bowls, đi trả tiền trọ cho cậu, rồi đem hóa đơn về đây". Thật khốn khổ, bà lão không biết mình vừa làm một việc tai hại. James cuống cả người lên, vội nói:

- Có… có con chó con đấy. Để tôi đi thì hơn. Nó hay cắn vào bắp chân bọn đầy tớ lắm.

Cả nhà phá ra cười vì câu nói ngộ nghĩnh, cả bà Briggs và công nương Jane từ nãy đến giờ vẫn ngồi yên lặng cũng vậy. Bác Bowls không nói gì, bước ra.

Bà Crawley muốn trừng phạt anh cháu lớn, cứ tiếp tục tiếp đãi thật ngọt ngào cậu sinh viên Oxford. Bà ta mà đã

bắt đầu khen ai, hay nói ngọt với ai, thì không có giới hạn nào cả. Bà bảo Pitt đến tối lại ăn cơm, và bắt James phải cùng bà giong xe ngựa đi chơi; bà cho anh ta ngồi ở ghế sau, dẫn ngược dẫn xuôi dọc bờ biển… Trong buổi đi chơi hôm ấy, bà nói toàn chuyện vui; bà đọc thơ Ý, thơ Pháp làm cho cậu thanh niên cứ há hốc mồm ra mà nghe; bà nhất định cho cháu mình là một học giả cừ, thế nào cũng phải chiếm được huy chương vàng, và được xếp hạng "Senior Wrangler"[147].

- Ha? ha? Cửa hiệu bên kia mới có "Senior Wrangler" chứ.

- Cửa hiệu bên kia là cái gì?

- Trường Cambridges mới có lệ xếp hạng "Senior Wrangler"; bên Oxford không có.

Nhà học giả ra vẻ hiểu biết giải thích như vậy. Anh ta định tỉ mỉ giải thích thêm, thì vừa lúc ấy gặp một chiếc xe ngựa nhà nông do một con ngựa rất khỏe kéo. Tutbury Pet, cùng Rottingdean Fibber và ba người nữa ngồi trong xe, mặc áo trắng mỏng có đính khuy ngọc trai; họ chào hỏi James cứ ồn ào lên. Cuộc gặp gỡ làm cu cậu mất hết hào hứng, suốt buổi, cho đến lúc về không hé răng nói câu gì nữa.

Về nhà, anh ta thấy phòng của mình đã sửa soạn

xong, hành lý đã mang về; lúc được bác Bowls dẫn về phòng, anh ta nhận thấy mặt bác có vẻ nghiêm trang, như ngạc nhiên mà lại có ý thương hại. Nhưng anh ta không kịp hiểu. Anh ta còn đang bận than thở sao mình lại rơi ngay vào một cái nhà toàn những bà lão cứ liên liến cái mồm mà nói tiếng Ý với tiếng Pháp, và nói chuyện thơ với anh ta. Anh chàng nhút nhát phát bẳn lên: "Đem mà treo cổ cả lũ lên cho rảnh?" Khi nghe đàn bà nói chuyện với mình, anh ta không dám nhìn mặt… ngay với bà Briggs cũng thế. Nhưng nếu ra bờ bể thì anh ta có thể nói tiếng lóng, văng tục không thua bất cứ người dân chài nào.

Đến giờ ăn James phải thắt một chiếc cà-vạt trắng tưởng đến nghẹt thở. Anh ta có vinh dự được khoác tay công nương Jane xuống thang gác; bà Briggs và Pitt Crawley đi sau kèm bà lão với đủ mọi thứ phụ tùng, nào chăn, nào khăn san, nào gối. Bà Briggs phải dành đến nửa số thì giờ suốt bữa cơm để săn sóc bà lão ốm, và để cắt thịt gà cho con chó béo múp của bà chủ ăn. James nói ít, anh ta chỉ chú ý mời rượu mấy người đàn bà. Nhận lời uống thi với Pitt Crawley, anh ta nốc già nửa chai sâm-banh mà bác Bowls được lệnh mang ra để khoản đãi cu cậu. Ăn xong, mấy người đàn bà rời phòng ăn còn lại hai anh em họ ngồi với nhau. Nhà cựu ngoại

giao bỗng nhiên trở thành đặc biệt thân mật, rôm chuyện. Anh ta hỏi về chuyện học hành của James… về chuyện tương lai… tỏ ý rất mong ông em họ thành công; tóm lại Pitt tỏ ra nhã nhặn và thành thực. Có hơi men trợ ứng James cũng cởi mở hơn trước; mọi chuyện về đời sống, tương lai, nợ nần, thi trượt đại học, và những vụ xích mích với ông đốc học thế nào, cu cậu kể tất với anh họ; vừa chuyện, vừa vui miệng nốc hết chai nọ đến chai kia đủ các thứ rượu.

Pitt Crawley rót rượu vào cốc của mình, nói:

- Bà Crawley thích nhất là ai đến chơi cũng cứ tự nhiên như ở nhà. Chú James ạ, đây là Điện Tự-do đấy. Chú thích gì cứ nói, muốn gì cứ làm, như thế bà Crawley bằng lòng lắm. Tôi biết ở nhà quê ai cũng chế tôi về thuộc phe Tory, thế mà bà Crawley cũng chịu được; bà phóng khoáng lắm. Về nguyên tắc, bà thuộc phái cộng hòa, rất ghét những chuyện dòng dõi, tước vị.

James hỏi:

- Vậy sao anh lại sắp cưới con gái một bá tước làm vợ?

Pitt nhã nhặn đáp:

- Anh bạn ơi, nên nhớ rằng đâu phải vì trót sinh ra là người quyền quý mà công nương Jane có tội. Không

muốn cũng không được. Vả lại, tôi thuộc phái Tory cơ mà.

Jim đáp:

- À, về vấn đề ấy thì con nhà dòng dõi vẫn hơn chứ. Tôi hoàn toàn phản đối cái bọn cấp tiến các anh. Tôi hiểu thế nào là một người quý tộc lắm. Không tin, cứ xem thi thuyền hay đấu quyền sẽ thấy ngay; mà cứ xem chó săn chuột cũng rõ… Con nào thắng? Phải là chó nòi. Lão Bowls đâu rồi? Lấy thêm rượu ra đây; tớ nốc nốt chai này đã. Tôi đang nói gì nhỉ?

Pitt đưa ngay cho em chiếc cốc vại, nhẹ nhàng đáp:

- Hình như chú đang nói chuyện chó săn chuột thì phải?

- Chó săn chuột hả? Được lắm anh Pitt, anh có ưa thể thao không? Anh có muốn xem chó thế nào thì mới săn được chuột không? Nếu anh thích, thì theo tôi đến xem con chó của Tom Corduroy trong dãy chuồng ở phố Castle, tôi sẽ cho xem một con chó nòi chuyên đào hang… úi dào! Rõ vớ vẩn!- James phá ra cười vì sự ngớ ngẩn của chính mình – Anh có bao giờ để ý đến chó với chuột. Toàn chuyện hão cả. Tôi đánh cuộc rằng anh không phân biệt nổi con gà với một con vịt khác nhau thế nào đấy[148].

Pitt vẫn nói ngọt như mía lùi:

- Đúng đấy, tôi xin chịu. Chú đang nói về dòng dõi, về sinh trưởng trong một gia đình quý tộc có lợi gì. Chai rượu nguyên đây.

James nốc rượu ừng ực đáp:

- Dòng dõi, đúng lắm. Không có gì bằng con nhà nòi, ngựa, chó hay người cũng thế cả. Thí dụ, cuối kỳ tam cá nguyệt vừa qua, trước khi tôi thi trượt… nghĩa là trước khi tôi bị lên sởi ấy mà, ha! ha!… tôi cùng thằng Ringwood ở trường Nhà thờ, thằng Bob Ringwood là con trai bá tước Cinqbars ấy mà, ngồi uống bia trong quán "Cái chuông ở Blenheim" có thằng lính thủy Banbury thách đấu quyền với một trong hai đứa chúng tôi, ai thắng thì được uống một cốc bia. Tôi không đấu được. Tay tôi đang đau; hai ngày trước tôi bị ngã cứ tưởng mất tay. Thế là đành chịu; thằng Bob lập tức cởi phăng áo… đấu liền bốn hiệp mỗi hiệp ba phút, cho thằng kia "nốc-ao" như chơi. Tại sao thằng lính thuỷ bị ngã, anh xem? Vì nó không phải là con nhà dòng dõi… không phải là con nhà nòi.

Viên cựu tùy viên ngoại giao tiếp:

- Chú James, tửu lượng của chú xoàng quá. Hồi tôi còn học ở Oxford, anh em họ uống rượu có phần khá

hơn chú cơ.

- Yên trí, yên trí. – James đưa tay bịt mũi, nháy đôi mắt lờ đờ vì say rượu- đừng có nói đùa, ông anh ơi. Anh định thử xem tửu lượng tôi ra sao chứ gì? Không ăn thua gì đâu nhé. In vino veritas[149] ông anh ạ. Mars, Bacchus Apollo[150] virotum hả? Giá bà cô gửi mấy chai rượu này cho ba tôi thì hay quá. Rượu thế mới gọi là rượu chứ.

Anh chàng Machiavel tiếp tục:

- Chú cứ hỏi xem; bây giờ hãy uống cho thích cái đã. Có câu thơ thế nào nhỉ: '*Nunc vino pellite curas, Cras ingens iterabimus aequor*'[151]. Và người học trò của thần Bacchus sau khi long trọng dẫn câu nói trên y như giữa nghị viện, giơ thật cao cốc rượu rồi chỉ nhấp một ngụm rất nhỏ.

Ở nhà thờ, sau bữa cơm tối, khi mở rượu port thì mỗi cô con gái cũng được uống một cốc rượu thường. Bà Bute uống một cốc port. Thường thường James uống hai cốc, nếu cu cậu tỏ ý muốn xơi thêm, lập tức ông bố cau mặt lại; anh chàng đành nuốt nước bọt, xuống chuồng ngựa uống rượu thường, hay rượu rum pha nước lã, đánh bạn với bác xà-ích và cái tẩu. Ở Oxford rượu thì tha hồ uống, nhưng không có rượu ngon. Khi đủ cả số

lượng chất lượng song toàn, thí dụ như ở nhà bà cô, thì James cũng tỏ ra là tay sành sỏi. Không cần ông anh họ khuyến khích, anh ta cũng nốc cạn chai rượu bác Bowls vừa tiếp thêm.

Đến giờ uống cà-phê, hai anh em trở lại với mấy người đàn bà; James thấy rất ngại. Tính hay chuyện của cu cậu tự nhiên biến mất, anh chàng lại nhút nhát như cũ chỉ biết vâng vâng dạ dạ; anh ta cứ gườm gườm nhìn công nương Jane, và có lần luýnh quýnh đánh đổ cả tách cà phê.

Tuy nói ít nhưng anh ta luôn luôn ngáp một cách thảm hại; sự có mặt của anh chàng làm cho buổi tối kém vui: bà Crawley và công nương Jane đang chơi bài Pic-kê cũng như bà Briggs đang đan, đều cảm thấy khó chịu vì đôi mắt lờ đờ của anh ta cứ nhìn vào mặt họ.

Bà Crawley bảo Pitt:

- Thằng bé tính ít nói, vụng về, mà lại nhút nhát nhỉ?

- Không có đàn bà thì chú nó cũng hót được như khướu đấy Machiavel đáp xẵng; có lẽ anh chàng đang cáu vì chai rượu port không làm cho James mở miệng nói thêm được mấy tý.

Sáng hôm sau, James dậy sớm, hí hửng viết thư cho mẹ kể lại bà Crawley thết đãi mình hậu hĩ thế nào. Anh

ta có biết đâu ngày hôm ấy sắp gặp tai họa, mà cái địa vị con cưng của mình cũng sắp sụp đổ đến nơi. Cu cậu quên khuấy mất một chuyện – câu chuyện rất tầm thường mà hóa ra cực kỳ tai hại – đã xảy ra tại quán trọ "Con bò" đêm hôm trước, James quen tính hào phóng đặc biệt, hễ rượu vào là bất cần thiên hạ, thết đãi tất; đêm hôm ấy anh ta đãi hai nhà vô địch Tutbury, Rottingdean và mấy người bạn ba bốn chầu rượu liền, tất cả có đến mười tám cốc, cứ tính tám xu một cốc, ghi vào hóa đơn, James Crawley phải trả. Tiền không đáng bao nhiêu, nhưng cái số mười tám cốc rượu này đã làm hại James khi bác Bowls theo lệnh chủ đến thanh toán tiền trọ cho anh chàng. Ông chủ quán sợ mất món tiền rượu, bèn long trọng thề rằng chính cậu thanh niên đã uống tất cả ngần ấy cốc rượu không sót một giọt. Bowls trả tiền, rồi mang hóa đơn về đưa cho bà Firkin xem. Thấy cu cậu uống ngần ấy rượu, bà này phát hoảng, rồi trao tờ hóa đơn cho bà Briggs để ghi vào sổ chi tiêu. Bà Briggs tự thấy có nhiệm vụ phải trình lại với bà Crawley.

Nếu James có uống hàng tá chai rượu vang, bà cô già cũng sẵn sàng tha thứ. Xưa kia, ông Fox, ông Sheridan cũng uống rượu vang. Người quý phái, ai cũng uống rượu vang.

Nhưng đàn đúm với một bọn đánh võ vai u thịt bắp,

uống đến mười tám cốc rượu trắng trong một quán rượu bần tiện thì quả là một trọng tội không thể tha thứ được. Họa vô đơn chí: cu cậu lại vừa xuống chuồng ngựa thăm con chó Towzer, lúc lên nhà khắp người sặc sụa mùi phân ngựa; anh ta định đưa con chó quý đi hóng gió một chút thì gặp ngay bà Crawley cũng dắt con chó Blenheim của bà đi chơi.

Con Towzer suýt cắn chết con chó quý của bà cô; con Blenheim quắp đuôi chạy biến ra chỗ bà Briggs. Ấy thế mà ông chủ tàn nhẫn của con Towzer còn đứng nhìn cái cảnh khốc hại đó mà cười hô hố lên được.

Ngày hôm ấy, hình như chàng thanh nhiên đang vận rủi ấy quên khuấy cái tính khiêm tốn thường ngày của mình. Suốt bữa ăn tối, anh ta tỏ ra rất rôm chuyện, và lại hay pha trò. Có một hai lần anh ta bỡn cợt cả Pitt Crawley; anh ta uống nhiều rượu không kém hôm trước, lại lừ lừ đi sang phòng khách đem những chuyện lý thú ở trường đại học Oxford ra tán với mấy người đàn bà.

Anh ta kể những là Molyneux và Dutch Sam và tài nghệ đấu quyền của họ thế nào, rồi thách công nương Jane đánh cuộc với mình xem Tutbury Pet đấu với Rottingdean thì ai được; cuối cùng, anh ta thách ông anh họ Pitt đánh "bốc" với mình, đánh tay không hay có đeo găng tùy ý. Anh ta đập mạnh vào vai Pitt, cười hô hố lên

mà nói: "Chơi thẳng thắn đấy nhé, ông anh ạ. Ở nhà bà tôi cũng dặn tôi thách anh đấu một trận. Ông cụ cũng dự phần cược đấy, ha, ha!".

Nói đoạn, James còn láu lỉnh nháy mắt với bà Briggs, hất ngón tay qua vai chỉ về phía Pitt Crawley, có vẻ khoái trí và hỗn ra mặt.

Có lẽ Pitt không hoàn toàn hài hòng, nhưng về cơ bản cũng không đến nỗi buồn lắm. Anh chàng James tội nghiệp cười thật thỏa; lúc mấy người đàn bà đi nghỉ, anh ta với ngay lấy cây nến của bà cô, chệnh choạng bước qua phòng, cúi chào bà Crawley với nụ cười tươi tỉnh nhất của một bác lưu linh. Đoạn anh ta về phòng riêng, rất hài lòng về mình, chắc mẩm trong bụng phen này gia tài của bà cô phải chui tọt vào túi, bố cũng đừng hòng, mà cả họ cũng đừng xơ múi. Con người ta khi đã ngồi một mình trong phòng ngủ thường yên trí mình chẳng thể làm điều gì bậy bạ thêm. Anh chàng James bất hạnh của chúng ta cũng nghĩ vậy.

Ngoài trời ánh trăng chiếu lấp lánh trên mặt biển; James thấy phong cảnh hữu tình, ra tựa cửa sổ nhìn, trong đầu nảy ngay ý nghĩ nên hút điếu thuốc cho thêm khoan khoái, "Mình mở tung cửa sổ thò đầu ra ngoài mà hút thuốc, thì ai ngửi thấy mùi khói mà sợ".

Nghĩ sao làm vậy. Song đang lúc say sưa, anh chàng

quên khuấy rằng suốt thời gian ấy cửa ra vào vẫn mở; gió bể hiu hiu thổi vào, lùa khói thuốc lá xuống dưới nhà đến tận chỗ bà Crawley và bà Briggs ngồi, mùi cứ sực lên.

Chiếc tẩu thuốc lá làm cho mọi sự hỏng bét. Gia đình nhà Bute Crawley đâu ngờ rằng mất toi hàng chục vạn đồng vì nó. Bà Firkin hộc tốc lao xuống thang gác đi tìm Bowls; bác này đang ngồi lên tiếng ông ổng đọc cuốn "*Lửa và chảo rán*" cho anh phụ bếp nghe. Bà Firkin kể lại câu chuyện bí mật khủng khiếp vừa xảy ra, dáng điệu vô cùng kinh hoảng, làm cho mới đầu hai thầy trò bác Bowls cứ nghĩ rằng trong nhà có trộm, và bà Firkin hẳn vừa nhìn thấy đôi chân thằng kẻ trộm ở gậm giường của Bà Crawley thò ra ngoài. Nghe thủng câu chuyện, bác Bowls nhảy choàng lên cầu thang ba bước một, xông vào phòng James kêu lên, giọng nghẹn đi vì sợ hãi:

- Cậu James, trời đất ơi? Đừng hút thuốc nữa.

Bác ta giật ngay lấy chiếc tẩu quẳng ra ngoài cửa sổ, nói tiếp, giọng thật bi đát:

- Cậu James ơi, cậu làm gì thế? Bà nhà không chịu được khói thuốc đâu.

- Thì bà đừng hút, có sao.

James đáp thế, và cười một cách rất ngốc nghếch

không đúng chỗ, yên trí câu chuyện là vô cùng lý thú. Nhưng sáng hôm sau anh ta nghĩ khác hẳn.

Người phụ việc của bác Bowls cọ rửa đôi bốt của James và mang nước nóng vào để anh ta cạo cái bộ râu mà cu cậu vẫn cố "nuôi" rồi người này đưa cho James mẩu giấy, chữ bà Briggs viết:

- Thưa cậu, đêm qua bà Crawley không sao ngủ được vì khói thuốc lá sặc sụa khắp nhà. Bà bảo tôi thưa với cậu rằng bà mệt, rất tiếc không gặp được cậu trước khi cậu ra về. Đáng tiếc hơn cả là bà đã khuyên cậu rời khỏi quán trọ, vì trong thời gian ở Brighton bà chắc ở đó cậu sẽ thấy thoải mái hơn.

Vậy là chấm dứt câu chuyện James "săn" cảm tình của bà cô. Trong thực tế, anh ta đã vô tình thực hiện điều vẫn dọa làm: anh ta đã xỏ găng đánh "bốc" với ông anh họ, nhưng chính mình bị đo ván.

Thế còn kẻ đã từng được chú ý đầu tiên trong cuộc chạy đua theo đồng tiền này thì hiện ra ở đâu? Chúng ta đã biết, sau trận Waterloo, Becky và Rawdon lại đoàn tụ; mùa đông năm 1815, hai vợ chồng sống một đời sống cực kỳ xa hoa vui thú ở Paris. Rebecca vốn khéo tằn tiện; với món tiền bán cặp ngựa cho Joe Sedley, hai vợ chồng đủ sống ung dung ít nhất là một năm, thành ra cũng không có dịp mang phát mại "đôi súng lúc mà anh

đã dùng để giết đại úy Marker" mà cũng chẳng cần phải để lại chiếc hộp bằng vàng đựng đồ trang điểm cùng tấm áo choàng viền da thú làm gì. Becky đem chữa thành một tấm áo khoác ngắn cho mình, mặc cưỡi ngựa đi chơi ở rừng Boulogne, ai cũng tấm tắc khen đẹp. Lúc tìm đến đơn vị gặp chồng sau khi quân đội đã vào thành phố Cambray, Rebecca tháo chỉ khâu ở áo, dốc ra nào đồng hồ, nào đồ trang sức, rồi giấy bạc, ngân phiếu cùng nhiều vật quý giá khác giấu tận trong lần mền bông, từ hồi định bỏ Brussels đi trốn. Tufto lấy làm thú vị lắm. Rawdon thì cứ lăn bò ra mà cười, cho là một trò khôi hài lý thú nhất đời. Lúc nghe vợ lấy điệu bộ khôi hài để lại chuyện đã xỏ Joe một vố ra sao, anh ta khoái quá, tưởng phát điên lên được. Anh chồng tin tưởng vào chị vợ, y như lính Pháp tin tưởng vào Napoléon vậy.

Sống ở Paris, Rebecca rất được chú ý: các phu nhân người Pháp đồng thanh khen cô ta đẹp. Rebecca nói tiếng Pháp rất thạo, lại khéo bắt chước ngay cái duyên dáng, cái nhí nhảnh cung cách cử chỉ của họ. Phải cái anh chồng hơi thộn, đàn bà có một anh chồng thộn lại càng dễ "nổi"; chồng cô ta là người thừa kế của bà Crawley, con người giầu nứt đố đổ vách và rất trí xảo. Cửa nhà bà ta đã từng mở rộng tiếp đón giới quý tộc Pháp hồi họ còn lưu vong ở Anh. Cho nên họ tiếp bà

trung tá tại lâu đài riêng. Sau khi Cách mạng Pháp vừa nổ ra, trong thời buổi khó khăn, có một bà công tước người Pháp đã được bà Crawley bỏ tiền ra mua không mà cả tất cả đồ trang sức và đăng ten, lại được mời đến nhà, ăn uống luôn. Bà này viết thư cho bà Crawley nói:

-Thế nào? Sao bà chị không sang Paris thăm hai vợ chồng ông cháu, bà gặp lại bè bạn cũ một tý? Thiên hạ ai cũng ngất lên[152] vì cái vẻ đẹp tinh nghịch[153] của bà Rawdon. Thật thế chúng tôi thấy đúng là cái duyên dáng, cái thông minh của bà Crawley, bạn quý của chúng tôi? Hôm qua ở điện Tuileries, Hoàng thượng có chú ý đến bà trung tá và chúng tôi ai cũng phải phát ghen lên, vì thấy Đức ông săn sóc đến bà ấy ghê quá. Lúc nữ công tước Angouleme, thuộc dòng dõi hoàng tộc, biết bà ấy chính là cháu dâu yêu quý của bà chị, muốn được giới thiệu để thay mặt nước Pháp cảm tạ tấm thịnh tình của bà chị đối với những kẻ bất hạnh trong thời kỳ lưu vong, thì có một bà Bareacres ngớ ngẩn nào đó tỏ ý bực mình ra mặt, rõ lạ quá? (bà này có cái mũi diều hâu, và chiếc mũ cao có túp lông chim cứ vươn ngất ngưởng trên đầu mọi người). Bà trung tá có mặt tại mọi cuộc hội họp, mọi buổi dạ hội… Bà ấy chỉ dự hội thôi, chứ không nhảy mấy khi. Con người xinh đẹp thế, đàn ông cứ quấn lấy mà ca tụng, cứ trông cũng đủ có

cảm tình; mà đã sắp có con rồi cơ đấy. Nghe bà trung tá nói về bà chị, coi là người đỡ đầu, là người mẹ của mình, kẻ sắt đá đến đâu cũng phải cảm động rơi nước mắt. Bà trung tá quý bà chị như vàng. Chúng tôi quý mến bà chị vô cùng."

Hình như lá thư của bà quý tộc người Pari không khiến được bà cô đáng kính, đáng mến, yêu quý Rebecca thêm chút nào thì phải. Trái lại, đọc hết lá thư bà lão già bèn nổi cơn tam bành lên, vì thấy Rebecca có địa vị, lại cả gan dám lợi dụng tên tuổi của mình để len lỏi vào giới thượng lưu quý tộc ở Paris. Bà Crawley giận run người, không đủ bình tĩnh để tự tay viết một bức thư bằng tiếng Pháp trả lời: bà đành đọc cho bà Briggs viết một lá thư đầy giận dữ bằng tiếng mẹ đẻ, trong đó bà không nhận có họ hàng gì với "bà Rawdon Crawley", đồng thời khuyên mọi người nên cẩn thận đề phòng con người xảo quyệt nguy hiểm nhất đời ấy. Song, vì công tước phu nhân *X*… chỉ lưu trú ở Anh có hai mươi năm, cho nên một tiếng Anh bẻ đôi không biết: lần họp mặt sau, phu nhân đành chỉ nhận được của bà Rawdon Crawley biết rằng mình vừa nhận được của bà bạn quý một bức thư đầy những lời lẽ ân cần đối với cháu dâu. Rebecca bắt đầu thực sự hy vọng là bà lão đã hồi tâm.

Trong khi ấy Rebecca vẫn là người phụ nữ Anh được

ca tụng nhất, được chiều chuộng nhất. Những buổi tối tiếp khách ở nhà cô ta thật một cuộc tiểu hội nghị của toàn châu Âu. Người Phổ, người Cossack, người Tây-ban-nha, người Anh… mùa đông năm ấy ở Pari có đủ các dân tộc. Trong phòng khách của Rebecca đầy những vị ngực đeo huy chương san sát chỉ nhìn mà cả giới quý tộc Anh cũng đủ ghen tức. Vô khối nhà quân sự đại danh cưỡi ngựa kèm cô ta đi chơi ở rừng Boulogne, hoặc chen chúc nhau ngồi đầy lô, ghế riêng của cô ta ở Opera. Chưa bao giờ Rawdon phấn khởi như vậy. Ở Paris không có ai là chủ nợ; ngày nào ở nhà Beauvilliers'cũng có đánh bạc; anh ta chơi thả cửa, mà lại gặp lúc vận may nên phất to. Riêng Tufto thì hơi cáu, vì bà Tufto không ai mời cũng mò sang Paris.

Nào đã đủ đâu, bây giờ lúc nào cũng có đến nửa tá tướng lính quây quanh ghế của Becky; lúc đi xem hát cô ta có thể tùy thích chọn một trong số hàng tá bó hoa đưa tặng, Bareacres phu nhân và các mệnh phụ người Anh là những người đần độn nhưng đứng đắn, thấy cái con bé Becky hãnh tiến thành công quá, họ cứ lồng lộn lên vì ghen tức. Rebecca trả miếng bằng những câu châm chọc sâu cay đầy nọc độc.

Rebecca còn có tất cả đàn ông đứng về phe mình. Cô ta ngang nhiên ra mặt đối phó với mấy mụ quý tộc này.

Bọn họ đành chỉ dám dùng tiếng mẹ đẻ để nói xấu Rebecca cho sướng miệng.

Bà Rawdon Crawley chỉ những hội hè, giải trí mà hết cả mùa đông năm 1815-1816. Rebecca thích ứng với đời sống thượng lưu rất tài, như thể đã hàng thế kỷ nay, tổ tiên cô ta đều thuộc dòng dõi quý tộc… Kể ra thông minh như thế, lại có tài và sẵn nghị lực, cô ta cũng đáng được có một địa vị trong *Hội chợ phù hoa*.

Đầu mùa xuân năm 1816, trên mặt báo Galignani thấy có đăng tin: "Ngày 26 tháng ba, trung tá Crawley phu nhân, thuộc đội Ngự lâm quân, sinh hạ một con trai".

Các báo ở Luân-đôn đều đăng lại tin trên. Ở Brighton lúc ăn sáng, bà Briggs mang đọc tin ấy cho bà Crawley nghe.

Tuy ai cũng đã biết việc sẽ xảy ra, nhưng tin này cũng gây nên một sự xáo trộn trong gia đình Crawley. Bà lão giận quá lập tức cho gọi Pitt, anh cháu trai, lại mời cả Southdown phu nhân ở công viên Brunswick về, yêu cầu tổ chức ngay hôn lễ đã dự định từ lâu. Bà tuyên bố sẽ trợ cấp cho đôi vợ chồng mới cưới mỗi năm một nghìn đồng cho đến khi bà chết; sau đó, phần lớn gia tài của bà sẽ trao cho anh cháu trai, và cô cháu dâu yêu quý hóa là Jane Crawley. Luật sư Waxy được triệu đến để chứng thực… bá tước Southdown dẫn em gái đến

trước bàn thờ Chúa làm lễ… một vị giám mục đứng ra làm phép cưới, chứ không phải là đức cha Bartholomew Irons; ông cố đạo "nửa mùa" này lấy làm thất vọng lắm.

Cưới xong, Pitt định tổ chức một cuộc du lịch trăng mật với cô vợ mới cho xứng với địa vị của mình; nhưng bà cô già cứ quấn quít lấy người cháu dâu làm cho công nương Jane thú thực không sao rời bà cô chồng quí mến mà đi được. Hai vợ chồng Pitt đành dọn đến ở chung với bà Crawley. Southdown phu nhân, nhà gần ngay đây, thực tế cai quản cả gia đình, gồm có Pitt, công nương Jane, bà Crawley, bà Briggs, bà Firkin và gia nhân; Pitt anh chàng đáng thương, rất đau khổ vì bị giằng co giữa một bên là bà cô một bên là mẹ vợ, cả hai cùng đáo để. Bà mẹ vợ không thương xót, bắt anh ta đọc đủ mọi thứ sách và uống đủ mọi thứ thuốc; bà đuổi ông Creamer thay bằng ông Rodgers; dần dần bà tước cả cái vỏ quyền hành của bà Crawley. Bà lão này đâm ra nhút nhát quá, đến nỗi mất cả thói quen nhiếc móc bà Briggs như cũ; đành cứ bám lấy cô cháu dâu, và mỗi ngày nỗi lo chết lại thêm ám ảnh. Hãy yên nghỉ, hỡi bà già ngoại đạo vừa tốt bụng vừa ích kỷ, vừa rộng lượng lại vừa phù phiếm kia. Chúng ta sẽ không còn gặp lại con người ấy nữa. Hy vọng rằng công nương Jane sẽ kiên tâm chịu đựng nổi bà cô chồng và nắm tay bà ta nhẹ nhàng dắt được ra

khỏi cái *Hội chợ phù hoa* ồn ào hỗn độn này.

HẾT TẬP MỘT.

HỘI CHỢ PHÙ HOA

Nhà Xuất bản Văn Học
Trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Cừ
Biên tập: Ban Văn Học
Bìa: Trần Đại Thắng
Khổ: 14,3×20,3
Bộ hai quyển: 110.000đ

Làm ebook: quantam
Ngày 18/08/2009

QUYỂN HAI

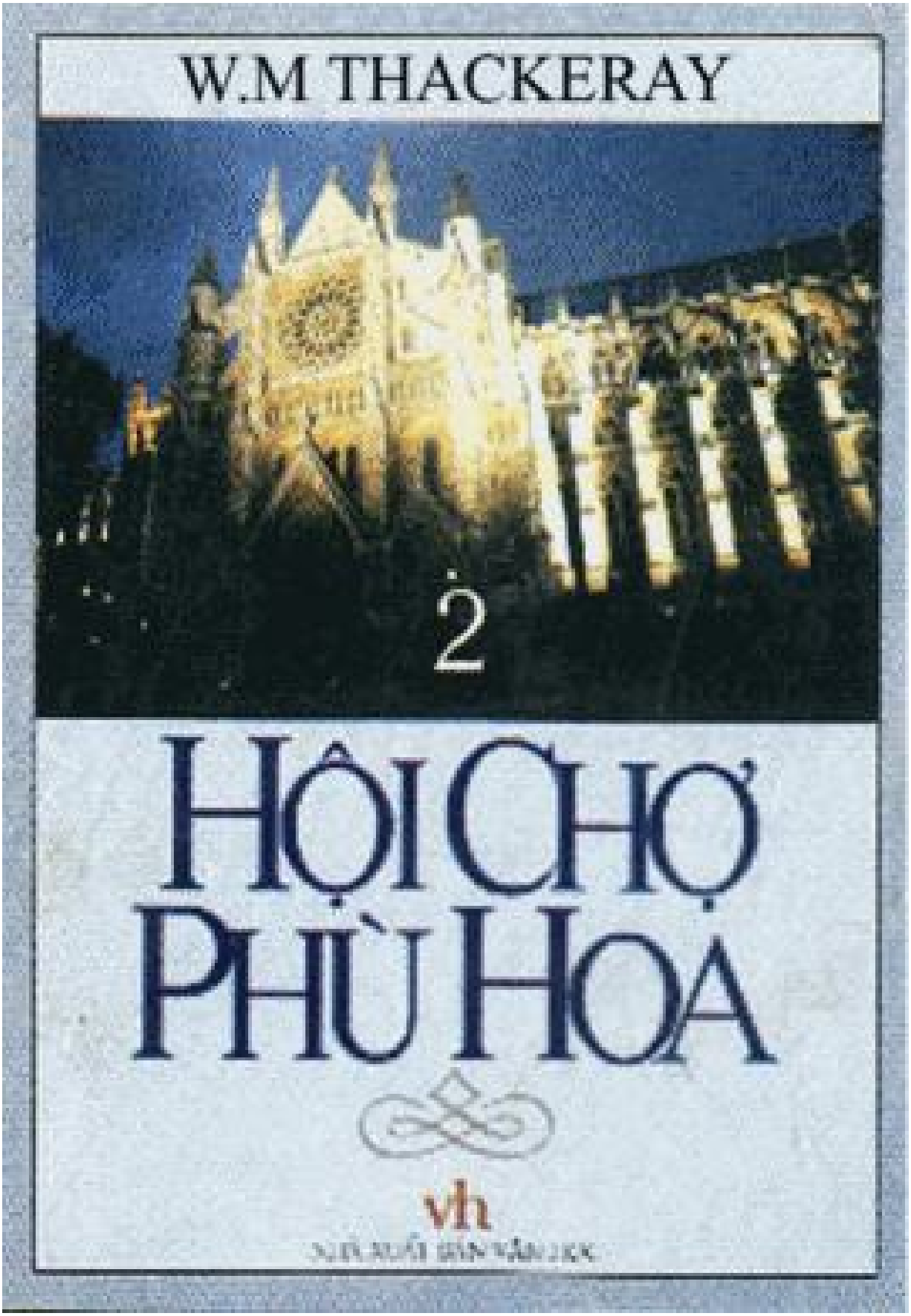

CHƯƠNG XXXV
MẸ GÓA CON CÔI

Trong thời gian ấy, những tin tức về chiến dịch "Bốn cánh tay" và "Waterloo" cũng vang dội về tận nước Anh. Báo "Tin tức" là tờ báo đầu tiên công bố kết quả của hai trận đánh. Những tin tức vinh quang ấy khiến cho toàn thể nước Anh rung động lên vì kiêu hãnh cũng như vì sợ hãi. Tiếp theo là những chi tiết; sau tin chiến thắng là danh sách thương binh, tử sĩ. Nói sao cho xiết được nỗi khắc khoải của mọi người khi lần giở những trang báo.

Khắp ba nước[1], trong từng làng, từng nhà, nghe công bố tin tức về những trận chiến đấu ở Bỉ[2], ai ai cũng cảm thấy hào hứng sôi nổi; người ta vừa phấn khởi, vừa biết ơn lại vừa lo âu đau đớn vì tang tóc khi đọc bản thống kê những sự tổn thất của mình. Ngay bây giờ cũng vậy, giá có ai lật giở lại chồng báo cũ thời đó, hẳn cũng vẫn còn cảm thấy như phải nín thở vì lo lắng. Bản danh sách liệt sĩ cứ mỗi ngày lại đăng tiếp thêm, người đọc phải ngừng lại ở giữa chừng. Như xem nội dung một câu chuyện còn sẽ đăng tiếp trong các kỳ báo sau. Các bạn thử tưởng tượng xem, khi những trang báo còn tươi nét mực kia nối tiếp nhau đến tay người đọc thì họ cảm thấy gì?

Nếu một trận đánh chỉ có hai vạn người Anh tham gia đã khiến cho cả nước ta rúng động đến thế thì các bạn thử nghĩ xem suốt thời gian hai chục năm về trước nhân dân châu Âu ở trong một tình trạng ra sao khi quân số tham chiến không phải là hàng ngàn, mà hàng triệu. Mỗi người trong số đó, khi đánh gục một kẻ thù, đồng thời cũng tàn nhẫn đâm lưỡi dao sâu vào trái tim một con người vô tội ở hậu tuyến xa xôi.

Những tin đăng trên tờ báo "Tin tức" nổi tiếng kia gây ra một sự choáng váng khủng khiếp trong gia đình Osborne, nhất là những người đứng đầu gia đình này. Hai cô con gái tha hồ mà khóc. Ông bố già nua vốn âu sầu lại càng rầu rĩ hơn trước số mệnh tàn nhẫn.

Ông cố tin rằng đó là sự trừng phạt con ông vì đã nghiêm khắc đến nỗi ông phải run sợ vì những lời nguyền rủa của chính ông đã quá vội vàng trở thành sự thực. Đôi lúc ông run lẩy bẩy vì hốt hoảng, dường như chính ông là thủ phạm gây ra tai họa mà con ông đã phải chịu. Trước kia còn mong có dịp cha con hoà giải với nhau, thí dụ vợ George rất có thể bị chết hoặc con trai ông có thể quay về với gia đình và nói "Thưa cha, con đã có lỗi". Nhưng bây giờ không còn hy vọng gì nữa rồi. Con trai ông đứng bên kia bờ vực thẳm không cách nào qua được và nhìn ông với đôi mắt âu sầu. Ông nhớ lại có

lần con ông bị sốt, ai cũng tưởng không sao thoát chết; nó nằm liệt trên giường bệnh im lặng, đôi mắt cũng mở trừng trừng trông buồn thảm ghê sợ như thế. Trời ơi! Lạy Chúa, hồi ấy ông bố cứ bám chặt lấy ông bác sĩ, lẽo đẽo theo sau ông ta với một nỗi khắc khoải não nuột trong lòng. Tới khi cơn sốt đi qua, con trai ông bình phục lại nhìn ông với đôi mắt quen thuộc hằng ngày, ông mới như cất được một gánh nặng trong tâm hồn. Nhưng bây giờ còn săn sóc hoặc chữa chạy hoặc mong gì sự hoà giải được nữa, và nhất là còn đâu những lời lẽ phục tùng để xoa dịu lòng giận dữ vì quyền lực của ông bố bị tổn thương, khiến cho dòng máu bực bội sôi sục kia lại chảy tự nhiên như xưa. Cũng khó mà đoán biết được rằng trái tim của ông bố kiêu hãnh bị vò xé bởi điều gì nhiều nhất; bởi vì ông không còn có dịp tha thứ cho con trai ông, hay vì lời tha tội mà lòng kiêu hãnh của ông vẫn mong đợi có ngày nói ra sẽ không bao giờ còn được dùng đến nữa.

Dẫu sao đi nữa, ông già nghiêm khắc ấy cũng không chịu thổ lộ tâm tình với ai. Ông không bao giờ nhắc đến tên George khi nói chuyện với hai con gái. Nhưng ông ra lệnh cho mọi người trong gia đình để tang và bắt cả bọn gia nhân phải mặc đồ đen mọi cuộc tiếp tân và mọi trò giải trí đều đình chỉ. Ngày cưới con gái đã ấn định nay

tạm hoãn; tuy ông không báo gì cho anh con rể tương lai, nhưng cứ nhìn dáng điệu bề ngoài của ông Osborne, anh chàng Bullock cũng chẳng dám hé răng nhắc đến chuyện cưới xin vội. Thỉnh thoảng anh ta và hai cô con gái Osborne lại thì thầm với nhau trong phòng khách, nơi ông bố không bao giờ còn bước chân đến; ông ta ở lỳ trong căn phòng làm việc của mình. Toàn bộ mặt trước của toà nhà cửa đóng kín mít trong suốt thời gian để tang.

Khoảng ba tuần lễ say ngày mười tám tháng sáu[3], ông bố William Dobbin đến thăm ông Osborne. Tại khu phố Russell mặt ông tái mét, phờ phạc; ông khăng khăng đòi gặp mặt, ông Osborne. Người nhà dẫn ông vào phòng ông chủ; sau vài câu trao đổi mà cả người nói lẫn người nghe không ai hiểu gì, ông uỷ viên hội đồng thành phố lấy trong ví ra một lá thư, có đóng một con dấu đỏ lớn, ngập ngừng nói: "Con trai tôi là thiếu tá Dobbin có nhờ một sĩ quan trong trung đoàn thứ… mới về tỉnh hôm nay chuyển cho tôi một lá thư, trong có kèm một phong bì gửi cho ngài."

Đoạn ông uỷ viên hội đồng thành phố đặt phong bì xuống mặt bàn; ông Osborne nhìn trừng trừng vào mặt khách một lúc lâu, tia mắt làm cho ông lão đưa tin phải hoảng. Ông ta lấm lét nhìn người bố đau khổ một lát rồi

vội vàng lủi ra. không nói thêm lời nào.

Cũng vẫn nét chữ khoẻ mạnh, cứng cáp quen thuộc của George. Thư viết vào hồi rạng sáng ngày 16 tháng sáu, ngay trước khi anh ta từ biệt Amelia để ra trận. Con dấu lớn màu đỏ mang hình huy hiệu của gia tộc, có câu cách ngôn *Pax in bello*. Đó tức là huy hiệu của dòng họ. Bàn tay đã ký dưới lá thư này thôi không bao giờ cầm được bút hay nắm được cán gươm nữa. Sớm hôm sau, khi George đã gục trên chiến trường, bạn anh đã lần túi áo lấy lại con dấu ông Osborne không hề biết việc ấy; ông ngồi lặng lẽ, giương cặp mắt đờ đẫn nhìn phong thư. Lúc sắp sửa bóc thư, ông suýt ngất đi.

Bạn đọc đã bao giờ có chuyện xích mích với một người bạn thân chưa? Những lá thư hồi hai người còn thân thiết với nhau bây giờ đọc lại sao khiến bạn bực mình đến thế! Còn có gì đáng chán cho bằng phải đọc lại những lời lẽ bộc lộ một nỗi cảm tình đã chết lụi đi rồi. Đó là những tấm mộ chí giả dối dựng trên thi thể của Tình yêu! Đó cũng là những lời phẩm bình tàn ác và đáng buồn đối với *Hội chợ phù hoa vậy.* Hầu hết chúng ta đều có dịp hoặc viết, hoặc nhận được đầy ngăn kéo toàn những lá thư như thế. Ấy là những căn hầm đựng xương khô mà chúng ta vừa trân trọng lại vừa xa lánh. Ông già Osborne còn bồi hồi run rẩy mãi mới dám mở

bức thư của đứa con trai đã chết ra đọc.

Nội dung lá thư rất sơ sài, con trai tội nghiệp của ông cũng quá kiêu ngạo không chịu bộc lộ những tình cảm đằm thắm ủ kín trong thâm tâm. Anh ta chỉ nói rằng, đêm trước khi dự một trận đánh lớn, anh ta muốn gửi lời từ biệt đến cha, và trịnh trọng ngỏ ý mong ông chăm sóc đến người vợ và rất có thể cả đứa con nhỏ mình để lại. Anh ta buồn rầu thú nhận rằng đã tiêu xài gần hết cả gia tài nhỏ mọn của mẹ để lại, và cám ơn cha trước kia đã đối xử rộng lượng với mình; cuối cùng, anh ta hứa với cha rằng dù phải gục ngã trên chiến trường, hay được thoát chết, bao giờ anh ta cũng hành động cho xứng đáng với cái tên George Osborne.

Do thói quen của người Anh, do tính kiêu hãnh hoặc cũng có thể là do vụng về, George không viết thêm gì nữa. Ông bố không thể nhìn thấy cái hôn người con trai đã áp vào địa chỉ đề trên lá thư. Ông già Osborne buông rơi lá thư xuống đất, tâm hồn bị giằng xé giữa những nối tiếc hận vì sự giận giữ. Ông cảm thấy mình vẫn yêu thương con trai, nhưng chưa thể tha thứ cho nó được.

Tuy nhiên, khoảng hai tháng sau, khi hai cô con gái cùng đi lễ nhà thờ với bố, họ nhận thấy ông già không ngồi vào chỗ mọi khi; ông hướng mắt qua đầu hai con gái nhìn chăm chăm vào bức tường trước mặt. Thấy thế

hai cô thiếu nữ cùng đưa mắt nhìn theo: họ thấy trên mặt tường có một bức phù điêu đắp hình Britannia[4] ngồi khóc trên một chiếc bình đựng tro hài cốt, bên cạnh có một lưỡi gươm gãy và một con sư tử nằm phủ phục; họ hiểu rằng bức tượng được dựng lên để kỷ niệm một chiến sĩ nào đó đã tử trận. Các nhà điêu khắc đương thời có sẵn trong đầu hàng mớ những mẫu biểu tượng buồn thảm tương tự; bây giờ các bạn có thể gặp trên tường nhà thờ St. Paul la liệt hàng trăm những bức tượng ngụ ngôn huênh hoang ngoại đạo như vậy. Trong khoảng mười lăm năm đầu thế kỷ hiện tại, tranh và tượng loại này rất được ưa thích.

Mé dưới bức tượng có vẽ hình huy hiệu của gia đình Osborne, kèm theo một dòng chữ ghi rõ bức phù điêu được dựng lên để kỷ niệm đại uý George Osborne thuộc trung đoàn bộ binh thứ… của hoàng gia tử trận ngày 18 tháng sáu năm 1815, thọ 28 tuổi, khi chiến đấu cho Hoàng đế và Tổ quốc trong trận chiến thắng Waterloo vinh quang. *Dulce et decorum est pro patria mori*[5].

Nhìn bức tượng hai chị em bị xúc động dữ dội đến nỗi cô Maria phải rời nhà thờ ra về ngay. Mọi người kính cẩn dẹp ra nhường lối cho hai cô thiếu nữ mặc áo tang đen vừa đi vừa nức nở khóc và cảm thương ông bố già nua khắc khổ ngồi đối diện bức tượng kỷ niệm người liệt sĩ.

Cơn xúc động ban đầu đã qua, hai chị em hỏi nhau: "Liệu ba có tha thứ cho vợ anh George không nhỉ?".

Những người quen thuộc gia đình Osborne bàn tán nhiều về sự xích mích giữa hai cha con do việc anh con cưới vợ gây nên bây giờ cũng tỏ ý hy vọng ông bố chồng sẽ tha thứ cho người con dâu đã trở thành goá bụa. Ở khu City cũng như ở khu phố Russell, nhiều người đã bỏ tiền ra đánh cuộc với nhau về việc này.

Ví thử hai cô con gái có lo ngại gì về việc Amelia có thể được công nhận là dâu con trong gia đình hay không thì bây giờ họ càng lo lắng hơn, vì đến cuối mùa thu, ông Osborne báo cho họ biết rằng ông sẽ đi ra nước ngoài ít lâu. Ông không nói rõ là đi đâu, nhưng họ thừa biết là thế nào ông cũng sang Bỉ; họ lại biết rõ rằng người vợ goá của George vẫn còn ở Brussels. Dobbin phu nhân và mấy cô con gái vẫn cung cấp cho họ những tin tức khá chích xác về Amelia.

Anh chàng đại uý thực thà của chúng ta đã được thăng cấp nhân dịp viên thiếu tá chỉ huy phó trung đoàn bị tử trận. Còn ông O'Dowd, con người dũng cảm đã chiến đấu anh dũng trong trận này cũng như đã chứng tỏ đức tính bình tĩnh và can đảm của mình tại bất cứ nơi nào, thì được thăng chức trung tá, lại được ban tước Tuỳ giá Hiệp sĩ.

Khá nhiều chiến sĩ trong trung đoàn thứ… bị thương nặng qua hai trận đánh vẫn còn lưu lại Brussels suốt mùa thu để an dưỡng, hàng bao nhiêu tháng sau trận đánh vĩ đại kia, thành phố Brussels vẫn còn là một quân y viện khổng lồ; binh lính cũng như sĩ quan đã bắt đầu chữa lành thương tật, cho nên các công viên và những nơi công cộng trong thành phố chật ních toàn những quân nhân què chân, cụt tay, già có, trẻ có. Cũng như tất cả mọi người trong *Hội chợ phù hoa*, vừa thoát khỏi bàn tay của tử thần, họ đã lăn xả vào mà đánh bạc mà vui đùa, mà yêu thương. Trong số này, ông Osborne tìm thấy rất dễ dàng vài người trong trung đoàn… ông vẫn nhớ rõ quân phục của họ, lại vẫn thường theo dõi những sự thăng thưởng và thuyên chuyển trong trung đoàn; ông thường ưa nói chuyện về trung đoàn và về các sĩ quan, y như mình cũng là một thành viên của quân đội. Sau hôm tới Brussels một ngày, ông vừa bước ra khỏi khách sạn đối diện với công viên, thì nhìn thấy ngay một người lính bận bộ quân phục quen thuộc ngồi nghỉ trên một tấm ghế đá. Ông bước lại gần, run run ngồi xuống bên người thương binh.

- Có phải ông thuộc đại đội của đại uý Osborne không? – Ngừng lại một chút, ông tiếp – nó là con trai tôi đấy ông ạ.

Người này không thuộc đại đội Osborne, nhưng cũng đưa bàn tay không bị thương lên vành mũ chào ông già đờ đẫn và sầu não với một điệu bộ vừa buồn bã vừa kính cẩn. Anh ta đáp:

- Cả binh đoàn không có một sĩ quan nào đẹp trai và can đảm hơn. Một viên trung sĩ thuộc đại đội của đại uý Osborne (bây giờ thuộc quyền chỉ huy của đại uý Raymond) hiện có mặt trong thành phố, anh ta đang chữa vết thương ở vai, bị một viên đạn xuyên thủng. Nếu muốn, ngài có thể tìm gặp; anh ta sẽ kể cho ngài rõ việc trung đoàn thứ… tham chiến như thế nào. Nhưng chắc ngài đã gặp thiếu tá Dobbin, bạn thân của đại uý dũng cảm ấy rồi chứ? Cả bà Osborne cũng còn ở đây; nghe nói bà ấy mệt lắm. Họ còn bảo rằng đến sáu tuần nay bà ấy như người mất trí. Nhưng xin lỗi ngài chuyện ấy chắc ngài đã biết rõ.

Ông Osborne đặt vào tay người lính một đồng ghi nê và hứa sẽ đãi thêm một đồng nữa, nếu anh ta dẫn được viên trung sĩ nói trên tới khách sạn Công Viên. Lời hứa quả có hiệu lực; viên hạ sĩ quan nọ chẳng bao lâu được đưa đến gặp ông Osborne. Anh lính mách tin ra về khảo ầm lên với một hai người bạn rằng cụ thân sinh ra đại uý Osborne đã tới; thật là một người hào phóng, rồi họ đưa nhau đi chè chén thoả thích chừng nào tiêu hết sạch hai

đồng tiền vàng lấy được từ ví kiêu hãnh của ông già đau khổ kia mới thôi.

Đi cùng viên trung sĩ cũng vừa chữa lành vết thương, ông Osborne thăm lại chiến trường Waterloo và chiến trường Bốn cánh tay; hồi ấy hàng ngàn đồng bào của ông cũng tổ chức những chuyến đi thăm viếng như vậy. Ông cùng viên trung sĩ đi xe ngựa thăm lại cả hai khu vực xảy ra chiến sự dưới sự hướng dẫn của người này. Ông được thấy lại chỗ ngã tư, nơi trung đoàn bắt đầu tác chiến ngày mười sáu và cả cái sườn đồi thoai thoải, nơi quân Anh đánh bật đoàn kỵ binh Pháp truy kích đội quân Bỉ đang rút lui. Ông đến cả chỗ viên đại uý anh hùng đã chém chết tươi tên sĩ quan Pháp đang vật lộn với người sĩ quan cầm cờ trẻ tuổi để giành lấy lá quân kỳ, vì lúc này mấy viên trung sĩ bảo vệ cờ đã bị bắn chết cả. Ngày hôm sau đoàn quân rút lui cũng theo con đường này; và đây là khoảng đất trên đó, đêm hôm mười bảy, trung đoàn trú quân dưới trời mưa tầm tã. Quá bên kia một chút là vị trí quân Anh đã chiếm được và giữ vững suốt ngày hôm ấy, lúc thì tập hợp lại để nghênh chiến với bọn kỵ binh Pháp tấn công, lúc thì nằm bẹp trong hầm trú ẩn để tránh đạn trọng pháo của địch bắn dữ dội xuống đầu. Và đây là cái dốc, nơi buổi tối hôm ấy, toàn bộ trận tuyến quân Anh được lệnh phản kích khi quân địch tiến

công lần cuối cùng bị đánh bật trở lại, và chính là chỗ viên đại uý khoa lưỡi kiếm vừa hò reo vừa lao xuống sườn đồi, rồi trúng đạn gục chết. Viên trung sĩ hạ thấp giọng tiếp:

- Chính thiếu tá Dobbin đã mang thi hài của đại uý về Brussels và cho người chôn cất như ngài đã rõ.

Trong lúc viên hạ sĩ quan kể chuyện, một đám đông nông dân và những người bán hàng rong vây quanh hai người, tranh nhau mời ông già mua đủ mọi thứ kỷ vật của trận đánh, nào là báng súng, lon vai, những mảnh áo giáp vỡ nát, cả những hình chim diều hâu bằng sắt gẫy.

Thăm viếng xong quang cảnh những nơi ghi lại dấu vết chiến thắng cuối cùng của con trai, ông già chia tay cùng viên trung sĩ và đãi anh ta một món tiền thật hậu. Ông cũng đã thăm nơi an nghỉ cuối cùng của con. Thật ra, ngay sau khi đến Brussels, ông đã lập tức đi viếng mộ George. Thi hài con ông được chôn cất tại nghĩa trang Laeken, một nghĩa trang rất đẹp gần thành phố.

Ngày trước, một lần đến thăm chốn này, ông đã vui miệng ngỏ ý muốn sau này khi mình chết sẽ được chôn cất tại đây. Người bạn thân đã mang thi thể của viên đại uý về chôn tại một khu đặc biệt trong nghĩa trang; một hàng rào nhỏ ngăn khu vực này với khu vực các giáo đường, các toà dinh thự và những vườn cây là nơi

những người theo đạo cơ đốc của nhà thờ La Mã được chôn cất. Hình như ông già Osborne lấy làm tủi nhục vì con trai ông, một người thượng lưu nước Anh, một đại uý trong quân đội Anh quốc lừng danh tiếng, lại không xứng đáng được chôn cùng một chỗ với mọi người dân ngoại quốc tầm thường khác. Chúng ta ai có thể biết được trong cái nhìn đầy thông cảm nhiệt tình của ta đối với người khác có mấy phần phù phiếm và trong tình cảm của ta có bao nhiêu phần ích kỷ. Ông già Osborne cũng không để tâm phân tích tâm trạng phức tạp của mình để thấy sự xung đột giữa tình phụ tử và tính ích kỷ đã diễn ra như thế nào. Ông tin chắc rằng mọi việc mình làm đều phải, và trong bất cứ trường hợp nào, mình cũng nên hành động theo ý riêng… Và y như cái nọc của con ong vò vẽ hay con rắn, sự giận dữ của ông trào lên đầy chất độc sẵn sàng làm tê liệt kẻ nào dám chống lại. Ông kiêu hãnh cả về lòng căm thù của mình cũng như về mọi việc mình làm. Bao giờ cũng có lý, bao giờ cũng phải dẫm đạp mà tiến lên và không khi nào hoài nghi, phải chăng sự ngu độn đã thống trị thế giới với những đức tính lớn lao ấy?

Sau buổi đi thăm chiến trường Waterloo, xe ngựa của ông Osborne về đến gần cổng thành phố vào lúc hoàng hôn thì gặp một chiếc xe ngựa mui trần khác, trên có hai

người đàn bà và một người đàn ông ngồi, lại có một sĩ quan cưỡi ngựa đi kèm bên cạnh. Ông Osborne hốt hoảng quay người lại; viên trung sĩ ngồi cạnh đặt tay lên vành mũ chào người sĩ quan và quay sang nhìn người bạn đồng hành tỏ vẻ rất ngạc nhiên. Viên sĩ quan cũng chào lại, nhưng không chú ý lắm. Thì ra đấy là Amelia ngồi cạnh chàng sĩ quan cầm cờ trẻ tuổi bị què, đối diện với bà O'Dowd, người bạn trung thành của cô. Đúng là Amelia, nhưng trông khác hẳn hình ảnh người con gái tươi tắn, xinh đẹp còn lưu trong ký ức ông Osborne.

Mặt cô gầy và tái nhợt, mớ tóc đẹp màu nâu ẩn dưới một chiếc mũ tang. Cô thiếu nữ đáng thương quá! Mắt cô mở trừng trừng, nhưng nào cô có nom thấy gì đâu! Lúc hai chiếc xe gặp nhau, cô nhìn thẳng vào mặt ông Osborne, nhưng không nhận ra ông; nếu không trông thấy Dobbin cưỡi ngựa đi bên xe, ông già cũng không nhận ra cô là ai. Ông thù ghét Amelia quá rồi. Trước khi gặp Amelia, ông không hề ngờ rằng mình ghét cô thiếu nữ đến thế. Xe Amelia qua rồi, ông quay lại ngó viên trung sĩ, mắt long lên sòng sọc, mồm lẩm bẩm chửi rủa, như muốn nói: "Sao mày lại dám nhìn tao? Đồ khốn nạn! Tao ghét cay ghét đắng nó. Chính vì nó mà bao nhiêu hy vọng của tao sụp đổ, bao nhiêu niềm kiêu hãnh của tao tan vỡ". Ông thét thằng hầu ngồi phía trước: "Bảo nó

đánh xe nhanh lên".

Một lát sau, nghe có tiếng vó ngựa phi nhanh sau xe, chính là ngựa của Dobbin. Lúc hai chiếc xe gặp nhau, Dobbin đang mải nghĩ đến chuyện khác; đi được một quãng, anh ta mới nhớ ra rằng vừa gặp ông Osborne. Anh ta bèn quay sang nhìn xem Amelia gặp mặt bố chồng có xúc động không, nhưng cô thiếu nữ không hay biết điều gì hết. Hằng ngày Dobbin vẫn thường cưỡi ngựa đi theo xe của Amelia; anh ta vội rút đồng hồ xem rồi xin lỗi bạn, lấy cớ vừa chợt nhớ ra có hẹn với một người và phi ngựa quay trở lại. Amelia cũng không biết đến việc Dobbin ra về, cô vẫn ngồi rầu rĩ nhìn phong cảnh phía trước mặt; xa xa là cánh rừng, nơi George đã lên đường ra trận.

Dobbin phi ngựa lên, chìa bàn tay ra gọi:

- Cụ Osborne! Cụ Osborne!

Ông Osborne không chìa tay ra bắt, trái lại ông văng tục một câu, quát xà ích giong xe nhanh hơn. Dobbin đặt bàn tay lên thành xe nói:

- Tôi muốn gặp cụ, tôi có một chuyện muốn thưa cùng cụ.

Ông Osborne giận giữ đáp:

- Chuyện về mụ đàn bà kia à?

- Không, chuyện về con trai cụ.

Ông Osborne ngồi phịch xuống, tựa vào góc xe. Dobbin chờ cho phút xúc động qua đi, anh ta cho ngựa theo sát sau xe, không nói thêm gì, cứ thế qua thành phố về đến khách sạn của ông Osborne. Rồi anh ta theo ông già lên phòng trọ. Trước kia, nhiều lần George đã đến phòng này, đây là chỗ ở của vợ chồng Crawley hồi còn ở Brussels.

- Vậy ông có việc gì chỉ thị cho tôi nào, ông đại uý? – Xin lỗi, tôi phải nói là thiếu tá Dobbin; bởi vì những kẻ tài ba hơn ông chết đi rồi, tất nhiên các ông thay thế họ.

Ông Osborne nói với cái giọng châm biếm, mà thỉnh thoảng ông rất ưa dùng. Dobbin đáp:

- Những kẻ ưu tú hơn đã chết thật rồi. Tôi cũng muốn thưa với cụ về một người trong số đó.

Ông già cau mặt nhìn khách, văng tục rồi nói:

- Xin ông nói gọn cho.

Viên thiếu tá đáp:

- Tôi đến đây với tư cách là bạn thân nhất, đồng thời là người thực hiện di chúc của người đã mất. Di chúc được thảo ra trước khi xuất trận. Cụ có rõ anh ấy túng thiếu thế nào và người vợ goá bây giờ quẫn bách ra sao

không?

Ông Osborne đáp:

- Tôi không biết đến người vợ goá nào hết. Mặc xác con bé ấy cho nó trở về với bố nó.

Nhưng người khách cứ tươi tỉnh như thường, không để ý đến câu cắt ngang của ông già. Anh ta tiếp:

- Thưa cụ, cụ có rõ hoàn cảnh hiện nay của chị Osborne ra sao không? Tai hoạ vừa giáng xuống gần như làm rung chuyển cả cuộc đời của chị ấy và làm chị ấy như mất trí. Tôi thấy chị ấy rất khó lòng mà bình phục lại được. Tuy vậy cũng còn một chút hy vọng, và tôi đến để thưa cùng cụ về điều này. Chị ấy cũng sắp đến kỳ sinh nở. Không lẽ cụ lại muốn trút lên đầu đứa bé sự giận dữ đối với cha nó? Hay là vì thương anh George, cụ sẽ tha thứ cho đứa con anh ấy?

Ông Osborne vừa thao thao bất tuyệt biện hộ cho hành động của mình, vừa luôn mồm thề độc; ông tự biện hộ cốt để cho lương tâm khỏi cắn rứt và ông thề độc để làm tăng thêm tội bất hiếu của George. Thử hỏi khắp nước Anh, có người bố nào lại rộng lượng được như ông đã đối xử với con trai ông? Vậy mà hắn dám chống lại ông một cách tai quái đến thế. Hắn đã chết, nhưng cũng chưa hề muốn hối hận về tội lỗi đã phạm.

Hãy để cho hắn chịu những hậu quả tai hại do chính sự rồ dại và sự bất hiếu của hắn gây ra. Về phần ông, ông bao giờ cũng giữ lời hứa. Ông đã thề không bao giờ thèm nói chuyện với người con gái kia, cũng không chịu nhận người ấy là con dâu. Ông thề độc một câu và tiếp:

- Ông có thể bảo với cô ta thế, tôi đã quyết định giữ đúng thái độ như vậy từ nay cho tới lúc chết.

Thế là tuyệt mọi hy vọng. Người đàn bà goá đành phải sống trong cảnh túng thiếu hoặc nhờ Joe trợ cấp cho đồng nào hay đồng ấy; ta có thể bảo với nàng như thế, nhưng nàng cũng chẳng quan tâm đến chuyện ấy lắm đâu. Dobbin buồn rầu nghĩ thầm. Quả thật, từ sau khi chồng chết, người thiếu phụ đáng thương kia không hề bao giờ nghĩ đến chuyện này; mang nặng nỗi đau thương trên vì đối với Amelia bây giờ hạnh phúc hay tai họa nào có khác gì nhau. Mà quả vậy tình bạn và lòng thương mến đối với cô cũng chẳng có nghĩa lý gì nữa, cô lặng thinh tiếp nhận tất cả, rồi lập tức lại vùi mình vào trong cõi sầu muộn.

Sau cuộc nói chuyện vừa kể trên, mười hai tháng trời đã trôi qua trong cuộc đời của Amelia tội nghiệp. Thời gian đầu, cô đã sống trong một tâm trạng bi thương sầu não, khiến cho những kẻ chứng kiến và miêu tả nỗi đau

đớn đang làm cho trái tim cô rỉ máu phải lùi lại không dám nhìn. Bên giường nằm của tấm linh hồn đau khổ và bất hạnh kia, xin các bạn hãy nhẹ bước. Hãy bắt chước những người chăm sóc cô, nhẹ nhàng khép kín cánh cửa của căn phòng âm u nơi cô sống với sầu não và đau thương và không rời cô nửa bước cho tới khi thượng đế ban cho cô một niềm an ủi. Một ngày kia, trong tâm trạng vừa bàng hoàng vừa sung sướng, người con gái sớm goá chồng đã được một đứa bé vào ngực… một đứa trẻ có đôi mắt y hệt như đôi mắt của George đã khuất… một đứa con trai đẹp như một thiên thần. Tiếng đứa trẻ khóc chào đời đối với cô có tác dụng như một phép mầu. Cô ôm đứa bé, vừa cười lại vừa khóc… áp đứa con vào trái tim, cô thấy như tình yêu, hy vọng cùng những lời cầu nguyện sống lại với mình. Bây giờ cô được cứu sống rồi. Những ông thầy thuốc săn sóc cô trước đó đã tỏ ý quan ngại rằng hoặc tính mạng hoặc là lý trí của cô bị đe doạ. Họ đã khắc khoải chờ đợi giờ phút hiểm nghèo ấy trước khi có thể tuyên bố rằng mọi sự đều ổn. Những người đã lo lắng, sợ hãi sống bên cạnh cô hàng tháng ròng thấy thật bõ công vất vả của mình bấy lâu khi thấy đôi mắt cô lại lóng lánh nhìn họ đầy trìu mến.

Trong số này có anh bạn Dobbin của chúng ta. Chính

anh ta đã đưa cô về căn nhà của mẹ cô ở nước Anh, khi bà O'Dowd nhận được lệnh của ông trung tá đành phải từ biệt cô… Cứ nhìn Dobbin ôm đứa bé và Amelia vừa ngắm nó vừa cười sung sướng, ai cũng phải vui lây. William là cha đỡ đầu của đứa bé. Anh ta bóp óc để chọn đủ các thứ đồ chơi cho nó, nào là cốc, thìa, nào là tàu bằng giấy và cả những cành san hô nữa.

Người mẹ tự tay mình chăm sóc đứa con, may quần áo cho nó, sống vì nó. Amelia không muốn mượn người giữ trẻ, cũng ít khi để cho bàn tay người khác đụng đến con mình. Riêng thiếu tá Dobbin là cha đỡ đầu của đứa bé thỉnh thoảng được nâng niu nó một chút. Amelia coi đó là một ân huệ lớn đối với anh ta. Đứa con là tất cả cuộc đời của cô. Hạnh phúc của cô là được vuốt ve, được bao bọc đứa bé yếu ớt vô tri kia trong một bầu không khí yêu thương và phụng thờ; dòng sữa đứa con bú chính là cuộc sống của cô. Đêm đêm nằm một mình, cô cảm thấy có những phút bản năng làm mẹ thức dậy kín đáo và say sưa mãnh liệt. Thượng đế tối linh đã ban riêng cho người làm mẹ những phút giây như vậy; những mềm vui ấy vừa cao thượng quá lại vừa tầm thường quá đối với lý trí… sự phụng thờ mù quáng và đẹp đẽ ấy, chỉ có tâm hồn người đàn bà mới hiểu nổi.

William vẫn để tâm những hành động ấy của Amelia

và theo dõi mọi nhịp đập của trái tim cô. Tình yêu đã khiến anh ta sáng suốt đoán được mọi cảm xúc của trái tim ấy. Chính vì thế mà, hỡi ơi, anh ta cũng đành phải nhận rằng trong trái tim của Amelia không hề có chỗ nào dành cho mình. Dobbin như cam chịu số phận hẩm hiu một cách hiền lành và gần như bằng lòng với điều đó.

Có lẽ bố và mẹ Amelia hiểu rõ tình cảm của viên thiếu tá họ cũng có ý khuyến khích anh chàng. Ngày nào Dobbin cũng đến thăm, ngồi nói chuyện hàng giờ với Amelia hoặc với gia đình ông Clapp chủ nhà. Hầu như ngày nào anh ta cũng kiếm cớ mang lại biếu người này hoặc người khác một món quà và trở thành bạn thân của con gái ông Clapp. Cô thường gọi anh ta là "Thiếu tá kẹo bánh". Amelia rất mến cô bé. Chính cô bé này thường đóng vai trò tiếp tân, thường dẫn anh ta vào thăm Amelia. Một hôm cô bé cười ầm lên vì thấy "Thiếu tá kẹo bánh" bước xuống xe, ôm theo đủ thứ, một con ngựa gỗ, một cái kèn, một cái trống và nhiều thứ đồ chơi kiểu nhà binh khác để tặng chú bé Georgy; chú mới được gần sáu tháng, đã chơi làm sao được những thứ ấy.

Đứa nhỏ đang ngủ; hình như Amelia hơi bực mình vì đôi ủng của Dobbin cứ kêu cọt kẹt. Cô nói "suỵt" và chìa bàn tay ra. Thấy Dobbin lúng túng đặt hết đồ chơi xuống đất rồi mới bắt tay được, cô mỉm cười. Anh ta

bảo cô bé:

- Em Mary ơi, xuống nhà chơi nhé. Anh có chuyện muốn nói với bà Osborne.

Amelia nhìn lên hơi ngạc nhiên, rồi đặt con xuống giường.

Dobbin nhẹ nhàng nắm lấy bàn tay trắng muốt mảnh dẻ của cô nói:

- Tôi đến để từ biệt Amelia.

Cô mỉm cười hỏi:

- Từ biệt ư? Anh phải đi đâu thế?

- Chị cứ gửi thư cho luật sư của tôi, họ sẽ chuyển đi. Chị sẽ viết thư cho tôi chứ? Tôi đi vắng lâu đấy.

Amelia đáp:

- Tôi sẽ biên thư cho anh về Georgy. Anh William thân mến ạ, anh đối với mẹ con tôi tốt quá! Anh nhìn nó xem, có phải nó đẹp như thiên thần không?

Vô tình, bàn tay hồng hào xinh xinh của đứa trẻ nắm lấy ngón tay của anh chàng sĩ quan trung thực. Amelia ngước nhìn anh tràn trề niềm vui sướng của người mẹ. Cái nhìn tàn ác nhất đời cũng không thể khiến anh chàng đau khổ bằng tia mắt đầy trìu mến nhưng vô tình đó. Anh ta cúi xuống nhìn hai mẹ con, trong một lúc lâu,

nghẹn lời không nói được gì. Gắng thu hết sức lực trong người anh mới nói được một câu: "Cầu Chúa ban phước lành cho chị". Amelia cũng đáp lại như thế và ngẩng đầu lên hôn anh.

Thấy William Dobbin đi ra cửa, bước chân nặng nề. Amelia lại nói "Suỵt! Khéo Georgy thức dậy đấy!".

Cô không nghe thấy tiếng ngựa chuyển bánh, cô còn bận ngắm đứa con đang mỉm cười trong giấc ngủ.

CHƯƠNG XXXVI
LÀM THẾ NÀO SỐNG ĐÀNG HOÀNG KHÔNG MỘT ĐỒNG LỢI TỨC

Có lẽ *Hội chợ phù hoa* này làm gì có ai thờ ơ đến nỗi không thỉnh thoảng nhòm ngó tí chút đến việc làm ăn của người quen kẻ thuộc, hoặc quá từ bi đến mức không buồn ngạc nhiên tự hỏi mấy bác Jones và Smith hàng xóm làm sao vẫn cứ vắt mũi đủ đút miệng quanh năm? Mặc dầu rất kính trọng gia đình Jenkins s (vì tôi đã có dịp ăn tiệc trong gia đình này đôi ba lần), tôi vẫn phải thú thật rằng từ nay cho đến chết tôi không thể quên được sự kinh ngạc khi thấy bầu đàn nhà Jenkins s xuất hiện tại công viên trên một chiếc xe ngựa đồ sộ, kẻ hầu đầy tớ dập dìu; bởi lẽ dẫu tôi thừa biết rằng xe ngựa là đồ cũ mua lại, mà bọn đầy tớ chỉ được nơi ăn chốn ở, chứ không có tiền lương, nhưng nguyên ba thằng hầu và cái xe ấy cũng phải tiêu tốn ít nhất là sáu trăm đồng hằng năm… Thế mà còn tiệc tùng sang trọng, lại hai đứa con trai nội trú ở trường trung học Iton; mấy cô con gái thì đủ cả cô giáo và thầy giáo dạy riêng. Mùa thu họ đi chơi ở Eastbourne hay Worthing; thỉnh thoảng họ lại ra ngoại quốc du lịch một chuyến; mỗi năm một lần, họ còn tổ chức một buổi dạ hội, có tiệc ăn đêm đặt tại nhà hàng Gunter (nhân tiện xin nói thêm, nhà này quen thầu

những thứ bữa tiệc loại thượng hạng của gia đình Jenkins; tôi biết rõ điều này vì có lần được mời đến để lấp một chỗ trống, thì thấy ngay rằng một bữa ăn như thế vượt xa những bữa tiệc kẻ tầm thường này vẫn được dự). Người hiền lành đến đâu cũng đánh một dấu hỏi rằng gia đình Jenkins làm thế nào mà sống kiểu ông hoàng như vậy được? Jenkins là cái gì? Còn ai lạ gì anh ta nữa… Một nhân viên quèn tòng sự tại ngự tiền văn phòng, lương đồng niên 1.200 đồng. Hay là chị vợ có của riêng? Úi dà!… Cô Flint là một trong số mười một đứa con của nhà quý tộc quèn vùng BuckingHampshire. Suốt năm những thứ cô được gia đình cho chỉ là một con gà tây vào ngày lễ Giáng sinh! Bù lại, cô phải nuôi ba cô em trong suốt mấy tháng nghỉ hè, và còn phải tiếp mấy ông anh trai mỗi khi họ ra tỉnh chơi nữa cơ chứ. Thế thì Jenkins giữ thăng bằng ngân sách bằng cách nào nhỉ? Tôi cũng như bất cứ người bạn nào của anh ta đều phải tự hỏi không hiểu tại sao Jenkins chưa bị truy tố trước pháp luật từ lâu. Mà làm sao năm ngoái anh ta vẫn còn dám vác mặt về Boulogne. (Thiên hạ lấy làm kinh ngạc về điều này lắm).

Tiếng "tôi" ở đây có nghĩa là tất cả mọi người… nghĩa là bà Grundy[6] trong một độc giả như vậy… Mỗi người đều có thể chỉ ra trong đám thân bằng cố hữu một gia

đình nào đó vẫn sống đàng hoàng không biết bằng cách nào. Chắc hẳn chúng ta cũng đã từng nâng nhiều cốc rượu mà gật gù thù tạc với chủ nhân, đồng thời ngạc nhiên tự hỏi không rõ lão này xoay đâu ra tiền mà mua rượu.

Khoảng ba bốn năm sau, sau khi ở Pariss trở về nước, hai vợ chồng Rawdon Crawley sống trong một căn nhà nhỏ rất đầy đủ tiện nghi tại phố Curzon trong khu May; đám bạn bè thường được họ thết tiệc, không mấy ai không tự đặt câu hỏi trên về họ. Ở trên tôi đã có dịp nói rằng nhà tiểu thuyết có con mắt thấu suốt mọi sự, cho nên tôi cũng có đủ thẩm quyền tiết lộ với bạn đọc tại sao vợ chồng Crawley không một xu dính túi mà vẫn sống đàng hoàng. Nhưng tôi có thể yêu cầu các báo chí có thói quen trích bài đăng trong các tuần báo khác đừng in lại những chuyện tôi kể dưới đây được không?... Bởi lẽ tư cách là kẻ đã khám phá ra sự thực (mà cũng có tốn kém đôi chút đấy), tôi muốn được hưởng chút lợi lộc. Ví phỏng trời cho tôi có được một mụn con trai, tôi sẽ bảo họ rằng: "Con ơi, con nên chịu khó đi lại giao thiệp luôn luôn với anh ta thì mới học được cách sống ung dung mà quanh năm không mất xu nào. Nhưng tốt nhất là đừng có quá thân mật với các ông sang trọng loại này, nên nhờ người khác tính toán hộ mình vì giống như

bảng tính lôgarít, nếu ta phải làm lấy những con toán thì sẽ tổn phí khá nhiều công sức".

Về chuyện không mất một xu mà trong khoảng hai ba năm, Crawley và vợ sống một đời sống hết sức thoải mái và hạnh phúc ở Pariss, chúng tôi chỉ có thể kể lại rất sơ lược. Chính trong thời gian này, anh ta bán lại lon trung tá của mình, từ giã đội ngự lâm quân.

Khi chúng ta gặp lại thì chỉ còn nhận thấy dấu vết cái nghề trận mạc cũ của anh ta ở bộ ria mép và cái danh hiệu trung tá in trên tấm danh thiếp.

Ở trên đã nói, vừa đến Paris, Rebecca đã chiếm một vị trí nổi bật trong giới thượng lưu của kinh đô nước Pháp; cô ta còn được vài gia đình nổi tiếng nhất thuộc giới quý tộc Pháp mới khôi phục lại uy thế tiếp đón rất long trọng. Bọn người Anh sang trọng ở Paris cũng săn đón Rebecca làm cho các bà vợ tức lộn ruột; họ không thể chịu nổi con người bon chen ấy. Trong mấy tháng liền, Rebecca quen đi lại những phòng khách chính ở khu ngoại ô St. Germain và thường xuyên ra vào chỗ triều đình lộng lẫy huy hoàng; được tiếp đón hết sức long trọng; cô ta sung sướng quá và dễ thường hơi bị choáng váng trong thời kỳ khoái hoạt ấy thì phải, cho nên mới có ý muốn coi thường đám bè bạn của chồng mình hầu hết là những quân nhân trẻ tuổi trung thực.

Phải ngồi cạnh những bà quận chúa và các bậc mệnh phụ trong triều, viên trung tá thấy buồn quá; anh ta cứ ngáp ngắn ngáp dài. Mấy bà cụ chơi bài cãi nhau ồn cả lên vì một đồng năm frăng; thấy thế, trung tá Crawley chán ngấy, chẳng buồn ngồi vào chiếu bạc nữa. Anh không thưởng thức nổi cái tế nhị trong câu chuyện họ nói với nhau, vì không biết tiếng Pháp. Anh ta tự hỏi không hiểu vì sao đêm nào vợ mình cũng chịu khó cong lưng chào hàng tá những bà hoàng bà chúa để làm gì. Bây giờ Rawdon mặc Rebecca đến dự những buổi tiếp tân này một mình; anh ta trở lại với những thú chơi riêng bình dị mà anh ta thích giữa đám bạn hữu tự mình chọn lấy.

Thực ra, khi chúng tôi nói rằng một ông sang trọng sống đàng hoàng mà quanh năm không một xu lợi tức, ấy là chúng tôi muốn nói ông ta có những nguồn lợi ta không biết rõ – nghĩa là không rõ ông ta bù đắp việc chi tiêu trong nhà ra sao. Riêng ông bạn trung tá của chúng ta thì vốn có biệt tài trong các trò chơi may rủi. Anh ta lại chịu khó tập luyện thường xuyên trong các món đánh bài xì, chơi xúc xắc, hoặc bi-a, cho nên so với kẻ thỉnh thoảng mới giải trí, dĩ nhiên anh ta "tài nghệ" hơn. Biết cầm một cái gậy bi-a cho khéo cũng công phu chẳng khác gì người cầm bút vẽ, thổi sáo, hoặc đánh kiếm…

mới đầu không thể thắng được ai, nhưng hễ chịu cần cù học hỏi, lại có chút năng khiếu là tự nhiên người ta có thể trở thành xuất sắc. Cho nên từ chỗ chỉ là một tay chơi tài tử khéo tay, Crawley leo lên địa vị một nhà lão luyện trong nghề bi-a. Y như một viên tướng, thường thường thiên tài của anh ta phát triển song song với những sự nguy hiểm; mỗi khi thần may mắn suốt buổi quay lưng lại với anh ta, hễ đặt tiền là y như rằng mất hút, anh ta chỉ cần chơi vài "cú" thật táo bạo và tài tình, là đủ lấy lại được ưu thế, cuối cùng lại được như thường, và thiên hạ lấy làm ngạc nhiên vô cùng – thiên hạ đây tức là những anh không rõ ngón chơi của Crawley; còn những tay quen thuộc thì rất dè dặt mỗi khi đặt tiền để thi tài với người đã thạo nghề lại giàu mánh khoé như vậy.

Trong môn đánh bài, Rawdon cũng không phải là tay kém cạnh. Bước vào mỗi cuộc chơi, anh ta thường thua lúc đầu vì chơi thiếu thận trọng và vụng về; thế là bọn mới đến coi thường tài nghệ của anh ta; cho đến lúc bị mất liên tiếp những món tiền nho nhỏ, anh ta mới hăng máu, thận trọng hơn. Ta để ý sẽ thấy Crawley đổi hẳn lối chơi và chắc chắn chưa hết canh bạc anh ta đã đánh cho kẻ thù những đòn thất điên bát đảo. Quả thật rất ít người dám nói là có lần mình đã hạ được Rawdon.

Vì Rawdon luôn luôn được bạc cho nên bọn ghen ghét và bọn mất tiền hay nói xấu anh ta, điều đó cũng không lạ. Cũng như người Pháp thường nói về con người không bao giờ chịu thất trận là Quận công Wellington rằng chẳng qua ông ta bách chiến bách thắng cũng nhờ những sự may mắn lạ kỳ liên tiếp nhau giúp đỡ mà thôi; họ còn đồn rằng quận công đã chơi một nước bạc bịp ở Waterloo để nắm chắc phần thắng về mình. Tóm lại ở nước Anh, người ta thì thào rằng trung tá Crawley cứ được bạc luôn hẳn có chuyện bịp bợm chi đây.

Hồi ấy ở Paris có hai sòng bạc lớn là "Frascati" và "Salon", nhưng người ta mê đánh bạc quá, thành ra, những sòng bạc công khai không đủ thoả mãn "máu mê" của thiên hạ; người ta đánh bạc ngay cả trong phòng khách ở nhà riêng. Trong những cuộc họp mặt buổi tối thân mật êm đềm tại nhà trung tá Crawley, chủ và khách không ai thoát khỏi cái trò giải trí tai hại này… Và cái bà Crawley nhỏ bé tốt bụng kia lấy làm phiền lòng lắm lắm. Bà nói về chuyện chồng mê chơi xúc xắc bằng một giọng vô cùng buồn nản; bà kêu rên với mọi khách khứa đến nhà chơi về chuyện này. Bà yêu cầu những người bạn trẻ tuổi tuyệt đối đừng bao giờ mó vào cái ống đổ xúc xắc. Cái lần anh chàng Green trẻ tuổi thuộc đội khinh binh bị thua một món tiền lớn, suốt đêm hôm ấy

bà khóc mãi, và quỳ xuống mà cầu xin chồng huỷ bỏ khoản nợ, đốt tờ văn tự đi; ấy là theo lời người đầy tớ kể lại về anh chàng trẻ tuổi bất hạnh.

Rawdon biết làm thế nào được? Chính anh ta cũng vừa thua món tiền lớn về tay lão Blackstone, thuộc đội khinh kỵ binh, và lão bà trước Punter thuộc đội kỵ binh Hanover. Green sẽ được hưởng một thời hạn rộng rãi; nhưng còn chuyện trả tiền?… Dĩ nhiên là phải trả…

Đốt văn tự nợ, có hoạ là chuyện trẻ con.

Nhiều sĩ quan khác, đặc biệt là bọn còn ít tuổi (vì bọn trai trẻ ưa xúm xít quanh bà Crawley lúc tan buổi họp ra về), mặt anh nào anh ấy buồn rười rượi, vì ít nhiều đã để lại một số tiền trên mặt cái bàn đánh bài tai hại kia. Bắt đầu có tiếng đồn đại không hay về căn nhà của bà chủ, những tay già đời báo cho bọn còn non nớt về sự nguy hiểm. Trung tá O'Dowd thuộc trung đoàn thứ… là một trong những trung đoàn chiếm đóng Paris thời đó cũng cảnh báo trung uý Spooney về việc này. Hai vợ chồng viên trung tá bộ binh và hai vợ chồng trung tá Crawley đã cãi nhau một trận ầm ĩ ngay giữa nhà hàng cà phê Paris, nơi họ đến dùng bữa cơm trưa. Hai bà vợ cùng tham gia tích cực vào cuộc đấu khẩu. Bà O'Dowd tát vào mặt bà Crawley và gọi chồng bà này là đồ lừa đảo; trung tá Crawley thách trung tá O'Dowd đấu súng. Viên

tổng chỉ huy hay tin bèn gọi trung tá Crawley đến hỏi chuyện và ngăn không cho cuộc đọ súng xảy ra; lúc này Crawley đã sửa soạn sẵn đôi súng lục "đã dùng để bắn chết tươi đại uý Marker". Giá Rebecca không đích thân quỳ xuống mà van xin trung tướng Tufto có lẽ Crawley đã bị tống về Anh rồi; suốt mấy tuần lễ sau anh ta đành chỉ đánh bạc với bọn dân thường.

Tuy nhiên Rebecca vẫn thấy rõ rằng dù cho ông chồng có tài mấy và có được bạc luôn đi nữa thì tình thế vẫn cứ bấp bênh lắm.

Dù rằng ít khi hai vợ chồng chịu trả tiền ai, nhưng vốn nhỏ mọn của họ rồi cũng có một ngày mòn đi thành con số không. Cô ta vẫn bảo: "Mình ơi, đánh bạc có thể giúp mình tăng thêm số thu hoạch thật đấy, nhưng bản thân nó không phải là một số thu hoạch chắc chắn. Rồi có ngày thiên hạ chán đánh bạc, lúc ấy vợ chồng mình xoay xở ra sao?" Rawdon công nhận vợ nói có lý; quả thật anh ta đã nhận thấy rằng sau mấy buổi tổ chức ăn đêm tại nhà và v.v. bọn đàn ông đã tỏ ra chán không muốn đánh bạc với anh ta thực, và cái sức quyến rũ của Rebecca cũng không thể khuyến khích họ tham dự một cách hào hứng như trước.

Cuộc sống thoải mái vui vẻ của đôi vợ chồng ở Paris chẳng qua cũng là một trò giải trí vô nghĩa cho qua

ngày; Rebecca hiểu rằng muốn giúp cho chồng làm nên thì phải về nước. Cô phải kiếm cho chồng một chức vụ nào đó ở nước Anh hoặc ở các thuộc địa; cho nên cô ta quyết định hễ có cơ hội là trở về Anh. Biện pháp đầu tiên của Rebecca là xui chồng bán phăng cấp bậc trung tá và chịu ăn nửa lương vậy. Ít lâu nay, anh ta đã thôi không đảm nhiệm chức vụ sĩ quan phụ tá của tướng Tufto nữa rồi. Đi đâu Rebecca cũng giễu cợt lão sĩ quan già này về mớ tóc giả lão đeo khi đến Paris, về tấm áo gi lê, về bộ răng giả, nhất là về chuyện lão cứ nhất định tự cho mình là một tay chim gái cừ khôi, và đàn bà con gái ai đến gần lão cũng phải mê tít. Hồi này, lão trung tướng đang xun xoe quanh bà Brent – vợ viên cao uỷ Brent; bà này có bộ lông mày rậm như chổi sể; lão tốn vô khối hoa, cơm thết tại khách sạn, vé mời ghế "lô" rạp hát và các thứ đồ chơi vặt. Bà Tufto đáng thương cũng vẫn không sung sướng hơn mấy tí, vẫn đành ngồi suốt những buổi tối dài đằng đẵng với mấy cô con gái; bà hiểu rằng ông trung tướng nhà bà còn đang bận túc trực sau ghế bà Brent ở rạp hát, râu tóc uốn quăn, xức nước hoa thơm lừng. Mất lão trung tướng, Rebecca đã có hàng tá đàn ông cảm lăn cảm lóc thế chân; kể ra khôn ngoan lanh lợi như cô ta thì đánh gục tình địch dễ như bỡn, nhưng ta đã rõ, Rebecca cảm thấy chán ngán cuộc sống thù tiếp vô vị; những "lô" ghế ở rạp hát, những bữa tiệc ở khách sạn cô

thấy ngấy lắm rồi. Những bó hoa thơm không dành làm vốn cho tương lai được, mà các thứ đồ chơi lặt vặt, khăn tay thêu hoa và bao tay bằng da dê nào có gặm ra mà ăn được đâu. Cô thấy sự vui chơi vô nghĩa quá, phải kiếm những món lợi nào chắc chắn hơn mới được Đúng lúc ấy, có tin đồn lan ra trong đám chủ nợ của viên trung tá ở Paris, khiến họ bằng lòng quá. Bà Crawley, bà cô giầu có mà viên trung tá vẫn hy vọng hưởng gia tài sắp chết rồi, viên trung tá cần có mặt ngay bên giường bệnh của bà. "Bà trung tá" và con trai ở lại Paris, khi nào ông chồng sang đón sẽ về nước sau. Trung tá lên đường đi Calais và đến đó an toàn; có lẽ sau đó sẽ đi Dover; thật ra, Rawdon đi xe ngựa đến Dunkirk rồi chuồn một mạch sang Brussels, nơi mà từ trước anh ta vẫn trú. Thì ra ở Luân Đôn, Rawdon nợ còn nhiều hơn cả ở Paris, cho nên anh ta thấy cuộc sống ở cái thành phố Bỉ lặng lẽ kia đẹp hơn những nơi kinh đô quá ồn ào.

Bà cô chết thực rồi. Rebecca đặt may một bộ đồ tang thật long trọng cho mình và con trai. Ngài trung tá còn đang bận thu xếp vấn đề thừa kế gia sản. Bây giờ họ có thể thuê buồng ở tầng thứ nhất không phải sống trong tầng hầm của khách sạn như trước nữa. Trung tá phu nhân và ông chủ khách sạn có một buổi hội ý với nhau về việc sắm thảm mới để trang hoàng trên tường và trải

trên mặt sàn. Hai bên đồng ý với nhau về mọi thứ. Riêng về khoản giá cả thì không thoả thuận được. Rồi Rebecca lên xe đi, chị vú nuôi người Pháp bế thằng con trai ngồi cạnh. Hai vợ chồng ông chủ khách sạn mỉm cười theo ra tận cổng để tiễn. Nghe tin Rebecca lên đường, trung tướng Tufto nổi lôi đình; thấy lão nổi lôi đình, bà Brent bèn nổi lôi đình với lão. Trung uý Spooney thấy trái tim như vỡ ra từng manh. Còn ông chủ khách sạn thì sửa soạn sẵn phòng trọ đẹp nhất, chờ hai vợ chồng bà khách xinh đẹp trở lại, ông ta cẩn thận xiết lại[7] dây buộc những chiếc vali đồ sộ mà khách đã yêu cầu ông giữ gìn chu đáo hộ. Bà Trung tá đã đặc biệt căn dặn ông về việc này. Ít lâu sau, mở ra thì ở trong chả thấy có cái quái gì đáng tiền cả.

Trước khi sang thủ đô nước Bỉ với chồng, Rebecca cũng ghé qua nước Anh, để đứa con lại lục địa cho chị vú nuôi người Pháp trông nom.

Cuộc chia tay giữa Rebecca và thằng con trai cũng không khiến cả hai mẹ con đau lòng lắm. Nói cho đúng thì từ khi sinh con đến giờ cô ta cũng ít khi nhìn đến thằng bé. Theo lối nuôi con của các bà mẹ Pháp, cô ta gửi con cho một bà vú nuôi tại một làng gần khu ngoại ô thành Paris. Ở đây, thằng bé Rawdy đi guốc gỗ, sống chung trong cái gia đình đông đúc gồm các trẻ em được

gửi bà vú, cũng không phải là không có hạnh phúc. Bố nó cưỡi ngựa đến thăm con trai luôn; thấy con bẩn thỉu nhưng hồng hào, bi bô hò hét, nặn đất cát một cách thú vị dưới con mắt coi sóc của bà vú nuôi là vợ người làm vườn, ông bố vui vẻ lắm.

Rebecca không ưa đến thăm con trai. Đã một lần thằng bé làm bẩn tấm áo lông mới màu cổ vịt của cô ta. Chính nó cũng ưa được bà vú nuôi nâng niu hơn được mẹ bế, và khi phải từ biệt người vú nuôi tốt bụng đã săn sóc mình như con đẻ, thằng bé gào khóc hàng mấy giờ liền; mẹ nó phải nói dối rằng hôm sau sẽ được về với bà vú nuôi tốt bụng, nó mới tin.

Lúc chia tay, bà vú nuôi cũng buồn, nghe nói thằng bé sẽ trở lại ngay, bà này cứ ngóng ngóng chờ mãi.

Có thể nói hai vợ chồng Rawdon là tiền bối của cả một thế hệ những tay giang hồ táo bạo người Anh, sau này đã tràn vào lục địa và làm nghề lừa đảo mà sống tại khắp các kinh đô Âu châu. Trong thời kỳ 1817-1818, người ta rất kính trọng danh dự và sự giàu có của người Anh. Hồi đó, họ chưa biết quỵt tiền một cách trắng trợn, như ta thấy bây giờ. Hồi ấy những thành phố lớn của châu Âu cũng chưa mở cửa đón bọn lưu manh người Anh. Bây giờ thì khó lòng mà thấy một tỉnh nào ở Pháp, ở Ý mà không có mặt vài đồng bào quý báu của chúng

ta với cái điệu bộ nghênh ngang khệnh khạng rất Anh cát lợi nhận ra được ngay ở bất cứ đâu. Họ quỵt tiền các chủ quán, đổi ngân phiếu giả cho các ông chủ nhà băng cả tin, ăn cắp xe ngựa của các chủ xe, lừa đồ trang sức của các hiệu kim hoàn, chơi bạc bịp để lừa tiền của các khách du lịch, nẫng túi, thậm chí cuỗm cả sách ở các thư viện công cộng… Ba mươi năm trước, chỉ cần là một "quý ông" người Anh đi xe ngựa riêng là đến đâu cũng được tín nhiệm; và đáng lẽ lừa thiên hạ như bây giờ thì hồi ấy họ lại bị thiên hạ lừa. Vợ chồng Crawley bỏ đi được vài tuần thì ông chủ khách sạn ở Paris mới biết mình vừa bị một vố đau: bà Marabou chủ hiệu trang sức, vác hoá đơn đứng tên bà Rawdon Crawley đến đòi tiền xoành xoạch; ông Didelot, chủ hiệu "Thỏi Vàng" ở phố Hoàng Cung năm sáu bận đến thăm xem cái *bà phu nhân xinh đẹp mua chịu đồng hồ và xuyến kia đi vắng đã về chưa?*[8] Cả bà vợ người làm vườn đã săn sóc cậu con trai của bà "phu nhân" cũng không hề được trả tiền công sáu tháng nay về việc cho cậu bé Rawdy bụ bẫm khoẻ mạnh kia bú sữa. Vợ chồng ông Rawdon Crawley vội vàng quá, cũng không kịp nghĩ đến cái món nợ nhỏ mọn ấy nữa. Còn ông chủ khách sạn thì từ bữa ấy cho đến chết cứ ra sức mà chửi tàn tệ cả cái giống Anh cát lợi. Ông ta gặp khách du lịch nào cũng hỏi thăm có biết một lão trung tá Crawley nào đó… và vợ lão… một

người đàn bà nhỏ nhắn, rất dí dỏm không? Ông nói thêm: "Ngài ơi! Chúng nó lừa tôi một cách khốn nạn quá[9]. Giọng ông than thở khi kể lại tai hoạ trên nghe thật ảo não.

Rebecca về thăm Luân Đôn nhằm mục đích thương lượng với bọn chủ nợ của chồng, định đề nghị chịu khoảng 4% hoặc 5% với điều kiện để cho chồng được yên ổn trở về nước. Ta không cần phải tả lại những cuộc thương lượng gay go này làm gì. Cuối cùng Rebecca làm cho họ hể hả tin rằng món tiền cô ta đưa ra là tất cả vốn liếng của chồng và Crawley thì thà sống suốt đời ở ngoại quốc còn hơn về nước để bị chủ nợ giày vò. Cô ta trình bày với họ rằng chồng mình không còn trông mong vào khoản tiền nào khác, và họ cũng đừng hy vọng hưởng một tỷ lệ lãi cao hơn; cuối cùng toàn thể đám chủ nợ đồng tình ưng thuận; thế là với một vạn năm nghìn đồng tiền mặt, Rebecca đã thanh toán được một món nợ gấp hơn chục lần số tiền này.

Rebecca không cần nhờ luật sư thu xếp hộ mình. Xem cách cô ta trình bày với thầy kiện của chủ nợ thì sự việc đơn giản quá; chỉ có một là thuận, hai là mất nợ, thế là họ đành chịu, cho nên thầy cò Lewis đại diện ông Davids ở công viên Sư tử đỏ, và thầy cò Moss thay mặt ông Manasseh ở phố Cursitor (ông này là chủ nợ chính

của viên trung tá), cả hai phải khen bà Rawdon lo việc tài tình quá, những tay nhà nghề cũng không bằng.

Rebecca khiêm tốn nhận lời khen; cô gọi mang một chai rượu mạnh và bánh ngọt đến chỗ ở là cái quán trọ tồi tàn, nơi thương lượng công việc, để thết đãi mấy lão thầy kiện của chủ nợ; đoạn cô ta hết sức vui vẻ bắt tay từ biệt họ, rồi lập tức quay về lục địa với chồng con và báo cho chồng biết tin anh ta hoàn toàn được giải phóng. Trong thời gian mẹ đi vắng, thằng con trai bị cô Genevieve, tức là chị vú nuôi người Pháp, bỏ lơ là không săn sóc đến. Chị ta mải chấp chới với một thầy quyền trong trại lính ở Calais, quên khuấy mất nhiệm vụ của mình. Thằng bé Rawdy đã bị chị vú bỏ quên trên bãi biển, bị lạc, suýt nữa thì chết đuối.

Thế là trung tá Crawley và vợ về Luân Đôn. Chính trong toà nhà ở phố Curzon, khu May Fair, họ đã thi thố tài năng trong cách sinh sống bằng mọi mánh khoé như đã nói ở trên.

CHƯƠNG XXXVII
CÂU CHUYỆN TIẾP TỤC

Trước hết, chúng tôi cần trình bày cách thức kiếm một căn nhà ở mà không mất xu nào, vì đó là việc quan trọng nhất. Có những căn nhà cho thuê kê sẵn đồ đạc; nếu bạn được ông Gillows hoặc ông Bantings tinh tín nhiệm, bạn có thể thuê nhà trang hoàng theo sở thích. Nếu bạn ưng chọn một căn nhà có sẵn đồ đạc rồi thì tránh được nhiều chuyện phiền phức hơn. Hai vợ chồng Rawdon Crawley chọn cách thứ hai.

Trước khi bác Bowls đến lãnh nhiệm vụ quản lý trong gia đình bà Crawley ở đường Công Viên thì bà đã có một người quản lý khác tên là Raggles, bác này là con một người làm vườn ở trại Crawley Bà chúa. Nhờ có hạnh kiểm tốt, nhờ có dáng người chừng mực và bộ giò đẹp, điệu bộ lại trịnh trọng, Raggles leo từ địa vị hầu ăn lên địa vị hầu xe, rồi đến địa vị quản lý. Trong thời gian làm việc trong gia đình bà Crawley, Raggles được trả lương rất hậu, lại có tiền thưởng luôn luôn tha hồ có dịp để dành, ít lâu sau bác tuyên bố cưới chị làm bếp cũ của bà chủ làm vợ. Chị này hiện đương làm nghề giặt thuê, đồng thời mở một cửa hàng nhỏ bán rau cỏ ở gần đấy. Thực ra hôn lễ đã bí mật tiến hành từ mấy năm trước;

sở dĩ bà Crawley biết tin Raggles lấy vợ vì có hai đứa trẻ, một trai một gái, khoảng bảy tám tuổi cứ quanh quẩn luôn trong bếp, làm cho bà Briggs phải chú ý tới. Raggles bèn xin thôi việc và đích thân quản lý cửa hàng bán rau của vợ. Bác dọn thêm vài mặt hàng mới như sữa, kem, trứng và thịt lợn muối, có vẻ tự bằng lòng với công việc quê mùa này, trong khi các bác quản lý khác thôi việc đều ra mở cửa hàng bán rượu. Vốn giao du rộng trong giới quản lý khắp vùng, hai vợ chồng Raggles thường tiếp đãi họ trong một phòng khách ấm áp nên anh em chiếu cố đến mua sữa, kem và trứng cũng đông, mỗi năm tiền lời lại tăng thêm. Bác lặng lẽ kín đáo dành dụm năm này qua năm khác. Cuối cùng, khi ngôi nhà xinh đẹp số … phố Curzon khu May Fair, trước kia là khu nhà riêng của ngài Frederick Deuceace vừa bỏ ra nước ngoài, bị mang bán đấu giá với tất cả đồ đạc sang trọng toàn do những tay thợ khéo nhất Luân Đôn làm ra, thì ngoài Raggles ra còn ai là người đến mua cả nhà và đồ đạc? Bác có phải vay thêm của một người quản lý khác thật và chịu lãi khá nặng, nhưng phần lớn số tiền là vốn liếng có sẵn. Bác Raggles gái cũng có phần kiêu hãnh khi thấy mình được nằm trên một cái giường gỗ đào hoa tâm chạm nổi, lại có riềm màn bằng lụa, trước mặt đặt một tấm gương xoay to tướng, lại kê một cái tủ kếch xù, đút cả hai vợ chồng Raggles và con cái vào

cũng lọt.

Dĩ nhiên, họ không định ở mãi mãi trong một căn nhà quá lộng lẫy như thế, Raggles mua nhà cốt để cho thuê lại. Khi tìm được người muốn thuê, bác lại dọn về ở chỗ cửa hàng thực phẩm cũ; bác ta có cái thú đi từ cửa hàng đến phố Curzon để ngắm ngôi nhà – ngôi nhà riêng của bác – có hoa phong lan trồng trên cửa sổ, lại có cái búa gõ cửa bằng đồng đen có chạm hình. Anh hầu thỉnh thoảng ra phất phơ ngoài hàng rào gặp Raggles, chào tỏ vẻ rất kính cẩn; chị làm bếp ra nhận rau của bác đem vào, luôn mồm một điều "thưa ông chủ", hai điều "thưa ông chủ", và nếu bác ta muốn biết thì không một cử chỉ nào, không món ăn nào của người thuê nhà lọt được mắt bác.

Raggles là một người hiền lành tốt bụng. Tiền cho thuê ngôi nhà hằng năm cũng khá, bác quyết định cho con đi học tử tế, không ngại tốn kém. Charles được gửi đến ngụ học tại trường ông Swishtail ở Sugar-cane Lodge; cô bé Matilda thì học trường bà Peckover, ở Laurentinum House, Clapham.

Raggles rất yêu quý và kính trọng gia đình Crawley, coi như gia đình này đã gây dựng cơ nghiệp cho mình. Bác treo ở mé trong cửa hàng tấm hình của bà chủ và bức tranh vẽ căn phòng người gác cổng trại Crawley Bà

chúa do chính tay bà gái già vẽ bằng mực Tàu.

Bác chỉ thêm vào ngôi nhà ở phố Curzon một vật trang trí duy nhất là bức tranh trại Crawley Bà chúa ở Hampshire vẽ ngài nam tước Walpole Crawley ngồi trong xe ngựa mạ vàng thắng sáu con ngựa bạch, bên một cái hồ đầy những chim thiên nga, có nhiều bà mệnh phụ vận váy bồng bơi thuyền chơi, cùng một bọn nhạc công đội tóc giả có rắc phấn. Quả thật Raggles cho rằng khắp thế giới không đâu có toà nhà lộng lẫy và một gia đình đáng kính như thế.

Tình cờ làm sao, đúng lúc hai vợ chồng Rawdon từ Luân Đôn về thì ngôi nhà ở phố Curzon cũng đang vắng người ở thuê. Viên trung tá biết rõ ngôi nhà này cùng chủ nhân của nó. Raggles vẫn giữ quan hệ với gia đình Crawley vì mỗi khi bà Crawley tiếp khách, bác vẫn sang giúp Bowls một tay. Bác không những thuận cho viên trung tá thuê nhà mà còn tự nguyện hứa khi nào có khách, bác sẽ sang tạm lãnh chân quản lý hộ. Bác Raggles gái làm việc dưới bếp, dọn những bữa cơm mà ngay bà Crawley cũng phải khen ngon. Ấy thế là Crawley thuê nhà không mất một xu nào. Raggles còn phải trả tiền thuê, tiền lãi nợ, tiền bảo hiểm sinh mệnh của mình, tiền trọ học của các con, tiền nuôi gia đình mình và đôi khi tiền nuôi cả gia đình Crawley nữa, nghĩa

là bác Raggles tội nghiệp đang bị đe doạ phá sản, con cái có thể bị ném ra hè phố, bản thân có thể ngồi tù; nhưng phải có một người nào đó trả tiền thay cho những ông sang trọng sống đường hoàng không một xu dính túi chứ. Số mệnh đã bắt bác Raggles bất hạnh bù đắp vào cái túi tiền rỗng tuếch của trung tá Crawley vậy.

Không rõ đã có bao nhiêu gia đình lâm vào cảnh phá sản và trộm cắp vì tay những tên đại bợm kiểu Crawley? … Đã bao nhiêu người quý tộc tai to mặt lớn ăn cắp của bọn bán hàng hèn mọn, và hạ mình lừa cả đám đầy tớ từng món tiền nhỏ, bịp họ từng hào một. Mỗi khi nghe tin có một bậc quý tộc như vậy bỏ trốn ra nước ngoài hoặc bị tịch ký phát mại gia sản, hoặc còn nợ sáu bảy triệu đồng không có tiền trả, chúng ta thấy sự phá sản ấy càng có vẻ oanh liệt, và chúng ta đâm ra kính trọng kẻ bất hạnh. Nhưng còn bác thợ cạo nghèo khó không được trả tiền rắc phấn tóc cho bọn đầy tớ, bác bán thảm đã sạt nghiệp vì trang hoàng phòng ăn cho quý bà, bác phó may tội nghiệp được lão quản lý giới thiệu đã cầm cố sạch mọi vật trong nhà để may chế phục cho đám gia nhân của quý ông và được cái vinh dự là quý ông bàn chuyện… Có ai thương tất cả những người ấy không? Một khi một gia đình có tiếng tăm sụp đổ, bọn người khốn khổ này cũng bị đè bẹp theo mà nào có ai để ý

đến. Thật như chuyện cổ tích có nói: trước khi một người tự thân lăn vào móng vuốt của quỷ dữ, hắn đã xô đẩy vô khối linh hồn vào tay nó rồi.

Hai vợ chồng Rawdon sử dụng ngay những người bán hàng trước kia vẫn cung cấp cho bà Crawley để phục vụ mình. Một số, nhất là những người nghèo, lại tỏ ra khá sốt sắng. Có một bà giặt thuê cứ đúng lệ thứ bảy mỗi tuần là đẩy xe từ Tooting đến lấy quần áo mang về, tiền công thì chỉ lấy giấy biên nhận hết tuần này sang tuần khác. Chính bác Raggles cũng cung cấp rau và quả. Tập hoá đơn mua rượu cho đầy tớ tại nhà hàng "Chiến Thắng" cũng là một tài liệu kỳ cục trong nghề buôn rượu. Khắp mặt đầy tớ, không một ai được trả đầy đủ tiền công, vì thế họ buộc lòng vẫn phải ở lại hầu hạ trong nhà. Tóm lại, không một ai được thanh toán sòng phẳng, bác thợ rèn chữa khoá cũng như bác thợ kính hàn cửa kính vỡ, lão chủ cho thuê xe ngựa cũng như cậu xà ích giong xe, anh hàng thịt vẫn bán chịu đùi cừu cũng như bác bán than cung cấp than để quay đùi cừu, chị bếp cũng như tất cả gia nhân khác; và đây là chuyện thường tình trong giới người sống sang trọng mà không cần tốn kém xu nào.

Trong một tỉnh nhỏ, những việc như thế cũng khó lòng thoát khỏi mặt thiên hạ. Ở đây người ta biết rõ cả

chuyện ông hàng xóm uống bao nhiêu sữa. Cho nên rất có thể hai ngôi nhà số 200 và 202 ở phố Curzon cũng nắm vững mọi việc xảy ra trong ngôi nhà ở giữa là nhà số 201, vì đã có bọn gia nhân truyền tin cho nhau biết qua hàng rào. Song hai vợ chồng Crawley cùng bè bạn của họ không hay biết gì về hai gia đình số 200 và 202. Mỗi khi ta đến chơi nhà số 201, ta vẫn thấy ông bà chủ ra đón chào đon đả, miệng cười tươi như hoa, lại được mời ăn trưa đường hoàng, tay bắt mặt mừng, như thể hàng năm họ phải có món lợi lớn không dưới ba bốn nghìn đồng. Họ có thật, nhưng không phải bằng tiền mặt mà bằng nhiều mánh khoé khác… Nếu không trả tiền họ vẫn có thịt cừu chén. Còn như họ có đem vàng nén ra đổi lấy rượu hay không, đố ai rõ. Chỉ biết bao giờ Rawdon cũng sẵn loại rượu thượng hảo hạng để thết khách, tiệc tùng phải sang trọng, kẻ hầu người hạ cẩn thận. Phòng khách của anh ta nom xinh xắn đẹp đẽ không thể tưởng tượng được, trang hoàng rất có mỹ thuật, lại bày vô số đồ chơi Rebecca mang từ Paris về. Cứ nghe cô ta chơi dương cầm, líu lo hát thoải mái như không, ai cũng cảm thấy mình ở trong một thiên đường của hạnh phúc gia đình, và đồng tình rằng anh chồng có hơi đần độn đôi chút, nhưng chị vợ thì xinh như mộng, và bữa tiệc thì ngon không chê vào đâu được.

Nhờ thông minh, duyên dáng và khôn ngoan, nên sau một thời gian ngắn, Rebecca được giới thượng lưu ở Luân- đôn rất chú ý.

Trước cửa nhà cô ta thường xuyên có nhiều xe ngựa đỗ, từ trong bước ra toàn những vị tai mặt. Ta lại gặp Rebecca ngồi xe ngựa riêng đi chơi trong công viên, vô khối công tử xúm xít xung quanh. "Lô" ghế của cô ta ở ban công thứ ba trong rạp Opera bao giờ cũng chật ních những khách, nay vị này mai vị khác. Nhưng phải thú thực rằng giới phụ nữ vẫn giữ thái độ xa lánh cô ta, nhất định không thèm mở cửa tiếp đón con người xảo quyệt.

Về cái thế giới phụ nữ sang trọng này cùng mọi phong tục riêng của họ, kẻ viết truyện chỉ nghe phong phanh mà biết. Đàn ông không ai có thể hiểu gì hơn về những bí mật của họ, ngoài những điều các bà nói ra mồm lên thang gác, sau bữa ăn. Chỉ có cách kiên nhẫn dò hỏi thì đôi khi họ mới thoáng để lộ ra đôi chút.

Kẻ thường mòn gót trên vỉa hè phố Pall Mall và lui tới các câu lạc bộ ở thủ đô này cũng thế, họ có thể đích thân tìm biết được hoặc nhờ các bạn chơi bời mách tin mà hiểu ít nhiều về đời sống của giới thượng lưu thành Luân Đôn; họ sẽ thấy có những "quý ông" thuộc loại tương tự như Rawdon, trước con mắt của những kẻ ngờ nghệch mới được nếm mùi công viên, trông thật là có

mẽ người chuyên giao du với những tay phong lưu công tử, và cũng sẽ gặp những "quý bà" xứng đáng là vợ của các "quý ông", được mọi ông sang trọng hết sức thờ phụng, nhưng lại bị vợ các ông ghét cay ghét đắng. Bà Firebrace thuộc loại này, tức là người đàn bà sang trọng có mớ tóc quăn quăn xinh xinh, ngày nào ta cũng gặp ở công viên Hyde, xung quanh xúm xít toàn những tay ăn chơi phong lưu nổi tiếng nhất nước. Một bà khác tên là Rockwood luôn luôn đăng tin tiếp tân trên những tờ báo nổi tiếng nhất; khách dự tiệc có đủ mặt các vị đại sứ và các nhà quý tộc nổi danh. Ta còn dẫn được ra tên nhiều vị khác, nếu họ có liên quan đến chuyện này. Những người ngây thơ quen giao thiệp với giới thượng lưu và các bác ở tỉnh lẻ sính học làm sang đứng ngắm nhìn các "quý bà" nói trên mà thèm muốn vẻ huy hoàng bề ngoài của họ; nhưng kẻ am hiểu thực tế hơn có thể mách cho biết rằng các "quý bà" ấy không có hy vọng đứng vững được trong giới thượng lưu như bà vợ ngu si của ông quí tộc nhà quê ở Somersetshire đang theo dõi hành vi của họ trong báo "Tin tức buổi sáng"; đàn ông ở Luân Đôn ai cũng rõ những sự thực ghê gớm này, nhiều bà có vẻ sang trọng giàu có ra phết, thế mà bị tống cổ ra khỏi giới này một cách tàn nhẫn. Ai từng quan tâm nghiên cứu đời sống của đồng loại mà không phải ngạc nhiên khi thấy các "quý bà" nói trên cố tìm trăm phương nghìn kế để

len lỏi vào giới này, dùng cả đến những thủ đoạn bỉ ổi và chịu đựng bao điều khổ nhục.

Cuộc săn đuổi danh vọng rất gian khổ sẽ là một đề tài thú vị, ai có chút thông minh, có thì giờ rỗi rãi, lại am hiểu kha khá tiếng Anh cũng nên chú ý đến mà viết lại thành truyện.

Số ít ỏi các bà các cô bà Crawley quen thuộc tại ngoại quốc, không những chỉ từ chối đến thăm bà ta khi họ có dịp sang chơi bên này eo biển, mà còn ra mặt lờ tịt bà ta tại những nơi công cộng. Kể cũng lạ, tại sao các bà mệnh phụ kia lại quên được Rebecca nhỉ. Âu cũng là điều lý thú Rebecca cần suy nghĩ. Lần Bareacres phu nhân gặp cô ta trong phòng đợi ở rạp Opera, bà này lập tức kéo mấy cô con gái lại sát mình, tuồng như sợ bị Rebecca truyền bệnh dịch; đoạn bà ta lùi lại vài bước, đứng che mấy cô con gái và nhìn trừng trừng vào mặt kẻ thù. Nhưng đôi mắt hốt hoảng của bà già Bareacres lạnh lẽo kia không sao đủ sức khiến cho Rebecca phải bối rối. Khi phu nhân de la Mole, người đã từng cùng ngồi xe ngựa dạo chơi với Becky hàng chục lần ở Brussels, gặp lại cô ta ở công viên Hyde, bà ta đánh bài lờ ra mặt, làm như không hề quen thuộc bao giờ. Cả bà Blenkinsop là vợ ông chủ nhà băng cũng hay gặp cô ta ở nhà thờ lắm. Cô ta sánh đôi cùng Rawdon bước vào giáo

đường, mỗi người cầm một cuốn kinh to tướng, bìa mạ vàng, và suốt buổi lễ, vẻ mặt lúc nào cũng nghiêm trang, nom mộ đạo ra phết.

Mới đầu, thấy vợ bị sỉ nhục, Rawdon đau xót lắm, bộ mặt lúc nào cũng có vẻ rầu rầu hoặc dữ tợn. Anh ta định thách chồng hoặc anh em của tất cả những người đàn bà hỗn xược dám coi thường vợ anh ta đấu súng với mình. Cô vợ phải hết sức van xin, rồi bắt buộc, anh chồng mới nguôi giận. Cô ta khôi hài bảo chồng:

- Chẳng nhẽ anh dùng súng mà bắn em vào giới thượng lưu được à? Nhớ rằng em chỉ là một cô giáo dạy trẻ, còn anh, anh quỷ ơi, anh chỉ có thể nổi tiếng về nợ nần, bài bạc và đủ mọi thói xấu khác. Rồi chúng ta sẽ có vô khối bạn, bao nhiêu tuỳ thích, nghĩa là nếu anh biết ngoan ngoãn vâng lời cô giáo của anh. Cái hồi chúng mình nghe tin bà cô cho vợ chồng Pittt cả gia tài, anh chả nổi xung lên là gì? Không có em khuyên bảo có lẽ anh đã làm ầm lên khắp Paris; và không chừng anh đã nằm trong nhà lao St. Pelagie vì tội quỵt nợ rồi. Thế mà bây giờ anh lại được ở một ngôi nhà xinh đẹp, đầy đủ tiện nghi. Hồi ấy anh cáu quá, suýt nữa thì ám sát cả anh ruột mình; thật là đồ Cain[10] tồi tệ. Giận dữ mãi có ích lợi gì kia chứ? Cáu kỉnh đến mấy cũng không gặm được đồng xu nào của bà cô cơ mà. Tốt hơn là hãy bắt chước

cái bọn Bute khốn kiếp ấy, làm thân với gia đình ông anh của chúng ta. Bao giờ ông cụ thân sinh ra anh chết, hằng năm vợ chồng mình sẽ về sống yên ấm ở trại Crawley Bà chúa qua mùa đông có thú hơn không? Nếu chúng mình bị phá sản, thì anh sẽ coi chuồng ngựa, còn em lại giữ chân cô giáo dạy con của công nương Jane! Phá sản! Nói chơi thế thôi: em sẽ lo cho anh một địa vị tử tế, không sợ. Hoặc giả Pitt và thằng con trai bé chết đi thì vợ chồng chúng mình lại hoá thành tôn ông Rawdon và phu nhân cũng chưa biết chừng. Còn sống là còn hy vọng; em sẽ gây dựng cho anh. Thử hỏi ai bán đôi ngựa của anh được giá? Ai trả nợ cho anh sòng phẳng?

Rawdon đành phải nhận rằng vợ mình khéo xoay sở ra tiền và sẵn sàng để vợ chỉ huy trong tương lai.

Khi bà Crawley giã từ cõi đời thì cái gia tài kếch xù đã khiến cho đám thân nhân của bà tranh nhau kịch liệt, cuối cùng rơi vào túi Pitt. Bute Crawley chắc mẩm mình phải được chia hai vạn đồng, nhưng chỉ được có năm nghìn; trong cơn bất như ý, lão phát khùng, chửi thằng cháu trai ầm lên. Thế là sự xích mích vẫn kéo dài lâu nay giữa hai bên kết thúc bằng một sự đoạn tuyệt hoàn toàn. Trái lại, tuy chỉ được có một trăm đồng, Rawdon Crawley vẫn giữ một thái độ khiến cho ông anh ruột phải ngạc nhiên, còn bà chị dâu thì phục lắm! Công nương

Jane vẫn sẵn sàng thân thiết với mọi người trong gia đình nhà chồng. Từ Paris, Rawdon viết một bức thư gửi cho anh, lời lẽ thẳng thắn, cao thượng, vui vẻ. Anh ta nói rằng cũng biết vì chuyện vợ con nên mình mới bị bà cô ghét bỏ, và tuy có tiếc vì thái độ quá nghiệt ngã của bà cô nhưng vẫn mừng rằng, món gia tài không lọt ra người ngoài. Anh ta lại hồ hởi hỏi thăm chân thành tới chị dâu, và ngỏ ý mong chị dâu sẽ đối đãi tốt với vợ mình. Cuối lá thư lại có mấy câu do chính tay Rebecca viết về hỏi thăm Pitt. Cô ta lặp lại lời chúc tụng của chồng, lại nói thêm không đời nào quên được tấm lòng rộng lượng của bà Crawley đối với mình khi mình còn là một đứa con gái của Pitt, và cho đến bây giờ cô vẫn cầu chúc cho hai cô bé được sống hạnh phúc. Cô ta ngỏ ý hy vọng được phép mang con trai đến thăm "hai bác", và thay mặt con, xin được "hai bác" che chở đùm bọc cho. Pitt Crawley nhận thư, tỏ ý hài lòng lắm, còn vui vẻ hơn cả bà Crawley khi đọc những bức thư của Rebecca cho Rawdon viết hồi nọ.

Công nương Jane đọc thư thích quá, khuyên chồng nên chia ngay gia tài vừa được hưởng ra làm hai phần bằng nhau, để gửi một nửa cho em trai ở Paris.

Nhưng cô rất ngạc nhiên vì Pitt không chịu gửi cho Rawdon một tấm ngân phiếu ba vạn đồng. Anh ta chỉ

hứa bao giờ Rawdon về nước Anh nếu có cần gì sẽ sẵn sàng giúp đỡ. Anh ta lại cảm tạ những lời Rebecca đã chúc tụng mình và vợ, ngỏ ý sẽ tìm mọi cơ hội để giúp đỡ thằng cháu bé.

Thế là sợi dây thân mật giữa hai anh em gần như đã được nối lại. Hồi Rebecca về Luân Đôn, hai vợ chồng Pitt không có mặt tại đây. Nhiều bận cô ta cho giong xe đi ngang qua căn nhà của bà Crawley ở đường Công viên để xem vợ chồng Pitt đã dọn đến ở chưa, nhưng không thấy động tĩnh gì. May nhờ có Raggles, cô ta mới biết được hành động của đôi vợ chồng này… Thì ra bọn gia nhân của bà Crawley bị thải hết, nhưng được trả tiền công hậu hĩ; Pitt chỉ đến Luân Đôn có một lần sống trong ngôi nhà có vài ngày để giải quyết công việc với bọn thầy kiện, và bán hết chỗ tiểu thuyết Pháp của bà cô cho một hiệu sách ở phố Bond. Becky khao khát chờ vợ chồng Pitt cũng có lý do riêng. Cô ta tính toán "Khi nào Jane về đây, mụ sẽ là người dẫn đường cho mình bước vào giới thượng lưu ở Luân Đôn, còn bọn phụ nữ, thì, dào ôi! Bọn phụ nữ sẽ phải thân mật với mình khi nào họ thấy đàn ông ai cũng đeo theo mình".

Trong hoàn cảnh này có một khoản cũng cần thiết cho các bà sang trọng như chiếc xe ngựa hoặc bó hoa tức là một người tỳ nữ.Tôi vẫn phải kính phục cái cách

phụ nữ (tức là những con người thiếu tình cảm thì không sao sống được) thuê một người cũng là đàn bà nhưng hết sức vô vị, để luôn luôn đi sát mình. Cứ nhìn thấy người đàn bà không thể tránh được ấy bận bộ áo bạc màu, ngồi sau lưng người bạn của mình trong "lô" ghế ở tạp Opera, hoặc ngồi ở ghế hậu trên xe ngựa là tôi cảm thấy dễ chịu và hiểu đời hơn. Cảnh tượng ấy làm tôi nhớ tới chiếc đầu lâu bày trong bữa tiệc của những người Ai Cập *ưa hành lạc*[11] thời cổ, đó tức là biểu tượng kỳ quái và mỉa mai của *Hội chợ phù hoa* vậy Sao thế nhỉ? Thì cái bà Firebrace đang long sòng sọc kia, người thì đẹp, nhưng chẳng có chút tâm hồn, lương tâm nào, ông bố đã phải chết vì hổ nhục là gì? Lại bà Mantrap nữa. Con người thật duyên dáng và bạo dạn, cưỡi ngựa trông cực lịch sự, thường giong xe song mã đi chơi ở công viên, thế mà mẹ bà ta vẫn làm nghề bán hàng vặt ở Bath… Cứ ngỡ những người bạo gan đến thế thì có sợ gì ai, vậy mà họ cũng phải có một người bạn gái đi kèm mới dám ló mặt ra với thiên hạ. Phải có một người nào đó cho những con người ấy bấu víu mới được. Đố bạn gặp họ ở bất cứ nơi công cộng nào mà không thấy kè kè đằng sau một người tỳ nữ tiều tụy bận một tấm áo lụa nhuộm bạc màu.

Một bữa đêm đã khuya, trong nhà Becky, một đám

khách đàn ông sang trọng đang ngồi quanh lò sưởi, củi cháy kêu lách tách; họ đến chơi đây tiêu nốt đêm hành lạc, được bà chủ nhà thết toàn kem và cà phê loại ngon nhất. Becky bảo chồng:

- Anh Rawdon, em cần một con chó chăn cừu.

Rawdon đang đánh bài, ngửa lên hỏi lại:

- Cần cái gì?

Anh chàng bá tước trẻ tuổi Southdown đáp hộ:

- Một con chó chăn cừu! Bà Crawley thân mến ơi, bà có ý kiến hay quá. Sao không mua lấy một con chó giống Đan-mạch? Tôi biết có một con to như con hươu cao cổ, cho kéo xe ngựa cũng được. Hay là tậu một con chó săn giống Ba Tư. Tùy bà đấy. Mua phăng loại chó lùn ấy, nó bé tí tẹo, bỏ vào trong hộp thuốc lá của hầu tước Steyne được đấy. Ở Bayswater có người mua được một con, bà có thể… tôi ra con Tây đây ạ… Bà có thể lấy mõm nó mà treo mũ được.

Rawdon trịnh trọng đáp:

- Tôi biết nước bài của anh rồi đấy…

Cũng như mọi lần, bao giờ anh ta cũng chỉ chú ý đến canh bạc, ít tham gia câu chuyện chung, trừ khi mọi người bàn đến chuyện đua ngựa và "đánh cá" thì không

kể. Anh chàng Southdown bé nhỏ ranh mãnh hỏi lại:

- Làm gì mà bà phải dùng chó chăn cừu?

Becky cười, ngước nhìn hầu tước Steyne, đáp:

- Tôi muốn nói một con chó chăn cừu theo nghĩa bóng.

Vị hầu tước hỏi:

- Thế là nghĩa lý quái gì?

Becky đáp:

- Cần một con chó săn để đuổi chó sói cho tôi. Nghĩa là một tỳ nữ.

- Cô cừu non bé nhỏ thân yêu ơi, cô cần lắm thật đấy. Vị hầu tước đáp vậy, quai hàm lão banh ra, lão méo xệch mồm đi mà cười, rồi đôi mắt ty hý cứ liếc Rebecca mãi.

Vị hầu nước đại danh Steyne đang đứng nhấm nháp cà phê bên lò sưởi. Lửa trong lò sáng rực, củi cháy kêu tí tách, nghe rất vui tai. Trên mặt lò sưởi có đến nửa tá bạch lạp thắp sáng trưng gắn trên những chân đèn bằng đồng đen hoặc bằng sứ, hình thù lạ mắt. Ánh lửa chiếu hắt vào mặt Rebecca đang ngồi trên ghế xô fa có đệm bọc vải hoa mầu rực rỡ. Trong tấm áo màu hồng, trông cô ta tươi mát như một đoá hồng mơn mởn. Đôi vai và cánh tay để trần, trắng nõn nà, nửa kín nửa hở ẩn dưới

một tấm khăn bằng sa mỏng tanh. Mớ tóc rủ xuống gáy thành những búp xoăn xoăn. Dưới những nếp áo lụa mới tinh ló ra một bàn chân nhỏ nhắn, một chiếc dép xinh xắn nhất ôm lấy một bàn chân đi tất lụa đẹp đẽ cũng xinh xắn nhất trên đời!

Ánh sáng nến soi vào cái trán hói bóng loáng của hầu tước Steyne có viền một hàng tóc đỏ quạch. Lão có bộ lông mày sâu róm, đôi mắt ti hí, hấp háy đầy những tia máu, xung quanh chi chít những vết nhăn. Mỗi lúc lão cười, cằm dưới bạnh to ra, để lộ hai chiếc răng nanh trắng nhởn dữ tợn như răng thú rừng. Lão vừa đi dự tiệc buổi tối với các quan to trong triều về, hãy còn khoác trên ngực tấm băng bội tinh "Nịt đùi![12]. Hầu tước thân hình lùn thấp, ngực rộng, chân vòng kiềng, nhưng ngài rất kiêu hãnh có đôi bàn chân bé nhỏ, lúc nào cũng xoa xoa đầu gối có đeo nịt. Lão nói tiếp:

- Vậy ra chàng chăn cừu không đủ sức bênh vực con cừu non của anh ta sao?

Becky cười đáp:

- Chàng chăn cừu còn quá mải mê đánh bài và đàn đúm với bạn.

Vị hầu tước nói:

- Chết thật, anh chàng Corydon thật hư hỏng quá, chả

để ý gì đến nhiệm vụ của mình.

Rawdon vẫn ngồi đánh bài, lên tiếng:

- Tôi ra hai chọi với ba của anh đấy.

Vị hầu tước quý báu nhếch mép cười:

- Trông bác Meliboeus kìa, công việc chăn nuôi của bác ta mới bận rộn làm sao! Bác đang lo gọt lông con cừu Southdown, một con cừu ngây thơ quá, hả? Cha mẹ ơi, bộ lông trắng nõn như tuyết vậy!

Đôi mắt Rebecca ánh ra những tia sáng đầy ý nghĩa châm chọc, khinh miệt:

- Thưa hầu tước, chính ngài là một Hiệp sĩ Bội tinh "Lông cừu vàng[13] đấy ạ.

Thực tế, ngài hầu tước đeo ở cổ chiếc băng đỏ của tước hiệu Hiệp sĩ Bội tinh lông cừu vàng là tặng vật của Hoàng gia Tây Ban Nha vừa mới phục hưng.

Hồi còn trẻ, lão hầu tước Steyne lừng lẫy tiếng tăm về sự táo bạo và may mắn trên chiếu bạc. Có lần lão đánh bài với Fox tiên sinh suốt hai ngày đêm liền không nghỉ. Lão đã được bạc của những tay bạc tai mắt nhất trong nước. Họ đồn rằng tước hầu của lão cũng mua ngay trên chiếu bạc, nhưng lão không ưa ai nhắc đến những chuyện ngông cuồng cũ. Rebecca thấy đôi lông mày sâu

róm của lão cau lại. Cô ta đứng lên tiến lại, nhấc lấy tách cà phê trên tay lão vừa khẽ cúi chào, nói:

- Vâng, tôi cần một con chó săn thực, nhưng nó sẽ không sủa ngài đâu.

Đoạn bước sang phòng khách bên kia, cô ta ngồi xuống cạnh cây dương cầm, lên tiếng hát mấy bài hát tiếng Pháp, giọng hát thật du dương êm ái; lão quý tộc dịu hẳn nỗi bực mình, lập tức theo sang; người ta thấy lão gật gù cái đầu theo nhịp đàn.

Trong khi ấy, Rawdon và bạn vẫn tiếp tục đánh bài kỳ chán chê mới chịu thôi. Viên trung tá được bạc. Mặc dầu lần nào cũng được tiền, anh chàng cựu sĩ quan ngự lâm quân vẫn thấy chán những tối hội họp cuối tuần vài lần như thế này, vì trong khi chị vợ điều khiển câu chuyện được mọi người thán phục thì anh ta ngồi lầm lỳ một chỗ, nghe những câu bỡn cợt, những lời bóng gió đầy bí mật trao đi đổi lại, mù tịt chẳng hiểu lấy một tiếng. "Phu quân bà Crawley có mạnh khoẻ không?" Mỗi lần gặp mặt anh, hầu tước Steyne lại chào như vậy. Sự thật thì bây giờ đó chính là nghề nghiệp của Rawdon. Anh ta là chồng bà Crawley chứ không còn là trung tá Crawley nữa rồi.

Cho đến bây giờ chúng ta chưa có dịp nói nhiều về thằng bé Rawdy chính vì nó còn bị giấu kín trên một xó

gác nào đó, hoặc nó còn đang bò lê la xuống nhà bếp để tìm bạn chơi. Mẹ nó chẳng mấy khi nhòm ngó đến con trai. Suốt thời gian còn nuôi chị vú người Pháp cả ngày nó chỉ chơi với chị này; đến khi chị ta thôi việc, thằng bé phải ngủ một mình, gào khóc suốt đêm; một chị hầu gái trong nhà thấy vậy thương quá, bèn tìm lên ngủ với nó trong căn gác xép. Lúc Rebecca và hầu tước Steyne cùng vài người nữa, ở rạp Opera về, vào phòng khách uống trà thì nghe tiếng thằng bé kêu la trên đầu. Ngồi uống trà trong phòng khách, Rebecca bảo: "Thằng bé nhà tôi nó gọi vú em đấy mà". Cô ta cũng chẳng buồn đứng dậy xem con khóc ra sao nữa. Hầu tước Steyne mỉa mai: "Bà đừng ra nữa, nhìn thấy nó khéo mà phát ốm lên vì thương con mất."

Rebecca hơi đỏ mặt đáp:

- Dào ôi! khóc chán mồm thì nó ngủ.

Đoạn cả bọn lại tiếp tục bàn chuyện Opera.

Rawdon đã lẻn ra ngoài xem con trai thế nào, thấy chị Dolly chân thật đang dỗ nó anh ta mới quay vào phòng khách. Phòng rửa mặt của viên trung tá ở trên gác, anh ta thường vẫn chơi với con trong phòng này. Sáng sáng lúc cạo râu anh ta chơi đùa với con. Thằng Rawdy ngồi trên cái hòm nhìn bố cạo mặt thích lắm, hai bố con rất mến nhau. Ông bố hay lấy bớt phần mứt tráng miệng sau

bữa ăn đem giấu vào trong cái hộp đựng lon vai để cho con trai tìm. Thằng bé khám phá ra chỗ để mứt, thích quá cười vang lên; nhưng cấm không được cười to, vì mẹ nó đang ngủ dưới nhà, không được làm ồn. Rebecca hay thức khuya, hôm sau thường ngủ mãi đến chiều mới dậy.

Rawdon mua cho con rất nhiều sách có tranh vẽ, trong phòng của thằng bé ngổn ngang những đồ chơi. Trên tường la liệt toàn tranh là tranh, bố nó bỏ tiền ra mua về rồi tự tay dán lên cho con chơi. Lần nào không phải theo hầu vợ đi dạo ngoài công viên, anh ta ngồi chơi với con hàng mấy giờ liền; thằng bé cưỡi lên ngựa, hai bố con đùa với nhau suốt ngày đủ trò. Căn phòng này trần thấp lè tè; hồi thằng bé chưa đến năm tuổi, một bữa bố nó đùa tung nó lên cao, sọ thằng con trai va vào trần nhà một cái thật mạnh; anh ta hoảng quá, suýt đánh rơi thằng bé xuống đất.

Thằng bé Rawdy định hét rầm lên; kể ra nó cũng đau quá thật, nhưng bố nó dọa:

- Ngoan nào, Rawdy, đừng khóc mẹ dậy.

Thế là thằng bé mếu máo nhìn bố, mím môi lại, nắm chặt hai bàn tay, không khóc tý nào. Rawdon đem chuyện kể lại với tất cả mọi người ở câu lạc bộ và ở quán ăn. Anh ta bảo thế này: "Ông ạ, thằng bé nhà tôi cừ thật.

Tôi làm nó va đầu suýt thủng cả trần nhà, thế mà nó sợ mẹ nó dậy, không khóc một tiếng nào, thế có tài không cơ chứ?”

Mỗi tuần lễ, mẹ nó chỉ lên gác thăm nó độ một hai lần. Vào thăm con mà trông cô ta như là *người mẫu trong tiệm trưng bày áo phụ nữ*[14], miệng cười thật tươi, áo xống, bao tay và giầy mới tinh thật đẹp. Trên người cô ta đủ các thứ khăn đăng ten và đồ trang sức lấp lánh, mỗi lần vào thăm con, cô ta lại đội một cái mũ mới, bao giờ cũng có gài hoa, hoặc đính một túm lông đà điểu cao vút tuyệt đẹp, trắng muốt và mịn như hoa bạch trà. Thằng bé đang ăn hoặc đang vẽ hình thằng lính ngước lên. Cô ta gật gật đầu với con độ một hai cái, có vẻ chiếu cố đến nó. Lúc cô ta đi ra, trong phòng còn thoang thoảng mùi hoa hồng hoặc một thứ mùi hương huyền bí nào đó. Trước mắt thằng bé, mẹ nó là một nhân vật thần tiên, cao xa hơn bố nó nhiều, cao xa hơn tất cả mọi người… phải đứng xa xa mà chiêm ngưỡng và thờ phụng. Cùng ngồi xe đi chơi với một bà như thế là cả một nghi lễ. Nó ngồi ở ghế hậu, không dám nói năng gì, hai mắt cứ mở thao láo ra mà ngắm cái bà công chúa áo quần lộng lẫy ngồi trước mặt. Nhiều ông sang trọng cưỡi ngựa, áo quần thật đẹp tiến lại mỉm cười nói chuyện với mẹ nó. Nó thấy mắt mẹ nó sáng rực lên mỗi khi nhìn họ,

khi họ đi qua xe, mẹ nó giơ tay lên vẫy vẫy thật mềm mại. Đi chơi với mẹ, bao giờ thằng bé cũng được mặc bộ áo đỏ mới. Ở nhà thì chỉ mặc bộ áo cũ nhàu cũng được. Thỉnh thoảng Rebecca đi vắng, thằng bé theo chị Dolly vào trải lại giường trong phòng mẹ. Thật là một cái động tiên…

Thằng bé thấy gian phòng toàn những đồ vật lộng lẫy kỳ lạ. Trong tủ áo treo bao nhiêu là áo màu, hồng xanh, hồ thuỷ và ngũ sắc, trên bàn trang điểm có một cánh tay bằng đồng đen đeo đến một trăm cái nhẫn óng ánh. Có cả một tấm gương xoay, một kiệt tác nghệ thuật; nhìn vào gương, thằng bé chỉ kịp thấy khuôn mặt ngơ ngác của mình lấp ló và bóng chị Dolly đang rũ gối cạnh giường (quái, trông chị ta méo mó và như treo lộn ngược lên trần nhà ấy nhỉ?). Đáng thương thay, thằng bé không người săn sóc. Trời sinh ra tiếng "mẹ" để dành cho đôi môi và trái tim của con trẻ, nhưng thằng Rawdy đã phải thờ phụng một cục đá!

Tính tình Rawdon Crawley tuy bạt mạng như thế nhưng anh cũng có những tình cảm cao thượng, quý vợ quý con ra phết. Anh ta vẫn giấu giếm nâng niu thằng Rawdy; việc này không thoát khỏi mắt Rebecca, tuy cô ta không hề nói với chồng; cũng không vì thế mà Rebecca bực mình, tính cô ta vẫn tốt. Có điều chuyện

ấy khiến Rebecca khinh chồng hơn. Anh cảm thấy hơi xấu hổ về tình cảm bố con uỷ mị của mình, anh giấu vợ và chỉ dám âu yếm con khi vợ đi. Sáng sáng, Rawdon hay bế con đi chơi. Hai bố con dắt nhau ra chuồng ngựa rồi ra công viên. Anh chàng bá tước Southdown trẻ tuổi là người rất tốt bụng, có thể sẵn sàng lột mũ đang đội trên đầu ra cho người khác; suốt đời anh này chỉ có một công việc là đi mua đủ thứ đồ chơi về để dành biếu thiên hạ dần. Anh ta tậu cho thằng bé một con ngựa non, theo lời anh ta, "chỉ nhỉnh hơn con chuột một tý". Rawdon hay cho con trai cưỡi ngựa ô giống Shetland rồi dắt ra công viên chơi… Viên trung tá rất thích thăm lại trại lính và những bạn đồng đội cũ ở Knightsbridge. Nhớ lại cuộc đời trai không vợ trước kia, anh chàng bắt đầu có ý tiêng tiếc. Đám lính tráng gặp lại vị chỉ huy cũ thì vui quá. Họ tranh nhau bế ẵm thằng Rawdy. Trung tá Crawley lại thấy thích dùng cơm ở quán ăn nhà binh với các bạn sĩ quan. Anh ta thường nói: "Mẹ kiếp, vợ tớ vẫn cho tớ là đần… tớ biết lắm. Nó chẳng mong tớ về đâu. Anh ta nói đúng, vợ anh ta không mong chồng thật.

Rebecca cũng quý chồng. Đối với chồng bao giờ cô ta cũng vẫn vui vẻ dịu dàng; cũng chưa bao giờ cô ta để lộ sự khinh rẻ của mình quá rõ ràng, có lẽ thấy chồng ngớ ngẩn, cô ta lại ưa hơn cũng nên. Rawdon trở thành

người đầy tớ thân tín của vợ, đóng vai một thứ quản lý trong nhà. Vợ sai gì, anh ta làm nấy, không hỏi han căn vặn; anh ta giong xe cho vợ, muốn đi đâu chơi thì đi, không hề bao giờ có ý kiến gì. Dẫn vợ đến Opera xong, Rawdon chuồn về câu lạc bộ chơi, chờ đến khi tan hát thì trở lại đón vợ. Giả thấy vợ quý thằng con trai hơn một tí thì anh ta cũng thích, nhưng rồi Rawdon cũng tự an ủi: "Mẹ kiếp, vợ mình nó vẫn là tay thông minh. Mình có chữ nghĩa được bằng nó đâu. Bởi lẽ, như ta đã biết, muốn chơi bài xì và bi-a giỏi để ăn tiền thiên hạ chẳng cần thông minh lắm, mà Rawdon cũng không thiết tài giỏi trong các lãnh vực khác.

Khi có khách đến chơi thì nhiệm vụ gia đình của anh ta lại hoá ra nhẹ nhàng quá. Cô vợ khuyến khích anh chồng đi dùng bữa ở ngoài. Cô ta sẵn lòng miễn cho anh chồng cả cái việc phải đến đón mình khi tan hát ở rạp Opera. Cô hay bảo anh chồng: "Anh yêu, đêm nay đừng ở nhà làm gì cho buồn nhé. Em sắp có vài người khách, họ sẽ chỉ làm cho anh bực mình thôi. Em chẳng báu gì họ, nhưng anh cũng biết đấy, mời họ đến chơi cũng có lợi cho anh; vả lại bây giờ đã có một con chó chăn cừu rồi, thì em cũng chẳng cần sợ hãi vì tiếp họ một mình!

Bà Crawleyl nghĩ thầm: "Một con chó chăn cừu… một người tỳ nữ. Becky Sharp cùng một người tỳ nữ!

Kể cũng tức cười thật". Ý nghĩ ấy kích thích cái khiếu hài hước của cô ta đến cực độ.

Một buổi sáng chủ nhật, Rawdon Crawley cho con cưỡi ngựa đi chơi ở công viên như mọi khi, thì gặp một người quen cũ là viên hạ sĩ Clink thuộc trung đoàn của mình ngày trước. Bác này đang đứng nói chuyện với một người quen là một ông già; ông lão bế một đứa bé trạc tuổi thằng Rawdy. Thằng bé đưa tay mân mê tấm huy chương Waterloo của viên hạ sĩ có vẻ thích chí lắm.

Viên trung tá chào:

- Thế nào, khoẻ mạnh chứ?

Bác hạ sĩ đáp:

- Xin kính chào ngài, em bé này cũng trạc tuổi cậu con trai của trung tá đây.

Ông già đang bế thằng bé cũng nói:

- Bố cháu cũng có dự trận Watecloo đây. Phải không cháu Georgy?

- Vâng.

Thằng bé Georgy đáp vậy. Nó và thằng bé cưỡi ngựa trố mắt lên nhìn nhau chòng chọc từ đầu đến chân đúng lối trẻ con lạ mới gặp nhau lần đầu.

Clink nói giọng hãnh diện:

- Ông ấy thuộc một trung đoàn chiến đấu.

Ông lão tiếp, giọng gần như trịnh trọng:

- Bố cháu là đại uý trong trung đoàn thứ… Đại uý George Osborne… Có lẽ ngài cũng có biết bố cháu. Nó chết như một người anh hùng trong khi chiến đấu chống lại tên bạo chúa người đảo Corse. Trung tá Crawley đỏ bừng mặt lên, hỏi:

- Thưa cụ, tôi biết anh ấy rõ lắm. Còn vợ anh ấy, thưa cụ bây giờ ra sao?

- Vợ nó là con gái tôi đấy, ngài ạ.

Ông già đặt thằng bé xuống đất, trịnh trọng móc trong túi ra một tấm danh thiếp đưa cho viên trung tá, trên danh thiếp thấy đề:

"Ông Sedley, đại lý duy nhất của công ty kim cương đen và Liên đoàn buôn than không có tro, trụ sở tại Bunker's Wharf, phố Thames và tại Anna-Maria Cottages, đường Funllam Tây".

Thằng Georgy tiến lại gần ngó con ngựa non Shetland. Thằng Rawdon đang ngồi trên yên hỏi:

- Mày có muốn cưỡi không?

Georgy đáp: "Có".

Viên trung tá có vẻ mến thằng bé bế ngay nó lên cho

ngồi đằng sau thằng Rawdy. Anh ta bảo:

- Georgy, nắm chặt lấy áo em, ôm lấy lưng nó nhé… nó tên là Rawdon đấy.

Cả hai đứa trẻ cùng cười. Viên sĩ quan vui tính nói:

- Khó mà thấy được hai đứa bé nào kháu thế.

Viên trung tá cùng bác hạ sĩ và ông già Sedley tay cắp ô, cả ba cùng đi theo hai đứa trẻ.

CHƯƠNG XXXVIII
MỘT GIA ĐÌNH LÂM VÀO CẢNH KHÓ KHĂN

Chú bé George Osborne được cưỡi ngựa từ Knightsbridge về Fullham. Ta hãy dừng lại nơi này một chút để hỏi thăm về mấy người bạn cũ. Sau cơn bão táp Waterloo, Amelia hiện giờ ra sao? Không biết cô có còn sống và làm ăn có khá không? Còn thiếu tá Dobbin nữa, hằng ngày có còn giong xe ngựa đến nhà Amelia nữa không? Họ có nhận được tin tức gì về ngài cựu uỷ viên thu nhập quận Boggley Wollah không? Xin kể tóm tắt về anh chàng này một chút:

Sau ngày trốn khỏi Brussels một thời gian ngắn, anh bạn Joseph Sedley bị thịt của chúng ta trở lại Ấn Độ, vì thời hạn nghỉ phép đã hết, hoặc vì anh chàng không muốn gặp lại đám bạn biết tỏng câu chuyện chiến đấu của mình ở Waterloo thì không rõ, chỉ biết rằng anh ta trở lại làm việc tại Bengal, ngay sau khi Napoléon bị đày ra đảo St. Helena. Trên đường đi, Joe có ghé vào đảo thăm vị cựu hoàng đế. Cứ lời anh ta kể lại trên tàu thì không phải đây là lần đầu anh ta gặp tên dân đảo Corse mà thực ra thì anh ta đã có dịp đương đầu với hắn trên đỉnh đồi St. John rồi. Anh ta có hàng kho chuyện về

những trận đánh lịch sử kia, lại biết tỉ mỉ vị trí đóng quân và những tổn thất của từng trung đoàn; anh ta cũng không phủ nhận rằng mình quả có liên quan đến những trận đánh oanh liệt vì có ra trận với tư cách là liên lạc viên của quận công Wellington. Nghe Joe kể tỉ mỉ từng ý nghĩ, từng động tác của vị quận công trong trận Waterloo, ai cũng yên chí ngày hôm ấy anh ta đi sát vị tướng lãnh vĩ đại đó; có điều, vì không phải là quân nhân tham chiến nên anh ta không được nêu tên trong những tài liệu được công bố về trận đánh đấy thôi. Có lẽ lúc này anh ta đang cố tạo cho mình ảo tưởng rằng bản thân có liên quan đến chiến dịch đó thật. Có điều chắc chắn là Joe đã khiến thành phố Calcutta xôn xao một thời, và trong thời gian còn ngụ tại Bengal, ai cũng gọi anh ta là Waterloo Sedley.

Tờ văn tự Joe biên nhận mua cặp ngựa tai hại kia được thanh toán sòng phẳng. Không ai nghe thấy anh ta hé răng nói nửa lời về chuyện mua bán này, cũng không ai biết rõ rằng số phận cặp ngựa và thằng hầu Isidor người Bỉ về sau ra sao, chỉ biết rằng khoảng mùa thu năm 1815, nó mang bán một con ngựa xám ở Valenciennes, giống y như con ngựa Joe đã cưỡi đi trốn.

Các chi điếm của Joe ở Luân Đôn được lệnh hằng năm gửi cho bố mẹ anh ta ở Fullham một trăm hai mươi

đồng. Đó là món tiền trợ cấp chủ yếu gởi cho hai ông bà già, vì những việc làm ăn của ông lão sau vụ phá sản không ăn thua gì lắm. Ông cụ đã thử nhận những chân đại lý buôn rượu, đại lý buôn than, đại lý bán xổ số, v.v… Mỗi lần theo một nghề mới, ông lão đều gửi giấy báo cho các bạn hàng, treo một tấm biển đồng mới ngoài cửa và long trọng tuyên bố với mọi người rằng mình đang xây dựng lại cơ nghiệp.

Nhưng ông lão già nua, yếu đuối quá rồi, không còn hy vọng được Thần tài mỉm cười với mình nữa. Các bạn hàng xa lánh dần ông lão, vì phải mua than và rượu tồi của ông với giá đắt. Cuối cùng chỉ còn bà vợ là người duy nhất trên đời vẫn tin rằng chồng đang kinh doanh thương mại, vì sáng sáng bà thấy ông lão vẫn lảo đảo lần tới khu City, chiều đến, ông ta lủi thủi mò về nhà, và tối tối, ông vẫn hay đến ngồi ở cái quán rượu bé nhỏ để bàn cãi về tình hình tài chính trong nước. Nghe ông nói đến những tiền vạn, tiền triệu, tỷ giá hối đoái, tiền chiết khấu, Rothschild và anh em Barings đang tính toán làm ăn những gì, thì ai cũng phải kinh ngạc. Nghe ông nhắc đến những số tiền khổng lồ, mấy người thân thuộc (tức là ông lang thuốc, ông chủ đòn đám ma, bác thầu khoán, bác thư ký và ông Clapp) vẫn thậm thụt ra vào quán rượu này làm thán phục lắm lắm.

Ông lão thường bảo họ thế này: "Xưa kia, tôi làm ăn cũng oanh liệt lắm, thưa các vị. Thằng con trai tôi, thưa ngài, hiện là chánh án ở Ramgunge, trong ban quản trị tối cao khu Bengal, hàng tháng lĩnh lương bốn nghìn rupi cơ đấy. Nếu con gái tôi muốn làm bà đại tá thì được ngay. Tôi muốn bảo con trai tôi, đang làm chánh án ấy, cho tôi hai nghìn đồng ngay ngày mai cũng được. Lão Alexander sẽ đếm tiền mặt thanh toán ngay tắp lự. Gia đình Sedley chúng tôi vẫn đàng hoàng lắm, thưa ngài".

Thưa bạn đọc, bạn và tôi đều có thể lâm vào hoàn cảnh tương tự; chẳng phải bạn bè chúng ta, khối người đã như thế rồi sao? Ta rất có thể gặp rủi ro mất hết thế lực; vai tuồng của ta trên sân khấu có thể bị những anh kép kẻ trung tài hoa hơn tranh mất… , thời cơ may mắn bỏ rơi chúng ta và rồi ta chỉ còn là mảnh giẻ rách vứt bên lề đường. Lúc ấy, gặp ta thiên hạ sẽ ngoảnh mặt làm ngơ… hoặc quá quắt hơn, họ sẽ chìa hai ngón tay ra cho ta bắt với thái độ thương hại của kẻ bề trên… và khi ta vừa quay lưng đi, họ sẽ bảo nhau: "Thằng cha đáng thương quá, không biết làm ăn dại dột thế nào mà đến nỗi thế. Dịp may hiếm có thể mà bỏ qua". Phải lắm… món tiền lợi tức đồng niên ba ngàn đồng và chiếc xe ngựa chưa phải là phần thưởng tột đỉnh mà cũng không phải là lời phán định cuối cùng của Chúa trời đâu. Nếu

như bọn khù khờ thành đạt, nếu bọn bất lương kiếm được lắm tiền, và nghiễm nhiên toạ hưởng những thứ lẽ ra dành riêng cho những kẻ tài năng và đạo đức nhất trong chúng ta thì ta cũng chẳng nên coi trọng những bổng lộc và thú vui trong *Hội chợ phù hoa* làm gì, và rất có thể…

Song, chúng ta hiện đang đi hơi xa câu chuyện.

Giá bà Sedley là người có nghị lực thì cũng giúp đỡ được ông chồng ít nhiều sau cơn hoạn nạn, thí dụ thuê một ngôi nhà lớn, rồi thổi cơm trọ chẳng hạn. ông Sedley sẽ đóng vai chồng bà chủ trọ, giữ chân quản lý, tiếp đãi khách khứa đỡ tay vợ. Tôi đã gặp vô khối người con nhà gia thế, khi còn vẻ đã từng thết đãi trong nhà toàn bè bạn sang trọng chơi bời, săn bắn cẩn thận, bây giờ ngoan ngoãn làm công việc cắt khoanh thịt cừu tiếp mấy mụ khách tã, cố gắng lấy bộ trịnh trọng chủ toạ những bữa ăn đạm bạc. Nhưng bà Sedley không có đủ tháo vát để mở một nhà trọ. Bà đành nhẫn nhục chịu đựng kết quả của cơn giông tố phũ phàng… nghiệp của đôi vợ chồng già có thể nói là hết hẳn rồi.

Nhưng không chắc họ đã đau khổ. Có khi trong cơn hoạn nạn, họ lại cảm thấy phần nào kiêu hãnh hơn lúc làm ăn thịnh vượng cũng nên: Thỉnh thoảng bà Sedley xuống căn hầm dưới nhà hoặc xuống bếp ngồi trò

chuyện với bà Clapp, bà vẫn được kính trọng như một người bề trên. Bà Sedley cũng rất chú ý đến mũ áo và đăng ten của chị hầu gái Betty Flanagan người Ai len; thấy chị ta dơ dáng, lười biếng và rất phí phạm trong việc dùng nến, dùng trà và đường, bà lại bận rộn bảo ban y như xưa kia vẫn quan tâm đến việc gia đình, hồi còn mượn nào bác Sambo, nào bác xà ích, nào anh hầu ăn, nào anh hầu việc và hàng tá gia nhân khác… ngày nào bà cũng kể chuyện ngày trước thuê mướn đầy tớ ra sao có đến trăm lượt. Ngoài chị Betty Flanagan, bà Sedley còn chú ý cả đến các chị hầu gái trong phố. Bà biết rõ những chủ thuê nhà xung quanh trả tiền nhà sòng phẳng hay còn chịu. Thấy bà Rougemont làm nghề đào hát, mỗi khi bà ta và gia đình đi qua, bao giờ bà cũng lánh ra một bên.

Thấy bà Pestler vợ ông lang ngồi trên chiếc xe một ngựa của chồng, bà vênh mặt lên nhìn, bà cãi nhau với mụ bán rau quả về mấy xu củ cải là món ăn ông Sedley rất thích; bà theo dõi cẩn thận cả bác bán sữa và cậu bé bán bánh mì; bà đích thân đến cửa hàng thịt mua thức ăn; lão chủ hiệu bán được cho bà miếng thịt cừu còn vất vả gấp mấy lần bán hàng trăm con bò cho người khác. Ngày chủ nhật, bà đếm từng củ khoai dùng để nấu với thịt; hôm ấy bà mặc áo thật đẹp đến nhà thờ hai lần, đến

tối lại đọc sách giảng đạo của Blair.

Những ngày khác trong tuần lễ, ông Sedley bận việc nên chỉ đến chủ nhật ông mới có thì giờ bế thằng cháu ngoại là Georgy đi chơi ở vườn hoa gần nhà hoặc ở vườn Kensington, xem lính tráng hoặc cho ngỗng ăn. Georgy thích những bộ quân phục màu đỏ lắm; ông ngoại nó bảo rằng bố nó trước cũng là một sĩ quan nổi danh; ông lão dắt nó đến làm quen với những viên trung sĩ có đeo huy chương Waterloo trên ngực, và trịnh trọng giới thiệu với họ rằng cháu ông là con trai của đại uý Osborne thuộc trung đoàn thứ… đã chết một cách vinh quang trong ngày 18 vinh quang ấy. Có bận ông lão còn thết mấy người kia mỗi người một cốc rượu. Mấy lần đầu đưa cháu đi chơi, ông chiều cháu, mua cho đủ thứ, nào táo, nào bánh ngọt, thằng bé ăn nhiều quá suýt phát ốm. Amelia phải tuyên bố ông còn cứ mua kẹo bánh cho cháu ăn thì nhất định không cho con đi chơi với ông nữa. Bà cụ Sedley và con gái có vẻ lãnh đạm với nhau và ngấm ngầm ganh tỵ nhau về chuyện thằng bé. Hồi thằng Georgy mới được mấy tháng, mỗi buổi tối, Amelia ngồi khâu trong phòng khách, thoáng thấy bà lão bỏ ra ngoài phòng, rồi nghe tiếng thằng bé khóc, cô vội chạy lên gác, thì thấy mẹ đang giấu giếm cho cháu uống Daffy. Trước sự lạm quyền ấy, Amelia vốn là người dịu dàng,

hiền hậu nhất đời tự nhiên thấy giận điên lên. Đôi má thường ngày vẫn nhợt nhạt bỗng đỏ tía lên như hồi cô mới mười hai tuổi. Cô giằng lấy thằng bé trong tay mẹ, với lấy chai thuốc; bà lão giận quá, cứ đứng há hốc mồm ra, tay vẫn còn cầm cái cùi dìa tang vật.

Amelia quăng chai thuốc vào trong lò sưởi vỡ tan, nói:

- Con không bằng lòng má đầu độc nó như thế.

Cô ôm chặt lấy thằng bé, rung tít lên, mắt đỏ ngầu nhìn mẹ.

Bà lão nói:

- Đầu độc nó, Amelia? Cô nói thế mà nghe được à?

- Không phải là thuốc của ông Pestler, con không cho nó uống, ông ấy bảo thuốc Daffy là thuốc độc.

Bà Sedley đáp:

- Được lắm, thì ra cô bảo tôi giết con cô. Cô ăn nói với mẹ cô thế đấy! Tôi đã gặp nhiều tai hoạ, tôi đã sa sút thảm hại, trước kia tôi lên xe xuống ngựa, bây giờ phải đi bộ, nhưng tôi chưa hề biết mình lại đi giết con người khác đấy. Cảm ơn cô cho tôi rõ điều này nhé.

Cô con gái vốn mau nước mắt vội nói:

- Kìa má, má đừng nặng lời thế. Con có định… con nói rằng… con không định bảo rằng má làm hại gì cháu

đâu, có điều…

- Thôi, cô ạ, tôi là con mụ giết người chứ gì. Thế này thì tôi đi ngồi tù mới phải. Nhưng hồi cô còn bé, tôi có đầu độc cho cô chết đâu, mà tôi lại tiêu phí bao nhiêu tiền mướn thầy cho cô ăn học tử tế. Vâng, tôi sinh năm đứa con, bỏ mất ba, còn lại cô là đứa tôi quý nhất, lo chữa cho qua khỏi đủ mọi thứ bệnh, nào lên sởi, nào ho gà, rồi thuê thầy dạy dỗ tốn bao nhiêu tiền cũng không tiếc, lại gửi trọ học ở trường bà Minerva. Hồi còn con gái, tôi có được học hành như cô đâu; tôi chỉ biết thờ cha kính mẹ, giúp đỡ công việc trong nhà, chứ có được cấm cung cả ngày trong buồng như bà lớn đâu; bây giờ cô bảo tôi là quân giết người! Ôi, bà Osborne ơi! Cầu trời sau này bà không phải muôi ong tay áo như thế nữa nhé.

- Kìa má, má ơi!

Cô con gái bối rối kêu lên, thằng bé đang nằm trong tay mẹ cũng khóc ầm ĩ.

- Mụ giết người. Đúng Hãy quỳ xuống cầu Chúa Trời tha thứ cho cô tội bất hiếu đi… Amelia.

Đoạn bà Sedley vùng vằng bước ra khỏi phòng, mồm vẫn còn rít lên mấy tiếng "thuốc độc" để kết thúc bài giảng về nhân nghĩa của mình. Cho đến chết bà Sedley vẫn không hết giận con gái. Câu chuyện xích mích này

đem lại nhiều cái lợi mà bà luôn tranh thủ khai thác, nhờ bản năng trời phú cho và nhờ cái đức kiên nhẫn của giới phụ nữ. Thí dụ, có đến hàng mấy tuần lễ liền, bà không thèm nói năng gì với Amelia. Bà cấm bọn tôi tớ không được mó vào thằng bé, "sợ bà Osborne không bằng lòng". Bà yêu cầu con gái xem xét cẩn thận cho chắc chắn rằng thức ăn hằng ngày của thằng Georgy là không có trộn thuốc độc. Hàng xóm láng giềng có hỏi thăm thằng bé, bà bảo ra hỏi mẹ nó, không bao giờ mó vào giường thằng cháu trai tuy bà vẫn quý nó như vàng; bà lấy cớ rằng chỉ sợ "mình không quen chăm sóc trẻ con và biết đâu lại không lỡ tay giết chết thằng bé mất". Mỗi lần ông Pestler đến thăm sức khoẻ thằng bé, bà cụ tiếp ông ta với nụ cười mỉa mai khinh khỉnh; ông này tuyên bố rằng đã được hân hạnh chữa bệnh cho Thistlewood phu nhân mà cũng không thấy bà này kiêu kỳ quá đáng như bà Sedley; mà bà cụ có mất xu tiền thuốc nào đâu. Về phía Emmy thì cô cũng có ý ghen ghét với hết thảy ai vồ vập thằng bé, không biết có phải vì sợ họ giành mất quyền yêu thương của con trai mình không? Có điều chắc chắn là hễ thấy ai bế ẵm thằng bé, cô cũng cảm thấy khó chịu; cô không cho bà Clapp và chị hầu gái mặc quần áo hoặc săn sóc thằng bé, cũng như không bằng lòng để cho họ lau tấm chân dung của chồng vẫn treo trên đầu giường ngủ… vẫn chiếc giường cũ, cô đã

từ giã nó để đi lấy chồng, và bây giờ quay lại với có để sống nốt những năm lặng lẽ dài đằng đẵng tuy đầy nước mắt những cũng là những năm hạnh phúc.

Căn phòng bé nhỏ này là nơi Amelia chứa đựng tất cả cuộc đời mình. Đó là nơi cô chăm sóc thằng con trai, lo cho nó qua khỏi bao nhiêu lần quặt quẹo, tình mẫu tử lúc nào cũng sôi nổi nồng nàn. Hình ảnh bố nó như sống lại trong gương mặt đứa trẻ, mà lại còn đẹp hơn lên, như thể anh từ Thượng giới trở về. Thằng bé giống bố như đúc, từ giọng nói, cái nhìn, cho tới dáng điệu; người đàn bà goá ôm con vào lòng mà tâm hồn dạt dào xúc động. Thấy thằng bé vẫn hỏi vì sao mẹ khóc, mẹ nó không ngần ngại đáp rằng vì nó giống bố nó quá. Amelia thường kể chuyện cho con nghe về bố nó hồi còn sống, về mối tình của mình đối với George, thằng bé còn ngây thơ nghe mà không hiểu ra sao. Ngay đối với George hay các bạn thân khác cũng chưa bao giờ Amelia nói những lời trìu mến đến thế. Cô không hề nói với ông bà Sedley những chuyện như vậy vì không muốn bộc lộ tâm tình với cha mẹ. Thằng Georgy xem ra cũng chẳng hiểu biết gì hơn, nhưng Amelia có thể bày tỏ với nó mọi điều thầm kín trong tâm tư không cần dè dặt, mà cô cũng chỉ bày tỏ với con mà thôi. Dường như niềm vui của người đàn bà ấy là sự sầu muộn, hoặc giả vì niềm vui ấy thiết tha

quá, nên có biểu lộ ra bằng những dòng nước mắt chăng? Tình cảm Amelia vẫn quá yếu đuối và nhút nhát; có lẽ ta không nên nói dài về chuyện ấy làm gì. Bác sĩ Pestler (bây giờ đã là một thầy thuốc phụ khoa trứ danh, có một chiếc xe ngựa lộng lẫy sơn màu xanh thẫm, là chủ một ngôi nhà ở công viên Manchester, lại sắp được ban tước nam) bảo tôi rằng hồi bắt đầu cai sữa cho thằng bé Amelia khổ sở quá, đến nỗi Herod trông thấy cũng phải động tâm. Mấy chục năm sau, ông này vẫn chưa hết bệnh đa cảm, bà vợ còn cứ ghen lồng lên với Amelia mãi.

Vợ ông bác sĩ ghen tuông như vậy cũng có lý. Đám phụ nữ quen thuộc đi lại với Amelia cũng cảm thấy tức tối bực bội vì nỗi đàn ông lại cũng xoắn xuýt lấy cô ta. Hầu như tất cả đàn ông có dịp gần gũi Amelia đều yêu cô, tuy rằng hỏi họ vì sao thì họ cũng khó trả lời. Amelia không nổi bật, không thông minh cũng không khôn ngoan lắm, mà sắc đẹp cũng chưa phải là "chim sa cá lặn", nhưng đi đến đâu cô cũng khiến được nam giới cảm động và bị hấp dẫn, đồng thời cũng gây ra sự ghen ghét tàn nhẫn trong giới phụ nữ. Theo ý tôi, sự yếu ớt của Amelia chính là cái mãnh lực thu hút con người… đó là thái độ phục tùng thuần thục, dịu dàng, nó như kêu gọi sự thông cảm và che chở nơi người đàn ông. Trong

trung đoàn của George tuy Amelia chỉ có dịp tiếp xúc với một vài người bạn của chồng, nhưng tất cả các sĩ quan trẻ tuổi trong câu lạc bộ nhà binh đều sẵn sàng rút kiếm ra khỏi vỏ để chiến đấu bênh vực cô. Cho nên trong căn nhà nhỏ bé ở Fullham, ai cũng mến cô. Amelia không được bà Mango (hãng Mango, Plantain và Công ty) là chủ nhân trại Pineries ở Fullham; mùa hè hằng năm, bà này mở tiệc[15] đãi toàn các vị công tước và bá tước, đi đâu một bước cũng nào xe nào ngựa, nào kẻ hầu người hạ linh đình, sang hơn cả nghi trượng của nhà vua ở Kensington. Amelia cũng không được như con dâu của bà Mango, tức là phu nhân Mary Mango (con gái bá tước Castlemouldy, đã hạ mình lấy ông chủ hãng buôn lớn trên làm chồng). Nhưng các chủ hiệu buôn trong vùng gặp người đàn bà goá trẻ tuổi này trước cửa nhà hoặc lúc vào hiệu mua đồ vật còn kính nể hơn cả đối với những người đàn bà sang trọng kia nữa.

Không phải chỉ có ông thầy thuốc Pestler, mà cả ông Linton, người giúp việc trẻ tuổi hay ngồi đọc tờ "Thời báo" suốt ngày trong phòng khám bệnh, là người chuyên thăm bệnh cho bọn đầy tớ các gia đình và những người bán hàng vặt, cũng tuyên bố công khai rằng mình là một kẻ nô lệ của bà Osborne. Ông này người còn trẻ, mặt mũi khôi ngô, được gia đình bà Sedley tiếp đón nồng

nhiệt hơn cả ông thầy thuốc chính. Thằng Georgy chỉ hơi nhức đầu xổ mũi, ông ta cũng đến thăm hai ba lần mỗi ngày, mà không hề nghĩ đến chuyện tiền nong. Ông ta hay lấy kẹo ho và nhiều thứ khác ở hiệu thuốc đến cho Georgy, lại pha những thứ thuốc nước ngọt lịm đi, làm cho thằng bé sinh ra thích ốm. Hồi nó lên sởi, hai thầy trò ông Pestler thức trọn hai đêm ngồi bên thằng bé. Cứ nhìn sự hốt hoảng của người mẹ, ta có thể ngờ rằng bệnh sởi là một bệnh kỳ lạ chưa xuất hiện trên trái đất bao giờ. Họ có săn sóc những bệnh nhân khác tận tình như thế không? Hồi Ralph Plantagenet, Gwendoline, và Guinever Mango bị lên sởi, họ có thức trọn đêm trong lâu đài Pineries không? Họ có thức trọn đêm để trông nom con bé Mary Clapp, con gái bà chủ nhà, bị lây bệnh thằng Georgy không? Sự thực bắt buộc ta phải trả lời: Không. Hai thầy trò cứ nằm nhà ngủ kỹ, bảo rằng con bé mắc bệnh thông thường quá, cứ mặc kệ rồi cũng khỏi; họ chỉ gửi lại gọi là có vài liều thuốc và khi đứa nhỏ bình phục thì họ gửi đến một gói ký ninh rồi cũng chẳng buồn xem thuốc có công hiệu hay không, chỉ biết là đã hoàn thành thủ tục.

Lại có một hiệp sĩ người Pháp ngụ ở căn nhà trước mặt, vẫn dạy tiếng Pháp trong các trường quanh vùng; đêm đêm ông ta vẫn chơi những bản nhạc cũ rích trên

một cây vĩ cầm cổ lỗ sĩ. Không chủ nhật nào ông già đa tình đội tóc giả có rắc phấn này không đi lễ nhà thờ ở Hammersmith; về mọi phương diện, từ dáng điệu, cử chỉ đến ý nghĩ, ông ta hoàn toàn khác hẳn đồng bào của mình, tức là nhưng người man rợ râu ria xồm xoàm suốt ngày chửi thằng Albion[16] phản bội, mồm ngậm xì gà cứ gườm gườm nhìn thiên hạ dưới vòm cổng Quadrant; mỗi khi ông hiệp sĩ già de Talonrouge nhắc đến bà Osborne, trước tiên ông ta phải hít nốt nhúm thuốc lá bột đã, đoạn vứt chỗ thuốc còn lại trong tay đi, khoa khoa bàn tay đưa lên mồm vừa hôn vừa thổi phù một cái và xoè ra, nói: "*Chao ôi! Con người mới thần tiên làm sao*"[17] Ông ta nhất định thề rằng khi Amelia đi dạo chơi ở đường Brompton thì dưới gót cô, hoa đua nhau nở. Ông ta gọi thằng Georgy là Georgy Cupid và hỏi thăm sức khoẻ của Thần Vệ Nữ là mẹ nó; ông lại bảo với chị Betty Flanagan rằng chị ta là một trong số *ba cô tiên thị nữ*[18].

Và là người hầu hạ thân tín nhất của *Bà chúa ái tình*[19].

Còn có thể kể nhiều thí dụ khác về chuyện Amelia được nhiều người yêu mến mà chính cô không hay biết. Ông Binny, viên mục sư hiền lành nhã nhặn cai quản

giáo đường của khu phố, nơi gia đình Sedley vẫn đến dự lễ, cũng đến thăm người quả phụ rất chăm chỉ; ông ta đặt thằng Georgy ngồi lên đùi mình, ngỏ ý muốn dạy nó học tiếng La tinh; người chị ông ta, một người phụ nữ quá lứa nhỡ thì ở vậy trông nom nhà cửa cho em, thấy thế tức lắm. Bà này vẫn bảo em trai:

- Này cậu, bà ta vô vị chết đi ấy mà. Suốt buổi tối đến đây chơi uống trà, chả thấy nói năng gì. Theo tôi, bà ta chẳng qua cũng chỉ là một cô "tiểu thư" tầm thường nhạt nhẽo, chứ có tâm hồn gì đâu. Đàn ông các cậu cứ thấy ai có bộ mặt xinh xinh là mê tít. Theo ý tôi thì cô Grits tính tình còn bằng mấy, lại có năm nghìn đồng vốn riêng, tương lai chắc chắn. Ví thử mặt cô ấy cũng xinh đẹp, thì tôi chắc cậu phải cho là con người hoàn toàn.

Bà chị Binny nói thế cũng có lý lắm chứ? Bọn đàn ông xấu thói chúng ta chỉ thích bộ mặt xinh xinh thôi thật. Cho dù một người phụ nữ có khôn ngoan và trong trắng như Minerva đi nữa nếu mặt mũi tầm thường, chúng ta cũng ít thèm để ý. Trước đôi mắt sáng của người đẹp, hỏi có sự điên rồ nào ta không tha thứ được? Lời nói ngu ngốc nhất thốt ra từ đôi môi đỏ thắm với giọng nói dịu dàng cũng hoá ra dễ nghe. Cho nên các bà hễ đã có sắc đẹp lẽ tất nhiên phải ngốc nghếch. Chao ôi, thưa các bà, trong số các bà vô khối người đã không xinh đẹp lại

cũng chẳng khôn ngoan tý nào đấy ạ. Trong đời Amelia chỉ xảy ra toàn những chuyện lặt vặt tương tự: chẳng có sự kiện phi thường nào; bạn đọc ắt cũng nhận thấy. Ví thử cô ta có viết một tập nhật ký suốt thời gian bảy năm trời sau ngày sinh con, thì cũng chả có mấy việc đáng chú ý hơn chuyện con trai lên sởi như vừa kể trên. À, cũng có một lần Amelia ngạc nhiên quá vì thấy ông mục sư Binny xin cô đổi tên Osborne để mang tên mình, Amelia đỏ bừng mặt; giọng nói đẫm nước mắt, cô cảm ơn ông ta có lòng thương đến hai mẹ con cô, nhưng ngỏ ý sẽ không bao giờ, không bao giờ yêu được ai ngoài người chồng đã khuất núi.

Ngày 25 tháng tư và ngày 18 tháng sáu hằng năm, tức là ngày kỷ niệm lập gia đình và ngày chồng chết, Amelia đóng cửa ngồi trong phòng cả ngày để tưởng nhớ người chồng đã mất (chưa kể hàng bao nhiêu giờ trằn trọc thâu đêm cạnh đứa con trai nằm ngủ trong nôi bên giường). Ban ngày cô bận rộn hơn. Cô dạy thằng Georgy đọc, viết và vẽ đôi chút. Cô đọc truyện để kể lại cho con nghe. Thằng bé càng hiểu biết, trí khôn cũng phát triển do ảnh hưởng của cuộc sống xung quanh; cô cố gắng dùng kiến thức ít ỏi của mình dạy cho con hiểu thế nào là Đấng Tạo hoá. Sớm sớm, chiều chiều, hai mẹ con cùng cầu khẩn Đức cha cao cả; người mẹ đọc kinh và

đứa con nhắc theo, ai trông thấy cũng phải cảm động.

Lần nào hai mẹ con cũng cầu Thượng đế ban phúc lành cho người bố, dường như George cũng có mặt trong phòng và đang cầu kinh với họ.

Buổi sáng, việc tắm rửa mặc quần áo cho con trai cũng mất khá nhiều thì giờ, kéo dài cho tới lúc ăn sáng hoặc lúc ông ngoại nó đi lo công việc. Mỗi ngày, người đàn bà goá ấy dành mất khá nhiều thì giờ để phá tất cả những bộ áo đẹp cũ may từ hồi mới lấy chồng vẫn cất trong tủ áo, cắt thành những tấm áo rất xinh đủ kiểu lạ mắt cho con. Bản thân Amelia bao giờ cũng chỉ bận áo dài đen, đội một chiếc mũ rơm có băng đen: bà cụ thấy thế bực mình lắm, vì tính bà ưa ăn mặc đẹp, nhất là kể từ khi gia đình bị sa sút. Thì giờ còn lại Amelia dùng để giúp đỡ mẹ và ông bố già nua. Cô kỳ khu học đánh bài để cùng cha giải trí những tối ông Sedley không đến "câu lạc bộ". Nếu ông lão ngỏ ý thích, cô hát cho cha nghe; cũng là việc hay, vì thường thường ông lão nghe nhạc rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Cô viết hộ cha bao nhiêu là hồi ký, thư từ, giấy giao hàng của ông lão mới kinh doanh. Nhờ tay cô nên bạn hàng của ông lão mới biết rằng ông đã trở thành đại lý cho Công ty kim cương đen chuyên sản xuất than không tàn thượng hạng bán mỗi "chaldron"[20] có… đồng. Ông cụ chỉ việc ký ở

dưới, chữ ký nguệch ngoạc, run run như chữ ký của một viên chức. Một tờ giấy giao hàng được gửi cho thiếu tá Dobbin, trung đoàn thứ… nhờ hãng Côx và Greenwood chuyển. Viên thiếu tá ở mãi tận Madras không dùng đến than làm gì. Nhưng anh ta biết rõ ai đã viết những dòng chữ giao hàng đó. Trời ơi? ước gì được nắm bàn tay người ấy trong tay mình, mất gì anh ta cũng không tiếc! Rồi tiếp theo là một tờ giấy giao hàng khác báo cho viên thiếu tá rõ hãng J.Sedley và Công ty đã đặt đại lý ở Oporto, Bordeaux, và St. Mary. Hãng có thể cung cấp các loại rượu thượng hảo hạng với giá phải chăng, kèm theo nhiều điều kiện thuận lợi. Dobbin nắm ngay lấy cơ hội cố sức vận động viên chủ tỉnh, viên tổng chỉ huy, các thẩm phán, các trung đoàn và tất cả mọi người quen biết xin bằng được mấy đơn đặt hàng rất quan trọng cho hãng "Sedley và Công ty" mới thôi, ông Sedley và ông Clapp (tức là cả công ty) ngạc nhiên hết sức. Ông Sedley đã hý hửng phen này sắp lại đứng đầu một hãng buôn lớn, mướn hàng chục nhân viên, có một kho hàng riêng và gửi đại diện đi khắp thế giới; nhưng chuyến hàng may mắn đầu tiên ấy cũng là chuyến cuối cùng. Ông già không còn rành rượu như xưa. Trong phòng ăn của nhà binh, ai cũng rủa thiếu tá Dobbin về tội tìm cách tống cho họ toàn những thứ rượu thổ tả. Anh ta đành mua lại một số lớn rượu cho đem bán rao,

thiệt vô khối tiền túi. Hồi này, Joe đang giữ một địa vị quan trọng tại Phòng thuế khoá ở Calcutta; một bữa, nhà bưu điện gửi đến cho anh ta một xếp toàn những quảng cáo rao thứ hàng ma men kia, lại kèm theo một thư riêng của ông bố dặn rằng hy vọng rất nhiều vào sự giúp đỡ của con trai; ông lão báo tin đã dành riêng cho Joe rất nhiều rượu ngon và đã rút số tiền rượu trong ngân khoản của anh ở nhà băng bằng tín phiếu rồi; Joe cáu tưởng phát điên lên được. Anh ta không muốn thiên hạ nghĩ rằng cụ thân sinh ra ông Joe Sedley tòng sự tại Phòng thuế khoá lại là một ông lái rượu đi ngửa tay xin đơn đặt hàng; anh ta từ chối không nhận thanh toán những tín phiếu nói trên, lại viết một lá thư tồi tệ gửi về bảo bố hãy tự lo lấy công việc của mình. Nhân việc này, hãng Sedley và Công ty phải chịu bao nhiêu tiền phí tổn, món lời kiếm được trong chuyến hàng Madras và tiền dành dụm của Amelia thế là bay sạch.

Ngoài món trợ cấp hằng năm là năm mươi đồng, Amelia được người thực hiện di chúc của chồng cho biết rằng cô còn có quyền hưởng một món tiền khác là năm trăm đồng bảng vì lúc George chết đi, số tiền này do luật sư riêng của anh ta giữ. Với tư cách là người đỡ đầu cho Georgy, Dobbin đề nghị đem đặt lãi 8% tại một hãng buôn ở Ấn Độ. Ông Sedley ngờ Dobbin mưu đồ việc gì

gian lậu về số tiền này bèn cực lực phản đối đề nghị nói trên. Ông đích thân tìm đến các luật sư để phản kháng, thì mới vỡ nhẽ ra rằng họ không hề giữ món tiền ấy bao giờ, và tất cả tiền nong viên đại uý đã quá cố để lại không vượt quá một trăm đồng bảng; vậy chắc số năm trăm đồng bảng kia lại là một khoản nào khác, chỉ riêng Dobbin rõ ở đâu ra. Ông lão càng nghi tợn, bèn đi tìm viên thiếu tá.

Lấy tư cách là thân nhân của Amelia, ông đòi xem xét các khoản chi tiêu của viên đại uý đã chết. Thấy Dobbin đỏ mặt, ông bèn lấy điệu bộ kiêu hãnh mà "*nói toạc móng heo*" ra rằng viên thiếu tá đã giữ tiền của con rể ông một cách bất hợp pháp.

Dobbin không nhịn được nữa, nếu ông lão không già nua yếu đuối thì giữa hai người ắt đã xảy ra một cuộc đấu khẩu gay go ngay tại quán cà phê Slaughters, chỗ hai bên gặp nhau. Viên thiếu tá nói:

- Xin mời cụ lên gác, thế nào cũng phải mời cụ lên gác để tôi trình bày cụ rõ xem ai bị thiệt thòi, tôi hay là anh George.

Đoạn anh ta kéo ông lão lên phòng ngủ, mở ngăn kéo lấy ra một tờ ghi những khoản chi tiêu của George kèm theo một mớ giấy biên nhận tiền của George – công bằng mà nói thì bao giờ George cũng sẵn sàng viết văn

tự mượn tiền. Dobbin tiếp:

- Những chứng từ này đã được anh ấy thanh toán ngay tại nước Anh hết rồi; lúc chết chỉ còn chưa đầy một trăm đồng. Tôi cùng vài người bạn gom góp nhau được một món tiền nhỏ gọi là để giúp đỡ; thế mà cụ ngờ tôi lừa tiền của chị ấy và cháu.

Ông Sedley đờ người ra, có ý thẹn. Thật ra Dobbin đã nói dối, chính anh đã bỏ ra tất cả số tiền ấy, chính anh ta lo việc chôn cất cho bạn; cũng chính anh ta đã gánh vác tất cả mọi khoản chi tiêu trong việc bất hạnh xảy ra cũng như trong việc đưa Amelia về nước. Ông Sedley không hề nghĩ đến những món chi tiêu đó, cả họ hàng Amelia cũng như bản thân cô ta cũng thế. Amelia hoàn toàn tin Dobbin, mặc anh ta nói sao hay vậy, không hề ngờ rằng mình là kẻ mang nợ.

Mỗi năm đôi ba lần, Amelia giữ đúng lời hứa viết thư gửi đi Madrad cho Dobbin, trong thư toàn nói về chuyện thằng Georgy.

Dobbin trân trọng những lá thư ấy biết bao! Nhận được thư, anh ta trả lời ngay, và cũng không hề bao giờ tự nhiên viết thư cho thằng con đỡ đầu và mẹ nó. Anh lại mua một hộp khăn quàng cổ và một bộ quân cờ bằng ngà của Trung Quốc gửi về làm quà. Những quân tốt là những người lính mặc áo xanh và trắng, cầm gươm và

khiên thật, tướng thì cưỡi ngựa, thành luỹ thì dựng trên lưng voi.

Ông Pestler bảo: "Bộ quân cờ của bà Mango ở Pineries cũng không đẹp bằng". Georgy thích quá, lần đầu tiên viết thư cho ông bố đỡ đầu để cảm ơn. Dobbin còn gửi cho cả mứt và đồ gia vị; thằng bé mò ra tủ buýp-phê ăn vụng nhiều quá suýt chết vì bội thực; nó cho là mình bị trừng phạt vì tội ăn vụng. Emmy viết thư gửi cho viên thiếu tá kể lại câu chuyện buồn cười này; thấy cô đã khuây khoả, Dobbin cũng yên tâm. Anh ta gửi về làm quà thêm hai tấm khăn san, một cái màu trắng tặng Amelia, một cái màu đen có in hình lá cọ tặng bà Sedley; lại gửi hai chiếc khăn quàng cổ màu đỏ cho ông Sedley và thằng Georgy. Theo sự hiểu biết của bà Sedley thì mỗi tấm khăn giá đến năm mươi đồng ghi nê là ít. Bà quấn nó đi nhà thờ Brompton dự lễ, các bà bạn trông thấy cũng phải khen là đẹp. Chiếc khăn của Emmy cũng rất ăn ý với tấm áo đen giản dị cô vẫn mặc.

Bà Sedley bảo bà Clapp và các bà bạn ở Brơmtơn thế này:

"Rõ hoài của, con bé chả nghĩ đến ông ta. Thằng Joe có bao giờ biếu chúng tôi được những thứ này đâu, cho một tý gì nó cũng tiếc đứt ruột. Rõ ràng cái ông thiếu tá ấy mê con gái tôi như điếu đổ! Thế mà mỗi khi nhắc

khéo chuyện ấy với nó, y như nó đỏ mặt lên, rồi khóc, rồi bỏ lên gác ngồi nhìn cái chân dung. Tôi mới phát ốm vì cái chân dung ấy chú! Tôi chỉ cầu Trời không bao giờ còn phải nhìn mặt cái giống Osborne hợm của ghê tởm nhà chúng nó.

Thằng Georgy lớn lên trong một bầu không khí bình dị như vậy, càng lớn tính nó càng trở thành ẻo lả dễ xúc động, hay vòi như những đứa trẻ được nuông chiều từ tấm bé… nó rất quý mẹ, nhưng cũng bắt nạt cả mẹ. Trong nhà, nó là ông tướng con; ai cũng phải sợ. Nó càng lớn, càng giống bố như đúc, từ mặt mũi cho đến cái tính khệnh khạng. Thấy cái gì nó cũng tò mò hỏi cho bằng được. Thấy cháu nói nhiều câu khôn như người lớn, ông ngoại nó cũng lấy làm lạ; ông lão đến quán rượu chỉ kể toàn những chuyện cháu mình thông minh, cháu mình hiểu biết như thần đồng, làm thiện hạ chán ngấy cả tai. Thấy bà ngoại bẳn tính, thằng bé cứ lờ đi, vui vẻ như không. Mọi người trong cái gia đình nhỏ ấy ai cũng tin trên đời không có đứa trẻ nào được bằng nó. Thằng Georgy thừa hưởng cả cái tính kiêu ngạo của bố, có lẽ nó cho rằng họ nhận xét không lầm.

Khi thằng Georgy lên sáu, Dobbin bắt đầu viết thư luôn cho nó. Viên thiếu tá ngỏ ý muốn nó đi học, và hy vọng rằng nó sẽ cố gắng chăm chỉ; nếu nó không đến

trường thì có lẽ nên mướn một ông giáo kèm ở nhà, vì nó đã đến tuổi đi học; ông bố đỡ đầu còn hy vọng được đài thọ mọi phí tổn về việc học của thằng bé, vin cớ mẹ nó chỉ có một số tiền trợ cấp quá ít ỏi. Anh chàng thiếu tá lúc nào cũng nghĩ đến mẹ con Amelia; anh ta gửi cho thằng bé nhiều sách có tranh ảnh, một hộp thuốc vẽ, một cái bàn học cùng đủ mọi thứ dụng cụ khác dùng trong việc học và để giải trí. Còn ba ngày nữa thì thằng Georgy vừa đúng sáu tuổi, một người đi xe ngựa có người nhà theo hầu đến nhà ông Sedley, nói muốn gặp cậu Georgy Osborne. Đó là ông Woolsey, chuyên may quân phục ở phố Conduit, theo lệnh viên thiếu tá đến đo người thằng bé để may một bộ áo mới. Ông này đã có hân hạnh may quần áo cho viên đại uý sinh ra nó.

Thỉnh thoảng, có lẽ để chiều ý viên thiếu tá, hai chị em cô Dobbin cũng ngồi xe ngựa riêng của gia đình đến đón hai mẹ con Amelia đi chơi. Amelia cảm thấy khó chịu vì cái thái độ nhã nhặn kẻ cả của mấy cô này, nhưng cũng ngoan ngoãn chịu đựng cho qua, vì bản tính vẫn quen nhường nhịn, vả lại thằng Georgy được ngồi lên chiếc xe ngựa lộng lẫy thì có vẻ khoái lắm. Thỉnh thoảng, hai cô thiếu nữ lại xin cho thằng Georgy đến nhà mình chơi một ngày, thằng bé được đến ngôi nhà xinh đẹp của gia đình Dobbin ở Denmark Hill thì thích quá vì

ở đó có vô số nho và đào, tha hồ ăn thoả thích.

Một bữa, hai chị em cô Dobbin đến báo cho Amelia biết một tin mà họ cho rằng chắc chắn cô phải mừng lắm… một tin có liên quan đến anh William thân yêu của họ. Mắt sáng ngời lên vì sung sướng. Amelia hỏi:

- Tin gì thế, anh ấy về thăm nhà phải không?

- Không phải… không phải đâu… nghe như anh ấy định lấy vợ lấy người có họ với một cô bạn của Amelia… cô Glorvina O'Dowd, em gái ông Michael O'Dowd ấy mà. Cô ta đã đến Madras với bà O'Dowd rồi. Đồn rằng cô ấy đẹp người lại đẹp cả nết.

Amelia thốt ra một tiếng "Ô!" đầy ngạc nhiên; thực tình cô cũng rất sung sướng. Nhưng cô cho rằng Glorvina chắc không thể giống bà bạn cũ của mình; bà ấy tốt lắm… nhưng mà… Amelia cảm thấy rất vui. Và không rõ vì sao, cố bế ngay thằng Georgy lên mà hôn rất âu yếm. Lúc đặt con xuống đất mắt cô rơm rớm có ngấn lệ; suốt buổi độ chơi hôm ấy, cô yên lặng, gần như không nói một lời… tuy trong lòng quả thật rất sung sướng.

CHƯƠNG XXXIX
MỘT CHƯƠNG TOÀN CHUYỆN TỒI TỆ

Bây giờ cần trở về với những người bạn cũ của chúng ta ở Hampshire một chút. Bao hy vọng họ hằng ôm ấp về việc chia xẻ cái gia tài kếch xù thế là tan thành mây khói. Chắc mẩm sẽ vớ được ba vạn đồng của em gái, rốt cuộc chỉ được có năm nghìn đồng lão Bute Crawley bị một vố điếng người. Món tiền này đem thanh toán cho xong món nợ của bản thân lão và những khoản nợ của anh chàng Jim, con trai lão, ở trường cao đẳng còn lại cũng không được bao nhiêu, chẳng đủ làm của hồi môn cho bốn cô con gái xấu xí. Bà Bute không bao giờ ngờ, hoặc ít nhất cũng không bao giờ chịu công nhận rằng cái thói nghiệt ngã của mình đã làm hại chồng con đến như vậy. Bà ta thề sống thề chết rằng mình đã làm tất cả mọi việc một người đàn bà có thể làm. Nếu như bà không có được cái tài nịnh hót xảo quyệt như thằng cháu Pitt Crawley, thì đâu phải lỗi tại bà? Tuy nhiên bà vẫn chúc anh ta hưởng hạnh phúc với số tiền *không được* trong sạch kia. Làm ra bộ phúc đức lắm, bà bảo: "Dẫu sao đi nữa thì cũng là "lọt sàng xuống nia" chứ đi đâu mà thiệt. Chắc chắn thằng Pitt sẽ không phá số tiền ấy đâu, ông nó ạ. Khắp nước Anh này, có ai bủn xỉn bằng nó. Nó

cũng khốn nạn chẳng kém gì thằng em bán giời không văn tự tức là thằng Rawdon tuy mỗi đứa khốn nạn một cách".

Thế là, sau cơn giận dữ và thất vọng ban đầu, bà Bute bắt đầu thích ứng với hoàn cảnh; bà ra sức tiết kiệm việc chi tiêu. Bà dạy con gái phải biết vui vẻ mà chịu đựng sự thiếu thốn, lại nghĩ ra hàng trăm cách tài tình để che giấu và đôi khi để thoát khỏi cảnh nghèo túng. Bà mạnh bạo dẫn con gái đến dự những buổi dạ hội, đi chơi tại những nơi công cộng trong vùng; bà còn thết đãi bạn bè một cách khá lịch sự ngay tại nhà thờ; so với hồi chưa được chia gia tài, bà lại tổ chức tiếp khách thường xuyên hơn. Cứ nhìn bề ngoài đố ai dám bảo rằng gia đình này bị một mẻ vỡ mộng, hoặc dám nghĩ rằng tuy mấy mẹ con chơi đây đó luôn, nhưng ở nhà phải bóp mồm bóp miệng khổ sở. Mấy cô con gái ăn diện lại sang hơn trước; các cô chăm chỉ đến dự những buổi họp mặt ở Winchester và Southampton; các cô đến cả Cowes để xem đua thuyền và thi ngựa. Đi đâu mấy mẹ con cũng dùng xe ngựa – mấy con ngựa hết kéo cày lại phải kéo xe, làm việc không kịp thở – bấy giờ ai cũng yên trí rằng bốn cô con gái đã được bà cô để lại cho vô khối tiền; bao giờ các cô cũng nhắc đến tên bà Crawley một cách vô cùng âu yếm và biết ơn trước mặt người khác. Trong *Hội chợ*

phù hoa, cái trò dối trá này phổ biến nhất; có điều lạ là bọn người dối trá ấy vẫn yên trí rằng mình có đạo đức, đáng kính trọng, vì đã bịp được thiên hạ khiến họ tưởng là mình giàu có.

Bà Bute cũng cho rằng mình là người đàn bà đức hạnh nhất nước Anh, mọi người nên lấy gia đình bà làm gương. Con gái bà, người nào cũng vui vẻ, đáng yêu, có giáo dục, tính tình giản dị!

Martha vẽ hoa tài lắm, nửa số tranh bán lấy tiền làm phúc trong quận là do cô vẽ. Emma là con chim hoạ mi nổi tiếng khắp vùng; trong mục "thi ca" trên mặt báo "Tin điện Hampshire " chỉ có những bài thơ của cô là hay nhất. Fanny và Matilda cùng hát, bà mẹ đệm dương cầm, hai cô kia vòng tay ôm ngang lưng nhau ngồi nghe thú vị lắm. Nào ai biết đâu các cô phải tập gõ dương cầm suốt ngày; ai biết đâu bà mẹ phải kỳ khu ngồi luyện cho các cô hàng giờ; tóm lại, bà Bute phải tươi tỉnh đường đầu với số phận, cố hết sức tô vẽ cho cái bề ngoài ra vẻ phong lưu.

Bà làm tất cả mọi việc mà một người mẹ đáng kính có thể làm. Bà tiếp trong nhà cả những tay ưa đua thuyền ở Southampton, những thầy mục sư ở nhà thờ Crawley tại Winchester và những sĩ quan đóng tại đây. Bà cố tìm cách lôi kéo bọn luật sư trẻ tuổi ở toà thượng thẩm, lại

khuyến khích Jim bắt bọn bè bạn hay đi săn về nhà chơi. Trên đời này, một bà mẹ quý con gái có ngại việc gì mà không làm?

Giữa bà và ông anh chồng, tức là cái lão nam tước bỉ ổi ở bên trại kia, rõ ràng bây giờ không còn liên quan gì đến nhau nữa.

Quan hệ giữa Bute và cụ Pitt bị cắt đứt hoàn toàn rồi; thật ra cụ Pitt đã cắt đứt quan hệ cả với mọi người trong quận; ai cũng ghê tởm lão. Càng già lão càng ghét cay ghét đắng cái xã hội thượng lưu; từ ngày Pitt và công nương Jane đến thăm lão cho phải lẽ sau ngày cưới, thì cổng trại Crawley Bà chúa cũng chưa mở ra lần nào để đón xe ngựa của một vị khách sang trọng.

Thật là một cuộc thăm viếng kinh khủng, đáng sợ, hai vợ chồng Pitt cứ nghĩ đến mà ghê. Pitt lạnh lùng yêu cầu vợ không bao giờ được nhắc đến chuyện ấy nữa. Nhờ có bà Bute, vốn thông tỏ mọi chuyện xảy ra bên trại, nên mọi người mới rõ cách cụ Pitt đón tiếp con trai và con dâu như thế nào.

Hai vợ chồng Pitt giong chiếc xe ngựa mới tinh dọc theo con đường lớn trong trại; Pitt ngạc nhiên và giận quá vì thấy giữa đám cây cối… cây cối của anh ta… có nhiều chỗ trống; lão nam tước đã tự tiện đẵn đi để bán. Vườn cây trông thật tiêu điều xơ xác. Lối đi trong vườn

không ai sửa sang, đầy những vũng nước, bùn bắn tung toé bẩn hết thành xe. Trước cửa chính, rêu phong kín mặt thềm; những cụm hoa trước kia đẹp là thế, bây giờ tàn lụi hết, cỏ dại um tùm. Hầu hết các cửa sổ đều đóng im ỉm; còn cổng trại thì kéo chuông mãi mới thấy cánh cửa hé mở. Thoáng thấy bóng một người đeo đăng-ten chạy vụt lên chiếc cầu thang bằng gỗ sồi: cuối cùng bác Horrocks ra mời người thừa kế trại Crawley Bà chúa cùng cô vợ mới vào trong ngôi nhà của tổ tiên để lại.

Bác dẫn hai người vào trong gian phòng sách – ở đây nó được gọi như vậy – của cụ Pitt; càng đến gần hai vợ chồng Pitt càng ngửi thấy mùi khói thuốc lá xông ra nồng nặc. "Cụ Pitt không được khoẻ lắm". Bác Horrocks nói rõ như để thanh minh, ngụ ý ông chủ đang mắc chứng đau bụng.

Phòng sách trông thẳng ra vườn cây và lối đi trước nhà. Cụ Pitt đã mở cửa sổ, đang thò cổ ra quát tháo thằng phu xà ích và thằng hầu của Pitt; hai đứa vừa định dỡ hành lý trên xe xuống. Lão khua khua cái tẩu trong tay, hét ầm lên:

- Cứ để nguyên tất cả trên ấy, Tucker, thằng ngu, đến chơi có một lúc thôi mà. Cha mẹ ơi, con ngựa bị xước một miếng ở vó kìa! Dắt nó ra trạm "Đầu vua" mà chữa đi thôi. Thế nào? Pitt? Thế nào con gái yêu? Đến thăm

lão già hả? Cha mẹ! Trông mặt mũi cũng xinh đấy chứ, không đến nỗi như cái mặt ngựa của bà mẹ. Lại đây hôn lão Pitt này một cái đi, chóng ngoan con.

Hôn bố chồng xong, cô con dâu có ý hơi kinh thì phải, vì lão để ria xồm xoàm không cạo, mồm sặc mùi thuốc lá. Nhưng cô ta nhớ ngay rằng Southdown, anh trai cô, cũng để ria mép, cũng hút thuốc lá, nên cố gắng tỏ ra nhã nhặn đúng mức.

Lão nam tước nói:

- Pitt hồi này béo ra đấy nhỉ? Nó có còn hay thuyết giáo dài dòng văn tự nữa không, con? Bài hát nguyện thứ một trăm, đồng ca buổi tối… hả, Pitt? Horrocks, đem một cốc rượu Malmsey và một chiếc bánh ngọt để công nương Jane xơi. Thằng ngu, sao mày cứ đứng ỳ ra đấy như con lợn ấy? Tôi không giữ anh chị ở lại đâu, ở đây vợ chồng anh chán ngấy lên mất. Tính tôi khác Pitt lắm. Tôi bây giờ già rồi, sinh cái tật nghiện thuốc lá, tối đến lại ham đánh bài.

Công nương Jane cười đáp:

- Thưa ba, con cũng biết chơi bài, tức là cái thú chơi cha vừa nói là rất ham mê.

- Nhưng cũng không nên vì thế mà bắt chị ở lại đây. Không, không, cứ quay về Mudbury mà trọ, cho bà

Rincer kiếm ăn tý chút chứ, hay là đánh xe sang bên nhà thờ, vòi lão Bute một bữa cơm. Gặp anh, chắc lão thú lắm. Thấy anh được hưởng gia tài của bà già, lão nể anh ra phết. Ha, ha! Tôi mà chết đi thì anh cũng phải bỏ ra ít nhiều mà sang sửa lại cái trại này chứ?

Pitt cất cao giọng, nói:

- Thưa cha, con nhận thấy gia nhân trong trại đang chặt phá cây cối. Cụ Pitt đột nhiên điếc tịt hai tai, đáp:

- Phải, phải, trời đẹp quá, thời tiết dễ chịu lắm. Nhưng mà, anh Pitt ạ, tôi già rồi. Cầu trời phù hộ cho anh, mà anh cũng gần năm mươi rồi nhỉ. Thế mà trông còn tráng kiện lắm, phải không cô Jane? Biết kính Chúa, lại sống điều độ có lợi thế đấy. Trông tôi đây này, gần tám mươi tuổi đầu còn gì… hề hề!

Lão cười, rít một nhúm thuốc lá bột, liếc nhìn cô con dâu và véo một cái vào tay cô ta.

Pitt cố lái câu chuyện trở về việc phá gỗ, nhưng lão nam tước lại lập tức trở thành điếc đặc:

- Tôi già lắm rồi, năm nay lại khổ sở vì cái bệnh đau lưng. Tôi cũng không sống được bao lâu nữa đâu, nhưng chị đến thăm tôi thế này là quý lắm. Công nương Jane ạ, tôi ưa nét mặt của chị lắm, không có cái vẻ khinh khỉnh đáng ghét của nhà Binkie. Để tôi làm quà cho chị

cái gì đèm đẹp mà đeo khi vào chầu trong triều.

Lão lòng khòng bước tới bên một cái tủ, lôi ra một chiếc hộp cũ đựng ít đồ trang sức đáng tiền. Lão nói:

- Cầm lấy con ạ, của bà cụ sinh ra tôi ngày xưa đấy; sau này bà Crawley vợ cả tôi cũng đeo. Ngọc quý lắm. Chưa bao giờ cho đứa con gái nhà hàng sắt dùng đâu. Thôi, cầm lấy mà đeo vào cổ, mau lên.

Vừa nói lão vừa dúi chiếc hộp vào tay con dâu. Thấy Horrocks bưng rượu bước vào, lão đóng sập cánh tủ lại.

- Cụ cho vợ anh Pitt cái gì đấy?

Vợ chồng Pitt vừa từ biệt lão già ra về, cái cô đeo đăng-ten đã căn vặn ngay lão già. Do là cô Horrocks, con gái bác quản lý… người đã gây ra những lời đồn đại xa gần về chuyện cụ Pitt trác táng… và hiện nay cũng là bà chủ nắm mọi quyền hành trong trại Crawley Bà chúa vậy.

Dân trong quận và cả họ Crawley thấy cô "Đăng-ten" làm ăn phát đạt quá mà kinh. Cô "Đăng ten" mở cả một ngân khoản ở chi nhánh Ngân hàng Mudbury. Cô "Đăng- ten" ngồi xe ngựa đi lễ nhà thờ, độc chiếm chiếc xe ngựa chở hàng mọi khi vẫn dành cho bọn đầy tớ trong trại dùng. Người làm, ai không vừa lòng cô, bị đuổi như chơi. Bác làm vườn người xứ Scotch chưa bị

đuổi, lấy làm hãnh diện về vườn cây của mình lắm; bác vẫn đem rau quả ra chợ Southampton bán, ăn bớt được khối tiền. Một buổi sáng trời nắng ấm, bắt gặp cô "Đăng- ten" hái đào ở mé tường phía nam ăn, bác tỏ ý phản kháng, liền bị hai cái tát ù tai. Sau đó, vợ chồng con cái bác, những người duy nhất được vị nể trong trại, phải khuân đồ đạc dọn đi nơi khác; khu vườn cây sầm uất trước kia được chăm sóc cẩn thận là thế, bây giờ bị phá phách tan tành, hoa tàn cỏ rậm. Mảnh vườn trồng hoa hồng của Crawley phu nhân ngày trước, nay um tùm toàn gai góc. Còn lại độ hai ba người đầy tớ nằm run rẩy trong gian phòng lạnh ngắt dành cho người làm. Chuồng ngựa, chuồng bò trống tuềnh trống toáng, đóng cửa bỏ xó, đổ xiêu đổ vẹo.

Ông Pitt nằm lì một chỗ, đêm nào cũng say sưa với bác Horrocks (bây giờ lão gọi bác là quản gia) và cô "Đăng- ten" phóng túng. So với hồi cô ta ngồi chiếc xe cọc cạch đến trại, gặp bọn bán hàng vặt cũng một điều "thưa ngài", hai điều "thưa ngài", tình thế bây giờ khác hẳn. Xung quanh ai khinh, ai chửi cũng mặc, lão già cứ bịt tai nằm lỳ trong trại Crawley Bà chúa, không mấy khi ra khỏi cổng. Lão cãi nhau với bọn thầy kiện, viết thư chửi bọn tá điền. Suốt ngày chỉ thấy lão ngồi cặm cụi viết lách. Bọn thầy kiện và bọn cảnh sát có việc gì giao

thiệp với lão đều phải qua tay cô "Đăng – ten". Cô này tiếp họ ngoài cửa gian phòng của quản gia, có cửa hậu ăn thông với phòng sách. Mỗi ngày lão nam tước lại càng thêm bối rối vì việc làm ăn hỗn độn trong trại.

Chuyện lão nam tước già lẩm cẩm ra sao, người đứng đắn nhất trong vùng cũng rõ nên Pitt Crawley rùng mình kinh hãi. Anh ta chỉ nơm nớp lo có ngày ông cụ sẽ tuyên bố cô "Đăng-ten" chính thức trở thành mẹ kế thứ hai của mình. Sau lần lại thăm bố đầu tiên và cũng là lần cuối cùng ấy, trong ngôi nhà lịch sự đẹp đẽ của Pitt Crawley, không hề nghe thấy ai nhắc đến tên lão già nữa. Lão chỉ còn là một xác chết, và mọi người trong nhà yên lặng ghê tởm bước qua. Bá tước Southdown phu nhân vẫn tiếp tục đi xe ngựa đến cổng ném những cuốn sách giảng đạo vào trong trại, những cuốn sách khiến ta phải dựng cả tóc gáy. Đêm đêm, bà Bute bên nhà thờ ra sân ngó xem sau hàng cây du che lấp toà nhà bên trại, bầu trời có rực đỏ lên vì ngôi nhà chính bốc cháy hay không. Ngài Wapshot và ngài Fuddlestone là mấy ông bạn cố tri của gia đình xưa vẫn không chịu ngồi cùng một ghế với cụ Pitt trong những kỳ họp quốc hội; một lần gặp lão ở High Street, tại Southampton, lão chìa bàn tay cáu bẩn nhăn nheo ra bắt, họ ngoảnh mặt đi thẳng. Lão cũng chẳng buồn để ý, thọc hai tay vào túi áo, phá

ra cười, rồi hì hục leo lên chiếc xe bốn ngựa. Sách của bà Southdown cũng chỉ khiến lão phì cười chế nhạo; lão chế nhạo cả hai thằng con trai, lão chế nhạo tất cả thiên hạ, lão chế nhạo cả cô "Đăng-ten" những lúc cô ta cáu kỉnh, mà việc ấy xảy ra như cơm bữa.

Cô Horrocks được lĩnh chức quản gia trong trại Crawley Bà chúa; cô ta cai trị bọn gia nhân một cách hết sức nghiệt ngã, hống hách. Đầy tớ người nào cũng phải gọi cô ta là "bà…"; có một chị hầu gái tôn xưng cô ta là "phu nhân" nhân dịp cô được đề bạt; cô ta cũng cứ nhất định không hề tỏ ý khó chịu. "Phu nhân" cũng có năm bảy đường, có người rất tốt, mà cũng có kẻ rất tồi". Cô Horrocks trả lời bề dưới lúc được tôn xưng như vậy. Thế là cô tuyệt đối thống trị hết thảy mọi người, trừ cha cô. Nhưng bây giờ cô cũng ra mặt khinh khỉnh cả với bố, lại bảo cho bố cô biết rằng đừng có quá sỗ sàng với bà nam tước phu nhân tức là mình. Được đóng vai trò quý phái này, cô ta khoái chí lắm, mà lão Pitt cũng vui, lão thấy cô ta bắt chước điệu bộ sang trọng quý phái lão cứ cười lăn ra. Lão bảo rằng xem cô ta đóng trò mệnh phụ thú chẳng kém gì xem hát; lão lôi một bộ áo chầu của bà vợ cả ra cho cô ta mặc, khen nức nở rằng cô ta mặc vừa xinh, chỉ còn việc lên xe tứ mã vào triều chầu vua là xong. Cô Horrocks tha hồ lục lọi tủ áo của hai bà vợ lão,

tuỳ ý chữa lại cho vừa người theo sở thích. Cô ta còn muốn lấy cả đồ trang sức của họ, nhưng lão nam tước đã khoá kín trong một ngăn kéo riêng, cô ta đã chịu khó ra sức mơn man chiều chuộng lão mà chưa lấy được chìa khoá. Ít lâu sau khi bà phu nhân này bị đuổi ra khỏi trại Crawley Bà chúa, người ta tìm được một quyển vở của bà, mới biết rằng cô "Đăng-ten" đã giấu giếm ra công tập viết, tập cẩn thận nhất là mấy chữ Crawley phu nhân, Betsy Horrocks phu nhân, Elizabeth Crawley phu nhân, v.v..

Những người đứng đắn trong vùng tuy không ai lai vãng đến, lánh xa lão chủ trại lầm cầm như lánh hủi, nhưng họ vẫn biết rõ mọi việc xảy ra không sót tý gì. Ngày nào họ cũng chờ đợi sự kết thúc chắc chắn phải đến, sự kết thúc mà cô Horrocks cũng đang tha thiết mong ngóng. Nhưng ác hại thay, số mệnh đã ngăn cản không cho cô hưởng phần thưởng xứng đáng với một người đức hạnh trong trắng như cô.

Một bữa, lão nam tước bắt gặp "phu nhân"- vẫn thích gọi đùa cô như vậy – ngồi bên chiếc dương cầm cũ rích đã mất tiếng kê trong phòng khách. Từ hồi Becky bỏ đi, cũng không ai sờ mó đến nó. Cô lấy điệu bộ hết sức trịnh trọng ngồi vào ghế, rồi ra sức mà gõ, bắt trước điệu âm nhạc thỉnh thoảng cô được nghe. Chị hầu gái

mới được làm chân phụ đứng bên bà chủ lấy làm thưởng thức lắm, vừa gật gù cái đầu, vừa khen: "Úi chà, thưa bà hay tuyệt", thật không kém gì cảnh tượng một ông nịnh hót đúng mốt tại một buổi tiếp tân thực sự trong triều.

Sự việc ấy khiến lão nam tước già cười phá lên. Tối hôm ấy, lão kể chuyện lại với bác Horrocks hơn chục lần làm cô Horrocks thấy vậy vô cùng buồn bực. Lão gõ gõ xuống mặt bàn và réo lên, bắt chước cách cô ta hát. Lão nhất định bảo rằng cô Horrocks có giọng hay như thế, không học hát cũng phí, phải thuê một ông thầy dạy hát mới được; cô "Đăng- ten" cũng thấy là phải. Đêm hôm ấy, lão vui quá, cùng ông bạn hầu rượu tha hồ nốc rượu rum cật lực… mãi đến khuya, người đầy tớ đồng thời là người bạn trung thành mới vực lão về phòng ngủ.

Nửa giờ sau, bỗng nhiên cả nhà tíu tít ồn ào hẳn lên. Lần lượt ánh đèn chiếu sáng rực từ cửa sổ này đến cửa sổ khác trong toà nhà cũ kỹ tiêu điều ấy, mà thường thường ông chủ chỉ dùng độ một, hai phòng. Một thằng nhỏ lập tức phi ngựa đi Mudbury tìm bác sĩ. Khoảng một giờ sau bà Bute Crawley và con trai là James Crawley từ nhà thờ chạy sang, qua cửa chính vẫn mở toang vào trong nhà (thế -nới biết bà này liên lạc chặt chẽ với bên trại tài tình thật).

Họ đi ngang qua gian phòng lớn và căn phòng khách

nhỏ vách bằng gỗ sồi, thấy trên mặt bàn còn ba chiếc cốc vại, một cái vỏ chai rượu rum; qua căn phòng này đi thẳng vào phòng làm việc của cụ Pitt, họ bắt gặp cô Horrocks đeo "đăng-ten" đầy người đang lấm la lấm lét cầm một chùm chìa khoá tìm cách mở ngăn kéo bàn giấy và tủ "com-mốt". Thấy đôi mắt bà Bute long lên sòng sọc như phát ra những tia lửa dưới chiếc mũ ngủ màu đen, cô ta sợ quá rú lên, đánh rơi chùm chìa khoá xuống đất.

Bà Bute chỉ ngay mặt cô con gái mắt đen bị bắt quả tang, thét:

- Nhìn xem kìa, này, ông Crawley và thằng James.

Cô "đăng – ten" vội kêu:

- Cụ ấy cho cháu đấy, cụ ấy cho cháu đấy!

Bà Bute rít lên:

- Cụ ấy cho mày à, quân khốn nạn kia. Có ông Crawley làm chứng nhé, chúng ta bắt quả tang cái con vô tích sự này đang hôi của của anh ông nhé. Rồi phải mang treo cổ nó lên mới được, tôi vẫn bảo thế mà.

Betsy Horrocks hoảng quá, vội quỳ mọp xuống đất, khóc nức nở. Nhưng ai hiểu thấu bụng dạ đàn bà, hẳn biết rằng họ không dễ dàng tha thứ, và càng thấy kẻ thù nhục nhã, họ càng sướng. Bà Bute nói:

- James, kéo chuông đi, kéo chuông gọi ngay mọi người đến đây.

Tiếng chuông réo lên inh ỏi không ngừng, ba bốn người đầy tớ chạy vội lại ngay. Bà Bute ra lệnh:

- Giam con này vào hầm. Chúng ta bắt quả tang nó đang ăn cắp của cụ Pitt. Ông Crawley làm hộ cho cái biên bản. Còn thằng Beddoes, sáng mai quăng nó lên xe ngựa mang về Southampton cho nó tù mọt gông.

Ông mục sư quan toà can thiệp:

- Bà nó ơi, con bé mới định…

Bà Bute giậm chân đành đạch, vẫn hét:

- Xiềng đâu? Trong nhà vẫn còn xiềng cơ mà. Thằng bố đẻ ra con ranh này đâu rồi?

Cô Betsy rên rỉ:

- Quả thực cụ ấy cho cháu, phải không chị Hester? Chị cũng trông thấy. Cụ Pitt cho tôi chùm chìa khoá từ lâu lắm rồi… có hay không thì chị biết đấy… Cái ngày sau phiên chợ Mudbury ấy mà, tôi có hỏi xin đâu. Nếu bà không tin, thì đây, cháu xin trả.

Nói đoạn cô Horrocks rút trong túi ra một đôi khoá giầy to tướng bằng nhựa cô ta vẫn thèm từ lâu, mãi vừa rồi mới lấy trộm được trong tủ sách ở phòng làm việc.

Hester, chị phụ bếp mới, vội nói:

- Này Betsy, chị dám mở mồm ra nói xưng xưng lên thế à? Mà lại nói dối cả bà Crawley là người nhân từ hiền hậu, cùng đức cha đáng kính đây à? (chị cúi rạp xuống chào).

- Thưa bà chìa khoá của cháu đây, xin bà cứ khám hòm xiểng của cháu, tuy bố mẹ cháu nghèo thật, lại được nuôi ở nhà tế bần nhưng… nếu bà tìm thấy một mụn vải nhỏ, hoặc một chiếc tất lụa nào, thì cháu chết ngay, không bao giờ còn đi lễ nhà thờ được nữa.

Người đàn bà đức hạnh rít lên:

- Đưa chìa khoá đây cho tao, con đĩ!

- Nến đây, thưa bà. Nếu bà cho phép, thưa bà, cháu xin dẫn bà đến phòng của nó; lại còn cái tủ trong phòng quản gia nữa, nó chất các thứ nhiều vô kể.

Chị hầu Hester hăng hái nói, ra vẻ hết sức nịnh nọt:

- Khôn hồn thì câm cái mồm ngay. Tao thừa biết con đĩ ở những phòng nào rồi. Bà Brown, mời bà cùng đi với tôi. Còn Beddoes, mày canh con kia cẩn thận cho tao.

Bà Bute vớ lấy cây nến tiếp:

- Ông Crawley, ông lên ngay trên gác, xem có phải chúng nó giết anh ông không?

Và bà Bute có bà Brown đi kèm, bước về phía phòng của cô "Đăng-ten". Quả thật đúng như lời bà nói, bà biết rõ lối đi không chút bỡ ngỡ.

Ông Bute lên gác, đã thấy ông bác sĩ Mudbury đến cùng bác Horrocks đang hoảng hốt săn sóc lão chủ trại nằm trong ghế bành. Họ đang định trích huyết cho lão tỉnh lại.

Sáng sớm hôm sau, bà vợ ông mục sư gửi thư hoả tốc cho Pitt Crawley, bà này tự đảm nhiệm lấy quyền lo liệu mọi việc, thức suốt đêm để canh lão Pitt. Lão cũng đã tỉnh lại, tuy không nói được, nhưng hình như lão nhận ra mặt người nhà. Bà Bute quyết định ở lại bên giường bệnh của lão. Bà không hề thấy buồn ngủ. đôi mắt dữ tợn cứ mở thao láo, mặc ông bác sĩ lăn ra ngáy khò khò trong ghế bành. Horrocks cũng cố gắng tỏ ra mình có quyền săn sóc ông chủ, nhưng bị nhà Bute mắng cho là thằng khốn nạn rượu chè be bét, lại cấm không cho vác mặt về cái nhà này, nếu không muốn bị treo cổ như con gái.

Hoảng quá, bác ta chuồn ra căn phòng khách lát gỗ sồi; James vẫn ngồi đó; thấy chai rượu đã cạn khô, anh ta sai bác Horrocks đi lấy một chai rum khác và mấy cái cốc sạch, hai bố con ông thầy tu ngồi uống rượu, ra lệnh cho bác Horrocks trả lại chìa khoá rồi cút đi nơi khác

mà ở, không được thò mặt về đây nữa.

Bác Horrocks mất hết tinh thần, vội giao trả chìa khoá; đêm hôm ấy, bác và cô con gái len lén chuồn thẳng hết hy vọng trở lại trai Crawley Bà chúa.

CHƯƠNG XL
REBECCA ĐƯỢC GIA ĐÌNH NHÀ CHỒNG CÔNG NHẬN

Được tin bố hấp hối, ông con cả vội trở về trại Crawley Bà chúa và từ lúc đó có thể coi như anh ta nắm mọi quyền hành trong trại Crawley. Lão nam tước già còn sống dai dẳng thêm mấy tháng nữa, nhưng không hoàn toàn tỉnh táo, cũng chỉ ú ớ không nói được thành tiếng rõ ràng; anh con trai phải lo quản lý công việc trong trại. Pitt thấy tình hình làm ăn trong trại không ra sao. Lão Pitt già có thói hay mua bán cầm cố luôn luôn; lão có tới hai chục người cộng sự, người nào cũng có chuyện xích mích với lão; lão cãi nhau với tá điền phát đơn kiện họ, kiện cả thầy kiện, kiện cả Công ty hầm mỏ mà lão có cổ phần, kiện tất cả mọi người có việc làm ăn chung với lão. Gỡ cho xong mớ bòng bong ấy để dựng lại cơ nghiệp cũ thật là một công việc xứng với tài năng của viên nguyên đại diện ngoại giao tại tiểu triều đình Pumpernickel, con người hết sức ngăn lắp và kiên nhẫn; anh ta cần cù bắt tay ngay vào việc. Dĩ nhiên cả gia đình Pitt di chuyển về trại Crawley Bà chúa, và dĩ nhiên Southdown phu nhân cũng về theo. Bà này rắp tâm cải tạo một lũ thầy tu không chính thức, khiến cho bà Bute tức nổ đom đóm mắt. May thay lão Pitt chưa bán lại

quyền thừa kế cai quản nhà thờ. Southdown phu nhân định bụng bao giờ lão mục sư chết sẽ đưa một người tay chân vào thay thế. Nhà ngoại giao Pitt không tỏ ý kiến gì về việc này.

Bà Bute chỉ doạ già cô Betsy Horrocks thôi, chứ không làm thật. Sau khi chuồn khỏi trại Crawley Bà chúa, bác Horrocks mở một quán rượu trong làng gọi là "quán huy hiệu Crawley"; trước bác đã thuê lại của cụ Pitt. Viên cựu quan lý bây giờ có cả một cái ấp riêng và từ nay bác có quyền bầu cử đại diện thị trấn. Cử tri thứ hai là ông mục sư cùng bốn người nữa, họ trở thành toàn bộ cử tri có quyền bầu hai đại biểu cho trại Crawley Bà chúa.

Đám phụ nữ bên trại và bên nhà thờ đối đãi với nhau rất lịch sự, đúng hơn là giữa mấy cô thiếu nữ và người đàn bà trẻ tuổi, vì bà Bute và bà Southdown hễ gặp nhau là y như có chuyện cãi cọ; dần dần hai người không nhìn mặt nhau nữa. Mỗi khi mấy mẹ con bà Bute sang trại chơi là bà tước phu nhân đóng kín của ngồi trong phòng. Có lẽ Pitt không lấy làm buồn lắm về chuyện thỉnh thoảng bà mẹ vợ lại đi vắng ít lâu. Theo ý anh ta, dòng họ Binkie vẫn là một dòng họ nổi tiếng đáng được trọng vọng nhất nước Anh vì đức tính khôn ngoan. Từ lâu bà cô anh và bá tước phu nhân vẫn có uy tín đối với anh.

Nhưng đôi khi anh ta cũng thấy bà mẹ vợ đàn áp mình hơi quá. Được coi là còn trẻ, kể cũng thú đấy, nhưng bốn mươi sáu tuổi đầu mà cứ bị coi là trẻ con thì cũng hơi nhục. Đối với mẹ, thế nào công nương Jane cũng nhịn được; cô ta chỉ chăm chút nâng niu mấy đứa con… May quá, Southdown phu nhân còn bận bù đầu suốt ngày, nào họp với các linh mục, nào viết thư cho các nhà truyền giáo ở khắp các châu Phi, châu Á, châu Úc, v.v… không có thì giờ nhớ tới cháu gái là cô Matilda và thằng cháu trai là cậu Pitt Crawley. Thằng bé này gầy còm, Southdown phu nhân phải cho nó uống thật nhiều thuốc calomen, nó mới sống.

Cụ Pitt bây giờ sống ngay trong gian phòng, nơi trước kia Crawley phu nhân đã từ giã cõi trần; lão được chị Hester mới vào làm săn sóc chu đáo lắm. Ai mà yêu thương, trung thành, chăm nom chủ đến nơi đến chốn bằng một người làm được trả tiền công hậu hĩ. Họ trải giường, sắc thuốc, nửa đêm không quản thức dậy, nghe người ốm rên rỉ không hề sốt ruột; ngoài trời nắng đẹp, mặc, họ không hề nghĩ đến chuyện bỏ đi chơi; họ ngủ trong ghế bành, lủi thủi ăn cơm một mình; suốt những buổi tối dài đằng đẵng, họ ngồi yên theo dõi những cục than trong lò sưởi làm sôi âm ỉ siêu thuốc của người ốm. Suốt tuần lễ họ chỉ ngồi đọc báo; quanh năm chỉ biết đến

máy tác phẩm văn học như "*Tiếng gọi thiêng liêng*" hay *"Nhiệm vụ của con người*". Thế mà chúng ta còn mắng mỏ họ, chỉ vì bố mẹ họ hằng tuần đến thăm con và nhận quà dấm dúi của con là một lọ rượu giấu trong bọc quần áo. Thưa các bà, thử hỏi có người đàn ông nào yêu vợ đến mức săn sóc được hàng năm ròng như thế không? Vậy mà chỉ mất có mười đồng tiền công ba tháng ta đã cho là quá đắt. Pitt Crawley chỉ mất có một nửa số tiền ấy để trả công cô Hester hầu hạ bố mình, thế mà anh ta đã kêu ầm lên là tốn rồi.

Hôm nào nắng ráo, lão nam tước được ngồi trong ghế có bánh xe đẩy ra ngoài sân… chính là chiếc ghế lăn bà Crawley đã có lần dùng ở Brighton. Người ta mang nó về trại Crawley Bà chúa cùng một ít đồ dùng của Southdown phu nhân. Công nương Jane bao giờ cũng đi kèm bên lão, lão cũng có vẻ mến con dâu nhất nhà. Cứ trông thấy con dâu, lão lại gật gật đầu, mỉm cười; cô ta bỏ đi thì lão lại thốt ra những tiếng kêu van lơn ú ớ. Con dâu ra khỏi phòng, đóng cửa lại, lão ngồi thút thít khóc một mình… Lúc bà chủ có mặt, chị Hester nói với ông cụ chủ thật ngọt ngào, dịu dàng; bà chủ vừa ra khỏi, chị ta đổi ngay thái độ, cau mày nhìn lão già, giơ nắm tay ra doạ, và quát: "Im cái mồm, con khỉ già", rồi xoay cái ghế không cho lão nhìn vào ngọn lửa trong lò sưởi nữa;

lão lại càng khóc khoẻ. Sau hơn bảy mươi năm trời mưu mẹo, vật lộn, rượu chè, tội lỗi, vơ vét, chỉ còn lại một lão già ngơ ngẩn, suốt ngày rền rĩ khóc lóc, ăn nằm tắm rửa đều phải có người giúp như một đứa trẻ con.

Cuối cùng, cái ngày lão không còn cần ai phải hầu hạ nó đã đến. Một buổi sớm, Pitt Crawley đang ngồi kiểm soát sổ chi tiêu trong phòng thì có tiếng gõ cửa, rồi thấy Hester bước vào, cúi rạp xuống chào, nói:

- Thưa tôn ông, cụ Pitt… cụ Pitt mất sớm nay rồi, thưa tôn ông Pitt, con đang nướng bánh cho cụ, để cụ ăn cháo, thưa tôn ông Pitt, cụ vẫn quen dùng bữa sáng vào hồi sáu giờ, thưa tôn ông Pitt, cụ Pitt; thế rồi… Con thấy như có tiếng rên, và… và…

Chị ta lại cúi rạp xuống chào một lần nữa.

Vì sao bộ mặt vốn tai tái của Pitt lại bỗng đỏ tía lên? Phải chăng vì anh ta thế là trở thành tôn ông Pitt, chiếm một ghế trong quốc hội và có lẽ còn biết bao nhiêu vinh dự khác sau này? "Bây giờ mình mới có thể thanh toán cho xong hết nợ nần bằng tiền mặt, để khôi phục lại việc làm ăn trong trại" – Pitt nghĩ thầm. Anh ta tính nhẩm rất nhanh các món chi tiêu sẽ phải được hưởng gia tài của bà cô ra tiêu, vì sợ nhỡ lão Pitt khỏi bệnh, thì chẳng hoá ra đem đổ của xuống sông xuống bể hay sao?

Cả bên trại và bên nhà thờ cửa sổ đều đóng kín mít, chuông nhà thờ đổ hồi, cửa nhà thờ căng vải đen báo tang. Bute Crawley không đi xem đua xe ngựa, lão chỉ thản nhiên đi chén một bữa ở Fuddleston với bạn, vừa uống rượu vừa bàn tán về cái chết của ông anh và về tôn ông Pitt con. Cô Betsy đã lấy chồng là một bác thợ đóng yên ngựa; nghe tin, cô cũng khóc lóc thảm thiết. Viên thầy thuốc của gia đình vội cưỡi ngựa đến chia buồn và hỏi thăm sức khoẻ của các bà các cô trong nhà. Khắp Mudbury, và ở quán rượu "Huy hiệu Crawley" ai cũng bàn tán về cái chết này; lão mục sư đã làm lành với bác chủ quán, vì thỉnh thoảng thấy ông ta cũng vào hàng uống chơi một cốc bia.

Công nương Jane hỏi chồng, bây giờ tức là tôn ông Pitt:

- Để em viết thư cho chú ấy… hay là mình viết?

Pittt đáp:

- Dĩ nhiên, phải gọi chú ấy về dự lễ mai táng chứ, cho nó phải đạo. Công nương lên rụt rè tiếp:

- Thế còn… còn thím Rawdon?

Southdown phu nhân nói:

- Jane! Sao cô lại nghĩ chuyện vớ vẩn thế?

Pitt cương quyết đáp:

- Dĩ nhiên phải mời cả thím Rawdon.

Southdown phu nhân phản đối:

- Còn mặt tôi ở đây, không thế được.

Pitt đáp:

- Mong phu nhân nhớ cho rằng trong nhà này tôi là chủ. Jane, mình viết ngay hộ tôi một lá thư gửi thím Rawdon Crawley, mời về dự tang lễ.

Bà bá tước quát lên:

- Jane, tôi cấm cô viết đấy.

Pitt nhắc lại:

- Hình như tôi là chủ nhà này thì phải. Dầu có xảy ra chuyện đáng tiếc, vì vậy mà phu nhân phải rời khỏi gia đình này, tôi cũng đành cứ phải làm cho đầy đủ nhiệm vụ.

Southdown phu nhân đứng phăng ngay dậy kiêu hãnh y như là bà Siddons trong vai Macbeth phu nhân, ra lệnh người hầu lập tức thắng ngựa vào xe. Nếu bà bị con rể và con gái đuổi đi, bà sẽ tìm một nơi vắng vẻ để quên nỗi buồn và cầu nguyện cho họ nghĩ lại.

Công nương Jane, giọng van lơn, rụt rè nói với mẹ:

- Chúng con có đuổi má đi đâu, má.

- Cô mời khách khứa như thế đến nhà, thì người ngoan đạo nào mà muốn giáp mặt cơ chứ. Sáng mai, tôi đi.

- Jane, yêu cầu mình viết theo lời tôi đọc đây.

Đoạn Pitt đứng lên, điệu bộ quyền thế, trông y như trong tranh ở phòng triển lãm, anh ta bắt đầu đọc:

"*Trại Crawley Bà chúa, ngày 14 tháng chín, năm 1822...*

Chú thân mến...".

Thật là những tiếng quyết định ghê gớm. Macbeth phu nhân còn đang ngần ngừ đứng chờ xem con rể có ý nhượng bộ hay không, không thấy, lập tức đứng phắt lên, mắt gườm gườm bước ra khỏi phòng. Công nương Jane ngước nhìn chồng, có ý xin chồng cho mình theo ra khuyên giải mẹ, nhưng Pitt bắt vợ ngồi yên.

- Bà cụ không bỏ đi đâu mà sợ. Bà cụ cho thuê lại ngôi nhà ở Brighton và đã tiêu hết sáu tháng tiền nhà rồi. Bá tước phu nhân mà trọ khách sạn thì còn ra thể thống gì. Tôi chờ từ lâu lắm mới có dịp này mình ạ. Mình cũng thấy đấy, trong một nhà không thể có hai người cùng làm chủ, bây giờ ta trở lại bức thư:

- Chú thân mến, tin buồn mà tôi có nhiệm vụ loan báo cho mọi người trong gia đình rõ đây, hẳn chú cũng chờ đợi từ lâu..v.v..".

Tóm lại, nhờ may mắn, hoặc theo ý Pitt là do trời đền công, nên anh ta đã trở thành chủ nhân tất cả tài sản xưa nay mọi người trong gia đình vẫn khao khát; anh ta định tâm đối xử tử tế với bà con trong họ và gây dựng lại cơ nghiệp trại Crawley Bà chúa. Cứ nghĩ rằng mình là ông chủ mà sướng quá. Anh ta tin rằng nhờ tài năng, nhờ địa vị, mình sẽ mau có thế lực trong quận; anh ta sẽ dựa vào đó mà gây dựng cho em trai và các em họ tử tế, cũng có lẽ vì Pitt hơi hối hận khi nghĩ rằng mình nắm trong tay tất cả mọi thứ các em vẫn hy vọng được hưởng. Mới nắm quyền hành được có ba bốn ngày, mà thái độ anh ta đổi hẳn: kế hoạch đã vạch ra sẵn sàng. Pitt quyết định đối đãi công bằng, vô tư với mọi người, chấm dứt sự thống trị của Southdown phu nhân, và ăn ở thực tốt với bà con họ hàng.

Thế là anh ta bảo vợ viết gửi cho Rawdon một lá thư trịnh trọng, đầy những lời lẽ sâu sắc, tràng giang đại hải; cô thư ký mộc mạc viết theo lời chồng đọc phục quá, nghĩ thầm: "Được vào Hạ nghị viện, chắc anh ấy là một tay đại hùng biện (đêm đêm nằm với nhau trên giường, thỉnh thoảng Pitt vẫn thủ thỉ với vợ về chuyện này, cũng

như về thói ngược ngạo của Southdown phu nhân); chồng mình khôn ngoan, tốt bụng quá; thật là một thiên tài! Kể ra anh có hơi lạnh lùng nhưng con người thật tốt bụng và thật là thiên tài!" Thực ra Pitt Crawley đã thuộc lòng từng chữ trong lá thư trước khi đọc cho vợ viết, anh ta đã kín đáo nghiền ngẫm cân nhắc kỹ càng kỳ thật hoàn hảo, đúng kiểu các nhà ngoại giao, trước khi có dịp thuận tiện để đọc cho vợ nghe mà ngạc nhiên.

Pitt Crawley lập tức gửi lá thư báo tang có viền đen to tướng và có đóng dấu cho em trai ở Luân Đôn. Nhận được thư. Rawdon Crawley không được vui vẻ lắm. Anh ta tính toán: "Về cái nhà phải gió ấy làm gì? Cơm xong phải ngồi một mình với Pitt thì chịu sao nổi, mà tiền thuê ngựa khứ hồi cũng tốn đến hai mươi đồng bảng".

Rawdon mang thư cho vợ xem, cùng với cốc sôcôla là cái món mà sáng sáng anh vẫn chuẩn bị rồi bưng lên cho vợ. Bất kỳ khi nào gặp khó khăn anh cũng tìm vợ để vấn kế. Lúc này Becky vẫn nằm trong phòng ngủ trên gác. Rawdon đặt khay sôcôla và lá thư trên mặt bàn trang điểm. Becky đang đứng bên cạnh bàn gỡ món tóc vàng óng. Đọc xong là thư viền đen, cô ta nhảy từ trên gác xuống đất, múa tít lá thư trên đầu, kêu ầm lên: "Hoan hô!".

Rawdon thấy vợ nhảy cỡn lên trong bộ áo ngủ bằng

dạ dài lượt thượt, tóc tung rã rượi, lạ lắm hỏi:

- Hoan hô? Ông lão có chia cho mình tí gì đâu. Hồi mới đến tuổi thành niên tôi đã lãnh phần gia tài của tôi rồi.

Becky đáp:

- Anh sẽ không bao giờ đến tuổi thành niên, khỉ lắm. Chạy mau lên hiệu bà Brunoy hộ một tý! Em phải may một cái áo tang mới được; còn anh cũng phải kiếm một cái băng đen gài vào mũ và một cái áo đen nữa… hình như anh chưa có thì phải. Bảo thợ may ngay sáng mai phải xong, thứ năm ta về.

Rawdon hỏi:

- Thế nào, định về thật à?

- Lại chẳng thật thì dối ư? Như thế nghĩa là sang năm công nương Jane sẽ đưa em vào chầu trong triều; nghĩa là ông anh trai sẽ lo cho anh một chân nghị sĩ quốc hội con khỉ già ạ. Cũng có nghĩa là hai anh em nhà anh sẽ ủng hộ hầu tước Steyne, nghe chưa, anh nỡm; và anh sẽ trở thành bí thư của phó vương Ai len hoặc quan thống đốc ở Tây Ấn Độ, hoặc chủ kho bạc, hoặc lãnh sự, đại khái như thế.

Rawdon càu nhàu:

- Hãy cứ biết tốn khối tiền xe pháo trước mắt đã.

- Sao chúng mình không mượn xe của gia đình Southdown, họ phải đến đưa đám chứ, có họ với nhau cơ mà. Nhưng mà thôi… em nghĩ nên đi xe khách thì dễ coi hơn. Trông có vẻ xuềnh xoàng…

Viên trung tá hỏi vợ:

- Cho cả thằng Rawdy về chứ?

- Cho nó về làm gì, tốn tiền xe vô ích. Nó lớn rồi, không ngồi kèm được đâu. Cứ để nó ở đây. Bà Briggs sẽ may cho nó một cái áo đen để trở. Thôi đi đi, nhớ làm đúng lời em dặn nhé. Anh nên bảo qua thằng Sparks, thằng hầu nhà ta ấy, rằng cụ Pitt vừa mất, anh về lo liệu tang ma xong, sẽ có một món tiền lớn. Nó sẽ kháo với bác Raggles, bác ta đang thúc tiền mình, chắc sẽ yên tâm.

Đoạn Becky bắt đầu nhấm nháp cốc sôcôla.

Tối hôm ấy, vị hầu tước Steyne trung thành đến chơi, lão thấy Becky và người tỳ nữ – chẳng phải ai xa lạ, chính là bà Briggs – đang túi bụi lên mà cắt, mà khâu, mà tháo chỉ, mà xé đủ mọi thứ vải đen dùng may áo tang.

Rebecca nói:

- Ông bố chồng em vừa mất. bà Briggs với em đang đứt từng khúc ruột đây. Thưa ngài, tôn ông Pitt Crawley không còn nữa. Sớm nay, chúng em đã xé đầu, bứt tóc rồi, bây giờ còn cái quần áo cũ nào chúng em lại xé nốt để may tang phục đây.

- Kìa, sao bà lại ăn nói… – Bà Briggs ngẩng đầu nhìn, chỉ nói được có thế. Lão hầu tước nhại lại:

- "Kìa, sao bà lại ăn nói…". Vậy ra cái lão xỏ lá ấy ngoẻo rồi hả? Nếu khôn ngoan hơn một chút, lão có hy vọng được phong tước "đại quan" cơ đấy. Pitt đã cố gắng để lái lão ta đến mục tiêu ấy, song lão lại làm hỏng việc. Lão thật là một cái hũ rượu không đáy, nhỉ?

Rebecca đáp:

- Suýt nữa em phải là goá phụ của cái hũ rượu ấy đấy. Bà Briggs còn nhớ không? Cái lần bà nhòm qua lỗ khoá, thấy lão quỳ mọp trước mặt tôi ấy mà.

Nhắc đến chuyện cũ, bà Briggs đỏ tía mặt lên vì ngượng. May quá, hầu tước Steyne sai bà xuống nhà lấy một cái chén trà.

Bà Briggs chính là con chó giữ nhà Rebecca nuôi để canh giữ sự trong trắng và tiếng tăm của mình. Bà Crawley có cho bà này ít tiền trợ cấp. Bà Briggs cũng muốn ở lại trong gia đình Crawley với công nương Jane,

cô ta đối xử với mọi người rất tốt; nhưng Southdown phu nhân khéo léo tìm cớ đuổi bà đi. Pitt không phản đối hành động tàn nhẫn của mẹ vợ; anh ta thấy chẳng qua trong mấy chục năm trời bà Briggs cũng chỉ là một người đầy tớ trung thành, được bà Crawley cho nhiều tiền là thiệt thòi cho anh ta.

Lĩnh xong phần gia tài của mình, bác Bowls và bà Firkin cũng được mời đi nơi khác. Hai người lấy nhau, mở một quán trọ, đúng phong tục của giới gia nhân.

Bà Briggs định về quê sống với gia đình, nhưng không chịu được, vì bà sống với những người sang trọng quen rồi. Họ hàng của bà Briggs, vốn là người bán hàng vặt ở một thị trấn miền quê, bắt đầu kèn cựa nhau về số tiền bốn mươi đồng trợ cấp đồng niên của bà, còn gay go trắng trợn hơn cả họ hàng bà Crawley tranh nhau cướp nhau gia tài của bà này. Em trai bà Briggs là một bác thợ mũ và bán tạp hoá có tư tưởng tiến bộ kết án bà là một mụ quý tộc hợm của, chỉ vì bà không chịu cấp cho anh ta một ít tiền để mở mang cửa hiệu. Lẽ ra bà cũng không tiếc nếu không có cô em lấy chồng, là vợ một bác thợ giầy không theo tôn giáo chính thống vẫn xích mích với ông anh thợ mũ vì hai người đi lễ hai nhà thờ khác nhau; cô này tố cáo với bà là anh trai sắp phá sản, và một dạo cô cũng đã định nẫng món tiền của bà. Bác thợ giầy

muốn bà Briggs nuôi con trai mình ăn học cho nó trở thành một người thượng lưu. Bà chia cho hai gia đình nhà này một ít tiền rồi trốn sang Luân Đôn và bị các em nguyền rủa thậm tệ. Thấy đời sống tự do tốn kém quá, bà quyết định lại trở về cuộc sống đời nô lệ vậy. Bà đăng báo trên mục rao vặt thế này: "Phụ nữ đứng đắn, lịch sự, quen thuộc với phong tục trong các gia đình thượng lưu, đang cần… v.v…" rồi đến ở chung với bác Bowls ở phố *Nửa Vầng Trăng* chờ kết quả.

Thế là bà về ở với Rebecca. Một hôm bà Briggs đến toà báo "Thời báo" ở khu City để đăng quảng cáo xin việc làm lần thứ sáu, vừa đi bộ về đến cửa nhà bác Bowls, người mệt lả, thì gặp bà Rawdon ngồi xe song mã phóng qua phố. Rebecca tự mình đánh xe, nhận ra "người phụ nữ đứng đắn lịch sự" mình vẫn có cảm tình, cô ta lập tức kìm ngựa lại, vứt dây cương cho thằng hầu, nhảy xuống đất.

Bà này đột nhiên gặp lại bạn cũ còn đang bàng hoàng cả người chưa kịp định thần lại thì cô đã nắm chặt lấy cả hai bàn tay bà.

Bà Briggs khóc, Becky thì cười phá lên; vừa vào đến nhà, Becky ôm ngay lấy bà ta mà hôn. Hai người bước vào phòng bác Bowls; riềm cửa toàn bằng vải nhung kẻ đỏ; một tấm gương tròn to treo trên tường, mé trên có

hình một con chim diều hâu bị xích chân hướng ra phía cửa sổ có chiếc biển đề: "Phòng cho thuê".

Bà Briggs kể lại đầu đuôi chuyện mình giữa những tiếng nức nở và những tiếng nghẹn ngào không cần thiết, đúng kiểu người đàn bà đa cảm khi gặp lại bạn cũ hoặc nhìn thấy người quen qua đường. Lắm người ngày ngày vẫn gặp nhau mà cứ làm như xa cách hàng năm. Đàn bà dù ghét nhau như đào đất đổ đi, nhưng hễ gặp nhau là y như khóc, rồi than thở mãi về chuyện xích mích đã qua.

Tóm lại, bà Briggs dốc hết bầu tâm sự, rồi đến lượt Becky cũng kể lại với đời mình, vẫn với cái giọng ngây thơ, mộc mạc mọi khi.

Bác Bowls gái, là bà Firkin, mò vào lắng nghe hai người sụt sùi với nhau trong phòng khách. Xưa nay bác vẫn ghét Rebecca. Từ hồi hai vợ chồng mở quán trọ ở Luân Đôn họ vẫn đi lại với bác Raggles là bạn cũ; bác này đem chuyện vợ chồng viên trung tá ra kể, họ gạt đi không nghe. Bác Bowls nói: "Tôi chả bao giờ tin hắn ta, bác Raggles ạ". Ra khỏi phòng khách, bà Rawdon chào bác Bowls gái, bác này mỉa mai cúi đầu đáp lại. Bà Rawdon nhất định đòi bắt tay người hầu cũ; bác Bowls gái chìa ra mấy ngón tay cứng đờ như những khúc xúc xích. Rebecca mỉm cười thật tươi, gật đầu chào bà Briggs rồi phóng xe đi Piccadilly; bà này cứ đứng bên

chiếc biển quảng cao cho thuê phòng mà nhìn theo gật gật cái đầu mãi; một lúc sau, đã thấy Rebecca ở công viên, có một lũ công tử bột lỏng buông tay khấu sau xe rồi.

Nắm được hoàn cảnh của bà bạn, lại biết bà này có món trợ cấp kha khá của bà Crawley, nên không lo phải trả tiền công. Becky lập tức tính chuyện mướn bà Briggs ở không công cho mình. Thật là một người tỳ nữ rất thích hợp. Cô ta bèn mời bà Briggs đến ăn cơm ngay tối hôm ấy, nhân tiện giới thiệu thằng cháu yêu Rawdy một thể.

Bác Bowls gái ngăn bạn chớ có chui vào hang hùm, "bác vào *nơi ấy* rồi thì hối không kịp đâu. Nếu sai, cứ đem đầu tôi ra mà chặt". Bà Briggs hứa sẽ thận trọng. Kết quả là tuần lễ sau, bà ta dọn đến ở với vợ chồng Rawdon, và chưa đầy sáu tháng đã cho Rawdon Crawley vay tất cả sáu trăm đồng trích trong số tiền trợ cấp hằng năm của mình rồi.

CHƯƠNG XLI
BÊCKY VỀ THĂM NHÀ CHỒNG

Áo tang may đầy đủ, vợ chồng trung tá Rawdon báo cho Pitt Crawley biết tin họ sẽ về dự lễ mai táng, rồi thuê hai chỗ ngồi trên chiếc xe ngựa "High-flyer"; lại đúng là chiếc xe ngựa đã đưa Rebecca cùng đi với lão nam tước già đã quá cố đến trại chín năm về trước.

Cô ta còn nhớ như in cái sân trạm thay ngựa, cả thằng bồi ngựa không được cô đãi tiền uống nước, và cái anh chàng sinh viên Cambridge khéo tán đã lấy áo ủ cho cô suốt dọc đường. Rawdon ngồi bên ngoài định giong cương, nhưng thấy không tiện vì đang có đại tang. Anh ta ngồi cạnh bác xà ích, luôn miệng tán chuyện ngựa nghẽo, chuyện đường sá suốt chuyến đi, những là hồi anh ta và Pitt còn nhỏ học ở trường trung học Eton, ai coi trạm đổi ngựa, ai đóng ngựa vào xe… đến Mudbury, thấy có một chiếc xe ngựa riêng đón sẵn với một bác xà ích mặc tang phục. Rebecca chen vào nói:

- Vẫn chiếc xe cũ, anh Rawdon ạ. Nhậy cắn hết cả đệm rồi… chỗ này là cụ Pitt làm bẩn… ông Dawson hàng sắt kéo kín rèm cửa… cụ Pitt gắt cứ ngậu lên. Lần ấy chính vì ông lão đánh vỡ chai rượu mà chúng em phải đi Southampton kiếm một chai khác cho bà cô.

Thấm thoắt thế mà chóng thật! Cái cô bé đứng cạnh mẹ trong nhà kia, chắc là Polly Talboys. Em còn nhớ hồi bé cô ta ghẻ lở vẫn xới cỏ trong vườn.

-"Con bé xinh quá" – Rawdon vừa nói vừa giơ hai ngón tay đặt vào cái băng tang trên mũ để đáp lại lời chào của hai mẹ con cô bé.

Becky cúi chào đáp lại người này người khác, rất nhã nhặn. Nhận ra họ cô thích lắm. Cô cảm thấy mình không phải là con cái trong nhà về thăm lại nơi quê cha đất tổ. Trái lại Rawdon có ý ngượng và không được vui. Không biết vì nhớ lại những ngày còn bé bỏng ngây thơ hay vì tưởng tới cách ăn ở trước kia của mình mà anh ta thấy xấu hổ? Rebecca nói:

- Hai cô em bây giờ lớn lắm rồi nhỉ?

Có lẽ đây là lần đầu tiên Rebecca nhớ đến mấy cô học trò cũ.

Viên trung tá đáp:

- Ai biết được. Ê, ê! Mụ Lock kia kìa. Thế nào, mạnh khoẻ chứ, bà Lock? Còn nhớ tôi không? Cậu Rawdon hả? Bỏ mẹ thật, mấy mụ già sống dai quá, hồi mình còn bé, mụ đã một trăm tuổi rồi.

Hai vợ chồng bước vào cổng trại, Rebecca nhất định đòi bắt tay bà cụ Lock vẫn ngồi cạnh cổng. Bà lão mở

toang hai cánh cổng sắt rít lên ken két, chiếc xe ngựa lăn giữa hai cái cột cũng đầy rêu, trên có đắp hình con rắn và con bồ câu.

- Đốn mất vô số gỗ rồi.

Rawdon nhìn quanh nói vậy, rồi lại yên lặng… Becky cũng không nói gì. Nghĩ đến quá khứ, cả hai cùng bị xúc động mạnh.

Anh chồng nhớ đến trường học hơn, nhớ đến mẹ, một người đàn bà kín đáo lạnh lùng, nhớ đến cô em gái đã chết mà anh ta rất quý; anh ta lại nhớ cả xưa kia nhiều lần bắt nạt Pitt, nhớ thằng Rawdy bỏ lại ở nhà. Rebecca thì nhớ lại tuổi trẻ của mình, nhớ những chuyện bí mật tối tăm trong thời gian mình hư hỏng quá sớm; nhớ cả ngày mình bước vào cuộc đời qua cái cổng này, nhớ bà Pinkerton, Joe và Amelia.

Con đường rải cuội và mảnh sân trước nhà đã được cạo rửa sạch sẽ. Trên cửa chính, đã thấy treo một tấm huy hiệu lớn. Lúc xe dừng lại trước thềm nhà, hai người gia nhân cao lớn bận áo tang màu đen mở rộng hai cánh cửa. Hai vợ chồng khoác tay nhau đi qua gian phòng lớn; mặt Rawdon đỏ bừng, mặt Rebecca thì hơi tái đi. Lúc bước vào gian phòng khách lát gỗ sồi, cô ta bấm vào cánh tay chồng; Pitt và vợ đang chờ tiếp họ. Pitt mặc áo đen, công nương Jane cũng được mặc áo đen;

Southdown phu nhân đính trên mũ một túm lông chim màu đen to tướng, cứ phất phơ trên đầu như túm lông trên nóc xe tang. Pitt đoán đúng, bà bá tước không dám bỏ đi thật. Bà chỉ giữ một thái độ lạnh lùng trịnh trọng khi ngồi cùng Pitt và cô vợ bướng bỉnh của anh ta, còn bọn trẻ con thấy cái vẻ mặt khủng khiếp của bà thì sợ thất đảm. Chỉ thấy cái túm lông trên mũ khẽ đụng đậy đón chào hai vợ chồng Rawdon, hai đứa con hư trở về với gia đình.

Nói cho đúng ra hai vợ chồng Rawdon cũng chẳng để ý gì cái thái độ lạnh nhạt của bà. Trước mắt họ, phu nhân chỉ đóng một vai trò rất phụ… họ chú ý hơn đến sự tiếp đón của vợ chồng ông anh trai là những người đang nắm quyền hành trong nhà.

Pitt mặt hơi đỏ bước tới bắt tay em trai, vẫy tay rồi cúi rạp xuống chào Rebecca. Công nương Jane nắm lấy cả hai tay cô em dâu rồi ôm hôn thân mật lắm. Tuy vậy cô bé xảo quyệt của chúng ta cũng rơm rớm nước mắt… chúng ta đã biết rất ít khi cô dùng đến vật trang sức này. Thấy cử chỉ mộc mạc của lòng tin yêu, cô có ý cảm động, vui vui. Rawdon thấy chị dâu thân mật cũng đánh bạo vén bộ ria mép xin phép được hôn công nương Jane một cái làm cho người chị dâu đỏ ra cả mặt lên. Lúc chỉ còn hai vợ chồng với nhau, Rawdon bảo vợ:

- Công nương Jane trông xinh tuyệt. Pitt dạo này phát phì, công việc làm ăn có vẻ khấm khá đấy chứ.

Rebecca đồng ý với chồng:

- Bác ấy có điều kiện. lắm, bà mẹ vợ nom như con ma lem. Hai cô em anh cũng xinh xắn đáo để.

Hai cô này cũng xin phép nghỉ học để về chịu tang bố. Hình như tôn ông Pitt Crawley quan tâm đến uy thế của gia đình nên muốn tập trung càng nhiều người mặc màu đen càng hay. Hết thảy đầy tớ trai gái trong nhà, các bà già trong trại làm phúc – lão già vừa chết đã ăn bớt vô khối tiền trợ cấp của họ – gia đình lão mục sư, những người trương đất của trại, tất cả đều mặc đồ đen; cộng vào đó, còn bọn phu đòn đám ma, khoảng hai chục người, cũng đeo băng tang; phường đám trông cũng long trọng vui mắt ra trò… Nhưng đó là những nhân vật phụ, không cần mô tả dài lời làm gì.

Đối với hai cô em chồng, Rebecca không làm ra mặt quên mình xưa kia chỉ là cô giáo dạy tư, cô ta thẳng thắn nhắc lại chuyện cũ, nghiêm trang hỏi thăm việc học hành, lại nói thêm rằng nhiều bận nhớ đến các em, chỉ mong sao các em sung sướng là mừng. Nghe vậy người ta tưởng đâu rằng cô ta chưa bao giờ quên hai cô bé, và chỉ cầu mong cho các em được hưởng hạnh phúc. Crawley phu nhân và hai cô em chồng cũng yên trí như

vậy.

Cô Rosalind và cô Violet đứng bày bàn ăn, bảo nhau: "Tám năm rồi mà trông chị ấy chẳng thay đổi mấy nhỉ? Những người đàn bà tóc màu hung nom xinh lạ. "

Cô Rosalind tiếp:

- Tóc chị ấy xám hơn trước, chắc chị ấy nhuộm. Người có hơi đẫy ra, thế mà trông lại càng ưa nhìn cơ đấy.

Chả là chính cô Rosalind cũng đang hơi đẫy người ra.

Được cái chị ấy không làm bộ làm tịch, vẫn còn nhớ xưa kia chỉ là cô giáo dạy chúng mình học.

Cô Violet nói vậy, ngụ ý rằng các cô giáo dạy trẻ cũng nên biết phận mình một tý. Cô quên khuấy rằng tuy cô là cháu nội tôn ông Walpole Crawley thật, nhưng ông ngoại cô chỉ là ông Dawson buôn bán ở Mudbury; ví phỏng có huy hiệu nên vẽ thêm một cái xẻng xúc than vào thì cũng hợp cảnh. Trong *Hội chợ phù hoa*, ta luôn gặp vô khối người đứng đắn có thói dễ quên như vậy đấy.

- Thế mà mấy cô bên nhà thờ cứ bảo rằng mẹ đẻ ra chị ấy là vũ nữ Opera, chắc họ nói láo.

Rosalind đáp rất phóng khoáng:

- Ở đời ai chọn được cửa mà đầu thai? Chị đồng ý với anh cả rằng bây giờ chị ấy đã là người trong nhà, chúng mình nên kính trọng, cô Bute cũng nên im mồm đi thì phải. Cô ấy đang thèm gả con Kate cho thằng Hooper bán rượu, lại cứ nhất định bắt thằng kia phải đến nhà thờ để làm thầy dòng.

- Không biết Southdown phu nhân có đi ở chỗ khác không, bà ta có vẻ ghét chị Rawdon lắm.

- Bà ấy đi là may. Sao mà em ghét đọc quyển "*Người đàn bà giặt thuê ở Finchley*" thế. Cô Vaiơlơnx tiếp.

Hai chị em tránh cái hành lang dẫn tới một căn phòng, trong đặt chiếc quan tài có hai người hầu canh giữ, nến thắp sáng trưng. Hai cô đi xuống phòng ăn, chuông báo ăn vẫn réo lên như thường lệ.

Trước đó công nương Jane đã dẫn Rebecca đến phòng dành riêng cho hai vợ chồng Rawdon; cũng như mọi gian phòng khác trong nhà, từ khi Pitt nắm quyền hành, gian phòng này được trang hoàng đầy đủ tiện nghi, nom thật ngăn nắp. Công nương Jane trông nom đầy tớ khuân mấy cái hòm nhỏ bé tầm thường của bà Rawdon vào đặt cẩn thận trên giường ngủ và trong phòng trang điểm bên cạnh, rồi giúp em dâu cởi bỏ mũ và áo ngoài, lại hỏi xem cần gì thì cứ bảo.

Rebecca nói:

- Em chỉ thích được sang ngay phòng giữ trẻ để thăm mấy đứa cháu yêu thôi.

Hai người đàn bà thân mật nhìn nhau, rồi nắm tay nhau đi sang phòng giữ trẻ. Becky khen mãi con bé Matilda mới chưa đầy bốn tuổi là đứa bé kháu khỉnh đáng yêu nhất đời. Cô ta bảo thằng cháu đẹp đẽ, thông minh như thần đồng (thật ra thằng bé da tai gái, mắt sâu quầng, đầu to kếch).

Công nương Jane thở dài, đáp:

- Bà cụ tôi cứ bắt cháu nó uống nhiều thuốc quá. Tôi vẫn nghe nhiều khi không có thuốc, ta lại khoẻ mạnh hơn cũng nên.

Đoạn công nương Jane và cô bạn mới ngồi thủ thỉ với nhau về chuyện thuốc men của trẻ. Theo chỗ tôi biết, các bà mẹ cũng như hầu hết các phụ nữ ưa bàn chuyện này lắm. Năm mươi năm trước đây, hồi kẻ viết truyện này còn bé, một lần ăn xong được theo các bà sang phòng khách, còn nhớ các bà toàn nói chuyện mình đau đớn bệnh tật ra sao. Về sau, tôi có hỏi han ba người, họ đều công nhận rằng bây giờ cũng thế, chẳng có gì thay đổi hết. Yêu cầu các độc giả ngay tối nay, hãy thử nghiệm xem khi ăn xong các bà lôi nhau sang phòng

khách bàn tán những chuyện gì.Thế là Becky và công nương Jane ngồi tâm tình thân mật với nhau đến nửa giờ…

Đến tối, Jane bảo chồng rằng cô em dâu là một người đàn bà tốt nết, thẳng thắn, thực thà và đáng yêu lắm lắm.

Tranh thủ được cảm tình của cô con gái rồi, người thiếu phụ không biết mỏi mệt kia lại tiếp tục làm lành với Southdown phu nhân.

Rình lúc này ngồi một mình, Rebecca đem chuyện nuôi trẻ ra tấn công ngay; cô ta bảo rằng thằng con mình ốm suýt chết, các thầy thuốc ở Paris đành bó tay cả; thế mà chỉ nhờ cho uống thật nhiều Calomen mà khỏi bệnh. Lại kể rằng mình vẫn đến lễ nhà thờ ở khu May Fair thấy vị mục sư cai quản nhà thờ là ngài Lawrence Grills nhắc đến tên Southdown phu nhân luôn; bây giờ cuộc đời và những cảnh ngộ ngang trái khiến mình thay đổi ý kiến nhiều, chỉ mong sao cuộc sống phù hoa lầm lẫn cũ không ảnh hưởng gì đến những ý tưởng đúng đắn hơn về tương lai. Cô còn kể lại ngày trước được Pitt Crawley giảng đạo lý, vẫn lấy làm biết ơn lắm, lại nhắc khéo tới cuốn: "Người đàn bà giặt thuê ở Finchley" mà cô ta đã đọc rất ham mê, rồi hỏi thăm công nương Emily, người có tài năng thiên bẩm là tác giả cuốn sách ấy, bây giờ đã là Emyly Hornblower phu nhân, sống với

chồng ở tỉnh Cape; ông chồng đang có nhiều hy vọng trở thành giám mục vùng Caffraria.

Song cô cho rằng quan trọng nhất là phải làm thế nào dành được cảm tình của Southdown phu nhân đối với mình, vì vậy Rebecca nói rằng mình thấy rất khó ở sau việc tang lễ, muốn xin phu nhân giúp ý kiến về thuốc men. Lập tức phu nhân giúp ý kiến ngay; đêm hôm ấy bà ta còn choàng áo ngủ, nom như Macbeth phu nhân, đích thân đến phòng Rebecca, mang cho cô một tập sách và một liều thuốc do chính tay mình pha chế và bắt Rebecca phải uống ngay.

Đầu tiên Rebecca nhận tập sách, lật xem qua có vẻ hứng thú lắm; đoạn mới kéo sang câu chuyện về hạnh phúc vĩnh cửu của linh hồn, hy vọng dùng cách này để khỏi phải uống thuốc của bà Southdown. Câu chuyện về tôn giáo đã tàn, song Macbeth phu nhân nhất định bắt cô ta uống cạn cốc thuốc rồi mới chịu ra về; cô Rebecca đáng thương của chúng ta đành làm ra vẻ biết ơn nốc hết liều thuốc ngay trước mặt bà lão cương quyết. Cuối cùng, bà ta cầu chúa ban phúc cho nạn nhân của mình rồi đi ra.

Nhưng liều thuốc này chẳng làm cho Rebecca khoẻ khoắn thêm chút nào. Lúc Rawdon vào phòng, nghe kể lại câu chuyện, nhìn vẻ mặt tức cười của vợ và thấy

Becky không giấu được vẻ mặt hài hước khi nhắc lại câu chuyện với chồng, mặc dầu chính mình là nạn nhân thì anh ta lại cười hô hố lên như mọi lần. Hai vợ chồng Rawdon về Luân Đôn kể lại chuyện ấy làm cho hầu tước Steyne và anh con trai bà Southdown ôm bụng mà cười. Becky diễn lại màn kịch từ đầu đến cuối. Cô ta khoác một tấm áo ngủ, một chiếc mũ trùm, rồi lấy giọng hát thật trịnh trọng thuyết giáo một hồi về công hiệu của thứ thuốc mà lúc ấy cô giả vờ uống, hệt dáng điệu bà bá tước làm cho người xem tưởng như nghe thấy cái mũi La Mã của bà ta đang khụt khịt. Về sau trong phòng khách của Becky ở May Fair, thường nghe thấy tiếng hò: "Diễn vở Southdown phu nhân chữa bệnh đi." Từ thuở cha sinh mẹ đẻ, đây là lần đầu tiên bá tước phu nhân Southdown được đưa ra làm trò cười.

Pitt vẫn nhớ ngày trước Rebecca đối với mình rất kính nể, nên bây giờ cũng sẵn sàng đối đãi tử tế với cô ta. Việc lấy vợ tuy không được đẹp đẽ lắm, nhưng cũng có lợi cho Rawdon, vì anh chàng trở thành đứng đắn hơn trước nhiều; vả lại, Pitt cũng tán thành cuộc nhân duyên này; anh ta múa tay trong bị mỗi khi nghĩ rằng nhờ thế mà mình được hưởng gia tài của bà cô, vậy chẳng nên phàn nàn là phải. Đến khi tiếp xúc lại với Rebecca, thấy cách chuyện trò, cư xử của cô ông anh chồng càng

thêm hài lòng lắm.

Xưa nay Pitt vốn tự hào về tài ăn nói của mình, nay được Rebecca khéo léo gãi đúng chỗ ngứa, anh chàng yên trí mình có đại tài, lại càng tỏ ra ý hợp tâm đầu với em dâu. Nói chuyện với chị dâu thì Rebecca thanh minh rằng chính bà Bute đã sắp đặt để hai người lấy nhau, mà về sau bà ta lại quay ra nói xấu; chẳng qua vì bà Bute tham tiền, rắp tâm hất cẳng Rawdon để chiếm cả gia tài của bà Crawley, nên mới tìm cách bôi nhọ mình. Rebecca nói với vẻ mặt ngây thơ nhất đời:

- Bà ấy đã đạt mục đích làm chúng em phải túng thiếu thật, nhưng lẽ nào em lại oán giận người đã đưa đến cho em một người chồng tốt nhất trên đời? Vả chăng, bao hy vọng độc chiếm gia tài bà ấy hằng ấp ủ, nay đã bị sụp đổ, thế là trời đã trừng phạt cái tính biển lận ấy rồi. Rõ tội nghiệp! Chị Jane ạ. Chúng em có sợ gì túng thiếu? Từ nhỏ, em chịu túng thiếu đã quen rồi; được thấy gia tài của bà cô nay dùng để gây dựng lại cơ nghiệp huy hoàng của gia đình nhà ta, thế là em đủ mãn nguyện. Em chắc chắn rằng tôn ông Pitt biết dùng tiền vào việc đó có ích hơn là Rawdon.

Cô vợ trung thành kể lại hết với chồng. Pitt lại càng thêm quý mến Rebecca hơn trước. Mới ba ngày sau tang lễ nhân cả hai gia đình quây quần dùng cơm trưa, tôn

ông Pitt Crawley ngồi đầu bàn cắt thịt gà, đã bảo Rebecca thế này: "Ư hừm? Rebecca, thím dùng một cái bánh nhé?"

Người đàn bà nghe ông anh chồng nói năng thân mật như vậy mắt sáng lên vì sung sướng.

Trong khi Rebecca đang lo tiếp tục theo đuổi kế hoạch riêng thì Pitt Crawley lo lắng việc ma chay cùng mọi công việc liên quan đến cơ nghiệp và danh giá của mình sau này; Jane thì ganh nhau với mẹ mà bận túi bụi về con cái; mặt trời cứ mọc rồi lặn; tiếng chuông trong trại vẫn vang lên như lệ thường để báo giờ ăn hoặc cầu kinh. Trong khi ấy thi hài của ông chủ trại vừa quá cố vẫn quàn trong phòng, cùng mấy người được thuê tiền chuyên việc canh xác chết. Một hai người đàn bà, vài ba người đàn ông, toàn những tay phu chôn người có tiếng ở Southampton, thay phiên canh thi hài.

Họ mặc toàn đồ đen, dáng điệu cũng lặng lẽ đau buồn ra điều bi ai lắm; hết phiên gác, họ lại kéo nhau xuống họp mặt trong phòng quản gia để lén lút uống rượu và đánh bài.

Con cháu và đầy tớ trong nhà đều lảng xa cái phòng ảm đạm quàn thi thể của con người thuộc một dòng họ lâu đời toàn những nhà quý tộc; họ chỉ mong sớm đến ngày chôn lão vào hầm mộ của gia đình. Chẳng ai buồn

thương tiếc lão, trừ người con gái đã ấp ủ hy vọng trở thành vợ lão để chờ ngày goá chồng, thế mà lúc sắp thành bà chủ thực sự thì lại bị tống cổ ra khỏi trại; thêm một con chó già vẫn được lão tỏ ý âu yếm hồi còn sống trác táng; ngoài ra không còn ai khó làm điều gì đáng để cho người ta thương tiếc! Ví thử trong *Hội chợ phù hoa* này, có một người nào tốt nhất chết đi rồi lại có dịp về thăm cõi trần (hãy cứ cho rằng trong Hội chợ phù hoa, con người cũng có tình cảm đối với nhau đi) thấy người sống sẵn sàng quên mình như thế có lẽ họ buồn rầu lắm đấy. Và thế là chưa đầy vài tuần sau khi chết, cụ Pitt đã bị quên rồi… cũng như người tốt nhất, đúng đắn nhất trong chúng ta vậy.

Ta hãy cùng đi đưa đám cụ Pitt xem việc tang lễ tổ chức ra sao. Đúng ngày đã định, thi thể lão được đưa ra mộ; tang lễ rất long trọng, họ hàng ngồi trên xe ngựa màu đen cầm khăn tay bịt mồm, sẵn sàng khóc, nhưng sao nước mắt nhất định không chịu chảy ra cho; ông chủ đòn đám ma và bọn phu cũng làm ra bộ đau thương vô kể. Bọn tá điền đến chia buồn với ông chủ mới, xe ngựa của giới quý tộc quanh vùng chầm chậm theo sau, nhưng không có người ngồi trong. Viên mục sư cất giọng hành lễ: "Người bạn thân mến của chúng ta đã qua đời". Chừng nào còn mang thể xác con người, chúng ta

còn phải đóng cho trọn vai tuồng trong Hội chợ phù hoa; người đời tổ chức tang lễ cho ta thật long trọng, ồn ào: bó thi thể trong nhung lụa, rồi đặt lên trên mộ ta một cục đá ghi toàn những lời dối trá. Thế là hết nhiệm vụ.

Bác thầy dòng trợ lễ cho Bute là một anh chàng trẻ tuổi mới tốt nghiệp tại Đại học đường Oxford hợp sức cùng Pitt Crawley dựng một bài văn bia tán dụng công đức vị nam tước quá cố. Bác thầy trợ lễ đọc một bài thuyết giáo cổ điển, khuyên người sống chớ nên buồn khổ làm gì, và bằng những lời lẽ cực kỳ lễ độ báo cho họ biết rằng một ngày kia chính họ cũng sẽ được gọi đến để bước qua cái cổng đen tối, kỳ bí vừa đóng lại phía sau người bạn họ đang thương tiếc.

Sau đó, các bác tá điền phốc lên ngựa về nhà, hoặc ở lại chè chén với nhau trong quán "Huy hiệu Crawley". Bọn xà ích của các nhà quý tộc quanh vùng ăn cơm ở phòng đầy tớ trong trại xong cũng mỗi đứa giong xe đi một ngả. Bọn phu đám ma cũng thu dọn đồ nghề, rồi leo lên nóc linh xa, quất xe về thẳng Southampton nốt. Nét mặt họ trở lại thản nhiên ngay cũng như mấy con ngựa; xe tang vừa qua cổng, ra đến đường cái là lập tức họ cho ngựa phi nước kiệu. Rồi người ta thấy bọn người mặc áo tang ấy chen chúc nhau trong các quán rượu; trong ánh nắng những cốc rượu sáng lấp lánh trên tay

họ. Chiếc ghế lăn của cụ Pitt bị quẳng vào trong nhà kho ở góc vườn; mới đầu, con chó săn già thỉnh thoảng cũng còn rít lên vài tiếng vì nhớ chủ. Đó là những tiếng thở than duy nhất người ta nghe thấy trong trại, nơi tôn ông Pitt Crawley, nam tước, đã sáu mươi năm làm chủ.

Trong trại Crawley Bà chúa, chim chóc nhiều vô kể, với giới thượng lưu nước Anh có khuynh hướng về đường chính trị vẫn đi săn gà gô là một nhiệm vụ; vậy nên tôn ông Pitt Crawley, sau cơn đau buồn mới đầu, cũng chụp lên đầu một chiếc mũ trắng có đính băng tang để giải trí bằng cách này. Anh ta cảm thấy một niềm sung sướng ngấm ngầm khi được chính mắt ngắm những cánh đồng đầy rạ và củ cải, nay đã thuộc về mình. Thính thoảng cao hứng anh ta lại không mang súng, chỉ đem theo một cái gậy tre. Rawdon, ông em trai lực lưỡng và mấy người gác rừng đi bên cạnh hò hét. Tiền và ruộng của Pitt ảnh hưởng khá mạnh đến tính tình của ông em trai. Anh chàng trung tá không xu tỏ ra hết sức ngoan ngoãn và kính nể ông chủ gia đình không khinh bỉ "cái thằng Pitt lù đù" như trước nữa. Rawdon tán thành mọi kế hoạch trồng trọt và tháo nước của anh, góp ý kiến về việc chăn nuôi gia súc, đi ngựa đến tận Mudbury để xem hộ con ngựa cái Pitt định mua cho vợ cưỡi, lại tình nguyện luyện nó cho thuần. Anh chàng sĩ

quan ngự lâm ngỗ nghịch đã hoàn toàn bị khuất phục, trở thành một người em trai rất đáng tin cậy. Bà Briggs ở Luân Đôn luôn luôn viết thư báo tin về thằng Rawdy; thằng bé cũng viết thư cho bố thế này: "Con khoẻ mạnh lắm. Chúc ba khoẻ mạnh, má khoẻ mạnh. Con ngựa cũng khoẻ mạnh. Anh Grey đưa con ngựa đi chơi ở công viên. Con phi ngựa được rồi, gặp cả thằng bé cưỡi ngựa hôm nọ. Nó phi ngựa, rồi khóc. Con không khóc đâu. Rawdon mang lá thư đọc cho hai vợ chồng anh trai nghe, họ cũng lấy làm vui lắm. Ông bác nam tước hứa sẽ cấp tiền cho cháu vào trường học, cô vợ đưa cho Rebecca một tấm ngân phiếu nhờ mua hộ món quà gì cho thằng cháu trai.

Ngày nọ qua ngày kia, mấy người đàn bà trong gia đình chỉ giết thời giờ bằng những thứ giải trí của các bà nhà giầu xứ quê.

Nghe chuông thì đi ăn cơm hoặc cầu nguyện. Sáng sáng, điểm tâm xong, mấy cô con gái lại tập đàn dương cầm dưới sự chỉ dẫn của Rebecca. Đoạn, tất cả mọi người mang giầy thô đi bách bộ trong công viên, hoặc trong vườn cây, thỉnh thoảng lại ra quá ngoài hàng rào, đi vào làng thăm nhà nông dân đem cho những người ốm sách và thuốc của Southdown phu nhân. Southdown phu nhân hay ngồi xe một ngựa đi chơi; Rebecca ngồi

cạnh, chăm chú lắng nghe bà này nói chuyện. Tối tối, cô ta hát những bài hát của Handel và Haydn cho cả nhà nghe, rồi ngồi đan một mảnh len to tướng y như thể cô sinh ra là để đan lát và sẽ tiếp tục sống cuộc đời lặng lẽ như vậy từ nay cho tới khi chết già nằm xuống mộ, để lại bao sự tiếc thương cho mọi người… thực ra bên ngoài bức tường bao quanh trại, bao nhiêu mối lo âu, mưu mẹo, mánh khoé cũng như nợ nần và sự nghèo túng vẫn đang rình nhảy xổ lên đầu khi cô ta trở về cuộc sống của mình.

Rebecca nghĩ thầm: "Thì ra làm vợ một lão quý tộc nhà quê cũng dễ thôi. Nếu mình có món lợi tức năm nghìn đồng hằng năm, mình cũng có trở thành một người đàn bà đáng kính, mình sẽ ngồi tiêu thì giờ trong phòng nuôi trẻ hoặc đếm quả mai trên cây, mình sẽ tưới cây và nhặt lá phong lan úa, mình sẽ hỏi thăm các bà lão bị bệnh thấp khớp, hoặc mua dăm hào cháo bố thí cho người nghèo. Có năm nghìn đồng lợi tức hằng năm thì tiêu ngần ấy cũng chẳng là bao. Mình sẽ đánh xe ngựa đi mười dặm để dự tiệc với các chủ trại láng giềng và ăn mặc theo mốt từ năm kia cũng được. Mình sẽ đi nhà thờ và cố đừng buồn ngủ, hoặc lẩn vào sau màn cửa mà ngủ gật, nếu có đeo chàng mạng thì buông rủ xuống mặt mà che. Nếu có tiền, mình sẽ chẳng chịu nợ ai, chẳng qua

cũng chỉ vì trong tay sẵn có đồng tiền, nên cái bọn xảo quyệt này mới lên mặt hãnh diện được. Chúng nó khinh bỉ coi rẻ mình là kẻ không xu, chúng nó cho con cái mình một tờ giấy năm đồng đã tưởng là hào phóng lắm, thấy mình không có ngân phiếu, chúng nó cho là đánh khinh".

Biết đâu Rebecca chẳng có lý… biết đâu giữa cô ta và một người đàn bà lương thiện, sự khác nhau chẳng phải chỉ là ở đồng tiền và sự may mắn? Nếu ta tính cả những ý nghĩ bậy bạ trong đầu thì chưa chắc người đời ai đã tốt hơn ai. Một cuộc sống sung túc nếu không khiến được người ta thực sự lương thiện, ít nhất cũng giữ cho người ta khỏi làm bậy. Một ông cố vấn thành phố vừa ăn tiệc toàn thịt rùa xong, hẳn không thèm chui ra khỏi xe mà lấy trộm một cái chân cừu của người khác; cứ thử bắt hắn nhịn đói, xem hắn có xoáy ngay một ổ bánh mì hay không. Becky tự an ủi bằng cách so sánh những sự may mắn; cô ta muốn trên đời này những điều may rủi được phân phối công bằng hơn.

Becky thăm lại kỹ càng tất cả đồng ruộng, rừng cây, bờ ao, vườn tược, và tất cả những gian phòng trong cái trại cổ kính, nơi bảy năm về trước, cô đã sống suốt hai năm trời. Hồi ấy, Becky còn trẻ, hoặc tương đối còn trẻ… vì cô đã quên hẳn thời kỳ mình thực sự còn trẻ

rồi… cô nhớ lại những cảm nghĩ bảy năm về trước, đem đối chiếu với hiện tại, xem có khác gì nhau, bởi vì bây giờ cô đã hiểu đời, đã từng chung đụng với những bậc quyền thế, đã leo lên một địa vị khác hẳn cái địa vị thấp hèn ngày trước.

Becky nghĩ thầm: "Mình có địa vị là do mình thông minh. Xem ra thiên hạ chúng nó ngu xuẩn cả. Bây giờ mình không thể trở lại sống chung với bọn người xưa kia vẫn gặp trong phòng vẽ của bố mình được nữa. Nay nhà mình còn toàn những bậc quyền quý đeo huy chương đầy ngực ra vào, đâu còn phải là những bác thợ vẽ nghèo đói trong túi chỉ có vài dúm thuốc lá. Chồng mình là một nhân vật thượng lưu, chị dâu mình là con gái một vị bá tước, mình sống ngay trong một gia đình mà bảy năm về trước địa vị mình không hơn bọn đầy tớ mấy tí. Nhưng so với hồi còn là con gái một bác hoạ sĩ quèn cứ phải nịnh nọt lão chủ hiệu để mua chịu một ít trà và đường, có thật bây giờ mình sung sướng hơn không? Giả thử mình lấy Francis làm chồng – anh chàng ngày xưa mê mình quá – cũng chưa chắc mình đã nghèo hơn bây giờ. Ôi, ước gì mình đánh đổi được địa vị hiện tại lấy một món tiền đặt lãi ba phần trăm thì sướng biết bao". Becky đã cảm thấy một cuộc sống ăn chơi là phù phiếm, đang rắp tâm tìm kế đảm bảo cho tương lai một cách

thực tế hơn.

Có lẽ ta cũng nhận ra rằng lẽ ra cô đã đến gần hạnh phúc nếu như trước kia cô thực thà, trung hậu, làm trọn bổn phận, đi theo con đường thẳng, chứ không nên đâm quàng vào lối tắt đường ngang. Ý tưởng trên vừa thoáng qua, Rebecca đã vội xua đi ngay, chẳng khác gì con cháu lão Pitt xa lánh căn phòng nơi quàn thi hài lão. Cô ta lánh mặt nó… thù ghét nó… cũng có thể vì cô ta đã đi quá sâu vào con đường ấy rồi, lùi lại không kịp nữa. Riêng tôi tin rằng sự hối hận của người đời là một tình cảm mong manh nhất… Vừa thức tỉnh trong ta, đã dễ bị bóp chết nghẹt rồi, mà ở một số người, nó lại không thức tỉnh bao giờ hết. Điều khiến ta xúc động hơn cả là sự hổ thẹn và sự trừng phạt, nhưng trong Hội chợ phù hoa, mấy ai biết đau khổ chỉ vì hối hận mình đã làm điều sai trái. Cho nên suốt thời gian sống ở trại Crawley Bà chúa, Rebecca tìm mọi cách mua chuộc thật nhiều bạn cho Mammon[21]. Lúc ra về hai vợ chồng Pitt theo tiễn, tình cảm vô cùng nồng hậu. Mọi người vui vẻ nghĩ đến ngày ngôi nhà ở phố Gaunt được sang sửa trang hoàng xong, lại gặp mặt nhau ở Luân Đôn. Southdown phu nhân tặng Rebecca một gói thuốc, và nhờ trao hộ cho mục sư Lawrence Grills một bức thư yêu cầu ông ta cứu vớt lấy linh hồn người mang thư khỏi sa xuống địa

ngục. Pitt ngồi xe bốn ngựa theo tiễn đến tận Mudbury sau khi đã cho xe hành lý của hai em đi trước, kèm theo vô khối quà lúc chia tay, công nương Jane bảo em dâu:

- Về nhìn thấy cháu, thím tha hồ vui nhé.

- Vâng, em mừng lắm.

Rebecca ngước đôi mắt xanh biếc lên trời đáp. Được thoát khỏi nơi này, cô ta sướng vô kể, nhưng cũng thấy hơi tiêng tiếc.

Trại Crawley Bà chúa tẻ nhạt không thể chịu được, nhưng không khí ở đây trong lành hơn so với bầu không khí cô ta vẫn thở. Nói cho đúng, ở đây người nào cũng đần độn nhưng họ cũng biết điều.

"Chẳng qua là nhờ món lợi tức ba phần trăm đấy thôi". Becky nghĩ thầm và có lẽ nghĩ thế cũng không sai.

Xe ngựa đã đi vào khu Piccadilly, thành phố Luân Đôn đèn thắp rực rỡ. Trong ngôi nhà ở phố Curzon, bà Briggs đã đốt lửa rực hồng trong lò sưởi, thằng bé Rawdy vẫn còn thức để đón bố mẹ về.

CHƯƠNG XLII
NHỮNG VIỆC XẢY RA TRONG GIA ĐÌNH OSBORNE

Tính từ buổi ta gặp ông già Osborne ở khu phố Russell đến nay, cũng đã khá lâu. Ông lão không được sung sướng lắm; những việc xảy ra đã không khiến được tính tình ông vui vẻ hơn; chuyện đời mười phần, chín chẳng được như ý muốn. Sở thích nào có cao xa gì, mà cũng không thoả mãn được, hỏi sao ông lão chẳng bực dọc; lại còn bệnh tật giày vò trong cảnh già nua trơ trọi. Con trai mới chết được ít lâu mà bộ tóc rễ tre đen nhánh của ông đã bạc trắng. Da mặt ông già xám lại; bàn tay rót rượu ngày một thêm run. Đến khu City, ông lão hành hạ bọn nhân viên đến khổ, gia đình ông ở nhà cũng chẳng sung sướng gì hơn. Rebecca thèm khát tiền bạc thật, nhưng chưa chắc đã muốn đánh đổi đời sống nghèo khó đầy những mưu mô táo bạo của mình lấy sự giàu có và cảnh sống ủ dột rầu rĩ của ông Osborne. Ông già đã đánh tiếng hỏi cô Swartz làm vợ nhưng gia đình cô này khinh khỉnh từ chối; sau cô ta lấy một anh chàng trẻ tuổi thuộc dòng dõi một gia đình quý tộc xưa Scotland. Ông Osborne thuộc loại người đáng lý nên cưới một người vợ con nhà hạ tiện, để tha hồ mà hành hạ mắng mỏ, nhưng chẳng gặp được ai vừa ý. Ông bèn quay ra hành hạ cô

con gái chưa đi lấy chồng. Cô này có một chiếc xe ngựa riêng, xe cũng đẹp, ngựa cũng đẹp; cô ngồi chủ toạ những bữa tiệc ê hề toàn cao lương mỹ vị; cô có sổ ngân phiếu riêng, đi đâu một bước cũng có người theo hầu. Ai cũng tín nhiệm cô; bọn cung cấp hàng ra sức mà trọng vọng cô gái thừa tự, gặp đâu cũng thi nhau mà chào hỏi, nịnh nọt. Nhưng cô sống rất khổ. Cô tiểu thư quá lứa nhỡ thì ấy chẳng được sung sướng bằng những đứa bé trong trại mồ côi, những chị quét đường, hoặc chị phụ bếp nghèo khổ nhất trong phòng ăn của đầy tớ.

Frederick Bullock, tôn ông, trong hãng Hulker vf Bullock, đã cưới Maria Osborne, điều đó cũng không phải là không gặp khó khăn, vì ông lão Bullock không hài lòng lắm. Bây giờ George đã chết, lại đã bị gạch tên trong di chúc, Frederick khăng khăng đòi ông bố vợ chia cho Maria một nửa số của cải; nếu không thoả mãn điều kiện ấy, anh ta cương quyết không chịu "tiếp cận một sự thoả thuận nào cả" (theo cách nói của chính Frederick). Ông Osborne rút ngay tiền vốn ra khỏi công ty Hulker và Bullock, và một bữa xách roi ngựa đến phòng hối đoái doạ rằng sẽ quật nát mặt thằng khốn nạn mà ông không muốn nói rõ tên. Trước sự xung đột của hai gia đình, Jane an ủi em: "Maria, chị vẫn bảo rằng nó có lấy em đâu, nó chỉ lấy tiền của em đấy thôi".

Cô Maria vênh mặt lên đáp:

- Anh ấy lấy tiền của tôi thật, nhưng anh ấy chọn tôi chứ có chọn chị và tiền của chị đâu.

Tuy nhiên hai nhà cũng không cãi nhau lâu. Bố Fred, và bọn bè bạn nhiều tuổi cũng khuyên anh ta nên lấy Maria, với số hồi môn hai vạn đồng, một nửa đưa ngay, một nửa bao giờ ông Osborne chết sẽ trả nốt, bởi lẽ Fred vẫn có hy vọng được chia thêm gia tài cơ mà. Thế là "ngã giá", vẫn theo lối nói của Fred, anh ta nhờ lão Hulker đến điều đình lại với ông Osborne. Lão kia bảo rằng tại bố Fred không thuận nên tìm cách làm khó dễ, chứ thực tâm anh con chỉ muốn giữ lời hứa. ông Osborne tuy bực, nhưng rồi cũng ưng thuận. Hãng Hulker và Bullock là một hãng buôn lớn ở khu City, giao dịch nhiều với những tay giầu sụ ở khu West End. Ông già nghĩ kể cũng dễ chịu mỗi khi được giới thiệu với người khác thế này: "Thưa ngài, đây là con rể tôi, chủ hãng Hulker và Bullock; thưa ngài, công nương Mary Mango đây gọi con rể tôi là anh họ, tức là lệnh ái bá tước Castlemouldy tiên sinh đấy ạ". Ông đã tưởng tượng ngay gia đình ông đầy những bậc giàu sang; cho nên ông tha thứ cho Frederick và đồng ý cho cưới.

Hôn lễ thật là linh đình… Họ nhà trai mở đại tiệc ngay tại nhà thờ ở quảng trường Hanover, gần nhà thờ St.

George. Các ngài tai mặt trong khu West End đều đến dự; nhiều người ký vào sổ vàng kỷ niệm. Ngài Mango cùng công nương Mary Mango cũng đến, hai cô con gái là Gwendoline và Guinever Mango đóng vai phù dâu. Đại tá Blơtđaiơ thuộc đội Ngự lâm quân (con cả ông chủ hãng Blơđaiơ và anh em ở đường Min xinh) là anh họ chú rể và vợ là bà Bludyer cũng có mặt. Rồi cả ngài George, con trai bá tước Lane, và vợ tức là cô Mango cùng ngài tử tước Castletoddy, ngài James McMull và bà McMull (nguyên là cô Swartz khi trước), cùng vô số những người danh giá, người nào cũng lấy vợ lấy chồng ở phố Lombard cả.

Hai vợ chồng trẻ có một ngôi nhà riêng gần quảng trường Berkeley và một biệt thự nhỏ ở Roehamton, khu vực ngân hàng của thành phố. Có mấy bà trong họ cho rằng Fred lấy vợ con nhà hạ tiện, quên khuấy rằng chính ông nội các bà xưa kia cũng từng được nuôi dưỡng trong trại mồ côi; về sau nhờ lấy chồng sang, các bà mới biến thành quý tộc. Maria hiểu rằng bây giờ mình đã là người sang trọng, khách khứa ghi tên trong sổ tiếp tân toàn bậc tai mặt, phải biết quên dòng dõi tầm thường nhà mình đi thì mới đúng phép; cho nên, để làm tròn nhiệm vụ, cô ta bắt đầu thưa đi lại thăm bố và chị gái.

Nhưng để cho vợ cắt đứt quan hệ với ông nhạc vẫn

còn trong két hàng chục vạn đồng thì có hoạ là loạn óc, đời nào Fred Bullock chịu thế. Nhưng cô vợ còn trẻ người non dạ quen nghĩ sao làm vậy. Cô ta chỉ mời bố và chị gái đến dự buổi tiệc tiếp tân loàng xoàng của gia đình mình, tiếp đãi rất lạnh nhạt, không thèm bước chân đến khu phố Russell, lại còn trắng trợn khuyên bố nên dọn nhà đi khỏi cái chỗ ở bần tiện ấy nữa. Cô ta làm quá, tài ngoại giao của Frederick kéo lại không kịp; xem ra không khéo đến mất phần gia tài sau này.

Một buổi tối, ông Osborne và con gái đến dùng cơm tại nhà bà Frederick Bullock về; ngồi trên xe ngựa, ông lão mở tung cửa xe, bảo con:

- Thế ra bà Maria bây giờ coi thường cánh khu phố Russell chúng ta thật, hả? Nó lại mời bố đẻ ra nó và chị nó đến dự bữa tiệc thừa! Hôm qua, nó mà không mời bọn quý phái chúng nó tiệc tùng riêng với nhau rồi thì tao chớ kể làm người! Nó ngồi với những bá tước, những phu nhân, toàn những người sang trọng, để cho bố con mình uống rượu với mấy thằng nhà buôn ở khu City và mấy lão rác rưởi. Mẹ kiếp, sang với chả trọng! Ông chỉ là một thằng nhà buôn tầm thường, có thế thôi; vậy mà ông cũng đủ tiền nuôi cả đống ăn mày đói rã họng chúng nó đấy. Bá tước à? Úi dào ôi! Một buổi dự tiệc tối, tao thấy một thằng nói chuyện cả với tên nhạc

công tao vẫn khinh xưa nay. Các ông các bà ấy không thèm đến khu phố Russell à? Được lắm. Tao có rượu ngon uống, mà trả tiền ngay không thèm chịu; tao có bộ đồ ăn bằng bạc đẹp hơn cả chúng nó, bầy trên bàn ăn bằng gỗ mun; tao có thể đãi tiệc còn sang hơn chúng nó nhiều. Cái bọn hèn mạt chúng nó! James, đánh xe nhanh lên. Tao muốn về ngay khu phố Russell, ha ha!

Ông lão giận giữ cười ầm lên, ngồi phịch xuống góc đệm xe. Ông ta vẫn có thói quen đem cái hơn người của mình ra để tự an ủi mỗi khi bất như ý.

Tất nhiên là Jane Osborne hoàn toàn đồng ý với cha. Khi bà Frederick sinh đứa con đầu lòng, đặt tên là Frederick Augustus Howard Stanley Devereux Bullock, bà mời ông già Osborne đến dự lễ rửa tội và đỡ đầu cho thằng bé! Ông lão chỉ gửi cho nó một chiếc cốc bằng vàng, đựng hai mươi đồng ghi nê làm quà chứ không đến.

Ông bảo: "Cái bọn quyền quý chúng mày có cho con cháu được ngần ấy tiền, ông chớ kể". Món quà giá trị thay, cả nhà Bullock ai cũng lấy làm hài lòng, Maria cho là bố quý mình lắm; còn Frederick đã hý hửng nay mai hai bố con có hy vọng nhờ vả ông ngoại nhiều.

Chẳng nói thì ta cũng thừa biết rằng cô Jane Osborne ngồi lẻ loi một mình ở công viên Russell tức tối đến thế

nào khi đọc báo "Tin tức buổi sáng" thỉnh thoảng lại thấy tên em gái được nhắc tới trong những bài thuộc mục "Những cuộc họp mặt của giới thượng lưu" Một lần cô thấy báo đăng tin em gái được Frederica Bullock phu nhân đưa vào Hoàng cung triều kiến, lại mô tả cả bộ áo Maria bận bữa ấy. Bao giờ cho cô Jane được hưởng những vinh dự lớn lao như thế? Cuộc đời cô thực khổ sở. Mùa rét, cô phải dậy từ lúc trời còn tối mịt để sửa soạn bữa sáng cho ông bố cau có bẳn tính. Tám giờ rưỡi mà chưa được ăn sáng thì cứ gọi là ông phá tan hoang nhà cửa. Cô ngồi im lặng trước mặt bố, nghe nước trong ấm reo sôi, rồi nhìn bố vừa ăn bánh, uống cà phê vừa đọc báo mà cứ thấp thỏm trong dạ. Chín giờ rưỡi ông đứng lên, đi đến khu City. Cô được tương đối tự do cho tới giờ ăn chiều để vào bếp coi sóc và mắng mỏ đầy tớ, để đánh xe ngựa ra phố và được bọn bán hàng tỏ vẻ rất kính nể. Cô còn đến thăm các gia đình quen thuộc trong khu City, để lại danh thiếp của bố và của mình; nếu không thì cô ngồi trơ trọi trong căn phòng khách mênh mông chờ có ai đến chơi thì tiếp; cô thường ngồi trên ghế xô-fa cạnh lò sưởi đan một mảnh len to tướng, ngay mé dưới chiếc đồng hồ có tượng Iphigenia, suốt ngày cứ kêu tích tắc và gõ chuông trong căn phòng buồn tẻ. Đối diện với tấm gương dựng trên mặt lò sưởi là một tấm gương lớn khác treo trên tường. Cả hai cùng phản chiếu

hình những chiếc túi da Hà-lan màu nâu bọc những chùm đèn treo trên trần, thành vô số túi đèn xếp thành những dãy dài, và phòng khách cô đang ngồi như là trung tâm của vô số phòng khách bao bọc xung quanh. Đôi khi cô lật cái nắp bọc da đậy chiếc dương cầm lên dạo vài tiếng nhạc; những âm thanh rầu rĩ vang lên, đánh thức những tiếng vọng ghê rợn khắp nhà. Bức chân dung George nhưng không hề bao giờ nghe ai nhắc đến tên anh ta trong gia đình.

Năm giờ chiều, ông Osborne mới trở về. Hai bố con lặng lẽ ngồi ăn tối; chỉ nghe tiếng ông lão gắt chửi rầm rĩ khi món ăn làm không vừa miệng. Mỗi tháng hai lần, gia đình thết tiệc mấy ông bạn cùng tuổi, cùng địa vị với ông: hai vợ chồng bác sĩ Gulp ở công viên Bloomsbury, hai vợ chồng ông biện lý Frowser ở Bedford Row, một tay rất có thế lực, và do nghề nghiệp rất ăn cánh với với bọn tai mặt ở khu West End, viên đại tá già Livemore ở khu quảng trường Thượng Bedford; hai vợ chồng viên trung sĩ già Toffy, thỉnh thoảng có cả hai vợ chồng ngài Thomas Coffin ở khu quảng trường Bedford cũng đến. Ngài Thomas là một viên quan tòa khét tiếng bạo tay treo cổ phạm nhân; mỗi khi ông ta đến chơi dùng cơm, phải có thứ rượu đặc biệt đưa ra thết.

Bọn này lại tổ chức những bữa tiệc long trọng đãi lại

nhà thương gia ở khu phố Russell. Uống rượu tráng miệng xong, họ đưa nhau lên gác chơi bài; khoảng mười giờ rưỡi tối thì gọi xe ngựa đánh về nhà.

Bọn túng đói chúng ta vẫn có cái thói thèm muốn cuộc đời của nhiều người giầu có. Họ đã sống rất thoả mãn cuộc đời như vừa miêu tả ở trên. Ít khi Jane Osborne có dịp được gặp một người đàn ông dưới sáu mươi tuổi; và hầu như trong số khách khứa đi lại với gia đình thì ông Smirk là người đàn ông chưa vợ duy nhất; ông này là một thầy thuốc nổi danh về phụ khoa.

Cũng không phải là không có chuyện gì xảy ra trong cuộc sống tẻ nhạt đơn điệu này. Thật ra, trong đời cô Jane có mang một điều u uẩn khiến cho ông bố vốn kiêu ngạo và hay bẳn tính lại càng dễ cáu gắt hơn nữa. Câu chuyện bí mật này có liên quan đến bà Wirt; bà này có một người em họ tên là Smee, một hoạ sĩ nổi danh chuyên vẽ chân dung; bây giờ anh ta đã là hội viên của hàn lâm viện nghệ thuật Hoàng gia: nhưng đã có một thời gian được làm nghề dạy vẽ cho các bà các cô để sinh nhai anh ta cũng đã lấy làm sung sướng lắm rồi. Bây giờ chắc Smee chẳng còn nhớ khu phố Russell ở chỗ nào, nhưng vào khoảng năm 1818, anh ta thích đến đấy lắm; hồi ấy anh đang dạy cô Jane đang học vẽ.

Smee trước kia là học trò của ông Sharpe ngụ ở phố

Frith, một hoạ sĩ trác táng, tính tình bất thường, tuy không thành công trong đời, nhưng thật là người có tài lớn, vì anh ta là em họ bà Wirt nên được bà chị họ giới thiệu với cô Osborne. Sau mấy vụ thất bại trong đường tình ái, trái tim anh ta sẵn sàng rung động vì cô thì phải. Riêng bà Wirt được cả hai bên bày tỏ nỗi lòng u uẩn của mình. Không rõ đang khi hai thầy trò bận dạy nhau vẽ, bà Wirt có hay rời bỏ gian phòng đi chỗ khác, để hai bên có dịp ngỏ cùng nhau những tình cảm mặn nồng không tiện nói trước mặt người thứ ba hay không? Cũng không biết bà ta có tính toán rằng giả sử em họ mình với được cô con gái nhà thương gia giầu sụ, hắn có nhớ kẻ dắt mối dắt manh mà chia cho mình một phần bổng hay không. Điều chắc chắn là câu chuyện yêu đương đến tai ông Osborne; một bữa ông ở khu City về rất đột ngột, vác một cái gậy trúc xồng xộc bước vào phòng vẽ, thấy nhà hoạ sĩ, cô học trò và bà tỳ nữ, cả ba mặt tái như gà cắt tiết. Ông tống cổ ngay họa sĩ ra khỏi nhà, dọa sẽ dần gãy từng đốt xương một; nửa giờ sau, ông đuổi nốt bà Wirt, đá hòm xiểng của bà này lăn lóc xuống thang gác, dẫm bẹp rúm cả cái hộp đựng đồ vặt; bà này đã leo lên xe ngựa đi rồi, ông còn giơ nắm tay theo mà doạ.

Cô Jane Osborne nằm lỳ trong phòng ngủ suốt mấy ngày liền.

Từ đó ông bố không thuê ai làm bạn với con gái. Ông thề rằng sẽ không cho con gái một xu nào, nếu cô Jane đính ước với người không được ông ưng thuận; vả lại, ông đang cần một người đàn bà coi sóc gia đình cho nên ông không muốn con gái đi lấy chồng; cô đành thôi không đám tơ tưởng gì đến chuyện yêu đương. Thế là, cho đến khi bố chết, cô đành sống một cuộc đời như đã miêu tả ở trên, nghĩa là cuộc đời một cô gái già. Trong khi ấy, em gái cô cứ sòn sòn năm một, đặt cho con toàn những tên xinh như mộng… hai chị em lại càng thưa gặp mặt nhau hơn. Vợ Bullock nói: "Chị Jane và tôi, hai người sống hai cuộc đời hoàn toàn khác nhau, tuy nhiên tôi vẫn coi chị ấy là chị ruột"… Người đàn bà trẻ tuổi này nói rằng "*vẫn coi Jane là chị ruột*", không biết như vậy nghĩa là thế nào nhỉ?

Ta biết mấy cô con gái nhà Dobbin sống với bố tại một biệt thự xinh đẹp ở Denmark Hill; ở đây có vườn nho và nhiều cây đào mà chú bé George rất thích. Mấy chị em cô Dobbin thường đánh xe ngựa đi Brompton thăm Amelia; thỉnh thoảng họ cũng rẽ vào khu phốRussell thăm bạn cũ là cô Jane Osborne. Có lẽ ông anh thiếu tá ở Ấn Độ ra lệnh cho mấy cô em gái ở nhà phải săn sóc luôn đến Amelia thì phải (ông bố cũng nể Dobbin lắm); viên thiếu tá, cha đỡ đầu của thằng bé

Georgy, vẫn hy vọng ông nội nó vì thương con trai sẽ nghĩ lại mà nhận nó làm cháu. Chị em cô Dobbin kể lại với cô Osborne chuyện Amelia bây giờ về ở với bố mẹ, gia đình rất túng thiếu; họ tỏ ý ngạc nhiên không rõ ông anh trai yêu quý của họ là thiếu tá Osborne yêu cái cô gái vô vị kia về nỗi gì. Người mẹ thì vẫn có cái thói đa cảm một cách vô vị và kiểu cách như xưa, nhưng thằng con trai thì quả thật là một đứa trẻ thông minh đĩnh ngộ chưa từng thấy… Trời sinh ra đàn bà ai cũng quý trẻ; ngay những cô gái không chồng bẳn tính nhất cũng phải vồ vập chúng.

Một bữa, nể lời chị em cô Dobbin quá, Amelia phải cho phép Georgy đến Denmark Hill chơi một ngày. Nhân dịp con đi vắng, cô cặm cụi ngồi viết cho thiếu tá Dobbin ở Ấn Độ một lá thư dài. Cô gửi lời mừng bạn nhân tin vui vừa được hai chị em cô Dobbin cho biết, ngỏ ý chúc anh ta và cô vợ chưa cưới được hưởng nhiều hạnh phúc. Cô cảm ơn anh đã giữ vững tình bạn và đã giúp đỡ mình rất nhiều trong cơn hoạn nạn. Cô kể cho anh ta nghe về thằng Georgy, lại báo cho biết chính ngày hôm ấy nó về quê chơi với hai em gái Dobbin. Trong thư cô gạch dưới nhiều chữ, cuối cùng lại đề: "Người bạn thân mến của anh, Amelia Osborne". Lần này cô quên không gửi lời hỏi thăm bà O'Dowd… cũng không gọi

thẳng tên Glorvina ra như mọi khi, mà chỉ viết là "vị hôn thê của thiếu tá" bằng chữ ngả.

Tin Dobbin lấy vợ khiến cho Amelia có dịp bỏ cái thái độ thận trọng giữ kẻ của mình đối với bạn từ trước đến nay. Còn như ghen với Glorvina thì… giả sử có vị thiên thần nào xúi giục cô đều này cô cũng sẵn sàng xua đuổi ý nghĩ ấy đi ngay.

Đêm hôm ấy thằng Georgy ngồi xe ngựa về nhà có bác xà ích già của ngài William Dobbin giong cương hầu; thằng bé đeo ở cổ một cái đồng hồ vàng có dây đeo cũng bằng vàng. Nó kể với mẹ nó, bà ấy vừa khóc vừa ôm lấy nó mà hôn lấy hôn để. Nhưng nó không thích bà ấy. Nó chỉ thích ăn nho và nó chỉ thích mẹ! Amelia giật nẩy mình, biết rằng họ hàng nhà chồng đã gặp mặt con trai, người đàn bà nhút nhát này đột nhiên cảm thấy hãi hùng.

Cô Osborne trở về nhà lo bữa cơm tối cho bố. Ông già vừa phất được một món lớn ở khu City, hôm ấy coi bộ vui vẻ; ngẫu nhiên ông nhận thấy con gái có vẻ bị xúc động mạnh, bèn hỏi:

- Có chuyện gì thế hử?

Cô gái khóc oà lên, đáp:

- Ba ơi, con vừa gặp thằng con trai cậu George, nó

xinh như một thiên thần ấy ba ạ… mà giống cậu ấy như đúc!…

Ông già ngồi trước mặt không nói không rằng, nhưng mặt bỗng đỏ nhừ, chân tay run lẩy bẩy.

CHƯƠNG XLIII
BẠN ĐỌC CẦN ĐI VÒNG QUA HẢO VỌNG GIÁC

Chắc bạn đọc rất ngạc nhiên thấy chúng tôi mời hãy quá bộ vượt ngàn dặm trùng dương tới doanh trại quân đội ở Bundlegunge, thuộc khu Madras tại Ấn Độ, nơi những người bạn anh dũng của chúng ta trong trung đoàn… đóng quân, dưới quyền chỉ huy của trung tá Michael O'Dowd dũng cảm. Đối với viên sĩ quan to béo này, thời gian không ảnh hưởng mấy, cũng như đối với những người có con tì con vị hảo hạng lại vô tư lự, đầu óc không phải làm việc vất vả mấy khi. Ngài trung tá sử dụng con dao, cái dĩa rất thạo, bữa trưa cũng như bữa tối. Sau bữa ăn, thế nào ngài cũng phải hút một tẩu thuốc *hookah*[22], phu nhân có rầy la cũng mặc, ngài cứ thản nhiên thở khói, y như ngài đã bình tĩnh hút thuốc dưới làn mưa đạn của quân Pháp trong trận Waterloo vậy. Tuổi tác cũng như khí hậu nóng bức không hề làm giảm sút sự hoạt động và tài hùng biện của người đàn bà thuộc dòng dõi hai họ Malony và Molloys. Sống ở Madras, phu nhân, tức là người bạn cũ của chúng ta cảm thấy cũng thoải mái y như ở Brussels… dầu phải chui rúc trong lều vải hay được sống trong nhà dân cũng

vậy. Khi nào trung đoàn hành quân ta thấy bà đi đầu, cưỡi trên lưng một con voi đồ sộ trông bệ vệ ra phết. Bà ta cũng đã cưỡi voi chiến với chúa sơn lâm trong rừng thẳm. Bà cùng cô Glorvina đã được phó vương các địa phương tiếp đón trong những hậu cung bí mật đầy tỳ thiếp của họ, lại được họ tặng vô số khăn san và đồ trang sức, nhưng bà không muốn nhận. Đi đến đâu, bà cũng được lính gác bồng súng chào và bao giờ bà cũng trịnh trọng giơ tay lên mũ đáp lại. O'Dowd phu nhân là một trong số các mệnh phụ tiếng tăm nhất tại phủ Tổng trấn Madras.

Tại đây có người vẫn còn nhớ câu chuyện xích mích giữa bà và Smith phu nhân, vợ ngài Minos Smith phụ thẩm tại toà án. Bà đã xỉa xói vào mặt vợ ông quan toà mà bảo rằng bà không việc gì phải lép vế đối với vợ một tên dân thường. Hai mươi lăm năm trời trôi qua rồi, thế mà bây giờ nghĩ lại, vẫn chưa ai quên được chuyện O'Dowd phu nhân nhảy điệu Jig liên tục với hai viên sĩ quan tuỳ tùng; một viên thiếu tá thuộc đội kỵ binh Madras và hai nhân viên thuộc Cục hành chính dân sự; mấy vị này mệt phờ râu. Thiếu tá Dobbin chỉ huy phó trung đoàn phải can mãi bà mới chịu lên buồng trên gác cho, *lassata nondum satiata recessit*[23].

Bà Peggy O'Dowd quả thật vẫn như xưa… bụng bảo

dạ vẫn tốt, tính tình vẫn sôi nổi mãnh liệt, vẫn thích chỉ huy người khác và vẫn là một bạo chúa đối với ông Michael. Bà là một con rồng giữa đám các bà vợ sĩ quan trong trung đoàn là một người mẹ đối với những chàng trẻ tuổi; bà săn sóc họ khi ốm đau, giúp đỡ họ khi gặp khó khăn, nên được họ rất mến. Nhưng bà bị mấy bà vợ các sĩ quan dưới quyền a tòng nhau chống lại. Họ gièm pha rằng có cô Glorvina làm bộ làm tịch lắm, rằng bà O'Dowd hống hách quá, không chịu được Bà Kirk có tổ chức một nhóm giảng đạo nhỏ, đang thuyết giáo cho mấy người đàn ông trẻ tuổi nghe thì bị bà Peggy xông vào giễu cợt làm cho bọn này bỏ về cả. Bà bảo rằng vợ lính không cần phải làm mục sư cũng được, rằng bà Kirk về mà vá áo cho chồng thì có ích hơn, rằng nếu trung đoàn cần thuyết giáo thì bà sẵn có những bài giảng đạo của ông chú làm chánh xứ, là những bài giảng đạo hay nhất thế giới. Bà cắt đứt một cách không thương tiếc câu chuyện chim chuột mới chớm giữa trung uý Stubble và vợ viên sĩ quan thầy thuốc; bà doạ nếu viên trung uý không lập tức cắt đứt mọi quan hệ và xin nghỉ phép đi dưỡng bệnh ở Hảo Vọng giác thì bà sẽ đòi nợ ngay (chả là cu cậu vẫn còn quen thói "bốc trời"). Một đêm bà Posky bị ông chồng nốc hai chai rượu, say khướt đuổi đánh, phải chạy trốn ra khỏi nhà. Bà cho trú nhờ và che chở.

Bà còn săn sóc cho ông Posky qua cơn bệnh tửu cuồng, rồi giúp ông bỏ hẳn được tật rượu chè, tức là cái bệnh cố hữu nó bám nhằng nhằng lấy ông ta như những thói tật xấu xa vẫn bấu chặt với người đời vậy. Tóm lại, khi ta gặp hoạn nạn thì bà là người bạn an ủi tốt nhất, nhưng khi ta gặp may mắn thì bà cũng làm phiền ta nhiều nhất. Vì bao giờ bà cũng tự cho mình là con người hoàn hảo và khăng khăng hành động theo sở thích.

Bà còn rắp tâm gả kỳ được cô Glorvina cho Dobbin mới nghe.

Bà O'Dowd hiểu rõ mối tình u uẩn của thiếu tá. Bà cũng khen ngợi anh ta là người có nhiều đức tính và tính cách cao thượng của anh ta khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Theo ý bà, hình như trời sinh ra cô Glorvina – một cô thiếu nữ rất xinh đẹp, da dẻ tươi tắn, tóc đen nhánh, mắt xanh biếc, biết cưỡi ngựa, lại chơi nhạc bài sonata hay không kém bất cứ cô gái nào trong quận Cork – là để đem lại hạnh phúc cho Dobbin… chứ không phải là cái cô Amelia yếu ớt đáng thương mà anh ta vẫn luôn mồm nhắc đến kia. Bà thường bảo: "Cứ nhìn cách Glorvina bước vào phòng khách mà xem, rồi so sánh với bà Osborne, mới thấy bà ta chỉ là một con ngỗng, thiếu tá ạ; ông lấy cô đó thì vừa lứa đẹp đôi quá đi mất… tính ông nhút nhát phải có người biết ăn nói đỡ

đần câu chuyện hộ mới xong; tuy cô nó không thuộc dòng dõi con nhà nòi như họ Malony hay họ Molloys, nhưng tôi xin nói để ông rõ, cô nó cũng sinh trong một gia đình nề nếp mà bất cứ người danh giá nào thông gia với gia đình cô nó cũng đáng lấy làm hãnh diện".

Nhưng trước khi cô Glorvina quyết định chinh phục thiếu tá Dobbin thì phải thú nhận rằng chính cô đã đem khả năng của mình ra thử thách tại nhiều nơi khác rồi. Có lần cô đã đi Dublin chơi và đố ai biết rõ cô đã đi Cork, Killarney và Mallow bao nhiêu bận đấy. Cô ta chim tất cả các sĩ quan và các nhà quý tộc trẻ tuổi chưa vợ trong quận; cô đã đính hôn độ mươi lần ở Ailen, không kể chuyện gắn bó với một mục sư ở Bath khiến cho về sau cô rất đau khổ. Ở Madras cô đã ra mặt "chài" một viên đại uý bạn thân của phó vương Ramchunder. Cô lại đã cùng ông O'Dowd và bà chị đến chơi mấy tháng tại thủ phủ khu Madras.

Trong thời gian này, viên thiếu tá tạm lĩnh quyền chỉ huy trung đoàn đóng ở Bundlegunge. Tại đây ai cũng phải lòng cô, ai cũng nhảy với cô, nhưng không ai muốn lấy cô làm vợ. Cũng có vài viên thiếu uý trẻ măng và vài viên chức mặt non choẹt chết mê chết mệt vì cô đấy, nhưng cô cho là họ chơi trèo. Thành ra nhiều cô gái ít tuổi hơn lại lấy chồng trước cô. Thế mới biết ở đời vẫn

còn nhiều cô thiếu nữ – mà lại là những thiếu nữ xinh đẹp cơ chứ – cũng lâm vào cái "vận mệnh" như vậy đấy. Họ phải lòng thiên hạ một cách hết sức rộng lượng, họ cưỡi ngựa và đi bộ rong chơi với đến nửa số sĩ quan có tên trong danh sách quân đội; thế rồi cho đến khi xuân xanh đã xấp xỉ tứ tuần, cô O'Grady nhà ta vẫn cứ còn là cô O'Grady! Cô Glorvina vẫn yên trí rằng, giá như bà O'Dowd không cãi nhau với vợ ông quan toà thì nhất định cô đã lấy được chồng ở Madras rồi; hồi ấy ông Chutney, người đã đứng tuổi, công chức cao cấp tòng sự tại Cục dân sự suýt nữa thì hỏi cô làm vợ (sau này, ông lấy cô Dolby, một cô học sinh mới mười ba tuổi vừa từ Âu châu sang).

Thế là O'Dowd phu nhân và cô Glovina ngày nào cũng cãi nhau mà cãi nhau về bất cứ chuyện gì – ví phỏng ông Mick O'Dowd không hiền như bụt thì đến phát điên lên từ lâu vì điếc tai rồi.

Nhưng hai chị em đều nhất trí ở điểm cô Glorvina phải lấy Dobbin và không thể để cho anh ta ăn ngon ngủ yên nếu anh ta chưa chịu đính ước. Không chút sờn lòng vì bốn năm chục cuộc thất tình vừa qua, cô Glorvina bắt đầu vây hãm thành trì. Cô rả rích hát vào tai Dobbin những khúc tình ca Ailen. Gặp anh ta ở đâu, cô cũng lấy giọng thiết tha hỏi xem có muốn cùng mình vào rừng

chơi không.

Thử hỏi con người có tình nào mà cưỡng lại cho được? Cô không ngớt lời hỏi thăm xem hồi còn nhỏ Dobbin có bao giờ bị nỗi sầu muộn dày vò không; cô sẵn sằng lắng nghe anh ta kể lại những cảnh trận mạc, những nỗi hiểm nguy để khóc thút thít y như Desdemona[24] ngày xưa vậy. Anh bạn của chúng ta có thói quen ngồi buồn một mình hay thổi sáo cho khuây khoả. Cô Glorvina nhất định đòi hoà nhạc với anh ta, cô chơi dương cầm, Dobbin thổi sáo. Những lúc này bà O'Dowd thường có ý tứ lảng ra một nơi khác.

Sáng nào cô Glorvina cũng bắt Dobbin phải cùng cưỡi ngựa đi chơi với mình. Lúc ra đi cũng như lúc về, khắp trại lính ai cũng biết. Cô gửi thư đến chỗ Dobbin ở luôn luôn; cô mượn sách của anh ta để đọc, rồi gạch những nét bút chì thật đậm dưới những đoạn văn tình tứ hoặc hài hước mà cô thích. Rồi cô mượn đầy tớ của anh chàng, mượn cả thìa, mượn cả cáng… chả trách được ai cũng đồn hai người đã đính ước với nhau, và mấy cô em ở nước Anh mới đinh ninh rằng họ sắp có chị dâu.

Thế mà anh chàng Dobbin, mặc dầu bị kẻ địch vây hãm gay go là thế mà vẫn cứ lờ đi như không mới đáng ghét chứ. Nghe anh em trong trung đoàn bỡn cợt về chuyện được cô Glorvina có bụng thương yêu, anh ta

chỉ cười xoà: "Dào ôi! Cô ấy cũng đùa cho vui đấy thôi. Chẳng qua cô ấy thử tớ cũng như thử cây dương cầm của bà Tozer, vì đấy là cây đàn dễ chơi nhất trong trại lính. Tớ già quá rồi, cô Glorvina trẻ đẹp thế lấy nhau chả xứng". Nhưng anh ta vẫn sóng ngựa đi chơi với cô ta như cũ, vẫn chép hộ cả nhạc và thơ vào sổ tay, lại chịu khó ngồi đánh cờ với cô ta nữa. Ở Ấn Độ một số sĩ quan có thói quen tiêu thì giờ rỗi rãi bằng những thú chơi hiền lành ấy trong khỉ nhiều người khác hoạt động hơn, ưa săn lợn rừng, săn chim, đánh bạc, hoặc hút xì gà và uống rượu. Ông Michael O'Dowd bị cả bà vợ và cô em gái thúc giục đi tìm viên thiếu tá đòi xác định thái độ, không chịu để anh ta làm khổ mãi người con gái vô tội một cách đáng xấu hổ như thế, nhưng ông ta từ chối dứt khoát không chịu dính dáng vào cuộc âm mưu này. Ông nói: "Lạy Chúa, ông thiếu tá cũng lớn khôn rồi, đủ tư cách chọn vợ lấy; ông ấy muốn cô, tự khắc ông ấy tìm đến cô". Những lúc khác thì lại xoay câu chuyện ra hướng hài hước, bảo: "Dobbin còn trẻ quá, chưa nên lập gia đình, còn phải viết thư về nước xin phép mẹ đã". Ông còn đi xa hơn, kín đáo báo động riêng với viên thiếu tá rằng: "Này Dop, cẩn thận nhé; bọn đàn bà nhà tôi là gớm lắm đấy!… Bà nó nhà tôi vừa gửi mua bên Âu châu hàng tá áo mới, có cả một tấm áo sa tanh hồng cho Glorvina. Phen này có khi cậu chết vì đàn bà và áo sa

tanh đấy. Thật ra sắc đẹp cũng như sa tanh, chả có thứ nào chinh phục nổi Dobbin! Anh bạn thực thà của chúng ta chỉ tâm tâm niệm niệm tưởng tới một người đàn bà; mà người ấy thì khác hoàn toàn cái cô Glorvina O'Dowd mặc áo sa tanh hồng. Một người đàn bà nhỏ nhắn dịu dàng, mặc áo đen, có đôi mắt to và mái tóc màu nâu, suốt ngày lặng lẽ trừ phi có ai hỏi thì mới nói, và giọng nói thì hoàn toàn khác cô Glorvina… một người thiếu phụ còn trẻ âu yếm săn sóc đứa con nhỏ, mỉm cười vẫy tay gọi viên thiếu tá lại gần… một thằng bé có đôi má hồng hào vừa hát vừa chạy vào phòng ở khu phố Russell hoặc đánh đu trên tay George Osborne… đó tức là những hình ảnh duy nhất ngày đêm xâm chiếm tâm trí tưởng tượng của viên thiếu tá không hề giống Amelia trong thực tế.

Hai cô em gái Dobbin ở Luân Đôn có một cuốn sách quảng cáo các kiểu y phục trong đó có một bức tranh đàn bà; Dobbin giấu hai em, xé nó đem theo sang Ấn Độ dán lên nắp hòm, tưởng tượng rằng người đàn bà trong tranh có nét mặt phảng phất giống Amelia… Thật ra đó chỉ là hình một tấm áo kiểu mới nhất trên có một cái đầu búp bê mỉm cười đờ đẫn… Có lẽ hình ảnh cô Amelia đa cảm trong tâm tưởng anh chàng Dobbin cũng như cô gái trong tranh đều không giống người thực ngoài cuộc đời

chút nào hết. Nhưng trong chúng ta có ai đang yêu mà sáng suốt hơn?… Vả chăng liệu khi được mở mắt ra nhìn sự thật và biết là mình lầm thì người ta có sung sướng hơn không. Dobbin đang ở trong tình trạng ngây ngất như vậy. Anh ta không hề đem chuyện riêng ra làm phiền bè bạn và công chúng nhiều quá, cũng không hề vì vậy mà kém hoạt động hoặc ăn mất ngon so với lệ thường. Hồi này, tóc anh ta có hơi ngả mình lác đác một vài sợi bạc lẫn trong mớ tóc mềm mại màu nâu, nhưng tình cảm của anh ta vẫn tươi tắn như trước không hề thay đổi; mối tình của anh vẫn tươi mát như những kỷ niệm tuổi thơ.

Chúng ta đã rõ hai chị em cô Dobbin cũng như Amelia vẫn thường viết thư gửi cho anh ta từ nước Anh. Amelia bằng những lời lẽ rất thẳng thắn và thân mật, tỏ ý mừng Dobbin sắp thành hôn với cô O'Dowd. Amelia viết: "Em gái anh vừa đến thăm tôi, quý hoá quá. Cô ấy báo cho tôi một tin rất lý thú, tôi xin có lời hết sức chân thành mừng anh. Tôi hy vọng rằng người thiếu nữ anh sắp cưới làm vợ về mọi phương diện sẽ xứng đáng với anh, con người vô cùng rộng lượng và đáng quý. Kẻ goá bụa đáng thương này chỉ biết mong ước và cầu Chúa ban cho anh hạnh phúc tốt lành! Georgy cũng gửi lời thăm người cha đỡ đầu thân yêu của nó, và hy vọng rằng anh

sẽ không quên nó. Tôi có bảo cháu rằng anh sắp có những mối dây ràng buộc khác gắn bó với anh với một người chắc chắn xứng đáng với tâm tình của anh. Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng, dù những mối dây ràng buộc ấy mạnh mẽ nhất, thiêng liêng nhất, đó là điều dĩ nhiên, và có thể cho mọi sự ràng buộc khác, nhưng trong trái tim anh, chắc vẫn còn dành ngột góc nhỏ cho hình ảnh hai mẹ con người đàn bà goá bụa này, những kẻ vẫn được anh thương yêu, che chở". Đại khái lời lẽ trong thư từ đầu đến cuối đều như thế, chứng tỏ người viết hết sức hài lòng.

Bức thư gửi từ Luân Đôn sang cùng một chuyến tàu với hộp áo của bà O'Dowd (chắc chắn trước khi mở xem các thứ quà khác gửi cho mình, Dobbin phải bóc ngay thư xem đã) gây ra một sự biến chuyển trong tâm trạng Dobbin, khiến cho anh ta thấy cô Glorvina cùng tấm áo sa tanh hồng và hết thảy mọi thứ liên quan đến cô đều thành ra bỉ ổi tất. Anh chàng thiếu tá nguyền rủa cái thói ngồi lê đôi mách của đàn bà và nguyền rủa cái giống đàn bà nữa. Hôm ấy, chuyện gì cũng làm cho anh ta bực mình… Trời sao nóng quá, mà cuộc diễu binh thì nhạt nhẽo không chịu nổi. Trời đất ơi! Con người thông minh sao lại chọn cái nghề ngày ngày tiêu phí đời mình vào việc kiểm tra mấy cái thắt lưng da và dạy dỗ mấy

tên lính ngu ngốc tập trận? Câu chuyện bàn tán vô nghĩa của bọn trai trẻ trong quán ăn nhà binh nghe lại càng nhức đầu hơn bao giờ hết. Hỏi rằng con người xấp xỉ bốn mươi tuổi đầu như anh ta thì có liên quan gì đến chuyện trung uý Smith vừa bắn được bao nhiêu con chim dẽ… hoặc viên sĩ quan cầm cờ Brown cưỡi ngựa giỏi như thế nào chứ? Những chuyện bông đùa quanh bàn ăn lắm lúc làm Dobbin phát ngượng; anh ta đã quá tuổi thưởng thức những trò giễu cợt của viên sĩ quan thầy thuốc và những tiếng lóng của bọn sĩ quan trẻ tuổi, trong khi ấy thì ông già O'Dowd với bộ mặt đỏ ửng và cái trán hói, vẫn cứ có thể lăn ra mà cười một cách dễ dàng. Ba mươi năm nay, ông ta vẫn nghe quen những chuyện bỡn cợt ấy… Chính Dobbin cũng đã phải nghe mười lăm năm nay. Sau những trò ồn ào ngu xuẩn quanh bàn ăn, lại còn những chuyện cãi cọ, gièm pha lẫn nhau giữa các bà trong trung đoàn nữa cơ chứ? Thật không sao chịu nổi. Thật đáng hổ thẹn! Dobbin nghĩ thầm: "Amelia ơi! Bao giờ tôi cũng trung thành với em. Em trách tôi nhưng chính vì em vô tình nên tôi mọi đành kéo lê mãi cuộc sống tẻ ngắt này. Vậy mà để đền lại công lao bao năm trời tôi đeo đuổi, em nỡ chúc mừng tôi sống hạnh phúc với vợ là con bé hợm hĩnh người Ai len kia sao! William cảm thấy buồn rầu đến phát ốm lên, chưa bao giờ anh ta thấy mình cô đơn, đau khổ đến thế.

Anh ta muốn giã từ phăng cõi đời, với tất cả mọi sự vô nghĩa của nó… vì anh ta thấy cuộc chiến đấu sao mà vô vọng, tương lai sao mà đen tối bi đát! Suốt đêm ấy Dobbin không ngủ, chỉ muốn trở về nước. Lá thư của Amelia làm cho anh ta chưng hửng. Thì ra không có sự trung thành nào, không có tấm tình chân thành nồng nàn nào còn khiến được trái tim Amelia ấm lại. Cô ta không muốn thấy Dobbin yêu mình. Nằm trằn trọc trên giường, Dobbin và với hình ảnh Amelia. "Trời ơi! Em Amelia, em không biết rằng trong đời tôi chỉ yêu có em sao… Đối với tôi lòng em vẫn trơ như đá. Tôi đã săn sóc em hàng tháng ròng rã trong cơn sầu muộn yếu đau, vậy mà em nỡ từ biệt tôi với một nụ cười, và cánh cửa chưa khép kín giữa đôi ta, em đã vội quên rồi?"

Mấy thằng hầu người Ấn Độ nằm ngoài hành lang cứ trố mắt ra mà nhìn ông thiếu tá ngày thường vẫn lạnh lẽo, ít nói, sao bây giờ có vẻ bị xúc động mãnh liệt và rầu rĩ đến thế. Giá được chứng kiến cảnh tượng này không biết Amelia có thương anh chàng không? Dobbin đem những bức thư của Amelia ra đọc một lượt… toàn những thư nói về chuyện sử dụng cái di sản bé nhỏ cô ta tin là được chồng để lại cho mình, hoặc những mẩu giấy mời lời lẽ ngắn ngủi… Anh ta đọc lại tất cả mọi thứ giấy mà Amelia đã gửi cho mình, thấy chúng sao mà lạnh

lùng nhạt nhẽo, ích kỷ đến thế.

Giả sử ngay lúc ấy có một người đàn bà dịu dàng, trìu mến nào hiểu thấu và cảm thông được với con tim lặng lẽ và độ lượng ấy thì biết đâu Amelia chẳng sẽ thôi không còn là bà chúa của trái tim anh chàng, và dòng tình cảm của Dobbin có thể đã hướng về nẻo khác êm ái hơn? Nhưng ở đây chỉ có cô Glorvina với những búp tóc xoăn đen nhánh màu huyền mà anh ta đã quá quen thuộc tính tình; người đàn bà trẻ tuổi sấn sổ này đâu có ý định yêu viên thiếu tá; cô ta chỉ muốn anh chàng mê mình… Cái trò mới phù phiếm, vô ích làm sao; ít nhất thì những phương tiện cô gái đáng thương này đem sử dụng cũng cho ta thấy rõ như vậy. Cô hết uốn lại tóc, lại mặc áo hở vai cho Dobbin nhìn, như thể muốn hỏi anh chàng rằng: "Anh đã bao giờ được thấy những búp tóc huyền và một làn ra nõn nà như thế này chưa?" Cô cười nhăn nhở, cốt cho anh chàng biết rõ toàn bộ răng của cô có cái nào cũng nguyên vẹn không sâu không hà… Kỳ thực có bao giờ Dobbin để ý đến sắc đẹp của cô ta đâu. Sau ngày nhận được hộp áo không lâu, O'Dowd phu nhân cùng các bà trong trung đoàn tổ chức một buổi dạ hội mời khắp mặt các sĩ quan trong đơn vị và các cơ quan hành chính địa phương ý hẳn muốn khoe áo mới thì phải. Cô Glorvina "lên" bộ áo sa tanh hồng đẹp mê hồn; anh

chàng thiếu tá tuy đến dự, nhưng cứ bực bội đi quanh quẩn trong các phòng tiệc, cũng chẳng buồn nhìn đến tấm áo hồng nữa.

Cô Glorvina giận lắm, bèn nhảy với hết thảy các thiếu uý trẻ tuổi trong đơn vị. Cố ý lướt qua trước mặt anh chàng. Nhưng nào Dobbin có buồn ghen tuông, áo đẹp, vai xinh, những thứ ấy đâu đủ mãnh lực rung động nổi trái tim Dobbin, nhưng Glorvina chỉ có chừng ấy thứ.

Cặp trai gái này, mỗi người cũng đủ tiêu biểu cho sự phù phiếm của cuộc đời ta đang sống, vì hai bên cùng khát khao điều mình không đạt tới được. Cô Glorvina chài Dobbin mãi không ăn thua gì, phát khóc lên vì giận. Cô nức nở mà tự thú với mình rằng xưa nay mình "chưa hề yêu ai bằng Dobbin". Những lúc chị em vui vẻ với nhau, cô thường bảo O'Dowd thế này: "Chị Peggy ơi, anh ấy làm cho cõi lòng em tan nát; thế nào rồi cũng phải khâu lại hết cả áo sống của em cho hẹp bớt, vì mỗi ngày em một thêm mình hạc xác ve, không khéo đến thành bộ xương mất thôi". Cô gầy hay béo, cưỡi ngựa hay ngồi đánh đàn, vui cười hay buồn ngủ, anh chàng thiếu tá cũng không cần biết. Còn ông trung tá thì vừa nghe em gái than thở vừa ra sức rít cái tẩu, đoạn góp ý kiến rằng lần sau gửi mua áo ở Luân Đôn, cô Glorvina nên đặt thêm vài tấm áo màu đen, ông lại kể một câu

chuyện kỳ dị xảy ra ở Ai len: có một thiếu nữ chưa hề lấy chồng bao giờ, nhưng lại chết vì đau đớn bởi nỗi mất chồng.

Đang khi viên thiếu tá tiếp tục hành hạ cô gái như vậy, nghĩa là không hỏi làm vợ, cũng không có ý muốn phải lòng, thì có một chuyến tàu mới từ châu Âu sang, đem theo nhiều thư tín; Dobbin cũng nhận được vài bức. Xem dấu bưu điện thì những lá thư này gửi trước những phong thư vừa nhận được; Dobbin nhìn ngay ra nét chữ của em gái; cô em vẫn hay gạch xoá nhằng nhịt khi viết thư cho anh, lại ưa nhặt nhạnh đủ các thứ chuyện nhăng nhít đâu đâu kể lại, rồi còn rầy la anh, giảng đạo lý cho anh một cách không cần dè dặt, khiến cho mỗi khi đọc hết câu: "Anh William thân mến nhất đời của em" chấm dứt mỗi bức thư của em gái, thì Dobbin khổ sở ít nhất là một ngày chưa nguôi. Cho nên "anh William thân mến nhất đời" mới không buồn vội vàng mở phong thư của cô Dobbin ra đọc vội; anh ta muốn đợi đến một ngày khác thích hợp hơn và khi tâm hồn thư thái hơn mới xem. Khoảng nửa tháng trước, Dobbin có viết thư mắng em gái bịa toàn những tin vô lý với bà Osborne: lại viết một bức thư khác trả lời Amelia, cho biết rằng tin đồn về việc mình lập gia đình là bịa đặt, quả quyết rằng mình "không hề có ý định thay đổi cảnh sống hiện tại".

Nhận thư của em gái được độ hai ba hôm, một buổi tối viên thiếu tá đến chơi nhà bà O'Dowd, coi bộ rất vui; cô Glorvina có cảm tưởng anh chàng chú ý lắng nghe mình hát hơn mọi làm cô hát bài "Cuộc hội ngộ của những cơn giông tố", bài "Chú bé ca công" và một vài bài hát khác cốt để làm vui lòng anh chàng (thực ra Dobbin chẳng buồn để ý đến tiếng cô hát cũng như chẳng buồn để ý đến tiếng những con lang tru dưới ánh trăng ngoài rừng; chẳng qua cô gái vẫn quen có ảo tưởng như mọi khi). Dobbin đánh một ván cờ với Glorvina, trong khi viên sĩ quan thầy thuốc chơi bài với bà O'Dowd; một thú chơi buổi tối mà bà ta rất ham; đúng giờ như mọi bận, anh ta từ biệt mọi người về nhà.

Lá thư của cô em vẫn nằm trên mặt bàn như có ý trách móc.

Anh ta cầm lên, hơi ngượng vì thấy mình quá vô tình và chuẩn bị chịu đựng một giờ khổ sở với cô em bất trị. Lúc ấy vào khoảng một tiếng đồng hồ sau khi viên thiếu tá ra về… ông Michael đang đánh một giấc thật ngon lành. Như mọi lần, cô Glorvina đã đính vô khối cặp tóc bằng giấy lên mớ tóc đen nhánh để giữ cho quăn. O'Dowd phu nhân cũng đã xuống phòng ngủ ở tầng dưới; tấm màn đã buông phủ xuống thân hình xinh xắn của bà. Bỗng nhiên người lính gác cổng nhìn thấy dưới

ánh trăng viên thiếu tá chạy xồng xộc lại, dáng điệu hớt hơ hớt hải. Anh ta chạy đến bên cửa sổ phòng của viên trung tá, hét rầm lên:

- O'Dowd! Thưa trung tá?

- Cái gì thế, cậu Dob?

Viên trung tá yên trí trong tỉnh có đám cháy, hoặc Bộ tư lệnh vừa cho lệnh cấp tốc hành quân.

Dobbin đáp:

- Tôi… tôi phải xin phép nghỉ một thời gian. Tôi cần về Anh… có việc riêng rất cấp bách.

Cô Glorvina lo lắng run rẩy làm rung cả mấy cái cặp tóc:

- Trời đất ơi! Không biết có chuyện gì thế!

Dobbin tiếp:

- Tôi cần phải đi ngay… đi ngay đêm nay.

Viên trung tá dậy, bước ra nói chuyện với Dobbin một lúc.

Thì ra nguyên nhân là đoạn tái bút trong lá thư của cô Dobbin:

Hôm qua, em đánh xe ngựa đến thăm "cố nhân" của anh là bà Osborne. Từ hồi bị phá sản, gia đình chị ấy

sống ở một nơi tồi tàn quá. Đọc cái biển đồng treo ngoài cửa túp lều của ông cụ (cái biển nom khá hơn túp lều đôi chút, mới rõ ông Sedley bây giờ buôn than. Thằng con đỡ đầu của anh kháu khỉnh, bạo dạn quá, nhưng xem chừng cái thói ngỗ nghịch bướng bỉnh. Vâng lời anh, chúng em đã chú ý săn sóc nó, và đã giới thiệu nó gặp cô nó là chị Osborne; chị ấy có ý cũng mến cháu. Có lẽ ông nội nó là ông Osborne ở khu phố Russell cũng đang nghĩ lại mà thương đứa con bạn anh đấy; bạn anh cũng là một đứa con lang thang bướng bỉnh. Amelia cũng có ý thuận cho con về ở với ông nội. Người vợ goá đã nguôi nỗi nhớ thương rồi sắp sửa lấy chồng là ông Binny một vị mục sư ở Brompton. Cùng cảnh ngộ "rổ rá cạp lại" cả; vả chăng chị Osborne cũng "đang toan về già"... Em thấy chị ấy có khối tóc sâu rồi đấy... , hồi này chị ấy vui vẻ hơn trước, thằng bé đến chơi nhà ta ăn nhiều quá suýt bội thực. Má cũng gửi lời thăm anh...

Ann Dobbin.

CHƯƠNG XLIV
TỪ LUÂN ĐÔN ĐẾN HAMPSHIRE

Những người bạn cũ của chúng ta trong gia đình Crawley tại phố Great Gaunt vẫn treo trước cửa tấm huy hiệu tang báo tin cụ Pitt Crawley tạ thế, song bản thân tấm huy hiệu quý tộc ấy lại rất sặc sỡ, lộng lẫy; và ngôi nhà hồi này trông phong quang sáng sủa khác hẳn hồi lão nam tước già còn sống. Lớp ghét đen bám ngoài lớp gạch đã được cạo sạch, màu gạch đỏ tươi điểm những vạch vôi trắng ngang dọc như mỉm cười tươi tỉnh với khách qua đường. Con sư tử bằng đồng đen dùng làm chày gõ cửa đã được đem mạ vàng bóng lộn; hàng lan can được sơn lại; ngôi nhà trông âm u, rầu rĩ nhất phố Great Gaunt bỗng trở thành sáng sủa nhất, trước khi những búp lá non xanh kịp thay thế những mảnh lá vàng úa trên hàng cây viền con đường lớn ở trại Crawley Bà chúa đã dẫn thi hài cụ Pitt về nơi an nghỉ cuối cùng.

Người ta nhận thấy có một chiếc xe ngựa của một người thiếu phụ bé nhỏ luôn luôn đỗ trước cửa nhà này. Hằng ngày lại thấy có một người đàn bà đứng tuổi dắt một thằng bé đến chơi. Đó là bà Briggs và thằng Rawdy. Bà này có nhiệm vụ đến coi sóc việc trang hoàng lại ngôi nhà cũ của cụ Pitt, bảo đám thợ đàn bà vá lại những tấm

màn cửa và thảm thêu. Bà còn phải lục lại những ô kéo, những ngăn tủ đầy những di vật cáu bẩn và những đồ trang sức giả hiệu đã từng trang điểm cho cả hai thế hệ phụ nữ trong gia đình Crawley. Bà còn phải kiểm kê lại các đồ sứ, đồ thuỷ tinh và mọi vật khác chất trong các phòng chứa đồ đạc.

Rebecca được giao quyền chỉ huy toàn bộ công việc này, cô ta được tôn ông Pitt uỷ quyền tuỳ nghi định đoạt, tha hồ bán đổi, huỷ bỏ hoặc mua vào đồ mới. Được dịp khoe tài thẩm mỹ và sáng kiến của mình, Rebecca lấy làm hể hả lắm. Hồi tháng mười một, Pitt về tỉnh để giải quyết công việc với bọn luật sư, anh ta đến chung sống gần một tuần lễ với hai vợ chồng ông em trai quý hoá ở phố Curzon; nhân dịp đó, Pitt quyết định sửa sang lại ngôi nhà ở phố Great Gaunt.

Mới đầu, anh ta thuê phòng tại khách sạn, nhưng Becky nghe tin ông nam tước anh chồng về, lập tức một mình đến chào; một giờ sau, cô ta đi xe ngựa trở về nhà, có Pitt ngồi bên cạnh. Không sao mà từ chối được lời chèo kéo mời mọc quá ngọt ngào, tha thiết và chân thành của người đàn bà này. Được Pitt nhận lời.

Becky mừng quá, nắm ngay lấy tay anh chồng bảo: "Cảm ơn bác, chắc Rawdon vui lòng lắm". Bị cô em dâu nắm chặt tay và nhìn thẳng vào mắt mình, Pitt đỏ ra cả

mặt. Cô ta lăng xăng đi trước dẫn bọn đầy tớ khuân hành lý lên phòng dành cho Pitt, rồi đích thân vừa cười ròn rã vừa mang một rổ than xúc trong phòng của mình đem vào.

Lò sưởi trong phòng của Pitt đã cháy đỏ rực (đó tức là phòng ngủ của bà Briggs; nhân tiện xin nói thêm là bà này bị mời lên gác ngủ với chị hầu gái).

- Em biết bác cần sưởi, phải mang than lại ngay.

Becky vừa nói vừa nhìn Pitt, ánh mắt long lanh sung sướng. Kể ra có ông anh chồng đến chơi nhà, cô ta cũng thực tâm sung sướng thật. Trong thời gian Pitt ở chơi, Becky bảo Rawdon ăn cơm ngoài vài bận; anh chàng nam tước được ngồi suốt buổi tối một mình với cô em dâu và bà Briggs. Đích thân Rebecca xuống bếp làm món ăn thết ông anh chồng. Cô ta nói:

- Bác thấy món salmi này thế nào? Em làm để bác xơi đấy. Em có thể làm món khác ngon hơn thế nữa cơ; bác cứ đến thăm em luôn mà xem.

Anh chàng nam tước đáp rất lịch sự:

- Thím làm cái gì cũng giỏi cả.

Rebecca vui vẻ đáp:

- Lấy chồng nghèo thì phải khéo tay mới sống được

bác ạ.

Ông anh chồng công nhận, rằng em dâu mình "xứng đáng làm vợ một ông vua, và tài nội trợ chính là một trong những đức tính quý báu nhất của đàn bà". Đồng thời tôn ông Pitt hơi thất vọng nhớ đến công nương Jane ở nhà với món patê mà vợ nhất định đòi tự tay làm cho chồng ăn, cái món patê thổ tả ấy!

Ngoài món salmi làm bằng thịt chim trĩ trong trại của hầu tước Steyne ở Stillbrook, Becky còn dọn ra mời anh chồng một chai vang trắng Rawdon đã đem từ Pháp về; cô em dâu hay chuyện kể thêm rằng chồng mình mua rượu chẳng mất xu nào; thực ra, đó là thứ rượu nhãn hiệu "Đạo am trắng"[25] lấy trong hầm rượu nổi tiếng của hầu tước Steyne; uống vào đôi má tái nhợt của anh chàng nam tước ửng đỏ lên, và cái thân hình yếu đuối bỗng thấy như bốc lửa.

Để anh chồng uống cạn chai "rượu vang trắng nhỏ"[26], Becky mới đưa tay cho Pitt nắm, rồi cùng đi xuống phòng khách, đặt anh ta ngồi thoải mái trong ghế xô pha cạnh lò sưởi; trong khi anh chàng huyên thuyên kể chuyện, cô ta ngồi yên ra vẻ chăm chú lắng nghe, vừa viền một chiếc áo lót mình cho đứa con trai yêu quý. Khi nào bà Rawdon muốn là ra vẻ đặc biệt giản dị và hiền thục, ấy là lúc chiếc áo lót mình này có dịp chui

ra khỏi hộp đựng đồ may. Dĩ nhiên, trước khi may xong, đối với thằng Rawdy, nó đã trở thành quá chật rồi.

Thế là Rebecca chăm chú nghe Pitt nói, rồi cô ta kể chuyện cho anh chồng nghe, hát cho anh chồng nghe. Tóm lại, cô ta mơn trớn, vuốt ve tài quá, làm cho ông anh chồng mỗi ngày càng thấy sốt ruột, muốn mau chóng từ giã mấy bác thầy kiện ở quán Grey để về phố Curzon ngồi bên lò sưởi cháy dở – mấy lão thầy kiện cũng không mong gì hơn vì đỡ phải ngồi nghe Pitt nói tràng giang đại hải và cũng chính vì vậy anh chàng nam tước thấy giờ ly biệt thực là đáng hận. Lúc Pitt đã ngồi trên xe ngựa, Becky còn giơ bàn tay hôn gửi theo một cái, và rút khăn mùi xoa vẫy mãi, trông thật duyên dáng! Cô ta còn đưa mùi xoa lên chấm mắt nữa cơ chứ. Xe chuyển bánh, Pitt kéo sụp cái lưỡi trai mũ xuống, ngả lưng ra sau, nghĩ thầm rằng em dâu quý mình quá, mà mình cũng đáng được em dâu quý lắm lắm; còn cái thằng Rawdon mới thật ngốc nghếch làm sao, chẳng biết đến giá trị của cô vợ. Pitt lại thấy vợ mình ở trại, so với Becky thật là một trời một vực. Có lẽ chính Becky đã gợi ý cho Pitt về điểm này; có điều cô ta khôn khéo quá nên Pitt không nhớ rõ là cô ta nói lúc nào, nói ở đâu đấy thôi. Và, thế là trước khi anh em chia tay nhau, Pitt quyết định sửa sang lại ngôi nhà để dùng trong mùa hội

sang năm, và đến ngày lễ Giáng sinh, hai gia đình sẽ gặp mặt nhau ở trại Crawley Bà chúa.

Ông anh nam tước đi rồi, Rawdon vui vẻ bảo vợ:

- Giá mình moi được của hắn ít tiền thì hay quá. Tôi đang cần ít tiền trả đỡ cho lão Raggles, nghĩ tội quá. Mình thấy không, chẳng lẽ ta cứ chịu mãi chẳng trả được đồng xu nào, cũng không tiện. Ấy là chưa kể nhỡ hắn lấy lại nhà cho người khác thuê thì rầy rà to. Becky đáp:

- Bảo hắn rằng bao giờ công việc của tôn ông Pitt giải quyết xong, sẽ trả tiền hết thảy mọi người; bây giờ hãy tạm đưa hắn ít nhiều gọi là có. Tấm ngân phiếu này là của Pitt cho thằng bé đây.

Đoạn cô ta móc trong túi ra tờ ngân phiếu của ông anh chồng viết cho thằng cháu trai thừa kế thuộc chi dưới trong họ Crawley.

Sự thực thì cái việc chồng xui, chính Rebecca đã thử dò đường rồi… cũng làm một cách hết sức khéo léo nhưng thấy không ăn thua gì. Cô ta mới thử phàn nàn túng thiếu, đã thấy tôn ông Pitt có ý hốt hoảng và lập tức kể lể dài dòng những là chính mình cũng đang gặp bí về chuyện tiền nong quá, những là bọn tá điền ở đây không chịu nộp tô, những là công việc làm ăn hồi ông

bố còn sống cùng những chi phí về việc tang ma tốn vô khối tiền; anh ta đang lo chuộc lại những món nợ cầm cố, lại rút quá số tiền dự trữ gửi ngân hàng và luật sư. Cuối cùng Pitt nhượng bộ với em dâu bằng cách tống cho cô ta một món tiền rất nhỏ gọi là làm quà cho thằng cháu.

Pitt thừa biết gia đình em trai đang túng. Một nhà ngoại giao lõi đời sắc sảo như anh ta, làm gì không rõ rằng gia đình Rawdon không có đồng lợi tức nào, và nhà cửa cùng xe pháo đàng hoàng như vậy phải đâu không mất xu nào mà có được. Anh ta cũng hiểu rõ mình là chủ nhân, hoặc là kẻ được thừa hưởng món gia tài mà theo sự tính toán thông thường lẽ ra phải thuộc về em trai; như thế chắc hẳn, trong thâm tâm Pitt cũng có phần ân hận, và cảm thấy mình cũng nên công bằng tý chút, gọi là để đền bù lại cho kẻ bị thiệt thòi. Nếu như anh ta là người hiểu lẽ phải công bằng, biết nghĩ đôi chút, vẫn kính Chúa và đọc vỡ nghĩa lý thành kính, biết làm đúng nhiệm vụ của mình trong đời sống, ắt phải tự hiểu rằng mình mang nợ Rawdon về mặt tinh thần và cần phải làm một việc gì đấy để giúp đỡ em trai mới phải.

Đọc tờ "Thời báo" thỉnh thoảng ta vẫn gặp những dòng tin tức buồn cười thế này: "Ông tổng trưởng Bộ tài chính thông báo rằng đã nhận của vị A.B nào đó năm

mươi đồng bảng, của vị W.T. mười đồng bảng, là tiền thanh toán số thuế còn chịu, đồng thời đương sự yêu cầu ngài Tổng trưởng thông báo chung trên mặt báo". Dĩ nhiên ngài Tổng trưởng và có lẽ cả công chúng nữa, cũng thừa hiểu rằng các vị A.B và W.T nói trên mới chỉ trả một khoản tiền rất nhỏ so với toàn bộ số tiền còn chịu nhà nước; nghĩa là kẻ tự động gửi tấm ngân phiếu hai mươi đồng bảng cho kho bạc, lẽ ra phải trả một món tiền gấp hàng trăm, hàng nghìn lần. Đó là cảm tưởng của tôi mỗi khi đọc tin ông A.B hoặc ông W.T tỏ ra biết hối hận đối với cơ quan tài chính. Do đó, tôi cũng tin rằng thái độ hối hận, hay nói là cử chỉ rộng lượng cũng được, của Pitt Crawley đối với em trai chẳng qua cũng là việc thanh toán một phần rất nhỏ món nợ lớn anh ta vẫn còn chịu lại. Nói đến trả nợ, ai mà không cảm thấy khó khăn?

Con người ta có chút lương tri phải biết coi việc từ bỏ đồng tiền là một sự hy sinh đau đớn. Ở đời có ai thấy cho người khác năm trăm đồng bảng không phải là một việc làm cao quý? Kẻ quen xa xỉ, cho tiền không phải vì một niềm vui từ thiện, mà bởi có cái khoái trá của kẻ được tiêu: hắn ta không hề từ chối mình một thứ vui nào, hoặc ngồi ghế "lô" xem hát, hoặc chơi ngựa, hoặc ăn tiệc, cả đến cái thú cho Lazarus[27] năm đồng tiền.

Người quen tằn tiện là người bụng dạ vốn tốt, khôn ngoan, không thèm nợ ai xu nào, cũng không chịu cho ăn mày tiền, mặc cả từng xu với xà ích, thấy bà con nghèo gặp cơn hoạn nạn thì đánh bài lờ. Không biết trong hai loại người này, ai ích kỷ hơn ai? Chẳng qua đối với mỗi người, đồng tiền có một giá trị khác nhau.

Tóm lại, Pitt Crawley nghĩ rằng mình cần giúp đỡ em đôi chút, nhưng thấy rồi lo đến việc ấy trong một dịp khác cũng không muộn.

Becky không phải là người đàn bà quen chờ đợi quá nhiều ở sự rộng lượng của người khác, cho nên được Pitt đãi ngần ấy cô ta cũng tạm bằng lòng, chồng cô cũng cho thế là phải. Nếu bây giờ Pitt chưa cho gì, thì rồi sẽ có ngày phải cho. Tuy không được ông anh chồng cho tiền, nhưng Rebecca cũng được một thứ giá trị không kém gì tiền… tức là sự tín nhiệm. Bác Raggles được chứng kiến cảnh anh em nhà Rawdon thoả thuận với nhau cũng lấy làm yên tâm; ấy là chưa kể bác vừa được trả một ít tiền, lại được Becky hứa sẽ trả một món tiền lớn hơn nhiều. Đến ngày lễ Giáng sinh, Rebecca trả bà Briggs món lãi của số tiền vay nợ cũ, dáng điệu vui vẻ thoải mái như không, tưởng chừng cô ta có cả một kho vàng trong nhà. Rebecca còn nói riêng với bà Briggs rằng mình đã hỏi ý kiến tôn ông Pitt là một nhà tài chính

đại danh, thấy có thể đem số tiền vốn còn lại của bà Briggs đặt lãi một cách rất chắc chắn. Theo lời cô ta thì vì có cảm tình với người bạn trung thành của bà Crawley đã quá cố, cho nên trước khi rời khỏi thành phố, tôn ông Pitt khuyên bà Briggs nên chuẩn bị tiền nong sẵn sàng, đợi có dịp tốt là bỏ ra mua ngay một ít cổ phiếu theo sự tính toán của tôn ông. Thấy được tôn ông Pitt hạ cố thương đến mình, bà Briggs cảm động quá, thật là một sự may mắn không ngờ, vì bà không hề có ý định rút tiền ra khỏi quỹ tiết kiệm của nhà nước – bà càng cảm động hơn vì thái độ kín đáo tế nhị của tôn ông Pitt. Bà hứa sẽ tìm luật sư của mình để yêu cầu rút món tiền chờ dịp làm ăn thuận tiện.

Để tỏ lòng biết ơn hai vợ chồng ân nhân của mình, bà Briggs đi ngay ra phố bỏ hẳn sáu tháng lợi tức của mình ra mua một tấm áo choàng bằng nhung đen cho thằng Rawdy. Thằng bé hồi này đã quá tuổi mặc áo choàng bằng nhung đen, giá mua cho nó một cái áo chẽn và một cái quần dài thì hợp với nó hơn.

Rawdy là một đứa trẻ xinh xắn, mặt mũi tươi tỉnh, có đôi mắt xanh và bộ tóc vàng óng; thằng bé tay chân mập mạp nhưng có một tâm hồn dịu dàng đa cảm, nó gắn bó với bất cứ thứ gì nó thích… với con ngựa non… với bá tước Southdown đã mua ngựa cho nó (mỗi lần gặp nhà

quý tộc trẻ tuổi này, mặt nó đỏ ửng và tươi hẳn lên)… với thằng hầu trông nom con ngựa… với chị bếp Molly đêm đêm vẫn kể chuyện ma cho nó nghe và hay để phần cho nó nhiều thức ăn ngon… với bà Briggs vẫn nuông chiều nó và bị nó vòi vĩnh suốt ngày… đặc biệt với bố nó, vì cũng lạ thay bố nó quý nó lạ lùng. Bây giờ thằng bé đã gần lên tám, tình cảm nó không còn như xưa nữa. Cái ảo ảnh đẹp đẽ của tình mẫu tử đã phai mờ trong trí nó lâu rồi. Có đến gần hai năm, mẹ nó hầu như không nói với nó câu nào.

Rebecca không ưa thằng bé. Nó bị bệnh sởi và mắc bệnh ho gà, mẹ nó lấy làm phiền lắm. Một hôm nghe tiếng mẹ nó hát ở dưới nhà cho hầu tước Steyne nghe, nó thích quá mò từ trên gác xuống đứng ở đầu cầu thang; cu cậu đang khoái trá thưởng thức âm nhạc, bỗng nhiên cửa phòng khách hé mở, lộ ra cu cậu đang rình nghe trộm.

Mẹ nó bèn bước ra bạt tai cho nó hai cái nên thân. Nó nghe thấy từ phòng trong vẳng ra tiếng cười của hầu tước Steyne (lão thấy Becky tỏ thái độ tức giận một cách tự nhiên trước mặt khách như vậy lấy làm thú vị lắm); thằng bé vội lủi xuống bếp với các bạn, lấy làm tủi thân quá.

Thằng Rawdy nức nở nói: "Không phải vì em bị tát

đau đâu.. tại… tại vì… Rồi nó khóc oà lên, không nói được hết câu. Trái tim thằng bé đang vỡ ra từng mảnh. "Tại sao em lại không được nghe má hát? Sao không bao giờ má hát cho em nghe? Sao má chỉ thích hát cho cái ông đầu hói răng to tướng kia nghe thôi?" Thằng bé vừa đau khổ vừa giận dữ thốt ra những lời than thở đứt đoạn như thế. Chị bếp nhìn chị hầu gái, chị hầu gái láu lỉnh nháy anh nhỏ… thế là cái toà án nhà bếp ghê gớm thiết lập trong mỗi gia đình, mà việc gì cũng biết đến kẽ tóc chân tơ, đã xử xong vụ án Rebecca.

Sau sự kiện trên, thái độ của người mẹ đối với đứa con trai biến thành sự thù ghét. Nom thấy mặt thằng bé trong nhà, Rebecca thấy như mình bị dằn vặt, không sao chịu nổi. Trong lòng thằng bé cũng nảy sinh sự sợ hãi, nỗi hoài nghi và ý muốn cưỡng lại. Hai mẹ con xa nhau hẳn kể từ ngày nó bị hai cái bạt tai.

Hầu tước Steyne cũng không ưa gì thằng Rawdy. Nếu vô tình gặp nó, lão cúi chào một cách giễu cợt kèm theo vài câu châm chọc, hoặc giương đôi mắt dữ tợn ra mà ngó trừng trừng vào mặt nó.

Thằng Rawdy cũng giương mắt nhìn trả và nắm chặt hai bàn tay lại. Nó coi lão là kẻ thù, mà trong số khách khứa đi lại với gia đình thì lão quý tộc này lại căm ghét nó nhất. Một bữa thằng nhỏ bắt gặp nó nắm tay đấm bẹp

cái mũ của hầu tước Steyne để ngoài phòng khách. Thằng nhỏ coi là câu chuyện thú vị kể lại cho bác xà ích của lão hầu tước nghe. Bác này kháo ngay với anh hầu phòng của hầu tước Steyne, cứ thế câu chuyện lan rộng trong đám đầy tớ. Thế là ít ngày sau, khi bà Rawdon Crawley đến toà nhà phố Gaunt để dự tiệc, thì từ anh gác cổng cho tới khắp mặt gia nhân và cả những người hầu mặc áo gi lê trắng đứng túc trực trên cầu thang để truyền nhau báo tin trung tá và bà Rawdon Crawley đã đến, đều hiểu rõ, hoặc tự cho là hiểu rõ Rebecca là người thế nào. Anh hầu bưng khay nước mời Rebecca, rồi kính cẩn đứng hầu sau lưng, thì thầm nói chuyện về bà khách với bác quản lý cao lớn, bận cái quần sặc sỡ đứng cạnh. *Trời đất ơi!*[28] Cái thói thóc mách của bọn đầy tớ mới đáng sợ thay! Bạn thấy một bà đến dự buổi tiếp tân lớn trong một phòng khách lộng lẫy, xung quanh xúm xít toàn những người mong được lọt vào mắt xanh; bà ban phát đây đó những cái nhìn long lanh gợi tình; áo bà may tuyệt khéo, tóc bà uốn quăn, môi bà tô đỏ thắm, bà mỉm cười và bà sung sướng… Nhưng kìa! Sự khám phá đang lù lù đi đến một cách lễ phép trong con người đội tóc giả rắc phấn, có đôi bắp chân to, bưng một khay nước… Có thói xấu (cũng tai hại ngang với sự thực) đang đi kèm sau lưng, trong con người to béo mang khay bánh bích quy. Thưa bà, đêm nay bọn này sẽ đem

chuyện bí mật của bà ra kháo với nhau trong quán rượu. Vừa hút thuốc, uống rượu, thằng Jeames sẽ cho thằng Chawles rõ nó nghĩ thế nào về bà. Trong Hội chợ phù hoa, khối người yên trí đầy tớ của mình câm cả… vừa câm vừa không biết viết. Nhưng nếu ngài có tật, hãy giật mình đi. Thằng hầu đang đứng sau lưng ngài có thể là một tên đao phủ có sẵn trong túi một sợi dây thừng để thắt cổ ngài đấy. Còn nếu ngài vô tội, xin hãy cẩn thận giữ gìn ý tứ. Có khi vô tình mà nét mặt, cử chỉ của ngài cũng nguy hiểm đến mức khiến cho ngài như kẻ phạm tội…

Vậy thì Rebecca có tội hay không?". Toà án[29] nhà bếp đã tuyên án xong rồi.

Cũng lại phải công nhận rằng dù bọn gia nhân chưa tin hẳn Rebecca có tội, họ cũng không còn kính nể cô ta nữa. Bởi vì bác Raggles vẫn thấy chiếc xe ngựa của hầu tước Steyne chong đèn đỗ ngoài cửa nhà Rebecca đến quá nửa đêm mới đi; bác buông thêm một câu: "Thế mà còn khéo làm bộ."

Nội một chuyện ấy đủ kết án Rebecca còn hơn cả những cử chỉ nũng nịu khéo léo của cô ta nữa.

Thế là Rebecca cứ như một con rắn vặn mình trườn lên – có vẻ ngây thơ vô tội – để vươn tới cái gọi là "một

địa vị trong xã hội"; trong khi ấy, bọn đầy tớ đinh ninh bà chủ là người hư đốn đứt đuôi rồi, cho nên một bữa chị bếp Molly đứng nhìn con nhện kỳ khu dệt mãi tấm mạng ở xó cửa, sốt ruột chị bèn quơ cho một nhát chổi, thế là đi đứt cả tơ lẫn nhện.

Trước ngày lễ Giáng sinh độ một vài hôm, hai vợ chồng Becky và con trai sắp sẵn hành lý để về chơi trại Crawley của cha ông; Becky không muốn đem con theo, nhưng công nương Jane nhất định đòi đón thằng bé về chơi; vả lại thấy vợ thờ ơ với con trai quá Rawdon bắt đầu tỏ vẻ không bằng lòng. Ông bố ra giọng trách móc bảo vợ: "Nó là đứa bé kháu nhất nước Anh đấy nhá, thế mà mình chẳng quan tâm đến nó bằng con chó lai của mình. Nó sẽ không làm phiền gì mình đâu; về nhà, cho nó ở trong phòng của trẻ con, mình khỏi phải bận; đi đường nó ngồi ngoài với tôi cũng được".

Bà Rawdon đáp:

- Ông ngồi ngoài còn hút mấy điếu xì gà phải gió ấy chứ gì.

Anh chồng nói:

- Thế mà ngày xưa có hồi mình cũng thích xì-gà ra phết đấy.

Becky cười, cô ta vẫn vui tính xưa nay. Cô bảo chồng:

- Khỉ ạ, hồi ấy em còn đang "xin việc". Thôi cũng được, cho thằng Rawdy ngồi ngoài với anh muốn cho nó hút cả xì gà nữa tuỳ thích.

Rawdon không giúp con chống lại khí lạnh trong khi đi đường bằng cách ấy; anh ta và bà Briggs quấn cho thằng bé đủ các thứ khăn quàng và chăn, rồi cẩn thận nhắc nó đặt lên nóc xe; trời còn tối, trạm xe "Bạch mã" đèn vẫn sáng. Thằng bé được ngắm cảnh bình minh thích quá. Đây là lần đầu tiên nó được về thăm nơi bố nó vẫn gọi là "quê nhà". Thằng bé thấy cuộc hành trình hết sức thú vị; chuyện gì xảy ra trên đường đi cũng khiến cho nó hào hứng. Nó hỏi gì bố nó cũng trả lời, cho nó biết cả ai là chủ ngôi nhà quét vôi trắng mé bên phải đường đi, ai là chủ vườn hoa này… Mẹ nó ngồi trong xe với chị hầu gái mang theo cả áo lông, chăn len, lọ nước hoa. Rebecca làm như lần này mới phải đi xe ngựa thuê là một; ai hay đâu khoảng mười năm về trước, cũng chính trong chiếc xe này, cô ta đã có lần bị đuổi ra ngồi ngoài trời để nhường chỗ cho một hành khách đi xe mất tiền.

Đến Mudbury trời vẫn còn tối, thằng Rawdy được bố đánh thức dậy để sang cái xe ngựa của ông bác. Thằng bé cứ trố mắt lên mà nhìn cái cánh cổng sắt mở rộng và những cột trụ quét vôi trắng xoá; trước toà nhà lớn trong

trại, cửa sổ sáng trưng ánh đèn, nhân dịp lễ Thiên chúa giáng sinh. Cửa phòng lớn mở toang… lửa đốt sáng rực trong chiếc lò sưởi cổ kính to tướng… một tấm thảm trải trên nền gạch hoa vẽ ô vuông đen trắng: "Chính là tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ, ngày xưa đứng trong hành lang của các bà đây", Rebecca nghĩ thầm; lát sau, cô ta đã ôm hôn công nương Jane.

Tôn ông Pitt và em dâu hôn nhau một cách rất long trọng.

Rawdon vừa hút thuốc xong, không dám đến gần chị dâu; hai đứa con nhà bác sán lại gần thằng em họ; con bé Matilda hôn thằng Rawdy rồi nắm lấy tay, nhưng thằng Pitt Binkie Southdown, cậu trưởng tộc tương lai, vẫn đứng tách ra mà tò mò ngắm thằng em họ, y như một con chó con đứng nhìn một con chó lớn hơn.

Đoạn bà chủ nhà lịch sự dẫn khách vào trong căn phòng ấm cúng, lửa reo lách tách trong lò sưởi. Hai cô em gái Pitt đến gõ cửa phòng Rebecca, lấy cớ xem chị dâu có cần gì thì đỡ tay hộ. Thật ra họ cốt nhòm ngó những hộp mũ, hộp áo của Becky; tuy chỉ toàn áo mầu đen, nhưng Becky may theo kiểu mới nhất ở Luân Đôn. Họ kể lại cho chị dâu về những sự đổi thay trong trại; Southdown phu nhân đã bỏ đi rồi; Pitt nay có uy tín lớn trong quận, rất xứng đáng với dòng họ Crawley. Tiếng

chuông báo giờ ăn trưa đã điểm; cả gia đình quây quần lại dùng cơm. Thằng Rawdy được ngồi bên bác gái nó, tức là bà chủ gia đình. Becky ngồi cạnh Pitt, bên phải; cô ta được ông anh chồng săn sóc chu đáo lắm.

Thằng Rawdy ăn rất ngon miệng, cử chỉ tỏ ra rất đứng đắn. "Cháu thích ăn cơm ở đây quá." Ăn xong, nó bảo bác gái nó thế. Pitt đọc một đoạn kinh lấy lệ; sau đó người nhà dẫn cậu con trưởng vào ngồi trên chiếc ghế cao ngất ngưởng cạnh bố, cô con gái ngồi cạnh mẹ cũng được một cốc rượu vang con. Thằng Rawdy ngước lên nhìn bộ mặt hiền từ của bác gái, bảo:

- Cháu thích ăn cơm ở đây quá, bác ạ!

Công nương Jane hỏi lại:

- Tại sao, cháu?

- Tại vì ở nhà cháu phải ăn dưới bếp hoặc ăn với bà Briggs.

Becky ngồi tít tận đầu bàn đằng kia, không nghe thấy câu nói của con, vì cô ta đang bận tuôn ra hàng tràng những câu chúc tụng say sưa, và đang bận khen thằng Pitt Binkie mà cô ta cho là một đứa bé kháu khỉnh, thông minh, trông ra phết con nhà nòi, chẳng khác gì bố.

Vì là khách, lại cũng mới là buổi đầu tiên, nên thằng Rawdy được phép ngồi lại bàn ăn tới khi uống trà xong;

người nhà đem một cuốn sách đồ sộ bìa mạ vàng đặt trước mặt Pitt; toàn thể gia nhân lũ lượt kéo vào nghe Pitt đọc kinh. Lần đầu tiên thằng bé đáng thương được chứng kiến một nghi lễ như vậy.

Tôn ông Pitt lên cầm quyền chưa được bao lâu mà trong nhà đã cải cách thay đổi quá nhiều; Becky được ông anh chồng đưa đi thăm mọi chỗ. Cô tuyên bố rằng nhà cửa hoàn toàn ngăn nắp, rất đẹp. Thằng Rawdy được hai đứa con nhà bác đưa đi chơi trong trại; nó cho là một nơi thần tiên lắm. Ngôi nhà có nhiều hành lang dài tít tắp, nhiều buồng ngủ lộng lẫy, nhiều tranh vẽ, nhiều đồ sứ cổ, lại có cả những bộ áo giáp cũ. Bọn trẻ con rón rén đi ngang qua căn phòng ông nội chúng chết trước kia, mắt lấm la lấm lét. Thằng Rawdy hỏi: "Ông nội đâu?" Hai đứa kia kể lại rằng ông nội già lắm, hay ngồi trong ghế lăn có bánh xe, rồi chúng chỉ cho thằng em họ xem cái ghế ông nội chúng vẫn ngồi trước kia để đi sang nhà thờ; thấp thoáng sau hàng cây du trong vườn, mái nhà thờ vươn lên nhọn hoắt, lấp lánh.

Mấy buổi sáng liền hai anh em đi xem xét những sự đổi mới trong trại, do tài tổ chức và tính tiết kiệm của Pitt. Họ sóng đôi nhau đi ngựa hoặc đi bộ mà trò chuyện, có vẻ tương đắc lắm.

Pitt cố ý cho Rawdon biết rằng mình phải bỏ ra khá

nhiều tiền mới sửa sang được như vậy; và một ông chủ có bất động sản nhiều khi túng đến nỗi trong túi không có được hai mươi đồng bảng. Pitt cầm chiếc gậy tre chỉ vào cái cổng, nói có vẻ khiêm tốn:

- Đây là phòng của người gác cổng mới được sửa lại. Tôi đang lo không biết làm cách nào trả được tiền công cho bác ta trước tháng giêng đây.

Rawdon hơi bực mình, đáp:

- Để tôi cho anh vay, anh Pitt ạ.

Hai anh em bước vào căn phòng, trên mặt tường đá mới chạm thêm hình huy hiệu của gia đình. Đã mấy chục năm nay, lần đầu tiên bà lão Lock mới được ở một ngôi nhà có cửa khép kín, mái không dột và có cửa sổ tử tế.

CHƯƠNG XLV
GIỮA HAMPSHIRE VÀ LUÂN ĐÔN

Không phải tôn ông Pitt chỉ sửa lại rào giậu cùng chữa lại vài căn phòng trong trại Crawley Bà chúa mà thôi đầu. Vốn khôn ngoan, anh ta bắt tay ngay vào việc gây dựng lại uy tín của gia đình đã bị ông bố xấu thói và keo kiệt phá hoại. Ngay sau khi cha anh chết, anh ta được bầu thay mặt cho địa phương trong Quốc hội; với tư cách là một quan toà, một nghị sĩ, một người tai mặt trong quận, đại diện cho một dòng họ lâu đời, anh ta tự thấy có nhiệm vụ hoạt động nhiều trước công chúng Hampshire; Pitt bèn tỏ ra hào phóng đối với các tổ chức từ thiện trong quận, chịu khó thăm viếng những nhà tai mặt trong vùng, và không bỏ lỡ một cơ hội nào để leo lên một địa vị, trước hết là trong quận, sau đó là trong toàn quốc, mà anh ta thấy xứng đáng với tài năng lỗi lạc của mình. Công nương Jane được lệnh đi lại thân mật với gia đình Fuddlestones, gia đình Wapshots và các nam tước láng giềng khác.

Bây giờ ta lại thấy xe ngựa của họ ra vào luôn luôn trên con đường lớn của trại Crawley Bà chúa. Pitt mở tiệc thết đãi họ thường xuyên (món ăn làm tuyệt khéo, nhưng chắc công nương Jane ít khi mó tay đến), đồng

thời quanh năm bạn bè xa gần cũng mời vợ chồng anh ta đi dự tiệc ngoài luôn. Tuy tính Pitt vốn trầm lặng không ưa ồn ào mấy, sức yếu mà ăn uống cũng kém ngon, nhưng anh ta thấy ở vào địa vị mình cần tỏ ra là người hiếu khách, mỗi lần phải ngồi tiếp khách quá lâu đến nỗi sau bữa tiệc đầu nhức như búa bổ, Pitt thấy mình thật khổ sở vì nhiệm vụ. Anh ta bàn với những tay chủ điền các chuyện mùa màng, chuyện luật lệ về lúa má, chuyện chính trị. Trước kia anh ta thường tỏ thái độ phóng khoáng đối với những vấn đề săn trộm và bảo vệ thú rừng, bây giờ lại làm ra bộ hết sức khe khắt. Pitt không đi săn; anh ta không ra săn bắn. Anh ta chỉ là một con người của sách vở, với những thói quen hiền lành, nhưng anh ta cho rằng phải đẩy mạnh việc nuôi ngựa trong quận, và cũng cần chú ý đến vấn đề bảo vệ cáo rừng đỡ bị giết hại. Vì lẽ đó, Pitt ta sẵn sàng mời ông bạn là ngài Huddlestone Fuddlestone vốn ham săn cáo đến săn trong phạm vi trại Crawley Bà chúa. Không những thế, trong đời sống hằng ngày, anh ta lại tỏ ra có khuynh hướng phục tùng tôn giáo chính thống. Southdown phu nhân giận lắm vì con rể thôi không thuyết giáo trước công chúng, cũng không đến dự những buổi họp đạo hữu tự do trước nữa. Trái lại, anh ta rất chăm đi nhà thờ, đến thăm vị giám mục và các mục sư ở Winchester; khi ngài phó chủ giáo Trumper mời tới chơi một ván bài, anh ta

vui lòng nhận lời ngay. Southdown phu nhân đau khổ quá, bà thấy con rể bây giờ là kẻ bỏ đi, vì bắt đầu đam mê những thú vui phàm tục!… Một lần, đi dự lễ đạo ở Winchester về, Pitt tuyên bố rằng năm sau sẽ đưa hai em gái đi dự những buổi dạ hội ở quận; hai cô sướng quá muốn tôn ông anh lên mà thờ. Công nương Jane vì vâng lời chồng mà đi, nhưng trong bụng có lẽ cũng thích. Bà mẹ vợ lập tức viết thư cho tác giả cuốn "Người đàn bà giặt thuê ở Finchley" ngụ tại Hảo Vọng giác miêu tả thật khủng khiếp về cách ăn ở phàm tục của cô con gái; hồi này ngôi nhà của bà ở Brighton vắng người thuê, bà lại về trú ngụ ở đó. Phải thú thực rằng con gái và con rể cũng không lưu luyến bà lắm lắm. Rebecca về thăm trại Crawley Bà chúa lần sau thấy vắng mặt bà lão hay cho thuốc, có lẽ cũng không thấy nhớ nhiều thì phải. Tuy vậy, cho đến ngày lễ Giáng sinh, cô ta cũng viết thư cho Southdown phu nhân, nhắc lại những ngày gặp gỡ cũ, ngỏ lời cảm tạ vì phu nhân đã có lòng thương chuyện trò và cho thuốc khi cô ta đau ốm; lại nói rằng mình về trại trông thấy cái gì cũng nhớ đến người vắng mặt.

Những sự đổi thay trong cách cư xử của Pitt Crawley mang lại thêm uy tín cho anh ta, phần lớn là dựa vào lời khuyên của người thiếu phụ bé nhỏ mưu mẹo ở phố Curzon. Hồi Pitt về chơi Luân Đôn, Becky bảo anh ta thế

này: "Bác chỉ muốn là một nam tước thôi à? Bác bằng lòng chỉ làm một ông phú hộ nhà quê chăng? Không, thưa tôn ông Pitt Crawley, em biết bác có thể hơn thế. Em biết bác có tài, có tham vọng. Bác giấu được mọi người, nhưng thoát sao được mắt em. Em đã đưa cho hầu tước Steyne xem bài xã thuyết bác viết về vấn đề lúa mạch; ngài quan tâm đến bài đó làm; ngài nói rằng theo ý các vị trong Nội các, đấy là một tài liệu đầy đủ nhất về vấn đề lúa mạch. Ngài tổng trưởng rất chú ý đến bác, em cũng rõ bác định làm gì rồi: bác muốn trở thành có tiếng tăm trong Quốc hội, phải không nào? Thiên hạ ai cũng bảo bác là nhà hùng biện có tài nhất nước Anh; họ chưa quên những bài diễn thuyết của bác ở Oxford, bác muốn trở thành đại biểu của quận; ở đấy với số phiếu của bác, lại có dân chúng trong quận làm hậu thuẫn, bác muốn làm gì mà chẳng được, bác muốn trở thành đệ nhất nam tước tại trại Crawley Bà Chúa; bác sẽ được toại nguyện ngay khi còn sống. Em thấu rõ gan ruột bác rồi. Ôi! Giá chồng em có được trí thông minh và địa vị của bác, chắc chắn em cũng là người vợ xứng đáng… nhưng… nhưng em chỉ là em dâu bác thôi – cô ta cười tiếp – em nghèo túng thật, nhưng vẫn mong bác thành công; vả lại biết đâu con chuột lại chẳng giúp con sư tử được việc nhỉ?"

Pitt Crawley nghe nói, vừa ngạc nhiên vừa khoái trá. Anh ta nghĩ thầm: "Con mụ này đi guốc vào bụng mình thật! Đố bao giờ mình bảo được Jane đọc bài xã thuyết về lúa mạch của mình. Cô ấy không thể hiểu rằng mình là người có tài cao, có chí lớn. Thì thiên hạ vẫn nhớ những bài diễn thuyết của mình ở Oxford cơ à? Bọn đê tiện!

Bây giờ mình đã là nghị sĩ, sắp sửa ngồi trong hội đồng hàng quận, chúng nó mới nhớ đến mình. Năm ngoái, lão hầu tước Steyne gặp mình trong triều cứ lờ đi, bây giờ mới bắt đầu hiểu rằng Pitt Crawley chẳng phải tay vừa đâu. Phải lắm, tôi vẫn như xưa thôi, có điều đến bây giờ cá mới gặp nước; rồi tôi sẽ cho các vị biết rằng tôi nói, tôi hành động cũng không kém gì tôi viết. Xưa kia, trước khi Achilles được trao gươm vào tay, ai biết anh ta là cái quái gì. Tôi đây là cũng được trao gương và rồi thế giới sẽ nghe đại danh Pitt Crawley".

Bởi thế nhà ngoại giao xấu thói mới đột nhiên đâm ra hiếu khách, mới chăm đi dự lễ hội tôn giáo và làm việc từ thiện, mới giao thiệp thân mật với giới tu sĩ, mới thết tiệc cũng như dự tiệc luôn luôn, mới tỏ ra nhã nhặn một cách đặc biệt với các tá điền khi gặp họ trong những phiên chợ, và mới hết sức quan tâm đến mọi công việc trong quận. Đồng thời, vì thế ngày lễ Giáng sinh trong

trại mới được tổ chức linh đình lâu nay chưa từng có.

Đúng ngày lễ Giáng sinh, tất cả gia đình tề tựu đông đủ. Bên nhà thờ cũng sang ăn cơm không thiếu một ai. Rebecca đối với bác Bute hết sức thành thực và thân mật, y như giữa hai người không hề có chuyện gì xảy ra. Rồi cô ta săn đón hỏi han hai cô con gái bà Bute, tỏ ngạc nhiên vì họ tiến bộ rất nhiều về khoa âm nhạc. Cô ta còn đòi hai chị em nhà này hát đi hát lại một bài song ca trích trong cuốn sách nhạc to tướng mà Jim phải lóc cóc về nhà đem sang trại; cu cậu bực mình lắm. Bà Bute bắt buộc phải giữ một thái độ hoà nhã đối với con người xảo quyệt; dĩ nhiên sau đó mấy mẹ con tha hồ mà bàn tán với nhau không hiểu vì sao Pitt lại tỏ ra nể nang em dâu một cách vô lý đến thế. Riêng Jim được ngồi cạnh Becky lúc ăn cơm, tuyên bố rằng cô ta là một người đàn bà hoàn toàn; toàn thể gia đình ông Bute đồng ý công nhận thằng Rawdy là một đứa trẻ kháu khỉnh. Họ có thái độ kính trọng nó như đối với một vị nam tước tương lai, vì thực ra giữa thằng bé và tước vị này chỉ có một trở ngại tức là chú bé Pitt Binkie xanh xao, quặt quẹo.

Hai đứa trẻ chơi với nhau rất thân. Đối với thằng Rawdy, thằng Piky chỉ là con chó cún so với một con chó xồm; con bé Matila là con gái không đọ được với một thằng con trai gần tám tuổi, sắp sửa mặc cả áo chẽn

như người lớn. Cho nên thằng Rawdy lập tức trở thành người chỉ huy… hai chị em con Matilda cứ kính cẩn lẽo đẽo theo sau thằng này, lấy làm sung sướng lắm vì được nó chiếu cố chơi với. Chưa bao giờ thằng bé thích chí đến thế. Nó thích nhất khu vườn rau: vườn hoa không thích bằng, nhưng lần nào được đến thăm chuồng chim bồ câu, chuồng gà và chuồng ngựa thì nó sướng vô kể. Nó nhất định không cho hai chị em cô Crawley hôn nó, nhưng thỉnh thoảng nó cũng bằng lòng cho công nương Jane vuốt ve một lúc. Sau bữa ăn, lúc đến giờ theo các bà sang phòng khách, để cho các ông ở lại uống rượu vang, thì nó thích ngồi cạnh bác gái hơn cạnh mẹ nó. Rebecca thấy tình mẫu tử đang lúc hợp thời, một buổi tối gọi nó đến gần và trước mặt mọi người cúi xuống hôn nó một cái.

Được mẹ hôn, thằng bé nhìn trừng trừng vào mặt mẹ, đỏ tía cả hai tai, chân tay lẩy bẩy y như những phút nó bị xúc động rất mạnh. Nó bảo mẹ:

- Ở nhà má có hôn con bao giờ đâu, hở má?

Mọi người yên lặng, sửng sốt; Kêbecca nhìn con, tức lộn ruột.

Thấy công nương Jane vồ vập con mình, Rawdon quý chị dâu lắm.. Becky và công nương Jane cũng chưa thân nhau hơn so với lần trước, khi Becky về thăm trại

cố tình làm vui lòng mọi người; thằng Rawdy vô tình nói mấy câu làm cho hai chị em dâu đối với nhau kém phần thân mật. Cũng có thể vì tôn ông Pitt đối với em dâu đã tỏ ra săn sóc hơi quá chăng?

Thằng Rawdy đã lớn,ưa được gần các ông hơn là ngồi với các bà. Nó thích theo bố ra chuồng ngựa; bố nó hay lủi ra đây hút một điếu xì gà… Jim,con trai ông mục sư, thỉnh thoảng cũng theo anh họ ra làm vài hơi và dự những trò tiêu khiển khác. Anh ta đánh bạn rất thân với người coi rừng của Pitt, vì hai bên cùng là tay sành chó cả. Một hôm, Jim, Rawdon và người gác rừng cùng đi săn chim trĩ; họ đem theo cả thằng Rawdy. Một lần khác, cả bốn chui vào nhà kho lùng săn chuột; thằng Rawdy thấy săn chuột lại vui hơn săn chim trĩ nhiều. Họ đứng chắn ở cửa mấy cái cống thông nước trong nhà kho, rồi từ cửa mé bên kia, họ xua mấy con chồn vào; đoạn cả bọn đứng im phắc, tay mỗi người giơ sẵn thật cao một cái gậy. Một con chó săn túc trực sẵn sàng (Jim đặt tên nó là Forceps); con chó không dám thở mạnh, co một chân lên đứng im như tượng, lắng nghe tiếng chuột khe khẽ rúc rích dưới lỗ. Bí quá sinh liều,cuối cùng đàn chuột bị săn riết lần lên mặt đất; con chó săn vồ được một; bác gác rừng đập chết một; Rawdon vội vàng quá đánh hụt một con chuột, nhưng lại

quật trúng suýt chết một con chồn.

Hôm ngài Huddlestone Fuddlestone mang bầy chó săn sang trại Crawley Bà chúa thật là một ngày lịch sử.

Thằng Rawdy được chứng kiến một cảnh tượng hết sức ngoạn mục. Mười giờ rưỡi, thấy Tom Moody là thợ săn của ngài Huddlestone Fuddlestone, phi ngựa nước kiệu tiến vào con đường lớn trong trại, theo sau là cả một đàn chó đông lúc nhúc. Sau hết là hai thằng hầu mặc chế phục màu đỏ lấm láp, cưỡi ngựa cầm roi lùa những con chó đi chậm. Họ có lối quất roi rất tài, cứ nhè những chỗ gầy sát xương mà quật những con chó dám la cà dừng lại hoặc dám lấm lét nhòm ngó mấy con thỏ rừng chạy vụt qua trước mõm.

Tiếp theo là thằng Jack, con trai bác Tom Moody; thằng bé chỉ nặng có ba mươi ki-lô, cao bốn mươi tám inch; nó cọc người không lớn được nữa. Thằng Jack cưỡi một con ngựa gầy trơ xương sườn, trên lưng úp một bộ yên to tướng. Đó là con ngựa quý nhất của tôn ông Huddlestone; lão đặt tên nó là "Thượng lưu"; nhiều thằng bé khác cũng cưỡi ngựa lục đục kéo vào; ông chủ phóng ngựa tới sau cùng.

Tom Moody thúc ngựa đến trước cửa lớn ngôi nhà chính, bác quản lý bước ra đón, đưa rượu mời, nhưng Tom không uống. Hắn dắt bầy chó săn ra bãi cỏ tìm chỗ

có bóng râm; đàn chó lăn kềnh trên nền cỏ êm, con nọ đùa bỡn hoặc gầm gừ với con kia, thỉnh thoảng lại oẳng nhau một trận, nhưng lập tức bị Tom quát mắng hoặc đét cho vài roi chúng lại câm miệng ngay.

Bây giờ mới đến các vị chủ nhân trẻ tuổi, cưỡi toàn ngựa nòi; họ đi ủng cao đến đầu gối bước vào nhà, chào các bà và uống rượu mạnh. Vài người nhũn nhặn và thượng võ hơn thì đứng cậy bùn bám vào ủng, rồi đổi ngựa "thồ" lấy ngựa săn, và cho phi vài vòng quanh bãi cỏ để gây hào hứng. Đoạn họ đứng quây xung quanh bầy chó săn, bàn tán với Moody về cuộc săn vừa qua, về những đức tính của con Sniveller hoặc con Diamond, về tình hình thú rừng hiện nay trong địa phương và về chuyện giống cáo bây giờ tồi quá.

Bây giờ mới thấy tôn ông Huddlestone đến. Lão cưỡi một con ngựa tuyệt đẹp tiến thẳng đến ngôi nhà chính, xuống ngựa bước vào chào các bà xong là bắt tay ngay vào việc, vì tính lão vốn ít nói.

Bầy chó săn bị xua ra trước cửa ngôi nhà chính; thằng Rawdy đứng giữa đám chó, vừa thích lại vừa sợ, vì chúng cọ mình vào thằng bé, thỉnh thoảng lại quất đuôi vào nó một cái. Tom Moody hết quát tháo lại lấy roi vụt đen đét cũng không được.

Trong khi ấy tôn ông Huddlestone đã nhảy phốc lên

lưng con "Thượng lưu". Lão nói: "Tom, trước hết ta hãy qua cánh rừng Sowster đã, lão tá điền Mangle mách tao ở đấy có một đôi cáo". Tom bèn rút tù và thúc ngựa phi nước kiệu, theo sau là bầy chó săn, bọn người hầu cầm roi, các ông trai trẻ ở Winchester bọn tá điền quanh vùng, và cả những bác nông dân trong trại đi chân không; họ coi ngày hôm ấy là một ngày hội lớn. Tôn ông Huddlestone cùng Rawdon Crawley đi đoạn hậu; cả đoàn người khuất dạng dần cuối con đường cái.

Lão mục sư Bute Crawley không muốn ra mắt công chúng trước ngôi nhà của cháu trai; Tom Moody vẫn còn nhớ bốn mươi năm về trước, lão là một mục sư trẻ tuổi, vóc người gọn gàng, chuyên cưỡi những con ngựa thật bất kham phi cứ băng băng qua những lạch nước rộng nhất và những hàng rào cao nhất trong vùng. Lão Bute cưỡi một con ngựa ô vạm vỡ phóng từ phía nhà thờ ra, vừa đúng lúc tôn ông Huddlestone phi ngựa qua, và nhập ngay vào đoàn người. Thế rồi cả chó cả người mất hút; thằng Rawdy đứng trơ lại một mình trên bậc thềm, ngây ra nhìn có vẻ khoái lắm.

Trong thời gian về nghỉ ở trại, thằng bé không được ông bác ưa thích lắm. Tính Pitt thường lạnh nhạt, nghiêm khắc thích đóng cửa ngồi một mình trong phòng khách, cặm cụi với những công việc kiện cáo; xung

quanh chỉ thấy toàn bọn tá điền và bọn công sai ra vào trong phòng. Trái lại, các cô nó, hai chị em con nhà bác ở trại và Jim rất mến nó. Thấy Jim có ý tán tỉnh một cô em gái mình, có lần Pitt đã khuyến khích Jim một cách hơi lộ liễu rằng khi nào cái lão già hay săn cáo kia về chầu giời thì sẽ giành chân mục sư cho em họ. Jim bèn thôi không săn cáo nữa, chỉ đi bắn vịt giời hoặc chim dẽ; săn chuột qua quýt gọi là, rồi trở về trường đại học cố gạo thi lại lần nữa cho khỏi trượt. Anh ta đã sắm đâu được một bộ quần áo màu xanh, một chiếc cà vạt đỏ, và vài món trang sức lịch sự khác, chuẩn bị sẵn sàng cho việc leo lên địa vị mới. Đó là phương pháp rẻ tiền và tiết kiệm mà tôn ông Pitt dùng để trả nợ bà con họ hàng.

Tuy nhiên, ngay trong dịp lễ Giáng sinh này, anh chàng nam tước đã lấy hết can đảm biếu em trai thêm một tờ ngân phiếu nữa trị giá những một trăm đồng; mới đầu Pitt cũng tiếc đứt từng khúc ruột, nhưng về sau nghĩ rằng mình quả là con người hào phóng nhất đời, anh ta cũng thấy hể hả. Hai bố con Rawdon rời trại về tỉnh lòng buồn rười rượi; trái lại Becky và đám phụ nữ chia tay nhau lại có phần vui vẻ; cô bạn của chúng ta trở về Luân Đôn tiếp tục nốt công việc ta đã rõ khi bước vào chương này. Được bàn tay cô ta sắp đặt, bộ mặt ngôi nhà ở phố Great Gaunt như trẻ hẳn lại, sẵn sàng đón tiếp gia đình

tôn ông Pitt khi anh ta về Luân Đôn để dự họp Quốc hội, và để lãnh trách nhiệm lớn lao đối với đất nước cho xứng với thiên tài của anh ta.

Trong khoá họp đầu tiên, tay đạo đức giả sâu sắc này chưa lộ rõ chủ trương ra vội; anh ta chỉ lên tiếng thay mặt cho dân chúng ở Mudbury trình bày một bản kiến nghị. Nhưng Pitt lại chịu khó dự đầy đủ khoá họp, và nghiên cứu kỹ những thủ tục hoạt động trong Hạ nghị viện. Về nhà, anh ta lại kỳ khu nghiên cứu kỹ càng cuốn "Sách xanh"[30]; công nương Jane thấy chồng thức khuya làm việc tợn quá phát hoảng lên vì lo chồng ốm. Anh ta còn lân la làm quen với các vị tổng trưởng các lãnh tụ trong đảng, nhất định chỉ ít năm nữa sẽ leo lên địa vị của họ.

Rebecca thấy công nương Jane đối với mình ngọt ngào thân mật thì ghét thậm tệ đến nỗi phải khó khăn lắm mới giấu kín được thái độ thực của mình. Becky lấy làm phiền về lòng tốt và sự thẳng thắn của chị dâu lắm lắm, cũng không sao tránh được khỏi lộ rõ sự khinh ghét của mình ra, hoặc có những cử chỉ khiến cho công nương Jane cuối cùng cũng đoán được. Ngược lại, công nương Jane cũng không ưa gì Rebecca, vì lúc nào cũng thấy chồng trò chuyện với em dâu; hai bên hình như lại có những dấu hiệu kín đáo gì với nhau thì phải. Pitt nói

với Rebecca về những chuyện chưa hề bao giờ bàn với vợ. Dĩ nhiên, cô vợ không hiểu gì mấy về những vấn đề ấy, nhưng cứ phải ngồi ngậm hột thị thì cũng cảm thấy bực mình; lại càng bực mình hơn vì đang khi mình không có gì mà nói, thì cái con mụ Rawdon táo tợn này cứ thao thao bất tuyệt nhảy từ vấn đề này sang vấn đề khác, sẵn sàng có ý kiến đáp lại hết thảy mọi người, bao giờ cũng có những câu khôi hài chêm vào đúng lúc. Còn gì nhục hơn là ngay trong nhà mình mà phải ngồi lẻ loi cạnh lò sưởi để mà nhìn bọn đàn ông quây lấy kẻ thù.

Hồi còn ở trại, đám trẻ con thường xúm xít quanh công nương Jane (cả thằng Rawdon, vì nó rất mến cô ta); nhưng mỗi khi đang kể chuyện cổ tích cho bầy trẻ con nghe, thấy Becky bước vào phòng với nụ cười mỉa mai với cái nhìn khinh khỉnh, thì lập tức công nương Jane im bặt không sao nói được nữa. Những ý tưởng đơn giản mộc mạc trong đầu cô ta tự nhiên biến mất, y như các nàng tiên trong chuyện cổ khi thấy bóng quỷ dữ lại gần. Rebecca yêu cầu chị dâu tiếp tục câu chuyện lý thú đang dở dang, giọng nói thoáng điểm một chút gì châm biếm mỉa mai; nhưng công nương Jane không sao kể tiếp được nữa. Về phía Becky, cô ta không sao chịu nổi những ý tưởng hồn nhiên cũng như những thú vui mộc mạc, cô ta ghét lây cả những người nào ưa thích

chúng; Becky không ưa trẻ con, không ưa cả những người yêu trẻ con. "Em không sao chịu được cái bọn nhà quê chúng nó". Cô ta thường nói như thế mỗi khi kể chuyện công nương Jane với hầu tước Steyne. "Cũng như có người không sao chịu được nước thánh vậy". Ngài hầu tước nhếch mép cười đáp, rồi phá ra cười có ý giễu cợt.

Cho nên hai chị em dâu ít khi gặp mặt nhau, trừ trường hợp Becky có việc cần nhờ vả công nương Jane thì không kể. Những lúc ấy, họ "chị chị, em em" với nhau ra chiều thân thiết đáo để, nhưng rồi lại cứ như mặt trăng mặt trời. Riêng tôn ông Pitt, mặc dầu công chuyện bề bộn ngập đầu, hằng ngày vẫn tìm cách gặp bằng được cô em dâu một lần mới chịu.

Một bữa phải đi dự buổi tiệc khai mạc Quốc hội, Pitt liền nhân dịp ra mắt em dâu trong bộ lễ phục đặc biệt tức là bộ sắc phục của nhà ngoại giao anh ta vẫn mặc hồi còn là đại diện ngoại giao tại tiểu triều đình Pumpernickel. Becky khen anh ta bận bộ áo trông rất "nền"; trước đó, anh ta đã được vợ con không ngớt lời ca ngợi; bây giờ cô em dâu cũng xưng tụng không kém. Cô ta bảo chỉ có những người quý phái chính tông mặc áo trào trông mới có mẽ; kiểu quần ngắn khít ống chỉ thích hợp với những người con dòng cháu dõi. Pitt

khoan khoái nhìn xuống đôi chân mình, yên trí rằng gái nào cũng phải mê; thực ra đôi chân anh ta cũng tương tự như thanh gươm anh ta đeo bên sườn, nghĩa là cũn cỡn và khẳng khiu như nhau.

Pitt đi rồi, Becky bèn vẽ ngay một bức biếm hoạ, rồi đưa cho hầu tước Steyne xem, lúc lão đến chơi. Lão hầu tước thấy vẽ giống như in thích lắm, bỏ túi mang đi. Lão đã ban cho tôn ông Pitt Crawley cái hân hạnh được tiếp kiến ngay tại nhà Becky; lại tỏ ra rất nhã nhặn đối với vị tân nam tước, nghị sĩ Quốc hội. Pitt rất lạ vì thấy vị đại thần tỏ ý nể nang em dâu lắm, lại thấy cô ta nói cười tự nhiên duyên dáng như không, mà bọn khách khứa đàn ông ai cũng phải chăm chú lắng nghe. Hầu tước Steyne ngỏ ý rằng sự nghiệp chính trị của vị tân nam tước có nhiều triển vọng, và lão đang khát khao được nghe bài diễn văn đầu tiên của Pitt. Lão còn nói rằng vì hai nhà ở gần nhau (phố Great Gaunt dẫn thẳng ra quảng trường Gaunt) nên bao giờ hầu tước Steyne phu nhân về Luân Đôn thì mong sẽ được tiếp Crawley phu nhân… Độ một hai hôm sau, lão cho gửi danh thiếp đến ông bạn láng giềng, một việc mà đối với lão Pitt giá ngày trước, lão không làm bao giờ, mặc dầu hai nhà vẫn là láng giềng với nhau trong gần một thế kỷ.

Càng ngày Rawdon càng cảm thấy mình bị lẻ loi giữa

những chuyện mưu tính, những cuộc tiếp tân lịch sự và những nhân vật khôn ngoan sang trọng ấy. Anh ta được vợ cho phép đi đến câu lạc bộ và đi ăn cơm ngoài với bọn bạn hữu chưa vợ thường xuyên hơn trước; Rawdon tha hồ đi về tuỳ ý, cô vợ không một lời căn vặn.

Nhiều bận hai bố con dắt nhau sang phố Gaunt ngồi chơi với công nương Jane và mấy đứa cháu, trong khi tôn ông Pitt đóng kín cửa ngồi chung xe với Rebecca đi đến nghị viện, hoặc từ Nghị viện về nhà.

Anh chàng cựu trung tá hay ngồi lặng lẽ hàng giờ liền ở nhà anh trai, cố gắng không làm gì hết, không nghĩ gì hết. Anh ta thú nhất là được đóng vai đầu sai, hoặc chạy đi lo việc mướn một thằng hầu, tậu một con ngựa cho anh, hoặc ngồi cắt món thịt cừu rán cho mấy đứa trẻ ăn. Lâu dần, tính nết anh ta đâm ra lười biếng và phục tùng; Delilah đã cầm tù và cắt mất bộ tóc của anh ta rồi. Bầu máu nóng sôi sục mười năm về trước nay đã nguội ngắt; Rawdon biến thành một ông sang trọng đứng tuổi lỳ xỳ, thụ động và béo. Còn công nương Jane đáng thương của chúng ta cũng biết Rebecca đã bắt mất hồn của chồng mình, tuy rằng lần nào gặp nhau, hai chị em dâu cũng vẫn vồn vã chị chị em em ngọt ngào.

CHƯƠNG XLVI
VẬT LỘN VÀ THỬ THÁCH

Trong thời gian này, mấy người bạn của chúng ta ở Brompton cũng đang mừng lễ Giáng sinh, nhưng không được vui vẻ lắm.

Người vợ góa của Osborne vẫn trích trong số lợi tức đồng niên một trăm đồng của mình lấy ba phần tư ra để đưa cha mẹ, gọi là đỡ tiền chi tiêu về hai mẹ con. Cộng với số tiền 120 đồng Joe gửi về giúp thêm, cái gia đình bốn người này cũng gọi là sống tiềm tiệm được cho qua ngày; họ nuôi chung với gia đình ông Clapp một chị hầu gái người Ai len; sau những thất vọng và cơn bão tố vừa qua, bây giờ họ cũng có thể mời khách đến chơi uống một chén trà. Ông Sedley được gia đình ông Clapp là người giúp việc cũ rất kính nể. Ông Clapp vẫn chưa quên hồi được mời đến ăn cơm nhà ông chủ ở khu phố Russell mình còn khúm núm ngồi mớm bên mép chiếc chế dựa mà nâng cốc chúc sức khỏe bà Sedley, cô Emmy và cậu Joseph ở Ấn Độ. Trong ký ức người thư ký chất phác, thời gian cũng làm tăng thêm vẻ lộng lẫy huy hoàng của những kỷ niệm xưa. Mỗi khi từ nhà bếp lên nhà trên uống một tách trà, hoặc một cốc rượu trắng với ông Sedley, ông thường nói: "Cụ ạ, ngày xưa có bao

giờ cụ dùng những thứ này nhỉ?”.

Đoạn ông trịnh trọng nâng cốc chúc sức khoẻ của hai mẹ con bà Sedley, y như hồi gia đình này đang làm ăn thịnh vượng. Theo ý ông ta, cô Amelia chơi âm nhạc hay nhất, không ai bằng, và cũng không ai xinh đẹp hơn cô. Ở quán rượu không bao giờ ông ta dám ngồi ngang với ông Sedley, cũng không bao giờ chịu để cho người khác nói xấu ông chủ cũ. Ông ta bảo rằng chính mình đã từng được thấy những bậc tai mặt nhất thành quân đến bắt tay với ông chủ, và đã có một hồi ông Sedley và Rothschild cặp kè bên nhau hằng ngày ở phòng hối đoái, mà Rothschild nợ ông chủ vô khối tiền. Ông Clapp là người làm ăn cẩn thận, lại viết chữ rất đẹp, nên sau khi chủ phá sản, cũng sớm tìm ngay được việc làm ở chỗ khác. Ông ta thường bảo: “Thằng tôi ấy à, cứ ném xuống sông xuống bể cũng không chết được”[31]. Một người chủ có cổ phần trong công ty cũ của ông Sedley bằng lòng mướn ngay ông Clapp giúp việc, trả lương khá hậu. Thế là đám bạn hữu giàu có của ông Sedley cứ dần dần rơi rụng hết, cuối cùng chỉ còn người làm công đáng thương này là vẫn trung thành với ông.

Số tiền lợi tức cỏn con còn lại, Amelia phải tiêu hết sức dè sẻn để có thể cho con ăn mặc sao cho xứng đáng với con trai của George Osborne, và để trả tiền học

phí cho con; sau khi đã ngần ngại, tính đi tính lại mãi, cuối cùng cô ta đành phải gửi con đến học tại một trường học nhỏ. Nhiều đêm, người mẹ phải thức đến khuya để xem bài vở của con, đọc lại sách văn phạm và địa lý để kèm con học thêm. Amelia còn kỳ khu tự học cả thứ tiếng khó học ấy nữa. Phải xa con một ngày trời, phải giao phó con cho ngọn roi của ông giáo và để cho lũ bạn học trêu chọc, người mẹ yếu đuối, dễ động tâm ấy cũng đau khổ như khi phải cai sữa cho thằng bé. Trái lại, thằng bé được đi học thì sướng quá. Nó đang muốn thay đổi không khí. Thấy con vui quá, người mẹ đang đau khổ vì xa con có ý hơi buồn, nhưng rồi phải hối hận ngay, tự trách mình sao lại quá ích kỷ đến mức muốn con phải đau khổ, George học rất tiến bộ, ông đốc trường này là bạn của mục sư Binny tức là người vẫn theo đuổi mẹ nó. Thằng bé mang về nhà vô khối phần thưởng và giấy khen. Đêm nào nó cũng kể cho mẹ nó nghe đủ các thứ chuyện về các bạn học; thằng Lyons rất tốt, thằng Sniffin tồi quá, bố thằng Steel bán thịt cho nhà trường, còn thằng Golding thì thứ bảy nào cũng được mẹ mang xe ngựa đến đón về nhà; lại cả chuyện thằng Neat mặc quần có cả dây đeo – nó cũng thích kiểu quần ấy lắm – anh thằng Bull khoẻ quá, học lớp dưới mà đánh được cả bọn học trò lớp trên, dám đánh cả ông giám thị cũng được. Dần dần Amelia cũng thuộc tính nết từng

đứa học trò trong trường như thằng Georgy đánh nhau với thằng Smith, vác cái mặt tím bầm về nhà, huênh hoang kể chuyện lại với mẹ và ông ngoại rằng mình vừa chiến đấu ra trò; thật ra cu cậu cũng chẳng can đảm mấy tý nên vừa bị choảng một trận nên thân. Từ bữa ấy Amelia chưa bao giờ tha thứ cho thằng Smith, mặc dầu bây giờ nó đã trở thành một ông lang thuốc hiền lành ở công viên Leicester.

Cuộc đời người đàn bà goá hiền hậu đó cứ thế mà trôi qua với những sự tính toán hiền lành và những việc vô tội tương tự… lác đác đã thấy một vài sợi tóc bạc điểm trên mái đầu, và một nét nhăn thấp thoáng hiện trên vầng trán xinh đẹp. Amelia thường vẫn mỉm cười trước những dấu vết tàn phá ấy của thời gian: "Tôi già rồi, nhưng chuyện ấy có nghĩa gì đâu". Hy vọng duy nhất của Amelia là được sống nuôi con tới khi khôn lớn, làm nên sự nghiệp nổi tiếng xứng đáng với bố nó. Cô giữ gìn cẩn thận vở viết, tranh vẽ và bài làm của con; khách đến chơi cô mang ra khoe dường như đó là những việc phi thường của một thiên tài trác tuyệt. Cô gửi vài thứ cho mấy cô em gái Dobbin, để đưa cho cô Osborne và cả ông Osborne xem… cốt khiến cho ông lão phải hối hận vì đã quá tàn nhẫn với đứa con đã chết. Amelia đã chôn sâu xuống lòng mộ mọi nhược điểm và khuyết điểm của

người chồng quá cố, chỉ còn ghi lại hình ảnh người tình nhân đã hy sinh tất cả để cưới mình làm vợ, hình ảnh người chồng can đảm và khôi ngô đã ghì mình trong đôi cánh tay buổi sáng hôm lên đường ra trận để anh dũng chết cho Đức vua. Chắc giờ này người anh hùng ấy đang từ trên thiên đường mỉm cười nhìn xuống đứa con có một không hai mà anh ta gửi lại để an ủi và khuyến khích người vợ lẻ loi.

Ta đã biết ông nội thằng George tuy ngồi thoải mái trong tấm ghế bành tại khu phố Russell nhưng càng ngày càng đâm ra hay cáu gắt và rầu rĩ; cô con gái tuy có xe ngựa quý, tên tuổi ghi trên có đến nửa số bản kê các công việc từ thiện trong tỉnh, nhưng vẫn chỉ là một cô gái già trơ trọi, khổ sở. Cô Osborne vẫn cứ luẩn quẩn với hình ảnh thằng bé kháu khỉnh, thằng cháu trai của cô; cô thèm được giong chiếc xe ngựa lộng lẫy tới căn nhà thằng bé ở Công Viên, hy vọng gặp thằng cháu. Thỉnh thoảng cô em gái, là vợ ông chủ nhà băng, cũng quá bộ về thăm nhà và người bạn từ tấm bé ở khu phố Russell. Cô này đem theo đứa con ốm yếu có một chị vú em ăn bận diêm dúa theo hầu. Lấy cái giọng nhỏ nhẻ, vừa khúc khích cười, cô Maria vừa kể con cà con kê cho chị nghe nào là mình quen thuộc toàn người quyền quý, nào là thằng con trai Frederick trông giống bá tước Claud

Lollypop như đúc, nào là một bữa bé Maria ngồi xe đi chơi ở Roehampton có một bà nam tước trông thấy nó thích quá. Cô ta xui chị bảo bố nên làm một việc gì cho các con mình. Cô đã quyết định sau này sẽ cho thằng Frederick sung vào đội ngự lâm quân; nhưng nếu phải bỏ tiền ra tậu đất để cho nó có tước hiệu thế tập (chắc chắn ông Bullock sẽ tậu đất dù có vì thế mà bị phá sản và túng thiếu đến chết cũng cam) thì còn đâu ra làm của hồi môn cho con gái sau này? Vợ Bullock bảo chị gái:

- Em trông mong vào sự giúp đỡ của chị đấy. Chị xem, phần gia tài em được hưởng của ba thế nào chẳng về tay đứa con lớn của em. Chị Rhoda McMull đã định bao giờ ông bố chồng là bá tước Castletoddy chết là chuộc lại hết những tài sản đã cầm cố của gia đình Castletoddy; ông cụ nay mai cũng sắp chết về bệnh thống phong. Vậy là thằng bé Macduff McMul sắp trở thành tử tước Castletoddy rồi. Cả hai vợ chồng Bludyers ở đường Mincing đều đã sang tên cho thằng con trai chị Fany Bludyers hết cả tài sản. Thằng Frederick nhà em thế nào cũng phải có tước hiệu thế tập; chị… thế nào chị cũng bảo ba chuyển số tiền gởi ở phố Lombard về cho chúng em, chị nhé. Tội gì để cho con Stumpy và Rawdy chúng nó hưởng lãi.

Cô ta chấm dứt cái trò thuyết lý lẫn lộn cả giọng

huênh hoang và sự tính toán nhỏ nhen bằng một cái hôn như chạm vào một con sò, rồi dắt hai đứa con quần áo bảnh bao mỉm cười lên xe về nhà.

Chết một nỗi là mỗi lần cái bà kiểu cách này về thăm nhà là một lần thêm tai hại cho mình. Ông bố càng tuôn thêm tiền cho gia đình Stumpy và Rawdy, vì ông càng cảm thấy không sao chịu đựng nổi cô con gái.

Người đàn bà goá đáng thương sống trong túp nhà nhỏ bé ở Brompton nào hay rằng vật báu mình nâng niu trong tay cũng đang được nhiều người khát khao muốn có.

Buổi tối hôm cô Jane Osborne kể với bố rằng mình vừa gặp cháu trai, thì ông lão không nói năng gì, nhưng cũng không tỏ vẻ giận dữ… lúc đứng lên đi về phòng mình ông lại chúc con gái ngủ ngon, giọng nói như ngọt ngào hơn thường lệ. Hẳn là ông có suy nghĩ về lời con gái, và có thăm dò tin tức về việc con gái đến thăm gia đình Dobbin, cho nên nửa tháng sau, ông hỏi con gái xem chiếc đồng hồ nhỏ kiểu Pháp và sợi dây vàng cô ta vẫn đeo này ở đâu? Cô thiếu nữ sợ quá, đáp: "Thưa ba, con mua bằng tiền riêng của con đấy."

"Đi tìm mua một cái khác giống như thế, hoặc đẹp hơn cũng được", ông lão nói vậy, rồi lại ngồi im lặng.

Mấy chị em cô Dobbin đã nhiều lần khẩn khoản yêu cầu Amelia cho phép Georgy đến chơi với họ, vì thấy cô cháu có ý mến nhau, họ kín đáo ngỏ ý rằng rất có thể ông nội nó sẽ nghĩ lại mà trông nom cháu. Dĩ nhiên, Amelia không nên từ chối một sự may mắn có lợi cho con trai như vậy, mà cũng không thể từ chối; nhưng cô thuận tình đi vào con đường hoà giải mà trong lòng vẫn bồi hồi nghi ngại; trong lúc con đi vắng, cô vẫn thấy không yên tâm; lúc con về, cô thấy như nó vừa thoát một tai nạn nào đó. Thằng bé mang về nhà nhiều đồ chơi, cả tiền nữa; người mẹ trông thấy trong lòng vừa lo lắng vừa ghen tị. Mỗi lần cô lại hỏi xem con có gặp "một ông nào không". Thằng bé đáp:

- Con chỉ gặp cụ William, cụ cho con ngồi lên cái ghế có bốn bánh đẩy đi chơi; con gặp cả bác Dobbin, chiều hôm nay cũng đến, cưỡi con ngựa màu hồng đẹp quá, bác mặc áo xanh lá cây, thắt cà vạt đỏ cầm cái roi ngựa đầu bịt vàng; bác hứa sẽ đưa con đi xem tháp Luân Đôn và đi săn trong rừng Surrey.

Sau cùng thằng bé kể với mẹ:

- Có một ông cụ già có đôi lông mày rậm lắm cơ, đội cái mũ vành to tướng đeo sợi dây chuyền cũng to tướng. Một hôm lúc bác xà ích đang dắt con ngựa dạo chơi trên bãi cỏ thì ông cụ ấy đến; ông cụ nhìn con ghê quá, có

vẻ xúc động dữ lắm. Ăn cơm xong con bảo: "Tên cháu là Norvan"; thế là cô con khóc; lần nào cô ấy cũng khóc.

Amelia hiểu ngay rằng con mình đã gặp ông nội nó, cô nóng ruột chờ đợi lời đề nghị mà cô chắc chắn ông lão sẽ đưa ra sau khi gặp cháu; quả nhiên, vài ngày sau đúng thế thật. Ông Osborne chính thức đề nghị được mang cháu nội về nuôi, và sẽ cho nó hưởng phần gia tài lẽ ra bố nó được hưởng. Ông cũng sẵn sàng trợ cấp cho bà Osborne để có thể sống sung túc. Trong trường hợp bà George Osborne muốn đi bước nữa như có tin đồn, ông lão cũng sẽ không rút số tiền trợ cấp ấy, dĩ nhiên với điều kiện là thằng bé sẽ ở hẳn với ông nội ở khu phố Russell, hoặc một nơi nào khác theo sự lựa chọn của ông Osborne; thỉnh thoảng nó sẽ được phép về thăm mẹ.

Amelia nhận được lá thư đề nghị trên vào một buổi bà mẹ đi vắng; còn ông Sedley thì đang bận rộn ở khu City như thường lệ.

Cả đời cô chỉ giận dữ đâu có hai hay ba lần; viên luật sư riêng của ông Osborne đã có diễm phúc được chứng kiến một trận lôi đình hiếm có. Đọc hết lá thư ông Poe vừa trao cho mình Amelia đứng phắt dậy mặt đỏ bừng, tay run lẩy bẩy, cô xé tan nát lá thư ra từng mảnh rồi chà nát dưới chân. "Tôi đi lấy chồng khác! Thế ra tôi bán

con tôi lấy một món tiền à? Kẻ nào dám nhục mạ tôi mà ăn nói như vậy? Ông về nói hộ với cụ Osborne rằng đây là lá thư của một kẻ hèn nhát, thưa ông, lá thư của một kẻ hèn nhát… tôi không thèm trả lời; xin chào ông. Thế rồi bà ấy cúi chào, đuổi tôi ra cửa, trông kiêu hãnh như một bà hoàng.

Đó là lời viên luật sư kể chuyện lại.

Ngày hôm ấy ông bà Sedley không hề thấy Amelia có vẻ gì xúc động; cô cũng không kể lại cuộc gặp gỡ vừa rồi với ông bà Sedley. Ông lão bà lão cũng đang bận bịu nhiều việc riêng, những việc mà người con thơ ngây và thương cha quý mẹ này rất quan tâm: ông lão vẫn loay hoay với việc kinh doanh. Chúng ta đã rõ công ty buôn rượu và công ty buôn than của ông đã thất bại thế nào rồi; tuy vậy ông Sedley vẫn hăng hái lao vào khu City với một tinh thần say sưa ít có. Ông đang dự định một chương trình kinh doanh mới, và cương quyết theo đuổi đến cùng mặc dầu ông Clapp hết sức can ngăn, mà quả ông lão cũng chưa hề dám bày tỏ hết với ông Clapp về hoạt động của mình. Ông Sedley vẫn có nguyên tắc là không bao giờ nói chuyện tiền nong trước mặt đàn bà, bởi vậy họ không hề có một chút ý niệm gì về những tai hoạ đang chờ đợi họ; cho tới khi ông lão bắt buộc phải thú nhận dần dần sự thực với vợ con thì họ mới rõ.

Mới đầu những hoá đơn chi tiêu trong gia đình vẫn được thanh toán sòng phẳng hằng tuần; bây giờ việc trả tiền bắt đầu chậm lại, tuy các món tiền cũng chẳng bao lăm. Vẻ mặt rầu rầu, ông Sedley báo cho vợ biết rằng không thấy Joe gửi tiền trợ cấp từ Ấn Độ về. Mọi khi bà Sedley trả tiền mua hàng đều đặn, bây giờ thấy bà lão đến khất xin chịu lại, vài người bán hàng làm ầm lên; trong khi ấy, nhiều khách hàng khác của họ vẫn thanh toán tiền thất thường hơn nhiều mà họ không hề kêu ca nửa lời. Emmy vẫn vui vẻ cấp đỡ cha mẹ không hề hỏi han thắc mắc gì, nhưng chỉ đủ trang trải nửa phần chi tiêu trong nhà. Cứ thế, sáu tháng đầu trôi qua không có chuyện gì; ông già Sedley vẫn nuôi hy vọng giá cổ phần của mình sẽ lên và thế là mọi việc sẽ tốt đẹp cả.

Nhưng sau sáu tháng vẫn không nhận được món tiền sáu mươi đồng, thế là tình hình ngày càng gay go… Bà Sedley bây giờ đã cao tuổi, ốm yếu luôn, cứ lầm lỳ, hoặc ngồi khóc cả ngày với bà Clapp ở dưới bếp. Bác hàng thịt không được trả tiền, mặt nhăn như bị, lão hàng rau đâm ra hỗn xược; đã một hai lần thằng Georgy càu nhàu vì bữa bánh mì ăn kém ngon. Amelia chỉ ăn mỗi bữa một miếng nhạt cũng xong; nhưng thấy việc ăn uống của con không được săn sóc, cô phải bỏ thêm tiền ra mua quà cho con ăn để giữ gìn sức khoẻ thằng bé.

Cuối cùng hai ông bà già đành thú thực với con gái, đúng hơn là nói quanh co, như những người gặp lúc túng quẫn vẫn nói. Một hôm, Amelia vừa nhận được tiền trợ cấp hằng tháng, bèn đưa đỡ cha mẹ một phần, nhưng lại ngỏ ý muốn giữ lại chút ít để trả tiền áo mới may cho thằng Georgy.

Hai ông bà bèn cho biết rằng Joe không gửi tiền trợ cấp về, gia đình đang túng thiếu; bà cụ nói thêm rằng lẽ ra Amelia phải thấy điều đó từ lâu, nhưng tại cô chỉ biết đến con trai của mình thôi.

Thấy mẹ nói dỗi Amelia yên lặng đặt cả số tiền vừa lĩnh được lên mặt bàn rồi vào phòng nằm khóc sưng cả mắt. Hôm ấy cô rất khổ tâm vì phải đến báo với thợ hoãn may áo cho con; bộ áo này cô định sắm cho con diện ngày lễ Giáng sinh, đã bàn đi bàn lại mãi về kiểu áo với người thợ may là bạn quen.

Khổ nhất là phải bảo cho thằng Georgy biết việc này, thằng bé khóc rầm lên. Ngày lễ Giáng sinh trẻ con đứa nào cũng có áo mới, chúng nó cười chết mất. Thế nào cũng phải có áo đẹp cho nó; mẹ nó đã hứa rõ ràng như thế rồi. Người đàn bà goá đành chỉ biết đền con mấy cái hôn. Cô vừa ngồi mạng lại bộ áo cũ của con vừa khóc, cố lục lọi tìm xem còn vật trang sức nào bán được để lấy tiền mua áo cho con không. Chỉ còn có tấm khăn san

Ấn Độ Dobbin tặng hồi nọ. Amelia nhớ đã một lần cùng mẹ đến một nhà hàng bán thổ sản Ấn Độ ở đồi Ludgate ở đó người ta mua đi bán lại loại hàng này rất nhiều. Tìm được cách giải quyết, Amelia mừng quá mắt sáng lên, cặp má đỏ bừng; lúc con đi học cô hôn con rồi mỉm cười nhìn theo con mãi. Thằng bé nhìn mặt mẹ cũng cảm thấy có điều hay. Amelia bọc tấm khăn san vào trong một chiếc mùi xoa (đây cũng là một tặng vật của viên thiếu tá tốt bụng) giấu vào trong vạt áo, rồi hăng hái tìm đến đồi Ludgate; cô rảo bước dọc theo dãy hàng rào công viên rồi chạy vụt qua các ngã tư, làm cho nhiều người đàn ông phải quay lại nhìn theo mãi, họ tự hỏi không biết cái người đàn bà có bộ mặt hồng hào xinh đẹp kia có việc gì mà coi bộ hối hả đến thế. Cô nhẩm tính sẵn mình sẽ dùng món tiền bán khăn san vào những việc gì; may áo cho con xong, còn thừa tiền, sẽ mua mấy quyển sách thằng bé vẫn ao ước, và trả nốt sáu tháng tiền học còn chịu lại, cô sẽ mua cho cha một tấm áo choàng mới, để ông cụ khỏi phải đeo mãi chiếc áo rách cổ lỗ sĩ. Cô đã không lầm về giá trị món quà tặng của viên thiếu tá. Đó là một thứ hàng rất mịn, rất đẹp. Người bán đồ cũ mua lại được với giá hai mươi ghi nê, đã vớ được một món khá hời.

Sung sướng quá, Amelia lập tức chạy đến hiệu Darton

sau nghĩa địa nhà thờ St. Paul, mua bộ *Giúp đỡ cha mẹ*[32], và bộ Sandford và Merton là hai bộ sách thằng Georgy ao ước từ lâu. Đoạn Amelia lên xe ngựa về nhà, trong lòng hớn hở vô cùng. Cô lấy bút nắn nót viết vào trang đầu cuốn sách: "Ngày lễ Giáng sinh, mẹ thân yêu tặng Georgy Osborne". Mấy cuốn sách bây giờ vẫn giữ được, dòng chữ còn nguyên vẹn. Cô đi về phòng riêng, định đặt hai cuốn sách lên bàn học của Georgy qua hành lang thì gặp mẹ. Bảy quyển sách gáy mạ vàng óng ánh đập vào mắt bà Sedley. Bà cụ hỏi:

- Những cái gì thế kia?

Amelia đáp:

- Con mua mấy quyển sách cho cháu Georgy đấy, con đã hứa làm quà ngày lễ Giáng sinh cho cháu.

Bà lão giận quá kêu lên:

- Sách với chả vở. Cả nhà không có bánh mì mà ăn, cô lại có tiền mua sách! Tôi phải bán hết đồ trang sức của tôi, cả chiếc khăn san Ấn Độ vẫn quàng, phải bán đến cả bộ thìa dĩa để cho mẹ con nhà cô có tiền ăn sung mặc sướng, cho bố cô khỏi phải vào tù, cho bọn bán hàng khỏi chửi vào mặt cả nhà và để trả tiền thuê nhà cho ông Clapp! Ông ấy thật biết điều không phải là người nghiệt ngã, nhưng người ta cũng phải nuôi con chứ.

Amelia, mẹ thật khổ tâm lắm vì mấy quyển sách của con, vì thằng con trai con mà con lúc nào cũng chiều lắm đâm hư. Amelia ơi, cầu trời sao cho con trai của con sau này đừng bất hiếu như thằng Joe nhé. Thằng Joe bỏ mặc bố mẹ nó già nua trơ trọi thế này đây. Thằng Georgy thì cái gì cũng đầy đủ, sau này tha hồ giàu có, bây giờ đang đi học, đeo dây chuyền và đồng hồ vàng như ông hoàng con… thế mà ông lão nhà này thì một xu không có dính túi đấy.

Dứt lời bà lão khóc nức nở cứ ầm cả nhà lan khắp căn nhà nhỏ ai cũng nghe rõ mồn một.

Amelia van mẹ:

- Kìa má, má ơi! Má có bảo cho con biết gì đâu… Con đã hứa mua mấy quyển sách này cho cháu… sáng nay con bán chiếc khăn san của con đi đấy mà. Đây mẹ cầm lấy tiền… mẹ cầm lấy hết mà tiêu. Bàn tay run run, cô móc túi lấy tất cả những đồng hào bạc và những đồng tiền vàng – những đồng tiền vàng quý báu bao nhiêu – dúi vào tay mẹ; nắm tiền vãi tung ra lăn cả xuống thang gác.

Đoạn cô về phòng riêng nằm vật xuống giường, khổ sở thất vọng vô cùng. Bây giờ thế là hai năm rõ mười rồi. Vì ích kỷ mà cô đã bắt con trai chịu hy sinh. Chính vì cô mà con trai không được hưởng sự giàu sang, cũng

như học thức, và địa vị của cha nó; chính vì cô mà George xưa kia đã bị gia đình từ bỏ. Chỉ cần nói một tiếng thôi là cả cha cô và con trai cô lại được đầy đủ. Ôi, ý nghĩ ấy chua xót biết bao đối với trái tim dịu dàng và đau khổ kia.

CHƯƠNG XLVII
LÂU ĐÀI GAUNT

Ai cũng biết rằng lâu đài của hầu tước Steyne dựng trước công viên Gaunt, ăn thẳng ra phố Great Gaunt; hồi sinh tiền cụ Pitt Crawley, lần đầu tiên chúng ta đã có dịp dẫn Rebecca đến phố này. Nếu ta ngó qua hàng rào thì sẽ thấy sau hàng cây đen ngòm trong công viên thấp thoáng bóng vài cô giáo dạy trẻ tiều tụy dẫn mấy đứa bé mặt xanh xao đi chơi loanh quanh trong công viên, và đi vòng quanh bồn hoa ở giữa vườn; chính giữa bồn hoa có dựng một pho tượng, tức là tượng hầu tước Gaunt, xưa đã tham gia chiến đấu ở Minden; ngài đội mớ tóc giả tết thành ba khóm, bận áo theo lối hoàng đế La mã. Toà lâu đài Gaunt chiếm gần hết chiều dài của công viên. Ba mặt kia là những tòa nhà thuộc quyền sở hữu của các bà nhà giàu ở góa… đó là những ngôi nhà đồ sộ âm u, các khung cửa sổ đều xây bằng đá xám hoặc bằng gạch màu đỏ nhạt. Bây giờ những kiểu nhà ấy đã trở thành bất tiện vì ánh sáng khó lòng lọt được vào trong. Hình như ta cũng thôi không còn tiếp khách nữa kể từ khi sau cánh cửa vắng bóng những thằng hầu bận chế phục lộng lẫy vẫn mang đuốc cắm vào những chân đèn bằng sắt ở hai bên cầu thang. Bây giờ xung quanh công viên thấy dựng vô khối biển bằng đồng… "bác sĩ", "Ngân hàng

Diddlesex, chi nhánh khu Tây”… , “Hội hợp tác Anh quốc và Âu châu v.v. nom mà phát chán, mà toà nhà dài của hầu tước Steyne trông cũng không tươi tắn gì hơn. Mé chính diện là một bức tường mênh mông điểm một dãy cột hoen rỉ nơi cổng ra vào… Một lão gác cổng có tuổi béo phệ, mặt đỏ, vẻ rầu rĩ, thỉnh thoảng lại thò cổ ngó ra đường… Phía trên tường lộ ra những cửa sổ phòng ngủ và những ống khói lò sưởi, nhưng ít khi có khói toả ra vì hiện nay hầu tước Steyne ở Naples; lão ưa cảnh bờ biển vịnh Capri và ngọn núi Vesuvius hơn ngôi nhà rầu rĩ ở công viên Gaunt này.

Cách dăm chục thước về mặt phố New Gaunt có một cửa hậu nhỏ đơn giản ăn thông vào chuồng ngựa của lâu đài Gaunt; trông nó cũng không có gì khác những cái cổng chuồng ngựa thông thường, ấy thế mà đã có vô khối xe ngựa cửa đóng kín mít đỗ cạnh cổng này đấy; anh chàng Tom Eaves chuyện gì cũng biết đã dẫn tôi đến xem và mách với tôi như thế. Anh ta bảo:

- Ông ạ, Hoàng tử và Quận chúa Perdita vẫn ra vào cửa này luôn… cả cô Marianne Clarke cùng đi với quận công… Cổng này ăn thông vào *dãy phòng riêng*[33] khét tiếng của hầu tước Steyne; có một phòng toàn bằng ngà voi và sa-tanh trắng, một căn phòng khác lại toàn gỗ mun và nhung đen. Có một gian phòng tiệc xây dựng

theo kiểu của Sallust ở Pompeii, do Cosway trình bày; lại có một gian bếp nhỏ dùng riêng, trong đó xoong chảo đều bằng bạc. Chính trong gian bếp này, Hoàng thân Philip bình đẳng[34] nước Pháp đã tự tay quay lấy mấy con gà gô nhân dịp người cùng hầu tước Steyne được bạc mười vạn đồng của một vị quan to tại Ombre. Một phần số tiền này tiêu vào cuộc cách mạng Pháp, còn một phần, hầu tước Steyne dùng để mua tước hầu và tước Tuỳ Giá Trị Thần cho mình… Tom Eaves biết đủ mọi thứ chuyện, có thể kể cho ta nghe về từng hào một trong việc chi tiêu phần tiền còn lại nhưng việc đó chẳng ăn nhập gì với chuyện của chúng ta.

Ngài hầu tước còn có nhiều lâu đài khác rải rác ở mọi nơi khắp ba nước, ta có thể thấy liệt kê trong các sách hướng dẫn khách du lịch… Lâu đài Strongbow có rừng bao quanh ở vùng bờ bể Shannon, lâu đài Gaunt ở Carmarthenshire, nơi xưa kia vua Richard đệ nhị bị cầm tù, lâu đài Gauntly Hall ở Yorkshire, nghe nói trong lâu đài này có tới hai trăm bình pha trà bằng bạc kèm đủ mọi đồ dùng sang trọng tương tự dùng để tiếp khách, lâu đài Stillbrook ở Hampshire, thuộc khu trang trại của hầu tước, "tệ xá" của ngài. Tuy thế người ta vẫn chưa quên được những bộ bàn ghế đẹp tuyệt mang bán đấu giá mới rồi, sau khi ngài tạ thế, hầu tước phu nhân Steyne thuộc

dòng dõi một gia đình quý tộc lâu đời tức là dòng họ Caerlyons hầu tước Camelot. Dòng họ này kế tục ngay từ trước khi nhà vua Brute[35] đặt chân tới Anh quốc, mặc dầu ngài Brute đáng kính là ông tổ họ đã cải theo tôn giáo Anh quốc, cả họ vẫn giữ tôn giáo cũ.

Người con trưởng trong dòng họ có biệt hiệu là Pendragon những người con thứ từ cổ đến giờ vẫn gọi là Arthur, Uther, và Caradoc. Đầu họ đã bị rơi trong nhiều cuộc âm mưu khởi loạn. Nữ hoàng Elizabeth đã chém đầu một ngài Arthur đương thời về tội là thị vệ đại thần của Phillip và Mary, lại đem một lá thư của Nữ hoàng xứ Scots cho quận công Guises. Gia đình có một người con thứ làm võ quan thân cận của ngài quận công nổi tiếng này, và đã đóng góp một phần quan trọng trong vụ âm mưu Saint Bartholomew. Suốt trong thời gian Nữ hoàng Mary bị giam giữ, dòng họ Camelot không ngớt âm mưu khởi loạn để ủng hộ. Tài sản của họ bị Nữ hoàng Elizabeth ra lệnh tịch thu khá nhiều để lấy tiền tổ chức một đội thuỷ quân chống lại đội hải thuyền Acmada vô địch của Tây Ban Nha, cũng như vì họ phạm tội che giấu các giáo sĩ Thiên chúa giáo và cương quyết bợ đỡ các hành động sai trái của giáo hoàng. Dưới triều vua Jemes đệ nhất cũng có một người trưởng tộc đã cải đạo vì nhất thời bị quyến rũ bởi những lý lẽ của nhà thần đại

học danh; sự yếu đuối ấy cũng tạm thời giúp cho tài sản của dòng họ được khôi phục phần nào. Nhưng đến triều vua Charles thì hầu tước Camelot lại trở về truyền thống tín ngưỡng ấy chừng nào dòng họ Stuart còn có người lãnh đạo những cuộc khởi loạn.

Công nương Mary Caerlyon được nuôi dưỡng trong một nhà tu kín ở Paris, được Quận chúa Marie Antoinette nhận làm mẹ đỡ đầu. Đang tuổi hương trời sắc nước, công nương được gả – thiên hạ thì bảo là bán – cho hầu tước Gaunt khi ấy sống ở Paris, lão đánh bạc được một món tiền lớn của anh trai công nương trong một bữa tiệc do Philip Orleans tổ chức. Người ta đồn rằng vì nhan sắc chim sa cá lặn của công nương Mary Caerlyon mà hầu tước Gaunt đã đấu kiếm với bá tước de la Marche thuộc đội ngự lâm pháo thủ (ông này mới đầu chỉ là quân hầu, về sau trở thành cận thần của bà chúa).

Công nương lấy hầu tước Gaunt ngay khi vết thương của lão chưa lành, hai vợ chồng ở lâu đài Gaunt một hồi vẫn ra vào triều đình của hoàng tử xứ Wales.

Fox tiên sinh chết mê chết mệt vì công nương. Morris and Sheridan đã từng làm vô khối thơ tình vì người đẹp.

Malmesbury cũng mắc bệnh tương tư. Walpole cho công nương là giai nhân tuyệt thế, còn nữ bá tước Devonshire thì ghen lồng ghen lộn lên. Nhưng sau một

thời lăn vào cuộc sống đầy những thú vui xô bồ mãnh liệt của giới thượng lưu, công nương thấy sợ hãi, cho nên khi đã sinh hạ được hai đứa con trai, công nương lui về cuộc sống ẩn dật, mộ đạo. Do đó, ta không nên lấy làm lạ khi thấy hầu tước Steyne, con người vốn ưa khoái lạc ồn ào, không mấy khi có mặt bên người vợ lặng lẽ, luôn luôn run rẩy mê tín và đau khổ này.

Anh chàng Tom Eaves kể trên còn biết vô khối chuyện khác về Steyne phu nhân; những chuyện ấy có thể sai mà cũng có thể đúng sự thật (anh ta không đóng một vai trò gì trong truyện này, chỉ là người biết khắp các vị tai to mặt lớn ở thành Luân Đôn và hiểu chân tơ kẽ tóc về những chuyện bí mật của họ). Tom Eaves vẫn bảo: "Người đàn bà ấy bị đối xử một cách nhục nhã không thể tưởng tượng được ngay trong nhà mình. Hầu tước Steyne bắt bà ta ngồi ăn cơm với bọn đàn bà mà tôi thà chết chứ không đời nào tôi chịu cho vợ tôi đánh bạn… Thí dụ: Crackenbury phu nhân, bà Chippenham, bà de la Cruchecassee tức là vợ viên thư ký toà đại sứ Pháp". Nói thế, nhưng Tom Eaves cũng sẵn sàng hy sinh cả vợ để được làm quen với bọn này và cũng chả mong gì hơn là được mỗi người trong bọn họ chào lại và được họ mời ăn tiệc. Vẫn lời Tom nói tiếp: " So với họ nhà vợ, gia đình Steyne chỉ đáng làm đầy tớ: nhà bà này

cũng mới làm nên được ít lâu, nói cho cùng thì cũng không phải thuộc ngành trưởng dòng họ Gaunt có từ lâu đời, mà chỉ là một ngành thứ nào đó thôi. Ông thử tưởng tượng hộ nếu không có một nguyên nhân nào khác thì một người đàn bà dòng dõi cao quý không kém gì dòng họ Bourbonnhư hầu tước Steyne phu nhân, người phụ nữ kiêu kỳ nhất nước Anh hồ dễ chịu ép mình một bề mà phục tùng chồng đến như thế. Xì! Thưa với ông rằng "Ở trong còn lắm điều hay" đấy ạ! Xin ông biết cho rằng hồi giới quý tộc Pháp lưu vong sang Anh, có một viên linh mục de la Marche nào đó cũng sống ở đây đã cùng nhúng tay vào vụ Quiberoon cùng với Puisaye và Tinteniac, thì chính lại là viên đại tá trong đội ngự lâm pháo thủ đã đấu kiếm với Steyne năm 1886… thành ra hầu tước phu nhân mới được tái ngộ với cố nhân.

Từ sau khi viên linh mục đại tá bị bắn chết ở Anh, Steyne phu nhân mới bắt đầu lui vào cuộc sống vô cùng mộ đạo đến thế đấy chứ. Từ hồi ấy, ngày nào phu nhân cũng chỉ sống với đức cha săn sóc linh hồn cho mình, sáng nào cũng đi dự lễ nhà thờ ở quảng trường Tây Ban Nha; tôi vẫn trông thấy… nghĩa là ngẫu nhiên mà tôi gặp thôi… Phải có chuyện gì thì mới thành tâm mà lễ bái đến thế chứ?

Người ta không có điều gì phải hối hận sao mà phải

đau khổ quá đáng như vậy". Tom Eaves gật gù cái đầu, ranh mãnh tiếp: "Vậy là đủ rõ rằng nếu ngài hầu tước không có sẵn một lưỡi gươm treo lủng lẳng trên đầu vợ thì không đời nào phu nhân chịu ngoan ngoãn như con cừu. Vậy thì nếu Tom Eaves nói đúng, rất có thể người đàn bà địa vị cao sang này phải chịu lắm điều khổ nhục trong đời tư và sau nét mặt bình thản kia, chắc giấu nhiều nỗi uất hận. Chúng ta, những kẻ không được vinh dự nêu tên trong cuốn "Sách Đỏ"[36] hãy tự an ủi rằng những người sung sướng hơn chúng ta rất có thể đang sống đau khổ mà ta không biết, và đang khi Damocles[37] ngồi trên đệm bọc sa-tanh dự tiệc, bát đĩa toàn bằng vàng, thì trên đầu vẫn treo lủng lẳng một thanh gươm trần, nghĩa là một bác công sai, một căn bệnh gia truyền, hoặc một chuyện bí mật nào đó của gia đình… Mũi nhọn ấy thòi ra một cách ghê sợ qua mặt thảm thêu rực rỡ và nhất định sẽ có ngày rơi xuống đúng chỗ cần rơi.

Vẫn theo ý kiến của Eaves thì, ta so sánh địa vị của những người sang với đời sống của kẻ hèn, ta vẫn thấy kẻ nghèo khó có điều an ủi. Ông không có gia tài nào để hưởng, hoặc để lại cho con cái chứ gì? Vậy thì ông có thể sống hoà thuận với cụ thân sinh ra ông hoặc với con ông được đấy; trong khi ấy kẻ thừa kế của một quý tộc

đại gia, thí dụ như gia đình hầu tước Steyne chẳng hạn, lúc nào cũng cáu bẳn vì chưa sờ được vào cái gia tài, cứ ngó người đang nắm quyền chi thu với con mắt không lấy gì làm hiền lành lắm.

Anh chàng Eaves hay châm biếm nói tiếp: "Xin nhớ hộ cho nguyên tắc này: trong các gia đình giàu có lớn, bao giờ ông bố và anh con trưởng cũng thù ghét nhau. Vị hoàng tử nắm ngôi trừ nhị bao giờ cũng đứng về phe đối lập với triều đình hoặc khởi loạn chống lại.

Shakespeare tiên sinh am hiểu việc đời lắm, thưa ngài; cho nên khi tiên sinh miêu tả hoàng tử Hal âm mưu cướp ngôi cha (gia đình Gaunt cũng tự cho là bắt nguồn từ dòng họ hoàng tử này, tuy rằng thực ra họ cũng như ông, chẳng hề có chút liên lạc gì về huyết thống với gia đình Gaunt hết) thì tiên sinh đã chỉ nói lên sự thực của mọi ông hoàng thái tử khác. Nếu ông có quyền thừa kế tước vị quận công và món lợi tức hằng ngày một ngàn đồng, ông có định bảo rằng không thèm khao khát được hưởng không? úi dào! Cứ suy rộng ra, các vị tai mặt đã từng có tình cảm trên đối với họ. Vậy thì họ luôn luôn ngờ vực nhau, ghen ghét nhau, đó là lẽ dĩ nhiên. Bây giờ mới nói đến thái độ của các ông anh cả đối với bọn đàn em trong nhà. Thưa quý ông, xin nhớ hộ rằng người anh cả nào trong gia đình cũng coi các em mình là kẻ thù

không đội trời chung, bởi lẽ họ nẫng mất của hắn ta một số tiền mặt lẽ ra hắn được hưởng. Đã mấy lần tôi nghe George Mac Turk là con trưởng của bá tước Bajazet nói rằng ví thử hắn có quyền thì, ngay sau khi được thừa kế tước vị của cha, hắn sẽ hành động như các ông sultans[38], nghĩa là chặt phăng cổ bọn đàn em trong nhà cho đỡ bận. Đại khái đứa hơn, đứa kém, nhưng cùng một giuộc cả, trong thâm tâm chúng nó cũng chỉ là một bọn Thổ Nhĩ Kỳ. Chao ôi, thưa ngài, thế mà chúng lại am hiểu việc đời cơ đấy! Đúng lúc ấy một vị tai mặt tình cờ đi qua, chiếc mũ trên đầu Tom Eaves suýt rơi xuống đất, anh ta chồm ra nhe răng cười, cúi rạp xuống chào, để tỏ rằng mình cũng am hiểu việc đời lắm lắm, nghĩa là hiểu theo kiểu Tom Eaves, tất nhiên. Tom đã đem đặt mua "niên kim chung thân" đến đồng xu chót của tài sản mình, không có lý do gì để thù ghét bọn cháu trai, cháu gái nữa, cho nên anh ta không ước ao gì hơn là được họ mời thết một bữa cơm.

Hầu tước phu nhân không sao có được tấm tình mẫu tử nồng nàn, vì giữa bà và các con có một hàng rào ngăn cách về tín ngưỡng. Càng yêu con bao nhiêu, người đàn bà rụt rè mộ đạo này càng cảm thấy sợ sệt, đau khổ bấy nhiêu. Hố sâu ngăn cách mẹ con không sao mà vượt qua được. Bà không thể nào vươn cánh tay yếu

đuối của mình qua vực thẳm để kéo hai con ra khỏi con đường tín ngưỡng mà bà biết rất tai hại cho họ, hầu tước Steynevẫn là một tay học giả uyên bác, lại sẵn tài nguỵ biện; hồi các con còn nhỏ, lão vẫn có cái thú sau bữa ăn trưa, vừa uống rượu vang vừa nói khích cho ông giáo dạy các con là mục sư Trail – bây giờ đã là giám mục Ealing – cãi nhau với đức cha săn sóc linh hồn của phu nhân là cha Mole, lão đối lập Oxford với St. Acheul[39]. chốc chốc lão lại reo lên:

- Hoan hô Latimer[40] Được lắm Loyola[41].Lão hứa nếu cha Mole thắng sẽ chạy cho chức giám mục, và nếu mục sư Trail được, lão sẽ không tiếc công vận động cho một chân giáo chủ. Hai ông thầy tu liền không ai chịu nhường ai. Người mẹ muốn rằng đứa con thứ ba là đứa được bà cưng hơn sẽ theo tôn giáo của bà, nhưng bà đã thất vọng đau đớn… Bà coi đó là sự trừng phạt đối với mình vì đã phạm tội lấy một người theo đạo Tin Lành làm chồng.

Hầu tước Gaunt[42] cưới công nương Blanche Thistlewood, một người con gái thuộc dòng họ quý tộc Bareacre làm vợ, ai có đọc qua cuốn "danh bạ quý tộc" đều biết điều đó. Hai vợ chồng được ở một gian riêng trong lâu đài Gaunt, vì ông chủ gia đình muốn được tự cai quản lấy việc nhà để đảm bảo uy quyền tuyệt đối của

mình. Tuy vậy, cậu con trưởng cũng không mấy khi có mặt ở nhà vì hai vợ chồng tính tình xung khắc. Anh ta vay nợ bừa bãi, hứa bao giờ bố chết, được hưởng gia tài sẽ trả, vì số tiền trợ cấp của bố quá ít ỏi không đủ tiêu pha. Con trai nợ ai đồng nào, lão hầu tước biết hết.

Lúc con chết, tự nhiên lão trở thành con nợ của vô khối người, lão bèn bỏ tiền ra chuộc lại hết văn tự nợ rồi chuyển phần gia tài của con cả cho lũ cháu nội, con người con thứ. Bá tước George Gaunt[43] đang ở Vienna để khiêu vũ và làm việc ngoại giao thì được bố gọi về để đính hôn với công nương Joan, con gái duy nhất của ngài John Johnes, đệ nhất nam tước Helvellyn và là người cầm đầu công ty ngân hàng Jones, Brown, and Robinson ở phố Threadneedle. Anh con cả là hầu tước Gaunt rất bực mình, về chuyện này, còn kẻ thù không đội trời chung của anh ta là ông bố – vì vợ hầu tước Gaunt không đẻ con thì khoái trá vô cùng. Hai vợ chồng người con thứ sinh hạ được một lũ con vừa trai vừa gái, nhưng họ không có liên quan gì đến chuyện này.

Mới đầu cặp vợ chồng ăn ở với nhau hoà thuận êm đẹp đáo để. Bá tước George Gaunt không những biết đọc, lại biết viết khá đúng ngữ pháp. Anh ta nói tiếng Pháp tạm trôi chảy; riêng về khoa khiêu vũ thì tài nhất châu Âu. Tài năng như thế lại có lắm khoản lợi tức ở

nước nhà, ai cũng yên trí rằng anh ta sẽ leo lên đến địa vị tột đỉnh trong nghề ngoại giao. Cô vợ thì cảm thấy rằng cuộc sống trong các triều đình rất hợp với sở thích; vả lại công nương cũng sẵn tiền, nên được tiếp đón rất nồng nhiệt tại khắp các tỉnh trên lục địa, những nơi anh chồng phải có mặt vì nhiệm vụ. Đã có tin đồn George Gaunt được cử làm tổng trưởng, lại có nhiều người đánh cuộc với nhau rằng anh ta sắp được làm đại sứ, thì bỗng xảy ra một chuyện kỳ quái trong cách cư xử của viên bí thư sứ quán này. Giữa một bữa tiệc long trọng do đại sứ Anh tổ chức, tự nhiên anh ta đứng phăng lên tuyên bố rằng món *pa tê gan*[44] có thuốc độc. Lại một lần đến dự một buổi dạ hội do sứ thần Bavie là bá tước Springbock-Hohenlaufen tổ chức, anh ta cạo đầu trọc tếu, mặc giả làm một tu sĩ Capuchin. Hôm ấy không phải là một buổi dạ hội trá hình như nhiều người cứ nhất định cam kết. Thiên hạ xì xào với nhau rằng có lẽ anh ta điên; ông nội anh ta ngày xưa cũng thế. Đó là một cái dớp trong gia đình.

Vợ anh ta và các con bèn trở về nước Anh, ngụ trong lâu đài Gaunt. Bá tước George từ giã nhiệm vụ ngoại giao tại Âu châu và người ta đăng lên công báo là anh ta được cử sang nước Brazil.

Nhưng thiên hạ biết thừa rằng anh ta sẽ không bao giờ

trở về… nghĩa là không bao giờ anh ta chết ở Brazil… , không sống ở đấy mà cũng chưa hề đến đấy bao giờ. Anh ta không ở đâu cả, mà cũng vẫn ở tất cả mọi nơi. Họ vừa cười vừa rỉ vào tai nhau rằng "Brazil à? Brazil tức là rừng St. John, còn Rio de Janeiro là một ngôi nhà có tường bao quanh kín mít. George được cử trình quốc thư cho một bác cai tù, bác này sẽ ban cho anh ta tước vị hiệp sĩ dòng áo bó[45]. Đó là những lời bia miệng của đám người trong Hội chợ phù hoa.

Mỗi tuần, độ hai ba lần, mới sớm tinh sương, bà mẹ đã đi thăm đứa con điên dại của mình, bà lấy hành động ấy để chuộc lại tội lỗi cũ. Có khi thấy mặt mẹ, anh ta phá lên cười (nghe anh ta cười, còn đáng thương hơn là nghe anh ta khóc); có khi người mẹ thấy nhà ngoại giao lịch sự lỗi lạc đã từng tham dự Hội nghị thành viên trước kia đang kéo lê một món đồ chơi trẻ con đi khắp phòng, hoặc vuốt ve con búp bê của đứa con người gác cổng, cũng có khi anh ta nhận được ra mẹ và đức cha Mole cùng đi, nhưng thường thường anh ta quên mặt họ, cũng như anh ta đã quên vợ, quên con, quên ái tình, cao vọng, kiêu hãnh, quên hết. Duy có một chuyện anh ta vẫn nhớ, đó là giờ ăn, hễ ly rượu vang pha nước lã không đủ nồng độ là anh ta khóc rưng rức.

Thì ra đó là một căn bệnh bí hiểm vẫn lưu truyền lâu

đời trong dòng máu bên họ nhà mẹ. Tai hoạ đã một hai lần giáng xuống gia đình Caerlyon trước khi hầu tước phu nhân phạm tội, trước khi bà khóc lóc nhịn đói tự trừng phạt để tỏ ý hối cải. Niềm kiêu hãnh về huyết thống đã bị bôi nhọ, không khác gì đứa con đầu lòng của Vua Pharaoh khi xưa.

Số mệnh ác nghiệt đã đóng con dấu ghê rợn trên khung cửa của gia đình này, trên chiếc khung cửa đồ sộ có trạm trổ hình huy hiệu quý tộc và những chiếc mũ miện.

Hai đứa con của vị hầu tước "đi vắng" vẫn hồn nhiên lớn như thổi, nào biết rằng số mệnh đang giơ cao bàn tay trên đầu chúng. Mới đầu chúng vẫn còn nhắc đến bố và dự định với nhau sẽ làm gì để đón bố về; dần dần tên tuổi con người sống cũng như chết ấy không còn được chúng nhắc đến luôn nữa… và cuối cùng thì chúng quên hẳn. Bà nội chúng vẫn run rẩy lo rằng không khéo rồi hai đứa cháu được thừa hưởng những vinh quang của bố chúng sẽ thừa hưởng luôn cả sự nhục nhã nữa. Bà khắc khoải chờ đợi ngày tai họa truyền kiếp sẽ giáng xuống đầu chúng.

Hầu tước Steyne cũng bị những nỗi lo âu ấy ám ảnh. Lão cố tìm cách dìm cái bóng ma khủng khiếp vẫn đứng kè kè bên giường vào trong men rượu và những trận

cười thâu đêm suốt sáng.

Nhưng khi lão ngồi một mình cái bóng ma lại trở lại, mỗi năm một thêm vẻ đe doạ. Nó như nói với lão rằng: "Ta đã bắt con trai của mi đi, tại sao lại không thể đến lượt mi? Một ngày kia, ta rất có thể giam mi vào trong một nhà tù như George, con trai mi. Ngay ngày mai, ta có thể đóng ngay dấu ấn của ta lên trán mi; thế là hết cả mọi thứ danh vọng, khoái lạc, tiệc tùng, mỹ nhân, bọn hầu, bọn nịnh, đầu bếp Pháp, ngựa quý và lâu đài… mi sẽ chỉ có một gian nhà tù, một người gác và một chiếc đệm rơm như George Gaunt".

Ngài hầu tước tỏ ra bất cần lời đe doạ của cái bóng ma vì lão sẵn mánh khoé thần diệu để làm cho kẻ thù phải thất vọng. Vì vậy sau những cái cổng đồ sộ đầy những hình trạm cổ kính của lâu đài Gaunt, sự giàu sang lộng lẫy tuy sẵn, nhưng hạnh phúc thì hình như cũng không có nhiều. Ở đây mở tiệc sang nhất thành Luân Đôn, nhưng có lẽ chỉ những thực khách được hầu tước mời ăn là thỏa mãn. Ví thử lão không có địa vị cao sang như một ông hoàng. Vị tất đã có nhiều người đến chơi với lão; nhưng trong Hội chợ phù hoa, người ta vẫn quen nhìn tội lỗi của các bậc tai to mặt lớn với con mắt thông cảm… Một người đàn bà Pháp nói: "Trước khi lên án một nhân vật địa vị cao quý như hầu tước đây, ta hãy

suy đi nghĩ lại cho chín chắn đã[46]". Có thể vài nhà luân lý nổi tiếng khe khắt nào đó tỏ ra không bằng lòng hầu tước Steyne, nhưng giá được lão mời ăn tiệc, chắc chắn họ cũng thú ra phết.

Slingstone phu nhân bảo: "Quả thật hầu tước Steyne tồi quá lắm, nhưng mà ai cũng đến dự tiệc cả. Tôi sẽ chú ý giữ gìn cho các con gái của tôi khỏi gặp điều không may". Mục sư Trail nói: "Ngài hầu tước là người tôi chịu ơn về mọi phương tiện". Ông mục sư thấy rằng đức tổng giám mục đang mệt nặng, nhưng bà Trail và các con gái thà nhịn đi lễ nhà thờ còn hơn vắng mặt trong một buổi tiếp tân của hầu tước. Cô em gái bá tước Southdown nghe mẹ kể lại những giai thoại gớm ghiếc trong lâu đài Gaunt thì hết vía, mới rụt rè hỏi lại anh trai, ông anh bèn bảo: "Tư cách lão ta bần tiện lắm, nhưng kệ mẹ nó, lão có những thứ rượu ngon nhất châu Âu đấy".

Còn tôn ông Crawley nam tước?... Tôn ông Pitt, con người lịch thiệp mẫu mực, con người vẫn chủ toạ những buổi hội họp về tôn giáo... thì chính anh ta có chịu vắng mặt một lần nào đâu! Ngài nam tước vẫn bảo vợ: "Này Jane, nơi nào có mặt những người như giám mục Ealing và bá tước Slingstone phu nhân, mình có thể yên trí mà đến; chúng tôi xét người không bao giờ có thể lầm. Hầu tước Steyne ở địa vị cao quý như thể dĩ nhiên xứng đáng

làm mẫu mực về cách xử thế cho giới chúng ta. Mình nên nhớ rằng một vị hầu tước đứng đầu một quận nhất định phải là người đáng kính. Vả lại, hồi còn trẻ, tôi và George Gaunt chơi với nhau rất thân. Anh ấy dưới quyền tôi hồi cùng làm tuỳ viên tại đại sứ quán ở Pumpernickel".

Tóm lại, ai cũng thích đến bợ đỡ con người có thế lực kia, hễ lão gọi một tiếng là răm rắp có mặt; cả tôi là người viết truyện, và ngài là độc giả (thôi đừng chối đi). Ví thử được mời, chúng ta cũng đến.

CHƯƠNG XLVIII
MỜI BẠN ĐỌC BƯỚC CHÂN VÀO GIỚI THƯỢNG LƯU

Becky đã ngoan ngoãn săn sóc người cầm đầu gia đình nhà chồng, bây giờ thật là được đền bù vô cùng xứng đáng. Phần thưởng không phải là mối lợi trông thấy trước mắt nhưng cô ta còn lấy làm sung sướng hơn là được tiền. Rebecca không mong sống cuộc đời tiết hạnh, nhưng cô ta rất ưa làm ra vẻ tiết hạnh; ta lại biết rằng trong giới thượng lưu, người đàn bà nào muốn được thiên hạ coi là tiết hạnh thì phải mặc áo có đuôi dài quét đất, phải đội mũ có gài một túm lông và phải được đưa vào triều kiến đức kim thượng. Cuộc hội kiến vĩ đại ấy sẽ đóng một con dấu chứng thực đó là người đàn bà lương thiện. Ngài thị vệ đại thần sẽ trao cho một tấm sắc "tiết hạnh khả phong". Cũng tương tự như những phong thư và những hàng hoá phải lưu ký trong phòng tẩy trùng, được phun một lượt dầu thơm, rồi được tuyên bố là vô hại, nhiều bà nhiều cô tư cách đáng khả nghi và rất có thể truyền sang người khác, chỉ cần qua một cuộc triều kiến, cũng được coi là "trắng như ngà, trong như ngọc".

Bareacres phu nhân, Tufto phu nhân và bà Bute

Crawley ở nhà quê, là những người có dịp tiếp xúc với Rebecca cứ tưởng tượng ra cảnh cô ta được cúi chào đức Kim thượng mà lộn cả ruột; họ tuyên bố rằng ví thử Hoàng hậu Charlotte còn sống, nhất định không bao giờ chịu cho con người tồi tệ quá sức tưởng tượng ấy đặt chân vào điện tiếp tân trong sạch của người. Họ có biết đâu bà Rawdon đã được nhân vật thượng lưu danh tiếng nhất châu Âu sát hạch và đã tốt nghiệp về khoa tiết hạnh; vậy mà còn hoài nghi đạo đức của bà thì dứt khoát là một thái độ "mạn thượng". Về phần tôi, tôi đưa nhân vật vĩ đại này vào truyện với một thái độ vô cùng yêu kính.

Thử coi, nếu trong Hội chợ phù hoa người ta không biết đề cao giới thượng lưu thì sao con người vĩ đại đáng tôn kính kia lại được xưng tụng là nhân vật đệ nhất thượng lưu trong toàn quốc, và được toàn thể những con người có giáo dục nhất, lịch sự nhất, đồng tình tán thưởng? M… ông bạn thuở trẻ của tôi ơi, hẳn ông chưa quên hai mươi lăm năm trước có lần người ta diễn vở kịch "*Kẻ đạo đức giả*", hồi ấy đạo diễn là Elliston, diễn viên thủ vai chính là Dowton và Liston; có hai thằng bé trọ học tại trường Slaughter-House, được các thầy cho phép bỏ học, đến rạp Drury Lane lách vào giữa đám đông để được đón chào đức vua. Đức vua à? Kia chứ

đâu. Một đội vệ binh túc trực trước "lô" ghế dành riêng cho hoàng thượng. Sau ghế của Người là hầu tước Steyne, tước tuỳ giá thị vệ đại thần và nhiều vị quan lớn trong triều. Người ngồi kia, mặt mũi phương phi rạng rỡ, thân hình thật phì nộn, khắp người la liệt huy chương, mớ tóc giả rậm rạp xoăn tít… Chúng mình hát bài: "Thượng đế phù hộ cho vua". Hăng quá! Cả rạp đồng thanh hát bài xưng tụng Người mới say sưa làm sao! Và hoan hô! Và hò reo! Và phất khăn tay! Các bà các cô khóc thút thít, các bà mẹ ghì chặt lấy con; có vài đứa ngất đi vì xúc động quá mạnh, đám khán giả ở hàng ghế hạng bét gần chết ngột. Từ bầy người nhấp nhô sôi nổi vang lên những tiếng kêu la, tiếng rên rỉ; quần chúng tỏ ra như sẵn sàng vì Người mà nhảy vào lửa. Đúng, chính mắt chúng mình đã được chiêm ngưỡng long nhan của Người. Số mệnh cũng không cướp được kỷ niệm ấy đi. Có người đã được nhìn mặt Napoléon. Một số ít người này còn sống đã được thấy mặt Frederick đại đế, nhà học giả Johnson, Hoàng hậu Marie Antoinette Bareacres, v.v.. riêng chúng mình rất có quyền khoe với con cháu mà không sợ quá lời rằng đã từng được nhìn mặt Hoàng đế George đại từ bi, Hoàng đế George chí tôn, hoàng đế George vĩ đại.

Vậy thì bà Rawdon Crawley đã sống một ngày sung

sướng nhất đời; vị thiên thần ấy đã được dẫn tới thiên đường mình hằng khát khao, tức là được vào chầu trong triều, do người chị dâu đứng ra đỡ đầu. Đúng ngày đã định, tôn ông Pitt và phu nhân ngồi trên chiếc xe ngựa đồ sộ của gia đình (chiếc xe mới toanh vừa mua, sẵn sàng phục vụ tôn ông trong việc thực hiện chức vụ "bảo an đại quan" trong quận) cho chạy thẳng đến ngôi nhà ở phố Curzon; bác Raggles đứng sau quầy kính cửa hàng khoan khoái ngắm những chiếc mũ có đính lông của các bà, và những chùm hoa kếch xù cài trên ngực bộ chế phục mới tinh của bọn gia nhân.

Tôn ông Pitt xuống xe, bước vào trong nhà trong bộ triều phục lộng lẫy, thanh gươm lủng lẳng bên đùi. Thằng Rawdy đứng áp mặt vào khung kính cửa sổ phòng khách vừa mỉm cười vừa gật đầu mãi với bác gái ngồi ngoài xe. Một lát sau, tôn ông Pitt từ trong nhà bước ra cùng với một vị phu nhân choàng khăn san trắng, trên mũ gài một túm lông thật to, hai tay rón rén nâng vạt áo, tấm áo dài có đuôi loà xoà may bằng thứ lụa tuyệt đẹp. Vị phu nhân bước lên xe, dáng điệu quý phái như một bà hoàng cả đời vẫn quen đi lại trong triều, mỉm cười rất duyên dáng với người hầu túc trực ở cửa, và với tôn ông Pitt đang đi theo sau mình ra đến tận xe.

Rồi đến Rawdon bận rộn bình phục ngự lâm quân,

bây giờ trông đã cũ rích và chật bó lấy người. Suýt nữa anh ta phải đi xe ngựa thuê theo sau đám rước để hầu ngự giá, may được bà chị dâu cứ nhất định mời anh ta cùng lên xe ngồi. Xe thì rộng, mấy người đàn bà cũng không lấy gì làm to béo, họ có thể vén vạt áo vào lòng cho gọn cũng được… Cuối cùng cả bốn người cùng ngồi xe đi. Xe ngựa của họ cũng nhập vào đoàn xe tiến về phía toà lâu đài cổ kính xây bằng gạch; nơi đây ngôi sao Brunswick đang chờ đón giới thượng lưu quý phái.

Becky sung sướng quá, cô ta cảm thấy rõ ràng bây giờ mình đã chiếm một địa vị cao quý trong đời đến nỗi muốn thò cổ ngay ra ngoài cửa xe mà ban phước lành cho đám đông dân chúng bên đường. Đến ngay Becky của chúng ta cũng có một số nhược điểm; cô ta thuộc loại người cứ muốn kiêu hãnh về những ưu điểm thiên hạ ít nhận ra nơi mình; Comus vẫn yên trí minh là diễn viên bi kịch có tài nhất nước Anh; Brown tiên sinh là một tiểu thuyết gia nổi tiếng, nhưng lại ưa người ta coi mình không phải là một thiên tài mà là một tay phong lưu công tử, trong khi ấy nhà luật sư đại danh Robinson không chịu quan tâm đến tiếng tăm của mình ở Westminster Hall, mà cứ khăng khăng tự cho mình là một nhà thể thao cừ khôi… Cho nên Becky suốt đời chỉ có một mục đích làm cho thiên hạ tưởng mình là một người đàn bà

đáng kính; sự cố gắng kiên nhẫn của cô ta đã được đền bù xứng đáng. Đã có nhiều lúc Becky yên trí thực sự rằng mình xứng đáng là một bậc mệnh phụ, quên đứt cái ngăn kéo rỗng không ở nhà, quên đứt cả bọn chủ nợ đang rình ngoài cổng, quên đứt rằng mình phải ngọt ngào nói khó với bọn chủ hiệu để khất nợ… Tóm lại, quên đứt mất cái cảnh một mảnh đất cũng không có mà ở của mình. Được ngồi trên xe ngựa riêng vào triều, cô ta bèn lấy điệu bộ thật đường bệ, thật tự mãn, thật nghiêm trang làm cho công nương Jane cũng phải buồn cười. Cô ta vênh vênh cái mặt đi vào trong cung trông như một bà chúa, ví thử cô ta được làm bà chúa thật, chắc chắn sẽ đóng được vai trò đến nơi đến chốn.

Bộ triều phục[47] của bà Rawdon Crawley mặc bữa được vào triều kiến đức Kim thượng quả thật là một tác phẩm tuyệt hảo của khoa may mặc. Nếu chúng ta đã có dịp gặp một số mệnh phụ – chúng ta đây là những người có đeo huy chương vẫn dự những cuộc dạ hội ở St. James hoặc chúng ta là những kẻ đi ủng cáu bùn vẫn lang thang trên đường Pall Mall để ngó vào những chiếc xe ngựa chở những vị tai mặt đội mũ có đính lông – vào khoảng hai giờ trưa ngồi xe đi dự lễ ngự tẩy, trong tiếng nhạc tiến quân hùng hồn của đoàn lính ngự lâm bận binh phục lộng lẫy cưỡi ngựa lông màu tro sáng… thì mới

thấy rằng giữa ánh sáng ban trưa, nhan sắc của các phu nhân cũng chẳng quyến rũ người ta lắm. Một nữ bá tước sáu mươi cái xuân xanh, bận áo hở ngực, da mặt nhăn nheo, phấn son đỏ choét, mi mắt hum húp, kim cương nhấp nhánh trên mớ tóc giả, kể cũng thú vị đấy, nhưng nom không mê được. Trông bà ấy mà ta nhớ đến cảnh tượng đại lộ St. James buổi sáng sớm khi đèn ngoài phố tắt gần hết, còn lại một số biến nốt trong ánh bình minh.

Những đoá hoa khôi ta nhìn thấy trong xe ngựa của các phu nhân đó chỉ lộng lẫy trong lúc ban đêm. Nếu Cynthia mà đôi lần ta gặp trong mùa đông năm nay, dưới ánh sáng ban chiều trông cũng thành nhợt nhạt, mặc dù bên kia trời Phoebus[48] vẫn giương mắt thao láo ra mà ngắm thì hỏi rằng Castlemouldy phu nhân sao dám ngẩng cao mặt cho ánh nắng xuyên qua cửa xe chiếu thẳng vào, để soi rõ từng nét nhăn, từng kẽ rạn là vết tích tàn phá của thời gian?

Không thể được. Những buổi triều kiến phải tổ chức trong tháng một, vào những ngày có sương mù, nếu không các vị phi tần trong Hội chợ phù hoa đến phải ngồi xe bịt kín cửa, đi qua những hành lang tối om, và làm lễ triều kiến trong ánh đèn đã được che dịu mắt.

Nhưng sắc đẹp của Rebecca không cần nhờ đến phương pháp ấy mới có sức hấp dẫn. Làn da ấy đâu có

sợ ánh sáng mặt trời; bộ áo ấy giá bây giờ ta được trông thấy có lẽ bà nào trong Hội chợ phù hoa cũng phải cho là lố bịch và cổ lỗ sĩ, nhưng hai mươi lăm năm nay là những tác phẩm tài tình nhất về khoa trang phục cũng trở thành lố lăng như bất cứ một thứ gì trong cuộc sống phù hoa này. Nhưng chúng ta đã quá lan man. Buổi triều kiến ngày ấy ai cũng khen bộ áo của bà Rawdon là đẹp tuyệt Ngay đến công nương Jane, con người nhỏ nhắn tốt bụng nhìn em dâu cũng phải công nhận lời khen là đúng và buôn rầu mà cảm thấy mình thua xa Becky về khiếu thẩm mỹ.

Cô ta có biết đâu rằng Becky đã để bao nhiêu tâm lực vào bộ áo. Rebecca vốn là người có khiếu thẩm mỹ không kém gì người thợ trang sức khéo nhất Âu châu, lại vượt xa công nương Jane về mặt khéo tay… Người chị dâu thoáng nhìn biết ngay thứ gấm Becky may áo rất quý, và bộ đăng ten đẹp tuyệt. Becky nói rằng gấm ấy là một thứ hàng cũ còn lại, đăng ten thì mua lại của một người khác, một thứ đăng ten đẹp nhất từ mấy thế kỷ nay.

- Thím Crawley ạ, thím mang một cái gia sản nhỏ trên người đấy Công nương Jane nói thế rồi nhìn xuống bộ đăng-ten của mình thấy giá trị còn kém xa. Lúc xem kỹ thứ hàng Becky dùng may áo, công nương Jane định

hỏi em dâu lấy tiền đâu ra mà mua nổi, nhưng kìm lại được ngay vì thấy câu hỏi có vẻ khiếm nhã.

Ví thử công nương Jane biết rõ sự thực, có lẽ dù hiền lành mấy cũng phải phát tức; số là khi Becky dọn dẹp ngôi nhà của Pitt, cô ta vớ được miếng gấm và bộ đăng ten trong một cái tủ áo cũ, những thứ này là của hai bà vợ lão Pitt đã chết. Cô ta lẳng lặng đem về nhà may áo. Bà Briggs cũng nhìn thấy Becky đem gấm về, nhưng không hỏi han gì cũng không nói chuyện với ai; không chừng bà ta lại tán thành việc ấy cũng nên. Thì người đàn bà lương thiện nào mà chẳng thế.

Còn chuỗi hạt kim cương… "Mình đào đâu ra được những hạt kim cương này thế, Becky?" Anh chồng ngắm mấy vật trang sức lóng la lóng lánh trên cổ, trên tay vợ mà trước kia không hề thấy đeo bao giờ, tò mò hỏi vậy. Becky hơi đỏ mặt nhìn thẳng vào mặt chồng một lúc có ý không bằng lòng. Pitt Crawley cũng đỏ mặt giả vờ ra ngoài cửa sổ xe ngựa. Sự thực là Pitt đã làm quà cho em dâu mấy vật trang sức, đáng chú ý nhất là chuỗi ngọc và một chiếc cặp gài áo có nạm kim cương. Anh chàng nam tước quên không kể chuyện này cho vợ biết.

Becky nhìn chồng rồi lại nhìn Pitt, vẻ thắng thế hỗn xược như muốn nói: " Tôi khai cả ra nhé?" Rồi cô ta bảo chồng:

- Mình đoán xem. Mình chỉ vớ vẩn, còn đào đâu ra nữa. Chiếc cặp này là của một người bạn cho em từ lâu, các thứ khác thì em thuê cả đấy, thuê ở cửa hiệu ông Polonius, phố Coventry. Mình đừng tưởng rằng ai vào chầu trong triều cũng có kim cương của riêng mà đeo như công nương Jane đây đâu. Của chị ấy đẹp quá, thứ em đeo còn thua xa.

Pitt vẫn còn có vẻ ngượng đáp:

- Đấy là những của gia bảo đấy, thím ạ.

Chiếc xe vẫn lăn dọc theo dãy phố rồi đỗ ngay ngoài cổng toà lâu đài nơi đức Kim thượng đang ngự tiếp các bề tôi.

Những viên kim cương làm cho Rawdon loá mắt kia không bao giờ trở về với ông Polonius ở phố Coventry, mà ông ta cũng không bao giờ đòi lại. Chúng được Becky mang cất kỹ trong một chiếc hộp cũ của Amelia Sedley cho từ lâu, trong hộp Rebecca còn giấu khá nhiều vật hữu ích và có thể là rất đáng tiền mà anh chồng không hề biết. Có những ông chồng trời sinh ra để không biết gì, hoặc để chỉ biết rất ít. Và hầu hết các bà vợ trời sinh ra cũng để mà bịt mắt chồng con. Nhưng thưa các bà, biết bao nhiêu bà đã giấu giếm những hoá đơn của thợ kim hoàn? Biết bao nhiêu bà có áo, có vòng xuyến mà không dám khoe với chồng, mà vừa đeo vừa

run. Vừa run mà lại vừa mỉm cười duyên nịnh khéo ông chồng đứng bên, cái ông chồng mù tịt không phân biệt nổi áo mới với áo cũ, xuyến mới đánh với xuyến năm ngoái của vợ; ông ta cũng không hề ngờ rằng chiếc khăn viền đăng-ten vàng trông cũng đã tàng tàng của vợ giá tới bốn mươi đồng, và tuần lễ nào bà Bobinot cũng viết thư đến đòi thanh toán tiền.

Rawdon cũng vậy, anh ta không biết gì về chuyện đôi hoa tai kim cương cũng như chuỗi ngọc trang điểm trên bộ ngực xinh đẹp của vợ. Nhưng hầu tước Steyne biết rõ: mặc dù ở tận trong triều, lãnh trọng trách tuỳ giá đại thần và là một cây cột trụ chống đỡ nền quân chủ của Anh quốc, khắp người đeo đủ các thứ huy chương và bội tinh, ngài cũng đã chú ý đến người đàn bà xinh xinh này; ngài biết rõ những vật trang sức kia mua ở đâu, ai trả tiền.

Hầu tước cúi chào Rebecca, mỉm cười và đọc mấy câu thơ cũ rích, nhưng rất hay trong bài "Búp tóc ngắn" nói về những viên kim cương của Belinda, "những viên kim cương mà bên Do Thái phải thèm muốn và kẻ ngoại đạo phải phụng thờ".

Nhưng tôi hy vọng rằng đại nhân không phải là kẻ ngoại đạo nhé.

Người đàn bà vừa lắc đầu vừa đáp, xung quanh nhiều

ông, nhiều bà gật đầu thì thầm với nhau, họ không rõ tại sao vị thượng quan lại tỏ ra có biệt nhỡn đối với con người xảo quyệt này đến thế. Cuộc triều kiến giữa Crawley Rebecca, tục danh Sharp, với đức Kim thượng đã diễn ta như thế nào, ngòi bút thô thiển dốt nát này không dám có cao vọng kể lại. Cảnh tượng tôn nghiêm rực rỡ ấy, kẻ phàm tục không dám nhìn. Lòng tôn kính đối với Hoàng đế buộc trí tưởng tượng không được phép táo bạo nhòm ngó vào nội điện mà phải lập tức lặng lẽ kính cẩn cúi lạy mà lui ra ngoài.

Sau buổi triều kiến, khắp thành Luân Đôn không có người nào trung thành với Hoàng đế bằng Becky. Cô ta luôn mồm nhắc đến đức Kim thượng, lại tuyên bố rằng Người lịch sự nhất đời không ai bì kịp. Becky tìm ngay đến hoạ sĩ Colnaghi đòi mua một bức chân dung của Hoàng thượng, vẽ sao cho thật đẹp thì vẽ, không quản đắt rẻ. Cô ta chọn bức vẽ Hoàng đế mỉm cười ngồi trên ghế xô fa, đội mớ tóc giả màu nâu quăn tít, mặc áo choàng cổ lông, đi bít tất lụa. Cô ta lại đặt vẽ thêm một bức chân dung nhỏ để đeo trước ngực… Người quen kẻ thuộc thấy vậy buồn cười quá và cũng hơi bực mình vì cứ bị nghe cô ta khen mãi đức Hoàng đế vô cùng điển trai và lịch sự. Biết đâu người đàn bà bé nhỏ này chẳng đang muốn đóng vai trò của một Maintenon[49] hay là

một Pompadour[50]. Nhưng thú vị nhất là được nghe Becky ăn nói kiểu cách.

Becky có mấy người bạn gái, không thuộc đám người tiếng tăm thực sự lừng lẫy trong Hội chợ phù hoa, phải công nhận như vậy. Nhưng bây giờ đã được công nhận là con người tiết hạnh, đời nào cô ta lại còn muốn đi lại với những hạng người như vậy. Một bữa đi coi hát, Crackenbury phu nhân gật đầu chào, Becky làm ngơ không đáp, cô ta cũng không thèm giao thiệp với bà Washington White. Cô bảo chồng: "Mình có địa vị, phải biết giữ sĩ diện chứ, giao thiệp với cái bọn không ra gì ấy thế nào được. Thực tâm em vẫn thương hại Crackenbury phu nhân lắm; bà Washington cũng là người tốt. Mình muốn đến ăn cơm với họ cũng được, cũng như mình ưa đánh bài thôi. Nhưng em ấy à, em không thích, không thể thế được. Lần sau họ có đến chơi, mình cứ sai thằng Smith ra bảo là em không có nhà".

Cách Becky phục sức hôm nào chầu vua được đăng tỉ mỉ lên báo… đủ cả mũ lông, giải áo, kim cương. Crackenbury phu nhân xem báo giận lắm; bà dè bỉu mãi với đám đàn ông quen thuộc về điệu bộ kiểu cách của Becky. Bà Bute và hai cô con gái vẫn đặt mua báo "Tin tức buổi sáng" ở tỉnh. Ba mẹ con dài mồm nói xấu

Becky với nhau cho bõ ghét; bà mẹ bảo cô con gái lớn: "Nếu cô là cái con tóc xám, mắt xanh, con gái mụ đàn bà người Pháp làm cái nghề leo dây kia (song con gái bà tóc lại đen, mũi lại tẹt mà chân thì ngắn cũn cỡn), cô cũng có thể được đeo kim cương, và được chị dâu cô là công nương Jane đưa vào chầu vua đấy. Nhưng con gái yêu của mẹ ơi, con chỉ là một thiếu nữ con nhà dòng dõi, con chỉ mang trong người một dòng máu quý tộc nước Anh, và của cải duy nhất của con chỉ là điều lễ, nghĩa, trung, tín. Chính mẹ đây, tuy là em dâu một vị nam tước thật, mẹ cũng chưa bao giờ dám nghĩ đến chuyện được vào triều chầu vua… hồi Hoàng hậu Charlotte còn sống, có đâu dễ dàng như thế. Bà vợ ông giáo sĩ đành tự an ủi bằng cách ấy, hai cô con gái cứ thở dài sườn sượt suốt đêm ngồi nghiền ngẫm cuốn "Danh bạ quý tộc".

Vài ngày sau cuộc triều kiến lịch sử nói trên, cô Bécky tiết hạnh của chúng ta lại được hưởng thêm một vinh dự lớn lao khác.

Chiếc xe ngựa của hầu tước Steyne phu nhân chạy thẳng đến cổng nhà Rawdon đỗ lại; người hầu gõ chuông thật mạnh như có ý muốn đánh xe chạy thẳng vào trong sân, nhưng anh ta chỉ đưa vào hai tấm danh thiếp có ghi tên Steyne hầu tước phu nhân và nữ hầu

tước Gaunt. Becky nhìn hai mảnh bìa, trong lòng rộn ràng sung sướng, dường như đó là những bức hoạ tuyệt tác, hoặc có hàng trăm thước đăng-ten Malin hai đồng ghi nê một thước viền quanh cũng không bằng. Cô ta đặt chúng nằm thật lộ liễu trong chiếc bát sứ trên bàn giữa phòng khách, nơi vẫn để danh thiếp của bà White và Crackenbury phu nhân mấy tháng trước được Becky trân trọng biết bao, bây giờ sao trông đáng thương đến thế!… Những tấm danh thiếp của bè bạn cũ lập tức bị xếp đống dưới đáy hộp, dành chỗ cho những mảnh bìa các bậc mệnh phụ. Becky và bà Briggs lật giở tập "Danh bạ quý tộc" tìm những tên Steyne, Bareacres, Johnes Helvellyn và theo dõi qua các chi nhánh trong từng họ đến tận cao tằng tổ khảo!

Vài giờ sau, hầu tước Steyne đến chơi nhà Becky; lão vẫn có thói quen ngó đây đó, nhận xét vật quanh mình, chợt thấy hai tấm danh thiếp của vợ và con dâu được Becky trưng bầy trên mặt bàn, lão nhếch mép cười khẩy; lão già quỷ quái này vẫn quen giễu cợt thói phù hoa của người đời. Becky vội xuống tiếp khách ngay. Mỗi lần có ngài hầu tước hẹn đến thăm bao giờ Becky cũng trang điểm cẩn thận, tóc chải thật đẹp, nào mùi xoa, nào khăn quàng, nào đôi dép xinh xinh bằng da dê thuộc cùng các vật trang sức khác, tất cả đều được sửa soạn chu đáo…

đoạn cô ta mới lấy điệu bộ thật tự nhiên duyên dáng ngồi sẵn vào ghế đợi quý khách. Nếu lão đến thăm bất thường, dĩ nhiên cô ta lập tức chạy bay lên gác, vào phòng ngủ, soi gương, cấp tốc sửa sang lại bộ cánh cho thật bảnh, rồi mới bước xuống hầu tiếp. Lần này Becky thấy lão đang nhìn vào chiếc bát nhếch mép cười; biết lão đã đi guốc vào bụng mình, cô ta mới hơi đỏ mặt, bèn nói đỡ đòn:

- Xin cảm tạ đại nhân. Ngài đã rõ hai vị phu nhân nhà ta cũng vừa lại đây xong. Ngài thật có lòng chiếu cố. Em không ra hầu tiếp ngay được… em đang bận giở món dồi trong bếp.

Lão già bèn đáp:

- Tôi biết bà đang bận… Lúc xe ngựa sắp đỗ, nhìn qua hàng rào, tôi đã thấy.

- Thật không có chuyện gì thoát được mắt ngài.

Lão vui vẻ nói tiếp:

- Nhờ trời mắt tôi có nhìn thấy ít nhiều, nhưng không thấy bà đang làm bếp, quý bà xinh đẹp của tôi ạ. Bà không thực thà tí nào nhé. Tôi nghe rõ tiếng bà trên gác, chắc đang bận đánh phấn hồng! Bà nên cho Gaunt phu nhân nhà tôi một ít, nước da em nó không được đẹp lắm. Rồi tôi mới nghe tiếng cửa phòng ngủ mở ra, và bà

bước xuống cầu thang.

- Thế ra làm đẹp để vui lòng ngài là một trọng tội thực ư?

Bà Rawdon vừa than thở vừa lấy khăn tay chùi mãi đôi má, hình như muốn tỏ ra mình đỏ mặt vì cảm động chứ không phải vì thoa phấn. Ai mà biết được. Nghe nói có thứ phấn hồng khăn tay lau không sạch; lại có thứ đã bôi vào má thì nước mắt rỏ xuống cũng không phai được.

Lão già mân mê tấm danh thiếp của vợ, nói:

- Được lắm, bà đang muốn trở thành một nhân vật thượng lưu. Bà mà chưa len được vào giới quý tộc thì bà chưa để cho cái thằng già này yên thân đâu. Nhưng bà bạn bé nhỏ của tôi ơi, liệu bà có đủ tiền để sống cho xứng đáng với địa vị không?

Becky vội vã đáp ngay:

- Thì ngài sẽ lo cho nhà em một chức vụ chứ sao?

- Bà không có tiền mà vẫn muốn chơi trèo với kẻ sẵn tiền. Bà là cái bình đất muốn bơi thi với cái chậu đồng. Đàn bà thế cả. Người nào cũng lăn lóc cầu lấy những thứ không đáng cầu. Chao ôi! Hôm qua tôi vừa ăn cơm với nhà vua, bữa ăn chỉ có thịt vai cừu nấu củ cải. Nhiều khi tự do ăn cỏ non ngoài đồng, lại sướng hơn xơi cỏ

khô trong chuồng đấy. Bà sẽ lại chơi bên lâu đài Gaunt. Bà chưa lại đó chơi thì có người chưa ăn ngon ngủ yên được đâu. Bên ấy không vui bằng đây, rồi bà sẽ chán ngay. Tôi đã phát ngấy lên rồi. Bà vợ tôi vui tính như Macbeth phu nhân, con dâu tôi cũng lịch thiệp như Regan và Goneril[51] vậy. Tôi không dám ngủ trong cái mà họ gọi là giường ngủ của tôi. Trông nó giống như cái linh cữu của thánh Peter, nom tranh ảnh treo xung quanh mà phát khiếp. Tôi có một cái giường sắt nhỏ kê trong phòng rửa mặt, và một cái đệm cỏ y như của nhà ẩn sĩ. Hi! Hi! Tuần sau mời bà sang ăn cơm, và *hãy coi chừng bọn phụ nữ*[52], phải cẩn thận đấy nhé, bọn đàn bà sẽ làm tình làm tội bà đấy.

Hầu tước Steyne vốn ít nói, lần này nói hơi nhiều. Hôm ấy Becky được lão ban cho khá nhiều lời dạy dỗ.

Bà Briggs ngồi làm việc ở trong phòng nhìn ra, nghe lão nói xấu giới phụ nữ, bà thở dài. Hầu tước Steyne quay lại nhìn bà Briggs mắt long lên sòng sọc, bảo Becky:

- Nếu bà không tống cổ con chó chăn cừu kia đi thì tôi sẽ đánh thuốc độc cho nó chết toi mạng.

Rebecca cười tinh quái đáp:

- Em vẫn quen cho chó ăn trong đĩa của em đấy.

Bị bà Briggs cản trở cuộc trò chuyện tay đôi với cô vợ xinh đẹp của viên trung tá, lão hầu tước cáu lắm. Becky thấy thế lại có vẻ thú vị, nhưng rồi cô thấy thương hại lão, bèn mượn cớ trời đẹp, gọi là Briggs sai đem thằng con trai đi chơi.

Becky im lặng một lúc rồi buồn rầu nói:

- Em không đuổi được bà ấy đi đâu.

Đôi mắt rơm rớm lệ, cô ta quay nhìn đi chỗ khác. Lão hầu tước hỏi:

- Chắc bà nợ tiền công chưa trả?

Becky vẫn nhìn xuống đất đáp:

- Nào phải chỉ có thế. Bà ấy bị phá sản vì em đấy.

- Phá sản cơ à? Thế thì cứ tống cổ phăng mụ ấy đi chứ sao nữa?

Becky chua chát đáp:

- Đàn ông mới xử sự như vậy. Đàn bà chúng em không nỡ ác thế đâu. Năm ngoái chúng em hết sạch cả tiền, bà ta có đồng nào cho em vay cả. Không đời nào em đuổi bà ấy đi, trừ phi chúng em cùng bị phá sản, mà xem chừng chuyện này cũng chả còn xa xôi gì nữa, nếu không thì phải trả bà ấy hết nợ mới được.

- Bỏ mẹ thật! Thế nợ bao nhiêu?

Lão hầu tước văng tục một câu rồi hỏi. Becky biết lão lắm của, bèn khai ra một món tiền gần gấp đôi số nợ thực, lão lại càng cáu khoẻ; còn Rebecca thì cứ ngồi cúi gằm mặt xuống thút thít khóc có vẻ đau khổ lắm.

- Em biết làm thế nào được. Chỉ còn một cách ấy thôi. Em có dám cho nhà em biết đâu. Nếu biết chuyện này thì nhà em đến giết chết em mất. Ngoài ngài ra, em chẳng dám hở chuyện cho ai biết. Mà chính ngài bắt em phải nói đấy thôi, hầu tước Steyne ơi, làm thế nào bây giờ? Em khổ lắm, em khổ quá.

Hầu tước Steyne không đáp, lão yên lặng gõ gõ mấy ngón tay, rồi đưa móng tay lên miệng nhấm nhấm, nghĩ ngợi. Đoạn lão chụp mũ lên đầu, đẩy tung cánh cửa, bước ra ngoài. Rebecca cứ giữ nguyên dáng điệu rầu rĩ như thế cho tới lúc nghe rõ tiếng cửa khép mạnh lại và tiếng xe ngựa lăn bánh đi mới đứng dậy, trong ánh mắt loáng lên một tia sáng tinh quái, thoả mãn, rất kỳ lạ. Rồi bỗng nhiên cô ta phá lên cười hai ba bận, và ngồi vào cây dương cầm, lướt mấy ngón tay rất nhanh trên hàng phím; tiếng nhạc reo vui lạ lùng, khiến cho mấy người qua đường phải dừng lại dưới cửa sổ lắng nghe.

Đến tối hôm ấy, lâu đài Gaunt có gửi lại cho hai phong thư, một phong đựng tấm thiếp của hầu tước Steyne và phu nhân mời thứ sáu sau đến dự tiệc ở lâu đài Gaunt,

một phong đựng một mẩu giấy màu xám có chữ ký của hầu tước Steyne gửi cho nhà ngân hàng Jones Brown và Robinson ở phố Lombard.

Đêm hôm ấy, Rawdon thấy tự nhiên Becky cười hai ba lần.

Cô ta bảo vì mình được đến giáp mặt với bọn phụ nữ quý tộc ở lâu đài Gaunt nên khoái trá mà cười. Thực ra Becky đang bận rộn với nhiều ý nghĩ khác. Bây giờ có nên trả nợ bà Briggs rồi cho ra không nhỉ? Becky trằn trọc mãi trên gối với những ý nghĩ đó. Sớm hôm sau, khi Rawdon đi tụ tập với bè bạn ở quán rượu thì cô vợ mặc bộ áo giản dị, che chàng mạng kín mặt, thuê xe ngựa đến khu City, vào ngân hàng Jones Brown và Robinson, đưa ra một tờ tín phiếu. Người nhân viên ngồi ở bàn giấy hỏi:

- Bà muốn lấy những loại tiền gì?

Becky ngọt ngào đáp:

- Ông cho một trăm năm mươi đồng tiền lẻ, chỗ còn lại, ông cho vào một tấm ngân phiếu.

Đoạn cô ta rẽ qua mé nghĩa địa nhà thờ St. Paul, vào hiệu mua một bộ áo lụa đen thật đẹp mang về cho bà Briggs. Lúc tặng món quà cho người đàn bà chất phác cô lại kèm theo một cái hôn và mấy lời thật âu yếm.

Rồi Becky đi bộ đến nhà bác Raggles thân mật hỏi thăm bọn trẻ và đưa cho bác năm mươi đồng, sau đó cô ta tìm đến ông chủ hiệu cho thuê xe ngựa, đưa trả một số tiền tương tự. Cô ta nói:

"Này ông Spavin, ông nên coi đó là một bài học nhé. Tôi mong rằng đến buổi tiến triều sắp tới, ông anh tôi là tôn ông Pitt sẽ không phải ngồi chật ních bốn người một xe để vào chầu đức Kim thượng vì cớ xe của tôi hỏng, nghe không?"

Hình như ngày tiến triều lần trước, hai bên có chuyện không ổn thoả thì phải, cho nên xuýt nữa trung tá phải muối mặt mà ngồi xe ngựa rong vào chầu vua.

Giải quyết xong mấy việc trên, Becky mới về nhà lên gác thăm lại cái hộp cô Amelia Sedley tặng mình từ lâu, trong đó cô ta giấu vô khối đồ vật có ích và quý giá. Cô ta cất kỹ tấm ngân phiếu vừa lĩnh được ở nhà băng Jones Brown và Robinson vào cái viện bảo tàng cá nhân ấy.

CHƯƠNG XLIX
BỮA ĂN BA MÓN VÀ MỘT MÓN TRÁNG MIỆNG

Sáng hôm ấy các phu nhân ở lâu đài Gaunt đang dùng bữa sáng thì hầu tước Steyne bước vào (lão có thói quen dùng bữa sáng một mình, ít khi muốn làm phiền đến đám đàn bà trong nhà; những dịp lão gặp vợ con là khi nào trong nhà có tổ chức tiếp khách, hoặc thỉnh thoảng gặp mặt nhau ở hành lang; hoặc những khi đi xem hát lão ngồi ở chỗ của mình, để ý theo dõi cử chỉ của họ ở "lô" ghế chỗ khác), bọn trẻ con đang quây quần xung quanh khay trà bánh; người lớn thì đang bàn tán về chuyện Rebecca.

- Này, Steyne phu nhân – lão hầu tước nói – tôi muốn biết buổi tiếp tân thứ sáu sắp tới bà định mời những ai, tôi muốn viết thiếp mời cả hai vợ chồng trung tá Crawley nữa.

Hầu tước phu nhân có vẻ xúc động mạnh, đáp:

- Để Blanche viết, để cho mợ Gaunt nó viết.

- Con không viết thiếp mời thứ người ấy.

Gaunt phu nhân, một người đàn bà cao lớn, nói xong ngẩng nhìn lên một lúc rồi lại cúi xuống. Ai đã làm phật

ý hầu tước Steyne thì khó lòng mà chịu đựng nổi tia mắt của lão.

- Tống bọn trẻ con ra ngoài kia. Cút! Lão vừa quát vừa giật mạnh dây chuông. Bọn trẻ vẫn quen hễ nom thấy ông nội là sợ rúm người lại, vội lảng hết. Mẹ chúng định lảng ra ngoài nốt, nhưng ông bố chồng nói ngay.

- Chị ở lại đây tôi bảo.

Đoạn lão tiếp:

- Steyne phu nhân, một lần nữa yêu cầu bà ngồi vào bàn viết thiếp mời hôm thứ sáu này, được không?

Gaunt phu nhân nói:

- Thưa cha, con không thể có mặt trong buổi tiếp tân ấy được. Con sẽ về bên nhà.

Tôi cũng đang mong chị về ở hẳn bên ấy hộ đấy. Trong gia đình Bareacre, chị sẽ có vô khối bầu bạn, tức là các ông mõ toà; mà tôi cũng thoát được cái nạn phải cho họ hàng nhà chị vay tiền, lại đỡ phải nhìn mãi cái điệu bộ bi kịch của chị. Tôi hỏi, chị là cái thứ gì mà làm như bà tướng ở cái nhà này chứ? Hạng chị, tiền bạc chẳng có, tài năng cũng không. Tôi mua chị về cái nhà này cốt để đẻ con, mà chị không tòi ra được đứa nào. Thằng Gaunt nó ngấy chị lắm rồi, trong nhà này có vợ thằng George là không mong chị chết. Chị mà chết là

thằng Gaunt sẽ lấy được vợ khác ngay.

- Con cũng đang muốn chết quách cho xong.

Người đàn bà giận quá, rơm rớm nước mắt đáp vậy.

- Chị mà cũng lên mặt đức hạnh đến thế cơ à? Chị không thấy vợ tôi mà ai nấy đều biết là một vị thiên thần trong trắng như băng tuyết, cả đời không hề lầm lỗi điều gì cả, cũng còn không phản đối việc tiếp bà bạn trẻ tuổi của tôi là bà Crawley?

Steyne phu nhân hẳn thừa rõ nhiều khi những người đàn bà đức hạnh nhất vẫn bị cái bề ngoài nó làm hại, và người vô tội nhất đời vẫn bị kẻ khác gièm pha. "Thưa bà, bà có muốn nghe tôi kể và mẩu chuyện về Bareacre phu nhân, cụ thân sinh ra bà chăng?"

Gaunt phu nhân đáp:

- Xin cha cứ đánh ngay con còn hơn.

Ngài hầu tước vẫn có cái thú thỉnh thoáng hành hạ vợ con như vậy. Lão nói:

- Chị Blanche ơi, tôi là một người thượng lưu, nếu có mó tay vào đàn bà thì chỉ là để vuốt ve mà thôi. Tôi chỉ muốn sửa chữa cho chị vài lỗi lầm nhỏ. Giống đàn bà các chị kiêu ngạo lắm, chẳng hiểu thế nào là khiêm tốn, thật đáng buồn, nếu cha Mole có ở đây, chắc cũng sẽ

khuyên Steyne phu nhân như vậy. Không nên làm bộ làm tịch, hãy nên tỏ ra khiêm tốn ngoan ngoãn, các quý bà thân mến ạ. Steyne phu nhân biết đấy; bà Crawley, người đàn bà giản dị vui tính bị thiên hạ gièm pha ấy, hoàn toàn vô tội… còn trong trắng hơn cả chính phu nhân nữa. Tính tình anh chồng không được tốt thật, nhưng cũng tương tự như ngài Bareacre nhà ta thôi; ngài đánh bạc không ít. Bố chị chẳng đã cướp đứt phần gia tài của chị, bắt tôi phải đeo lấy cái nợ là gì? Bà Crawley tuy không phải là dòng dõi cao sang, nhưng xuất thân cũng chẳng kém gì tổ tiên chị Fanny, người sáng lập ra nhà ngân hàng Jones đâu.

George phu nhân vội kêu lên:

- Thưa cha, món hồi môn của con đem về gia đình nhà ta…

Lão hầu tước mỉa mai đáp:

- Thì chị đã dùng để mua quyền kế thừa sau này đấy. Nếu thằng Gaunt chết, chồng chị sẽ được hưởng của nó; đàn con chị cũng vậy và còn được nhiều thứ khác nữa chứ. Thôi, bây giờ chỉ xin các bà cứ tha hồ mà kiêu ngạo làm ra vẻ đức hạnh ở nơi khác, nhưng với tôi thì đừng có giở trò. Riêng đối với bà Crawley thì tôi sẽ không cần nói tới chuyện bênh vực, vì như vậy là tự hạ phẩm giá của tôi, cũng như bôi nhọ danh dự của người

đàn bà hết sức đứng đắn ấy. Chỉ cần các bà vui lòng tiếp đãi người ta thật niềm nở như vẫn tiếp đãi mọi khách khứa thường ra vào nhà này.

- Nhà này ư?

Lão cười ầm lên:

- Ai là chủ nhà này nhỉ? Nhà này là thế nào? Xin thưa, ngôi đền đức hạnh này là thuộc quyền tôi đấy ạ. Giả sử tôi ưng mời cả Newgate[53] hay cả Bedlam[54] về chơi, mẹ kiếp… cũng phải tiếp đãi cho thật chu đáo.

Hầu tước Steyne vẫn ăn nói sỗ sàng với bầy "tỳ thiếp" của lão như vậy mỗi khi họ dám hé lộ thái độ phản kháng. Lập tức mấy vị phu nhân cụp đuôi lại vâng lời ngay. Gaunt phu nhân đành viết thiếp mời theo ý bố chồng, đoạn cùng bà mẹ chồng đích thân cho đánh xe ngựa đem đến nhà Rebecca, tuy trong lòng rất đau khổ nhục nhã. Nhận được thiếp mời, người phụ nữ ngây thơ ấy sung sướng không tả được.

Ở Luân Đôn có những gia đình chỉ mong được hưởng vinh dự nhận thiếp mời từ tay những bậc mệnh phụ như thế dù mất một nửa gia tài cũng không tiếc. Thí dụ bà Frederick Bullock chẳng hạn; bà rất sẵn sàng quỳ lê từ May Fair đến tận phố Lombard nếu được Steyne phu nhân và Gaunt phu nhân đón chờ nâng dậy bảo: "Thứ

sáu đến chơi tôi nhé". Đây không phải là những buổi tiếp tân xô bồ, những buổi dạ hội ồn ào tổ chức tại lâu đài Gaunt mà ai cũng đến dự được đâu; đây là những cuộc họp mặt thân mật, bí hiểm, tuyệt diệu. Được mời dự là một đặc ân, một vinh dự, một hạnh phúc.

Gaunt phu nhân với tính kiêu kỳ, với đức hạnh trong trắng, lại có sắc đẹp, chiếm một địa vị nổi bật trong Hội chợ phù hoa. Trước mặt người ngoài, hầu tước Steyne bao giờ cũng đối đãi với con dâu hết sức nhã nhặn, khiến cho kẻ khó tính nhất và hay soi mói nhất cũng phải công nhận lão là một nhân vật thượng lưu hoàn toàn và quả thật có con mắt biết người biết của.

Mấy vị phu nhân ở lâu đài Gaunt mời Bareacre phu nhân sang trợ lực để cùng đánh bại kẻ thù chung. Gaunt phu nhân cho đánh một chiếc xe ngựa sang phố Hill để triệu bà mẹ tới, vì đồn rằng bọn mõ toà đã quyền trữ tất cả xe ngựa, áo sống và đồ trang sức của bà; cái bọn Do Thái tàn nhẫn này hiện nắm trong tay cả toà lâu đài Bareacre với những bức tranh quý giá, những đồ đạc đắt tiền và những đồ chơi mỹ thuật. Những bức hoạ tuyệt diệu của Vandykes, của Reynolds, và những bức chân dung của Lawrence, màu sắc loè loẹt, có vẻ đẹp lắm: ba mươi năm nay ai cũng cho là những tác phẩm của một thiên tài chân chính; lại cả một bức tranh vẽ nữ thuỷ

thần đang múa của hoạ sĩ Canova do chính Bareacre ngồi làm mẫu hồi còn trẻ… Hồi ấy, Bareacre phu nhân còn có địa vị, có của cải và đẹp lộng lẫy, đâu phải là một bà già móm răng rụng tóc như bây giờ… Bây giờ bà chỉ còn là một mảnh giẻ rách còn sót lại của tấm áo dạ hội ngày xưa. Một bức tranh khác vẽ đức phu quân đang khoa lưỡi kiếm trước lâu đài Bareacre trong bộ quân phục đại tá đoàn kỵ binh Thistlewood. Bây giờ lão cũng chỉ là một ông già khẳng khiu, nhăn nheo khoác tấm áo choàng và đội mớ tóc giả kiểu Brutus; sáng sáng lão vẫn lỉnh ra ngồi ở quán rượu Grey và quen ngồi ăn trưa một mình ở câu lạc bộ. Ít lâu nay lão không thích cùng ăn với hầu tước Steyne nữa. Hồi còn trẻ hai người cùng đua ăn chơi, Bareacre vẫn là tay sành hơn. Nhưng vì Steyne lại trường lưng hơn nên rồi cuối cùng cũng vẫn cứ thắng. Bây giờ lão hầu tước còn tráng kiện gấp mười lần vị hầu tước Gaunt trẻ tuổi hồi năm 1785. Thế mà Bareacre đã già sóc, ốm yếu và phá sản rồi. Lão nợ Steyne nhiều tiền quá, thấy mình gặp mặt bạn luôn có điều không tiện. Mỗi lần muốn đùa chơi, hầu tước Steyne lại hỏi Gaunt phu nhân sao không thấy ông bố sang thăm con gái? Lão bảo: "Bơn tháng nay chưa nom thấy mặt ông cụ, cứ xem cuốn sổ ngân phiếu tôi cũng biết cụ Bareacre sang bao nhiêu lần. Này các bà, kể cũng hay đấy chứ, tôi có hai con trai, thì bố vợ của một

đứa là chủ ngân hàng của tôi, còn tôi lại là một chủ ngân hàng của bố vợ đứa kia!".

Truyện này không muốn viết nhiều về những nhân vật cao quý mà Becky tiếp kiến buổi ra mắt đầu tiên với giới thượng lưu.

Có quận công Peterwaradin cùng quận chúa; ngài bận áo chèn lưng, bộ ngực phồng ra như ngực quân nhân, tấm huy chương lấp lánh, rực rỡ, cổ đeo giải lụa đỏ của huy hiệu hiệp sĩ dòng "lông cừu vàng", số là ngài làm chủ rất nhiều đàn cừu. Becky thì thầm với hầu tước Steyne: "Nhìn mặt ông ta em cứ ngỡ tổ tiên ông ta là giống cừu.

Quả thật, ngài quận công có bộ mặt dài ngoẵng, trang trọng và trắng bệch, lại đeo giải đỏ ở cổ, nom y như một con cừu đeo chuông; lại có John Paul Jefferson Jones tiên sinh, tùy viên đại sứ quán Hoa Kỳ, phóng viên của tờ báo "Người mị dân thành Nữu – Ước"; đang bữa ăn, nhân lúc ngớt chuyện, ông này muốn làm vui lòng hầu tước Steyne, bèn hỏi thăm Steyne phu nhân xem ông bạn thân của mình là George Gaunt ở Brazil có vui không? Hồi ở Naples, ông này và George giao thiệp với nhau rất thân mật; hai người đã từng cùng nhau trèo lên đỉnh núi lửa Vesuvius. Ông Jones viết một bài báo kể lại tỉ mỉ cuộc tiếp tân hôm ấy, đăng lên báo "Người mị dân".

Ông dẫn ra tên tuổi, tước vị của hầu khắp mặt thực khách, lại nêu cả tiểu sử sơ lược của những vị khách quan trọng. Ông ta say sưa miêu tả hình dáng các vị khách phụ nữ, cách khoản đãi trong bữa tiệc, vóc dáng và quần áo của bọn gia nhân, lại kể rõ từng món ăn, từng thứ rượu, cũng như cách trang hoàng tủ búp phê và giá trị ước lượng của của bộ bát đĩa. Ông ta tính một bữa tiệc như vậy, phí tổn khoảng từ mười lăm đến mười tám đô la một đầu người. Cho đến gần đây, ông Jones vẫn có thói quen viết thư giới thiệu những người được mình che chở cho hầu tước Steyne, lấy nghĩa rằng mình và vị bá tước đã quá cố vốn là đôi bạn thân. Điều làm ông ta bực mình nhất là có một anh chàng quý tộc trẻ tuổi tầm thường nào đó tên là bá tước Southdown đã dám chơi nước thượng với ông ta trong lúc đi vào phòng tiệc. Ông Jones viết trong bài báo: "Vừa đúng lúc tôi bước tới để trao cánh tay cho một vị phu nhân hết sức xinh đẹp và lịch sự là bà Rawdon Crawley, thì cái anh chàng quý tộc trẻ tuổi kia chen ngay vào giữa phỗng ngay cô Helen[55] của tôi đi mà không thèm nói một lời xin lỗi. Tôi đành phải đi đoạn hậu với viên trung tá, chồng bà ta, ông này là một quân nhân cao lớn, mặt đỏ ửng, đã chiến đấu oanh liệt ở Waterloo; ông ta có may mắn hơn nhiều bạn đồng đội cũng mặc áo đỏ ở New

Orleans[56]. Mỗi lần anh chàng trung tá phải tiếp xúc với giới thượng lưu quý phái, mặt anh ta đỏ ửng lên như mặt cậu bé mười sáu khi đứng trước mặt các bạn học của em gái. Ta đã biết rằng suốt đời Rawdon chưa hề có dịp làm quen với phụ nữ. Ở câu lạc bộ hoặc ở quán ăn nhà binh, anh ta cũng tỏ ra khá lão luyện đối với bọn đàn ông, có thể thi ngựa, đánh cuộc, hút thuốc lá, hoặc chơi bi-a với những tay cừ khôi nhất. Cũng đã có hồi anh ta đánh bạn với phụ nữ, nhưng ấy là chuyện hai mươi năm về trước; mà những cô này thuộc hàng Marlow vẫn đi lại chơi bời hồi chưa có diễm phúc được lọt vào mắt xanh của cô Hardcastle[57]. Theo phép lịch sự, bây giờ không phải lúc dẫn tên những cố nhân ấy ra; họ là những người mà bọn trai trẻ chúng ta trong Hội chợ phù hoa vẫn thường va chạm hằng ngày. Ban đêm loại người ấy chen chúc nhau vô số trong các tiệm nhảy la liệt ở công viên Hyde và St.James. Những con người thận trọng, nếu không được là đứng đắn, nhất định không thèm biết đến chốn hành lạc này. Tóm lại, mặc dầu bây giờ trung tá Crawley đã bốn mươi lăm tuổi đầu, anh ta vẫn chưa có dịp tiếp xúc được lấy quá nửa tá đàn bà đứng đắn, không kể cô vợ quý hoá vô song của anh ta. Ngoài cô vợ và người chị dâu dịu dàng là công nương Jane, mà bản tính hiền hậu đã chinh phục được anh ta,

thì đàn bà nào anh ta cũng sợ. Hôm đến dự tiệc ở lâu dài Gaunt, chẳng thấy anh ta hé răng, chỉ có một lần nói rằng trời nóng quá. Becky đã định bảo chồng ở nhà, nhưng không lẽ đàn bà đoan chính lại không có đức ông chồng đi theo để bảo vệ cô vợ bé bỏng, nhút nhát trong buổi ra mắt đầu tiên với giới thượng lưu thì coi sao tiện.

Vừa trông thấy mặt Rebecca, hầu tước Steyne vội bước tới nâng bàn tay, cúi chào thật lịch sự, đoạn giới thiệu cô ta với Steyne phu nhân và các con dâu. Các vị phu nhân cũng đưa tay cho khách, nhưng bàn tay bà lạnh ngắt như đá hoa cương.

Tuy thế, Becky vẫn khiêm tốn và tỏ vẻ biết ơn nâng lấy bàn tay bà chủ nhà, cô ta cúi rạp xuống chào thật kiểu cách, ông thầy dạy múa khéo nhất cũng phải khen ngợi; đoạn cô ta lấy lòng Steyne phu nhân bằng cách vẫn đỡ đần cho cha mình, còn cô ta thì vẫn kính mến gia đình hầu tước Steyne từ bé. Thực ra, hồi ông Sharp còn sống, có một lần hầu tước Steyne bỏ tiền mua hai bức tranh của ông; cô bé mồ côi vẫn chưa quên được tấm lòng rộng rãi đó.

Bây giờ Becky mới nhận ra Bareacre phu nhân, cô ta cũng cúi chào rất lễ độ, bà kia chào giả với thái độ lạnh lùng, kiêu kỳ.

Becky lấy giọng thật ngọt ngào nói:

- Mười năm trước đây, chúng tôi đã có dịp biết đến phu nhân ở Brussels. Chúng tôi đã có hân hạnh gặp Bareacre phu nhân trong buổi dạ hội do Quận chúa Richmond tổ chức đêm trước hôm xảy ra trận Waterloo. Chúng tôi còn nhớ phu nhân và lệnh ái là công nương Blanche ngồi trong xe đỗ ngoài cổng khách sạn, chờ mua ngựa về. Hy vọng rằng số kim cương của phu nhân không bị thất lạc chứ ạ?

Mọi người đưa mắt nhìn nhau; ai cũng rõ rằng những viên kim cương nổi tiếng của bà này đã bị quyền trữ, nhưng Becky không biết tí gì. Rawdon Crawley và bá tước Southdown dắt nhau lảng ra đứng bên cửa sổ; nghe Rawdon kể lại chuyện Bareacre phu nhân cậy cục mua ngựa ngày trước và bị vợ mình chơi khăm cho một vố.

Bá tước Southdown rũ ra cười. Becky nghĩ thầm: "Có lẽ mình cũng cóc sợ mụ này". Bareacre phu nhân lấm lét đưa mắt nhìn con gái, vừa giận vừa sợ, đoạn lủi ra ngồi bên một cái bàn, giả bộ chăm chú xem một tập tranh ảnh.

Khi vị quý khách vùng Danube đến, mọi người bắt đầu dùng tiếng Pháp để nói chuyện. Bareacre phu nhân và mấy người phụ nữ còn trẻ càng bực tức hơn vì thấy bà Crawley nói tiếng Pháp thạo quá, giọng nói hay hơn họ nhiều. Hồi 1816-1817, nhân cùng sang Pháp với chồng,

Becky đã có dịp gặp một số nhân vật nhà binh người Hunggari. Cô ta bèn săn đón hỏi thăm mấy ông bạn cũ. Bọn khách ngoại quốc thấy thế cứ yên trí cô ta là một vị phu nhân quý tộc; lúc cùng đi sang phòng ăn, hai vợ chồng viên quận công cứ hỏi đi hỏi lại mãi hầu tước Steyne và phu nhân rằng không biết cái bà bé nhỏ xinh xình kia là ai mà nói tiếng Pháp hay thế. Cuối cùng cuộc diễu hành đã diễn ra như nhà ngoại giao người Hoa Kỳ miêu tả; mọi người bước sang phòng tiệc. Giữ đúng lời hứa, tác giả xin để các bạn đọc tuỳ ý lựa chọn món ăn theo sở thích.

Ăn xong, đến lúc các bà ngồi một mình trong phòng khách. Becky biết rằng bây giờ cuộc chiến đấu mới đến lúc gay go. Lâm vào một tình trạng gay cấn nên cô thấm thía lời hầu tước Steyne dặn dò phải dè chừng thái độ của bọn phụ nữ quý tộc đối với mình. Người ta vẫn bảo rằng ghét người Ailen nhất lại chính là người Ailen, cho nên bọn bạo chúa của phụ nữ cũng chính là cánh đàn bà với nhau. Cô Becky ở lại một mình với bọn đàn bà, bèn mon men đến bên lò sưởi là chỗ mấy vị phu nhân dùng riêng với nhau; lập tức mất bà lảng ra chia khác ngồi quanh một cái bàn xem tranh vẽ.

Becky theo họ ra bàn để tranh ảnh thì họ lại lần lượt đứng dậy đi ra bên lò sưởi. Cô ta định nói chuyện với

một đứa trẻ (ở những nơi công cộng bao giờ Becky cũng yêu trẻ) thì lập tức cậu George Gaunt bị mẹ gọi lại. Kẻ lạ mặt bị đối xử một cách tàn nhẫn quá, khiến cho cuối cùng, chính Steyne phu nhân cũng phải thương hại; bà ta bèn bước lại nói chuyện với người đàn bà trơ trọi. Phu nhân nói, đôi má nhợt nhạt chợt ửng đỏ:

- Hầu tước Steyne nói rằng bà hát và chơi đàn hay lắm, phải không, bà Crawley? Rất mong bà vui lòng hát cho chúng tôi nghe một bài.

- Tôi sẵn sàng làm bất cứ việc gì để hầu tước và phu nhân vui lòng.

Thực tâm Rebecca rất cảm tạ nhã ý của Steyne phu nhân. Cô ta ngồi vào cây dương cầm, bắt đầu hát.

Becky hát những bài hát tôn giáo của Mozart và những bài hồi còn trẻ Steyne phu nhân rất thích; mà cô ta hát rất hay, rất du dương, làm cho người đàn bà cứ quanh quẩn mãi bên cây dương cầm; lát sau bà ngồi xuống bên cạnh lắng nghe cô ta hát, nước mắt ứa ra lăn xuống gò má. Bọn đàn bà thù địch ngồi mé bên kia phòng nói chuyện với nhau ầm ầm lên… nhưng Steyne phu nhân không nghe thấy tiếng ồn ào. Bà ta đang sống lại thời thơ ấu, đang lần qua bốn chục năm về trước trở về nhà tu kín xưa kia. Xưa kia, cây phong cầm của thánh đường cũng từng vang lên những âm thanh như

vậy; người đàn bà chơi phong cầm là một bá tước được bà quý nhất trong nhà tu, đã dạy bà những bài hát ấy trong những ngày thần tiên của tuổi trẻ. Bà ta được sống lại một lần nữa những ngày con gái; trong một lúc đoạn đời ngắn ngủi đầy hạnh phúc xưa lại nở hoa… Nhưng bà bỗng giật mình vì cánh cửa phòng mở tung ra, hầu tước Steyne cười nói oang oang, dẫn mấy người đàn ông vui vẻ bước vào.

Thoáng nhìn, lão hiểu ngay trong lúc mình vắng mặt đã xảy ra chuyện gì; lần đầu tiên lão tỏ ra biết ơn vợ; lão bước lại hỏi chuyện vợ, gọi vợ bằng tên hồi con gái làm cho bộ mặt tái nhợt của bà lại đỏ ửng lên một lần nữa. Lão nói với Becky: "Nhà tôi bảo rằng bà hát hay như thiên thần". Dĩ nhiên có hai loại thiên thần, mà cả hai loại cùng có cách riêng bắt người ta say đắm.

Tuy phần đầu buổi tối hôm ấy không được tốt đẹp lắm, nhưng phần cuối thì Becky thắng lợi hoàn toàn. Cô ta biểu diễn những bài hát hay nhất của mình, hát hay đến nỗi tất cả đám đàn ông đều vây quanh cây dương cầm mà lắng nghe. Bọn đàn bà thù địch bị bỏ rơi, ngồi chỏng trơ; ông John Paul Jefferson Jones cứ tưởng rằng mình đã chinh phục được cảm tình của Gaunt phu nhân bằng cách lại gần ngỏ ý khen bà bạn đáng yêu của phu nhân sao mà hát hay đến thế.

CHƯƠNG L
MỘT CÂU CHUYỆN NHÀM

Bây giờ xin Nàng thơ là nguồn cảm hứng của cuốn truyện khôi hài này hãy tạm rời bỏ những chỗ gió mây cao xa nơi thường bay lượn mà vui lòng hạ xuống đậu trên nóc nô nhà thấp lè tè của ông John Sedley ở Brompton xem cuộc sống ở đây diễn ra thế nào.

Trong căn nhà bé nhỏ này, người ta sống với những nỗi lo âu ngờ vực và sợ hãi. Dưới bếp, bà Clapp khe khẽ càu nhàu với chồng về chuyện tiền nhà; bà nhất định xui người chồng tốt bụng xử thẳng tay với người chủ cũ hiện đang thuê nhà của bà. Hồi này bà Sedley đã thôi không xuống nhà dưới thăm bà chủ nhà nữa. Dĩ nhiên bà cũng không còn ở trong hoàn cảnh có thể ra mặt bề trên với bà Clapp được như trước. Làm sao người ta có thể đối đãi ra vẻ bề trên với người còn cho mình nợ những bốn mươi đồng, huống chi người ấy lại luôn luôn nói bóng gió đến chuyện đòi trả nợ? Chị hầu gái người Ai len chưa tỏ ý gì khác, vẫn ngọt ngào lễ độ như cũ, nhưng bà Sedley cứ tưởng tượng rằng chị ta bây giờ láo xược vô ơn khác hẳn hồi trước. Giống như tên kẻ cắp thấy bụi cây cứ ngỡ là ông đội xếp, chị hầu gái nói chuyện gì bà cũng nghe ra giọng bóng gió toàn những chuyện đe doạ

với bắt nợ. Cô bé Clapp bây giờ đã thành một thiếu nữ; cô bị bà Sedley lên án là một con bé hỗn láo mất dạy không chịu được. Bà không sao tưởng tượng nổi vì lẽ gì mà Amelia quý cô bé đến thế, cứ cho cô bé quanh quẩn cả ngày trong phòng, lại đi chơi với cô ta luôn. Sự túng thiếu quả đã đầu độc đời sống của người đàn bà xưa kia vốn vui tính và tốt bụng. Thấy Amelia đối với mình vẫn một mực dịu dàng thuần thục, bà thờ ơ như không, lại còn giễu cợt cô vì cứ muốn lựa ý cho mẹ vui lòng. Bà đay nghiến cô vì tội quá chăm nom thằng con trai mà bỏ quên cha mẹ. Từ ngày Joe rút số tiền trợ cấp, gia đình chú bé Georgy không được vui vẻ lắm; sự đói rách đang đe doạ mọi người trong nhà.

Amelia bóp óc nghĩ mãi tìm cách tăng thêm phần nào số lợi tức chết đói của gia đình. Có thể dạy học được không nhỉ? Hay là vẽ bưu ảnh, làm hàng thêu? Cô đã thấy nhiều người đàn bà khéo tay hơn cô làm đầu tắt mặt tốt cả ngày mà chỉ được hai penni. Một hôm Amelia đi mua hai tấm bìa Bristol có khung kim nhũ về ra sức vẽ thật đẹp… một cái vẽ một người thanh niên mục đồng mặc áo gi lê đỏ, mặt hồng hào tươi cười nổi bật trên nền phong cảnh vẽ chì… cái kia vẽ một thiếu nữ mục đồng dắt một con chó con đi qua một cái cầu, đánh bóng thật khéo. Đoạn cô đem đến hiệu mỹ nghệ phẩm Brompton,

chỗ đã mua hai tấm bìa, hy vọng ông chủ hiệu sẽ mua lại. Lão nhìn thấy hai tác phẩm nghệ thuật ấu trĩ, không sao giấu được nụ cười giễu cợt. Lão liếc mắt nhìn người đàn bà vẫn đứng chờ ở ngoài cửa hàng rồi gói hai bức tranh vào giấy dầu trả lại cho người đàn bà goá cùng đi với cô Clapp; cô này chưa bao giờ thấy ai vẽ đẹp như vậy; yên trí rằng ít nhất ông chủ hiệu cũng phải trả tới hai trăm đồng ghi nê. Hai chị em lại mang dạm bán ở các cửa hiệu khác trong thành phố, trong bụng vừa lo lắng, vừa hy vọng. Người thì đáp: "Không mua những thứ này", kẻ thì gắt lên: "Ra đi!" Thế là mất toi ba mươi sáu penni. Hai bức tranh được đem về treo trong phòng ngủ của cô Clapp; cô thiếu nữ vẫn tin là tranh vẽ khéo nhất đời.

Amelia suy nghĩ thật cẩn thận rồi nắn nót viết một tấm biển quảng cáo thật đẹp, nội dung thế này: "Một phụ nữ đứng đắn có chút thì giờ rảnh, muốn tìm việc dạy các em gái nhỏ học tiếng Anh, tiếng Pháp, địa lý, lịch sử và âm nhạc… Hỏi bà Amelia Sedley, tại nhà ông Brown". Cô đem tấm ảnh đến hiệu mỹ nghệ phẩm Brompton được lão chủ cho dựng nhờ trên quầy hàng; được vài hôm tấm ảnh bị bụi bám cáu đen lại. Nhiều lần Amelia vẫn lảng vảng qua cửa hiệu, hy vọng rằng lão chủ có tin mừng báo cho chăng, nhưng chẳng bao giờ thấy lão ra

hiệu gọi vào. Mấy lần đến hiệu mua vài thứ lặt vặt, lão cho biết chả có tin tức gì. Thương hại thay người thiếu phụ dịu dàng yếu đuối kia, làm sao chống đỡ cho lại được với cuộc sống phũ phàng?

Mỗi ngày Amelia càng thêm rầu rĩ héo hon. Cô cứ trân trân ngó con trai với đôi mắt đầy lo lắng: thằng bé hiểu sao nổi ý nghĩa cái nhìn ấy. Có đêm, cô choàng thức dậy, rón rén bước ra ghé nhòm vào căn phòng của con xem thằng bé ngủ yên hay là bị bế trộm đi rồi. Hồi này cô ít ngủ lắm, lúc nào tâm trí cũng bị một nỗi lo lắng ám ảnh. Có những đêm dài dằng dặc bốn bề lặng ngắt, cô ngồi khóc và cầu nguyện… Cô đã cố gắng bao nhiêu để xua đuổi ý tưởng phải xa cách đứa con, nhưng vô hiệu. Ý nghĩ ấy vẫn cứ trở lại trong tâm trí, vì cô thấy mình là bức tường duy nhất ngăn cách con trai với sự sung túc. Không thể xa con được. Không sao xa con được! Ít nhất là hiện nay; có thể là một ngày nào đó sau này. Ôi! Nhưng mới nghĩ đến mà đã không sao chịu đựng nổi.

Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu Amelia khiến cho cô đỏ mặt và bối rối… nếu chịu lấy viên mục sư làm chồng thì bố mẹ cô vẫn có thể sử dụng số lợi tức của cô mà con trai lại có nơi nương tựa chắc chắn; nhưng nhớ đến George và nhìn tấm hình chồng treo trên tường cô lại tự

trách mình. Tình yêu và sự e lệ không cho phép cô hy sinh; cô run rẩy, lánh xa điều ấy như lánh xa một tội lỗi. Những ý tưởng như vậy làm sao có thể có được ở con người trong trắng hiền hậu như Amelia?

Cuộc đấu tranh này ta chỉ miêu tả bằng một vài dòng nhưng thực tế đã kéo dài suốt mấy tuần lễ trong tâm trí Amelia. Trong thời gian này, cô không biết thổ lộ tâm tình với ai, mà cô cũng không có ai là tri kỷ. Mỗi ngày cô lại lùi thêm một bước trước kẻ địch đang tấn công mình, nhưng cô vẫn không chịu thú nhận rằng mình đành phải đầu hàng. Nhưng sự thực tàn nhẫn hằng ngày liên tiếp nhau lặng lẽ đè nặng lên tâm trí cô, rồi ở lỳ đó. Cả gia đình phải chịu cảnh túng đói, nheo nhóc, bố mẹ bị thiếu thốn, bị khinh rẻ, con trai bị đối xử bất công, từng vị trí một, những công sự ngoại vi của toà thành bị vây hãm mất dần, nhưng trong thành tấm linh hồn đáng thương kia vẫn say sưa ấp ủ kho báu duy nhất của mình.

Khởi đầu cuộc chiến đấu, Amelia đã viết một bức thư, lời lẽ ngọt ngào, khẩn khoản, gửi cho anh trai ở Calcutta; cô xin anh đừng rút món tiền trợ cấp trước vẫn gửi cho cha mẹ, lại miêu tả bằng những lời lẽ bi đát tình trạng túng thiếu trơ trọi của gia đình.

Nào có biết đâu sự thực khác hẳn. Joe vẫn gửi về đều đặn số tiền trợ cấp hằng năm; nhưng bây giờ người nhận

tiền lại là một lão cho vay lãi ở khu City. Ông già Sedley đã "bán lại" món tiền trợ cấp đồng niên ấy lấy một số tiền để đeo đuổi công cuộc kinh doanh vô vọng của mình. Emmy tính khoảng thời gian từ lúc gửi thư đi đến lúc nhận được thư trả lời. Cô đã ghi ngày gửi thư vào trong một quyển sổ tay. Nhưng cô không hề cho viên thiếu tá cha đỡ đầu của Georgy biết tí gì về những nỗi lo lắng ưu tư của mình. Từ buổi viết thư chúc mừng anh ta sắp cưới vợ, cô chưa viết thư cho Dobbin. Cô bạn duy nhất đã tận tình săn sóc cô… bây giờ cũng xa lắm rồi.

Một bữa hai bố con ông Sedley có dịp ngồi một mình với nhau; hôm ấy, sự bế tắc đã đến tột cùng; chủ nợ thúc tiền, bà mẹ thì chỉ những than với khóc, ông bố lại càng rầu rĩ hơn mọi ngày, người nọ tránh mặt người kia vì người nào cũng bận theo đuổi những ý nghĩ riêng đang giày vò mình. Amelia muốn an ủi cha, bèn kể lại việc mình viết thư cho Joe… chắc chắn độ ba bốn tháng nữa thế nào cũng có thư trả lời. Joe tuy vô tâm, nhưng vẫn là người rộng rãi. Biết cha mẹ đang gặp cảnh quẫn bách, lẽ nào anh ta lại từ chối không giúp đỡ?

Bấy giờ ông già mới kể hết sự thật với con gái, rằng con trai ông vẫn trợ cấp chu đáo, nhưng ông dại dột đem "đổ xuống sông xuống biển" cả rồi. Ông không dám nói thực việc này sớm hơn.

Trong khi ông run run thú thực với con, ông thấy vẻ mặt Amelia tái nhợt như trách ông sao lại hành động giấu giếm như vậy. Ông quay mặt đi chỗ khác, cặp môi run run, nói:

- Ồ, chắc bây giờ con khinh ba lắm nhỉ?

Amelia khóc nấc lên, ôm lấy cổ cha, hôn lấy hôn để đáp:

- Ba ơi, không phải thế đâu. Bao giờ ba cũng thương chúng con, chẳng qua ba muốn cho con được sung sướng đấy thôi. Con không buồn vì thiếu tiền đâu… Con buồn vì… Trời đất ơi! Xin hãy thương tôi, ban cho tôi đủ sức chịu đựng sự thử thách này.

Cô lại hôn cha thật âu yếm rồi bỏ đi. Ông bố vẫn chưa hiểu con gái định nói gì, vẫn chưa biết vì sao con gái lại có vẻ đau khổ lúc bỏ đi như thế. Thì ra Amelia đã chịu đầu hàng trước hoàn cảnh khó khăn rồi: cô đã nghe xong lời tuyên án. Đành phải rời bỏ đứa con trai cho người khác vậy thôi… nó sẽ quên mẹ nó. Đứa con trai mà cô coi như trái tim, như kho báu… đứa con trai là niềm vui, là nguồn hy vọng, là tình yêu mà cô thờ phụng gần như một vị thần. Vậy mà đành phải từ bỏ nó… bây giờ chỉ còn một việc là theo George sang thế giới bên kia mà thôi, rồi từ trên thiên đường, hai vợ chồng sẽ theo dõi đứa con trai yêu quý để chờ ngày cùng nó xum họp.

Amelia chùm mũ lên đầu, gần như không biết mình đang làm gì; cô bước ra ngoài, men theo những đường phố thường ngày Georgy vẫn đi ở trường về; cũng trên những đường ấy cô vẫn đi đón con. Hồi ấy đang tháng năm, Giory được nghỉ nửa ngày; cây cối đầy những búp lá non, bầu trời sáng sủa quang đãng. Thằng bé trông thấy mẹ chạy vội lại, miệng líu ho hát, mặt mũi hồng hào, khoẻ mạnh; tập vở buộc dây đeo lủng lẳng bên sườn.

Con trai đây rồi, cô giang hai tay ôm ghì lấy nó. Không thể thế được! Không sao đành lòng rời bỏ nó cho được! Thằng bé hỏi mẹ: "Mẹ ơi, mẹ làm sao thế? Mặt mẹ tái đi kia kìa?" Amelia nói: "Không sao cả con ạ", rồi cúi xuống hôn con.

Đêm hôm ấy, Amelia bảo con đọc truyện Samuel cho mình nghe. Chuyện kể rằng mẹ Samuel và Hannah cai sữa cho con xong, bèn đem nó đến cho vị đạo trưởng Eli để dạy dỗ nó trở thành một giáo sĩ của Chúa. Georgy đọc lời thánh ca, lời Hannah xưng tụng ơn Chúa: "*Thượng đế tuỳ ý khiến mọi người được giàu nghèo. Chỉ người mới có uy quyền cho vinh hay bắt nhục. Người có sức nâng kẻ nghèo lên từ nơi khổ cực. Và nếu không nhuần gội ơn Người, nào ai có được sức mạnh trên đời*".

Câu chuyện còn kể rằng Samuel được mẹ may cho

một tấm áo nhỏ; hàng năm bà mang đến cho con khi đến làm lễ hiến tế ở đền thánh. Amelia lấy lời lẽ ngọt ngào giản dị giảng cho con nghe ý nghĩa của câu chuyện cổ, cho con hiểu rằng mặc dầu Hannah quý con trai vô cùng, bà vẫn phải xa con vì tôn trọng lời nguyền cũ; khi ngồi nhà may áo, xa cách đứa con yêu dấu, chắc bà nghĩ đến nó rất nhiều; còn Samuel hẳn cũng không bao giờ quên mẹ; khi được gặp lại đứa con đã khôn lớn (thấm thoát cũng chẳng bao lâu), chắc bà Hannah sung sướng không biết ngần nào. Amelia cố giữ nước mắt khỏi rơi khi lấy giọng ngọt ngào trang nghiêm giảng cho con nghe, nhưng đến đoạn hai mẹ con Samuel gặp lại nhau thì cô nghẹn lời, không nói được nữa, trái tim dường như vỡ ra từng mảnh; cô ghì chặt con vào ngực, bồng con lên tay mà đu đưa, và lặng lẽ nhỏ những dòng nước mắt cao quý của tấm lòng người mẹ hy sinh vì chí đã quyết, người đàn bà goá bắt đầu sửa soạn những công việc coi là cần thiết để thực hiện ý định của mình.

Một hôm cô Osborne ở khu phố Russell nhận được thư của Amelia (đã mười năm nay Amelia chưa hề cầm bút viết lại số nhà và tên phố nơi ở cũ… vì hễ cầm bút định viết thì cả cuộc đời thiếu nữ những chuyện đã qua lại sống lại trong tâm tưởng); cô đỏ cả mặt lên, ngước nhìn ông bố đang rầu rĩ ở chỗ thường ngày mé đầu bàn.

Bằng những lời đơn giản, Amelia kể lại trong thư vì sao mình thay đổi ý định, không giữ con ở với mình nữa, vì không may cha cô lại mới gặp tai hoạ, bây giờ phá sản hoàn toàn rồi. Số tiền lợi tức của cô ít ỏi quá, chỉ vừa đủ để trợ cấp cho cha mẹ nên không sao lo việc ăn học của Georgy cho tử tế được; dẫu rằng xa con cô đau khổ vô cùng, cô cũng cầu Chúa ban cho cô đủ sức chịu đựng, mong con được hưởng hạnh phúc; cô hiểu rằng con trai sẽ đến ở với những người sẵn sàng làm bất cứ điều gì để nó được sung sướng. Cô tả lại tình hình thằng bé theo sự tưởng tượng của mình, nghĩa là nghịch ngợm, không chịu câu thúc, không ưa nặng lời, thích được chăm nom vuốt ve. Trong phần tái bút, cô còn ghi thêm rằng muốn có một tờ giấy cam kết cho phép cô gặp con luôn luôn… Cô quyết không chịu xa con, nếu không có điều kiện này.

Nghe cô Osborne run run đọc hết lá thư, ông Osborne nói:

- Thế nào, *bà kiêu kỳ* chịu khuất phục rồi à? Sắp chết đói, hả? Ha, ha! Tao đã biết mà!

Ông cố gắng giữ thái độ kiêu ngạo, cứ chăm chú đọc báo như cũ nhưng không sao bình tĩnh được. Ông vừa khúc khích cười, vừa rủa thầm sau tờ báo. Cuối cùng ông phải quẳng tờ báo xuống bàn, rồi vẫn như mọi lần,

ông cau mặt nhìn con gái và bỏ đi vào căn phòng làm việc bên cạnh; lát sau, ông mang một chiếc chìa khoá lại, ném cho cô Osborne, bảo:

- Lên sửa soạn sẵn cái phòng mé trên phòng của tao… phòng của nó ngày trước ấy.

Cô con gái run rẩy đáp:

- Thưa ba, vâng.

Căn phòng này trước kia là của George. Hơn mười năm nay cửa phòng chưa mở ra lần nào. Trong phòng vẫn để nguyên một số đồ vật như quần áo, giấy má, khăn tay, roi ngựa và mũ, có một bộ cần câu và những dụng cụ săn bắn, lại có một tập niên giám của quân đội năm 1814 ngoài bìa có ghi tên Osborne, một cuốn từ điển nhỏ, anh ta thường tra cứu khi viết và một tập kinh thánh của bà mẹ cho; tất cả vẫn đặt trên mặt lò sưởi, cùng một đôi cựa gót giày và một lọ mực đã khô cạn dưới lớp bụi của mười năm trời đằng đẵng. Trên mặt bàn vẫn còn một quyển vở chi chít những dòng chữ của George viết.

Lúc cùng mấy người hầu mới đặt chân vào trong phòng, cô Osborne bồi hồi xúc động quá; cô nằm vật lên chiếc giường nhỏ, mặt tái nhợt đi. Bà quản gia nói:

- Thật là một tin mừng đấy thưa cô… thật đấy, thưa

cô… bây giờ nhà ta lại vui vẻ như xưa nhỉ, thưa cô… chắc chú bé sắp về, thôi thì tha hồ mà sung trong! Rồi khối người ở May Fair phải ghen tỵ với chú đấy thưa cô.

Bà ta rút chiếc then gài cánh cửa sổ, một luồng không khí ùa vào trong phòng.

Trước khi đi, ông Osborne bảo con gái:

- Con nên gửi cho chị ta một ít tiền. Không được để nó thiếu thốn một thứ gì. Cho nó một trăm đồng.

Cô Osborne hỏi:

- Thế mai con đến thăm chị ấy nhé.

- Cái đó tuỳ cô, nhưng nhớ không được cho nó lại đây, không bao giờ, mẹ kiếp! Nó đến mà cả Luân Đôn đổ của vào nhà này tao cũng không chịu. Nhưng bây giờ hãy chu cấp cho nó đầy đủ. Liệu mà thu xếp cho ổn thoả đấy.

Ông Osborne dặn dò vắn tắt mấy câu như vậy rồi đi đến khu City làm việc như thường lệ.

Tối hôm ấy, Amelia ôm lấy ông bố già nua mà hôn, rồi đặt vào bàn tay ông lão một tấm giấy một trăm đồng, nói:

- Có tiền đây rồi, ba ạ.. Còn còn.. má ơi, má đừng gắt với Georgy nữa nhé; cháu nó… cháu nó không còn ở

đây lâu với chúng ta nữa đâu.

Cô nghẹn lời, không nói thêm được, lặng lẽ bước về phòng.

Chúng ta cũng nên đóng cánh cửa đó lại để khỏi nghe thấy lời cầu nguyện và chứng kiến nỗi đau khổ của cô. Tôi nghĩ tốt nhất là không nên nói nhiều về tình thương yêu con và nỗi lòng chua xót của cô làm gì.

Hôm sau theo đúng lời hẹn trong thư, cô Osborne đến thăm Amelia. Hai người tỏ ra thân mật với nhau. Xét cái nhìn và nghe vài câu nói của cô Osborne, người đàn bà goá đáng thương này thấy ngay ít nhất cũng không bị cô ta chiếm mất địa vị của mình trong trái tim con trai. Cô Osborne tính tình lạnh lẽo, nhưng cũng biết xúc động và tốt bụng. Giả sử kẻ địch lại còn trẻ và xinh đẹp, tính tình cởi mở, nồng nàn hơn thì có lẽ người mẹ cũng không yên tâm lắm.

Về phần cô Osborne, thấy người đàn bà goá lâm vào hoàn cảnh đáng thương, cô nhớ đến những chuyện cũ, cũng lấy làm động tâm. Người mẹ khốn khổ đã hạ khí giới đầu hàng rồi, hôm ấy hai người sắp đặt với nhau những chi tiết sửa soạn cho việc đầu hàng.

Hôm sau nữa, Georgy được nghỉ học để gặp mặt cô nó. Amelia mặc hai cô cháu trò chuyện với nhau, bỏ vào

trong phòng nằm. Cô muốn tập chịu đựng cảnh xa con… cũng giống công nương Jane Grey đã đưa tay sờ thử lưỡi búa sắc bén trước khi để cho nó hạ xuống cắt đôi cuộc đời mỏng manh của mình. Ngày nọ qua ngày kia, những cuộc thăm hỏi bàn bạc, sửa soạn cứ tiếp tục diễn ra. Amelia báo tin cho con biết một cách hết sức thận trọng. Cô cứ tưởng thằng bé hay tin phải bị xúc động mạnh lắm; trái lại nó tỏ vẻ hí hửng; người mẹ đáng thương buồn bã quay mặt đi. Hôm ấy thằng bé đến trường huênh hoang kháo lại tin mừng với các bạn học, rằng nó sắp về với ông nó, ông nội sinh ra cha nó chứ không phải ông ngoại thỉnh thoảng vẫn đến trường đâu; nó sắp có vô khối tiền, sắp đi xe ngựa, sắp có ngựa để cưỡi đi chơi, sắp đi học ở trường to hơn; bao giờ có tiền nó sẽ đi mua một hộp bút chì màu và mua bánh rán ăn thoả thích. Người mẹ thương con thấy tính nó sao giống bố như đúc.

Vì tôn trọng sự đau khổ của Amelia, chúng ta không nỡ tả lại tỉ mỉ những ngày cuối cùng Georgy còn ở cùng với gia đình.

Và ngày ly biệt đã tới; một chiếc xe ngựa đến đỗ ở cửa. Hành lý đơn giản của Georgy chỉ gồm toàn những vật kỷ niệm, đã để sẵn từ trước ngoài phòng khách… Georgy bận bộ quần áo mới mà người thợ may đã tới từ

mấy hôm trước để đo may. Mặt trời mới rạng, nó đã nhảy bổ từ trên giường xuống, lấy quần áo mới ra mặc. Mẹ nó nằm ở phòng bên lắng nghe con sửa soạn, không nói gì, nhưng lòng đau thắt lại. Bao nhiêu ngày qua cô đã chờ đợi buổi hôm nay, nào sắm sửa các thức vặt vãnh cho con, đánh dấu sách vở và áo quần của thằng bé, chuyện trò với nó cốt cho nó quen dần với sự thay đổi sắp xảy ra… Cô yên trí rằng con trai cần được sửa soạn chu đáo như vậy. Đối với thằng bé, thay đổi thì thay đổi, nó cần gì? Nó càng thích. Những câu trả lời khi mẹ nó hỏi về với ông sẽ làm gì khiến cho người đàn bà góa đáng thương thấy rõ con trai mình không vì cuộc ly biệt mà buồn khổ bao nhiêu. Nó bảo: "Con sẽ cưỡi ngựa về thăm mẹ luôn, con sẽ ngồi xe ngựa về đón mẹ đi chơi, hai mẹ con sẽ giong xe đi chơi ở công viên, mẹ thích thứ gì, con sẽ mua cho mẹ".

Người mẹ đáng thương đành bằng lòng với lối biểu lộ tình cảm gắn bó một cách hơi ích kỷ của con trai, vẫn cố tin rằng nó vẫn thực tâm yêu quý mẹ. Cô nghĩ thầm: "Tất nhiên nó phải quý mẹ nó chứ. Trẻ con vẫn thế, đứa nào cũng khát khao cái mới, thằng Georgy không ích kỷ đâu. Nó chỉ tỏ ra có tinh thần tự chủ thôi. Nó có quyền được hưởng hạnh phúc trong cuộc sống. Nếu nó có cao vọng thì lại càng tốt. Cho đến nay, vì tình yêu ích kỷ,

dại dột của người mẹ, chính mình đã tước đoạt mất của con trai những quyền lợi chính đáng".

Đàn bà nhiều khi có thái độ nhút nhát tự hạ mình khiến ta rất cảm động. Họ cam tâm thay chồng nhận hết phần lỗi về mình, bao nhiêu sai trái họ chịu hết, họ tự kết án về những tội lỗi họ không hề phạm, và nhất định che giấu cho kẻ thủ phạm chính thức. Chính những kẻ làm tội đàn bà nhiều nhất lại được họ đối đãi tốt nhất… vì trời sinh ra đàn bà vốn nhút nhát nhưng nanh nọc, kẻ nào tỏ ra quỵ lụy với họ, lập tức bị hành hạ ngay.

Amelia tự chuẩn bị cho việc chia tay với con trai bằng cách câm nín mà đau khổ; cô tập ngồi cô đơn hàng giờ liền để sửa soạn cho con ra đi. Georgy đứng cạnh mẹ, thờ ơ không hề chú ý xem mẹ đang làm gì. Mẹ nó đã nhỏ xuống hòm quần áo của con bao nhiêu giọt nước mắt. Mẹ nó đã lấy bút đánh dấu nhiều đoạn trong những cuốn sách nó thích và cẩn thận gói ghém cho nó đủ các thứ đồ chơi cũ cùng nhiều kỷ vật. Trong khi người mẹ đứt từng khúc ruột thì đứa con ra đi mặt mày hớn hở. Trời đất ạ, nghĩ tội nghiệp thay cho tấm lòng thương con vô ích của những người mẹ trong Hội chợ phù hoa này.

Vài hôm qua đi, sự kiện lớn trong đời Amelia thế là đã xảy ra trọn vẹn. Không có vị thần nào can thiệp mà cứu vãn được, đứa con thế là bị hy sinh, bị giao phó cho số

mệnh, và người đàn bà goá từ đó phải sống trơ trọi một mình.

Thằng bé về nhà thăm mẹ luôn luôn. Nó cưỡi một con ngựa non có một bác xà ích ngồi kèm sau lưng; ông Sedley thấy cháu sang trọng thế, thích lắm; ông kiêu hãnh đi kèm bên cạnh nó ngoài phố.

Amelia nhìn con nhưng nó đâu còn là con trai của cô nữa. Thằng bé lại cưỡi ngựa đến thăm cả bạn trẻ cùng học trong ngôi trường nhỏ để phô trương sự giàu có sang trọng mình mới được hưởng. Mới có hai ngày mà nó đã học được cái điệu bộ hơi khệnh khạng và có vẻ bề trên. Me nó nghĩ bụng sao mà nó giống bố nó xưa kia thế, sinh ra như chỉ để *chỉ huy* người khác.

Hồi này, tiết trời đẹp. Những hôm con trai không về thăm nhà, chiều tối, Amelia còn đi bộ ra tận Luân Đôn… Cô đến mãi tận phố Russell, ngồi trên tảng đá bên hàng rào công viên, đối diện với ngôi nhà của ông Osborne. Mặt đá êm ái mát lạnh. Nhìn lên cô trông thấy cửa sổ phòng khách sáng trưng. Và vào khoảng chín giờ tối, cô nhìn lên căn phòng trên gác chỗ Georgy ngủ; cô biết chắc đó là phòng của con – Georgy đã nói cho cô hay. Đèn tắt, cô vẫn ngồi đặt hết tâm hồn vào lời cầu nguyện cho con, rồi lặng lẽ run rẩy bước về. Về đến nhà cô mệt nhoài người; có lẽ sau mỗi cuộc đi mệt mỏi ấy, cô ngủ

ngon giấc hơn, và lại có hy vọng gặp Georgy trong mộng.

Một ngày chủ nhật, tình cờ Amelia lại đến khu phố Russell, cách nhà ông Osborne một quãng (nhìn tận từ xa, cô vẫn nhận được ra ngôi nhà ấy); tiếng chuông lễ đổ hồi, hai cô cháu thằng Georgy từ trong nhà bước ra đi lễ nhà thờ. Một thằng bé quét đường đến cạnh xin bố thí; anh người nhà theo hầu cầm sách kinh cho hai cô cháu định đuổi nó đi; nhưng Georgy đứng lại, móc túi lấy tiền cho nó.

Cầu chúa ban phúc lành cho thằng bé! Emmy chạy vòng quanh mé bên kia công viên, đến bên thằng bé quét đường, cũng cho nó một đồng tiền. Chuông nguyện lễ vẫn thi nhau đổ hồi, Amelia cứ đi theo hai cô cháu tới nhà thờ của trại mồ côi thì rẽ vào. Cô tìm một chỗ ngồi để có thể nhìn thấy mặt con trai lấp ló dưới bức phù điêu kỷ niệm cha nó. Tiếng hát trong vắt của hàng mấy trăm đứa trẻ vang lên trong nhà thờ; chúng đang hát bài ca xưng tụng đấng từ bi tối cao. Bài đồng ca khiến cho tâm hồn thằng Georgy run lên vì thích thú. Trong một lúc, mẹ nó không nhìn rõ mặt con vì nước mắt bỗng ứa ra giàn giụa.

CHƯƠNG LI
MÀN KỊCH ĐỐ CHỮ

Becky được dự vào hàng những quý khách lựa chọn và thân thiết của hầu tước Steyne, thế là coi như nguyện vọng leo lên địa vị thượng lưu đài các đã được thoả mãn. Nhiều toà lâu đài sang trọng đồ sộ nhất ở kinh đô đã sẵn sàng mở cửa tiếp đón cô ta, những toà lâu đài sang trọng quá, kẻ viết truyện này cũng như các bạn độc giả khó lòng có hy vọng len lỏi vào được. Hỡi các bạn, trước những cánh cửa thâm nghiêm ấy, chúng ta hãy run sợ. Tôi cứ tưởng tượng như ngoài cổng vẫn có những tên hầu phòng cầm xiên bạc xiên vào bụng những kẻ nào không được phép mà cứ len lỏi vào bằng được. Họ đồn rằng cái anh phóng viên nhà báo hiền lành ngồi trong phòng lớn ghi tên các vị tai mặt đến dự tiệc, ít lâu sau bỗng nhiên chết thẳng cẳng. Anh ta không thể chịu đựng nổi làn ánh sáng chói chang của giới thượng lưu đốt cháy anh ta, như xưa kia nàng Semele[58], một con thiêu thân dại dột đáng thương, đã bị cháy vì dám vượt khỏi môi trường tự nhiên của mình mà ngó thần Jupiter rực rỡ trong bộ áo lửa. Những kẻ thượng lưu lui tới các phòng khách thính ở công viên Tyburnia hoặc công viên Belgravia hãy lấy đó làm bài học… câu chuyên của Semele cũng rất có thể là câu chuyện của Becky. Ôi, hỡi

các bậc mệnh phụ… Hãy hỏi Thurifer tiên sinh xem Belgravia có phải chỉ là một tấm biển đồng gõ kêu loong coong và Tyburnia, một chiếc chũm chọe kêu xoang xoảng không. Những chuyện phù phiếm ấy chỉ được một thời. Rồi một ngày kia (nhưng may thay, đến ngày ấy, chúng ta đã không còn nữa) công viên Hyde sẽ không ai buồn đặt chân tới như vườn ở ngoại ô thành Babylon vậy, công viên Belgravia cũng sẽ vắng vẻ như phố Baker và Tadmor trong cảnh hoang vu.Thưa các bà, các bà có biết rằng Pitt đại nhân đã sống ở phố Baker không? Các cụ bà của chúng ta xưa kia mất gì cũng không tiếc, miễn là được mời đến dự bữa biếc đó do Hester phu nhân tổ chức trong tòa nhà ấy mà giờ đây đã đổ nát. Tôi đã từng có dịp dùng cơm tại đấy… *chính tôi là kẻ đang nói chuyện với các bạn đây này*[59]. Tôi tưởng tượng khách khứa trong phòng là những bóng ma của bạn bè nhà quý tộc thế lực đã quá cố. Trong khi chúng tôi ngồi uống rượu vang cùng những người đã chết trở về quây quần xung quanh các bàn ăn lạnh lẽo. Vị thuyền trưởng có tài đã vượt qua cơn bão táp đang nốc những cốc rượu mạnh lớn: bóng dáng của Dundas tiên sinh vẫn không chịu rời khỏi ngấn rượu cặn ma quái; Addington ngồi nghiêng đầu cười gằn một cách quái đản; lúc chai rượu được lặng lẽ chuyền tay nhau, ngài cũng không chịu kém cạnh. Scott với đôi lông mày sâu róm

cũng nheo mắt nhìn tô rượu cất để lâu năm. Wilberforce[60] ngước mắt nhìn trần nhà, không để ý rằng cốc rượu nâng lên môi thì đầy mà lúc đặt xuống đã cạn không còn một giọt… Tiên sinh đang chiêm ngưỡng cái trần nhà mới hôm qua vẫn còn trên đầu chúng ta, và đã được bao nhiêu nhân vật tai mặt nhìn ngắm. Bây giờ tòa lâu đài đã biến thành phòng cho thuê rồi. Thưa vâng, Hester phu nhân có hồi đã sống ở phố Baker, bây giờ đang yên giấc giữa nơi hoang vu vắng lặng. Eothen đã trông thấy phu nhân, không phải là ở phố Baker mà là ở giữa một nơi hoang vắng khác.

Hiển nhiên toàn là những chuyện phù hoa, nhưng ai là người chẳng ưa thích đôi chút? Tôi thách vị nào có tính tình cương nghị, ghét được món thịt bò rán bởi lẽ nó không có giá trị vĩnh cửu đấy. Thịt bò rán cũng là một thứ phù hoa, nhưng tôi vẫn mong các vị đọc truyện này mỗi người có một tảng để xơi, dầu tôi có tới năm mươi vạn độc giả. Vậy mời các ngài ngồi vào bàn và ăn cho ngon miệng, món mỡ, món nạc, rồi nước sốt, gia vị, tùy sở thích… xin lấy thêm một miếng sườn rán nhỏ. Phải lắm, hãy ăn cho kỳ thích những thứ phù hoa này và lấy đó làm sung sướng. Còn Becky, hãy mặc cô ta với những thú vui của giới thượng lưu quý tộc, bởi lẽ cũng như mọi trò giải trí của con người, những thú vui ấy

không phải là vĩnh cửu.

Việc Becky đến thăm hầu tước Steyne có kết quả ngay. Hôm sau, nhân gặp trung tá Crawley ở câu lạc bộ, ngài quận công Peterwaradin chộp ngay lấy cơ hội để nối lại mối dây trên lạc với anh ta; không những thế, gặp Becky đi chơi ở công viên Hyde, ngài có ngả mũ chào rất lễ độ. Hai vợ chồng Becky lập tức được ngài quận công mời đến dự một buổi tiếp thân mật tại lâu đài Bình Minh.

Ngài ngụ tạm ở đấy trong thời gian vị quý tộc chủ lâu đài vắng mặt ở nước ngoài. Tiệc xong Becky hát cho đám quan khách chọn lọc nghe. Hầu tước Steyne cũng có mặt bữa ấy, lão rất hài lòng theo dõi sự tiến bộ của cô học trò với thái độ che chở.

Tại lâu đài Bình Minh, Becky được tiếp xúc với một nhân vật thượng lưu phong nhã nhất, và cũng là một chính khách có tài nhất châu Âu, tức là quận công de la Jabotiere, hồi này ngài đang lãnh nhiệm vụ đại sứ đặc mệnh của vị Hoàng đế mộ đạo nhất; sau này ngài được Hoàng đế cử làm thượng thư.

Tôi xin công nhận rằng được cầm bút viết tên của những bậc kỳ tài như thế, mũi tôi phồng lên vì kiêu hãnh. Tôi lại phải nghĩ rằng Becky quả có vinh dự được giao tiếp với những con người cao quý biết bao! Cô ta

trở thành người khách quen thuộc của tòa đại sứ Pháp, nơi đây không buổi họp mặt nào được coi là hoàn hảo nếu bà Rawdon Crawley xinh đẹp không đến dự.

Các ngài de Truffigny (dòng dõi gia đình Perigord) và Champignac (cả hai đều là tùy viên đại sứ quán) cùng một lúc bị sắc đẹp của bà vợ ông trung tá bắt mất hồn; cả hai theo đúng phong tục của nước họ cùng tuyên bố rằng họ rất "ăn ý" với bà Rawdon xinh đẹp (bởi vì có bao giờ một người Pháp rời khỏi nước Anh mà không để lại sự khổ sở cho hàng tá gia đình và không mang theo trong sổ tay của họ khoảng ngần ấy trái tim?).

Song tôi không tin lời tuyên bố của họ là đúng sự thực.

Champignac vốn mê đánh bài xì, tối tối hay ngồi sát phạt với viên trung tá trong khi Becky hát cho hầu tước Steyne nghe ở phòng bên, còn de Truffigny thì ai mà không biết. Đố lão dám vác mặt đến tiệm rượu "Người du khách", vì lẽ lão nợ tiền cả bọn bồi bàn; ví thử lão không đến được tòa đại sứ để ăn cơm thì đến chết đói mất. Vậy nên tôi mới ngờ rằng không lẽ Becky chịu chọn hai vị này để lọt vào mắt xanh làm gì. Hai ngài tha hồ mà chạy việc hộ cô ta, nào sắm bao tay, nào mua hoa tặng, lại đi vay công lĩnh nợ mà chuốc vé "lô" rạp Opera mời người đẹp, tìm trăm phương nghìn kế để lấy lòng mỹ

nhân. Họ nói tiếng Anh liều lĩnh một cách đáng phục; Becky và hầu tước Steyne nghe mà tức cười. Cô ta vẫn hay làm điệu bộ bắt chước họ ngay trước mặt, lại nghiêm trang ngỏ ý khen họ học tiếng Anh tấn tới trông thấy, làm cho ông thầy hay giễu cợt của cô ta là hầu tước Steyne không sao nhịn được cười. de Truffigny cho bà Briggs một tấm khăn san, định lấy lòng người bạn thân tín của Becky, lão nhờ bà này đưa hộ một lá thư; người đàn bà không chồng chất phác quá, đưa ngay cho chủ trước mặt mọi người. Ai đọc thư cũng phải phì cười. Hầu tước Steyne cũng đọc; tất cả mọi người đều đọc cả, chỉ trừ có anh chàng Rawdon thực thà, mà đối với anh chàng này thì cũng chẳng cần phải kể lại hết mọi việc xảy ra trong căn nhà nhỏ ở khu May Fair. Không những Becky đã giao thiệp với những "đệ nhất phu nhân" ngoại quốc, theo cách nói lóng của giới quý tộc lịch sự chúng ta, mà còn quen thuộc cả những "đệ nhất nhân vật" người Anh nữa. Tôi không có ý muốn nói cô ta quen toàn những người đứng đắn nhất, hoặc không đứng đắn nhất, những người thông minh nhất, hoặc ngu độn nhất, hoặc những người giàu có dòng dõi cao sang nhất; tôi chỉ muốn nói là những "đệ nhất nhân vật"… nói cho gọn tức là những người không có tai tiếng gì… Thí dụ như bậc mệnh phụ Fitz-Willis phu nhân, người bảo trợ đáng kính của tập san quý tộc, Slowbore phu nhân,

Grizzel Macbeth phu nhân tục danh là công nương Glowry, con gái bá tước Grey Glowry, v.v. Một khi bá tước Fitz-Willis phu nhân đã che chở cho ai, thì người ấy trở thành bất khả xâm phạm; (phu nhân vốn thuộc dòng dõi gia đình ở khu phố Nhà vua, xin xem cuốn "Debrett"), không ai còn dám nghi ngờ điều gì về họ nữa. Cũng không phải vì Fitz-Willis phu nhân là người hay ho hơn ai; trái lại, phu nhân đã năm mươi bảy cái xuân xanh, cuộc đời đang ngả màu, không đẹp, chẳng giàu có gì, mà cũng không hấp dẫn nổi ai, nhưng ai ai cũng công nhận phu nhân là một "đệ nhất nhân vật". Hình như vì có mối hiềm khích giữa Steyne phu nhân (nguyên là hồi chưa chồng còn gọi là công nương Georgina Frederica, phu nhân đã có lần tranh địa vị nâng khăn cho hầu tước Steyne mà không được), con người nổi tiếng phong lưu đài các ấy bèn quyết định nâng đỡ bà Rawdon Crawley; trong một buổi họp mặt do mình chủ tọa, thấy Becky, phu nhân bèn cúi chào thật lịch sự, cốt cho mọi người trông thấy. Con trai phu nhân là St. Kitts được hầu tước Steyne giới thiệu, bắt đầu đi lại nhà Rebecca; không những bà khuyến khích con nên chăm lại chơi, mà còn mời Becky lại nhà, và trong bữa tiệc đã hai lần chiếu cố nói chuyện với cô ta một cách ngọt ngào ngay trước mặt công chúng. Đêm hôm ấy, khắp thành phố Luân Đôn ai cũng biết chuyện này. Những

người quen dài mõm ra mà chê bai bà Crawley vội im thin thít. Wenham, luật sư riêng và cánh tay phải của hầu tước Steyne, đi khắp mọi chỗ để tán dương Rebecca, vài người còn trù trừ, cũng phải bước lên chào mừng cô ta nốt. Anh chàng Tom Toady có lần đã khuyên Southdown chớ nên đi lại với một người đàn bà quá ư tồi tệ như thế, bây giờ lạy van để được giới thiệu với cô. Tóm lại, Rebecce đã chính thức được công nhận đứng trong hàng ngũ những "đệ nhất nhân vật". Nhưng thưa bạn đọc thân mến, các bạn chớ vội ghen tị với cô Becky đáng thương làm gì… một sự vinh quang như thế chưa chắc đã bền lâu. Người ta vẫn bảo rằng các vị đánh giá trong chốn thâm nghiêm kín cổng cao tường cũng chẳng sung sướng hơn bọn cùng đinh lang thang ở ngoài mấy tí. Chính Becky, kẻ đã từng len lỏi vào giữa giới quý tộc, mặt đối mặt với Hoàng đế George IV, sau này cũng phải công nhận cái đó chẳng qua chỉ là câu chuyện phù hoa hão!

Xin lướt nhanh quan đoạn đời này của Becky. Mặc dầu tôi vẫn tin chắc rằng "Hội tam điểm" chỉ là một trò bịp bợm, nhưng tôi chịu không sao tả được những sự bí mật của tổ chức này, cho nên một kẻ thường dân như tôi không thể nào mà miêu tả cho chính xác bộ mặt của giới thượng lưu quý phái, tốt nhất là nên giữ những ý

kiến ấy cho riêng mình.

Lâu lắm về sau này, Becky còn kể lại đoạn đời mình được ra vào những nơi phong lưu đài các nhất tại kinh đô Luân Đôn. Cô ta đã hào hứng say sưa vì thắng lợi, nhưng không bao lâu cũng bắt đầu cảm thấy chán. Hồi đầu, không gì thú bằng được luôn luôn tìm tòi những kiểu áo và đồ trang sức mới (việc tư cung cấp những thứ này đối với Rebecca là một chuyện khá gay go, đòi hỏi nhiều tính toán và sáng kiến bởi vì cô ta không sẵn tiền lắm). Được ngồi xe ngựa đi dự tiệc để tay bắt mặt mừng với toàn những người sang trọng; liên tiếp hết những cuộc gặp gỡ này lại đến buổi họp mặt khác, đi đâu Becky cũng gặp toàn những người đã cùng dự tiệc với mình đêm hôm trước, và chắc chắn sẽ gặp lại ngày hôm sau: đại khái là những anh chàng trai trẻ quần áo bảnh bao, thắt cà vạt thật khéo, đi ủng bóng lộn, găng tay trắng tinh… , những ông đứng tuổi bệ vệ, áo khuy đồng bóng loáng, trông quý phái ra phết, lịch sự, nhưng cũng thật vô vị… , những cô thiếu nữ trẻ tuổi tóc vàng, e lệ, bận áo màu hồng… , những bà mẹ to béo, xinh đẹp, lộng lẫy, trang trọng, khắp mình đầy kim cương. Họ nói chuyện bằng tiếng Anh, chứ không nói bằng tiếng Pháp "bồi", như tả trong tiểu thuyết. Họ moi chuyện nhà chuyện cửa, chuyện người này người khác ra nói với

nhau, chẳng khác gì anh Jonesvẫn kháo chuyện nhà bác Smith. Bạn bè cũ của Becky ghen tỵ với cô ta, rồi thù ghét cô ta; nhưng chính cô Becky đáng thương thì đang ngáp dài vì ngán ngẩm. Cô ta tự nhủ: "Mình chỉ muốn đi quách nơi khác. Thà làm vợ một lão mục sư, phải dạy học ngày chủ nhật kiếm cơm còn hơn; hay là làm vợ một bác đội ngồi xe chở hàng đi theo đơn vị cũng xong; hay mặc áo tua rua mà nhảy múa làm trò trong hội chợ không chừng lại thú hơn cũng nên". Cô ta thường thẳng thắn kể lại cho hầu tước Steyne nghe những điều đắn đo nghĩ ngợi của mình. Lão thú lắm, cười mà đáp:

- Bà làm trò chắc khéo lắm đấy nhỉ!

Becky có vẻ nghĩ ngợi, nói tiếp:

- Rawdon có thể làm một tay mã phu cừ… hoặc một tay phụ trách khánh tiết… gọi là cái gì nhỉ, cái vai bận chế phục, đi ủng to, chạy quanh sân khấu quất roi đen đét ấy mà? Anh ấy cao lớn, bệ vệ, ra dáng nhà binh lắm. Em còn nhớ hồi bé có lần cha em đưa đi hội chợ Brookgreen xem xiếc. Lúc về nhà, em làm một đôi cà kheo, rồi tập nhảy ngay trong phòng vẽ. Bọn học trò của ba em ai cũng phục lăn.

Hầu tước Steyne đáp:

- Tôi cũng thèm được xem bà đi cà kheo lắm.

Becky lại nói:

- Em cũng đang muốn đi cà kheo đây. Blinkey phu nhân và Grizzel phu nhân hẳn tha hồ mà trố mắt ra nhìn. Suỵt! Yên xem. Pasta bắt đầu hát kia kìa.

Bao giờ Becky cũng tỏ ra hết sức lễ độ đối với các nghệ sĩ nhà nghề biểu diễn trong những cuộc họp mặt của giới thượng lưu. Cô ta đến tận góc phòng, chỗ họ ngồi yên lặng, mỉm cười bắt tay họ, cố ý cho mọi người nhìn thấy. Cô ta thẳng thắn tuyên bố rằng chính mình cũng là một nghệ sĩ; có một cái gì khiêm tốn và thành thực trong cách cô ta công nhận dòng dõi tầm thường của mình, khiến cho người đang chứng kiến phải bực mình và cảm thấy bất lực, hoặc thú vị. Người nói: "Coi bộ bà ta mới trơ trẽn chứ! Lẽ ra nên ngồi im một chỗ, được ai chiếu cố hỏi đến là may, thế mà trông đường hoàng quá". Kẻ bảo: "Trông cũng có mẽ người đứng đắn đấy". Một người thứ ba nhận xét: "Xem ra mụ này khôn ngoan ra trò chứ chẳng chơi". Có lẽ họ nói đúng cả. Nhưng Becky vẫn làm theo ý mình, khiến cho bọn nghệ sĩ nhà nghề phục lăn; họ không quản khan cổ, ra sức hát mua vui cho cô ta, và dạy cô ta hát không lấy tiền.

Vâng, Becky cũng tổ chức tiếp tân ngay tại căn nhà nhỏ bé ở phố Curzon. Hàng tá xe ngựa thắp đèn sáng chói đỗ chật cả phố, tiếng chuông báo khách liên tiếp ầm

ĩ làm cho nhà số 200 mất ngủ vì tiếng động và nhà số 202 không nhắm mắt được vì ghen tức. Nhà Becky hẹp quá, không đủ chứa bọn đầy tớ cao lớn theo hầu xe của khách khứa, đành phải cho họ ngồi uống bia chờ trong các quán rượu lân cận; khi nào cần sẽ sai thằng hầu ra gọi. Hàng chục tay phong lưu công tử nổi danh ở Luân Đôn chen vai thích cánh nhau lên xuống chiếc cầu thang gác chật chội; lại chạm trán nhau ở đây, họ cùng phá ra cười. Vô khối bậc mệnh phụ lịch sự, vốn có tiếng là đứng đắn, điệu bộ nghiêm trang, cũng ngồi trong căn phòng khách bé nhỏ nghe bọn ca công nhà nghề hát oang oang như muốn làm cho cửa sổ vỡ hết. Thế là sáng hôm sau trên báo "Tin tức buổi sáng" ở mục những cuộc hội họp thượng lưu, thấy đăng đoạn văn này:

"Hôm qua, trung tá Crawley và phu nhân đã tổ chức đãi tiệc các vị tân khách chọn lọc tại nhà riêng ở May Fair; quận công Peterwaradin và quận chúa, Papoosh Pasha đại nhân, sứ thần Thổ Nhĩ Kỳ (có ông Kibob Bey, thông ngôn của sứ quán theo hầu), Steyne hầu tước phu nhân, bá bước Southdown, tôn ông Pitt và công nương Jane, Wagg tiên sinh, v.v… tới dự. Tiệc xong, bà Crawley tổ chức một buổi họp mặt, với sự hiện diện của Stilton công tước phu nhân (quả phụ). Quận công de la Gruyere, Cheshire hầu tước phu nhân, hầu tước

Alessandro Strachino, Slingstone bá tước phu nhân, công nương Macadam, bá tước de Brie, nam tước Schapzuger, hiệp sĩ Totsi, trung tướng Macbeth và phu nhân, tử tước Paddington, Horace Fogey tiên sinh, các tôn ông Sands Bedwin, Bobachy Bahawder và v… v… bạn đọc có thể tùy ý điền thêm cho kín một tá dòng chữ in cỡ nhỏ cũng được.

Trong khi giao tiếp với các bậc tai to mặt lớn, cô bạn thân yêu của chúng ta cũng giữ thái độ thoải mái tự nhiên như đối với hạng người tầm thường. Có lần đến chơi một nhà rất quý phái, Rebecca dùng tiếng Pháp nói chuyện với một bác ca sĩ nổi danh người Pháp (có lẽ cốt cho mọi người chú ý). Grizzel Macbeth phu nhân quay lại nhìn hai người, nhăn mặt, rồi nói với Becky:

- Bà nói tiếng Pháp hay quá nhỉ.

Bà này cũng nói được tiếng Pháp nhưng vẫn lơ lớ giọng Anh.

Becky nhìn xuống đất khiêm tốn đáp:

- Tôi biết tiếng Pháp là tất nhiên, vì tôi dạy tiếng Pháp trong một trường học, vả lại bà cụ thân sinh ra tôi là người Pháp.

Thấy cô ta khiêm tốn, Grizzel phu nhân cũng có ý cảm động, không nỡ khắt khe soi mói nữa. Bà chỉ than

phiền về nỗi thời buổi bây giờ "cá mè một lứa", tầng lớp nào cũng leo lên được địa vị thượng lưu, song phu nhân cũng công nhận rằng bà Crawley có tư cách xứng đáng với địa vị của mình lắm. Thật ra bà Grizzel cũng là người tốt, nghĩa là hay thương kẻ khốn khó và cũng nghĩa là đần độn, đứng đắn, tư cách không có gì khả nghi. Có điều bà ta vẫn tưởng rằng mình thuộc một loại người hơn hẳn tôi và bạn nhưng đấy cũng không phải lỗi ở bà ta vì đã hàng mấy thế kỷ nay, người ta vẫn phải hôn gấu áo tổ tiên của bà; họ đồn rằng, cách đây một nghìn năm, các vương công đại thần của Duncan hoàng đế quá cố đã phải hôn gấu áo của ông tổ dòng họ nhà bà, khi ngài lên ngai vàng xứ Xcốtlen.

Nghe Becky chơi dương cầm xong thế là Steyne phu nhân bị chinh phục và đã bắt đầu có cảm tình với cô ta rồi. Hai người con dâu đành phải theo ý mẹ chồng. Cũng có một vài lần họ xúi người khác khiêu khích Becky nhưng thất bại. Công nương Stunnington vốn là người lanh lợi đã thử tấn công Becky, nhưng bị cô bé dũng cảm đó đánh gục chết đứ đừ ngay lập tức. Thường thường khi bị tấn công, Becky vờ giữ một thái độ ngờ nghệch, nhưng thật ra hết sức nguy hiểm cho đối phương. Cô ta nói những lời cay độc một cách tự nhiên nhất đời, rồi lại làm ra vẻ thành thực xin lỗi vì mình lỡ

lời, nhưng cho mọi người biết rằng mình cố làm ra thế.

Wagg là người nổi danh mồm mép, nói giỏi, ăn cừ, vốn là tay chân của hầu tước Steyne, bọn đàn bà bèn xúi anh ta tấn công Becky.

Anh chàng liếc nhìn mấy bà, nháy mắt một cái như có ý bảo: "Nào, các vị sắp sửa được một mẻ cười đấy", đoạn bất thình lình nói kháy Becky một câu trong khi cô ta đang vô tình điềm nhiên ngồi ăn. Bị đánh bất ngờ, nhưng bao giờ cũng sẵn sàng tác chiến, Becky đỡ đòn ngay và giở vài miếng võ cực hiểm đánh bại địch thủ khiến cho Wagg tiên sinh tối tăm mặt mũi. Đoạn cô ta điềm nhiên cúi xuống dùng một món súp, nụ cười không tắt trên môi. Ông chủ đỡ đầu cho Wagg vẫn cho anh chàng ăn tiệc và vay tiền để sai bảo những việc lặt vặt như lo bầu cử và viết báo tán dương mình, bèn trừng mắt lên nhìn anh ta một cách dữ tợn, đến nỗi suýt nữa Wagg chui tụt xuống gầm bàn mà khóc oà lên. Anh ta cứ lấm lét nhìn chủ mãi; suốt bữa cơm hầu tước Steyne không thèm nói gì với người tay chân của mình, bọn đàn bà cũng ra mặt ruồng rẫy anh ta nốt. Cuối cùng, chính Becky phải lấy làm thương hại, bèn hạ cố nói với anh ta vài câu. Suốt sáu tuần lễ sau, anh chàng không được hầu tước gọi đến cho ăn, Wagg vẫn đi lại nịnh hót Fiche là cánh tay phải của hầu tước Steyne; lão này được chủ ra

lệnh bảo cho Wagg biết rằng từ rầy trở đi nếu còn táo gan dám hỗn xược với bà Rawdon, hoặc dám châm biếm để đem bà Rawdon làm trò cười thì ngài hầu tước sẽ giao tất cả văn tự nợ của anh ta cho thầy kiện, và bỏ tù ngay lập tức không thương xót. Wagg khóc nức nở lạy van Fiche, xin can thiệp hộ. Đoạn anh ta viết một bài thơ, tán tụng bà Rawdon Crawley đăng ngay lên tạp chí "Lông bông" là tờ báo anh ta chủ trương. Bất cứ cuộc họp mặt buổi tối nào, hễ gặp Rebecca là anh ta tìm mọi cách lấy lòng. Ở câu lạc bộ, anh ta còn ra mặt nịnh nọt, bợ đỡ cả Rawdon. Cứ thế, sau một thời gian, Wagg lại được phép đi lại lâu đài Gaunt. Becky vẫn tốt với anh ta, vẫn vui vẻ chứ không có ý thù hằn gì.

Hầu tước Steyne có một người tay chân cực kỳ thân tín khác là Wenham, lão này có chân trong Quốc hội, là thực khách thường xuyên của gia đình Steyne. Trong cách ăn nói và cư xử lão tỏ ra khôn ngoan hơn Wagg nhiều. Tuy lão cũng rất khinh bọn hãnh tiến (lão thuộc phái Truy, rất đề cao dòng dõi những người có máu xanh, mặc dầu bố đẻ ra lão chỉ là một nhà buôn than quèn ở miền Bắc nước Anh), nhưng không bao giờ tỏ ra ác cảm với người đàn bà được chủ mình che chở. Không những thế, lão còn kín đáo tỏ ra đặc biệt săn sóc tới cô ta; cái lối đối xử lễ độ một cách vụng trộm của lão

làm cho Becky khó chịu hơn là bị những người khác thẳng thắn tỏ ra có ác cảm với mình.

Hai vợ chồng Crawley lấy đâu ra tiền để thết đãi những vị khách sang trọng nhỉ? Đó là một điều bí mật, đã có hồi làm cho người ta bàn tán nhiều, và cũng có lẽ vì thế khiến cho những buổi tiếp tân của hai vợ chồng anh ta thêm hấp dẫn. Nhiều người cho rằng ông anh là tôn ông Pitt Crawley trợ cấp cho hai vợ chồng khá đầy đủ; nếu quả thế thì Becky hẳn phải có ảnh hưởng đặc biệt đối với ông nam tước anh chồng, và càng già, anh chàng này càng thay đổi tâm tính. Lại có nhiều người khác nói bóng rằng Becky vẫn có thói quen bắt bẻ bạn của chồng đóng góp cho mình: cô ta đến nhà người này khóc lóc, kể lể rằng sắp sửa bị tịch thu đồ đạc, đến nhà người kia lạy van rằng nếu không thanh toán xong các món nợ thì cả nhà cô đến vào tù hay phải tự tử mất. Nghe đồn rằng bá tước Southdown mất vô khối tiền vì những màn kịch bi đát tương tự. Lại anh chàng Feltham trẻ tuổi thuộc trung đoàn Ngự lâm thứ… (con trai ông chủ hãng Tiler và Feltham, chuyên cung cấp quân trang cho nhà binh) được vợ chồng Crawler dắt díu vào giới thượng lưu, cũng được kể trong số nạn nhân mất tiền cho Becky. Người ta đồn rằng Becky lấy tiền của nhiều người chất phác bằng cách giả vờ hứa hẹn chạy cho họ

một chân trong chính quyền. Nào ai rõ người ta đã nói những chuyện gì và chưa nói những chuyện gì về cô bạn thân yêu và ngây thơ của chúng ta? Chỉ biết rằng ví thử Becky được nắm trong tay tất cả số tiền mà thiên hạ đồn là nhờ đi lạy van, vay mượn và ăn cắp của người khác mà có, thì cô ta rất có thể thành nhà tư bản, và sống một cuộc đời lương thiện… nhưng ta đi hơi xa rồi. Trong thực tế thì nếu khéo tằn tiện và thu xếp – nghĩa là biết dè sẻn đồng tiền và chỉ trả nợ khi nào cực bất đắc dĩ – người ta có thể không tốn kém mấy mà vẫn ra vẻ phong lưu, ít nhất là trong một thời gian. Cho nên có thể nói rằng những buổi tiếp tân được nhiều người bàn ra tán vào của Becky cũng không tốn kém mấy tý, ngoài tiền mua nến thắp trong phòng khách. Trại Stillbrook và trại Crawley Bà chúa cung cấp thịt thú rừng và hoa quả thừa mứa.

Becky được toàn quyền sử dụng hầm rượu của hầu tước Steyne. Mấy bác đầu bếp tài nghệ lừng danh của lão coi sóc cả việc nấu nướng hộ cô ta, hoặc theo lệnh chủ đưa sang Becky những món sơn hào hải vị quý lạ nhất. Tôi rất công phẫn vì lẽ người đời vẫn hay xấu miệng gièm pha những con người chân thực, cũng như những người đương thời đã gièm pha Becky vậy: xin các vị đừng có tin lấy một phần mười những chuyện đồn đại

nói xấu cô ta. Ví thử hễ ai mắc nợ mà không trả được đều bị truất quyền giao tiếp với xã hội… nếu ta cứ phải soi mói vào đời tư của thiên hạ, tính toán lợi tức của họ, và không thèm đi lại với kẻ nào mình không tán thành lối sống… thì ôi thôi, Hội chợ phù hoa sẽ biến thành một nơi hoang vu gớm ghiếc, sống làm sao nổi! Trong trường hợp ấy, thưa ngài, thiên hạ sẽ coi nhau là kẻ thù tất, và còn đâu là kết quả của văn minh. Chúng ta sẽ cãi nhau, chửi nhau, không thèm nhìn mặt nhau nữa. Nhà chúng ta sẽ biến thành những hang đá, chúng ta sẽ bận giẻ rách đi ra đường vì chẳng cần ai dị nghị. Trái phiếu quốc gia sẽ sụt giá, sẽ không còn ai tổ chức tiếp tân làm gì. Các thương gia trong thành phố sẽ phá sản. Rượu vang, nến thắp, thực phẩm, sáp son, váy phồng, kim cương, tóc giả, đồ chơi kiểu Louis XIV, đồ sứ cổ, ngựa cho thuê kéo xe… nghĩa là tất cả những khoái lạc nên đời… tất cả sẽ trở thành vô nghĩa, nếu thiên hạ ai cũng chỉ hành động theo những nguyên tắc ngu ngốc của mình và nhất định tránh mặt kẻ bị mình ghét bỏ. May thay, vì ta vẫn còn chút lòng từ thiện và nể nang đối với nhau, nên cuộc đời cũng vẫn tạm trôi xuôi được.

Chúng ta có thể mặc sức nói xấu tàn tệ một người nào đó, tha hồ gọi hắn là cái gì cũng được… nhưng có cần vì thế mà treo cổ hắn lên không? Không. Gặp hắn ta vẫn

bắt tay như thường. Nếu đầu bếp nhà hắn khéo làm món ăn, ta có thể tha thứ cho hắn và cứ đến nhà hắn dùng cơm cũng không sao. Đồng thời chúng ta cũng mong hắn làm như vậy. Có thế, nền thương mại mới phồn thịnh… nền văn minh mới tiến triển… , hoà bình mới bền vững, và mẻ rượu năm ngoái của Lafitte mới đem về cho ông chủ chất phác được món lợi kếch xù chứ.

Vào thời kỳ chuyện này đang xảy ra, Hoàng đế George chí tôn đang trị vì thiên hạ, còn các mệnh phụ thì bận áo có ống tay xoè, gài trên đầu những cái lược đồi mồi to như những cái xẻng, chứ không mặc áo tay thường và gài hoa trên đầu theo "mốt" bây giờ. Tuy nhiên những phong tục trong giới thượng lưu cũng không khác ngày nay bao nhiêu, những trò giải trí thì hầu như tương tự.

Bọn chúng ta là những kẻ đứng ngoài nghểnh cổ ngó qua vài ông đội xếp mà ngắm các mỹ nhân khuynh quốc vào chầu vua hoặc đi dự dạ hội, và chúng ta không sao với tới hạnh phúc của họ được. Cho nên để an ủi các bạn là những kẻ bất hạnh khốn khổ, tôi mới đem những chuyện vật lộn, những thành công và thất vọng của Becky ra kể lại, đó cũng tức là những chuyện thông thường đối với bất cứ một nhân vật thượng lưu nào.

Vào thời đó, lối chơi kịch đố chữ mới du nhập từ Pháp

sang, đang trở thành một phong trào. Trò chơi này giúp cho các bà có dịp triển lãm sắc đẹp, lại tạo điều kiện cho số ít bà khác có đôi chút thông minh được dịp thi thố tài năng. Có lẽ Becky nghĩ rằng mình được trời phú cho cả hai ưu điểm trên, bèn xui hầu tước Steyne tổ chức một buổi giải trí tại lâu đài Gaunt, nhân tiện sẽ diễn màn kịch ngắn… Vậy xin được phép dẫn bạn đọc đến dự buổi họp mặt tài hoa này. Chúng tôi cũng hơi lấy làm buồn vì đây là lần cuối cùng được đưa bạn đọc đến những nơi sang trọng như vậy.

Người ta đã thu xếp một phần gian phòng đồ sộ lộng lẫy tức là gian phòng tranh của lâu đài Gaunt, để dùng làm nơi diễn kịch đố chữ. Dưới triều vua George đệ tam, đã nhiều lần tổ chức đố chữ trong phòng này. Trong phòng còn treo một bức tranh vẽ hầu tước Gaunt đội tóc giả rắc phấn có tết dải màu hồng, bận áo dài theo lối La Mã. Hồi ấy hầu tước đã đóng vai Cato trong vở bi kịch cùng tên của ông Addison; khán giả là hoàng tử xứ Wales, giám mục Osnaburgh, Hoàng tử William Henry, cả ba đều còn là trẻ con như người tài tử đóng kịch. Người ta moi trong nhà kho ra vài cái phông cảnh vẫn bỏ xó từ hồi ấy, đem sửa sang lại để dùng nhân dịp này.

Bedwin Sands, một tay phong lưu công tử trẻ tuổi đã từng đi du lịch ở phương Đông, lĩnh nhiệm vụ dàn cảnh.

Thời ấy, một du khách đã từng qua phương Đông không phải chuyện tầm thường… anh chàng Bedwin phiêu lưu lại đã cho xuất bản một cuốn ký sự cỡ in *quarto* đã từng sống mấy tháng trời trong lều vải giữa sa mạc, tất nhiên là một nhân vật quan trọng – trong sách có nhiều tranh vẽ chàng Sands bận các kiểu áo Đông phương; anh ta đi du lịch đâu cũng đem theo một người tuỳ tùng da đen, mặt mũi dữ tợn, y như kiểu Briande Bois Guilbert[61] ngày trước vậy! Cho nên Bedwin cùng các kiểu quần áo Đông phương và thằng hầu da đen được hoan nghênh nhiệt liệt tại lâu dài Gaunt.

Anh ta điều khiển màn kịch đố chữ đầu tiên. Trên sân khấu, hiện ra một sĩ quan Thổ Nhĩ Kỳ đội khăn có đính một túm lông to tướng (người ta cho rằng đội vệ binh Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn tồn tại, và túm lông cổ kính lộng lẫy trên đầu những kẻ theo tôn giáo chân chính vẫn chưa bị bỏ đi); lão nằm trên một tấm đi văng, đang hút thuốc lá narghile; vì trong số khán giả có các bà, nên thực ra nhà tài tử chỉ được đốt một miếng kẹo ho cho có mùi thơm. Vị quan lớn Thổ Nhĩ Kỳ ngáp tỏ vẻ uể oải, mỏi mệt. Ngài vỗ tay một cái, thế là Mesrour the Nubian hiện ra, cánh tay để trần, tai đeo vòng khắp mình toàn những đồ trang sức kiểu Đông phương… cao lêu đêu, gầy gò nom đến gớm ghiếc. Nó cúi rạp xuống lạy ông chúa…

Một cảm giác khủng khiếp và thú vị lan khắp mọi khán giả, các bà thì thầm với nhau. Bedwin Sands phải đánh đổi với ba tá rượu hảo hạng cho một viên "pa sa" Ai Cập mới được tên mọi da đen này. Nó đã từng bỏ vô khối thiếp nô của chủ vào trong bị, khâu lại đem quẳng xuống sông Nile.

Viên quan Thổ Nhĩ Kỳ khoát tay sai: "Cho thằng buôn nô lệ vào". Mesrour dẫn người buôn nô lệ trước mặt chủ, gã này dắt theo một người đàn bà đeo chàng mạng vào, gã lật chàng mạng lên.

Khắp phòng vang lên những tiếng xì xào tán thưởng. Thì ra đấy là bà Winkworth, tục danh là Absolom, có đôi mắt và bộ tóc tuyệt đẹp.

Bà ta bận một bộ áo kiểu Đông phương thật lộng lẫy; mái tóc đen nhánh tết thành bím đính bao nhiêu là ngọc; khắp người đeo toàn những đồng tiền vàng. Viên quan Thổ Nhĩ Kỳ bỉ ổi tỏ vẻ bị quyến rũ trước vẻ đẹp mê hồn của người đàn bà. Người này quỳ xuống, van xin được trả về rừng núi là nơi chôn rau cắt rốn, nơi mà người tình nhân xứ Circassi vẫn đang than khóc vì nàng Zuleikah của mình bị mất tích. Lời cầu khẩn nào mà lay chuyển nổi lòng dạ sắt đá của tên Hassan. Nghe người đàn bà đẹp nhắc đến người chồng chưa cưới của mình, lão phá ra cười. Hai tay bưng lấy mặt, Zuleikah gục

xuống trong một dáng điệu tuyệt vọng thật đẹp mắt. Hình như hết mọi hy vọng rồi… những bỗng nhiên Kislar Aga hiện ra.

Kislar Aga đem đến một lá thư của quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ, Hassan nhận thư và đưa áp lên trán mình… sắc mặt lão lộ vẻ kinh hoàng khủng khiếp, trong khi tên da đen (cũng chính là tên hầu da đen đã đóng vai Mesrour nhưng thay áo khác) có vẻ hý hửng một cách gớm ghiếc. Lão "pasa" kêu lên "Cảm ơn! Cảm ơn". Đồng thời tên Kislar Aga mặt nhăn nhở rút ra một dải lụa. Lúc hắn sắp thắt cổ lão kia, thì màn hạ. Hassan bên trong sân khấu kêu ầm lên:

"Phần một, hai vần". Bà Rawdon Crawley cũng sắp sắm vai bèn tiến đến trước mặt Winkworth và khen bà này khéo chọn đâu được bộ áo đẹp quá.

Phần thứ hai của màn kịch đố chữ bắt đầu. Vẫn là một cảnh Đông phương. Hassan bận một bộ áo khác ngồi cạnh Zuleikah, lúc này có vẻ hoàn toàn phục tùng. Kislar Aga bây giờ là một tên nô lệ rất ngoan ngoãn. Mặt trời phương Đông cúi rạp trên bãi cát. Vì không có lạc đà để đưa lên sân khấu, nên dàn nhạc đành cử bài "Đoàn lạc đà" thay thế vậy. Bỗng nhiên một cái đầu người Ai Cập to tướng hiện ra trên sân khấu. Cái đầu hát một bài hát khôi hài do ông Wagg soạn, làm cho bọn người lưu cư

xứ Đông phương rất ngạc nhiên. Bọn này vừa đi vừa nhảy nhót, như Papageno và vua xứ Moore trong vở kịch *Ống sáo thần*. Chiếc đầu Ai Cập lại hét to:

"Phần hai, hai vần".

Rồi đến hồi cuối cùng. Cảnh bên trong một lều vải kiểu Hy Lạp. Một người to lớn vạm vỡ nằm trên nệm. Mé trên treo tấm khiên và mũ sắt của hắn. Những vật đó bây giờ đã thành vô dụng.

Thành Illium[62] bị hạ rồi, Iphigenia[63] đã bị giết, Cassandra[64], đang bị cầm tù. Vị chúa xứ Hy Lạp (tức là trung tá Crawley; anh chàng này nào có biết chuyện giùm bị hạ và Cassandra bị cầm tù là cái quái gì đâu) đang nằm ngủ trong phòng tại Argos. Ánh đèn chiếu hắt bóng người đang ngủ lên mặt tường nom rung rinh chập chờn… bộ khiên giáp của người dũng sĩ thành Troy sáng lấp lánh. Trước khi pho tượng tiến vào sân khấu, dàn nhạc cử bài "Don Juan".

Aegisthus[65] rón rén bước vào, mặt tái nhợt. Nhưng cái bộ mặt ma quái ẩn sau tấm thảm vẫn theo dõi hắn là ai vậy? Aegisthus giơ cao lưỡi dao, sắp sửa kết liễu đời kẻ tình địch đang ngủ, người này vô tình trở mình quay lại, như giơ bộ ngực rộng ra sẵn sàng đón lưỡi dao oan nghiệt. Song Aegisthus không thể đang tâm giết viên

tướng đang ngủ say. Clytemnestra[66] nhanh nhẹn lẩn vào như một bóng ma… , đôi cánh tay để trần trắng nõn nà… , mớ tóc màu hung buông xoã phơ phất trên vai… , bộ mặt tái nhợt một cách khủng khiếp… , đôi mắt sáng long lanh, miệng mỉm một nụ cười ma quái; khán giả rùng mình chờ đợi.

Tiếng rì rào lan khắp phòng. Một người thốt lên:

- Trời ơi! Chính là bà Rawdon Crawley.

Clytemnestra khinh bỉ giật lấy lưỡi dao trong tay Aegisthus, tiến lại bên giường. Lưỡi dao sáng quắc lấp lánh trên đầu nàng và đột nhiên đèn tắt phụt… , một tiếng rên phát ra, gian phòng tối như bưng.

Màn kịch và bóng tối làm cho toàn thể khán giả rợn tóc gáy.

Rebecca sắm vai trò của mình khéo quá, y như thật, khiến cho khán giả dường như nín thở; mãi tới lúc đèn trong phòng được thắp lên, mọi người mới vỗ tay như pháo nổ. “Hoan hô! Hoan hô!”

Hầu tước Steyne lớn tiếng hò reo át cả tiếng mọi người; lão lẩm bẩm một mình: “Mẹ kiếp, mụ này giết chồng thật cũng được chứ chẳng chơi.”

Toàn thể khán giả đòi diễn viên ra mắt. Họ hét ầm ầm:

“Đạo diễn đâu? Clytemnestra đâu? Agamemnon không dám ló mặt ra trong bộ áo cổ lỗ kiểu Hy Lạp, anh ta đứng ở hậu trường sân khấu cùng Aegisthus và các diễn viên khác. Bedwin Sands dẫn Zuleikah và Clytemnestra. Một vị đại nhân nhất định đòi được giới thiệu với nàng Clytemnestra kiều diễm. Đức ông nói bỡn một câu rất đúng lúc: “Thế nào, đâm thủng tim hả? Bây giờ lấy chồng khác chứ?”

Hầu tước Steyne nói: “Bà Rawdon sắm vai ấy khéo tuyệt. Becky cười; cô ta láu lỉnh nhìn lão, cúi chào một cách lịch sự chưa hề thấy.

Bọn gia nhân bưng những khay thức ăn nguội vào mời khách, các diễn viên lui vào hậu trường để sửa soạn cho màn kịch đố chữ thứ hai.

Ba vần của màn kịch này sẽ diễn bằng kịch câm, theo thứ tự như sau:

Vần thứ nhất: trung tá Rawdon Crawley, hiệp sĩ tuỳ giá, đội một chiếc mũ rộng vành, khoác áo choàng rộng, xách một cái đèn gió mượn dưới chuồng ngựa, vừa đi ngang qua sân khấu vừa hét ầm lên như để báo giờ cho người trong nhà biết. Sau cửa sổ, thấy có hai người khách du lịch hình như đang đánh bài, ngáp luôn miệng. Một tên hầu nom giống hệt thằng Boot bước vào phòng (tức là ngài Ringwood đáng kính, ngài sắm vai này tài

lắm); anh ta giúp hai ông khách cởi áo, rồi đến chị hầu phòng (tức là bá tước Southdown) cầm hai cây đèn và một cái lồng ấp bước vào. Chị ta leo lên tầng trên, bắt đầu sửa soạn giường chiếu. Hai vị du khách có ý bờm xơm, chị ta dùng ngay chiếc lồng ấp để trả lời, đoạn đi ra. Hai người khách đội mũ ngủ, kéo màn che cửa sổ xuống. Thằng Boot bước ra đóng nốt cửa sổ phòng dưới lại. Sau đó nghe tiếng nó cài then cửa kêu lạch cạch bên trong. Đèn tắt hết. Dàn nhạc chơi bài "*Ngủ cho ngoan, hỡi em yêu*"[67]. Từ sau tấm màn trên sân khấu, một giọng nói vọng ra:

"Vần thứ nhất".

Vần thứ hai, đèn bỗng nhiên thắp sáng rực. Dàn nhạc chơi bài hát quen thuộc của John Paris: "*Ôi, đi du lịch mới sướng làm sao!*"[68]. vẫn cảnh cũ. Giữa khoảng tầng gác và tầng dưới, thấy treo một tấm biển có vẽ bộ huy hiệu của gia đình Steyne. Chuông réo liên hồi. Ở tầng dưới, một người cầm một mảnh giấy dài trao cho một người khác, người này giơ nắm tay lên ra ý đe doạ, kêu ầm lên là quá đáng. Một người thứ ba đứng ngoài cửa gọi vào: "Bồi, đánh xe ra đây cho tao". Người này đưa tay vuốt má chị hầu gái một cái (tức là bà bá tước Southdown) chị hầu gái có vẻ buồn rầu, y như Calipso[69] nhớ thương Ulysses vậy, Boot (vẫn là ngài

Ringwood đáng kính) bưng một chiếc hộp gỗ đựng toàn chai lọ bằng bạc bước ra rao: "Chai lọ đây?" một cách rất tức cười, khéo như thật, làm cho khắp phòng ran lên tiếng vỗ tay tán thưởng, có người quăng cả một bó hoa lên sân khấu. Tiếng roi ngựa quất kêu đen đét. Chủ quán, chị hầu gái, hầu phòng xô nhau chạy ra cửa. Vừa lúc một vị khách quý sắp xuống xe thì màn hạ. Nhà đạo diễn vô hình lại hét ầm lên: "Vần thứ hai".

Đại uý Grigg trong đội túc vệ nói: Chắc là tiếng "khách sạn!".

Mọi người cười ầm lên trước câu nói của viên đại uý thông minh. Ông ta đoán cũng gần đúng.

Trong khi phần thứ ba đang được chuẩn bị, dàn nhạc chơi những bản nhạc của thuỷ quân: *"Tất cả xuống bãi cát", "Gió bấc hãy ngừng thổi", "Anh quốc thống trị thế giới", "Trong vịnh Biscay"*... Có lẽ sắp trình diễn một cảnh trên mặt bể. Có tiếng chuông réo, màn mở. Một tiếng nói vọng lên: "Các bạn hướng mũi tàu vào bờ". Thuỷ thủ và hành khách từ biệt nhau. Họ lo ngại chỉ chỏ một đám mây tượng trưng bằng một tấm màn màu sẫm, gật gật cái đầu có vẻ sợ hãi lắm. Công nương Squeams (cũng tức là ngài bá tước Southdown) ôm con chó con, hành lý và ví tay, ngồi xuống cạnh chồng, nắm chặt lấy sợi dây buồm. Đúng là cảnh trên tàu bể rồi.

Viên thuyền trưởng (trung tá Crawley) đội mũ vành tam giác, cầm ống nhòm, bước vào sân khấu; thuyền trưởng đưa tay giữ chặt vành mũ trên đầu, đuôi áo bay phần phật như có gió thổi dữ lắm.

Lúc anh ta buông tay giữ mũ để sử dụng ống nhòm thì mũ bay mất; tiếng vỗ tay ran ran. Gió mỗi lúc một to. Dàn nhạc chơi một điệu mỗi lúc thêm ầm ĩ. Bọn thuỷ thủ đi đi lại lại chệnh choạng trên sân khấu, chiếc tàu đang chòng chành tợn. Viên quản lý tàu (ngài Ringwood) bước xiêu vẹo ngang qua sân khấu, ôm sau chiếc bi đông. Bác ta đặt vội một chiếc xuồng cạnh công nương Squeams…

Công nương Squeams véo con chó con một cái làm cho nó kêu ăng ẳng một cách đáng thương, rồi bịt mùi xoa vào mũi chạy vội vào ca bin. Âm nhạc vẫn ồn ào như bão táp; thế là xong vần thứ ba.

Tiếp theo là một màn vũ kịch nhỏ: *Chim hoạ mi*[70]. Montessu và Noblet nổi tiếng nhờ đóng vở kịch này. Wagg đem chuyển thành vũ nhạc kịch, đưa lên sân khấu nước Anh. Anh ta vốn khéo làm thơ, bèn theo điệu nhạc sẵn có mà soạn lời. Diễn viên được phục trang toàn bằng quần áo kiểu Pháp thời cổ. Lần này bá tước Southdown đóng vai một bà lão khập khễnh đi trên sân khấu, chống một chiếc gậy cong queo.

Từ cuối sân khấu một điệu nhạc du dương vẳng ra từ một căn lều xinh xinh bằng giấy hồi phủ hoa hồng. Bà lão gọi:

"Philomele, Philomele!".

Philomele bước ra.

Lại vỗ tay… vì chính là bà Rawdon Crawley, tóc rắc phấn, mặt có tô nốt ruồi giả, trông rõ ra là một nữ hầu tước tuyệt thế giai nhân. Cô ta bước ra tươi cười, miệng líu lo hát, nhún nhảy đi quanh sân khấu, trông thật trẻ trung và cũng rất kịch… đoạn cô ta cúi chào khán giả. Bà mẹ mắng: "Cái con bé này hư quá, chỉ cười cợt, hát hỏng cả ngày thôi". Cô gái bước lên, hát:

BÔNG HỒNG TRÊN BAO LƠN

Đoá hồng sớm sớm đưa hương.

Đông về lá rụng, xuân sang nảy chồi

Vì đâu hương ngát, màu tươi?

Vì tia nắng ấm, vì lời chim ca.

Kìa họa mi líu lo trong thẳm

Bặt im khi gió lộng cành khô,

Mẹ ơi, ríu rít sớm trưa

Vì yêu lá biếc, vì ưa nắng hồng.

Trời sinh mỗi vật mỗi thông.

Hoa đua sắc thắm, chim lồng giọng hay

Lòng con rạo rực ban mai

Nên má con đẹp, nên lời con xinh.

Nhân vật mà cô Philomele gọi bằng mẹ có một bộ râu to tướng thò ra ngoài chiếc mũ trùm; lúc cô ta hát xong một đoạn, tạm ngừng, hình như bà mẹ cứ muốn ôm lấy cô con gái mà hôn để tỏ tình mẫu tử. Cứ mỗi một cái vuốt ve lại được toàn thể khán giả ồn ào tán thưởng. Màn kịch kết thúc trong một bản hợp tấu nghe như tiếng một đàn chim ríu rít cùng hót; khán giả đồng thanh đòi diễn lại. Người ta vỗ tay, người ta tung hoa lên sân khấu để hoan hô *con chim hoạ mi* của buổi tối hôm ấy. Hầu tước Steyne to tiếng cổ vũ hơn ai hết. Becky, "con chim hoạ mi" đỡ lấy bó hoa lão tung cho, ấp vào ngực với một điệu bộ hệt tay nghệ sĩ nhà nghề. Hầu tước Steyne khoái trá không tả được. Khách khứa cũng đồng tình với lão. Lúc này còn ai để ý đến người đàn bà đẹp nõn nà mắt đen láy đã thu hút cảm tình của khán giả trong màn kịch đầu tiên? Người đàn bà ấy đẹp gấp đôi Becky, nhưng đã bị tài năng của cô ta làm cho hoàn toàn lu mờ rồi. Ai ai cũng chỉ chú ý đến Becky. Người ta ví Becky với những nghệ sĩ nổi danh như Stephens, Caradori, Ronzi de Begnis; ai cũng bảo rằng giá cô ta là diễn viên thật thì

khó lòng có tay nghệ sĩ nào ăn đứt. Vinh quang đến thế là cùng cực; tiếng hát thanh của cô ta vươn lên trên những tiếng hoan hô ồn ào, say sưa bay cao tít như sự thắng lợi vừa đạt được. Xong mục diễn kịch, có tổ chức khiêu vũ; mọi người vây quanh lấy Becky, coi cô ta như là cái điểm trung tâm quyến rũ của buổi tối hôm ấy. Vị hoàng tử thề độc một câu, rồi tuyên bố rằng cô ta thực là hoàn hảo, ngài sán lại nói chuyện với cô mấy lần. Becky nở từng khúc ruột vì kiêu hãnh và sung sướng, cô ta đã thấy sự giàu sang, danh vọng đang chờ đón mình. Tối hôm ấy, hầu tước Steyne là một tên nô lệ của Becky, lão cứ bám sát lấy cô ta, không buồn nói chuyện với ai nữa, lão đặc biệt săn sóc đến cô ta từng ly từng tí một. Becky vẫn cứ bận bộ áo nữ hầu tước như trước để khiêu vũ với Truffigny tiên sinh, tuỳ viên của quận công de la Jabotiere. Ngài quận công vốn thông thạo những phong tục cổ truyền nơi triều đình, tuyên bố rằng bà Rawdon xứng đáng là học trò của Vestris và rất có thể được đưa vào chầu trong điện Versailles. Sở dĩ ngài không đích thân khiêu vũ với bà Rawdon chỉ vì muốn giữ thể diện, bởi lẽ ở cương vị đặc biệt của mình không tiện làm thế, nhưng ngài công khai tuyên bố rằng một người đàn bà nói chuyện giỏi và khiêu vũ khéo như bà Rawdon rất đáng mặt làm sứ thần tại bất cứ triều đình nào ở Âu châu. Mãi tới lúc được biết cô ta là người lai

Pháp, ngài mới thấy dễ chịu đôi chút. Vị đại nhân này tuyên bố rằng: "Nếu không phải là người Pháp, đố sao nhảy được điệu ấy tài đến thể. Sau đó Becky nhảy điệu "van-xơ" với Klingenspohr là tuỳ viên và em họ của quận công Peterwaradin. Ngài quận công vốn không quá *giữ gìn*[71] như ông bạn đồng nghiệp người Pháp; đang lúc cao hứng, ngài nhất định đòi quay vài vòng với con người kiều diễm cho vui. Hai người lướt quanh phòng, những viên kim cương đính trên tua ủng và dải áo của quận công cứ bay tung lên; lúc đã mệt bở hơi tai, ngài mới chịu nghỉ. Ngài Papoosh Pasha cũng muốn nhảy với cô ta một điệu, ngặt vì phong tục nước ngoài không cho phép. Mọi người vây quanh Becky, say sưa vỗ tay tán thưởng, dường như cô ta là một Noblet hoặc một Taglioni vậy. Hào hứng không thể tả được; dĩ nhiên Becky là người hào hứng nhất. Cô ta đi ngang trước mặt Stunnington phu nhân, kiêu hãnh ném cho bà này một cái nhìn khinh khỉnh; cô ta bắt đầu lên mặt cả với Gaunt phu nhân, với cả chị dâu cô đang ngẩn người ra vì bực bội... Tóm lại Becky đè bẹp[72] mọi địch thủ khác. Về phần bà Winkworth đáng thương có mớ tóc dài và đôi mắt huyền mông mênh đã từng hấp dẫn khán giả lúc đầu không biết bây giờ đâu rồi? Ví thử bà này có rứt trụi tóc và khóc sưng mắt vì thất vọng, cũng chẳng ai buồn

quan tâm đến. Lúc dự tiệc, sự thắng lợi mới đến tột độ. Becky được xếp ngồi vào một chiếc bàn đồ sộ, dành riêng cho vị quý khách của Hoàng gia đã nói ở trên và những nhân vật đặc biệt khác. Đĩa đựng đồ ăn toàn bằng vàng. Nếu Bêchky muốn… chủ nhà có thể bỏ ngọc vào rượu sâm banh cho cô ta vui lòng… như cách tiếp đãi Nữ hoàng Cleopatra xưa kia. Ngài Peterwaradin quyền thế kia sẵn sàng mất ngay nửa số kim cương đính trên áo, chỉ cầu được đôi mắt long lanh của người đẹp liếc mình một cái. Jabotiere viết tờ trình gửi về Chính phủ Pháp nói về Becky. Các bà ngồi ở bàn khác chỉ được dùng đĩa đựng đồ ăn bằng bạc, thấy hầu tước Steyne tỏ vẻ săn sóc cô ta quá đáng, đồng thanh cho rằng sự say mê của ngài cực kỳ vô lý, và là một sự xỉ nhục đối với giới phụ nữ. quý tộc. Nếu nói kháy mà chết được người thì Stunnington phu nhân đã giết Becky chết tươi ngay tại chỗ.

Thấy vợ thắng thế quá Rawdon đâm hoảng. Hình như điều đó làm cho hai vợ chồng càng thêm xa nhau thì phải. Anh ta có một tâm trạng dường như đau khổ, mỗi khi nghĩ rằng vợ mình so với mình một trời một vực.

Đến giờ ra về, một bọn trai trẻ theo tiễn Becky ra tận ngoài xe; bọn gia nhân cầm đèn đứng hầu ngoài cổng cung kính đón chào từng vị khách một, ngỏ ý hy vọng

vị khách được vui lòng trong buổi dạ hội.

Chiếc xe ngựa riêng của bà Rawdon Crawley tiến nhanh vào khu sân lâu đài sáng trưng đỗ trong dãy hành lang có mái che. Rawdon đỡ vợ lên xe, rồi xe chạy. Ông Wenham rủ anh ta cùng đi bộ về nhà, lại mời anh ta một điếu thuốc lá. Hai người ghé vào cây đèn của một người hầu để châm thuốc lá, Rawdon sóng đôi đi với ông bạn Wenham của mình. Trong đám đông có hai người tách ra đi theo họ. Lúc Rawdon và Wenham đi về phía công viên Gaunt được một quãng, thì một người tiến đến vỗ vào vai Rawdon nói:

- Xin lỗi trung tá nhé, tôi muốn nói chuyện riêng với ngài.

Trong khi ấy, người kia huýt lên một tiếng sáo thật to; nhận được hiệu lệnh, một chiếc xe ngựa vẫn đỗ cạnh cổng lâu đài Gaunt băng băng chạy lại… , đồng thời người vừa huýt sáo tiến tới đứng án ngữ trước mặt Rawdon.

Anh chàng sĩ quan hiểu ngay cơ sự, thế là rơi vào tay bọn công sai rồi. Anh ta vội lùi lại thì đụng ngay phải người đã vỗ vai hỏi mình. Người vừa chặn đường tháo lui của anh chàng nói:

- Chúng tôi có ba người đây ạ… Xin đừng kháng cự,

vô ích.

Viên trung tá hình như nhận được mặt người này, hỏi:

- A, Moss đây phải không? Bác muốn bao nhiêu?

Ông Moss ở phố Cursitor, đường Chancery phụ tá của vị cảnh sát trưởng quận Middlesex, đáp:

- Không mấy tý. Một trăm sáu mươi sáu đồng, tám mươi sáu pen-xơ, theo đơn kiện của ông Nathan.

Rawdon bảo bạn:

- Wenham, cho tôi giật tạm một trăm đồng. Ở nhà tôi mới có bảy chục.

Ông Wenham đáp:

- Cả gia tài tôi chỉ có mười đồng chẵn… Chào ông bạn quý vậy.

- Chào ông.

Rawdon cáu quá đáp. Thế là Wenham bỏ đi… Rawdon đành lên xe ngựa vừa hút hết điếu thuốc lá, thì xe chạy qua gầm cầu Temple.

CHƯƠNG LII
BÂY GIỜ MỚI RÕ MẶT ĐẠI NHÂN

Một khi hầu tước Steyne đã quyết tâm làm việc gì, không bao giờ ngài chịu làm dở dang. Thái độ nâng đỡ của ngài đối với vợ chồng Crawley càng khiến cho người ta thêm kính nể bụng dạ con người rộng lượng. Ngài hầu tước còn hạ cố thương đến cả thằng bé Rawdy. Ngài bảo cho bố mẹ nó hay rằng cần gửi thằng bé theo học một trường nội trú, nó đã đến tuổi cần được ganh đua với bè bạn, được học tiếng La tinh, tập thể dục và tiếp xúc với bọn trẻ con khác thì mới lợi cho sự phát triển về mọi mặt. Bố nó đáp rằng nhà túng, không đủ tiền cho con theo học nội trú; mẹ nó cũng bảo rằng bà Briggs dạy nó cũng tốt chán; bà ta đã dạy nó tiếng Anh, một ít tiếng La tinh và những kiến thức thông thường khác. Nhưng hầu tước Steyne thiết tha giúp đỡ quá, thành ra cuối cùng hai vợ chồng đành nghe theo vậy. Ngài hầu tước có chân trong ban quản trị một trường học nổi danh từ lâu gọi là "Trường tu sĩ áo trắng". Ngày xưa đó là một tu viện của dòng tu Cistercian, và cánh đồng Smithfield giáp cạnh cũng là một đấu trường luyện võ. Rất nhiều tên phản đạo bướng bỉnh đã bị thiêu sống trên bãi luyện võ này.

Vua Henry đệ bát, biệt hiệu là Hoàng đế Mộ Tín[73], đã từng cho quân chiếm đóng tu viện, tịch thu tất cả tài sản, treo cổ và tra tấn một số giáo sĩ không chịu phục tùng việc cải cách của nhà vua. Cuối cùng một nhà phú thương bỏ tiền ra mua lại cả toà nhà và đất đai chung quanh rồi nhờ quyên được thêm tiền và đất, bèn dựng lên tại đó một cứu viện dành cho trẻ em và người già. Đồng thời một trường học nội trú cho thiếu niên cũng được dựng lên ngay bên toà lâu đài cổ kính vẫn còn mang những tập quán tương tự như của nhà tu thời kỳ trung cổ. Tu sĩ dòng Cistercian đều cầu Chúa cho sự hoạt động của cứu tế viện này được thịnh vượng mãi.

Trong ban quản trị của tổ chức này có cả vài vị quý tộc, tu sĩ cao cấp và quan to trong triều tham dự. Học trò ở đây được nuôi nấng chu đáo, dạy dỗ cẩn thận; chúng được chuẩn bị để sau này theo học có kết quả tại các đại học đường: Do được nuôi dưỡng từ nhỏ trong bầu không khí của giáo đường, nhiều đứa trẻ đã sớm có khuynh hướng muốn trở thành mục sư, học trò tốt nghiệp ở đây ra tìm việc hết sức dễ dàng. Mới đầu nhà trường chỉ nhận học sinh là con cái các mục sư túng thiếu và trung thành; nhưng về sau, nhiều vị quý tộc trong ban quản trị cao hứng muốn nới rộng phạm vi chiêu sinh ra. Một số nhà giầu thấy con đi học không

mất tiền, tương lai chắc chắn, nghề nghiệp đảm bảo, nghĩ tội gì mà bỏ qua dịp này; cho nên không những chỉ có người quen của các vị tai mặt mà chính các vị tai mặt cũng gửi con theo học cho khỏi phí của… các vị tu sĩ cao cấp gửi người trong họ, hoặc con cái các tu sĩ dưới quyền, đồng thời một số nhà quý tộc tiếng tăm cũng không ngần ngại gì mà không cho con cái của bọn tay chân thân tín vào học… thành ra con trẻ vào nội trú trong trường được tiếp xúc với một tập thể khá phức tạp.

Từ bé, Rawdon Crawley chỉ nghiên cứu kỹ có một cuốn sách là cuốn "Niên giám đua ngựa"; kiến thức chủ yếu anh ta còn nhớ là những trận đòn trong trường trung học hơn hồi còn bé. Tuy vậy, anh ta vẫn tỏ ra hết sức tôn trọng nền học vấn cổ điển như mọi người Anh thượng lưu khác. Nghĩ rằng con mình được học hành cẩn thận, lại rất có thể được đảm bảo về tương lai, anh ta cũng thích, tuy thằng bé là nguồn an ủi và là người bạn độc nhất của bố nó. Giữa hai bố con có biết bao nhiêu mối dây ràng buộc khăng khít (Rawdon cũng chẳng buồn nói với vợ về chuyện này, vì đã từ lâu Becky đối với con rất thờ ơ lạnh lẽo). Rawdon cũng thuận xa con, đành phải hy sinh hạnh phúc riêng của mình để cho con có điều kiện ăn học thành người. Tới lúc phải xa con,

anh ta mới thấy mình quý con đến thế nào. Thằng bé tựu trường rồi, anh ta cảm thấy rầu rĩ, chán nản một cách không ngờ… còn buồn hơn chính thằng con trai, vì nó đang háo hức được bước vào một cuộc sống mới có nhiều bạn bè cùng lứa tuổi. Nghe chồng vụng về lúng túng bày tỏ tâm trạng lúc xa con, Becky phá ra cười mấy bận. Anh chàng đáng thương cảm thấy thế là mình mất người bạn thân thiết trung thành nhất rồi. Nhiều lần anh ta cứ buồn rầu đứng ngó chiếc giường nhỏ trong phòng rửa mặt, chỗ thằng bé vẫn ngủ. Sáng sáng ngủ dậy thấy vắng con, Rawdon nhớ quá, cố đi chơi một mình ngoài công viên cho khuây khoả. Hồi thằng bé chưa đi học anh ta không hề ngờ rằng mình cô độc đến thế này.

Rawdon vốn quý những người đối đãi tốt với mình; anh ta thường đến ngồi chơi hàng giờ với chị dâu là công nương Jane, nói toàn chuyện con trai ngoan ngoãn, con trai kháu khỉnh và hàng trăm đức tính khác nữa.

Công nương Jane cũng quý cháu trai, đứa con gái của Pitt cũng vậy; phải xa em, con bé khóc khóc mếu mếu đến tội. Rawdon thấy vậy rất cảm động. Anh ta chỉ có mỗi một đức tính quý báu duy nhất là tấm tình phụ tử. Trước mặt người chị dâu tốt bụng, anh ta được dịp tự do bộc lộ hết tâm tình của mình. Những tình cảm này, anh

ta không bao giờ dám bày tỏ với vợ. Công nương Jane thấy em chồng biết thương con nên cũng có lòng giúp. Còn hai chị em dâu lại rất ít gặp nhau; Becky thường cười giễu cợt tính tình trung hậu dịu dàng của công nương Jane; ngược lại người chị dâu bản tính mềm mỏng, hiền hoà cũng không sao chịu nổi thói sắt đá lạnh lùng của Becky.

Tính tình Becky khiến cho Rawdon dần cảm thấy mình xa lạ đối với vợ; chính anh cũng không ngờ đến như vậy; Becky chẳng buồn quan tâm đến chuyện ấy. Quả thật, cô ta chẳng thiết tha gắn bó gì với chồng cũng như với bất cứ ai. Becky coi chồng như một kẻ giúp việc hoặc một tên nô lệ. Chồng buồn bã rầu rĩ, cô ta cũng chẳng buồn chú ý, nếu không tìm cách giễu cợt. Cô ta còn bận suy nghĩ về địa vị, về thú vui và còn lo tìm cách leo lên cao hơn trên bậc thang danh vọng. Cô ta yên trí rằng phải có ngày mình giành bằng được một địa vị trong xã hội thượng lưu.

Bà Briggs chất phác được giao nhiệm vụ sửa soạn hành lý cho thằng bé tựu trường. Chị hầu gái Molly cứ đứng khóc thút thít ngoài hành lang lúc thằng Rawdy lên xe. Mặc dù đã lâu chưa được trả tiền công, nhưng chị Molly vẫn hầu hạ chủ trung thành chu đáo.

Becky không bằng lòng cho chồng giong xe ngựa đưa

con đến trường. Mang xe ngựa riêng của nhà vào khu City à? Chuyện kỳ quái, không nghe được! Đi mà thuê một cái xe ngựa rong. Lúc con trai đi, cô ta không giơ má cho con hôn, mà thằng bé cũng không nghĩ đến chuyện hôn mẹ. Nó chỉ hôn bà Briggs (tuy rằng mọi ngày nó cũng ít khi tỏ vẻ âu yếm với bà này). Để an ủi bà Briggs, nó bảo rằng thứ bảy sẽ về thăm bà ta. Trong khi chiếc xe ngựa thuê bon bon chạy vào khu City, Becky cũng đánh xe ngựa riêng đi công viên chơi. Lúc hai bố con dắt nhau vào cổng trường cũng là lúc Becky chuyện trò cười cợt với một lũ công tử bột trên bờ kênh đào Serpentine… Rawdon gửi con ở đấy ra về, trong lòng ngao ngán buồn bã vô cùng; từ lúc lọt lòng mẹ, chưa bao giờ anh ta sầu não đến thế.

Rawdon đi bộ về nhà, ngồi ăn cơm với bà Briggs. Anh ta tỏ ý cảm ơn bà Briggs đã âu yếm săn sóc thằng bé. Ngẫm lại chuyện vay tiền, Rawdon thấy lương tâm cắn rứt vì trót dự phần vào việc lừa dối bà ta. Hai người nói chuyện rất lâu về Rawdy. Becky chỉ về nhà một lúc để thay áo rồi lại đi ăn tiệc ngay… Đoạn Rawdon đến nhà công nương Jane uống nước trà, kể chuyện cho chị dâu nghe con trai mình đi học ngoan lắm, được mặc bộ quần áo mới nó thích quá, trong trường lại có thằng Blackball là con trai của Jack Blackball một bạn đồng ngũ cũ; nó

đã hứa sẽ trông nom che chở cho thằng Rawdy.

Độ một tuần lễ sau, Blackball đã biến Rawdy thành một thằng nhỏ, bắt thằng bé đánh giầy và nướng bánh mì cho mình mỗi bữa ăn. Nó dạy thằng bé được ít tiếng La tinh, nhưng cũng đã nện cho ba bốn trận… tuy không đau lắm. Cũng may, thằng bé được bộ mặt vui vẻ thật thà, nên chỉ bị đánh đập xoàng xoàng vừa đủ để cho nó khôn ra thế thôi. Vả chăng, trong việc học vấn của con cái các gia đình thượng lưu nước Anh, những việc hầu hạ lặt vặt như đánh giầy, nướng bánh, v.v… cũng không phải là không cần thiết.

Chúng ta không có thì giờ nói dài về đời sống của thằng Rawdy trong trường, có dịp khác sẽ kể lại tỷ mỹ. Mấy bữa sau viên trung tá đến thăm con, thấy con tươi tỉnh vui vẻ trong bộ quần áo mới màu đen. Anh ta khôn khéo đãi Blackball một đồng tiền vàng để mua chuộc thiện cảm của ông trùm đối với thằng nhỏ. Các nhân vật có thẩm quyền trong trường đối với thằng bé cũng có biệt nhãn, vì nó được hầu tước Steyne che chở, nó là cháu trai của một uỷ viên trong Ban quản trị một quận; bố nó lại là một trung tá, tước Tùy giá hiệp sĩ, được nêu tên trên mặt báo-"Tin tức buổi sáng" luôn vì có mặt trong các buổi hội họp của giới thượng lưu. Thằng bé có rất nhiều tiền; nó mua bánh quả đãi anh em bạn rất hào

phóng; thứ bảy nó hay về thăm nhà; bữa ấy bố nó vui như tết. Những lúc rỗi rãi, Rawdon dẫn con đi xem hát, hoặc sai người hầu đưa đi. Chủ nhật thằng bé đi lễ nhà thờ với bà Briggs, công nương Jane và hai đứa con nhà bác. Rawdon rất thích nghe con kể chuyện ở trường, chuyện đánh nhau, chuyện bị bắt nạt. Anh ta cho một đứa bạn thân của con về nhà chơi, dẫn đi xem hát rồi cho cả hai ăn kẹo, ăn sò huyết thật thoả thích, lại cho uống cả rượu nữa. Thằng Rawdy đưa cho bố coi bài La tinh nó được điểm tốt, anh ta làm ra bộ thông thạo lắm, lấy vẻ mặt nghiêm trang bảo con:

- Học cho cẩn thận, con ạ. Không gì bằng một nền học vấn cổ điển vững vàng đâu, nhớ thế!

Càng ngày Becky càng khinh rẻ chồng hơn: "Anh muốn làm gì thì làm… muốn đi đâu ăn tùy ý… Đi mà nốc bia và đốt mùn cưa ở nhà lão Astley, hay là đến cầu kinh với công nương Jane, tha hồ… miễn là đừng bắt tôi bận bịu vì thằng ôn con. Anh không đủ sức lo cho tương lai của anh, thì tôi phải ra tay lo hộ vậy. Anh thử nghĩ xem, địa vị xã hội của anh ra sao". Sự thực là tại những cuộc hội họp Becky thường đến dự, cũng không ai ưa anh chồng đáng thương dẫn xác đến làm gì. Bây giờ, nhiều khi người ta chỉ mời một mình cô vợ. Becky nói về các vị tai mà y như cô ta làm chủ cả khu May Fair, và

khi nào trong triều có việc tang, bao giờ cô ta cũng mặc một bộ đồ đen để trở.

Thu xếp cho thằng Rawdy xong hầu tước Steyne khuyên Becky nên đuổi nốt bà Briggs đi cho đỡ tốn; lão vốn có lòng thương, săn sóc nhiều đến gia đình nhà này; lão cho rằng Becky cũng đủ khôn ngoan chán để cai quản lấy việc nhà.

Trong một chương trước, chúng ta đã thấy lão cho Becky tiền để trả nợ bà Briggs, nhưng không hiểu sao vẫn chưa thấy bà này ra đi. Ngài hầu tước mới đoán rằng Becky lại tiêu món tiền ấy vào việc khác rồi. Tuy vậy lão cũng tế nhị không nỡ nói thẳng điều mình nghĩ với Becky, vì sợ căn vặn về chuyện tiền nong lỡ cô ta giận thì khổ; vả chăng Becky bao giờ cũng sẵn có hàng trăm lý do để trình bày về việc tiêu món tiền đó. Song lão cũng quyết định tìm cách biết rõ sự thực, bèn tiến hành việc điều tra một cách hết sức khéo léo.

Đầu tiên lão định mơn man cho bà Briggs khai hết ra. Việc này không khó lắm, chỉ khéo nói một chút là người đàn bà chất phác này bụng dạ có gì dốc sạch. Một bữa, Becky đánh xe ngựa đi chơi, lão hầu tước bèn mò đến phố Curzon (mỗi khi Becky đi chơi, ông Fiche, tay chân thân tín của hầu tước, báo ngay cho chủ biết vì được bọn bồi ngựa ở cửa hiệu cho vợ chồng Rawdon thuê xe

ngựa thường xuyên thông tin về việc này); lão bảo bà Briggs dọn một tách cà phê rồi kể chuyện với bà ta rằng lão được nhiều tin tức rất tốt về việc học hành của thằng Rawdy trong trường… Chỉ năm phút sau, lão đã rõ rằng Becky chưa trả bà Briggs xu nào, chỉ tặng một chiếc áo lụa đen mà bà này rất thích.

Nghe bà Briggs thực thà kể lại câu chuyện, lão cũng buồn cười, vì cô bạn Becky quý hoá của chúng ta đã bịa chuyện kể tỷ mỉ với lão rằng bà Briggs nhận được tiền sung sướng quá. Một nghìn một trăm hai mươi lăm đồng tất cả… bà ta vội đem gửi ngay tại một nơi chắc chắn… , còn Becky phải trả một lúc số tiền lớn như vậy thì tiếc đứt ruột đi được. Có lẽ cô ta nghĩ thầm rằng: "Biết đâu lão già nghe mình nói dối thế lại không tòi ra cho mình thêm ít tiền nữa?" Nhưng lão hầu tước không có ý kiến gì thêm, ý hẳn lão cho rằng mình rộng rãi như vậy là đã quá đủ.

Lão còn tò mò về vốn liếng của bà Briggs, bà này cứ thực thà khai hết… nghĩa là bà Crawley chết đi có để lại cho ít tiền… , rồi họ hàng nhà bà Briggs xâu xé mất một ít… Trung tá Crawley vay một phần, vẫn trả lãi đều đặn… , hai vợ chồng ông Rawdon Crawley còn làm ơn vận động hộ với tôn ông Pitt để khi có dịp tôn ông sẽ đem nốt phần còn lại đặt lãi hộ tại một nơi thật chắc

chắn. Lão hầu tước hỏi bà Briggs đã gửi Crawley bao nhiêu tiền, bà này đáp tất cả là hơn sáu trăm đồng bảng.

Kể chuyện xong. bà Briggs lại hối hận ngay vì mình quá thực, bà ta van xin hầu tước chớ nói lại với bà Crawley. "Ông trung tá đối với cháu tốt lắm.. Chỉ sợ ông giận trả lại cháu món tiền thì cháu chả biết đem đặt lãi ở đâu cho có lời bằng". Hầu tước Steyne phì cười, hứa sẽ không bao giờ lộ chuyện; lúc ra về, lão còn không nhịn được cười. Lão nghĩ thầm: "Con bé quỷ quyệt thật. Dàn cảnh, đóng trò tài đến thế là cùng? Hôm nọ nó ỏn ẻn khéo quá suýt nữa moi được của mình thêm một món. Mình lăn lộn với đàn bà đã nhiều mà chưa từng thấy ai bợm bằng nó. So với nó, bọn kia chỉ là con nít. Mình thật là ngốc; rõ dại như vích. Dối trá đến thế thì trần đời có một.

Nhân việc ấy lão hầu tước càng kính phục trí thông minh của Becky. Bòn xu không khó lắm… nhưng moi được gấp đôi số tiền cần thiết, mà không trả ai đồng nào… ấy mới thật tài. Lão nghĩ tiếp: "Cái thằng cha Crawley bề ngoài như lù đù, thế mà đáo để thật. Vợ chồng nhà nó một đồng một cốt với nhau. Nom vẻ mặt và cách cử chỉ của hắn, đố ai bảo hắn biết tý gì về chuyện bòn xu của con vợ đấy, nhưng nhất định chính hắn xui vợ tán mình, chính hắn đã tiêu món tiền ấy

không sai". Nghĩ như vậy thì rõ ràng là lão ta lầm rồi. Nhưng lão vẫn cứ đinh ninh như thế nên từ đó về sau cách đối xử của lão với Rawdon không còn giữ được cái vẻ lịch sự nể nang như trước nhà. Lão không hề nghĩ rằng Becky lại có thể moi tiền của lão để dành làm vốn riêng; và cũng có thể tại lão căn cứ vào vô số kinh nghiệm bản thân về tư cách của nhiều ông chồng khác mà lão có dịp lợi dụng trong suốt cuộc đời trác táng từ trẻ đến già; những kinh nghiệm này đã khiến ta hiểu biết nhiều về những sự yếu đuối của con người. Trong đời mình, ngài hầu tước đã dùng tiền bạc mua được nhiều ông chồng quá rồi, bây giờ lão có tưởng lầm rằng Rawdon bán vợ mình để lấy món tiền kia, thì cũng không có gì là đáng trách.

Ngay sau đó, nhân lúc ngồi riêng với Becky, lão vui vẻ ngỏ ý khen cô ta khôn ngoan lấy được món tiền nhiều hơn số cần dùng.

Mới đầu Becky hơi chột dạ, kể ra cô ta cũng không có thói quen nói dối, trừ trường hợp bất đắc dĩ, song gặp những lúc gay go thế này thì Becky có thể bịa chuyện chống đỡ rất tài. Chỉ trong chớp mắt cô ta đã dựng đứng ngay được một câu chuyện có đầu có đuôi, nghe rất lọt tai để trả lời lão hầu tước. Cô ta thú nhận rằng những lời đã nói với lão là không đúng sự thực… Nhưng vì đâu cô

ta phải nói dối. "Ôi ngài ơi, ngài không thể hiểu được em phải nín lặng mà đau khổ đến thế nào. Ngài chỉ thấy ngồi với ngài, em vui vẻ, sung sướng… nào có biết đâu nông nỗi khi em phải xa người hằng che chở cho mình. Chính nhà em đã hành hạ, dọa dẫm em, bắt phải xin ngài bằng được món tiền ấy. Biết thế nào ngài cũng hỏi xem tiêu việc gì, nhà em đã bắt em nói dối như vậy. Tiền ấy nhà em cầm cả. Anh ấy bảo rằng đã trả bà Briggs rồi. Em không muốn, mà em cũng không dám nghi ngờ anh ấy. Xin ngài hãy tha thứ cho anh ấy, chẳng qua vì túng quá nên phải làm liều; xin ngài thương lấy em là một người đàn bà đau khổ, đau khổ lắm". Vừa nói, cô ta vừa khóc thảm thiết, chưa bao giờ thấy người đàn bà đức hạnh nào bị lâm vào cảnh thương tâm đến thế.

Hai người sóng đôi ngồi trên xe ngựa của Becky đi chơi quanh vườn hoa Nhiếp chính. Họ nói chuyện với nhau rất lâu, chuyện trò những gì, thiết nghĩ cũng chẳng cần phải kể lại. Chỉ biết kết quả là lúc về nhà, Becky chạy ngay đến ôm chầm lấy bà Briggs tươi cười báo cho biết là mới có một tin rất đáng mừng. Hầu tước Steyne đối xử thật là người cao quý rộng lượng; khi nào có dịp ngài luôn luôn nghĩ cách giúp đỡ, bây giờ Rawdy vào nội trú trong trường, nhà cũng không cần mượn người giúp việc nữa. Phải chia tay với bà Briggs cô ta thật đứt từng

khúc ruột, nhưng bây giờ tiền nong eo hẹp, phải tần tiện hết sức mới đủ tiêu. Tuy vậy, cô ta cũng được an ủi đôi phần, vì bà Briggs sẽ tìm được một chỗ làm tốt hơn nhiều, dưới quyền ngài hầu tước vốn là người vô cùng rộng lượng. Bà Pilkington là quản gia trong lâu đài Gauntly đã quá già yếu, lại mắc bệnh thấp cốt, không đủ sức coi sóc một tòa nhà rộng lớn như vậy, bây giờ cần tìm người thế chân. Thật là một dịp may hiếm có. Gia đình ông chủ mỗi năm chỉ về lâu đài Gauntly độ một hai lần. Còn thì bà quản gia là bà chủ của tòa nhà lâu đài sang trọng ấy… , mỗi ngày có quyền mời bốn người cùng ăn, lại được giới tu sĩ và những người đứng đầu trong vùng đến thăm luôn luôn… , nghĩa là trong thực tế sẽ đóng vai Gauntly phu nhân. Trước bà Pilkingtơn, hai người nữ quản gia tại lâu đài này đã lấy chồng mục sư cả; riêng bà Pilkingtơn không có điều kiện, vì viên mục sư hiện tại lại trót là cháu bà mất rồi. Hiện giờ chưa phải đã giao ngay việc này cho bà Briggs, nhưng bà có thể đến thăm bà Pilkingtơn để xem nếu ưng đảm nhiệm công việc ấy thì nhận.

Lời nói nào tả xiết được nỗi cảm kích của bà Briggs. Bà ta chỉ yêu cầu Becky một điều là thỉnh thoảng cho phép thằng Rawdy xuống lâu đài thăm bà. Becky bằng lòng… bằng lòng hết. Lúc chồng đi chơi về, cô ta líu tíu

kể lại với chồng tin mừng nói trên, Rawdon cũng vui vẻ lắm, thế là đỡ phải lo món nợ không trả được. Dĩ nhiên rồi thế nào bà Briggs cũng có tiền để tiêu pha… Nhưng Rawdy vẫn thấy thắc mắc làm sao ấy; câu chuyện nghe ra có cái gì hơi khác thường. Anh ta kể lại với Southdown việc hầu tước Steyne giúp gia đình mình; anh chàng trẻ tuổi này liếc nhìn Rawdon với một con mắt làm cho anh ta ngạc nhiên vô cùng.

Rawdon lại đem chuyện này kể với công nương Jane; bà chị dâu cũng ra vẻ hốt hoảng một cách kỳ lạ, cả Pitt cũng vậy. Hai vợ chồng nhà này bảo: "Thím ấy khôn khéo lắm, mà tính lại… ham vui, không nên cứ để la cà chơi bời hết chỗ nọ đến chỗ kia mà không có ai đi theo gìn giữ. Rawdon, thím ấy đi đâu, chú phải đi theo mới được; phải có ai luôn luôn gần thím ấy; hay là cho một cháu gái ở trại về, tuy chúng nó cũng không được khôn ngoan lắm".

Tất nhiên là Becky đang cần người coi giữ. Song cũng phải thấy rằng bà Briggs không lẽ nào từ chối một dịp may độc nhất trong đời như vậy; bà ta thu xếp hành lý và đi lâu dài Gauntly. Vậy là hai tên lính gác của Rawdon bị sa vào tay địch.

Pitt đến thăm em dâu hỏi về việc cho bà Briggs, và nhiều chuyện tiếng khác. Becky hết sức trình bày rằng

người chồng đáng thương của mình rất cần được hầu tước Steyne che chở, và nếu không cho phép bà Briggs nhận chỗ làm ấy thì chẳng hoá ra vợ chồng cô ta tàn nhẫn quá. Tha hồ cho Becky ngọt ngào, ỏn thót, rồi cười, rồi khóc, mặc, tôn ông Pitt vẫn không chịu nghe ra, cứ một mực như là gây sự với cô em dâu trước kia vẫn được quý mến. Pitt nói đến những chuyện danh dự của gia đình, tiếng tăm trong sạch xưa nay của dòng họ Crawley. Pitt có vẻ bực mình lắm khi nhắc đến chuyện em dâu tiếp đãi bọn trai trẻ người Pháp, cái bọn công tử bột ngông nghênh lấc cấc, và cả hầu tước Steyne nữa; gì mà lúc nào cũng thấy xe ngựa của lão đỗ lù lù ngoài cửa nhà em dâu, ngày nào cũng thấy lão đến chơi với em dâu hàng tiếng đồng hồ, đi đâu cũng thấy cặp kè, làm cho thiên hạ dị nghị. Lấy cương vị là anh cả trong gia đình, Pitt mong cô em dâu cần phải biết thận trọng. Thiên hạ đã bắt đầu xì xào bàn tán rồi đấy. Phải biết rằng hầu tước Steyne tuy là người có tài lớn, có danh dự cao thật, nhưng hễ lão để ý nhiều đến người đàn bà nào là người ấy dễ mang tiếng xấu lắm đấy. Pitt cầu khẩn van lơn, rồi ra lệnh cho em dâu phải hết sức giữ gìn trong khi giao tiếp với lão quý tộc.

Pitt muốn gì, Becky xin hứa vâng theo hết, nhưng rồi hầu tước Steyne vẫn cứ tiếp tục ra vào nhà cô như

thường. Pitt lại càng cáu tợn. Không biết công nương Jane thấy chồng xích mích với Rebecca thì hả dạ hay là bực mình? Thấy hầu tước Steyne tiếp tục đến thăm Rebecca, Pitt không đến nữa. Công nương Jane cũng từ chối không giao thiệp với lão quý tộc như trước. Đêm hôm tổ chức diễn kịch đố chữ, hầu tước phu nhân có gửi thiếp mời. Nhưng công nương Jane không muốn đi riêng, Pitt cảm thấy cần đến dự, vì Hoàng tử cũng có mặt.

Tuy đến, nhưng hôm ấy Pitt ra về sớm; cô vợ cũng tán thành ý kiến của chồng. Hôm ấy Becky chỉ nói qua loa gọi là vài câu với Pitt, cô ta cũng không buồn để ý đến chị dâu nữa. Pitt Crawley tuyên bố rằng Becky hành động như vậy không đứng đắn chút nào, anh ta kịch liệt lên án lối chơi hoá trang diễn kịch, cho là không xứng đáng với phụ nữ Anh. Vở kịch diễn xong, Pitt gọi riêng em trai ra cự kịch liệt về tội bôi mặt đóng trò và cho phép vợ lên sân khấu mua vui cho thiên hạ. Rawdon hứa từ rầy sẽ không cho vợ diễn kịch nữa.

Có lẽ những lời bóng gió của anh trai và chị dâu khiến cho Rawdon hồi này đâm ra đứng đắn tợn. Anh có mặt ở nhà. Anh đích thân giong xe đưa vợ đi chơi. Becky đi đâu, anh chồng cũng chịu khó đi theo. Hầu tước Steyne đến chơi lần nào là y như gặp anh chàng trung tá ở nhà.

Mỗi khi Becky ngỏ ý muốn chơi một mình hoặc nhận lời mời của khách, anh chồng lập tức ra lệnh dứt khoát bắt vợ phải từ chối. Coi điệu bộ anh chồng, Becky đành buộc lòng tuân theo. Nói cho đúng thì Becky thấy chồng lại săn sóc đến mình như vậy cũng không phải là khó chịu lắm. Chồng thì luôn luôn cau có nhưng cô ta tuyệt nhiên không. Dầu có khách hay không, bao giờ Becky cũng tươi tỉnh, săn sóc chồng thật chu đáo. Hai vợ chồng sống lại thời kỳ trăng mật năm xưa; lại vui vẻ săn đón, hết sức làm vui lòng nhau, và hoàn toàn tin cậy nhau như ngày trước. Cô ta bảo chồng: "Có anh cùng ngồi xe đi chơi thích bằng mấy phải ngồi với mụ Briggs ngớ ngẩn! Anh Rawdon yêu quý ơi, chúng mình đi chơi với nhau luôn nhé. Giá vợ chồng mình có thêm ít tiền thì thật là hạnh phúc thần tiên, nhỉ".

Ăn xong, anh chồng ngả lưng thiu thiu ngủ trên ghế bành, anh ta không nhìn thấy mặt vợ đang ngồi đối diện với mình; bộ mặt sao mà ngơ ngác, mệt mỏi và dữ tợn. Nhưng tỉnh dậy, lập tức anh ta thấy ngay bộ mặt ấy tươi như hoa, vui vẻ ghé xuống hôn vào má mình. Anh chồng lấy làm ngạc nhiên sao mình lại có thể nghi ngờ vợ được. Không, anh ta chưa bao giờ nghi ngờ vợ. Những sự hiểu lầm, những ý thức ngờ vực khi trước chẳng qua cũng chỉ là chuyện ghen tuông bóng gió. Vợ

anh ta vẫn quý chồng lắm, xưa nay bao giờ cũng quý chồng như vậy. Còn về chuyện được chú ý trong khi giao thiệp với bên ngoài, thì đâu phải là tại Becky? Trời sinh ra vợ anh ta để được mọi người chú ý. Thử xem có người đàn bà nào hát hay, nói chuyện giỏi bằng Becky? Rawdon nghĩ thầm: "Ước gì vợ mình quý con trai một tý thì thật là hoàn toàn". Nhưng hai mẹ con không thể sao gần nhau được.

Đang khi đầu óc Rawdon rối tung lên vì những ý nghĩ ấy, thì xảy ra câu chuyện vừa kể ở chương trên. Anh chàng trung tá bất hạnh thế là bị giam một chỗ, không về nhà được.

CHƯƠNG LIII
GIẢI THOÁT VÀ TAI HỌA

Thế là ông bạn Rawdon của chúng ta ngồi xe ngựa về thẳng tòa nhà của ông Moss ở phố Cursitor; anh chàng bị mời ở lại chơi tại một nơi không lấy gì làm lịch sự lắp. Trời đã tang tảng sáng lúc chiếc xe ngựa lăn bánh kêu lọc cọc về đến cửa. Một thằng bé Do thái mắt toét, tóc đỏ quạnh như râu ngô dẫn mọi người vào trong nhà. Ông Moss, người bạn đồng hành đồng thời là ông chủ nhà mời Rawdon ngồi chơi ở tầng dưới, đoạn hỏi anh ta có muốn uống chút gì cho ấm bụng không. Những kẻ khác phải rời bỏ toà nhà đồ sộ và cô vợ xinh xắn của mình để đến nằm tại nhà giam như thế này, đố sao tránh khỏi sầu não, nhưng viên trung tá thì cứ điềm nhiên như thường vì hình như anh ta đã có dịp làm khách quý của ông Moss một đôi lần rồi thì phải. Trong những chương trên, chúng tôi thấy cũng không cần phải nói tới những chuyện vặt ấy, nhưng xin các bạn cứ yên trí rằng cuộc đời mỗi người sống không đồng xu lợi tức nào nhất định phải gặp những chuyện tương tự.

Lần đầu tiên được làm quen với ông Moss, viên trung tá còn chưa vợ; bà cô rộng rãi đã cứu anh ta ra khỏi nhà giam. Lần thứ hai, thì Becky đã vận dụng tài ngoại giao

khôn khéo vay được của bá tước Southdown một món tiền, rồi tán tỉnh lão chủ nợ của chồng (tức là người đã bán chịu cho anh ta khăn san, áo nhung, khăn tay rua, đồ trang sức v.v…) khiến lão này bằng lòng nhận tạm một phần tiền, còn phần nữa Rawdon làm văn tự xin khất. Cả hai lần, Crawley được đối đãi tử tế lúc bị bắt cũng như lúc được thả về, cho nên Moss với anh ta, hai bên trông thấy nhau vẫn vui vẻ lắm.

Ông Moss nói:

- Trung tá sẽ ngủ trong căn phòng ngày trước, mọi sự sẽ xin chu đáo. Chỗ ấy thoáng sạch lắm, chỉ toàn những người lịch sự đến ở. Đêm hôm kia, ngài đại uý Famish thuộc trung đoàn Ngự lâm thứ năm mươi cũng ngủ ở đây. Bà nhân tình bắt ông ta nằm đây đúng nửa tháng mới đến chuộc, bảo rằng muốn trừng trị ông ta cho bớt thói chơi bời. Nhưng mà lạy chúa, chính ông ta đã trừng trị kho rượu sâm-banh của tôi mới chết chứ; đêm nào cũng tụ họp chè chén thoả thích với những ông bạn từ khu West End đến thăm… đại uý Ragg này, Deuceace tiên sinh này, cả mấy ông tướng khác nữa, tay nào cũng trạng rượu cả. Hiện giờ tôi đang có một vị khách quý trên gác, là một vị tiến sĩ khoa thần học; còn năm vị khác thì đang trong nhòng điểm tâm. Bà Moss nhà tôi vẫn thết cơm khách vào hồi năm giờ rưỡi như mọi khi,

sau đó có đánh bài, hoặc nghe chút ít âm nhạc. Chúng tôi rất hận hạnh được trung tá xuống tham dự.

Rawdon đáp:

- Cần gì tôi sẽ rung chuông gọi.

Đoạn anh ta thản nhiên đi về phòng ngủ của mình. Chúng ta đã biết Rawdon là một quân nhân lão luyện; những chuyện bực mình lặt vặt ấy không đáng kể. Phải tay non ắt viết ngay thư gửi về cho vợ rồi, nhưng Rawdon nghĩ: "Phá mất giấc ngủ ngon của Beccky làm quái gì vô ích. Becky có bao giờ cần biết mình đi vắng hay ngủ ở nhà đâu. Cứ chờ cô ấy ngủ dậy, rồi viết thư gửi về cũng không muộn; bây giờ hãy đánh một giấc cái đã. Chỉ có một trăm bảy mươi đồng, xoay sở đâu chẳng ra mà lo". Lúc ngả lưng xuống chiếc giường của đại uý Famish, anh ta nhớ đến con trai rồi thiếp đi, (hẳn thằng bé không ngờ bố nó lại ngủ ở một nơi kỳ quái thế này).

Mười giờ trưa Rawdon tỉnh dậy. Thằng bé tóc đỏ mang lên cho anh ta một bộ đồ cạo mặt bằng bạc. Ngôi nhà của ông Moss tuy hơi bẩn nhưng cũng khá lịch sự. Trong tủ búp-phê, thấy bày những chiếc khay bẩn và những bình rượu ướp lạnh; trên tường nhiều chỗ đắp nổi quét vôi kim nhũ đầy bụi bặm, có treo những tấm màn sa tanh vàng nhem nhuốc để che những ô cửa sổ có chấn song sắt trông ra phố Cursitor; lại có nhiều bức

tranh lồng khung, nước thếp vàng đã tróc, vẽ cảnh săn bắn hoặc cầu nguyện; toàn là tác phẩm của các hoạ sĩ nổi tiếng, đã bị mua đi bán lại nhiều lần trong những cuộc phát mại công cộng giá đắt như vàng. Người ta dọn ăn cho viên trung tá trong những chiếc đĩa rất đẹp mà cũng rất bẩn.

Cô Moss, một cô gái mắt đen láy, đính cặp uốn tóc trên đầu, mang nước trà lên, mỉm cười hỏi thăm anh ta có ngủ ngon không. Cô ta đưa cho Rawdon tờ "Tin tức buổi sáng", có đăng tên đủ các vị tai mặt đến dự buổi dạ hội do hầu tước Steyne tổ chức đêm vừa qua. Tờ báo có đăng một bài phóng sự thật hay về chương trình buổi dạ hội, lại không ngớt tán dương sắc đẹp của bà Rawdon Crawley tài hoa.

Cô Moss ghé ngồi ngay lên mép bàn ăn, dáng điệu rất tự nhiên, vén váy để lộ cả bít tất và đôi giày sa tanh trắng cũ vẹt gót.

Rawdon tán chuyện với cô ta một lúc, rồi bảo mang giấy bút lại.

Cô Moss đem giấy lên, hỏi anh ta cần mấy tờ rồi cầm mấy tờ giữa ngón tay cái và ngón trỏ đưa cho anh ta. Cô gái mắt đen láy này đã từng đưa vô số giấy cho người ta viết; vô số anh chàng đáng thương đã nguệch ngoạc gạch những dòng chữ đầy những lời lẽ van lơn trên mặt

giấy, và trong lúc chờ đợi thư trả lời đã sốt ruột đi bách bộ trong gian phòng gớm ghiếc này. Những người túng thiếu lại hay dùng người đưa thư mà không nhờ nhà bưu điện. Nào ai là người chưa từng nhận những phong thư dấu xi còn dính chưa kịp khô, vừa được biết rằng có người đang chờ dưới phòng khách?

Lúc này Rawdon đang bận viết thư, anh ta không kịp nhớ đến những chuyện ngờ vực cũ.

Becky thân yêu,

Mong rằng đêm qua mình ngủ ngon giấc. Sáng nay đừng thấy tôi không mang cà phê lên cho mình được mà lo ngại. Đêm qua, tôi đang đi bộ về nhà vừa đi vừa hút thuốc lá thì gặp chuyện không may. Lão Moss ở phố Cursitor tóm được tôi rồi. Tôi viết thư này cho mình trong căn phòng lộng lẫy quét vôi kim nhũ của lão... lại vẫn câu chuyện cũ đã xảy ra hai năm về trước. Cô Moss mang nước chà *vào cho tôi... cô ta* giạo *này béo tợn, và vẫn đi* dầy *vẹt gót như mọi khi. Tôi bị tóm vì* truyện *nợ tiền lão Nathan... một trăm năm mươi đồng... thêm tiền phí tổn, tất cả là một trăm bảy mươi đồng. Gửi cho tôi cái ví và ít quần áo để thay. Tôi vẫn còn đi* dầy *khiêu vũ nhẹ (giống như cô Moss)... Tôi có bảy mươi đồng trong ví. Mình đánh xe lại chỗ lão Nathan, trả lão bảy mươi lăm đồng, và xin ký văn tự khất thêm một hạn.*

Bảo lão bán thêm cho một tí rượu để dùng trong bữa ăn... đừng có mua chanh làm gì đắt lắm. Nếu lão không chịu thì mang chiếc đồng hồ của tôi và những thứ gì trong nhà không dùng đến bán lại cho hiệu Balls... thế nào tối nay cũng phải xoay bằng được tiền. Tôi không muốn ở đây lâu đâu;. mai lại là chủ nhật rồi. Dường *đệm ở đây bẩn lắm; mình ở đây lâu, bọn chủ nợ khác cũng làm rầy rà thì nguy. May quá lại không đúng vào thứ bảy, ngày Rawdy nghỉ học về thăm nhà. Cầu chúa che trở cho mình.*

RAWDON CRAWLEY

T.B. Mình thu xếp mau mau lên và đến với tôi.

Thư viết xong, gắn xi, rồi nhờ một người đưa tin lúc nào cũng sẵn sàng túc trực trong nhà ông Moss đưa đi hộ. Đoạn Rawdon ra sân hút thuốc lá, tạm gọi là yên tâm một chút… tuy rằng trên đầu vẫn có chấn song sắt; trong nhà ông Moss có chấn song sắt bao quanh bốn mặt và cả phía trên, như một cái chuồng nhốt thú, có lẽ vì ông sợ các vị quý khách có ý định chuồn mất chăng.

Rawdon tính rằng nhiều lắm là ba tiếng đồng hồ, thế nào Becky cũng đến mở cửa nhà lao cho mình. Trong thời gian ấy, anh ta vui vẻ hút thuốc lá, đọc báo, ngồi chơi trong phòng ăn với một ông bạn là đại uý Walker cũng cùng cảnh với anh; hai người đánh bài cò con với

nhau, nhì nhằng không được không thua.

Ngày giờ cứ trôi qua, mà bằn bặt không thấy tin tức gì… chẳng thấy mặt Becky đâu. Đúng năm giờ rưỡi chiều, bữa cơm thết khách của nhà ông Moss dọn ra; quý khách nào có thể trả tiền cơm đều được mời dự. Bữa ăn dọn trong gian phòng khách lộng lẫy đã tả ở trên, ăn thông với gian phòng ngủ của Crawley. Cô Moss (ông bố gọi là cô Hem) cũng có mặt, nhưng không đính cặp uốn tóc như ban sáng. Bà Moss mời khách dùng món thịt cừu nấu củ cải, viên trung tá ăn rất ngon miệng. Mọi người hỏi Rawdon có bằng lòng "*thả*" một chai sâm banh không, anh ta đồng ý; hai mẹ con bà Moss uống rượu mừng sức khoẻ của anh ta; cô Moss lại liếc anh chàng một cái rất tình.

Đang ăn dở dang, thì có tiếng chuông gọi cửa… thằng bé tóc đỏ con ông Moss vội cầm chìa khoá đứng dậy ra mở cửa; lát sau nó trở vào báo rằng người đưa tin đã về, đem theo một cái ví, một cái bọc và một lá thư. Bà Moss vẫy vẫy tay nói: "Xin mời trung tá cứ tự nhiên cho". Rawdon bóc vội thư hồi hộp đọc… lá thư thật đẹp, sức nước hoa thơm lừng, giấy màu hồng, trên có đóng một con dấu màu xanh nhạt.

Mình thân yêu tội nghiệp của em[74]

Suốt đêm qua, em không sao chợp được mắt lấy một cái, vì không biết "ông tướng phải gió" gặp chuyện không may gì mà không về nhà. Mãi sáng nay, cho đi gọi ông Blench đến thăm bệnh xong, em mới thiếp đi gọi là được một tý. Em đang bị sốt. Bác sĩ cho em uống thuốc và dặn Finette không được đánh thức em dậy bất cứ vì lý do gì. Thành ra cái thằng đưa tin mặt mũi gớm ghiếc, sặc sụa hơi rượu – theo lời Finette kể lại – đành phải chờ đến mấy tiếng đồng hồ. Mình thử tưởng tượng đọc lá thư viết sai chính tả của mình, em lo lắng đến thế nào.

Em đang mệt bã người mà phải gọi sửa soạn xe ngựa ngay. Em chẳng uống lấy được một giọt súc-cù-là nào gọi là có, vì không có anh tự tay mang lên, em không sao nuốt trôi. Mặc áo xong, là em đánh xe chạy như bay đến lão Nathan. Gặp lão, em khóc... em kêu... em quỳ xuống van xin. Thằng cha quỷ quái lòng dạ như đá. Lão một mực bảo rằng nếu không trả đủ tiền thì mình phải ngồi tù. Em trở về nhà định bụng thu xếp ít đồ vật mang đến hiệu cầm đồ (tuy cũng chỉ được độ trăm đồng bảng là cùng, vì mình cũng biết đấy, em đã phải bán đi ít nhiều rồi) thì gặp ngay hầu tước đưa lão quỷ mặt cừu người Bungari lại chơi. Họ khen rối rít đêm qua em đóng kịch giỏi. Rồi đến Paddington; hắn vừa chuyện trò

ề à, vừa vuốt mãi bộ tóc mượt của hắn. Tiếp theo là Champignac và viên đại sứ, toàn những khen lao với chúc tụng... khổ thân em quá, muốn tống khứ họ đi mà không xong, lòng dạ còn rối như tơ vò vì việc mình bị giam giữ.

Khách khứa về cả rồi, em mới quỳ xuống cầu xin hầu tước giúp đỡ. Em bảo rằng chúng mình sắp phải cầm bán sạch mọi thứ, xin ngài giúp cho hai trăm đồng. Ngài gắt ầm lên... bảo rằng đừng có dại mà cầm bán đồ vật... ngài hứa nếu có thể sẽ cho em vay tiền.

Rồi ngài ra về, bảo sáng mai sẽ cho đem tiền lại. Sáng mai có tiền em sẽ đến đón mình với một cái hôn thật âu yếm.

Becky.

Em viết thư ngay trên giường.

Em đang nhức đầu quá mà cũng đau lòng quá!

Rawdon đọc xong lá thư đỏ tía mặt lên trông đến dữ tợn, những người cùng ngồi ăn đoán ngay có tin chẳng lành. Bao nhiêu điều nghi ngờ anh ta vẫn cố xua đuổi khỏi tâm trí đột nhiên quay lại ám ảnh. "Đến nỗi không đem được ít đồ trang sức đi cầm để chuộc cho mình à? Mình đang ngồi tù, mà nó thản nhiên ngồi nghe thiên hạ tán tụng! Đứa nào bắt mình bỏ tù? Wenham mời mình

cùng về. Hay là…" Rawdon không dám nghĩ tiếp lập tức rời phòng ăn, anh ta chạy về buồng mở ví, lấy giấy viết vội mấy dòng chữ gửi cho vợ chồng Pitt, giao cho người đưa tin, bảo mang ngay đến phố Gaunt. Anh ta bảo hắn thuê xe ngựa đi cho nhanh, lại hứa nếu về sớm trong khoảng một tiếng đồng hồ, sẽ thưởng cho đồng bạc.

Trong thư, Rawdon cầu khẩn vợ chồng anh trai hãy vì kính chúa, hãy vì thương đứa cháu trai, vì danh dự của mình, hãy giúp mình qua cơn hoạn nạn. Anh ta đang ngồi tù… cần có ngay một trăm đồng bảng thì mới được trả tự do…

Gửi thư đi rồi, Rawdon quay lại phòng ăn, gọi lấy thêm rượu.

Anh ta cười thật to, nói chuyện thật ồn ào một cách kỳ lạ. Thỉnh thoảng, nghĩ đến những nỗi ngờ vực đang vò xé tâm trí, Rawdon lại phá ra cười, rồi tiếp tục nốc thêm rượu suốt một tiếng đồng hồ… nhưng vẫn chú ý lắng nghe xem có tiếng xe ngựa quyết định số phận của mình hay không.

Một tiếng đồng hồ trôi qua; có tiếng xe ngựa lượn vòng đỗ ngoài cổng, thằng bé tóc đỏ cầm chìa khoá bước ra. Nó dẫn một người đàn bà đi vào. Người này run run nói:

- Tôi muốn gặp trung tá Crawley.

Thằng bé láu lỉnh đưa mắt nhìn, khoá chặt cửa ngoài lại rồi mới mở khoá cửa trong, đoạn thò cổ vào gọi:

- Trung tá Crawley, có người hỏi.

Người đàn bà được nó dẫn vào phòng khách bên trong.

Rawdon rời gian phòng ăn ồn ào tiếng cười nói bước vào, một ánh sáng đục ngầu chiếu hắt theo; anh ta thấy người đàn bà vẫn đứng chờ, có vẻ rất bối rối. Người này lên tiếng rụt rè nói, cố làm ra bộ vui vẻ.

- Chú Rawdon, tôi đây mà, Jane đây.

Rawdon nghe thấy tiếng nói dịu dàng của người chị dâu tốt bụng cảm động quá… anh ta chạy lại giang hai tay ôm lấy chị dâu… miệng lắp bắp mấy tiếng cảm ơn nghe không rõ, rồi gục vào vai công nương Jane mà khóc nức nở. Người đàn bà không hiểu vì sao em chồng xúc động đến thế.

Ông Moss lập tức được thanh toán tiền nong đầy đủ. Ông ta hơi thất vọng, vì đang chắc mẩm ít nhất cũng giữ được Rawdon đến thứ hai. Công nương Jane nét mặt rạng rỡ tươi tỉnh dắt Rawdon ra xe đưa về nhà. Cô ta bảo:

- Lúc nhận được thư chú, anh Pitt đã đi dự tiệc ở Quốc hội rồi… Thành ra tôi… tôi phải đến vậy.

Đoạn Jane đặt bàn tay mình vào bàn tay em chồng. Không biết chừng Pitt đi ăn tiệc vắng lại là may cho Rawdon. Anh ta cảm ơn chị dâu mãi, giọng cảm động chân thành làm cho người đàn bà dễ xúc động này gần như phải bàng hoàng, Rawdon vẫn cái giọng thực thà thô kệch nói:

- Chị không biết chứ… từ hồi gặp chị, em thay đổi nhiều lắm.. từ hồi có thằng Rawdy nữa. Em cũng muốn tu tỉnh lại chút ít… Chị ạ, em muốn… em muốn thành…

Anh ta không nói hết câu, nhưng người chị dâu hiểu. Đêm hôm ấy, sau lúc em chồng đã ra về, công nương Jane ngồi nhìn đứa con nằm ngủ trên chiếc giường nhỏ, thì thầm cầu nguyện mãi cho con người tội lỗi đã biết hối cải…

Rawdon từ biệt chị dâu, đi thật nhanh về nhà. Lúc ấy đúng chín giờ tối. Anh ta chạy băng qua các phố và các công viên trong Hội chợ phù hoa, và cuối cùng đến trước cửa nhà, mệt quá tưởng đến đứt hơi. Nhìn lên gác Rawdon giật nảy mình lùi lại, run run đứng không vững phải dựa vào hàng rào. Trong phòng khách đèn thắp sáng trưng, thế mà vợ anh ta viết thư nói rằng đang ốm, phải nằm nghỉ. Anh ta đứng đờ ra một lúc, ánh sáng

trong nhà hắt ra in lên bộ mặt tái nhợt của anh.

Rawdon rút chìa khóa riêng mở cổng, bước vào nhà. Trên gác có tiếng cười đùa vẳng xuống rõ mồn một. Anh ta vẫn mặc bộ quần áo dạ hội tối hôm trước, lúc bị bắt. Rawdon lặng lẽ trèo lên gác, đứng dựa vào lan can chỗ đầu cầu thang nghe ngóng… Đầy tớ bị sai đi vắng hết… trong nhà tịnh không có một ai. Nghe rõ tiếng cười trong phòng… tiếng cười xen lẫn tiếng hát. Becky đang hát lại một đoạn bài hát tối hôm qua. Có tiếng khàn khàn reo lên: "Hoan hô! Hoan hô!"… tiếng hầu tước Steyne.

Rawdon mở toang cửa bước vào. Giữa phòng kê một cái bàn ăn nhỏ… đủ cả rượu và các món ăn. Becky ngồi trên ghế xô-fa. Steyne đang chống tay vào thành ghế cúi xuống. Người đàn bà khốn nạn trang sức thật lộng lẫy, cánh tay đeo vòng xuyến, các ngón tay đeo nhẫn lóng lánh; trên ngực, sợi dây chuyền kim cương của hầu tước Steyne tặng sáng quắc. Lão vừa cầm tay Becky cúi xuống định hôn, thì Becky nhìn thấy bộ mặt trắng bệch của Rawdon hiện ra; cô ta giật nảy mình, rú lên một tiếng khẽ, rồi cố làm ra vẻ tươi tỉnh mỉm cười ra ý mừng chồng về… Nhưng nụ cười mới gớm ghiếc làm sao! Steyne thì tái mặt đứng dậy, nghiến răng lại, tức như điên. Tuy vậy, lão cũng cố cười một tiếng… bước lên

chìa tay ra và nói:

- Thế nào, về rồi à? Bình yên chứ, ông Crawley?

Lão cố cười gượng với anh chồng phá bĩnh, hai má nổi gân lên.

Vẻ mặt Rawdon có một cái gì khiến cho Becky vội chạy tới trước mặt chồng, nói:

- Rawdon, em vô tội, mình ạ! Thề có Chúa trời, quả thật em vô tội. Cô ta bấu chặt lấy áo chồng, xiết lấy tay chồng. Tay cô ta đầy những vòng và nhẫn. Becky quay sang hầu tước Steyne:

- Em vô tội… Ngài nói hộ rằng em vô tội đi.

Cho là hai vợ chồng bày mưu cho mình vào bẫy, lão tức cả vợ lẫn chồng tưởng phát điên lên được. Lão gầm lên:

- Vô tội à? Đồ khốn nạn! Chị mà vô tội? Thế những đồ trang sức chị đeo trên mình kia, ai bỏ tiền ra mua? Tôi đã cho chị hàng nghìn đồng đem về cho chồng tiêu, như thế là hắn đã bán chị lấy tiền. Còn mở mồm nói là vô tội!? Chị cũng vô tội như mẹ chị xưa kia làm nghề vũ nữ, vô tội như thằng chồng mạt hạng của chị ấy. Đừng tưởng doạ được tôi như doạ người khác. Đứng tránh ra thưa ngài, cho tôi đi.

Nói đoạn hầu tước Steyne cầm lấy mũ, đôi mắt dữ tợn như toé ra những tia lửa nhìn trừng trừng vào mặt địch thủ; lão tiến thẳng về phía Rawdon, đinh ninh rằng thế nào anh cũng phải nhượng bộ.

Nhưng Rawdon nhảy xổ lại, tóm chặt lấy cổ áo của lão; hầu tước Steyne suýt nghẹt thở cố giẫy giụa và ngã khuỵu xuống dưới cánh tay anh ta.

Rawdon quát:

- Mày nói láo, đồ con chó! Mày nói láo, mày là đồ hèn nhát, đồ khốn nạn!

Anh ta tát hai cái liền thật mạnh vào mặt lão hầu tước, rồi hất lão ngã kềnh ngồi xuống sàn nhà, mép ứa máu tươi. Việc xảy ra nhanh quá, Becky không kịp can thiệp. Cô ta run bần bật cả chân tay; tuy sợ, nhưng cô ta cũng phục chồng là khoẻ và can đảm đã thắng được kẻ tình địch. Rawdon ra lệnh:

- Lại đây, Becky lại ngay. Lột hết những thứ này ra.

Becky run lẩy bẩy bắt đầu tháo hết cả vòng xuyến nhẫn, thành một vốc, bưng lên tay đứng nhìn chồng chờ lệnh.

Anh chồng quát:

- Vứt xuống đất.

Cô vợ vứt xuống đất. Rawdon giật đứt tung sợi dây chuyền kim cương trên ngực vợ ném về phía hầu tước Steyne. Viên kim cương văng mạnh trúng cái trán hói của lão làm chảy máu tươi.

Cho đến chết lão vẫn còn đeo trên trán cái sẹo ấy. Rawdon quát vợ:

- Đi lên gác.

Becky nói:

- Xin mình đừng giết em.

Anh chồng cười dữ tợn:

- Tôi cần xem chuyện tiền nong thằng kia nói đúng hay sai. Nó có cho cô tiền bao giờ không?

Rebecca đáp:

- Không nghĩa là…

- Đưa chìa khoá đây.

Hai vợ chồng cùng lên gác. Rebecca đưa hết chìa khoá cho chồng, nhưng giữ lại một cái, hy vọng rằng chồng không kịp nhận ra cái chìa khoá còn thiếu. Đó là chìa khóa dùng để mở một cái két nhỏ của Amelia tặng hồi trước; cô ta vẫn giấu kín một chỗ. Nhưng Rawdon lục tung tất cả hòm xiểng, tủ áo, vứt tung quần áo và đồ vật đựng ở trong ra, cuối cùng anh ta vớ được cái két.

Chị vợ đành phải lôi chìa khoá ra mở. Trong két đựng nhiều giấy má, những bức thư tình hàng chục năm về trước cùng đủ mọi thứ đồ lặt vặt của đàn bà. Lại có cả một cái ví đựng toàn ngân phiếu; nhiều tờ đề ngày cách đã mười năm; nhưng có một tờ mới nguyên… đó là tờ ngân phiếu một nghìn đồng của hầu tước Steyne vừa cho cô ta. Rawdon nói:

- Của nó cho cô đây?

Rebecca đáp:

- Vâng.

Rawdon lại nói:

- Tôi sẽ gửi trả nó hôm nay (Lúc này trời vừa tang tảng sáng; cuộc lục soát đã kéo dài mấy tiếng đồng hồ liền); tôi sẽ trả tiền công bà Briggs, bà ấy vẫn săn sóc thằng bé chu đáo, và trả vài món nợ. Số còn lại, cô sẽ cho tôi biết gửi về đâu để trả lại cô. Becky, ngần này tiền mà không bớt ra được một trăm đồng cho tôi à?… Xưa nay tôi kiếm được tiền cô vẫn tiêu chung.

Becky vẫn một mực:

- Mình ơi, em vô tội.

Rawdon không nói gì, bỏ đi.

Không biết chồng đi rồi Becky nghĩ gì? Cô ta ngồi

lặng yên mấy tiếng đồng hồ liền; ánh nắng đã toả vào căn phòng. Becky vẫn ngồi ở mép giường. Ngăn kéo tủ còn để ngỏ, đồ vật vứt ngổn ngang… nào quần áo, nào khăn quàng, nào đồ trang sức, một đống các thứ chất bề bộn. Mớ tóc rối tung buông xoã xuống hai vai; ngực áo bị Rawdon xé toang lúc giật sợi dây chuyền kim cương. Vài phút sau khi Rawdon ra khỏi phòng. Becky nghe tiếng chồng xuống thang gác, rồi có tiếng đóng sầm một cái. Cô ta hiểu rằng không bao giờ chồng trở lại nữa. Thế là hết hẳn tình nghĩa rồi, Becky nghĩ thầm: "Hay là anh ấy đi tự tử?… Nhưng chưa gặp lại hầu tước Steyne thì chưa chịu chết đâu. Cô ta nhớ lại quá khứ dài dằng dặc của mình, bao nhiêu chuyện ghê gớm đã xảy ra. Ôi? Một cuộc đời mới buồn tẻ, trơ trọi làm sao! Rút cục thế là công toi. Hay là uống phăng một liều thuốc độc mà từ giã cõi đời cho rảnh… Bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu cơ mưu, bao nhiêu phen lên voi xuống chó, bây giờ còn gì nữa đâu? Chị hầu gái người Pháp bước vào phòng vẫn thấy chủ ngồi lặng lẽ giữa đống đồ vật ngổn ngang, mắt ráo hoảnh, hai tay chắp lại, chị ta được hầu tước Steyne cho tiền, vẫn a tòng với chủ, bây giờ mới lên tiếng:

- Trời đất ơi! Thưa bà, có chuyện gì vậy?

Lại còn chuyện gì nữa? Becky có tội hay không? Cô ta nói rằng không, nhưng cái mồm ấy quen nói xoen

xoét biết là nói thật hay nói dối. Hoặc giả, riêng trong trường hợp này, con người xấu xa ấy quả là vô tội chăng? Chỉ biết rằng bao nhiêu cơ mưu trí tuệ, bao nhiêu công lao vơ vét ích kỷ, rút cục xôi hỏng bỏng không. Chị hầu gái kéo rèm cửa, lấy giọng ngọt ngào khẩn khoản xin bà chủ đi nằm nghỉ một chút. Đoạn chị ta xuống nhà nhặt nhạnh tất cả các vật trang sức vẫn còn tung toé trên mặt sàn – theo lệnh chồng, Rebecca vứt lại đó nhưng hầu tước Steyne bỏ về không thèm lấy lại.

CHƯƠNG LIV
NGÀY CHỦ NHẬT SAU CUỘC XÔ XÁT

Trong toà lâu đài của tôn ông Pitt Crawley ở phố Greet Gaunt, người ta vừa sửa soạn đón chào ngày chủ nhật thì thấy Rawdon mò đến; trên người vẫn đeo bộ áo dạ hội đã hai ngày, anh ta lững thững đi qua mặt mấy người đầy tớ gái nhút nhát đang lau cầu thang rồi trèo thẳng lên phòng làm việc của anh trai. Công nương Jane đã dậy rồi, đang bận bảo người nhà tắm rửa mặc áo cho các con, và cầu kinh buổi sáng với mấy đứa trẻ. Sáng nào công nương Jane cũng cầu nguyện riêng với các con trong phòng trước khi dự buổi lễ kính chúa chính thức cùng toàn thể gia nhân trong nhà, do Pitt chủ toạ. Rawdon ngồi vào bàn làm việc của anh trai; mặt bàn toàn những sách và thư từ xếp ngăn nắp, cùng những hoá đơn, những bài xã thuyết, những sổ kế toán, những gói tài liệu sắp gửi đi tất cả hãy sẵn sàng, như chỉ chờ ông chủ đến kiểm tra lại. Trên bàn còn để sẵn một cuốn kinh của gia đình tức là cuốn sách ngày chủ nhật nào Pitt cũng dùng để giảng đạo cho mọi người trong gia đình nghe. Cạnh cuốn sách đạo, là tờ báo "Người quan sát, gấp cẩn thận, tờ báo này dành riêng cho tôn ông Pitt đọc". Bác hầu phòng lúc vắng chủ đã lợi dụng cơ hội

liếc qua tờ báo một lượt, trước khi mang vào đặt trên bàn giấy; sáng nay bác sẽ thấy báo đăng bài "Dạ hội tại lâu đài Gaunt", với tên đủ các vị tai mắt được hầu tước Steyne mời tham dự cùng Hoàng tử. Trong lúc cùng ngồi uống trà và ăn bánh phết bơ buổi sáng sớm trong phòng ngủ của Crawley phu nhân đã quá cố, bác đã lên tiếng bình luận về cuộc dạ hội này với bà quản gia và cô cháu gái của bà này. Họ lấy làm lạ không biết làm thế nào mà vợ chồng Crawley len lỏi vào tận nơi ấy được; đoạn bác hầu phòng gấp trả tờ báo thật cẩn thận trông như mới, rồi đem vào cho chủ.

Anh chàng Rawdon đáng thương cầm tờ báo đọc cho qua thì giờ trong khi chờ anh trai, nhưng thấy những dòng chữ cứ như múa lên trước mặt. Tuy nhiên vẫn đọc mà anh ta chẳng hiểu gì cả. Báo đăng đủ các thứ tin tức: những việc tuyển bổ của chính phủ (tôn ông Pitt là một chính khách cần đọc những tin tức loại này, nếu không thì những tờ báo xuất bản ngày chủ nhật đừng hòng lọt vào nhà anh ta), những bài phê bình sân khấu, cuộc đấu quyền anh hạng nặng giữa võ sĩ Barking Butcher và Tutbury Pet, bài phóng sự về cuộc dạ hội tại lâu đài Gaunt trong đó người viết nhiệt liệt ca tụng mấy màn kịch đố chữ mà Becky là diễn viên xuất sắc nhất… Song Rawdon như bị một màn sương phủ kín mắt chẳng nhìn

thấy gì trong suốt thời gian ngồi chờ anh trai đến.

Chiếc đồng hồ bằng đá đen treo trong phòng làm việc ngân nga đúng chín tiếng thì Pitt bước vào, mày râu nhẵn nhụi, y phục chỉnh tề, cổ áo là cứng, mớ tóc thưa thớt trên đầu bôi dầu chải mượt; anh ta bận một tấm áo ngủ bằng len màu xám, và thắt một chiếc cà vạt hồ cứng, bệ vệ bước xuống thang gác… tóm lại trông ra ra là một ông quý tộc dòng dõi con nhà… có thể nói là một điển hình của sự ăn vận chỉnh tề chải chuốt. Thấy em trai ngồi trong phòng, quần áo xộc xệch, mắt đỏ ngầu, tóc rối bù xoã xuống mặt, Pitt giật nảy mình. Anh ta tưởng em trai say rượu, chắc suốt đêm qua lại trác táng ở đâu. Pitt lạnh lùng hỏi:

- Trời ạ, Rawdon, mới sáng bảnh mắt ra chú đã mò đến có việc gì thế? Sao không về nhà.

Rawdon cười gằn, đáp:

- Về nhà!… Pitt, anh đừng sợ, tôi không say rượu đâu. Đóng cửa lại, tôi muốn nói với anh một câu chuyện.

Pitt khép cửa lại, rồi đến cạnh bàn giấy ngồi xuống một chiếc ghế bành… chiếc ghế kê sẵn đành riêng cho quản lý, thầy kiện hoặc khách khứa đặc biệt có việc giao thiệp riêng với nam tước… anh ta lại tiếp tục ra sức mà giũa móng tay.

Ông em trung tá yên lặng một lúc rồi lên tiếng:

- Anh Pitt, tôi gặp chuyện không hay, thế là hỏng hết mọi sự.

Pitt bực mình đáp, vừa gõ gõ mấy ngón tay vừa giũa sạch lên mặt bàn:

- Tôi đã bảo chú hàng nghìn lần, là thế nào rồi cũng đến cơ sự này mà. Tôi không giúp được chú nữa đâu. Tiền tôi dùng vào việc cả rồi. Số tiền một trăm đồng Jane đứa chú hôm qua, sáng hôm nay tôi phải trả cho thầy kiện, đang lo không biết đào đâu ra bây giờ đây. Không phải là tôi không muốn giúp chú trong cơn hoạn nạn, nhưng trả hết nợ cho chú thì chịu, chả khác gì muốn trả hết nợ cho Nhà nước vậy. Có hoạ là điên cuồng rồ dại thì mới tính đến chuyện ấy. Bây giờ chú phải điều đình với họ đi, cũng xấu hổ cho gia đình nhà ta thật đấy… nhưng thiên hạ thế cả. Tuần lễ trước, George Kitely là con trai bá tước Ragland cũng bị ra toà, nhưng được điều đình với chủ nợ, thế cũng chả mang tiếng mang tăm gì. Bá tước Ragland chẳng phải trả một đồng xu nào cho con hết, mà…

Rawdon ngắt lời:

- Không phải là tôi cần tiền. Tôi không đến xin anh giúp tôi tiền. Anh không cần quan tâm đến chuyển tôi…

Pitt hơi yên tâm hỏi:

- Vậy thì có việc gì?

Rawdon nghẹn ngào đáp:

- Về việc thằng cháu; xin anh hứa với tôi rằng khi tôi đi rồi thì anh sẽ trông nom cháu cẩn thận giúp. Chị ấy tốt lắm, vẫn thương cháu như con; mà nó cũng quý bác gái nó hơn… Mẹ kiếp… Đây này, anh Pitt… anh cũng biết đáng lẽ tôi được hưởng gia tài của bà Crawley. Từ nhỏ tôi không được tập sống thiếu thốn như người con thứ không có quyền hưởng gia tài; trái lại, người ta khuyến khích tôi lười biếng và phá của. Nếu không vì thế thì tôi cũng thành được người đứng đắn. Nhưng tôi làm nhiệm vụ trong quân đội cũng không đến nỗi tồi quá. Anh đã rõ vì sao tôi mất phần gia tài, mà nó rơi vào tay ai chứ?

Pitt đáp:

- Tôi đã hy sinh cho chú rất nhiều, và tôi đã cư xử với chú, nâng đỡ chú ra sao, thiết tưởng chú chẳng nên trách móc tôi mới phải. Việc vợ con là tự chú, đâu phải tại tôi.

Rawdon vừa rên rỉ vừa đáp:

- Vợ con gì nữa, thế là hết rồi.

Ông anh trai giật nảy mình:

- Trời đất ơi! Thím ấy mất rồi ư? Giọng nói của Pitt có vẻ hoảng hốt và thương cảm thật sự.

Rawdon đáp:

- Chính tôi đang muốn chết đây. Nếu không vướng thằng Rawdy thì sáng nay tôi cứa cổ chết quách và cắt đứt họng cả cái thằng khốn nạn kia nữa rồi. Pitt đoán ra ngay sự thể: ý hẳn ông em muốn giết chết lão Steyne đây.

Rawdon kể lại vắn tắt câu chuyện cho anh nghe, giọng nói đứt quãng vì xúc động. Anh ta thêm:

- Thì ra hai đứa nó bày mưu tính kế với nhau anh ạ. Chúng nó cho bọn công sai bắt tôi; tôi vừa ra khỏi nhà thằng kia là bị tóm ngay. Tôi viết thư cho con kia, nó bảo đang bị sốt, không đi được, hẹn đến hôm khác. Thế là tôi về nhà thấy nó đeo vàng ngọc đầy người ngồi tình tự với thằng khốn nạn.

Đoạn anh chàng kể tóm tắt cuộc xô xát với hầu tước Steyne, nói thêm rằng đối với vấn đề này chỉ còn có một cách giải quyết. Sau khi gặp Pitt, anh ta sẽ đi lo thu xếp cuộc gặp gỡ với kẻ tình địch.

Rawdon nghẹn ngào tiếp: "Rất có thể kết quả là tôi sẽ bị hại, cháu nó có mẹ cũng như không, tôi đành nhờ anh

và chị Jane trông nom hộ. Pitt… nếu được anh hứa săn sóc cháu chu đáo, tôi không còn ân hận gì nữa.

Ông anh cảm động quá bắt tay em trai một cách thân mật ít thấy. Rawdon đưa tay lên chùi nước mắt, nói:

- Cảm ơn anh, tôi biết có thể tin lời anh hứa được.

Pitt đáp:

- Xin lấy danh dự mà thề với chú, tôi sẽ giữ lời hứa.

Thế là hai anh em thoả thuận với nhau xong xuôi. Bấy giờ Rawdon mới rút trong túi ra chiếc ví tìm thấy trong cái két của Becky; anh ta rút ra một xếp giấy bạc, nói:

- Chỗ này là sáu trăm đồng… chắc anh không ngờ tôi giầu thế nhỉ… Nhờ anh trả lại cho bà Briggs số tiền tôi vay từ lâu… bà ấy trông nom thằng cháu cẩn thận lắm… bắt buộc phải tiêu tiền của người đàn bà khốn khổ ấy, tôi vẫn lấy làm ngượng. Còn chỗ này để trả lại cho Becky, có lẽ nó cũng cần ít nhiều… tôi chỉ giữ vài đồng thôi.

Vừa nói Rawdon vừa cầm nốt chỗ tiền còn lại trao cho anh, nhưng bàn tay anh ta run lẩy bẩy, đánh rơi cả cái ví xuống đất; tờ ngân phiếu một nghìn đồng là món tiền bất hạnh cuối cùng của Becky kiếm được bỗng rơi ra…

Pitt cúi xuống nhặt, ngạc nhiên thấy em có lắm tiền

quá.

Rawdon bảo:

- Không phải tờ ấy, tôi đang muốn bắn vỡ sọ cái thằng có tờ ngân phiếu ấy đây.

Anh ta định tâm lấy tờ ngân phiếu bọc viên đạn để bắn chết lão Steyne.

Chuyện trò xong, hai anh em lại bắt tay nhau một lần rồi cùng nhau từ biệt. Công nương Jane được tin em chồng đến chơi đã đứng chờ chồng trong gian phòng ăn bên cạnh; linh tính sáng suốt của đàn bà báo cho cô ta biết rằng có chuyện gì không hay đây. Cửa phòng ăn ngẫu nhiên vẫn mở, nên lúc hai anh em từ trong phòng làm việc bước ra thì cũng vừa gặp công nương Jane. Cô ta chìa tay cho Rawdon bắt, tỏ ý muốn mời Rawdon ở lại ăn sáng; nhưng nhìn bộ mặt bơ phờ, râu ria không cạo của em chồng và vẻ mặt rầu rầu của chồng, cô ta cũng hiểu rằng lúc này họ không lòng nào nghĩ đến chuyện ăn uống với nhau, Rawdon lúng búng kiếm cớ có việc bận để từ chối rồi nắm thật chặt bàn tay của người chị dâu rụt rè đưa ra. Đôi mắt đầy khẩn cầu của công nương Jane không nhận thấy gì trên nét mặt Rawdon ngoài sự đau khổ tột độ: anh ta không nói thêm điều gì, ra đi. Pitt cũng không giải thích cho vợ biết thêm điều gì.

Hai đứa con đến chào bố, Pitt cúi xuống lạnh lùng hôn chúng như thường lệ. Người mẹ kéo sát hai con vào lòng, nắm chặt lấy tay chúng, hai đứa nhỏ quỳ xuống nghe Pitt đọc kinh: bọn gia nhân bận chế phục ngày chủ nhật ngồi sắp hàng trên dãy ghế bên kia bình, nước trà đang sôi réo lên. Vì câu chuyện vừa rồi, nên hôm ấy ăn sáng muộn hơn mọi ngày; mọi người mới ngồi vào bàn mà đã nghe tiếng chuông nhà thờ đổ hồi. Công nương Jane bảo rằng mình khó ở, không đi lễ nhà thờ được; ngay lúc cả nhà đang cầu kinh, tâm trí cô ta vẫn vất vưởng đâu đây.

Trong khi đó Rawdon Crawley rảo bước khỏi phố Greet Gaunt, đến thẳng cổng lâu đài Gaunt, cầm cái cán bằng đồng đen hình đầu Medusa[75], nện một tiếng chuông thật mạnh. Lão Silenus[76] mũi cà chua bận bộ chế phục màu đỏ ánh bạc, giữ nhiệm vụ gác cổng vội chạy ra. Thấy bộ dạng xốc xếch của anh chàng trung tá, lão hoảng quá vội đứng chắn ngang cổng, sợ anh ta cố tình len vào trong nhà.

Nhưng Crawley chỉ móc trong túi ra một tấm danh thiếp bảo lão đưa tận tay cho hầu tước Steyne, và bảo chủ nhớ kỹ địa chỉ viết trong giấy, lại nói thêm rằng từ một giờ trưa lúc nào trung tá Crawley cũng có mặt tại quán rượu Nhiếp chính, phố St. James, chứ không ở

nhà. Đoạn anh ta rảo bước đi; lão gác cổng bép phị đứng đờ người ngó theo; khách qua đường "lên khung" ngày chủ nhật đi chơi sớm, nhìn anh ai cũng lấy làm lạ, cả mấy thằng bé ăn mày mặt nhớp nháp mồ hôi, bác chủ tiệm hoa quả đang đứng chơi trước cửa và lão chủ quán đang hạ rèm cửa che ánh nắng để sửa soạn tiếp khách.

Họ ra vẻ giễu cợt cách ăn mặc của Rawdon, nhưng anh ta mặc kệ, gọi một cái xe ngựa bảo đánh thẳng đến trại lính ở Knightsbridge.

Vừa đến trại lính thì nghe thấy tiếng chuông lễ đổ hồi. Giá lúc ngồi xe anh ta nhìn ra đường thì đã gặp người quen là Amelia, cô đi từ Brompton đến khu phố Russell. Từng đoàn học trò sắp hàng đi lễ nhà thờ; hè phố sạch bóng đầy những người đi chơi ngày chủ nhật; họ chen chúc nhau trên xe ngựa đi về phía ngoại ô thành phố.

Nhưng nào viên trung tá có dịp để ý đến những chuyện ấy; đến Knightsbridge, anh ta vội vã vào thẳng phòng riêng của người bạn đại uý Macmurdo; thấy bạn có nhà, Crawley mừng quá. Macmurdo là một sĩ quan kỳ cựu, đã từng chiến đấu ở Waterloo, được anh em trong trung đoàn rất mến; chỉ vì không có tiền nên không có cách nào leo lên chức cao hơn; anh ta đang bình tĩnh nằm ngủ trưa trên giường. Đêm trước Mac vừa dự buổi đại tiệc do đại uý George Cinqbars thết tại nhà

riêng ở công viên Brompton; bữa tiệc có cả một số sĩ quan trẻ tuổi trong trung đoàn đến dự cùng mấy cô trong đội vũ Ba-lê. Mac quen đi lại thân mật với đủ mọi hạng người thuộc đủ mọi lứa tuổi, từ các vị tướng tá đến các ông lái chó, các chị vũ nữ cũng như các võ sĩ quyền Anh và các loại người linh tinh khác; sau một đêm vất vả, lại không bận công vụ, anh ta bèn lên giường nằm khểnh.

Quanh phòng của Mac treo toàn những tranh vẽ cảnh đấu quyền Anh, cảnh đi săn nhảy múa; đó là tặng vật của các bạn đã giải ngũ về cưới vợ để sống thột cuộc đời bình lặng. Năm nay Mac gần năm mươi tuổi đã từng sống hai mươi bốn năm trời trong quân đội, cho nên anh ta có một bộ tranh khá lý thú. Mac là một tay súng vào bậc cừ nhất nước Anh; tuy vóc người phục phịch nhưng cũng là một tay kỵ mã có tài. Hồi Crawley chưa giải ngũ, hai người vẫn cưỡi ngựa thi với nhau. Macmurdo đang nằm dài trên giường đọc một bài báo đăng tin cuộc tỉ thí giữa hai võ sĩ Tutbury Pet và Barking Butcher; trông anh ta rõ ra là một chiến sĩ hiên ngang, với bộ tóc cắt ngắn điểm hoa râm lộ ra dưới chiếc mũ ngủ bằng lụa, với bộ mặt và cái mũi đỏ ửng, điểm hàng ria mép rậm rịt nhuộm đen. Nghe Rawdon nói cần một người bạn, anh chàng đại uý hiểu ngay anh này đang cần mình giúp việc

gì, bởi vì anh đã có dịp giúp bạn bè công việc tương tự hàng chục lần một cách hết sức chu đáo. Cái hồi ngài Hoàng tử còn chỉ huy trung đoàn, ngài đã có dịp khâm phục tài năng của Macmurdo trong một trường hợp giống như thế, bè bạn gặp chuyện gay go cần giải quyết đều tìm đến anh ta nhờ lo hộ.

Nhà chiến sĩ lão luyện hỏi han:

- Thế nào Crawley, cu cậu lại có vấn đề gì thế. Không phải vì chuyện đánh bạc, như hồi chúng mình bắn chết đại uý Marker chứ?

Crawley đỏ mặt nhìn xuống đáp:

- Lần này là chuyện… chuyện con vợ mình.

Chàng kia huýt một tiếng sáo, nói:

- Tớ đã bảo thế nào rồi cũng có ngày rắc rối, y như rằng.

Thật ra trong trung đoàn và trong câu lạc bộ, đã nhiều người đánh cuộc với nhau thế nào Rawdon Crawley cũng bị mọc sừng, vì bè bạn của anh ta cũng như tất cả mọi người đều cho Rebecca là người không đứng đắn. Nhưng mới nói thế đã thấy Rawdon đưa đôi mắt dữ tợn nhìn mình, Mac không dám đi sâu thêm vào câu chuyện.

Lấy giọng đứng đắn, anh chàng đại uý hỏi tiếp:

- Thế không còn cách nào giải quyết nữa à? Cậu mới nghi ngờ thôi chứ gì?… hay là… thế nào? Có bắt được thư từ gì không? Liệu có ỉm đi cho xong được không? Về những chuyện ấy, tốt nhất là đừng "vạch áo cho người xem lưng", cậu ạ.

Macmurdo nghĩ thầm: "Đến tận bây giờ thằng cha mới biết sự thực… Anh ta nhớ lại những chuyện bè bạn bàn tán hàng trăm lần quanh bàn ăn về tư cách không ra gì của vợ Crawley.

Rawdon đáp:

- Chỉ có mỗi một cách giải quyết… Đối với những người như bọn mình, đó là cách duy nhất. Mac… anh hiểu chứ? Chúng nó cho bắt giam mình lại để tự do với nhau; thế rồi mình tóm được quả tang hai đứa ngồi tình tự. Mình mắng vào mặt thằng kia là đồ dối trá, đồ hèn nhát, và quai cho một trận cẩn thận.

Macmurdo nói:

- Đánh bỏ mẹ nó đi! Đứa nào thế?

Rawdon đáp là hầu tước Steyne.

- Chết cha? Một ông hầu tước? Họ đồn rằng lão… nghĩa là họ đồn rằng chính cậu…

Rawdon gầm lên:

- Cậu nói cái quỷ gì đấy? Cậu nghe thấy có đứa đồn rằng vợ tớ ngoại tình mà cậu lờ đi không bảo tớ phải không, Mac?

Ông bạn đáp:

- Thiên hạ chúng nó thối mồm lắm. Những chuyện bọn vô công rồi nghề tán láo, nói lại với cậu làm gì?

- Mac, cậu thật không tốt tí nào.

Rawdon giận quá. Anh ta đưa hai tay lên ôm mặt trông cực kỳ thê thảm, khiến cho ông bạn quân nhân lòng dạ sát đá ngồi trước mặt cũng phải mủi lòng. Mac nói.

- Can đảm lên cậu. Phen này lão có là giời con cũng phải xơi một viên đạn vào đầu. Còn cái bọn đàn bà, chúng nó đứa nào chả thế.

Rawdon gần như nghẹn ngào đáp:

- Cậu không biết, mình yêu nó đến thế nào; mình theo nó ngoan ngoãn như một thằng hầu; mình có gì cũng cho nó hết. Chỉ vì lấy nó mà mình bị nghèo khó như thằng ăn mày. Thật đấy, mình đã bán cả đồng hồ đi để sắm sửa cho vừa lòng nó. Thế mà nó… lúc nào cũng chỉ lo gây vốn riêng; mình bị tù mà nó không chịu bỏ ra

lấy một trăm đồng để cứu mình.

Rawdon kể lại đầu đuôi câu chuyện cho bạn nghe, giọng nói giận dữ, đứt quãng; chưa bao giờ Mac thấy bạn xúc động dữ dội đến thế. Anh ta lựa lời khuyên giải bạn:

- Dẫu sao đi nữa, vợ cậu có thể vẫn là vô tội. Chị ấy nói thế cơ mà; xưa nay Steyne vẫn ngồi chơi một mình với vợ cậu hàng bao nhiêu bận, có sao đâu.

Rawdon buồn rầu đáp:

- Cũng có thể; nhưng có cái này thì còn vô tội làm sao được…

Anh ta đưa cho bạn xem tờ ngân phiếu một nghìn đồng tìm thấy trong ví của Becky.

- Mac ạ, của thằng kia cho nó đấy. Thế mà nó giấu không cho mình biết. Có ngần này tiền trong túi mà không chịu cứu mình khỏi bị ở tù.

Anh chàng đại uý đành công nhận rằng cái việc giấu giếm tiền nong này xem ra cũng có vẻ khả nghi lắm.

Trong khi hai người nói chuyện với nhau, Rawdon sai người hầu của đại uý Macmurdo lại phố Curzon, bảo người nhà trao cho chiếc va-ly đựng quần áo của mình để lấy đồ thay ngay. Trong lúc ngồi chờ, Rawdon và bạn

hì hục tra cuốn từ điển Johnson để thảo một bức thư gửi cho hầu tước Steyne: "*Đại uý Macmurdo, đại diện cho trung tá Crawley, có hân hạnh được hầu tiếp hầu tước Steyne, xin báo cùng ngài rằng đại uý đã được trung tá giao cho toàn quyền sắp đặt cuộc gặp gỡ mà chắc hầu tước cũng đòi hỏi phải có, đồng thời cũng không thể không có được vì câu chuyện xảy ra đêm qua*".

Một cách hết sức lễ độ, đại uý Macmurdo yêu cầu hầu tước Steyne chỉ định một người để tiếp xúc với mình, lại ngỏ ý hy vọng cuộc gặp gỡ sẽ được ấn định sớm chừng nào hay chừng ấy.

Trong giai đoạn tái bút, viên đại uý viết rằng mình "*Hiện đang giữ một tờ ngân phiếu có ghi một số tiền rất lớn, mà trung tá Crawley có nhiều lý do để đoán rằng thuộc về hầu tước Steyne*". Anh ta rất mong được thay mặt trung tá Crawley trao tờ ngân phiếu lại cho người có của.

Đang khi bận thảo nốt lá thư thì thằng hầu được Crawley sai sang phố Curzon trở về, nhưng không mang theo va-ly hoặc áo sống gì hết; coi bộ nó bối rối lúng túng quá. Nó nói:

- Họ không chịu giao cho cháu. Nhà cửa trông tan hoang cả, cứ lộn bậy cả lên. Ông chủ nhà đến ngồi đấy, nhất định đòi giữ hết đồ vật lại. Bọn người làm đang nốc

rượu với nhau trong phòng khách. Họ bảo rằng… Thưa trung tá, họ bảo rằng ngài đã mang bộ đồ ăn bằng bạc chuồn đi rồi…

Ngừng một lát, nó nói tiếp:

- Một người làm đã bỏ đi mất. Bác Simpson nốc rượu say tuý luý hò hét ầm lên, bảo rằng hễ không trả tiền công cho bác ta thì đừng có hòng mang cái gì ra khỏi nhà.

Cuộc nổi loạn ở May Fair làm cho Rawdon ngạc nhiên, nhưng cũng khiến cho không khí bớt buồn bã vì câu chuyện trao đổi vừa rồi. Hai viên sĩ quan cùng buồn cười vì nỗi Rawdon bị cụt hứng.

Rawdon cắn móng tay nói:

- May quá, thằng bé lại không có nhà. Mac, Anh còn nhớ nó không, cái hồi ở Trường huấn luyện kỵ mã ấy mà? Nó cưỡi ngựa khéo đấy chứ?

Viên đại uý vui tính đáp:

- Phải, khéo lắm.

Lúc ấy thằng Rawdy đang ngồi giữa đám năm mươi mấy đứa học trò trong thánh đường của Trường thầy dòng áo trắng. Nó không để tai nghe giảng đạo, vì nó đang bận tâm nghĩ đến chuyện về thăm nhà chiều thứ

bảy sắp tới; chắc thế nào bố nó cũng cho tiền tiêu, có khi lại cho đi xem hát nữa.

Ông bố vẫn mơ màng đến con trai, lại nói:

- Thằng bé ngoan ngoãn quá. Này Mac, nếu vạn nhất có chuyện không may… nếu tôi bị… thì nhờ anh… nhờ anh đến tìm cháu hộ nhé. Anh bảo rằng tôi quý nó lắm và… Đây này… anh đưa hộ tôi cho nó hai cái khuy áo bằng vàng; tôi chỉ còn có thế thôi.

Anh ta đưa hai bàn tay đen bẩn lên ôm lấy mặt, những giọt nước mắt chảy xuống từng vệt trắng, Macmurdo cũng có dịp kéo chiếc mũ ngủ bằng lụa chùi mắt. Rồi anh to tiếng vui vẻ gọi người hầu.

- Xuống bảo làm cái gì ăn. Ăn gì nào Crawley, bồ dục và cá thu nhé.. Clay, soạn một bộ quần áo đưa ngài trung tá thay; hai thằng chúng mình cùng to béo nhỉ; thế mà trong quân đội ít người ăn đứt được cánh mình về khoa cưỡi ngựa đấy.

Đoạn anh ta quay mặt vào tường đọc nốt tờ báo bỏ dở để Rawdon thay quần áo cho tự nhiên; chờ bạn mặc áo xong, anh ta mới dậy thay quần áo của mình.

Vì sắp sửa giáp mặt vị hầu tước nên đại uý Macmurdo ăn bận chải chuốt lắm. Anh ta lấy sáp vuốt bộ râu cho bóng, thắt một chiếc "nơ" hồ cứng và khoác một tấm áo

da thật đẹp. Trông Mac bảnh bao quá đến nỗi bọn sĩ quan trẻ tuổi trong quán ăn nhà binh thấy anh ta cùng Crawley xuống ăn sáng hỏi đùa có phải hôm nay chủ nhật, anh ta định đi cưới vợ hay không?

CHƯƠNG LV
VẪN CÂU CHUYỆN CŨ

Becky tuy gan góc, thế mà những việc xảy ra đêm hôm trước cũng làm cho cô ta bàng hoàng bối rối không tĩnh trí lại được; mãi tới lúc chuông nhà thờ ở phố Curzon điểm giờ cầu nguyện buổi trưa, cô ta mới ngồi dậy kéo chuông gọi chị hầu gái người Pháp; chị này đi biệt đâu mất đã mấy tiếng đồng hồ rồi.

Kéo chuông mãi cũng chẳng thấy ai trả lời, lần cuối cùng Becky giật mạnh quá làm đứt cả dây chuông, mà cũng chẳng thấy mặt cô Fifine đâu… Bà chủ bực mình quá, cứ để nguyên mớ tóc rối bung xoã xuống vai, tay vẫn còn nắm cái dây chuông, chạy ra đầu cầu thang gọi ầm lên mấy bận, cũng vô hiệu.

Có gì đâu, thì ra cô Fifine đã đánh bài chuồn từ mấy giờ trước, nghĩa là "*từ biệt kiểu Pháp*" như người ta thường nói[77]. Sau khi đã nhặt nhạnh mớ đồ trang sức rơi tung vãi trong phòng khách, cô nương Fifine bèn lên phòng mình thu xếp quần áo buộc lại cẩn thận, đoạn không phiền đến các bạn đồng nghiệp trong nhà phải giúp đỡ, mà nếu có nhờ, chưa chắc họ đã mang giúp, vì đối với cô nương họ vẫn bằng mặt mà chẳng bằng lòng, và cũng không chào hỏi ai, cô nương từ biệt phố Curzon

biến thẳng.

Theo ý cô, canh bạc trong nhà này thế là tàn rồi. Fifine lên xe ngựa tếch thẳng một mạch, y như ta đã từng biết vô khối các vị tai mắt người Pháp cũng hành động tương tự như thế. Có điều nhờ khôn ngoan và may mắn hơn, cho nên không những cô mang theo hành lý của mình mà còn nẫng được ít đồ vật của bà chủ (nếu có thể nói rằng bà chủ còn có đồ vật trong nhà)… ngoài món đồ trang sức chúng ta đã biết, cô còn vớ được một mớ quần áo đáng tiền mà cô vẫn để mắt từ lâu, bốn cây đèn kiểu Louis mười bốn mạ vàng rất đẹp, sáu tập sách bìa mạ vàng, mấy tập lưu niệm, một cuốn "*Bí quyết giữ sắc đẹp*", một chiếc hộp đựng thuốc lá nạm vàng trước kia là của du Barri phu nhân, một lọ mực rất xinh có nạm ngọc trai mọi khi Becky vẫn dùng để viết những phong thư tình màu hồng.

Tất cả những thứ ấy cùng biến đi một lúc với cô nương Fifine, đồng thời với bộ đồ ăn bằng bạc dọn trong bữa tiệc[78] đêm qua bị Rawdon phá bĩnh. Công nương chỉ để lại một ít bát đĩa thường dùng, có lẽ vì quá cồng kềnh, cũng vì lý do ấy, cô không mang theo que cời lửa bằng sắt, mấy tấm kính trên lò sưởi và cây dương cầm bằng gỗ hồng.

Ít lâu sau ở phố Helder, Paris, người ta thấy có một

người giống hệt cô Fifine đứng chủ một cửa hiệu trang sức. Cửa hàng rất được tín nhiệm, bà chủ hiệu được hầu tước Steyne nâng đỡ rất nhiều. Hễ nhắc đến nước Anh, y như người đàn bà này than thở rằng dân nước ấy xảo quyệt nhất thế giới; bà này kể chuyện với mấy cô học việc rằng mình đã bị người Anh lừa cho một vố tàn hại[79]. Có lẽ vì thương bà ta gặp phải cảnh không may nên hầu tước Steyne mới đặc biệt có cảm tình với bà de Saint-Amaranthe chăng.

Thôi thì chúc bà làm ăn phát đạt cho xứng với bà… chúng ta cũng chẳng còn gặp lại bà trong chốn Hội chợ phù hoa này nữa.

Thấy dưới nhà có tiếng ầm ầm mà bọn đầy tớ láo xược không đứa nào thèm lên tiếng trả lời, Becky giận quá, bèn khoác tạm tấm áo tắm vào người, đường hoàng xuống thang gác bước vào phòng khách xem có chuyện gì mà ồn ào thế, thì thấy chị bếp mặt đen nhẻm, ngồi vắt vẻo trên chiếc ghế xô-fa kiểu Ba-tư rất đẹp, đang chuốc rượu cho bác Raggles gái ngồi bên cạnh. Chú hầu việc bận bộ chế phục có hàng khuy trắng bong như những viên đường, mọi ngày vẫn chạy đưa những phong thư màu hồng cho chủ và vẫn nhanh nhẹn nhảy lên đứng hầu sau xe ngựa của Becky, cũng đang cắm cúi thò tay khoét đĩa bánh kem. Chú vừa ăn vừa tán chuyện với bác

Raggles trai; bác này mặt mũi bơ phờ, bối rối… , thành ra tuy cửa vẫn mở toang, và Becky chỉ đứng cách vài bước đã hết hơi gọi sáu bảy bận, mà họ vẫn cứ lờ tít đi. Becky bước vào phòng khách, chiếc áo tắm bằng lụa casomia trắng loà xoà dưới chân, nghe thấy chị bếp đang nói: "Này bà Raggles, uống thêm một hớp nữa cho vui".

Bà chủ nhà giận quá, quát ầm lên:

- Simpson! Trotter! Sao nghe thấy tôi gọi mà các người cứ mọc rễ cả ra ở đây? Trước mặt tôi mà các người dám ngồi ỳ ra đây à? Chị hầu phòng đâu?

Chú hầu việc hơi hoảng vội rút mấy ngón tay đầy kem trong mồm ra; nhưng chị bếp điềm nhiên nốc nốt chỗ rượu bác Raggles gái từ chối không uống, mắt trừng trừng nhìn trả Becky qua chiếc cốc thuỷ tinh viền vàng. Hình như men rượu làm cho người đày tớ nổi loạn thêm can đảm. Thế rồi bà đầu bếp mới lên tiếng:

- Ghế xô-fa của bà! ấy chết! Chúng tôi đang ngồi trên ghế xô- fa của ông bà Raggles đây ạ! – Bà Raggles, việc đếch gì mà sợ kia chứ? Ông bà ấy làm đổ mồ hôi sôi nước mắt mới có tiền mua, mà mua với giá đắt kia đấy. Này bà Raggles, tôi đang nghĩ rằng giả sử tôi cứ ngồi đây đợi tới khi được trả tiền công, mà có lẽ còn phải chờ lâu lắm nhỉ! Tôi sẽ ngồi đợi đến cùng… ha!ha!ha!.

Đoạn chị bếp lại rót thêm cốc rượu nữa, phá ra cười mỉa mai một cách rất thô bỉ, và nốc cạn.

Bà chủ nhà thét lên:

- Simpson! Trotter! Tống cổ con mẹ say rượu này đi cho tao.

Chú hầu việc Trotter đáp:

- Tôi chịu, mời bà tống cổ lấy. Xin bà trả tôi tiền công, rồi tống cổ nốt cả tôi đi cũng được. Chúng tôi xin đi ngay lập tức.

Becky phát điên lên:

- Chúng mày đứng đây chửi tao phải không? Để trung tá Crawley về, tao sẽ…

Nghe dọa thế, bọn đày tớ cười rầm lên; riêng bác Raggles không cười, mặt vẫn buồn thiu. Trotter nói:

- Ông ấy không trở về đâu; ông ấy cho người lại đây lấy quần áo, bác Raggles định đưa, nhưng đời nào tôi bằng lòng. Bây giờ ông ấy có là trung tá nữa đâu, khác cóc gì tôi. Ông ấy tếch đi rồi; chắc bà cũng đang muốn theo gót hẳn? Hai vợ chồng nhà bà là đồ lừa đảo, có thế thôi. Đừng có bắt nạt thằng này nhé. Nó không chịu đâu. Trả tiền công đây. Đã bảo là trả tiền công đây.

Nom bộ mặt đỏ tía và nghe cái giọng lè nhè của

Trotter, cũng biết anh ta vừa được ma men kích thích.

Becky ngượng quá, nói:

- Bác Raggles, bác nỡ để cho cái thằng say rượu kia nó chửi lại tôi thế à?

Chú hầu việc Simpson thấy chủ thế cũng thương hại, bảo bạn:

- Thôi, im mồm đi, Trotter.

Trotter bị gọi là thằng say rượu định sửng cồ gây sự, nhưng Simpson can được. Bác Raggles nói:

- Bà ơi, tôi không thể ngờ có ngày lại ra cơ sự thế này. Tôi biết gia đình Crawley từ thủa lọt lòng mẹ. Suốt ba mươi năm trời giữ chân quản lý cho bà Crawley… tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình lại bị một người trong gia đình ấy làm cho khánh kiệt!

Bác vừa nói vừa rơm rớm nước mắt:

- Thế bà có định trả tôi tiền nhà không? Bà ở nhà tôi đã bốn năm nay rồi; bà lại mua chịu cả thức ăn, bát đĩa, vải vóc. Bà còn nợ tôi tiền sữa, tiền bơ, cả thảy là hai trăm đồng bảng. Cũng phải trả tôi trứng vẫn tráng cho bà ăn, và tiền kem mua cho chó của bà chứ.

Chị bếp xen vào:

- Bà ấy thì cần cóc gì chó; đến con đẻ rứt ruột bà ấy

còn coi không ra gì nữa là. Nhiều bận không có tôi cho ăn thì thằng bé chết đói.

Trotter mới kêu ầm lên đặc giọng say:

- Bây giờ thằng bé thành con nhà mồ côi rồi. Ha! ha!

Bác Raggles chất phác vẫn tiếp tục kể khổ bằng cái giọng não nuột đến thương. Những điều bác nói toàn đúng cả. Vợ chồng Becky đã làm cho bác khánh kiệt thật. Chỉ vì tin vào gia đình Crawley mà phen này không những bác bị truy tố, bị mất cả cửa hàng và toà nhà riêng cũng nên. Nghe bác khóc mếu than thở, Becky càng thêm bực mình. Cô ta chua chát nói:

- Ra các người âm mưu với nhau hại tôi đây. Các người muốn gì nào? Ngày chủ nhật, tôi không thể trả tiền công được. Ngày mai tôi sẽ trả hết. Tôi tưởng rằng trung tá Crawley đã thanh toán xong xuôi với các người rồi. Ngày mai, ông ấy sẽ trả sòng phẳng. Tôi lấy danh dự mà cam đoan với các người rằng sớm nay ông ấy đi còn mang theo một nghìn năm trăm đồng trong ví, và chẳng còn để lại cho tôi đồng nào. Đi mà hỏi ông ấy. Đưa tôi cái mũ và chiếc khăn san, tôi đi tìm xem ông ấy ở đâu. Sáng nay, tôi với ông ấy có chuyện xích mích, các người cũng biết đấy. Tôi lấy danh dự mà hứa rằng sẽ trả tiền công mọi người đầy đủ. Ông ấy vừa được gọi đi làm, có khối tiền. Để tôi đi tìm ông ấy.

Nghe lời tuyên bố táo bạo ấy, bác Raggles và mấy vị kia đờ người ra mà nhìn nhau; Rebecca thừa dịp chuồn thẳng. Cô ta lên gác mặc áo, lần này không cần có chị hầu gái người Pháp giúp đỡ. Rồi cô ta đi vào phòng của Rawdon, thấy một bọc áo và cái va-ly để sẵn, kèm theo mảnh giấy viết bút chì dặn rằng có ai hỏi thì người nhà giao hộ. Becky lại sang phòng ngủ của chị hầu gái người Pháp, thấy ngăn kéo rỗng tuếch, đồ đạc bị vét sạch sành sanh. Nhớ lại món đồ trang sức ném trên sàn phòng khách đêm qua, cô ta yên trí chị hầu gái trốn biệt mất rồi. Becky than thở một mình:

- Trời đất ơi! Có ai gặp cảnh không may như tôi thế này không? Leo cây gần đến ngọn mà phút chốc xôi hỏng bỏng không! Nhưng có phải thế là hoàn toàn tuyệt vọng rồi không? Không, hãy còn lối thoát.

Mặc áo xong Becky ra cửa; lần này không ai làm rầy rà, nhưng cũng không ai theo hầu. Lúc ấy là bốn giờ chiều. Cô ta rảo bước đi một mạch qua các phố (vì tiền đâu mà đi xe?) tới cửa nhà Pitt Crawley ở phố Greet Gaunt mới dừng lại. Lúc này liệu công nương Jane có nhà không? Chắc đi lễ nhà thờ, Becky không có điều gì lo ngại. Tôn ông Pitt đang ở trong phòng làm việc, đã ra lệnh cho người nhà không được quấy rầy… Nhưng thế nào Becky cũng phải gặp mặt bằng được… cô ta lách

qua người nhà bận chế phục đứng gác cửa chạy tọt vào phòng của Pitt… Vị nam tước tay vẫn còn cầm tờ báo đờ người ra vì ngạc nhiên. Pitt đỏ bừng mặt, lùi lại, có vẻ hoảng hốt; Becky nói:

- Xin bác đừng nhìn em thế. Bác ơi, xưa nay bác vẫn thương em. Thề có đức Chúa, quả thực em vô tội. Nhìn bề ngoài thì tưởng thế, mọi sự đều như muốn kết tội em. Trời đất ơi! Việc xảy ra đúng lúc em sắp thực hiện được nguyện vọng khao khát xưa nay, đúng lúc em chỉ với tay là nắm được hạnh phúc.

- Thế là cái tin tôi vừa đọc trong báo là đúng à?

Pitt hỏi lại, có ý ám chỉ đến đoạn tin trong báo khiến anh ta vô cùng ngạc nhiên.

- Đúng thế. Đêm hôm thứ sáu, cái đêm có cuộc dạ hội tai hại ấy, hầu tước Steyne đã báo tin cho em rõ. Đã sáu tháng nay, ngài hứa có dịp sẽ bổ dụng nhà em. Mãi đến hôm kia, ông Martyr Bộ trưởng Bộ thuộc địa mới báo cho ngài hay rằng đã ký giấy bổ nhiệm nhà em. thì xảy ra việc bắt bớ tai hại và câu chuyện chạm trán khốn khổ kia. Em chỉ có mỗi một tội là quá săn đón hạnh phúc Rawdon. Xưa nay, em vẫn tiếp hầu tước Steyne một mình trong nhà có hàng trăm lần. Em thú nhận rằng có cầm tiền của hầu tước mà giấu không cho Rawdon biết. Nhưng bác rõ đấy. Anh ấy coi tiền bạc như rác,

đưa cho anh ấy thì hết sạch ngay.

Cứ thế, cô ta dựng lên một chuyện đủ cả đầu đuôi, nói như rót vào tai ông anh chồng, làm cho Pitt bỗng trở nên bối rối.

Nghe câu chuyện người ta nghĩ thế này: Becky thành khẩn thú nhận và tỏ ra rất hối hận vì không tỏ thái độ dứt khoát khi thấy hầu tước Steyne đặc biệt săn sóc mình (nghe đến đây Pitt bỗng đỏ mặt), nhưng cô ta tin vào đức hạnh của mình, bèn lợi dụng ngay cái bệnh si tình của lão để mưu lợi cho bản thân và gia đình; cô ta bảo:

- Bác Pitt ạ, em đang tính chạy cho bác một chân thượng nghị sĩ (Pitt lại đỏ mặt); hầu tước và em đã bàn về chuyện ấy. Cứ tài năng của bác, lại được hầu tước Steyne nâng đỡ thì việc ấy không đến nỗi khó khăn lắm nếu không có cái chuyện rắc rối kia xảy ra làm tan vỡ hết mọi hy vọng. Nhưng trước tiên em thú nhận rằng phải tìm cách nào cứu ngay nhà em đã… mặc dầu anh ấy nghi oan cho em và đối xử với em không ra gì, em vẫn yêu quý như thường… Phải tìm cách cứu anh ấy ra khỏi cảnh phá sản và túng đói đang đe doạ chúng em. Em biết rằng hầu tước Steyne đối với em có bụng mến (đến đây cô ta nhìn xuống đất); em cũng thú thực rằng em tìm mọi cách khiến cho ngài được hài lòng, nghĩa là

những cách mà một người đàn bà đứng đắn có thể dùng, để giữ được… cảm tình của ngài. Mãi đến sáng hôm thứ sáu vừa rồi mới được tin viên Thống đốc bảo Coventry đã chết; ngài hầu tước lập tức vận động cho nhà em thế chân ngay. Chúng em dự định làm chuyện thật bất ngờ cho anh ấy ngạc nhiên… để cho anh ấy đọc báo hôm nay mới biết. Lúc việc bắt bớ tai hại kia xảy ra rồi, ngài còn cười với em mà bảo rằng chắc anh Rawdon đọc báo thấy tin ấy thì tuy ngồi trong nhà giam nhưng cũng được an ủi… hầu tước rất rộng lượng, định sẽ bỏ tiền trả nợ cho Rawdon, cho nên em không cần đến tìm anh ấy ở nhà giam làm gì. Thế rồi… Thế rồi bỗng nhiên nhà em trở về; rồi nghi oan cho em; rồi hai người xô xát với nhau… Trời ơi Không biết sẽ còn xảy ra những chuyện gì nữa đây? Bác Pitt ơi, bác Pitt quý mến ơi! xin bác hãy thương chúng em, xin bác hãy hoà giải cho vợ chồng chúng em.

Vừa nói, Becky vừa quỳ xuống khóc lóc thảm thiết, và nắm chặt lấy tay Pitt mà hôn lấy hôn để.

Vừa lúc ấy công nương Jane đi lễ nhà thờ về; nghe tin có bà Rawdon Crawley đến, công nương vội chạy vào phòng làm việc của chồng, thấy ngay vị nam tước với cô em dâu đang trò chuyện với nhau.

Lúc ăn sáng xong, công nương Jane đã sai ngay người

hầu gái đến tìm bác Raggles và bọn đầy tớ trong nhà Rawdon hỏi chuyện; họ kể lại hết cho chị này nghe câu chuyện vừa xảy ra và nhiều chuyện khác, lại thêm mắm thêm muối đầy đủ. Lúc này công nương Jane mặt tái nhợt đi, chân tay run bắn lên nói:

- Lạ thật, cô kia còn dám cả gan vào nhà tôi làm gì thế? Cô còn dám vác mặt đến một gia đình.. một gia đình lương thiện à?

- Bác bảo bác gái hộ, đó… bác gái chưa biết hết sự thực đâu. Bác nói rằng em vô tội đi, bác.

Pitt bảo vợ:

- Mình yêu quý ạ, tôi chắc rằng mình đã ngờ oan cho thím Crawley (Rêbeca nghe mà nhẹ cả người), tôi tin rằng thím ấy…

Giọng nói thanh thanh của công nương Jane bỗng run lên, miệng nói tim đập thình thịch vì xúc động:

- Tin rằng thím ấy làm sao? Là một người đàn bà xảo quyệt… một người mẹ tán tận lương tâm, một người vợ bất chính phải không? Cô ta có bao giờ yêu con đâu; thằng bé vẫn trốn mẹ đến tìm tôi kể chuyện bị mẹ hành hạ thế nào. Con người ấy đặt chân vào nhà nào là chỉ cốt làm cho gia đình người ta tàn hại mới thôi, chỉ cốt đem cái miệng lưỡi bẻo lẻo điêu ngoa ra mà phá hoại những

tình cảm thiêng liêng nhất mới chịu. Cô ta đã lừa dối chồng như đã từng lừa dối tất cả mọi người. Lòng dạ con người ấy bị đầu độc vì bả trác táng phù hoa và bao thứ tội ác khác rồi. Chạm vào người ấy mà tôi run sợ, tôi phải giữ con tôi cho chúng khỏi nhìn thấy người ấy… tôi…

Pitt đứng bật dậy, kêu lên:

- Kìa Jane, sao mình lại ăn nói như thế…

Công nương Jane không hề sợ hãi, vẫn tiếp:

- Tôn ông Pitt, tôi vẫn là người vợ trung thành của ngài; tôi vẫn hằng giữ lời nguyền trước mặt Chúa trời khi làm lễ cưới; tôi vẫn là một người vợ ngoan ngoãn phục tùng. Nhưng sự phục tùng cũng phải có một giới hạn, tôi xin nói rằng không thể chịu nổi… không thể chịu nổi lại phải nhìn mặt con người ấy trong nhà này, nếu để cho cô ta bước vào nhà này, thì tôi dắt con tôi đi nơi khác. Cô ta không đáng cùng ngồi với những người biết kính Chúa. Ngài… ngài phải chọn, hoặc là tôi, hoặc là người đàn bà kia.

Nói đoạn, công nương Jane bước ra khỏi phòng, trong lòng bồi hồi vì cảm thấy mình cũng quá táo bạo. Rebecca và Pitt cũng ngác nhiên không kém.

Về phần Becky, cô ta không lấy thế làm mếch lòng…

trái lại, hơi lấy làm thú vị nữa. Cô ta buông bàn tay Pitt ra, nói:

- Chỉ tại chiếc cặp kim cương bác cho em đấy.

Trước khi Becky ra về (chắc thế nào công nương Jane cũng đứng trên gác nhìn qua cửa sổ phòng rửa mặt lúc Becky bước ra), vị nam tước đã hứa sẽ đi tìm em trai và cố gắng hoà giải cho hai vợ chồng.

Rawdon gặp mấy người bạn trẻ trong trung đoàn ngồi ăn sáng trong quán ăn nhà binh; họ mời anh ta cùng ngồi điểm tâm, anh ta chỉ từ chối gọi là, rồi nhận lời ngay; thực đơn có đùi gà và nước xô-đa. Ăn xong họ ngồi tán chuyện vặt, toàn những chuyện thích hợp với lứa tuổi của họ: chuyện thi bắn chim bồ cầu ở Battersea, có đánh cuộc xem Ross và Osbaldiston ai ăn giải; chuyện cô Ariane ở rạp ca vũ Pháp, cô ta bị anh nhân tình nào bỏ rơi, bây giờ đang nhờ Panther Carr an ủi ra sao; chuyện cuộc so găng giữa Butcher và Pet. Anh chàng Tandyman mới mười bảy tuổi ranh đã nhất định để bằng được một bộ ria mép; lấy tư cách là người đã dự xem trận đấu, anh ta lên mặt sành sỏi phân tích đấu pháp và thể lực của hai võ sĩ; chính anh ta đã cùng ngồi xe ngựa với Butcher đến chỗ tỷ thí, và suốt đêm trước hôm tổ chức trận đấu đã ở liền bên cạnh võ sĩ này. Nếu địch thủ không chơi

xấu, nhất định Butcher thắng trận. Những tay sành quyền Anh đều thống nhất ý kiến như vậy, Tandyman không trả tiền thua cuộc. Không, không bao giờ! Thực ra mới cách đây một năm thôi, nhà bình luận thể thao trẻ tuổi này, hiện là một tay sành sỏi trong phòng khách của Cribb, còn thích mút kẹo, và vẫn bị xơi roi vào đít trong trường trung học Eton.

Họ khác nhau những chuyện vũ nữ, chuyện đấu quyền, chuyện rượu chè, chuyện đàn bà lẳng lơ cho tới lúc Macmurdo xuống cùng tham dự. Anh ta không hề nghĩ rằng mình cần dè dặt đôi chút trước mặt đám thanh niên còn thơ ngây này. Mac tuôn ra một tràng toàn những chuyện trác táng vào loại giai thoại của những tay ăn chơi bừa bãi nhất, không chút ngần ngại vì trên đầu có hai thứ tóc, và người nghe toàn là bọn thanh niên mặt bấm ra sữa. Bác Mac già xưa nay vốn nổi danh là một kho chuyện sống. Anh ta không hẳn là người lịch thiệp, vì bè bạn thường chỉ dám mời anh ta dự tiệc tại nhà nhân tình, chứ không dám đưa anh ta ra mắt "bà mẹ" tại nhà mình. Anh ta sinh hoạt cực kỳ giản dị, nhưng hoàn toàn bằng lòng với cuộc sống của mình, lúc nào cũng tỏ ra thoải mái, vui vẻ như không.

Lúc Mac ăn xong bữa sáng ê hề của mình thì đa số bạn hữu cũng đã đứng dậy. Anh chàng bá tước trẻ tuổi

Varinas ngậm một chiếc tẩu bọt bể to tướng, còn đại uý Hugues thì đang loay hoay cuốn điếu thuốc lá; cậu thanh niên Tandyman khí huyết cương cường đang vừa cặp một con chó săn giữa hai đùi, vừa ra sức mà tung hoành mấy đồng tiền chơi sấp ngửa với đại uý Deuceace (không lúc nào thấy Tandyman chịu ngồi yên mà không đánh bạc hoặc chơi trò gì đấy). Mac và Rawdon bỏ phòng ăn bước ra, không ai hé răng nói nửa lời về cái việc đang choán lấy tâm trí họ. Trái lại, lúc này cả hai cùng vui vẻ tham gia câu chuyện của các bạn; vả chăng, việc gì mà phải làm phiền họ? Trong Hội chợ phù hoa, những "cuộc vui suốt tháng, trận cười thâu đêm" chẳng vẫn diễn ra song song với bao sự đau khổ đó sao? Lúc Rawdon và bạn đi dọc theo phố St. James để vào câu lạc bộ, họ thấy từ trong nhà thờ người đi lễ về đổ ra đông như kiến.

Những tay quen thuộc của câu lạc bộ hay đứng há hốc mồm nhòm qua cửa sổ nhấm nháy các cô qua đường vẫn chưa thấy đến chiếm lĩnh vị trí quan sát của mình… Phòng để báo chí vắng tanh.

Rawdon chỉ mới thấy có một người lạ mặt, và một người khác còn cho anh ta chịu một món nợ vì thua bạc; dĩ nhiên anh ta không muốn nhìn mặt người này. Một người thứ ba đang ngồi đọc tờ tuần báo "Người bảo

hoàng" ở bàn (một tờ báo nổi danh vì hết sức trung thành với Nhà vua và Nhà thờ, và vì lắm chuyện rắc rối nữa); người này ngẩng mặt lên chăm chú nhìn Rawdon rồi bảo:

- Crawley, tôi có lời mừng anh.

Rawdon hỏi:

- Anh định nói gì vậy?

- Báo "Người quan sát" và cả báo "Người bảo hoàng" nữa cũng đăng tin đây này.

- Đăng cái gì?

Rawdon đỏ tía mặt. Anh ta tưởng chuyện xô xát với hầu tước Steyne đã bị đưa lên báo. Thấy viên trung tá run run cầm lấy tờ báo, Smith mỉm cười hơi lấy làm lạ.

Lúc Rawdon bước vào câu lạc bộ thì ông Smith và ông Brown (tức là người còn cho Rawdon nợ món tiền thua bạc) vừa nói chuyện với nhau xong về anh chàng.

Smith hỏi:

- Tin mừng đến đúng lúc thật. Tôi chắc Crawley đang không có lấy một xu dính túi.

Brown đáp:

- Âu cũng là tin vui chung cho nhiều người. Hắn mà

không trả tôi hai mươi lăm đồng thì đừng hòng đi thoát với tôi.

Smith:

- Lương được bao nhiêu?

- Độ hai ba nghìn. Nhưng khí hậu thì kinh khủng, không thọ lâu được đâu Liverseege được mười tám tháng thì tử; nghe nói người trước nữa mới đến có sáu tuần đã đi đứt.

Smith:

- Nhiều người vẫn khen thằng anh trai nó khôn ngoan. Tôi thấy thằng cha ấy thật khó tiêu không thể tưởng tượng được; nhưng hắn là tay có thế lực. Chắc hắn chạy cho em trai chân này chứ gì.

Brown nhếch mép cười:

- "Hắn", nào! Xì, hầu tước Steyne lo cho đấy.

- Anh nói cái gì vậy?

- Có cô vợ đức hạnh dĩ nhiên đức ông chồng cũng được thơm lây. Brown trả lời, giọng bí mật, rồi lại tiếp tục đọc báo. Lát sau Rawdon cũng đọc thấy đoạn tin kỳ lạ sau đây đăng trên tờ "Người bảo hoàng":

CHỨC VỤ TỔNG TRẤN ĐẢO COVENTRY

Chiếc tàu sốt rét rừng, do đại uý Jaunders làm thuyền trưởng, vừa đem tin tức từ Đảo Covenry về. Ngài Thomas Liverseege vừa tạ thế ở "Thị trấn Đồng lầy" vì mắc bệnh sốt rét. Khắp thuộc địa ai cũng lấy làm vô cùng thương tiếc. Chúng tôi được tin chức vụ Tổng trấn hiện vừa trao cho trung tá Rawdon Crawley, tước Tuỳ giá hiệp sĩ, một sĩ quan xuất sắc đã tham dự trận Waterloo. Hiện nay không những chúng ta đang cần những người can đảm, mà còn cần cả những người có tài năng về chính trị để đảm đương công việc tại các thuộc địa. Chúng tôi tin chắc rằng nhân vật đã được Bộ thuộc địa lựa chọn để đảm nhiệm chức vụ hiện nay còn để trông tại Đảo Coventry sẽ hoàn toàn xứng đáng với trọng trách.

Đại uý Macmurdo vừa cười vừa nói:

- Đảo Coventry! Nó ở đâu nhỉ? Ai chạy cho cậu chân tổng trấn này? Này cậu, phải cho tớ đi theo giữ chức bí thư chứ?

Crawley và bạn ngồi nhìn nhau ngạc nhiên trước cái tin đột ngột. Bỗng thấy người hầu bàn đưa vào cho Rawdon một tấm danh thiếp trên đề tên ông Wenham, và có ghi yêu cầu được tiếp ngay.

Viên trung tá và người bạn phụ tá bước ra đón, yên trí ông này là phái viên của hầu tước Steyne; Wenham cười

cười, hết sức thân mật nắm chặt lấy tay Rawdon, nói:

- Mạnh khoẻ chứ, Crawley? Rất hận hành được gặp anh.

- Có lẽ ông đến về việc của…

Wenham đáp:

- Rất đúng.

- Vậy thì xin giới thiệu ông bạn tôi, đại uý Macmurdo thuộc Đội ngự lâm quân.

- Rất hân hạnh được biết đại uý Macmurdo.

Wenham lại mỉm cười và bắt tay viên đại uý, cử chỉ cũng thân mật như đối với Rawdon. Mac giơ ra một ngón tay đeo găng da, và lạnh lùng chào lại. Có lẽ anh ta đang bực mình vì phải tiếp một người dân thường; anh ta cứ yên trí ít nhất hầu tước Steyne cũng phái một viên đại tá đến nói chuyện.

Crawley nói:

- Macmurdo thay mặt tôi; anh ấy đã hiểu rõ ý muốn của tôi. Vậy xin cáo lui để hai người được tự nhiên thì hơn.

Macmurdo cũng nói:

- Đúng lắm.

Nhưng Wenham đáp:

- Ấy không được, thưa trung tá. Tôi có hân hạnh mong được tiếp xúc với chính ông. Tuy rằng đại uý Macmurdo đây cũng là người rất dễ chịu. Vả lại, thưa đại uý, tôi hy vọng rằng câu chuyện của chúng ta sẽ dẫn đến một kết quả hoàn toàn tốt đẹp, trái hẳn với sự dự đoán của trung tá Crawley.

Đại uý Macmurdo thốt ra những tiếng "Hừ!" đầy bực bội. Anh ta nghĩ thầm: "Cái bọn dân thường chết tiệt, lúc nào cũng chỉ những dàn xếp với thảo luận".

Wenham kéo một chiếc ghế ngồi xuống, tuy không ai mời. Hắn rút trong túi ra một tờ báo, nói tiếp:

- Trung tá đã đọc tin bổ nhiệm đăng báo sáng nay chưa? Chính phủ đã biết chọn mặt gửi vàng, và nếu ông chịu lãnh trách nhiệm ấy thì cũng là một công việc rất tốt; riêng tôi nghĩ rằng rất nên. Lương ba nghìn đồng một năm, khí hậu dễ chịu, dinh thự riêng đẹp tuyệt, là ông vua con trong thuộc địa, lại có nhiều hy vọng được thăng chức. Xin thành thực có lời mừng ông. Chắc hai ông cũng rõ ai đã đứng ra lo giúp việc này chứ?

Viên đại uý đáp:

- Tôi mà có biết thì tôi chết.

Rawdon đỏ bừng mặt lên.

- Một người rộng lượng, tốt bụng nhất đời và cũng là một bậc cực kỳ danh giá… tức là ông bạn quý của tôi, hầu tước Steyne.

Rawdon gầm lên:

- Để tôi cho hắn xuống âm phủ rồi hãy hay.

Wenham thản nhiên tiếp:

- Ông quá giận người bạn quý của tôi đấy; nhưng hãy xin ông bình tĩnh và công bằng mà cho biết tại sao nào?

Rawdon ngạc nhiên kêu lên:

- Tại sao à?

Viên đại uý cũng gõ chiếc ba-toong cọc cọc xuống mặt sàn noi:

- Vì lý do gì nữa Mẹ kiếp!

Wenham vẫn mỉm cười, một nụ cười tươi tắn, nói tiếp:

- Đúng thế đấy. Xin ông hãy suy xét về vấn đề này như mọi người… nghĩa là như những người đứng đắn khác, xem ông có lầm hay không. Ông đi vắng về và thấy… thấy gì?… thấy hầu tước Steyne cùng bà Crawley dùng bữa tối trong nhà ông tại phố Curzon. Đâu phải là một chuyện kỳ lạ hay mới mẻ? Ngài hầu tước vẫn đến chơi nhà như vậy đã hàng trăm lần, có sao? Tôi xin lấy danh dự của một con người thượng lưu (đến đây,

Wenham đặt một tay lên ngực áo choàng điệu bộ như đang nói trước quốc hội), tôi xin tuyên bố rằng sự ngờ vực của ông hết sức quái gở, và hoàn toàn vô căn cứ; sự ngờ vực ấy đã bôi nhọ danh dự của một nhà quý tộc đáng kính đã từng tỏ rõ thiện chí đối với ông hàng nghìn lần… đồng thời cũng bôi nhọ danh dự của một người đàn bà trong trắng, vô tội nhất đời.

Macmurdo hỏi:

- Ông không định bảo rằng… rằng Crawley nhầm đấy chứ?

Wenham hăng hái đáp:

- Tôi tin rằng bà Crawley trong trắng như tôi tin vợ tôi là bà Wenham vậy. Tôi tin rằng sự ghen tuông mù quáng đã khiến ông ấy làm hại thanh danh một bậc tuổi tác yếu đuối có địa vị trong xã hội, xưa nay vẫn là người bạn trung thành và ân nhân của gia đình, đồng thời cũng làm hại đến thanh danh của bà ấy, làm hại đến thanh danh của chính ông ấy, làm hại đến thanh danh của con trai ông ấy sau này lớn lên, và phá đổ mọi hy vọng trong cuộc đời của ông ta.

Wenham lại trịnh trọng nói tiếp đầu đuôi câu chuyện: "Sáng nay, hầu tước Steyne cho tìm tôi; tôi đến nhà thấy dáng điệu ngài thật thiểu não; không cần nói chắc trung

tá Crawley cũng rõ, sau một cuộc xô xát với người sức lực như ông thì người nào già nua yếu đuối mà chẳng thiểu não như thế. Tôi xin nói thẳng cho ông biết rằng cậy sức khoẻ như vậy là tàn ác, trung tá Crawley ạ. Không phải người bạn quý của tôi chỉ đau đớn về thể xác… mà thưa ông, tâm hồn ngài cũng đang bị vò xé. Bởi lẽ ngài đã bị một người xưa nay mình vẫn thương yêu, vẫn ra sức giúp đỡ, đột nhiên vu cho một việc tồi tệ nhất đời. Thử hỏi nếu ngài không ăn ở tốt với ông thì tại sao lại có việc bổ nhiệm đăng trên các báo ngày hôm nay? Tôi đến thăm hầu tước, thấy ngài thật đáng thương; ngài cũng như ông đang khao khát lấy máu rửa sạch mối nhục này. Trung tá Crawley, hẳn ông cũng đã từng rõ những chiến tích của ngài hầu tước?

Viên Trung tá đáp:

- Hắn can đảm lắm; xưa nay nào ai bảo hắn là hèn nhát?

- Thoạt tiên, ngài bảo tôi thảo một lá thư thách thức mang trao cho trung tá Crawley. Ngài nói: "Trong hai chúng tôi, phải có một kẻ chết vì việc xúc phạm danh dự đêm qua".

Crawley gật đầu nói:

- Ông đã đi vào vấn đề đấy, ông Wenham ạ.

- Tôi bèn hết sức can ngăn hầu tước Steyne. Tôi bảo: "Trời đất ơi! Thật không may quá; đêm qua bà Crawley mời tôi và nhà tôi đến dùng bữa đêm, chúng tôi lại từ chối".

Đại uý Macmurdo hỏi:

- Bà ấy mời ông cùng đến dùng bữa đêm?

- Sau khi ở rạp Opera về, giấy mời còn đây… khoan đã… không phải, đây là giấy khác… tôi nhớ vẫn còn giữ, nhưng điều ấy không quan trọng lắm; tôi xin lấy danh dự mà cam đoan là có mời thực. Chỉ vì bà Wenham nhà tôi đêm qua bị nhức đầu… cái bệnh quỷ, cứ đến mùa xuân là đau như búa bổ vào óc… Nếu chúng tôi đến dự thì đâu đến nỗi xảy ra chuyện rắc rối, xô xát, ngờ vực thế này… Thành ra rõ ràng chỉ tại bà vợ tôi nhức đầu, nên có hai người biết trọng danh dự hiện đang bị cái chết đe doạ, và hai gia đình thuộc dòng dõi lâu đời nhất nước hiện đang sầu não vì việc này.

Macmurdo quay lại nhìn bạn, có vẻ hết sức khó xử. Rawdon tức tưởng muốn phát điên như thú dữ bị mất mồi. Anh ta nghe chuyện không sao tin được lấy một câu, nhưng chứng minh bằng cách nào bây giờ?

Wenham vẫn nói thao thao bất tuyệt như vẫn quen diễn thuyết trong quốc hội:

- Tôi ngồi cạnh giường hầu tước Steyne có đến hơn một tiếng đồng hồ; tôi cầu khẩn, tôi van xin hầu tước hãy bỏ dự định đòi gặp gỡ đi. Tôi vạch cho ngài thấy rằng, dầu sao đi nữa thì nom bề ngoài câu chuyện cũng có vẻ khả nghi… cả hai người đều để bị ngờ vực. Tôi công nhận rằng người ta ai cũng có thể lâm vào trường hợp éo le như thế… Tôi bảo rằng một người đang giận dữ vì ghen tuông thì suy nghĩ hành động không khác gì người điên. Vậy cũng chỉ coi là một người điên không hơn không kém… nếu bây giờ đấu súng với nhau thì tai hại cho cả hai bên… nhất là thời buổi này; đang khi những tư tưởng cách mạng quái gở và những thứ chủ nghĩa bình đẳng cực kỳ nguy hiểm đang được reo rắc trong đám quần chúng bình dân, một người có địa vị cao như hầu tước càng không có quyền để vỡ lở ra những chuyện tai tiếng! Vả chăng, dẫu rằng hầu tước trong sạch, đám quần chúng bình dân kia sẽ vẫn đinh ninh rằng lỗi về phần ngài. Tóm lại, tôi đã yêu cầu hầu tước thôi đừng gửi thư thách thức nữa.

Rawdon nghiến chặt hai hàm răng, nói:

- Tôi không thèm tin lấy một lời nào của ông. Chuyện ông nói hoàn toàn bịa đặt và ông Wenham, chính ông cũng có nhúng tay vào việc này. Nếu hắn không thách thức, thì chính tôi, tôi sẽ thách thức.

Nghe viên trung tá giận dữ ngắt lời mình như vậy. Wenham mặt tái như gà cắt tiết đưa mắt nhìn ra cửa.

May quá, hắn được đại uý Macmurdo can thiệp giúp. Anh chàng này đứng lên, thề độc một câu, rồi trách Rawdon đã ăn nói quá lời!

- Anh đã bằng lòng nhờ tôi thu xếp hộ công việc thì phải nghe theo cách giải quyết của tôi, không được theo ý riêng. Anh không có quyền sỉ nhục ông Wenham với lối ăn nói như vậy. Anh cần phải xin lỗi ông ấy. Còn việc đưa thư thách thức cho hầu tước Steyne thì anh nhờ người khác, tôi không muốn làm. Nếu ngài hầu tước bị ăn đòn nhưng lại muốn câm miệng hến thì mặc kệ ngài. Còn như cái chuyện rắc rối về… về bà Crawley, theo ý tôi, không có gì là căn cứ hết; nghĩa là vợ anh vô tội, như lời ông Wenham đã cam đoan. Tóm lại nếu anh không bịt câu chuyện đi và nhận chức tổng trấn thì anh rõ là một thằng xuẩn.

Wenham mừng rơn, vội kêu lên:

- Đại uý Macmurdo, ông ăn nói thật biết điều quá. Tôi không giận vì những lời ông Crawley vừa thốt ra trong cơn nóng nảy đâu.

Rawdon cười gằn, nói:

- Ông giận làm sao được tôi.

Viên đại uý vui vẻ bảo bạn:

- Thôi ông nỡm, im mồm đi, ông Wenham đây không phải là người ngổ ngáo, ông ấy nói thế là rất phải.

Người phái viên của ngài hầu tước Steyne nói:

- Theo ý tôi, việc này nên giữ hoàn toàn bí mật, tuyệt đối không nên để lộ ra ngoài. Như thế là vì quyền lợi của bạn tôi cũng như của trung tá Crawley, mặc dầu ông ta vẫn một mực coi tôi là kẻ thù.

Đại uý Macmurdo đáp:

- Hầu tước Steyne chắc không muốn nói câu chuyện này ra làm gì, còn chúng tôi dĩ nhiên cũng chẳng nên báo cáo ra với thiên hạ. Câu chuyện không hay ho gì, càng ít nhắc đến bao nhiêu, càng tốt. Các ông bị xơi đòn, chứ không phải chúng tôi. Nếu các ông vẫn lấy làm bằng lòng thì việc gì chúng tôi lại lấy làm khó chịu.

Wenham bèn cầm lấy mũ; đại uý Macmurdo tiễn ra cửa; hai người ra ngoài khép cửa lại, mặc Rawdon ngồi giận dữ một mình trong phòng. Ra ngoài cửa rồi, Macmurdo mới nghiêm khắc nhìn vào bộ mặt tròn xoay hớn hở của Wenham, dáng điệu khinh bỉ ra mặt nói:

- Ông không từ việc gì mà không làm đấy.

Wenham mỉm cười đáp:

- Đại uý Macmurdo, ông quá khen. Tôi xin lấy danh dự mà thề rằng bà Crawley có mời vợ chồng tôi đến ăn đêm sau khi đi xem hát về.

- Dĩ nhiên? Thế rồi bà Wenham bị nhức đầu cũng là dĩ nhiên! Đây này, hiện tôi giữ một tấm ngân phiếu một nghìn đồng; tôi giao cho ông, yêu cầu ông cho một tờ biên nhận. Và đây tôi sẽ cho tờ ngân phiếu ấy vào trong một chiếc phong bì gửi cho hầu tước Steyne. Anh bạn tôi sẽ không đấu súng với hầu tước đâu; nhưng chúng tôi cũng không nên giữ số tiền ấy làm gì.

Đại uý Macmurdo đứng trên đầu cầu thang cúi chào vừa lúc ấy Pitt Crawley bước lên… Hai người cũng hơi quen biết nhau; viên đại uý cùng Pitt quay vào trong phòng chỗ Rawdon vẫn ngồi đợi; anh ta kể lại cho Pitt rằng mình đã thu xếp ổn thoả câu chuyện xích mích giữa hầu tước Steyne và viên trung tá.

Dĩ nhiên Pitt rất hài lòng; anh ta vui vẻ ngỏ ý mừng em về câu chuyện được giải quyết êm đẹp; anh ta còn kèm theo vài câu luân lý về tai hại của sự đấu súng, cho em thấy giải quyết xích mích theo lối đó không phải là phương pháp thoả đáng. Sau phần giáo đầu này Pitt cố đem hết tài hùng biện ra để hoà giải câu chuyện giữa hai vợ chồng Crawley. Anh ta tóm tắt lại những lời trình bày của Becky có nhấn mạnh rằng những điều đó có phần

đúng sự thực, và quả quyết rằng em dâu mình vô tội. Song Rawdon vẫn khăng khăng một mực nói:

- Mười năm nay, nó giấu giếm tiền nong không cho tôi biết. Mới đêm qua, nó còn thề rằng Steyne không hề cho nó xu nào. Nó tưởng thế là xong; không ngờ chính tôi moi ra được. Anh Pitt ạ, nếu quả thực nó vô tội, thì nó cũng vẫn đều như đã phạm tội. Không bao giờ tôi còn nhìn mặt nó nữa… không bao giờ.

Anh ta vừa nói vừa gục đầu xuống ngực, trông thật rầu rĩ.

Macmurdo lắc đầu nói:

- Thằng cha đáng thương quá.

Rawdon Crawley suy tính mãi không biết có nên nhận chức vụ do một người đỡ đầu mạt hạng như thế chạy cho mình hay không; anh ta định bắt con trai thôi học trường "Dòng tu sĩ áo trắng", vì nhờ có hầu tước Steyne giới thiệu nó mới được nhận vào. Đại uý Macmurdo và Pitt hết sức can ngăn, cuối cùng Rawdon cũng đồng ý; nhất là khi Pitt vạch rõ rằng không gì thú hơn buộc hầu tước Steyne phải tức đến phát điên lên vì chính tay hắn phải bắc thang cho kẻ thù leo lên đài danh vọng.

Sau vụ rắc rối này, hầu tước Steyne ra nước ngoài ít lâu. Ông Tổng trưởng Bộ thuộc địa đến chào lão; lấy tư

cách cá nhân cũng như thay mặt cho Bộ thuộc địa, ông ta khen ngợi lão vì đã giới thiệu một nhân vật rất có khả năng. Chẳng nói ta cũng rõ, được ông tổng trưởng khen ngợi, hầu tước Steyne khoan khoái đến thế nào.

Câu chuyện bí mật giữa hầu tước Steyne và trung tá Crawley được bịt kín như bưng, đúng như lời Wenham căn dặn, nghĩa là những người trong cuộc và những nhân vật phụ thuộc, không ai hé răng kể lại. Thế mà ngay tối hôm ấy, đã thấy người ta đưa câu chuyện ra bàn tán tại hơn năm mươi bàn tiệc trong Hội chợ phù hoa rồi. Chính Cackleby đích thân đi đến bảy nơi khác nhau, kể lại cuộc xô xát cho mọi người nghe, đến mỗi chỗ đều có kèm theo thêm lời phẩm bình và thêm mắm thêm muối vào. Bà Washington White lấy làm khoái trá lắm. Bà vợ giám mục Ealing phẫn nộ quá chừng; ngay hôm sau đức giám mục lập tức đến ghi tên tại sổ tiếp tân của lâu đài Gaunt. Bá tước Southdown thì hơi buồn; và chắc cô em của bá tước là công nương Jane cũng buồn lắm. Southdown phu nhân lập tức viết thư báo tin cho con gái ở Hảo vọng giác biết. Suốt ba ngày sau, khắp thành phố ai cũng bàn tán về chuyện này; may được Wenham gợi ý, Wagg phải ra sức vận động ráo riết câu chuyện mới không bị đưa lên mặt báo. Bọn công sai và chủ nợ thi hành án quyền trữ gia sản của bác Raggles đáng thương

ở phố Curzon. Thế còn người đàn bà xinh đẹp thuê nhà bây giờ đi đâu? Nào ai rõ Chỉ một hai hôm sau đã chẳng ai buồn hỏi đến cô ta nữa, Becky có tội hay không nhỉ? Chúng ta đều biết người đời vốn sẵn từ tâm ra sao, và một khi câu chuyện còn mập mờ, toà án của Hội chợ phù hoa đã sẵn sàng tuyên án thế nào rồi. Có người đồn rằng cô ta đi Naples, đuổi theo hầu tước Steyne; lại có người cam kết rằng nghe tin Becky tới Naples hầu tước liền rời tỉnh này đi Palermo. Nhiều người phao tin cô ta hiện ở Bierstadt, làm nữ quan[80] cho hoàng hậu nước Bungari; có người bảo rằng cô ta ở Boulogne; lại cũng có người nói cô ta vẫn ở một căn trọ tại Cheltenham.

Rawdon gửi tiền trợ cấp hàng năm cho vợ cũ cũng khá; ta có thể yên trí rằng Becky là một người đàn bà khéo xoay xở, tuy ít tiền nhưng vẫn có thể sống phong lưu. Lẽ ra Rawdon cũng muốn trả nợ sòng phẳng trước khi rời khỏi nước Anh, nhưng không tìm ra được một hãng bảo hiểm nào dám bảo hiểm sinh mệnh cho mình, mà cũng không ai dám trông vào số lương hàng năm của Rawdon mà cho vay trước, bởi lẽ khí hậu ở đảo Coventry nổi tiếng là độc.

Tuy vậy Rawdon vẫn gửi tiền về cho anh trai đều đặn, và lần nào có chuyến tàu về nước cũng viết thư cho con. Anh ta gửi thuốc lá về cho Macmurdo, lại gửi rất

nhiều quà về biếu công nương Jane, như các thứ vỏ ốc, hồ tiêu, hương liệu và các thứ thổ sản thuộc địa khác. Rawdon còn gửi cho anh cả tờ báo "Tin tức tỉnh Đồng Lầy"; báo đăng toàn những lời nhiệt liệt tán dương vị tổng trấn mới; trong khi ấy, báo "Người lính gác tỉnh Đồng Lầy lại kịch liệt lên án vị tổng trấn mới là một bạo chúa; so với ngài Nero còn là kẻ biết thương người, nguyên là vì Rawdon không mời vợ ông chủ bút báo này đến dự tiệc tại dinh tổng trấn. Thằng Rawdy vẫn hay tìm mấy tờ báo để đọc tin tức về bố nó.

Becky không hề tỏ ý muốn đến thăm con trai. Ngày chủ nhật và ngày lễ, thằng bé vẫn về với bác gái nó. Chỉ ít lâu sau, nó đã thuộc từng tổ chim trong trang trại Crawley Bà chúa và cùng cưỡi ngựa đi chơi với bầy chó săn của bá tước Huddlestone, đàn chó mà ngay từ buổi gặp gỡ đầu tiên ở Hampshire nó đã thích rồi.

CHƯƠNG LVI
GEORGY TRỞ THÀNH NHÂN VẬT THƯỢNG LƯU

Georgy bây giờ sống ra dáng ông hoàng trong toà nhà sang trọng của ông nội ở khu phố Russell; nó được dùng gian phòng riêng của bố nó ngày trước; nó cũng là người thừa kế chính thức tất cả cơ nghiệp lộng lẫy ở đây. Thấy cháu khôi ngô, cử chỉ đường hoàng rõ ra vẻ con nhà, ông Osborne rất quý. Ông kiêu hãnh về cháu nội không kém gì xưa kia đã từng kiêu hãnh về George.

Thằng bé được hưởng nhiều tiện nghi sang trọng và được nuông chiều hơn cả bố nó hồi còn sống. Mấy năm gần đây, việc kinh doanh của ông lão phát đạt lắm. Trong khu City, của cải và uy tín của ông tăng thêm rất nhiều. Hồi trước, ông rất hài lòng vì đã cho George theo học tại một trường tư thục đứng đắn; ông cũng kiêu hãnh không kém vì đã lo được cho con trai một chân sĩ quan. Bây giờ,đối với tương lai của cháu nội, ông lão còn nuôi những ước vọng cao xa hơn nhiều. Ông luôn mồm bảo rằng sẽ lo cho Georgy trở thành một nhân vật thượng lưu. Ông tưởng tượng sau này cháu ông sẽ học đại học, sẽ làm nghị sĩ quốc hội… và rất có thể sẽ là một nam tước. Ông Osborne vẫn tự nhủ rằng ví thử được

nhìn thấy cháu có danh vọng như vậy thì chết cũng yên tâm nhắm mắt. Phải tìm cho nó một ông thầy học có tiếng… Không thể dùng mấy ông lang băm hoặc mấy ông trí thức mạo danh được… Mới vài năm trước đây, ông vẫn có thói quen kịch liệt công kích các học giả,các ông mục sư, nói chung là "các giới trí thức"… ông gọi họ là một bọn vô tích sự, chỉ biết nhai đi nhai lại mấy câu La tinh hay Hy Lạp để kiếm cơm, là một bầy chó đói cứ muốn khinh khỉnh lên mặt với các nhà buôn và các nhà quý tộc nước Anh, mặc dầu những người này có thể bỏ tiền ra mua họ từng mớ một. Bây giờ thường thường ông vẫn trịnh trọng tỏ ý buồn rầu về hồi xưa kia mình không được học hành mấy, cho nên nhiều bận ông vẫn nghiêm trang dạy Georgy rằng một nền học vấn cổ điển là hết sức quan trọng.

Lúc hai ông cháu gặp nhau trong bữa ăn, ông hay hỏi xem hôm ấy cháu học được những gì; nghe cháu kể lại việc học hành ông tỏ ra rất quan tâm; cháu nói gì, ông cũng làm ra vẻ hiểu rõ lắm. Cũng có nhiều bận ông lỡ lời, để lòi cái đuôi của mình ra; điều đó chẳng làm tăng uy tín của ông đối với thằng cháu nội chút nào. Vốn tinh ranh lại được ăn học cẩn thận, nó hiểu ngay rằng ông nó chỉ là một lão già ngờ nghệch; thế là nó bắt đầu coi thường, và muốn cưỡi cổ ông nội nó. Phải nhận rằng,

tuy trước kia thằng bé chỉ được học hành gọi là, nhưng cũng đủ biến thành một cậu công tử con nhà, hơn cả những ước mơ cao xa của ông nội nó. Kẻ nuôi dưỡng nó trước kia là một người đàn bà hiền hậu, yếu đuối, dịu dàng, cả đời chỉ có niềm kiêu hãnh duy nhất là đứa con trai; người đàn bà ấy tâm hồn trong trắng quá, cứ chỉ thuỳ mị và ngoan ngoãn quá; người như thế nhất định phải là một vị phu nhân chân chính.

Amelia bận rộn với những công việc gia đình, lặng lẽ làm nhiệm vụ của mình; cô không nói được điều gì cao xa bóng bẩy, nhưng cũng chưa hề nói hoặc nghĩ tới điều gì độc địa xấu xa. Con người trong sạch, chân thực, giàu lòng thương yêu và đức hạnh như vậy làm sao mà lại không thực sự là một người đàn bà thượng lưu cho được?

Người đàn bà hiền hậu, phục tùng ấy đã bị thằng Georgy đè đầu cưỡi cổ. Bây giờ, gặp ông nội là người ngờ nghệch, long trọng một cách thô kệch, trái hẳn với tính tình giản dị và tế nhị của mẹ nó, thằng bé cũng khống chế nốt. Có thể nói một hoàng tử cũng không được nuôi dưỡng để sẵn sàng tự cao về mình như nó. Ở nhà mẹ nó mong nhớ con có thể nói là từng giờ từng phút; nhiều đêm Amelia trằn trọc không ngủ được vì nhớ con; trong khi ấy thằng bé cảm thấy xa mẹ cũng chẳng

đáng buồn mấy tý, vì nó có bao nhiêu là thú giải trí. Trẻ nhỏ thường cứ đi học là khóc… chúng khóc vì phải đến một chỗ không được thoải mái lắm. Rất hiếm có đứa biết khóc vì yêu thương. Thử nhớ lại xem có phải xưa kia mỗi lần mẹ hoặc chị đi vắng, đang khóc mấy mà nhìn thấy tấm bánh đa hoặc chiếc bánh ngọt nhân thịt, y như rằng mắt chúng ta ráo hoảnh lập tức. Thôi, các bạn ơi, cũng chẳng nên quá tin vào những tính tốt của mình làm gì.

Vậy thì cậu Georgy Osborne được ông nội nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Ông lão ra lệnh cho bác xà ích tìm mua cho cháu bằng được một con ngựa non thật đẹp. Georgy được theo học tại một trường dạy khoa kỵ mã; sau khi đã cưỡi thạo không cần phải dùng bàn đạp, lại có thể phi qua gióng chắn được rồi, thì nó được dẫn đi ra Phố Mới đến công viên Nhiếp-chính, và công viên Hyde. Từ đó người ta thấy nó đường hoàng cưỡi ngựa dạo chơi ở công viên Hyde có bác xà ích Martin theo hầu. Hồi này thỉnh thoảng ông Osborne mới đến khu City; ông để cho những người cộng tác trẻ tuổi của mình trông nom việc doanh thương; ông thường cùng cô Osborne đánh xe ngựa đi chơi về phía công viên Hyde.

Thằng Georgy hiên ngang trông ra phết công tử thúc

ngựa tiến đến đón ông; ông Osborne thú quá, huých vào tay con gái bảo: "Nom kìa, cô Osborne". Rồi ông cười, mặt đỏ lên vì sung sướng; ông ngó qua cửa xe gật đầu với cháu; bác bồi ngựa của Georgy vội cúi chào hai bố con ông chủ; anh hầu xe cũng lễ phép chào cậu Georgy. Lại cả bà Frederick Bullock, cô thằng Georgy, cũng đến kia; ngày nào cũng thấy xe ngựa của bà trong công viên, trên vách xe có treo huy hiệu gia đình mạ vàng; ba cái đầu trẻ con đội mũ đính lông, cổ áo viền đăng- ten lấp ló trong khung cửa giương mắt ngó ra ngoài; bà Frederick Bullock liếc mắt khinh khỉnh hằn học nhìn thằng bé cưỡi ngựa đi qua; một tay nó khuỳnh khuỳnh đặt vào cạnh sườn, mũ đội lệch sang một bên đầu, trông kiêu hãnh như một ông hoàng.

Tuy mới mười một tuổi đầu, nhưng Georgy đã mặc quần có dây đeo và đi một đôi ủng đẹp như người lớn. Nó đeo một đôi cựa giày mạ vàng, cầm một cái roi ngựa đầu bịt vàng, khăn tay có đính một cái cặp rất đẹp. Đôi bao tay xinh xinh bằng da dê thuộc của nó thuộc loại quý nhất mua trong hiệu Lamb ở phố Conduit. Mẹ nó gửi cho nó một đôi ca-vat, lại cẩn thận viền cho nó mấy chiếc áo sơ- mi. Nhưng lúc nó về thăm nhà, mẹ nó thấy con trai vận áo may bằng thứ vải đẹp hơn nhiều. Khuy đính trên ngực áo của nó bằng chất nhựa bóng rất đẹp.

Nó chẳng thèm mặc đến những thứ quần áo tầm thường của mẹ nó… có lẽ cô Osborne đem cho đứa con bác xà ích rồi. Amelia cố nghĩ rằng mình cũng vui vì thấy con đã thay đổi hẳn. Nói cho đúng thì thấy con có vẻ xinh xắn hơn, cô cũng sung sướng. Amelia đã thuê vẽ một tấm hình nhỏ của con trai mất một si-linh, đem treo cạnh hình bố nó trên tường cạnh giường ngủ. Một bữa, thằng bé theo lệ thường đến thăm mẹ, phi ngựa nước đại dọc theo dãy phố hẹp ở Brompton làm cho mọi người trong phố phải ngó ra trầm trồ khen; vào nhà, nó rút trong túi áo choàng ra một chiếc hộp nhỏ bằng gỗ mun đỏ (nó có một tấm áo choàng màu trắng cổ nhung), vẻ mặt sung sướng và kiêu hãnh đưa cho mẹ, nói:

- Mẹ ạ, con mua bằng tiền của con đấy. Con biết mẹ thích lắm.

Amelia mở hộp, kêu lên một tiếng ngạc nhiên và thú vị, ôm lấy con hôn lấy hôn để. Trong hộp có một bức hình của nó vẽ rất khéo (nhưng người đàn bà goá vẫn cho rằng còn kém đẹp xa so với con trai). Một lần ông nội nó đi qua Southampton Row, thấy bày mấy tác phẩm của một hoạ sĩ, ông tỏ vẻ rất ưng ý, muốn nhờ vẽ cho cháu một bức chân dung. Sẵn tiền trong túi, Georgy đến hỏi nhà hoạ sĩ xem một bức chân dung nhỏ giá bao nhiêu; nó bảo rằng muốn bỏ tiền riêng ra thuê vẽ để gửi

về cho mẹ. Nhà hoạ sĩ mến thằng bé, báng lòng vẽ với giá rẻ. Ông lão Osborne biết chuyện cũng tỏ ý hài lòng, ông cho cháu gấp đôi số tiền cháu vừa tiêu.

Nỗi sung sướng của Amelia còn gấp bội. Thấy con tỏ lòng quyến luyến mình như vậy, Amelia cho rằng trên đời không có đứa trẻ nào ngoan ngoãn bằng. Có đến mấy tuần lễ liền, hễ nghĩ đến con, cô lại thấy vui, Amelia cảm thấy đặt tấm hình của con dưới gối thì mình ngủ ngon giấc hơn. Nhiều lần, Amelia hôn tấm hình của con rồi khóc và cầu nguyện mãi. Con người có tâm hồn e lệ dịu dàng ấy chỉ cần những người mình yêu bộc lộ một chút cảm tình thôi cũng đủ lấy làm sung sướng. Từ buổi xa con, chưa lần nào cô hài lòng được như vậy.

Trong gia đình mới của mình, Georgy có quyền thế như một ông vua con. Vào bữa ăn, nó mời các bà dùng rượu vang, điệu bộ cứ tỉnh khô. Nom cách nó nâng cốc sâm-banh lên uống mà ông nội nó thích quá. Ông lão đỏ mặt, hích người ngồi bên cạnh nói: "Nom cháu kìa, ông có thấy đứa trẻ nào được như thế không? Lạy chúa! Nó sắp mua một bộ đồ trang sức và dao cạo để cạo râu đấy, không đúng cứ đem cổ tôi ra mà chặt".

Có lẽ mấy ông khách không lấy làm thú vị lắm về cái điệu bộ láu lỉnh của thằng bé như ông Osborne. Ông Justice Coffin có vẻ không bằng lòng vì đang nói

chuyện bị thằng Georgy nói leo vào làm ông cụt hứng. Đại tá Fogey nhìn bộ mặt ngà ngà say của thằng bé cũng không ưa lắm. Bà vợ viên đội già Toffy bị nó kéo hích khuỷu tay một cái làm sóng một ít rượu ra tấm áo sa-tanh vàng của bà rồi cười, bà cũng hơi bực mình. Một lần thằng con trai thứ ba của bà hơn Georgy một tuổi được nghỉ học, bà đưa đến công viên Russell chơi; tháng bé bị Georgy choảng cho một trận; chuyện này không làm bà hài lòng mấy tuy ông Osborne thì lấy thế làm thú vị lắm. Ông nội nó thấy cháu anh hùng, bèn thưởng cho hai đồng tiền vàng, lại hứa lần sau hễ cứ bắt nạt nổi những đứa lớn hơn thì sẽ có thưởng. Khó lòng hiểu ông lão thích cháu bắt nạt trẻ con khác vì lẽ gì ông chỉ mang máng thấy rằng trẻ con đánh nhau nhiều thì sinh bạo, và biết thống trị người khác là một điều bổ ích, chúng cần phải học. Thiếu niên nước Anh từ lâu vẫn được giáo dục như vậy, cho nên chúng ta mới gặp trong đám trẻ con hàng vạn đứa quen kính trọng và biện hộ cho sự bất công, và sự tàn nhẫn.

Được khen, và lại dã được cả thằng Toffy, Georgy phổng mũi, càng hống hách dữ tợn; một hôm, nó bận một bộ áo mới thật bảnh, đang đi vênh vang gần phố St. Pancras thì bị thằng bé con một người làm bánh mì nói mấy câu châm chọc; cậu công tử nhà ta bèn hăng hái lột

phăng áo, giao cho thằng bạn cùng đi với mình (tức là thằng Tođ ở Phố Greet Coram, khu Russell, con trai người cộng tác với ông Osborne trong hãng buôn). Georgy định choảng cho thằng kia một trận; nhưng lần này cu cậu không gặp may mắn, lại bị thằng bé con nhà hàng bánh nện cho một vố nên thân. Nó đành mang đôi mắt sưng húp tím bầm về nhà, chiếc áo sơ-mi mới tinh rách tơi tả, bị máu chảy ròng ròng từ mũi xuống làm cho loang lổ.

Nó kể với ông nội rằng mình vừa chiến đấu với một thằng khổng lồ; hôm về thăm mẹ nó kể lại câu chuyện thật dài, dĩ nhiên là không đúng sự thực lắm, làm cho mẹ nó sợ hết hồn.

Thằng Tođ ở phố Coram, khu Russell, là bạn thân của Georgy; thằng này phục bạn lắm. Hai đứa cùng thích vẽ tranh diễn viên đóng kịch, cùng thích ăn bánh rán, và mùa rét cũng thích chơi trò trượt tuyết ở công viên Nhiếp chính và trên sông Serpentine. Ông Osborne vẫn sai Rowson là người hầu riêng của Georgy đưa hai đứa đi xem hát; cả ba ngồi đình huỳnh trong lô ghế hạng nhất.

Chúng được đưa đến khắp các rạp hát lớn trong kinh đô, thuộc lòng tên các đào kép, từ đường Drury đến Sadler's Wells. Về nhà, hai đưa hì hục cắt giấy tô màu,

dựng lại những cảnh trên sân khấu cho các bạn xem. Bác hầu việc Rowson tính cũng hào phóng, khi tan hát, nếu túi tiền rủng rẻng một chút, vẫn hay thết hai cậu một chầu sò huyết, lại kèm theo một chút rượu "rum" để cậu về ngủ cho ngon giấc. Dĩ nhiên, Rowson cũng được cậu chủ đền bù lại rộng rãi để tỏ lòng biết ơn bác người nhà đã cho mình thưởng thức những thú chơi khoái trá kể trên.

Ông Osborne không bao giờ chịu mượn bọn phó may cà mèng ở khu City may áo cho cháu, mặc dầu chính ông vẫn nhờ họ cắt áo cho mình; ông gọi một bác thợ may nổi tiếng ở tận West End đến để trang hoàng cho cái thân thể của cậu cháu nội, lại căn dặn chớ có ngại ông tiếc tiền. Được lời như cởi tấm lòng, ông Woolsey ở phố Conduit bèn ra sức phát huy trí tưởng tượng, cắt cho thằng bé kiểu áo tối tân, nhiều vô kể, cho trẻ con hàng xóm cũng không hết.

Dự những buổi tiếp khách tối thì Georgy mặc áo chẽn trắng, dùng bữa trưa thì mặc áo chẽn nhung; nó lại có cả một bộ py-ja-ma dùng riêng để mặc trong nhà y như người lớn. Bữa trưa nào nó cũng bận lễ phục cẩn thận; thấy thế, ông nội khen cháu "Chẳng thua gì con nhà khá giả ở West End"; ông lại sai riêng một người nhà chuyên việc hầu hạ cậu, giúp cậu mặc quần áo, để cậu sai vặt,

lại bắt hễ có thư gửi cho cậu thì phải đặt vào khay bạc cẩn thận mới được mang lên.

Ăn sáng xong, thường thường Georgy hay ngồi trong ghế bành ở phòng ăn đọc báo "Tin tức buổi sáng", trông ra phết người lớn. Thấy cậu chủ hay văng tục và thề độc, bọn đầy tớ cho là sớm hiểu biết, phục lăn. Những người có biết bố nó ngày xưa đều nói nó giống viên đại uý như đúc. Tuy thằng bé tính tình nghịch ngợm, "ông hạng", hay quát tháo nhưng tốt bụng, nhà cửa thế cũng vui.

Việc giáo dục của Georgy được giao cho một nhà học giả mở trường dạy tư ở gần nhà; ông này chuyên "chuẩn bị cho các thiếu niên con nhà quý tộc và con nhà thượng lưu để vào các trường đại học, và nghị viện và làm các nghề tự do; phương pháp giáo dục không dựa vào sự trừng phạt thân thể đã lỗi thời mà nhiều nơi vẫn còn dùng; tại nhà trường, học trò sẽ được sống trong một bầu không khí ấm cúng của gia đình với những tập quán của một xã hội thượng lưu lịch sự". Đó là phương pháp "câu học trò của ngài mục sư Lawrence Veal ở phố Hart Bloomsbury, và là giáo sĩ riêng của gia đình bá tước Bareacre.

Nhờ khéo quảng cáo và ra sức vận động, ngài "mục sư gia đình", và bà vợ vẫn thường có một hai học trò

lưu trú trong nhà; bố mẹ họ phải trả thật nhiều tiền, cứ yên trí rằng đã cho con được ăn học trong một trường đứng đắn thực sự. Có một cậu lộc ngộc người xứ Tây Ấn quanh năm chả có ai đến thăm, da màu súc-cù-là, tóc quăn tít, điệu ra phết công tử. Lại có một chàng thanh niên vụng về đã hai mươi ba tuổi, trước nay học hành không ra sao cả, nhưng bây giờ ông bà Veal đang có nhiệm vụ đưa dắt vào xã hội thượng lưu. Ngoài ra còn có hai đứa con trai chịa đại tá Bangles, thuộc Công ty Đông Ấn Độ. Khi Georgy đến thụ giáo thấy cả bốn đang ngồi ăn chung một bàn do bà Veal chủ toạ.

Georgy cùng khoảng một tá học sinh khác ngoại trú. Sáng sáng bác Rowson đưa nó đi học; nếu trời đẹp, đến trưa nó cưỡi con ngựa non về nhà, có bác bồi, ngựa theo sau. Trong trường ai cũng đồn rằng ông nội nó giàu nứt đố đổ vách. Ngài mục sư Veal vẫn tấm tắc khen thằng bé về chuyện này, chắc sau này nó phải làm to. Ông ta lại khuyên nó nên chăm chỉ học hành và vâng lời để chuẩn bị lãnh những nhiệm vụ quan trọng chắc chắn nó sẽ phải đảm đương khi đến tuổi thành nhân. Ông bảo rằng trẻ con ngoan ngoãn vâng lời là cách tốt nhất để học chỉ huy người khác khi lớn lên. Vì vậy ông yêu cầu Georgy không nên đem kẹo ngọt đến trường để làm hư dạ dày của cậu Bangles; cần ăn thức ăn gì, bà Veal đã

cung cấp đầy đủ rồi.

Riêng về mặt học vấn thì "Học đường" – ông Veal vẫn ưa gọi như vậy – cung cấp hết sức phong phú. Các cậu học sinh ở phố Hart được học đủ mọi môn. Mục sư Veal có một bảng thiên văn, một máy phát điện, một máy tiện, một sân khấu (thiết lập trong phòng giặt quần áo), một ít dụng cụ thí nghiệm hoá học, và một cái mà ông gọi là tủ sách chọn lọc, toàn tác phẩm của các tác giả cổ kim bậc thầy đủ các thứ tiếng. Ông đưa học trò đi thăm Viện bảo tàng nước Anh, giảng giải về những di tích cổ sử và những hiện vật về khoa vạn vật học bày tại đây cho học trò nghe. Ông nói hay đến nỗi người xem xúm xít xung quanh; ông nổi tiếng trong khu phố Bloomsbury là một học giả biết rộng hiểu nhiều. Mỗi khi ông nói (mà ông nói luôn) bao giờ ông cũng cố tìm những tiếng thật dài, thật hay trong ngữ vựng; ông cho rằng dùng một tính từ thật kêu, thật hay cũng không tốn kém hơn một tiếng đơn giản thông thường là mấy tý.

Đại khái ở trường, ông thường hỏi Georgy thế này: "Hôm qua tôi được hân hạnh tham dự buổi nói chuyện khoa học với ông bạn hết sức quý báu của tôi là Bulders tiên sinh, một nhà khảo cổ học chân chính… phải, một nhà khảo cổ học chân chính… lúc trở về nhà tôi quan sát thấy những khung cửa sổ trên ngôi nhà vô cùng lộng

lấy của con người đáng kính là ông nội anh, sáng rực rỡ như có đại tiệc. Không biết tôi có lý không khi tôi phỏng đoán rằng đêm qua ông Osborne đã mở tiệc long trọng thết đãi toàn những vị khách lựa chọn?"

Georgy tính cũng ưa khôi hài bèn trả lời ông Veal rằng ông phỏng đoán rất đúng; nó vẫn hay bắt chước điệu bộ của thầy giáo rất khéo ngay trước mũi ông ta.

- Vậy thì, các anh, tôi dám cam đoan rằng, những ông bạn đã có hân hạnh được ông Osborne thiết đãi không có lý do gì để phàn nàn về bữa tiệc; chính tôi đây cũng từng nhiều lần được thưởng thức những bữa tiệc như vậy… (Nhưng anh Osborne, sáng nay anh đi học hơi muộn đấy: và đây không phải là lần đầu tiên tôi nhận thấy khuyết điểm ấy của anh). Vậy thì tôi xin nói với các anh rằng tầm thường như tôi đây, tôi cũng cảm thấy mình không đến nỗi không xứng đáng dự hưởng sự thết đãi lọng trọng của ông Osborne. Tuy tôi đây cũng đã từng nhiều phen tiệc tùng với những vị quý tộc tai mặt – tôi thấy có thể dẫn ra trong số ấy tên vị bá tước đáng kính Bareacre, người bạn quý đồng thời là người che chở cho tôi, nhưng tôi có thể cam kết với các anh rằng bàn tiệc của một thương gia Anh quốc vẫn đầy đủ cách tiếp đãi, vẫn lịch sự hơn hết.

Anh Bluck, chúng ta hãy trở về đoạn văn của Eutropis

vừa bị anh Osborne đến làm ngắt đoạn".

Đó tức là vị học giả vĩ đại đã phụ trách việc dạy dỗ Georgy trong một thời gian. Nghe những câu nói văn hoa bóng bẩy, Amelia chẳng hiểu ra sao cả, nhưng cũng yên trí Veal tiên sinh là một tay uyên bác. Vì những lý do riêng, người đàn bà góa này đã tìm cách kết thân với bà Veal. Cô thích lại chơi nhà bà này để được nhìn thấy Georgy đến đây học. Cô cũng thích được bà Veal mời đến dự những buổi họp mặt hàng tháng; nhà giáo sư thường gửi những tấm thiếp màu hồng có in chữ Minerva trên góc, mời học trò và bạn hữu đến dự những buổi nói chuyện về khoa học, có thết nước trà pha thật loãng.

Amelia không bao giờ vắng mặt trong những buổi gặp gỡ này; được có Georgy ngồi cạnh, bà mẹ thấy buổi họp mặt hết sức lý thú. Buổi nói chuyện tan, khách khứa ra về, bác Rowson cũng đến đón Georgy đi nốt; Amelia cảm động ôm lấy bà Veal mà hôn để cảm tạ vì vừa được dự một buổi họp mặt rất vui, rồi khoác áo, choàng khăn san đi bộ về nhà.

Về mặt học vấn mà Georgy thụ hưởng được của vị giáo sư đa ngôn thông hiểu mọi khoa học trên trái đất này, thì hình như thằng bé tấn tới lắm, nếu ta căn cứ vào những tờ thông báo hàng tuần nó mang về đưa cho ông

nội. Tờ giấy liệt kê có tới hơn một tá các môn khoa học nghe rất hấp dẫn, vị giáo sư phê rành rọt về sự tiến bộ của học trò trong từng môn. Về môn tiếng Hy Lạp Georgy được phê là *aristos*, về môn tiếng la tinh, *optimus*, về môn Pháp văn, *très bien* và v.v…

Cuối năm học. Cả cái cậu Swartz tóc quăn tít em trai cùng bố khác mẹ của bà Mac Mull, và cậu Bluck tức là anh thanh niên đã hai mươi ba tuổi đầu ở nhà quê ra, học dốt như bò cùng cậu Todd mà ta cũng đã biết, được phát thưởng mấy cuốn sách rẻ tiền có ghi chữ "Minerva" ở ngoài bìa, kèm theo một câu tiếng La- tinh của vị giáo sư đề tặng.

Gia đình cậu Todd là những kẻ ăn bám nhà ông Osborne; ông lão đã nâng địa vị ông Todd từ chân nhân viên thường lên hàng một người cộng tác trẻ tuổi của hãng buôn. Ông Osborne nhận làm cha đỡ đầu cho thằng Todd (về sau lớn lên, đi đâu Todd cũng chìa ra một tấm danh thiếp in tên "Ông Osborne Todd", và trở thành một tay phong lưu công tử khét tiếng). Cô Osborne vẫn dắt cô Mary Todd đi lễ nhà thờ, hàng năm lại tặng cô bạn gái được mình che chở một cuốn sách đạo, một bộ sách, một tập thơ tôn giáo có giá trị hết sức… văn chương, hoặc một vài tặng phẩm khác làm kỷ niệm. Thỉnh thoảng cô Osborne lại cho đánh xe ngựa

đưa chị em cô Todd đi chơi. Khi nào họ ốm, thế nào cô Osborne cũng sai bác người nhà bận chế phục may bằng nhung đem kẹo mứt từ công viên Russell đến phố Coram để cho. Hiển nhiên là phố Coram phải lép vế và khúm núm trước công viên Russell. Bà Todd vốn là người khéo tay, cắt; hoa giấy để lót tay ăn món thịt cừu rán rất tài, lại khéo gọt củ cải và cà-rốt thành những hình con vịt, những cánh hoa v.v… nom như thật: mỗi khi "bên công viên" có mở tiệc lớn thết khách, bà vẫn sang làm giúp, nhưng không mấy khi dám nghĩ đến việc cùng ngồi dự tiệc. Nếu đến phút cuối cùng mà còn trống một ghế khách không tới, thì ông Todd được gọi đến thế chân cho tròn cỗ. Bà Todd và cô Mary đã rón rén vào trong phòng khách đợi trước; lúc cô Osborne dẫn các quý bà vào, thì hai mẹ con phải sẵn sàng bắt đầu chơi nhạc và hát để giúp vui trong lúc chờ đợi các quý ông uống rượu vang xong lại sang. Đáng thương thay cho hai mẹ con bà. Trước khi ra mắt biểu diễn trước công chúng ở "công viên" hai mẹ con đã tốn bao nhiêu công phu tập tành với nhau ở nhà!

Vậy thì hầu như số phận đã định rằng người nào gặp Georgy cũng bị thằng bé thống trị, cho nên khách khứa, người trong họ cũng như đầy tớ trong nhà thấy nó đều phải cúi rạp xuống mà chào. Phải nhận rằng thằng bé

đóng vai trò của mình đến nơi đến chốn. Thiên hạ nhiều kẻ vẫn thế. Georgy rất ưa lên mặt ông lớn, và hình như có năng khiếu bẩm sinh về khoa này thì phải.

Ở khu phốRussell ai cũng sợ ông Osborne, mà ông Osborne thì lại sợ Georgy. Cái phong thái đường hoàng của thằng bé, cái cách nó thao thao bất tuyệt bàn về kiến thức, về sách vở, cái bộ mặt giống bố như đúc, khiến ông lão nhớ đến người con trai chưa được tha thứ đã chết trận ở Brussels mà sinh ra tôn trọng cháu, sợ hãi cháu như nô lệ sợ chủ. Thấy một vài cử chỉ vô tình của thằng bé, một vài lối nói đặc biệt như thừa hưởng được của bố, ông lão giật mình, tưởng như con trai sống lại đang đứng trước mặt. Để chuộc lỗi xưa kia đã trót quá khe khắt với cha nó, ông càng ra sức chiều chuộng cháu nội. Ai thấy ông nuông cháu quá đáng cũng phải lấy làm lạ. Ông vẫn hay càu nhàu gắt gỏng với cô Osborne như trước, nhưng ông vẫn tươi cười mặc dầu Georgy xuống ăn sáng muộn.

Cô Osborne bây giờ đã thành một cô gái già, nhan sắc phai úa, vì trải hơn bốn mươi năm trời sống trong cảnh đời tẻ nhạt, đầy đoạ. Cho nên thằng cháu láu lỉnh cưỡi cổ cô nó dễ như bỡn. Georgy muốn gì cô nó cũng phải cho, từ lọ mứt trong tủ cho tới hộp màu vẽ cũ kỹ đã khô nứt (hộp màu vẽ cô mua từ hồi cô còn có thể gọi là tuổi

xuân phơi phới, đang theo học ông Smee); Georgy vớ được thứ đồ chơi mình ưa thích rồi thì lờ tít không cần đến cô nữa.

Nói về bè bạn, Georgy có ông giáo long trọng vẫn hay nịnh nọt nó, và thằng Todd, tuy lớn hơn nhưng vẫn bị nó bắt nạt thẳng cánh. Bà Todd rất thích cho nó chơi với đứa con gái út là Rsa Jemima, một con bé kháu khỉnh mới lên tám tuổi. Bà thường bảo rằng hai đưa nom tốt đôi quá (dĩ nhiên bà không dám nói thế với những người "bên công viên"; bà nghĩ thầm: "Biết đâu sau này hai đứa lại không thành vợ thành chồng.

Ông ngoại nó, ông lão chán đời, cũng bị thằng bé thống trị. Thấy nó bận quần áo sang trọng, cưỡi ngựa có người theo hầu, ông đâm ra nể cháu. Về phần Georgy, nó vẫn thường nghe ông Osborne mỉa mai thóa mạ một cách thô bỉ kẻ thù của mình là ông John Sedley.

Ông Osborne vẫn gọi ông thông gia của mình là thằng ăn mày, thằng bán than, thằng phá sản, và bằng nhiều tiếng tàn nhẫn khác. Vậy thì làm sao thằng Georgy có thể kính trọng được một con người tồi tệ đến thế? Nó về ở với ông ngoại được vài tháng thì bà Sedley chết. Hai bà cháu không hợp nhau, thành ra thằng bé cũng chẳng buồn tỏ ra rầu rĩ lắm. Nó bận một bộ áo tang mới may đến thăm mẹ, và có vẻ hết sức bực mình vì lỡ mất một

tích hát nó ao ước xem từ lâu.

Hồi bà lão bị ốm, Amelia hết sức lo lắng săn sóc dường như cố lấy việc đó làm lẽ sống của mình. Đàn ông ai thấu hết được những nỗi khổ thầm kín của phụ nữ? Chỉ cần một phần trăm những sự dầy vò hàng ngày họ vẫn ngoan ngoãn chịu đựng cũng đủ làm cho chúng ta đến phát điên lên rồi. Biết bao nhiêu người đàn bà đã phải đeo đẳng cảnh sống nô lệ đằng đẵng không chút hy vọng được đền bù, rất thuỳ mị hiền hậu mà luôn luôn bị đối xử tàn tệ; họ yêu chồng quý con, làm lụng vất vả, chịu đựng kiên nhẫn mà không được lấy một lời nói ngọt ngào an ủi gọi là có; vậy mà đi ra ngoài, vẻ mặt họ vẫn tươi tỉnh như không. Họ tức là những kẻ nô lệ thuần thục bị bắt buộc phải tỏ ra yếu đuối và giả dối vậy.

Bà cụ Sedley được nâng từ ghế bành đặt lên giường rồi cứ nằm liệt ở đó mãi, Amelia lúc nào cũng có mặt bên giường mẹ, trừ những lúc phải chạy đi thăm Georgy. Những buổi vắng mặt như thế cũng hiếm, nhưng bà cụ vẫn lấy làm giận con gái. Hồi còn làm ăn thịnh vượng, bà cụ vẫn là một người mẹ dịu dàng, tươi tỉnh, rộng lượng; bây giờ nghèo túng bệnh hoạn đã thay đổi cả tính tình.

Nhưng Amelia không vì mẹ ốm đau trái tính mà lấy làm khó chịu. Hình như tình trạng ấy lại giúp cô chịu đựng nổi một sự đau khổ khác đang vò xé lòng mình, vì

phải luôn luôn săn sóc mẹ ốm, không có thì giờ mà nghĩ đến nữa. Dẫu vất vả, nhưng Amelia vẫn tươi tỉnh hầu mẹ từng ly từng tý; bà cụ cứ rên rỉ gọi luôn, bao giờ cô cũng dịu dàng thưa lại. Amelia hết sức khuyến khích mẹ hy vọng bằng những lời lẽ thốt tự đáy lòng mình, và cuối cùng chính cô đã vuốt mắt cho mẹ, đôi mắt xưa kia đã từng trìu mến nhìn cô, bây giờ vĩnh viễn nhắm lại.

Từ đó, Amelia để hết thì giờ và tâm trí vào việc săn sóc ông bố già nua bất hạnh; ông lão bị tai hoạ dồn dập gieo xuống đầu, bây giờ như hoàn toàn trơ trọi giữa cuộc đời. Ông mất vợ, mất danh dự, mất cơ nghiệp, mất hết những thứ ông tha thiết nhất trên đời. Còn lại một mình Amelia đứng cạnh đưa đôi cánh tay dịu dàng ra nâng đỡ ông lão già nua run rẩy và đau khổ. Chúng tôi không muốn viết về đời sống của ông Sedley, vì tẻ nhạt vô cùng; chưa nói chúng tôi đã thấy trước cả Hội chợ phù hoa ngáp dài rồi.

Một hôm, học trò đang tề tựu đông đủ trong phòng học của ông Veal, và ông "mục sư gia đình" của ngài bá tước Bareacre đang "phun châu nhả ngọc" như thường lệ, thì thấy một chiếc xe ngựa tuyệt đẹp đến chỗ cạnh bức tượng thần Minerva ngoài cổng trường; từ xe hai người đàn ông sang trọng bước xuống. Cậu Bangles vội xô cửa sổ ngó, hy vọng bố mình ở Bombay sang thăm;

còn vị sinh viên to đầu đã hai mươi ba tuổi, vừa khóc dở mếu dở vì bài văn của Eutropius cũng ra dán mũi vào ô cửa kính nhòm chiếc xe ngựa; cậu thấy hai anh hầu xe nhảy vội xuống mở cửa xe cho hai ông khách bước xuống.

Ngoài cửa có tiếng gõ thình thình, Bluck reo lên:

- Một ông béo, một ông gầy, chúng mày ạ.

Mọi người nháo nhác cả lên, kể cả ông "mục sư gia đình"; ông ta hy vọng có phụ huynh mới đến xin học cho con; riêng Georgy thì khoan khoái vì được dịp bỏ sách xuống chơi một lúc.

Người hầu việc[81] của nhà trường vội xỏ tay vào bộ chế phục chật ních cũ rích, khuy đồng rỉ bét chạy ra mở cổng, rồi quay trở vào báo: "Có hai vị khách muốn gặp cậu Osborne". Sáng nay vị giáo sư vừa cãi nhau một tí với cậu học trò vì chuyện cậu mang pháo vào lớp học; nhưng bây giờ ông lấy vẻ mặt điềm tĩnh thường ngày nói: "Anh Osborne. tôi cho phép anh ra gặp người nhà vừa đến tìm… nhờ anh chuyển hộ tới các vị lời chào kính cẩn của tôi và bà Veal.

Georgy bước vào phòng tiếp khách, thấy hai người lạ mặt, nó ngẩng cao đầu theo thói quen kiêu hãnh nhìn thẳng vào mặt họ.

Một người to béo, để râu, một người vừa cao, vừa gầy, bận một tấm áo màu xanh nước biển, da mặt rám nắng, tóc lốm đốm hoa râm.

Người cao gầy giật mình nói:

- Trời ơi nom giống như lột ấy nhỉ! Georgy, em có biết chúng ta là ai không?

Mặt thằng bé đỏ bừng lên, hai mắt long lanh; khi nó cảm động nó vẫn như vậy. Nó đáp:

- Cháu không biết ông kia là ai, nhưng nhất định bác là thiếu tá Dobbin.

Quả thực đó là anh bạn của chúng ta. Dobbin chào thằng bé mà giọng nói run run; anh ta nắm hai tay áo kéo thằng bé lại gần mình hỏi:

- Má cháu nói chuyện về bác luôn cho cháu nghe… có đúng không?

Georgy đáp:

Đúng. Má cháu nói chuyện hàng trăm lần ấy.

CHƯƠNG LVII
TỪ ĐÔNG PHƯƠNG TRỞ VỀ

Ông Osborne có một cái thú đặc biệt là được thấy ông Sedley, người cạnh tranh với ông, kẻ thù của ông, đồng thời là ân nhân của ông xưa kia, trở về già lại bị bần cùng sa sút đến mức độ phải chìa tay ra nhận tiền giúp đỡ của những kẻ đã làm nhục mình, đã thoá mạ mình nhiều nhất. Con người thành công trong đời ấy, vẫn cứ chửi bới ông già bất hạnh bần cùng nhưng thỉnh thoảng lại bố thí cho tí chút gọi là. Ông Osborne vẫn cho tiền Georgy đem về giúp mẹ, đồng thời ông cũng nói ý cho cháu biết bằng những lời lẽ tuy bóng gió nhưng thô bạo rằng ông ngoại nó bây giờ chỉ là một lão già phá sản, sống phụ thuộc vào người khác, và ông John Sedley nên biết cảm ơn người đã giúp đỡ ông nhiều lần, và hiện vẫn tiếp tục đối xử với ông một cách rộng lượng. Georgy mang tiền về đưa cho mẹ và ông ngoại già nua yếu đuối. Bây giờ mẹ nó sống chủ yếu là để chăm nom săn sóc ông nó. Thằng bé đối xử trịch thượng cả với ông lão yếu đuối khốn khổ kia.

Hình như Amelia tỏ ra thiếu tự trọng vì chịu nhận tiền trợ cấp của kẻ thù của cha mình; nhưng người đàn bà đáng thương ấy có bao giờ biết đến tự ái là gì đâu. Kể từ

khi Amelia trở thành gần như một người đàn bà, hoặc đúng hơn kể từ cuộc hôn nhân bất hạnh với George, lúc nào cô cũng phải sống trong sự nghèo túng thiếu thốn hàng ngày, không mấy khi được nghe lời nói ngọt ngào, tuy bận tâm giúp người nhưng không được đền đáp lại. Bẩm tính nhút nhát, Amelia cần được che chở. Ví thử bạn được chứng kiến cảnh những người có đức hạnh hàng ngày bị đè nặng dưới những nỗi khổ nhục như thế, ngoan ngoãn chịu đựng số phận đắng cay của mình mà không được ai thương xót, lại nghèo túng, mà bị khinh bỉ cũng vì nghèo túng, liệu bạn có hạ cố cúi xuống làm công việc rửa chân cho kẻ ăn mày nhếch nhác đó không? Chỉ nghĩ đến hạng người ấy mà đã đủ lợm giọng! Lão Dives vừa nốc nốc rượu vang, vừa nói: "Phải có giai cấp chứ… phải có người giàu, kẻ nghèo…" (Lão còn ném mấy miếng xương thừa cho chú hành khất Lazarus ngồi co ro chầu trước cửa sổ là may đấy). Nhưng cũng phải thấy rằng tại sao có người thì lụa là gấm vóc, mà khối kẻ đeo khố tải, chỉ có những con chó thương xót cảnh ngộ của mình? Đó cũng là một điều bí mật, nhiều khi không giải thích nổi.

Vì lẽ đó Amelia không những không than thở gì mà gần như có vẻ biết ơn khi đành tâm cúi nhặt những mẩu bánh thừa rơi vãi từ trên bàn ăn của ông bố chồng mang

về nuôi cha mẹ. Cô sớm hiểu rằng đó là nhiệm vụ của mình. Người thiếu nữ ấy (Thưa các bà, Amelia đã ba mươi tuổi: và tôi vẫn muốn gọi cô ấy là một thiếu nữ).. người thiếu nữ ấy vẫn quen hy sinh tất cả mọi thứ để mưu cầu hạnh phúc cho người thân của mình. Hồi còn Georgy ở nhà, Amelia đã thức biết bao đêm dài đằng đẵng để cặm cụi làm việc cho con trai? Cô đã chịu đựng bao nỗi thiếu thốn, bao sự khinh bỉ để phụng dưỡng cha mẹ? Giữa cảnh sống trơ trọi đầy những sự nhịn nhục và hy sinh âm thầm tối tăm ấy. Amelia đã không thể kính trọng cô. Tôi tin rằng trong thâm tâm, Amelia cho rằng mình chỉ là một người tầm thường không đáng được coi trọng, và cũng không có quyền đòi hỏi một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Hỡi ôi, những người đàn bà đáng thương kia. Những người tử vì đạo và nạn nhân tối tăm sống một cuộc đời đầy đoạ, nằm trên giường ngủ như nằm trên đống gai, ngồi vào bàn ăn như đặt đầu trên máy chém! Có người đàn ông nào theo dõi cuộc sống đau khổ của họ, có ai ghé mắt nhìn vào bóng tối nơi họ đang bị hành hạ trăm chiều, lại không phải mủi lòng thương xót… và không cảm tạ thượng đế vì đã sinh ra mình là kẻ mày râu? Tôi còn nhớ đã nhiều năm về trước, có dịp thấy trong nhà thương điên ở Bicetre gần Paris, một anh chàng khốn

khổ bị đầy đoạ trong cảnh giam cầm và bệnh tật; một người trong bọn chúng tôi cho anh ta một nhúm thuốc lá bột đáng độ một xu; con người tàn tật ấy không ngờ rằng trên đời lại có thể có người rộng rãi đến thế; anh ta khóc rưng rức lên vì biết ơn và sung sướng. Ví thử có ai cho không chúng ta, mỗi năm tới một nghìn đồng hoặc cứu sống chúng ta cũng chưa chắc chúng ta đã cảm động đến thế. Cho nên nếu ta vẫn quen hành hạ đàn bà xưa nay, thì chỉ cần tỏ ra rộng lượng chút xíu đối với họ cũng đủ khiến họ khóc vì sung sướng và coi ta như thiên thần ban phúc.

Số mệnh cũng chỉ ban cho Amelia những mẩu hạnh phúc nhỏ nhoi như vậy. Cuộc đời của cô mở đầu không đến nỗi tồi thế mà bây giờ đã rơi xuống mức độ là một cảnh tù đầy khốn nạn nhục nhã trăm chiều. Thỉnh thoảng thằng Georgy cũng đến thăm người mẹ sống trong cảnh giam cầm, và an ủi mẹ bằng vài lời không có mấy tác dụng. Phạm vi nhà tù của Amelia chỉ đến công viên Russell là cùng. Đôi khi cô cũng dạo chơi ngoài đó một chút, nhưng đến đêm lại phải quay về gian xà lim của mình mà ngủ, mà làm những công việc không có gì vui vẻ, mà săn sóc bên giường bệnh, mà chịu đựng những sự trái chứng của tuổi già. Trên đời này thử hỏi có đến bao nhiêu người, nhất là đàn bà, bị số mệnh buộc

phải sống trong cảnh nộ lệ như vậy? Họ là những người khán hộ không công… hoặc có thể gọi được là những bà "xơ" làm phúc, nhưng lại thiếu ý thức hy sinh lãng mạn… họ vật lộn, họ nhịn đói, họ thức đêm và đau khổ nhưng không được ai biết đến mà thương xót, rồi cứ thế mà tàn lụi đi một cách khốn nạn tối tăm. Thì ra đấng tối linh vô hình và khắc nghiệt vẫn quyết định vận mệnh nhân loại kia vẫn ưa vùi dập những con người hiền hậu, dịu dàng khôn ngoan, và chỉ nâng đỡ những kẻ ích kỷ, ngu si và tàn ác! Hỡi những người đang sống trong hạnh phúc phồn vinh hãy biết khiêm tốn một chút! Hãy đối xử dịu dàng với những kẻ không được may mắn bằng mình, nếu không phải là xứng đáng được sung sướng hơn mình. Thử nghĩ xem, các người có lý do gì mà kiêu ngạo, trong khi các người có đức hạnh chỉ vì không biết thèm muốn, các người đạt được thắng lợi chỉ là nhờ may mắn, các người có địa vị cũng do ngẫu nhiên thừa hưởng được của cha ông và cuộc sống hạnh phúc phồn vinh hầu như chỉ là câu chuyện khôi hài?

Thi hài bà mẹ Amelia được chôn cất tại nghĩa địa Brompton. Hôm ấy trời đất âm u, mưa rơi tầm tã. Amelia nhớ lại đúng như ngày cô làm lễ cưới cùng George. Thằng con nhỏ ngồi cạnh mẹ bận bộ áo tang mới nguyên nom thật long trọng. Amelia nhớ lại bà lão đưa chỗ ngồi

hồi xưa. Tâm trí cô cứ vơ vẩn đâu đây trong lúc vị mục sư đọc lời cầu nguyện. Giá không đang nắm bàn tay Georgy trong tay mình, Amelia đã ước ao đánh đổi lấy số phận của… nhưng cô vội xua đuôi ý tưởng ích kỷ ấy đi ngay, rồi thầm khấn nguyện xin Chúa ban thêm sức mạnh để làm tròn bổn phận.

Amelia quyết định cố gắng đem hết sức mình ra để giúp cho cha được sống hạnh phúc lúc tuổi già. Cô làm việc túi bụi cả ngày, khâu vá quần áo, hát cho ông Sedley nghe và đánh bài với ông lão; cô còn đọc báo cho cha nghe, làm những món ăn ông Sedley ưa thích, dắt ông cụ đi chơi luôn trong công viên Kensington, hoặc trên những con đường nhỏ ở Brompton; Amelia ngồi lắng nghe ông Sedley kể mọi thứ chuyện, cố gắng mỉm cười tươi tỉnh, không hề tỏ ra mệt mỏi; trong khi ông già yếu đuối ngồi sưởi nắng trên tấm ghế đá trong công viên luôn mồm rên rỉ và phàn nàn về những sự lầm lẫn và đau khổ của mình, thì cô ngồi lặng lẽ mơ màng, theo đuổi những ý nghĩ riêng tư và những kỷ niệm trong dĩ vãng. Những lúc ấy người đàn bà goá trẻ tuổi nghĩ đến bao chuyện đáng buồn? Nhìn những đứa trẻ lăng xăng chạy lên chạy xuống những con đường dốc và trên những lối đi rộng thênh thang trong vườn, Amelia lại nhớ đến đứa con không còn được ở với mình nữa, lại nhớ đến George

xưa kia cũng bị số mệnh bắt đi, lại hối hận rằng trong cả hai trường hợp, mối tình ích kỷ tội lỗi của mình đã bị trừng phạt một cách phũ phàng, Amelia cố gắng công nhận rằng mình bị trừng phạt là đúng; rằng mình chỉ là một kẻ có tội, nhưng vẫn đau khổ vì phải sống trơ trọi giữa cuộc đời.

Tôi biết rằng câu chuyện Amelia bị giam cầm trong cảnh cô đơn đang kể đây vô cùng tẻ nhạt, muốn cho vui câu chuyện nên thêm thắt vài sự kiện lý thú hoặc hài hước nào đó… thí dụ một bác coi tù đa tình, một viên sĩ quan tai quái chỉ huy pháo đài, một chú chuột dám đến trước mặt Latude[82] mà muốn vuốt râu hùm, hoặc con đường hầm bí mật dưới nền lâu đài do Trenck[83] chỉ dùng tăm xỉa răng và móng tay mà đào được. Nhưng kẻ viết truyện này không thể đưa những chi tiết ấy vào cuộc đời bị giam hãm của Amelia. Các bạn hãy tưởng tượng suốt thời gian ấy Amelia rất buồn, nhưng bao giờ cũng tươi tỉnh mỉm cười mỗi khi cha hỏi đến, cuộc sống của cô rất thiếu thốn cơ cực nhưng không phải là tầm thường. Để ông bố già được vui lòng, cả ngày cô hát, làm món pa-tê, đánh bài, mạng bít tất.

Amelia có phải là nhân vật chính trong truyện này hay không… chỉ biết rằng chúng ta cũng ao ước đến khi già nua, phá sản, được tựa vào vai một đứa con chí hiếu

như thế, và được một bàn tay dịu dàng như của Amelia sắp đặt nệm gối trong cảnh già nua bệnh hoạn.

Sau khi vợ chết, ông lão Sedley bỗng đổi tính, ông thương con gái vô cùng. Amelia cũng lấy việc săn sóc cha già làm nguồn an ủi.

Nhưng không lẽ chúng ta cứ bắt hai bố con ông già sống khổ sở như vậy mãi; họ cũng sắp được hưởng hạnh phúc rồi, hạnh phúc theo quan niệm của thế nhân. Có lẽ bạn đọc đã đoán được cái ông to béo cùng đi với anh bạn thiếu tá Dobbin của chúng ta đến thăm Georgy là ai. Anh ta cũng là một nhân vật quen thuộc đi vàng xa mới trở về nước Anh, đúng lúc sự có mặt của anh ta đem lại hạnh phúc cho cha và em gái.

Lấy cớ cần giải quyết những việc riêng rất cấp bách thiếu tá Dobbin được viên tướng chỉ huy vui tính cho phép nghỉ ngay để đi Madras, rồi từ đó lên tàu về nước Anh. Dobbin đi suốt ngày đêm không nghỉ kỳ cho tới đích mới thôi, thành ra đến Madras anh ta bị sốt nặng. Bọn đầy tớ theo hầu đưa chủ đến nhà một người bạn, chỗ Dobbin định nghỉ lại, để chờ ngày lên tàu về nước. Dobbin sốt mê man bất tỉnh. Mấy ngày liền, ai cũng tưởng anh ta khó lòng đi xa hơn cái nghĩa địa của nhà thờ St. George, nơi rất nhiều sĩ quan đã yên giấc ngàn năm xa gia đình; và trên nấm mộ của anh ta một toán

lính sẽ bắn một loạt súng vĩnh biệt.

Những phút mê man vật vã trong cơn sốt, những người khán hộ thường nghe Dobbin nhắc đến tên Amelia. Còn trong những giờ tỉnh táo, lúc nào anh ta cũng rầu rĩ vì bị ám ảnh bởi ý tưởng sắp phải xa cách Amelia mãi mãi… Dobbin cho rằng đời mình đến đây là chấm dứt, anh ta nghiêm trang sửa soạn từ giã cõi đời; thu xếp mọi công việc, viết di chúc để lại cái tài sản bé nhỏ cho những người thân thiết nhất của mình. Người bạn của Dobbin ở nhờ đang làm chứng cho việc thảo di chúc. Dobbin ngỏ ý muốn được chôn cùng với một vòng nhỏ tết bằng tóc màu nâu vẫn đeo trên cổ. Món tóc này anh ta đã xin được của chị hầu gái vẫn săn sóc Amelia ở Brussels, hồi cô phải cắt tóc vì ốm liệt giường sau khi George tử trận trên đồi St. John.

Dobbin khỏi bệnh, đã bình phục, rồi phát lại, vì trích huyết và uống ca-lô-men quá nhiều, nhưng nhờ tạng người khoẻ mạnh nên không can gì. Khi được đưa lên tàu Ramchunder anh ta gần như một bộ xương. Tàu này của công ty Đông Ấn Độ, do đại uý Bragg chỉ huy, nhổ neo từ Calcutta, đỗ tạm lại Madras. Tình trạng sức khoẻ của Dobbin kém quá, đến nỗi người bạn vẫn săn sóc anh ta đoán rằng khó lòng chịu đựng nổi cuộc hành trình qua đại dương, và chắc chắn một buổi sáng nào đó, anh ta sẽ

được liệm trong cái võng phủ một lá cờ rồi đem theo xuống đáy biển cả cái di vật quý báu vẫn đeo bên trái tim. Nhưng không biết nhờ gió biển hay vì hy vọng bỗng nhiên sống lại trong lòng, mà đúng cái ngày chiếc tàu giương buồm vượt bể về nước, bệnh tình Dobbin cũng bắt đầu thuyên giảm; và khi tàu gần đến Hảo vọng giác thì anh ta khỏi hẳn, mặc dầu vẫn gầy như que củi. Dobbin mỉm cười bảo: "Lần này Kirk hẳn bực mình vì vớ hụt cái lon thiếu tá; cu cậu đang hy vọng được đăng tin thăng cấp trên báo khi trung đoàn về nước". Cũng cần nói thêm rằng trong thời gian Dobbin nằm lại Madras vì chuyến đi quá hối hả, thì trung đoàn của anh ta cũng nhận được lệnh hồi hương; đơn vị này đã chiến đấu lâu năm tại nước ngoài, hồi ở Tây Ấn về nước đã phải điều động sang tham dự chiến dịch Waterloo, sau đó lại chuyển quân từ Flanders đi Ấn Độ. Giá viên thiếu tá chịu ở lại Madras thêm ít ngày thì có lẽ cũng lên đường về nước với các bạn đồng ngũ.

Cũng có thể Dobbin không muốn đang lúc sức khoẻ suy sút, mình phải để cô Glorvina săn sóc. Anh ta vừa cười vừa bảo với anh bạn cùng đi tàu: "Tôi tin rằng nếu có bà O'Dowd cùng đi chuyến này, có lẽ bà đã làm nốt công việc của thần bệnh; rồi sau khi đã làm cho tôi chết, thế nào bà ấy cũng quay sang tấn công anh, anh cứ yên

trí thế, và sẽ bỏ anh vào túi mang về Southampton, Joe ạ.

Người hành khách cùng đi tàu Ramchunder này chẳng phải ai xa lạ, chính là anh bạn to béo của chúng ta. Joe ở Belgan đã mười năm. Sau những công việc bận rộn ở tại toà án, những bữa tiệc liên tiếp và đủ các thứ rượu đã khiến cho Waterloo Sedley thay đổi khá nhiều. Người ta thấy cần cho anh chàng về Âu châu nghỉ ngơi ít lâu. Vả lại Joe cũng đã làm việc tại Ấn Độ đủ số thời gian cần thiết; anh ta được hưởng lương bổng khá hậu, đã để dành được một món tiền lớn, bây giờ có thể hoặc về nước nghỉ ngơi ung dung với một món lợi tức rộng rãi, hoặc lại rẽ sang Ấn Độ tiếp tục đảm nhiệm chức vụ cũ tuỳ ý, vì anh ta tuổi đã cao, lại có nhiều kinh nghiệm trong nghề.

So với lần chúng ta gặp trước đây, Joe có gầy đi ít nhiều, nhưng phong độ trông lại đường bệ trang trọng hơn. Hồi này anh ta để râu cho đúng với tư cách một người đã từng tham chiến ở Waterloo. Anh ta khệnh khạng đi lại trên boong tàu, đội một chiếc mũ lưỡi trai bằng nhung có lon vàng chói, trên áo đính vô số cặp và đồ trang sức đủ các loại. Anh ta dùng bữa trong ca-bin, nhưng hễ ra boong tàu chơi là phải trịnh trọng "lên khung" cẩn thận, như thể sắp dạo phố Bond hoặc sấp ra

toà án ở Calcutta làm việc. Joe còn mang theo một người đầy tớ da đen để hầu hạ và bưng điếu. Thằng hầu này đội một tấm khăn quấn thừng, phía trước có đính huy hiệu riêng của Sedley bằng bạc. Nó cũng đến khổ vì thói hách dịch của ông chủ. Joe rất hãnh diện vì diện mạo của mình, anh ta mà trang điểm thì mất vô khối thì giờ, chẳng thua gì một bà nạ dòng đã qua thời vang bóng. Trong số hành khách trẻ tuổi cùng đi có anh Chaffers thuộc trung đoàn số… và chàng Ricketts bị tái nhiễm bệnh sốt rét rừng lần thứ ba; họ hay kéo Joe sang phòng giải khát, tán Joe kể cho nghe những chuyện ghê gớm về anh ta, nhất là chuyện săn hổ và đánh Napoléon. Bữa tàu ghé đảo St. Helen, Joe thực là vĩ đại vì anh đã xuống thăm mộ Napoléon, và trước mặt mấy viên sĩ quan trẻ tuổi trên tàu và đám hành khách, nhưng không có Dobbin. Joe kể lại trận Waterloo thật cặn kẽ, cốt chứng minh rằng nếu không nhờ tay mình thì hồ dễ đã buộc được Napoléon phải đi đày ở đảo St. Helen.

Từ buổi tàu nhổ neo khỏi St. Helen, Joe tỏ ra hào phóng hết sức; anh ta đem số thực phẩm, rượu vang, thịt ướp, bánh ngọt và nước suối dự trữ riêng của mình ra thết đãi vung tàn tán khắp mặt mọi người. Trên tàu không có khách phụ nữ, viên sĩ quan thuyền trưởng có nhã ý nhường địa vị chủ toạ các bữa ăn cho vị công

chức cao cấp; Joe được đại uý Bragg và các sĩ quan trên tàu Ramchunder hết sức trọng vọng. Lần đầu gặp bão, suốt hai ngày liền Joe nằm bẹp một xó không thấy ló mặt ra. Anh ta cài chặt cửa ca-bin, nằm đọc truyện *Người đàn bà giặt thuê ở Finchley*; cuốn truyện này của Emily Hornblower phu nhân, vợ viên mục sư Silas Hornblower, để lại trên tàu hồi hai vợ chồng đi đến Hảo vọng giác để nhận chức vụ giáo sĩ. Joe còn mang theo nhiều tiểu thuyết và kịch để đọc lúc nhàn rỗi; anh ta đem cho mọi người trên tàu mượn. Ai cũng mến anh ta là người tốt bụng và lịch thiệp.

Nhiều đêm con tàu lướt trên mặt biển thăm thẳm sóng gầm, bầu trời trăng sao vằng vặc, bên tai tiếng chuông cầm canh điểm thánh thót, Sedley và Dobbin hay ngồi trên boong nói với nhau về chuyện gia đình; viên thiếu tá hút thuốc lá, còn anh chàng dân thường thì hút chiếc điếu Ấn Độ; thằng hầu người da đen đứng hầu điếu đóm cho chủ.

Trong những buổi trò chuyện ấy, thế nào Dobbin cũng kiên nhẫn khéo léo lái câu chuyện xoay quanh Amelia và đứa con trai nhỏ của cô. Joe tỏ ý bực mình về sự phá sản và những hành động thiếu thận trọng của ông bố, Dobbin phải hết lời an ủi, lấy lẽ rằng dẫu sao thì ông cụ cũng đã già, lại đang lâm vào cơn hoạn nạn; có lẽ Joe

cũng không muốn về sống chung với hai ông bà già làm gì, vì một người còn trẻ lại quen tiếp xúc với giới thượng lưu như anh ta (đến đây Joe ngả đầu tỏ ý cảm tạ lời khen đó) có thể không thích hợp lắm với lối sống của các cụ. Nhưng rồi viên thiếu tá lại vạch rõ rằng về Luân-đôn Joe nên tậu một ngôi nhà riêng cho tử tế, như vậy cũng tiện nhiều bề, không nên cứ đi thuê phòng trọ mãi như trước. Amelia là người rất xứng đáng để quán xuyến mọi công việc trong nhà; thật là một con người lịch sự dịu dàng, cử chỉ hết sức khả ái. Dobbin nhắc lại rằng hồi còn ở Brussels, Amelia rất được mọi người quý mến, cũng như khi về Luân-đôn, cô được giới thượng lưu rất coi trọng. Anh ta còn gợi ý thêm rằng Joe nên cho thằng Georgy vào trường học để gây dựng cho nó thành người, ở nhà nó quen được mẹ và ông bà nuông chiều dễ thành lêu lổng. Tóm lại, anh chàng sĩ quan khôn ngoan đã khéo buộc Joe phải hứa với mình sẽ trông nom hai mẹ con Amelia chu đáo. Dobbin chưa biết tin gì về những biến cố đã xảy ra trong gia đình ông Sedley, chưa biết rằng thần chết đã bắt bà cụ đi rồi, còn thằng bé cũng bị sự giàu sang mang đi nốt.

Thực ra, không một giờ một phút nào, người đàn ông si tình đứng tuổi ấy không tơ tưởng đến Amelia, và không muốn tìm mọi cách lo cho cô được sung sướng.

Dobbin mơn trớn, nịnh nọt, tán tụng Joe Sedley một cách ngọt ngào kiên nhẫn quá, mà hình như chính anh ta cũng không ngờ mình như vậy. Nhưng xin bạn nào có em gái hoặc con gái chưa ở riêng hãy nhớ lại xem, có phải cái bọn đàn ông đang muốn lọt vào mắt xanh của người nhà bạn, đối với bạn hết sức lễ độ không? Mà biết đâu anh chàng Dobbin cũng đang giở trò giả dối như họ đấy.

Sự thực là khi Dobbin được đưa lên tàu Ramchunder và suốt trong ba ngày tàu còn đỗ lại tại Madras, anh ta vẫn ốm nặng, bệnh tình chưa hề chuyển. Việc gặp Sedley là bạn cũ trên tàu cũng không khiến anh ta vui hơn mà bình phục. Ngẫu nhiên, một hôm Dobbin được đưa lên nằm nghỉ trên boong tàu và được nói chuyện với bạn. Anh ta bảo Joe rằng mình đã đến ngày tận số rồi; bây giờ muốn viết di chúc để lại cho đứa con đỡ đầu, lại ngỏ ý hy vọng rằng Amelia sẽ nhớ đến mình, và sẽ được hưởng hạnh phúc với người chồng sắp cưới. Joe ngạc nhiên đáp: "Lấy chồng à? Làm gì có chuyện ấy? Tôi vừa được thư của nó. Không thấy nói gì đến chuyện tái giá; mà kỳ quá, nó lại báo tin thiếu tá Dobbin sắp lấy vợ, và hy vọng anh sẽ sống hạnh phúc". Nhưng những lá thư gởi từ âu ấy viết từ bao giờ chứ?" Joe vội chạy đi tìm. Thì ra so với những lá thư Dobbin nhận được, thư này

viết muộn hơn hai tháng. Viên thầy thuốc trên tàu cứ hý hửng yên trí mình đã tìm ra một đơn thuốc thần hiệu chữa lành bệnh cho người hành khách (ông bác sĩ ở Madras khi giao người bệnh lên tàu đã không còn hy vọng gì cứu sống nổi) vì từ hôm ấy, nghĩa là đúng từ ngày Dobbin đổi thuốc theo đơn mới, anh ta bắt đầu bình phục. Thành ra chỉ có một mình đại uý Kirk là thiệt vì hụt chiếc lon thiếu tá.

Từ hôm tàu rời khỏi đảo St. Helen, Dobbin tỏ ra rất vui, sức khoẻ tăng trông thấy khiến cho các hành khách cùng đi ai cũng ngạc nhiên. Anh ta đùa bỡn với bọn thủy thủ, dùng gậy chơi kiếm với các sĩ quan trên tàu, chạy nghịch trên dây buồm như trẻ con; một tối sau bữa ăn, anh ta còn hát một bài hát khôi hài, được toàn thể hành khách trên tàu tập trung trong phòng ăn rất tán thưởng.

Dobbin bỗng nhiên trở thành hoạt bát, vui tính, đáng yêu, làm cho đại uý Bragg mới đầu tưởng người hành khách này chẳng có gì đáng chú ý, cho là hạng người tầm thường, thiếu nghị lực, bây giờ phải công nhận Dobbin là một sĩ quan hiểu biết rộng, có nhiều khả năng, tuy hơi dè dặt một chút. Bragg nói riêng với viên sĩ quan thuyền phó: "Kể ra anh chàng không có vẻ lịch sự lắm, người như thế không thể nổi được trong những buổi tiếp tân tại Phủ Thống đốc. Ngài Thống đốc và William phu

nhân đãi tôi hết sức lịch sự, lại chiếu cố bắt tay tôi trước mặt mọi người; ngài mời tôi dùng cơm tối và uống bia, lúc ấy ngài Tổng tư lệnh cũng có mặt. Anh chàng không lịch sự lắm, nhưng không phải là tay tầm thường đâu.”

Còn khoảng mười ngày nữa thì tàu cặp bến, đột nhiên trời tắt gió, mặt biển phẳng như tờ; Dobbin cũng trở thành ít nói, kém vui; mọi người vẫn mến anh ta vì tính nhanh nhẩu và tốt bụng, bây giờ đều lấy làm lạ. Cho tới lúc có gió thổi lên, người hoa tiêu lại lên boong điều khiểnbánh lái, mới thấy Dobbin vui vẻ như cũ.

Trời đất ơi! Khi trước mặt hiện ra những mái nhà nhọn hoắt quen thuộc của thành phố Southampton, trái tim Dobbin đập mới rộn ràng làm sao.

CHƯƠNG LVIII
ANH BẠN THIẾU TÁ CỦA CHÚNG TA

Trong thời gian ở trên tàu, anh bạn thiếu tá của chúng ta được mọi người rất mến; lúc anh ta cùng Sedley bước xuống chiếc xuồng ra đón để vào bờ thì đại uý Bragg dẫn đầu đoàn thể anh em thuỷ thủ đứng trên tàu hoan hô ba lần để từ biệt. Dobbin đỏ mặt, ngả đầu tỏ ý cảm tạ. Joe yên trí họ chào mình bèn lột ngay chiếc mũ lưỡi trai có lon vàng ra giơ lên vẫy mãi. Hai người đi xuồng vào bờ, bước lên kè đá, rồi đi thẳng về khách sạn "Hoàng đế George".

Một khoanh thịt bò và một chiếc cốc vại bằng bạc bày sẵn sàng trong phòng ăn của khách sạn như chào đón kẻ đi xa tổ quốc mới về, bắt người ta tưởng tới thứ rượu chính cống Anh cát-lợi cất trong nước. Du khách đặt chân vào bất cứ khách sạn nào của nước Anh, đều thấy ngay một bầu không khí thân mật ấm cúng như ở gia đình, ai cũng muốn nghỉ lại vài ngày. Nhưng Dobbin đã tính đến chuyện đi thuê xe ngựa rồi; vừa chân ướt chân ráo đến Southampton, anh ta đã lo đi Luân-đôn ngay. Riêng Joe tối hôm ấy nhất định không chịu đi đâu. Tại sao lại phải ngồi suốt đêm trên xe ngựa. trong khi có một chiếc giường thênh thang đệm lông êm như nhung

sẵn sàng đón chờ mình? Suốt thời gian cuộc hành trình, anh chàng công chức thuộc địa to béo bị nhốt trong gian "ca-bin" chật hẹp trên tàu lấy làm khổ tâm lắm, Joe nói rằng chừng nào hành lý còn chưa rỡ xuống thì nhất định anh ta không đi đâu hết. Thành ra viên thiếu tá đành gửi thư báo tin cho gia đình và ngủ lại Southampton một đêm vậy. Dobbin lại nài Joe phải hứa với mình sẽ viết thư báo tin cho bè bạn; Joe hứa cho xong chuyện rồi bỏ đấy. Viên thuyền trưởng, viên thầy thuốc và vài người hành khách cùng đi tàu cũng đến khách sạn dùng cơm với họ. Joe ra vẻ hào phóng trịnh trọng sai dọn bữa ăn và hứa hôm sau sẽ cùng về Luân-đôn với Dobbin. Ông chủ khách sạn tuyên bố rằng cứ nom ông Sedley nốc cốc rượu đầu tiên mà thích mắt. Tôi cũng muốn viết một chương về cốc rượu đầu tiên uống trên đất nước của tổ quốc quá, nhưng không có thì giờ và sợ bị coi là đi lan man. Chao ôi! Khoái trá biết bao nhiêu? Một hớp rượu ngon như thế đủ đền bù lại nỗi đau khổ suốt một năm ròng vì xa quê cha đất tổ.

Sáng hôm sau thiếu tá Dobbin cạo râu sạch sẽ, ăn mặc thật chỉnh tề theo thói quen. Lúc ấy trời mới rạng sáng, khách trọ chưa ai ngủ dậy, trừ chú bé đánh giầy ở khách sạn hình như không bao giờ biết ngủ là gì. Dobbin rón rén đi qua dẫy hành lang tối om, còn nghe rõ tiếng

ngáy khò khò của khách trọ từ trong các phòng vẳng ra. Chú bé đánh giầy đi đến cửa từng phòng một nhặt những đôi giày đủ các kiểu đặt sẵn ở ngoài để đem đánh xi cho bóng. Một lúc sau anh đầy tớ da đen của Joe cũng dậy, sửa soạn quần áo và tẩu thuốc cho ông chủ. Mấy chị hầu gái trong khách sạn mắt nhắm mắt mở chạm trán với anh chàng da đen trong hành lang, kêu rú lên vì cứ ngỡ là gặp ma hiện hình. Dobbin và anh hầu da đen đi lăng quăng trong khách sạn, nhiều bận vấp cả vào những chiếc thùng nước đặt trong hành lang. Cuối cùng, người quản lý khách sạn ra tháo then cửa: viên thiếu tá yên trí đã đến giờ lên đường, bèn ra lệnh tìm ngay một chiếc xe ngựa.

Anh ta bước thẳng đến phòng của Sedley, thấy bạn đang nằm ngáy trên tấm giường rộng thênh thang Dobbin vén màn lên gọi:

- Sedley, dậy thôi. Đến giờ đi rồi. Nửa giờ nữa sẽ có xe ngựa đến tận cửa đấy.

Joe vẫn chùm chăn bông kín mít ầm ừ hỏi mấy giờ rồi; Dobbin đỏ mặt thú thực hãy còn sớm (vì anh ta không quen nói dối, dầu rằng nói dối có lợi cho mình mấy đi nữa). Joe cáu quá bèn văng tục một hồi không tiện nhắc lại đây, nhưng cũng đủ chứng tỏ cho Dobbin hiểu rằng dù chết ngay anh ta cũng không chịu dậy vào

giờ này, mặc xác Dobbin muốn đi đâu thì đi, anh ta không thèm biết, và phá giấc ngủ của người khác như thế là bất lịch sự. Anh chàng thiếu tá chưng hửng đành rút lui, để mặc Joe vùi đầu trong chăn ngủ lại. Lát sau, có xe ngựa đến đón; Dobbin đi ngay không đợi bạn.

Giả dụ anh ta là một nhà quý tộc đi du lịch đây đó cho thoả ý, hoặc là một thông tin viên cần đưa tin về toà báo (ta không nói đến giấy tờ của chính phủ, vì chúng đi từ tốn, thoải mái hơn nhiều) anh ta cũng không thể đi nhanh hơn được. Mấy chú bồi ngựa được anh ta đãi tiền uống nước hậu hĩnh, khoái quá. Ngồi trên xe ngựa chạy hết tốc lực nhìn ra cánh đồng quê mênh mông, xanh mướt rất thích mắt; xe chạy qua những thị trấn tươi tắn, có những ông chủ khách sạn đứng cửa mỉm cười cúi chào khách; này là những quán rượu xinh xắn bên đường, biển hàng treo trên những cây du, mà bóng râm kẻ ô vuông trên mặt đường phủ xuống đầu mấy con ngựa và mấy bác xà-ích đang ngồi chén chú chén anh… này là những toà lâu đài cũ kỹ, những công viên, những thôn xóm thô sơ quây quần xung quanh những ngôi nhà thờ cổ xám xịt… bao nhiêu là phong cảnh mỹ lệ quen thuộc của đất nước thân yêu. Hỏi rằng trên thế giới này, có nơi nào được như thế? Du khách đi xa trở về tổ quốc thấy những phong cảnh ấy ấm cúng biết bao… mỗi bước đi

qua thấy chúng như vẫy tay chào đón mình. Vậy mà thiếu ta Dobbin đi suốt từ Southampton đến Luân- đôn không về nhìn thấy gì trừ những cột cây số làm mốc bên vệ đường; thế mới biết anh chàng mong mỏi sớm về đến Camberwell để đoàn tụ với gia đình thật.

Dobbin tiếc khoảng thời gian nhỏ bỏ phí vì đến Piccadilly lại phải rẽ vào thăm nơi ở của mình là quán trọ nhà Slaughters một chút.

Bao nhiêu năm tháng dằng dặc đã trôi qua; hồi Dobbin và George, cả hai cùng còn trẻ, đã bao lần họ tiệc tùng chè chén thoả thích với nhau trong quán rượu này. Bây giờ Dobbin đã thành người đứng tuổi rồi. Tóc trên đầu đã lốm đốm hoa râm, và nhiều tình cảm sôi nổi thuở trẻ cũng đã phai màu. ấy thế mà, ở chỗ cửa ra vào quán trọ, anh vẫn thấy bác hầu bàn già ngày trước trong bộ quần áo màu đen cáu ghét; vẫn bộ mặt phì nộn lờ đờ, vẫn một bộ chìa khoá to kếch xù đen bên hông, và bác vẫn thọc tay vào túi mà xóc xóc mấy đồng tiền như khi xưa. Bác hầu bàn Joe reo lên, như viên thiếu tá mới đi xa có một tuần lễ, không hề tỏ vẻ gì là ngạc nhiên:

- Cất hành lý của thiếu tá vào phòng hai mươi ba đi, phòng của ông ấy đấy. Ông xơi gà rán nhé. Thế nào, ông lập gia đình chưa? Họ đồn ông lấy vợ rồi… ông thầy thuốc riêng, cái ông người xứ Scotchland ấy mà cũng

vừa ở đây… à, không phải, đấy là đại uý Humby thuộc trung đoàn ba mươi ba: đã cùng đồn trú ở Injee với trung đoàn thứ… ông dùng chút rượu chứ? Việc gì phải đi xe ngựa đặc biệt… thuê xe chuyến cũng tốt chán.

Bác hầu bàn trung thành nhớ rõ tên tất cả các sĩ quan hay ra vào quán rượu; đối với bác xa cách mười năm cũng chỉ như là mới hôm qua. Bác dẫn Dobbin về căn phòng cũ, kê một chiếc giường có treo rèm vải sặc sỡ kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, trên mặt sàn trải một tấm thảm hình như bẩn hơn trước ít nhiều; bàn ghế bằng gỗ sồi đen phủ vải Ba-tư đã nhạt màu; cảnh vật vẫn như xưa không có gì thay đổi.

Dobbin nhớ lại hình ảnh George trước hôm cưới vợ một ngày; anh chàng đi đi lại lại trong phòng, cắn móng tay, to tiếng tuyên bố nhất định ông cụ "sẽ nghĩ lại". mà nếu không "nghĩ lại" thì anh ta cũng "cóc cần". Dobbin tưởng như thấy lại George giận dữ khép cửa đánh thình một cái, lúc bỏ về phòng riêng sát bên cạnh.

Bác John vẫn bình thản quan sát ông bạn cũ:

- Ông không trẻ ra mấy tý nhỉ.

Dobbin cười:

- Ô; bác John, mười năm trời mà bệnh sốt rét rừng đâu có làm cho người ta trẻ ra? Chỉ có bác là vẫn trẻ

như xưa… Không, bác vẫn già như ngày xưa thì đúng hơn.

John hỏi:

Bà vợ goá của đại uý Osborne bây giờ ra sao, ông? Ông ta điển trai quá. Mà thật là tay hào phóng có một. Từ ngày cưới vợ đố thấy quay lại đây nữa. Ông ta còn nợ tôi ba đồng chưa trả. Đây này, tôi còn ghi rõ trong sổ. "Ngày mồng mười tháng tư năm 1815, đại úy Osborne, ba đồng". Không biết cụ sinh ra ông ta có chịu trả tôi không.

Vừa nói, bác vừa rút trong túi ra quyển sổ tay bìa da màu nâu có ghi số nợ Osborne chưa trả trên một trang giấy cáu vàng những ghét, bên cạnh những dòng chữ nguệch ngoạc ghi về những vị khách quen thuộc của quán trọ.

Dẫn khách về phòng rồi, bác John lại thản nhiên lui ra.

Dobbin mở va-ly lấy một bộ thường phục đẹp nhất ra mặc; anh ta hơi đỏ mặt, và không biết vì sao, mình lại cười mình. Ghé soi vào chiếc gương nhỏ đặt trên bàn rửa mặt. Dobbin bỗng phá ra cười vì thấy da mặt mình rám nắng, tóc đã đổi sang màu muối tiêu.

Dobbin nghĩ thầm:

- Cũng may, John vẫn chưa quên mặt mình. Hy vọng

rằng "*nàng*" cũng nhận ra được. Đoạn anh ta bước ra khỏi quán trọ, lại đi về phía Brompton.

Lúc này trên đường về nhà Amelia, người đàn ông chung tình nhớ lại từng phút trong cuộc gặp mặt lần cuối cùng với người bạn gái; rồi Dobbin rời khỏi Piccadilly; người ta đã dựng lên tại đây một khải hoàn môn, và một pho tượng Achilles nhưng Dobbin không buồn để ý đến lắm; cảnh vật đổi thay nhiều, nhưng cặp mắt cũng như ý nghĩ của anh ta thờ ơ lướt qua. Cho tới lúc bắt đầu đi vào đại lộ Brompton, con đường quen thuộc dẫn tới phố Amelia ở, Dobbin bỗng hồi hộp run cả người. Không biết nàng đã lấy chồng hay chưa? Bây giờ gặp Amelia và thằng Georgy… liệu nên làm gì nhỉ?

Dobbin thấy một người đàn bà dắt một đứa trẻ khoảng năm tuổi đi về phía mình… không biết có phải hay không? Mới nghĩ thế mà anh chàng đã run bắn cả người. Cuối cùng đến dãy nhà chỗ Amelia ở, rồi đến cái cổng anh ta nhận ra, bèn dừng lại, trống ngực đập thình thình nghe rõ mồn một. Dobbin nghĩ thầm; "Dẫu cơ sự ra sao thì cũng cầu chúa che chở cho nàng. Chà! Biết đâu nàng lại chẳng không còn ở đây nữa". Anh ta nói, rồi bước qua cổng vào nhà.

Cửa sổ phòng khách, chỗ Amelia thường ngồi vẫn để ngỏ, nhưng trong nhà không có ai. Viên thiếu tá nhận ra

cây dương cầm, mé trên vẫn treo bức tranh không khác gì ngày xưa, tim anh ta lại đập rộn ràng. Tấm biển đồng của ông Clapp còn treo trên cánh cửa; Dobbin giận chuông, hồi hộp đợi.

Một cô gái mũm mĩm khoảng mười sáu tuổi, mắt sáng long lanh, đôi má hồng hào, bước ra; thấy Dobbin lùi lại dựa vào cánh cổng, cô bé cứ nhìn trừng trừng. Mặt Dobbin tái nhợt đi như mặt xác chén anh ta lắp bắp mãi mới nói ra câu:

- Có phải là bà Osborne ở đây không?

Cô bé nhìn kỹ anh chàng một lúc lâu, rồi đột nhiên cũng tái mặt đi, nói:

- Lạy Chúa tôi!… Đúng thiếu tá Dobbin rồi.

Cô đưa cả hai tay ra nắm tay Dobbin tiếp:

- Ông còn nhớ cháu không? Cháu vẫn gọi ông là "Thiếu tá kẹo bánh" ấy mà.

Nghe nói vậy, Dobbin ôm thốc lấy cô bé lên tay mà hôn, lần đầu tiên trong đời mình, anh ta tỏ tình cảm sôi nổi như vậy. Cô bé vừa cười, vừa khóc, réo lên gọi mẹ:

- Má ơi! Ba ơi!

Ông bố và bà mẹ vội chạy ra; từ nãy họ vẫn để ý nhìn Dobbin từ sau tấm rèm cửa bếp. Hai vợ chồng ông ta lấy

làm lạ thấy một ông nào cao lênh khênh vận chiếc áo khoác màu xanh và cái quần kiểu thủy thủ đang ôm lấy con gái ông mà hôn trong sân.

Dobbin hơi đỏ mặt nói:

- Tôi là người quen cũ đây mà. Bà Clapp, bà có nhận ra tôi không, ngày trước bà vẫn cho tôi uống nước trà và ăn bánh ngọt ấy mà? Ông Clapp còn nhớ tôi không nhỉ? Tôi là cha đỡ đầu của thằng Georgy, vừa ở Ấn Độ về đây!

Thế là họ bắt tay nhau… bà Clapp vừa cảm động vừa sung sướng. Bà luôn mồm lạy chúa chứng kiến cho bà nỗi vui mừng này.

Vợ chồng ông chủ nhà dẫn khách vào phòng của ông Sedley; Dobbin nhận ra từng thứ đồ vật kê trong nhà, từ cây dương cầm cũ kỹ có nẹp đồng nhãn hiệu Stothard, trước kia đẹp biết bao, cho tới những chiếc rèm và chiếc giá treo đồng hồ bằng hổ phách trên có treo chiếc đồng hồ bỏ túi bằng vàng của ông Sedley. Dobbin ngồi xuống chiếc ghế bành của ông già lúc ấy không có nhà, nghe hai vợ chồng ông Clapp và cô con gái kể lại những chuyện về Amelia mà chúng ta đã rõ, nhưng Dobbin chưa hề biết tý gì: nào là bà Sedley đã qua đời, nào là Georgy được ông nội mang về nuôi, rồi Amelia phải xa con đau đớn khổ sở ra sao, và rất nhiều chuyện khác.

Có đến hai ba bận Dobbin định hỏi xem Amelia đã tái giá chưa, nhưng lại rụt rè không dám. Anh chàng không muốn để cho người khác thấu rõ nỗi lòng u ẩn của mình. Cuối cùng anh ta được biết rằng Amelia đưa ông Sedley ra vườn hoa Kensington chơi. Những buổi chiều đẹp trời, hai cha con vẫn thường ra đó ngắm cảnh cho khuây khoả; hồi này ông lão yếu lắm, đâm ra bẳn tính, làm cho con gái đến khổ, mặc dầu Amelia vẫn hết lòng phụng dưỡng cha già.

Dobbin nói với ông bà Clapp:

- Tôi đang vội quá, có việc bận, phải đi ngay tối hôm nay, mà tôi cũng muốn gặp bà Osborne một chút. Cô Polly có biết chỗ đưa tôi đi được không nhỉ?

Cô Polly thấy Dobbin đề nghị thế thích quá mà cũng hơi ngạc nhiên. Cô biết đường; cô rất bằng lòng đưa viên thiếu tá đi lắm; những lần Amelia đi đến khu phố Russell thăm con trai, cô vẫn đưa ông Sedley ra công viên Kensington dạo mát; cô biết cả hai cha con ông lão hay ngồi chiếc ghế nào nữa. Cô Polly chạy bay lên gác, lát sau xuống nhà thấy cô đội một cái mũ đẹp nhất, choàng chiếc khăn san vàng của bà mẹ cho, lại cái cả một cái trâm thật to thật đẹp cũng của bà mẹ cho mượn; cô thấy trang điểm thế mới xứng đáng đi cùng với viên thiếu tá.

Anh chàng bận áo màu xanh nước biển, đeo găng tay

bằng da nai thuộc, khoác tay cô thiếu nữ, cả hai vui vẻ ra đi. Có người cùng đi với mình Dobbin cảm thấy yên dạ vì nghĩ đến phút gặp gỡ sắp tới hình như anh ta vẫn thấy ngài ngại. Anh chàng còn hỏi cô gái cùng đi rất nhiều điều về Amelia; nghĩ đến Amelia phải xa con, Dobbin cũng thấy đau đớn. "Không biết Amelia chịu đựng sự chia ly ấy ra sao? Có được gặp mặt con luôn không? Cụ Sedley bây giờ sống có được sung túc không?". Polly trả lời thật tỉ mỉ tất cả những câu hỏi của "thiếu tá Kẹo bánh".

Hai người đang đi thì xảy ra một chuyện, tuy không có gì đặc biệt nghiêm trọng nhưng khiến cho Dobbin vui lòng lắm. Họ thấy từ đầu phố một người đàn ông trẻ tuổi đang đi lại; người này nước da mai mái, mép lún phún râu, bận áo cổ cồn cứng nhắc, bị kẹp giữa hai người đàn bà đi hai bên, nghĩa là khoác tay họ; một người đã đứng tuổi, vóc dáng cao lớn, nét mặt và sắc da cũng tương tự như viên mục sư nhà thờ Anh-cát-lợi đi cạnh bà ta; người kia khổ người thấp nhỏ, da mặt hơi xám, đội một cái mũ mới có đính nơ trắng, khoác một tấm áo choàng lộng lẫy, trước ngực đeo một cái đồng hồ vàng. Người đàn ông đã bị kẹp chặt giữa hai người đàn bà, lại còn phải mang một cái ô, một cái làn và một tấm khăn san, thành ra cả hai tay cùng bận không có cách nào ngả mũ

chào lại cô Polly Clapp được. Ông ta đành chỉ ngả đầu đáp lễ; hai người đàn bà cũng chào lại, nhưng điệu bộ có vẻ kiêu kỳ lắm, lại cứ trố mắt lên mà nhìn anh chàng bận áo xanh cầm chiếc gậy trúc đi cùng cô Polly.

Dobbin tránh sang một bên cho bộ ba đi khỏi; anh ta nhìn họ có vẻ thú vị lắm, đoạn quay sang hỏi Polly:

- Ai thế?

Cô Mary láu lỉnh nhìn anh chàng đáp:

- Ông mục sư Binny (Dobbin giật mình đánh thót một cái) và bà chị gái đấy. Lạy chúa tôi, bà ấy làm cho chúng cháu đến khổ trong những lớp học ngày chủ nhật. Còn cái cô bé nhỏ mắt hơi hiếng đeo đồng hồ vàng là vợ ông Binny đấy; hồi còn con gái tên là cô Grits; ông bố bán thực phẩm có một cửa hiệu đặt tên là "Chiếc ấm vàng ở phố Kensington Gravel. Họ vừa làm lễ cưới tháng trước, cũng mới đi chơi tuần trăng mật ở Margate về. Cô ta có năm nghìn đồng hồi môn; mới về nhà chồng mà đã cãi nhau với bà B rồi.

Lúc nãy Dobbin giật mình vì lo sợ, bây giờ anh ta thở phào nhẹ cả mình. Anh ta cứ gõ cái gậy trúc cồng cộc xuống mặt đường coi bộ hăng hái lắm; Cô Polly phá ra cười và kêu lên: "Trời ơi!" Dobbin cứ đứng há mồm ra mà nhìn theo cặp vợ chồng trẻ một lúc lâu. Cô Polly vẫn

tiếp tục kể chuyện về họ, nhưng sau cái tin ông Binny đã lấy vợ, nào anh ta có nghe thấy gì nữa đâu. Anh chàng khoan khoái quá, hai tai như ù đi. Sau phút gặp gỡ ấy, Dobbin đi nhanh gấp đôi trước. Anh ta vẫn hồi hộp run run khi nghĩ tới phút gặp gỡ khao khát suốt mười năm nay; chỉ một lúc sau, hai người đã đi hết đại lộ Brompton, bắt đầu bước vào vườn hoa Kensington.

- Ông cụ và bà ấy kia kìa.

Cô Polly lại cảm thấy anh chàng giật mình đánh thót một cái nữa. Thế là đủ cho cô bé hiểu rõ câu chuyên; cô nhìn thấu tận gan ruột Dobbin như đã đọc được trong mấy cuốn tiểu thuyết cô vẫn mê xem, tức là cuốn "Cô bé Fanny mồ côi" hoặc cuốn "Những người anh hùng xứ Scott".

Dobbin nói:

- Hay là cô chạy đến báo tin trước hộ nhé.

Polly chạy đi ngay, chiếc khăn san màu vàng bay phần phật trong gió.

Ông cụ Sedley đang ngồi trên ghế đá, trên đùi trải chiếc khăn mặt; vẫn như mọi khi, ông lão đang kể cho con gái nghe những chuyện quá khứ; Amelia đã nghe nhiều lần rồi, song vẫn kiên nhẫn mỉm cười làm ra vẻ chú ý. Cô có thể không cần để tai nghe cha nói gì mà

vẫn thỉnh thoảng góp một hai ý kiến nhận xét thích hợp, đồng thời vẫn suy nghĩ về việc riêng của mình. Amelia thấy cô Polly hối hả chạy tới vội đứng phắt dậy. Mới đầu, cô nghĩ ngay chắc có chuyện gì xảy ra cho Georgy. Nhưng nhìn nét mặt vui vẻ hào hứng của cô thiếu nữ, bao nỗi lo lắng của người mẹ nhút nhát vụt biến mất.

Cô thiếu nữ đưa tin nói:

- Có tin mừng! Có tin mừng? Về nhà rồi; về nhà rồi.

- Ai về nhà thế?

Emmy vẫn nghĩ đến con trai.

- Kia kìa chứ đâu.

Cô Clapp quay lại giơ tay chỉ. Amelia nhìn theo thấy Dobbin cao lêu đêu đang rảo bước, bóng anh in dài trên mặt cỏ. Đến lượt Amelia giật mình, đỏ mặt lên, và dĩ nhiên bắt đầu thút thít khóc. Hễ có việc gì vui mừng thế nào người đàn bà giản dị chất phác này cũng phải khóc một lúc.

Dobbin nhìn thẳng vào mắt Amelia – cái nhìn trìu mến làm sao. Cô chạy ra đón Dobbin, giơ sẵn cả hai tay ra cho anh nắm lấy. Trông Amelia không khác xưa bao nhiêu; sắc mặt chỉ hơi tái đi chút ít, và người có phần hơi béo so với trước, cũng vẫn đôi mắt ngày xưa, đôi mắt dịu dàng cả tin. Trên mớ tóc màu nâu mịn như tơ thoáng

điểm vài sợi bạc. Amelia đưa cả hai tay cho Dobbin nắm, đỏ mặt lên vừa mỉm cười vừa ứa nước mắt mà nhìn thẳng vào bộ mặt thật thà của anh chàng. Dobbin giữ chặt lấy đôi bàn tay bé nhỏ trong tay mình. Có đến một lúc lâu, anh ta không nói được lên lời Tại sao Dobbin lại không ôm lấy Amelia vào trong cánh tay và thề rằng sẽ không bao giờ xa nhau nữa nhỉ? Nhất định Amelia sẽ chịu, nhất định Amelia phải tuân theo. Nhưng Dobbin chỉ nói:

- Tôi… tôi xin báo tin có một người khác cũng sắp tới.

Amelia đột nhiên lùi lại một bước, hỏi:

- Chị Dobbin phải không?

Và nghĩ thầm: "Sao anh ấy không viết thư báo cho mình biết?".

Dobbin buông hai tay Amelia ra, đáp:

- Không. Ai bịa chuyện ấy ra với chị thế? Tôi muốn nói anh Joe cùng về một chuyến tàu với tôi, sắp tới đây rồi. Anh ấy sẽ săn sóc chị và cụ nhà chu đáo.

Emmy vội gọi cha:

- Ba ơi, ba! Có tin mừng! Anh con về nước rồi. Anh ấy về để trông nom ba đấy… Còn đây là thiếu tá Dobbin.

Ông Sedley giật mình run lẩy bẩy đứng dậy; ông bố định trí nhớ lại xem người khách đứng trước mặt là ai. Đoạn ông mới bước lên một bước vụng về cúi chào, gọi viên thiếu tá là "ông Dobbin".

Ông tỏ ý hy vọng cụ thân sinh ra ông Dobbin là "ngài William" vẫn được mạnh khỏe. Ông nói cũng định có dịp sẽ sang thăm sức khoẻ "ngài Wiliam", vì mới đây ngài có hạ cố đến thăm ông lão một bận.

Thực ra lần "ngài William" đến thăm ông cụ cách đây đã tám năm; vừa rồi là ông cụ nói đến việc đáp lại cuộc viếng thăm ấy.

Dobbin bước lên vui vẻ bắt tay ông cụ. Emmy thì thầm:

- Ba tôi giờ yếu quá.

Mặc dầu Dobbin vừa nói rằng đến tối có việc rất bận, anh ta cũng nhận lời ông Sedley mời quay về nhà dùng nước trà. Amelia khoác tay cô bạn trẻ quàng tấm khăn san màu vàng đi trước, Dobbin đỡ ông Sedley đi sau. Ông lão đi rất chậm vừa đi vừa nhắc lại những chuyện trong quá khứ, chuyện xưa ông làm ăn phát đạt, chuyện bà cụ Bessy của ông, chuyện ông bị phá sản… Như những người thất thế khác, tâm trí ông lão lúc nào cũng hướng về quá khứ. Ông không biết mấy về hiện tại, trừ

tai họa vừa rồi vừa gieo xuống đầu ông. Dobbin không cần gì hơn là ông lão cứ nói thao thao bất tuyệt. Mắt anh ta còn mải chăm chú nhìn theo một người trước mặt… xưa nay hình ảnh con người thân yêu ấy lúc nào cũng lởn vởn trong trí óc, hiện ra lúc nào anh ta cầu kinh và trong những giấc mộng của anh ta khi thức cũng như lúc ngủ.

Tối hôm ấy Amelia rất vui, luôn luôn tươi cười và hoạt động.

Dobbin thấy cô đóng vai trò chủ nhân tiếp khách một cách hết sức duyên dáng và lịch sự. Lúc hai người ngồi trong chỗ tranh tối tranh sáng, đôi mắt anh chàng luôn luôn hướng về phía Amelia. Đã bao nhiêu lần anh ta khao khát được sống giờ phút này? Đã bao nhiêu lần hành quân mệt mỏi dưới ánh nắng nung nấu như lửa đốt, anh ta nghĩ tới Amelia, đã vẽ ra trong trí tưởng tượng hình ảnh con người dịu dàng, vui vẻ săn sóc cha mẹ già, lấy sự phục tùng ngoan ngoãn để an ủi hai thân trong cảnh túng thiếu. Bây giờ con người ấy đang ở trước mặt Dobbin. Tôi không nghĩ rằng sở thích của Dobbin là cao thượng nhất và những người hiểu rộng biết nhiều ai cũng có bổn phận phải hài lòng với cái thiên đường đạm bạc như anh bạn chất phác của chúng ta; hay hay dở không rõ, chỉ biết rằng Dobbin thích như vậy. Cứ được có

Amelia bên cạnh, anh chàng có thể uống bao nhiêu nước trà cũng được. Amelia biết thế lấy làm thú vị, lại càng ra sức mời mọc; vẻ mặt tinh nghịch, cô cứ rót mãi nước trà hết tách này đến tách khác.

Thực ra, Amelia không biết rằng Dobbin chưa ăn cơm, và hiện ở quán rượu Slaughters người ta đã bày khăn ăn đợi anh ta, và trên mặt bàn có đặt sẵn một chiếc đĩa để tỏ rằng đã có khách giữ chỗ trước, ngay chính ở trong gian phòng mà trước kia, hồi Amelia mới ở trường bà Pinkerton về nhà Dobbin vẫn nhiều lần chén chú chén anh với George.

Vật kỷ niệm đầu tiên Amelia đem ra khoe với Dobbin là tấm hình nhỏ của thằng Georgy. Vừa về nhà, cô đã chạy ngay lên gác lấy mang xuống. Kể ra so với thằng bé thì hình vẽ xấu nhiều, nhưng đáng quý là ở chỗ nó tự ý thuê vẽ mang về tặng mẹ. Trong khi ông Sedley còn thức, Amelia không muốn nói chuyện nhiều về Georgy; ông lão không thích nghe nhắc đến tên ông Osborne và khu phố Russell; ông cũng không hề ngờ rằng mấy tháng nay chính mình đã sống nhờ lòng tốt của kẻ thù cũ; cho nên hễ nghe nhắc đến tên ông Osborne là ông phát khùng.

Dobbin kể lại với Amelia tất cả mọi chuyện đã xảy ra trên tàu Ramchunder và cũng có thêm thắt chút ít; anh

ta phóng đại thêm ít nhiều về việc Joe dự định trông nom và chu cấp cho cha sống sung túc lúc tuổi già. Thực ra, trong suốt cuộc hành trình, Dobbin đã nài ép Joe nhiều lần làm cho Joe đành phải hứa với bạn sẽ trông nom em gái và cháu cẩn thận. Joe vẫn tức về việc ông Sedley tự ý lĩnh tiền của mình ở nhà băng về tiêu, nhưng rồi cũng nguôi giận vì thấy Dobbin vui vẻ kể rằng chính mình cũng lâm vào hoàn cảnh tương tự nhân câu chuyện bán rượu hộ ông lão hồi còn ở Ấn Độ. Joe vốn không phải là người có tâm địa xấu, khi nào trong lòng hỷ hả và được người khác nịnh khéo một chút thì anh cũng sẵn sàng rộng lượng đối với họ hàng bà con ở châu Âu.

Cuối cùng tôi cũng cảm thấy ngượng vì phải nói rằng Dobbin còn bịa thêm với ông Sedley rằng sở dĩ Joe xin phép về Âu châu nghỉ là cốt để gặp mặt cha già.

Đúng giờ thường lệ, ông Sedley bắt đầu thiu thiu ngủ ngay trong ghế bành. Bây giờ Amelia mới có dịp nói chuyện nhiều với Dobbin; quanh đi quẩn lại cũng chỉ có chuyện về thằng Georgy.

Amelia không hề nhắc tới những nỗi buồn khổ của mình vì phải xa con; mặc đầu gần như người chết nửa đời người vì bị cướp mất đứa con trai yêu dấu, nhưng người đàn bà đáng quý này vẫn nghĩ rằng nếu mình phàn

nàn vì chuyện ấy thì là một điều tội lỗi. Để bù lại, cô đã đem biết bao nhiêu đức tính của con ra khoe, nào là con trai ngoan ngoãn, tài giỏi, nào là mình dự định xây dựng tương lai cho con ra sao. Cô khoe con đẹp như thiên thần, kể ra đến hàng trăm thí dụ để chứng minh rằng hồi còn ở với mình, nó ngoan ngoãn và cao thượng thế nào; nào là một lần đi chơi ở vườn hoa Kensington nó được một công tước phu nhân chú ý ra sao, nào là bây giờ nó được nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa, có riêng một con ngựa và một người hầu; rồi con trai mình thông minh sáng trí thế nào, cũng như thầy giáo nó là ông mục sư Veal lịch sự và thông thái ra sao… Amelia khoe:

- Gì ông ấy cũng biết. Những cuộc họp mặt tổ chức tại nhà ông ấy vui lắm. Đọc rộng biết nhiều, thông minh tài giỏi như anh… việc gì anh phải chối… xưa kia nhà tôi vẫn nói chuyện thế… giá anh đến dự những buổi họp mặt tại nhà ông Veal, anh cũng phải thích. Cứ đúng ngày thứ ba trong tuần lễ cuối cùng mỗi tháng. Ông ấy bảo rằng Georgy sau này thừa sức làm nghị sĩ hay quan toà. Anh xem đây này…

Amelia lại ngăn kéo để bài nhạc lấy ra một bài luận của Georgy. Nội dung văn bản thiên tài mà bà mẹ trân trọng gìn giữ ấy như sau:

Bàn về thói ích kỷ- Trong tất cả mọi thói xấu làm

giảm giá trị con người thì thói ích kỷ là xấu xa đáng khinh nhất. Quá nặng lòng yêu cá nhân mình dẫn người ta đến những tội ác khủng khiếp nhất, có thể đưa đến những tai hoạ lớn lao ngoài xã hội cũng như trong gia đình. Nếu như một người ích kỷ có thể làm cho gia đình mình nghèo khổ đi và nhiều khi phá sản, thì một ông vua ích kỷ sẽ đưa nhân dân đến chỗ bần cùng và nhiều khi ném họ vào lò lửa của chiến tranh.

Thí dụ: Thói ích kỷ của Achilles, như thi hào Homer nhận xét, đã đem hàng ngàn tai hoạ dội xuống đầu dân Hy Lạp (Trích Hom.Il.A.2)… Thói ích kỷ của Napoléon Bonaparte vừa chết đã đẩy Âu châu vào những cuộc chiến tranh liên miên, đồng thời buộc hắn phải chết rụi ở trong một hoang đảo… tức là đảo St. Helen ở giữa Đại-tây-dương.

Những thí dụ trên cho ta thấy rằng không nên căn cứ vào lợi ích và cao vọng của riêng ta mà hành động, phải biết tôn trọng lợi ích của người khác cũng như của mình.

GEORGY S. OSBORNE Học đường Athene, 24-4-1827.

Người mẹ lòng tràn đầy niềm vui, nói:

- Anh xem, cháu mới một tý tuổi mà viết văn hay thế

đấy, lại dẫn cả văn cổ Hy Lạp nữa, anh William ơi! (Amelia cầm lấy tay Dobbin, tiếp). Thật là trời ban cho tôi một viên ngọc quý, cháu nó là nguồn an ủi của đời tôi… cháu nó giống… anh ấy như tạc.

William nghĩ thầm: "Ta có quyền bực mình vì nàng vẫn trung thành với chồng không nhỉ? Ta có quyền ghen với bạn ta đang nằm dưới mộ không? Ta có quyền giận dữ vì lẽ con người như Amelia chỉ biết yêu có một lần trong đời? George ơi! Xưa kia anh đã không biết rằng mình nắm trong tay một vật báu vô giá". Ý nghĩ ấy thoáng nhanh qua óc William trong lúc anh ta nắm bàn tay Amelia trong tay mình. Còn Amelia thì đưa mùi xoa lên chấm mắt. Amelia xiết chặt bàn tay Dobbin đang nắm tay mình nói:

- Anh Dobbin ạ, xưa nay anh đối với tôi đáng quý vô cùng. Kìa, ông cụ tôi đang cựa mình… Ngày mai, thế nào anh cũng lại thăm cháu Georgy nhé.

Anh chàng Dobbin đáng thương đáp:

- Ngày mai thì không được rồi; tôi trót có việc bận. Anh ta không muốn thú nhận rằng mình chưa kịp về thăm cha mẹ và người em gái yêu dấu là cô Anne… (tôi chắc bất cứ người nào tâm trí bình thường cũng phải trách Dobbin về thái độ vô tình này). Đoạn anh ta ghi địa chỉ của mình để lại cho Joe rồi từ biệt Amelia ra về.

Dobbin đã sống ngày đầu tiên trên đất nước như vậy đấy, nghĩa là anh chàng đã được gặp mặt người trong mộng của mình.

Lúc Dobbin về đến quán rượu Slaughters thì món gà rán đã nguội tanh; anh ta đành ăn nguội vậy. Biết rằng gia đình mình quen đi ngủ sớm, bây giờ đã khuya anh ta cũng không muốn đánh thức cả nhà dậy làm gì. Dobbin bèn ra nhà hát "Chợ rơm" mua một tấm vé vào giải trí tạm cho qua đêm hôm ấy.

CHƯƠNG LIX
CHIẾC DƯƠNG CẦM NGÀY XƯA

Việc Dobbin đến thăm làm cho ông già Sedley đâm ra bồi hồi xúc động khác thường. Tối hôm ấy, con gái khuyên mấy ông lão cũng không chịu làm những công việc bình thường hoặc giải trí như mọi người. Suốt buổi tối, ông lúi húi lục lọi các ngăn kéo, các hộp đựng giấy má; hai bàn tay run rẩy, ông lão cởi hết các bó giấy tờ cũ sắp xếp lại chờ Joe về thì đưa cho xem… đủ cả biên lai, thư từ giao thiệp về việc thương mại với luật sư và bạn hàng, giấy tờ liên quan đến chương trình kinh doanh rượu vang (kế hoạch mới đầu thì nhiều triển vọng lắm nhưng cuối cùng thất bại vì một sự rủi ro khó mà giải thích được.), chương trình kinh doanh than đất (nếu không vì thiếu vốn thì kế hoạch này cũng hứa hẹn lắm lắm), dự án thành lập một xưởng máy cưa v.v… Mãi tới khuya, ông lão còn loay hoay với đống giấy má, cứ lẩy bẩy đi từ phòng này sang phòng khác, tay run run bưng cây đèn cháy chập chờn… Đây là giấy tờ về rượu, đây là về than, đây là về nhà máy cưa, còn đây là bản lưu bức thư gửi đi Madras và Calcutta, cả thư trả lời của thiếu tá Dobbin và Joseph Sedley, "Emmy ạ, phải cho nó thấy rằng tao làm ăn đâu vào đấy". Emmy mỉm cười đáp:

- Ba ạ, con chắc anh Joe chả buồn để ý đến những giấy má ấy đâu.

Ông lão lắc đầu trịnh trọng nói:

- Con ơi, mày chẳng hiểu lý gì về việc kinh doanh cả.

Phải công nhận rằng về vấn đề này Emmy không hiểu gì thật, nhưng lại đáng thương cho nhiều người khác, vì họ am hiểu vấn đề ấy quá tường tận. Ông lão xếp cẩn thận mớ tài liệu vô giá trị trên mặt bàn rồi lấy một chiếc khăn tay có in hoa (một tặng vật của Dobbin) phủ lên trên cẩn thận; vẻ mặt hết sức nghiêm trang, ông dặn chị hầu gái và bà chủ nhà chớ có mó máy gì vào chỗ giấy má ấy, để sớm hôm sau ông Joe về sẽ xem lại… "Ông Joseph Sedley, tòng sự tại Sở Hành chính khu Belgan, thuộc Công ty Đông Ấn Độ).

Hôm sau, Amelia thấy ông lão dậy thật sớm, có vẻ nóng ruột, bận bịu lắm, nhưng cũng run rẩy hơn mọi ngày. Ông nói:

- Emmy, đêm qua tao không ngủ được mấy. Tao cứ nghĩ đến bà cụ Bessy nhà này. Giá bà lão còn sống đến bây giờ để lại được ngồi xe ngựa của thằng Joe đi chơi nhỉ. Ngày xưa, bà cụ nhà này đi đâu có xe ngựa riêng, cũng chững chạc lắm.

Hai dòng nước mắt bỗng ứa ra chảy ròng ròng trên

đôi má nhăn nheo của ông lão. Amelia lấy khăn tay chùi nước mắt cho cha, hôn ông cụ thật âu yếm, đoạn thắt cho ông cụ một cái nơ thật khéo trên cổ áo, lại cài vào ngực áo sơ-mi của ông lão một chiếc cặp bằng vàng. Thế là ông Sedley bận bộ áo ngày chủ nhật đẹp nhất của mình ngồi sẵn chờ con trai từ sáu giờ sáng.

Ngoài dãy phố lớn ở Southampton có mấy hiệu thợ may to; trong tủ kính thấy bày đủ kiểu áo chẽn rất đẹp, may bằng lụa và nhung, vàng, tím đủ các màu; lại treo cả những tấm hình vẽ quảng cáo cho các kiểu áo tối tân, vẽ những ông công tử bảnh bao đeo kính, vừa dắt tay những đứa nhỏ, đứa nào mắt cũng to thô lố và tóc cũng quăn tít, vừa liếc tình mấy bà bận áo kiểu đi ngựa đang ghìm cương bên pho tượng Achilles ở Apsley House. Tuy đã có những bộ áo sang trọng may ở Calcutta nhưng Joe cho rằng nếu không cắt thêm vài kiểu áo tối tân này thì không thể ló mặt ra đường được.

Anh ta chọn một tấm áo gi-lê bằng sa-tanh màu đỏ thẫm có thêm hình bươm bướm bằng chỉ kim tuyến, và một chiếc áo ngoài bằng vải sa-tăng nhung màu đen pha đỏ có sọc trắng, cổ bẻ, lại mua thêm một chiếc ca-vát sa-tanh màu xanh lơ; kèm theo một cái cặp ca-vát bằng vàng có đính hình người phi ngựa nhảy qua hàng rào bằng sắt tráng men màu hồng. Đủ lệ bộ như thế, anh ta

mới cảm thấy yên tâm ra mắt công chúng nơi kinh đô được. Joe không còn nhút nhát vụng về, hay đỏ mặt như xưa nữa; bây giờ anh ta đã trở thành bạo dạn và tự tin vào mẽ người của mình một cách khá ngây thơ. Waterloo Sedley vẫn hay bảo bạn bè thế này: "Cần cóc gì để ý đến lời bàn tán của thiên hạ, xưa nay tớ vẫn là tay ăn diện cơ mà".

Trong những buổi dạ hội tổ chức tại dinh Tống đốc Belgan, mỗi lần Joe bị giới phụ nữ để ý đến là anh chàng lúng túng đỏ mặt. Sở dĩ anh chàng chạy trốn những cái liếc tình của các cô, chủ yếu vì sợ mình bị bắt chim, như thế rất phiền vì anh ta đã quyết định không bao giờ lấy vợ. Nhưng ở Calcutta, ai cũng đồn rằng Waterloo Sedley là một tay hào hoa nổi tiếng, ăn tiêu rất mực sang trọng, tiệc tùng luôn, mà bát đĩa dùng trong các bữa tiệc thì cũng đẹp nhất thành phố.

Thợ may xin một ngày mới đủ thì giờ may áo chẽn cho một vị to béo và sang trọng như Joe. Trong khi chờ đợi, anh ta dùng một phần thì giờ đi tìm thuê một người để trợ lực anh người làm da đen trong việc hầu hạ mình; rồi dặn dò người nhân viên sở quan thuế cho việc chuyển từ trên tàu xuống hành lý, hòm xiểng và sách những cuốn sách cả đời anh ta không để mắt đến – những hòm gia vị, những bọc khăn san mua về làm quà

cho những người hiện nay anh ta chưa biết là ai, và tất cả những đồ phụ tùng đông phương[84] khác của anh ta.

Mãi đến ngày thứ ba, anh ta mới khệnh khạng bận áo mới bước vào thành phố Luân-đôn. Thằng hầu người da đen quấn khăn san, ngồi co ro trên cái hòm bên cạnh một người phụ việc mới thuê; Joe đứng bên thỉnh thoảng lại thở phào một hơi thuốc lá, nom ra phết ông chủ; thấy vậy, bọn trẻ con reo ầm lên:

- Hoan hô!

Nhiều người qua đường yên trí anh ta phải là một viên tổng trấn nào đó ở thuộc địa mới về. Trên đường đi, Joe cũng không từ chối lời chào mời đon đả của mấy ông chủ khách sạn. Đi qua mỗi thị trấn anh ta lại dừng lại chè chén một lúc. Ở Southampton, Joe đã dùng một bữa sáng thật ê hề, đủ các món cá, cơm, trứng luộc, thế mà chưa đến Winchester, anh ta đã thấy cần uống một cốc rượu mạnh để trợ lực rồi. Đến Alton, thằng hầu mời chủ nghỉ chân, anh ta đồng ý ngay, vào quán thưởng thức rượu ngon nổi tiếng của địa phương một chầu tuý luý. Qua Fullham, Joe đứng lại xem lâu đài của đức giám mục, và ăn qua loa gọi là vài món nhẹ, gồm có lươn hầm, sườn bê rán, đậu Pháp, kèm theo một chai vang. Đến Bagshot Heath, anh ta cảm thấy lạnh, lại thấy thằng hầu da đen cứ run bắn lên, bèn dừng lại làm ít rượu cho

ấm bụng. Tóm lại, lúc bước chân vào tỉnh, dạ dày anh ta phình lên toàn những rượu, thịt, gia vị và thuốc lá, như cái kho chứa thực phẩm của một chiếc tàu chở hàng.

Khi chiếc xe ngựa rầm rầm chạy đến đỗ trước chiếc cổng nhỏ ngôi nhà ở Brompton thì trời đã tối; người con trai chí hiếu muốn về nhà thăm bố ngay, trước khi đến gian phòng trọ Dobbin đã thuê sẵn hộ ở quán rượu Slaughters.

Cả phố đổ xô ra cửa sổ nhìn; chị hầu gái chạy vội ra hàng rào ngó. Hai mẹ con bà Clapp cũng vén rèm bếp nom ra. Emmy cảm động quá đứng chờ trong hành lang, áo mũ chỉnh tề, ông lão Sedley ngồi trong phòng khách run lên bần bật. Từ trên xe ngựa Joe bệ vệ bước xuống, bậc xe rít lên ken két; hai chú người hầu da đen và da trắng vội đỡ chủ; anh chàng da đen càng run tợn, bộ mặt đen tái nhợt đi vì lạnh, biến thành màu mề gà. Hai mẹ con bà Clapp, áng chừng muốn nghe trộm, vừa mon men đến cửa phòng khách, đụng ngay phải anh chàng Ấn Độ bận áo sù sụ ngồi run như cầy sấy trên chiếc ghế dài, vừa rên hừ hừ nhe bộ răng trắng nhởn thô lố mắt ra mà nhìn.

Chúng tôi không muốn tả lại cuộc đoàn viên giữa Joe và ông bố già nua và người em gái dịu dàng. Ông lão xúc động đặc biệt, dĩ nhiên Amelia cũng vậy. Joe cũng không

phải là vô tình; xa gia đình mười năm trời đằng đẵng, kẻ ích kỷ mấy cũng phải nhớ nhà, nhớ cha mẹ anh em. Sự xa cách khiến cho con người thêm gần gũi nhau. Sau một thời gian dài ấp ủ những tình cảm đã quên đi, đến lúc được hưởng lại, người ta thấy đậm đà đằm thắm hơn trước nhiều. Tuy hai bố con có chuyện không bằng lòng nhau… nhưng lần này nhìn thấy và được bắt tay cha, Joe cảm thấy sung sướng một cách thành thực; Joe cũng vui mừng vì được gặp lại em gái, và ta nhớ rằng xưa kia cô là một thiếu nữ rất xinh tươi. Joe buồn rầu thấy thời gian, sự lo nghĩ và những tai hoạ đã khiến ông già tiều tuỵ đi nhiều. Emmy bận áo tang đen ra cửa đón, thì thầm trước với anh trai rằng mẹ đã chết, lại dặn anh đừng nên gợi lại câu chuyện đau lòng ấy với cha làm gì. Thật ra cẩn thận như thế cũng vô ích, vì chính ông lão Sedley lại nhắc đến chuyện ấy trước; ông lão kể lể và khóc lóc mãi. Thấy cha đau khổ như thế, anh chàng "ấn-độ" cảm động quá; anh ta đâm ra ít suy nghĩ về mình hơn mặc dầu xưa nay Joe vẫn là người ích kỷ.

Cuộc hàn huyên có lẽ đem lại kết quả tốt đẹp, vì lúc Joe lên xe ngựa trở về phòng trọ, Amelia âu yếm hôn cha, dáng điệu sung sướng, cô nói với ông cụ rằng xưa nay mình vẫn chẳng bảo Joe tâm địa rất tốt là gì?

Thực ra Joseph Sedley thấy cha và em lâm vào hoàn

cảnh túng thiếu cũng thương; nhân cuộc tái ngộ đầu tiên, đang hào hứng, anh ta tuyên bố ngay rằng từ rày trở đi sẽ không để cho cha và em gái phải thiếu thốn điều gì, và trong thời gian còn lưu lại ở nước Anh – mà thời gian này cũng khá lâu- tất cả mọi thứ của anh đều là của cả gia đình. Amelia sẽ đóng vai bà chủ gia đình cho anh trai, cho đến khi nào cô muốn giữ vai trò riêng cho mình.

Amelia hiểu anh trai muốn nói gì. Cô buồn bã lắc đầu và dĩ nhiên cũng như mọi lần, lại thút thít khóc. Ngay đêm hôm Dobbin đến thăm, Amelia và người bạn tâm tình ít tuổi là cô bé Mary đã bàn với nhau rất lâu về chuyện này. Cô bé Polly tính tình sôi nổi nhịn không được, bèn đem ngay câu chuyện mình vừa khám phá ra kể cho Amelia nghe, cô tả lại Dobbin có vẻ xúc động đặc biệt thế nào khi gặp ông Binny đi cùng người vợ mới cưới, khi anh biết rằng ông ta không còn là kẻ tình địch của mình nữa. Cô Polly thêm:

- Lúc bà hỏi ông ấy lập gia đình chưa, ông ấy đáp: "Ai bịa chuyện ấy ra với chị…" thế bà có thấy ông ấy cảm động đến run lên không? Bà ạ, em thấy mắt ông ấy không rời bà lấy một chút. Em chắc vì nghĩ đến bà nhiều quá nên tóc ông ấy đã lốm đốm bạc đấy.

Amelia ngước nhìn lên chân dung chồng và con trai

treo trên đầu giường, rồi khuyên cô thiếu nữ đừng bao giờ nên nhắc tới chuyện ấy nữa. Cô nói rằng thiếu tá Dobbin là người bạn thân thiết nhất của chồng, và có thể coi Dobbin như một người anh… vả chăng người đàn bà nào đã có diễm phúc làm vợ một thiên thần như thế kia – cô chỉ lên bức chân dung treo trên tường – thì không bao giờ có thể nghĩ đến chuyện tái giá. Cô bé Polly thở dài; cô chợt nhớ đến cậu Tomkins làm ở phòng bào chế hay nhìn cô chằm chằm mỗi lần gặp nhau ở nhà thờ. Cậu ta mới tấn công cô bé bằng luồng nhỡn tuyến mà đã khiến cho trái tim bé bỏng e lệ của cô hồi hộp quá đến nỗi cô chỉ muốn đầu hàng ngay lập tức… cô đang nghĩ xem ví thử bây giờ cậu Tomkins bất hạnh bị chết thì mình sẽ cư xử ra sao? Cô biết cậu ta đang mắc bệnh phổi, hai má lúc nào cũng đỏ ửng, mà thân hình thì gầy đét.

Còn Emmy khi biết rõ anh chàng thiếu tá thực thà kia yêu mình, cũng có ra mặt cự tuyệt hoặc cảm thấy khó chịu khi phải gặp mặt với anh ta đâu. Người đàn bà nào có thể bực mình trước tâm tình của một con người chân thành và trung thực như vậy? Xưa kia Desdemona[85] cũng có giận Cassio[86] đâu, tuy chắc chắn nàng biết viên tướng trẻ này yêu mình tha thiết (riêng tôi, tôi tin rằng trong câu chuyện đáng buồn này có nhiều uẩn khúc

mà vị tướng quân người Moore[87] không hề ngờ tới: tại sao Miralda vẫn đối xử nhã nhặn với Cassio? Dĩ nhiên cũng chỉ có một nguyên nhân thôi… nhưng nói như thế không có nghĩa là nàng khuyến khích mối tình si dại của thằng quỷ con gớm ghiếc.

Thì Amelia cũng vậy; cô không hề khuyến khích mối tình si của viên thiếu tá. Cô sẵn sàng vẫn ban cho anh chàng những cái nhìn trìu mến, mà con người tốt bụng và chung thuỷ xứng đáng hưởng: cô sẽ đối đãi với Dobbin một cách hết sức thẳng thắn, thân mật cho tới khi nào anh chàng thổ lộ mối tình u ẩn của mình; khi ấy mới là lúc nên nói chấm dứt những hy vọng chắc chắn không bao giờ thực hiện được.

Cho nên đêm hôm ấy, sau buổi chuyện trò với cô Polly, Amelia ngủ rất yên giấc; có lẽ giấc ngủ còn ngon hơn mọi đêm mặc dầu hôm ấy Joe vẫn chưa về. Cô nghĩ thầm: "Anh ấy không cưới cô O'Dowd làm vợ, thôi thì mình cũng mừng thay. Đại tá O'Dowd không thể nào có em gái xứng đáng lấy thiếu tá William làm chồng được". Vậy thì trong chỗ người quen kẻ thuộc, thử điểm mặt xem có ai xứng đáng làm vợ anh chàng không? Cô Binny? Không được, cô ta già quá, lại bẳn tính. Cô Osborne?… cũng già rồi. Cô bé Polly thì còn trẻ con quá… cho đến lúc ngủ thiếp đi, Amelia vẫn chưa tìm

được ai xứng đáng kết duyên với anh chàng thiếu tá.

Mãi tới khi người đưa thư đem tin của Joe đến, hai cha con mới yên tâm; thư viết rằng Joe đi đường hơi mệt, hôm ấy chưa về nhà ngay được; sáng hôm sau anh ta mới rời Southampton, đến tối thì sẽ tới nhà gặp mặt em gái và cha mẹ. Amelia đọc to lá thư lên cho cha nghe; cô dừng lại ở chữ cuối cùng; thế này rõ ràng anh trai cô chưa biết tý gì về những chuyện đã xảy ra trong gia đình. Mà làm sao Joe biết được? Đoán rằng anh bạn đường của mình sẽ kiếm cớ trì hoãn ít nhất là hai mươi bốn tiếng đồng hồ rồi mới về thăm nhà. Dobbin cũng không kịp viết thư báo cho bạn biết trước về tin buồn trong gia đình bạn, vì mải nói chuyện với Amelia lúc anh ta ra về thì đã quá giờ nhận thư của bưu điện lâu rồi.

Cũng sáng hôm ấy Dobbin nhận được một lá thư từ Southampton gửi về quán trọ Slaughters cho mình; Joe viết thư xin lỗi "anh Dobbin yêu quý" về chuyện hôm trước mình đã gắt gỏng lúc bị đánh thức dậy quá sớm. Joe nói rằng đêm hôm ấy bị nhức đầu như búa bổ, mãi gần sáng mới thiếp đi được một tí, lại nhờ Dobbin thuê sẵn hộ vài căn phòng thật tiện lợi trong quán trọ Slaughters cho mình và người hầu ở. Suốt cuộc hành trình, Dobbin đã trở thành cần thiết đối với Joe. Anh chàng cứ bám nhằng nhằng lấy viên thiếu tá.

Mấy người cùng đi trên chuyến tàu cũng về Luân-đôn; ngay hôm ấy Ricketts và Chaffers thuê xe ngựa về nhà… Đến Botley, Ricketts leo lên ngồi đằng trước xe, đòi cầm cương thay xà ích; viên thầy thuốc thì về Portsea thăm gia đình. Bragg về Luân-đôn tìm lại cánh bè bạn trong nghề kinh doanh tàu biển. Riêng viên phó thuyền trưởng còn ở lại lo việc dỡ hàng hoá gửi trả khách. Một mình Joe ở lại Southampton buồn quá, anh chàng bèn mời ông chủ khách sạn "Hoàng đế George" uống với mình vài cốc rượu cho vui. Cũng đúng giờ ấy, thiếu tá Dobbin đang ngồi ăn với ông cụ thân sinh là tôn ông William. Anh chàng cả đời không biết nói dối bao giờ, thành ra phải thú thực với cô em gái rằng hôm qua mình bận đến thăm bà George Osborne nên về muộn.

Joe sống rất ung dung tại đại lộ Martin, cả ngày tha hồ hút thuốc lá Ấn Độ thoả thích, lúc nào hứng lại la cà ở các rạp hát. Có lẽ anh ta cứ ở lỳ mãi tại quán trọ Slaughters, nếu không có Dobbin thúc bách. Joe mà chưa thực hiện lời hứa lo sắp đặt nơi ăn chốn ở cho cha và em gái cẩn thận thì Dobbin chưa chịu để cho yên. Tính Joe vốn nhu nhược, ai bảo gì cũng nghe… Dobbin vẫn có thói quen "Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng", thành ra nhà ngoại giao tốt bụng này xui gì, Joe ngoan ngoãn làm theo ngay; thôi thì mua sắm, thuê

mượn, bán chác tuỳ ý Dobbin. Chú hầu da đen Loll Jewab, mỗi lần vác bộ mặt "súc cù là" ra đường là bị bọn trẻ con đuổi theo chế nhạo đến khổ; Joe bèn gửi nó về Calcutta, trên chuyến tàu "Công nương Kicklebury" của Công ty Ấn Độ, chiếc tàu mà William Dobbin có góp cổ phần kinh doanh. Trước khi về nước, nó đã làm tròn nhiệm vụ huấn luyện thằng hầu người da trắng của Joe phương pháp làm các món cà-ry, cơm rang và cách hầu điếu ông theo kiểu Ấn Độ. Joe và Dobbin chung nhau thuê một nhà làm xe ngựa ở Long Acre đóng một cỗ xe thật lộng lẫy. Joe để hết tâm trí săn sóc việc đóng xe. Anh ta mua được một đôi ngựa thật đẹp, thế là ngày ngày chỉ bệ vệ giong xe ngựa ra công viên chơi, hoặc đi thăm các bạn cũ trước cùng làm việc ở Long Acre. Ít khi có Amelia cùng ngồi xe ngựa đi chơi với anh trai mà không thấy Dobbin ngồi cặp kè trên ghế sau; thỉnh thoảng ông Sedley cùng ngồi xe ngựa đi chơi với con gái. Amelia cũng mời cô Clapp đi chơi với mình luôn. Cô bé choàng tấm khăn san màu vàng ngồi trên xe ngựa, sung sướng nhất là lúc đi qua phòng thăm bệnh thấy cậu Tomkins nhận ra mình, cứ thập thò cái đầu trong cửa sổ ngó theo mãi.

Joe về Brompton được ít lâu thì một chuyện đáng buồn xảy ra tại ngôi nhà nhỏ bé này, nơi gia đình Sedley

đã sống hơn mười năm trời. Một hôm, Joe đánh xe ngựa đến (chiếc xe dùng tạm chứ không phải là chiếc xe mới còn đang đóng dở dang chưa xong) đưa hai cha con ông già Sedley đi để không bao giờ trở lại đây nữa. Nhân dịp hai mẹ con bà chủ nhà đã nhỏ những giọt nước mắt buồn khổ cũng thành thực như bất cứ giọt nước mắt nào đã nhỏ trong cuốn truyện này. Suốt thời gian chung sống, cũng như từ ngày quen hơi bén tiếng, họ chưa hề thấy Amelia nặng lời với ai. Bao giờ Amelia cũng ăn nói dịu dàng, ngọt ngào bao giờ cũng tỏ ra nhã nhặn, biết ơn, ngay cả những khi bà Clapp cáu kỉnh và giục trả tiền nhà. Bây giờ Amelia đi hẳn rồi, bà mới hối hận về những lời phũ phàng của mình trước kia; cho nên lúc hai mẹ con lấy xi đính một tờ giấy lên cửa sổ rao trong nhà có phòng bỏ không cho thuê, người ta thấy bà khóc thút thít. Khó lòng mà tìm một người thuê nhà biết điều như vậy, chuyện ấy là rõ ràng nhất. Về sau sự dự đoán của bà quả nhiên thành sự thật. Để trả thù sự xấu thói của người đời, bà Clapp bèn tính tiền đèn nến và tiền thịt cừu thật nặng, đổ vào đầu những người ở thuê nhà bà. Đa số trả tiền nhưng càu nhàu kêu ca; vài người quỵt thẳng, nhưng không có ai ở nhà bà lâu. Bà chủ nhà tha hồ mà tiếc những người bạn cũ đã từ biệt mình đi ở chỗ khác.

Cô Mary phải chia tay với Amelia buồn bã quá đến nỗi

chúng tôi không dám miêu tả lại đây nữa. Từ tấm bé, hàng ngày sống cạnh Amelia, cô rất gắn bó với người đàn bà hiền hậu tốt bụng này; lúc chiếc xe ngựa đến mang Amelia đi, cô ngất lịm trong tay người bạn lớn tuổi. Amelia cảm động không kém vì vẫn yêu quý cô bé vui tính này và coi cô như con gái mình. Suốt mười một năm nay cô Mary vẫn là người bạn tâm tình trung thành của Amelia, cho nên đối với chính cô, cuộc chia tay cũng đầy đau khổ. Nhưng rồi Amelia thu xếp thế này; cô Mary sẽ đến chơi luôn luôn tại ngôi nhà sang trọng chỗ Amelia sắp dọn đến ở. Cô Mary nhất định tin rằng tại đó Amelia sẽ không thể nào được sung sướng bằng hồi còn cùng mình chung sống trong "mái nhà tranh"; ấy là danh từ cô Clapp dùng để chỉ căn nhà của bố mẹ, bắt chước ngôn ngữ trong mấy cuốn tiểu thuyết mà cô rất mê.

Chúng ta cũng mong rằng cô nghĩ như vậy là lầm. Thực ra, trong thời gian sống dưới "mái nhà tranh", những ngày hạnh phúc của Amelia rất hiếm hoi. Số mệnh tàn ác như luôn luôn lẩn quất trong nhà này. Bây giờ đi khỏi rồi, Amelia không muốn nghĩ đến chuyện trở lại nữa, cũng không thiết nhìn lại mặt bà chủ nhà đã đối xử với mình không ra gì lúc tức giận vì tiền nhà chưa trả đủ, và lúc vui vẻ thì lại thân mật một cách sỗ sàng đến gần như thô bỉ.

Thấy Amelia trở lại cuộc sống sung túc, bà Clapp tỏ thái độ săn đón đến hèn hạ: Amelia không thể chịu nổi. Đến thăm ngôi nhà mới chỗ Amelia ở, bà luôn luôn tấm tắc khen nhà cửa, bàn ghế, đồ dùng cái gì cũng đẹp cũng sang. Bà mân mê quần áo của Amelia, đoán phỏng may hết chừng nào tiền; bà khăng khăng thề rằng người như Amelia thì đồ ăn thức dùng quý đến đâu cũng chưa xứng. Nhìn con người nịnh xằng đang bợ đỡ mình, Amelia không sao quên được hình ảnh mụ đàn bà cay nghiệt trước kia đã bao nhiêu lần làm mình mất ăn mất ngủ mỗi khi cô phải nói khéo xin khất tiền nhà chưa trả được; lần nào bắt gặp Amelia mua chút quà bánh về cho bố mẹ là mụ la lối om xóm. Amelia quên sao được kẻ đã chà đạp thân phận hèn mọn của mình trong cảnh túng thiếu.

Nào ai thấu hết được nỗi khổ nhục người đàn bà đáng thương ấy đã phải chịu đựng. Amelia giữ kín không cho cha biết, mặc dầu chính vì sự vụng tính của ông lão mà cô phải khổ. Người con gái đành gánh vác hết cả tai hoạ do sự lầm lỗi của cha gây ra, với một thái độ hết sức nhẫn nại dường như trời sinh ra mình là để làm một nạn nhân vậy.

Có lẽ từ đây trở đi Amelia không còn phải vất vả như trước nữa. Người ta thường bảo rằng kẻ đau khổ tìm

được cách tự an ủi mình, có lẽ thế thật; cô bé Mary đáng thương phát ốm vì phải xa bạn, gia đình bèn mời cậu thanh niên ở phòng bào chế đến thăm bệnh, kê đơn; chỉ sau một thời gian ngắn được cậu này săn sóc, cô khỏi phăng mọi bệnh tật. Lúc rời Brompton ra đi, Emmy để lại cho Mary tất cả đồ đạc trong nhà, chỉ mang theo có hai bức chân dung (hai tấm hình vẫn treo ở đầu giường ngủ) và chiếc dương cầm…

Chiếc đàn bây giờ đã cũ kỹ lắm rồi, kêu không ra tiếng, nhưng Amelia vẫn quí vì những lý do riêng. Cô đã dùng nó từ hồi còn bé; đó là món quà của cha mẹ mua cho. Sau này, khi ông bố lâm vào cảnh phá sản, mất hết cơ nghiệp, riêng cây dương cầm được vớt vát lại, trở về với chủ cũ, chắc các bạn đọc còn nhớ.

Dobbin cũng đến trông nom hộ việc dọn dẹp nhà cửa; anh ta luôn miệng khen nhà đẹp và đầy đủ tiện nghi. Dobbin vui nhất là khi thấy trên chiếc xe ngựa chở hòm xiểng của gia đình Sedley từ Brompton đến, có cả chiếc dương cầm cũ kỹ. Amelia muốn đặt chiếc đàn trong phòng khách riêng của mình, một căn phòng xinh xắn gọn ghẽ trên gác, kê sát ngay phòng của cha; ông lão có thói quen tối nào cũng ngồi chơi trong căn phòng này.

Người nhà khiêng chiếc dương cầm vào; Amelia bảo họ đem đặt trong căn phòng khách vừa nói trên; Dobbin

thấy thế bằng lòng lắm. Anh chàng cảm động nói: Chị gìn giữ chiếc đàn này như thế, tôi cho là phải lắm. Tôi chỉ lo chị không buồn để ý đến nó.

Amelia đáp:

Tôi quý nó hơn mọi vật trên đời này đấy, anh ạ.

- Thật không, Amelia?

Anh chàng thiếu tá sung sướng quá, kêu lên. Sự thực chính Dobbin đã mua chiếc đàn; và mặc dầu chưa bao giờ nói ra, nhưng anh ta cũng không hề nghĩ rằng Emmy có thể lầm, cho rằng người mua đàn gửi tặng là người nào khác; theo ý anh ta, chắc chắn Emmy phải biết chính Dobbin mua đàn tặng mình. Anh ta kêu lên:

"Thật không, Amelia?" và đôi môi đã mấp máy muốn thốt ra một câu hỏi, câu hỏi quan trọng nhất đời mình thì Amelia đáp:

- Tất nhiên tôi phải gìn giữ chứ… chẳng phải là của anh ấy tặng tôi sao?

- Nào tôi biết được!

Anh chàng Dobbin đáng thương cụt hứng đáp.

Ngay lúc ấy, Amelia không quan tâm đến câu chuyện cũng không chú ý đến bộ mặt rầu rĩ của anh chàng Dobbin thực thà nhưng về sau cô mới nghĩ ra. Lúc ấy

Amelia mới giật mình; biết rằng chính Dobbin mới là người gửi tặng mình chiếc dương cầm, Amelia cảm thấy đau khổ vô cùng. Thì ra xưa nay vẫn tưởng George tặng mình chiếc đàn là lầm; đó không phải là tặng phẩm của George, không phải là tặng phẩm duy nhất của người yêu như mình vẫn tưởng… thế mà mình đã nâng niu trân trọng nó hơn mọi vật quý trong đời… coi nó như một di vật quý báu thân thiết nhất. Nhiều lần Amelia đã thì thầm nói chuyện với chiếc đàn về George đã chơi những bài nhạc George thích trên chiếc dương cầm; nhiều buổi tối Amelia đã ngồi hàng giờ liền đem hết tài năng tầm thường của mình dạo những tiếng đàn ảo não trên hàng phím, rồi âm thầm khóc trên phím đàn. Bây giờ chiếc dương cầm chẳng còn phải là tặng vật của George nữa rồi; đối với Amelia nó trở thành vô giá trị.

Hôm sau, ông Sedley bảo con đánh đàn cho mình nghe, Amelia trả lời rằng nó bị hỏng nhiều quá mình lại đang nhức đầu không sao đánh được.

Nhưng rồi cũng như mọi khi, Amelia hối hận; cô tự trách mình có thái độ nhỏ nhen, vô ơn; Amelia thấy mình có tội, vì tuy không hề nói ra với Dobbin, nhưng trong thâm tâm quả có thái độ rẻ rúng đối với chiếc đàn khi biết là của anh chàng gửi tặng. Mấy hôm sau, nhân lúc hai người ngồi trong phòng khách – Joe ăn xong đã

ngủ thiếp đi rất ngon giấc- Amelia giọng run run nói với Dobbin:

- Tôi phải xin anh tha lỗi cho về chuyện này. Dobbin hỏi lại:

- Về chuyện gì thế?

- Về chuyện… chuyện chiếc dương cầm ấy. Từ hồi anh mua gửi cho đã mười mấy năm nay, khi tôi còn chưa ở riêng, tôi chưa lần nào có lời cảm tạ anh. Trước tôi vẫn tưởng người khác gửi tặng. Anh William tôi xin cảm ơn anh.

Amelia đưa tay cho Dobbin nắm, nhưng trong lòng như đứt từng khúc ruột, và dĩ nhiên nước mắt lại tuôn ra như suối.

Lúc này William không sao kìm giữ lòng mình được nữa; anh ta thổ lộ can tràng:

- Amelia, Amelia; chính tôi đã mua chiếc dương cầm ấy đấy.Ngay từ hồi ấy cũng như hiện nay, tôi vẫn yêu Amelia. Tôi phải thú thực hết. Có nhẽ tôi yêu Amelia ngay phút gặp gỡ đầu tiên… ngay khi George đưa tôi đến nhà ta để giới thiệu vị hôn thê với tôi. Hồi ấy, Amelia còn là một thiếu nữ, mặc áo trắng toát, có những búp tóc quăn quăn, vừa bước xuống thang gác vừa hát… Amelia còn nhớ không?… thế rồi chúng ta đi chơi

Vauxhall. Từ ngày ấy, tôi chỉ mơ tưởng đến một người đàn bà trên đời này, người đó là Amelia. Suốt mười hai năm nay, quả thực không có một giờ một phút nào tôi không nghĩ đến Amelia. Trước khi đi Ấn Độ tôi đã đến để thú thực điều ấy, nhưng Amelia có buồn để ý đến tôi đâu; thế là tôi không dám nói nữa. Hồi ấy, Amelia không cần biết tôi đi hay tôi ở lại.

Amelia đáp:

- Tôi thật là kẻ vô ơn.

Dobbin thất vọng tiếp:

- Không phải. Amelia vô tình thì đúng hơn. Tôi tự biết không có đức tính gì khiến được đàn bà khỏi vô tình với mình. Tôi hiểu hiện giờ Amelia nghĩ gì. Sự thực về chiếc dương cầm đã khiến cho Amelia rất khổ tâm, vì nó là tặng vật của tôi, không phải là của George. Lẽ ra tôi không bao giờ nên nói ra điều này mới phải; bây giờ chính tôi phải xin Amelia thứ lỗi vì trong một phút điên rồ đã có cử chỉ vô nghĩa ấy, và vì lầm tưởng rằng hơn mười hai năm trời trung thành tận tụy có thể khiến Amelia động tâm nghĩ lại.

Amelia cảm động đáp:

- Chính anh mới thật là nhẫn tâm. George bao giờ cũng vẫn là chồng tôi, dưới cõi trần cũng như trên thiên

đường. Làm sao tôi có thể yêu người khác được? William ạ, bây giờ cũng như lần đầu tiên anh gặp tôi, tôi vẫn là của George. Chính anh ấy đã nói với tôi rằng anh là người rộng lượng, cao quý; chính George đã dạy tôi biết coi anh như người anh ruột; thì anh chẳng đã săn sóc chu đáo mọi sự cho mẹ con tôi đấy sao? Đối với chúng tôi anh đã là người đỡ đầu thân quý nhất trung thực nhất, là người che chở rộng lượng nhất. Giá anh trở về sớm hơn vài tháng, có lẽ đã tránh cho mẹ con tôi được sự chia ly đau đớn kia rồi. Ôi, anh William ơi, tôi như chết đi từng khúc ruột… nhưng anh không về mặc dầu ngày đêm tôi vẫn cầu nguyện mong đợi tin anh. Thế là họ bắt mất đứa con của tôi mang đi. Anh William, anh có thấy cháu đáng yêu không? Mẹ con tôi mong vẫn được coi anh là bạn như cũ…

Nói đến đây, Amelia nghẹn ngào, gục mặt vào vai Dobbin.

Anh chàng thiếu tá vòng tay ôm lấy Amelia như ôm một đứa trẻ, và cúi xuống hôn vào mái tóc, nói:

- Amelia thân yêu ơi, tôi sẽ không thay đổi. Tôi sẽ không đòi hỏi Amelia yêu tôi nữa. Có lẽ tôi không nên đòi hỏi gì khác. Chỉ xin Amelia cho tôi được gần gũi và trông thấy mặt luôn luôn là đủ.

- Vâng, luôn luôn.

Amelia đáp vậy. Thế là William cứ việc tự do mà nhìn và khao khát, y như thằng bé học trò đáng thương không một xu trong túi, tha hồ ngắm nghía hòm kẹo của người đàn bà bán hàng rong mà thở dài nuốt nước bọt.

CHƯƠNG LX
TRỞ LẠI XÃ HỘI THƯỢNG LƯU

Từ nay Thần May mắn lại bắt đầu mỉm cười với Amelia.

Chúng ta cũng lấy làm mừng cho cô vì đã thoát được ra khỏi cảnh sống tăm tối trước kia, và bắt đầu bước chân vào một xã hội lịch sự; tuy chẳng được cao sang tôn quý lắm như những nơi có bạn Becky của chúng ta có dịp ra vào, nhưng cũng là những người theo lối ăn chơi quý phái. Joe quen nhiều người trong số những viên chức trước đã tòng sự tại cả ba dinh Thống đốc ở Ấn Độ; ngôi nhà mới của anh ta hiện nay lại ở ngay khu vực hỗn hợp Anh – Ấn Độ, mà công viên Moira là trung tâm, gồm có những phố Great Clive, Warren, Hastings, quảng trường Ochterlony và những công viên Plassy, Assaye. Còn ai là người không biết đến những chốn họp mặt danh tiếng ấy của giới thượng lưu thuộc địa, cũng như khu phố mà Wenham đã mệnh danh là "cái hang tối"?

Số tiền lợi tức của Joe không đủ cho phép anh ta tậu một ngôi nhà ở công viên Moira; những tay sống ở đây là những ủy viên trong hội đồng quản trị thuộc địa, hoặc có cổ phần trong các hãng buôn Ấn Độ kếch xù (họ kiếm khoảng mươi vạn đồng, sang tên cho vợ rồi rút lui

về thôn quê sống gọi là eo hẹp với số lợi tức đồng niên khoảng bốn năm nghìn đồng). Joe thuê một ngôi nhà cũng tươm tất thuộc loại nhì loại ba ở phố Gillespie, rồi đặt mua tại nhà hàng Seddons những tấm thảm kiểu đông phương, những tấm gương thật đắt tiền cùng các thứ đồ đạc thật lịch sự; những thứ này là của ông Skape bị tòa bắt phát mại; trước kia ông ta cũng có cổ phần trong hãng Fogle, Fake, và Cracksman ở Calcutta. Ông Skape đã bỏ vào hãng này số vốn bảy vạn đồng là tiền dành dụm chắt bóp trong suốt một đời người làm ăn lương thiện cần cù, để thế chân ông Fake; ông này rút lui về sống như một ông hoàng tại quận Sussex (gia đình Fogle thì đã rút lui khỏi việc doanh thương từ lâu; ngài Horace Fogle hiện sắp được ban tước vị nam tước Bandanna). Thế là Skape tiên sinh cầm đầu hãng buôn Fogle và Fake, được hai năm thì lỗ vốn một triệu đồng, bản thân bị phá sản, đồng thời kéo theo cả một nửa gia đình người Anh ở Ấn Độ cũng phá sản theo.

Ông Skape làm ăn lương thiện mà bị mất hết cơ nghiệp, đau đớn vô cùng. Đã bảy mươi nhăm tuổi đầu, ông còn đi Calcutta hy vọng gây dựng sự nghiệp kinh doanh cũ. Con trai là Walter Skape phải từ biệt trường Eton về làm thư ký cho một hãng buôn. Hai cô tiểu thư Florence Skape và Fanny Skape cùng bà mẹ bỏ đi

Boulogne, về sau không ai nghe nói tới nữa. Tóm lại, Joe mua những tấm thảm thêu và đồ đạc của gia đình này, ngày ngày anh ta soi mặt vào những tấm gương đã từng phản chiếu vẻ mặt kiều diễm của mấy cô thiếu nữ nhà giàu. Bọn bán hàng cho gia đình Skape được thanh toán sòng phẳng, nay đã ngấp nghé đến đưa danh thiếp xin vào hầu, đề nghị được cung cấp hàng cho ông chủ mới.

Các bác đầu bếp béo múp míp vẫn bận áo chèn trắng tinh hầu ăn cho Skape, bọn bán hoa quả, bán sữa, cũng tìm đến tranh thủ cảm tình của bác quản lý. Bác Chummy chuyên nghề thông ống khói lò sưởi, đã từng giúp việc ba đời chủ nhà liên tiếp ngụ ở đây, cũng đến săn sóc nịnh nọt bác quản lý, nịnh cả thằng nhỏ phụ việc của bác ta; thật ra công việc chính của thằng bé là mỗi khi Amelia đi chơi đâu thì bận áo kẻ sọc trắng đính hàng tràng khuy đồng đi theo hầu.

Gia đình Joe tuy vậy nhưng cũng không sang trọng lắm. Bác quản lý đồng thời làm thêm nhiệm vụ người hầu riêng của Joe; lúc nào cũng thấy bác ta say bí tỉ đúng như cách một bác quản lý sành sỏi biết giá trị kho rượu của chủ nhà. Emmy có một chị hầu phòng riêng, là con gái một người tá điền trong trại của ngài William Dobbin ở nhà quê. Chị ta cũng nhanh nhảu khéo léo; mới đầu Amelia ngại quát cứ nghĩ đến chuyện mình phải có một

người hầu riêng, cô đã đủ sợ, vì không biết rồi mình sẽ sai bảo ra làm sao; từ xưa đến nay, Amelia bao giờ cũng nói năng với đày tớ một cách nhã nhặn mềm mỏng. Thực ra mướn chị hầu gái cũng có nhiều cái lợi; chị ta săn sóc ông Sedley rất chu đáo. Bây giờ ông lão hầu như chỉ ở lỳ trong phòng của mình, không mấy khi dự những buổi tiếp khách vui vẻ của gia đình.

Khách khứa đến thăm Amelia rất đông. Dobbin phu nhân và mấy cô con gái thấy Amelia trở lại đời sống sung túc cũng lấy làm mừng; họ đến chơi luôn. Cô Osborne ở khu phố Russell cũng có lại thăm; cô ta đi một chiếc xe ngựa thật đồ sộ, có đính huy hiệu sáng quắc. Thiên hạ đồn rầm lên rằng Joe giàu lắm. Ông Osborne tỏ ý không phản đối việc thằng Georgy sẽ thừa hưởng cả gia tài của ông nội và gia tài của bác nó. Ông bảo: "Mẹ kiếp, tao sẽ gây dựng cho nó đến nơi đến chốn. Tao phải nhìn thấy nó thành ông nghị sĩ rồi mới chịu chết. Osborne, con có thể đến thăm mẹ nó một tý cũng được; tao không nhìn mặt nó thì đã đành". Emmy cũng muốn gặp mặt chị chồng luôn, vì có dịp gần gũi con trai hơn. Từ nay trở đi, thằng bé được phép đến thăm mẹ nhiều hơn trước. Mỗi tuần lễ, nó ăn cơm ở phố Gillespie một hai lần; về đây nó cũng quát tháo người làm, hạch sách tất cả mọi người y như ở khu phố

Russell.

Riêng đối với thiếu tá Dobbin, thằng bé bao giờ cũng tỏ thái độ kính nể; có mặt Dobbin, cử chỉ của nó cũng bớt phần rạng rỡ. Nó cũng thông minh, biết nể mặt viên thiếu tá. Nó rất phục Dobbin, vì anh ta tính tình giản dị, hiểu rộng biết nhiều, lại vui tính và bao giờ cũng tỏ ra tôn trọng sự thật và sự công bằng. Từ bé đến giờ nó chưa gặp người nào như Dobbin, tự nhiên nó thấy mến anh chàng. Thằng bé cứ luôn luôn quấn quít lấy người cha đỡ đầu. Nó thích nhất được đi chơi với Dobbin ở công viên, được nghe anh ta nói chuyện. William nói với Georgy những chuyện về cha nó, về Ấn Độ, về trận Waterloo, về tất cả mọi thứ, nhưng không bao giờ nói chuyện về mình. Mỗi khi Georgy tỏ ra xấc xược hoặc tự cao quá đáng, Dobbin hay lấy lời lẽ khôi hài giễu cợt; Amelia thường cho như thế là anh ta tàn nhẫn với con trai mình. Một lần Dobbin đưa thằng Georgy đi xem hát, thằng bé nhất định không chịu ngồi ghế hạng nhì, vì cho rằng chỗ ngồi ấy không xứng đáng; Dobbin bèn dẫn nó vào ngồi ghế lô, để nó ngồi đó rồi quay ra ngồi ghế hạng nhì một mình. Chưa được một lúc lâu, anh ta thấy có người khoác vào cánh tay, và một bàn tay bé nhỏ đeo găng bằng da dê thuộc nắm chặt lấy tay mình; thằng Georgy đã thấy cử chỉ của mình là vô lý; nó bỏ hàng

ghế "lô" xuống ngồi hạng ghế tầm thường vậy. Thấy thằng bé kênh kiệu biết hối hận, Dobbin mỉm cười vui vẻ. Anh ta rất quý thằng bé cũng như anh ta quý bất cứ thứ gì thuộc về Amelia. Lúc về nhà, nghe kể lại chuyện thằng Georgy biết hối lỗi như vậy, Amelia bằng lòng lắm. Đôi mắt cô nhìn Dobbin sáng lên đặc biệt khác hẳn mọi lần.

Dobbin thấy hình như Amelia nhìn mình xong hơi đỏ mặt thì phải.

Thằng Georgy không ngớt lời ca tụng Dobbin với mẹ. Nó nói:

- Má ạ, con yêu bác lắm, vì cái gì bác cũng biết; mà bác khác hẳn ông Veal. Má có biết không, ông Veal lúc nào cũng hay huênh hoang nói tràng giang đại hải. Bọn học trò chúng nó gọi ông ấy là,ông "Dài dòng văn tự"; con đặt tên cho ông ấy đấy; tên hay không má? Bác Dob nói tiếng La-tinh thạo như tiếng Anh, nói tiếng Pháp cũng giỏi như thế, lúc đi chơi, bác chỉ nói chuyện về cha con, không nói chuyện về bác bao giờ. Thế mà ở nhà ông nội, con nghe thấy đại tá Buckler nói chuyện rằng bác Dob là một trong số những sĩ quan dũng cảm nhất trong quân đội, đã từng lập nhiều chiến công lắm. Ông nội con ngạc nhiên quá bảo thế này: "Cái anh chàng ấy à? Tôi cứ nghĩ gà gáy to anh ta cũng sợ". Chắc không

đúng, phải không má?

Emmy cười; cô cũng tin rằng Dobbin là một sĩ quan dũng cảm. Nếu giữa thằng Georgy và anh chàng thiếu tá có một tình yêu thương thành thực, thì cũng cần phải nói thẳng là nó đối với ông bác của nó, lại không có chút cảm tình nào. Thằng bé học được cách phồng má thở phì phò, móc ngón tay vào túi áo gi-lê mà nói: "Lạy chúa tôi không phải rồi!..." hệt điệu bộ của Joe, làm cho không ai nhịn được cười. Đến bữa ăn, hễ sai người hầu lấy thứ gì còn thiếu trên bàn, thằng bé lại đóng trò như vậy; bọn đầy tớ phá ra cười với nhau. Dobbin thấy thế cũng phải mím môi mới nhịn được cười; Dobbin phải mắng nó, và mẹ nó phải xin nó mãi, thằng bé mới không bắt chước điệu bộ của Joe ngay trước mặt anh ta. Joe mang máng cảm thấy rằng thằng cháu trai coi mình không hơn một con lừa, thích tìm cách lôi mình ra làm trò cười; tự nhiên anh ta đâm ra nhút nhát, và dĩ nhiên khi có mặt Georgy anh càng làm ra vẻ long trọng bệ vệ hơn nữa. Hôm nào biết tin Georgy đến phố Gillespie dùng cơm với mẹ, thường thường Joe nói là đã có hẹn trước ở câu lạc bộ không ăn ở nhà được. Có lẽ không ai buồn lắm vì thiếu mặt anh ta.

Những buổi ấy, ông già Sedley cũng thuận rời căn phòng riêng của mình ở trên gác xuống nhà họp mặt với

gia đình. Những buổi họp mặt này thường có Dobbin tham dự. Anh ta trở thành người *bạn thân trong nhà* [88]; anh ta là bạn của ông Sedley, là bạn của Emmy, của Georgy, đồng thời là người cố vấn của Joe. Cho nên ở Camberwell cô Anne Dobbin mới bày tỏ ý kiến thế này: "Xem cung cách như vậy, giá anh ấy cứ ở Madras lại hơn".

Vậy thì Joseph Sedley sống một cuộc đời ung dung nhàn hạ thật xứng đáng với địa vị của anh ta. Trước hết Joe thành một hội viên của "Hội những người yêu phương đông"; sáng sáng anh ta đến trụ sở hội tán chuyện với mấy ông bạn thuộc địa, rồi dùng bữa tại đó hoặc kéo họ về nhà chè chén.

Amelia phải làm nhiệm vụ tiếp tân và lo việc thết đãi bọn khách vừa đàn ông vừa đàn bà này. Qua câu chuyện của họ, cô biết cả việc bao giờ Smith được cử vào hội đồng quản trị thuộc địa, Joe đem về nước bao nhiêu "lắc"[89], rồi chuyện hãng Thomson ở Luân- đôn không chịu thanh toán những tín phiếu do hãng Thomson Kibobjee ở Bom bay phát hành. Họ còn bàn tán cả về thái độ ít nhất thì cũng là dại dột của bà Brown (vợ một sĩ quan thuộc quân đoàn đặc biệt Ahmednuggur) vì bà này hay ngồi chơi khuya một mình trên boong tàu với anh chàng trẻ tuổi Swankey, sĩ quan ngự lâm, lại trốn

đưa nhau đi chơi ở Hảo vọng giác, chẳng còn tưởng gì đến danh giá. Họ kháo chuyện bà Hardyman, con gái một ông mục sư tỉnh lẻ là ngài Felix Rabbits, đã có tới cô em gái thứ mười ba; bà này đã khéo thu xếp gả tống đi được đến mười một cô mà có bảy cậu giai tế chức vụ cao; rồi chuyện Hornby đang phát điên lên vì vợ nhất định ở lý bên Âu châu không sang thuộc địa với mình, chuyện Trotter sắp được bổ giữ chức ủy viên tài phán. Đại khái, trong những bữa tiệc thịnh soạn, câu chuyện xoay quanh những vấn đề tương tự. Quanh đi quẩn lại cũng chỉ có những chuyện ấy, những chiếc đĩa bạc ấy, những món thịt cừu ấy, những món gà hầm ấy và những món *vào tiệc*[90] ấy. Ăn tráng miệng xong, các bà đưa nhau lên gác để phàn nàn với nhau về chuyện bệnh tật và con cái; bấy giờ các ông mới đề cập qua loa đến những vấn đề chính trị.

Chỉ có cái tên là thay đổi[91], thực ra không có gì khác. Vợ các ông quan tòa của chúng ta chẳng cũng hay bàn chuyện Tòa án là gì? Các bà vợ sĩ quan thì ưa tán chuyện xảy ra trong trại lính… còn gì thích hơn đối với vợ các ông mục sư bằng được ngồi kháo chuyện về những lớp học ngày chủ nhật và những chuyện khác về Nhà thờ? Các mệnh phụ phu nhân cũng chỉ thích nói về giới người ít ỏi hiếm hoi của họ, vậy thì tại sao mấy ông

viên chức thuộc địa lại không biết ưa thảo luận về những chuyện đặc biệt của mình? Có điều tôi công nhận rằng kẻ ngoài cuộc phải ngồi đấy mà nghe thì đến phát ngấy lên.

Chỉ ít lâu sau, Emmy đã có riêng một cuốn sổ tiếp tân, và đã dùng đến xe ngựa luôn luôn để đi thăm trả nợ những chỗ quen thuộc, như Bludyer phu nhân (vợ trung tướng Roger Bludyer, thuộc quân đoàn Belgan), Huff phu nhân (vợ ngài Huff, thuộc quân đoàn Bombay), bà Pice (vợ chồng Pice, giám đốc Công ty Đông Ấn Độ)v… v… Xưa nay chúng ta thay đổi lối sống không khó khăn lắm. Ngày nào cũng thấy chiếc xe ngựa đi đi về về ở phố Gillespie, thằng nhỏ mặc áo đính khuy đồng hết leo lên xe lại nhảy xuống xe để đưa danh thiếp của Emmy hoặc của Joe cho các gia đình quen biết. Đúng giờ đã định, Emmy ngồi xe ngựa đến câu lạc bộ đón Joe cùng đi chơi hóng gió một lúc, hoặc đánh xe đưa ông Sedley đi chơi một vòng trong Công viên Nhiếp chính. Dần dần Amelia cũng quen với chị hầu gái, với chiếc xe ngựa, với cuốn sổ tiếp tân cũng như với chú nhỏ bận chế phục có nhiều khuy đồng, như đã từng quen với những công việc lặt vặt hàng ngày ở Brompton vậy. Rồi cô cũng quen dần với mọi việc. Ví thử trời cho Amelia được làm một bà quận chúa, có lẽ cô cũng đóng nổi vai

trò của mình đến nơi đến chốn. Trong giới phụ nữ quen biết Joe, ai cũng bảo rằng Amelia là một thiếu phụ trẻ tuổi tuy không hiểu nhiều biết rộng, nhưng đại khái là cũng dễ thương.

Bọn khách khứa đàn ông thì vẫn như mọi khi, họ ưa Amelia vì cử chỉ nhã nhặn mà tự nhiên, duyên dáng mà không kiểu cách.

Có mấy cậu công tử trẻ tuổi tòng sự ở thuộc địa, nghỉ phép về nước thăm gia đình, đeo dây đồng hồ vàng, để ria mép, vẫn hay giong xe ngựa chạy như bay ngoài phố, không tối nào họ vắng mặt tại các rạp hát, và chuyên sống tại các khách sạn ở khu West End; tuy vậy cậu nào cũng muốn lọt vào mắt xanh của Amelia; hễ gặp cô đi xe ngựa ngoài công viên là họ tranh nhau chào, chỉ mong sao có hân hạnh buổi sớm nào đó được phép đến thăm người đẹp… Một hôm, Dobbin bắt gặp ngay chính anh chàng Swankey, sĩ quan ngự lâm; cái anh chàng trẻ tuổi nguy hiểm vốn được coi là con hươu đầu đàn của toàn bộ đội quân đóng ở Ấn Độ đang nghỉ phép – ngồi nói chuyện một mình với Amelia; anh chàng thao thao bất tuyệt kể cho Amelia nghe chuyện mình săn lợn rừng, có vẻ say sưa hùng hồn lắm; Swankey lại còn nhắc đến chuyện có anh chàng sĩ quan phải gió nào đó người cao lêu đêu, khẳng khiu, nom già già và bộ dạng thật tức

cười cứ mon men ra vào nhà này luôn không biết để làm gì, một anh chàng tâm hồn khô khan không sao hiểu nổi được những người có tài ăn nói.

Giá Dobbin là người hay tự ái hơn một chút, có lẽ anh ta đã ghen với viên đại úy hay tán gái và rất nguy hiểm này; nhưng tính Dobbin vốn chất phác và rộng lượng; anh ta không thể nghi ngờ Amelia bất cứ điều gì, không gì khiến cho anh ta vui bằng được thấy bọn trai trẻ tỏ thái độ kính nể và yêu mến Amelia. Từ khi trở thành một người đàn bà, nếu gọi được như vậy, chẳng phải Amelia đã luôn luôn bị coi thường và hành hạ đó sao? Còn gì sung sướng hơn được thấy trong cảnh sống sung túc bây giờ. Amelia dần dần trở lại yêu đời như xưa, lại có những cử chỉ dịu dàng bộc lộ bao nhiêu đức tính tốt đẹp cũ. Người nào biết rõ Amelia đều khen viên thiếu tá có con mắt tinh đời… nếu quả thực những người đàn ông đang bị thần ái tình mê hoặc còn đủ tỉnh táo để có được con mắt tinh đời. Sau khi Joe được vào triều kiến nhà vua cho đúng với đạo thần tử (anh ta bận lễ phục thật lộng lẫy ra trưng ở câu lạc bộ, Dobbin mặc một bộ binh phục đã cũ sờn đến đón bạn vào triều); xưa kia Joe vẫn là người có tư tưởng triệt để bảo hoàng, vẫn rất kính phục hoàng đế George đệ tứ; bây giờ anh ta càng trở thành một tay Tory nhiệt thành, một cây cột trụ của

quốc gia, anh cố nhất định đưa Amelia vào triều bằng được mới nghe. Anh ta cố tự bắt mình phải tin rằng bản thân cũng có quan hệ nhiều đến việc duy trì đời sống hạnh phúc cho quần chúng; cho nên nếu Joe Sedley này và gia đình chưa đến điện St. James để quây quần xung quanh hoàng thượng, chắc Người chưa sao yên tâm được. Emmy cười hỏi anh:

- Em có phải đeo kim cương vào chầu không nhỉ.

Dobbin nghĩ thầm:

- Còn tôi thì chỉ thèm được mua kim cương tặng em. Kim cương quý đến đâu đối với em cũng chưa xứng đáng.

CHƯƠNG LXI
TẮT ĐI HAI NGỌN ĐÈN

Một bữa kia, cả chuỗi dài những cuộc giải trí kiểu cách trang trọng trong gia đình Joe Sedley bỗng bị ngắt đoạn vì xảy ra một việc, cái việc phải xảy ra trong bất cứ gia đình nào. Lần theo cầu thang dẫn tới phòng khách lên buồng ngủ trên gác, ta sẽ nhìn thấy trên tường ngay trước mặt có một cái cửa tò vò nhỏ, nó dùng để soi sáng chiếc cầu thang dẫn từ tầng gác hai lên tầng gác ba (là phòng ngủ của người làm và chỗ chơi của trẻ con), đồng thời nó còn dùng vào một việc khác chỉ có mấy bác phu đám mới hiểu. Lúc khiêng quan tài từ trên gác xuống nhà, họ sẽ ghếch tạm một đầu quan tài lên thành cửa sổ để nghỉ cho đỡ mỏi rồi lại tiếp tục chuyển đi, như thế sẽ không làm phiền mấy tý đến giấc ngủ cuối cùng của người nằm trong hòm sàng.

Trong các ngôi nhà ở Luân-đôn, chính cái cửa tò vò này vẫn đứng giữa dãy cầu thang mà ngó lên ngó xuống, để chứng kiến sinh hoạt của tất cả những người trú ngụ trong nhà… Chị đầu bếp dậy từ sáng sớm đi xuống nhà cọ rửa xoong chảo cũng như ông chủ nhà trẻ tuổi sau những trận cười thâu đêm suốt sáng, trút bỏ đôi giầy dưới phòng khách mà rón rén mò lên gác, đều phải đi

qua đấy; các cô thiếu nữ áo mới sột soạt đăng-ten, rạng rỡ vẻ mỹ miều, sửa soạn để chinh phục trong những buổi dạ hội cũng phải đi qua đấy; cái cửa tò vò ấy còn làm chứng cho thói tinh nghịch của chú bé Tomy thích ngồi trượt trên lan can cầu thang, không biết sợ là gì; nó cũng đã nhìn bà chủ nhà tươi tỉnh âu yếm khoác tay ông chồng, vững vàng bước từng bước một xuống thang gác, theo sau là chị hầu gái, vào hôm viên thầy thuốc tuyên bố rằng người bệnh nhân xinh đẹp đã có thể xuống nhà giải trí được. Anh John vừa uể oải ngáp dài vừa giơ cây nến chập chờn soi tìm những đôi giày đang chờ anh ta trong hành lang vào lúc trời sắp sáng cũng phải đi qua đấy; cái vòm cửa sổ này đã soi sáng chiếc cầu thang để cho người ta đi lên đi xuống, bế những đứa trẻ sơ sinh, dìu những ông bà già, dẫn các vị khách xuống nhà dự tiệc; viên mục sư đến làm lễ rửa tội, ông thầy thuốc vào phòng người ốm nghe bệnh, các bác phu đám lên gác hộ việc tang, ai mà không phải đi qua… Nếu ngài ngồi khoảng giữa mà ngó lên nhìn xuống bạn sẽ thấy cái cửa tò vò và cái cầu thang chính là cuốn nhật ký của sự sống chết và sự phù hoa vậy!… Này, ông bạn bận áo sặc sỡ của tôi ơi, rồi sẽ có ngày vị bác sĩ đến thăm chúng ta một lần cuối cùng tại đây; chị hầu gái sẽ vén màn ngó vào nhìn mà chúng ta không hề hay biết… rồi chị ta sẽ đẩy cửa sổ hé ra một chút cho không khí ùa

vào trong phòng. Và tất cả các cửa trước nhà sẽ đóng kín mít, mọi người chỉ dùng những phòng bên trong… sau đó người ta cho đi mời luật sư và mấy bác chuyên bận áo màu đen[92] đến bàn việc… Lúc ấy tấn hài kịch ngài và tôi vẫn đóng sẽ hạ màn; và chúng ta được đưa đi một nơi rất xa không một tiếng kèn trống ồn ào nào còn vẳng đến tai được nữa. Nếu chúng ta thuộc dòng dõi quý phái, họ sẽ treo lên trước ngôi nhà cuối cùng của chúng ta một tấm huy hiệu mạ vàng có ghi câu "*Yên nghỉ trên thiên đường*". Con trai ngài sẽ trang hoàng lại nhà cửa, hoặc cho thuê lại để dọn đến một khu phố sang trọng. Hôm năm sau, tên tuổi ngài sẽ được liệt vào danh sách "những hội viên đã quá cố" của câu lạc bộ ngài vẫn lui tới. Mặc dầu rất có thể thương nhớ chồng đến đứt ruột ra được, bà vợ góa của ngài vẫn đòi thợ may cắt bộ áo tang sao cho thật khéo mới nghe… ngày ngày chị đầu bếp vẫn phải lên gác hỏi bà chủ sẽ ăn những món gì hôm ấy… và dần dần những người còn sống không muốn cứ phải nhìn mãi bức hình của ngài treo trên lò sưởi, họ sẽ hạ xuống cất vào kho nhường chỗ danh dự ấy cho tấm chân dung đứa con trai kế nghiệp trị vì trong nhà.

Không biết trên đời này loại người chết nào được ta thương tiếc nhiều nhất nhỉ?… Tôi tin rằng đó là loại

người ít yêu quý kẻ còn sống nhất. Chết một đứa con, người ta thường khóc lóc thảm thiết, giá chính ngài từ giã cõi đời cũng không được ai thương xót đến thế. Ví thử ngài mất một đứa con còn sơ sinh, chưa biết bố mẹ mấy, chỉ xa ngài một tuần nó cũng đã quên ngài thế mà ngài sẽ đau khổ gấp mấy lần mất người bạn nối khố hoặc mất đứa con đầu lòng bây giờ đã lập gia đình, vợ con đề huề. Chúng ta có thể tàn nhẫn, nghiệt ngã với Judah và Simeon. Nhưng đối với thằng nhỏ Benjamin[93] chúng ta vẫn động tâm thương xót. Một ngày kia, đến tuổi già, già mà giàu có, hoặc già mà nghèo khổ cũng thế, rất có thể ngài sẽ tự nhủ thế này: "Xung quanh ta thiên hạ ai cũng tốt cả; nhưng ta chết đi họ cũng chẳng buồn rầu lắm đâu. Ta có của, họ chỉ nghĩ tới chuyện xâu xé thôi… hoặc ta nghèo quá, họ chịu đựng ta đã quá mệt rồi.

Vừa hết tang bà Sedley, Joe chưa kịp bỏ bộ đồ tang để diện tấm áo chẽn lộng lẫy vẫn thích xưa nay thì mọi người trong nhà đã nhận thấy ông lão Sedley cũng đang ở tình trạng gần đất xa trời, sắp sửa đi theo bà lão sang thế giới bên kia mất rồi. Joe Sedley trịnh trọng tuyên bố ở câu lạc bộ thế này:

- Tình trạng sức khỏe của cha tôi không cho phép tôi tổ chức nhiều cuộc họp mặt "ra trò" mùa này. Nhưng anh Chutney, nếu anh quá bộ lại chơi vào khoảng sáu giờ

rưỡi tối, dùng tạm mấy chén rượu nhạt với vài anh em cánh ta… thì tôi cũng rất lấy làm hân hạnh.

Thế là Joe và "anh em cánh ta" cứ lặng lẽ chè chén với nhau, trong khi ấy ngay trên gác, ông lão cứ trút dần sinh lực của mình như cát trong chiếc đồng hồ. Bác quản lý đi rón rén đem rượu ra cho Joe và khách khứa; ăn xong cả bọn chơi vài ván bài; thỉnh thoảng thiếu tá Dobbin đến làm một chân. Đôi khi Amelia cũng từ trên gác xuống góp mặt, ấy là những lúc cô đã sắp đặt chu đáo, yên trí không có gì làm kinh động giấc ngủ chập chờn của ông bố già.

Từ khi bị ốm, lúc nào ông Sedley cũng đòi con gái có mặt bên mình. Nếu không phải là tự tay con gái bưng lên mời, ít khi ông chịu ăn cháo hoặc uống thuốc. Công việc duy nhất trong đời Amelia bây giờ hầu như chỉ là săn sóc ông bố ốm đau. Amelia kê giường ngủ của mình kề sát cửa thông sang phòng của cha; ông lão chỉ hơi cựa mình rên rỉ, cô đã trở dậy sang thăm rồi. Nhưng thật ra phải nói rằng nhiều đêm ông lão nằm thao thức hàng giờ yên lặng không động đậy, và không muốn làm phiền người con gái hiền thục hết lòng phụng dưỡng mình.

Có lẽ kể từ khi Amelia còn bé đến giờ, hồi này ông cụ quý con gái nhất. Lòng hiếu thảo của người con có dịp bộc lộ rõ rệt qua những việc thuốc thang săn sóc cho

cha. Dobbin thấy Amelia ra vào trong gian phòng của ông cụ dáng điệu nhẹ nhàng, uyển chuyển, mặt vẫn tươi tỉnh, bước đi không một tiếng động nhỏ thì nghĩ thầm: "Nàng bước vào buồng êm ái như tia nắng ấm".

Người đàn bà nào khi cho con bú hoặc săn sóc người ốm trong phòng bệnh mà không được ánh sáng thiêng liêng của tình yêu và lòng thương chiếu rạng rỡ vẻ mặt?

Mối giận của ông bố ngấm ngầm mang trong lòng từ mấy năm nay đối với con gái bây giờ đã nguôi hẳn; tuy không nói ra, nhưng ông đã hoàn toàn tha thứ cho con gái. Trong những ngày cuối cùng của đời mình và nhất là thấy con gái hiếu thảo, ông lão cảm động quên hết chuyện cũ; trước kia nhiều lần hai ông bà già đã bàn tán với nhau suốt đêm về những lỗi lầm của con gái; nào là Amelia hy sinh tất cả chỉ biết có thằng Georgy, Amelia thờ ơ đối với cha mẹ lúc già nua túng thiếu, chỉ nghĩ đến con trai; lúc thằng cháu về ở với ông nội nó, hai ông bà già thấy con gái đau khổ quá đáng một cách vô lý và kỳ quái. Trong những giờ gần đất xa trời, ông già Sedley mới xóa bỏ cho con hết thảy những tội lỗi trên, và mới tỏ ra công bằng với người đàn bà đau khổ quen cắn răng chịu đựng không than vãn nửa lời.

Một đêm, Amelia rón rén bước vào phòng thăm cha, thấy ông Sedley vẫn thức; ông cụ thổ lộ với con gái thế

này: “Emmy ơi, ba đang nghĩ rằng trước kia ba má đối với con bất công quá, thật là không phải”. Vừa nói ông lão vừa đặt bàn tay yếu đuối lạnh lẽo vào tay con gái. Amelia quỳ xuống bên giường cha, lẩm nhẩm cầu nguyện; ông lão vẫn nắm tay con cũng khe khẽ cầu kinh. Ông bạn ơi, ước gì khi nào đến lượt chúng ta, cũng có được một người con như vậy cùng cầu kinh, trước khi từ giã cõi đời nhỉ.

Có thể trong những giờ nằm thao thức trên giường bệnh ông lão đã thấy cả cuộc đời mình lại hiện ra trước mắt… những cuộc vật lộn đầy hy vọng hồi còn trẻ… cuộc sống sung túc phát đạt lúc đứng tuổi… sự thất bại khi về già và tình trạng tuyệt vọng hiện tại… bây giờ thôi còn mong gì chống lại số mệnh, ông đã hoàn toàn thất bại rồi… còn gì để lại cho con cái đâu, tiền nong chẳng có, tên tuổi cũng không; hết đời lại chỉ là một kẻ thất bại khốn cùng? Nhưng thưa bạn đọc, thử hỏi rằng chết trong cảnh phú quý tiếng tăm và chết trong cảnh bần cùng đau khổ, đằng nào sung sướng hơn? Kẻ được của rồi bắt buộc phải nhả ra là khổ hay người đã chơi trọn canh bạc thua cháy túi rồi lặng lẽ bước ra ngoài cuộc sống mới đáng thương?

Cứ kể cuộc đời đến một ngày kia, khi chúng ta phải nói rằng: “Mai đây thắng lợi hay thất bại đối với mình

đều vô nghĩa; mặt trời cứ mọc, cái nhân loại vô vàn hỗn độn kia vẫn cứ làm việc hoặc giải trí như lệ thường, nhưng riêng mình sẽ bước ra khỏi cái vòng luẩn quẩn" thì âu cũng là một cảm giác kỳ lạ vậy. Thế rồi một buổi sớm kia, mặt trời vẫn mọc, và thiên hạ trở dậy, kẻ lo làm, người lo chơi như thường ngày, riêng ông lão John Sedley mãi mãi không còn phải vật lộn với số mệnh, không phải tính toán, và cũng không còn hy vọng gì được nữa. Ông lão chỉ phải làm công việc cuối cùng là đi về nghĩa trang Brompton kiếm lấy một chỗ ở lặng lẽ và không người biết đến bên cạnh bà vợ già.

Thiếu tá Dobbin, Joe và thằng Georgy theo sau chiếc linh xa phủ vải đen đưa thi hài ông già về nơi an nghỉ cuối cùng. Joe rời khách sạn "Ngôi sao và Huy chương" tại Richmond về nhà dự lễ mai táng; sau khi ông lão từ trần, anh ta dọn đến khách sạn, không muốn ở nhà vì lẽ… chắc các bạn đoán ra cũng hiểu, nhưng Emmy vẫn ở lại để làm nhiệm vụ của mình như mọi ngày. Cô không có vẻ bị quỵ hẳn trước một nỗi đau thương lớn lao; thái độ của cô hầu như trang trọng hơn là rầu rĩ. Amelia cầu trời sao cho mình cũng sẽ được từ giã cõi trần một cách êm ái, nhẹ nhàng như vậy; với một thái độ thành kính và tin tưởng, cô nhớ những lời nói đầy tín ngưỡng, biểu lộ một thái độ nhẫn nại và tin tưởng vào tương lai ở thế giới

bên kia.

Quả thật, riêng tôi tin rằng được chết trong cảnh thanh bần mà lại hóa hay. Hãy giả thử rằng bạn giàu có nứt đố đổ vách, và trong cái ngày cuối cùng của đời mình, bạn đã nói thế này: "Tôi rất giàu, tôi cũng gọi được là có tiếng tăm đôi chút. Cả đời, tôi đã từng giao thiệp với giới thượng lưu trong xã hội, và cảm ơn trời đất, tôi cũng được sinh trưởng trong một gia đình nền nếp. Tôi đã phục vụ Đức vua và đất nước tôi một cách xứng đáng. Tôi cũng đã từng có chân trong quốc hội trong một thời gian khá lâu, và tại đây, có thể nói rằng thiên hạ rất ưa nghe tôi diễn thuyết, và tỏ ra cũng khá tán thưởng. Tôi không nợ ai xu nào; trái lại, tôi còn cho ông bạn già đồng môn của tôi là Jack Lazarus vay những năm mươi đồng; luật sư của tôi sẽ không cần giục ông ta về món nợ này. Tôi để lại cho các con gái tôi mỗi đứa một vạn đồng phần gia tài… cứ kể hồi môn của con gái như thế cũng đã tốt lắm. Ngoài món "niên kim chung thân", tôi còn để lại cho bà vợ góa của tôi tất cả đồ đạc, bát đĩa trong nhà, thêm ngôi nhà ở phố Baker; con trai tôi thừa hưởng phần đất ruộng, số tiền còn lưu ký tại Ngân hàng quốc gia, và toàn bộ hầm rượu hảo hạng của tôi ở phố Baker nữa. Thằng hầu việc của tôi mỗi năm sẽ được chia hai mươi đồng bảng. Cuối cùng tôi thách bất

cứ ai có thể tìm ra được tính tình tôi có điểm gì đáng trách". Hoặc giả, ví thử ngược lại, bạn là một người quanh năm vắt mũi chẳng đủ đút miệng, lúc kề miệng lỗ, than thở thế này: "Thật suốt đời tôi chỉ là một thằng nghèo xác, hoàn toàn bị phá sản rồi. Trời sinh ra thằng tôi thông minh chẳng có mà may mắn cũng không. Tôi thú thực mình đã nhiều phen hành động rất hớ, rất vụng. Tôi cũng công nhận rằng nhiều lần có thiếu sót trong nhiệm vụ. Những ngày cuối cùng của đời tôi hoàn toàn trơ trọi, nhục nhã. Tôi cầu xin Bề trên tha thứ cho những sự yếu đuối đã qua, và xin phủ phục dưới chân Đấng tối linh rộng lượng, lòng đầy hối hận".

Bạn thử nghĩ xem, câu nói nào thích hợp nhất đối với tang lễ của chính bạn nhỉ?

Ông già Sedley đã chọn câu nói sau. Thế là với những ý nghĩ tầm thường ấy trong đầu, ông già nắm chặt lấy bàn tay con gái và để cho cuộc sống với hết thảy những nỗi ưu tư cũng như những chuyện phù hoa trút theo hơi thở cuối cùng của mình.

Ông Osborne bảo thằng Georgy:

- Cháu xem, con người ta có tài mà chịu khó, lại khéo kinh doanh, được đền bù như thế nào. Cháu hãy nhìn ông đây, và xem ngân khoản tại nhà băng của ông có bao nhiêu. Lại coi ông ngoại cháu làm ăn thất bại ra sao

thì biết. Thế mà cũng ngày này cách đây hai mươi năm, ông ngoại cháu khá hơn ông bây giờ nhiều… giàu hơn ông đến một vạn đồng.

Không kể hai ông cháu nhà này, chỉ có gia đình ông Clapp là còn nhớ đến ông già Sedley mà đến hỏi thăm chia buồn. Ngoài ra không một ma nào buồn để ý đến ông lão, cũng chẳng thèm nhớ rằng trong cuộc đời đã có mặt một con người như vậy nữa.

Một lần nghe thấy ông bạn đại tá Buckler nói chuyện rằng Dobbin trước kia là một sĩ quan rất có tài (như thằng Georgy đã có dịp cho ta biết), ông tỏ thái độ hết sức hoài nghi và khinh miệt; ông rất ngạc nhiên không sao tin được rằng ngữ ấy lại có thể thông minh và nổi tiếng. Nhưng rồi khá nhiều người khác quen biết ông cũng nhác đến tiếng tăm của viên thiếu tá. Tôn ông William Dobbin đối với con trai rất mực coi trọng; ông kể lại nhiều chuyện chứng tỏ con trai ông là người học rộng, biết nhiều, có tài năng, và được thiên hạ rất mến phục. Không những thế, tên Dobbin còn được ghi trên danh sách tân khách đến dự một hai buổi họp mặt quan trọng của giới quý tộc. Chuyện này đã tác động rất mạnh đến tâm trí ông già quý phái của chúng ta ở khu phố Russell. Với tư cách là người đỡ đầu của thằng Georgy, Dobbin không thể tránh khỏi những cuộc tiếp

xúc với ông Osborne, vì bây giờ ông nội thằng bé đứng ra lãnh trách nhiệm này. Cũng trong một cuộc tiếp xúc ấy, nhân cùng viên thiếu tá xét lại việc thanh toán những khoản chi phí về thằng Georgy và mẹ nó trong thời gian qua, một mối ngờ khiến ông bàng hoàng, vì ông vốn là một thương gia có con mắt nhận xét rất sắc sảo. Mối ngờ ấy làm cho ông bực mình lắm, nhưng đồng thời cũng khiến ông rất vui vẻ; ông thấy trong số vốn chu cấp cho hai mẹ con người đàn bà góa, có một phần là tiền túi của chính Dobbin.

Ông buộc anh ta phải giải thích rõ về khoản này; vốn không quen nói dối, Dobbin đỏ mặt, lúng túng một hồi, cuối cùng đành thú nhận:

- Thưa cụ, việc anh chị ấy thành hôn với nhau (mặt ông già bỗng xám lại) phần lớn là do tôi thu xếp. Tôi nghĩ rằng bạn tôi đã đi quá xa, nếu từ hôn sợ mất danh dự, mà còn có thể gây ra cái chết của chị Osborne. Cho nên, khi chị ấy trơ trọi không nơi nương tựa, tôi thấy có nhiệm vụ phải dành dụm tiền nong giúp đỡ.

Ông Osborne nhìn trừng trừng vào mặt Dobbin; chính mặt ông cũng đỏ tía lên; ông nói:

- Thiếu tá Dobbin, ông đã gây ra cho tôi nhiều chuyện tai hại. Nhưng xin cho phép tôi được nói rằng ông là một người rất tốt. Chúng ta hãy bắt tay nhau; tôi thực không

hề ngờ rằng cháu tôi đã phải nhờ tiền của của ông mới sống được đến bây giờ.

Hai người bắt tay nhau; Dobbin có vẻ sượng sùng vì thấy hành động giả dối tuy rất nhân đạo của mình bị khám phá. Anh ta cố tìm cách làm dịu bớt sự giận dữ của ông Osborne và khuyên ông lão hãy tha thứ cho người con trai đã chết.

Dobbin nói:

- Anh ấy thật là một người cao quý; chúng tôi ai cũng mến, sẵn sàng vì anh ấy làm bất cứ việc gì. Hồi ấy tôi còn thanh niên; được anh George coi là bạn thân, tôi cũng cảm thấy tự hào lắm. Được mọi người thấy mình cùng đi chơi với anh ấy, có lẽ tôi còn hãnh diện hơn được đi cùng ngài Tổng tư lệnh quân đội. Tôi chưa từng gặp một sĩ quan nào dũng cảm và có đầy đủ những đức tính thượng võ như anh George đấy.

Dobbin lại cố nhớ những chuyện về tài năng và sự can đảm của bạn đem ra kể cho ông lão nghe, rồi nói thêm:

- Má thằng cháu Georgy sao mà giống bố nó như đúc, cụ ạ.

Ông nội thằng bé đáp:

- Trông nó giống quá, nhiều khi tôi đến phát sợ.

Có một hai buổi tối Dobbin đến dùng bữa với ông Osborne (ấy là vào hồi ông Sedley đang ốm); ăn xong hai người ngồi nói chuyện với nhau; suốt buổi tối, câu chuyện xoay quanh kỷ niệm về người anh hùng đã chết. Vẫn do thói quen, ông bố huênh hoang kể lại những cái hay của con trai, lấy việc khoe những chiến công và lòng dũng cảm của con để đề cao chính mình. Từ xưa đến nay chưa bao giờ đối với người con trai bất hạnh đã chết, ông lão tỏ ra rộng lượng như vậy.

Anh chàng thiếu tá có tâm hồn cao quý kia cũng lấy làm hể hả vì thấy đó là triệu chứng báo hiệu ông già bát đầu nghĩ lại mà tha thứ cho con trai. Lần thứ hai đến chơi: Dobbin đã được ông Osborne gọi bằng tên tục là William, y như ông vẫn gọi anh ta hồi Dobbin và George cả hai còn là trẻ con. Anh chàng thấy ông lão đã nguôi giận, cũng lấy làm vui lắm.

Ngày hôm sau, nhân cùng ngồi ăn sáng với cha, cô Osborne đã táo bạo dám đưa ra vài nhận xét ngụ ý giễu cợt hình dáng và cử chỉ của Dobbin – cái thói soi mói của cô ta vốn do bản tính và do cảnh chồng con muộn mằn – lập tức cô bị ông bố chặn lời:

- Này cô Osborne, ví thử được anh ta hỏi làm vợ, cô cũng nên cảm ơn thượng đế. Nhưng chùm nho ấy xanh lắm, phải không con. Ha! ha! Thiếu tá Dobbin trông

cũng đẹp trai đấy chứ.

Georgy tán thành ý kiến của ông nội, đáp:

- Đúng, ông ạ. Thiếu tá Dobbin tốt lắm.

Rồi nó đến cạnh ông già đưa hai bàn tay lên túm lấy bộ ria mép to tướng, nhìn vào tận mặt ông nội mà cười vui vẻ, rồi hôn một cái. Đêm hôm ấy nó kể chuyện lại cho mẹ nó nghe; Amelia hoàn toàn đồng ý với con trai. Cô nói:

- Đúng thế. Bác Dobbin tốt lắm. Ngày xưa cha con cũng vẫn bảo thế. Bác Dobbin là người tốt bụng và trung thực nhất trên đời này đấy, con ạ.

Ngẫu nhiên, hai mẹ con vừa nói chuyện với nhau thế được một lúc thì Dobbin rẽ vào chơi; hình như Dobbin đến đúng vào lúc này khiến cho Amelia hơi đỏ mặt thì phải; thằng bé tinh quái lại đem ngay câu chuyện lúc nãy ra kể lại, làm cho mẹ nó càng bối rối hơn. Nó nói:

- Bác Dob ạ, cháu biết có một cô đẹp tuyệt đang muốn lấy bác đấy. Cô ấy nhiều tiền lắm, cô ấy lại đeo cả một mớ tóc quăn giả trên trán. Cô ấy mắng chửi bọn đày tớ suốt từ sáng sớm tới tối mịt.

Dobbin hỏi:

- Ai thế cháu?

Thằng bé đáp:

- Cô Osborne nhà cháu ấy mà. Ông nội cháu bảo thế. Bác Dob ạ, cháu mà được gọi bác bằng "bác" thì cháu thích ghê cơ.

Vừa lúc ấy ông già Sedley nằm trong phòng bên cất tiếng run rẩy gọi Amelia, mọi người mới ngớt cười.

Bây giờ ai cũng thấy rõ ông già Osborne đã đổi tâm tính.

Thỉnh thoảng ông ta cũng có hỏi thăm thằng Georgy về bác nó; nghe thằng cháu nội bắt chước Joe ề à nói: "Cầu Chúa ban phúc cho tôi" và húp món xúp soàn soạt, ông Osborne phì cười; nhưng rồi ông bảo cháu:

- Này cháu, trẻ con dám làm điệu bộ bắt chước các bậc cha chú trong nhà như vậy là hỗn. Cô Osborne, hôm nay cô đánh xe ngựa đi chơi đâu, nhớ rẽ vào nhà ông Sedley gửi lại danh thiếp cho ba, nghe không? Dẫu sao đi nữa thì giữa ba và ông ta cũng không có chuyện gì.

Joe cũng gửi danh tiếp đáp lại, ông Osborne mời viên thiếu tá và Joe đến nhà ăn tiệc… một bữa tiệc sang trọng nhất và cũng vớ vẩn nhất, kể từ khi ông Osborne mở tiệc thết khách đến nay. Trong nhà có bao nhiêu bát đĩa quý giá ông sai mang ra bày kỳ hết, khách khứa được

mời toàn những người sang trọng. Joe Sedley khoác tay cô Osborne xuống cầu thang vào phòng ăn, cô thiếu nữ tỏ ra rất lịch sự đối với anh ta; trong khi ấy hầu như cô không nói một lời nào với anh chàng thiếu tá; Dobbin ngồi cách xa cô thiếu nữ, chọn một chỗ ngay cạnh ông Osborne, anh ta có vẻ nhút nhát. Joe tuyên bố rất trịnh trọng rằng hôm nay đã được ăn món xúp rùa ngon nhất đời mình; anh ta lại hỏi ông Osborne mua được rượu madera ở đâu mà ngon thế?

Bác quản lý thì thầm vào tai ông chủ:

- Bẩm cụ, chỗ rượu mua đấu giá của nhà cụ Sedley còn lại đấy ạ.

Ông Osborne bèn quay ra trả lời khách:

- Rượu này tôi mua đã lâu lắm, mà cũng phải trả khá đắt cơ đấy.

Rồi ông quay sang thì thầm với ông khách ngồi bên tay phải về việc mình đã mua rượu trong vụ phát mại tài sản của "lão già" như thế nào.

Cũng đã có một vài lần ông Osborne hỏi thăm Dobbin về… về "bà George Osborne"; dĩ nhiên, đụng đến vấn đề này, anh chàng tỏ ra hết sức hoạt bát. Anh ta kể lại bao nỗi khổ cực Amelia đã phải chịu… anh ta kể lại mối tình nồng thắm chung thủy của Amelia đối với chồng, người

chồng đến nay cô vẫn tôn thờ trong tâm tưởng…

Dobbin kể lại việc Amelia đã phụng dưỡng cha mẹ và gây dựng cho con trai thật chu đáo vì coi đó là nhiệm vụ của mình. Anh chàng thực thà giọng hơi run run vì xúc động nói:

- Thưa cụ, cụ không thể hiểu thấu chị ấy đã phải chịu đựng đến thế nào. Tôi hy vọng, tôi tin tưởng rằng rồi đây cụ sẽ vui lòng tha thứ cho chị ấy. Nếu trước kia cụ đã bị chị ấy cướp mất con trai, thì nay chị ấy thay thằng con trai của mình cho cụ. Và xin cụ cứ tin rằng cụ yêu quý anh George một phần, thì chị ấy còn yêu quý thằng Georgy mười phần nữa cơ.

Ông Osborne chỉ biết trả lời:

- Lạy Chúa, ông thật là người rất tốt.

Từ trước, ông chưa hề bao giờ nghĩ rằng người đàn bà góa kia lại cảm thấy đau khổ vì phải xa con; ông cũng không tin rằng Amelia thấy con trai được thừa hưởng một gia tài lớn, lại có thể lấy việc ấy làm đau lòng. Thế là việc ông bố chồng tha thứ cho con dâu coi như chắc chắn sẽ thực hiện trong một ngày rất gần đây. Nhưng mới nghĩ tới cuộc gặp gỡ đáng sợ với ông thân sinh ra George mà trống ngực Amelia đã dồn dập vì lo lắng.

Tuy thế nhưng cuộc hội kiến ấy cũng không bao giờ

có. Sau đó, xảy ra việc ông Sedley bị ốm, rồi chết; thành ra trong một thời gian coi như không thể nào tổ chức một cuộc gặp gỡ được. Sự kiện tai hại ấy cùng nhiều việc khác nữa hình như tác động mạnh đến tinh thần ông Osborne. Gần đây, sức khỏe ông sa sút rất nhanh vì tuổi đã cao, lại thêm nỗi âm thầm lo nghĩ. Ông đã cho đi mời mấy viên luật sư riêng lại bàn việc. Có lẽ ông muốn thay đổi một vài điều khoản nào đó trong tờ di chúc thì phải. Viên thầy thuốc được mời đến thăm sức khỏe cho ông tuyên bố rằng ông yếu lắm, tâm thần bất định. Ông ta bảo cần trích huyết và mang bệnh nhân đi an dưỡng tại bờ biển ít lâu; nhưng ông Osborne không chịu trích huyết, cũng chẳng đi an dưỡng.

Một hôm, đến giờ lẽ ra ông Osborne phải xuống nhà dùng bữa sáng, người hầu không thấy ông chủ đâu bèn vào trong phòng rửa mặt của ông để tìm; anh ta thấy ông chủ bị cơn bệnh vật và đang nằm sóng sượt ngay dưới chân bàn, vội báo tin ngay cho cô Osborne; người nhà lập tức đi mời thầy thuốc. Thằng Georgy được phép nghỉ học ở nhà; lần này đành phải triệu đến những thầy lang chuyên giác huyết. Nhưng ông Osborne chỉ gọi là hơi tỉnh lại; có hai lần ông cố gắng một cách thê thảm, hình như muốn trối trăng lại điều gì, nhưng không sao nói ra tiếng được nữa. Bốn hôm sau, ông tắt thở.

Mấy ông thầy thuốc xuống thang gác ra về, đến lượt các ông chủ đòn đám ma leo thang gác lên làm nhiệm. vụ. Tất cả cửa sổ mặt chính tòa nhà trông ra công viên Russell đóng kín mít. Từ khu City, Bullock hối hả chạy xổ đến. "Ông cụ để lại cho thằng nhóc bao nhiêu tiền đấy hả?… Nhất định không phải là một nửa gia tài chứ? Phải chia làm ba phần đều nhau, dứt khoát thế". Việc cửa việc nhà lúc ấy thật rối như bòng bong.

Chẳng rõ lúc hấp hối ông già đáng thương kia có định cố gắng trối trăng lại điều gì cho con cháu không? Tôi hy vọng rằng ông tỏ ý muốn gặp mặt Amelia và trước khi từ giã cõi đời muốn tha thứ cho người vợ thân yêu và trung thành của đứa con đã khuất.

Nhất định là như thế, vì xem nội dung chúc thư, ta thấy rằng ông già đã gột sạch được mối căm thù từ lâu vẫn ủ ấp trong thâm tâm.

Người nhà lục trong túi áo ngủ của ông thấy một lá thư có đóng con dấu lớn màu đỏ, tức là lá thư George gửi từ Waterloo về cho ông. Ông cũng đã đọc lại nhiều giấy má khác có liên quan đến con trai, vì trong túi áo của ông người ta thấy cả chìa khóa chiếc hộp ông vẫn dùng để cất những giấy tờ ấy; trong hộp, phong bì đều để ngỏ, dấu xi gắn đã bị bóc.. việc này có lẽ đã xảy ra ngay buổi tối trước hôm ông bị lên cơn bệnh bất thình

lình; lúc ấy bác quản lý mang nước trà vào trong phòng làm việc cho chủ, thấy ông đang ngồi đọc cuốn thánh kinh đồ sộ của gia đình, bìa bọc da màu đỏ.

Xem đến tờ di chúc, thì ra ông để lại cho Georgy một nửa gia tài phần còn lại chia cho hai cô con gái. Chúc thư còn ghi rõ rằng ông Bullock có thể hoặc tiếp tục hùn vốn trong công ty của ông Osborne để chia lợi nhuận như cũ, hoặc rút vốn ra, tùy ý. Hàng năm sẽ trích một số tiền là năm trăm đồng bảng, tính vào phần tài sản của Georgy được hưởng, để trợ cấp cho Amelia "người vợ góa của George Osborne, con trai yêu dấu của tôi", quyền đỡ đầu đứa cháu nội cũng trao lại cho mẹ nó. Người thực hiện chúc thư là phiếu tá William Dobbin, bạn của con trai tôi".

Tờ di chúc viết tiếp: "Để tỏ lòng biết ơn thiếu tá đã có lòng hào hiệp và rộng lượng, bỏ tiền riêng ra trợ cấp cho cháu nội tôi và người vợ góa của con trai tôi, trong thời gian hai mẹ con lâm vào hoàn cảnh quẫn bách không người giúp đỡ, tôi muốn ông ta nhận ở đây những lời cảm tạ chân thành về sự quan tâm ấy; tôi lại khẩn cầu ông ta nhận cho một món tiền đủ để lo được thăng lên cấp bậc trung tá, hoặc để dùng vào bất cứ việc nào khác tùy sở thích".

Nghe tin bố chồng đã tha thứ cho mình, Amelia lòng

tràn ngập niềm vui; cô cũng cảm tạ lòng tốt của ông bố chồng quá cố đã để lại số tiền trợ cấp cho mình. Nhưng khi cô hay tin Georgy sắp được trở về với mình, nhất là được biết chính Dobbin đã can thiệp để đi đến kết quả này, chính Dobbin đã trợ cấp cho mình trong cơn hoạn nạn, chính Dobbin đã mang đến cho mình cả chồng, cả con… thì cô đã quỳ ngay xuống để cầu Chúa ban phúc lành cho con người quý hoá và chung thủy; có thể nói cô muốn tự hạ mình, gục xuống mà hôn bàn chân của một tấm lòng rộng lượng và cao đẹp tuyệt vời như vậy.

Song Amelia cũng chỉ có thể lấy sự biết ơn để đáp lại tấm tình chung thủy và cao quí kia… chỉ có sự biết ơn mà thôi? Vì mỗi khi cô nghĩ tới một sự đền đáp nào khác, lập tức cô thấy hình ảnh George từ dưới mộ đứng dậy bước ra, lên tiếng: "Em thuộc về anh; em chỉ là của anh mà thôi, bây giờ và vĩnh viễn sau này nữa".

Wiham rất hiểu tâm tư của Amelia, anh ta chẳng đã sống suốt đời để đón ý người mình yêu đấy sao?

Khi nội dung tờ di chúc của ông Osborne được tuyên bố cho mọi người rõ, tự nhiên Amelia được những người quen biết săn đón trọng vọng khác thường; âu cũng là một việc đáng suy nghĩ. Mọi lần, bọn gia nhân phục dịch trong tòa nhà Joe mới tậu vẫn quen cãi lại Amelia, mặc dầu cô chỉ dám dùng những lời lẽ thật nhã nhặn mỗi khi

sai bảo; chúng nói bướng rằng để sẽ đi "hỏi lại ông chủ" xem có nên vâng lời hay không đã; bây giờ tất cả một mực gọi dạ bảo vâng răm rắp. Chị đầu bếp không còn dám cười cợt chế giễu Amelia vì cô bận những bộ áo cũ kỹ tồi tàn (vì, dĩ nhiên, những buổi tối chủ nhật đi lễ nhà thờ, đầu bếp, gia nhân ăn bận thật lịch sự át hẳn bà chủ); những đứa đầy tớ khác cũng không còn càu nhàu mỗi khi nghe tiếng chuông Amelia gọi, và khi nghe rõ vội thưa ngay. Anh xà ích trước kia vẫn cấm cẳn phàn nàn tỏ ý không muốn cặp ngựa của mình phí sức, không muốn xe ngựa của chủ biến thành một cái nhà thương vì phải giong xe cho "lão già" và bà Osborne đi chơi; bây giờ chính y lại xun xoe chỉ mong được đánh xe hầu, vì y đang thấp thỏm sợ bác xà ích nhà ông Osborne hất cẳng vào chiếm chỗ làm của mình. Gặp ai anh ta cũng rêu rao: "Cái bọn xà ích ở khu phố Russell chúng nó có biết phố xá trong tỉnh mô tê đâu vào đâu! Mặt chúng nó mà xứng đáng ngồi giong cương xe ngựa cho một bậc mệnh phụ à?" Bỗng nhiên đám bè bạn của cô cả đàn ông lẫn đàn bà ai cũng săn đón hỏi thăm Emmy; trên mặt bàn trong phòng khách thư từ mọi chỗ quen thuộc gửi đến chia buồn chất thành đống. Chính Joe xưa nay cũng vẫn quen coi em gái chỉ là một người đàn bà nghèo túng tốt bụng và vô hại, mình có nhiệm vụ phải chu cấp nơi ăn chốn ở; bây giờ đối với hai mẹ con thằng cháu trai triệu

phú, anh ta cũng đâm ra hết sức kính nể… Joe sốt sắng khuyên em gái thay đổi cách sinh hoạt, nên tìm cách giải trí đôi chút để khuây khỏa nỗi sầu muộn sau bao cơn thử thách… "Con bé đáng thương quá"… Anh ta lại bắt đầu xuống cùng dự bữa sáng với gia đình, và đặc biệt lại hỏi ý em gái xem nên sử dụng ngày hôm ấy như thế nào.

Với tư cách là người đỡ đầu của Georgy, và được sự đồng ý của thiếu tá Dobbin tức là người được ủy nhiệm thực hiện di chúc, Amelia ngỏ ý muốn lưu cô Osborne ở lại khu phố Russell; cô muốn ở đến bao giờ cũng được, nhưng cô Osborne cảm ơn, đáp rằng mình không sao chịu đựng nổi cuộc sống trơ trọi giữa tòa nhà đầy những kỷ niệm đau buồn này; cô buồn bã bỏ về Cheltenham cùng hai người đầy tớ già. Amelia trả tiền công hậu hĩnh cho tất cả bọn gia nhân còn lại, rồi cho họ thôi việc. Riêng bác quản lý có tuổi và trung thành được Amelia giữ lại tiếp tục giúp việc, nhưng bác từ chối; bác muốn đem số vốn liếng đã gom góp được ra mở một quán rượu; chúng ta hy vọng rằng việc làm ăn của bác cũng không đến nỗi đáng phàn nàn. Cô Osborne không muốn ở lại khu phố Russell; sau khi đã suy đi tính lại kỹ càng, Amelia cũng tỏ ý không muốn sống trong tòa nhà cổ kính âm thầm này làm gì. Vì vậy, người ta dẹp hết cả đồ đạc đi; những bộ bàn ghế quý giá, những cây đèn cổ

kính trang nghiêm, những tấm gương nước thủy mờ mờ rầu rĩ, tất cả đều được bọc lại cẩn thận mang cất đi; gian phòng khách lộng lẫy bằng gỗ hồng cũng được che cẩn thận dưới một lượt rơm phủ kín; người ta cuộn tất cả những tấm thảm và bó lại, những tác phẩm chọn lọc đóng bìa rất đẹp vẫn bày trong chiếc tủ sách nhỏ, nay đem chất đống vào trong hai cái tủ rượu. Cuối cùng tất cả mọi thứ đồ đạc vặt vãnh cũng được mang chất vào trong mấy chiếc xe chở đồ, chờ khi nào Georgy đến tuổi thành niên. Riêng về khoản bộ bát đĩa cổ bằng bạc thì mang đến gửi tại nhà ngân hàng Stumpy và Rowdy; nó sẽ nằm yên trong nhà kho của mấy vị này và cũng chờ đến ngày đó.

Một hôm Amelia giắt tay Georgy, hai mẹ con cùng bận đồ tang, đến thăm tòa nhà trống trải, nơi từ hồi còn con gái đến giờ cô mới đặt chân đến là lần đầu. Ngoài sân còn bừa bãi những rơm rác, đấy là chỗ người nhà đã chất đồ đạc lên xe mang đi. Hai mẹ con bước vào những căn phòng cô quạnh mênh mông, trên mặt tường còn để lại vết những bức tranh và những tấm gương soi đã gỡ mang đi. Hai mẹ con lại theo chiếc cầu thang lớn bằng đá dẫn lên tầng trên; bước vào một gian phòng, Georgy thì thầm bảo mẹ rằng "ông nội chết ở đây", rồi dắt mẹ lên tầng gác thứ ba, vào trong gian phòng riêng của mình.

Đứa con trai vẫn đứng bên, tay níu chặt áo mẹ, nhưng lúc này Amelia đang nghĩ đến cha nó… Cũng như nó, xưa kia George đã từng sống trong căn phòng này đây. Cô bước lại bên một khung cửa sổ vẫn để ngỏ (hồi trước, khi đứa con trai của cô bị bắt mang đi, đã bao lần cô đứng dưới đường đăm đăm nhìn lên những khung cửa sổ phòng này. Từ trong phòng trông ra, Amelia có thể nhìn qua ngọn những hàng cây trồng trong khu phố Russell thấy ngôi nhà cổ kính, nơi chính cô đã lọt lòng mẹ ra chào đời, nơi cô đã được sống bao ngày tháng của tuổi hoa niên đẹp đẽ thiêng liêng. Bao kỷ niệm xa xưa dồn dập trở lại trong ký ức. Những tháng nghỉ hè đầy hạnh phúc, những bộ mặt thân thuộc dịu dàng, những trò giải trí thoải mái hồn nhiên, và cả những cuộc thử thách, những nỗi sầu muộn đã sớm ùa đến mà dìm cô xuống trong sự đau khổ. Cô nhớ lại tất cả những chuyện ấy, nhớ lại cả con người chung thủy vẫn đùm bọc che chở cho mình, vị thần hộ mệnh, người bạn trìu mến và rộng lượng của mình.

Georgy bỗng nói:

- Nhìn kìa, má. Có hai chữ G.O. vạch bằng kim cương lên mặt ô kính cửa sổ; trước kia con chưa trông thấy bao giờ; con cũng không vạch hai chữ ấy.

Amelia trả lời con:

- Georgy, đây là phòng riêng cha con vẫn dùng ngày xưa… đã lâu lắm, lâu lắm rồi, trước khi con ra đời, con ạ.

Rồi cô cúi xuống hôn con, mặt đỏ lên.

Lúc hai mẹ con ngồi xe ngựa trở về Richmond, Amelia lặng thinh có ý đăm chiêu; cô thuê tạm một ngôi nhà ở đây. Người ta thấy mấy ông thầy kiện mặt mũi hể hả vẫn ra vào ngôi nhà này, coi bộ bận rộn lắm (ta có thể yên trí rằng họ tính cẩn thận từng buổi đến thăm trong bản thanh toán tiền công với thân chủ); và dĩ nhiên trong nhà cũng có một gian phòng dành riêng cho thiếu tá Dobbin; anh ta cưỡi ngựa đến chơi luôn; Dobbin cũng đang bận túi bụi lên vì phải lo thu xếp công việc cho đứa trẻ vị thành niên được mình đỡ đầu.

Hồi này Georgy được phép từ giã ông Veal; nó được nghỉ học trong một thời gian không hạn định; đồng thời nhà học giả cũng được thuê tiền để sáng tác nội dung một tấm bia tạc bằng đá cẩm thạch quý sẽ dựng trong nhà thờ cô nhi viện, mé dưới bức tượng kỷ niệm đại úy George Osborne.

Vợ Bullock, tức là cô thằng Georgy, cũng đối xử thân mật với hai mẹ con người đàn bà góa; mụ tỏ ra vẫn có tấm lòng bao dung mặc dầu đã bị cái thằng oắt con quỷ quái cướp mất nửa số tiền lẽ ra mình được hưởng trong

phần gia tài của cha để lại.

Roehampton cũng không cách xa Richmond là bao cho nên một buổi kia, người ta thấy một chiếc xe ngựa có treo huy hiệu mạ vàng của gia đình Bullock chạy thẳng đến cửa nhà Amelia ở Richmond thì đỗ lại. Lũ con nhà Bullock ngồi trong xe, mặt mũi xanh xao. Mấy mẹ con kéo nhau ùa vào trong vườn, thấy Amelia đang ngồi đọc sách, và Joe thì đang ngồi dưới một vòm cây uốn, ung dung thả những quả dâu tươi vào rượu vang; lại thấy cả thiếu tá Dobbin bận bộ áo nhà binh Ấn Độ đang cúi khom khom lưng để cho thằng Georgy chơi trò nhảy ngựa.

Nó nhảy qua đầu Dobbin rơi xuống ngay trước mặt đám trẻ nhà Bullock; mấy đứa này bận áo tang đen, đội mũ có đính những túp lông màu đen to tướng, líu ríu theo sau ba mẹ cũng bận áo đại tang.

Trông thấy thằng Georgy, bà mẹ quý hóa nghĩ thầm ngay:

- Thằng bé vừa xuýt xoát tuổi con Rosa nhà mình đây! Và liếc nhìn sang cô con gái quý báu, một cô tiểu thư ốm o mới lên bảy tuổi. Bà Frederick bảo con gái:

- Rosa, lại hôn anh đi, con. Georgy, cháu có biết cô là ai không nào? Cô là cô ruột cháu đây mà.

Georgy đáp:

- Cháu biết thừa đi rồi. Nhưng mà xin lỗi, cháu không thích hôn đâu.

Con Rosa ngoan ngoãn vâng lời mẹ chạy đến hôn thằng anh con nhà bác; nhưng thằng Georgy không chịu, lảng ra.

Bà Frederick lại bảo:

- Con nhà đến hay. Thế đưa cô đến gặp má cháu vậy.

Lần đầu tiên hai người đàn bà gặp lại mặt nhau, sau hơn mười lăm năm trời xa cách. Suốt thời gian Emmy lâm vào cảnh nghèo túng khổ cực cô em chồng chưa hề bao giờ nghĩ đến chuyện lại thăm chị dâu; nhưng bây giờ Amelia đã tạm gọi là mở mặt ra với thiên hạ thì cô em chồng lại mò đến hỏi han là chuyện tất nhiên. Vô khối người khác cũng thế. Một hôm, cô bạn cũ của chúng ta là cô Swartz cùng chồng từ Hampton "tiền hô hậu ủng" đến Richmond chơi, mang theo cả một bầy gia nhân bận chế phục rực rỡ màu vàng; cô vẫn tỏ ra nồng nàn đối với bạn như trước. Cô Swartz thề rằng mình vẫn yêu quý bạn như xưa, hiềm nỗi không có điều kiện đi lại thăm bạn luôn được. Ta cũng đành tin như vậy. *Vì biết làm sao được?*[94] trong cái kinh thành mênh mông này ai là người có đủ thì giờ đi tìm lại đám bạn cũ mà thăm

hỏi cho xuể. Nếu họ trót rời khỏi hàng ngũ thì xin họ cứ việc tự do biến mất, chúng ta tiếp tục tiến lên không cần đến họ nữa. Trong Hội chợ phù hoa này, có ai là người được kẻ khác thương nhớ bao giờ đâu.

Vậy thì tóm lại, trước khi hết tang ông Osborne, Emmy đã thấy mình sống giữa một xã hội thượng lưu nho nhỏ. Đám người này không bao giờ tưởng tượng được rằng trong giới mình lại có thể có kẻ gặp chuyện không may trong đời. Ít có bà nào không có họ hàng với một nhà quí tộc, mặc dầu chồng các bà chỉ là một bác lái buôn quèn ở khu City. Cũng được vài bà có học vấn, có kiến thức; họ đọc sách của Somerville, và có đến Hàn lâm viện của Hoàng gia luôn; nhiều bà khác tính tình khắc khổ, không bỏ sót buổi họp mặt nào ở Exeter Hall không đến. Phải thú thực rằng sống giữa đám các bà các cô tai to mặt lớn này, Emmy thấy lúng túng khó cư xử quá.

Hai lần cô bắt buộc phải nhận lời mời của vợ Frederick Bullock đến dự tiệc thì hai lần cô cảm thấy vô cùng khổ sở. Cái cô em chồng mệnh phụ này cứ nhất định lên mặt bề trên với Amelia, và cương quyết một cách vô cùng lịch sự đòi dạy cô bằng được những kiểu cách của xã hội thượng lưu. Mụ dắt đến cho Amelia lũ thợ trang sức của mụ; mụ còn đòi điều khiển cả việc gia đình hộ

Amelia, cũng như muốn uốn nắn cả từ lời ăn tiếng nói cho chị dâu. Mụ đánh xe ngựa từ Roehampton đến chơi luôn, kể lể con cà con kê toàn những chuyện nhạt phèo trong giới thượng lưu và trong triều đình. Joe nghe chuyện khoái tai lắm, còn anh chàng thiếu tá hễ thấy mụ đàn bà lò dò đến với cái món quý phái rẻ tiền của mụ là lẩm bẩm bực mình bỏ đi nơi khác.

Một buổi tối, sau bữa tiệc thịnh soạn do Frederick Bullock thết, Dobbin lim dim ngủ (Bullock vẫn đang xoay đủ cách để chuyển số vốn của ông Osborne gửi tại nhà ngân hàng Stumpy and Rowdy về ngân hàng của mình), trong khi ấy Amelia ngồi giữa đám khách khứa phụ nữ sang trọng trong gian phòng khách rộng bát ngát, yên lặng nhìn ra ngoài vườn ngắm những thảm cỏ mịn như nhung, những lối đi sạch sẽ trải đá cuội và những ngôi nhà kính trồng hoa sáng lấp lánh; bởi vì cô không hiểu tiếng La-tinh, không biết cả tên tác giả vừa viết một bài xã luận nổi tiếng trong tờ "Tuần báo Edinburgh", cũng như không buồn chú ý đến những lời kêu ca phàn nàn của ông Peel về vấn đề trưng cầu ý kiến giải phóng tôn giáo rất sôi nổi vừa qua. Thấy thế, bà Rowdy bảo:

- Bà ta nom cũng hiền lành, nhưng phải cái vô vị quá. Thế mà coi bộ ông thiếu tá *say sưa*[95] đáo để..

Bà Hollyock thêm:

- Xem ra thiếu *kiểu cách*[96] lắm, không thương được. Bà bạn của tôi ơi, đố bà làm sao uốn nắn nổi đấy.

Bà Glowry thì buồn bã lắc đầu cái đầu quấn khăn, giọng nói như vang từ đáy mồ:

- Bà ta dốt nát một cách kinh khủng, nếu không thì cũng là quá sức lơ đãng. Tôi hỏi bà ta Đức giáo hoàng tạ thế năm nào; năm 1836, theo ông Jowls, hay là năm 1839 theo ông Wapshot, bà ta đáp: "Tôi không rõ;đáng thương thay cho đức Giáo hoàng… ông ấy làm gì nhỉ?".

Bà Frederick Bullock đáp:

- Các bà bạn ơi, vợ góa của ông anh ruột tôi đấy. Bởi thế tôi nghĩ rằng chúng ta có nhiệm vụ hết sức chú ý săn sóc và dạy dỗ chị ấy để đưa vào xã hội thượng lưu. Xin các bà đừng hiểu lầm rằng vì tôi hám lợi, các bà còn lạ gì chuyện thất vọng của tôi vừa qua.

Lúc ra về, Rowdy và Hollyock cùng đi, họ bàn tán với nhau:

- Cái mụ Bullock quý hóa đáng thương kia lúc nào cũng thấy tính toán mưu mẹo. Mụ đang tìm cách chuyển số tiền lão Osborne gửi chúng mình về ngân hàng của chồng mụ đấy… Nom cách mụ mơn trớn

thằng bé, và cố ghép nó ngồi sát cạnh con Rosa mắt chó giấy mới tức cười làm sao.

Lão kia đáp:

- Mong rằng Glowry xưa đã chết quách cùng với kẻ phản chúa và trận Armageddon của mụ[97].

Xe chuyển bánh chạy về phía Putney Bridge.

Nhưng cái xã hội thượng lưu này đã lịch sự một cách quá tàn nhẫn đối với Emmy, khi có ý kiến bàn nên đi du lịch nước ngoài, tất cả mọi người nhảy cỡn lên vì sung sướng.

CHƯƠNG LXII
TRÊN BỜ SÔNG RHEIN

Sau ngày xảy ra những việc lặt vặt kể trên được vài tuần lễ, một buổi sáng đẹp trời kia, những con người lịch sự thành Luân- đôn rủ nhau rời khỏi thành phố để bắt đầu cuộc du lịch hàng năm của họ đi tìm thú giải trí hoặc để lấy lại sức khỏe. Quốc hội đã tạm ngừng hoạt động vì thời tiết mùa hè oi bức.

Chiếc tàu thủy chạy hơi nước Batavier từ giã cầu Tháp Luân- đôn chật ních toàn du khách người Anh đi nghỉ mát. Trên boong tàu đằng lái đã căng lên nhiều chiếc lều vải bạt; hành khách chen chúc nhau trên những chiếc ghế dài, và bên hàng lan can thành tàu: Những đứa trẻ bụ bẫm hồng hào, những chị vú nuôi bận rộn tíu tít, những bà sang trọng bận áo mát mùa hè, đội mũ màu hồng thật diêm dúa, và những ông sang trọng trong những bộ áo vải, đầu chụp mũ lưỡi trai du lịch, với bộ râu vừa mới để rậm cốt dùng riêng trong cuộc viễn du. Ấy là chưa kể các vị du khách lão luyện ăn bận lịch sự, vóc dáng béo tốt, cổ áo đính nơ, hồ bột cứng nhắc, mũ chải thật tươm tất. Từ hồi chiến tranh chấm dứt, đám khách du lịch này vẫn ồ ạt kéo vào Âu châu bất cứ mùa nào trong năm. Họ đem cái phong cách đặc biệt dân tộc

của người Anh đi giới thiệu tại tất cả các thành phố trên lục địa. Hộp mũ, va ly, và những hộp đựng đồ trang sức chất thành đống trên tàu. Đây là những cậu sinh viên trẻ tuổi trường đại học Cambridge cùng những giảng viên hướng dẫn, đi tham quan Nonnenwerth và Konigswinter; kia là mấy chàng thanh niên Ai len để râu mép nom thật bảnh, đeo cả đồ trang sức nữa; họ luôn mồm khác nhau về chuyện đua ngựa, và tỏ ra hết sức lịch sự với các bà các cô cùng đi trên tầu. Trái lại, các cậu sinh viên Cambridge và mấy vị giảng viên hướng dẫn nước da tai tái, thấy phụ nữ lại cứ lẩn như trạch, e lệ như con gái. Người ta thấy trong số hành khách còn có cả những ông vẫn quen la cà ở Pall Mall; họ đi Ems và Wiesbaden để tiêu bớt số mỡ thừa trong người vì những bữa tiệc ê hề mùa hội vừa qua, và đồng thời cũng tìm cách kích thích thêm lòng yêu đời bằng những ván *bài xì* [98] và trò chơi quay số. Này là ông lão Methuselah vừa vớ được một cô vợ trẻ măng, có đại úy Papillon[99] thuộc Ngự lâm quân đi kèm, mang quyển sách hướng dẫn du lịch và cầm hộ ô cho cô dâu mới; kia là cậu May[100] trẻ trai dẫn vị hôn thê đi đổi gió tìm thú vui (vị hôn thê của cậu là bà Winter[101], xưa kia có hồi đã là bạn đồng học của bà nội chính cậu May), lại có cả tôn ông John cùng phu nhân và con cái, lau nhau vừa đúng một tá, kèm theo vú

bõ một đoàn, ta còn thấy gia đình quý tộc Bareacre ngồi trơ trọi mé gần bánh lái, cứ giương mắt lên mà ngó tất cả mọi người, nhưng không thèm hỏi ai cả. Xe ngựa của gia đình này với đủ cả huy hiệu quý tộc đỗ trên boong tàu đằng mũi, chen chúc bên cạnh một tá xe ngựa khác tương tự. Kiếm cho ra một lối đi lách qua đám xe cộ kềnh càng này thật khó. Đám hành khách đáng thương thuê ca-bin phía mũi tàu phải vất vả lắm mới tìm được chỗ ra vào. Đó là mấy ông Do-thái ăn mặc thật lãng lẫy; họ hà tiện mang theo thức ăn của nhà; nhưng thật ra, họ có đủ tiền để mua đến nửa số các ông bà sang trọng đang giải trí vui vẻ trong phòng khách lớn của con tàu. Một vài anh chàng coi bộ đứng đắn để râu mép, mang theo những mảnh bìa cứng rộng, khoảng nửa giờ trước khi tàu chạy đã thấy họ lúi húi giở giấy bút ra vẽ ký họa rồi. Có một hai chị hầu phòng người Pháp đã bắt đầu say sóng lúc tàu mới đi ngang Greenwich; một vài anh xà ích cứ loanh quanh bên cạnh chỗ nhốt ngựa để trông nom ngựa nhà, hoặc đứng tỳ vào bánh lái trên khoang tàu mà tán chuyện gẫu với nhau về những chiến công của con "Nhẹ nhàng", và đoán phỏng người nào sẽ chiếm giải trong cuộc đua tranh giải Goodwood.

Bọn đầy tớ đã quen chịu đựng tàu chòng chành, không còn ngã bổ chửng như trước nữa; họ thu xếp chỗ

nằm ngồi của chủ trong ca-bin hoặc trên boong tàu xong xuôi, bèn túm năm tụm ba đứng kháo chuyện và hút thuốc lá với nhau. Mấy ông sang trọng người Do-thái bèn lân la lại gần cùng đứng ngắm mấy cỗ xe. Tôn ông John có cỗ xe to chứa được đến mười ba người cùng ngồi; này là xe của bá tước Methuselah, xe của bá tước Bareacre; xe cỡ lớn, xe cỡ nhỏ, và cả loại xe hạng tồi, ai muốn cũng có thể sắm được.

Không hiểu mấy nhà quý tộc đào đâu ra tiền mà chi phí trong cuộc du lịch này nhỉ? Riêng các ông khách người Do-thái biết rất rõ tiền ấy ở đâu ra. Các ông biết cả số tiền hiện nằm trong túi các vị là tiền nào, vay của ai và chịu lãi bao nhiêu phần trăm. Cuối cùng bọn này duyệt đến một cỗ xe du lịch thật sự; một bác hầu việc tai đeo khuyên vàng, khoác một cái túi da đựng tiền, hỏi một bác hầu việc khác cũng khoác túi da và đeo khuyên ở vành tai:

- Xe này của ai nhỉ?[102]

Bác kia đáp lại cũng bằng tiếng Pháp lơ lớ pha giọng Đức:

- Chắc là xe của lão Kirsch... vừa nãy tôi nom thấy lão ngồi ăn bánh xăng-uych trong xe. [103]

Kirsch đang đứng gần đó; hắn đang bận gân cổ hò hét

ra lệnh cho bọn phu khuân vác phải buộc néo hành lý của khách đi tàu sao cho thật chặt, vừa văng tục bằng đủ các thứ tiếng trên thế giới. Hắn bước lại cho các bạn đồng nghiệp biết về lý lịch chiếc xe. Hắn bảo rằng chiếc xe này là của một ông "Nabopp" ở Calcutta Jamaica; ông này giàu có không biết để đâu cho hết của; ông ta thuê hắn đi theo hầu hạ trong cuộc du lịch này. Lúc ấy có một thằng bé vừa hì hục leo được lên đống hòm xiểng va ly cao ngất, lại đứng ngay tại đấy mà nhảy đánh huỵch một cái xuống nóc xe của bá tước Methuselah, rồi cứ thế thằng bé chuyền qua nóc các xe khách cuối cùng đến xe của gia đình; nó leo xuống chui qua cửa sổ xe vào trong. Bọn hầu việc đứng nom coi bộ phục lăn.

Bác hầu việc, vừa cười vừa lật chiếc mũ lưỡi trai chào thằng bé:

- *Hôm nay, cuộc vượt biển của chúng ta chắc sẽ dễ chịu lắm, cậu George ạ.*[104].

Thằng bé văng tục:

- Vứt mẹ nó cái tiếng Pháp của anh đi. Bánh bích quy để đâu, hả?

Kirsch đành nói với thằng Georgy bằng tiếng Anh, hoặc đúng hơn bằng một thứ tiếng đại khái như tiếng Anh… Kirsch biết nói đủ các thứ tiếng, nhưng không có

một thứ tiếng nào hắn nói được gọi là thạo; hắn cứ liến thoắng nói tất cả các thứ tiếng một cách vô tội vạ như nhau, bất cần ngữ pháp.

Cậu công tử hách dịch đang đứng ngốn lấy ngốn để bánh bích-quy chính là thằng Georgy Osborne người bạn quen thuộc của chúng ta. Lúc này nó đã thấy đói, vì từ lúc cu cậu ăn điểm tâm ở Richmond đến bây giờ đã có tới ba tiếng đồng hồ. Mẹ nó và bác Joe đang ở trên boong tàu đằng lái, cùng với một người bạn vẫn đi lại thân mật với gia đình. Cả bốn người định đi du lịch xa trong mùa hè năm nay.

Joe đang ngồi trên boong, dưới một chiếc lều vải bạt, gần như đối diện với chỗ gia đình bá tước Bareacre ngồi. Hầu như Joe tập trung hết cả sự chú ý của mình vào cử chỉ của gia đình nhà này. Cả hai vợ chồng lão bá tước nom trẻ ra so với hồi Joe gặp họ ở Brussels năm 1815 (hồi ở Ấn Độ, anh chàng thường khoe ầm lên rằng mình có đi lại rất thân mật với họ). Hồi ấy tóc của Bareacre phu nhân màu sẫm, bây giờ đổi thành màu vàng óng rất đẹp; còn bộ râu của lão bá tước trước kia màu đỏ sẫm, bây giờ lại hóa thành màu đen; ánh nắng chiếu vào làm ánh lên những sợi pha màu đỏ sẫm và xanh tím. Tuy hình dáng bề ngoài của vợ chồng nhà này có thay đổi nhưng Joe vẫn nhận ra, anh chàng rất chú ý đến cử chỉ

của họ.

Đứng trước một vị bá tước, Joe như bị thu mất hồn, không thiết để mắt nhìn một vật gì khác.

Dobbin ngắm Joe, bật cười nói:

- Hình như cái bọn kia làm anh thú vị lắm thì phải?

Amelia cũng cười. Cô đội một chiếc mũ rơm có băng đen, vẫn mặc áo tang; nhưng sự ồn ào xung quanh và cuộc hành trình giải trí thoải mái khiến cô dễ chịu và cảm thấy hào hứng; xem ý cô thích thú lắm.

- Trời hôm nay đẹp tuyệt!

Emmy thốt lên, và tiếp theo một nhận xét thực là đặc sắc:

- Tôi mong rằng chuyến đi này trời im bể lặng.

Joe xua xua bàn tay tỏ ý coi thường nguy hiểm, mắt vẫn liếc nhìn sang cái gia đình quý phái ngồi mé trước mặt. Anh ta nói:

- Nếu cô đã từng đi đây đi đó nhiều như chúng tôi đây, cô sẽ không buồn quan tâm lắm đến thời tiết làm gì.

Nhà du khách lão luyện của chúng ta tuy huyênh hoang nói thế, nhưng đêm hôm ấy anh chàng chui vào xe nằm, trong người nôn nao tưởng gần chết. Bác hầu việc Kirsch phải đem rượu mạnh trợ lực cho chủ, săn

sóc thật chu đáo. Đúng giờ đã định, đoàn khách du lịch vui vẻ này cập bến ở Rotterdam, rồi lại xuống một chuyến tàu thủy khác đi Cologne. Đến đây mọi người đặt chân lên đất liền; chiếc xe ngựa cũng được chuyển lên bộ. Thấy báo chí ở Cologne đăng tin: "Ngài bá tước von Sedley từ Luân-đôn vừa đến Cologne"[105] Joe lấy làm hãnh diện lắm; anh ta cẩn thận mang theo cả bộ lễ phục dùng riêng trong những cuộc triều kiến, và cũng đã nhất định buộc Dobbin phải đem theo bằng được bộ quân phục. Joe tuyên bố rằng phen này mình có ý định vào thăm triều đình các nước ngoài, để tỏ lòng trân trọng đối với các vị quốc vương những nước có hân hạnh được anh ta đặt chân tới du lãm.

Mỗi lần dừng chân ở bất cứ đâu, và hễ có dịp thế nào Joe cũng tìm đến tòa lãnh sự Anh ở địa phương để đưa bằng được danh thiếp của mình và của Dobbin vào. Lần viên lãnh sự Anh ở Judenstadt mời họ đến dự tiệc, mọi người phải can mãi anh ta mới thôi không đội chiếc mũ vành tam giác có đính băng kim tuyến để ra mắt nhà ngoại giao có bụng hiếu khách. Joe còn viết một tập nhật ký, trong đó anh ta ghi lại tất cả những ưu điểm cũng như khuyết điểm của những khách sạn anh ta đã đặt chân đến, cùng đặc điểm của các thứ rượu và các món ăn đã thưởng thức.

Riêng Emmy thấy cuộc du lịch rất thú vị. Trong những buổi đi chơi, Dobbin vẫn mang hộ người bạn gái một chiếc ghế xếp nhỏ và một tập sách vẽ. Anh ta cứ tấm tắc khen mãi những bức ký họa của nhà nghệ sĩ xinh xinh; lần đầu tiên trong đời, Amelia được người khác ca tụng những bức vẽ của mình như vậy. Cô ngồi trên boong tàu thủy nhìn lên bờ sông vẽ những mỏm đá hoặc những tòa lâu đài. Cũng có khi Amelia cưỡi lừa leo lên thăm những chiếc tháp cổ kính trơ trọi trên đỉnh đồi, gọi là tháp của trộm cướp, có Dobbin và Georgy đóng vai kỵ sĩ phụ tá theo hầu. Nhìn Dobbin cưỡi lừa, hai chân dài nghêu thõng xuống sát đất, Amelia không sao nhìn được cười; Dobbin cũng cười theo, Dobbin lãnh nhiệm vụ thông ngôn cho cả đoàn, vì anh ta biết khá nhiều tiếng Đức trong thời gian tại ngũ. Anh ta đem những chuyện về chiến dịch sông Rhine và chiến dịch Palatinate kể lại cho thằng Georgy nghe, thằng bé khoái lắm. Chỉ trong khoảng vài tuần sau, nhờ chịu khó thảo luận với tôn ông Kirsch lúc ngồi trên ghế xà ích, Georgy đã có những tiến bộ trông thấy trong việc học tiếng Đức. Nghe nói có chuyện với bọn đầy tớ trong các khách sạn và bọn bồi ngựa, mẹ nó sung sướng quá.

Dobbin cũng lấy làm thú vị.

Joe rất ít khi tham dự những cuộc đi chơi buổi chiều

cùng các bạn đồng hành. Ăn xong, anh ta lăn ra đánh một giấc thật cẩn thận, nếu không thì cũng ngồi lim dim sưởi nắng dưới vòm cây trong những khu vườn xinh xắn của các khách sạn. Những khu vườn vùng sông Rhine mới đẹp làm sao! Thật là một xứ sở thần tiên của thanh bình và ánh nắng… những ngọn núi hùng vĩ màu đỏ tía, đỉnh núi soi bóng xuống dòng sông trắng lệ. Ai đã từng thưởng thức cảnh đẹp này, sẽ không bao giờ quên được những nét mỹ lệ mang lại cho người du khách sự thư thái trong tâm hồn.

Chúng ta hãy tạm dừng bút và để cho tâm hồn mình bay tới vùng sông Rhine kiều diễm… chỉ cần thế thôi cũng đủ khiến cho chúng ta sung sướng rồi. Vào hồi này, những buổi chiều mùa hạ, từng đàn bò lũ lượt từ sườn đồi kéo xuống vừa kêu rống lên vừa lắc lắc những cái chuông đeo ở cổ kêu leng keng, chúng tiến về một thị trấn cổ kính còn giữ lại đủ cả những hào nước, những chiếc cổng đồ sộ, những mái nhà nhọn hoắt cũ kỹ, và những hàng cây dẻ trải bóng mát màu xanh thẫm dài ra trên mặt cỏ. Nền trời và mặt sông cùng ánh lên một màu ráng vàng đỏ ối như rực lửa. Và kìa mặt trăng đã vội hiện ra mờ mờ ngó xuống cảnh hoàng hôn.

Mặt trời lặn dần sau những dãy núi hùng vĩ, trên đỉnh nổi bật bóng đen của những tòa lâu đàn màu đêm buông

xập xuống, mặt sông tối dần, từ những khung cửa sổ trên mặt sông run rẩy chập chờn, hoặc thấp thoáng êm đềm trong những xóm làng dưới chân đồi bên kia bờ sông.

Còn Joe thì sau bữa ăn hay ngồi thu hình trong ghế bành thật thoải mái, kéo khăn quàng che kín mít mặt đánh một giấc ngon lành; sau đó anh ta đọc tất cả các tin tức đăng trên báo Galignani, nghiền ngẫm từng câu từng chữ (mọi người Anh du lịch ra ngoại quốc đều cầu Chúa ban phúc lành cho người sáng lập ra tờ báo quý ghê quý gớm này!); nhưng dù Joe thức hay ngủ, thì mấy người bạn đồng hành cũng không hề cảm thấy thiếu sự có mặt của anh ta.

Quả thật họ đang sống tràn trề hạnh phúc. Buổi tối, họ thường rủ nhau đi coi hát tại rạp Opera… những rạp Opera ấm cúng; khiêm tốn, cũ kỹ nhưng rất thân mật trong các thị trấn nước Đức; tại đây người ta thấy một bên các ông bà quý tộc vừa coi hát vừa hò hét, hoặc đan bít tất; họ ngồi tách biệt hẳn với bọn thị dân mé bên kia.

---

* *

Ngài quận công[106] cùng gia đình cao quý lịch sự của ngài tiến vào lô ghế dành riêng ở khu giữa. Tầng dưới chật ních toàn những sĩ quan dáng điệu phong nhã,

bận áo chèn bó khít lưng, để bộ ria mép màu vàng óng, mặc dầu lương chính của các vị chỉ có hai penni một ngày. Chính tại nơi này, Emmy đã vô cùng sung sướng vì lần đầu tiên được làm quen với âm nhạc kỳ diệu của Mozart và Cimarosa. Ở trên, chúng ta đã có dịp biết Dobbin cũng yêu âm nhạc và lại có dịp thưởng thức tài thổi sáo của anh ta. Nhưng có lẽ ngồi trong rạp Opera, anh ta thú nhất là được ngắm Emmy say sưa thưởng thức âm nhạc. Nghe những bản nhạc thần tiên này, Emmy cảm thấy trước mặt mình mở ra cả một thế giới mới của tình yêu và mỹ lệ.

Người đàn bà ấy vốn có một khả năng cảm xúc vô cùng tế nhị và sâu sắc, làm sao mà thờ ơ được khi nghe nhạc của Mozart? Có những đoạn trong bản nhạc Don Juan dịu dàng êm ái quá; đánh thức trong tâm hồn Amelia những khoái cảm đầm ấm vô cùng đến nỗi ban đêm, những lúc ngồi cầu kinh, cô băn khoăn tự hỏi không biết rằng khi thưởng thức vở nhạc kịch *'Vedrai Carino'* và *'Batti Batti'*, trái tim bé nhỏ của mình rung động mãnh liệt như thế có phải là một tội lỗi hay không. Cô đem thắc mắc của mình ra hỏi ý kiến Dobbin; anh chàng thiếu tá vẫn đóng vai cố vấn về giáo lý cho người bạn gái (và chính anh ta cũng là một người rất ngoan đạo) đáp rằng, theo ý riêng, bất cứ vẻ đẹp nào của nghệ

thuật hoặc của tạo vật cũng chỉ giúp cho con người thêm hạnh phúc. Anh ta nói thêm rằng được nghe một bản nhạc hay, được ngắm những ngôi sao trên bầu trời, cũng như được thưởng thức một phong cảnh kỳ thú hoặc một bức họa thiên tài, những sự thích thú ấy đều khiến cho chúng ta chân thành cảm tạ Thượng đế như khi được hưởng bất cứ một hạnh phúc trần tục nào khác. Amelia rụt rè đưa ra vài ý kiến phản đối (rút trong những cuốn sách đạo lý đại khái như cuốn "Người đàn bà giặt thuê ở Finchley" hoặc những tác phẩm tương tự cùng loại, mà cô đã được đọc hồi còn ở Brompton). Dobbin bèn kể một câu chuyện cổ tích Đông phương đại ý nói con cú cho rằng ánh sáng mặt trời không thể thích hợp với mắt, và con chim họa mi được người ta đánh giá tài năng quá mức[107]. Anh ta cười nói thêm: "Trời sinh ra con họa mi để hót, và con cú để rúc; chị có giọng nói trong trẻo như thế, chị phải thuộc về loài chim họa mi mới đúng.

Tôi muốn nói dài một chút về quãng đời này của Amelia, vì tôi tin rằng thời kỳ này cô có nhiều hạnh phúc và sung sướng. Các bạn đã rõ, từ nhỏ Amelia chưa mấy khi được hưởng một cuộc sống như vậy; trí thông minh và những năng khiếu của cô cũng chưa hề có điều kiện được giáo dục đến nơi đến chốn. Cho đến nay, cô vẫn

chỉ được thụ hưởng sự giáo huấn của những nhà trí thức quá tầm thường. Rất nhiều người phụ nữ phải chịu chung số phận như vậy.

Và cũng vì mỗi một người thuộc phái đẹp là kẻ thù của tất cả những người đàn bà khác trên đời, cho nên những người này sẵn sàng rộng lượng đánh giá người e lệ là vớ vẩn, người thùy mị là ngốc nghếch… và sự yên lặng – tức là một cách phản ứng rụt rè đối với lời gièm pha xấu thói của những kẻ cứ muốn lên mặt khống chế thiên hạ – thì không bao giờ được Tòa án tôn giáo của giới phụ nữ tha thứ. Bởi thế cho nên, hỡi bạn đọc thân mến và văn minh của tôi, nếu tối hôm nay chúng ta đến dự một buổi họp mặt của các bác bán hoa quả, rất có thể câu chuyện chúng ta không được các bác chú ý lắm. Ngược lại ví thử có một bác bán hoa quả nào đó lại lạc vào ngồi uống trà cùng bàn với các vị khách lịch sự nhã nhặn như bạn, để nghe người ta thi nhau ăn nói bóng gió, kiểu cách, để nghe các ông các bà thượng lưu tai mặt bôi nhọ danh dự của bè bạn một cách thật thú vị, rất có thể người khách lạ mặt kia sẽ gìn giữ không dám nói nhiều, và dĩ nhiên không được ai chú ý, cũng như không buồn chú ý đến ai.

Chúng ta cũng cần nhớ rằng, cho đến nay, chưa bao giờ Amelia có dịp tiếp xúc với một nhân vật thượng lưu.

Có lẽ những con người thực sự thượng lưu trên đời này hiếm hơn nhiều người vẫn tưởng. Thử hỏi chúng ta ai là người có thể tìm thấy được nhiều nhân vật thượng lưu thực sự trong số những người quen thuộc… nghĩa là những người biết lấy việc làm điều tốt lành là mục đích của cuộc sống, biết trung thành tôn trọng sự thực, không những trung thành mà còn biết vươn tới những sự thực cao đẹp, những con người tính tình giản dị vì xa lạ với những thói đê tiện, những người có thể thẳng thắn ngẩng cao đầu nhìn vào mặt cuộc đời, với một thái độ thông cảm rất cao quý đối với kẻ giàu sang cũng như người nghèo hèn? Chúng ta đều có thể đếm được hàng trăm người thuộc loại sang trọng nghĩa là bận quần áo may cực khéo; nhưng chúng ta chỉ có thể tìm được khoảng chục người gọi là có tư cách đáng trọng, còn loại người biết giữ vững được bản lĩnh, mình vẫn là mình, mà bước chân vào cái giới thượng lưu đầy những con mắt cú vọ soi mói để giễu cợt, thì lại càng hiếm lắm, chỉ có độ một hai là cùng. Vậy thì được bao nhiêu người thực sự là quý phái? Mỗi người chúng ta hãy lấy giấy bút ra liệt kê danh sách coi thử.

Lẽ dĩ nhiên, đứng đầu danh sách của tôi, phải là anh bạn thiếu tá Dobbin. Anh ta có bộ giò dài ngoẵng ngoẵng, một bộ mặt vàng khè, đôi môi hơi mỏng, thoạt

nhìn trông anh ta hơi tức cười. Nhưng anh ta tính tình trung thực, trí óc sáng suốt, đời sống trong sạch không một vết nhơ, có tâm hồn nồng nàn nhưng kín đáo. Kể ra bàn chân bàn tay anh ta cũng to quá thật; thằng Georgy, và cả cha nó hồi còn sống nữa vẫn hay vẽ biếm họa để lôi anh ta ra làm trò cười. Những chuyện cười cợt nghịch ngợm ấy có thể đã làm cho Emmy lạc hướng không nhìn thấy chân giá trị của Dobbin. Nhưng chẳng phải đã hàng trăm lần chúng ta lầm lẫn đối với thực chất của những kẻ được ta quý mến, để rồi sau này lại thay đổi ý kiến đó sao? Cho nên trong thời gian này Emmy cũng thấy những thành kiến của mình đối với chân giá trị của anh chàng thiếu tá bị lay chuyển dữ dội.

Có lẽ đấy là thời kỳ cả hai người cùng được hưởng hạnh phúc đầy đủ nhất trong đời họ, nếu như họ hiểu đó là hạnh phúc, nhưng ai là người biết được mình đang có hạnh phúc? Liệu trong chúng ta, ai có thể chỉ rõ ra rằng đâu là tột đỉnh của hạnh phúc loài người? Dẫu sao đi nữa thì đôi trai gái này cũng rất bằng lòng với cuộc du lịch mùa hè của họ, không kém gì bất cứ một cặp tình nhân nào rời nước Anh ra du ngoạn nước ngoài trong năm nay. Cuộc đi chơi nào cũng có mặt Georgy, nhưng khi ra về, người choàng khăn san lên đầu cho Emmy bao giờ cũng là anh chàng thiếu tá. Những buổi đi dạo mát hoặc

đi thăm phong cảnh, thằng Georgy thường hay chạy trước; nó leo lên cầu thang gác lâu đài hoặc trèo lên cây một mình; trong khi ấy cặp du khách từ tốn hơn ngồi chơi dưới cỏ, anh chàng thiếu tá thản nhiên hút thuốc lá như thường lệ, còn Emmy thì ngồi hý hoáy vẽ phong cảnh hoặc ghi lại hình ảnh tòa lâu đài đổ nát.

Chính trong cuộc du lịch lý thú vừa tả ở trên, kẻ chép câu chuyện toàn sự thực này đã có may mắn gặp họ lần đầu tiền, và được làm quen với họ.

Lần đầu tiên tôi gặp trung tá Dobbin và các bạn của anh ta là tại thị trấn xinh xinh Pumpernickel, một thị trấn lịch sự, thủ phủ của một quận (nơi tôn ông Pitt Crawley có hồi đã từng thực hiện nhiệm vụ của mình một cách xứng đáng với tư cách là tùy viên sứ quán; nhưng ấy là câu chuyện quá khứ, đã lâu lắm rồi, trước khi xảy ra trận Austerlitz, làm cho các nhà ngoại giao Anh ở nước Đức phải cắp cặp lên đường về nước). Họ cùng người hầu việc ngồi xe ngựa riêng đến khách sạn "Hoàng thái tử" là khách sạn lịch sự nhất của thị trấn. Tối hôm ấy, tất cả mọi người cùng ngồi dùng bữa tại phòng ăn công cộng của khách sạn. Ai cũng phải chú ý đến dáng điệu bệ vệ của Joe, và thái độ sành sỏi của anh ta khi nhấm nháp, đúng hơn là tu ừng ực những cốc rượu vang Johannisberger anh ta đã gọi trong bữa ăn. Tôi nhận thấy

thằng bé cũng ăn khỏe ra phết; nó ngốn hết món nọ đến món kia, *sườn rán, thịt bò nướng, khoai tây*[108], rồi mứt quả, rau tươi, pa-tê, chim quay, bánh ngọt, xơi cật lực, rõ xứng đáng là một người dân Anh quốc. Thanh toán xong khoảng mười lăm món ăn thằng bé bắt đầu sang mục tráng miệng; nó thậm chí còn chiếu cố mang theo về một vài thứ. Có vài người trẻ tuổi ngồi cùng bàn thấy thằng bé ăn uống tự nhiên thoải mái như thế, lấy làm thú vị, xui nó bốc một ít bánh hạnh nhân bỏ vào túi. Trên đường đi xem hát, thằng Georgy mới móc ra nhấm nháp dần. Ở cái thị trấn nhỏ bé của nước Đức này rạp hát chính là nơi họp mặt của mọi người khi ăn xong. Mẹ thằng bé, người đàn bà bận áo tang, nhìn con cười và đỏ mặt lên; suốt bữa ăn, người đàn bà này tỏ ra hết sức e lệ nhưng vui vẻ, nhất là những khi thấy con trai *láu lỉnh nghịch ngợm*[109]. Viên trung tá – bởi vì ít lâu sau Dobbin được thăng một cấp – hay giả bộ nghiêm trang nói trêu thằng bé; anh ta chỉ cho nó biết những đĩa ăn nó còn chưa đụng đến, và khuyên nó không nên ăn uống quá dè dặt; Dobbin còn bảo nếu cần thì gọi lấy thêm vài món nữa cho đủ.

Tối hôm ấy, người ta tổ chức một buổi dạ hội tại hý viện riêng của tiểu triều đình Pumpernickel. Bà Schroeder Devrient đóng vai chính trong vở nhạc kịch

Fidelio; hồi này sắc đẹp cũng như tài nghệ của bà ta đang độ nở hoa rực rỡ. Từ chỗ tôi ngồi giáp sân khấu nhìn lên, có thể nhận ra bốn người bạn của chúng ta trong lô ghế đặc biệt mà ông Schwendler chủ khách sạn "Hoàng thái tử" đã giữ dành riêng cho các vị khách quý của ông. Tôi cũng nhận thấy tài nghệ của diễn viên và bản nhạc diệu kỳ đã khiến cho bà Osborne xúc động mạnh mẽ; tôi biết đúng là bà ta vì có lần nghe thấy người đàn ông to béo để râu rậm gọi như vậy. Lúc trình diễn vở nhạc kịch thiên tài "Bản đồng ca của những tù nhân", tiếng hát thánh thót của người nữ nghệ sĩ vươn cao lên và vang ra khắp phòng trong một hòa âm tuyệt diệu; trên nét mặt người thiếu phụ Anh lộ ra một vẻ đặc biệt vừa ngạc nhiên vừa say sưa, khiến cho ngay anh chàng Fipps bé nhỏ, tùy viên ngoại giao, con người vẫn tự cho mình là kẻ *chán đời* [110], phải thốt lên khi hướng ống nhòm về phía Amelia: "Trời ạ, sung sướng thay cho người ta vì còn được thấy có người đàn bà say sưa đến mức như vậy! Rồi đến cảnh trong nhà tù, lúc Fidelio nhảy xổ vào ôm lấy chồng mà kêu lên: "*Không, không, anh Florestan của em!*"[111] thì Amelia gần như ngất lịm đi, vội đưa mùi xoa lên che kín mặt. Hôm ấy, tất cả phụ nữ trong rạp đều ứa nước mắt vì cảm động. Nhưng tôi chú ý đặc biệt đến Amelia, vì số trời đã định cho tôi phải

viết tập ký ức này về cô.

Hôm sau, rạp hát trình diễn một vở kịch khác của Beethoven, vở "Trận đánh Vittoria"[112]. Màn vừa mở, Malbrook xuất hiện báo hiệu cuộc tiến quân của quân Pháp; rồi tiếp đến tiếng kèn tiếng trống, tiếng đại bác gầm thét, tiếng người bị thương rên rỉ, cuối cùng vở kịch kết thúc bằng bản nhạc hùng hồn "Cầu chúa che chở cho Vua ta".

Hôm ấy trong rạp có khoảng hơn một chục người Anh đến xem. Lúc bản nhạc thân yêu và quen thuộc kia nổi lên, tất cả đều đứng bật dậy tỏ ra vô cùng tự hào được là công dân của đất nước Anh cổ kính đáng yêu, tất cả, từ chúng tôi là những người trẻ tuổi ngồi sát sân khấu, đến tôn ông John và Bullminster phu nhân (hai vợ chồng nhà quý tộc này đã thuê nhà ở Pumpernickel để tiện săn sóc việc học hành của chín đứa con), người đàn ông to béo để bộ râu rậm, viên thiếu tá cao lêu đêu bận chiếc quần màu trắng, cùng hai mẹ con thằng bé mà anh chàng thiếu tá săn sóc rất chu đáo và cả bác hầu việc Kirsch ngồi ở hạng bét nữa. Riêng Tapeworm, đại biện sứ quán Anh, thì đứng hẳn dậy trong lô ghế của mình mỉm cười và cúi chào mọi người, y như thể lão đang đại diện cho tất cả dân tộc Anh vậy. Tapeworm là cháu trai, và người thừa kế của thống chế Tiptoff, tức là người đã có lần ra

mắt bạn đọc trong truyện này với tư cách là trung tướng Tiptoff trước khi xảy ra trận Waterloo; trước kia ông ta chỉ huy trưởng trung đoàn thứ… tức là trung đoàn của Dobbin; năm xảy ra chiến dịch lớn lao này, ông ta tạ thế vì trót sơi quá nhiều trứng chim óc cau. Tang lễ rất linh đình, do đó quyền chỉ huy trung đoàn chuyển sang trung tá Michael O'Dowd, tước tùy giá hiệp sĩ, là người đã từng có thành tích chỉ huy đơn vị, lập rất nhiều chiến công hiển hách.

Chắc Tapeworm đã có dịp gặp Dobbin tại nhà riêng của ông chú là thống chế Tiptoff, cho nên tối hôm ấy anh ta nhận ra ngay viên thiếu tá ở rạp hát. Nhà ngoại giao đại diện cho Hoàng đế tỏ ra hết sức bình dân, đích thân rời "lô" ghế của mình và, trước mặt tất cả mọi người, tiến đến bắt tay người bạn mới gặp lại.

Fipps ngồi sát sân khấu soi mói nhìn theo cấp trên của mình, thì thầm với bạn:

- Nom mặt lão Tapeworm quỷ quyệt kìa; chỗ nào thấp thoáng có bóng đàn bà con gái xinh xinh y như lão lách vào bằng được.

Nói cho đúng thì trời sinh ra các nhà ngoại giao còn để làm việc gì khác kia chứ? Viên đại biện sứ quán mỉm cười một cách hất sức duyên dáng nói:

- Thưa, chúng tôi có hân hạnh được tiếp kiến bà Dobbin chăng? Georgy phá ra cười:

- Lạy chúa, ông nói đùa thế thì chết thật.

Từ chỗ tôi ngồi nhìn ra thấy cả Dobbin và Emmy cùng đỏ mặt.

Viên thiếu tá trả lời:

- Thưa ngài, đây là bà George Osborne; còn đây là anh trai của bà Osborne, ông Sedley, một viên chức lỗi lạc tòng sự tại Sở Hành chính Belgan. Xin cho phép tôi được giới thiệu ông Sedley cùng ngài.

Ngài đại biện quay sang Joe, vẫn với một nụ cười vô cùng hấp dẫn, hỏi tiếp, khiến cho Joe cảm động quá:

- Ngài có định lưu lại Pumpernickel lâu không? Ở đây buồn lắm. Chúng tôi không có ai là người lịch sự để đánh bạn. Nhưng chúng tôi sẽ cố gắng làm vui lòng các ngài, ông… a hèm… bà… ư hừm… tôi mong sáng mai có hân hạnh được đến thăm các vị tại khách sạn.

Nói đoạn lão trở về chỗ ngồi, vừa mỉm cười ngoái cổ gửi lại một cái liếc tình sắc như mũi tên của dân Parthia[113]. Lão yên trí bà Osborne hẳn là bị mình thu mất hồn.

Xem kịch xong, bọn trai trẻ kéo nhau đi la cà trong

hành lang, các ông bà lịch sự lũ lượt ra về. Bà quận chúa già góa bụa bước lên chiếc xe ngựa cũ rích kêu lọc cọc, có hai người thị nữ trung thành mặt mũi nhăn nheo theo hầu. Một nhà quý tộc bé nhỏ có tuổi đã đứng túc trực sẵn; lão bận một cái quần màu nâu, một cái áo màu xanh lá cây, trên ngực la liệt toàn huy chương… chiếc giải áo màu vàng trên có đính tấm bội tinh thánh Michael của triều đình Pumpernickel nom nổi bật, ai cũng phải chú ý. Một hồi trống nổi lên, hàng lính cận vệ đứng nghênh chào; chiếc xe ngựa cũ kỹ lắc lư chuyển bánh.

Tiếp đến quận công và gia đình của ngài, cùng đi với các sĩ quan cao cấp và các quan chức trong triều. Ngài quận công điềm đạm cúi chào đáp lễ tất cả mọi người. Hàng lính cận vệ bồng súng chào; đám gia nhân bận chế phục màu tía tíu tít chạy, giơ cao những bó đuốc sáng rực; toàn xe ngựa của nhà quý tộc tiến về phía tòa lâu đài cổ kính của quận công, có những chòi tháp cao vút đứng sừng sững giữa thị trấn. Ở Pumpernickel, không ai lạ ai. Hễ có một người khách lạ đến thị trấn, ngài tổng trưởng Bộ ngoại giao, hoặc một vị quan to quan nhỏ nào đó trong triều, lập tức đến ngay khách sạn "Hoàng thái tử" để tìm cho ra tên tuổi của người du khách.

Chúng tôi đang đứng ngoài cửa rạp hát nhìn họ ra về. Vừa lúc ấy Tapeworm bước ra, khoác một tấm áo

choàng; một bác lính hộ vệ to lớn như hộ pháp lúc nào cũng ôm tấm áo nói trên túc trực sẵn sàng; trông lão có vẻ Don Juan lắm. Thủ tướng phu nhân cũng vừa ép được cái thân hình phì nộn của bà vào trong lòng chiếc ghế cáng; lệnh ái của bà, tức là cô Ida kiều diễm cũng vừa quàng khăn san, vừa sỏ chân vào đôi giày xong. Đám du khách người Anh bước ra khỏi rạp; thằng bé ngáp dài mệt mỏi, viên thiếu tá choàng tấm khăn san thật cẩn thận lên đầu Amelia; Sedley coi bộ rất hiên ngang, chiếc mũ đội lệch về một bên đầu, một tay thọc vào tiếng túi chiếc áo gi-lê trắng to tướng. Chúng tôi ngả mũ chào mấy người bạn ngồi cùng bàn ăn bữa chiều; người đàn bà hơi mỉm cười và cúi đầu đáp lễ, thái độ nhã nhặn của người đàn bà khiến chúng tôi rất vui vẻ.

Kirsch lúc nào cũng lăng xăng bận rộn, đã về khách sạn bảo giong ngựa đến đón sẵn. Nhưng người đàn ông to béo bảo rằng mình thích đi bộ về nhà vì còn muốn hút thuốc lá. Ba người kia mỉm cười gật đầu với chúng tôi rồi lên xe về trước để Sedley đi sau; bác Kirsch cầm hộp thuốc lá lẽo đẽo theo hầu chủ.

Chúng tôi cũng đi bộ trở về khách sạn, vừa đi vừa tán chuyện với người đàn ông to béo về *những cái thú vị*[114] của thị trấn này đối với người Anh, đây cũng là một nơi khá dễ chịu. Người ta thường tổ chức những

cuộc săn bắn; triều đình rất hiếu khách, dạ hội khiêu vũ và tổ chức những trò giải trí thường xuyên; xã hội thượng lưu ở đây nói chung lịch sự, rạp hát diễn toàn vở hay, và giá sinh hoạt lại rất rẻ.

Ông bạn mới của chúng tôi nói:

- Vị đại diện nước tôi có vẻ là một nhân vật rất lịch thiệp, tính tình ngài dễ chịu lắm. Với một vị đại diện như vậy và nếu lại có có thêm một ông thầy thuốc lành nghề nữa, thì tôi thấy chỗ này thật là thần tiên. Xin chúc các vị ngon giấc.

Nói đoạn Joe lê đôi ủng kêu cọt kẹt trèo lên cầu thang về phòng ngủ, Kirsch cầm bó đuốc đi theo sau. Hình như chúng tôi ai cũng hy vọng rằng người đàn bà xinh đẹp kia sẽ lưu lại ít lâu tại thị trấn nhỏ bé này.

CHƯƠNG LXIII
CHÚNG TA GẶP LẠI MỘT NGƯỜI BẠN CŨ

Ngài Tapeworm đối xử lịch thiệp đến như thế, thảo nào chẳng khiến cho Sedley có cảm tình; cho nên ngay sáng hôm sau, trong bữa điểm tâm, anh ta lên tiếng tuyên bố rằng kể từ khi bắt đầu cuộc du lịch, chưa thấy nơi nào thú vị bằng thị trấn Pumpernickel. Vì sao Joe hào hứng đến thế, kể cũng chẳng có gì là khó hiểu. Anh chàng Dobbin vẫn cười thầm mỗi khi nghe ngài cựu ủy viên tài phán lên mặt hiểu biết tả lại lâu đài Tapeworm và lai lịch họ hàng nhà quý tộc này, tự nhiên cứ như không; thật ra mới sáng nay, anh ta dậy sớm ngồi giở cuốn "Danh bạ quý tộc" mang theo ra tra cứu mãi mới biết. Theo lời Joe thì chính anh ta đã có lần gặp bá tước Bagwig thân sinh ra ngài Tapeworm; rõ ràng là anh ta đã gặp một lần, gặp ở… ở buổi lễ "Ngự tẩy"… Dobbin còn nhớ không nhỉ? Và khi nhà ngoại giao giữ đúng lời hứa đến thăm, Joe đã tiếp đãi hết sức long trọng, cúi rạp xuống mà chào, chưa bao giờ nhà ngoại giao được tiếp đón như vậy. Ngài đại biện vừa tới, Joe quay sang nháy mắt với bác Kirsch người phái viên này đã có chỉ thị từ trước, lập tức bước ra ngoài, ra lệnh chuẩn bị đủ các thứ: Thịt nguội, nước hoa quả ép, và các thứ kẹo mứt;

bác đặt tất cả lên khay bưng vào. Joe nhất định nài vị quý khách phải dùng một ít mới chịu.

Tapeworm không mong gì hơn là có cớ ngồi lại để ngắm đôi mắt long lanh của bà Osborne (nước da tươi mịn của Amelia gặp ánh sáng ban ngày lại càng đẹp), cho nên lão vui vẻ nhận lời mời ngồi nán lại. Lão lựa vài câu hỏi cực khéo, yêu cầu Joe cho biết về Ấn Độ và về những vũ nữ ở đó; lão lại hỏi Amelia có phải đứa trẻ xinh xắn vẫn đi theo cô là con trai không, rồi lão ca tụng mãi Amelia, bảo rằng cô làm cho bao nhiêu người trong rạp hát phải chú ý đến; Amelia nghe nói ngạc nhiên lắm. Lão còn cố hấp dẫn cả Dobbin bằng những câu chuyện về cuộc chiến tranh vừa qua; lão kể rằng đoàn quân tình nguyện quận Pumpernickel dưới quyền chỉ huy của vị thế tử, hiện nay là quận công Pumpernickel, đã lập rất nhiều chiến công hiển hách.

Tapeworm quả đã thừa hưởng được của dòng họ khá nhiều đức tính lịch thiệp; xưa nay lão vẫn sung sướng đinh ninh rằng một khi lão đã đưa mắt tống tình người đàn bà nào thì nhất định người ấy phải xiêu lòng. Từ biệt Emmy ra về, lão chắc mẩm trong bụng rằng khoa tán và cái mẽ người hấp dẫn của mình hẳn đã làm cho người đàn bà chết mê chết mệt. Lão bèn về nhà ngồi viết một lá thư tình thật hay ho gửi cho Emmy. Nhưng Emmy

không bị chết mê chết mệt; cô chỉ hơi bối rối trước cái cười đờ đẫn nhăn nhở của lão, trước cái khăn tay lụa nõn sực mùi nước hoa và đôi ủng gót cao bóng loáng của lão. Nghe lời lão tán tụng, cô chỉ hiểu đại khái. Vốn rất ít kinh nghiệm trong việc giao tiếp với đàn ông (Emmy chưa hề bao viờ tiếp xúc với một tay tán gái lành nghề) cho nên cô chỉ thấy ngài quí tộc Tapeworm là một cái gì kỳ quái hơn là đáng yêu; và nếu như cô không phải lòng lão ta, chắc chắn đối với lão, cô rất ngạc nhiên. Trái lại, Joe tỏ vẻ rất hài lòng. Anh ta nói:

- Ngài bá tước mới lịch sự làm sao chứ. Ngài bảo rằng sẽ phái viên thầy thuốc riêng đến đây thăm bệnh cho tôi, con người quý hóa có một. Kirsch, anh mang danh thiếp của chúng ta đến nhà bá tước Schlusselback ngay, nghe không: Thiếu tá và ta đang muốn vào triều kiến càng sớm càng hay đây. Sửa soạn sẵn bộ lễ phục của ta, Kirsch… cả lễ phục của thiếu tá nữa. Phàm là người Anh thượng lưu hễ ra ngoại quốc là phải đến thăm vị đại diện của nước mình và đến ra mắt vị quốc vương xứ mình đến du ngoạn, như thế mới là có lễ độ. Khi viên thầy thuốc của bá tước Tapeworm, tức là bác sĩ Von Glauber, thầy thuốc riêng của ngài quận công, đến thăm sức khỏe cho Joe, lão tán tỉnh làm cho anh chàng tin ngay rằng muốn trẻ lại như con trai và làm cho người thon bớt đi

thì không gì bằng theo thuốc của lão và tắm suối nước nóng ở Pumpernickel. Lão tán:

- Năm ngoái tướng Bulkeley có đến đây; ngài cũng là một vị tướng người Anh, to béo còn gấp đôi ông nữa cơ. Thế mà chỉ theo thuốc của tôi có ba tháng, ngài đã gầy hẳn đi; và sau có hai tháng ngài đã khiêu vũ được với Glauber nam tước phu nhân rồi đấy.

Vậy là ý Joe đã quyết: ở đây có nước suối nóng, có ông bác sĩ, có triều đình, lại được ngài đại biện sứ quán khuyến khích, anh ta bèn tuyên bố sẽ lưu lại thị trấn thú vị này nốt mùa thu. Và giữ đúng lời hứa, ngày hôm sau, vị đại biện sứ quán đưa Joe và viên thiếu tá đến ra mắt Victor Aurelius XVII, bá tước Schlusselback, thị vệ đại thần của hoàng gia, đích thân ra tiếp để dẫn vào triều kiến vị tiểu quốc vương[115].

Thế là lập tức họ được mời vào dự tiệc trong triều. Joe quyết định lưu lại chơi Pumpernickel một thời gian; tin này được tung ra, các bà các cô lịch sự nhất trong tỉnh ùa nhau kéo đến thăm Osborne. Trong đám này, bà nào nghèo rớt mùng tơi cũng phải là nam tước phu nhân trở lên; Joe khoái trí vô kể.Anh ta viết thư gửi về Anh cho Chutney báo tin rằng uy tín của Công ty Đông Ấn Độ ở nước Đức rất lớn; Joe kể thêm rằng mình đang dạy cho người bạn mới là bá tước Schlusselback cách săn

lợn rừng theo lối Ấn Độ, và hai vợ chồng người bạn mới của mình tức là bá tước và phu nhân thật là những con người lịch sự tốt bụng nhất trần đời.

Emmy cũng được đưa đến ra mắt hoàng gia, theo phong tục của triều đình, hàng năm không được phép bận áo tang vào triều trong một số ngày nhất định; cho nên bữa ấy Emmy khoác một tấm áo choàng màu hồng, trên ngực đính một hạt kim cương. Cô được anh trai dẫn vào triều kiến. Bộ áo tôn hẳn vẻ đẹp của Emmy lên, khiến cho Quận công và khắp mặt quận chúa trong triều ai cũng phải trầm trồ khen ngợi (dĩ nhiên ta không cần nói tới anh chàng thiếu tá; từ trước đến giờ ít khi Dobbin có dịp thấy Amelia bận áo dạ hội, lần này anh ta nhất định tuyên bố rằng Emmy trẻ hẳn ra, trông như chưa đến hai mươi lăm tuổi).

Hôm đến dự cuộc dạ hội do Hoàng gia tổ chức Emmy cũng bận tấm áo ấy; cô nhảy một điệu vũ Ba-lan với thiếu tá Dobbin.

Điệu nhẩy cũng dễ, nên Joe có hân hạnh được trổ tài với Schlusselback bá tước phu nhân, một bà lão gù lưng rắn eo, nhưng đã trải qua đến mười sáu đời quý tộc cha truyền con nối, và có họ với đến một nửa số hoàng gia nước Đức.

Thị trấn Pumpernickel nằm trong một cái thung lũng

êm đềm, có dòng sông mầu mỡ Pump chảy qua… dòng sông này đổ vào sông Rhine, nhưng vì hiện không có bản đồ trong tay, nên chúng tôi không thể nói thật đích xác là ở chỗ nào. Một đôi chỗ, mặt sông khá rộng, phải dùng phà để qua lại; có vài khúc sông nước chảy mạnh, đủ sức cho chạy một cái cối xay bột. Ngay tại thị trấn Pumpernickel, vị anh hùng vĩ đại lừng danh Victor Aurelius XIV vốn là quận công cách đây ba đời đã cho xây một chiếc cầu rất đẹp; trên cầu có dựng tượng của chính mình đứng giữa một bầy nữ thủy thần, và những biểu tượng của chiến thắng, của hòa bình, và của sự phồn vinh. Tượng tạc ngài đứng đặt một chân lên cổ một tên Thổ Nhĩ Kỳ nằm phủ phục (sử chép rằng trong trận Sobieski giải phóng thành Vienna, ngài có tham chiến và đã cầm giáo xuyên thủng ngực một tên lính ngự lâm Thổ). Tên lính địch hấp hối giãy giụa một cách khủng khiếp ngay dưới chân, nhưng ngài hoàn toàn bình tĩnh, vẫn điềm nhiên mỉm cười, cầm cây kiếm chỉ về phía quảng trường Aurelius; lẽ ra ngài định dựng lên tại nơi này một lâu đài tuyệt đẹp, một kỳ quan của thời đại. Tiếc thay bậc vương công có chí lớn ấy không đủ tiền; cho nên công trình kiến trúc của Monplaisir tiên sinh (người Đức vẫn gọi là Monplaisir) mới bị đình lại; và hiện nay quảng trường cũng như tòa lâu đài rơi vào một tình trạng điêu tàn, tuy rất rộng, gấp đến mười lần diện

tích cần thiết cho triều đình của vị đương kim quốc vương. Khu vườn thượng uyển của hoàng gia được sắp đặt như để ganh đua với kiểu vườn hoa của cung điện Versailles. Trong vườn có đắp nhiều nền cao, và đặt những bồn nước; ở giữa dựng vài cái máy phun nước đồ sộ tạc theo những hình có ý nghĩa tượng trưng; mỗi khi có lễ hội, máy nước lại thi nhau phun ra những tia nước đủ mọi cỡ, làm cho người xem mất vía vì cơn giận của thủy thần. Có cái hang Trophonius[116] trong đó các vị thần nửa người nửa cá đúc bằng chì không những phun nước mà còn phát ra từ hai lỗ tai những tiếng kêu ghê khiếp, nhờ có một cái máy đặc biệt giấu ở trong; lại có một bồn nước có tạc hình nữ thủy thần đang tắm; một cái khác dựng theo hình thác Niagara. Hàng năm đều có mở hội vào ngày khai mạc khóa họp quốc hội, hoặc nhân những dịp kỷ niệm sinh nhật hoặc ngày thành hôn của hoàng gia, nhân dân địa phương đến xem, ai cũng trầm trồ khen ngợi. Từ khắp các tỉnh, tỉnh xa nhất chỉ cách Pumpernickel khoảng gần mười dặm… từ tỉnh Bolkum nằm trên miền biên giới phía tây, ngạo nghễ nhìn sang nước Phổ, từ tỉnh Growitz, ngăn cách với địa phận thuộc quyền quốc vương Potzenthal bởi con sông Pump (tại tỉnh này quốc vương có một tòa lâu đài riêng dùng để nghỉ ngơi khi ngài ngự đi săn), nhân dân bận áo chẽn màu đỏ, đầu đội mũ nhung, hoặc mũ vành ba góc,

miệng ngậm tẩu thuốc phì phèo lũ lượt kéo nhau từng đoàn từ những thôn xóm làng mạc rải rác giữa ba thị trấn lớn trong nước và nằm dọc theo dòng sông Pump đổ về kinh đô, chen lấn nhau trong lâu đài của hoàng gia để thưởng thức những cuộc vui tổ chức trong ngày hội. Những dịp ấy, rạp hát mở cửa cho xem không mất tiền; những máy phun nước của Monblaisir tiên sinh được dịp thi thố tài năng (cũng may mà lại có đông người xem, vì nếu chỉ có một mình thì mới nhìn cũng đủ chết khiếp)… rồi vô khối những thầy lang đến rao hàng, đoàn xiếc cưỡi ngựa đến trổ tài (ai cũng còn nhớ có lần ngài quận công chết mê chết mệt vì một chị đào hát tên là chị *Vivandiere xinh xinh* [117] Nghe nói chị này là một tay gián điệp hoạt động cho nước Pháp). Dân chúng được phép thả cửa vào thăm các gian phòng trong tòa lâu đài mông mênh của hoàng gia. họ tha hồ mà trầm trồ khen ngợi cái sàn nhà nhẵn thín trơn tuột, những bức thảm thêu và những chiếc ống nhổ đặt trước cửa bao nhiêu là gian phòng nhiều không đếm xuể. Có cả một gian phòng đặc biệt do ngài Aurelius Victor XV tự tay vẽ kiểu – ngài vốn là một vương công ưa hành lạc có phần hơi quá độ – người ta kể chuyện với tôi rằng gian phòng này là một công trình tuyệt tác kỳ diệu để phục vụ cho sự khoái lạc hào hoa. Trên tường toàn những tranh vẽ về sinh hoạt

của Bacchus và Ariadne[118] tình tự với nhau, trong phòng đặt những cần trục đặc biệt có thể nhấc bàn ăn đưa ra ngoài, hoặc mang từ ngoài vào, như vậy người ngồi dự tiệc được tự nhiên không cần đến đầy tớ hầu hạ. Sau khi Victor Aurelius XV chết đi, bà vợ góa là công chúa Bacbara giữ quyền nhiếp chính trong thời gian con trai chưa đến tuổi trưởng thành. Bà là một người tính tình khắc khổ và mộ đạo, thấy chồng chết vì quá say mê tửu sắc bà bèn ra lệnh cấm không được dùng đến gian phòng này nữa.

Hý viện của thị trấn Pumpernickel rất nổi tiếng trong khu vực này của nước Đức. Hồi vị đương kim quận công còn trẻ, ngài cứ nhất định bắt rạp phải công diễn những tác phẩm ca vũ nhạc do chính ngài sáng tác, thành thử có một thời gian tình hình hý viện có phần hơi tiêu điều; người ta đồn rằng một bữa ngài ngồi tại chỗ dàn nhạc dự nghe một buổi tổng diễn tập; đang lúc quá nóng, ngài phang vào đầu viên nhạc trưởng một cái vỡ cả một cây kèn đồng vì ông này điều khiển dàn nhạc quá chậm chạp. Trong thời kỳ này, quận chúa Sophia cũng sáng tác nhiều vở hài kịch, giá đem diễn thì khán giả đến ngáp dài. Bây giờ thì vị quý tộc này chỉ cho biểu diễn sáng tác của mình cho riêng mình xem thôi, còn quận chúa cũng chỉ cho đem các vở kịch của mình ra trình

diễn khi nào có các vị quý khách nước ngoài đến thăm cái triều đình bé nhỏ của bà.

Cái triều đình ấy cũng được tổ chức huy hoàng ra trò. Mỗi khi có dạ hội, dù có tới bốn trăm thực khách được mời ăn, cứ bốn người lại có riêng một gia nhân bận chế phục màu tía có đính đăng- ten đứng hầu. khách khứa dùng toàn bát đĩa bằng bạc. Hội hè yến tiệc tổ chức thường xuyên. Quận công có đủ các quan thị vệ, các quan giám mã theo hầu, và quận chúa cũng có một bầy thị nữ và một nữ quan chuyên việc trang phục, không kém gì hoàng gia của bất cứ một nước lớn nào khác.

Hiến pháp của xứ này dựa trên cơ sở một chế độ chuyên chế ôn hòa; một quốc hội được lập nên để kiềm chế bớt quyền hạn của chính phủ; nhưng Quốc hội có khi được bầu lên. cũng có khi không.

Suốt thời gian sống ở Pumpernickel, tôi chưa hề nghe nói đến họp quốc hội lần nào. Dinh của thủ tướng đặt ở tầng gác hai trong tòa Quốc hội; còn văn phòng của ngài Tổng trưởng Bộ ngoại giao thì đặt ở tầng trên cửa hiệu bán bánh ngọt Zwieback. Quân đội của Nhà nước gồm có một đám nhạc binh khi cần, phụ trách cả những công việc linh tinh trên sân khấu. Cứ kể cảnh tượng cũng thú vị: Ban ngày vừa mới nghe họ biểu diễn âm nhạc suốt buổi sáng tại quảng trường Aurelius, đối diện với quán

cà-phê chỗ chúng tôi ngồi dùng điểm tâm, đến tối đã lại thấy mấy ông tướng lên sân khấu rồi; họ đánh phấn, bôi môi, bận quần áo Thổ Nhĩ Kỳ,khi ra trò thì đeo gươm gỗ, hoặc đóng vai các chiến sĩ La-mã thời cổ vác kèn đồng thổi. Ngoài đội nhạc binh ra, quân đội còn gồm một số rất đông sĩ quan giàu có, nhưng theo chỗ tôi biết thì lính chỉ có một nhúm. Không kể đội lính phòng vệ, còn có độ ba bốn người bận sắc phục khinh kỵ binh vẫn đứng canh gác trước tòa lâu đài của quận công – nhưng tôi không thấy họ cưỡi ngựa bao giờ; vả lại đang thời buổi thái bình thịnh trị, việc quái gì mà phải dùng đến kỵ binh cơ chứ?… *mà xét cho cùng*[119] thì kỵ binh còn biết phóng ngựa đi đâu?

Ở đây ai ai cũng đi lại thăm viếng láng giềng của mình – ấy là tôi nói những nhà quý tộc, vì dĩ nhiên không lẽ tôi lại quan tâm đến giới bình dân. Phu nhân de Burst tiếp khách mỗi tuần một lần; de Schnurrbart phu nhân cũng có buổi tiếp khách thường kỳ đã ấn định… Mỗi tuần hý viện mở cửa hai lần, triều đình mở tiệc chiêu đãi một lần, tóm lại cuộc đời trôi đi trong một chuỗi ngày toàn những trò du hý liên tiếp, rất đúng kiểu sinh hoạt bình thường của Pumpernickel.

Dĩ nhiên không ai chối cãi được rằng tại đây không có những vụ xung đột. Sinh hoạt chính trị ở Pumpernickel

cũng khá sôi nổi, đảng phái tranh chấp cũng gay go ra trò. Có nhóm của bà Strumpff; có đảng của bà Lederlung: Một bên được sứ bộ của chúng ta nâng đỡ, còn bên kia thì được vị đại biện sứ quán nước Pháp là de Macabau tiên sinh ủng hộ. Ngay từ khi vị đại diện của nước ta tuyên bố nâng đỡ bà Strumpff (ai cũng phải công nhận bà này hát hay hơn bà Lederlung nhiều, vì giọng bà cao hơn giọng của kẻ thù những ba cung) thì hễ ngài đưa ra bất cứ một ý kiến gì là lập tức bị nhà ngoại giao đại diện cho nước Pháp lên tiếng phản đối ngay.

Giới quý tộc trong thị trấn không người nào là không đứng về phe này hoặc phe kia. Bà Lederlung là một người đàn bà mảnh dẻ xinh đẹp, có giọng hát rất trong (quả có thế); còn bà Strumpff thì, nói của đáng tội, sắc đẹp và tuổi trẻ không còn ở thời kỳ "trăng tròn gương, hoa phong nhị" nữa rồi, mà vóc người lại đang phát phì ra.

Thí dụ như trong màn cuối của vở kịch "Thụy du"[120] chẳng hạn; bà này, bận áo ngủ, tay cầm cây đèn bước ra sân khấu, rồi phải trèo qua cửa sổ bước lên tấm ván của cái cối xay gió bên ngoài; lúc ấy khó khăn làm bà ta mới chui lọt được qua khung cửa, và tấm ván phải chịu đựng một sức quá nặng, võng hẳn xuống mà rít lên

ken két… Nhưng đến lúc bà ta hát đoạn kết thúc của bản vũ nhạc thì tuyệt! Nhất là khi bà ta sôi nổi say sưa nhảy xổ vào hai cánh tay của chàng Elvino – gần như có thể đè chết tươi anh chàng – Còn cái bà Lederlung bé nhỏ kia… nhưng thôi, chuyện trò lan man mãi.

Sự thật là hai người phụ nữ ấy đã đóng vai đại diện cho hai đảng phái ở Pumpernickel, một đảng có cảm tình với nước Anh, một đảng có cảm tình với nước Pháp; và xã hội thượng lưu ở đây cũng chia ra hai phe hướng về hai nước lớn kia. Ủng hộ phe chúng ta thì có ngài tổng trưởng Bộ nội vụ, ngài giám mã đại quan, ngài bí thư đặc biệt của quận công, và quan thiếu phó; nâng đỡ phe thân Pháp thì có ngài tổng trưởng Bộ ngoại giao, tổng tư lệnh quân lực phu nhân (ngài tổng tư lệnh đã từng chiến đấu dưới cờ của Napoléon): ngài thị vệ đại thần và phu nhân (phu nhân ưa nhất là ăn mặc theo mốt Paris; muốn mua mũ hoặc tìm hiểu điều gì về khoa phục sức của người Pháp thì đã có de Macabau tiên sinh phụ trách). Viên bí thư sứ quán Pháp là Grignac, một người trẻ tuổi xảo quyệt không kém gì quỷ Xa tăng; khắp thị trấn chỗ nào cũng thấy những tập an-bum có những tranh biếm họa do hạn vẽ để liễu cột Tapeworm.

Trụ sở và chiêu đãi sở của đảng thân Pháp đặt tại "Khách sạn Paris"; khách sạn này ra sức ganh đua với

khách sạn "Hoàng thái tử" về mặt tiện nghi sang trọng. Dĩ nhiên, trước công chúng, các vị thượng lưu thuộc hai phe đối với nhau rất mực lịch sự; nhưng họ tấn công nhau bằng những bài thơ châm biếm lời lẽ cay độc cứ y như hai bác đấu sĩ ở Devonshire cầm roi quật đen đét vào cẳng chân nhau mà mặt cứ lạnh như tiền, không động đậy một thớ thịt. Tapeworm cũng như de Macabau, khi gửi công văn về cho chính phủ mình, thế nào cũng kèm theo một tràng dài toàn những lời công kích đối phương. Đại khái, sứ quán của chúng ta thường viết thế này: "Quyền lợi của các Anh quốc tại đây cũng như trong toàn thể nước Đức đang bị đe dọa nghiêm trọng vì sự có mặt của phái bộ nước Pháp hiện đảm nhiệm sứ mệnh; viên đại sứ người Pháp thuộc hạng người vô cùng xảo quyệt; hắn không từ một thủ đoạn đê tiện nào không làm; để đạt mục đích hắn không do dự trước mọi tội ác. Hắn gièm pha đại diện của nước Anh với triều đình; hắn vu cáo chính phủ nước ta một cách vô cùng bỉ ổi; và không may thay, hắn lại được một vị tổng trưởng đặc biệt có thế lực trong triều, nhưng nổi danh dốt nát ủng hộ". Về phía phái bộ của Pháp, họ viết như sau: "Ông Tapeworm vẫn tiếp tục biểu lộ một thái độ khiêu khích ngu xuẩn đặc biệt Anh-cát-lợi, và một thái độ bần tiện đối với một quốc gia vĩ đại nhất thế giới là nước ta. Mới hôm qua, người ta nghe thấy hắn nói xấu

quận chúa Berri; trước đó ít lâu hắn đã phỉ báng quận công Angouleme anh hùng của chúng ta; hắn còn táo gan dám nói bóng rằng ngài quận công Orleans đã âm mưu khởi loạn chống lại ngai vàng nước Pháp. Ở chỗ nào không giở thủ đoạn đe dọa ngu xuẩn ra được, thì hắn không tiếc vàng bạc để mua chuộc. Hoặc bằng cách này, hoặc bằng cách kia, hắn cũng đã tranh thủ được sự nâng đỡ của một số yếu nhân trong triều… Tóm lại, Pumpernickel không thể nào yên ổn, nước Đức không thể nào thái bình, nước Pháp không thể nào được tôn trọng, và Âu châu không thể nào ổn định nếu con rắn độc kia chưa bị chà nát dưới gót chân!" Và đại khái như thế… Mỗi khi phe này hoặc phe kia thảo một lá công văn lời lẽ "cay cú" như vậy gửi về nước, thế nào tin ấy cũng lọt ra ngoài.

Bước vào mùa đông chưa được bao lâu thì Emmy đã phải lo tổ chức một buổi tối tiếp tân, cô đã khoản đãi khách khứa một cách giản dị nhưng không kém phần lịch sự. Cô đã mướn một ông thầy giáo người Pháp để luyện thêm – ông này khen cô nói tiếng Pháp rất đúng giọng, và học tập rất mau tiến bộ. Sự thật thì Emmy đã học tiếng Pháp từ lâu, và đã có dịp củng cố lại môn ngữ Pháp để có đủ sức kèm Georgy học thêm. Bà Strumpff được mời đến để dạy cô học hát. Cô hát rất hay, giọng

hát trong trẻo, hấp dẫn đến nỗi mỗi khi bên này học hát thì Dobbin ở căn nhà bên kia đường phía dưới phòng ông thủ tướng cũng mở cửa sổ ra để lắng nghe. Một vài bà mệnh phụ người Đức vốn tính đa cảm, lại cũng không kiểu cách câu nệ lắm, cứ xoắn lấy Emmy và đã bắt đầu "chị chị em em" với cô rồi. Những câu chuyện vặt ấy kể cũng nhàm, nhưng lại liên quan đến quãng đời hạnh phúc nhất của Emmy. Viên thiếu tá tự lãnh nhiệm vụ kèm Georgy học; anh ta dạy nó dịch tập lịch sử Caesar bằng tiếng La-tinh và khoa toán học, mặc dầu thằng bé đã có một ông thầy người Đức thuê riêng để săn sóc việc học vấn. Chiều chiều Emmy ngồi xe ngựa đi chơi, có Dobbin và Georgy cưỡi ngựa đi kèm.

Tính cô vẫn nhút nhát như cũ, con ngựa thằng Georgy cưỡi chỉ hơi tỏ ra trái chứng một chút cũng đủ làm cho cô kêu ầm lên vì sợ hãi. Trong những cuộc dạo chơi ấy, Emmy ngồi cạnh một người bạn người Đức giong xe đi loanh quanh, còn Joe thì ngả lưng trên ghế sau, lim dim ngủ.

Hồi này Joe càng ngày càng có cảm tình sâu sắc đối với nữ bá tước Fanny de Butterbrod, một người đàn bà trẻ tuổi xinh xắn, đa cảm, tính tình khiêm tốn. Bà này tuy là nữ bá tước thật nhưng nghèo xác, lợi tức đồng niên không được lấy mười đồng tiền vàng.

Fanny cũng thẳng thắn tuyên bố rằng được làm chị dâu của Amelia ấy là trời ban cho mình một hạnh phúc lớn nhất trên đời. Vậy thì suýt nữa Joe đã có thể sơn thêm một cái huy hiệu nữ bá tước bên cạnh huy hiệu riêng trên vách xe và trên cán dĩa của mình… nhưng bỗng xảy ra một việc làm đảo lộn hất cả mọi dự định tốt đẹp nói trên.

Nhân lễ thành hôn của vị thế tử giữ ngôi trừ nhị ở Pumpernickel với quận chúa Amelia ở Humbourg – Schlippenschloppen, hoàng gia tổ chức một cuộc hội lớn. Trong dịp này, người ta cũng đã phô trương nọi sự lộng lẫy chưa hề thấy kể từ khi ngài Victor XIV ưa xa xỉ kia tạ thế đến nay. Khắp mặt các vị thế tử, quận chúa và các quan đại thần các tiểu quốc láng giềng đều được mời đến dự hội. Tại Pumpernickel giá thuê phòng cao vọt, lên tới nửa cơ-rao một giường mỗi đêm. Các bậc vương công quý tộc khắp nơi đổ về lắm quá; quân đội của nhà nước cạn sạch người vì phải cung cấp lính hộ vệ cho các ngài. Quận chúa lấy chồng theo thủ tục đại diện, bá tước Schlusselback thay mặt chú rể, đám cưới tổ chức tại nhà ông cụ thân sinh ra nữ bá tước. Nhân dịp này, nhân dân được mua vô khối hộp đựng thuốc lá (bác thợ kim hoàn của triều đình nói với tôi thế, bác được lệnh bán ra, nhưng sau đó lại mua vào).

Hàng thúng huy chương thánh Michael của hoàng gia Pumpernickel được mang ban phát cho cá nhà quý tộc trong triều. Chúng tôi cũng nhận được hàng bó dây đeo huy chương và bội tinh thánh Catherine Schlippenschloppen. Viên đại diện nước Pháp vớ được cả hai loại. Theo nguyên tắc, Tapeworm không được quyền nhận bội tinh của nước ngoài, lão nói:

- Thằng cha đeo huy chương đầy mình, nom chẳng khác gì con ngựa kéo xe trưng bày trong hội chợ nông nghiệp. Cho chúng nó đeo huy chương; nhưng rồi xem thắng lợi về tay đứa nào.

Cuộc hôn nhân này là một thắng lợi của chính sách ngoại giao của Anh, vì bọn thân Pháp đã đề nghị và cực lực ủng hộ một cuộc hôn nhân với quận chúa thuộc hoàng gia Potztausend- Donnerwetter; lẽ dĩ nhiên sứ quán của ta phản đối ông này.

Cuộc lễ hội mở ra đón tiếp hết thảy bàn dân thiên hạ. Trên khắp các nẻo đường người ta đã dựng lên những cổng chào kết hoa để mừng đón cô dâu mới. Chiếc vòi nước thánh Michael to tướng phun ra một thứ rượu vang chua loét, đồng thời vòi nước ở quảng trường pháo binh cũng tia lên những dòng rượu bia. Các loại vòi nước thi nhau hoạt động. Người ta lại trồng "cột mỡ" trong các công viên để các bác nông dân các nơi về xem hội đua

tài; ai muốn leo thì leo; leo được thì vớ đủ thứ: Đồng hồ, đĩa bạc, xúc xích có tết nơ hồng, tất cả treo lủng lẳng trên ngọn. Thằng Georgy hì hục leo lên với được một cái xúc-xích, nó giật phắt lấy rồi tụt một mạch xuống đất nhanh như chớp, ai nom thấy cũng phục lăn. Nhưng Georgy leo cột mỡ cốt để trổ tài cho thiên hạ xem thôi. Nó đem khúc xúc-xích lấy được cho một bác nông dân; bác này leo mãi được gần đến nơi thì tuột xuống, cứ đứng tần ngần dưới chân cột vì thất bại.

Sứ quán Pháp thắp nhiều hơn chúng ta sáu cái đèn, nhân dịp này. Nhưng để trả miếng, chúng ta đưa ra một cái đèn đặc biệt có vẽ hình Sự Bất hòa chạy trốn khi nhìn thấy cặp tân lang và tân giai nhân tiến lại; thú vị nhất là hình thù Sự Bất hòa, nom giống hệt viên đại sứ Pháp; ấy thế là bọn Pháp thua trắng mắt. Tôi tin chắc rằng sau này Tapeworm được thăng chức và được ban Bội tinh Tùy giá, chính là nhờ đã lập nên chiến công hiển hách này.

Khách ngoại quốc đến dự hội đông nghìn nghịt. Dĩ nhiên là có rất nhiều người Anh. Không kể những buổi dạ hội do triều đình tổ chức, còn có những buổi hội khiêu vũ mở ra cho quần chúng tại tòa thị sảnh và tại khu du hý công cộng. Tại tòa thị sảnh lại dành riêng một gian phòng để đánh bài và chơi trò quay số. nhưng chỉ

chơi trong thời gian mở hội. Một công ty của người Đức ở Ems hoặc Aix-la-Chapelle đứng ra tổ chức những trò giải trí này. Sĩ quan và dân chúng trong thị trấn Pumpernickel tuyệt đối không được tham dự trò chơi này nhưng người ngoại quốc, dân quê và phụ nữ thì tha hồ; ai muốn mất tiền hoặc vét túi thiên hạ thì cứ việc vào.

Cái thằng Georgy quỷ sứ lợi dụng lúc người lớn đi dự dạ hội trong triều, bèn bảo Kirsch dẫn đến xem hội ở tòa thị sảnh; túi nó lúc nào cũng sẵn tiền. Có một lần nhân cùng đi với Dobbin đến đây chơi, nó đã ngó trộm vào gian phòng đánh bạc, nhưng dĩ nhiên không được phép vào. Lần này được tự do, thằng bé hối hả mò ngay đến chỗ giải trí đặc biệt này, cứ loanh quanh mãi bên bác hồ lỳ và các con bạc đang bận rộn tíu tít về chuyện ăn thua. Đàn bà đến đánh bạc cũng nhiều. Một số đeo mặt nạ che kín mặt; phong tục này phổ biến trong thời gian hội hè hỗn độn.

Có một người đàn bà tóc vàng bận một bộ áo xoàng xĩnh, trông đã tàng tàng, đeo mặt nạ, để lộ ra hai con mắt sáng quắc một cách kỳ lạ. Mụ ngồi bên một cái bàn chơi trò quay số, tay cầm một mảnh bìa và một cái ghim, trước mặt đặt hai đồng flô-rin. Mỗi khi nhà cái tuyên bố màu và số trúng giải, người đàn bà lại lấy ghim

vạch vào mảnh bìa đánh dấu thật cẩn thận. Mụ chỉ dám đặt tiền khi nào thấy màu đen hay màu đỏ đã lên thông vài bận liền. Cử chỉ người đàn bà này khiến cho người ta ngạc nhiên.

Dầu đã thận trọng và kiên nhẫn đến thế, nhưng mụ vẫn đoán lầm. Hai đồng flô-rin cuối cùng theo nhau chui tọt vào trong ngăn kéo của bác hồ ly, lúc bác lạnh lùng tuyên bố màu và số nào trúng giải. Người đàn bà thở dài nhún đôi vai để trần vốn đã quá lộ liễu trong tấm áo buổi tối, rồi cắm mạnh cái ghim xuống mặt bàn xuyên qua mảnh bìa; mụ gõ gõ ngón tay, ngồi yên một lúc. Lát sau mụ lên nhìn quanh, gặp ngay bộ mặt thực thà của Georgy đang ngó chăm chăm vào cái bàn quay số, thằng bé mới hay chứ! Không biết nó mò đến đây làm gì thế. Lúc người đàn bà nhìn thấy thằng bé, mụ giương đôi mắt lóng lánh sau chiếc mặt nạ ngó trân trân vào mặt nó một hồi rồi hỏi:

- *Cậu không chơi à?*[121]

Thằng bé đáp:

- *Thưa bà, không.*[122]

Nhưng có lẽ người đàn bà nghe giọng nói của thằng bé đã biết nó là người nước nào, cho nên mụ dùng tiếng Anh hỏi tiếp, tiếng nói lơ lớ pha giọng ngoại quốc.

- Cậu chưa đánh bạc bao *giờ*… cậu giúp chị một tý nhé?

- Giúp cái gì cơ?

Thằng Georgy lại đỏ mặt đáp. Bác Kirsch đang ham *cuộc đỏ đen*[123] không để ý đến cậu chủ.

- Cậu chơi hộ chị một cái tý nhé. Cậu cứ đặt tiền hộ vào số nào cũng được, bất cứ số nào.

Mụ lôi trong ngực ra một cái túi, móc ra một đồng tiền vàng, đồng tiền vàng duy nhất còn lại, và đặt vào tay thằng Georgy.

Thằng bé cười và làm theo lời người đàn bà. Lần này trúng ngay số ấy được giải. Người ta vẫn bảo rằng "đánh bạc có thần hay đãi tay mới", đúng thật.

Người đàn bà vơ tiền về, nói:

- Cảm ơn cậu nhé. Tên cậu là gì nhỉ?

- Tên cháu là Osborne.

Georgy vừa đáp vừa thọc tay vào túi mân mê mấy đồng tiền vàng sắp sửa thử một tiếng bạc, thì đúng lúc ấy viên thiếu tá bận bộ quân phục và Joe mặc theo lối hầu tước vừa dự dạ hội trong triều về, bước vào. Nhiều người khách thấy buổi dạ hội trong triều tẻ quá, bỏ về sớm; họ ưa những thú vui xô bồ tại tòa thị sảnh hơn. Có

lẽ Joe và Dobbin đã về nhà, nhưng không thấy Georgy đâu, hai người lại đi tìm. Vừa nhìn thấy thằng bé, Dobbin lập tức tiến lại nắm lấy vai nó kéo sềnh sệch ra khỏi nơi giải trí tai hại này. Đoạn anh ta mới nhìn quanh, thì thấy ngay Kirsch đang mải chúi mũi vào đám bạc. Dobbin bước lại hỏi tại sao bác dám dắt Georgy đến một nơi như thế này.

Bác Kirsch vừa say rượu lại đang mê lên vì canh bạc, đáp:

- Mặc xác tôi, cũng phải giải trí một tý chứ, Ơ kìa! Tôi có phải là người hầu của ông đâu?[124].

Thấy bác đang cơn máu mê, Dobbin không buồn nói thêm làm gì. Anh ta kéo Georgy đi ra và hỏi xem Joe có muốn cùng về không. Lúc ấy Joe đang đứng kề sát người đàn bà đeo mặt nạ, mụ này xem ra đang gặp vận đỏ. Joe có vẻ rất chú ý đến canh bạc.

Viên thiếu tá hỏi:

- Joe, có nhẽ anh nên cùng về với tôi và Georgy thì hơn.

Joe đáp:

- Tôi ở lại một tý rồi về sau với thằng cha Kirsch kia cũng được.

Dobbin vì nhã nhặn nghĩ rằng không nên phản đối Joe ngay trước mặt tháng cháu trai; anh ta để Joe ở lại, đưa Georgy về trước.

Ra khỏi tòa thị sảnh, trên đường về nhà, Dobbin hỏi Georgy:

- Lúc nãy cháu có đánh bạc không?

Thằng bé đáp:

- Không ạ.

- Cháu hãy lấy danh dự của một người thượng lưu hứa với bác rằng sẽ không bao giờ đánh bạc nhé?

Georgy hỏi lại:

- Tại sao, hở bác? Cháu thấy vui lắm mà.

Viên thiếu tá, với giọng nói sôi nổi hùng biện, giải thích cho nó rõ tại sao không nên đánh bạc. Dobbin định lấy ngay George là cha nó ngày trước làm thí dụ để thuyết phục thằng bé, nhưng nghĩ lại, không muốn nói bất cứ điều gì không tốt đẹp về người bạn đã quá cố nên anh ta lại thôi. Đưa Georgy về nhà cẩn thận rồi, Dobbin về giường nằm, nhưng vẫn để ý nhìn xem ánh đèn trong phòng thằng bé sát ngay mé ngoài phòng của Amelia đã tắt chưa. Độ nửa giờ sau, đèn trong phòng Amelia cũng tắt. Không rõ vì cớ gì anh ta để ý tỷ mỷ đến thế.

Riêng Joe vẫn la cà ở lại bên bàn quay số. Anh ta không phải là người máu mê cờ bạc, nhưng giá thỉnh thoảng giải trí tý chút cho vui thì cũng không phản đối. Nhân sẵn mang theo trong túi mấy đồng Napoléon, Joe bèn móc ra một đồng, với tay qua cái vai đẹp để trần của người đàn bà bé nhỏ ngồi trước mặt đặt xuống bàn. Cả hai người cùng được. Người đàn bà hơi nhích người ra, vơ vạt áo lại cho gọn nhường chỗ cho Joe ngồi xuống chiếc ghế cạnh mình.

- Ông ngồi xuống đây; mong rằng ông sẽ đem lại may mắn cho tôi.

Giọng nói của người đàn bà lại lơ lớ pha giọng ngoại quốc, khác hẳn lúc nãy khi cảm ơn thằng Georgy đã chơi giúp tiếng bạc may mắn, mụ nói bằng tiếng Anh rất thoải mái và đúng giọng. Anh chàng to béo đưa mắt ngó quanh xem có ai là người tai mặt để ý đến mình không, rồi mới ngồi xuống. Anh ta lẩm bẩm:

- A, hay lắm; cầu chúa ban phúc lành cho tôi… Tôi đang cầu sao được vậy, chắc chắn tôi sẽ đem sự may mắn đến cho bà.

Joe còn lúng túng tiếp theo mấy lời chúc tụng không nghe rõ.

Người đàn bà đeo mặt nạ hỏi:

- Ông có hay chơi luôn không?

Joe hãnh diện quăng ra một đồng tiền vàng đáp:

- Chơi tý ty gọi là thôi.

Người đàn bà láu lỉnh đáp:

- Phải, gọi là cho đỡ buồn ngủ sau bữa ăn, phải không?

Nhưng thấy Joe nhìn mình tỏ vẻ hốt hoảng, mụ tiếp theo bằng giọng nói thanh thanh của người Pháp:

- Ông đánh bạc không cốt được tiền. Tôi cũng vậy. Tôi đánh bạc để quên, nhưng không sao quên nổi. Tôi không sao quên nổi quá khứ ông ạ. Thằng cháu gọi ông bằng bác sao mà giống bố nó như đúc. Còn ông… trông ông vẫn như xưa… nhưng không, cũng có thay đổi ít nhiều. Ai cũng thay đổi, ai cũng quên hết cả; không có người nào là chung tình.

Joe bối rối hỏi:

- Trời đất ơi, bà là ai vậy?

- Joseph Sedley, ông không đoán ra ư?

Người đàn bà bé nhỏ đáp bằng một giọng buồn rầu; đoạn gỡ chiếc mặt nạ xuống nhìn thẳng vào mặt Joseph:

- Anh quên em rồi.

Joe há hốc mồm ra vì ngạc nhiên:

- Lạy Chúa tôi. Bà Crawley!

Người đàn bà đặt tay mình lên tay Joe, chữa lại:

- Rebecca.

Nhưng trong lúc nói chuyện với Joe, Rebecca vẫn không quên để ý theo dõi canh bạc. Cô ta nói tiếp:

- Em trọ ở khách sạn "Con Voi". Anh cứ hỏi thăm bà de Raudon thì tìm thấy. Hôm nay em có gặp chị Amelia thân yêu của em một lần. Hồi này chị ấy đẹp ra nhiều; chị ấy sung sướng thật! Anh cũng vậy. Tất cả mọi người đều có hạnh phúc, chỉ riêng em là khổ sở, anh Joseph Sedley ạ.

Nói đoạn cô ta đẩy đồng tiền của mình đặt bên cửa màu đỏ sang bên màu đen. Nhưng làm như vì vô tình chạm bàn tay vào chứ không phải là cố ý, đồng thời cô ta đưa chiếc mùi xoa có viền một hàng đăng-ten đã rách bươm lên chùi mắt.

Lần này vẫn lên màu đỏ,. thế là Rebecca mất sạch số tiền được từ nãy. Cô ta bảo Joe:

- Chúng ta đi thôi. Anh đi với em một tý nhé… đối với nhau, chúng là bạn có… có phải thế không anh Sedley thân mến?

Vừa lúc ấy Kirsch tiên sinh cũng cạn túi. Hắn đi theo ông chủ ra ngoài đường. Trời sáng trăng; đèn bắt đầu tắt dần từng ngọn một. Trong bóng tối lờ mờ, khó lòng theo dõi được cặp trai gái cho rõ ràng.

CHƯƠNG LXIV
MỘT CHƯƠNG LÔNG BÔNG

Chúng ta bắt buộc phải bỏ qua một thời kỳ trong cuộc đời của Rebecca Crawley không nói đến, như vậy cốt thỏa mãn cái gọi là tính tế nhị của người đời… cái bọn người đời đứng đắn, tuy không đặc biệt phản đối những thói xấu xa, nhưng hình như lại cứ muốn có thái độ ghê tởm mỗi khi nghe ai gọi những thói xấu ấy bằng đúng tên tục. Trong *Hội chợ phù hoa*, có những việc xảy ra hàng ngày ai cũng thừa rõ, nhưng không ai chịu nói ra; chẳng khác gì bọn người theo tôn giáo Ahrimania thờ cúng quỷ sứ, nhưng không bao giờ dám hé miệng nhắc đến tên nó. Bởi vậy, công chúng lịch sự mới không thể chịu đựng nổi một cuốn tiểu thuyết miêu tả chân thực những thói ô uế của người đời, cũng như những phụ nữ chân chính lịch sự người Anh hoặc người Mỹ không bao giờ chịu để cho danh từ *"cái quần"* lọt vào đôi tai tinh khiết của họ. Vậy mà thưa quý bà, hàng ngày cái quần vẫn cứ nghiễm nhiên đi lại trước mặt chúng ta mà cũng chẳng thấy ai lấy làm khó chịu lắm. Ví thử mỗi lần nhìn thấy cái quần bà lại ngượng đến đỏ mặt lên, thì ôi thôi, sắc mặt bà không biết rồi sẽ ra sao. Song cũng may thay, chỉ khi nào nghe nhắc đến có tên thô bỉ ấy, thì sự e lệ của bà mới có dịp giật mình hoảng hốt và công phẫn. Kẻ viết

truyện này, vì cũng muốn chiều theo thói tục của người đời, cho nên từ đầu đến cuối cuốn sách chỉ nhắc tới sự có mặt của tội lỗi trên trái đất bằng những lời lẽ nhẹ nhàng bóng bẩy, dễ ưa, cốt cho không một ai có tâm hồn tế nhị phải khó chịu. Tôi thách người nào dám nói rằng tôi đã không trình bày Becky trước công chúng với một dáng vẻ hoàn toàn nhã nhặn và vô hại đấy, mặc dầu không phải là cô ta không có một vài thói xấu.

Trong khi miêu tả con nữ thủy quái luôn luôn mỉm cười ca hát, mơn trớn nịnh nọt cực khéo, tác giả rất khiêm tốn xin hỏi khắp các vị độc giả xem có một lúc nào hắn đã quên không tôn trọng những quy tắc của sự lễ độ mà cho con thủy quái thò cái đuôi đáng ghê tởm của nó lên khỏi mặt nước chăng? Không! Tùy sở thích, ai muốn, xin cứ việc ghé mắt nhòm kỹ xuống mặt nước cũng khá trong; qua những đợt sóng, họ sẽ thấy cái đuôi uốn éo, dẫy dụa, nhầy nhụa bùn đất và xấu xí một cách đáng tởm của nó đang phe phẩy bên đám xương trắng, hoặc cuốn lấy thi thể của những kẻ nạn nhân. Nhưng thử hỏi rằng, trên mặt nước, có cái gì gọi là không đúng đắn lịch sự, nhã nhặn, khiến cho kẻ đạo đức giả soi mói nhất trong *Hội chợ phù hoa* có quyền lên tiếng phản đối? Tuy vậy, khi con thủy quái nhào xuống nước mà biến mất, dĩ nhiên mặt nước sẽ lầm lên, chúng ta có cố tò mò

nhìn theo cũng chỉ mất công toi mà thôi. Khi những con quái vật ấy ngồi trên tảng đá nhấn những cung đàn, cầm lược chải mớ tóc mượt mà, và hát, và soi gương, và vẫy bạn đến gần, thì trông cũng xinh đẹp lắm lắm. Nhưng một khi chúng đã lặn sâu xuống cái môi trường thích hợp với bản chất của chúng thì chẳng còn gì đáng hấp dẫn nữa; tốt hơn là chúng ta không nên theo dõi những con quái vật ăn thịt người ấy làm gì, nhất là lúc chúng đang say sưa chè chén trên những thi thể bị ướp của nạn nhân. Cho nên xin các bạn hãy tin rằng, khi Becky thoát khỏi tầm mắt của chúng ta, hành động của cô ta chắc chắn không được tốt đẹp lắm, và càng ít nhắc đến những hành động của cô ta bao nhiêu càng tốt.

Nếu phải kể lại đầy đủ hành vi của Becky suốt hai năm trời sau khi xảy ra câu chuyện tai hại ở phố Curzon, e rằng có một số người sẽ vin vào đó mà nói rằng cuốn truyện này không đứng đắn. Xưa nay cách ăn ở của hạng người ưa thú phù hoa, vô tình và ham khoái lạc thường vẫn không được đứng đắn (cũng như khá nhiều hành vi của chính ngài, hỡi ông bạn mặt mũi nghiêm trang và đạo đức không ai chê vào đâu được kia… nhưng ấy là nói chơi thế thôi); trách chi một người đàn bà không có đức tin… không biết đến tình yêu, sống không có một nguyên tắc nào? Cho nên tôi muốn nghĩ

rằng trong cuộc đời của Becky, có một thời gian cô ta bị một nỗi thất vọng nào đó – chứ không phải là sự hối hận – giày vò, do đó đã hoàn toàn chán chường đối với chính mình, và chẳng thiết gì đến chuyện gìn giữ danh giá làm chi cho mệt.

Không phải đột nhiên sự *rã rời*[125], sự sa đọa ấy xảy ra ngay một lúc; sau cơn hoạn nạn của cô ta, nó đến từ từ bước một bước một, mặc dầu Becky cũng đã gắng gỏi vật lộn nhiều lần để ngóc đầu dậy; cũng như một người bị rơi khỏi mạn tàu xuống bể, cố sống cố chết bám lấy một mảnh ván trôi dạt chừng nào trong đầu còn le lói một tia hy vọng; nhưng tới lúc thấy rõ vật lộn mấy nữa cũng chỉ vô ích, người ấy sẽ quăng mảnh ván kia đi và cứ thế mà chìm sâu xuống nước.

Trong thời gian chồng đang lo sửa soạn lên đường nhận chức vụ của chính phủ giao cho, Becky còn nấn ná lang thang trong thành phố Luân-đôn ít lâu. Như ta có thể dự đoán, cô ta đã nhiều lần tìm cách gặp mặt ông anh chồng tức là tôn ông Pitt Crawley, hòng lợi dụng cảm tình của người đã hầu như được cô ta để lọt vào mắt xanh. Một hôm tin ông Pitt cùng đi bộ với Wenham đến Hạ nghị viện, Wenham nhác thấy Rebecca che chàng mạng đen kín mặt đang lượn đi lượn lại gần tòa quốc hội. Gặp tia mắt Wenham, cô ta vội lảng đi chỗ

khác; về sau cũng không lần nào Becky thực hiện được ý định lợi dụng anh chàng nam tước.

Cũng rất có thể chính công nương Jane đã nhúng tay vào việc này. Có người bảo với tôi rằng ông chồng ngạc nhiên không thể tưởng tượng được khi thấy vợ tỏ ra quá hăng hái trong vụ xích mích vừa rồi, và cương quyết tuyệt giao hẳn với Becky. Công nương Jane tự ý mời Rawdon dọn đến ở với anh trai ở phố Gaunt trong thời gian chưa lên đường đi Coventry, vì cô hiểu rằng có Rawdon đóng vai trò hộ vệ cho chồng, chắc chắn không khi nào Becky dám liều lĩnh bén mảng tới. Công nương Jane còn cẩn thận xem xét từng phong thư gửi đến cho ông Pitt, sợ rằng chồng và cô em dâu thư từ đi lại với nhau chăng. Giả thử Becky muốn viết thư cho Pitt Crawley cũng không thể được, nhưng cô ta không viết thư cũng không tìm cách đến nhà riêng để gặp mặt; sau vài lần thất bại, Becky đồng ý nhận lời đề nghị của Pitt, nghĩa là tất cả những giấy tờ có liên quan đến vụ xích mích của vợ chồng cô ta sẽ do luật sư chuyển giao. Nói cho đúng thì cảm tình của Pitt Crawley đối với cô em dâu đã bị người khác cắt đứt rồi. Sau câu chuyện không may của hầu tước Steyne, Wenham có dịp ngồi chơi với Pitt. Hắn mới dụng ý trình bày một bản lý lịch của Becky, đủ để cho ông chủ trại Crawley Bà chúa phải

tròn mắt vì ngạc nhiên. Hắn am hiểu chân tơ kẽ tóc về cuộc đời của cô ta; hắn cho biết bố đẻ ra Becky là ai; mẹ cô ta là vũ nữ nhảy múa ở rạp Opera vào những năm nào; trước khi lấy chồng, quá khứ của Becky ra sao, và suốt thời gian ăn ở với Rawdon tư cách của cô ta thế nào… Tôi không muốn nhắc lại những điều hắn kể ở đây, vì tôi tin rằng phần lớn là những chuyện bịa đặt do dụng ý xấu xa của hắn. Chỉ biết rằng Becky đã để lại một ấn tượng rất đáng buồn cho nhà quý tộc xứ quê và cũng là ông anh chồng, người đã một thời đặc biệt có cảm tình đối với cô em dâu.

Lương bổng của vị thống đốc đảo Coventry không được hậu hĩnh lắm. Ngài thống đốc dành riêng một phần lợi tức để thanh toán một số món nợ cấp bách nhất; vả chăng ở địa vị cao quý này, ngài cũng phải chi tiêu nhiều. Cuối cùng tính ra ngài chỉ có thể trợ cấp cho bà vợ cũ mỗi năm khoảng hơn ba trăm đồng. Rawdon đặt điều kiện là muốn lấy tiền, Rebecca không được tìm cách làm phiền đến mình nữa. Nếu không muốn thế thì… cho câu chuyện xấu xa vỡ lở ra, và ly dị, và đưa nhau ra tòa cũng không cần. Nhưng đã có Wenham, đã có hầu tước Steyne, đã có Rawdon, đã có tất cả mọi người lo việc tống khứ cô ta ra khỏi nước Anh, để bịt cái hũ mắm thối lại.

Có lẽ Becky quá bận bịu trong việc giao thiệp với luật sư của chồng, nên quên bẵng không nghĩ đến chuyện đòi giữ đứa con trai tức là thằng Rawdy, mà cũng không hề lần nào ngỏ ý muốn tìm gặp mặt nó. Thằng bé được đưa về cho hai bác nó trông nom. Xưa nay bác gái nó vẫn được nó quý hơn cả. Sau khi rời nước Anh ra đi, Rebecca từ Boulogne gửi cho con một lá thư lời lẽ thật ngọt ngào; trong thư, cô ta dặn con phải chăm chỉ học tập; còn mình thì sẽ đi du lịch một thời gian trên lục địa, và sẽ viết thư gởi về cho con nữa.

Nhưng một năm sau, cũng chẳng thấy thư từ gì của cô ta. Mãi tới khi thằng con một ốm o loẻo khoẻo của tôn ông Pitt bị chết vì bệnh ho gà và lên sởi thì Becky lại viết cho đứa con trai yêu quý một bức thư lời lẽ cực kỳ nồng nàn. Thằng bé anh họ chết đi, thế là Rawdy trở thành người thừa kế quyền sở hữu trại Crawley Bà chúa.

Đối với người bác gái tốt bụng, nó càng quý mến hơn trước, vì công nương Jane đã coi nó như con đẻ. Bây giờ Rawdy Crawley đã là một thiếu niên vạm vỡ, xinh trai; nhận được thư mẹ, nó đỏ mặt nói:

- Ồ, bác Jane ơi, bác mới chính là mẹ của cháu chứ không phải… không phải người kia đâu.

Tuy vậy nó cũng viết một lá thư lời lẽ ngọt ngào lễ độ gửi cho Rebecca; hồi này cô ta đang ở trọ trong một gia

đình tại Florence.

Nhưng đó là chuyện sẽ nói đến ở dưới.

Chuyến bay nhảy đầu tiên của Becky cũng không xa lắm. Cô ta đỗ lại ở Boulogne, bên bờ biển nước Pháp; đó là chỗ trú ẩn của khá nhiều người Anh trong trắng vô tội. Ở đó, cô ta thuê hai gian phòng khách sạn; một chị hầu phòng giúp việc, sống như một người đàn bà góa hiền lành. Cô ta dùng bữa tại phòng ăn công cộng của khách sạn; ai cũng cho Becky là người vui tính, vì cô ta hay kể chuyện với những người bên cạnh về anh chồng mình là tôn ông Pitt và về những bạn bè toàn những bậc tai mặt ở Luân-đôn. Đối với một số người tầm thường, những câu chuyện vẩn vơ ấy và khoa ăn nói giảo hoạt của cô ta rất được tán thưởng. Nhiều người cứ yên trí rằng cô ta là một nhân vật quan trọng. Becky tổ chức những buổi tiệc trà thân mật nho nhỏ, thết khách tại phòng riêng, và cũng tham dự những thú giải trí thông thường khác trong thành phố đại khái như đi tắm bể, ngồi xe ngựa bỏ mui đi chơi mát, đi bách bộ hứng gió bể trên bãi cát, đi xem hát v.v… Bà Burjoice, vợ một ông chủ nhà in, cùng con cái đến thuê phòng tại khách sạn suốt mùa hạ; hàng tuần cứ thứ bảy và chủ nhật, ông Burjoice lại đến thăm vợ con. Bà này thấy Becky đáng yêu lắm, cho tới khi ông chồng bắt đầu tỏ ra săn sóc hơi quá đáng đến cô

bạn. Nhưng chuyện ấy không có liên quan gì đến chúng ta; chỉ biết rằng Becky bao giờ cũng hòa nhã, duyên dáng và vui vẻ… đặc biệt là với đàn ông.

Hàng năm vào hồi này, người Anh có thói quen ra nước ngoài du lịch rất đông. Becky có nhiều dịp để biết giới thượng lưu thành Luân-đôn nghĩ thế nào về cách ăn ở của mình. Một bữa Becky đang bình thản dạo chơi trên bến tàu Boulogne vừa hướng tầm mắt ra ngoài bể ngắm những vách đá của xứ sở Albion lóng lánh dưới ánh mặt trời trên làn sóng xanh biếc thì trạm trán với Partlet phu nhân đi cùng mấy cô con gái. Partlet phu nhân lập tức nghiêng chiếc ô che kín mặt và ra hiệu cho mấy cô con gái đứng quây quần lại quanh mình. Đoạn bà ta vừa đi khỏi bến tàu vừa liếc cặp mắt giận dữ nhìn lại Becky đứng trơ trọi một mình. Một bữa khác, Becky đứng xem tàu từ Anh sang cập bến. Vừa qua, trời nổi lại gió; Becky có cái thú đặc biệt là ngắm những bộ mặt phờ phạc của hành khách dưới tàu bước lên. Hôm ấy Slingstone phu nhân cũng đi tàu. Cuộc hành trình vất vả vừa qua làm cho phu nhân mệt nhoài, hầu như không còn đủ sức để bước qua mảnh gỗ bắc từ mạn tàu lên bờ. Nhưng chợt thấy Becky đội chiếc mũ hồng đứng mỉm cười diễu cợt nhìn mình, bà này bỗng thấy khỏe mạnh hẳn lên. Bà liếc nhìn Becky với cặp mắt khinh miệt đủ

khiến cho mọi người đàn bà khác phải chui xuống đất vì hổ thẹn, rồi rảo bước tiến về phía phòng quan thuế không cần ai nâng đỡ. Becky chỉ cười nhưng chắc trong thâm tâm cô ta cũng không vui vẻ gì. Bây giờ cô ta cảm thấy mình trơ trọi, hoàn toàn trơ trọi. Không còn hy vọng gì qua được cái vách đá sáng lóng lánh của nước Anh, xa tít tắp kia mà về nước nữa rồi.

Thái độ đàn ông đối với cô ta bây giờ cũng đổi khác thế nào ấy. Gặp Becky, Grinstone nhe bộ răng trắng nhởn ra cười, và ăn nói suồng sã một cách khó chịu. Mới ba tháng trước đây cái anh chàng bé nhỏ Bob Suckling hễ thấy cô ta là vội ngả mũ cầm tay chào thật lễ phép; khi ấy anh ta sẵn sàng đi bộ một dặm đường dưới trời mưa tầm tã cốt đến phố Gaunt nhìn mặt Becky ngồi trong xe ngựa một tý.

Một hôm Becky đi chơi trên kè đá gặp anh ta đứng nói chuyện với Fitzoof, sĩ quan ngự lâm quân (con trai bá tước Heehaw); anh chàng Bobby ngoái cổ lại khẽ gật đầu chào cô ta một cái chiếc mũ vẫn úp lù lù trên đầu, cũng không thèm tạm ngừng câu chuyện đang nói dở với bạn. Tom Raikes thì có lần định mò vào tận phòng khách của Becky, mà trên mồm vẫn phì phèo điếu xì gà. Cô ta đóng sập cửa lại, chỉ hận một điều là không kịp làm cho anh chàng bị kẹp nát ngón tay. Becky bắt đầu cảm thấy

từ nay mình hoàn toàn trơ trọi.

Cô ta tự nhủ: "Ôi chao, nếu anh ấy có mặt ở đây, cho ăn kẹo mấy thằng hèn nhát này cũng không dám lếu láo với mình". Becky nghĩ đến "anh ấy" trong lòng buồn bã quá thể, và có lẽ lúc này cô ta đang nhớ tiếc con người hiền lành, đần độn, nhưng rất mực ngoan ngoãn và chung tình, nhớ tiếc con người luôn luôn vâng lời vợ, luôn luôn vui tính, và can đảm. Không biết chừng Becky đã khóc, vì lúc xuống nhà dùng bữa tối, thấy cô ta vui vẻ hẳn lên một cách khác thường, đánh phấn hồng bôi môi thật lộng lẫy.

Hồi này ngày nào Becky cũng đánh phấn bôi môi cẩn thận, và và ngoài số rượu cô-nhắc có tính trong hóa đơn của khách sạn, cô ta còn bảo chị hầu gái mua ngoài để dùng thêm.

Đối với Becky, có lẽ sự bỉ báng của bọn đàn ông không đáng giận bằng thái độ thương hại của nhiều người đàn bà khác. Bà Crackenbury và bà Washington White nhân sang Thụy Sĩ có đi qua Boulogne (cuộc du lịch này do đại tá Horner và anh chàng Beaumoris tổ chức, dĩ nhiên có cả ông già Crackenbury và cô con gái nhỏ của bà White cùng đi). Họ lại không tránh mặt Becky mới lạ chứ. Họ chỉ tíu tít cười nói, rồi thăm nom, rồi an ủi với thái độ hết sức kẻ cả, kỳ cho cô ta uất đến

điên người lên được. Sau khi hôn Becky để từ biệt, họ vừa đi vừa cười với nhau, Becky nhìn theo nghĩ thầm: "Cái bọn chúng nó mà lại dám lên mặt ta đây với mình". Từ cầu thang gác còn vẳng lên tiếng cười của anh chàng Beaumoris, Becky hiểu rõ ý nghĩa cái cười ấy lắm. Becky vẫn thanh toán tiền phòng đều đặn hàng tuần, vẫn tỏ ra khả ái đối với tất cả mọi người ở đây; gặp bà chủ khách sạn bao giờ cô ta cũng mỉm cười chào; nói với bọn hầu phòng và hầu ăn thì một điều thưa hai điều gửi tử tế, thái độ này bù đắp lại rất nhiều thói keo kiệt của cô ta (xưa nay Becky vẫn keo kiệt), thế mà sau cuộc viếng thăm nói trên, đột nhiên Becky nhận giấy báo của ông chủ khách sạn yêu cầu cô ta dọn đi chỗ khác, vì có người cho biết là không nên để cho hạng người như Becky ngụ tại khách sạn này và vì các bà thượng lưu người Anh không chịu cùng ngồi ăn với cô ta.

Thành thử Becky bắt buộc phải đi trọ nơi khác; không gì khiến cô ta chán nản bằng phải sống ở nơi tiêu điều vắng vẻ. Mặc dầu bị vấp váp như vậy, Becky vẫn còn chống trọi, vẫn tìm cách gây dựng lại tín nhiệm cho bản thân, cố xóa bỏ lời miệng thế gièm pha. Cô ta chịu khó đi lễ nhà thờ rất chăm chỉ, lại hát to hơn mọi người. Becky còn bỏ tiền ra làm việc thiện, giúp đỡ vợ con những người dân chài bị đắm thuyền chết đuối, lại cùng

vào Hội truyền giáo Quashyboo nhiều bức vẽ và đồ thêu. Cô ta ghi tên hưởng ứng rất nhiều việc từ thiện, và không bao giờ chịu khiêu vũ theo điệu van-xơ. Tóm lại, Becky chịu làm tất cả những việc gì gọi là đáng kính; chính vì thế chúng tôi thích đặc biệt nhấn mạnh đến đoạn đời này của cô ta hơn là thời kỳ trước, vì hồi ấy, cuộc sống của Becky không được đẹp đẽ bằng. Bị thiên hạ tránh mặt nhưng cô ta vẫn kiên nhẫn mỉm cười tươi tỉnh với mọi người. Nhìn vẻ mặt bề ngoài, đố bạn có thể lường được trong thân tâm Becky đau đớn tủi nhục đến thế nào.

Nói cho cùng, cuộc đời của Becky thật là một điều bí mật; đối với hành vi của cô ta, người đời chia làm hai phe, khen có, chê có.

Một số người đa sự nhất định lên án Becky là hư hỏng, trong khi lại có một số người khác cả quyết rằng cô ta ngây thơ trong trắng như một con cừu non, và bao nhiêu tội lỗi là ở anh chồng gây ra hết. Thấy Becky khóc nức nở mỗi lần nghe ai nhắc đến tên con trai, hoặc tỏ vẻ rầu rĩ âu sầu khi nhìn thấy đứa trẻ nào giống con mình, nhiều người đâm ra thông cảm. Bằng thủ đoạn này, Becky đã chinh phục được cảm tình của bà Alderney; bà này hầu như được coi là nữ hoàng của những người Anh sống ở Boulogne; ở đây bà là người mở tiệc và tổ chức

dạ hội thết đãi khách khứa nhiều nhất.

Lần cậu bé Alderney trọ học tại trường của Swishtail tiên sinh nghỉ hè về thăm nhà, Becky nghẹn ngào khóc bảo với Alderney thế này:

"Chú bé nhà ta cùng tuổi với cháu Rawdy, mà nom giống nhau quá cơ," Thật ra hai đứa chênh lệch nhau đến năm tuổi, còn chuyện diện mạo thì chúng giống nhau cũng như kẻ hèn mọn viết truyện này giống bạn độc giả đáng kính mà thôi. Nhân ra nước ngoài để đến Kissingen tìm hầu tước Steyne, Wenham đã cho bà Alderney biết sự thực về chuyện này. Hắn nói với bà ta rằng hắn có thể tả lại hình dáng thằng Rawdy đúng hơn chính mẹ nó, vì thiên hạ ai cũng thừa biết Becky ghét con trai như đào đất đổ đi, có nhìn mặt nó bao giờ đâu. Hắn kể thêm rằng thằng Rawdy lên mười ba, mà Alderney thì mới lên chín, thằng Rawdy khá xinh xắn, còn thằng bé kia thì tóc đen. Tóm lại Wenham làm cho người đàn bà tiếc mãi vì nỗi mình cả tin.

Cứ mỗi lần Becky vất vả xây dựng được cảm tình của một vài người đối với mình, thì lại có một kẻ ở đâu đến tàn nhẫn đạp đổ đi; thế là cô ta phải làm lại từ đầu. Công việc thật là vất vả, vô cùng vất vả; đáng buồn hơn nữa là không được một ai giúp đỡ.

Đã có một hồi bà Newbright đi lại thân mật với Becky,

vì bị hấp dẫn bởi giọng hát ngọt ngào của cô ta ở nhà thờ; hơn nữa bà này lại thấy Becky có nhiều ý kiến xác đáng đối với những vấn đề tôn giáo; những ngày sống ở trại Crawley Bà chúa, Becky đã có dịp học hỏi nhiều về những vấn đề này. Cô ta bằng lòng nhận những cuốn sách tôn giáo bà này đưa cho, lại đọc cẩn thận. Becky còn may những tấm váy bằng len để tặng phái đoàn truyền giáo Quashyboo, may những chiếc mũ vải bông gửi cho thổ dân da đỏ ở Cocoanut, vẽ những cái quạt giấy gửi chúng vào công cuộc cải đạo cho người Do-thái của đức Giáo hoàng. Hàng tuần, cứ ngày thứ tư, Becky đi nghe ông Rowls giảng đạo, thứ năm đi nghe ông Huggleton, chủ nhật đi lễ nhà thờ hai bận, không kể buổi tối lại nghe ông Bawler thuyết giáo.

Nhưng tất cả đều vô ích. Bà Newbright có dịp trao đổi thư từ với bá tước Southdown phu nhân về công cuộc từ thiện của quỹ cứu trợ "Cái lồng ấm" nhằm giúp đỡ những người thổ dân đảo Fiji (đối với công cuộc từ thiện này, giới phụ nữ rất sốt sắng); trong một bức thư, bà này đã không tiếc lời ca tụng người bạn yêu dấu của mình là bà Rawdon Crawley. Bà bá tước bèn gửi một lá thư phúc đáp nói về Becky với đủ mọi chi tiết đặc biệt kèm theo những lời bóng gió, những bằng chứng và những lời vu cáo, tóm lại khiến cho mối giao tình thân

mật giữa bà Newbright và bà Crawley đình chỉ ngay lập tức.

Và từ đó mọi người Anh đứng đắn ở thành Tours, nơi xảy ra sự việc tai hại này, cũng thôi hẳn không đi lại với con người bị ruồng bỏ ấy nữa. Ai đã từng am hiểu sinh hoạt của người dân Anh ở nước ngoài đều biết rằng đi đâu chúng ta cũng mang theo cả tính kiêu ngạo, những thành kiến, món nước sốt, món ớt cay cùng đủ mọi thứ thói quen khác, tóm lại để dựng thành một nước Anh-cát-lợi nho nhỏ ngay nơi chúng ta trú ngụ.

Rebecca bay chuyền từ nơi này đến nơi khác một cách khá vất vả, từ Boulogne cô ta đi Dieppe, từ Dieppe đi Caen, rồi từ Caen lại bỏ đi Tours… đến đâu cũng gắng hết sức sống một cuộc đời đáng kính; nhưng than ôi! vẫn không sao tránh khỏi một ngày nào đó lại bị lũ quạ phát hiện và đuổi ra khỏi tổ.

Trên con đường phiêu bạt, đã một lần Becky được bà Hook Eagles đón về cho ẩn náu; bà này là một người đứng đắn, cả đời không hề có tai tiếng gì, lại có một ngôi nhà riêng ở công viên Portman. Becky đến Dieppe thì gặp bà ta cũng đang sống tại khách sạn ở đây. Lần đầu tiên hai bên làm quen với nhau ngoài bờ biển, lúc cùng bơi trên mặt nước, sau đó lại gặp nhau nhiều lần trong phòng ăn công cộng của khách sạn. Bà Eagles có

nghe phong thanh về câu chuyện giữa Becky và hầu tước Steyne (còn ai mà không biết đến chuyện này nữa?) nhưng sau một buổi trò chuyện với cô ta, bà tuyên bố rằng Becky là một vị thiên thần, còn anh chồng là một tên thô bỉ, hầu tước Steyne là một thằng khốn nạn như tất cả mọi người đều đã rõ; tóm lại tất cả những âm mưu bỉ ổi làm cho bà Crawley mất danh dự đều do bàn tay tên mặt hạng Wenham gây ra.

Bà Hook Eagles bảo chồng:

Này, ông Eagles, nếu ông quả thực là người có lương tâm, thì lần sau gặp tên khốn nạn ấy ở câu lạc bộ, ông phải bạt tai nó một cái hộ tôi.

Nhưng ông Eagles là một ông lão hiền lành, trời sinh ra để làm chồng bà Eagles, chỉ thích nghiên cứu khoa địa chất học, và cũng chẳng đủ cao lớn để với đến tai người khác mà bạt.

Thế là Becky được bà Hook Eagles che chở, đưa về sống chung tại nhà riêng ở Paris! Bà Eagles còn cãi nhau cả với vợ viên đại sứ Anh, vì bà này không chịu tiếp người được mình nâng đỡ; bà còn làm mọi việc một người đàn bà có thể làm để giữ gìn tiếng tăm cho cô ta nữa.

Thoạt tiên Becky cũng chịu sống một cuộc đời nền

nếp, đứng đắn; nhưng rồi chẳng được bao lâu cô ta đã chán ngấy đến tận mang tai cuộc sống "nhà lành" tẻ ngắt ấy. Ngày nào cũng như ngày nào, vẫn chỉ ngần ấy chuyện lắp đi lắp lại, vẫn những tiện nghi nhạt nhẽo ấy, vẫn những cuộc giong xe đi chơi trong cái khu vườn Boulogne chán chết, vẫn ngần ấy khách khứa tiếp đãi buổi tối, vẫn những bài thuyết giáo trong cuốn Blair đọc tối chủ nhật, và vẫn vở kịch Opera diễn đi diễn lại mãi không chán. Becky đang sắp chết vì buồn nản thì may mắn làm sao cậu thanh niên Eagles từ trường đại học Cambridge về thăm gia đình. Bà mẹ thấy cô bạn gái bé nhỏ của mình làm cho con trai xúc động mạnh quá, bèn thẳng tay cảnh cáo Becky.

Sau đó, cô ta sống chung với một người bạn gái; được ít lâu cặp này bắt đầu cãi lộn nhau, và mắc nợ. Becky bèn quyết định sống cuộc đời ở trọ; cô ta đã sống ít lâu tại tòa nhà nổi danh của bà de Saint Amour, ở phố hoàng gia thành Paris. Becky bắt đầu đem cái duyên dáng hấp dẫn của mình ra thử với các cậu công tử quá thì và những đóa hoa khôi "nhuộm lại" vẫn ra vào phòng khách của bà chủ trọ. Tính Becky ưa giao thiệp; thiếu khách khứa cô ta không chịu nổi, chẳng khác gì anh nghiện thuốc phiện thiếu thuốc thì ngáp dài ngáp ngắn, cho nên thời kỳ ở trọ tại đấy, cô ta cho là có hạnh phúc nhất.

Becky bảo với một người bạn cũ ở -Luân-đôn gặp lại đây thế này:

- Bọn đàn bà ở đây thú vị lắm, chẳng khác gì ở May Fair; có điều áo họ mặc không đẹp bằng. Đàn ông đi găng tay trắng muốt, nhưng cũng chỉ là một bọn thô tục chán mớ đời. Tuy thế họ cũng chẳng tồi tệ gì hơn mấy đứa bên kia. Bà chủ nhà hơi thô bỉ thật, nhưng xét ra cũng chưa thô bỉ bằng công nương… Cô ta nêu ra tên một bậc mệnh phụ đứng đầu giới phụ nữ thượng lưu lịch sự; thà chết chứ tôi chả dám nhắc lại đây. Phòng khách của bà de Saint Amour ban đêm thắp đèn sáng trưng. Đàn ông đeo toàn *huy chương*[126] ngồi đánh bài, đàn bà ngồi riêng với nhau cách xa một chút, trước cảnh tượng ấy ai chẳng bảo đây là nơi giải trí của xã hội thượng lưu, và bà chủ đích thị là một bá tước phu nhân chính hiệu. Nhiều người cũng tin tưởng như vậy và một thời, Becky đã là một trong số những bậc mệnh phụ lộng lẫy nhất ra vào phòng khách của bà bá tước.

Nhưng có lẽ đám chủ nợ của Becky hồi 1815 mò được ra chỗ trốn của con nợ cũ, nên cô ta đành chuồn khỏi Paris một cách hơi đột ngột. Từ Paris Becky đi Brussels. Brussels đối với Becky quen thuộc quá. Nhìn lại *tầng hầm* [127] trước kia hai vợ chồng cô ta đã trọ ở đó, và nhớ lại cảnh gia đình Bareacre ngồi trong xe ngựa

đỗ sẵn trong *cổng hậu*[128] của khách sạn, lo cuống lên vì thiếu ngựa để đi trốn, Becky không khỏi mỉm cười.

Cô ta đến thăm Waterloo, và nghĩa địa Laeken. Trông thấy nấm mộ của George, Becky xúc động mạnh. Cô ta lấy giấy bút ra ghi lại hình ảnh nấm mộ, vừa nghĩ thầm: "Cái anh chàng si tình đáng thương làm sao! Anh ta say mê mình ghê quá, mà anh ta cũng ngu ngốc không ai bằng. Không biết Emmy có còn sống không nhỉ? Con bé cũng tốt bụng đấy, cả cái lão anh trai béo ị của nó nữa. Mình vẫn còn giữ được cái tranh vẽ anh chàng béo, trông đến buồn cười. Kể ra họ cũng là những người tốt".

Becky đến Brussels được bà de Saint Amour giới thiệu với một người bạn là bà bá tước de Borodino; bà này là vợ góa của bá tước de Borodino, một viên tướng nổi danh của Napoléon. Người anh hùng này chết đi chẳng để lại cho vợ được cái gì, ngoài cái nghề chứa trọ và gá bạc. Khách khứa đến ăn và bỏ tiền ra chơi trò may rủi tại nhà bà bá tước de Borodino là những cậu công tử bột và những *tay trác táng*[129] loại nhì. Những tay nổi tiếng trác táng, những bà vợ góa thường thường là đang có việc kiện cáo, và đám người Anh ngây thơ cứ tưởng tìm thấy ở đây một xã hội thượng lưu của lục địa. Mấy cậu trai trẻ hào hoa này quăng tiền ra thết rượu sâm-banh tất cả mọi người có mặt trong phòng ăn, giong xe ngựa đi

chơi với phụ nữ, hoặc thuê ngựa cho họ đi du ngoạn ở vùng quê, thuê hàng lô ghế tại rạp Opera, và xúm xít xung quanh những đôi vai đẹp để trần của các bà các cô mà đánh cuộc với nhau trên chiếu bạc; thế rồi họ viết thư về kể lại cho gia đình ở Devonshire rằng họ đang gặp nhiều may mắn trong sự giao du với giới thượng lưu nước ngoài.

Cũng như tại Paris, ở đây Rebecca vẫn là một nữ hoàng của các nhà trọ. Hễ ai mời cô ta uống rượu sâm-banh, tặng hoa cô ta, mời cùng đi xe ngựa về vùng quê chơi hoặc ngồi ghế "lô" dành riêng trong rạp hát, không bao giờ cô ta từ chối; nhưng Becky mê nhất cái thú đánh bài xì ban đêm… mà cô ta chơi rất bạo. Mới đầu Becky chỉ đặt ít nhiều gọi là, dần dần đặt cửa từng đồng năm trong một, rồi đến từng cọc đồng Napoléon, cuối cùng thì đến từng sắp giấy bạc. Do đó, nhiều khi cô ta thua cháy túi không còn đủ trả tiền trọ phải vay tiền của những chàng trẻ tuổi. Khi trong túi lại rủng rỉnh tiền, Becky nói bà bá tước de Borodino không ra gì, nhưng lúc thiếu tiền chưa trả được thì cô ta mơn trớn nịnh nọt nói ngọt cứ như mía lùi. Dần dần có lần Becky phải chơi cò con, đặt cửa từng hào một, ấy là lúc đang cạn túi. Lại có những lần vừa nhận được tiền trợ cấp xong, cô ta sẵn sàng thanh toán sòng phẳng đủ mọi khoản với bà de

Borodino, và hôm ấy cũng sẵn sàng, lại ăn thua với ông de Rossignol và ông de Raff trên ghế bạc.

Một sự thực đáng buồn khi Becky rời khỏi Brussels là cô ta còn thiếu lại bà de Borodino ba tháng *tiền trọ*[130] chưa trả. Nhân thế bà bá tước de Borodino mới đem đủ các thứ chuyện về Becky ra kể lại với bất cứ người Anh nào đặt chân đến cửa nhà bà: Nào là cô ta quỵt tiền trọ, cô ta đánh bạc, cô ta uống rượu, cô ta quỳ xuống mà van lạy ông mục sư Muff, tu sĩ Anh quốc giáo, để vay tiền, cô ta ve vãn tán tỉnh công tử Noodle, con trai bá tước Noodle và là học trò của mục sư Muff, cô ta hay mời cậu này vào chơi trong phòng riêng, và đánh bài với cậu này vớ được vô khối tiền… cùng hàng trăm thủ đoạn đê tiện khác nữa; để kết luận, bà bá tước tuyên bố rằng bà Rawdon quả thật là một *con rắn độc*[131] không hơn không kém.

Cứ như thế, người đàn bà này phiêu lưu nay đây mai đó, đi cắm lều tại khắp các thành phố ở Âu châu, sống cuộc đời vô định y như Ulysses hoặc tên Do thái lang thang ngày xưa. Càng ngày Becky càng đi sâu vào con đường trụy lạc. Cô ta trở thành một người đàn bà "Bôhêm" thực thụ, chung đụng cả với những hạng người mới gặp mặt cũng đủ khiến chúng ta dựng cả tóc gáy.

Không có thành phố nào gọi là đông đúc một tý mà

thiếu mặt một bày lưu manh người Anh tụ tập để sinh nhai, tức là những người vẫn được ông Hemp, lục sự, đọc tên trước tòa án của vị Bảo an đại quan. Nhiều khi họ cũng là con cái các gia đình thượng lưu nhưng đã bị cha mẹ từ bỏ rồi. Hạng người này chuyên ra vào các phòng chơi bi-a, các quán rượu, chuyên tổ chức những cuộc đua ngựa và cầm đầu các sòng bạc. Họ là khách trọ của các nhà tù giam, những người quỵt nợ… họ uống rượu rồi đi nghênh ngang ngoài đường… họ gây sự đánh nhau, chửi nhau ầm ĩ… họ chuồn khỏi nhà trọ không thèm trả tiền… họ đấu súng với các sĩ quan người Pháp, và người Đức… họ chơi bạc bịp với ông Spooney, họ đi xe ngựa thật lịch sự đến sòng… họ thuộc lòng đủ mọi mánh lới bịp bợm, túi rỗng không những cứ lẩn quất quanh bàn bạc kỳ bao giờ vớ được một ông Spooney khác để lừa, hoặc đổi được một tờ ngân phiếu giả cho lão chủ nhà hoặc cho lão chủ nhà băng người Do- thái nào đó mới chịu. Cái cảnh lên voi xuống chó của đám người này trông thấy mà bật cười. Cuộc đời của họ hẳn cũng có nhiều cái kích thích, Becky – chúng ta phải thú nhận như vậy- đã lăn vào cuộc đời ấy mà không phải là với thái độ miễn cưỡng đâu. Cùng với đám người "Bôhêm" này, cô ta lang thang từ tỉnh này sang tỉnh khác. Kháp các sòng bạc nước Đức khét tiếng bà Rawdon vận đỏ. Cô ta và bà de Cruchecassee cùng trọ

chung một nhà với nhau ở Florence. Nghe đồn rằng chính quyền thành phố Munich đã ra lệnh bắt cô ta phải đi khỏi nơi này. Một người bạn tôi là ông Frederick Pigeon xác nhận rằng chính tại nhà Becky ở Lausanne, ông ta đã bi chuốc rượu cho say bí tỷ, rồi đánh bài mất toi với thiếu tá Loder và ngài Deuceace tám trăm đồng. Xin các bạn biết cho rằng chúng tôi bắt buộc phải kể lại đoạn đời này của Becky, nhưng có lẽ về chuyện này, càng nhắc đến ít bao nhiêu càng tốt thì phải.

Có người kể lại rằng khi nào Rebecca gặp vận bĩ thì cô ta lại mở lớp âm nhạc, hoặc mở những cuộc hòa nhạc để kiếm kế sinh nhai. Một lần thấy quảng cáo có bà de Raudon tổ chức biểu diễn âm nhạc[132] ở Wildbad, với sự cộng tác của Herr Spoff, đệ nhất tài tử dương cầm trong đội nhạc công của phó vương Wallachia. Anh bạn Eaves của tôi, con người biết khắp mặt thiên hạ trên đời này, và cũng đã từng đi chu du khắp đó đây, thường nói chuyện rằng vào năm 1830 anh ta đến Strasburg chơi, có thấy một *bà Rebecque* nào đó xuất hiện trên sân khấu rạp ca vũ. *Bà Blanche,* lần ấy bà này bị khán giả la ó cực kỳ dữ dội. Họ hò reo huýt sáo làm cho người đàn bà này phải chuồn ngay khỏi sân khấu, một phần vì nhà nghệ sĩ quá vụng về, nhưng chủ yếu là vì một số khán giả ngồi ở khu vực ghế hạng nhất[133] đã biểu lộ cảm

tình một cách quá lộ liễu (chỗ này đặc biệt dành riêng cho các sỹ quan trong doanh trại). Eaves chắc chắn rằng nhà nghệ sĩ *mới vào nghề*[134] không may ấy, đích thị là bà Rawdon Crawley chứ không còn ai nữa.

Sự thực là bây giờ Rebecca đã trở thành một con người giang hồ phiêu bạt thực thụ; kiếm được đồng nào, cô ta mang đánh bạc hết, mà hễ thua cháy túi, là cô ta dùng mọi thủ đoạn để xoay bằng ra tiền để lại đem đánh bạc; đố ai biết cô ta còn từ thủ đoạn gì không dùng để làm tiền? Cũng có người đồn rằng một lần gặp Becky ở St. Petersburg, nhưng ngồi chưa nóng chỗ, cô ta đã bị sở cảnh sát trục xuất thẳng cánh; vì thế có lẽ tin đồn Becky sau này là một nữ điệp viên của Nga ở Toplitz và Vienna cũng không có căn cứ gì. Chính tôi cũng được có người cho biết rằng ở Paris, Becky có gặp người nhà; chẳng phải ai khác, chính là bà ngoại của cô ta. Bà lão không hề là con cháu dòng họ Montmorenci bao giờ, chỉ là một bà già xấu xí nom đến tởm làm nghề đưa chỗ ngồi trong một rạp hát tại "Phố lớn". Cuộc gặp gỡ giữa hai bà cháu nhất định phải cảm động như một số người hình như được chứng kiến đã kể lại. Kẻ chép truyện vì thiếu tài liệu đích xác nên không dám tả lại ở đây.

Một lần ở La Mã, Rebecca vừa lĩnh món tiền trợ cấp sáu tháng của mình tại một nhà ngân hàng lớn trong

thành phố, nhà tài phiệt này có lệ hàng năm, vào mùa đông đều có tổ chức dạ hội để mời các khách hàng có tài khoản tại nhà ngân hàng từ năm trăm đồng ê-quy trở lên. Nhân thế, Becky có hân hạnh vớ được một tấm thiếp mời đến dự một buổi chiêu đãi rất sang trọng của thân vương Polonia và quận chúa. Bà quận chúa thuộc dòng dõi gia đình Pompili tức là ăn về ngành trưởng chi họ đệ nhị hoàng đế La Mã và công chúa Egeria thuộc hoàng gia Olympus. Còn ông nội thân vương là Alessandro Polonia thì làm nghề bán xà phòng, dầu thơm, thuốc lá và khăn tay lại kiêm thêm nghề đưa thư cho các ông sang trọng để kiếm tiền và cho vay lãi vặt. Giới tai mặt khắp thành phố La Mã chen chúc nhau xô đến phòng khách của thân vương Polonia… Đủ mặt các bậc vương công, các vị đại sứ, các nhà nghệ sĩ tài danh, các tay nhạc công và cả những cậu trai trẻ có người đỡ đầu giới thiệu… nghĩa là khách khứa thuộc đủ mọi tầng lớp trong xã hội. Phòng khách của thân vương bài trí cực kỳ rực rỡ huy hoàng, chỗ nào cũng thấy lóng lánh toàn những bức tranh lồng trong khung mạ vàng và những thứ đồ cổ khả nghi. Trên tất cả các mái nhà, cánh cửa cũng như mặt tường, la liệt những huy hiệu đồ sộ mạ vàng của ông hoàng chủ nhân; một cái nấm bằng vàng trên nền đỏ thẫm (tức là nhãn hiệu loại khăn tay do ông ta sản xuất) và một cái vòi nước bằng bạc (tức là

huy hiệu riêng của gia đình Pompili). Trên chiếc riềm màn đồ sộ bằng nhung đỏ, dành riêng để tiếp đón đức Giáo hoàng và Hoàng đế, cũng có đính một tấm huy hiệu sáng quắc.

Thế là Becky vừa từ Florence đi xe ngựa thuê đến trọ tại một quán trọ tầm thường cũng nhận được một tấm thiếp mời dự đại hội. Hôm ấy chị hầu gái của cô ta ra sức mà trang điểm cho chủ thật cầu kỳ. Đoạn Becky khoác tay thiếu tá Loder đến dự buổi đại hội long trọng. Hồi này thiếu tá với Becky tình cờ thành đôi bạn đồng hành trên bước đường phiêu lưu (hắn cũng chính là người năm sau đã bắn chết hoàng tử Ravoli ở Naples trong một cuộc đọ súng tay đôi, và cũng đã bị bá tước John Buckskin đánh cho mấy gậy vì tội giấu mấy con "xì" trong mũ định giở trò gian lận trong lúc đánh bài). Cặp trai gái này cùng tiến vào phòng hội; Becky gặp lại vô số bộ mặt quen thuộc cũ hồi cô ta đang còn được hưởng những ngày hạnh phúc, tức là thời kỳ cô ta không phải là vô tội, nhưng chưa bị ai khám phá ra là có tội.

Thiếu tá Loder cũng gặp lại một số bạn cũ người ngoại quốc, bọn này để bộ râu dài nhọn hoắt, có đôi mắt sáng quắc, bận quần áo tầm thường, trên ve áo có đính những chiếc cuống huy chương đã bạc màu. Ta để ý

thấy người Anh nào có mặt trong phòng hội cũng tìm cách tránh mặt anh chàng thiếu tá. Lác đác Becky cũng gặp lại vài bà sang trọng quen biết, tức là mấy bà góa người Pháp, mấy bà bá tước người Ý bị chồng đối xử không ra gì… (không biết có thật không; ôi chao… chúng ta đã từng được tiếp xúc với những con người thượng lưu cao quý trong *Hội chợ phù hoa*, vậy nói đến cái bọn lưu manh mạt hạng này làm quái gì. Nếu chúng ta đánh bài, nhớ dùng cỗ bài mới nguyên, thật sạch, chớ có đụng đến những cỗ bài cáu bẩn. Ai đã từng có dịp du lịch đây đó, thế nào cũng có ngày gặp những tên thổ phỉ không chính quy này, chúng cứ bám nhằng nhằng lấy đội quân du lịch chủ lực; chúng ăn mặc sang trọng như ông hoàng, huênh hoang toàn những chuyện công to việc lớn, nhưng trong bụng chỉ lăm le cướp bóc người khác để mưu lợi cho mình và đôi khi ta thấy chúng bị treo cổ bên lề đường.)

Becky ung dung khoác tay thiếu tá Loder đi thăm các phòng hội, họ ra quầy rượu nốc sâm banh thỏa thích. Đây là chỗ khách khứa chen lấn xô đẩy nhau dữ dội nhất, đặc biệt là mấy đám bè bạn của thiếu tá. Cặp trai gái này giải khát đủ dùng rồi, bèn dắt nhau mò tới tận gian phòng khách của bà quận chúa ở mãi tận cuối dãy phòng; gian phòng này căng toàn nhung màu hồng

quanh tường, có bày một bức tượng thần Vệ nữ soi bóng vào một tấm gương cực lớn lồng trong khung bằng bạc. Đây là chỗ vị quý tộc chủ nhân dành riêng để tiếp toàn những vị khách quý nhất. Họ ngồi dùng tiệc quanh một chiếc bàn tròn. Becky nhớ lại rằng trước kia cô ta đã dự một bữa tiệc gồm toàn những khách chọn lọc tương tự tại nhà hầu tước Steyne… bây giờ chính lão đang ngồi kia, ngay cùng bàn với ngài Polonia, Becky nhìn thấy rõ ràng.

Vết sẹo do viên kim cương gây nên còn để lại trên cái trán hói trắng bóng của lão một vạch đỏ. Lão đã nhuộm lại bộ râu đỏ quạch của mình thành màu sẫm hơn, khiến cho sắc mặt lão vốn tai tái trông lại càng thêm nhợt nhạt. Lão đeo đủ các thứ huy chương và bội tinh trên ngực. Giữa đám thực khách, lão có vẻ là người quan trọng nhất, mặc dầu hôm ấy có mặt một vị quận công, một bà quận chúa và các tiểu thư. Ngồi kề bên lão hầu tước là bà bá tước Belladonna kiều diễm *tục danh*[135] là Glandier; chồng bà là bá tước Paolo della Belladonna, rất nổi danh về một công trình sưu tầm các loại sâu bọ; ông ta vắng nhà đã lâu, vì bận đảm nhiệm một sứ mệnh bên cạnh quốc vương Maroc. Gặp lại bộ mặt quý phái quen thuộc kia, Becky đột nhiên cảm thấy thiếu tá Loder trở thành thô tục quá sức, mà cái anh chàng đại úy Rook

mới khiếp chứ, mồm sặc sụa toàn mùi thuốc lá! Phút chốc Becky sống lại cuộc đời mệnh phụ trong quá khứ; cô ta cố gắng lấy lại điệu bộ và sống lại tâm trạng như hồi còn ở khu May Fair. Becky nghĩ thầm: "Cái con mụ kia mạt mũi đến ngờ nghệch, nom buồn buồn thế nào ấy; mẽ người như thế, nhất định không sao làm cho hầu tước vừa ý được. Chắc ngài đến phải phát ngấy… trước kia mình chưa bao giờ làm ngài chán". Bao nhiêu ý nghĩ đáng cảm động như vậy dồn dập kéo đến, những niềm hy vọng, những nỗi e dè, những kỷ niệm đã qua, làm cho trái tim bé nhỏ của Becky rộn ràng đập mạnh, trong lúc cô ta hướng đôi mắt sáng long lanh nhìn về phía nhà quý tộc (cô đánh phấn hồng lên tận mí mắt, làm cho đôi mắt chiếu ra những tia sáng lấp lánh).

Khi nào đeo đủ các thứ huy chương trên người, hầu tước Steyne vẫn ưa những điệu bộ thật đường bệ, cách cử chỉ ăn nói đúng như một ông hoàng. Nom cái cười nở nang của lão, cái dáng điệu thoải mái, sang trọng, đường hoàng của lão, sao mà Becky cảm phục thế. Trời ạ! Ngài thật là một người bạn tâm tình thú vị; con người mới thông minh tinh tế làm sao, nói chuyện thật khéo, mà phong nhã không ai bằng. Thế mà bây giờ cô ta lại đi vớ lấy một anh thiếu tá Loder sặc sụa mùi thuốc lá và rượu mạnh, cùng một anh chàng đại úy Rook ăn nói bừa

bãi, thô tục như một thằng bồi ngựa. Becky băn khoăn: "Không biết hầu tước có còn nhận ra mình nữa không?!.

Vừa lúc ấy, hầu tước Steyne đang nói cười vui vẻ với một người mệnh phụ ngồi cạnh, chợt ngẩng lên nhìn thấy Becky.

Bốn mắt gặp nhau. Becky run cả người vì hồi hộp… Cô ta vội mỉm một nụ cười duyên dáng nhất và khẽ nghiêng đầu chào vừa có vẻ nhút nhát, lại vừa có ý van lơn. Trong có đến một phút đồng hồ, lão đờ người ra há hốc mồm nhìn trân trân vào mặt Becky, y như Macbeth khi thấy Banquo đột nhiên hiện hồn về giữa lúc đang dự tiệc trong buổi dạ hội[136]. Lão cứ há mồm ra mà nhìn mãi, thì vừa lúc cái anh chàng thiếu tá Loder gớm ghiếc kia đến nắm tay Becky kéo đi.

Loder nói:

- Này Rebecca, ta sang bên phòng ăn đi; nhìn bọn quý tộc họ chè chén với nhau, mình thấy nước bọt ứa ra đầy mồm. Ta sang bên kia nếm mùi sâm-banh của lão già một tý cái đã.

Becky thầm nghĩ anh chàng thiếu tá đã nếm quá đủ rượu sâm-banh của vị chủ nhà rồi.

Hôm sau, cô ta lại thẩn thơ dạo chơi trên đồi Pincian; đây tức là công viên Hyde của những người dân La Mã

nhàn hạ. Có lẽ cô ta muốn nhìn lại mặt hầu tước Steyne một tý thì phải. Nhưng Becky chỉ gặp một người quen khác là Fiche, tay chân thân tín của nhà đại quý tộc. Fiche gật đầu chào cô ta có vẻ hơi suồng sã; hắn giơ một ngón tay lên vành mũ, tiến lại gần nói: "Tôi biết thế nào cũng gặp bà ở đây. Tôi đã đi theo bà ngay từ lúc bà bước ra khỏi khách sạn. Có một điều này muốn khuyên bà."

Becky hỏi lại:

- Ông thay mặt hầu tước Steyne chăng?

Cô ta hết sức lấy dáng điệu thật kiêu hãnh, trong lòng khấp khởi chờ đợi và hy vọng. Tên tay sai đáp:

- Không, lời khuyên của chính tôi. Thành phố La Mã thời tiết độc lắm.

- Mùa này thì trời vẫn đẹp ông Fiche.

- Thưa với bà rằng ngay bây giờ cũng rất đáng ngại. Đã nhiều người mắc bệnh sốt rét rồi. Ở đây mùa nào cũng có nhiều người chết vì cái gió quỷ quái thổi từ vùng đồng lầy về. Này, bà Crawley, xưa nay bà vẫn là người *biết điều*[137], tôi rất quan tâm đến bà, xin lấy *danh dự mà thề*[138] như vậy. Bà nên cẩn thận. Hãy đi khỏi La Mã đi, tôi nói thật đấy… nếu bà không muốn mắc bệnh mà chết.

Becky gượng cười, nhưng tưởng như muốn điên lên vì tức giận.

- Thế nào, lại muốn ám sát một con người yếu ớt đáng thương như tôi à? Chuyện lãng mạn đấy nhỉ! Có thật hầu tước thuê cả những tên sát nhân làm tay chân và mang theo dao găm đầy hành lý không? Úi chào! Tôi cứ ở lại đây, dẫu có vì thế mà ngài bực mình cũng chẳng sao. Trong thời gian tôi ở đây, sẽ không thiếu người bênh vực cho tôi.

Lần này đến lượt Fiche tiên sinh phá ra cười:

- Bênh vực cho bà! Ai đấy nhỉ? Ông thiếu tá chăng? Ông đại úy chăng? Bất cứ tên cờ bạc bê tha nào trong số bè bạn bà vẫn đi lại đều sẵn sàng đánh đổi tính mệnh của bà lấy một trăm đồng đấy. Chúng tôi biết nhiều chuyện hay lắm về thiếu tá Loder (hắn đâu còn là thiếu tá cũng như tôi đâu còn là hầu tước nữa, thưa bà), nghĩa là những chuyện đủ đưa hắn vào xà-lim hoặc nặng hơn thế nữa. Chuyện gì trên đời này chúng tôi cũng biết. Chỗ nào chúng tôi cũng có bè bạn. Chúng tôi biết rõ cả hồi ở Paris, bà đi lại với những ai, bà gặp lại những người nào trong gia đình. Được lắm, mời bà cứ việc tròn mắt lên mà ngạc nhiên; đúng thế đấy, xin hỏi bà tại sao không một viên lãnh sự Anh nào trên lục địa chịu cho bà gặp mặt? Ấy là vì bà đã trót làm mếch lòng một người…

Người đó không bao giờ tha thứ cho bà đâu… Nay gặp lại mặt bà, cơn giận dữ của người ấy còn ghê gớm hơn trước nữa. Đêm qua về nhà, ngài như người phát điên. De Belladonna phu nhân gây sự với ngài về chuyện bà, rồi mới nổi cơn tam bành lên, khiếp quá.

- Ồ, thì ra bà de Belladonna sai ông đến đây phải không?

Becky cảm thấy nỗi lo sợ do lời đe dọa vừa rồi dịu đi đôi chút.

- Không phải đâu… bà ấy không dính dáng gì đến việc này… bao giờ bà ấy chả hay ghen lồng ghen lộn lên như thế. Xin thưa bà rõ, chính hầu tước phái tôi lại đây. Bà đã để cho ngài nhìn thấy mặt, thực là vô cùng dại dột. Nếu bà nhất định ở lại đây, rồi bà sẽ phải hối hận. Nhớ kỹ lời tôi nói đấy. Thôi đi đi. Kìa, xe của hầu tước sắp đến.

Fiche nắm cánh tay Becky kéo vội vào một con đường nhỏ trong công viên; vừa lúc ấy, chiếc xe ngựa đồ sộ có treo huy hiệu hầu tước Steyne ầm ầm dọc theo đại lộ chạy đến. Xe kéo bởi một cặp ngựa quý vô giá. De Belladonna phu nhân ngồi trên đệm xe, đẹp lộng lẫy, nhưng vẻ mặt rầu rầu như đang có chuyện bực mình, một cái ô trắng lắc lư xoay trên đầu, bà ta ôm trong lòng một con chó non "Hoàng đế Charles". Lão hầu tước

Steyne nằm dài ra bên cạnh, mặt mũi bơ phờ, mắt lờ đờ. Thỉnh thoảng, đôi mắt lão cũng sáng lên đôi chút vì căm thù, vì giận dữ hoặc vì thèm muốn, nhưng bình thường thì đôi mắt ấy không có chút ánh sáng nào, như đã quá chán ngán vì phải nhìn mãi cuộc sống mà hương nhụy là bao nhiêu lạc thú và vẻ đẹp mỹ miều nhất đã bị lão già mệt mỏi và bỉ ổi này hút hết cả rồi.

Chiếc xe lao vút qua trước mặt hai người. Rebecca đứng núp sau một lùm cây còn ghé mắt nhòm theo. Fiche tiên sinh thì thầm với cô ta:

- Hầu tước sẽ không bao giờ quên được câu chuyện đêm qua, không bao giờ đâu. Becky nghĩ thầm:

- Âu cũng là một điều đáng an ủi.

Không biết lão hầu tước có ý định giết Rebecca như lời Fiche tiên sinh nói không? Nhưng tên tay sai không muốn phải dùng đến thủ đoạn giết người, hay là hắn chỉ có nhiệm vụ đe dọa Rebecca, cất buộc cô ta phải rời bỏ thành phố La Mã, vì lão chủ có ý định lưu lại đây qua mùa đông, và vì nhìn thấy mặt cô ta, lão càng đâm bực mình. Điều này không ai có thể nói chắc được. Chỉ biết rằng lời đe dọa ấy có hiệu lực; người đàn bà xảo quyệt ấy không còn dám tìm cách mon men đến ra mắt ông chủ cũ nữa. Còn Fiche thì sau khi hầu tước Steyne chết, hắn quay về sống tại quê nhà, rất được mọi người kính

trọng, vì hắn đã mua được cái danh vị nam tước Ficci.

Mọi người hẳn còn nhớ cái chết đáng tiếc của nhà đại quý tộc.

Ngài tạ thế tại Naples hai tháng sau khi cuộc đại cách mạng Pháp năm 1880 nổ ra. Tin cáo phó đăng trên báo như sau: "Ngài George Gustavus tôn kính, hầu tước Steyne, bá tước Gaunt, chúa lâu đài Gaunt, tước đại quan Ai len, tử tước Hellborough, nam tước Pitchley và Grillsby, tước tùy giá hiệp sĩ, bội tinh "Lông cừu vàng" Tây-ban-nha, đệ nhất đẳng bội tinh Saint Nicholas Nga, bội tinh "Mặt trăng khuyết" Thổ Nhĩ Kỳ, tước Thị vệ đại thần, Đại tá chỉ huy trung đoàn dân vệ trực thuộc Hoàng tử nhiếp chính, ủy viên quản trị Hàn lâm viện Hoàng gia, ủy viên quản trị trường đại học "Tam vị nhất thể" và học viện "Dòng tu sĩ áo trắng"... đã tạ thế vì bị xúc động quá mạnh trước sự sụp đổ của Hoàng gia nước Pháp".

Một tờ tuần báo dành riêng một mục kể lại bằng những lời xưng tụng hùng hồn đức tính, tài năng, sinh hoạt huy hoàng và những việc làm cao quý của hầu tước. Sinh thời hầu tước vẫn nhận có họ hàng với dòng họ Bourbon nước Pháp; vốn tính đa cảm, ngài không thể sống nổi trước cái tai họa ghê gớm gieo xuống đầu những người thân thích tôn quý của mình. Thi hài ngài hầu tước được mai táng tại Naples, còn trái tim ngài –

trái tim đã từng rung động vì những tình cảm vô cùng cao đẹp – được bỏ vào trong một chiếc bình bằng bạc đưa về lâu đài Gaunt.

Wagg tiên sinh viết trên báo: "Ngài chết đi, quần chúng nghèo khổ và nền mỹ thuật mất một người che chở rộng lượng, xã hội thượng lưu mất một thành viên tiêu biểu nhất, nước Anh mất một chính khách đại tài, một nhà ái quốc cao quý nhất, v.v… v.v…".

Người ta tranh cãi nhau kịch liệt về tờ di chúc ngài hầu tước để lại. Một vụ kiện nổ ra nhằm buộc bà de Belladonna hoàn lại một viên kim cương quý giá đặt tên là "Mắt thằng Do-thái", mà lúc còn sống hầu tước vẫn hay đeo ở ngón tay trỏ; người ta đồn rằng sau khi ngài từ trần, bà de Belladonna đã tự ý rút ra đút túi.

Nhưng người bạn thân tín đồng thời là người giúp việc của ngài là ông Fiche đã đứng ra làm chứng rằng hai ngày trước khi từ trần, chính hầu tước đã tặng bà de Belladonna chiếc nhẫn kim cương này của ngài, cùng những ngân phiếu quốc gia của thành Naples và nước Pháp, v.v.. Những thứ này người ta tìm thấy trong ngăn kéo bàn giấy của hầu tước. Những người thừa kế của ngài cho rằng người đàn bà vô tội kia đã tước đoạt, cứ nhất định đòi hoàn lại.

CHƯƠNG LXV
LẠC THÚ VÀ VIỆC LÀM ĂN

Ngay sau buổi tái ngộ với cố nhân tại bàn quay số, Joe ăn mặc thật chải chuốt thật chỉnh tề, mới sáng sớm đã thấy đứng trước cửa khách sạn "Con Voi" hỏi thăm rồi. Anh ta thấy chẳng cần kể lại với ai trong gia đình về câu chuyện gặp gỡ tối hôm trước, cũng chẳng muốn để ai cùng đi với mình. Nhân dịp có đại hội, khách sạn này cũng chật ních những khách, dãy bàn kê ngoài thềm khách ngồi quây xung quanh hút thuốc lá và uống rượu bia. Trong phòng khách sạn khói thuốc bay mù mịt; với điệu bộ long trọng thường ngày, Joe đem hết cái vốn liếng tiếng Đức nghèo nàn của mình ra để hỏi thăm người đẹp mình đang muốn tìm; người ta mách rằng phải leo lên tận tầng trên cùng của khách sạn. Tầng thứ nhất là chỗ ở của người bán hàng rong; họ đang bày ra đủ các thứ đồ trang sức và các loại gấm để chào khách. Tầng thứ hai là *Sở chỉ huy*[139] của công ty phụ trách các trò chơi may rủi trong đại hội. Một đám lốc nhốc toàn những tài tử "Bôhêm" nổi tiếng làm trò nhào lộn ngụ ở tầng thứ ba. Thành ra Becky đành phải ngụ ở tầng trên cùng.

Những căn buồng bé tý ở đây dành cho các cậu sinh

viên, các tay làm nghề chào hàng, các bác bán hàng vặt và những nông dân các nơi kéo về xem hội. Chưa bao giờ thấy một mỹ nhân phải chui rúc ở một nơi bẩn thỉu đến thế.

Nhưng Becky rất bằng lòng; cô ta cảm thấy hết sức thoải mái giữa đám người sống ở đây, nghĩa là các bác bán hàng rong, các nghệ sĩ nhào lộn, các cậu sinh viên, v.v… Cô ta thừa hưởng được cái tính bừa bãi lang thang "gia truyền", vì cả bố và mẹ cô ta đều là những tay "Bôhêm" do hoàn cảnh tạo nên đồng thời cũng do sở thích. Nếu như không có mặt nhà quý tộc đứng đấy, Becky sẵn sàng trò chuyện với tên gia nhân một cách cực kỳ thân mật. Ngay những khi gặp vận áo xám, không còn lấy một đồng một chữ để trả tiền trọ, Becky cũng vẫn cảm thấy người mình rậm rật một cách thú vị vì bị kích thích bởi cái ồn ào sôi nổi của khách sạn, cái không khí hút sách chè chén, những tiếng trò truyện tục tĩu của các bác bán hàng rong người Do-thái, cái điệu bộ long trọng, huyênh hoang của mấy tay làm nghề nhào lộn đáng thương, cái *ngôn ngữ bí hiểm* của bọn nhà cái chuyên nghiệp cờ bạc, những bài hát và lối ăn nói một tấc đến trời của các cậu sinh viên. Bây giờ cái không khí ồn ào ấy đối với Becky càng đáng yêu biết bao.

Joe vừa leo hết bậc thang cuối cùng, mệt bở hơi tai,

tưởng không thở được nữa; anh ta đứng ở đầu cầu thang rút khăn tay lau mồ hôi rồi mới đi tìm phòng số 93 tức là cái tổ của con chim xanh anh ta đang tìm đến. Cánh cửa gian phòng số 90 để mở, Joe nhìn vào thấy có một cậu sinh viên đi ủng cao cổ, bận một chiếc áo dài[140] cáu ghét để phanh ngực không cài khuy đang nằm ườn ra trên giương mồm ngậm một chiếc tẩu thuốc dài ngoẵng. Một cậu sinh viên khác có bộ tóc bờm sờm, mặc một chiếc áo rất đẹp mà cũng rất bẩn đang quỳ trước cửa phòng số 92, ghé mồm vào lỗ khoá kêu ầm lên mà khẩn khoản điều gì với người ở trong phòng. Có tiếng người nói ra, giọng nói quen thuộc làm cho Joe hồi hộp làm sao:

- Thôi xéo đi, tôi sắp có khách đây. Ông nội tôi sắp đến chơi, đừng có giơ cái mặt ra để ông nội tôi nom thấy.

Cậu sinh viên đang quỳ mọp, có bộ tóc soăn soăn màu nâu, tay đeo những chiếc nhẫn kếch xù, gào ầm lên.

- Nàng tiên Anh-cát-lợi của tôi ơi! Hãy thương chúng tôi một tý nào. Thì hẹn cho chúng tôi gặp lúc khác vậy. Thế nào cũng ra công viên chén với tôi và Fritz một chầu nhé. Chúng mình sẽ gọi rượu mạnh, chim quay, pa-tê và cả rượu vang Pháp nữa. Nàng không bằng lòng

thì chúng tôi chết ngay cho mà xem đây này. Phải chúng tôi chết thật đấy.

Vị quý tộc trẻ tuổi nằm dài trên giường cũng góp ý kiến, Joe nghe loáng thoáng câu chuyện họ nói với nhau vừa rồi, nhưng không hiểu rõ ý nghĩa, vì anh ta chưa bao giờ có dịp học thứ tiếng họ dùng để trao đổi với nhau.

Thở xong, lúc đã nói được ra lời, Joe mới lấy điệu bộ thật đường bệ, hỏi:

- *Làm ơn tỉ đúp sú tín mui hai tua gài!*[141]

- *Sú tín mui hai*[142].

Anh chàng sinh viên vừa nhại vừa đứng bật dậy, nhảy biến vào trong phòng của mình, cài then cửa lại. Joe còn nghe tiếng anh ta cười rũ ra với người bạn nằm trên giường.

Trước cử chỉ kỳ quái của họ, vị công chức xứ Belgan đờ người ra vì ngạc nhiên. Vừa lúc ấy, tự nhiên thấy cánh cửa phòng số 92 mở ra, cái đầu bé nhỏ với bộ mặt láu lỉnh của Becky lấp ló sau khe cửa; nhìn thấy Joe, cô ta vội bước ra nói:

- Thì ra anh. Gớm, em đang sốt ruột lên vì đợi anh đấy. Khoan đã, đừng vào vội… chờ em một phút đã.

Cô ta quay vào vớ lấy cái bình phấn, chai rượu mạnh và chiếc khay trên có mấy miếng thịt ăn dở, nhét xuống dưới nệm giường rồi quay ra lấy cái lược chải vội mớ tóc, xong đâu đấy mới mời ông khách vào trong phòng.

Tấm áo buổi sáng cô ta bận trên người là một tấm áo ngủ rộng lùng thùng, màu hồng đã bạc phếch và dây nhiều vết bẩn, lại có cả vết kem dính nhớp nháp. Nhưng đôi cánh tay Becky lấp ló trong tay áo rộng nom thật khêu gợi, vẫn rất đẹp và trắng nõn nà.

Tấm áo có dây lưng lại bó khít lấy cái lưng thon thon, thành ra nó vẫn làm tôn vẻ đẹp của bộ mặt người mặc áo. Becky nắm tay Joe kéo vào trong phòng nói:

- Vào đây, vào đây nói chuyện với em đi. Anh ngồi xuống ghế kia.

Cô ta xiết mạnh bàn tay của anh chàng một cái, rồi vừa cười vừa đẩy anh chàng ngồi xuống ghế. Còn cô ta thì ngồi ngay lên mép giường – dĩ nhiên là không ngồi lên đống chai lọ và khay thức ăn, bạn cứ yên trí; giá Joe ngồi lên giường, thế nào anh ta cũng đè bẹp bất cả những thứ này – Becky cứ ngồi thế mà hàn huyên với cố nhân. “Bao năm qua mà anh cũng không thay đổi mấy nhỉ?”- Cô ta nói, mắt nhìn rất tình tứ.- “Em có thể nhận ra anh ngay bất cứ ở đâu”. Sống giữa đám người tứ xứ mà được nhìn lại nét mặt trung thực của người bạn cũ,

thật là sung sướng quá.

Nói của đáng tội, lúc này cái bộ mặt trung thực của Joe không có những nét chất phác cởi mở mà trái lại anh chàng đang có vẻ bối rối và ngạc nhiên. Anh chàng cứ ngẩn người ra mà ngó cái gian phòng kỳ quái, nơi cố nhân của mình chọn làm tổ ấm. Một chiếc áo vắt ở thành giường, một chiếc khác móc ngay vào quả đấm sứ ở cánh cửa. Chiếc mũ của Becky che lấp một nửa tấm gương trên bàn, kê sát giường, vứt lăn lóc một cuốn tiểu thuyết Pháp, cạnh một cây nến, không phải thứ nến làm bằng sáp ong, Becky định nhét nốt cả cuốn sách xuống nệm giường, nhưng vội quá nên chỉ lấy mảnh bìa vẫn dùng để chụp lên cây nến tắt đi trước khi ngủ để che lấp. Becky nói tiếp:

- Em có thể nhận ra anh ngay bất cứ ở đâu; có những điều mà đàn bà chúng em không bao giờ quên được. Vả lại, chính anh là người đầu tiên em… em biết đến trong đời.

Joe đáp:

- Tôi à? Có thật không? Lạy Chúa; thế mà cô chẳng nói cho tôi biết.

Becky đáp:

- Hồi em ở Chiswick cùng em gái anh đến nhà ta, em

còn trẻ con lắm, đã biết gì đâu. Bây giờ chị Amelia yêu quý của em ra sao? Gớm, chồng chị ấy thật đến tồi; chị ấy đã có lần ghen với em đấy, làm như em thèm chú ý đến anh ta không bằng. Hô hô! Trong khi em đang có một người… nhưng thôi, ta chẳng nên nhắc đến chuyện cũ làm gì.

Vừa nói, cô ta vừa đưa chiếc khăn tay có viền một hàng đăng- ten tả tơi lên chùi mắt.

Rồi Becky lại nói tiếp:

- Một người đàn bà như em đã quen sống trong một xã hội khác hẳn, bây giờ lại đi chui rúc vào xó xỉnh này mà ở, chắc anh cũng thấy đáng ngạc nhiên? Anh Joseph Sedley ạ, em đã từng bị nhiều nỗi buồn phiền đau khổ giày vò. Trời đã bắt tội em phải đau khổ quá nhiều, có những lúc tưởng phát điên lên được anh ạ. Cho nên em không sao ở yên một chỗ, cứ lang thang hết chỗ này đến chỗ khác mà chẳng bao giờ có hạnh phúc. Bè bạn ai cũng phản bội em… tất cả. Trên đời này khó lòng tìm được một người đàn ông trung thực. Em là người vợ trung thành nhất đời, mặc dầu em lấy chồng là cực bất đắc dĩ, vì đó là do sự sắp đặt của người khác… Nhưng anh chả cần để ý đến những chuyện ấy làm gì. Lòng em thành thực, thế mà anh ấy nỡ chà đạp em, nỡ ruồng rẫy em. Em là một người mẹ yêu quí con nhất đời. Em chỉ

có một đứa con duy nhất, đứa con yêu dấu, nó là nguồn hy vọng độc nhất, là niềm vui sướng độc nhất em ủ ấp bên trái tim với tấm tình mẫu tử nồng nàn nhất trong đời… nó là cả cuộc đời của em, là… là hạnh phúc của em; thế mà họ nỡ… nỡ cướp nó mang đi… họ đã cướp nó mang đi…

Cô ta áp bàn tay lên trái tim, dáng điệu tuyệt vọng vô cùng cảm động, rồi gục mặt xuống, nệm giường một lúc.

Chai rượu mạnh giấu dưới nệm chạm vào cái khay đựng mẩu xúc xích ăn dở kêu lanh canh. Chắc hẳn hai thứ này thấy chủ đau đớn quá, cũng bị xúc động. Hai cậu sinh viên Max và Fritz đang ghé tai vào sát cửa ngạc nhiên lắng nghe tiếng Becky nức nở khóc trong phòng. Cả Joe nữa, thấy cố nhân của mình trong tình trạng đáng thương như vậy anh ta vừa hốt hoảng vừa cảm động. Bấy giờ Becky mới bắt đầu kể lại cuộc đời của mình… nghĩa là cô ta dựng lên một câu chuyện có đầu có đuôi, một câu chuyện rất đơn giản, tự nhiên, đủ khiến cho người nghe thấy rõ như ban ngày rằng ví thử có một vị thiên thần bận áo trắng nào từ thiên đường bị giáng xuống trần để chịu đựng tất cả những sự đau khổ do âm mưu đen tối của bọn quỷ sứ trên mặt đất gây ra, thì chính là con người trong trắng… con người khốn

cực, kẻ tử vì đạo "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn" trước mặt Joe, đang ngồi trên giường và cưỡi lên một chai rượu mạnh.

Hai người ngồi trong phòng thân mật trò chuyện tâm tình với nhau rất lâu. Trong câu chuyện, Becky tìm cách ngỏ cho Joe Sedley biết (nhưng rất khéo léo, không làm cho anh ta mếch lòng hoặc sợ hãi) rằng trái tim cô ta đã rung động lần đầu tiên khi tiếp xúc với chàng trai trẻ đầy hấp dẫn này, rằng George Osborne quả có cái ý định kỳ quái là ve vãn cô ta, vì thế Amelia mới nổi ghen, và giữa hai chị em bạn mới có sự xích mích nho nhỏ. Becky nói thêm rằng mình không bao giờ có ý khuyến khích mối tình của anh chàng sĩ quan bất hạnh, và từ buổi gặp gỡ lần đầu tiên đến nay, không giờ phút nào Becky không nghĩ đến Joe; lẽ dĩ nhiên không phải vì thế mà cô ta không làm trọn bổn phận của một người vợ hiền; bổn phận ấy Becky vẫn làm đầy đủ, và rất sẵn sàng thực hiện cho tới ngày mình trút hơi thở cuối cùng, hoặc cho tới ngày cái khí hậu nổi tiếng khủng khiếp nơi trung tá Crawley nhậm chức kia sẽ giải thoát cho cô ta khỏi cái ách gia đình đã trở thành quá sức chịu đựng vì tính tình tàn nhẫn của người chồng.

Joe từ biệt ra về, hoàn toàn yên trí Rebecca là một người đàn bà đức hạnh nhất, đồng thời cũng duyên dáng

đáng yêu nhất đời; anh ta sắp sẵn trong đầu hàng chục kế hoạch từ thiện nhằm xây dựng tương lai cho người bạn gái. Phải chấm dứt hẳn sự hành hạ ấy đi mới được. Phải trả Becky lại cho xã hội thượng lưu, vì trong xã hội ấy cô ta là một vật trang sức; Joe phải đích thân thu xếp tất cả mọi sự, lo liệu cho Becky rời bỏ chỗ này, đến ở một nơi yên tĩnh hơn; Amelia sẽ đến thăm và nối lại tình bạn, Joe phải đi sắp xếp ngay và trao đổi với viên thiếu tá về việc này. Lúc hai người từ biệt nhau, Becky khóc sướt mướt tỏ lòng biết ơn, xiết chặt lấy bàn tay của anh chàng béo phị, còn Joe thì cúi rạp xuống mà hôn hai bàn tay Rebecca.

Và khi Joe bước ra khỏi gian phòng xép bé tý, Becky cúi rạp xuống mà chào, dáng điệu lịch sự như thể đang tiễn anh ta ra khỏi một cung điện lộng lẫy. Vị khách to béo vừa khuất bóng dưới cầu thang, đã thấy hai cậu sinh viên Max và Fritz mồm ngậm tẩu thuốc chui ra khỏi phòng. Becky vừa tiêu thụ nốt bữa ăn nguội gồm mấy miếng bánh mì vừa làm điệu bộ bắt chước cử chỉ của Joe cho họ xem, có vẻ khoái trí lắm. Joe đến chỗ Dobbin ở, lấy dáng điệu thật long trọng, kể lại với bạn câu chuyện cảm động vừa được nghe; lẽ dĩ nhiên anh chàng không hé răng nói nửa lời về chuyện đánh bạc tối hôm trước. Hai người bạn của chúng ta châu đầu lại bàn

tán với nhau xem có cách gì giúp ích được cho Becky không; trong khi ấy cô ta ung dung chén nốt bữa điểm tâm có thịt[143] đang ăn dở ban nãy.

Vì đâu mà Becky lưu lạc đến tận cái thị trấn nhỏ bé này? Vì đâu mà cô ta phải sống trơ trọi, không bè bạn thân thích, cứ lang thang một mình, nay đây mai đó? Thì ngay khi mới đi học, trẻ em đã chẳng thấy trong sách tập đọc tiếng La-tinh có nói đến cái dốc Avernus[144]. Chúng ta hãy bỏ qua thời kỳ Becky bị trôi tuột xuống cái dốc ấy không cần nhắc lại làm gì. Nói cho đúng thì bây giờ cô ta cũng chẳng đê tiện gì hơn so với thời kỳ việc "làm ăn" còn đang "gặp vận"… Có điều hơi kém may mắn chút ít mà thôi.

Amelia vốn là người tính tính hiền hậu, hiền hậu quá, có thể nói là dại dột, mỗi khi nghe nói có một người lâm vào cảnh không may, lập tức cô thương cảm đến muốn chảy nước mắt ngay. Và cũng bởi lẽ từ thuở lọt lòng mẹ đến giờ, bản thân cô chưa hề làm một việc gì, hoặc có một ý nghĩ gì xấu xa, cho nên đối với kẻ phạm điều tội lỗi, cô không có cái thái độ ghê tởm đặc biệt của một số các nhà luân lý từng trải hơn cô nhiều. Cô đối đãi rất nhã nhặn, cô chúc tụng tất cả mọi người tiếp xúc với mình… Cô xin lỗi cả bọn đầy tớ mỗi khi kéo chuông gọi họ sai bảo… Cô cảm ơn người bán hàng đã cho mình xem một

mảnh lụa… Cô cúi chào cả một người quét đường, và lịch sự khen khu vực ngã ba đường của anh ta chăm sóc rất đẹp mắt… Amelia có thể làm tất cả những công việc vớ vẩn như vậy đấy, cho nên thấy một người bạn cũ của mình gặp cảnh sa sút, làm sao cô khỏi xúc động? Mà không cứ là bạn cũ, thấy ai khổ sở, Amelia cũng thương. Một xã hội tổ chức theo nguyên tắc của tình thương như thế, có lẽ không được trật tự lắm, nhưng ở đời, không mấy người đàn bà, nhất là trong số những người cầm quyền, được như Amelia. Tôi có cảm tưởng rằng ví thử Amelia có quyền hành, chắc cô sẽ huỷ bỏ hết mọi trại giam, mọi sự trừng phạt, mọi thứ xiềng xích, roi vọt, mọi sự nghèo khổ, ốm đau, đói rách trên đời.

Hơn nữa, Amelia "đụt" đến mức – chúng ta đành phải thú thực điều này – bị sỉ nhục tàn nhẫn cô cũng có thể quên ngay được.

Anh chàng thiếu tá không có vẻ quan tâm lắm đến câu chuyện tái ngộ đầy thi vị của Joe như vị công chức xứ Belgan. Trái lại, thái độ của Dobbin còn có vẻ bực bội. Anh ta thốt ra mấy câu nói không thích hợp lắm đối với hoàn cảnh một người phụ nữ gặp cơn hoạn nạn:

- Thế là lại chạm trán với con bé quỷ quái ấy.

Từ trước đến nay, chưa bao giờ Dobbin có lấy được tý chút cảm tình với Rebecca, mà có thể nói ngay từ

buổi gặp gỡ đầu tiên, khi đôi mắt xanh thẳm của Becky nhìn vào mắt anh rồi lại lảng đi nơi khác; anh ta đã có ý ngờ vực rồi. Dobbin nói trắng ra chẳng cần dè dặt gì với các bạn thế này: "Cái con quỷ cái ấy đi đến đâu là đem theo tai họa đến đấy. Ai biết được hiện nay cô ta sinh sống ra sao. Cô ta lang thang một mình ở đây làm gì? Thôi xin anh đừng nói đến chuyện bị hành hạ, bị thù ghét nữa đi. Đàn bà đứng đắn, ai là chẳng có bè bạn, và có bao giờ lại cắt đứt hoàn toàn quan hệ với gia đình. Thử hỏi tại sao cô ta bỏ chồng? Vâng, tôi công nhận anh nói đúng; hắn có thể là con người tồi tệ, không ra gì, xưa nay hắn vẫn như thế. Tôi quên sao được trước kia thằng cờ bạc bịp ấy vẫn bịt mắt George lấy tiền bỏ túi. Việc hai vợ chồng nhà ấy bỏ nhau vì câu chuyện bẩn thỉu ra sao, người ta chả đồn ầm lên là gì? Tôi biết, tôi biết lắm." Dobbin bảo bạn vậy, mặc dầu xưa nay anh ta không phải là người hay chú ý đến những lời miệng thế gièm pha. Joe ra sức biện hộ rằng Becky là một người đàn bà đức hạnh mà phải chịu đựng sự bất công của người đời về mọi mặt, nhưng vô ích.

Anh chàng thiếu tá giở khoa ngoại giao khéo léo của mình ra:

- Được, được lắm, chúng ta hỏi ý kiến chị George xem xao? Hãy để chị ấy quyết định hộ. Tôi nghĩ rằng dù

sao anh cũng tin ở sự phán đoán của Amelia, cô ấy có thể phân biệt sai đúng.

Joe vẫn không tương đắc với em gái, đáp:

- Hừ! Emmy thì biết quái gì!

Dobbin phản đối ầm lên:

- Biết quái gì à? Trời đất ơi! Thưa ngài, đó là người đàn bà khôn ngoan nhất tôi gặp trong đời đấy ạ. Tôi xin nhắc lại rằng chúng ta chỉ cần đến hỏi ý kiến Amelia xem có nên đến thăm cô kia không… Tuỳ chị ấy quyết định, thế nào tôi cũng xin vâng.

Trong thâm tâm anh chàng thiếu tá khôn ngoan đáng ghét này chắc mẩm thế nào mình cũng thắng, vì anh ta còn nhớ đã một hồi Emmy khổ sở vì ghen với Rebecca – mà ghen cũng có lý đến nỗi cứ mỗi khi nhắc đến tên người bạn gái, Emmy lại rùng mình vì sợ hãi. Dobbin nghĩ thầm: "Đàn bà đã ghen thì đố bao giờ biết tha thứ".

Thế là hai người bạn cùng nhau sang chỗ ở của Amelia bên kia phố, Amelia đang vui vẻ học hát với bà Strumpff.

Bà này vừa ra về, Joe lên giọng trịnh trọng như mọi khi đi vào vấn đề:

- Cô Amelia thân mến… Anh vừa gặp một câu chuyện

kỳ lạ… phải, lạy chúa… một câu chuyện kỳ lạ nhất đời… một người bạn cũ, phải,… một người bạn cũ thân quý nhất của cô, có thể nói rằng một người bạn từ thờ xa xưa… cũng vừa đến đây, anh muốn cô đến gặp cô ấy một chút.

Amelia hỏi:

- Cô nào thế? Kìa, thiếu tá Dobbin, khéo làm gãy kéo bây giờ!

Dobbin đang cầm lấy sợi dây chuyền nhỏ Amelia vẫn dùng để buộc chiếc kéo vào dây lưng mà quay quay chiếc kéo, đầu cúi xuống, xuýt nữa đâm cả kéo vào mắt. Anh ta vẫn bướng bỉnh nói:

- Cái mụ đàn bà ấy tôi chúa ghét xưa nay, mà chị thì cũng không có lý do gì mà ưa mụ ta được.

Amelia đỏ bừng mặt lên, có vẻ rất xúc động:

- Rebecca phải không? Đúng Rebecca rồi.

Dobbin đáp:

- Chị đoán không sai: Bao giờ chị cũng đoán đúng.

Brussels, Waterloo, những năm quá khứ xa xưa, bao nhiêu nỗi đau buồn, bao nhiêu kỷ niệm dồn dập kéo đến choán lấy trái tim nhỏ bé của Amelia, khiến cho cô hồi hộp xúc động và đau đớn.

Emmy nói tiếp:

- Đừng bắt em đến gặp cô ta. Em không thể nhìn mặt con người ấy đâu.

Dobbin bảo Joe:

-Tôi đã bảo anh, có sai đâu.

Joe giục:

-Bây giờ cô ấy khổ lắm và… và thế đấy, khổ lắm. Cô ấy nghèo xơ xác, chẳng có ai che chở, lại ốm nữa, ốm nặng lắm, mà lại bị cái thằng chó má kia bỏ rơi nữa chứ.

Amelia kêu lên:

- Ôi chao!

Joe khéo léo tiếp tục:

- Cô ấy trơ trọi không người nương tựa, cô ấy bảo rằng chỉ có thể trông cậy vào cô nữa thôi. Emmy ạ, cô ấy khổ lắm, khổ quá, đau đớn nhiều lúc tưởng phát điên lên được ấy. Nghe chuyện mà tôi cảm động quá… thật đấy, xin lấy danh dự mà thề… Tôi có thể cam đoan rằng từ xưa đến giờ chưa có ai ngoan ngoãn chịu đựng những sự hành hạ tàn nhẫn của người đời được như cô ấy. Gia đình cô ấy đã đối đãi tàn tệ quá đáng.

Amelia nói:

- Đáng thương quá nhỉ!

Joe tiếp tục, giọng nói thấp xuống và hơi run run:

- Cô ấy bảo rằng nếu không tìm được ai là bạn trên đời này nữa thì có lẽ đến chết mất. Lạy chúa che chở cho linh hồn tôi! Cô có thể tưởng tượng được có lần cô ấy định tự tử không? Cô ấy mang theo cả chất nha phiến… tôi trông thấy cái lọ để trong phòng… căn phòng mới tồi tàn làm sao… thuê trong một khách sạn hạng bét, khách sạn "Con Voi" ấy mà, mãi tầng trên cùng sát mái nhà. Tôi đã đến đấy rồi.

Hình như câu chuyện không làm cho Amelia cảm động mấy, lại thấy cô hơi nhếch mép cười. Có lẽ Emmy đang tưởng tượng hình ảnh Joe hì hục vừa thở phì phà phì phò vừa leo lên mấy tầng thang gác.

Joe nói tiếp:

- Cô ấy sầu não đến gần hóa điên. Bao nỗi đau đớn con người ấy đã trải qua những nghe mà rợn cả tóc gáy. Cô ấy có một con trai bằng trạc tuổi thằng Georgy đấy.

Emmy đáp:

- Phải, phải, em cũng còn nhớ. Vậy rồi làm sao?

Cũng như phần lớn những anh chàng béo ị, Joe rất dễ cảm động, nghe Becky kể chuyện mình, anh ta thương

lắm. Anh chàng nói thêm.

- Thằng bé xinh xắn quá, đẹp như thiên thần, trên đời không đứa trẻ nào bằng: nó quý mẹ nó như vàng. Thế mà bọn khốn nạn nhẫn tâm giằng lấy thằng bé khỏi tay mẹ nó bắt đem đi, mặc nó khóc lóc thảm thiết và rồi cũng không cho phép nó gặp mẹ lần nào nữa.

Emmy bật khóc, đứng phắt dậy:

- Anh Joseph yêu quý ơi, chúng ta lại thăm chị ấy ngay bây giờ.

Cô chạy vào căn phòng ngủ bên cạnh, lấy mũ đội, tay run run buộc giải mũ vì cảm động. Rồi cô bước ra, trên tay khoác một cái khăn san, ra hiệu cho Dobbin đi theo.

Dobbin quàng khăn san lên đầu Amelia, đó là tấm khăn san bằng lục Casomia màu trắng chính tay Dobbin đã mua ở Ấn Độ gởi về làm quà. Anh chàng không có cách nào khác là vâng lời người bạn gái. Amelia vịn vào tay Dobbin và hai người ra đi, Joe dặn theo:

- Cô ấy ở gian phòng 92, trên tầng gác thứ tư ấy.

Có lẽ vì không muốn phải leo thang lần nữa nên anh ta ở lại nhà, đứng trong cửa sổ hướng về phía khách sạn "Con Voi" nhìn theo bạn và em gái đi qua khu chợ.

Cũng may cho Becky đang cười cợt đùa bỡn với hai

cậu sinh viên trong phòng thì cô ta nhác thấy hai người từ xa tiến lại khách sạn. Họ đang tả lại hình dáng "ông nội" của Becky mà cười với nhau. Lúc Joe đến cũng như lúc Joe về, họ đều nom thấy… Becky có đủ thì giờ để tống khứ hai cậu sinh viên và thu xếp căn phòng trông cho gọn gàng trước khi ông chủ khách sạn "Con Voi" dẫn khách tới. Biết tiếng bà Osborne rất được triều đình biệt đãi, ông này có ý kính nể, đích thân dẫn "phu nhân" và "ngài thiếu tá" leo lên tầng gác chót vót sát mái nhà.

Ông chủ khách sạn gõ cửa phòng Becky, gọi:

- Thưa quý bà, thưa quá bà.

Mới hôm qua, ông ta chỉ xưng với Becky bằng "bà" và đối đãi với Becky cũng không lịch sự lắm.

- Ai đấy.

Becky ló đầu ra hỏi và khẽ kêu rú lên. Trước mắt cô ta là Emmy đang đứng run run và anh chàng thiếu tá cao lênh khênh chống cây gậy trúc.

Dobbin lặng yên đứng nhìn có vẻ rất chú ý đến cuộc gặp gỡ của đôi bạn gái. Emmy thì giang rộng cánh tay ôm chầm lấy Rebecca. Lúc ấy cô tha thứ hết cho bạn, ôm ghì lấy bạn mà hôn rất thành thực. Ôi! người đàn bà khốn nạn kia! Từ trước tới nay đã bao giờ cặp môi của mi nhận được một cái hôn trong sạch như thế chưa?

CHƯƠNG LXVI
CHUYỆN XÍCH MÍCH CỦA NHỮNG KẺ YÊU NHAU

Trước thái độ thân mật thẳng thắn của Amelia, Becky tuy sắt đá vô hạnh thật, nhưng cũng phải cảm động. Đáp lại những cử chỉ vuốt ve trìu mến và những lời nói ngọt ngào của Amelia, Becky đã biểu lộ một cái gì giống như thái độ biết ơn và một sự xúc động có thể nói được là chân thành, nếu không được lâu dài thì ít nhất cũng là lúc bấy giờ. Câu chuyện bịa về "*thằng bé bị giằng khỏi cánh tay mẹ khóc thét lên*" xé ruột ấy mà Becky làm lành được với cô bạn cũ, và chúng ta có thể chắc chắn đó cũng là câu chuyện đầu tiên cô Emmy bé nhỏ chất phác đáng thương của chúng ta nói với người bạn mới gặp lại.

Người đàn bà thực thà như đếm săn đón:

- Vậy ra họ cướp mất thằng cháu yêu quý mang đi mất, hả chị? Ôi, Rebecca, người bạn đau khổ đáng thương của em ơi, em rất hiểu người mẹ bị cướp mất đứa con khổ sở đến thế nào, cho nên em rất thông cảm với những người mất con như vậy. Nhưng em cầu chúa sao cho cháu sớm được trở về với chị, cũng như Thượng đế đã trả lại đứa con yêu quý cho em.

- Cháu nào? Cháu nhà em ấy à? Ô, vâng, Em khổ ghê

lắm chị. Becky đáp, trong thâm tâm hình như có ý hơi hối hận. Cô ta cảm thấy không thoải mái lắm vì phải bắt đầu ngay bằng một câu nói dối để đáp lại thái độ hồn nhiên đầy tin tưởng của bạn. Nhưng đó chăng qua cũng là số phận tất nhiên của những kẻ trót bước vào con đường dối trá, bởi lẽ một khi đã trót dựng đứng lên một câu chuyện y như thật, tất nhiên người ta phải cố gắng bịa ra một câu chuyện khác cho ăn khớp với lời bịa đặt cũ, thành ra dần dần cái kho chuyện giả dối đem phát hành cứ đầy ùn lên một cách không sao tránh khỏi, và dĩ nhiên cái nguy cơ bị khám phá ra sự thực cũng mỗi ngày một tăng thêm.

Becky tiếp tục:

- Em đau khổ đến mất ăn mất ngủ (tôi hy vọng rằng lúc này cô ta không còn ngồi lên đống chai lọ nữa rồi) lúc bọn khốn kiếp ấy đến bắt thằng con mang đi, em cứ tưởng mình đến không sao sống nổi. Rồi em bị bệnh ứa máu ở não, bác sĩ cũng đã chịu bó tay, thế rồi… thế rồi em khỏi và… và bây giờ em sống ở đây, nghèo xơ nghèo xác, chả có ai bà con thân thích.

Emmy hỏi:

- Cháu lên mấy nhỉ?

Becky đáp:

- Mười một.

Cô bạn kêu lên:

- Mười một? Em nhớ cháu sinh cùng năm với thằng Georgy cơ mà, năm nay cháu lên…

Thực ra, Becky quên khuấy mất chẳng còn nhớ thằng Rawdy sinh năm nào, cô vội chữa:

- Phải, phải rồi. Chị Amelia yêu quý ạ, em đau khổ đến nỗi mất cả trí nhớ, quên nhiều chuyện quá. Em thay đổi nhiều lắm chị ạ, có những lúc tưởng như điên dại, khi họ đến bắt cháu đem đi, cháu lên mười một tuổi, cháu xinh xắn lắm cơ. Từ hồi ấy, em chẳng được gặp lại cháu một lần nào nữa.

Cái cô Emmy vớ vẩn kia lại hỏi thêm:

- Tóc cháu màu sáng hay thẫm, chị cho em xem nào.

- Hôm nay chưa thể được, chị yêu quý của em ạ, Để lần khác, bao giờ hành lý của em gửi từ Leipzig về đã. Chả là em vừa ở Leipzig lên đây mà. Em còn giữ được cả một bức chân dung của cháu chính tay em vẽ hồi hai mẹ con còn sống hạnh phúc bên nhau.

Emmy than thở:

- Becky, chị Becky đáng thương của em! Thế mới biết em mang ơn Thượng đế biết bao nhiêu?

(Tôi thắc mắc không hiểu liệu biết cảm ơn Thượng đế chỉ vì mình may mắn hơn người, có phải là một thái độ tín ngưỡng hợp lý hay không, mặc dầu người ta đã dạy cho các cô thiếu nữ biết thành kính như vậy ngay từ hồi còn tí tuổi). Sau đó, cũng như mọi khi, Amelia bắt đầu nghĩ con trai mình là đứa trẻ xinh xắn, ngoan ngoãn và thông minh nhất thiên hạ.

- Rồi chị sẽ được nhìn thấy cháu Rawdy.

Emmy tưởng nói thế là cách tốt nhất để an ủi Becky nếu như ở đời này còn có điều gì an ủi được cô ta.

Cứ thế, đôi bạn nói chuyện với nhau có đến hơn một tiếng đồng hồ, Becky có thừa thãi cơ hội để dựng lên một câu chuyện về mình đủ cả đầu đuôi, xuôi ngược cho bạn nghe. Cô ta kể rằng, cuộc nhân duyên giữa mình và Rawdon từ trước đến giờ vẫn luôn luôn bị gia đình nhà chồng phản đối kịch liệt, rằng mình đã bị người chị dâu (một người đàn bà đến là xảo quyệt) tìm mọi cách nói xấu với chồng, rằng chính Rawdon đã tằng tịu với những đứa không ra gì rồi đâm ra nhạt nhẽo với vợ con. Cô ta còn kể rằng mình đã cắn răng chịu đựng tất cả… đã nghèo túng lại bị người chồng mình vẫn yêu quý như vàng đối xử thờ ơ lạnh nhạt..không chịu đựng được sự nhục nhã thái quá, cô ta đành lòng xin ly dị với chồng, vì cái con người đê mạt này đã dám mở mồm ra

khuyên vợ nên tạo điều kiện cho chồng tiến thủ bằng cách bán tiết hạnh cho một nhà quý tộc rất có thế lực, nhưng vô cùng tồi tệ, tức là hầu tước Steyne, thật là một con quái vật ghê tởm.

Kể đến đoạn đời sóng gió này, Becky dùng những lời lẽ tế nhị của một người đàn bà đức hạnh bị làm nhục. Vì câu chuyện đốn mạt kia mà cô ta đã đành rời bỏ nhà chồng ra đi, thế mà cái tên hèn mạt ấy còn theo đuổi trả thù bằng cách bắt lấy đứa con, cho nên bây giờ Becky mới lâm vào cảnh lang thang nghèo túng trơ trọi không người nương tựa và khốn khổ như thế này chứ?

Câu chuyện hơi dài vì tình tiết phong phú, như Emmy cũng chịu khó ngồi nghe từ đầu đến cuối, ai đã biết tính Emmy đều thấy cô vẫn sẵn sàng ngồi nghe như vậy. Nghe kể lại những chuyện trác táng của Rawdon và những cử chỉ tồi tệ của Steyne, Emmy run lên vì tức giận. Lúc Becky tả lại bị hành hạ cô cũng thương cảm chân thành. (Becky bảo rằng mình cũng không muốn bôi xấu chồng làm gì. Cô ta nhắc đến chuyện cũ với thái độ buồn rầu hơn là giận dữ. Có điều là cô ta đã quá quý chồng, và nói cho cùng, Rawdon chẳng phải là cha sinh ra đứa con trai yêu quý của cô ta đấy sao? Đến lúc Becky đọc thuộc lòng lại đoạn văn miêu tả cảnh con trai bị bắt đem đi, Emmy rút khăn tay ra che kín mặt, làm

cho nhà tài tử bi kịch xuất chúng của chúng ta khoan khoái vô cùng vì thấy tài nghệ của mình xúc động khán giả kịch liệt.

Đang khi đôi bạn gái mải tâm sự với nhau, thì nhà hiệp sĩ hộ vệ trung thành của Amelia, tức là anh chàng thiếu tá, lẻn ra cầu thang, xuống tầng dưới cùng (dĩ nhiên anh ta không muốn xen vào làm ngắt đoạn câu chuyện của hai người, mà cứ cọt kẹt đôi ủng đi lại ngoài hành lang để va cả mũ vào mái nhà mãi thì cũng chán) và bước vào gian phòng lớn của khách sạn "Con Voi" là chỗ tụ họp tất cả khách trọ ra vào. Gian phòng này lúc nào cũng thấy mù mịt khói thuốc lá, và la liệt toàn những khách ngồi uống rượu bia. Trên mặt một chiếc bàn cáu nhờn thấy xếp hàng dãy những chân đèn bằng đồng có gắn nến để sẵn cho khách dùng phía trên treo thành hàng dài toàn những chìa khóa các cửa gian phòng cho thuê. Lúc vào, phải đi qua căn phòng lớn này, Emmy ngượng đỏ cả mặt lên, chỗ này là nơi tụ họp của đủ mọi hạng người; này là các bác bán găng tay người vùng sông Tyron các bác bán vải người vùng sông Danube, bồ bị ngổn ngang; này là các cậu sinh viên đang nhồm nhoàm xơi điểm tâm với bánh phết bơ và thịt, mấy anh chàng vô công rồi nghề ngồi chơi bài bên một cái bàn rượu bia đổ lênh láng, này là mấy chú nghệ sĩ nhào lộn

vào làm chút rượu giải khát trong khi chờ đợi đến lượt ra trò… tóm lại, là tất cả cái đám người hành lạc ồn ào[145] của một khách sạn Đức trong mùa hội.

Anh hầu bàn không cần hỏi han gì, mang đến cho Dobbin một cốc vại rượu bia. Dobbin rút một điếu thuốc châm lửa ngồi thưởng thức mấy khói "*cỏ tương tư*"[146], và giở tờ báo ra đọc cho qua thì giờ, chờ Amelia trên gác xuống.

Vừa lúc ấy Max và Fritz bước xuống thang gác, mũ đội lệch về một bên đầu, lê đôi ủng làm cho cựa giày va vào nhau lanh canh, mỗi người ngậm một chiếc ông điếu thật đẹp có gắn huy hiệu riêng. Họ móc chìa khóa cửa phòng số 90 lên tường, rồi gọi lấy bánh mì, bơ và rượu bia để điểm tâm. Hai người ngồi vào một cái bàn cạnh viên thiếu tá; câu chuyện họ trao đổi với nhau không thể nào không khiến cho Dobbin phải để lọt vào tai. Đại khái họ nói chuyện với nhau về các võ sĩ 'Fuchs' và 'Philister', về những cuộc đấu súng và những cuộc hành lạc trong các quán rượu xung quanh trường đại học Schoppenhausen. Hình như họ vừa từ trung tâm văn hóa nổi danh này cùng Becky đến Pumpernickel để dự đại hội mừng cuộc lương duyên của hoàng gia thì phải.

Max dùng tiếng Pháp nói với bạn:

Xem ra cái *con bé người Anh*[147] hình như quen thuộc nhiều người ở đây lắm[148]. Ông nội béo ị của nó vừa về đã thấy một cô đồng hương bé nhỏ xinh xinh tìm đến thăm rồi. Tớ nghe thấy họ chuyện trò khóc lóc gì với nhau ở trong gian phòng của con bé.

Fritz đáp:

- Chúng mình phải mua vé xem con bé nó hòa nhạc mới được. Cậu có tiền không, Max?

Anh chàng kia đáp:

-Ôi dào, hòa nhạc quái gì, *chuyện tào lao*[149] ấy mà. Thằng Hans kể với tớ rằng ở Leipzig, có một lần con bé đã quảng cáo ầm lên sẽ tổ chức hòa nhạc, thế là bọn thị dân[150] ùa nhau đến mua vé, rồi nó chuồn thẳng một mạch, chẳng hát hỏng cóc khô gì. Hôm qua, mình đi xe ngựa, nó nói chuyện rằng thằng đệm đàn dương cầm cho nó bị ốm nằm quỵ ở Dresden rồi. Nó không hát được đâu, tớ tin chắc như vậy. Giọng nó cũng khàn khàn vịt đực như giọng cậu thôi, ông bạn vua rượu của tôi ạ.

- Ừ khàn thực, tớ vừa nghe nó đứng ở cửa sổ hát thử một bài ba-lat của Anh hay tuyệt[151], gọi là "*Đoá hồng trên bao lơn*".

Fritz nhận xét:

- *Uống và hát* [152] có bao giờ đi đôi với nhau đâu. (Nom cái mũi cà chua của Fritz cũng biết anh ta ưa cái thú vui thứ nhất hơn). Thôi đừng có lấy vé mà phí toi tiền. Đêm qua con bé vừa được bạc. Tớ nhìn thấy nó nhờ một thằng bé con người Anh đặt cửa hộ. Tiền của cậu, bỏ ra chúng mình chè chén với nhau ở đây hoặc đi xem hát còn hơn, hay là chúng mình mời con bé ra công viên Aurelius uống rượu vang Pháp hay rượu cô-nhăc cũng tốt, nhưng vé thì nhất định đừng mua. Cậu tính thế nào. Làm thêm một cốc bia nữa chứ?

Đoạn cả hai thay phiên nhau nhúng bộ ria mép màu vàng óng vào chất nước uống màu nâu, rồi vê vê bộ ria, khệnh khạng kéo nhau đi xem hội.

Dobbin nhìn thấy chiếc chìa khóa số 90 treo trên móc, lại nghe loáng thoáng câu chuyện của hai cậu sinh viên trẻ tuổi, không nghi ngờ gì nữa, biết ngay họ vừa nói chuyện với nhau về Becky.

Anh ta nghĩ thầm: "Cái con mẹ ranh này hẳn đang âm mưu làm một mẻ gì đây". Nhớ lại ngày xưa, có lần đã được chứng kiến chuyện cô ta chài Joe và cái kết cục khôi hài của cuộc tình duyên này, Dobbin mỉm cười. Về sau Dobbin và George vẫn thường lôi chuyện ấy ra làm

trò cười với nhau cho tới khoảng vài tuần lễ sau ngày cưới của George mới thôi, vì hồi ấy chính George cũng bị mắc vào cái lưới của cô Circe[153] bé nhỏ; chuyện George có tình ý với Becky, chắc Dobbin cũng đoán biết, nhưng làm ngơ không muốn nói ra. William vì tế nhị và cũng cảm thấy khó nói, nên không muốn dò hỏi đến ngọn ngành câu chuyện bí mật xấu xa này của bạn, tuy rằng một lần George đã nhắc đến một cách xa xôi và có ý hối hận. Ấy là buổi sáng hôm xảy ra trận Waterloo, lúc hai người đang đứng đầu đơn vị của mình nhìn sang trận tuyến của địch san sát toàn những quân Pháp đen ngòm đỉnh đồi, trên trời một cơn mưa lớn sắp sửa trút xuống. George bảo bạn:

- Tôi vừa dính vào một câu chuyện âm mưu vô nghĩa lý với một người đàn bà anh ạ. Chúng mình phải ra trận thế này, thật tôi lấy làm may mắn. Nếu chẳng may tôi chết, mong rằng Emmy sẽ không biết tý gì về chuyện này. Nghĩ lại, tôi lấy làm hối hận quá. William tự lấy làm hài lòng mỗi khi nghĩ rằng nhiều lần anh ta đã khôn khéo tìm cách an ủi người vợ góa của George, Dobbin nói rằng sau khi từ biệt Amelia, và sau trận "Bốn cánh tay" George đã nói chuyện với anh ta về vợ và cha với một giọng nghiêm trang và âu yếm. Những lần ngồi nói chuyện với ông già Osborne, William cũng nhấn mạnh về

việc này; do đó, trước khi từ giã cõi đời, ông lão đã tha thứ cho đứa con trai bất hạnh.

William nghĩ thầm: "Thì ra cái con quỷ quái vẫn tiếp tục bày trò rắc rối. Mình chỉ mong nó đi biệt tăm tích đâu cho khuất mắt. Nó đi đâu là đem theo tai hoạ đến đấy."

Anh ta cứ ngồi, hai tay bưng lấy đầu mà đeo đuổi mãi những ý nghĩ day dứt như vậy. Tờ tuần báo Pumpernickel mở rộng trước mắt, nhưng anh ta không nhìn thấy chữ gì. Bỗng có ai cầm cái cán ô đập nhẹ vào vai; nhìn lên thì ra Amelia.

Người đàn bà này vẫn có cái mãnh lực đặc biệt khống chế được anh chàng thiếu tá Dobbin (trời sinh ra con người ta dù yếu đuối mấy cũng có khả năng thống trị một kẻ nào khác trên đời). Emmy vẫn bảo anh ta làm việc này việc khác, nói năng ngọt ngào với anh ta, nhờ anh chàng lấy cái này, mang cái kia, như thể Dobbin là một con chó nòi "Tân thế giới"[154] ngoan ngoãn vậy. Ví thử Emmy có nói "Hấp, Dobbin", không chừng anh ta cũng sẵn sàng nhảy ngay xuống nước hoặc vui vẻ ngậm cái ví đầm lóc cóc chạy theo sau cô ta. Nếu như các bạn độc giả không thấy rằng Dobbin là một anh chàng ngốc nghếch thì câu chuyện tôi kể đây thật là đoảng vị.

Amelia khẽ lắc đầu, nghiêng mình chào một cách giễu cợt, nói:

- Thế nào, sao ngài không đợi trên gác để đưa tôi xuống cầu thang?

- Tôi làm sao đứng chờ được ở ngoài hành lang?

Dobbin đáp, vẻ mặt vừa đáng thương vừa có vẻ khôi hài. Sau đó, lại được khoác tay đưa người đẹp ra khỏi gian phòng sặc sụa mùi khói thuốc lá, anh ta khoái trí quá, xuýt nữa thì đi thẳng, quên cả trả tiền cốc rượu bia còn nguyên chưa uống. Anh bồi bàn phải chạy theo ra tận cửa khách sạn "Con Voi" để nhắc, Emmy phá ra cười; cô mắng đùa anh chàng là người "xấu chơi", định ăn quỵt, lại diễu Dobbin về chuyện la cà ở chỗ này. Hình như Emmy có điều gì vui vẻ đặc biệt; cô líu ríu đi qua khu chợ một cách hơi vội vàng. Cô muốn gặp mặt Joe ngay tức khắc. Thấy Amelia sốt ruột muốn gặp mặt anh trai, Dobbin bật cười vì có mấy khi thấy cô muốn gặp mặt "ông anh trai quý báu" ngay tức khắc đâu.

Hai người thấy Joe đang ngồi trong phòng khách ở tầng nhà dưới. Suốt một tiếng đồng hồ vừa qua, Joe đã sốt ruột đi bách bộ trong phòng, hết cắn móng tay lại nhìn qua khu chợ về phía khách sạn "Con Voi" có đến hàng trăm bận. Trong khi ấy, Amelia đang ngồi tâm tình với Becky trong gian phòng xép của khách sạn, còn

Dobbin thì đang ngồi gõ nhịp mấy ngón tay trên mặt bàn dưới nhà để đợi Emmy trên gác xuống, Joe cũng đang thấp thỏm đợi Emmy.

Thấy hai người về, Joe hỏi ngay:

- Thế nào?

Emmy đáp:

- Đáng thương quá, chị ấy khổ không biết thế nào mà nói.

- Đúng lắm, cầu chúa che chở cho linh hồn tôi.

Joe vừa hói vừa lắc lư cái đầu, làm cho đôi má béo xệ rung rung theo.

Emmy tiếp:

- Ta có thể nhường cho chị ấy gian phòng của Payne; để nó lên ngủ trên gác cũng được.

Payne là một chị hầu gái người Anh, tính ít nói, giữ nhiệm vụ săn sóc riêng cho Amelia. Lẽ dĩ nhiên chị này được bác Kirsch tán tỉnh. Georgy rất thích đem những chuyện cổ tích Đức toàn những kẻ trộm, kẻ cướp và ma quỷ ra doạ làm cho chị ta sợ hết hồn. Suốt ngày chị ta chỉ lúi húi thu xếp quần áo, hết phàn nàn càu nhàu lại doạ sớm hôm sau thế nào cũng bỏ về quê ở Clapham. Emmy quyết định:

- Để chị ấy ở gian phòng của Payne.

Anh chàng thiếu tá đứng bật dậy hỏi:

- Này, chị không có ý định mang người đàn bà ấy vào sống trong gia đình này đấy chứ? Amelia trả lời, vẻ ngây thơ nhất đời:

- Dĩ nhiên là có. Kìa, thiếu tá Dobbin, đừng giận dữ, khéo làm gãy cả ghế ngồi bây giờ. Dĩ nhiên là chúng tôi định thế.

Joe cũng nói:

- Dĩ nhiên, anh bạn ạ.

Emmy tiếp:

- Chị ấy đã đau khổ nhiều quá rồi. Lão chủ nhà băng nơi chị ấy gửi tiền đã trốn biệt và phá sản. Chồng chị ấy, cái tên khốn kiếp mạt hạng, đã bỏ rơi vợ và bắt đứa con mang đi rồi (nói đến đây Emmy nắm chặt hai bàn tay bé nhỏ lại giơ ra trước mặt với điệu bộ doạ nạt thật ghê gớm. Dobbin thấy cảnh người bạn gái hăng hái quá mà muốn bật cười). Thật đáng thương cho chị ấy. Bây giờ sống bơ vơ trơ trọi, bắt buộc phải dạy hát để kiếm ăn… Không đưa chị ấy về đây sống chung thế nào được!

Anh chàng thiếu tá kêu lên:

- Chị George yêu quý của tôi ơi, hãy mời cô ta dạy chị

hát, nhưng chớ có cho về ở đây. Tôi van chị đấy.

Joe lên tiếng:

- Hừ!

Amelia sửng sốt:

- Thiếu tá Dobbin, tôi rất ngạc nhiên về thái độ của anh đấy. Xưa nay, anh vẫn là người rộng lượng, tốt bụng cơ mà. Vậy chứ chị ấy đang gặp cảnh khốn khó, không giúp chị ấy bây giờ thì còn lúc nào? Chị ấy là một người bạn lâu ngày nhất của tôi, chứ đâu phải..

- Amelia, không phải bao giờ cô ta cũng là bạn của chị đâu.

Dobbin đáp vậy, hình như anh ta bực mình lắm rồi. Câu nói bóng gió làm cho Amelia đau nhói trong tim. Cô giận dữ nhìn thẳng vào mặt Dobbin nói:

- Thiếu tá Dobbin, anh không biết ngượng sao?

Trả miếng xong, Amelia đứng dậy, kiêu kỳ bước sang gian phòng của mình, khép mạnh cánh cửa lại, có ý không bằng lòng, như chính mình bị phỉ báng. Cánh cửa đóng chặt lại rồi cô mới nói một mình:

- Lại đi nói bóng đến câu chuyện ấy? Ôi, bắt mình phải nhớ đến điều ấy, thật tàn ác quá.

Cô ngước nhìn lên bức chân dung của George vẫn

treo trên tường như mọi khi, có kèm tấm hình con trai ở dưới. "Anh ấy thật tàn ác quá. Em đã tha thứ rồi, anh ấy còn nỡ nhắc đến làm chi? Không, theo lời chính miệng anh ấy nói ra, em đã thấy sự ghen tuông của em là vô nghĩa, là không có căn cứ rồi, em đã tin rằng anh rất trong sạch… Vâng, anh rất trong sạch, vị thiên thần của em trên thiên đường ạ!"

Cô đi đi lại lại trong phòng, người run lên vì tức giận. Cô tiến lại trước cái tủ, ngắm mãi tấm chân dung treo phía trên. Càng ngắm, cô càng thấy hình như đôi mắt George nhìn mình mỗi lúc một thêm có ý trách móc. Bao nhiêu kỷ niệm êm đẹp của mối tình đầu xô nhau trở lại trong ký ức. Vết thương đã được thời gian hàn gắn kín miệng bỗng lại ứa máu. Cô cảm thấy đau đớn hơn bao giờ hết! Emmy không sao chịu đựng được sự trách móc của người chồng yêu quý đang đứng trước mặt. Không! Không thể có chuyện ấy, không bao giờ có chuyện ấy!

Đáng thương thay cho anh chàng William Dobbin, câu nói lỡ lời ấy phá hoại hết kết quả bao nhiêu năm đeo đuổi, nó đã làm cho tòa lâu đài tình yêu mà anh chàng mất bao công sức nhẫn nại dựng lên bỗng chốc xụp đổ tan tành; tòa lâu đài ấy xây trên những nền móng vô hình bí mật, ẩn dấu tất cả những sự say mê, những cuộc

đấu tranh tư tưởng không kể xiết và những sự hy sinh thầm lặng. Chỉ một lời nói thôi, thế là tòa lâu đài của hy vọng tan thành mây khói! Chỉ một lời nói thôi, mà có khi đã làm cho con chim xanh anh chàng mất công theo đuổi suốt một đời bay mất biệt tăm.

William nhìn vẻ mặt Amelia hiểu rằng thế là bắt đầu một giai đoạn gay go đây, nhưng anh ta vẫn dùng những lời lẽ thiết tha nhất khẩn khoản yêu cầu Sedley hãy dè chừng đối với Becky.

Có thể nói anh ta hăng hái thuyết phục Joe chớ nên nhận cho Rebecca về ở chung. Dobbin xin Joe ít nhất cũng nên dò hỏi kỹ lưỡng về hành vi của cô ta đã, lại đem những chuyện mình nghe được, kể lại rằng Becky đã chung đụng với bọn cờ bạc bịp và những người tư cách không ra gì. Dobbin còn nhắc Joe nhớ lại những chuyện xấu xa mà Becky đã phạm trong quá khứ: chính hai vợ chồng Crawley đã a tòng với nhau dẫn George đi vào con đường phá sản, và hiện nay Becky đã ly dị với chồng như chính cô ta thú nhận, mà nào ai biết được nguyên nhân vì đâu. Một người đàn bà như thế gần Amelia thật nguy hiểm, vì em gái Joe còn ngây thơ lắm, chưa hề từng trải việc đời. William đem hết tài hùng biện ra thuyết phục Joe, van nài Joe chớ nhận cho Rebecca sống chung trong gia đình; rất ít khi thấy anh chàng

điềm đạm ít nói này hăng hái đến thế.

Giá Dobbin nói dịu dàng khéo léo hơn, không biết chừng anh ta có thể thuyết phục được Joe cũng nên nhưng nói cho đúng thì Joe cũng có ý hơi bực, vì mọi khi anh ta vẫn cho rằng Dobbin hay có thái độ trịch thượng đối với mình. Joe cũng đã nói riêng chuyện này với bác hầu Kirsch, dĩ nhiên bác đồng tình với chủ, bởi lẽ bác không ưa Dobbin kiểm soát chi ly những hóa đơn chi tiêu trong cuộc hành trình này. Joe cũng bắt đầu to tiếng trả lời rằng mình có đủ sức tự bảo vệ lấy danh dự không cần nhờ vả đến ai, rằng mình không muốn có người khác can thiệp vào việc riêng; nói tóm lại, anh ta ý muốn chống lại sự áp chế của viên thiếu tá. Cuộc thảo luận giữa hai người hơi lâu và cũng hơi gay gắt, thì bỗng bị chấm dứt một cách đơn giản nhất đời. Nghĩa là có Becky đến chơi. Cô ta đem theo một người hầu phòng của khách sạn "Con Voi" để xách hộ đám hành lý sơ sài.

Becky chào Joe một cách lễ độ nhưng thân mật; đối với Dobbin, cô ta tỏ ra nhã nhặn, nhưng có ý dè dặt. Linh tính báo ngay cho cô ta biết đích rằng đây là kẻ thù của mình, và chính Dobbin cũng vừa nói cô ta không ra gì xong. Emmy nghe thấy những tiếng động và tiếng ồn ào bèn bước ra khỏi phòng. Cô tiến đến bên bạn, ôm lấy bạn mà hôn thật nồng nàn, không buồn để ý đến Dobbin,

trừ một lần liếc nhìn anh chàng một cách giận dữ; có lẽ từ khi người đàn bà đáng thương này sinh ra đời, đây là lần đầu tiên Amelia có một thái độ khinh miệt bất công như vậy. Nhưng có những lý do riêng khiến cho cô không sao kìm giữ được khỏi giận Dobbin. Dobbin cũng bực mình vì bị đối xử bất công chứ không phải vì thất bại không thuyết phục nổi bạn. Anh ta nghiêng mình chào Amelia với thái độ hết sức kiêu hãnh rồi bỏ đi, người đàn bà cũng cúi chào tỏ ý vĩnh biệt một cách lạnh lùng không kém.

Dobbin bỏ đi rồi, Emmy tỏ ra đặc biệt phấn khởi, vui vẻ với Becky; cô vội vội vàng vàng thu dọn trong phòng rồi dẫn cô bạn cũ về căn phòng đã dành riêng; xưa nay tính tình cô bạn nhỏ của chúng ta vẫn điềm đạm không mấy khi tỏ ra hoạt động và hăng hái như vậy. Thói thường vẫn thế, những người bản chất yếu đuối, khi sắp làm một chiếc gì bất công, họ vẫn hay vội vã làm cho chóng xong, bởi vậy, Emmy nghĩ rằng những cử chỉ của mình vừa rồi chính là một cách tỏ rõ tấm tình gắn bó chung thuỷ và kính mến đối với người chồng đã khuất.

Georgy đi xem hội về ăn trưa, thấy trên bàn vẫn bày đủ bốn xuất ăn như thường lệ; nhưng nó thấy có một người đàn bà ngồi vào chỗ mọi khi vẫn dành cho thiếu tá Dobbin. Thằng bé nói một cách rất tự nhiên như thường

ngày:

- Ô kìa, bác Dob đâu?

Mẹ nó bảo:

- Hôm nay thiếu tá Dobbin ăn cơm ngoài, chắc thế.

Đoạn Emmy kéo con trai lại, hôn con mấy cái liền, vén mớ tóc xoã trên trán con rồi giới thiệu với bạn:

- Rebecca, cháu đây.

Câu nói cũng có nghĩa là: "Chị xem trẻ con trên đời này có đứa nào được bằng nó không?" Becky làm ra bộ say sưa ngắm thằng bé, rồi âu yếm bắt tay nó; cô ả nói:

- Cháu yêu quý, nom thật giống thằng cháu… Cô ta cảm động quá, nghẹn lời không nói tiếp được, nhưng chẳng cần bạn nói ra, Amelia cũng hiểu rõ Becky đang nhớ đến đứa con quý báu của cô ta.

Tuy vậy, có cô bạn ngồi cạnh, Becky cũng được an ủi, thành thử bữa ấy cô ta ăn rất ngon miệng.

Trong khi ăn, Becky tha hồ có dịp kể lể; thằng Georgy thì lấm lét ngó người khách lạ và giỏng tai lên mà nghe chuyện. Đến lúc dùng đồ tráng miệng, Emmy bước ra ngoài sai bảo đầy tớ dọn dẹp; Joe thì ngả lưng trong ghế bành thiu thiu ngủ, tay cầm tờ bán Galinany, còn Georgy và người đàn bà lạ mặt ngồi sát bên nhau.

Lần này thằng bé nhìn đi nhìn lại người khách như đã nhận ra, cuối cùng, nó đặt cái kẹp hạt dẻ xuống nói:

- Đúng rồi.

Becky cười hỏi:

- Đúng cái gì, cháu?

Bác chính là cái bà đeo mặt nạ cháu gặp trong phòng quay số tối hôm nọ.

Becky vội nắm lấy tay thằng bé, đưa lên miệng hôn nói:

- Suỵt, cháu tinh quái quá. Hôm ấy bác trai cháu cũng đến đấy? Đừng nói cho má cháu biết, má cháu không bằng lòng đâu.

Thằng bé đáp:

- Ồ, không… chẳng bao giờ cháu nói.

Lúc Emmy quay vào phòng, Becky bảo bạn:

- Chị xem, em với cháu thân nhau rồi đấy.

Phải công nhận rằng Amelia đã đem được một người bạn gái rất biết điều và đáng yêu đến sống chung với mình.

Đang cơn tức bực, William cứ đi lang thang như mất trí khắp thị trấn, tuy rằng anh ta cũng chưa biết hết âm

mưu bội phản đang chờ đợi mình. Thế nào lại gặp ngay lão bí thư sứ quán Anh là Tapeworm; lão mời Dobbin vào khách sạn dùng cơm. Gọi món ăn xong, Dobbin nhân cơ hội hỏi thăm viên đại biện xem có biết chuyện gì về một bà Rawdon Crawley nào đó hình như đã gây ra dư luận sôi nổi một thời ở Luân-đôn không. Dĩ nhiên Tapeworm thông tỏ đủ mọi thứ chuyện của Luân-đôn. Lão lại có họ với Gaunt phu nhân, thành thử lão mới cung cấp cho viên thiếu tá một mớ tài liệu về cuộc đời của hai vợ chồng Becky, đủ cho anh chàng tọc mạch há hốc mồm ra vì ngạc nhiên; nhờ những tài liệu ấy mà có câu chuyện này, vì chính ngay trên chiếc bàn ấy mấy năm trước đây kẻ chép truyện cũng đã từng có hân hạnh được nghe. Thôi thì đủ mọi chi tiết: Tufto, Steyne, gia đình Crawley, cùng mọi chuyện có liên quan đến họ, mọi chi tiết có liên quan đến Becky và quá khứ của cô ta, nhà ngoại giao tàn nhẫn lôi ra bằng hết. Lão biết chân tơ kẽ tóc về sinh hoạt của tất cả thiên hạ. Tóm lại, anh chàng thiếu tá thực thà của chúng ta cứ ngây người ra mà nghe những điều khám phá mới mẻ. Thấy Dobbin nói Amelia và Sedley đã đưa Becky về sống chung trong gia đình, Tapeworm phá ra cười rũ rượi, làm cho viên thiếu tá bàng hoàng; lão bảo rằng giá tìm đến nhà lao, mời một vài ông sang trọng, đầu trọc lóc bận áo vàng bị xích chân từng đôi một, vẫn được cử đi quét đường ở

Pumpernickel, mang về thết đãi, dùng làm thầy học cho thằng Georgy cứng đầu cứng cổ có lẽ còn tốt hơn.

Câu chuyện của lão khiến cho viên thiếu tá ngạc nhiên và hoảng hốt không phải ít. Sáng sớm hôm ấy, trước khi Becky dọn đến, mọi người đã quyết định đến tối Amelia sẽ đi dự dạ hội trong cung, Dobbin định sẽ nhân dịp nói hết với Amelia. Anh chàng thiếu tá bèn về nhà, thắng bộ lễ phục cẩn thận mò vào triều cố tìm gặp Emmy. Nhưng không thấy Emmy đến. Lúc quay về, Dobbin đã thấy đèn đóm trong nhà Sedley tắt từ lâu. Vậy phải chờ đến sáng hôm sau mới gặp được Amelia. Không hiểu đêm hôm ấy anh chàng phải ủ ấp một sự bí mật ghê gớm như thế trong lòng có trằn trọc mất ngủ hay không.

Sáng hôm sau, Dobbin sai một người hầu cầm thư sang trao cho Amelia, nói cần gặp ngay có chuyện cần. Anh ta nhận được thư trả lời, cho biết rằng bà Osborne hôm nay mệt, không thể ra khỏi phòng được.

Thật ra, chính Amelia suốt đêm qua cũng không ngủ được, và bị ám ảnh bởi câu chuyện trước kia đã hàng trăm lần giầy vò tâm tư cô. Trước kia, đã hàng trăm lần cô muốn đầu hàng, nhưng sự hy sinh ấy, cô cảm thấy quá sức mình chịu đựng. Không, cô không thể bằng lòng được, mặc dầu con người ấy đã yêu cô tha thiết, đã trung thành tận tụy với cô, và chính cô cũng phải thú

nhận rằng mình đối với anh ta rất có cảm tình, rất biết ơn và kính trọng. Nhưng thử hỏi rằng chung thủy là cái gì, và những đức tính quý báu nữa cũng là cái gì? Chỉ cần một món tóc xoăn xoăn của cô thiếu nữ, hoặc một sợi ria mép của chàng trai trẻ cũng đủ làm cho cán cân trong phút chốc lệch ngay về một bên. Đối với Emmy những đức tính ấy cũng không quan trọng hơn là đối với những người đàn bà khác. Cô đã thử, cô đã khát khao thực hiện ước vọng của mình, nhưng không sao được. Bây giờ tìm ra một cớ, người đàn bà tàn nhẫn ấy bèn vịn ngay lấy, quyết định tự giải phóng mình.

Mãi đến buổi chiều ngày hôm ấy. Amelia mới cho Dobbin gặp mặt. Lâu nay vẫn quen được tiếp đón thân mật vui vẻ, lần này bước vào, anh ta thấy Emmy nghiêng mình chào, coi như khách, cô chìa một bàn tay vẫn đeo găng cho anh ta bắt rồi lại rụt về ngay.

Rebecca cũng có mặt trong phòng; cô ta mỉm cười tiến đến, đưa tay cho Dobbin. Dobbin hơi bối rối, lùi lại, nói:

- Xin… xin bà tha lỗi, thưa bà. Nhưng tôi bắt buộc phải nói thực rằng hôm nay tôi đến đây không phải với tư cách là bạn của bà.

- Hừ! Khỉ lắm! Thôi, đừng nhắc đến chuyện ấy nữa.

Joe kêu lên có vẻ lo lắng và muốn tránh một câu chuyện rắc rối. Amelia hạ thấp giọng, nhưng nói rất rõ:

- Tôi không hiểu thiếu tá Dobbin có điều gì không bằng lòng đối với Rebecca đấy.

Giọng nói của cô hơi run run, nhưng tia mắt nhìn rất cương quyết.

Joe lại xen vào:

- Tôi không muốn có chuyện rắc rối trong nhà tôi đâu đấy. Tôi nhắc lại là tôi không muốn. Dobbin, tôi yêu cầu anh thôi đi.

Anh ta run bắn người lên, nhìn quanh phòng, mặt đỏ ửng, rồi vừa thở phì phò vừa bỏ về phòng mình.

Rebecca lên tiếng, giọng nói thật ngọt ngào, êm ái: "Kìa, ông bạn yêu quý của em! Hãy ở lại xem thiếu tá Dobbin muốn nói gì em đã nào."

- Tôi đã bảo rằng tôi không muốn nghe cơ mà. Joe hét tướng lên như vậy, rồi thu gọn vạt áo ngủ, anh ta bước ra khỏi phòng.

Amelia nói:

- Bây giờ chỉ còn lại hai người đàn bà chúng tôi. Anh đã có thể nói chuyện được rồi đấy?

Dobbin kiêu hãnh đáp:

- Amelia, có lẽ chị đối xử với tôi như vậy là không đúng, mà tôi vẫn không tin rằng xưa nay đối với phụ nữ tôi vẫn có thái độ phũ phàng. Tôi đến đây để làm một nhiệm vụ mà chính tôi cũng không vui lòng lắm. Amelia mỗi lúc một thêm lúng túng, nói:

- Thiếu tá Dobbin, xin anh cứ vui lòng nói ngay vào vấn đề cho.

Giọng cô nói hơi có vẻ khiêu khích, làm cho cái nhìn của Dobbin bỗng trở thành nghiêm khắc.

- Tôi muốn đến đây để nói một điều… bà Crawley bà đã muốn ngồi lại đây, thì tôi đành phải nói điều ấy ra trước mặt bà… tôi muốn nói rằng bà không nên có mặt trong gia đình bạn tôi. Một người đàn bà bỏ chồng, đội tên giả để đi lang bạt khắp nơi và ra vào những sòng bạc công khai…

Becky kêu lên:

- Tôi đến dự dạ hội đấy chứ.

- … Thì không phải là một người xứng đáng làm bạn của bà Osborne và con trai bà. Tôi còn muốn nói thêm rằng ở đây có nhiều người hiểu rành mạch về bà, họ kể nhiều điều về tư cách của bà nữa. Tôi cũng không muốn nhắc lại đây trước mặt… trước mặt bà Osborne.

Rebecca nói:

- Lối vu cáo của ông kể cũng khôn khéo đấy chứ thưa thiếu tá, ông định bắt tôi phải chịu đựng lời kết án mà chính ông không muốn nói ra. Kết án thế nào nhỉ? Tôi không trung thành với chồng tôi chăng? Tôi không sợ đâu. Tôi thách người nào chứng minh được điều ấy. Và tôi nói thật tôi thách ông đấy. Phẩm giá của tôi hoàn toàn không bị hoen ố, cũng như phẩm giá của kẻ thù xảo quyệt nhất đang muốn bôi nhọ tôi. Hay là ông muốn kết tội tôi chỉ vì tôi nghèo khổ, bị bỏ rơi, bị sa sút? Phải, những điều ấy tôi có phạm, và ngày nào tôi cũng bị trừng phạt. Chị Emmy, để cho em đi vậy. Chẳng qua cũng coi như em không được gặp lại chị, vả lại cũng không vì vậy mà em khổ sở hơn ngày hôm qua cơ mà. Cũng coi như sau một đêm trú ẩn, kẻ phiêu bạt đáng thương này lại lên đường lang thang như cũ. Chị có nhớ bài hát chúng mình vẫn hát với nhau khi xưa không nhỉ? Ôi, những ngày êm đẹp đã qua! Từ bấy đến nay, cuộc đời em cứ ba chìm bảy nổi mãi… em như một kẻ bỏ đi, bị người đời sỉ nhục chỉ vì em có một thân một mình. Thôi, chị để em đi; em ở lại đây, em làm trở ngại đến những kế hoạch riêng của ông này.

Dobbin nói:

- Thưa bà, quả có thế. Nếu như tôi có chút quyền hành gì trong gia đình này…

Amelia vội kêu lên:

- Quyền hành ư? Ông không có quyền hành gì hết. Rebecca, chị cứ ở đây với em. Em sẽ không bỏ chị đâu, mặc dầu chị bị hành hạ, bị sỉ nhục, bị.. bị thiếu tá Dobbin chủ tâm đối xử như vậy. Ta đi thôi chị.

Và hai người đàn bà tiến về phía cửa. William mở cửa cho họ.

Nhưng lúc họ bước ra, anh ta cầm lấy tay Amelia nói:

- Chị có vui lòng ở lại một lát để nói chuyện với tôi không?

Becky vội nói ngay:

- Ông ấy lại định nói xấu em với chị lúc em không có mặt đấy.

Nom vẻ mặt Becky như một người tử đạo. Amelia chỉ xiết chặt tay bạn không trả lời.

Dobbin nói:

- Xin lấy danh dự mà thề rằng câu chuyện tôi sắp nói đây không liên quan gì đến bà. Amelia, mời chị vào trong này.

Amelia quay vào. Dobbin cúi chào Rebecca rồi khép cửa phòng lại. Amelia dựa vào tấm gương soi nhìn Dobbin, sắc mặt và đôi môi tái nhợt.

Viên thiếu tá yên lặng một lúc rồi nói:

- Vừa rồi, tôi hơi bối rối thành ra nói lẫn… tôi đã dùng tiếng "quyền hành" không đúng chỗ.

Amelia đáp, hai hàm răng thốt nhiên va vào nhau lập cập.

- Có thế.

Dobbin nói tiếp:

- Nhưng tôi tưởng ít nhất cũng có quyền được thanh minh.

Người đàn bà đáp:

- Mẹ con tôi vẫn nhớ đã mang ơn anh rất nhiều.

William nói:

- Quyền hạn tôi nói đây là do cụ thân sinh ra anh George uỷ nhiệm.

Amelia đáp:

- Phải lắm. Nhưng mới ngày hôm qua, anh đã bôi nhọ linh hồn George. Hẳn anh cũng biết vậy. Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho anh điều ấy. Không bao giờ hết. Cô dằn mạnh từng tiếng, giọng nói run run vì tức giận và xúc động.

William buồn rầu nói:

- Chị không thực tâm nghĩ thế chứ, chị Amelia? Chị không cho rằng những lời chị vừa nói trong lúc vội vàng thiếu suy nghĩ chín chắn là quan trọng hơn cả sự trung thành tận tuỵ của cả một đời người chứ? Tôi tin rằng cách ăn ở của tôi không thể làm cho linh hồn George phải bất mãn, và nếu như tôi có điều gì đáng trách thì, ít nhất, người trách tôi cũng không phải là người vợ góa và là người sinh ra đứa con trai của anh George. Chị hãy nghĩ xem… sau này, khi nào có thì giờ rỗi rãi, chị hãy nghĩ kỹ xem… rồi chị sẽ thấy trách tôi như vậy là bất công. Rất có thể ngay bây giờ chị cũng thấy thế rồi.

Amelia cúi đầu xuống.

Dobbin nói tiếp:

- Chị giận tôi không phải vì lời tôi nói hôm qua đâu, Amelia, đó chẳng qua là một cái cớ; bởi vì tôi đã trót yêu chị, đã theo đuổi chị suốt mười lăm năm nay một cách vô vọng. Trong thời gian ấy, chẳng lẽ tôi lại không thấu hiểu mọi tình cảm, mọi ý nghĩ của chị hay sao? Tôi hiểu tâm hồn chị lắm. Chị có thể tuyệt đối trung thành với một kỷ niệm, chị có thể ấp ủ mãi một hình bóng không tưởng. Nhưng chị không thể hiểu nổi một tấm tình nồng nhiệt như tấm tình của tôi và cũng không thể thông cảm được với tấm tình ấy như một người đàn bà nào khác có tâm hồn cao đẹp hơn chị. Không, chị không xứng đáng

với mối tình bao năm nay tôi theo đuổi. Đã từ lâu, tôi đã hiểu rằng tôi chỉ là một kẻ ngu dại, sống với những ảo tưởng đẹp đẽ, đem tất cả tâm hồn nồng nàn chân thật của mình đánh đổi lấy một mảnh duyên thừa. Bây giờ tôi không muốn sự trao đổi ấy nữa, tôi từ bỏ và tôi không có lỗi gì hết đối với chị. Bao giờ chị cũng vẫn là người tốt. Chị đã cố gắng hết sức rồi, nhưng chị không thể… chị không thể vươn được tới độ cao của mối tình tôi ủ ấp đối với chị. Mối tình ấy, một người đàn bà có tâm hồn cao thượng hơn có thể lấy làm hãnh diện được chia xẻ! Amelia, xin vĩnh biệt. Tôi đã theo dõi cuộc đấu tranh của chị. Hãy chấm dứt nó đi. Cả hai chúng ta đều mệt mỏi lắm rồi…

Thế là sợi dây buộc chặt vận mệnh của Dobbin cô vẫn nắm trong tay bị anh ta đột nhiên rứt đứt. Amelia sợ hãi đứng lặng nghe Dobbin tuyên bố lấy lại quyền tự do và ưu thế của mình. Đã từ lâu anh ta quen bò sát dưới chân Emmy, khiến cho cô cũng quen coi việc chà đạp lên anh là chuyện tự nhiên. Amelia không muốn làm vợ Dobbin, nhưng cứ muốn giữ lấy anh ta. Cô không muốn phải đền đáp một tý gì, nhưng lại muốn bắt Dobbin phải cho mình tất cả. Trong việc yêu đương, sự trao đổi không công bằng này là chuyện xảy ra khá thường xuyên.

Lời nói dứt khoát của William khiến cô thất vọng và

bối rối.

Cuộc tấn công yếu ớt của cô thế là chấm dứt, bây giờ cô bắt đầu rút lui Cô nói:

- Nếu tôi không hiểu lầm… thì anh có ý định… đi xa… phải không? William?

Anh chàng cười buồn bã, đáp:

- Tôi đã đi xa một lần rồi. Và sau mười hai năm trời tôi mới trở về. Hồi ấy, Amelia, chúng ta còn trẻ. Thôi, vĩnh biệt, tôi đã tiêu phí đời tôi quá đủ trong trò chơi này rồi.

Trong khi hai người nói chuyện với nhau, cánh cửa phòng Amelia vẫn hé mở; ngay lúc Dobbin vừa khép cửa lại, thì Becky đã nắm lấy quả đấm và khẽ mở ra để nghe trộm. Cô ta không bỏ sót một lời nào trong câu chuyện của hai người trao đổi với nhau.

Becky nghĩ thầm: "Người đàn ông này có một tâm hồn cao quý lắm. Cô kia đùa cợt với một tấm tình như vậy thật đáng hổ thẹn". Becky thấy cảm phục Dobbin; cô ta không còn thù ghét cái anh chàng đã nói những điều không hay về mình nữa; hành động của Dobbin thật quang minh chính đại, đáng cảm phục. Cô ta thầm nghĩ: "Ôi, giá mình được một người chồng như thế nhỉ?… Ấy mới là một người đàn ông có đủ cả tâm hồn và trí tuệ! Mình sẽ chả quan tâm đến đôi bàn chân to kếch của anh

ta". Rồi Becky chạy về buồng riêng, hình như trong óc đang bận suy tính điều gì. Cô ta lấy bút mực viết một lá thư xin Dobbin hãy nán lại vài ngày đừng đi đâu vội, và hứa sẽ khuyên được Amelia ưng thuận lấy anh ta.

Sự tan vỡ thế là không cứu vãn được rồi; lại một lần nữa, anh chàng William đáng thương bước ra cửa và đi hẳn. Người đàn bà góa bé nhỏ, người đã gây ra tất cả sự tan vỡ này, đã đạt được ý nguyện, đã thắng; cô ở lại một mình, tha hồ mà thỏa mãn vui thích với sự đắc thắng của mình. Ta hãy mặc cho những người phụ nữ ghen tỵ với thắng lợi của Amelia.

Đến đúng cái phút thi vị nhất trong ngày là lúc ăn cơm, thằng Georgy ở đâu mò về; nó lại nhắc đến sự vắng mặt của "bác Dob". Mọi người yên lặng ngồi ăn không ai trò chuyện gì. Joe xơi vẫn ngon miệng như thường, nhưng Amelia không ăn một miếng nào.

Xong bữa ăn, thằng Georgy nằm khểnh trên chồng đệm đặt cạnh cửa sổ, một chiếc cửa sổ lớn ba bề lồng kính, xây nhô hẳn ra ngoài đường, nom thăng ra khu chợ, phía có tòa khách sạn "Con Voi"; mẹ nó đang lúi húi việc gì bên cạnh. Bỗng thằng bé nhận thấy trong nhà viên thiếu tá mé bên kia đường như nhộn nhịp hẳn lên, nó bảo:

- Ơ hơ, xe của bác Dob… họ đang đẩy ra sân kia.

Chiếc xe này Dobbin mua lại với giá tiền sáu đồng bảng Anh; mọi người vẫn trêu anh ta về chuyện mua rẻ này.

Emmy nghe con nói hơi giật mình, nhưng vẫn yên lặng.

Thằng Georgy lại nói:

- Ơ hơ. Thằng Francis vác va-ly đựng quần áo của bác Dob ra kìa. Còn thằng bồi ngựa chột mắt Kunz thì đang dắt ba con ngựa tồi ở chợ về. Đôi ủng và chiếc áo bành tô vàng của cu cậu nom bảnh quá, thằng cha đến buồn cười. Ô kìa… chúng nó thắng ngựa vào xe của bác Dob. Bác ấy định đi đâu thế nhỉ?

Emmy bảo con:

- Bác ấy sắp đi du lịch xa đấy.

- Đi du lịch à? Thế bao giờ bác ấy về?

Emmy đáp:

- Bác… bác không về nữa đâu.

Thằng Georgy vùng dậy kêu rầm lên:

- Không về nữa!

Joe quát thằng cháu:

- Chạy đi đâu, ông tướng?

Vẻ mặt buồn bã, Amelia bảo con:

- Georgy, ở nhà, con ạ.

Thằng bé đứng lại; nó chạy loăng quăng trong phòng, rồi cứ hì hục hết leo lên bậc cửa sổ lại leo xuống, coi bộ nó hết sức tò mò và bực bội.

Xe đã thắng ngựa, hành lý cũng đã chất xong. Francis từ trong nhà bước ra ôm thanh kiếm, cây gậy trúc và chiếc ô của chủ buộc thành một bó đặt vào trong thùng xe, còn chiếc cặp da và chiếc hộp sắt tây đựng mũ của chủ thì hắn nhét xuống gầm ghế.

Đoạn Francis mới lôi tấm áo choàng cũ rích nhem nhuốc bằng dạ xanh có lót nỉ đỏ của chủ ra; tấm áo này Dobbin dùng đã mười lăm năm nay, nó cũng đã từng trải qua "*trăm trận đánh đông dẹp bắc*", như lời một bài hát phổ biến hồi ấy. Năm xảy ra trận Waterloo, tấm áo còn mới nguyên. Sau đêm hôm xảy ra trận "Bốn cánh tay", Dobbin và George đã cùng khoác chung tấm áo này.

Lão Burcke, chủ khách sạn, từ trong nhà bước ra, rồi đến Francis khuân nốt những hành lý còn lại…

Thiếu tá Dobbin đi sau cùng… Lão Burcke muốn hôn Dobbin để từ biệt. Viên thiếu tá đi đến đâu cũng được mọi người quý mến. Khó khăn lắm Dobbin mới từ chối khỏi phải nhận cách biểu lộ cảm tình quá nồng nhiệt của

ông chủ khách sạn.

Thằng Georgy hét tướng lên: "Giời đất ơi! Cháu cũng đi đây."

Becky dúi vào tay thằng bé mảnh giấy, có vẻ cảm động, bảo nó:

- Đưa cho bác ấy cái này nhé.

Thế là thằng bé lao xuống thang gác, chạy bay qua đường…

Anh bồi ngựa mặc áo vàng đã vút roi nhè nhẹ rồi.

William đã gỡ mình khỏi cánh tay lưu luyến của ông chủ khách sạn, trèo vào trong xe. Thằng Georgy cũng nhảy vào theo; từ trên cửa sổ, ba người nhìn xuống thấy nó giang hai cánh tay ôm ghì lấy cổ viên thiếu tá, liến thoắng hỏi chuyện. Rồi nó móc tay vào túi áo tìm lá thư đưa cho anh ta. William vội vàng cầm lấy, tay run run giở ra đọc, nhưng lập tức anh ta đổi sắc mặt, xé tờ giấy làm đôi quẳng ra ngoài xe. Anh ta hôn vào trán Georgy rồi bảo Francis đỡ thằng bé xuống đất. Nó đưa hai bàn tay lên dụi mắt. Thằng bé cứ bấu chặt lấy thành xe không chịu rời ra.

- "Hô! Đi thôi!"[155]

Anh bồi ngựa mặc áo vàng, quất roi kêu đen đét;

Francis nhẩy phốc lên ghế hậu, thế là chiếc xe chuyển bánh. Dobbin ngồi trong xe gục đầu xuống ngực, xe đi ngang qua cửa sổ phòng Amelia, nhưng anh ta không ngẩng lên. Còn lại một mình thằng Georgy đứng giữa đám đông.

Đêm hôm ấy, chị hầu gái của Amelia lại thấy thằng bé gào khóc ầm ĩ trong phòng. Chị ta phải mang vào cho nó vài quả ô-mai mơ để dỗ nó nín. Nhưng rồi cả hai chị em cùng khóc; thì ra tất cả những người nghèo khổ, những người bị rẻ rúng, những người chân thực, hễ có dịp tiếp xúc với người đàn ông giản dị và tốt bụng này, đều quý anh ta.

Còn Emmy, Emmy chẳng đã làm tròn nhiệm vụ rồi sao? Cô đã có bức chân dung của George an ủi mình.

CHƯƠNG LXVII
CHÂN TƯỚNG CUỘC ĐỜI[156]

Nếu Becky chịu thực hiện ngay kế hoạch giúp đỡ của mình thì mối tình chân thành của Dobbin chắc chắn thế nào cũng được thỏa mãn; nhưng cô ta muốn giữ kín sự bí mật ấy chỉ có một mình mình biết; bởi vì tính cô ta vẫn không quên lo lắng nhiều đến hạnh phúc của người khác hơn là công việc của chính mình; cho nên Becky thấy chuyện hôn nhân của Dobbin cũng không đáng quan tâm bằng bao nhiêu việc khác cần phải thu xếp cho bản thân.

Becky thấy mình bỗng rơi ngay vào một cuộc sống ấm cúng đầy đủ một cách đột ngột không ngờ; cô ta được sống giữa những bạn bè, toàn những người chất phác tốt bụng, trong một bầu không khí thân mật; đã lâu lắm cô ta chưa được hưởng những ngày sung sướng như vậy. Trong cuộc sống phiêu bạt do bị bắt buộc và cũng do sở thích, có những lúc Becky cảm thấy nghỉ ngơi một chút cũng là điều hay; cũng như một người dân Ả rập dày dạn nắng gió nhất vẫn ngồi trên lưng lạc đà đằng đẵng hàng tháng trời đi qua sa mạc, nhiều khi cũng thèm được nghỉ ngơi dưới bóng râm của cây chà-là, bên một giếng nước mát, hoặc cũng ao ước được trở về

thành trì nhìn ngắm những quầy hàng tạp hóa, tắm trong buồng tắm, cầu kinh kính chúa trong các thánh thất, trước khi lại tiếp tục lên đường phiêu bạt. Vậy thì người đàn bà Ixmaen[157] bé nhỏ của chúng ta thấy cuộc sống trong chiếc lều vải với món pi-lô[158] của Joe là khoan khoái vô cùng. Cô ta tạm buộc cương ngựa, treo vũ khí, thoải mái ngồi hơ tay sưởi ấm bên bếp lửa của anh chàng. Một phút dừng chân trong cuộc đời đầy sóng gió bấp bênh đối với cô ta có một cái gì vô cùng êm ái thú vị.

Do bản thân Becky được hài lòng, cho nên cô ta cố gắng làm cho mọi người cùng hài lòng như mình. Chúng ta lại biết rằng về nghệ thuật làm vui lòng người khác Becky vốn là một tay xuất sắc, bao giờ cũng thành công. Riêng đối với Joe, chỉ qua một cuộc trò chuyện ngắn ngủi trong căn phòng xép của khách sạn "Con Voi" cô ta cũng đã tìm được cách phục hồi được phần lớn cảm tình của anh chàng. Một tuần lễ sau, anh chàng Joe đã lại say mê cô ta như điếu đổ, và tự nguyện là kẻ nô lệ của người đẹp. Trước kia, hễ ăn xong là anh chàng đi ngủ, vì thấy câu chuyện của Amelia không hấp dẫn mấy; bây giờ Joe không buồn ngủ nữa. Anh ta cùng Becky giong chiếc xe mui trần đi chơi đây đó. Để làm vui lòng người đẹp, Joe còn tổ chức những cuộc tiếp tân nho

nhỏ, hoặc nghĩ ra đủ thứ trò tiêu khiển khác. Vị đại diện sứ quán Tapeworm, người đã từng bôi nhọ Becky không tiếc lời, bây giờ cũng đến dùng bữa với Joe, và từ đó không ngày nào lão ta không tới thăm Becky. Cô Emmy đáng thương của chúng ta tính vốn ít nói xưa nay, sau khi Dobbin bỏ đi lại càng có vẻ rầu rĩ, lặng lẽ; từ buổi bậc thiên tài xuất sắc kia xuất hiện thế là cô bị mọi người bỏ quên hoàn toàn. Nhà đại diện ngoại giao người Pháp cũng say mê Becky không kém gì tay đối thủ người Anh. Các bà mệnh phụ người Đức vốn không khe khắt mấy trong vấn đề đức hạnh, nhất lại là đức hạnh người Anh, càng ra sức mà hâm mộ trí thông minh của cô bạn duyên dáng của bà Osborne. Becky không hề ngỏ ý muốn được vào chầu trong cung, thế mà không hiểu sao, cả đến những nhân vật tôn quý nhất trong triều cũng biết tiếng cô ta là bậc "hương trời sắc nước", cứ nhất định đòi gặp mặt. Họ lại hay tin Becky thuộc dòng dõi một gia đình thế phiệt lâu đời tại nước Anh, chồng là một trung tá Ngự lâm quân, hiện là Tổng trấn trọng nhậm cả một hòn đảo; sở dĩ vợ chồng xa nhau chỉ vì những chuyện xích mích lặt vặt nó không có nghĩa lý gì trong một nước người ta vẫn thưởng thức tác phẩm Werther[159] và tập "*Những mối đồng cảm siêu nhiên*"[160] của Goethe vẫn được coi là một cuốn sách

luân lý bổ ích. Cho nên không một ai nghĩ rằng nên từ chối không cho phép Becky được tiếp xúc ngay cả với những bậc tai mắt nhất trong giới thượng lưu quý tộc của cái tiểu quốc nhỏ bé này. Các bà người Đức còn sẵn sàng "chị chị em em" xưng hô rất thân mật với Becky, thề suốt đời sẽ giữ cho tình bạn với cô ta luôn luôn khăng khít, hơn cả trước đây họ đã từng hạ cố đối đãi với Amelia. Những người dân Đức chất phác hồn nhiên này hiểu hai chữ "Tình yêu và Tự do" theo một nghĩa có hơi khác với mấy người dân xứ Yorkshire và Somersetshire; tại một số thành phố, nhân dân văn minh và có đầu óc triết học đến mức một bà mệnh phụ có thể tuỳ thích liên tiếp ly dị với tất cả các đời chồng trước sau, mà vẫn cứ được kính nể trong xã hội thượng lưu như thường.

Từ khi Joe ở riêng đến nay, chưa bao giờ căn nhà của anh ta vui vẻ được như hồi này; ấy là nhờ sự có mặt của Becky. Cô ta hát, cô ta chơi dương cầm, cô ta cười, rồi cô ta nói chuyện bằng hai ba thứ tiếng khác nhau. Khách khứa bị Becky hấp dẫn đến nhà đông như hội. Cô ta làm cho Joe cứ tưởng rằng chính vì mình thông minh và có tài trong khoa xã giao nên mới thu hút được giới thượng lưu quây quần quanh mình như vậy.

Riêng Emmy cảm thấy bây giờ địa vị chủ gia đình của

mình chỉ còn tồn tại trong công việc thanh toán các hóa đơn chi tiêu.

Nhưng Becky cũng tìm ngay được cách an ủi cô và làm cho cô vui lòng. Becky luôn luôn gợi chuyện nói về Dobbin vì có việc gấp phải đi xa. Becky cũng không ngần ngại lớn tiếng ca tụng Dobbin là người có tâm hồn cao thượng, lại trách Emmy đã cư xử quá tàn nhẫn.. Emmy tự biện hộ cho hành động của mình; cô nói rằng mình hành động như vậy chỉ vì muốn tuân theo những nguyên tắc giáo lý thiêng liêng nhất; cô nói thêm rằng một người đàn bà đã có cái diễm phúc được làm vợ một vị thiên thần như mình thì suốt đời chỉ có một người chồng mà thôi. Tuy vậy Emmy cũng không phản đối việc Becky ca tụng Dobbin, và ngày nào cô cũng tìm cách lái câu chuyện giữa hai chị em về những vấn đề liên quan đến anh chàng thiếu tá có đến hàng chục lần.

Rebecca lấy được cảm tình của thằng Georgy và bọn gia nhân trong nhà rất dễ; chúng ta đã biết rằng chị hầu gái của Amelia rất quý viên thiếu tá tính tình rộng lượng. Mới đầu chị này cũng ghét Becky, chỉ vì tại cô ta mà Dobbin phải xa bà chủ của chị. Nhưng về sau thấy Becky tỏ thái độ rất kính mến Dobbin, luôn luôn bênh vực anh chàng, thì chị Payne sẵn lòng tha thứ ngay. Sau những buổi tiếp tân, đôi bạn gái hay ngồi tâm sự với

nhau; những lúc ấy chị Payne vừa đứng chải mái tóc vàng óng của Becky và mái tóc nâu mềm mại của Amelia, vừa mạn phép xen vào vài lời ca ngợi viên thiếu tá tốt bụng. Việc Rebecca tán dương Dobbin cũng như những lời chị hầu gái bênh vực anh chàng không hề làm Amelia cảm thấy khó chịu. Cô bảo thằng Georgy viết thơ cho Dobbin luôn, và lần nào cũng bắt con ghi bằng được trong phần tái bút rằng mẹ nó có lời hỏi thăm. Nhìn lên bục chân dung của George, cô không thấy chồng nhìn mình có ý trách móc như trước nữa… có lẽ bây giờ Wiham bỏ đi rồi, chính cô lại muốn trách bức chân dung.

Thật ra sau cử chỉ hy sinh phi thường ấy, Emmy không cảm thấy sung sướng lắm. Cô trở thành *lơ đãng* [161], hơi nóng nảy, ít nói, nét mặt lúc nào cũng rầu rầu. Chưa bao giờ, mọi người trong nhà thấy cô khó tính như vậy. Sắc mặt cô tái nhợt đi, người như ốm yếu. Cô bỗng có thói quen hay hát những bài trước kia anh chàng thiếu tá rất ưa nghe (trong số ấy có bài "*Tôi sống lẻ loi, nhưng không cô độc*"[162] một bản tình ca của Weber; bài tình ca dịu dàng êm ái này, thưa các bà, chứng tỏ rằng hồi các bà mới lọt lòng mẹ, tổ tiên chúng ta cũng biết yêu và biết hát hay lắm rồi), và nhiều lần, ngồi trong phòng khách lúc hoàng hôn, cô đang khe khẽ hát, nửa

chừng bỗng ngừng bặt đứng lên bỏ về phòng riêng của mình; những lúc ấy chắc hẳn cô muốn tìm sự che chở nơi tấm chân dung của người chồng quá cố.

Dobbin đi nhưng còn để lại vài cuốn sách của mình, trong có đề tên anh, thí dụ như cuốn từ điển tiếng Đức, trên trang đầu có ghi "Wlliam Dobbin, trung đoàn thứ…", một cuốn sách hướng dẫn du lịch có viết tắt tên họ anh và một hai cuốn sách khác lấy trong tủ sách riêng của anh ta. Emmy nhặt tất cả xếp cẩn thận vào các ngăn kéo chiếc bàn, cùng với chiếc hộp đựng đồ may, cuốn kinh thánh, ngay mé dưới hai tấm chân dung của cha con thằng Georgy. Dobbin vội đi quên không mang theo đôi bao tay của mình. Một hôm, thằng Georgy lục tủ của mẹ nó, thấy bao tay bọc cẩn thận cất trong cái ngăn kéo đặc biệt, hai mẹ con vẫn gọi là cái "ngăn kéo" bí mật.

Tính Emmy không ưa thù tiếp khách khứa; phải ngồi chịu chuyện cô rất chóng chán. Những buổi mùa hạ, cô thích nhất là dắt thằng Georgy đi dạo mát thật lâu, để mặc Rebecca ở nhà cùng Joseph tiếp khách. Ấy là những lúc hai mẹ con tha hồ nói chuyện. Emmy bảo con trai rằng thiếu tá Dobbin là người tốt nhất đời, lịch sự nhã nhặn nhất đời, dũng cảm và khiêm tốn nhất đời. Cô nhắc đi nhắc lại với con rằng tất cả mọi thứ hai mẹ con

có trên đời này đều nhờ ở sự lo lắng chu đáo của người bạn cao quý ấy cả. Hồi gia đình lâm vào cảnh hoạn nạn túng thiếu, mọi người đều tìm cách xa lánh, riêng Dobbin vẫn tận tình săn sóc cho hai mẹ con; Dobbin không hề bao giờ đem những việc làm cao quý của mình ra khoe khoang, nhưng bè bạn ai cũng kính mến; chính George trước kia cũng tin Dobbin hơn tất cả mọi người khác, tình bạn giữa hai người vẫn luôn luôn khăng khít. Cô bảo con:

- Hồi ba con còn nhỏ, ba con thường nới chuyện với má rằng bác Dobbin hay bênh ba con khỏi bị một thằng bạn học quỷ sứ trong trường bắt nạt. Từ ngày ấy cho đến phút ba con bất hạnh nằm xuống tình bạn giữa hai người không bao giờ phai nhạt.

Georgy hỏi mẹ:

- Thế bác Dob có giết chết cái thằng đã giết ba con không? Chắc bác giết chết nó rồi, hoặc giả bắt được bác cũng xử tử nó, phải không má? Bao giờ con vào quân đội, con sẽ giết hết tụi Pháp, giết hết.

Cứ thế, hai mẹ con thủ thỉ nói chuyện với nhau suốt buổi dạo mát. Người đàn bà chất phác này lấy ngay đứa con trai làm bạn tâm tình. Đối với Dobbin, thằng bé là một người bạn chí thiết, cũng như bất cứ ai có dịp biết rõ anh. Becky cũng không chịu thua kém về mặt đa

cảm; cô ta lôi đâu ra một bức chân dung nhỏ đem treo lên tường phòng ngủ của mình; nhiều người thấy thế vừa ngạc nhiên, vừa buồn cười. Riêng anh bạn Joe của chúng ta tức là người được vẽ trong tranh, lấy làm hài lòng lắm lắm. Lần dọn đến ở cùng gia đình Sedley, Becky mang theo một số hành lý quá ít ỏi và trông cũng tồi tàn; cô ta có ý hơi ngượng về điều này, cứ luôn miệng nhắc tới số hành lý còn gửi lại Leipzig chưa đem về. Thưa các vị, hễ ta gặp một du khách nào cứ luôn mồm khoe khoang rằng hành lý của mình rất sang trọng, nhưng hiện nay còn để ở chỗ khác chưa tiện đem theo, thì ta phải coi chừng vị khách quý này ngay; có thể đánh cuộc với bạn mười ăn một rằng hắn là một tên đại bợm.

Nhưng cả Joe và Emmy không ai biết châm ngôn quan trọng này. Đối với họ, việc Becky còn nhiều áo đẹp cất trong những chiếc rương vô hình nào đó, không phải là chuyện đáng quan tâm lắm.

Thấy hiện nay cô ta ăn bận thiểu não quá, Emmy đưa áo của mình cho bạn mặc, hoặc đem bạn đến những hiệu may khéo nhất tỉnh để cắt áo. Bây giờ ta có thể yên trí rằng Becky không còn phải đeo lõng thõng những mảnh lụa bạc phếch trên người, với một cái cổ áo nhầu nát nữa. "Nhập gia tuỳ tục", Becky thay đổi luôn cả những thói quen cũ… Cô ta cất kín bình phấn đi không

dùng đến nữa… đồng thời cũng tạm thời ly biệt với một thứ kích thích khác mà cô ta vẫn ưa dùng, hoặc ít nhất thì cũng chỉ dám dùng giấu giếm gọi là. Thỉnh thoảng, những buổi tối đẹp trời mùa hạ, trong khi Emmy cùng con trai đi dạo mát, Joe hay ép cô ta dùng một chút rượu mạnh pha thêm nước. Nhưng nếu Becky không muốn uống rượu nữa, thì bác hầu việc uống, Bác Kirsch lúc nào cũng kè kè chai rượu; mà hễ bác đã đưa chai rượu lên mồm tu thì không bao giờ biết thế nào là vừa đủ. Nhiều khi chính bác cũng lấy làm lạ không hiểu nổi tại sao số rượu cô-nhắc của chủ lại vợi đi quá nhanh như vậy? Đúng đúng, nghiện rượu cũng là điều gay. Bây giờ Becky cũng không ưa say sưa lắm như hồi cô ta chưa đặt chân vào cái gia đình nền nếp này.

Cuối cùng, số hành lý Becky vẫn lớn tiếng quảng cáo đã từ Leipzig gửi đến. Tất cả gồm ba cái rương, không to mà cũng chẳng có vẻ gì là lộng lẫy. Mà hình như Becky cũng chẳng lấy được ở những cái rương ấy ra một bộ áo hay một vật trang sức nào thì phải. Nhưng cô ta hý hửng lấy trong một cái rương có đựng một mớ giấy má lộn xộn, ra một bức tranh đem treo trong phòng của mình, rồi mời Joe vào xem. (Tức là cái rương đã bị Rawdon Crawley lục tung ra hồi trước để tìm số tiền cô vợ giấu kín làm vốn riêng).

Bức tranh vẽ một ông sang trọng cưỡi trên lưng voi, nền cảnh là một mái chùa và vài cây dừa ở phía xa. Đó là phong cảnh phương đông; tranh vẽ chì; mặt ông sang trọng có hân hạnh được tô thuốc màu hồng.

Joe reo ầm lên:

- Cầu chúa che chở cho linh hồn tôi, đúng là bức tranh vẽ tôi đây.

Quả có thế, người trong tranh chính là Joe, nom thật trẻ trung tươi tỉnh, bận áo may bằng vải Nam kinh theo kiểu năm 1804.

Ngày trước bức tranh này vẫn treo trong tòa nhà ở khu phố Russell.

Becky giọng run run như bị xúc động mạnh, nói:

- Em mua bức tranh này đấy. Em đến chỗ bán đấu giá định xem có thể giúp đỡ gì được những người bạn không may của mình chăng. Từ hồi ấy đi đâu em cũng đem theo bức tranh này… Em sẽ không bao giờ xa nó.

Joe say sưa nhìn Becky, tỏ vẻ hết sức hài lòng:

- Có thật không? Có thật cô quý bức tranh ấy là vì tôi không?

Becky đáp:

- Thì anh cũng biết đấy; nhưng nói ra làm gì nữa…

chẳng nên nghĩ đến… chuyện đã qua ta chẳng nên nhắc lại làm gì… bây giờ đã quá muộn rồi.

Câu chuyện buổi tối hôm ấy làm cho Joe khoái lắm. Emmy trở về nhà trong người cảm thấy mệt mỏi, khó ở; cô đi nằm ngay. Còn lại Joe và người khách kiều diễm ngồi nói chuyện với nhau mãi đến khuya. Cô em gái nằm trằn trọc trong căn phòng kề bên nghe rõ tiếng Rebecca hát những bài hát năm 1815 cho Joe nghe.

Hồi này đúng tiết tháng sáu; thành phố Luân-đôn đang trong mùa hội, Joe rất chăm chú đọc báo. Galignani (người bạn vô cùng quý báu của kẻ xa quê hương). Mỗi bữa ăn sáng, anh ta đem những tin tức đăng trong báo kể lại cho hai người đàn bà nghe.

Hàng tuần, tờ báo lại đăng một bài tường thuật đầy đủ những biến chuyển về quân sự trong nước. Với tư cách là một người đã từng tham dự chiến trận. Joe hết sức quan tâm đến mục này. Một lần, anh ta đọc cho mọi người nghe một tin như sau:

"Trung đoàn thứ… Hồi hương Gravesend, ngày hai mươi tháng sáu. Chuyến tàu Ramchunder, tàu riêng của Công ty Đông Ấn, sớm nay đã cặp bến sông Thames, đem theo 14 sĩ quan cùng 132 hạ sỹ quan và binh sĩ thuộc đơn vị quân đội anh dũng này. Họ xa cách nước Anh đã mười bốn năm nay. Họ đã đóng góp một phần

quan trọng trong trận Waterloo oanh liệt; sau năm ấy, họ lên đường, và về sau lại đã chiến đấu rất anh dũng trong cuộc chiến tranh ở Miến điện. Vị đại tá kỳ cựu tức, là tôn ông Michael O'Dowd, hiệp sĩ tuỳ giá, cùng phu nhân và lệnh muội, hôm qua đã rời tàu lên bộ với các đại uý Posky, Stubble, Macraw, Malony; các trung uý Smith, Jones, Thompson, F. Thomson; các thiếu uý cầm cờ Hicks và Grady. Đội quân nhạc đón sẵn trên kè đá cử quốc thiều, quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh đoàn chiến sĩ tinh nhuệ dũng cảm trong khi họ tiến về phía khách sạn Wayte. Tại đây một bữa tiệc long trọng được tổ chức sẵn để đón tiếp những người con đã đem sức mình ra bảo vệ đất nước Anh cổ kính. Khỏi phải nói, các bạn cũng rõ bữa tiệc đã được khách sạn Wayte tổ chức long trọng thế nào. Trong khi bữa tiệc đang tiến hành, quần chúng bên ngoài tiếp tục hò reo sôi nổi; đại tá O'Dowd và phu nhân đã bước ra bao lơn khách sạn nâng cốc đầy tràn thứ rượu hảo hạng nhất của khách sạn Wayte để chúc sức khỏe của đồng bào."

Một lần khác, Joe đọc một tin ngắn sau đây:

"Thiếu tá Dobbin đã trở về trung đoàn tại Chatham. Sau đó thiếu tá lại đến triều kiến tại Cung khánh tiết của Hoàng gia (do Malloy Malony Ballymalony phu nhân tiến dẫn) cùng cô Glorvina O'Dowd (do O'Dowd phu nhân

tiến dẫn).”

Ngay sau đó, lại thấy báo đăng tên Dobbin trong danh sách những trung tá. Vì trong cuộc hồi hương, khi trung đoàn rời Madras về Anh, vị thống chế già Tiptoff đã từ trần. Hoàng đế đã gia ân thăng đại tá O’Dowd lên chức trung tướng, đồng thời vẫn lưu ông giữ chức vụ chỉ huy trưởng danh dự của trung đoàn thứ… là đơn vị quân đội xuất sắc đã bao năm nay đặt dưới quyền chỉ huy của ông.

Amelia cũng đã được biết những tin tức này. Giữa Georgy và Dobbin người cha đỡ đầu của nó, vẫn luôn luôn có thư từ đi lại.

Từ ngày bỏ đi đến nay, Dobbin cũng viết thư gửi cho Amelia một hai lần, nhưng lời lẽ trong thư rất lạnh lùng, đủ khiến cho người đàn bà đáng thương cảm thấy rõ ràng rằng bây giờ mình chẳng còn uy quyền gì đối với người đàn ông kia nữa, và đúng như lời Dobbin nói, anh ta đã lấy lại được tự do. Dobbin đã bỏ Amelia mà đi; cô cảm thấy khổ sở quá. Hầu như bao nhiêu kỷ niệm vô vàn không đếm xuể về những sự giúp đỡ, về thái độ bao dung cao quý và thân ái của Dobbin, ngay đêm trở lại dày vò trách móc Amelia.

Xưa nay tính cô vẫn hay ngồi trầm ngâm suy nghĩ về những chuyện quá khứ; bây giờ cô càng thấy rõ mình đã

chơi đùa với một tấm tình vô cùng tinh khiết và đẹp đẽ; cô tự trách mình quá dại dột đã vứt bỏ mất một kho tàng vô giá như vậy.

Bây giờ thôi thế là hết hẳn. Dobbin đã mệt mỏi quá rồi. Anh ta cảm thấy mình không sao còn có thể yêu được Amelia như trước kia đã yêu. Tình yêu ấy không bao giờ còn lấy lại được nữa. Đã bao năm nay, anh ta kiên trì theo đuổi Amelia với một tấm tình chân thành; tấm tình ấy đã bị những hờ chà đạp nên không thể hàn gắn lại nguyên vẹn được mà không để lại vết sẹo nào. Nó đã bị người đàn bà nhỏ bé nhưng tàn bạo kia phá hoại mất rồi. William đã phải nhiều lần đắn đo suy nghĩ: "Chẳng qua chính ta đã lừa dối, và ta cứ cố đắm chìm trong sự lừa dối. Nếu Emmy thật xứng đáng với mối tình của ta thì đã yêu ta từ lâu mới phải. Ta đã đeo đẳng mãi một sự lầm lẫn. Vả lại xét cho cùng, cả cuộc đời người ta chẳng phải là dệt bằng một chuỗi ảo tưởng đó sao? Ví thử ta được Emmy yêu, liệu sau khi được thỏa mãn rồi, ta có bị thất vọng hay không? Vậy tại sao ta lại than thở hoặc xấu hổ vì thất bại nhỉ?" Dobbin càng nghĩ đến khoảng thời gian dài đằng đẵng vừa qua, càng nhìn thấy rõ ràng là mình đã tự lừa dối mình. Anh chàng lẩm bẩm: "Mình sẽ lại đeo đẳng cái kiếp nặng nợ kia vậy; mình sẽ làm tròn nhiệm vụ Thượng đế đã trao cho. Mình sẽ lại trở về

kiểm tra khuy đồng trên áo lính có bóng hay không, xem các viên trung sĩ làm báo cáo có nhầm lẫn hay không? Vậy mình sẽ dùng bữa tại quán ăn nhà binh, và nghe mấy viên sỹ quan thày thuốc người xứ Scotch tán chuyện gẫu. Bao giờ đến tuổi già nua ốm yếu, mình sẽ về vườn, lĩnh phụ cấp nửa lương; mấy bà chị sẽ tha hồ mà dằn vặt. Nhưng thế cũng là mình đã *yêu và đã sống*[163], như lời người con gái trong tập Wallensten[164]. Thế là hết.

Francis, tính tiền mang trả đi, và đem thêm một điếu xì-gà ra đây. Này, hỏi xem tối nay rạp hát họ có diễn không? Ngày mai chúng ta sẽ vượt eo biển trên tàu Batavier".

Dobbin vừa đi đi lại lại trên kè đá ở Rotterdam vừa lẩm bẩm nói một mình mấy câu trên nhưng Francis chỉ nghe rõ hai câu cuối cùng. Chiếc Batavier đang đậu trong bến kia. Dobbin còn nhìn thấy trên boong tàu chỗ anh ta và Emmy vẫn hay ngồi trong cuộc du lịch đầy hạnh phúc vừa qua. "Không biết cái mụ vợ Rawdon Crawley kia định nói với mình cái gì nhỉ? Chậc! Ngày mai thì vượt bể, lại về nước Anh, về với gia đình và nhiệm vụ!".

Hàng năm cứ qua tháng sáu, cái xã hội quý tộc nhỏ bé của triều đình Pumpernickel vẫn thường đi nghỉ mát tại vô số những bãi bể, đúng theo phong tục của người

Đức. Tại đây, họ uống nước suối, họ cưỡi lừa đi chơi; họ đánh bài ngay trong những khu *giải trí công cộng*[165], nếu họ có tiền và thèm giải trí; họ lũ lượt kéo nhau đến chè chén tại các khách sạn; và cứ thế mùa hè trôi qua một cách thoải mái: Các nhà ngoại giao người Anh đi Teoplitz và Kissingen; các tay đối thủ người Pháp cũng đóng cửa sứ quán lại tìm về Đại lộ de Gand thân yêu của họ. Cả gia đình ngài quận công đang tại vị hoặc cũng đi nghỉ mát tại những nơi có suối nước, hoặc đi săn. Bất cứ ai, hễ đã gọi là biết học đòi phép lịch sự tý chút, là phải đi nghỉ mát; dĩ nhiên trong số này có cả von Glauber tiên sinh, tức là vị lương y của triều đình, cùng nam tước quý phu nhân. Cứ kể trong mùa nghỉ mát các thầy thuốc cũng phát tài thật. Glauber tiên sinh kết hợp việc làm ăn với trò giải trí; địa điểm chủ yếu của ông ta là Ostend; chỗ này người Đức đến đông, và cũng là nơi hai vợ chồng ông ta, theo lời nói của chính ngài lương y, ném mồi xuống bể bắt cá.

Joe là một bệnh nhân lý thú của ông ta; viên thầy thuốc coi anh chàng là một con bò sữa; ông Glauber thuyết phục Joe rất dễ dàng khiến cho anh ta yên trí rằng muốn bảo vệ sức khỏe của mình và của cô em gái xinh đẹp (quả thực sức khỏe của Amelia hồi này sút tợn) thì nhất định phải đến sống tại cái thành phố ven biển

gớm ghiếc này qua mùa hạ. Đi đâu thì đi, Emmy chả cần quan tâm lắm; Georgy thấy được thay đổi không khí thì mừng quá nhảy cỡn lên.

Lẽ dĩ nhiên, Becky cũng chiếm một ghế trong chiếc xe ngựa đồ sộ đẹp đẽ của Joe; còn hai anh người làm thì ngồi trên ghế đằng trước.

Rất có thể đến Ostend, Becky sẽ chạm trán với một số bạn cũ và biết đâu họ chẳng bới chuyện riêng của cô ra để bêu xấu; nhưng, cần quái gì! Becky cũng đủ khôn ngoan chán để đương đầu với họ. Cô ta đã cột cái mỏ neo vào Joe khá chắc chắn; phải có một cơn bão thật ghê gớm mới hòng lay chuyển nổi. Câu chuyện bức tranh cưỡi voi đủ làm cho cậu chết đứ đừ rồi còn gì. Becky tháo bức tranh xuống, xếp vào trong chiếc hộp con Amelia tặng cô từ hồi đã lâu lắm rồi.

Emmy cũng mang theo hai vị thần hộ mệnh của mình tức là hai tấm chân dung – cả bàu đoàn cùng trọ tại một ngôi nhà thật đắt tiền, nhưng cũng rất thiếu tiện nghi tại Ostend.

Đến nơi, Amelia tắm bể ngay; quả thật khí hậu vùng bể đã ảnh hưởng tốt đến sức khỏe của cô như lòng mong đợi. Becky gặp lại khá nhiều người quen; họ có nhìn thấy cô ta nhưng đánh bài lờ như không hề quen. Amelia cũng thường hay đi chơi với Becky, nhưng vì

chẳng biết họ là ai, nên cũng không hề ngờ rằng người bạn tâm tình mình đã lựa chọn một cách đích đáng đang bị người khác đối xử một cách khác thường. Quả thực Becky thấy không nên giải thích gì về những sự việc đang xảy ra trước con mắt vô tình của người bạn gái.

Tuy nhiên một vài người bạn cũ của Rebecca lại sẵn sàng về vập cô ta – có lẽ quá về vập so với điều Becky mong đợi nữa. Trong số này có thiếu tá Loder (đã về vườn) và đại uý Rook (nguyên sĩ quan thuộc cơ binh súng trường). Ngày nào cũng thấy hai anh chàng này phất phơ trên kè đá, mồm phì phèo thuốc lá, mắt cứ chằm chằm nhìn đàn bà con gái. Chẳng mấy chốc họ đã len vào được đám khách khứa chọn lọc của Sedley. Nói cho đúng thì Joe muốn từ chối họ cũng chẳng được; họ cứ xông vào tận trong nhà, dù Becky có đấy hay không cũng mặc; họ vào tận phòng khách riêng của Amelia đem cái mùi khói thuốc nồng nặc toát ra từ bộ ria mép và bộ áo; họ thân mật gọi Joe là "ông bạn", rồi chiếm lấy một ghế tại bàn ăn, ngồi lỳ hàng giờ, mà nốc rượu, mà cười nói thỏa thích.

Thằng Georgy không ưa hai ông khách quý này. Nó bảo mẹ:

- Thế là nghĩa lý quái gì? Hôm qua con nghe thấy ông thiếu tá bảo bà Crawley thế này: "Không được, không

được, Becky, cô không thể giữ khư khư lấy "ông bạn" cho một mình cô đâu. Phải cho chúng tôi chấm mút một tý chứ, nếu không được ăn tôi đạp đổ, ông ta muốn nói cái gì thế, hả má?

Emmy đáp:

- Đừng gọi hắn là thiếu tá, con ạ. Còn chuyện họ định nói gì thì má chịu, không hiểu đâu.

Sự có mặt của bọn giang hồ này trong nhà làm cho người đàn bà bé nhỏ kinh sợ và ghê tởm. Hễ cùng ngồi ăn với Amelia là họ lè nhè giọng rượu lên tiếng chúc tụng, hoặc cứ ra sức mà liếc tình. Viên đại uý có thái độ đặc biệt săn đón, khiến cho cô phát hoảng; từ đó Amelia không dám giáp mặt thằng cha, trừ phi có Georgy đi theo.

Công bằng mà nói thì Rebecca cũng không chịu để cho hai người này ngồi một mình với Emmy bao giờ. Viên thiếu tá thì chưa có nơi đính ước; hắn thề rằng sẽ chiếm bằng được trái tim Emmy.

Hai tên lưu manh này đang tranh nhau miếng mồi ngon là người đàn bà ngây thơ; chúng đem cô ra đánh bạc ngay trên bàn của cô. Mặc dù Amelia không hiểu hai tên bợm dự định những gì về mình, nhưng tự nhiên trước mặt chúng, cô vẫn cảm thấy khó chịu và sợ hãi:

cô muốn bỏ đi ở nơi khác. Cô đã khẩn khoản xin Joe trở về Anh, nhưng vô ích. Joe không ưa thay đổi luôn chỗ ở; anh ta đã bị cột chặt vào ông thầy thuốc rồi, và không biết chừng còn bị một sợi dây khác sỏ mũi nữa. Ít nhất thì Becky cũng không đời nào muốn trở về Anh.

Cuối cùng Amelia đã có một quyết định mạnh bạo; cô đã bước một bước dài. Cô viết cho người bạn ở bên kia eo biển một lá thư, rồi lẳng lặng không nói cho ai biết, giấu dưới tấm khăn san đem ra phòng bưu điện gửi. Cô cũng không để lộ ra một vẻ gì khác thường, chỉ có lúc gặp lại Georgy, cô hơi đỏ mặt và có ý bối rối. Đêm hôm ấy, cô hôn Georgy mãi, và cứ quanh quẩn bên thằng bé. Gửi xong lá thư, cô trở về nhà đóng kín cửa phòng lại không ra ngoài. Becky cho rằng tại thiếu tá Loder và viên đại uý làm cho cô bạn hoảng sợ.

Becky suy tính một mình: "Thế này thì cô ả không thể ở đây được nữa rồi. Đến phải cho con bé ngớ ngẩn này đi nơi khác mới xong. Cô ả vẫn cứ khăng khăng thương nhớ mãi cái anh chồng "dở người" đã chết đến mười lăm năm nay (hắn chết thật đáng kiếp). Cô ả không thể lấy bất cứ người nào trong hai anh chàng này làm chồng. Loder sỗ sàng quá. Thôi được. Cô ả sẽ ăn đời ở kiếp với anh chàng gậy trúc kia vậy. Đêm nay mình sẽ thu xếp việc này cho xong".

Quyết định rồi, Becky bưng một tách nước trà vào phòng riêng của Amelia; cô ta thấy bạn đang ngồi nhìn hai tấm chân dung dáng điệu hết sức buồn bã băn khoăn. Becky đặt tách nước trà xuống.

Amelia nói:

- Cảm ơn chị.

Becky vừa đi đi lại lại trong phòng trước mặt Amelia, vừa nhìn bạn với con mắt dịu dàng nhưng có pha chút khinh bỉ, rồi nói:

- Chị Amelia, em bảo này. Em có câu chuyện muốn nói cùng chị. Chị cần đi nơi khác: chị không the sống ở đây với thái độ hỗn xược của bọn đàn ông kia đâu. Em không muốn chị bị chúng quấy rầy mãi; nếu chị còn ở đây, thế nào cũng có ngày bị chúng làm nhục. Em nói thực với chị rằng chúng là những tên lưu mạnh, đáng đem bỏ tù. Chị cũng đừng nên băn khoăn tại sao em quen biết chúng. Em quen biết tất cả thiên hạ. Joe yếu đuối quá, không đủ sức che chở cho chị đâu; chính anh ấy cũng đang cần được người khác che chở. Chị chỉ như một đứa trẻ còn phải ẵm bế, không đủ tư cách va chạm với cuộc đời. Chị cần có một người chồng; nếu không thì cả chị và đứa con trai yêu quý sẽ hỏng cả cuộc đời. Chị dại dột lắm; chị cần đi bước nữa. Em thấy có một người đàn ông quý báu nhất đời, đã hàng trăm lần muốn

dâng chị mối tình chân thật mà chị nhất định cưỡng lại; chị là một kẻ vô tình, vô ơn, và thật là ngốc.

Amelia giọng van lơn đáp:

- Chị Rebecca ạ, em đã thử… em đã cố hết sức em. Nhưng em không sao quên nổi…

Cô vừa nói hết câu, vừa ngước nhìn tấm chân dung trên tường.

Becky kêu lên:

- Không sao quên được anh ấy chứ gì? Cái anh chàng ích kỷ và giả dối, cái anh chàng công tử bột lèm bèm ấy trí tuệ chả có, tâm hồn cũng không; so với người bạn hay chống cây gậy trúc của chị, anh ta khác xa một trời một vực, như chị so với nữ hoàng Elizabeth. Thế nào, chị không biết rằng anh chàng đã chán chị à? Nếu không có Dobbin buộc phải giữ lời hứa thì anh ta đã bỏ rơi chị rồi. Anh ta thú thực với em như vậy. Anh ta có buồn để ý đến chị bao giờ đâu. Nói chuyện với em, anh ta vẫn hay lấy chị ra diễu cợt; đã vô khối lần như vậy. Mới lấy chị được tuần lễ, anh ta đã tán tỉnh em rồi đấy.

Amelia đứng phắt dậy, kêu to:

- Đồ nói điêu! nói điêu!

Becky vẫn vui vẻ đáp, như có ý khiêu khích:

- Chị nỡm ơi, hãy mở mắt ra mà nhìn đây này.

Cô ta vạch thắt lưng lấy một mảnh giấy nhỏ mở ra rồi ném vào lòng Amelia. Becky nói thêm:

- Chị còn nhớ nét chữ của anh ta chứ. Thư anh ta viết cho em đấy định rủ em đi trốn… mà anh ta trao lá thư này cho em ngay trước mũi chị, cái đêm trước hôm anh ta bị chết trận ấy… Cũng đáng kiếp!

Emmy không nghe thấy bạn nói gì nữa. Cô nhìn trân trân vào mảnh giấy. Chính là lá thư George đã gài vào bó hoa đưa tặng Becky trong buổi dạ hội do quận công Richmond tổ chức. Đúng như lời Becky nói, anh chàng ngu xuẩn rủ cô ta đi trốn thật.

Emmy gục đầu xuống ngực, và có lẽ trong cuốn truyện này đây là lần cuối cùng cô khóc. Cô cúi xuống đưa hai tay lên ôm lấy mặt. Có đến một lúc lâu Emmy ngồi yên như vậy để cho dòng tình cảm của mình tự do trào ra; Becky đứng bên lặng lẽ nhìn bạn. Ai có thể hiểu thấu được ý nghĩa của những dòng nước mắt này? Emmy khóc vì buồn hay vì vui? Phải chăng cô đau đớn vì thấy cái thần tượng mình kính cẩn thờ phụng một đời bỗng chốc đổ vỡ tan tành từng mảnh dưới chân, hay cô uất ức vì tấm chân tình của mình bị ruồng rẫy? Hay là cô khóc vì vui sướng, bởi lẽ từ nay bức tường do sự e lệ dựng lên ngăn cô với mối tình mới, một mối tình chân

chính, đã bị phá đổ hẳn? Amelia nghĩ thầm. "Bây giờ chẳng còn gì ngăn cấm được mình nữa. Bây giờ mình có thể yêu anh ấy với hết cả tâm hồn. Ôi, nếu anh ấy vui lòng cho phép mình, vui lòng tha thứ cho mình, thì mình sẵn sàng…".

Tôi tin rằng đó là ý nghĩ chủ yếu đang choán lấy cái tâm hồn bé nhỏ dịu dàng kia.

Quả thật, Emmy cũng không khóc lâu như Becky dự đoán…

Becky cúi xuống hôn bạn, vuốt ve bạn; đã lâu lắm mới lại thấy cô ta có cử chỉ thân mật này. Becky vuốt ve Amelia như an ủi một đứa trẻ. Cô ôm lấy đầu bạn, bảo:

- Thôi bây giờ đi lấy giấy bút, viết thư bảo anh ấy về ngay lập tức đi.

Emmy đỏ bừng mặt đáp: "Em… em đã viết thư cho anh ấy sáng nay rồi."

Becky phá ra cười, rồi vui vẻ hát ầm lên như Rosina: "*Tại đây có một phong thư*"[166]. Tiếng hát, thanh thanh của cô ta vang khắp nhà.

Sau buổi xảy ra câu chuyện trên hai ngày, Emmy dậy thật sớm, nhất định đòi đưa Georgy ra kè đá, mặc dầu hôm ấy trời mưa tầm tã gió thổi mạnh; đêm hôm trước,

cô thao thức không sao ngủ được, cứ nằm trằn trọc nghe gió rít từng cơn bên ngoài mà thầm thương những khách bộ hành và những kẻ còn lênh đênh sông nước. Emmy đi trên đê, mặc cho nước mưa xối vào mặt, đăm đăm nhìn về phía tây xa tắp qua làn biển thẳm, sau những đợt sóng dữ dội cuồn cuộn tràn vào bờ, và tan đi dưới làn bọt trắng như bông.

Cả hai mẹ con cùng yên lặng; chỉ thỉnh thoảng thằng bé nói với mẹ vài lời khuyến khích và thông cảm.

Emmy bảo con:

- Sóng gió thế này, giá hôm nay đừng sang thì hay.

Thằng bé đáp:

- Con đánh cuộc mười ăn một, thế nào bác cũng sang. Má nom, đằng kia có khói tàu.

Đúng có khói tàu thật. Nhưng biết đâu "anh ấy" chẳng không nhận được thư… biết đâu "anh ấy" chẳng không muốn trở lại…

Hàng trăm nỗi lo lắng liên tiếp nhau ùa đến tâm trí Emmy, như những đợt sóng theo nhau lướt tới va vào kè đá.

Chiếc tầu dần dần hiện rõ. Georgy đem theo một chiếc ống nhòm rất đẹp; nó khéo léo điều chỉnh thế nào

nom thấy con tàu rõ mồn một. Thằng bé vừa nhìn con tàu nhấp nhô trên mặt sóng, vừa lên tiếng bình phẩm cách con tàu từ từ tiến vào bến. Lập tức người ta kéo lên trên cột cờ của bến tàu một lá cờ hiệu báo tin có một chiếc tàu Anh sắp cặp bến. Có thể nói tâm hồn Amelia cũng đang phấp phới reo múa như lá cờ.

Emmy cầm lấy ống nhòm hướng qua vai Georgy nhìn thử, nhưng không nom thấy gì. Cô chỉ nhận ra được một mảng đen đen đang nhấp nhô trước mắt.

Georgy lại cầm ống nhòm hướng về con tàu, và reo lên:

- Nó chòng chành gớm chưa kia. Có một đợt sóng vừa va vào thành tàu. Trên boong chỉ có hai hành khách với hoa tiêu… một người nằm, còn một người… choàng tấm áo… cái áo… hoan hô! Đúng bác Dobbin rồi, lạy chúa!

Nó đóng sập chiếc ống nhòm lại, giang hai tay ôm chầm lấy mẹ nó. Còn Emmy thì sao? Chúng ta chỉ cần mượn lời thơ sau đâu của một thi sĩ nổi danh: *Mừng vui đến rơi lệ*[167]. Emmy chắc chắn đích là William rồi, còn ai vào đấy nữa. Ban nãy cô tỏ ý mong Dobbin đừng sang, đó chẳng qua là một câu nói giả dối. Dĩ nhiên Dobbin phải trở lại, làm sao anh ta có thể làm khác

được? Cô biết thế nào Dobbin cũng về với mình.

Con tàu tiến lại gần mỗi lúc một mau hơn. Hai mẹ con giắt nhau chạy về chỗ tàu đỗ để đón Dobbin; Emmy run cả hai chân lên tưởng không bước đi được nữa. Cô muốn quỳ ngay xuống đấy mà cầu nguyện cảm tạ Thượng đế. Cô nghĩ rằng mình sẽ phải cảm tạ Thượng đế suốt đời.

Ngày hôm ấy thời tiết xấu quá, thành ra lúc tàu quay ngang áp mạn vào kè đá, trên bến hầu như không có người nào đứng xem như mọi lần. Chỉ có một bác đầu sai khách sạn đứng "chõm" số hành khách ít ỏi trên tàu. Thằng Georgy quỷ sứ đã lỉnh đi đâu mất rồi không biết; thành ra lúc người đàn ông khoác tấm áo choàng lót nỉ đỏ bước lên bờ thì cũng chẳng có ai đứng đó mà chứng kiến cảnh tượng miêu tả sau đây:

Một người đàn bà đội mũ ướt đẫm nước mưa và choàng tấm khăn san trắng giơ hai bàn tay bé nhỏ ra phía trước tiến lại gần người hành khách; một phút sau, tấm áo choàng cũ kỹ đã phủ kín thân hình người đàn bà… Emmy cũng chỉ vừa chạm tới ngực anh chàng, đồng thời cũng đỡ cho cô khỏi khuỵu xuống đất. Emmy lúng túng thốt ra mấy tiếng đứt đoạn, đại khái là… xin anh tha lỗi… anh William yêu quý:.. người bạn yêu quý nhất đời… hôn em hôn em đi… và vân vân… rồi cứ tiếp

tục đi dưới tấm áo choàng, điệu bộ như một người điên.

Lúc này Emmy nhô mình ra khỏi tấm áo choàng, cô vẫn nắm chặt tay Dobbin ngẩng lên nhìn đăm đăm vào mặt người yêu. Nét mặt Dobbin lộ ra một vẻ đặc biệt vừa buồn bã vừa yêu đương, vừa thương xót. Emmy hiểu rõ ý trách móc, cúi đầu xuống.

Dobbin nói:

- Amelia, em viết thư cho anh vừa kịp đấy.

- Anh sẽ không bao giờ đi nữa. William nhé.

William đáp:

- Đúng, không bao giờ nữa.

Và Dobbin lại ghì chặt người yêu vào ngực.

Hai người vừa bước ra khỏi phòng quan thuế thì thằng Georgy ở đâu chạy tới, ống nhòm vẫn giơ lên mắt. Nó chào hai người bằng một tràng cười vui vẻ. Trên đường về nhà thằng bé cứ nhảy cỡn lên, làm đủ trò. Joe vẫn chưa dậy. Cũng không thấy Becky đâu, mặc dầu lúc nẫy cô ta vẫn nấp sau cửa sổ theo dõi cảnh tái ngộ giữa hai người. Thằng Georgy chạy vụt đi, xem bữa điểm tâm đã sửa soạn xong chưa. Emmy đã trao chiếc mũ và tấm khăn san cho chị Payne; cô bước lại cởi chiếc áo choàng cho William và… thưa quý vị, chúng ta cũng nên theo

Georgy ra trông coi người nhà sửa soạn bữa điểm tâm cho viên trung tá thôi. Tàu đã cặp bến; thế là Dobbin thỏa mãn nguyện vọng mình ôm ấp suốt đời. Con chim xanh nay đã trở về đang đậu trên vai anh ta, rũ đôi cánh nhẹ nhàng mà líu lo ríu rít. Điều anh ta ao ước từng ngày từng giờ, trong suốt mười tám năm trời bây giờ thế là đã thỏa nguyện.

Dobbin đã đạt được tới đỉnh cao nhất của hạnh phúc, và chúng ta cũng đã đọc tới trang cuối cùng của cuốn truyện này. Xin vĩnh biệt anh chàng trung tá! Cầu trời phù hộ cho anh chàng William chất phác!… Xin vĩnh biệt cô Amelia thân yêu… Hỡi cành tầm gửi xinh xinh bé nhỏ kia, chúc cho ngươi lại xanh tươi trên thân cây sồi cổ thụ sù sì ngươi đã muốn bám lấy làm nơi nương tự!

Có thể vì Rebecca thông cảm với người bạn gái đã bênh vực che chở chờ mình lần đầu tiên khi bước vào đời, hoặc cũng có thể vì cô ta không ưa chứng kiến những cảnh yêu đương tình tứ… chỉ biết rằng Rebecca hỏa mãn với kết quả của mình làm, và từ đó không bao giờ muốn gặp lại viên trung tá và cô vợ mới của anh ta nữa. Becky nói rằng mình có việc riêng cần đi Bruges ngay. Hôm cử hành lễ cưới chỉ có hai bác cháu thằng Georgy đến chứng kiến. Hôn lễ đã xong, thằng bé về sống với cha dượng và mẹ nó; còn Becky trở lại an ủi

chàng chưa vợ Joseph cô đơn (nhưng chỉ ở vài ngày thôi). Joe lấy cớ mình ưa sống trên lục địa hơn, từ chối không nhận lời sống chung với gia đình em gái.

Trong thâm tâm, Emmy rất bằng lòng vì mình đã viết thư cho chồng trước khi biết nội dung mảnh giấy George gửi cho Becky.

William bảo vệ:

- Anh biết chuyện ấy từ lâu; nhưng anh có thể nào lợi dụng thứ vũ khí ấy để bôi nhọ linh hồn người đã chết? Chính vì vậy mà anh rất đau khổ khi em…

Emmy vội kêu lên, vẻ mặt đầy hối hận:

- Thôi, đừng bao giờ nhắc lại chuyện ấy làm gì nữa.

William vội nói sang chuyện khác; anh ta kể lúc nhận được thư của Emmy, mình đang ngồi chơi cùng Glorvina và bà Peggy O'Dowd. Dobbin cười, nói thêm:

- Nếu em chậm gửi thư cho anh, ai biết được cô Glorvina sẽ mang tên gì. Nay thì Glorvina Posky (tức là bà thiếu tá Posky) nhân bà vợ cả của ông này chết đi, Glorvina theo về làm vợ kế vì cô đã quyết định chỉ lấy chồng trong trung đoàn của anh trai.

O'Dowd phu nhân cũng gắn bó với đơn vị của chồng lắm, bà tuyên bố rằng vạn nhất có sự gì bất hạnh xảy ra

cho ông Mick của bà, thì bà cũng trở lại kiếm một tấm chồng mới ngay trong trung đoàn. May thay, ngài trung tướng vẫn mạnh khỏe và sống rất đường hoàng tại O'Dowdstown với một bầy chó săn đông đúc. Không kể ông láng giềng là vị chúa lâu đài Hoggarty, thì O'Dowd là người tai mặt nhất quận. Trung tướng phu nhân vẫn ưa nhảy điệu Jigs như cũ; trong buổi dạ hội vừa qua do ngài Thượng tướng tổ chức, phu nhân cứ nhất định đòi khiêu vũ với viên sỹ quan giám mã. Cả phu nhân lẫn cô Glorvina đều tuyên bố rằng Dobbin đã ăn ở tệ bạc với cô này nhưng rồi vớ được Posky cô Glorvina cũng lấy làm an ủi; đồng thời bà O'Dowd nhận được một tấm khăn tuyệt đẹp từ Paris gửi sang, thế là cơn thịnh nộ của bà cũng dịu đi.

Cưới vợ xong, Dobbin từ giã quân đội về sống tại Hampshire, trong một căn nhà nhỏ xinh xinh vùng quê, cách trại Crawley Bà chúa không xa lắm. Tôn ông Pitt sau khi đã bỏ phiếu thông qua Đạo luật cải cách[168] thì hết hy vọng leo lên ghế thượng nghị sĩ vì vừa mất hai ghế trong Quốc hội. Sự kiện tai hại này khiến cho tôn ông Pitt vừa mất tiền vừa mất tinh thần, sức khỏe giảm sút trông thấy; tôn ông dự đoán Đế quốc Anh sắp đến ngày sụp đổ rồi. Công nương Jane và bà Dobbin trở thành đôi bạn thân thiết. Từ lâu đài Crawley sang trại

"Bách niên thanh"[169] hai người đi xe ngựa qua lại thăm nhau luôn (Dobbin thuê trại này của một người bạn là thiếu tá Ponto, ông ta cùng gia đình đang sống ở ngoại quốc). Công nương Jane nhận làm mẹ đã đầu cho đứa con Amelia mới sinh; đứa bé được mang tên công nương; và đức cha rửa tội cho nó lại chính là mục sư James Crawley, người được kế thừa quyền cai quản thánh đường Crawley của ông thân sinh. Hai thằng bé Georgy và Rawdy chơi với nhau; lớn lên cả hai cùng theo học trường đại học Cambridge, đồng thời cũng xích mích với nhau vì cô con gái của công nương Jane.

Chuyện tất nhiên, vì cả hai cậu cùng muốn được lọt vào mắt xanh của ngươi đẹp. Hai bà mẹ muốn gây dựng cho cô thiếu nữ và Georgy, nhưng tôi nghe nói cô bé có ý gắn bó với cậu em họ hơn.

Trong hai gia đình này không hề bao giờ nghe nhắc đến tên bà Rawdon Crawley. Có nhiều nguyên nhân khiến cho mọi người đều không muốn nhắc đến ngươi đàn bà kia đi. Joseph Sedley đi du lịch đâu cũng thấy cô ta đến nơi ấy ngoạn cảnh; anh chàng si tình hình như đã hoàn toàn trở thành kẻ nô lệ cho cô ta rồi. Luật sư riêng của Dobbin báo cho thân chủ biết rằng ông anh vợ đã đặt một số tiền bảo hiểm sinh mệnh rất lớn; từ đó suy ra có lẽ Joe muốn xoay một món tiền để trả nợ. Anh ta đã

xin phép Công ty Đông Ấn Độ cho nghỉ dài hạn; sự thực thì hồi này sức khỏe của Joe càng ngay càng sút kém.

Nghe tin anh trai đặt bảo hiểm sinh mệnh, Amelia hoảng hốt vội nài xin chồng hãy sang Brussels là chỗ Joe đang sống, xem sự thể ra sao. Viên trung tá bất đắc dĩ phải lên đường (vì anh ta đang bận bù đầu lên với cuốn "Lịch sử Punjaub" đang soạn dở, và cũng đang lo cho sức khỏe của đứa con gái anh ta quý như vàng vừa khỏi bệnh lên sởi). Đến Brussels, Dobbin thấy Joe sống trong một khách sạn đồ sộ. "Bà Crawley" cũng thuê hẳn một dãy phòng ngay trong khách sạn này, sống rất đường hoàng, có xe ngựa riêng, tổ chức tiếp tân luôn luôn.

Dĩ nhiên Dobbin không muốn gặp mặt người đàn bà này làm gì, cũng không muốn để cho cô ta biết mình đến Brussels, bèn sai một người hầu đem thư lại đưa riêng cho Joe. Joe yêu cầu viên trung tá đến gặp mình ngay tối hôm ấy, vì "bà Crawley" bận dự một buổi tiếp tân[170], hai anh em có thể nói chuyện riêng với nhau được.

Dobbin thấy ông anh vợ thân hình quá tiều tụy; Joe vẫn ra sức ca tụng Rebecca, nhưng rõ rằng anh ta sợ người đàn bà này quá rồi.

Joe liên tiếp mắc những chứng bệnh rất kỳ quái; anh

ta được Becky săn sót hết sức tận tình. Có thể nói đối với Joe, cô ta ăn ở như con đẻ; "Nhưng mà… vì lòng kính chúa… xin chú hãy dọn đến sống gần tôi, và thỉnh thoảng lại thăm tôi với", người đàn ông đáng thương lắp bắp nói.

Viên trung tá cau mày lại, nói:

- Làm thế nào được

-… Xin thề với chú… xin thề trước cuốn kinh thánh này- Joe vừa nói vừa như muốn hôn cuốn kinh thánh – rằng cô ấy ngây thơ như một đứa trẻ, và hoàn toàn trong trắng như vợ chú.

Viên thiếu tá buồn rầu đáp:

- Cũng có thể; nhưng em không đến với anh được đâu, Joe, anh hãy xứng đáng là một ngươi đàn ông; hãy cắt đứt mối tình ô uế này đi và trở về sống với gia đình. Nghe nói việc làm ăn của anh rắc rối lắm thì phải.

Joe kêu lên:

- Rắc rối đâu! Ai bịa chuyện nói bậy với chú thế? Tiền vốn của tôi đặt toàn những chỗ lãi cao. Bà Crawley… nghĩa là… tôi muốn nói rằng… ờ… đặt toàn những chỗ tốt cả.

- Vậy anh không nợ nần ai chứ? Tại sao anh phải bảo

hiểm sinh mệnh?

- Tôi tính rằng… vạn nhất có sự gì xảy ra thì cũng… để lại một chút gì làm quà cho cô ấy; chú biết đấy, sức khỏe tôi hồi này sút lắm… đó là vấn đề thái độ biết ơn thông thường, chú hiểu cho… tôi dự định để lại tất cả tài sản cho chú, nhưng tôi cũng muốn trích số tiền lợi tích ra để dành… điều ấy hẳn không ai ngăn cấm.

Ông anh vợ William yếu ớt trả lời như vậy. Dobbin khuyên Joe nên trốn ngay… nên trở lại Ấn Độ, vì chắc chắn Rebecca không thể theo sang tận đấy được, nên làm bất cứ việc gì để cắt đứt mối tình rất có thể đem lại những hậu quả rất tai hại cho anh ta.

Joe chắp hai tay lại, rên lên:

- Tôi sẵn sàng trở lại Ấn Độ; tôi sẵn sàng làm bất cứ việc gì, nhưng hãy cho tôi ít thì giờ suy nghĩ đã, và chớ để cho Rebecca biết chuyện này. Nếu mụ ấy biết, mụ ấy… mụ ấy… giết chết tôi mất. Chú không biết người đàn bà ấy ghê gớm đến thế nào.

Dobbin đáp:

- Thế sao anh không đi ngay với tôi?

Nhưng Joe không có can đảm… Anh ta nói rằng sáng mai sẽ gặp lại Dobbin; mà việc Dobbin đến thăm, anh ta cũng sẽ không kể cho Becky biết. Bây giờ Dobbin nên đi

đi, vì có lẽ Becky cũng sắp về. Dobbin từ biệt anh vợ, trong đầu đầy những điều dự đoán đen tối. Dobbin cũng không bao giờ gặp lại Joe nữa. Ba tháng sau, Joe Sedley chết ở Aix-la-Chapelle. Người ta thấy tất cả tài sản của Joe đều bị phân tán vào những việc kinh doanh hết sức bấp bênh, nay chỉ còn là một mớ cổ phiếu vô giá trị trong một số công ty thương mại rất đáng ngờ. Số tiền mặt đáng kể xét ra chỉ có món hai nghìn đồng là tiền bồi thường bảo hiểm sinh mệnh; theo di chúc, số tiền này để lại cho "em gái là Amelia, vợ của… và người bạn gái, đồng thời là người có công tận tuỵ săn sóc tôi trong thời gian mắc bệnh, tên là Rebecca, vợ trung tá Rawdon Crawley, Hiệp sĩ tuỳ giá".Rebecca được chỉ định là người thực hiện chúc thư.

Nhân viên hãng bảo hiểm kêu ầm lên rằng đây là một trường hợp khả nghi nhất từ trước đến nay lão mới gặp là một. Lão doạ sẽ cử người sang tận Aix-la-Chapelle điều tra về cái chết này; hãng bảo hiểm cũng không chịu thanh toán tiền bồi thường. Nhưng lập tức "bà Crawley", hoặc đúng hơn là "Crawley phu nhân" (cô ta vẫn tự tôn như vậy) về tận Luân-đôn tìm mấy viên luật sư riêng của mình là các ông Burke, Thurtell, và Hayes ở Thavies Inn, thách hãng bảo hiểm dám từ chối không trả tiền. Mấy viên luật sư đòi xét lại việc này; họ tuyên bố

Rebecca suốt đời đã bị người ta âm mưu lừa dối một cách đê tiện; cuối cùng họ thắng. Món tiền được thanh toán đầy đủ; danh dự của Becky được bảo toàn; song trung tá Dobbin trả lại phần di sản vợ mình được hưởng cho hãng bảo hiểm và cương quyết không chịu giao thiệp gì với Rebecca.

Cô ta có là Crawley phu nhân quái gì đâu, nhưng vẫn cứ tự tôn mình như thế. Tôn ông Pitt tạ thế được sáu tháng thì ngài trung tá tổng trấn Rawdon Crawley cũng mắc bệnh rất rét rừng chết ở đảo Coventry; ngài được mọi người vô cùng quý mến và thương tiếc.

Theo luật, quyền thừa kế gia sản về tay Rawdy Crawley nam tước.

Rawdy không chịu cho mẹ gặp mặt, tuy vẫn trợ cấp tiền rất rộng rãi. Rebecca cũng có vẻ khá phong lưu. Cậu nam tước trẻ tuổi sống ngay tại trại Crawley Bà chúa, cùng công nương Jane và cô con gái. Còn Rebecca thì khi ở Bath, khi về Cheltenham. Ở đây vô khối người đứng đắn vẫn coi cô ta là một người đàn bà gặp toàn chuyện bất hạnh trong đời. Cô ta cũng có kẻ thù; ở đời ai mà không có kẻ thù? Becky lấy ngay cuộc sống của mình để trả lời bọn họ. Cô ta rất chăm làm việc thiện đi lễ nhà thờ và bao giờ cũng có một người hầu đi theo. Trong mọi danh sách các vị hảo tâm đều thấy có

tên Rebecca. Các chị bán hoa quả nghèo khổ, các bà bán hàng rong túng thiếu, các bà giặt thuê gặp hoạn nạn… tất cả đều tìm thấy ở Becky một người bạn sốt sắng và rộng rãi. Trong những cuộc chợ phiên từ thiện, cô ta đều có quầy hàng riêng để lấy tiền giúp đỡ kẻ khốn cùng. Ít lâu sau, một hôm Emmy cùng chồng và con gái về Luân Đôn chơi, chạm trán ngay với Becky trong một hội chợ. Becky mỉm cười, yên lặng nhìn xuống… họ giật nảy mình, vội lánh xa.

Emmy nắm lấy ngón tay Georgy (bây giờ đã là một chàng thanh niên khôi ngô tuấn tú) kéo đi, viên trung tá cũng bế ngay con bé Janey lên tay; anh ta quý con bé hơn tất cả mọi thứ trên đời… quý hơn cả cuốn Lịch sử Punjaub của anh ta nữa. "Chính mình, cũng không được anh ấy quý bằng nó", Emmy thở dài nghĩ thầm. Nhưng bao giờ Dobbin cũng nói với Amelia rất âu yếm ngọt ngào; vợ muốn gì, anh ta cũng hết sức chiều theo.

Ôi, phù hoa giả dối[171]! Thử ngẫm xem chúng ta trên đời này ai là người sung sướng? Ai là người đạt được ước vọng của mình? Ví thử đạt được chăng nữa, thì chắc đâu đã thoả mãn?… Vậy thì, hỡi các cô cậu khán giả tí hon của tôi, chúng ta hãy xếp các con rối vào hộp; buổi biểu diễn của chúng ta đến đây là kết thúc…

HẾT.

[1] Một chức vụ do Công ty Ấn Độ đặt ra, chuyên việc thu nhập lợi tức, và xét xử những việc có liên quan đến kiều dân Anh trên đất Ấn Độ về mặt tư pháp.

[2] Ngôn ngữ Anh có danh từ “Snob”, một tiếng lóng khó định nghĩa cho thật chính xác, đại khái chỉ loại người quen xét thiên hạ qua bề ngoài, kính trọng một cách mù quáng những kẻ có tiền và có thế lực, lấy làm xấu hổ khi phải tiếp xúc với những người bà con nghèo hèn. Tạm dịch như vậy, vì tiếng Việt Nam không có danh từ tương đương.

[3] Stendhal (1783-1842), nhà văn hiện thực Pháp, tác giả cuốn Đỏ và Đen.

[4] Smolett (1721-1771) nhà văn châm biếm người Xcôt. Jonathan Swift (1667-1745), nhà văn châm biếm người Anh.

[5] Chức vụ do dân bầu hoặc do nhà vua chỉ định, giữ việc trị an trong một quận; chức vụ này giao cho một nhà quý tộc có uy tín trong vùng (High Sheriff).

[6] Voltaire (1694-1778) văn hào Pháp, đại diện cho tư tưởng cách mạng tư sản, có thái độ đả kích khá triệt để Nhà chung và chế độ chuyên chế.

[7] Whig, Tory: Hai chính đảng thay nhau nắm chính quyền trong quốc hội Anh đại diện cho giai cấp quý tộc bảo thủ và giai cấp quý tộc tư sản hóa.

[8] Henry Prentout – Lịch sử nước Anh – Phong trào tôn giáo thế kỷ 19. Nhà xuất bản Hachette, Paris 1926.

[9] La Bruyere (1645-1696) nhà văn châm biếm Pháp, tác giả tập *Nhân vật*.

[10] Hyppolyte Taine, (nhà phê bình văn học và nhà sử học Pháp thế kỷ 19). Lịch sử văn học Anh Nhà xuất bản Hachette.

[11] Trong cuốn *Nhân vật,* chương IX, La Bruyere viết: "*Nếu như phải lựa chọn thì tôi không do dự, tôi đứng về phía quần chúng*".

[12] Louis Cazamian. Lịch sử văn học Anh (chủ nghĩa hiện thực).

[13] “Ông thần xuống bằng máy”: chỉ những nhân vật siêu phàm “giáng trần” trên sân khấu nhờ những máy móc đặc biệt cũng chỉ cách giải quyết giả tạo của các nhà soạn kịch hoặc các nhà tiểu thuyết khi gặp bế tắc, phải dùng những sự kiện ngẫu nhiên chứ không thể dựa vào sự phát triển hợp luận lý của tình tiết.

[14] Rousseau (1712-1778) nhà văn và nhà tư tưởng Pháp.

[15] Trong số đó Marx có dẫn ra Thackeray và Dickens.

[16] Sedgwich, The American Encyclopedia (Mỹ quốc Bách khoa toàn thư) Chú thích về bản dịch – Chúng tôi dịch theo nguyên bản tiếng Anh, in năm 1864, tức là lần xuất bản cuối cùng khi tác giả còn sống; chính tác giả có sửa chữa, thêm bớt một số đoạn, do đó, so với bản in lần thứ nhất (năm 1847-1848) có những chỗ khác nhau. Trong bản in của Trường Đại học Oxford mà chúng tôi dùng làm căn cứ có phần phụ lục bổ sung những đoạn tác giả đã lược bớt, nhưng chúng tôi xét thấy không cần thiết phải dịch.

[17] Nguyên văn: Trước màn sân khấu (N.D).

[18] Một nhân vật lịch sử, vợ của vua Ninus ở Atsyry thời cổ đại, có đức tính cản đảm và sáng suốt hơn cả chồng (N.D)

[19] Đơn vị tiền tệ của Anh, bằng 1/20 đồng bảng Anh, hoặc 12penni.

[20] Các thiếu nữ trong xã hội thượng lưu đương thời thường phải đeo một tấm bảng gỗ sau lưng để luyện một dáng điệu có vẻ kiêu kỳ quý phái khi đi đứng. Đó là một cái "mốt", các gia đình tư sản cũng bắt chước tầng lớp quý tộc (N.D).

[21] Tờ giấy đầu tiên trong mỗi cuốn sách, để trắng không in chữ, xen giữa tờ bìa và trang có in tên sách (ND).

[22] Con gái thần Zeus, tiêu biểu cho trí tuệ. Thần thoại Hy – lạp (N.D).

[23] Ý nói Amêlia không có cái đẹp lý tưởng các nhà tiểu thuyết hay gán cho những nhân vật chính trong tác phẩm của họ (N.D).

[24] Mademoiselle, je viens vous faire mes adieux.

[25] Vive la France! Vive l'Empereur; Vive Bonaparte!

[26] Lucifer: Một tên khác của quỷ Sa tăng (ND).

[27] Nhảy đập chân: Entrechat, tiếng Pháp trong nguyên văn chỉ một động tác đặc biệt của điệu vũ ba-lê, trong khi nhảy lên cao hai chân đập vào nhau nhiều lần (N.D).

[28] Nguyên văn: Cậu bị bắn chết thẳng cẳng (N.D)

[29] Ingenue.

[30] Nguyên văn: Tôi đã ấp ủ một con rắn độc trong lòng (N.D).

[31] Nabobb: Tiếng đặc biệt chỉ bọn quan lại bản xứ ở Ấn Độ dưới triều đại Môgôn, hoặc những người ngoại quốc làm giầu ở Ấn Độ (N.D).

[32] Buggy: một thứ xe ngựa nhỏ, dùng cho một hoặc hai người ngồi (N.D).

[33] Pillau: Một món ăn của người Thổ-nhĩ-kỳ, nấu bằng gạo với mỡ, và thịt hoặc cá, có nhiều gia vị, đặc biệt là ớt (N.D).

[34] Ủy viên tài phán: Một chức vụ trong công ty Ấn Độ do đại tư bản Anh đặt ra, phụ trách việc tài chính, và có quyền xét xử những vụ xích mích có liên quan đến người Anh (N.D).

[35] Bon vivant.

[36] Amour propre.

[37] Sycorax và Caliban: Nhân vật trong vở kịch *Cơn bão táp* của Shakespeare; Sycorax là một mụ phù thủy tai quái, Caliban, con trai mụ, là một con quỉ xấu xí khủng khiếp (N.D).

[38] Apollo: theo thần thoại Hy-lạp, thần coi về âm nhạc (N.D)

[39] Tác giả chơi chữ, dùng "chili" nghĩa là ớt khô và "chylly" nghĩa là lạnh, đây là hai từ đồng âm khác nghĩa.

[40] Boney: Chỉ Bonapartre (N.D).

[41] Tiếng Anh trong nguyên bản: to come on Twelfth-night, Emmy, and spelt twelfth without the f. (qt)

[42] Nguyên văn tiếng Pháp: tete-a-tete.

[43] Tiếng Đức trong nguyên bản: Sehnsucht nach der Liebe.

[44] Nhạc sĩ người Ý, đầu thế kỷ 19. (N.D)

[45] Tiếng Pháp: billet doux

[46] As in praessenti.

[47] Napier và Bell: tên những danh tướng của Am rồi thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19, có tham dự cuộc chiến tranh chống Napoleon). Riêng Napier có viết một tập bút ký "lịch sử cuộc chiến tranh bán đảo" tượng dịch ra nhiều thứ tiếng (N.D).

[48] Ney danh tướng của Napoleon (N.D).

[49] Nhân vật trong truyện Robinson của Daniel Dilo, một anh mọi đen được Robinson cứu sống khỏi bị đồng chúng ăn thịt, tận tụy trung thành với Robinson (N.D).

[50] Adonis: Một nhân vật trong thần thoại cổ Hy-lạp rất đẹp trai, tượng trưng cho sắc đẹp của nam giới, là tình nhân của thần Vệ nữ (N.D)

[51] Tiếng Pháp trong nguyên bản: Ah, mon beau Monsieur!

[52] Vùng quần đảo ở Trung Mỹ, bao gồm Cu Ba, Haiti ngày nay và một số đảo khác. Do điều kiện lịch sử khi Cristophe Colomb đặt chân đến vùng này tưởng là miền Tây nước Ấn Độ nên gọi là vùng Tây Ấn.

[53] Tiếng Pháp trong nguyên văn: de trop.

[54] Solitary.

[55] Prussic acid.

[56] Phe quý tộc bảo thủ trong quốc hội Anh đương thời (N.D).

[57] Ám chỉ Rebecca, lấy từ một câu chuyện cổ tích của nhà văn Pháp Charles Perault, chuyện *Con yêu Râu-xanh*; An là người thiếu nữ bị bức làm vợ con yêu, đang ngồi mong anh lính ngự lâm đến cứu (N.D).

[58] Chỉ nữ hoàng Elizabeth (N.D).

[59] Tiếng Pháp trong nguyên bản: Coeur de Lion

[60] Trong nguyên văn dùng tiếng Pháp, tên những món ăn: Thịt cừu nấu củ cải; cháo thịt cừu theo lối Scotch, khoai tây sống, súp-lơ luộc (N.D).

[61] Chỗ này Pitt muốn chơi chữ: Sharp, tiếng Anh có nghĩa là "sắc"; Pít giả vờ quên, gọi là cô Blunt nghĩa là "cùn" (N.D).

[62] Tiếng Pháp trong nguyên bản: Ah gredin! Ah monstre.

[63] Tiếng Pháp trong nguyên bản infames Anglais.

[64] Silenus: Nhân vật trong thần thoại xứ Phrygia thời cổ là thần cai quản sông nước; về sau, trong thần thoại Hy lạp, biến thành một nhân vật đi đôi với thần Bacchus, thường uống rượu say mèm (N.D).

[65] Misalliance.

[66] Từ đây ta gọi cô Rosa Dawson như vậy cho tiện (N.D)

[67] Thèm muốn của người khác ắt mang họa vào thân (tiếng La tinh) (N.D)

[68] Debrett: Tập danh bạ ghi tên các nhà quý tộc có danh tiếng của nước Anh, lấy tên người soạn là John Debrett (N.D).

[69] Chỉ người em gái khác mẹ của lão Pitt (N.D).

[70] Ở nước Anh, những gia đình quý tộc có lệ sơn một hình quả trám trên vách xe ngựa riêng, kèm theo huy hiệu của dòng họ (N.D).

[71] Trictrac và Cornet là những lối đánh bạc, tác giả dùng lộng ngữ (N.D).

[72] Nguyên văn tiếng Pháp: Bel esprit.

[73] Chỉ vua George trước khi lên ngôi (N.D)

[74] Ngạn ngữ Anh có câu: “Hắn đang gieo những hạt dại của hắn”, chỉ một người còn ít tuổi, chơi bời bừa bãi trước khi trở thành người chín chắn.Tạm dịch là “Trăng đến rằm trăng tròn”. (N.D).

[75] Arcady: Một miền thuộc cổ Hy lạp, nơi nhân dân sống bằng nghề chăn nuôi, tương truyền phong tục thuần phác. Các thi gia thời cổ thường xưng tụng là một nơi tượng trưng cho sự trong sạch và hạnh phúc (N.D).

[76] Nguyên văn tiếng Pháp: afford des fraiches toilettes.

[77] Nguyên văn tiếng Pháp: trouvaille.

[78] Long robe: Quý tộc áo: chỉ thày kiện. Trong chế độ phong kiến tầng lớp quý tộc không tham gia việc sản xuất, chủ yếu giữ hai nhiệm vụ, đánh trận (gọi là quý tộc gươm) và tư pháp (gọi là quý tộc áo)(N.D).

[79] Nguyên văn tiếng Pháp: crible de dettes.

[80] Nguyên văn: Swear by him: Viện tên nó ra mà thề độc (N.D)

[81] Nguyên văn tiếng Pháp: petit minois chiffonné.

[82] Nữ Vương Sheba: Sheba là kinh đô xứ Arabia thời cổ theo truyền thuyết ghi trong kinh thánh, là một xứ rất giàu có; nữ vương sinh hoạt cực kỳ xa xỉ, đã có lần đem rất nhiều vàng bạc châu báu đến hội kiến với Solomon (N.D).

[83] Hai trận thắng lớn của Napoléon (N.D).

[84] Chỉ Napoléon (N.D).

[85] Bài hát cảm tạ Thượng đế (ND)

[86] Apollo: Thần ánh sáng và nghệ thuật, theo thần thoại Hy-lạp (N.D).

[87] Nhà bác học Tô-cách-lan.

[88] Nguyên văn tiếng Pháp: dame de compagnie. Chỉ người đàn bà, thường là người có đôi chút trí thức, chuyên việc đi theo săn sóc một người đàn bà quý tộc, tuy cũng thuộc hạng người hầu, nhưng không phải làm các việc nặng nhọc, được hậu đãi hơn bọn tôi tớ, Tạm dịch là tùy nữ (N.D)

[89] Nguyên văn tiếng Pháp: Femme de chambre.

[90] Vua cuối cùng của xứ Lydy, thế kỷ thứ IV trước công nguyên, nổi tiếng vì giầu có (N.D).

[91] Một khu vực phía tây thành Luân-đôn, nơi tập trung những gia đình thượng lưu nước Anh, thuộc tầng lớp quý tộc hoặc đại tư sản (N.D).

[92] Nguyên văn tiếng Pháp: en garçon.

[93] Nguyên văn tiếng Pháp: Entre nous.

[94] Tái sinh (N.D).

[95] Nguyên văn tiếng Pháp: Engouement.

[96] Nguyên văn tiếng Pháp: Thần dê (thần hoang dã): theo thần thoại Hy-lạp, chỉ nhân vật bán thân mình người chân dê, thường hiện ra nạt những trẻ mục đồng, và hay đuổi bắt những nữ thủy thần để thỏa mãn dục tính; tiêu biểu cho những dục vọng về xác thịt (N.D)

[97] Hercules: Nhân vật trong thoại Hy-lạp, tượng trưng cho sức mạnh. Omphale: Theo truyền thuyết, nữ vương xứ Lydy thời cổ, nhờ sắc đẹp đã khuất phục được Heralec (tức là Hercules) khiến cho trong ba năm Heralec thuận làm mọi việc nội trợ của phụ nữ để được gần gũi người đẹp (N.D).

[98] Samsons và Delilah: Nhân vật trong truyền thuyết Do thái chép trong kinh thánh. Samsons nhờ bộ tóc, nên có sức mạnh vô địch; bị người yêu là Delilah phản bội, lừa lúc ngủ say, cắt mất món tóc; vì vậy về sau Samsons bị quân địch bắt được và giết chết (N.D).

[99] Diogenes: Tên một triết gia Hy-lạp, sống vào thế kỷ thứ tư trước công nguyên, theo thuyết khắc kỷ, sinh hoạt rất giản dị, ông thường khoác một mảnh vải rách hoặc ở trần, giữa ban ngày cầm đèn đi lang thang để "tìm một người" ngủ trong một cái thùng, không có nhà ở, thấy một đứa trẻ vốc nước vào tay uống, bèn đập nốt cái bát của mình đi. Có lẽ ở đây tác giả dùng nghĩa bóng, ám chỉ những người sa sút phải bán hết mọi vật dùng đến phải lâm vào cảnh trần truồng (N.D)

[100] Hammerdown: (tiếng Anh là "nện búa xuống") chỉ một nhân viên sở phát mại, thường cầm một chiếc búa gỗ nện xuống mặt bàn khi tuyên bố giá đồ vật.

[101] Epicurus: Triết gia cổ Hy-lạp, sống vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên theo chủ nghĩa hưởng lạc, chủ trương hạnh phúc là ở chỗ thỏa mãn được mọi nhu cầu tự nhiên về vật chất và tinh thần. Về sau, người ta thường dùng danh từ *Epicurus* để chỉ những người có thói hưởng lạc (theo nghĩa xấu), hoặc những kẻ phàm ăn tục uống. Ở đây, dùng theo nghĩa sau (N.D).

[102] Ám chỉ những người Do-thái chuyên làm nghề cho vay lãi và cầm đồ với tiền lãi cắt cổ. (ND)

[103] Snob – Danh từ chung (tác giả dùng làm danh từ riêng) chỉ những người thuộc tầng lớp trung lưu nhưng lại muốn bắt chước cử chỉ và cách sinh hoạt của những tầng lớp thượng lưu trong xã hội. Ở trên đã dịch là "ông học làm sang" (N.D)

[104] Tên một hoàng hậu thời cổ đại Hy.lạp, góa chồng sớm, nuôi 12 đứa con, được coi như gương mẫu về đức hạnh phụ nữ (N.D)

[105] Có lẽ đây là một sự sơ xuất của tác giả; đáng lẽ ông Sedley phải dự đoán giá tín phiếu lên mới hợp lý (N.D).

[106] Yakmak: Một thứ lưới giống như chiếc chàng mạng, đàn bà Thổ-nhĩ-kỳ thường trùm lên để che mặt, dài xuống sát đất; tết bằng sợi thường, hay tơ quý, hoặc chỉ bạc, và cùng là một vật trang sức của phụ nữ (N.D).

[107] Nguyên văn tiếng Pháp: chasse à l’aigle.

[108] Gọi chung là Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha.

[109] Ngạn ngữ Anh: ‘fine words butter no parsnips’ “Lời nói khéo léo không thay được bơ trong món cà-rốt” (N.D)

[110] Soyer: Tác giả một cuốn sách dạy nấu món ăn nổi tiếng (N.D)

[111] Hygeia: Nữ hoàng trong thần thoại Hy-lạp tượng trưng cho sự khang kiện (N.D).

[112] Voltaire: Triết gia và nhà văn Pháp sống vào thế kỷ 18, đại diện cho giai cấp tư sản chống phong kiến, có nhiều ý kiến táo bạo về tôn giáo và luân lý; đương thời ông bị chính quyền phong kiến chuyên chế và nhà chung lên án gay gắt (N.D).

[113] Chỉ những người làm trò hề cho rạp xiếc, thường bận một bộ áo nhà nghề có kẻ những hình kỷ hà nhiều màu, và đội một chiếc mũ có hai các tai lừa, hoặc có đính nhạc. Ở đây, tác giả tự coi mình là một người làm trò hề trong rạp xiếc lớn là cuộc đời (N.D).

[114] Theo truyền thống Do-thái, Esther là một người con gái tầm thường, được tuyển vào cung vua Ahasuerus; sau nhờ tài sắc được phong làm hoàng hậu (N.D).

[115] Nguyên văn tiếng Pháp: Belle Sauvage.

[116] Ý nói màu da nâu của cô gái lai đen.

[117] Nguyên văn: *'Strike while the iron's hot'* Phải rèn ngay lúc sắt còn nóng.

[118] Fluvy du Tajy.

[119] Fleuve du Tage.

[120] Chỉ một bức tượng xe chiến thắng có nhiều ngăn kéo đặt trên cao 60 bộ (N.D)

[121] Nguyên văn: Willing to kill two birds with one stone: Dùng một hòn đá giết hai con chim. (N.D)

[122] Một điệu nhảy Tô-cách-lan từng tốp bốn hoặc tám người.

[123] Một điệu nhảy nhanh gọn của Anh hoặc Ai-len (N.D).

[124] Nguyên văn: As poor as church mice. Nghèo như chuột trong nhà thờ.

[125] Nguyên văn tiếng Pháp: Affaire là…

[126] Nguyên văn tiếng Pháp: Poulet.

[127] Nguyên văn tiếng Pháp: Que voules yous?

[128] Thần thoại Hy-lạp Cupit là thần của tình yêu. Rebecca gọi Osborne là Cupid, vì biết anh chàng có tính mê gái.

[129] Nguyên văn tiếng Pháp: Pas si bêtes.

[130] Tiếng Pháp: Corsetiele.

[131] Tiếng Pháp: Allee Verte.

[132] John và Mary là những tên riêng thông thường của người đầy tớ trai và gái (N.D).

[133] Nguyên văn tiếng Pháp: Tenez, Madame, est- ce qu'il n'est pas aussi a l'armée, mon homme a moi?

[134] Chỉ vua Louis XVIII.

[135] Nguyên văn tiếng Pháp: Au revoir.

[136] Nguyên văn tiếng Pháp: Son hom me à elle.

[137] Nguyên văn tiếng Pháp: Pas de chevaux.

[138] Nguyên văn tiếng Pháp: Ma bonne petite dame

[139] Nguyên văn tiếng Pháp: Isidor coupez-moi, vite! Coupez-moi! Thực ra ý Joe muốn nói "cạo râu cho tao", nhưng vì không thạo tiếng Pháp, nên nói cắt tao đi." (N.D).

[140] Nguyên văn tiếng Pháp: Les moustaches-coupy, rasy, vite!

[141] Nguyên văn: ‘Ne porty ploo-habit militair-bonn-bonny a voo, prenny dehors’.

[142] Nguyên văn: Venny maintenong, sweevy-ally-party-dong la roo.

[143] Nguyên văn tiếng Pháp: Quatre Bras.

[144] Ngày chủ nhật.

[145] Machiavellian Binkie: Một chính trị gia nổi danh thời Phục hưng quan niệm làm chính trị cần dùng những thủ đoạn xảo quyệt miễn đạt được mục đích là được (N.D).

[146] Whig: Một đảng chính trị lớn trong nghị viện Anh, vào thế kỷ thử XIX cùng với đảng Tory thay nhau nắm quyền. Đảng Tory đại biểu cho quyền lợi của giai cấp đại địa chủ quý tộc bảo thủ, đảng Whig đại diện cho quyền lợi của giai cấp quý tộc tư sản hóa (N.D).

[147] Senior Wrangler: Danh từ đặc biệt chỉ thí sinh đỗ đầu kỳ thi tốt nghiệp đại học ở Anh về các khoa Toán, cổ văn v.v.. gần tương đương với bằng cử nhân (N.D).

[148] Nguyên văn: the difference between a dog and a duck. “Không phân biệt nổi một con chó với một con ngan”; đây là một cách chơi chữ, vì tiếng Anh, chó là doạ, ngan là duck, đọc gần giống nhau (N.D).

[149] In vino veritas: Chân lý ở trong rượu (N.D).

[150] Mars: Thần chiến tranh, Bacchus: Thần rượu, (Apollo: Thần ánh sáng và nghệ thuật – thần thoại Hy-lạp (N.D).

[151] Thơ của Horace: Bây giờ uống rượu tiêu sầu, Ngày mai công việc bắt đầu hãy lo.

[152] Tiếng Pháp: Raffoles.

[153] Tiếng Pháp: Espiegle.

[1] Ba nước: Nước Anh và hai thuộc địa chính là Ai Len và Ấn Độ (ND).

[2] Waterloo: Một thành phố ở trung tâm nước Bỉ, phía nam thủ đô Bruycxen.

[3] Là ngày bắt đầu trận đánh Waterloo.

[4] Người đàn bà tượng trưng cho nước Anh.

[5] Chết cho tổ quốc là êm đềm và danh dự (N.D).

[6] Ngôn ngữ Anh có một câu thông thường "bà Grundy sẽ nói thế nào về chuyện này?" nghĩa là thiên hạ sẽ dị nghị ra sao về chuyện này. Bà Grundy" nghĩa là hàng xóm láng giềng", lấy ý trong một tác phẩm của Morton, thế kỷ 19 (N.D).

[7] Tiếng Pháp: Serrer.

[8] Tiếng Pháp: Cette charmante Miladi … de retour.

[9] Tiếng Pháp: “Avec sa femme une petite dame, très spirituelle”… “‘ils m’ont affreusement vole.”

[10] Cain: Con trai cả của Adam và Eva – thuỷ tổ loài người (theo truyền thuyết trong kinh thánh). Cain đã giết em trai là Abel vì chúa trời nhận lễ phẩm của Abel mà không nhận của Cain (N.D).

[11] Tiếng Pháp: Bon vivants.

[12] Bội tinh "Nịt đùi" (Garter and ribbon): Nữ bá tước Salisbory đang khiêu vũ với vua Edward đệ tam nước Anh thì đánh rơi chiếc nịt đùi, nhà vua cúi nhặt, mọi người cười. Edward bèn đặt ra bội tinh "Nịt đùi" để bắt những người cười mình phải đeo (N.D).

[13] Bội tinh này do quận công Phillip Lebon xứ Bourgogne (Pháp) đặt ra nhân dịp lấy vợ là công chúa Bồ Đào Nha, để kỷ niệm mối tình đối với Marie de Rơmbơruygiơ, một người dàn bà đẹp có mái tóc vàng óng lộng lẫy mà mình không lấy được làm vợ (nhân đó gọi là Bội tinh "Lông cừu vàng"). Về sau, do quan hệ huyết thống, quyền tặng Bội tinh này chuyển sang Hoàng gia nước Áo và Tây Ban Nha.
Chỉ tặng cho những người có công lớn với nhà vua (N.D)

[14] Tiếng Pháp: Magasin des Modes.

[15] Tiếng Pháp: Déjeuner.

[16] Albion: Chỉ nước Anh giai đoạn mới lập quốc. (N.D).

[17] Tiếng Pháp: Ah! la divine creature!

[18] The three Graces: Ba cô tiên thị nữ: Theo thần thoại Hy Lạp, là ba thiếu nữ tuyệt sắc tên là Euphrosyne, Thalia, Aglaea, là kết quả của những cuộc tình duyên giữa thần Zeus và các bà nhân tình. Tượng trưng cho sắc đẹp và sự duyên dáng của phụ nữ; công việc chính là theo hầu săn sóc Thần Vệ nữ và Cupid (N.D).

[19] Tiếng Pháp: Reine des Amours.

[20] Chaldron: Đơn vị đo lường dùng trong nghề buôn than ở Anh, bằng 1,66m^3.

[21] Mammon: Một danh từ gốc từ tiếng Do-thái dùng để chỉ sự giàu có và xa xỉ. Trong kinh thánh Ki-tô giáo có câu: Người không thể nào vừa sùng bái Chúa Trời, vừa phụng sừ Mammon được. Sau này những người theo chủ nghĩa xã hội hay dùng tiếng chủ nghĩa Mammon (Mammonisme) để chỉ tư bản chủ nghĩa". (N.D)

[22] Một loại điếu hút thuốc phổ biến ở Ấn Độ.

[23] Mệt nhoài nhưng không thoả mãn chút nào.

[24] Nhân vật trong bi kịch Othello của Shakespeare; khi hai người chưa lấy nhau, Desdemona thường say sưa cảm phục lắng nghe Othello kể lại những chiến công và những cuộc phiêu lưu của chàng (N.D).

[25] White Hermitage.

[26] Tiếng Pháp: Petit vin blanc.

[27] Lazarus: Theo kinh thánh là một người rất nghèo khổ, bị bọn người giầu có khinh miệt; mắc bệnh bị chết. Nhưng được chúa Jêsu cứu sống lại. Danh từ Lazarus chỉ chung những người nghèo khổ (N.D)

[28] Tiếng Pháp: Bon Dieu.

[29] Nguyên văn: The Vehmgericht.

[30] Báo cáo của nghị viện hoặc của hội đồng tư vấn hoàng gia.

[31] Nguyên văn: Con cá bé nhất như tôi bơi trong chậu nào cũng vừa (N.D).

[32] Nguyên văn: Parents’ Assistant.

[33] Tiếng Pháp: Petits appartements.

[34] Egalite Orleans: Em họ vua Louis XVI nước Pháp là cha sinh ra vua Louis Philip trong thời kỳ nền quân chủ tháng bảy (N.D)".

[35] Còn gọi là Brutus, theo truyền thuyết là vị vua đầu tiên của nước Anh, sinh ở nước Ý, đi qua Hi Lạp, đến lập nghiệp ở Brute, là người xây dựng thành Troy mới tức là Luân Đôn (N.D)

[36] Cuốn niên giám của giới quý tộc nước Anh đương thời.

[37] Cận thần của Dionysius, Quốc vương xứ Syracus VII trước công nguyên. Damocles ca tụng hạnh phúc của chủ. Dionysius đề nghị đánh đổi địa vị của mình cho người cận thần, cho anh ta hưởng đủ mọi khoái lạc, rồi bất thình lình ngay giữa bữa tiệc, chỉ cho anh ta thấy một thanh gươm trần buộc bằng một sợi lông đuôi ngựa vẫn treo lủng lẳng trên đầu, ngụ ý không có hạnh phúc nào trên đời là chắc chắn (N.D).

[38] sultan: Quốc vương nước Thổ Nhĩ Kỳ thời kỳ còn chế độ phong kiến (N.D)

[39] Những nhà luật sư nổi danh vì tài hùng biện đương thời (N.D).

[40] Giám mục người Anh, sống vào đầu thế kỷ XVI, một người vận động cải cách tôn giáo rất nhiệt tình (N.D).

[41] Linh mục người Tây Ban Nha, sống vào đầu thế kỷ XVIII, theo dòng tu khổ hạnh, thích nhịn đói hàng tuần, tự đánh đập ba lần mỗi ngày (N.D).

[42] Chỉ con trai cả hầu tước Steyne, nhân vật trong truyện này (N.D).

[43] Tức là con trai thứ của hầu tước Steyne (N.D).

[44] Tiếng Pháp: Pate de foie gras.

[45] Thứ áo đặc biệt dùng để trùm vào người điên khi bắt họ mang vào nhà thương điên (N.D).

[46] Tiếng Pháp: Nous regardons a deux fois.

[47] Tiếng Pháp: Costume de cour.

[48] Cynthia: còn gọi là Artemis, theo thần thoại Hy tạp, là con gái của Zeus, Cynthia tiêu biểu cho mặt trăng và sự trong trắng, không thích yêu đương chỉ ham săn bắn, được hình tượng bằng một người con gái đeo cung tên, ham hoạt động.

Phoebus: Còn gọi là Apolon con trai của Zeus, anh ruột Cynthia, tiêu biểu cho mặt trời và âm nhạc (theo thần thoại Hy Lạp) ở đây tác giả dùng Cynthia để chỉ mặt trăng và Phoebus chỉ mặt trời. Vào tiết cuối thu sang đông mặt trăng mọc sớm từ bốn giờ chiều ngay khi mặt trời chưa lặn (N.D).

[49] Maintenon: Nữ hầu tước Pháp sống vào cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, có sắc đẹp: có tài làm văn, là nhân tình của vua Louis XIV (N.D).

[50] Pompadour: Nữ hầu tước Pháp, có sắc đẹp, là nhân tình của vua Louis XV, rất chú ý khuyến khích hoạt động văn nghệ trong nước (N.D).

[51] Nhân vật trong vở kịch "Vua Lia" của Sêcxpia (N.D).

[52] Tiếng Pháp: Gare aux femmes.

[53] Tên một nhà lao ở thành phố Luân Đôn. xây dựng từ thế kỷ XII, nơi giam tất cả các loại tù nhân, cách đối đãi hết sức vô nhân đạo. Đầu thế kỷ XX bị phá huỷ. Ở đây nghĩa là một tên tù (N.D).

[54] Tên bệnh viện đầu tiên xây dựng ở Anh, về sau trở thành tên chung chỉ những an dưỡng đường cho người mắc bệnh thần kinh. Ở đây nghĩa là "một người điên" (N.D).

[55] Helen: Theo thần thoại Hy Lạp là con gái thần Zeus và Leda, có sắc đẹp nghiêng thành, là vợ Menelaus vua xứ Sparta; sứ thần của vua thành Troy là Paris, nhờ có Thần Vệ nữ giúp, quyến rũ được Helen đem về làm vợ. Nhân thế gây ra cuộc đại chiến giữa thành Troy và người Hy Lạp (N.D).

[56] Ám chỉ sự thất trận của quân đội Anh ở Mỹ trong cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, thế kỷ 18 (N.D).

[57], [58] Theo thần thoại Hy Lạp, Semele là nhân tình của thần Zeus; Hera vợ Jupite ghen với Semele liền biến thành người vú nuôi đến bảo Semele xin Jupiter hiện ra trong bộ áo rộng lẫy nhất. Jupiter đã hứa không từ chối bất cứ lời xin nào cửa người yêu, bèn hiện ra trong bộ áo lửa; tia lửa đốt cháy Semele (N.D).

[59] Tiếng Pháp: Moi qui vous parle.

[60] Dundas, Addington, Wilberforce là những chính trị gia người Anh, chết vào khoảng đầu thế kỷ XIX (N.D).

[61] Nhân vật trong chuyện Ivanhoe của văn hào Walter Scott nước Anh; là một hiệp sĩ thành chiến thời trung cổ đi dâu cũng ưa mang theo người hầu là những tù binh Đông phương người da đen (N.D).

[62] Illium: Tức là thành Troy nơi xảy ra cuộc đại chiến với người Hy Lạp thời cổ (N.D).

[63] Iphigenia: Con gái Agamemnon và Clytemnestra. Vì Agamemnon làm cho thần Artemis giận nên khi chiến thuyền đi đánh thành Troy, Artemis làm cho tắt gió. Về sau theo lời của nhà tiên tri Calchas, Agamemnon đem con gái là Iphigenia ra làm lễ hiến tế mới đi đánh được (Illiad của Homère).

[64] Cassandra: con gái Priam, vua thành Troy. Khi thành này thất thủ, bị bắt làm tù binh và được chia cho Agmemnon. Sau bị Clytemnestra giết (Illiad của Homère).

[65] Aegisthus: Em họ Agamemnon, trong thời gian anh họ bận vây hãm thành Troy, Aegisthus quyến rũ chị dâu là Clytem-nestra. Một thuyết nói chính tay Aegisthus giết chết Agamemnon (N.D).

[66] Clytemnestra: Vợ Agamemnon; trong thời gian chồng đi vắng, dan díu với Aegisthus. Khi chồng hạ xong thành Troy trở về, đem theo tì thiếp là Cassandra, vì ghen, vì yêu Aegisthus và cũng vì căm tức Agamemnon làm lễ hiến tế con gái là Iphigenia nên đã âm mưu với tình nhân giết Agamemnon (N.D).

[67] Tiếng Pháp: Dormez, dormez, chers Amours.

[68] Tiếng Pháp: Ah quel plaisir d’être en voyage.

[69] Nữ thần, con gái Atlot ở đảo Ogya giữa đại dương. Ulysses gặp bão, trôi giạt đến, được Calipso đón tiếp, hai người yêu nhau. Calipso hứa nếu Ulysses ở lại với mình, sẽ biến Ulysses thành thần. Nhưng Ulysses vẫn nhớ tổ quốc, bảy năm sau bỏ về nước.

[70] Tiếng Pháp: Le Rossignol. “Chim hoạ mi” chính là chữ đố của màn kịch ba vần. Chim hoạ mi tiếng Anh “nightingale”, mỗi vần chữ này đồng âm với một danh từ tương ứng với một cảnh của màn kịch; cảnh đầu là: đêm (night), cảnh hai là: quán trọ (inn), cảnh ba là: cơn giông (gale) (N.D).

[71] Tiếng Pháp: Retenue.

[72] Tiếng Pháp: Écraser.

[73] The Defender of the Faith.

[74] Tiếng Pháp: Mon pauvre cher petit.

[75] Medusa: Theo thần thoại Hy Lạp là một thiếu nữ tuyệt sắc có bộ tóc rất đẹp; vì làm phật ý thần Minerva, tóc bị hoá thành một đàn rắn, và hễ nhìn ai thì người ấy hoá ra đá (N.D).

[76] Silenus: Theo thần thoại Hy Lạp là cha nuôi của thần Baccus, hay uống rượu, lúc nào cũng say sưa (N.D).

[77] Thành ngữ tiếng Anh: French leave among us. Như "bỏ đi không kèn không trống."

[78] Tiếng Pháp: Festin.

[79] Tiếng Pháp: Affreusement vole.

[80] Tiếng Pháp: Dame d’honneur.

[81] Tiếng Pháp: Laquais de place.

[82] Latude: Một kẻ giang hồ lọt được vào triều đình nước Pháp (vua Louis XVthế kỷ XVIII), vì xích mích với bà de Pompadur (nhân tình của vua Louis XV) nên bị cầm tù trong 35 năm (N.D).

[83] Trenck: Một nam tước người Áo sống vào thế kỷ XVIII, nổi danh về đi du lịch nhiều, chịu đựng cảnh tù đày gian khổ cũng lắm (N.D).

[84] Nguyên văn: Persicos apparatus.

[85] Nhân vật trong vở kịch Othello của Shakespeare, vợ Othello (N.D).

[86] Cassio: Phó tướng của Othello (N.D)

[87] Chỉ Othello. Othello một viên tướng da đen (người Moore) là chồng Desdemona, con gái một vị nguyên lão tại vương triều Venisi, Cassio là bạn thân của Desdemona, được cử làm phó tướng của Othello thay Iago, Iago bèn trả thù bằng cách làm cho Othello ngờ oan Desdemona có tình riêng với Cassio. Vì ghen Othello giết Desdemona. Ở đây là một câu nói dí dỏm của tác giả để khôi hài (N.D).

[88] Tiếng Pháp: Amie de la maison.

[89] Lac: Tiếng Ấn Độ, nghĩa là mười vạn đồng ru-pi (khoáng một vạn đồng bản Anh) (N.D).

[90] Tiếng Pháp: Entrée.

[91] Nguyên văn: Mutato nomine.

[92] Chỉ những người phụ đám ma (N.D).

[93] Những nhân vật trong kinh thánh (N.D).

[94] Tiếng Pháp: Que voulez vous?

[95] Tiếng Pháp: Epris.

[96] Tiếng Pháp: Ton.

[97] Nguyên văn tiếng Anh: ‘I wish Glowry was choked with her Man of Sin and her Battle of Armageddon’. Kẻ phản chúa (Man of Sin) chỉ những người phạm tội lỗi chồng chất, là hiện thân của quỷ Xa-tăng; trận Armageddon xưa là nơi xảy ra những trận giao chiến lớn giữa bộ tộc Do-thái và địch quân. Sau này danh từ trận Armageddon dùng để chỉ ngày tận thế khi Chúa trời phán xử các việc thiện ác trên đời. Chúng tôi chưa dám khẳng định được ý câu này. Trong bản dịch tiếng Pháp không thấy dịch; bản Trung văn của Dương Tất dịch là “Glowry suốt ngày nói về những kẻ nào phạm tội và cuộc chiến đấu giữa cái thiện cái ác trong ngày tận thế. Chỉ mong rằng mụ “chết quách” cũng chưa rõ nghĩa (N.D)

[98] Tiếng Pháp: Trente et quarante.

[99] Papillon: Tiếng Pháp là con bươm bướm.

[100] May: là tháng năm, ví như tuổi tráng niên.

[101] Winter: là mùa đông, ví như tuổi già. Việc đặt tên ở đây cũng ngụ ý hài hước, như nhiều trường hợp khác trong truyện này (N.D.)

[102] Tiếng Pháp: A qui cette voiture la?

[103] Tiếng Pháp: C’est a Kirsch, je bense-je l’ai vu toute a l’heure-qui brenoit des sangviches dans la voiture.

[104] Tiếng Pháp: Nous allons avoir une belle traversee, Monsieur George.

[105] Tiếng Đức: Herr Graf Lord von Sedley nebst Begleitung aus London.

[106] Chỉ nhà đại quý tộc đứng đầu tiểu triều đình của mỗi tiểu quốc trong nước Đức – vào thời kỳ này, nước Đức chưa thống nhất, bị chia xẻ thành nhiều nước nhỏ (N.D).

[107] Ý nói những kẻ thiển cận quen sống trong cái thế giới tầm thường của mình, không thể hiểu nổi những tâm hồn tế nhị, phong phú khác (N.D.).

[108] Tiếng Đức: Schinken, Braten, Kartoffeln.

[109] Espieglerie

[110] Tiếng Pháp: Blasé.

[111] Tiếng Đức: ‘Nichts, nichts, mein Florestan’.

[112] Die Schlacht bei Vittoria.

[113] Parthia: Một bộ tộc sống tại vùng Cận đông rất hiếu chiến, hầu như chỉ sống trên mình ngựa. Nổi tiếng về miếng hoà đam, hay dùng khi ra trận; họ giả vờ thua. phi ngựa chạy rồi bất thình lình giương nỏ bắn một phát tên qua vai rất nhanh, làm cho kẻ địch mải đuổi không kịp tránh. "Bắn một phát tên của Parthia" đã thành một câu ngạn ngữ, nghĩa là nói một câu châm biếm cay độc trước khi làm như mình rút lui khỏi cuộc tranh luận (N.D.).

[114] Tiếng Pháp: Agréments.

[115] Thế kỷ 19, nước Đức chưa thống nhất, còn chia ra làm nhiều tiểu quốc nhỏ, mỗi tiểu quốc nằm trong tay một nhà đại quý tộc. Tuy họ không xưng hoàng đế, nhưng cũng tổ chức một triều đình riêng biệt. Trong bản dịch dùng tạm chữ "Hoàng gia" để chỉ gia đình nhà đại quý tộc đứng đầu tiểu triều đình, cũng như chữ "thế tử" để chỉ người con trưởng có quyền kế vị (N.D.).

[116] Tên một nhà kiến trúc cổ Hy Lạp nổi tiếng.

[117] Tiếng Pháp: La petite Vivandiere.

[118] Ariadne: Theo thần thoại Hy Lạp, là con gái Minos, vua đảo Crete; yêu Theseus song về sau bị Theseus bó rơi trên sa mạc; được Dionysus tìm thấy, lấy làm vợ; tượng trưng cho mùa xuân (N.D.).

[119] Tiếng Pháp: Au fait.

[120] Nguyên văn: Sonnambula.

[121] Tiếng Pháp: Monsieur n’est pas joueur?

[122] Tiếng Pháp: Non, Madame.

[123] Tiếng Pháp: rouge et noir.

[124] Tiếng Pháp: Laissez-moi tranquille – ll faut s’amuser, parbleu. Je ne suis pas au service de Monsieur.

[125] Tiếng Pháp: Abattement.

[126] Tiếng Pháp: plaques, cordons.

[127] Tiếng Pháp: Entresol.

[128] Tiếng Pháp: Porte-cochere.

[129] Tiếng Pháp: Roues.

[130] Tiếng Pháp: Penssion.

[131] Tiếng Pháp: Vipere.

[132] Tiếng Pháp: Matinée musicale.

[133] Tiếng Pháp: Parquet.

[134] Tiếng Pháp: Débutante.

[135] Tiếng Pháp: Née.

[136] Trong vở kịch Macbeth của Shakespeare, Macbeth cho người ám sát Banquo. Trong lúc Macbeth mở tiệc thì thấy Banquo hiện hồn về…

[137] Tiếng Pháp: Bon enfant.

[138] Tiếng Pháp: Parole d’honneur.

[139] Tiếng Pháp: État major.

[140] Nguyên văn: Schlafrock.

[141] Nguyên văn: ‘Newmero kattervang dooze, si vous plait.’ Nói tiếng Pháp sai giọng.

[142] Nguyên văn: ‘Quater fang tooce!’

[143] Tiếng Pháp: Dejeuner à la fourchette.

[144] Avernus: Một địa điểm thuộc nước Ý cổ đại. Tục truyền nơi ấy rừng rậm, núi cao, phát ra nhiều khí độc, lại có một cái hồ nước đen ngầu, nhiều suối nước nóng. cùng những hang đá âm u; vì vậy, theo truyền thuyết, đó là cái cửa đi xuống địa phủ. "Trôi xuống dốc Avernus" nghĩa là trôi xuống dốc tội lỗi (N.D)

[145] Nguyên văn: Fumum and strepitus.

[146] Nguyên văn: Pernicious vegetable.

[147] Nguyên văn: Englanderinn.

[148] Nguyên văn: En bays de gonnoisance. (Max nói tiếng Pháp nhưng sai.)

[149] Nguyên văn: in nubibus (có nghĩa là trên mây).

[150] Nguyên văn: Burschen.

[151] Schreklic.

[152] Nguyên văn: Saufen and Singen.

[153] Circe: Một mụ phù thủy, nhân vật trong tập Odyssey của Homere, khi Ulysses đổ bộ lên hòn đảo của Circe, mụ cho đoàn tùy tùng của chàng uống một thứ rượu đặc biệt biến họ thành một đàn lợn. Về sau Ulysses phải dùng mãnh lực của tình yêu xin mụ trả lại cho họ hình hài con người (N.D)

[154] Nguyên văn: Newfoundland dog.

[155] Fort, Schwager!

[156] Nguyên văn: Births, Marriages, and Deaths.

[157] Ismael: con trai Abraham, tổ tiên của dân tộc Do-thái (kinh thánh); còn là danh từ chung chỉ người dân A-rập du mục (N.D)

[158] Pilaw (hoặc pilau): Cơm rang.

[159] Werther: Tên nhân vật chính trong cuốn "Những nỗi sầu muộn của chàng Werther, một cuốn tiểu thuyết lãng mạn của Goethe, thi hào Đức (N.D)

[160] Wahlverwandtschaften: Tác phẩm của Goethe, nội dung kể lại những nỗi khổ cực về tinh thần của một thiếu nữ trong sạch và cao quý khi va chạm với cuộc đời tục lụy (N.D)

[161] Tiếng Pháp: Distraite.

[162] Nguyên văn: Einsam bin ich nicht alleine.

[163] Nguyên văn: geliebt und gelebet.

[164] Wallensten: vở kịch lịch sử của Sile, văn hào Đức (N.D)

[165] Tiếng Pháp: Redoute.

[166] Un biglietto eccolo qua Rosina là một nhân vật trong vở kịch "Bác thợ cạo thành Seville" của Beaumarchais, nhà viết kịch Pháp thế kỷ 18 – theo bản dịch tiếng Trung Quốc của Dương Tất.

[167] Nguyên văn tiếng Hy Lạp: Dakruoen gelasasa; trích trong sử thi Iliad của Homere quyển Bốn.

[168] Đạo luật ban hành năm 1828, giảm bớt số lượng những "thị trấn điêu tàn", có quyền cử đại biểu quốc hội.

[169] Evergreens.

[170] Tiếng Pháp: Soirée.

[171] Vanitas Vanitatum.